



**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI**

VĂN KIẾN ĐẢNG BỘ TOÀN TẬP

8
(1973 - 1976)



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

**VĂN KIẾN ĐẢNG BỘ
TOÀN TẬP**

8
(1973 - 1976)

MS: $\frac{3K1 (V115)}{CTQG - 2015}$

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI**

**VĂN KIẾN ĐẢNG BỘ
TOÀN TẬP
8
(1973 - 1976)**

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
HÀ NỘI - 2015**

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN

NGUYỄN VĂN VỊNH
DOÃN VĂN HƯỞNG

Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng
Phó Bí thư Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch
Hội đồng

PHẠM VĂN CƯỜNG
CAO ĐỨC HẢI
TẠ ĐÌNH BẢNG
NGUYỄN VĂN HÒA
NGUYỄN THANH DƯƠNG
ĐẶNG PHI VÂN
MAI ĐÌNH ĐỊNH
LÝ SEO DÌN
ĐINH TIẾN QUÂN
NGUYỄN HỮU THỂ
HẦU A LÊNH
HÀ THỊ NGÀ

Ủy viên Hội đồng
Ủy viên Hội đồng
Ủy viên Hội đồng
Ủy viên Hội đồng
Ủy viên Hội đồng
Ủy viên Hội đồng
Ủy viên Hội đồng
Ủy viên Hội đồng
Ủy viên Hội đồng
Ủy viên Hội đồng
Ủy viên Hội đồng

CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG BẢN THẢO

NGUYỄN VĂN VỊNH
SÙNG CHÚNG
DOÃN VĂN HƯỞNG

Bí thư Tỉnh ủy
Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy
Phó Bí thư Tỉnh ủy

BAN XÂY DỰNG BẢN THẢO

CAO ĐỨC HẢI	Trưởng ban
ĐỖ TRƯỜNG SƠN	Phó Trưởng ban Thường trực (hiệu đính)
ĐỖ VĂN LƯỢC	Phó trưởng ban
NGUYỄN THỊ NGUYỄN	Thư ký
ĐẶNG PHI VÂN	Thành viên
LÝ SEO DÌN	Thành viên
LÝ THỊ VINH	Thành viên
TRẦN VĂN TỎ	Thành viên
VŨ HÙNG DŨNG	Thành viên
NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	Thành viên
ĐÀO DUY THẮNG	Thành viên
ĐỖ VIẾT LỢI	Thành viên
NGUYỄN VĂN NHÂN	Thành viên
ĐOÀN NGỌC TUYẾN	Thành viên
HOÀNG THỊ THANH THU	Thành viên
NGUYỄN THỊ MINH	Thành viên
NGUYỄN THÀNH NAM	Thành viên
PHẠM THÀNH LONG	Thành viên
NGUYỄN CAO SỸ	Thành viên
ĐÀO ANH TUẤN	Thành viên
NGUYỄN THỊ LOAN	Thành viên (hiệu đính)

CHÚ DẪN CỦA NHÀ XUẤT BẢN

Bộ sách ***Văn kiện Đảng bộ toàn tập*** của Đảng bộ tỉnh Lào Cai được thực hiện theo Kế hoạch số 71- KH/TU, ngày 22-12-2013 của Tỉnh ủy Lào Cai về việc xây dựng Văn kiện Đảng bộ tỉnh Lào Cai toàn tập từ khóa I đến khóa XIV. Ban Xây dựng Bản thảo Văn kiện Đảng bộ tỉnh Lào Cai toàn tập từ khóa I đến khóa XIV phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật tiến hành sưu tầm, xây dựng và xuất bản bộ sách ***Văn kiện Đảng bộ toàn tập*** của Đảng bộ tỉnh Lào Cai. Đây là một bộ tài liệu có ý nghĩa chính trị và giá trị khoa học, thực tiễn đánh dấu sự phát triển của Đảng bộ tỉnh Lào Cai gắn với quá trình lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng, bảo vệ và xây dựng quê hương. Bộ sách giúp các nhà nghiên cứu, cán bộ, đảng viên và nhân dân, đặc biệt là các nhà lãnh đạo tiếp cận nguồn thông tin, tư liệu mang tính hệ thống, toàn diện về văn kiện của Đảng bộ tỉnh Lào Cai, phục vụ cho việc nghiên cứu, tổng kết lý luận và thực tiễn, biên soạn lịch sử Đảng bộ tỉnh Lào Cai, đảng bộ cơ sở, lịch sử địa phương, ban, ngành và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh; góp phần giáo dục lịch sử địa phương trong các trường phổ thông, các trung tâm bồi dưỡng chính trị, các chi bộ, đảng bộ; thấy rõ sự sáng tạo, nhạy bén, kịp thời và toàn diện trong lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Lào Cai qua các giai đoạn cách mạng, qua đó củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng.

Cuốn sách ***Văn kiện Đảng bộ toàn tập, tập 8 (1973-1976)*** tập hợp các Văn kiện do Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai ban hành từ năm 1973 đến năm 1976 và được sắp xếp theo thời gian ban hành.

Do cuốn sách bao gồm các văn kiện được in rônêo, đánh máy hoặc viết tay, nên trong các trường hợp chữ mờ, chữ không có dấu, chúng tôi giữ nguyên như bản gốc. Ngoài ra, trong sách còn có một số danh từ, tên gọi, địa danh, tên riêng,... chúng tôi chưa có điều kiện thẩm định. Vì vậy, mặc dù đã hết sức cố gắng trong quá trình biên tập nhưng chắc rằng cuốn sách khó tránh khỏi thiếu sót và khiếm khuyết. Chúng tôi mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc để hoàn thiện cuốn sách trong lần xuất bản sau.

Xin giới thiệu cuốn sách đến với các đồng chí và các bạn.

Tháng 7 năm 2015

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

LỜI GIỚI THIỆU

Văn kiện Đảng bộ toàn tập, tập 8 (1973-1976) phản ánh sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Lào Cai với nhiều sự kiện chính trị trọng đại diễn ra trên đất nước và địa phương Lào Cai.

Các văn kiện ở tập này cho thấy sự lãnh đạo kịp thời, quyết liệt của Đảng bộ Lào Cai trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội; xây dựng hợp tác xã; xây dựng Đảng, chính quyền, các đoàn thể chính trị; lực lượng vũ trang; chi viện sức người, sức của cho miền Nam; chào mừng sự kiện giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước; chuẩn bị cho việc hợp nhất tỉnh Hoàng Liên Sơn.

Văn kiện Đảng bộ toàn tập, tập 8 (1973-1976) giữ vị trí quan trọng đặc biệt, phản ánh một thời đoạn lãnh đạo có tính bước ngoặt của toàn Đảng nói chung và của Đảng bộ Lào Cai nói riêng - thời đoạn kết thúc cuộc đấu tranh 30 năm bảo vệ thành quả Cách mạng Tháng Tám 1945; hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

Văn kiện Đảng toàn tập, tập 8 tập hợp các nghị quyết, chỉ thị, thông tri... gồm 83 tài liệu do Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai ban hành từ tháng 1-1973 đến tháng 1-1976.

Mặc dù Ban Xây dựng bản thảo văn kiện và Hội đồng Xuất bản đã hết sức cố gắng nhưng khó tránh khỏi thiếu sót, rất mong nhận được sự góp ý của bạn đọc.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 6 năm 2015
HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 13/NQ-TU, ngày 15-1-1973

Về phương hướng và các nhiệm vụ công tác năm 1973

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH VÀ NHIỆM VỤ CHUNG TRONG TỈNH

Trong năm 1972, mặc dù gặp những khó khăn trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ và những khó khăn do thời chiến gây nên, nhưng với tinh thần nghiêm chỉnh chấp hành và vận dụng sinh động các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng và Chính phủ vào hoàn cảnh địa phương của Tỉnh ủy và các cấp, các ngành, với tinh thần quyết chiến, quyết thắng giặc Mỹ xâm lược và tinh thần đoàn kết, nỗ lực phấn đấu của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh nên chúng ta đã giành được nhiều thắng lợi to lớn trên các mặt công tác phong trào, mọi mặt đều có chuyển biến, đưa phong trào tỉnh ta tiếp tục phát triển tiến bộ.

Những thắng lợi chủ yếu của năm qua là: Sản xuất tiếp tục tăng lên; quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa nói chung tiếp tục được củng cố; kinh tế - văn hóa ngày càng phát triển, đặc biệt là sản lượng lương thực đạt được mức cao chưa từng có và xây dựng cơ bản vượt mức kế hoạch, huy động sức người, sức của cho tiền tuyến và đóng góp nghĩa vụ đối với Nhà nước ngày càng tăng, đời sống nhân dân được đảm bảo, có mặt được cải thiện; trật tự

an ninh nội địa, biên giới trong hoàn cảnh của thời chiến vẫn ổn định và vững vàng; cơ sở Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng tiếp tục được củng cố, nâng cao chất lượng.

Những thắng lợi trên đã tạo ra nhiều nhân tố mới, tạo ra khả năng, điều kiện và mở ra triển vọng thuận lợi cho việc thực hiện các nhiệm vụ mới của năm 1973.

Tuy nhiên, bên cạnh những thắng lợi đã giành được trên từng mặt công tác và tình hình phong trào trong tỉnh cũng còn tồn tại nhiều nhược điểm, khuyết điểm, các tồn tại đáng chú ý là: sản xuất tăng nhưng phát triển chưa đồng đều, chưa cân đối toàn diện ở các vùng trên các mặt; cây công nghiệp, chăn nuôi, phát triển chưa mạnh, nghề rừng phát triển quá chậm, sản xuất công nghiệp và các ngành lưu thông, phân phối tài chính tiền tệ phục vụ nông nghiệp còn nhiều khâu yếu, chưa hướng các công tác xuống các cơ sở nông thôn; thủ công nghiệp chưa phát triển rộng, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa tuy nói chung có được tiếp tục củng cố, nhưng còn yếu ở cơ sở nông thôn, nhất là ở vùng cao. Tình hình văn hóa - xã hội có phát triển nhưng nhiều mặt tiến bộ chậm, có mặt phát sinh, phát triển theo chiều hướng lạc hậu trở lại (ma chay, cưới xin, nghiện hút...). Một vài hiện tượng tiêu cực trong đời sống xã hội nảy sinh (trộm cắp, cờ bạc, buôn lậu, tự tử, tự sát, giết người...). Tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể ở cơ sở, nhất là nông thôn vùng cao, nhiều nơi còn yếu, do đó ở một số nơi chưa động viên được tốt phong trào quần chúng sâu rộng đi vào thực hiện đường lối, chính sách và các nhiệm vụ của cấp trên đưa xuống.

Nguyên nhân của những tồn tại có nhiều, nhưng chủ yếu là do sự quán triệt và chấp hành các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Nhà nước trong các cấp, các ngành chuyển biến chưa đồng đều. Sự lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện ở mỗi cấp, mỗi ngành còn thiếu sót, biểu hiện thiếu cân đối, toàn diện, thiếu sâu sát, cụ thể. Nhất là trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện tuy có tiến bộ,

nhưng còn yếu trên nhiều khâu. Việc tiến hành ba cuộc cách mạng chưa được thực hiện một cách đồng thời, gắn bó với nhau và nói chung chưa thực sự được đẩy mạnh. Đối với phong trào nông thôn vùng cao còn bị xem nhẹ việc củng cố các tổ chức, cơ sở, củng cố quan hệ sản xuất mới và tư tưởng - văn hóa, công tác quản lý kinh tế - tài chính, công tác phát động quần chúng, công tác thi đua, công tác chỉ đạo trọng điểm, xây dựng điển hình chưa được chú trọng đúng mức.

Trước tình hình nhiệm vụ mới năm 1973 của cách mạng cả nước, trước âm mưu ngoan cố, lật lọng của đế quốc Mỹ chưa chịu từ bỏ dã tâm Việt Nam hóa chiến tranh và biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới đòi hỏi chúng ta phải tiếp tục nâng cao cảnh giác, tiếp tục sẵn sàng chiến đấu, đẩy mạnh sản xuất và mọi mặt hoạt động theo tinh thần Nghị quyết 220 của Bộ Chính trị, nhằm góp phần tích cực vào sự nghiệp đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Căn cứ vào tình hình trong tỉnh và tình hình nhiệm vụ cách mạng của cả nước như trên, trong năm 1973 chúng ta cần ra sức phát huy thắng lợi, kiên quyết khắc phục các khó khăn, sửa chữa những thiếu sót, khuyết điểm tồn tại, quán triệt sâu sắc hơn nữa đường lối chống Mỹ, cứu nước, bảo vệ và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc của Đảng lần thứ 19, 20 và các nghị quyết khác của Bộ Chính trị, tiếp tục thực hiện các phương hướng đã đề ra trong Nghị quyết 07 của Tỉnh ủy, trước mắt đẩy mạnh mọi mặt công tác theo tinh thần Nghị quyết 220 của Bộ Chính trị, đưa phong trào toàn tỉnh tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc và toàn diện hơn nữa.

Vì vậy, phương hướng và nhiệm vụ chung của toàn tỉnh trong năm 1973 phải tập trung thực hiện là: Tiếp tục tiến hành đồng thời và gắn liền nội dung ba cuộc cách mạng (cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng kỹ thuật, cách mạng tư tưởng - văn hóa), lấy cách mạng kỹ thuật làm then chốt, ra sức củng cố phong trào hợp tác hóa nông nghiệp và tiếp tục nâng cao cảnh giác cách mạng,

ý chí quyết chiến, quyết thắng, tinh thần kiên trì và đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn, tích cực củng cố cơ sở về mọi mặt, nhất là cơ sở nông thôn vùng cao, củng cố các tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng vững mạnh, tăng cường lực lượng sẵn sàng chiến đấu, trị an - quốc phòng, bảo đảm tốt an ninh trật tự nội địa, biên giới. Trên cơ sở làm tốt những công tác đó, ra sức đẩy mạnh hơn nữa sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - văn hóa, thực hiện thắng lợi kế hoạch nhà nước năm 1973 theo thời chiến, tập trung phát triển nông - lâm nghiệp là nhiệm vụ trung tâm và phát triển mạnh mẽ giao thông vận tải là nhiệm vụ đột xuất số 1 hiện nay; đồng thời đẩy mạnh sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp, xây dựng cơ bản và các ngành khác đóng góp ngày càng nhiều sức người, sức của đối với Tổ quốc và cải thiện một bước đời sống nhân dân.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU TRONG TỪNG MẶT CÔNG TÁC

Dựa vào phương hướng và các nhiệm vụ chung như trên, phương hướng, nhiệm vụ và các mục tiêu chủ yếu trong từng mặt phải thực hiện như sau:

I. CÙNG CỐ QUAN HỆ SẢN XUẤT XÃ HỘI CHỦ NGHĨA, PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC NĂM 1973

Nhiệm vụ về củng cố quan hệ sản xuất, phát triển sản xuất và kế hoạch nhà nước năm 1973 của tỉnh ta là: Tích cực củng cố phong trào hợp tác hóa đối với các thành phần sản xuất nhỏ, tiếp tục xây dựng và phát triển các cơ sở kinh tế quốc doanh, đẩy mạnh phong trào lao động sản xuất, tiết kiệm, ra sức cải tiến

quản lý kinh tế, cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, đẩy mạnh các hoạt động kinh tế - tài chính, văn hóa - xã hội. Trên cơ sở đó, tận lực phát triển sản xuất nông - lâm nghiệp, tiếp tục phát triển lương thực, thực phẩm với mức cố gắng cao nhất, phát triển mạnh mẽ nghề rừng, trồng cây công nghiệp, cây đặc sản, chăn nuôi, đồng thời tập trung đẩy mạnh giao thông, vận tải, phát triển sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp và xây dựng cơ bản, đặc biệt chú ý sản xuất công nghiệp phục vụ nông - lâm nghiệp và hàng tiêu dùng, nhằm đảm bảo tốt sẵn sàng chiến đấu, đảm bảo hết lòng chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến, đảm bảo bồi dưỡng sức dân và cải thiện một bước đời sống nhân dân và tích cực chuẩn bị điều kiện để phát triển kinh tế - văn hóa sau chiến tranh.

Mục tiêu phấn đấu của cả năm 1973 là:

- Sản lượng lương thực quy thóc: 58.000 tấn. Huy động lương thực vào Nhà nước: 6.100 tấn quy thóc. Về chăn nuôi: 38.000 con trâu, 7.600 con bò, 22.100 con ngựa, 102.000 con lợn... và thu mua 270 tấn trâu, bò hơi, trên 1.000 tấn lợn hơi, về nghề rừng: trồng 1.100 ha, khoanh nuôi rừng 3 vạn héc-ta...;

- Giá trị sản lượng công nghiệp địa phương: 15 triệu đồng;

- Đầu tư xây dựng cơ bản: 9 triệu đồng;

- Giá trị thu mua hàng nông sản thực phẩm: 4,4 triệu đồng. Giao nộp hàng cho Trung ương và thu mua hàng cho xuất khẩu: 3,15 triệu đồng.

Để giành thắng lợi đối với nhiệm vụ và mục tiêu phấn đấu trên, trong từng mặt cần phấn đấu theo phương hướng và các nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

1. Về nông - lâm nghiệp

Trên cơ sở tổng kết tốt việc thực hiện cuộc vận động trong nông thôn và thực hiện Nghị quyết 19 của Trung ương trong mấy năm qua, tập trung mọi cố gắng củng cố phong trào hợp tác hóa, xây

dựng và phát triển các nông - lâm trường quốc doanh, các trạm trại kỹ thuật, nhằm tiếp tục phấn đấu phát triển cây lương thực là trọng tâm, đồng thời ra sức phát triển nghề rừng, tích cực phát triển chăn nuôi, tạo điều kiện đưa nghề rừng và chăn nuôi lên thành ngành chính trong nông nghiệp.

Trong sản xuất, phải theo hướng làm ăn lớn xã hội chủ nghĩa, tiến mạnh hơn nữa vào thâm canh, tăng vụ, tăng năng suất, đồng thời khai hoang thêm diện tích ở nơi còn điều kiện. Còn việc coi trọng đối với lúa, ngô, cần quan tâm và tập trung phát triển mạnh mẽ hơn nữa các cây, con theo vùng đã xác định, trong các vùng sản xuất chuyên canh một cách ổn định và có sản phẩm hàng hóa tăng lên (chú ý vùng đậu tương, chuối, dưa, hạt rau giống, khoai tây giống, dược liệu, thảo quả, sắn, lúa, mì...). Đối với vùng rau xung quanh 2 thị xã Lào Cai, Cam Đường cần phát triển mạnh hơn; có thể mở rộng thêm diện tích trồng rau ở xã Vạn Hòa thuộc thị xã Lào Cai.

Để đảm bảo tăng năng suất, tăng vụ, phải hết sức chú trọng việc xây dựng thêm các cơ sở vật chất, kỹ thuật trong các hợp tác xã, phải tích cực đẩy mạnh cải tiến kỹ thuật, tiếp tục làm tốt công tác thủy lợi, công tác phòng, chống lũ lụt, hạn hán, phát triển sâu rộng đối với công tác giống, phân, đảm bảo thời vụ, phòng trừ sâu bệnh... Trong thâm canh đi đôi với coi trọng lúa, cần chú ý đối với cả các cây trồng khác; trước mắt là đối với cây ngô, đậu tương phải được nghiên cứu giải quyết các biện pháp để tăng năng suất, bằng cách các trạm trại nông nghiệp và các hợp tác xã ở Bắc Hà, Mường Khương cần đi sâu áp dụng kỹ thuật và rút kinh nghiệm, cần điều chỉnh lại một số trạm trại trong nông nghiệp, có thể giải thể một số cơ sở không có hiệu quả kinh tế và không có tác dụng nghiên cứu kỹ thuật (như một số trại thuốc...).

Đối với nghề rừng, chủ yếu là tổ chức rộng khắp phong trào trồng cây gây rừng gắn liền với trồng cây công nghiệp, cây đặc sản, cây ăn quả dài ngày ở đất rừng khoanh nuôi, và bảo vệ rừng trong nhân dân, nhằm phấn đấu trồng mới 1.100 ha, khoanh nuôi rừng

3 vạn héc-ta. Muốn vậy, phải phát động quần chúng, gây thành phong trào trồng cây bảo vệ rừng, kiên quyết chấm dứt tệ chặt phá rừng bừa bãi, phải phát triển rộng các vườn ươm tại các cơ sở và đưa nghề rừng vào hợp tác xã quản lý kinh doanh, nhất là ở vùng vận động định canh, định cư phải khẩn trương tiến hành xây dựng, quy hoạch cụ thể về rừng cho các vùng, phải xác định rõ cơ cấu các loại cây ở từng nơi, từng vùng cho sát hợp.

Đối với chăn nuôi gia súc, gia cầm, cần phát triển mạnh cả trong gia đình xã viên, nhân dân, hợp tác xã và các cơ sở chăn nuôi quốc doanh. Phải cân trọng đối với việc phát triển đàn trâu và ngựa, đồng thời phát triển mạnh bò, lợn, dê, cá, ong. Đối với lợn, đưa tốc độ phát triển tăng mạnh hơn nữa (tăng khoảng 27% so với năm 1972). Phải tập trung giải quyết tốt giống gia súc, hình thành rõ rệt vùng giống lợn ở ba xã Quang Kim, Bản Vược, Bản Qua và nghiên cứu phát triển thêm cơ sở lợn giống trong địa phương, chú trọng giống lợn Mường Khương, đồng thời phát triển lợn lai kinh tế ở vùng xung quanh hai thị xã. Đi đôi với vấn đề giống, cần đẩy mạnh việc gieo trồng, chế biến thức ăn cho lợn, gà, đồng cỏ cho trâu, bò và vận dụng thực hiện tốt các chính sách khuyến khích chăn nuôi (như việc cung cấp cám, giá cả đầu tư vốn...). Trại lợn của thương nghiệp ở Nam Cường cần củng cố và phát triển, đồng thời có thể xây dựng thêm một cơ sở chăn nuôi dự trữ gà, cá và mỗi huyện xây dựng một trại chăn nuôi vỗ béo lợn (khoảng 200 con). Nghiên cứu tạo cơ sở, điều kiện để phát triển đàn trâu sữa vùng Bảo Thắng (trọng điểm là nông trường Phú Xuân). Đối với bò cái do các nông trường chu chuyển đàn hoặc loại ra để thịt, cần được chọn lọc những con còn có thể nuôi được thì giao cho các cơ sở chăn nuôi của hợp tác xã chăn nuôi thêm.

Đối với công tác củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nông thôn, cần tiếp tục tiến hành mở cuộc vận động củng cố hợp tác xã gắn liền với vận động định canh, định cư xác định phương hướng và lập quy hoạch cụ thể cho sản xuất của từng hợp

tác xã, thực hiện tốt nội dung cuộc vận động tăng cường chế độ làm chủ tập thể ở nông thôn. Trên cơ sở đó, củng cố vững chắc các hợp tác xã đã có và xây dựng lại các hợp tác xã bị tan vỡ (kể cả hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, mua bán, tín dụng, và chú ý những xã không còn hợp tác xã hiện nay), đưa đại bộ phận hợp tác xã ở vùng thấp và số hợp tác xã toàn tỉnh chiếm khoảng 80%. Đối với các nông trường quốc doanh lấy củng cố, tăng cường thêm cơ sở vật chất, kỹ thuật là chính, đồng thời tiếp tục xây dựng và đi vào làm ăn, quản lý tốt để đẩy mạnh sản xuất.

2. Về giao thông vận tải, sản xuất công nghiệp, xây dựng cơ bản

Trong công tác giao thông, vận tải, bưu điện hướng chủ yếu là phát động phong trào nhân dân phát triển giao thông vận tải nông thôn, đẩy mạnh thi công các đoạn đường ô tô đang làm dở (Mường Khương - Pha Long, Bắc Hà - Si Ma Cai, Lán Tây - Bắc Hà, Lán Tây - Phố Lu...), chuẩn bị tiến hành nâng cấp đường Lào Cai - Bát Xát - Mường Hum, đồng thời làm tốt công tác bảo dưỡng cầu đường đã có, củng cố và nâng cao chất lượng, công tác bưu vụ, điện báo, điện tín, phát hành báo chí. Trên cơ sở đó, đảm bảo giao thông liên lạc thông suốt bất kỳ tình huống nào. Về vận tải phải tập trung phương tiện sẵn có, phát triển phương tiện thô sơ, cải tiến làm tốt công tác quản lý và điều hòa, tranh thủ thời gian vận chuyển nhanh, đảm bảo tốt khối lượng hàng hóa và hành khách ngày càng lớn.

Trong sản xuất công nghiệp, lấy việc củng cố, tăng cường các cơ sở đã có là chính, do đó cần xác định rõ phương hướng và nhiệm vụ sản xuất ở từng xí nghiệp. Qua đó điều chỉnh, củng cố, bổ sung trang thiết bị... và hướng các cơ sở đẩy mạnh sản xuất, nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành và nâng cao chất lượng sản phẩm, phục vụ tốt hơn nữa các yêu cầu của nông nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng cơ bản, sẵn sàng chiến đấu và phục vụ đời sống nhân dân. Về cơ khí cần chuyển hướng mạnh

nhiệm vụ sản xuất, lấy sửa chữa làm chính, đồng thời có phân sản xuất chế tạo, nhất là phải tập trung lực lượng để trong một thời gian nhất định, sửa chữa và hướng dẫn quản lý tốt các điểm cơ khí nhỏ trong nông thôn. Cần tập trung vào việc củng cố, phát triển thủ công nghiệp, nhất là các huyện và trong nông thôn. Cần phân công tốt hơn việc sản xuất các mặt hàng giữa công nghiệp quốc doanh và thủ công nghiệp, làm cho thủ công nghiệp phát triển, phục vụ tốt nông nghiệp và đời sống nhân dân. Những cơ sở mới cần xây dựng thêm thì phải khảo sát, thiết kế chuẩn bị tốt về mọi mặt trước khi xây dựng.

Trong xây dựng cơ bản, cần tập trung vốn và chỉ đạo thi công dứt điểm các công trình trọng điểm trong nông nghiệp, thủy lợi, giao thông vận tải, đồng thời có sự chú ý đến các công trình văn hóa - xã hội, phúc lợi tập thể (như trường học, bệnh viện, nhà ở). Cần đẩy mạnh công tác khảo sát thiết kế các công trình chuẩn bị xây dựng mới, đồng thời phát triển mạnh hơn nữa việc sản xuất nguyên vật liệu xây dựng (gạch, ngói, vôi, cát, sỏi, gỗ...) kể cả trong quốc doanh, hợp tác xã và nhân dân nông thôn. Để đảm bảo kịp thời và nhanh chóng cho việc xây dựng các công trình, cần từng bước tiêu chuẩn hóa và định hình hóa việc thiết kế và thi công.

3. Về tài chính - thương nghiệp

Cần phát huy hơn nữa vai trò, tác dụng của các ngành lưu thông, phân phối, tăng cường bám vùng, bám cây, bám con, chuyển mạnh hoạt động xuống cơ sở, kịp thời cung cấp nguyên vật liệu, công cụ, đầu tư vốn và đi sát giúp đỡ các cơ sở tăng cường quản lý kinh tế - tài chính, thực hiện tăng thu, triệt để tiết kiệm chi, chống tham ô, lãng phí. Phải tích cực thu các loại thuế, nhất là ở cấp huyện và cơ sở.

Cần tích cực giáo dục, vận động nhân dân làm tốt nghĩa vụ đóng góp và bán nông - lâm sản phẩm, thực hiện cho Nhà nước. Tích cực xây dựng, củng cố các hợp tác xã mua bán, tín dụng, tăng

cường củng cố đội ngũ cán bộ, nhân viên thu mua và bán hàng để làm tốt công tác mua vào, bán ra, phục vụ tốt sản xuất, sẵn sàng chiến đấu và đời sống nhân dân. Nghiên cứu quy định một số vùng cao có thể làm nghĩa vụ bán lợn cho Nhà nước bằng lợn con làm giống để phù hợp với vùng cao hơn.

Cần củng cố và phát triển các kho tàng, bảo quản tốt hàng hóa, tài sản vật tư của nhà nước, tích cực cải tiến phương thức mua vào, bán ra và củng cố, phát triển mạng lưới các cửa hàng và quầy hàng.

Về mặt thị trường và giá cả, cần được quản lý chặt chẽ hơn nữa và phải quản lý từ gốc, đồng thời phải kịp thời nghiên cứu vận dụng các giá cả sát với tình hình điều kiện địa phương, nhằm khuyến khích sản xuất phát triển, nhất là đối với các mặt hàng nông, lâm, đặc sản, thực phẩm, hàng thủ công nghiệp.

4. Về văn hóa - xã hội

Hướng chủ yếu của các hoạt động thông tin - văn hóa, văn nghệ, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, bảo vệ bà mẹ trẻ em,... đều phải tập trung giám sát và phục vụ nhạy bén, kịp thời. Phải đi sâu xuống cơ sở và tích cực củng cố cơ sở, đưa cơ sở của mỗi ngành tiến lên hoạt động mạnh mẽ, đồng đều.

Trong công tác thông tin văn hóa, văn nghệ, báo chí, truyền thông, cần chú ý làm tốt việc tuyên truyền phổ biến tin chiến thắng một cách kịp thời và sâu rộng, thường xuyên, liên tục tuyên truyền, giáo dục đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ, tuyên truyền nhiệm vụ công tác trong tỉnh, đẩy mạnh giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa, xây dựng nếp sống mới vệ sinh, tiết kiệm, tích cực cải tạo phong tục tập quán lạc hậu có hại cho sản xuất và đời sống một cách có trọng tâm, trọng điểm. Đi đôi với tuyên truyền, giáo dục, xây dựng những mặt tốt, cần tích cực phê phán, đả phá những tệ tục, những thói hư, lười biếng, tham ô, lãng phí, ăn cắp của công,.. cần nghiên cứu có những hình thức tuyên truyền, cổ động giáo dục phù hợp với từng vùng, từng đối tượng.

Đối với các cơ sở thông tin, văn hóa, cần được củng cố, phát triển tốt hơn và nghiên cứu tổ chức các đội thông tin tuyên truyền lưu động của tỉnh và các huyện.

Trong công tác giáo dục, cần ra sức củng cố phong trào học tập văn hóa trong nông thôn, nhất là vùng cao, đưa phong trào ở cơ sở phát triển mạnh mẽ và đều khắp. Trong các trường lớp, phải lấy việc tổ chức thi đua học tập tiên tiến, thi đua 2 tốt làm phương thức đẩy mạnh chất lượng, học tập. Trong học tập cần tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng gắn chặt học đi đôi với hành, học kết hợp với lao động sản xuất, và cần nghiên cứu vận dụng các nội dung hình thức học tập cho phù hợp hơn đối với các trường lớp trong nông thôn và các dân tộc. Trên cơ sở đó, động viên nhiều con em các dân tộc địa phương đi học ở các cấp học và làm tốt công tác bổ túc văn hóa, thanh toán nạn mù chữ trở lại đối với người lớn. Đối với Trường Thanh niên lao động xã hội chủ nghĩa, cần được tăng cường củng cố và phát triển, giao nhiệm vụ và kế hoạch cụ thể cho trường này phát triển lâu dài, theo đúng mục đích, ý nghĩa của trường.

Về mặt bảo vệ và tăng cường sức khỏe của nhân dân, cần đẩy mạnh phong trào vệ sinh phòng bệnh ở cơ sở giáo dục, nâng cao ý thức phục vụ, ý thức trách nhiệm cho cán bộ, nhân viên ngành y tế để phục vụ tốt hơn việc khám và chữa bệnh ở các bệnh viện, bệnh xá, trạm xá. Tích cực khai thác và chế biến dược liệu địa phương, đẩy mạnh chữa bệnh kết hợp giữa tây y - đông y. Trong công tác thể dục thể thao, tiếp tục xây dựng và phát triển phong trào mạnh mẽ trong khu vực thị xã, thị trấn đồng thời chú trọng khu vực nông thôn, khai thác và tập luyện các môn thể dục thể thao dân tộc, kết hợp vệ sinh với thể thao quốc phòng.

Đối với công tác bảo vệ bà mẹ, trẻ em cần tập trung đẩy mạnh một số khâu chủ yếu, như vận động sinh đẻ có kế hoạch ở các cơ quan, xí nghiệp trong khu vực thị xã, thị trấn, làm tốt việc nuôi dạy con ngoan, tổ chức tốt nhà trẻ trong các cơ quan, xí nghiệp và các hợp tác xã.

Trên đây là những nét chính đối với phương hướng và các nhiệm vụ chủ yếu của các mặt công tác về kinh tế - văn hóa, còn cụ thể thì trong Nghị quyết về nhiệm vụ kế hoạch nhà nước năm 1973 của tỉnh đã nêu rõ. Ngoài ra, có những vấn đề cũng đã được đề ra trong Nghị quyết 07 của Tỉnh ủy về “Phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế - văn hóa 3 năm 1971 - 1973” nay vẫn theo đó để thực hiện.

II. CÔNG TÁC TRỊ AN - QUỐC PHÒNG, NÂNG CAO CẢNH GIÁC, SẴN SÀNG CHIẾN ĐẤU

Nâng cao hơn nữa tinh thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, làm tốt công tác phòng không, sơ tán, phát huy mạnh mẽ ý chí quyết chiến, quyết thắng, khí thế cách mạng tiến công, tăng cường thêm một bước công tác trị an - quốc phòng, cải tiến tổ chức chiến đấu, đảm bảo phòng tránh, đánh địch thắng lợi, chủ động, kịp thời phát hiện và kiên quyết đập tan mọi âm mưu, hành động gián điệp, biệt kích bắn phá, luận điệu chiến tranh, tâm lý của địch, trấn áp mọi hoạt động chống phá của bọn phản cách mạng cho phường, bảo vệ tốt trật tự an ninh nội địa, biên giới. Trước mắt cần tăng cường quản lý biên giới, giải quyết tốt số người Trung Quốc vượt biên sang ta, vấn đề mua bán trái phép ở khu vực biên giới, ngăn chặn chấm dứt tình trạng trộm cắp, cờ bạc, buôn lậu... xảy ra ở một số nơi. Làm tốt các đợt tuyển quân ở những nơi cơ sở yếu kém, nhằm thực hiện công bằng, hợp lý trong việc làm nghĩa vụ chống Mỹ, cứu nước trong nhân dân. Đẩy mạnh hơn nữa các phong trào bảo vệ trị an ở nông thôn, khu phố, xí nghiệp, cơ quan, xây dựng làng, xã chiến đấu.

Các cơ quan quân sự, công an, kiểm sát, tòa án đi sâu hơn nữa trong việc thực hiện nhiệm vụ, chức năng của mình và phát huy hơn nữa tinh thần phối hợp, kết hợp, tinh thần hiệp đồng tác chiến với nhau, vận dụng đường lối, chính sách trong công tác trấn áp

địch, công tác xét xử, bám sát và phục vụ nhiệm vụ chính trị một cách nhạy bén, kịp thời.

III. CÔNG TÁC XÂY DỰNG, CƯỜNG CỐ CHÍNH QUYỀN VÀ ĐOÀN THỂ QUẦN CHÚNG

1. Về chính quyền

Cần phát huy hơn nữa vai trò, chức năng của chính quyền các cấp, đưa bộ máy chính quyền các cấp làm tốt việc chỉ đạo và tổ chức thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Trong chỉ đạo, đôn đốc và tổ chức thực hiện của chính quyền, cần tập trung hơn nữa vào công tác chỉ đạo về quản lý kinh tế, phát triển sản xuất và củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, đồng thời chú ý công tác sẵn sàng chiến đấu, trật tự trị an và tổ chức đời sống nhân dân. Cần tập trung và phối hợp, kết hợp chặt chẽ và hướng các ngành chuyên môn của Nhà nước ở tỉnh, huyện, thị vào việc phục vụ đắc lực cho các nhiệm vụ công tác từng thời gian của Đảng và Chính phủ đề ra, nhất là chuyển hướng mạnh mẽ các hoạt động xuống cơ sở nông thôn vùng cao. Đối với chính quyền cấp cơ sở, phấn đấu đạt được 1/2 số cơ sở vào loại chính quyền giỏi toàn diện hoặc vào loại khá.

Để làm tốt nhiệm vụ trên, các cấp cần tăng cường củng cố kiện toàn bộ máy Ủy ban hành chính, Hội đồng nhân dân và các ngành chuyên môn, đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng chính quyền giỏi toàn diện ở cơ sở, tăng cường bồi dưỡng về tư tưởng, quan điểm, lập trường, về trình độ năng lực công tác, lề lối làm việc, thực hiện chế độ công tác có nền nếp.

2. Về công tác các đoàn thể quần chúng

Bám chắc vào phương hướng, nhiệm vụ của Tỉnh ủy đề ra, xác định rõ trách nhiệm và giáo dục, động viên quần chúng giới

mình nêu cao tinh thần tự giác, xung phong gương mẫu thực hiện, coi công tác chỉ đạo bồi dưỡng xây dựng cơ sở của giới mình là công tác trọng tâm để tạo ra sự chuyển biến mới về hành động cách mạng mạnh mẽ, thiết thực, gây thành phong trào sôi nổi, nhất là nông thôn.

Đối với thanh niên: Phải tăng cường giáo dục, vận động đoàn viên và thanh niên làm đầu, xung kích và làm lực lượng chủ yếu tiến công vào thực hiện ba cuộc cách mạng, tiến mạnh vào lĩnh vực khoa học kỹ thuật, nhất là kỹ thuật trong nông nghiệp, qua đó mà rèn luyện, bồi dưỡng cho đội ngũ thanh niên về lập trường, tư tưởng, đạo đức, phẩm chất cách mạng, tạo ra lực lượng lao động có kỹ thuật, có năng suất cao và làm tốt công tác tòng quân.

Đối với công đoàn: Phải làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao giác ngộ giai cấp, ý thức trách nhiệm cho công nhân, viên chức, không ngừng cải tiến kỹ thuật, cải tiến công tác, nâng cao năng suất lao động, hiệu suất công tác, tích cực tham gia quản lý xí nghiệp, quản lý kinh tế và thực hiện dân chủ, xây dựng kế hoạch bầu cử cơ sở luôn phát huy được mọi tiềm lực lao động của công nhân, viên chức để thực hiện vượt mức kế hoạch nhà nước năm 1973 và tổ chức phục vụ tốt cho nông nghiệp và tổ chức tốt đời sống thời chiến.

Đối với phụ nữ: Phải làm cho chị em quán triệt tình hình, nhiệm vụ mới, phát huy hơn nữa phong trào ba đảm đang, vận động mọi chị em hăng say lao động, học tập và mạnh dạn áp dụng kỹ thuật, tích cực tham gia xây dựng hợp tác xã, xí nghiệp, cơ quan và làm tốt công tác động viên chồng con đi đánh Mỹ, thực hiện tốt công tác bảo vệ bà mẹ, trẻ em, công tác nhà trẻ và chính sách hậu phương.

Đối với Mặt trận Tổ quốc: Phải tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, phát huy truyền thống đoàn kết để lao động sản xuất, sẵn sàng chiến đấu cho các tầng lớp nhân dân, động viên mọi người thực hiện tốt chính sách, pháp luật, củng cố và phát triển phong trào phụ lão, vận động các cụ đóng vai trò mẫu mực trong

công tác trồng cây gây rừng, bảo vệ rừng, chống thả rông gia súc, cải tạo phong tục tập quán xấu, động viên con cháu sản xuất giỏi và tòng quân tốt...

IV. XÂY DỰNG ĐẢNG, CÔNG TÁC TỔ CHỨC - CÁN BỘ

1. Về mặt tư tưởng

Trước tình hình cách mạng ngày càng phát triển mạnh mẽ đòi hỏi công tác chính trị, tư tưởng phải được tăng cường và được chỉ đạo chặt chẽ hơn nữa trong các cấp, các ngành. Công tác chính trị, tư tưởng cần được đẩy mạnh hơn nữa trong cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và tập trung vào việc Chỉ thị số 192 của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Trong đại hội đảng các cấp lần này, các đảng bộ cần kiểm điểm đánh giá tình hình tư tưởng và công tác chính trị, tư tưởng và trên cơ sở bám sát, xoay quanh tình hình và nhiệm vụ mới, nhiệm vụ chính trị của tỉnh mà đề ra nhiệm vụ kế hoạch công tác tư tưởng cho sát hợp và cụ thể với từng đối tượng đảng viên và quần chúng. Phải kiện toàn thêm một bước bộ máy tuyên giáo các cấp, nhất là ở các đảng bộ và chi bộ cơ sở. Phải tổ chức bồi dưỡng quản lý tốt lực lượng giảng viên, báo cáo viên để đưa công tác tuyên truyền, huấn luyện đường lối, chính sách của Đảng, bồi dưỡng giáo dục về quản lý kinh tế - tài chính được sâu rộng hơn nữa, nhất là đi sâu xuống nông thôn vùng cao, biên giới. Phải tập trung và phối hợp, kết hợp chặt chẽ mọi hoạt động về tư tưởng và văn hóa, nhằm động viên giáo dục quần chúng nêu cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, tiếp tục làm tốt công tác phòng không, sơ tán, xây dựng, củng cố tư tưởng kiên trì và đẩy mạnh công cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn, chống tư tưởng chủ quan, ảo tưởng, đề phòng tư tưởng hòa bình nghỉ ngơi, nhằm động viên cán bộ, đảng viên và quần chúng tổ chức tốt sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi, hoàn thành vượt mức và toàn diện kế hoạch nhà nước năm 1973. Tiếp tục giáo

dục ý thức cần kiệm, chi viện đầy đủ, kịp thời sức người, sức của cho tiền tuyến, trên tinh thần tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ trên đây, công tác chính trị, tư tưởng phải được tiếp tục bồi dưỡng và phát huy tinh thần tự lực tự cường, tinh thần cách mạng tiến công nêu cao ý chí quyết chiến, quyết thắng, đi sâu, đi sát cơ sở, đi đôi với việc xây dựng những tư tưởng trên, cần gắn liền với việc đấu tranh, giải quyết những hiện tượng, tư tưởng hữu khuynh, bảo thủ, sợ hy sinh trong chiến đấu, sợ gian khổ, khó khăn không đi sâu đi sát cơ sở, và các biểu hiện của tác phong quan liêu, mệnh lệnh,...

2. Về mặt tổ chức

Tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên, tập trung vào việc thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư Trung ương Đảng theo kế hoạch Tỉnh ủy đề ra trong năm 1973, đồng thời tiếp tục củng cố, xây dựng các cán bộ, làm cho các đảng bộ ngày càng trong sạch, vững mạnh, phát huy vai trò và làm đúng chức năng lãnh đạo của mình, nhất là các đảng bộ cơ sở.

Hoàn thành việc tổng kết đợt phát triển đảng viên Lớp Hồ Chí Minh, trên cơ sở đó đưa công tác phát triển Đảng thường xuyên, có sự lãnh đạo chặt chẽ và đẩy mạnh công tác phát triển Đảng. Tổng kết cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên trong hai năm (nội dung 1 và 2).

Tổng kết cuộc vận động bảo vệ Đảng; ra sức tăng cường và cải tiến chế độ quản lý cán bộ, đảng viên ở cơ sở đi vào nền nếp. Tổ chức tốt Đại hội các cấp và tiến hành Đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ 6, trên cơ sở đó có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trước mắt và lâu dài. Đi đôi với việc sắp xếp, bố trí hợp lý tổ chức, bộ máy cán bộ và chú ý quản lý và sử dụng tốt đội ngũ cán bộ, cần kiện toàn tổ chức bộ máy và cán bộ cho các tổ chức hiện nay còn thiếu, yếu, chú trọng các cơ quan kinh tế, các ngành chuyên chính, các ban và văn phòng các cấp ủy, đưa công

tác quản lý đội ngũ cán bộ đi vào chặt chẽ, thành nền nếp thường xuyên và tăng cường bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, từng bước nâng cao trình độ về chuẩn hóa cán bộ.

Xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở, đội ngũ cán bộ dự bị cho các cấp cơ sở, huyện, thị và các ngành chính. Có kế hoạch chủ động chuẩn bị lực lượng cán bộ cho các yêu cầu mới. Xây dựng, củng cố các hệ thống trường, sở, bồi dưỡng, giáo dục về lý luận chính trị, về quản lý kinh tế, nghiệp vụ khoa học kỹ thuật cho cán bộ. Tổ chức mở lớp huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ tổ chức, kiểm tra.

3. Về công tác kiểm tra

Trước mắt cần khẩn trương hoàn thành tổng kết đợt thí điểm của tình hình thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư Trung ương Đảng ở 5 cơ sở (3 nông thôn, 2 cơ quan, xí nghiệp). Trên cơ sở đó có kế hoạch và tổ chức mở rộng làm còn một huyện (huyện Mường Khương). Các huyện, thị khác mỗi nơi làm 2 - 3 cơ sở thí điểm; một số đảng ủy các ngành ở tỉnh làm một số cơ sở thí điểm, và chuẩn bị cho việc triển khai rộng trong toàn tỉnh năm 1974.

Công tác cần tập trung năm 1973 là thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Những nơi tiến hành Chỉ thị này phải lấy đó làm công tác trọng tâm. Đối với các mặt công tác khác, nên kiểm tra giữ gìn kỷ luật, xử lý kỷ luật, giải quyết thư tố cáo đảng viên, khiếu nại của đảng viên cũng phải được coi trọng, việc giải quyết trước mắt là giải quyết tốt các vụ còn tồn đọng hiện nay. Cần xây dựng nền nếp công tác kiểm tra của Đảng ở các cấp, nhất là cấp huyện.

4. Về công tác lịch sử dân tộc

Hoàn thành tốt việc tổng kết thực hiện chính sách dân tộc, trên cơ sở đó làm quán triệt hơn nữa công tác dân tộc vào các lĩnh vực công tác của các ngành, các cấp (trong quý I-1973).

Khẩn trương tiến hành và hoàn thành căn bản vào cuối năm 1973 về việc tổng kết công tác tiêu phỉ trong việc nghiên cứu, đúc kết lịch sử của Đảng bộ tỉnh ta.

Phần thứ ba

MỘT SỐ BIỆN PHÁP LỚN ĐỂ ĐẢM BẢO THỰC HIỆN PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 1973

Để đảm bảo thắng lợi phương hướng, nhiệm vụ năm 1973, các cấp, các ngành cần tiến hành tốt mấy biện pháp lớn có tính chất bao trùm trên tất cả các nhiệm vụ khi tổ chức thực hiện như sau:

1. Hoàn thành tốt việc tổng kết các chuyên đề về thực hiện các nghị quyết lớn của Bộ Chính trị, Nghị quyết 19 của Trung ương về thực hiện chính sách dân tộc, về chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất thời Giôn-xơn, về công tác xây dựng Đảng, bảo vệ Đảng, v.v. và kiểm điểm tốt việc thực hiện Nghị quyết 220 của Bộ Chính trị. Qua đó, tiếp tục quán triệt trong nhận thức và có kế hoạch ra sức phát huy thắng lợi, khai thác mọi khả năng, điều kiện, kiên quyết khắc phục khó khăn, sửa chữa thiếu sót, tồn tại để đưa các mặt công tác tiến bộ, tổ chức thực hiện tốt phương hướng và các nhiệm vụ năm 1973 của Tỉnh ủy đề ra.

2. Tiến hành các đợt sinh hoạt chính trị, tư tưởng theo từng đợt liên tục, nhảy bèn, đồng thời phát động phong trào quần chúng, tổ chức tốt phong trào thi đua đi vào thực hiện nội dung 3 cuộc cách mạng một cách mạnh mẽ trong khi tổ chức thực hiện một nhiệm vụ công tác. Trên cơ sở đó, giáo dục cán bộ, đảng viên và quần chúng thấy rõ tình hình, nhiệm vụ mới, thấm nhuần đường lối, chính sách của Đảng, nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, tự lực tự cường, chủ động, sáng tạo trong các cấp, các ngành, động viên mọi người cống hiến tinh thần và sức lực vào việc thực hiện các nhiệm vụ công tác và kế hoạch nhà nước năm 1973.

3. Đẩy mạnh thực hiện nội dung 3 cuộc cách mạng một cách kết hợp chặt chẽ với nhau trong mọi lĩnh vực công tác, nhất là trong nông thôn và vùng cao. Tiếp tục thực hiện nội dung cuộc vận động tăng cường chế độ làm chủ trong nông thôn gắn liền với cuộc vận động định canh, định cư, củng cố phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, thủ công nghiệp. Tiếp tục thực hiện các nội dung "một kết hợp năm hóa" trong củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa và phát triển sản xuất, xây dựng kinh tế - văn hóa. Chú trọng xây dựng thêm các cơ sở vật chất, kỹ thuật trong các hợp tác xã nông nghiệp, đồng thời sửa chữa, củng cố và phát huy tốt tác dụng các cơ sở cơ khí nhỏ, nhà kho, sân phơi, chuồng trại, máy móc. Phát động phong trào học tập văn hóa, chính trị, học tập quản lý kinh tế, khoa học kỹ thuật và nghiệp vụ trong cán bộ, đảng viên và quần chúng, nhằm xây dựng con người mới có tư tưởng, lập trường, quan điểm vững vàng, có kiến thức quản lý kinh tế, khoa học kỹ thuật và nghiệp vụ chuyên môn, hăng hái sản xuất và công tác.

4. Ra sức cải tiến và tăng cường chỉ đạo công tác quản lý kinh tế, cải tiến kỹ thuật, quản lý nhà nước, nghiêm chỉnh chấp hành các chính sách, chế độ, nguyên tắc, pháp luật của Nhà nước đã quy định. Trong hoàn cảnh thời chiến công tác quản lý kinh tế - tài chính, quản lý chế độ, chính sách càng phải được chặt chẽ, chống buông lỏng, tùy tiện. Do đó, cần kiên quyết thực hiện các chế độ trách nhiệm, chế độ hạch toán kinh tế, định mức lao động, vật tư, tiền vốn, giá thành, trả lương theo sản phẩm, hợp đồng kinh tế... trong tất cả các cơ sở, xí nghiệp, doanh nghiệp, trong các nông - lâm trường, v.v.. Kiên quyết chống tham ô, lãng phí, ăn cắp, móc ngoặc đối với tiền của, vật tư, hàng hóa của Nhà nước và hợp tác xã.

5. Trên cơ sở tiếp tục học tập tốt điều lệnh lao động thời chiến của Chính phủ, cần tiến hành một bước phân công lao động mới

trong công nghiệp và thực hiện chế độ ba khoán trong các hợp tác xã. Tổ chức tốt các đội chuyên môn trồng trọt, chăn nuôi, nghề rừng, phân, giống, v.v. và ổn định tốt các đội sản xuất cố định trong hợp tác xã và trong nông - lâm trường quốc doanh, trang trại nhà nước. Huy động mạnh và vận dụng hơn nữa các lực lượng lao động sẵn có của địa phương, như huy động dân công, nghĩa vụ thời chiến, lao động xã hội chủ nghĩa vào các công trình xây dựng cơ bản và đảm bảo giao thông vận tải, sẵn sàng chiến đấu. Ngoài ra các huyện cần làm tốt hơn nữa công tác tuyên truyền, vận động tòng quân, đi nghĩa vụ quân sự, đi thanh niên xung phong, đi công nhân, đi học các lớp đào tạo dài hạn, v.v.. Xây dựng và củng cố, sử dụng tốt lực lượng thanh niên, xung phong, đưa đội thanh niên xung phong đủ 900 người. Trên cơ sở tính toán cân đối kỹ càng, nếu thiếu lao động, cần có kế hoạch xin bổ sung lao động ở miền xuôi lên để đảm bảo cho việc xây dựng và phát triển nông - lâm trường, giao thông vận tải, xây dựng cơ bản.

Trong khu vực Nhà nước, cần tiếp tục điều chỉnh tốt lực lượng lao động giữa nơi thừa và nơi thiếu; tập trung chỉ đạo tốt khâu tăng năng suất lao động là chủ yếu, đồng thời chú ý thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động.

6. Tăng cường công tác kế hoạch hóa, công tác điều tra, nghiên cứu và công tác thống kê, thực hiện dân chủ hóa kế hoạch tốt hơn nữa từ tỉnh đến cơ sở. Kiện toàn tổ chức kế hoạch, thống kê trong tỉnh, nhất là ở cơ sở các ngành, các xí nghiệp, công, nông - lâm trường và hợp tác xã... Xây dựng hệ thống tổ chức quản lý đo đạc ruộng đất, quy hoạch đất đai, khảo sát, thiết kế, nhằm đáp ứng yêu cầu trước mắt và chuẩn bị cho lâu dài trong công tác phát triển kinh tế của tỉnh; cần điều tra, đo đạc, bổ sung, điều chỉnh diện tích đất ruộng, sử dụng các số liệu đã đo đạc vào việc thống kê nắm tình hình, kiểm tra đo đạc xác định diện tích đối với cả đất đồi thường sản xuất. Cần hoàn thành việc xây dựng quy hoạch cụ

thể và chính thức ban hành công bố các vùng sản xuất chuyên canh của tỉnh để các cấp, các ngành, địa phương theo đó thực hiện; đồng thời chỉ đạo theo dõi nắm tình hình theo vùng sản xuất, vùng kinh tế. Phải kiên quyết thực hiện việc quản lý ruộng đất và rừng theo đúng Nghị quyết số 12 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Đặc biệt là việc sử dụng đất đai, nhất là đất ruộng vào các công trình xây dựng cơ bản mới được tuân theo chính sách phải có sự quản lý chặt chẽ, nghiêm ngặt; phải hết sức tránh lấy ruộng để xây dựng cơ bản. Đối với vấn đề sản xuất ngôi lợp, mỗi trường hợp thực tế không sử dụng được đất đồi để làm ngôi thủ. Có thể dùng một diện tích vừa đủ (được 1 - 2 lần) ở đất ruộng, nhưng phải tìm diện tích canh tác khác bù lại và phải sử dụng theo cách lấy đất mới đến đâu thì sử dụng đến đấy, lấy đất xong phải san gạt lại thành ruộng để tiếp tục gieo cấy, trồng trọt, hoàn thành việc xây dựng quy hoạch các thị xã, tiến hành quy hoạch các thị trấn và một số làng bản nông thôn.

7. Tích cực xây dựng, củng cố cơ sở về mọi mặt, lấy việc xây dựng Đảng, củng cố các tổ chức ở cơ sở nông thôn là trọng tâm trong công tác tư tưởng và tổ chức, đồng thời kiện toàn một bước cho các huyện, tiến tới kiện toàn hoàn thiện các huyện, sao cho có kinh nghiệm qua làm thử của Trung ương. Trên cơ sở đó, làm cho các huyện phát huy vai trò, chức năng đầy đủ hơn nữa trong việc chỉ đạo cho cơ sở và làm cho cấp cơ sở đảm nhận được các nhiệm vụ công tác và đoàn kết động viên nhân dân quần chúng hăng hái thực hiện chủ trương, chính sách, kế hoạch cấp trên đề ra. Trong công tác củng cố cơ sở cần hết sức coi trọng việc bồi dưỡng, đào tạo cán bộ chủ chốt của mỗi tổ chức.

8. Tăng cường và ra sức cải tiến phương thức lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành. Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy vai trò tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách trên mọi công tác, phát huy tác phong làm việc có điều tra,

nghiên cứu, có trường trình kế hoạch cụ thể, tăng cường kiểm tra đôn đốc, đi sâu đi sát cơ sở, chấp hành đúng chế độ báo cáo, chỉ thị, chống tác phong quan liêu, đại khái, hời hợt, tùy tiện.

Cần phát huy mạnh mẽ vai trò và hiệu lực lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và vai trò chỉ đạo, tổ chức thực hiện của các cấp chính quyền theo đúng tinh thần trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 19, 20 đã quy định. Trên cơ sở đó phân biệt rõ hơn những công việc giữa Đảng và chính quyền để tránh chồng chéo, bao biện hoặc ỷ lại, trông chờ, không ai chịu trách nhiệm.

Tiếp tục duy trì và phát huy chế độ phụ trách huyện, cơ sở và vùng sản xuất, phụ trách các cây con cụ thể trong Tỉnh ủy và các huyện, thị ủy, trong Ủy ban hành chính tỉnh, huyện, thị đã phân công ngoài việc trực tiếp chỉ đạo cấp xã, các huyện, thị còn phải chỉ đạo nắm tình hình các hợp tác xã, trước hết là thường xuyên nắm chắc một số hợp tác xã điển hình cho từng vùng trong huyện, thị.

Việc xây dựng điển hình và chỉ đạo trọng điểm phải được coi trọng hơn trước. Các cấp, các ngành đều phải có điểm chỉ đạo ở cơ sở. Cần củng cố hệ thống các điểm chỉ đạo của tỉnh, huyện đã có hiện nay, trên cơ sở đó tăng cường chỉ đạo, thường xuyên nắm tình hình, rút kinh nghiệm và phổ biến kinh nghiệm, phát huy mạnh cách chỉ đạo từ điểm ra diện, nhất là phát huy các điển hình tốt đã có hiện nay trong từng mặt công tác.

Huyện, xã và cơ sở trọng điểm hiện nay của tỉnh chỉ đạo vẫn như cũ. Các ban, ngành xung quanh tỉnh cần tập trung sự theo dõi, hướng dẫn và giúp tỉnh chỉ đạo các nơi đó tốt hơn nữa.

Hoàn thành việc xây dựng quy hoạch đào tạo cán bộ một cách có hệ thống trong từng cấp, từng ngành, từng cơ sở đến tỉnh. Trước mắt cần hoàn thành việc bố trí, sắp xếp tổ chức chỉ đạo khu vực, tăng cường thêm cán bộ có khả năng xuống xã, hợp tác xã.

Căn cứ vào Nghị quyết này các cấp, các ngành, các ban đảng, đoàn cần đề ra kế hoạch và những biện pháp thật cụ thể để tổ chức

thực hiện phương hướng, nhiệm vụ của Tỉnh ủy đã đề ra thuộc nhiệm vụ, chức năng của mình.

Nghị quyết này được tổ chức, nghiên cứu toàn văn trong các cấp ủy trực thuộc, Tỉnh ủy, trong các ban, các đảng, đoàn và các đồng chí phụ trách các ngành ở tỉnh, các cán bộ thủ trưởng, phó phòng trở lên ở tỉnh, huyện, thị.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
TRƯỜNG MINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 24-BC/TU, ngày 18-1-1973

Tổng kết tình hình nông - lâm nghiệp 3 năm 1970 - 1972 theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ 19 của Trung ương Đảng và phương hướng, nhiệm vụ những năm tới

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V (tháng 4-1970) về mặt xây dựng phát triển nông - lâm nghiệp Tỉnh ủy đã đề ra chủ trương, kế hoạch, liên tục mở các đợt vận động trong nông thôn, thống nhất các cuộc vận động như: Vận động sản xuất, tăng cường chế độ làm chủ tập thể ở nông thôn, vận động định canh định cư kết hợp với hợp tác xã ở miền núi, v.v. thành một cuộc vận động chung, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ban Thường vụ cấp ủy các cấp tỉnh. Huyện đã hình thành mạng lưới chỉ đạo riêng, phân công cấp ủy viên trực tiếp phụ trách các điểm để rút kinh nghiệm, đồng thời điều trên 300 cán bộ của các ngành xuống giúp cơ sở tiến hành cuộc vận động.

Khi có Nghị quyết hội nghị lần thứ 19 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Tỉnh ủy đã tiếp tục tổ chức học tập và phổ biến trong toàn Đảng bộ và trong quần chúng nhân dân, đồng thời rà lại phương hướng sản xuất trong nông - lâm nghiệp, đề ra các biện pháp và vận dụng thực hiện cụ thể một số chính sách của Trung ương. Trên cơ sở đó tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động quần chúng thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V, theo tinh thần Nghị quyết hội nghị lần thứ 19 của Trung ương.

Qua ba năm thực hiện, tình hình sản xuất từ bình thường chuyển sang sản xuất thời chiến, lại trải qua năm 1971 gặp thiên tai lũ lụt lớn nhất chưa từng có. Trong quá trình đó sản xuất mọi mặt của tỉnh ta đã có nhiều mặt tiến bộ, đồng thời cũng còn những mặt yếu kém. Để tiếp tục đưa phong trào tỉnh ta tiến lên những bước mới, thực hiện tốt hơn nữa Nghị quyết lần thứ 19, 20 của Trung ương và chuẩn bị cho Đại hội lần thứ VI của tỉnh Đảng bộ, trong Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh từ ngày 20 – 27-11-1973, đã kiểm điểm, tổng kết đánh giá những mặt kết quả đã đạt được, những tồn tại của phong trào, tìm ra nguyên nhân thuận lợi, tồn tại, thiếu sót, rút ra những kinh nghiệm về công tác lãnh đạo, chỉ đạo và đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho những năm tới trong nông - lâm nghiệp.

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN NÔNG - LÂM NGHIỆP TRONG THỜI GIAN QUA

I. VỀ THẮNG LỢI VÀ KẾT QUẢ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Hơn ba năm qua, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V và Nghị quyết Hội nghị lần thứ 19 của Trung ương Đảng, công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế nông - lâm nghiệp, tỉnh ta đã giành được những thắng lợi bước đầu tương đối toàn diện và to lớn. Trong sản xuất đã và ngày càng đi vào thâm canh, chuyên canh, cơ cấu cây trồng, con gia súc của từng vùng sản xuất được xác định ngày càng rõ, một số cây đang có chiều hướng phát triển đi lên, nghề rừng tuy phát triển chưa mạnh nhưng cũng đã tiến bộ hơn trước, tạo được cách làm phù hợp. Công tác xây dựng cơ bản trong các ngành nói chung, trong nông - lâm nghiệp nói riêng từng bước có tiến bộ. Hợp tác xã vùng thấp ngày càng ổn định, nhiều hợp tác xã thể hiện và phát huy được tính ưu việt của

lối làm ăn tập thể. Công tác quản lý của các nông trường, trạm trại có nhiều tiến bộ hơn trước. Đời sống nhân dân trong tỉnh được đảm bảo và có mặt được cải thiện hơn trước.

Thắng lợi của ba năm qua, cộng với các kết quả đã đạt được trong quá trình hơn 10 năm xây dựng, phát triển nông - lâm nghiệp đối chiếu với tinh thần Nghị quyết 19 của Trung ương thì thấy có một số mặt đã làm được đúng và có kết quả. Những kết quả đó là:

1. Về lương thực

Là một tỉnh vốn thiếu lương thực, sản xuất tự cấp tự túc cũng chưa đủ, nhiều vùng còn thiếu đói, vì sản xuất cây lương thực không phải là thế mạnh, do ruộng đất quá ít, đồi núi chiếm tuyệt đại bộ phận, xong vừa qua tỉnh đã có nhiều cố gắng tập trung giải quyết vấn đề lương thực theo hướng thâm canh tăng vụ, mở rộng diện tích nơi có điều kiện. Kết quả đến năm 1972 đã đạt được mức tổng sản lượng lương thực quy thóc cao nhất so với từ trước đến nay, tức là đã đạt 54.040 tấn, vượt 27,2% so với năm 1969 và bằng gần gấp hai lần so với năm 1958 (so với năm 1958 tăng 26.616 tấn).

Vùng thấp là vùng lúa hai vụ, phong trào thâm canh cây lúa ngày càng sâu rộng. Năm 1972 toàn vùng năng suất lúa cả năm bình quân đã đạt 5.649 kg/ha, trong đó: Huyện Bát Xát đạt 6.258 kg/ha, huyện Bảo Thắng 5.488 kg/ha, huyện Mường Khương 5.004 kg/ha, thị xã Lào Cai 6.494 kg/ha; cả vùng đã có 17/31 xã đạt trên 5 tấn thóc/ha cả năm, 54/100 hợp tác xã đạt trên 5 tấn thóc/ha; có 9 hợp tác xã đạt từ 7 tấn đến trên 9 tấn/ha. Đạt được trên 5 tấn thóc/ha ở vùng thấp là một bước nhảy vọt trong thâm canh lúa. Đi đôi với cây lúa, cây màu cũng được phát triển, đặc biệt là cây sắn đã trồng thành vùng tập trung tạo thành vùng nguyên liệu phục vụ cho công nghiệp chế biến của tỉnh.

Vùng cao, việc tăng vụ xuống ruộng, lên nương được đẩy mạnh. Năm 1972 so với năm 1969 diện tích trồng mạch hoa tăng trên 3 lần, diện tích trồng lúa mì tăng trên 4 lần.

Cơ cấu cây lương thực dần dần xác định phù hợp với điều kiện khí hậu, đất đai, thời vụ từng vùng (lúa, ngô, mì, mạch hoa ở vùng cao; lúa, ngô, khoai, sắn ở vùng thấp).

Do sản xuất lương thực phát triển, nên nói chung trong nông thôn đã tự sản xuất lương thực đủ để đảm bảo đời sống và có vùng còn có khả năng sản xuất lương thực thành hàng hóa, làm nghĩa vụ với Nhà nước (vùng thấp). Hàng năm, số lương thực Nhà nước đã mua được trên 4.000 tấn và tăng dần từ năm 1969 trở lại đây, số lương thực phải bán lại cho nông dân giảm dần (số lương thực Nhà nước mua năm 1969 được 3.565 tấn, năm 1972 là 4.636 tấn, nhưng số lương thực bán cứu đói cho nông dân năm 1969 là 618,219 tấn, năm 1972 là 80,026 tấn).

2. Về thực phẩm

Đi đôi với phát triển lương thực, tỉnh đã chú trọng đẩy mạnh chăn nuôi, quy vùng trồng rau xanh quanh thị xã và khu mỏ, phát triển cây đậu tương nhằm tự đảm bảo thực phẩm cho nhu cầu địa phương, tiến tới đảm bảo cả nhu cầu của Trung ương tại địa phương. Kết quả đến nay các đàn gia súc, trừ đàn trâu, phát triển không mạnh, những năm gần đây tốc độ đứng lại, năm 1972 bằng 97% năm 1969, còn thì đàn bò, đàn lợn phát triển với tốc độ tương đối nhanh nhất là mấy năm gần đây. Đàn bò năm 1972 so với năm 1969 tăng 50%. Đàn lợn so với trong vòng 10 năm trước tăng 35,3%, 3 năm gần đây (1969 - 1972) tăng 33,1%; riêng đàn lợn thịt tăng 45%). Cá, gia cầm, các loại gia súc khác nhìn chung đều phát triển tốt. Vùng rau ăn ở hai thị xã ngày càng ổn định và phát triển. Sản phẩm rau, thịt Nhà nước thu mua được ngày càng tăng (thịt lợn và trâu, bò hơi Nhà nước mua được năm 1969 là 457 tấn, năm 1972 là 918,5 tấn). Rau từ 955 tấn năm 1969 tăng lên 1.130 tấn so với năm 1972. Năm 1973 số lợn hơi đã mua được (...)

Do chăn nuôi lợn tăng khá, nên từ một tỉnh thiếu thịt, hàng năm vẫn phải nhờ viện trợ ở xuôi lên, nhưng từ năm 1972 trở lại đây đã có tạm đủ cung cấp cho yêu cầu của địa phương và cho cả

nhu cầu của Trung ương tại địa phương. Đây là mặt tiến bộ, có tính chất bước ngoặt của tình hình sản xuất trong tỉnh.

3. Cây công nghiệp, cây ăn quả, cây đặc sản, cây thuốc

Nhìn chung đều có phát triển (trừ cây đậu tương). Các vùng sản xuất tập trung, dần dần hình thành rõ:

Cây su hào giống Sa Pa: Đã phát triển tập trung ở 4 xã chung quanh thị trấn Sa Pa gồm 8 hợp tác xã chuyên canh, trong đó có 7 hợp tác xã dân tộc Mèo thuộc đối tượng vận động định canh định cư. Năm 1972 sản lượng hạt rau Nhà nước thu mua được 27 tấn, so với năm 1969 tăng 18,3 tấn, chất lượng hạt rau có tốt hơn trước. Giá trị hàng hóa toàn vùng đạt 810.000 đồng. Vùng su hào giống đến nay các mặt về khí hậu, thổ nhưỡng và diện tích đất, kỹ thuật, tập quán sản xuất đã ổn định, đang có đà phát triển tốt, có khả năng đạt được trên 40 tấn.

Cây thảo quả: Tập trung chủ yếu vào Bát Xát và một phần Sa Pa. Diện tích đã có 755 ha (Bát Xát 700 ha, Sa Pa 55 ha). Sản lượng đạt 380 tấn. Nhà nước mua được bình quân mỗi năm 300 tấn. So với năm 1969 diện tích tăng 220 ha, sản lượng tăng 120 tấn. Giá trị hàng hóa cả vùng năm 1972 là 465.000 đồng. Cây thảo quả là cây có tập quán sản xuất lâu đời, là mặt hàng xuất khẩu có thị trường tương đối ổn định và hiện nay đang có chiều hướng phát triển tốt.

Cây thuốc: Phát triển tập trung ở vùng cao huyện Bắc Hà, lấy nông trường Nậm Mòn làm nòng cốt. Cuối năm 1972, nông trường đã trồng được trên 2 ha tam thất. Các cây thuốc thuộc hướng sản xuất chính của nông trường như đỗ trọng, tam thất, bạch truật đã kết luận được kỹ thuật và quy trình sản xuất. Trại nghiên cứu thực nghiệm các cây thuốc ở Bắc Hà vẫn phát huy tốt. Các trại Sa Pa, Si Ma Cai và lẻ tẻ ở một số hợp tác xã trồng cây tam thất đều có kết quả.

Qua thực tiễn sản xuất, thấy cây tam thất đối với vùng cao trong tỉnh có rất nhiều triển vọng, thích nghi với đất và khí hậu

vùng cao, yêu cầu tiêu thụ lớn. Ngoài ra, các cây bạch truật, sinh địa cũng là cây có khả năng phát triển có hiệu quả kinh tế cao.

Cây chè: Đến nay diện tích chè toàn tỉnh đã có 466,7 ha, so với năm 1969 tăng 22 ha. Riêng vùng chè Bắc Hà đã có 296 ha, tăng hơn năm 1969 là 20 ha. Nông trường Thanh Bình đã trồng được 26 ha. Sản lượng chè toàn tỉnh năm 1972 đã có 95 tấn, so với năm 1969 tăng 15 tấn. Chè Nhà nước thu mua được năm 1972 là 41 tấn, tăng hơn năm 1969 là 6 tấn. Tích lũy bằng thu thuế, lãi thương nghiệp là 85.000 đồng. Qua chế biến, công nghiệp, xưởng chè nộp lãi cho ngân sách một năm là 1 vạn đồng.

Đối với vùng chè huyện Bắc Hà, tỉnh đã duyệt 5 hợp tác xã chuyên canh lấy hướng sản xuất chính là cây chè, đậu tương để ổn định sản xuất, đời sống, làm nghĩa vụ đối với Nhà nước (Tà Chải, Bản Phố, Bản Liên, Na Hối, Ngải Thầu). Chè ở nông trường lên nhanh và tốt, các hợp tác xã chuyên canh chè ở Bắc Hà sau khi duyệt rõ phương hướng có chính sách rõ ràng, hợp tác xã và xã viên bước đầu yên tâm tập trung sức chăm sóc chè cũ, trồng chè mới.

Cây ăn quả: Cây dứa trong tỉnh được đặt ra mạnh sau khi có Nghị quyết 19 của Trung ương. Đến cuối năm 1972 diện tích dứa ở thị xã Lào Cai cả cũ và mới đã có 106 ha. Nông trường Đản Khao trồng 60 ha. Cộng cả là 166 ha, trong số này có 127 ha trồng theo kỹ thuật mới. Ngoài ra, các hợp tác xã Nam Cường, An Thành, Độc Lập, Tiến San trồng được 39 ha. Sản lượng dứa toàn tỉnh năm 1972 đã đạt được 330 tấn, cung cấp cho chế biến đồ hộp xuất khẩu.

Qua thực tiễn sản xuất, đã sơ bộ kết luận được về giống dứa và kỹ thuật, thời vụ trồng dứa thích hợp với Lào Cai. Nhìn chung vùng dứa hiện nay đang có chiều hướng phát triển tốt. Mỗi năm tới có khả năng làm mạnh, vì giống dứa ngày càng có nhiều.

Ngoài cây dứa thì cây chuối ở Bảo Thắng cũng có chuyển biến bước đầu. Cây ăn quả ở vùng cao như lê, đào, mận... tỉnh có chủ trương đẩy mạnh trồng ở khu vực gia đình, do đó dần dần phát

triển tương đối tốt. Sản lượng hàng năm khoảng trên 300 tấn. Nhà nước mua được trung bình hàng năm trên dưới 200 tấn.

Cây mía: Vùng mía sau khi rút kinh nghiệm chỉ đạo đã được tập trung gọn lại, tổ chức ra các hợp tác xã và đội chuyên canh, thi hành Chỉ thị 125 của Chính phủ, tăng cường các biện pháp kỹ thuật chọn giống, chăm sóc, bón phân... Kết quả, vùng mía công nghiệp đã có chuyển biến rõ rệt, đi dần vào thế vững chắc, ổn định theo hướng thâm canh. Năm 1972 đã đẩy mạnh được tốc độ phát triển, diện tích mía cả năm đạt 175 ha, sản lượng mía xuân đạt 6.500 tấn, nếu tính cả vụ thu thì đạt 7.070 tấn (là năm có sản lượng mía cao nhất). Nhờ vậy đã đảm bảo trên 70% công suất thiết bị máy móc của Nhà máy đường của tỉnh. Năng suất bình quân từ 15 tấn/ha nay lên đến 39 tấn/ha, có hợp tác xã đạt 92 tấn/ha (Bản Vược). Năng suất mía bãi đạt trên dưới 65 tấn/ha, mía đồi đạt trên dưới 35 tấn/ha.

Kết quả của việc phát triển vùng mía qua 9 năm đã làm tăng giá trị sản lượng trong nông nghiệp, ổn định và cải thiện đời sống cho đồng bào các dân tộc địa phương và đồng bào miền xuôi lên xây dựng kinh tế miền núi, phục vụ cho công nghiệp địa phương, đảm bảo hậu cần tại chỗ được một phần về đường, rượu, giấy, tích lũy cho ngân sách địa phương được 1,5 triệu đồng (1 ha mía bình quân 1 năm tích lũy cho địa phương là 1.207 đồng).

4. Lâm nghiệp

Thời gian gần đây, tỉnh đã đi sâu chỉ đạo cụ thể, giải quyết những khó khăn, lúng túng của ngành lâm nghiệp. Nghề rừng đến nay đã có những chuyển biến bước đầu, đã mở ra được cách làm ăn thích hợp để có thể đẩy mạnh lên những năm tới. Kết quả trong 3 năm 1970 - 1972 trồng rừng được 1.577 ha, khoanh núi nuôi rừng được 10.249 ha (trong đó vùng cao được 7.614 ha), khai thác (cả quốc doanh và hợp tác xã) được 5.612.440 đồng.

Việc đưa nghề rừng vào hợp tác xã có tiến bộ hơn trước, nhất là từ khi có Nghị quyết 19 của Trung ương đến nay. Trong tỉnh đã có 48 hợp tác xã kinh doanh nghề rừng, gắn với việc thực hiện

phương án định canh định cư. Việc giao đất rừng cho hợp tác xã quản lý kinh doanh đã thực hiện được ở 24 xã và 48 hợp tác xã. Nói chung, những nơi có quy hoạch khoanh giao, có chính sách rõ ràng thì hợp tác xã và nhân dân đều thực hiện, có một số hợp tác xã tổ chức quản lý kinh doanh tương đối tốt (Nam Cường, Bản Vược, Pha Long, v.v.). Trong quá trình tiến hành, đã rút được kinh nghiệm về cách quy hoạch giao đất rừng, vận dụng chính sách của Trung ương và Chính phủ cho phù hợp với địa phương và nguyện vọng, trình độ quần chúng nhân dân các dân tộc. Hiện nay việc đưa nghề rừng vào hợp tác xã, giao đất rừng cho hợp tác xã kinh doanh đang được nhân dân các dân tộc và các hợp tác xã nông nghiệp hưởng ứng.

5. Điều tra cơ bản, nắm tình hình đất đai, khí hậu, giống cây trồng, con gia súc

Từ kết quả điều tra, đã tiến hành quy hoạch tổng thể, chia tỉnh ra ba vùng sản xuất lớn và xác định những cây, con cho từng vùng. Từ hướng cây trồng, con gia súc đã sơ bộ xác định, đã hình thành được hệ thống trạm trại, nghiên cứu thực nghiệm kỹ thuật, nhân, giữ giống tốt, dự tính, dự báo sâu bọ cho từng vùng. Qua nghiên cứu thực nghiệm của các trạm trại, kết hợp với kinh nghiệm và tập quán sản xuất của các hợp tác xã, đến nay đã kết luận được giống và kỹ thuật đối với một số cây, con chính của từng vùng, như: giống trâu Bảo Thắng, lợn Mường Khương, giống cá (chép Bắc Hà, trắm cỏ, mè hoa, rô phi), cơ cấu cây lương thực và giống lúa của từng vùng; giống cây công nghiệp, đặc sản, cây thuốc (như: Tam thất và chè xan Bắc Hà, hạt rau su hào ở Sa Pa, thảo quả ở Bát Xát, dưa hoa ở thị xã Lào Cai, giống đậu tương vàng ở Mường Khương, đậu tương xanh ở Bắc Hà, mía BOJ 3016, F134, giống cây ăn quả vùng cao (lê, đào, mận), giống cây rừng (như tống quá sủ và thông ở vùng cao; bồ đề và mỡ ở vùng thấp); các loại cây và giống để cấy nấm hương ở Sa Pa.

Đến nay, những giống cây trồng, con gia súc kể trên là những cây, con có năng suất cao, phù hợp với tình hình khí hậu, đất đai, trình độ sản xuất của nhân dân. Những giống này không những chỉ trồng trong phạm vi thực nghiệm mà đã được đưa vào sản xuất đại trà có những vùng và cơ sở sản xuất tập trung, có những trung tâm sản xuất và nhân giống, gồm: 4 nông trường bò, 3 cơ sở lợn quốc doanh, 1 trại cá giống, 1 trại thuốc, 3 trại nhân giống lúa, ngô, 1 trạm nghiên cứu nấm hương và hàng chục hợp tác xã chuyên canh, v.v. ngoài ra một số cây như khoai tây, hướng dương, v.v., cũng đang trong phạm vi thực nghiệm để kết luận.

6. Về quan hệ sản xuất

Tính đến cuối năm 1972, toàn tỉnh có 67,1% số hộ nông dân toàn tỉnh vào hợp tác xã nông nghiệp (vùng thấp đạt 91,7%, vùng cao đạt 48,7%). Mấy năm qua, tỉnh đã có nhiều cố gắng củng cố, tăng cường phong trào hợp tác xã. Nhìn chung các hợp tác xã vùng thấp ngày càng ổn định (tuy còn những mặt nhược điểm), bước đầu đã phát huy tính ưu việt của lối làm ăn tập thể, có tác dụng nhất định trên một số mặt sản xuất, tổ chức đời sống, nhất là trong công cuộc chống Mỹ, cứu nước vừa qua. Phong trào hợp tác xã vùng cao tuy số lượng không ổn định, nói chung sút kém, nhưng cũng có một số hợp tác xã làm ăn có tiến bộ.

Đi đôi với phong trào hợp tác xã, trong tỉnh đã có 5 nông trường và 3 lâm trường, 4 trạm lâm nghiệp của địa phương, rải rác đều các huyện, làm nòng cốt cho hướng sản xuất của từng vùng.

Phương hướng sản xuất của các nông trường đã được xác định rõ. Các nông trường tuy vẫn còn trong thời kỳ xây dựng cơ bản, nhưng công tác quản lý đã dần dần có tiến bộ, bước đầu đã có sản phẩm giao nộp cho Nhà nước (dầu sả, cam, quýt, thịt bò, tam thất, v.v.).

Ngoài việc đưa nông dân vào hợp tác xã, mấy năm qua đã đưa 204 hộ, 1.181 khẩu, 427 lao động nông dân vào làm công nhân các nông trường, hình thành bước đầu đội ngũ công nhân nông nghiệp trong tỉnh. Số này, tư tưởng, đời sống và sản xuất mau chóng ổn định. Từ khi vào đến nay có nơi đã trên 4 năm, nhưng không có ai

xin ra. Trình độ mọi mặt của số vào nông trường đều tiến bộ hơn nhiều so với số bà con ở ngoài; thu nhập cũng cao hơn khi còn ở hợp tác xã; thực hiện định mức lao động và giá trị mới làm ra đều cao hơn số công nhân cũ ở xuôi lên; sự đoàn kết giữa nông trường và nhân dân trong vùng được tăng cường hơn trước.

Song song với hợp tác xã nông nghiệp, các hợp tác xã mua bán, tín dụng đã được xây dựng. Hiện nay toàn tỉnh còn 104 cơ sở hợp tác xã mua bán và 10 quầy hàng; có 125 hợp tác xã tín dụng. Mấy năm qua đã đi vào củng cố và kiện toàn từng bước, và đã giải quyết được một số vướng mắc từ trước tới nay ở một số nơi.

7. Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật

- Công tác xây dựng cơ bản trong nông - lâm nghiệp mấy năm qua được chú ý đẩy mạnh về các mặt giao thông, thủy lợi. Vốn xây dựng cơ bản thực hiện trong 3 năm là 18.294 triệu đồng, và năm sau so với năm trước đều tăng lên rõ rệt (năm 1969 là 5.313.000 nghìn đồng, năm 1972 tăng lên 7.691.5 nghìn đồng).

Về thủy lợi đã làm mới 441 công trình tiểu thủy nông, 9 công trình trung thủy nông; có công trình tương đối lớn như đập Cam Đường, hồ Phú Nhuận, đồng thời đã tu sửa, nạo vét hàng nghìn công trình tiểu thủy nông, củng cố, phát huy các công trình trung thủy nông, nông cụ. Nhờ vậy đã đảm bảo nước tưới cho vụ xuân từ 2.247 ha lên 2.360 ha, vụ mùa từ 6.758 ha lên 7.112 ha. Đến nay vùng lúa 2 vụ căn bản đã đảm bảo tưới chủ động được nước.

Cùng với công tác thủy lợi, phong trào xây dựng ruộng nương bậc thang, xây dựng cơ sở vật chất ổn định cho vùng đồng bào còn du canh du cư cũng đạt một số kết quả.

Về giao thông, làm xong 54 km đường ô tô từ Bắc Hà đến Si Ma Cai, Mường Khương đến Pha Long; rải xong 40,5 km đường nhựa. Làm xong cầu treo qua sông Chảy Bảo Nhai, sửa chữa thường xuyên các cầu cống. Đi đôi với làm các đường, cầu lớn, đã gắn với cuộc vận động định canh định cư, phát động phong trào nhân dân làm giao thông trong nông thôn đạt một số kết quả. Đến nay đường ô tô vận tải trong tỉnh ta đã thuận lợi hơn nhiều so với trước.

Từ sản phẩm trong nông - lâm nghiệp ngày càng phát triển, các cơ sở công nghiệp chế biến được xây dựng phát triển ngày càng lớn, nhà máy chế biến mía, xưởng chế biến hoa quả, nhà máy cơ khí, sản xuất công cụ thường, công cụ cải tiến, sửa chữa cơ khí, sản xuất máy công tác nhỏ. Riêng trong nông thôn, toàn tỉnh có 52 điểm cơ khí nhỏ, 40 công trình thủy điện nhỏ. Các thị trấn huyện (trừ Si Ma Cai), đều đã có thủy điện, nhiều xã có đường tải điện đi qua.

8. Về cán bộ nông - lâm nghiệp

Do kết quả của công tác đào tạo, bồi dưỡng, nên đội ngũ cán bộ kỹ thuật và quản lý trong nông - lâm nghiệp đã có 143 đại học, 458 trung cấp, trong đó có cả cán bộ lãnh đạo các ngành, các cấp tỉnh, huyện. Ngành nào cũng đã có những anh chị em am hiểu tình hình địa phương và có kinh nghiệm. Trường trung cấp Nông nghiệp của tỉnh đã bắt đầu khóa I, hiện có 225 người học.

9. Cuộc vận động định canh định cư

Đến nay đã làm xong thời kỳ 1 và 2, đang thực hiện thời kỳ 3 (thời kỳ vận động thực hiện phương án đã đề ra). Nhà nước đã đầu tư giúp đỡ cho vùng du canh du cư 1.416 đồng và 669 tấn gạo. Tỉnh, huyện đã xét duyệt phương hướng chuyển 32 hợp tác xã của 3 huyện: Bắc Hà, Mường Khương, Sa Pa đi vào trồng cây công nghiệp, đặc sản (chè, hạt rau giống, trồng rừng). Các hợp tác xã đang đi vào thực hiện phương hướng sản xuất đời sống dần dần ổn định và đã có sản phẩm bán cho Nhà nước. Ngoài ra đã đưa 126 hộ, 661 khẩu, 250 lao động nông dân thuộc đối tượng vận động định canh, định cư vào làm công nhân nông trường quốc doanh. Quá trình thực hiện phương án định canh, định cư đến nay đã khai hoang được 256,96 ha ruộng bậc thang, 207,6 ha nương bậc thang; số ruộng nương này nói chung đã đưa vào sản xuất (số ruộng khai hoang được trong 2 năm xấp xỉ 40% so với 12 năm trước đây cộng lại). Đi đôi với khai phá thêm diện tích, đã giúp đỡ đồng bào tiến hành thâm canh, tăng vụ, làm giao thông,

thủy lợi, thủy điện nhỏ, xây dựng trạm xá, trường học, giải quyết kịp thời khó khăn về đời sống trước mắt (như tăng vụ lúa mì ở Y Tý, thâm canh ruộng lúa ở Sa Pa, v.v.).

Một số huyện đã tạo được những hợp tác xã thực hiện phương án tốt để rút kinh nghiệm về loại hình hợp tác xã, về cách làm ăn, bước đi để hướng dẫn chung vào những năm tới (như Sâu Chua, Tà Phìn huyện Sa Pa, Pha Long huyện Mường Khương, Tả Ngảo huyện Bát Xát, Bản Phố huyện Bắc Hà).

Ý thức định canh định cư, trồng và giữ rừng dần dần chuyển biến trong cán bộ và nhân dân vùng cao. Sự di chuyển ào ạt từng loạt từ cao xuống thấp, từ đông sang tây của mấy năm trước đây đã dừng lại (huyện Sa Pa từ năm 1969 - 1972 đã di chuyển sang Phong Thổ, Than Uyên 125 hộ, 665 khẩu, nhưng hiện nay không có hiện tượng di chuyển nữa). Việc chuyển từ vùng cao Si Ma Cai, Bắc Hà, Mường Khương xuống vùng thấp chỉ còn lẻ tẻ, xã Pha Long hàng trăm hộ có tư tưởng di chuyển, nay đã ổn định. Tuy nhiên, kết quả của cuộc vận động định canh định cư đạt được so với yêu cầu còn ít, phong trào thực hiện chưa đều.

10. Đời sống nhân dân

Đi đôi với sản xuất phát triển đời sống nhân dân, công nhân mấy năm qua được đảm bảo, có nhiều mặt được cải thiện hơn. Việc phục vụ đời sống có tiến bộ.

Thu nhập của xã viên bình quân đầu người/tháng: Năm 1968 là 15,72 đồng, trong đó thu từ hợp tác xã chiếm 23,6%; năm 1972 là 16,22 đồng, trong đó thu từ tập thể chiếm 35%; cán bộ chủ chốt 17,30 đồng, thương binh, bộ đội 16,38 đồng, xã viên thường 15,55 đồng, già yếu, neo đơn 11,02 đồng. Ở từng khu vực thì: thị xã 16,14 đồng, vùng thấp 17,43 đồng, vùng cao 13,66 đồng, mức chi dùng của xã viên về đời sống hàng tháng từ năm 1968 - 1971 giữ vững từ 15 - 16 đồng, trong đó chi về ăn uống chiếm 70%, may mặc và mua tư liệu sinh hoạt khác chiếm từ 19 - 22%. Một số nơi vùng cao, đời sống về lương thực có một số khó khăn, thường thiếu ăn khi giáp hạt, ta đã có nhiều

biện pháp tích cực giải quyết để ổn định dân (Sa Pa). Số lương thực bán cứu đói cho nông dân giảm dần từ 618.219 kg năm 1969, xuống 80.026 kg năm 1972.

Về đời sống cán bộ, công nhân viên, ngoài việc được đảm bảo cung cấp tương đối bình thường các yêu cầu về lương thực, thực phẩm, vải mặc theo định lượng, mức thịt hàng tháng trong năm 1972 đã tăng hơn năm 1969, 1 người là 2 lạng, và còn được bán thêm một vài thứ thực phẩm khác. Giá cả thị trường tự do nói chung ổn định, năm 1972 giảm bằng 98,3% năm 1971. Thu mua nông sản, thực phẩm năm 1972 tăng hơn năm 1971, lợn hơi tăng 22,9%, bò tăng 21,7%, rau tăng 32,2%, chè tăng 9,2%, cá tươi tăng 81,3%, nước chấm tăng 38,3%, đậu phụ tăng 14%.

11. Nguyên nhân thắng lợi, kết quả

Những kết quả trên tuy mới là bước đầu, còn nhỏ và phát huy chưa mạnh, nhưng nó đã tạo nên một số điều kiện và phác họa lên một số nét thích hợp để đưa nông - lâm nghiệp của tỉnh ta từ sản xuất nhỏ từng bước đi lên sản xuất lớn.

Có được kết quả như vậy là do Đảng bộ tỉnh ta tích cực chấp hành và vận dụng, thực hiện các Nghị quyết của Trung ương và Chính phủ về phát triển nông - lâm nghiệp vào điều kiện cụ thể của địa phương tương đối sinh động, phù hợp và đúng đắn, cụ thể là:

1- Sớm đi vào công tác điều tra, nắm tình hình cơ bản, nêu được hướng sản xuất lâu dài, tương đối phù hợp. Trong khi hiện đã biết đảm bảo nhiệm vụ trước mắt, đồng thời chú ý tạo điều kiện dần cho hướng phát triển lâu dài.

Từ năm 1963, khi có Nghị quyết 71 của Bộ Chính trị về phát triển nông nghiệp miền núi. Tỉnh ủy đã sơ bộ nêu lên hướng sản xuất chung đi vào điều tra cơ bản, nắm tình hình và tiến hành quy hoạch tổng thể, nêu lên hướng sản xuất cho từng vùng có ý định kinh tế lâu dài của địa phương. Từ đó, đi vào chỉ đạo thực hiện sản xuất trước mắt, đồng thời chú ý bám vùng tạo điều kiện dần về các mặt để thực

hiện ý định lâu dài. Qua kết quả thực tế, ta đã bổ sung ngày càng cụ thể vào phương hướng sản xuất của mỗi vùng, đồng thời từng bước tạo nên sự nhất trí từ trong cấp ủy đến các ngành, các cấp.

2- Chỉ đạo sản xuất lương thực là trọng tâm, đồng thời chú trọng từng bước phát huy thế mạnh của miền núi:

Trong khi tập trung phấn đấu giải quyết vấn đề lương thực, Tỉnh ủy đã chú trọng từng bước phát triển cây công nghiệp, chăn nuôi và nghề rừng. Vì vậy, đã hình thành dần các nông trường, hợp tác xã chuyên canh, vùng chuyên canh cây công nghiệp, chăn nuôi, xây dựng các trạm trại thực nghiệm khoa học để nhân, giữ, sản xuất giống đi trước một bước; bố trí các trạm trại, nông trường vào các vùng làm nông cốt; xây dựng các hợp tác xã điển hình cho từng vùng, từng huyện để có thực tiễn giáo dục, thuyết phục quần chúng.

3- Trong chủ trương cũng như trong thực hiện, ta đã thực hiện theo phương châm: Kết hợp giữa cái cũ và cái mới song song. Đối với cái cũ phù hợp, nhân dân có tập quán, khi đã có kết luận thì thực hiện rộng rãi trong các hợp tác xã và nhân dân, Nhà nước chú trọng giống và hướng dẫn kỹ thuật. Đối với những cái mới đòi hỏi kỹ thuật cao, đầu tư nhiều, chưa có kinh nghiệm thì tuần tự đi từ trạm trại, nông trường trước, xong mới ra hợp tác xã và nhân dân, như các giống lúa mới, giống thuốc, giống cá, v.v..

4- Thực hiện chăn nuôi cân đối với trồng trọt cụ thể ngay ở từng đơn vị sản xuất và tổ chức chăn nuôi đi trước một bước (các nông trường của tỉnh hiện nay đều đã thực hiện như vậy).

5- Đưa nông dân tiến lên chủ nghĩa xã hội tuần tự theo con đường hợp tác hóa từ thấp lên cao, có kinh qua những bước bắc cầu là chủ yếu, đồng thời tích cực xây dựng các nông - lâm trường, đưa nông dân vào nông trường để mau ổn định sản xuất, đời sống cho nhân dân các dân tộc và phát huy thế mạnh nông nghiệp của từng vùng.

6- Vận dụng thực hiện đồng thời ba cuộc cách mạng trong nông nghiệp cụ thể vào địa phương là cuộc vận động hợp tác hóa, xây dựng nông - lâm trường kết hợp với vận động định canh định cư, xây dựng các vùng chuyên canh và xây dựng phát triển kinh tế

địa phương. Đồng thời đã tiến hành thủy lợi hóa, ruộng nương bậc thang hóa, rừng xanh hóa, giao thông hóa, công cụ cải tiến và cơ giới hóa, tiêu chuẩn hóa kỹ thuật và quy trình sản xuất, văn hóa hóa. Đi đôi với sản xuất nông nghiệp, việc xây dựng phát triển công nghiệp địa phương để đáp ứng yêu cầu phát triển nông - lâm nghiệp cũng đã có sự chú ý một bước.

7- Về tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, ngoài hệ thống các trường bổ túc cán bộ, bổ túc công nông để bồi dưỡng văn hóa, tỉnh đã mở thêm các trường thanh niên dân tộc, thiếu nhi miền núi. Ngoài các trường trung cấp nông - lâm nghiệp, y tế, sư phạm, tỉnh còn chú trọng tổ chức các lớp đại học tại chức.

8- Việc vận dụng, cụ thể hóa các chính sách, nhất là các chính sách có tính chất đòn bẩy kinh tế có những cố gắng nhất định, như các chính sách về lương thực, giá cả, chính sách đối với chăn nuôi lợn, v.v..

9- Chỉ đạo từng vấn đề được bàn bạc quyết định tập thể, cả chủ trương, biện pháp và bộ máy thực hiện. Đối với công tác xây dựng cơ bản đã kiên quyết bố trí tập trung, hàng năm làm gọn một số công trình, tôn trọng trình tự xây dựng và chế độ nguyên tắc quản lý, khắc phục một bước tình trạng kinh doanh, xây dựng bất cứ giá nào. Việc chỉ đạo công tác khoa học kỹ thuật và những biện pháp kỹ thuật chủ yếu từng thời kỳ trong nông nghiệp cũng được coi trọng hơn trước.

10- Gần đây sự phân công và lề lối làm việc giữa Tỉnh ủy và Ủy ban hành chính tỉnh có đổi mới, tương đối rành mạch hơn trước. Bên trong đã đi vào bàn bạc quyết định chủ trương biện pháp lớn, chỉ đạo riêng, kiểm tra tổng kết rút kinh nghiệm, kiện toàn phát huy chức năng quản lý kinh tế của bộ máy nhà nước, tăng cường các đồng chí cấp ủy sang Ủy ban hành chính tỉnh, bổ sung đề bạt cán bộ lãnh đạo các ty, ngành, sắp xếp bộ máy các ty, ban, tinh giản gọn nhẹ và có hiệu lực. Vai trò của các đoàn thể cũng dần dần được phát huy trong sản xuất như: Tổ chức thanh niên xung phong; thanh niên làm đầu tàu trong công tác giao thông thủy lợi, xây dựng ruộng bậc thang; phụ nữ vận động chăn nuôi lợn, cấy kỹ thuật; phụ lão vận động trồng cây, v.v..

11- Việc gắn chặt chẽ công tác xây dựng Đảng với nhiệm vụ xây dựng phát triển kinh tế, gắn cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên với cuộc vận động lao động sản xuất, định canh định cư, v.v.. Tỉnh ủy đã coi cuộc vận động nâng cấp chất lượng đảng viên là khâu có tiến bộ hơn trước, máu chốt quyết định các cuộc vận động kia.

12- Trong xây dựng phát triển kinh tế, đã chú trọng kết hợp với quốc phòng, như phát triển các đường giao thông, xây dựng làng xã chiến đấu kết hợp với xã vững mạnh về chính trị, với vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, củng cố vùng cao.

13- Sự tăng cường và phát huy tinh thần đoàn kết giữa các dân tộc được ngày càng chú ý, đồng thời coi trọng việc liên tục tổ chức phát động quần chúng, xây dựng điển hình nhân điểm ra vùng.

Những kết quả và cách làm nêu trên, có mặt làm được nhiều, có mặt được ít, có mặt còn nhược điểm, song qua thực tiễn kiểm nghiệm đối chiếu với tinh thần các nghị quyết của Trung ương thì rõ ràng là đúng đắn và phù hợp. Đó là những bài học kinh nghiệm, cần đi sâu tổng kết cụ thể từng vấn đề củng cố phát huy lên, đồng thời tiếp tục phát hiện, tiếp thu những cái mới.

Tuy nhiên bên cạnh những kết quả đã đạt được sản xuất nông - lâm nghiệp của tỉnh ta hiện nay đối chiếu với tinh thần Nghị quyết 19 của Trung ương Đảng thì còn nhiều mặt tồn tại, nhược điểm. Những tồn tại chủ yếu là:

1. Phương hướng sản xuất chung về đại thể đã xác định trong tỉnh chia ba vùng lớn là phù hợp, nhưng hướng sản xuất và bố trí sản xuất chưa tiến hành được, việc khảo sát quy hoạch cụ thể, do đó việc xây dựng kế hoạch cũng như thực hiện kế hoạch hàng năm chưa thật tập trung, chưa tập trung chỉ đạo vào một số cây, con chính, mà còn phân tán nhiều cây con cùng một lúc.

2. Trong sản xuất lương thực, tuy có đạt một số kết quả, nhưng sản xuất vẫn mang tính chất quảng canh, du canh và phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên. Do vậy, thế sản xuất lương thực của ta chưa

thật vững chắc (trên 1 vạn ha ngô trồng trên đất đồi có độ dốc lớn. Ruộng ở vùng cao và các cây màu khác nói chung chưa đi vào thâm canh, diện tích phá rừng làm nương du canh hàng năm vẫn trên 3.000 ha (...))¹. Chung quanh vấn đề ăn còn nhiều khó khăn, lúng túng, cách giải quyết vừa qua của chúng ta đã có nhiều mặt tốt, song với hoàn cảnh tỉnh ta đại bộ phận là vùng cao thì vẫn chưa thật sáng lắm.

3. Về chăn nuôi đàn trâu gần đây tốc độ phát triển dừng lại và có chiều hướng giảm sút; bò giống còn kém; ba biện pháp chính để thúc đẩy đàn lợn phát triển với tốc độ nhanh hơn, ta đã và có thể nắm chắc được khâu giống và phòng bệnh, còn khâu thức ăn tinh, thì tỉnh ta còn bị phụ thuộc, chưa chủ động được. Do đó, nếu khi gặp khó khăn gì về lương thực nói chung, thì tốc độ phát triển đàn lợn thịt của ta cũng dễ gặp khó khăn.

4. Cây đậu tương, gần đây hàng năm giảm sút dần.

5. Nghề rừng, nhất là trồng rừng tốc độ tiến bộ còn rất chậm. Tài nguyên rừng ngày càng bị tàn phá nghiêm trọng, do tặc phá rừng làm nương du canh và khai thác bừa bãi, không đi đôi với bảo vệ cân đối với mức độ sinh trưởng của rừng. Diện tích có cây che phủ toàn tỉnh chỉ còn 20%, có huyện chỉ còn 4% (Bắc Hà cũ).

6. Việc củng cố hợp tác xã vùng cao gắn với cuộc vận động thực hiện phương án định canh định cư làm chưa mạnh, do đó tình hình mọi mặt ở vùng cao (du canh du cư) vẫn đang còn nhiều khó khăn. Đến nay hợp tác xã vùng cao toàn tỉnh chỉ còn 42,5% số hộ nông dân vào hợp tác xã, nhưng nội dung quản lý kinh doanh còn rất đơn giản, có tính chất hợp tác giản đơn. Trong 10 năm nay ta đã nhiều lần củng cố nhưng vẫn gặp nhiều khó khăn, lúng túng, hợp tác xã vùng thấp chưa mở rộng kinh doanh do đó chỉ đảm bảo được nhu cầu về ăn còn về tiền của xã viên chủ yếu vẫn đưa vào kinh tế phụ gia đình, nên tư tưởng xã viên còn nửa lo cho tập thể, nửa lo chạy theo làm ăn riêng

1. Một số từ trong bản gốc bị mờ. Sau đây những từ trong bản gốc bị mờ, không đọc được sẽ được lược bỏ và thay bằng ký hiệu: (...) - BT.

và cũng do đó mà không tận dụng phát huy được khả năng và thực hiện việc phân công lại lao động hợp lý trong hợp tác xã.

7. Công nghiệp phục vụ nông nghiệp còn ít và nhiều khâu chưa ăn khớp, nhất là khâu chế biến, chưa chủ động có kế hoạch tác động thúc đẩy nông nghiệp, mà thường bị động. Sản phẩm nông nghiệp đưa sang khâu chế biến chưa nhiều nhưng vẫn có lúc chế biến chậm trễ, bỏ thừa ế, phải hủy đi (dứa, mía). Cơ khí nhẹ, thủy điện nhỏ giúp hợp tác xã xây dựng lên nhưng thiếu mạng lưới phụ trách, giúp đỡ hướng dẫn kỹ thuật, sử dụng, cung cấp phụ tùng thay thế, sửa chữa, v.v. nên hư hỏng tới 50%.

8. Các cơ sở vật chất kỹ thuật, đưa khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, ở vùng cao chưa làm được mấy, ruộng, nương ở vùng cao chủ yếu vẫn sản xuất theo kiểu quảng canh.

Nhìn chung lại, tình hình nông - lâm nghiệp của tỉnh ta vẫn còn mang nặng tính chất sản xuất nhỏ, tự cấp, tự túc, tự nhiên, phân tán, chưa cân đối giữa nông - lâm nghiệp địa phương, giữa trồng trọt, chăn nuôi, nhiều khâu dây chuyền sản xuất còn bị đứt quãng.

Nguyên nhân còn những tồn tại trên là do:

1. Tuy các cây con và vùng sản xuất của tỉnh đã được xác định, nhưng còn nhiều vấn đề còn dừng ở phương hướng, chủ trương chưa vạch được phương án cụ thể và tổ chức lại sản xuất từ cơ sở. Trong chỉ đạo thực hiện, còn phần nào dàn đều, tản mạn nhiều cây, con một lúc, chưa kiên quyết chỉ đạo thật tập trung vào một số cây, con có khả năng, điều kiện phát triển mau. Khi chỉ đạo thực hiện từng cây, con chưa kế hoạch hóa được toàn bộ các khâu từ sản xuất đến chế biến, tiêu thụ, có phân công chịu trách nhiệm của từng ngành, từng cấp rõ ràng, nên khi thực hiện hay bị đứt quãng, được khâu nọ mất khâu kia (ví dụ như sản xuất dứa, mía, sắn, v.v. vừa qua).

Hướng sản xuất của tỉnh đề ra đã thực hiện có kết quả một số nhưng đến nay chưa được Trung ương xét duyệt chính thức nên khi thực hiện gặp khó khăn về vốn, vật tư tiêu thụ và với kế hoạch hàng năm các ngành ở Trung ương lại có ý kiến gợi ý một khác.

2. Công tác quản lý kinh tế hiện nay còn rất yếu (nhất là kế hoạch hóa) chưa được cải tiến theo tinh thần Nghị quyết 20 của Trung ương, còn nặng về hành chính cung cấp.

3. Hợp tác xã vùng cao, về hướng sản xuất kinh doanh, nội dung, hình thức, phương pháp quản lý ta đã thực hiện vừa qua qua thực tế là không phù hợp, nhưng tỉnh ta chưa tổng kết nghiên cứu đề xuất (...) hình thức tổ chức nông dân lại cho phù hợp với điều kiện vùng cao.

4. Bộ máy chỉ đạo nông nghiệp vừa qua tuy được kiện toàn về số lượng, nhưng chưa chuyển hướng được cách làm ăn, quản lý, chỉ đạo theo nội dung kinh tế, nên phát huy hiệu lực kém, và ít; chưa xây dựng cho cấp huyện thành cấp kế hoạch nông nghiệp, thủ công nghiệp huyện là cấp trực tiếp chỉ đạo nông nghiệp, ngược lại vẫn nặng về công tác hành chính.

5. Trách nhiệm các ngành, các cấp chưa được kiện toàn đối với nhiệm vụ của ngành, cấp mình được giao. Một số cấp ủy đã có bàn bạc chủ trương, nhưng việc chấp hành của một số ngành không được khẩn trương, chậm trễ kéo dài, không vạch kế hoạch chỉ đạo cụ thể nên kết quả kém. Trách nhiệm giữa ngành và cấp đối với từng việc cụ thể cũng chưa phân định được rõ ràng.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN NÔNG - LÂM NGHIỆP NHỮNG NĂM TỚI

Là một tỉnh miền núi, Lào Cai cũng có những đặc điểm chung như các tỉnh miền núi khác. Nhưng tỉnh ta cũng có những đặc điểm riêng biệt. Những đặc điểm riêng đó là:

Là một tỉnh căn bản là vùng cao, khí hậu, đất đai, vị trí, dân cư chia làm hai vùng rõ rệt: vùng cao chiếm 3/4 đất đai; dân cư, địa hình phức tạp, núi cao vực sâu, đỉnh nhọn, độ dốc lớn; sản xuất chủ yếu trên đất đồi núi, ruộng bậc thang phân tán lẻ tẻ;

đất xấu, đồi trọc, cỏ tranh bị xói mòn mạnh; khí hậu Á nhiệt đới mùa đông giá lạnh, mùa hè mát mẻ; điều kiện sản xuất có nhiều khó khăn. Vùng thấp chiếm 1/4 số xã, trên 1/4 diện tích; địa hình nói chung cũng là đồi núi, nhưng tương đối bằng phẳng hơn vùng cao, đất tương đối tốt; khí hậu nhiệt đới; điều kiện sản xuất tương đối thuận lợi; khả năng đất đai còn nhiều, nhưng đại bộ phận là đất rừng;

Là một tỉnh có nhiều dân tộc, trình độ một mặt nói chung còn thấp, sản xuất còn mang nặng tính chất (tự cấp, tự túc, tự nhiên du cư cũng chưa phát triển, tập quán canh tác còn nhiều lạc hậu...) du canh, chăn nuôi thả rong, kinh tế hàng hóa nhỏ.

Là một tỉnh có nhiều khoáng sản (apatit, đồng, quặng hiếm đang khai thác và thăm dò). Tương lai không xa lắm, công nghiệp khai khoáng của Trung ương ở tỉnh ta sẽ lớn và phát triển mạnh. Về lâu dài, tỉnh ta sẽ trở thành tỉnh công, nông nghiệp: khai khoáng và chế biến nông - lâm sản, thực phẩm.

Là một tỉnh ở đầu nguồn sông Hồng, sông Chảy có hàng trăm cây số, biên giới nối liền với nước bạn Trung Quốc (...)

Tình hình đặc điểm trên đặt ra một vấn đề cơ bản cho nông - lâm nghiệp tỉnh ta là: nếu cứ chạy theo lối canh tác cổ điển cũ, điều kiện trình độ khoa học kỹ thuật chưa cao như hiện nay thì sản xuất vẫn tiếp tục có những khó khăn không thể khắc phục nổi và dẫn tới sự tàn phá của cải thiên nhiên và những khả năng tiềm tàng ngày càng ghê gớm; diện tích canh tác không thể mở rộng; rừng ngày càng bị tàn phá; đất ngày càng xói mòn, bạc màu; độ ẩm giảm; đồi trọc cỏ gianh, núi đá trơ trọi ngày càng nhiều; nhân dân vẫn tiếp tục du cư du canh, không thể tạo được cơ sở và điều kiện tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa một cách nhanh chóng.

Do vậy, yêu cầu khách quan đối với sản xuất nông - lâm nghiệp của tỉnh ta hiện nay là làm thế nào biến được khó khăn về tự nhiên thành thuận lợi, lợi dụng được các yếu tố tự nhiên để có

thể phát triển tốt sản xuất, sản xuất có hiệu quả kinh tế cao, có năng suất lao động cao, kỹ thuật sản xuất kinh doanh phù hợp với khả năng, điều kiện và tập quán địa phương, lại có khả năng sản xuất phổ biến (nhiều cơ sở, nhiều người làm được) phù hợp với yêu cầu và hướng chung của cả nước, nhanh chóng khắc phục được tình trạng mất cân đối giữa nông - lâm nghiệp, chăn nuôi và trồng trọt như hiện nay.

Xuất phát vấn đề như trên, cho nên về lâu dài, hướng sản xuất hàng hóa, làm giàu của tỉnh ta là nghề rừng (bao gồm cả cây đặc sản, cây công nghiệp) và chăn nuôi, không phải là lương thực. Song, với yêu cầu của tình hình chung hiện nay và khả năng thực tế của ta còn cho phép, nên nhiệm vụ phát triển nông - lâm nghiệp những năm tới là:

1. Tiếp tục phấn đấu đẩy mạnh sản xuất lương thực với mức độ cố gắng nhất, bằng thâm canh tăng vụ trên ruộng đất đã có, và khai hoang thêm diện tích những nơi có điều kiện, để đảm bảo phần lớn lương thực cho người (cả trong khu vực nông dân và công nhân) và nhu cầu phát triển chăn nuôi.

2. Tích cực phát triển sản xuất thực phẩm để đảm bảo cho nhu cầu địa phương và các xí nghiệp Trung ương tại địa phương, đồng thời đẩy mạnh các nguyên liệu để đảm bảo cung cấp vững chắc cho công nghiệp địa phương và đẩy mạnh sản xuất hàng xuất khẩu qua chế biến của công nghiệp địa phương.

3. Chấm dứt nạn du canh du cư, đồng thời tích cực trồng và phục hồi đồi rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ, rừng lấy gỗ và vật liệu xây dựng cho công nghiệp khai khoáng của Trung ương.

Tinh thần cơ bản của các nhiệm vụ trên là: cố gắng sản xuất lương thực, đồng thời tích cực từng bước đưa mạnh nghề rừng, chăn nuôi lên thành ngành sản xuất chính.

Hướng và nhiệm vụ cụ thể:

1. Về lương thực: Đến năm 1980 nhân khẩu trong tỉnh ước tính khoảng 27 vạn người (chỉ mới tính tăng tự nhiên), bình quân

1 người 20 kg thóc 1 tháng thì đã phải có khối lượng lương thực khoảng 6,6 vạn tấn; đều tính tăng theo cơ học do công nghiệp Trung ương phát triển thì lên tới khoảng trên 30 vạn người và nhu cầu lương thực khoảng gần 8 vạn tấn 1 năm. Nhu cầu lương thực ngày càng lớn như vậy, nhưng ngược lại khả năng sản xuất trong tỉnh thì rất hạn chế. Thực tế mười mấy năm qua tỉnh đã có nhiều cố gắng, đã đưa sản lượng lương thực tăng gần gấp đôi, hai năm gần đây tốc độ tăng cũng nhanh hơn (trên 1 vạn tấn), vùng thấp năng suất lúa hai vụ đã trên 5,6 tấn thóc/ha, nhưng mức độ đảm bảo yêu cầu lương thực cho khu vực không sản xuất nông nghiệp vẫn dừng ở mức được trên dưới 30%, mức xin Trung ương cung cấp hàng năm vẫn tăng lên, vẫn chưa thoát được thế yếu để vươn lên thế mạnh. Do đó điều kiện thực tế khách quan của địa phương là không thể đạt được mức tự túc cả nhu cầu về lương thực cho địa phương (có nông dân xã viên và cán bộ công nhân viên Nhà nước), mà chỉ có thể phấn đấu với mức cố gắng nhất.

Hơn nữa trong vấn đề ăn, nếu bữa ăn chủ yếu là bằng gạo, tức là xoay quanh sản xuất lúa thì khả năng càng rất có hạn, nếu quá nhấn mạnh thì dẫn tới việc phá rừng làm lúa nương bởi vì ruộng nước quanh trong phạm vi 8.000 ha, nơi khai phá mới không còn đáng kể, diện tích còn có thể khai hoang thêm thì chủ yếu là đất đồi có độ dốc lớn, chỉ có thể trồng màu, cây công nghiệp, trồng rừng, v.v.. Diện tích đã trồng được gần 3/4 là đất đồi, ngót 5 ngàn ha ruộng bậc thang ở vùng cao, nếu tăng vụ cũng chỉ có thể trồng cây chịu hạn. Như vậy, trong lương thực cây lúa không phải là thế mạnh mà thế mạnh lương thực của ta là các cây chịu hạn ngắn ngày và dài ngày.

Bởi những lẽ trên, nên giải quyết vấn đề ăn là không thể xoay quanh hạt gạo, mà phải giải quyết trên quan điểm toàn diện, bao gồm cả lương thực, thực phẩm nói chung, làm theo hướng đó, ta có thể phát huy được khả năng đất đai, khí hậu của địa phương phục vụ bữa ăn cho con người không chỉ còn bó hẹp trong phạm vi

ngành trồng trọt lúa (...) các cây lương thực khác, cả chăn nuôi, nghề rừng, cây công nghiệp có dầu. Tất nhiên làm được vấn đề này, phải có một quá trình phấn đấu, giải quyết các khâu từ sản xuất đến khâu chế biến công nghiệp, đến cung cấp và phải có một thời gian nhất định. Vấn đề này có liên quan đến nhiều ngành công nghiệp lương thực, thực phẩm, y tế, công tác tư tưởng, v.v. không phải là vấn đề giản đơn song phải suy nghĩ và tổ chức thực hiện dần từng bước, từ điểm ra diện, thay đổi dần, từ khu vực cán bộ, công nhân trước rồi đến toàn bộ khu vực phi sản xuất nông nghiệp thì có giải quyết vấn đề như vậy mới có thể từng bước phát huy thế mạnh của tỉnh, cũng tức là đảm bảo đời sống cải thiện và tăng nhanh thu nhập cho nhân dân.

Nhiệm vụ cụ thể về lương thực những năm tới là:

Đối với vùng cao và những nơi còn du canh du cư, với các cây lương thực hiện có, cố gắng thâm canh tăng vụ (nương ngô, xen đậu nho nhẹ, ruộng có thể 1 lúa, 1 đậu mè, đậu tương hay giống đậu nào khác thích hợp, để từng bước đảm bảo đời sống có dự trữ tại chỗ; đẩy mạnh chăn nuôi), Nhà nước không mua lương thực theo nghĩa vụ, bỏ việc phát nương du canh phá rừng chuyển sang làm nương định canh và trồng rừng. Những nơi do thôi làm nương du canh mà thiếu lương thực ăn thì được Nhà nước hỗ trợ định canh đã có và khai hoang thêm ruộng định canh (29 xã). Những nơi đặc biệt không có điều kiện để sản xuất lương thực bằng thâm canh thì chuyển sang làm nghề rừng hoặc cây công nghiệp, Nhà nước cung cấp lương thực.

Đối với vùng thấp (vùng thung lũng sông Hồng) tập trung thâm canh tăng vụ với mức độ cao đối với ruộng đất canh tác đã có, đưa năng suất lúa hai vụ lên cao như một số hợp tác xã khá hiện nay (6-9 tấn/ha), phát triển mạnh khoai, sản trước mắt tăng thêm một vụ ngô lai xuống ruộng ở những nơi còn làm một vụ và tiến tới làm 3 vụ (2 vụ lúa, 1 vụ khoai) ở những nơi có thể cơ giới khâu làm đất, để đảm bảo đời sống và đẩy mạnh chăn nuôi lợn. Trên cơ sở đó làm

nghĩa vụ lương thực đối với Nhà nước theo giá đã ổn định và bán giá cao (nghĩa vụ ổn định khoảng 2.000 tấn). Tổ chức khai hoang mới đất đồi từ 2.000 - 3.000 ha để trồng ngô, đậu tương, chế biến thức ăn tinh, phát triển đàn lợn thịt và cung cấp thực phẩm trong tỉnh.

Trước mắt vài ba năm tới (1974 - 1976), cần tập trung làm thật tốt vấn đề khai hoang mở ra 2 - 3 ngàn hécta mới, theo hướng canh tác thủ công kết hợp với cơ giới, tiếp tục đẩy mạnh thâm canh lúa ruộng hai vụ, đưa năng suất đồng đều lên 9 tấn/ha. Vùng cao tập trung vào thâm canh cây lúa, cây ngô đã có, để nhanh chóng tạo thế lương thực vững chắc cho nhân dân vùng cao.

2. Nghề rừng

Cần làm rõ mối quan hệ giữa nông và lâm nghiệp, giữa rừng và cây lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp, quan niệm về rừng và kinh doanh rừng. Đó là vấn đề cụ thể hóa phương châm ba thế mạnh mà Trung ương đã đề ra cho nông nghiệp miền núi.

Vì vậy trong rừng không những cần có cây lấy gỗ, mà ở những rừng trồng lại thì cần trồng cả các cây hàng trăm năm cho các sản phẩm dùng làm lương thực, thực phẩm, làm thuốc, thức ăn cho chăn nuôi, nguyên liệu cho công nghiệp, rồi cuối đời cho gỗ. Đó là quan niệm về rừng và kinh doanh rừng phải toàn diện (rừng bao gồm cả cây lấy gỗ, cây đặc sản, cây công nghiệp, cây lương thực). Tất nhiên đối với những nơi do yêu cầu về nguyên vật liệu khắt khe, thì ở những nơi đó trồng rừng thuận cho gỗ hoặc cho một sản phẩm là chính, làm được như vậy mới phù hợp và mới có điều kiện phát triển được rộng rãi, mới khai thác được khả năng (...) phong phú trong tỉnh.

Phát triển ba thế mạnh của nông nghiệp miền núi (nghề rừng, cây công nghiệp, chăn nuôi đại gia súc) và cây lương thực cùng phải tiến hành cùng một lúc trên cùng một địa bàn, cùng do những đơn vị sản xuất nông - lâm nghiệp (hợp tác xã hay quốc doanh) thực phẩm. Vì vậy xác định phương hướng và phân bổ đất đai bố

trí cơ cấu cây trồng đòi hỏi phải rất hợp lý. Đối với cây công nghiệp dài ngày, chủ yếu phải trồng trên đất có độ dốc lớn, như trầu, giẻ hạt, v.v.. Những cây này cũng đồng thời cho gỗ vào cuối đời của nó. Đại gia súc sống chủ yếu bằng cỏ, nhưng ở địa phương tỉnh ta đồi cỏ thuần lại rất ít và khó duy trì, nhưng cỏ ở dưới tán cây rừng lại sẵn và tồn tại quanh năm, vì có độ ẩm. Ở một đơn vị sản xuất hay một địa phương, từ lâu đời tự nhiên đã hình thành có rừng, có ruộng, có núi cao, dưới chân có độ dốc tương đối bằng, lên trên lưng đồi thì có độ dốc lớn. Bởi những lẽ đó, giữa ba thế mạnh với khả năng về sản xuất lương thực của nông nghiệp và giữa nông và lâm nghiệp có mối quan hệ gắn bó hữu cơ, lồng vào nhau, cái này là tiền của cái kia, nương tựa vào nhau, không thể tách rời nhau, ở cùng một địa phương.

Vì vậy không thể phân tích tách bạch đất nông, đất lâm, cũng không thể bó hẹp các đơn vị cơ sở (hợp tác xã, quốc doanh nông - lâm trường) vào trong việc chuyên môn hóa đơn thuần (nông không làm lâm và ngược lại lâm không làm nông) mà phải tùy từng xí nghiệp để xác định lấy nông nghiệp hoặc lâm nghiệp làm ngành chính phải kinh doanh tổng hợp, nhưng có chuyên môn hóa ở trong nội bộ xí nghiệp để sử dụng hợp lý và đầy đủ khả năng đất đai, lợi dụng và phát huy được tài nguyên phong phú của mỗi nơi.

Do yêu cầu khách quan và thực tế đã chỉ rõ, một đơn vị sản xuất phải cân đối giữa trồng trọt, chăn nuôi và nghề rừng ngay từ đầu của việc tiến hành phát triển sản xuất, để bổ sung cho nhau, không tách rời, còn ngành nào là chính thì tùy điều kiện từng nơi.

Cũng từ thực tiễn trên, các nông - lâm trường, hợp tác xã ở Lào Cai phổ biến thuộc hai loại hình: Nông nghiệp kiêm lâm nghiệp hay lâm nghiệp kiêm nông nghiệp.

Giữa việc phát triển cây công nghiệp, chăn nuôi và nghề rừng thì cần đưa nghề rừng đi trước một bước vì không có rừng thì không có nước, không chống được xói mòn, v.v. trong rừng hiện nay lại là những cây sẵn giống để trồng không kén đất, ở đâu cũng có thể làm

được và lại là yêu cầu lớn cấp bách của toàn quốc và đời sống của nhân dân địa phương. Những năm tới, ta cần tập trung phát triển nghề rừng đi trước một bước. Do yêu cầu khai khoáng của địa phương, nhiệm vụ trồng rừng về lâu dài là cây trụ mủ, nhưng hiện nay giống cây trụ mủ thích hợp với địa phương chưa có, dân chưa có kinh nghiệm, nhưng hướng trồng rừng tới của từng vùng là:

- + Vùng cao miền Tây (thuộc huyện Sa Pa, Bát Xát) lấy việc bảo vệ rừng, phục hồi rừng tự nhiên và trồng rừng để trồng nấm hương (...), trồng cây thảo quả là chính.

- + Vùng cao miền Đông (Bắc Hà, Mường Khương, Si Ma Cai) trồng rừng phòng hộ, nhanh chóng phủ nhanh đồi trọc hiện nay là chính. Hướng chủ yếu vẫn là phát triển cây tống quá sủ, cây giẻ hạt, đồng thời nghiên cứu khai thác sử dụng cây tống quá sủ làm nấm hương hoặc mộc nhĩ, để nhân dân có thu nhập trước mắt.

- + Vùng thấp và các xã vùng giữa, giáp vùng thấp trồng cây bồ đề, mỗ và tre vầu, cây mít.

Về hình thức kinh doanh nghề rừng lấy việc giao đất trồng rừng và rừng cho hợp tác xã quản lý kinh doanh, bảo vệ là chính, đồng thời xây dựng lâm trường quốc doanh để tổ chức kinh doanh ở những nơi xa, thưa dân, hợp tác xã không có khả năng kinh doanh. Phải làm thế nào để cho mỗi khu rừng đều có người làm chủ cụ thể, chấm dứt tình trạng cho rằng rừng là của toàn dân thì ai cũng có quyền phá, mà không có ai bảo vệ quản lý. Đối với một số cây công nghiệp, đặc sản trồng vừa là lấy quả, làm thuốc vừa cuối đời cho gỗ, hay trồng trong tán rừng như trẩu, giẻ hạt, óc chó, lại, thảo quả, nấm hương, v.v. thì giao cho ngành lâm nghiệp thống nhất phụ trách, tránh tình trạng giữa hai ngành nông và lâm nghiệp ngành này bảo ngành kia, không ngành nào đi sâu nghiên cứu, theo dõi, chỉ đạo phát triển.

3. Chăn nuôi

Về lâu dài phải có kế hoạch từng bước phát triển trâu bò, nhưng trước mắt thì con lợn đối với Lào Cai có khả năng làm

nhANH và kinh tế cao hơn cả, do đó cần tập trung đẩy mạnh con lợn đi trước một bước để thỏa mãn nhanh chóng yêu cầu về thịt. Phát triển mạnh đàn lợn ở cả ba hình thức chăn nuôi: gia đình, tập thể và quốc doanh. Hiện nay con lợn ở tỉnh ta đang có thể đi lên, sẵn giống tốt đã có một số kinh nghiệm, các chính sách đối với con lợn tương đối đã sát hợp, nay có thức ăn tính đến đâu thì có thể đẩy mạnh đàn lợn đến đấy.

Cần xây dựng vùng lợn thịt tập trung ở 32 xã vùng thấp và 2 thị xã, để có sản lượng thịt xuất chuồng Nhà nước mua được từ 2 - 3 ngàn tấn/năm. Cần tận dụng những diện tích tự nhiên, xây dựng hệ thống hồ ao ở vùng thấp để nhanh chóng đảm bảo nhu cầu thực phẩm.

Đối với trâu bò, trên cơ sở đã có, từng bước phát triển lên, trước mắt tập trung vào việc xây dựng đồng cỏ, lấy 4 nông trường bò của tỉnh đã có làm cơ sở để lai tạo, lựa chọn giống tốt mà phát triển dần ra. Xây dựng vùng trâu tập trung, tiến tới thành vùng trâu sữa ở Bảo Thắng, tích cực chuẩn bị để phát triển vào các năm sau. Hiện nay muốn làm nhanh việc phát triển đàn trâu bò cũng chưa có điều kiện, vì thiếu giống, đồng cỏ tự nhiên có hạn, và khi đã làm lớn thì không thể nào hoàn toàn dựa vào tự nhiên được. Đi đôi với phát triển trâu bò, cần chú trọng khuyến khích gia đình xã viên và nhân dân phát triển đàn ngựa, gia cầm để ở những nơi hiện có; phát triển đàn ong quốc doanh đã có và khuyến khích nhân dân nuôi.

4. Cây công nghiệp, cây thuốc, cây đặc sản, cây ăn quả

Đối với Lào Cai là một tỉnh có nhiều vùng khí hậu, nên có nhiều loại cây quý có giá trị có thể trồng được. Trước đây, ta đã nêu lên nhiều loại cây nhưng nay qua thực tế sản xuất thì thấy các cây: dưa ở vùng thấp; lê, mận ở vùng cao, chè, sả ở Bắc Hà; cây tam thất, bạch truật, sinh địa ở Bắc Hà; cây sỏ ở Bảo Thắng; cây trẩu (quả nhẵn) ở vùng cao... là những cây nhân dân trong

vùng đã có tập quán, có nông trường và hợp tác xã chuyên canh, diện tích tương đối tập trung, có khả năng cung cấp giống nhanh, có đất đai khí hậu thích hợp, đáp ứng yêu cầu xuất khẩu của Trung ương. Tuy nhiên, điều kiện để phát triển mở rộng với tốc độ nhanh các cây đó còn bị hạn chế, vì yêu cầu kỹ thuật và thâm canh ban đầu phải cao, nhất là phân bón để cải tạo đất với đặc điểm địa hình của ta dốc lớn, xói mòn nhiều, trong khi đó chăn nuôi chưa đẩy lên được. Do đó, trước mắt phải mở rộng dần từ điểm ra diện, lấy các nông trường làm nòng cốt để nhân ra. Cụ thể từng cây như sau:

a) *Cây thuốc*: Đẩy mạnh trồng cây tam thất, bạch truật là chủ yếu. Hoàn thành quy mô sản xuất của nông trường Bắc Hà, từng bước làm rộng ra các hợp tác xã xung quanh.

b) *Cây ăn quả*: Tập trung hoàn thành quy mô sản xuất dưa của nông trường Đản Khao, đồng thời mở rộng ra các xã xung quanh theo dự kiến quy mô vùng dưa liên doanh với diện tích trên 2.500 ha, ở các xã thuộc huyện Bảo Thắng, Mường Khương, Bát Xát và thị xã Lào Cai. Đẩy mạnh phát triển cây lê, mận ở vùng cao trong khu vực gia đình xã viên và nhân dân.

c) *Cây công nghiệp*: Từng bước phát triển cây sỏ ở vùng thấp, từ nông trường Phú Xuân để nhân rộng ra. Thực nghiệm trồng cây trẩu (quả nhẵn) ở vùng cao. Cây chè hoàn thành xong quy mô trồng chè ở nông trường Thanh Bình, phát triển củng cố vùng chè ở Bắc Hà. Củng cố vùng sản xuất mía gọn lại, tích cực thâm canh tăng năng suất, đảm bảo đủ yêu cầu mía cây cho nhà máy đường. Tiếp tục tìm các biện pháp duy trì sản xuất đậu tương ở Bắc Hà, Mường Khương, Si Ma Cai đã có, đồng thời nghiên cứu xây dựng vùng sản xuất đậu tương hè ở vùng thấp gần với vùng đất ngô mới khai hoang. Trong đất khai hoang mới đó có thể luân canh ngô và đậu tương trong một số diện tích nhất định (khoảng 1.000 ha diện tích gieo trồng).

d) *Rau ăn và rau giống*: Củng cố và mở rộng khu sản xuất rau ăn của hai thị xã Lào Cai và Cam Đường để đảm bảo rau xanh cho cán bộ và công nhân viên. Khu sản xuất hạt rau su hào Sa Pa,

bấp cải ở Bắc Hà đảm bảo cung cấp đủ yêu cầu của Trung ương, (Trung ương yêu cầu đến đâu thì sản xuất đến đấy).

Tóm lại: Sản xuất lương thực với mức cố gắng nhất trên cơ sở thâm canh, tăng vụ trên ruộng đất đã có, đồng thời phát huy ba thế mạnh của miền núi đưa nghề rừng và chăn nuôi, nhất là con lợn đi trước, phát triển cây công nghiệp có trọng điểm từ điểm ra diện, từng đơn vị sản xuất phải cân đối ngay từ đầu giữa trồng trọt, chăn nuôi và nghề rừng, đưa chăn nuôi và nghề rừng thành ngành chính. Phát triển mạnh sản xuất cả ba hình thức gia đình, tập thể và quốc doanh, lấy quốc doanh làm nòng cốt, xây dựng hợp tác xã điển hình để lấy thực tế giáo dục, thuyết phục quần chúng, từ điểm nhân ra vùng, chỉ đạo gọn từng vùng. Đó là phương hướng bước đi, cách làm thích hợp với điều kiện Lào Cai để từng bước đưa sản xuất nông - lâm nghiệp lên theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Phần thứ ba

CHỦ TRƯỞNG, BIỆN PHÁP LỚN ĐỂ THỰC HIỆN PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN NÔNG - LÂM NGHIỆP

Từng phần phương hướng, nhiệm vụ trên, đã nêu lên những nét lớn về bước đi, cách làm. Dưới đây xin nêu lên một số biện pháp cụ thể.

1. Bước đi: Phần đầu thực hiện phương hướng, nhiệm vụ đã nêu ra là cả một thời gian từ nay đến năm 1980. Cả một quá trình dài đó và trong lúc có nhiều cây, con, nhiều vùng đã nêu đều có thể phát triển được, nhưng bắt đầu từ cái nào trước, thực hiện từ đâu trước thì phải có kế hoạch, quy hoạch cụ thể để tập trung chỉ đạo dứt điểm từng khâu, từng việc, làm việc trước tạo tiền đề cho việc sau. Với tình hình và điều kiện hiện nay, trong khoảng vài ba năm đầu 1974 - 1976 vẫn phải tập trung chỉ đạo phát triển mạnh cây

lương thực tập trung chủ yếu vào cây ngô, cây lúa để tạo thế vững chắc cho chăn nuôi, đồng thời tích cực đưa nghề rừng đi trước một bước. Về cây công nghiệp, phát triển có trọng điểm đi từ điểm ra diện. Đối với chăn nuôi, tập trung chỉ đạo con lợn. Đối với rừng trồng và giữ rừng phòng hộ phủ nhanh đồi trọc, trồng và khai thác cây đặc sản (nấm hương). Đối với cây công nghiệp, đẩy mạnh tốc độ phát triển cây đậu tương, chè trở thành vùng ổn định và phát triển cây ăn quả, chủ yếu là cây dứa. Như vậy mấy năm tới tập trung tiến công vào các mũi: ngô, lúa, lợn, rừng (bao gồm rừng đặc sản), đậu tương, chè, cây dứa.

Trong ba vùng sản xuất, cần tập trung khai thác vùng 1 trước (vùng thung lũng sông Hồng). Ở vùng này cần làm được 3 vấn đề chính: mở mang 2.000 - 3.000 ha mới theo từng vùng tập trung liên hoàn; để trồng ngô, canh tác bằng kết hợp thủ công và cơ giới, thâm canh cao cây lúa; phát triển lợn thịt, hình thành xong vùng lợn thịt có 2.000 - 3.000 tấn/năm để tạo một bước chuyển biến mới về lương thực, thực phẩm cho toàn tỉnh. Còn vùng cao, chủ yếu là thâm canh cây lúa, cây ngô, tạo thế lương thực vững chắc tại chỗ cho nhân dân sống ở đây, đồng thời đẩy mạnh việc giữ, trồng rừng phòng hộ. Riêng miền Tây, cần phát triển mạnh việc trồng, khai thác mộc nhĩ, nấm hương.

2. Thực hiện tốt chủ trương xây dựng cấp huyện tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý trong nông - lâm nghiệp. Cải tiến cung cách làm ăn, bộ máy chỉ đạo mạng lưới phục vụ nông - lâm nghiệp của từng huyện theo tinh thần Nghị quyết 19, 20 của Trung ương. Tổ chức lại sản xuất từng cây, con cụ thể đối với từng vùng, từng hợp tác xã theo hướng đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Kết hợp chặt chẽ giữa việc tổ chức lại lực lượng lao động, sản xuất sẵn có của địa phương với việc tiếp nhận lực lượng lao động xuôi lên xây dựng thành những vùng kinh tế mới, tập trung làm gọn từng vùng, trong từng huyện. Hoàn thành huyện trọng điểm Bát Xát, rồi từng bước làm ra các huyện khác.

3. Tăng cường tổ chức và củng cố hoàn thiện quan hệ sản xuất mới

a) *Hợp tác xã vùng cao*: Nếu chỉ tổ chức hợp tác xã để sản xuất lương thực để tự túc như vừa qua thì không thể coi đó là sản xuất lớn và vững chắc được mà phải trên cơ sở phương hướng làm giàu của vùng cao là nghề rừng, chăn nuôi, v.v. để xây dựng tổ chức hợp tác xã nhưng hình thức tổ chức và phương pháp quản lý cần gắn với việc làm thủ xây dựng cấp huyện để nghiên cứu tìm ra cách và hình thức tổ chức hợp tác xã vùng cao cho thích hợp hơn. Trước mắt, trong khi chờ đợi nghiên cứu, các địa phương phải tích cực củng cố hoặc tổ chức lại hợp tác xã đưa vào thâm canh cây lúa, ngô hiện có và nội dung quản lý đơn giản, tạo dần điều kiện để đưa hợp tác xã lên trình độ cao hơn.

b) *Hoàn thiện, nâng cao phong trào hợp tác hóa vùng thấp*: (gồm cả hai thị xã), gắn với phong trào thâm canh tăng năng suất cây lúa và mở rộng diện tích cây ngô, đồng thời mở rộng kinh doanh cây công nghiệp, nghề rừng và chăn nuôi theo vùng của tỉnh và huyện đã định. Tổ chức lại cây lúa và các cây con đã có (như cách làm của hợp tác xã Bản Vược, Bát Xát). Thực hiện mạnh mẽ việc phân công lại lao động trong nội bộ hợp tác xã, cân đối cụ thể dành lại mỗi hécta gieo trồng cây lương thực khoảng từ 1 - 1,2 lao động, đưa năng suất lúa lên 7 - 9 tấn/ha, còn thì chuyển sang trồng cây công nghiệp, trồng rừng và chăn nuôi, khai hoang diện tích trồng ngô (tùy điều kiện từng nơi).

Tích cực đưa công tác quản lý sản xuất, lao động, tài chính của hợp tác xã lên từng bước; xếp sắp lại tổ chức phân công lại cán bộ, cải tiến cách làm ăn, chỉ đạo sản xuất theo tinh thần Nghị quyết 19, 20 của Trung ương (thực hiện như hợp tác xã Bản Vược).

Đi đôi với một số hợp tác xã hợp nhất quy mô tương đối lớn, công tác quản lý có nhiều khó khăn, chênh lệch quá nhiều về địa tô giữa các hợp tác xã nhỏ, gây nên mất đoàn kết trong xã viên, không đẩy mạnh được sản xuất thì nói chung là không đặt vấn đề

chia nhỏ lại như cũ, mà cần tích cực củng cố, hoặc nghiên cứu điều chỉnh chuyển sang hình thức liên hiệp kinh doanh. Ngược lại, những hợp tác xã quá nhỏ hiện nay không đủ sức để phân công lại lao động, mở mang thêm ngành nghề thì cũng không nên tổ chức hợp tác xã hợp nhất, mà nên tổ chức hợp tác xã liên hiệp kinh doanh những ngành mới, còn việc sản xuất và làm nghĩa vụ lương thực vẫn do hợp tác xã nhỏ cũ chịu trách nhiệm tổ chức sản xuất, phân phối, hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước.

c) *Nông trường*: Giải quyết tốt nhân lực và giống, đẩy mạnh tốc độ xây dựng cơ bản cho các cây chè ở nông trường Thanh Bình; thuốc ở Nậm Mòn; dưa, lợn ở Đan Khao; cam, sỏ, sả ở Phú Xuân. Nhanh chóng hoàn thành quy mô diện tích đã được xét duyệt để sớm định hình và chuyển sang kinh doanh.

Về nhân lực: Ngoài việc tiếp tục chuyển đồng bào còn du canh du cư sống lẻ tẻ xen kẽ với đất nông trường vào làm công nhân như đã làm, cần tiếp nhận mạnh lao động xuôi lên xây dựng kinh tế mới ở miền núi vào nông trường, đảm bảo đủ lao động theo kế hoạch. Tích cực đề nghị Trung ương trang bị công cụ cơ giới để tạo ra sức sản xuất mới có năng suất lao động cao.

4. Đối với các vùng chuyên canh cây công nghiệp, đặc sản mà hợp tác xã đã tương đối ổn định đang có đà phát triển hiện nay thì tiếp tục duy trì giúp đỡ các hợp tác xã đó đẩy mạnh thêm đồng thời gắn với việc thực hiện phương án định canh định cư mà xét duyệt mở thêm ra các hợp tác xã mới, vận dụng tốt chính sách đối với đồng bào còn du canh du cư để thúc đẩy các hợp tác xã thực hiện (chè, thảo quả, đậu tương, hạt rau giống). Riêng đối với vùng mía, ngoài Bát Xát là vùng chủ yếu, trước mắt cần giao thêm cho một số hợp tác xã chuyên canh như Soi Lăn (Bảo Thắng), Bản Phiệt, Bản Cầm (Muồng Khương), Giang Đông (thị xã Lào Cai) phát triển trồng mía để đảm bảo đủ mía cung cấp cho nhà máy đường của tỉnh. Cần tập trung chỉ đạo tốt khâu thâm canh tăng năng suất mía như: thay trồng toàn bộ giống tốt có năng suất, phẩm chất cao mà ta đã kết luận,

tăng cường phân bón, nhất là phân chuồng, xây dựng đường vận suất giải phóng đất, trồng kịp thời vụ, đối với vùng dừa, đặc biệt chú ý khâu kỹ thuật trồng, đảm bảo 2 - 3 vạn ngọn/ha. Ngoài Nông trường và thị xã Lào Cai là vùng tập trung phát triển cần mở rộng diện tích dừa ra các hợp tác xã xung quanh thị xã. Các hợp tác xã chuyên canh dừa, mía đều phải phát triển đàn lợn để có nhiều phân bón, đồng thời phải gieo trồng xen cây phân xanh.

Các xí nghiệp đường, rượu, hoa quả hộp nước chấm cần có lực lượng nông vụ bám vùng, bám hợp tác xã chuyên canh chặt chẽ, ký kết hợp đồng, giúp đỡ hợp tác xã thực hiện tốt kế hoạch sản xuất, v.v..

5. Tổ chức kiểm tra việc chấp hành và vận dụng thực hiện toàn bộ giá cả thu mua, cung cấp đối với sản xuất nông - lâm nghiệp, sửa lại những giá hiện nay chưa hợp lý và không còn tác dụng thúc đẩy sản xuất, như giá đậu tương, chè, dừa, thảo quả, rau ăn, trâu, bò, dê thịt, v.v.. Nghiên cứu đề nghị chính sách về đầu tư giúp vùng cao thâm canh; cải tạo đất ruộng nương đã có, đầu tư cho khai hoang ruộng, đất mới cho trồng rừng của hợp tác xã, gồm cả vốn cải tạo đất, tiền thiết kế, tiền để trả công cho xã viên tham gia xây dựng cơ bản, cái nào thuộc quyền hạn của địa phương thì địa phương quyết định.

Vấn đề giúp cho hợp tác xã xây dựng cơ bản, cơ sở vật chất kỹ thuật và các cơ sở sản xuất cần vận dụng thực hiện tốt chính sách đầu tư giúp đỡ của Nhà nước đối với đồng bào vùng cao du canh du cư, nay đi vào định canh định cư như Nghị quyết số 38 của Hội đồng Chính phủ. Ngoài ra ngành ngân hàng cần nghiên cứu cho các hợp tác xã không thuộc diện định canh định cư vay xây dựng cơ bản và các cơ sở sản xuất như: khai hoang, mở đường giao thông vận chuyển, v.v. (cho vay các khâu, kể cả chi phí công lao động, như cho nông trường, xí nghiệp vay để hợp tác xã tập trung lao động, đẩy mạnh tốc độ xây dựng cơ bản ban đầu, chú trọng các hợp tác xã chuyên canh).

6. Công nghiệp phục vụ nông nghiệp: Cần tập trung vào mấy việc chủ yếu trước mắt, như chế biến màu (và thủ công nghề phụ trong gia đình), xây dựng nhà máy hoặc xưởng chế biến thức ăn gia súc của tỉnh ở trung tâm vùng lợn thịt. Nghiên cứu sản xuất các loại công cụ cải tiến, công cụ thường sát với yêu cầu của từng cây, con, từng vùng sản xuất, với giá thành hạ, phẩm chất tốt, cung cấp kịp thời cho dân. Phát động mạnh phong trào làm vôi, gạch, ngói ở các hợp tác xã trong nông thôn, giúp các hợp tác xã xây dựng hệ thống chuồng gia súc, dự trữ chế biến phân... Phát triển mạnh đường giao thông nông thôn vận chuyển bằng xe cải tiến; từ đồng ruộng ra đường lớn và về làng. Để đảm bảo nhiệm vụ trên, cần kiện toàn các bộ máy phục vụ nông thôn. Các ty xây dựng giao thông và công nghiệp, cử đồng chí lãnh đạo ty chuyên trách vấn đề phục vụ nông - lâm nghiệp và hàng quý, hàng năm phải có chỉ tiêu kế hoạch cụ thể, có chương trình hoạt động từ điểm ra diện, có sơ kết, tổng kết rõ ràng.

Đối với cơ khí nhỏ, thủy điện nhỏ, trước mắt cần tập trung sức lực, vật tư sửa chữa lại toàn bộ các điểm đã bị hư hỏng để hoạt động trở lại, rút kinh nghiệm có kế hoạch để phát triển vào những năm sau. Để giúp cho cơ sở có hiệu quả và theo dõi được chặt chẽ ở tỉnh cần thống nhất các bộ phận: thủy điện nhỏ của Ty thủy lợi, tổ cơ khí nhỏ của Ty công nghiệp, tổ cơ khí nhỏ của Ủy ban nông nghiệp thành một tổ chức thống nhất, đặt trong Ủy ban nông nghiệp, để làm nhiệm vụ chuyên lo giúp các hợp tác xã sửa chữa, bồi dưỡng công nhân hướng dẫn cách quản lý, sử dụng, dự trữ, chuẩn bị vật tư phụ tùng sửa chữa thay thế. Nghiên cứu thực hiện các loại nông cụ cải tiến, cơ khí giao cho ngành công nghiệp sản xuất, công ty vật tư nông nghiệp kinh doanh, cung cấp cho các hợp tác xã.

7. Ngành Thương nghiệp cần đẩy mạnh công tác lưu thông phục vụ sản xuất đặc lực hơn nữa. Ngoài việc lưu thông đã làm, trước mắt cần tập trung củng cố các hợp tác xã mua bán xây dựng

khôi phục lại toàn bộ các cửa hàng hợp tác xã mua bán, tăng cường cán bộ, nhất là kế toán về giúp cửa hàng, bồi dưỡng nghiệp vụ cho các nhân viên, đẩy mạnh việc mua bán tại chỗ, khai thác nguồn hàng tại chỗ, đưa mặt hàng thị hiếu về nông thôn, thúc đẩy sản xuất hàng hóa ở nông thôn phát triển.

8. Hoàn thành tốt quy hoạch đào tạo sử dụng cán bộ nông - lâm nghiệp. Từ đó, có kế hoạch tăng cường số lượng, quy mô đào tạo cán bộ trung cấp kỹ thuật quản lý nông nghiệp, lâm nghiệp, kế toán do trường trung cấp nông - lâm nghiệp thuộc ủy ban nông nghiệp và trường kế toán thuộc ty tài chính phụ trách. Có kế hoạch đào tạo cho cả hợp tác xã và nông - lâm trường, có kế hoạch tuyển sinh cung cấp đủ yêu cầu cho trường để đáp ứng kịp yêu cầu cán bộ cho những năm tới. Việc tuyển học sinh phải theo nhiều nguồn: trong thanh niên xung phong, trường thanh niên lao động xã hội chủ nghĩa, học sinh phổ thông tốt nghiệp các năm, v.v..

9. củng cố các trạm, trại kỹ thuật hiện có, đi vào làm đúng hai nhiệm vụ: Vừa sản xuất nhân giống, vừa có thực nghiệm và kết luận tiếp những cây, con giống mới. Cần xây dựng thêm các trại nghiên cứu thực nghiệm mới do yêu cầu sản xuất mới đòi hỏi như: trại nghiên cứu sản xuất giống nấm hương, mộc nhĩ, trại nghiên cứu cây thảo quả, trạm hoặc trại thực nghiệm nhân giống cây khoai tây giống ở vùng cao, cây củ cải đường để làm giống, trại nhân và giữ giống phân xanh, bèo dậu để cung cấp cho các hợp tác xã.

10. Quy hoạch và tổ chức xây dựng lại toàn bộ đồng ruộng ở vùng thung lũng sông Hồng và đất trồng ngô để có thể canh tác bằng cơ giới, trước hết là khâu làm đất.

11. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy chức năng quản lý kinh tế của Nhà nước và vai trò của các đoàn thể đối với công tác phát triển xây dựng kinh tế hơn nữa. Ở cơ sở thực hiện tốt cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên, thực hiện Chỉ

thị số 192-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương mà phân công lại đảng viên, cử các đảng viên có khả năng làm và phụ trách quản lý kinh tế hợp tác xã. Tổ chức lại chi bộ, tổ đảng phù hợp với tổ chức sản xuất ở một đơn vị hợp tác xã. Ở huyện, tỉnh cần rút kinh nghiệm xây dựng tốt lề lối làm việc giữa bên Đảng và các đảng đoàn. Đối với các đoàn thể thanh niên, phụ nữ, mặt trận, công đoàn, ngoài việc giáo dục động viên quần chúng thuộc giới mình tham gia thi đua thực hiện kế hoạch nhà nước, cần đi sâu phát động từng phong trào, từng vấn đề cụ thể, có sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả rõ ràng.

12. Căn cứ vào phương hướng, nhiệm vụ và các chủ trương đã nêu trong bản báo cáo này, Đảng đoàn chính quyền và các ngành tiến hành xây dựng kế hoạch dài hạn từ nay đến năm 1980, tiến hành quy hoạch, xây dựng các phương án: vùng lợn thịt, khai hoang vùng ngô mới; phương án trồng rừng; phương án cơ giới nông nghiệp; phương án tổ chức lại chăn nuôi con trâu, con bò, cải tạo giống trâu bò, xây dựng vùng trâu sữa, v.v. để trình Trung ương và Chính phủ duyệt. Cần đề nghị với Trung ương:

a) Đề nghị Chính phủ đầu tư tổng mức vốn xây dựng cho địa phương (tỉnh, huyện) theo từng kế hoạch ngắn hạn và dài hạn từ nay đến năm 1980, để địa phương chủ động bố trí tổ chức sản xuất. Trước mắt là vốn cho các nông trường mà địa phương đã xây dựng.

b) Đầu tư trang bị cơ sở vật chất, kỹ thuật cho địa phương như máy nông nghiệp ở vùng thấp tương đối đồng bộ, cả các máy khai hoang và làm đất, v.v. để có thể cơ giới khâu khai hoang, làm thủy lợi, làm giao thông, sử dụng cơ giới vào những vùng đất màu có thể trồng cây chịu hạn để làm thức ăn cho gia súc; vốn và thiết bị nhà máy chế biến thức ăn cho lợn, nhà máy hoa quả hộp (dứa) và trang bị cơ giới cho các nông trường của tỉnh.

c) Về lao động: Ngoài việc tổ chức tận dụng lao động của địa phương, đề nghị Trung ương cho tiếp tục tiếp nhận nhân lực ở xuôi lên để xây dựng các nông trường và các vùng sản xuất mới, sau khi quy hoạch rõ (chủ yếu là nhân lực Nam Hà).

d) Xin giúp đỡ về vốn và vật tư, nhất là máy móc phục vụ khai hoang. Xin Trung ương cấp vốn cho các hợp tác xã không phải trả lại về các khoản xây dựng cơ bản như: khai hoang trồng rừng, trồng cây lâu năm, xây dựng lại đồng ruộng, đồng cỏ, thâm canh tăng vụ, cải tạo đất ruộng, làm giao thông, thủy lợi, xây dựng mặt bằng để di chuyển dân gọn lại, tổ chức lại dân cư để lấy đất đưa vào sản xuất (gồm cả các khoản chi phí, kể cả thiết kế và tiền trả công lao động), chi phí về đào tạo cán bộ, về mặt cho vay vốn thì ngân hàng cho vay vốn kinh doanh cây hàng năm và chăn nuôi (cả tiền trả công cho lao động). Xin được sử dụng vốn Nhà nước đầu tư cho vùng kinh tế mới, vùng định canh định cư cho đồng bào vùng cao, cho đồng bào miền xuôi đi xây dựng phát triển kinh tế, văn hóa miền núi, vào việc xây dựng cấp huyện ở miền núi. Đối với Lào Cai, việc thực hiện cuộc vận động định canh định cư và xây dựng cấp huyện sẽ gắn liền thành một cuộc vận động, tiến hành đồng thời theo kế hoạch thống nhất.

đ) Về cán bộ: Địa phương phải tích cực đào tạo, nhưng trước mắt xin Trung ương cho tăng thêm số cán bộ cắm trực tiếp xuống các hợp tác xã hoặc các liên doanh, để giúp các hợp tác xã thực hiện phương án đã được duyệt, gồm các loại cán bộ: quản lý, kế toán tài vụ, kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt, nghề rừng... Số cán bộ này trước là xin biên chế tiền lương, còn con người cụ thể, Trung ương có đến đâu cho đến đấy còn thì cho phép địa phương được tuyển dụng, đào tạo hoặc quan hệ với các tỉnh miền xuôi xin cung cấp những cán bộ có khả năng thực hành hoặc thanh niên có trình độ văn hóa để đào tạo.

Phần thứ tư

KẾT LUẬN CHUNG

Sản xuất nông - lâm nghiệp của Lào Cai những năm qua đã có một số kết quả. Trong lãnh đạo, chỉ đạo đã có một số ưu điểm và

kinh nghiệm thực tế đã chú trọng công tác điều tra nắm tình hình cơ bản trong nông nghiệp, sơ bộ quy hoạch được phương hướng sản xuất chung. Từ đó, đã dần dần cân đối lại nên sản xuất đi vào thâm canh tăng năng suất, như thâm canh lúa hai vụ vùng thấp và mới đây đầu tư giúp vùng cao thâm canh cây lúa 1 vụ, nhập nội giống ngô lai, v.v. có kết quả. Các vùng chuyên canh một số cây đã từ phân tán, năng suất thấp, không thành sản phẩm hàng hóa nay đã dần dần hình thành những vùng tập trung, có năng suất cao và thành sản phẩm hàng hóa, như hạt rau giống, mía, dưa, chè, thuốc. Việc đang đà phát huy tài nguyên, khí hậu của địa phương, ngoài cây nhiệt đới đã bước đầu chú ý, còn thí nghiệm trồng có kết quả về các cây ôn đới.

Đối với chăn nuôi, đã từng bước đẩy mạnh. Việc xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật, giao thông, thủy lợi đã làm được một số và bước đầu đã chú trọng kết hợp giữa công nghiệp với nông nghiệp (mía, dưa với nhà máy đường, hoa quả), sản xuất trên cả ba hình thức: tập thể, quốc doanh và gia đình, lấy nông trường trạm trại làm trung tâm kỹ thuật của vùng đã có sự chú ý thực hiện. Trong chỉ đạo cũng đã kiên trì xây dựng điển hình, nhân điểm ra vùng tích cực vận dụng thực hiện các chính sách giúp đỡ cơ sở, như đưa cán bộ đồng bộ xuống giúp cơ sở (chăn nuôi, trồng trọt và quản lý, cán bộ chính trị), vận dụng thực hiện tốt một số chính sách có tính chất đòn bẩy kinh tế như đầu tư không phải trả cho hợp tác xã vùng cao thâm canh cây lúa, chính sách giá cả, cung cấp thức ăn đối với phát triển đàn lợn, gắn các cuộc vận động sản xuất với công tác chính trị tư tưởng và xây dựng Đảng.

Những kết quả và cách làm trên tuy còn phần lớn là những điển hình, từng lúc, từng nơi, chưa được phổ biến và thường xuyên nhưng thực tiễn đã chỉ ra đây là những cách làm tốt, phù hợp, là bài học kinh nghiệm cần phát huy.

Từ nay đến năm 1980, nhiệm vụ của sản xuất nông - lâm nghiệp trong tỉnh là phải vừa cố gắng sản xuất lương thực với mức

cố gắng nhất bằng thâm canh tăng vụ cao và khai hoang những nơi có điều kiện, đồng thời đẩy mạnh ba thế mạnh cây công nghiệp, nghề rừng và chăn nuôi. Vì vậy, cần tập trung chỉ đạo vốn, vật tư, cán bộ, v.v. để thực hiện bằng được phương hướng, nhiệm vụ đó. Lấy nông trường làm nòng cốt, hình thành các vùng sản xuất tập chung chuyên canh thâm canh.

Phát triển sản xuất theo hướng đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa là vấn đề ta chưa có kinh nghiệm, lại tiến hành ở một tỉnh đại bộ phận là vùng cao như tỉnh ta, nó là việc làm rất nhiều khó khăn, phức tạp. Nhưng như vậy không phải là không thể làm được, cũng không thể tiến bước chậm chạp mà ngược lại phải tích cực vươn lên để phấn đấu. Vì yêu cầu chung của cách mạng và đời sống nhân dân, cũng như bản thân ngành nông - lâm nghiệp không cho phép.

Tuy có những khó khăn rất lớn, nhưng trong những bước đi chập chững vừa qua ta cũng thấy rõ và rút được một số kinh nghiệm. Dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của Trung ương Đảng và Chính phủ, với sự đầu tư giúp đỡ vốn, vật tư, cán bộ và hướng dẫn của các ngành, ban trên Trung ương, với sự nỗ lực của toàn Đảng bộ, toàn dân các dân tộc tỉnh ta, ta phải vừa làm vừa rút kinh nghiệm vài năm đầu, triển khai mạnh mẽ vào những năm sau, từ năm 1976 trở đi, chắc rằng sản xuất nông - lâm nghiệp của tỉnh ta sẽ giành nhiều thắng lợi mới, nhất định sẽ tạo lên bước chuyển biến mới.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ
NÔNG CÔNG THƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ**

Số 15-NQ/TU, ngày 28-1-1973

**Về việc thành lập Ban Chỉ đạo làm thủ
xây dựng cấp huyện**

Để xây dựng cấp huyện theo tinh thần các nghị quyết hội nghị lần thứ 19; lần thứ 20 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng;

Căn cứ Thông báo số 006 của Ban Bí thư Trung ương Đảng ngày 12-8-1972;

Căn cứ Thông báo số 5 ngày 23-1-1973 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc làm thủ xây dựng cấp huyện;

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Thành lập Ban Chỉ đạo làm thủ xây dựng cấp huyện gồm các đồng chí:

- Phạm Gia Tuân, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh, làm Trưởng ban,

- Dương Việt Tiến, Ủy viên thường vụ Tỉnh ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Nông nghiệp, làm Phó ban,

- Trần Đức Minh, Phó ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ủy viên,

- Nguyễn Hữu Đài, Phó ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ủy viên,

- Ban A Hàn, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Nông nghiệp tỉnh, Ủy viên,

- Hồng Dương, Phó ban Nông nghiệp Tỉnh ủy, Ủy viên,

- Lê Cam, Trưởng ủy lâm nghiệp, Ủy viên,
- Ngô Đình Kinh, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch tỉnh, Ủy viên,
- Đỗ Thanh Thủy, Bí thư Huyện ủy Bát Xát, Ủy viên.

2. Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ:

- Giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc làm thử xây dựng cấp huyện (thí điểm ở huyện Bát Xát) theo đúng nội dung, yêu cầu kế hoạch của Trung ương hướng dẫn và kế hoạch cụ thể của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề ra. Trên cơ sở làm tốt thí điểm huyện Bát Xát, rút kinh nghiệm cho việc triển khai xây dựng cấp huyện ở các huyện, thị khác trong tỉnh.

Qua phân tích tình hình hợp tác xã sản xuất, qua chỉ đạo thí điểm xây dựng cấp huyện, kết hợp với học tập kinh nghiệm của các tỉnh bạn, dựa vào tổng kết việc làm thử xây dựng cấp huyện của trung ương, mà vận dụng xây dựng phương hướng, kế hoạch, bước đi cho huyện thí điểm và khái quát phương hướng, kế hoạch, bước đi chung cho tỉnh phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, với khả năng, yêu cầu, theo hướng đi lên của sản xuất xã hội chủ nghĩa để tỉnh duyệt chính thức và báo cáo đề nghị trung ương chuẩn y.

- Giao Ban Thường vụ Tỉnh ủy nghiên cứu và xây dựng phương án công tác xây dựng đảng, công tác tổ chức bộ máy cán bộ cho huyện thí điểm, từ đó xây dựng phương án công tác xây dựng Đảng, công tác tổ chức bộ máy cán bộ và phương án bồi dưỡng đào tạo cán bộ chung cho tỉnh theo yêu cầu xây dựng cấp huyện.

3. Ban Chỉ đạo được thành lập một số bộ môn cần thiết giúp việc và bố trí lực lượng cán bộ đi làm theo yêu cầu được trình duyệt.

Được liên hệ và yêu cầu các ngành, các cấp cung cấp tình hình tài liệu, v.v. cần thiết và hướng dẫn, đôn đốc các cấp, các ngành thực hiện những nhiệm vụ của các cấp, các ngành theo yêu cầu xây dựng huyện thí điểm.

Được sử dụng con dấu của Ban Nông nghiệp Tỉnh ủy khi cần thiết như liên hệ với các cấp, các ngành trong tỉnh, liên hệ, báo cáo với cấp trên...

4. Ban Chỉ đạo đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, để tỉnh nắm chắc tình hình và chỉ đạo kịp thời, hàng tuần, hàng tháng ban chỉ đạo phải phản ánh, báo cáo tình hình với Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Từng bước có sơ kết, toàn đợt có tổng kết rút kinh nghiệm, nêu rõ ưu khuyết điểm, nguyên nhân và báo cáo với Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban hành chính tỉnh, Ban Chỉ đạo làm thủ xây dựng cấp huyện trung ương.

5. Các ban, các đảng đoàn, các huyện, thị, đảng ủy, các đồng chí phụ trách các ngành trực thuộc tỉnh, các đồng chí trong Ban Chỉ đạo làm thủ xây dựng cấp huyện chiếu theo Nghị quyết thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC
KHÁNH VINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 06/TB-TU, ngày 12-2-1973

Về hội nghị thường kỳ của Ban Thường vụ ngày 30-1-1973

Ngày 30-1-1973, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã họp thường kỳ để xét duyệt địa điểm xây dựng nhà máy chế biến sắn, quy định giá thu mua sắn tươi và vấn đề cung cấp cho chăn nuôi lợn.

Dự họp có các đồng chí: Trường Minh, Khánh Vinh, Phạm Gia Tuân, Dương Việt Tiến, Lương Quyết Định, Cư Hòa Vần, Nguyễn Tri Nghị. Vắng mặt các đồng chí: Nguyễn Ân, bận đi công tác; Nông Công Thương đi chữa bệnh.

Sau khi nghe Đảng đoàn Ty Lương thực, Ban Vật giá tỉnh, Ban Tài chính - thương nghiệp Tỉnh ủy báo cáo, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thảo luận, nhất trí:

I. VỀ ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN SẮN

Xã Gia Phú và một số xã lân cận nằm trong vùng sản xuất sắn của tỉnh và hiện nay diện tích sắn đã trồng ở các nơi này cũng tương đối tập trung, bởi vậy nhà máy chế biến sắn nên xây dựng ở một địa điểm thuộc xã Gia Phú là thuận lợi nhiều mặt nhất, Đảng đoàn chính quyền sẽ làm văn bản xin Nhà nước cấp thêm vốn; nếu được thì sẽ xây dựng đường điện, mở rộng đường

giao thông xuống Gia Phú và sẽ xây dựng nhà máy chế biến sản ở đó.

Trường hợp không được Nhà nước cấp thêm vốn thì mới xây dựng nhà máy chế biến sản ở Làng Nhón (thuộc xã Cam Đường, huyện Bảo Thắng). Song, khi xây dựng nhà máy ở đây cần chú ý làm tốt mấy việc sau đây:

- Quan hệ chặt chẽ với Mỏ apatít để tránh xây dựng trùng lên đất đai đã quy hoạch của Mỏ;

- Làm tốt công tác tư tưởng cho nhân dân khi phải bốc, dỡ một số mớ mả trên khu vực định đặt nhà máy;

- Vấn đề vệ sinh công nghiệp trong nhà máy, vệ sinh sinh hoạt của nhân dân xung quanh cần được chú ý giải quyết tốt (nhất là nước thải từ nhà máy ra);

- Song song với việc xây dựng nhà máy cần nghiên cứu, thiết kế giá đỡ trang bị công cụ chế biến cho các cơ sở chế biến thủ công, để nhân dân tận dụng, chế biến được nhiều nhất số sản trồng được hằng năm;

- Đi đôi với nhiệm vụ chế biến sản, nhà máy cần nghiên cứu sản xuất thêm các mặt hàng khác để tận dụng lao động thời gian trái vụ sản và phấn đấu hạ giá thành sản phẩm của nhà máy.

Để đảm bảo có nhiều sản cung cấp cho chế biến, cần đẩy mạnh phát triển sản ở vùng đã quy hoạch, nhanh chóng hình thành vùng sản xuất tập trung.

II. VỀ GIÁ SẢN

Ngày nay, ngoài tính chất là cây lương thực, sản đã trở thành cây công nghiệp, do đó cần được chú ý phát triển và phải nghiên cứu toàn diện để khuyến khích thúc đẩy việc phát triển trồng và chế biến sản, trong đó giá cả là một yếu tố quan trọng. Căn cứ vào phương án nghiên cứu xây dựng giá sản của Ban Vật giá tỉnh báo cáo, Ban Thường vụ nhất trí nâng giá thu mua 1kg sản tươi

lên 10 đồng (loại A) ở các vùng trồng sản tập trung, nhằm khuyến khích hợp tác xã và nhân dân đầu tư thêm lao động, kỹ thuật vào thâm canh sản, bảo đảm cho Nhà nước thu mua được nhiều sản để chế biến. Còn đối với giá sản khô vẫn áp dụng theo giá sản cũ đã quy định.

III. VỀ VIỆC CUNG CẤP CÁM CHO CHĂN NUÔI LỢN

Hiện nay, chăn nuôi lợn dần dần trở thành ngành chính trong nông nghiệp, cho nên hướng lâu dài cần phải nghiên cứu, xây dựng các cơ sở chế biến thức ăn cho gia súc (chủ yếu là con lợn), cần phải chỉ đạo quy hoạch vùng lợn giống, lợn thịt cho thật rõ, kết hợp với việc chống thả rông ra súc, đồng thời phải kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn, quản lý và sử dụng tốt phần đất 5% và phần lương thực 2% của hợp tác xã dành cho chăn nuôi.

Số cám hiện có của Nhà nước, trước hết ưu tiên cung cấp cho các cơ sở chăn nuôi quốc doanh, theo tiêu chuẩn 5 kg cám/1kg thịt lợn hơi.

Phần còn lại sẽ cung cấp cho:

a) Các hợp tác xã trồng cây công nghiệp, dưa, rau..., 2 thị xã Lào Cai, Cam Đường và các huyện lỵ, thị trấn để khuyến khích hợp tác xã chăn nuôi tập thể, tăng sản xuất thịt và có phân bón cho cây trồng với tiêu chuẩn 5 kg cám/1kg thịt lợn hơi; Nhà nước thu mua 80% số thịt lợn của hợp tác xã nuôi được, còn lại 20% để hợp tác xã sử dụng theo tinh thần Chỉ thị 22 của Ủy ban hành chính tỉnh đã quy định.

b) Cán bộ, công nhân viên Nhà nước có lao động phụ để chăn nuôi với mức Nhà nước bán cho 10 kg cám thì Nhà nước thu mua 1 kg thịt lợn hơi theo giá quy định của Nhà nước.

c) Riêng đối với các trại (như trại cải tạo...) có chăn nuôi lợn, thì Nhà nước chỉ đầu tư cám theo số lượng thiếu thực tế và các trại phải bán cho Nhà nước sản phẩm thịt chăn nuôi, thịt chăn nuôi

được theo kế hoạch của tỉnh giao, đồng thời các trại phải nộp bán số lương thực sản xuất được cho Nhà nước (nếu trại có sản xuất).

Tiêu chuẩn cung cấp cám cho các trại là 3 kg cám/1kg thịt lợn hơi.

Việc xét duyệt đối tượng để đầu tư cám và giao chỉ tiêu, nộp sản phẩm được tiến hành chặt chẽ, phải theo nguyên tắc quản lý kinh tế của Nhà nước và phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng để kiểm tra, giám sát việc quản lý cung cấp cám của Nhà nước cho từng đối tượng phải chặt chẽ, công bằng và hợp lý. Việc đầu tư cám cho các hợp tác xã chăn nuôi lợn phải chú ý đến vấn đề thúc đẩy phân công lao động mới trong hợp tác xã, phục vụ, củng cố quan hệ sản xuất mới và đảm bảo việc phân phối thu nhập một cách công bằng, hợp lý giữa các xã viên làm ngành nghề khác nhau, nhằm bảo đảm đoàn kết đẩy mạnh sản xuất.

Ngoài cám, đối với các phế phẩm, phụ phẩm trong công nghiệp, trong sản xuất thực phẩm, lương thực ở các cơ sở, xí nghiệp và hợp tác xã, cần được nghiên cứu có kế hoạch đưa vào sử dụng và quản lý, phục vụ chăn nuôi.

Ngoài ra, chế độ Nhà nước bán rộng rãi mức 4 kg cám theo giá cung cấp để mua 1 kg thịt lợn hơi với giá 260 đồng/kg như hiện nay chỉ áp dụng khi nhu cầu về thịt của Nhà nước thật cấp bách.

Căn cứ Thông báo này, Đảng đoàn chính quyền và các ngành, ban có liên quan cần cụ thể kế hoạch để tổ chức thực hiện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
PHÓ VĂN PHÒNG
NGUYỄN DUYÊN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 03-BC/TU, ngày 7-3-1973

Về tình hình công tác tháng 2 năm 1973

Trong tháng qua, vui mừng và phấn khởi trước những thắng lợi vĩ đại của cả dân tộc; chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình trên cả nước, và kỷ niệm lần thứ 43 ngày thành lập Đảng, toàn tỉnh tiến hành đợt sinh hoạt chính trị về tình hình, nhiệm vụ mới. Đợt sinh hoạt này nhằm tuyên truyền, giáo dục đảng viên, cán bộ, nhân dân nhận rõ ý nghĩa, nội dung “Mừng Xuân đại thắng, mừng Đảng quang vinh” và qua đó đẩy mạnh phong trào thi đua lao động sản xuất, công tác, thực hiện kế hoạch vụ Xuân và quý I-1973.

Nhìn chung, phong trào trong tỉnh đã và đang có những chuyển biến mới, nhưng cũng còn nhiều mặt yếu và tồn tại phải tiếp tục phấn đấu khắc phục hơn nữa. Cụ thể, tình hình một số công tác chủ yếu như sau:

I. SẢN XUẤT XUÂN, THỰC HIỆN KẾ HOẠCH QUÝ I-1973

1. Về nông - lâm nghiệp

Trong những ngày đầu xuân, nông dân tập thể và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, với khí thế thi đua tiến quân vào lao động

sản xuất để hoàn thành gieo trồng đậu tương xuân, làm đất để gieo trồng sò và ngô xuân...; vùng cao, tập trung gieo cấy lúa xuân sớm ở vùng thấp. Một số hợp tác xã, xã viên ra đồng làm việc từ mùng 2, mùng 3 và nói chung là mùng 4, mùng 5 Tết.

Kết quả sản xuất đến ngày 28-2-1973 đã đạt được: Diện tích lúa xuân ở vùng thấp đã cày được 92,8% (2.300 ha), so với cùng kỳ năm 1972 bằng 96,5%, trong đó bừa được hơn 85,6%. Diện tích lúa đã cấy được hơn 290 ha, tuy mới bằng 30% kế hoạch, nhanh hơn cùng kỳ năm ngoái 1,7 lần. Huyện Bát Xát cấy nhanh hơn, có thể hoàn thành trước ngày 10-3, có hợp tác xã đã hoàn thành xong (An San, Bản Vược...). Nhưng Bảo Thắng và Mường Khương, tốc độ cấy chậm hơn, mới đạt trên dưới 30% kế hoạch. Tình hình mạ nói chung đảm bảo, có nơi có khả năng thừa (Bát Xát), nhưng có nơi bị chết rét (Mường Khương, Bắc Hà) có khả năng thiếu mạ. Riêng mạ xuân chính vụ, đại bộ phận đã gieo và đang tiếp tục gieo. Về phân bón cũng được chú ý bón nhanh hơn cùng kỳ năm trước, có hợp tác xã đã bón bình quân gần 19 tấn/ha (Bản Vược) và 10 tấn/ha (An San)... Công tác thủy lợi được chú ý đẩy mạnh việc tu sửa, nạo vét mương phai để đảm bảo nước cấy lúa xuân.

Đậu tương xuân ở vùng cao trồng được 259 ha, bằng 52% kế hoạch, đến nay đã hết thời vụ. Ngô đã trồng được 152 ha và sò xuân mới trồng được 65 ha...

Về nghề rừng, sau Tết nhiều nơi đã tổ chức Tết trồng cây và chăm sóc vườn ươm, đồi cây... Một số nơi đã có báo cáo thì số cây đã trồng được 60 ha, trong đó riêng Bát Xát đã trồng 43 ha cọ và bồ đề.

Về chăn nuôi, nhìn chung phát triển bình thường, không có gì biến động đáng kể. Riêng đàn lợn đang được phục hồi, sau dịp mổ lợn Tết. Các đàn gia súc của nông trường và tập thể hợp tác xã được chú ý chăm sóc và phát triển. Một số cơ sở mới đang được chuẩn bị xây dựng thêm. Các đồng cỏ đang được xúc tiến chăm sóc cải tạo và trồng thêm...

Bên cạnh những kết quả, tiến bộ trên, trong sản xuất nông - lâm nghiệp còn tồn tại những điểm yếu: khí thế lao động chưa thật sôi nổi, đồng đều. Có nơi chỉ đạo và tổ chức sản xuất thiếu khẩn trương, tốc độ gieo trồng còn chậm so với yêu cầu và so với điều kiện thời tiết thuận lợi. Có chỉ tiêu mới đạt quá thấp, kém hơn năm trước và coi như không đạt kế hoạch, vì đã hết thời vụ gieo trồng (như đậu tương). Việc đào dỡ và chế biến sản chưa chuyển biến mạnh, việc thu hoạch và việc thu nhận mía rất chậm, do đó làm giảm tỷ lệ đường và ảnh hưởng cho vụ tới. Những tồn tại đó, có nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu do sự chỉ đạo của các cấp, các ngành, nhất là cấp huyện chưa thật khẩn trương, thiếu chủ động, thiếu kiểm tra phát hiện, kịp thời giải quyết mâu thuẫn phát sinh trong sản xuất. Mạng lưới thống kê theo dõi kế hoạch hoạt động yếu, không đáp ứng kịp thời cho chỉ đạo sản xuất.

2. Về công nghiệp

Các cơ sở sản xuất đã và đang tổ chức việc trở về địa điểm cũ, sau ngày Hiệp định hòa bình được ký kết. Tuy nhiên vẫn do khâu cung cấp và giải quyết nguyên vật liệu, nhiên liệu không đủ, và một phần do ảnh hưởng của Tết âm lịch, nên một số xí nghiệp không sản xuất được liên tục. Kế hoạch sản xuất, thực hiện kém hơn cả tháng 1-1973 và chỉ bằng 18,5% kế hoạch quý I - 1973.

Về xây dựng cơ bản thì chủ yếu là tiếp tục xây dựng các công trình cũ còn dở dang. Việc tiến hành thi công các công trình mới còn rời rạc, thiếu tập trung, trong khi đó lực lượng lao động phổ thông của ngành kiến trúc lại không có việc làm đều đặn, do thiếu lực lượng thợ kỹ thuật, thiếu nguyên vật liệu, do thủ tục ban đầu làm chậm, v.v.. Vì vậy, tổng mức vốn đầu tư trong tháng mới thực hiện được 12,3% kế hoạch quý I - 1973.

Về giao thông vận tải, đã tiếp tục tranh thủ vận chuyển hàng ở xuôi lên, đồng thời dành một phần lực lượng vận chuyển phục vụ

xây dựng cơ bản, phục vụ sản xuất đông - xuân (phân, giống) và chế biến sản.

3. Về tài chính - thương nghiệp

Công tác lương thực: Do kiểm tra, đơn đốc không được chặt chẽ và do ảnh hưởng của việc ăn Tết nên tốc độ nhập kho trong tháng 2 chậm hơn nhiều so với tháng trước.

Tính đến ngày 20-2-1973, tổng số lương thực đã nhập kho: thóc đạt 1.967 tấn = 56,3% so với kế hoạch cả vụ. Ngô đạt: 415 tấn 400 = 57,6% so với kế hoạch cả vụ. So với cùng kỳ năm ngoái tốc độ nhập kho bằng 131,3%.

Công tác thương nghiệp: Công tác thu mua nông sản, thực phẩm, công nghệ phẩm đều nói chung đạt thấp: Hàng nông sản, thực phẩm đạt 23% so với kế hoạch quý I - 1973, hàng công nghệ phẩm đạt 21% so với kế hoạch quý I - 1973. Việc bán ra đã chú ý đối với các mặt hàng phục vụ sản xuất đông - xuân và phục vụ Tết nguyên đán. Các thứ hàng bán theo tiêu chuẩn định lượng đã thanh toán trong tháng, không ứ đọng. Một số mặt hàng thiết yếu như: muối, dầu hỏa, xà phòng đã bán bình thường. Tuy nhiên, do việc chuyển hàng từ cấp I lên chưa thật khẩn trương, nên một số mặt hàng thiết yếu không đủ bán ra. Kế hoạch bán ra trong tháng chỉ đạt độ 27,1% so với kế hoạch quý I - 1973. Công tác quản lý thị trường trước và sau tết được bảo đảm tốt nên giá cả thị trường tự do tương đối ổn định.

II. CÔNG TÁC TRỊ AN - QUỐC PHÒNG

Trong tháng qua, tuy điều kiện từ chiến tranh chuyển sang hòa bình, nhân dân, các cơ quan, xí nghiệp từ phân tán, sơ tán trở về tập trung, lại là dịp Tết, do đó các yêu cầu về đi lại tăng lên. Nhưng nhờ có sự chủ động và có nhiều biện pháp tích cực,

nên an ninh chính trị và trật tự xã hội ở biên giới, nội địa được giữ vững. Một số mặt: phạm pháp hình sự, tai nạn và tệ nạn xã hội đều giảm.

Công tác tuyển quân, củng cố bồi dưỡng lực lượng dân quân tự vệ, công an xã... vẫn được tiếp tục đẩy mạnh và đã bố trí các lực lượng đó cho phù hợp với tình hình mới.

Công tác kiểm sát, xét xử các vụ án được tăng cường. Ngoài những nhiệm vụ thường xuyên, trong tháng qua ta đã tập trung xét xử một số vụ án, nhằm phục vụ chính trị.

Tồn tại của công tác trị an - quốc phòng hiện nay là: việc nắm tình hình thường chậm, chưa nhạy bén, chính xác. Những hành động phản tuyên truyền phao tin đồn nhảm của địch và phần tử xấu chưa được ngăn chặn kịp thời. Tình hình trộm cắp, buôn lậu, cờ bạc ở khu vực biên giới, thị xã, thị trấn còn xảy ra, nhưng được tích cực ngăn chặn, giải quyết.

III. CÔNG TÁC ĐẢNG

Về mặt tư tưởng: Chủ yếu là đợt tiến hành tuyên truyền, giáo dục tình hình, nhiệm vụ mới theo tinh thần Chỉ thị số 200 của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Trên cơ sở đó và trên cơ sở “Mừng Xuân đại thắng, mừng Đảng quang vinh”, các cấp đã động viên cán bộ, đảng viên và quần chúng đẩy mạnh thi đua lao động sản xuất, công tác.

Trong đợt tuyên truyền, giáo dục, một số nơi đã tổ chức triển khai xuống cơ sở, đến quần chúng tương đối nhanh, kịp thời, phối hợp các lực lượng, các hình thức được chặt chẽ, do đó gây được khí thế mới trong sản xuất và các mặt công tác.

Tuy nhiên, nhìn chung, công tác tuyên truyền, động viên chưa làm được nhanh, nhạy, chưa sâu rộng đến quảng đại quần chúng, một số nhận thức tư tưởng lệch lạc (xả hơi, nghỉ ngơi thoải mái...) trong cán bộ, đảng viên chưa được giải quyết sâu sắc. Vì vậy, tinh thần và khí thế trong sản xuất, công tác, học tập... đều chưa thể

hiện được rầm rộ, sôi nổi, chưa thúc đẩy được mạnh mẽ việc thực hiện các nhiệm vụ hiện nay.

Về công tác tổ chức và kiểm tra: Tỉnh ủy đã tập trung chỉ đạo việc mở Đại hội các huyện, thị, Đảng bộ trực thuộc, chuẩn bị kế hoạch làm thủ xây dựng cấp huyện và tiếp tục xét duyệt các trường hợp xử lý trong đợt thí điểm thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư, đồng thời chuẩn bị tổng kết đợt thí điểm đó để mở rộng diện thí điểm đợt tới.

Đối với việc làm thủ xây dựng cấp huyện, Tỉnh ủy đã lập ra Ban Chỉ đạo và đã bàn kế hoạch tiến hành, đang chuẩn bị lực lượng cán bộ và mở lớp bồi dưỡng cho cán bộ trước khi đưa xuống huyện và cơ sở.

CÁC CÔNG TÁC CHỦ YẾU TRONG THÁNG 3-1973

- Trên cơ sở củng cố và tăng cường quản lý hợp tác xã, hoàn thành căn bản các chỉ tiêu gieo trồng vụ xuân (chú ý lúa xuân vùng thấp, ngô, sò... vùng cao), đồng thời đẩy mạnh chăm bón các cây đã trồng. Đẩy mạnh phong trào chăn nuôi, trồng cây gây rừng; chống tệ thả rông gia súc và chặt phá, đốt rừng làm nương rẫy. Chú ý phòng hạn cho cây trồng và phòng bệnh cho gia súc.

- Đẩy mạnh đào dỡ, chế biến sản củ, trồng sản mới. Thu hoạch, vận chuyển, giao nhận nhanh mía để giải phóng đất, trồng mía mới.

- Nhanh chóng ổn định phương hướng, nhiệm vụ và kế hoạch của các cơ sở sản xuất công nghiệp. Trên cơ sở đó, đẩy mạnh sản xuất, đẩy mạnh xây dựng cơ bản, giao thông vận chuyển, tích cực giải quyết vấn đề thiếu nguyên vật liệu sản xuất và xây dựng. Coi trọng việc củng cố, xây dựng, phát triển sản xuất thủ công nghiệp.

- Hoàn thành dứt điểm công tác thu mua, thu thuế vụ mùa năm 1972; đẩy mạnh thu mua các hàng nông sản, thực phẩm.

- Thực hiện tốt công tác tuyển quân, củng cố xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, công an. Tích cực giải quyết và ngăn chặn có

hiệu quả tẻ đánh bạc, trộm cắp, buôn lậu. Kiên quyết và kịp thời đập tan các luận điệu phản tuyên truyền xuyên tạc của địch và phần tử xấu.

- Tiếp tục tuyên truyền giáo dục sâu rộng đến cơ sở nhân dân, nhất là trong nông thôn và vùng cao về thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã giành được và về tình hình, nhiệm vụ mới. Trên cơ sở đó, gây đà phấn khởi, khí thế rầm rộ đi vào thi đua sản xuất, công tác, học tập và giải quyết kịp thời các nhận thức tư tưởng lệch lạc trong cán bộ, đảng viên và quần chúng.

- Hoàn thành tổng kết một số chuyên đề đang làm như tổng kết việc thực hiện Nghị quyết 19 của Trung ương, tổng kết thực hiện chính sách dân tộc, tổng kết yêu cầu 1 và 2 của Nghị quyết 195-NQ/TW, tổng kết việc chống chiến tranh phá hoại thời Giôn Xơn, tổng kết thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư và triển khai kế hoạch mở rộng thí điểm đợt tới.

- Hoàn thành căn bản việc mở Đại hội các huyện, thị và Đảng bộ trực thuộc. Chuẩn bị lực lượng mở lớp bồi dưỡng... để triển khai kế hoạch làm thủ cấp huyện ở huyện Bát Xát.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ

TRƯỜNG MINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 09/TB-TU, ngày 8-3-1973

Về kế hoạch làm thủ xây dựng cấp huyện

Phiên họp ngày 1-3-1973, hội nghị thường kỳ Ban Thường vụ Tỉnh ủy, có mặt các đồng chí: Trường Minh, Phạm Gia Tuân, Khánh Vinh, Việt Tiến, Nguyễn An; vắng mặt các đồng chí: Lương Quyết Định, Cư Hòa Văn (đi học trường Nguyễn Ái Quốc), Nguyễn Trí Nghị (đi học lớp đại học tại chức), Nông Công Thương đi chữa bệnh.

Sau khi nghe Ban Chỉ đạo làm thủ xây dựng cấp huyện của tỉnh báo cáo kế hoạch tiến hành bước 1 và phương án điều động cán bộ đi làm thí điểm cấp huyện ở huyện Bát Xát, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã bàn bạc, phân tích và nhất trí với yêu cầu, nội dung, thời gian tiến hành đã nêu trong bản kế hoạch. Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhấn mạnh một số điểm và quyết định một số vấn đề sau đây:

1. Việc mở rộng thí điểm thực hiện Chỉ thị 192 ở Bát Xát cần thu hẹp lại điểm, vì cùng một lúc tiến hành đồng thời cả 2 đợt thí điểm mà nội dung, tính chất có nhiều vấn đề khác nhau thì không thể đủ cán bộ đi làm được và khó khăn cho việc chỉ đạo thực hiện của tỉnh và huyện Bát Xát.

2. Các xã trọng điểm để thí điểm xây dựng cấp huyện ở Bát Xát gồm 6 xã: Quang Kim, Bản Vược, Cốc My, Tả Ngạn, Mường Hum,

Trịnh Tường, lấy xã Bản Vược đi trước một bước, xong đó thì gởi sang làm xã Mường Hum, Trịnh Tường.

3. Lực lượng cán bộ đi làm theo như tinh thần Thông báo số 05-TB/TU ngày 19-1-1973 của Tỉnh ủy, ngoài ra cần khéo kết hợp và sử dụng được một số cán bộ học lớp đại học nông nghiệp tại chức trong dịp đi làm đề tài thi tốt nghiệp.

Số lượng và danh sách cán bộ điều động cho đợt làm thử này sẽ do Thường trực xét duyệt cụ thể, theo đề nghị của Ban Tổ chức và Ban Chỉ đạo.

4. Đối với những xã có hợp tác xã đã tan vỡ, huyện cần có cán bộ xuống giúp đỡ củng cố lại hợp tác xã để làm cơ sở cho bước mở rộng tiếp sau này.

Ban Chỉ đạo làm thử xây dựng cấp huyện cùng với huyện Bát Xát chuẩn bị tốt mọi mặt, có kế hoạch cụ thể hướng dẫn các cấp, các ngành thi hành và mở lớp bồi dưỡng cán bộ, v.v. để triển khai kịp thời đúng với thời gian và kế hoạch đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông qua.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
BÍ THƯ

TRƯỜNG MINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 15-TB/TU, ngày 6-4-1973

Về công tác trường Đảng tỉnh năm 1973

Trong phiên họp thường kỳ sáng ngày 10-3-1973, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nghe trường Đảng báo cáo tình hình công tác năm 1972 về phương hướng, nhiệm vụ của trường Đảng tỉnh năm 1973.

Hội nghị có mặt các đồng chí: Trường Minh, Phạm Gia Tuân, Khánh Vinh, Nguyễn Trí Nghị; vắng các đồng chí: Dương Việt Tiến, Nguyễn Ân (đi học hàm thụ đại học), Nông Công Thương (đi chữa bệnh), Lương Quyết Định, Cư Hòa Văn (đi học dài hạn).

Sau khi nghe trường Đảng báo cáo, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã đánh giá công tác trường Đảng năm 1972 và quyết nghị một số công việc trước mắt sau đây:

Trong những năm qua nhất là năm 1972, dưới sự lãnh đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, trường Đảng đã phát huy tinh thần tự lực cánh sinh, cố gắng mở được một số lớp bồi dưỡng lý luận chính trị theo chương trình mới cho nhiều loại đối tượng cán bộ khác nhau (công nghiệp, hành chính sự nghiệp...). Sự vận dụng nội dung chương trình, phương châm và phương pháp giảng dạy theo tinh thần Nghị quyết 210 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Nghị quyết 10 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy có nhiều tiến bộ mới.

Tuy nhiên, công tác bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ cơ sở so với yêu cầu các nhiệm vụ chính trị còn thấp. Các huyện, thị và đảng ủy chưa thực sự chú ý đến công tác chiêu sinh, cán bộ chủ chốt ở cơ sở cũng phân công nhau cử người đi học theo đúng số lượng và đối tượng đã quy định. Trường Đảng tỉnh chưa nghiên cứu mở lớp đúng thời điểm phù hợp với sản xuất và công tác. Các mặt công tác khác của trường Đảng cũng còn tồn tại nhiều vấn đề lớn cần giải quyết (vấn đề thành lập trường có đủ 5 hệ: công nghiệp, nông nghiệp, tuyên giáo, tổ chức và kiểm tra, vấn đề phân cấp đối tượng học viên giữa trường Đảng tỉnh với trường Đảng huyện và trường các ngành; vấn đề biên chế, tổ chức, cơ sở vật chất nhà trường...).

Vì vậy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết nghị một số công việc phải làm trong thời gian trước mắt:

1. Căn cứ vào phương hướng, nhiệm vụ, chỉ tiêu bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ các loại năm 1973, trường Đảng tỉnh cùng các Ban Tuyên giáo, Ban Tổ chức Tỉnh ủy có biện pháp thực hiện cho sát hợp. Riêng việc mở lớp đào tạo cán bộ kế cận trẻ tuổi cấp xã cần phải nghiên cứu kỹ điều kiện, khả năng của trường và học viên theo học.

2. Trường Đảng tỉnh cùng với Ban Tuyên giáo, Ban Tổ chức Tỉnh ủy (Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì) xúc tiến ngay việc lập quy hoạch đào tạo và bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên toàn tỉnh theo tinh thần Nghị quyết 210 của Ban Bí thư Trung ương Đảng để báo cáo Thường vụ xét.

3. Trường Đảng tỉnh và các ngành có liên quan tích cực xúc tiến việc xây dựng cơ sở vật chất (nhà ở, hội trường, trang thiết bị...) để phục vụ tốt cho nhiệm vụ giáo dục lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên trong giai đoạn trước mắt và lâu dài sau này.

4. Ban Tổ chức Tỉnh ủy có trách nhiệm nghiên cứu và có biện pháp tích cực bổ sung cán bộ lãnh đạo, cán bộ giảng dạy, đảm bảo

biên chế cho trường Đảng tỉnh đủ khả năng hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

5. Giao trường Đảng tỉnh dự thảo một nghị quyết (của Thường vụ) có tính chất toàn diện về công tác trường Đảng tỉnh ta để báo cáo ở hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy kỳ gần nhất.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC

KHÁNH VINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 82-TB/TU, ngày 8-4-1973

Về chủ trương tiếp nhận lao động ở đồng bằng lên xây dựng vùng kinh tế mới trong tỉnh

Quán triệt các nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 19, 20, 22 và Chỉ thị của Thủ tướng Phạm Văn Đồng ở cuộc họp 7 tỉnh miền núi tại Yên Bái về chủ trương đưa lao động ở đồng bằng lên xây dựng các vùng kinh tế mới ở trung du và miền núi; căn cứ vào Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ và bước đi của sản xuất nông - lâm nghiệp trong tỉnh của những năm tới, ngày 4-1-1974, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã họp bàn chủ trương và biện pháp để thực hiện.

Dự họp có các đồng chí: Trường Minh, Phạm Gia Tuân, Nông Công Thương, Dương Việt Tiến, Nguyễn Ân, Khánh Vinh.

Sau khi nghe báo cáo về quy hoạch, kế hoạch do Ban Nông nghiệp Tỉnh ủy và các ngành liên quan trình bày, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thảo luận và nhất trí nghị quyết:

1. Về phương hướng, nhiệm vụ

Về lâu dài, từ nay đến năm 1980 hoặc lâu hơn nữa - đến năm 1985, cả tỉnh sẽ phải được xây dựng và phát triển trở thành một vùng kinh tế mới, nằm trong nền kinh tế chung của đất nước. Nhưng về

trước mắt, trong vài năm tới, cần tập trung chỉ đạo xây dựng, khai thác một số vùng thuộc vùng thấp: vùng thung lũng sông Hồng; vùng ven đường giao thông lớn (đường hữu nghị 7) và các nông trường quốc doanh. Vì vậy là những nơi có nhiều điều kiện thuận lợi và có khả năng làm lớn trước. Đối với vùng cao, tiếp tục thực hiện phương án và kế hoạch định canh, định cư đã đề ra.

Phương hướng sản xuất của các vùng cần tập trung làm lớn và làm trước như trên là: Trên cơ sở tận dụng đất đai để đẩy mạnh sản xuất, thâm canh lúa, ngô và hoa màu lương thực khác, phát triển chăn nuôi lợn, trồng cây ăn quả. Từ đó, đẩy mạnh việc trồng, tu bổ, bảo vệ... đối với rừng (tức là làm nghề rừng theo nội dung toàn diện) và làm các cây, con khác theo hướng đã được quy hoạch cụ thể. Cụ thể mấy vùng sẽ tiến hành từ nay đến năm 1975-1976 là:

- Vùng dứa, lợn: Gồm hai thị xã Lào Cai và Cam Đường, các xã Bản Phiệt, Bản Cầm, Nam Cường, Xuân Quang, Phong Niên, Phong Hải và nông trường Phong Hải.

- Vùng sỏ, sả: gồm các xã Phú Nhuận, Tầng Loỏng, Xuân Giao, Gia Phú, Sơn Hà, Sơn Hải và nông trường Phú Xuân.

- Vùng rừng trụ mỏ, cây ngô và lợn thịt gồm 5 xã vùng thấp huyện Bát Xát.

- Vùng ngô, lợn thịt và cây chè gồm các xã Lùng Vai, Bản Xen, Bản Lầu thuộc huyện Mường Khương, nông trường Thanh Bình.

Trong các vùng trên thì lấy vùng dứa - lợn làm điểm để chỉ đạo. Để đảm bảo nhân lực thực hiện phương hướng, quy hoạch và kế hoạch sản xuất ở các vùng đó, ngoài số lao động sẵn có tại địa phương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chủ trương kết nghĩa với tỉnh Nam Hà, tiếp nhận lao động của Nam Hà lên để bố trí bổ sung. Ngoài lực lượng lao động thường xuyên ổn định này, hằng năm tỉnh còn có kế hoạch tiếp nhận thêm lao động nông nhàn của Nam Hà lên để mở mang đường giao thông, làm thủy lợi, xây dựng các công trình kiến thiết cơ bản khác, nhằm phục vụ cho yêu cầu phát triển sản xuất nông - lâm nghiệp trong tỉnh.

2. Về phương pháp và bước đi

Căn cứ vào hướng sản xuất của từng vùng, cần tiến hành quy hoạch cụ thể (theo nội dung quy hoạch của một xí nghiệp nông nghiệp) đối với từng xã, hợp tác xã, đơn vị từng vùng. Quy hoạch ở một vùng phải đảm bảo nội dung toàn diện, cả sản xuất giao thông, thủy lợi, tổ chức lại làng bản, cư trú... Trên cơ sở đó, định rõ các ngành sản xuất của hợp tác xã và tiến hành tổ chức lại sản xuất những cây, con đã có (như cây lúa...) để bố trí lao động và rút lao động ra kinh doanh các cây, con mới theo đúng trình tự, động tác như cách làm thử xây dựng cấp huyện ở Bát Xát. Từng cây, con phải từ đất đai mà xây dựng quy trình kỹ thuật sản xuất, có định mức lao động, phân công đảng viên, cán bộ phụ trách, bố trí lại tổ chức chi bộ, tổ đảng cho phù hợp với sự tổ chức sản xuất mới của hợp tác xã.

Sau khi tổ chức lại sản xuất, chính quyền giao đất rừng cho từng hợp tác xã quản lý kinh doanh theo từng khu tương đối gọn và tập trung. Phải trên cơ sở cân đối lại sức lao động sẵn có và mức tăng tự nhiên để đảm bảo 3 mục tiêu (1 lao động phụ trách 1 ha) đối với cây lương thực. Đối với cây dài ngày và đất rừng phân đấu theo định mức của Nhà nước để tính toán kế hoạch tiếp nhận lao động.

Đối với lao động ở xuôi lên, sẽ đưa vào nơi có đất nông - lâm nghiệp mà các hợp tác xã địa phương không thể làm hết, để lập ra các hợp tác xã mới, độc lập với các hình thức sát hợp, hoặc liên doanh với hợp tác xã cũ của địa phương để phát triển sản xuất theo hướng đã được quy hoạch.

Khi tổ chức lại sản xuất ở từng xã, hợp tác xã phải nghiên cứu và bố trí cả lực lượng cán bộ lãnh đạo, quản lý, kỹ thuật cụ thể đối với từng nơi, đảm bảo đủ để thực hiện phương án kinh tế đã đề ra; nếu nơi nào cán bộ thiếu và yếu thì tỉnh, huyện cần bổ sung. Đối với lao động ở xuôi lên, cần quan hệ với tỉnh bạn nơi đưa người lên, bố trí đủ số lượng và chất lượng cán bộ các loại để phụ trách số lao động ở xuôi lên và để tăng cường thêm cán bộ cho hợp tác xã, đảng ủy, chi bộ địa phương.

Về bước đi cụ thể, năm 1974 tiến hành thí điểm, rút kinh nghiệm ở các hợp tác xã và nông trường địa phương nằm trong 2 xã Xuân Quang, Phong Niên, sau đó sẽ triển khai ra các nơi khác. Đối với nông trường, sau khi rút kinh nghiệm bố trí ở nông trường Phong Hải xong, thì tiếp tục bố trí cho các nông trường khác.

Bước đi trong sản xuất của các hợp tác xã cũng phải đi từ thâm canh cây lúa, cây ngô, con lợn... trước, rồi tiến lên làm mạnh các cây khác. Các nông trường thì theo hướng sản xuất của từng nông trường đã được duyệt, nhanh chóng hoàn thành bước xây dựng cơ bản và định hình để chuyển sang giai đoạn kinh doanh.

Trong khi tiến hành ở các trọng điểm và các vùng làm trước, phải đồng thời chỉ đạo những nơi chưa làm hoặc làm sau, tổ chức lại sản xuất những cây, con có sẵn bằng lao động sẵn có của bản thân địa phương mình, chuẩn bị sẵn các điều kiện để tiếp nhận lao động ở xuôi lên. Đối với việc tổ chức lại sản xuất bằng lao động địa phương, cần rút kinh nghiệm cách làm ở Bát Xát, tùy theo lực lượng cán bộ, có cán bộ đến đâu các huyện mở rộng đến đấy.

Vấn đề làm giao thông, thủy lợi, quy hoạch làng, bản phải được đi trước một bước. Hàng năm, từng công trình phải có thiết kế tính toán cụ thể, trên cơ sở đó mà có kế hoạch nhận lao động xuôi lên để thực hiện. Năm 1974, tập trung làm đường Lào Cai - Bát Xát, Cam Đường - Phú Nhuận, Phố Lu - Cốc Sầm.

3. Về chính sách

Cần vận dụng cụ thể và đề nghị với Trung ương ban hành chính sách như: Nhà nước giao đất cho hợp tác xã kinh doanh, chính sách giúp đỡ hợp tác xã địa phương và mới ở xuôi lên khai hoang, xây dựng ruộng đất mới, trồng cây ngắn và dài ngày, thâm canh cải tạo ruộng đất sẵn có, trợ cấp cho hợp tác xã trồng rừng...

4. Về tổ chức chỉ đạo thực hiện

Vấn đề xây dựng vùng kinh tế mới là nhiệm vụ quan trọng và

mới mẻ, do đó tất cả các cấp, các ngành, các giới đều phải có trách nhiệm thực hiện. Nhiệm vụ này đặt dưới sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và sự chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban hành chính tỉnh.

Để giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ủy ban hành chính tỉnh chỉ đạo công việc hàng ngày, Ban Thường vụ Tỉnh ủy phân công đồng chí Phó Bí thư phụ trách chính quyền tỉnh và đồng chí Thường vụ phụ trách nông - lâm nghiệp tỉnh chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc chỉ đạo và tổ chức thực hiện các công việc cụ thể. Các ngành liên quan của Đảng, Nhà nước và đoàn thể quần chúng đều phải tham gia và tùy theo chức năng toàn ngành để phục vụ.

Việc chỉ đạo và điều hành ở từng vùng cũng phải cử lãnh đạo và cán bộ phụ trách cụ thể, có tổ hoặc bộ phận chịu trách nhiệm đi làm rõ ràng.

Ở huyện: Cần phân công đồng chí phụ trách rõ ràng và kiện toàn bộ máy chỉ đạo nông - lâm nghiệp của huyện hiện có, giao cho cơ quan này giúp huyện ủy và Ủy ban tổ chức thực hiện.

Đảng đoàn Ủy ban hành chính tỉnh cần vạch kế hoạch cụ thể để thực hiện, thường kỳ báo cáo tình hình và đề xuất chủ trương mới với Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Trước mắt, Ủy ban hành chính tỉnh cần làm gấp các việc như: Tổ chức việc kết nghĩa, bàn bạc với tỉnh Nam Hà; huy động các ngành tiến hành quy hoạch; vạch kế hoạch tiếp nhận lao động ở Nam Hà lên từng đợt vào những lúc thời vụ tốt nhất và xây dựng những chính sách cụ thể, trao đổi thống nhất với Nam Hà... rồi lên báo cáo với Trung ương, xin Trung ương xét duyệt.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
BÍ THƯ

TRƯỜNG MINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 04-BC/TU, ngày 17-4-1973

Về tình hình công tác quý I-1973

Vui mừng và phấn khởi trước những thắng lợi to lớn của quân và dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đặc biệt trong dịp mừng Xuân đại thắng, chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình trên đất nước ta và mừng Đảng quang vinh 43 tuổi, cán bộ và nhân dân trong tỉnh ta đã hăng hái tiếp tục đẩy mạnh sản xuất vụ đông - xuân 1972 - 1973, thực hiện kế hoạch nhà nước và các công tác quý I-1973.

Nhìn chung, các mặt hoạt động đã từng bước chuyển hướng từ thời chiến sang thời bình, từ phân tán, sơ tán trở về tập trung, trở lại bình thường và có các điều kiện thuận lợi hơn trước. Do đó, trên từng mặt công tác đều có chuyển biến bước đầu và đã giành được một số kết quả nhất định so với yêu cầu của tình hình, nhiệm vụ mới.

Tình hình cụ thể biểu hiện trên các mặt sau đây:

I. SẢN XUẤT ĐÔNG - XUÂN 1972 - 1973 VÀ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC QUÝ I-1973

1. Về nông - lâm nghiệp

Về chuẩn bị kế hoạch sản xuất được sớm, ngay từ cuối năm 1972. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và việc triển khai thực hiện kế hoạch

xuống các ngành, các huyện và cơ sở, nói chung được kịp thời. Như vậy, phong trào sản xuất khi bước vào vụ đông - xuân có chuyển biến khá.

Phong trào làm phân, làm đất, chuẩn bị giống, v.v. ở nhiều hợp tác xã có tiến bộ. Phong trào làm thủy lợi, nhìn chung được đẩy mạnh. Trên 750 nương phai, hồ ao được sửa chữa, nạo vét, 8 trạm thủy luân được tu bổ và làm mới; do đó đảm bảo được nước tưới cho trên 97% diện tích gieo cấy lúa xuân.

Phong trào hợp tác xã nông nghiệp được tiếp tục củng cố. Nhiều hợp tác xã trong loại khá được nâng cao chất lượng và phát huy tác dụng. Các hợp tác xã loại yếu, kém, có một số đã tiến bộ hơn trước trên từng mặt quản lý sản xuất, lao động, tài vụ.

Kết quả các mặt sản xuất vụ đông - xuân, tính đến ngày 7-4-1973, đã đạt:

a) *Về trồng trọt*: Lúa xuân đã cấy được 1.902 ha, bằng 71% kế hoạch và nhanh hơn cùng kỳ năm ngoái 7%. Sò xuân đã đạt 20% kế hoạch (341 ha) và bằng 1,5 lần cùng kỳ năm ngoái. Mì đã trồng được 314 ha, bằng 90% kế hoạch. Ngô xuân đã trồng được 3.408 ha, bằng 28% kế hoạch. Sắn đã trồng được 287 ha, bằng 12% kế hoạch. Đậu tương xuân đã trồng được 374 ha, bằng 41% kế hoạch, v.v..

Như vậy, tốc độ gieo trồng vụ đông - xuân tuy có một số chỉ tiêu đã đạt khá so cùng kỳ năm ngoái (sò, lúa xuân, mì), nhưng nhìn chung so với kế hoạch, nhiều chỉ tiêu còn đạt thấp và so cùng kỳ năm ngoái cũng chậm hơn. Có loại còn thời vụ gieo trồng như ngô, khoai, lạc, vừng... nhưng cũng có loại đã muộn hoặc hết thời vụ (mì, sắn, đậu tương, su hào giống, rau xanh...). Các chỉ tiêu gieo trồng của các nông trường cũng mới đạt từ 25 đến 47% (tam thất 30%, sả 40%, cây thức ăn gia súc 47%). Có nông trường mới trồng được 500m² cây thức ăn gia súc (Trịnh Tường). Về phân bón, các địa phương tuy có cố gắng chuẩn bị, nhưng số đã bón cho lúa xuân chưa đảm bảo yêu cầu, bình quân mới được 3,3 tấn/ha.

b) *Về chăn nuôi*: Các đàn gia súc trong nhân dân và các nông trường, trạm trại tiếp tục phát triển khá. Công tác tiêm phòng và chống rét cho gia súc có tiến bộ. Tuy dịch bệnh lẻ tẻ có xảy ra ở một số nơi (Bát Xát, Bảo Thắng, Mường Khương, Bắc Hà), nhưng đã kịp thời dập tắt, nên số lợn chết bệnh được hạn chế. Số trâu bò chết rét năm nay không đáng kể; riêng nông trường Trịnh Tường, do chăm sóc kém, nên số bê con chết trên 20 con.

c) *Về nghề rừng*: Công tác trồng cây gây rừng được đẩy mạnh trong dịp Tết trồng cây. Các nơi đã chú ý hơn đến việc chỉ đạo làm vườn ươm và chăm sóc cây đã trồng. Tuy nhiên kế hoạch quý I còn đạt thấp, toàn tỉnh mới trồng được 344 ha, bằng 52,5% kế hoạch quý, trong đó quốc doanh đạt 76,8% (196 ha), nhân dân đạt 37% (148 ha) và nông trường đạt 35%; khoanh núi nuôi rừng được 5.000 ha, đạt 31,2% kế hoạch.

d) *Về đời sống nhân dân*: Đi đôi với sản xuất, tình hình đời sống nhân dân ở vùng thấp và vùng cao được đảm bảo, chưa có đâu xảy ra thiếu ăn đáng kể. Tuy nhiên, vẫn cần phải giáo dục mạnh về ý thức tiết kiệm lương thực để đề phòng thiếu ăn trong những ngày giáp hạt.

Qua tình hình sản xuất và đời sống như trên, có thể nhận định rằng: vụ sản xuất đông - xuân đã giành được những thắng lợi bước đầu và có mặt chuyển biến khá. Nhưng bên cạnh đó, vẫn còn có nhiều nhược điểm tồn tại, cần phải có biện pháp khắc phục tích cực hơn nữa. Phần lớn các chỉ tiêu gieo trồng đạt còn thấp hơn so với kế hoạch, nhiều chỉ tiêu đạt kém hơn cùng kỳ năm 1972. Có loại tụt nghiêm trọng (đậu tương). Việc đào dỡ, chế biến sắn, thu hoạch và tiêu thụ mía cây rất chậm trễ, nên không trồng được sắn và mía mới, có thể dẫn tới hụt kế hoạch năm nay. Trong chăn nuôi, việc trồng thức ăn tự nhiên và yếm lại vào Nhà nước cung cấp cám, kể cả một số nông trường. Phong trào hợp tác xã vùng cao vẫn yếu nhiều mặt, tình trạng làm ăn riêng trong xã viên ngày càng phát triển. Nhiều nơi, tư tưởng cá thể đang lấn át tập thể. Tình trạng

du canh, đi phá rừng làm nương ở một số nơi vẫn còn nặng nề. Trong khi đó, việc củng cố phong trào, thiếu sự chỉ đạo cụ thể, thiếu tập trung chặt chẽ, nên kết quả của việc củng cố hợp tác xã mang lại rất ít.

Còn những nhược điểm tồn tại trên, về khó khăn khách quan cũng có một phần, như thời gian qua một số nơi bị nắng nhiều, ảnh hưởng đến việc làm đất gieo trồng. Tuy vậy, thuận lợi vẫn nhiều hơn, nhưng tình hình phong trào chưa mạnh mẽ, đều khắp là do việc lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành đối với sản xuất và hợp tác xã còn nhiều khuyết điểm, thiếu sót. Cụ thể là các cấp, các ngành chưa phát động được tốt tư tưởng làm chủ tập thể của xã viên, của quần chúng; chưa gắn liền động viên phấn khởi “mừng Xuân đại thắng” với việc tổ chức đưa cán bộ, đảng viên và quần chúng đi vào hành động cách mạng thiết thực trong sản xuất và củng cố hợp tác xã. Công tác củng cố hợp tác xã, chỉ đạo quản lý hợp tác xã còn chung chung, hời hợt, thiếu cụ thể. Nhận thức về làm ăn lớn xã hội chủ nghĩa chưa quán triệt đầy đủ và sự chuyển biến còn yếu, còn mang nặng lối làm ăn của nền sản xuất nhỏ. Ý thức trách nhiệm đối với sản xuất và hợp tác xã chưa được đề cao. Kế hoạch cũng còn thiếu cân đối, thiếu kiểm tra chặt chẽ, còn tản mạn. Các ngành phục vụ nông nghiệp chưa làm hết trách nhiệm của mình. Cấp huyện chưa thực sự sâu sát cơ sở, nắm tình hình không chắc, không kịp thời. Tổ chức bộ máy chỉ đạo và phục vụ nông nghiệp của tỉnh, huyện còn nhiều khó khăn, nhiều mối, tản mạn, chưa tập trung, dẫn tới công việc bị chậm trễ, thậm chí có việc không bộ phận nào chịu trách nhiệm.

2. Về công nghiệp

Công nghiệp địa phương: Tuy có khó khăn về thiếu nguyên, nhiên liệu (than, xăng) và vật liệu, phụ tùng thay thế, nhưng các cơ sở đã biết huy động những khả năng sẵn có để sản xuất các sản

phẩm chủ yếu, nhanh chóng di chuyển địa điểm từ nơi sơ tán về nơi tập trung, và ổn định bộ máy, dây chuyền sản xuất.

Tuy nhiên, kế hoạch quý I - 1973 đạt thấp, ước thực hiện được 3.008.600 đồng, bằng 83,6% kế hoạch; trong đó công nghiệp quốc doanh đạt 75,2%, thủ công nghiệp đạt 105,5%.

Sản xuất công nghiệp không đạt kế hoạch chủ yếu là do vẫn chưa giải quyết tình trạng mất cân đối giữa nhiệm vụ kế hoạch với việc cung cấp nguyên, nhiên, vật liệu (một số cơ sở phải ngừng sản xuất trong 1 - 2 tháng vì thiếu nguyên, nhiên liệu; một số cơ sở do nhiệm vụ sản xuất không rõ ràng). Vì vậy, công nghiệp chưa phục vụ tốt yêu cầu của nông nghiệp, nhất là khâu chế biến hoa màu, khâu công cụ và cơ khí nhỏ nông thôn.

Xây dựng cơ bản: Công việc chủ yếu là tập trung lực lượng hoàn thành một số công trình chuyển tiếp của năm 1972 và chuẩn bị điều kiện để thi công một số công trình mới.

Do thiếu nguyên vật liệu: xi măng, sắt, thép để xây lắp và thiếu xăng vận chuyển, hơn nữa các khâu thủ tục ban đầu không đầy đủ nên nhiều công trình không bảo đảm được tốc độ thi công. Nhân lực dân công huy động cho việc làm đường giao thông cũng không đủ. Vì vậy, kế hoạch đầu tư vốn quý I - 1973 đạt thấp, ước độ: 1.371.000 đồng bằng 63,2% so với kế hoạch và bằng 76,8% cùng kỳ năm ngoái.

Giao thông vận tải: Đã tập trung phương tiện vận chuyển phục vụ sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và hàng hóa phục vụ đời sống. Tuy nhiên, cũng do thiếu xăng nên vận tải cơ giới đạt kế hoạch thấp. Tổng khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển so với kế hoạch quý ước đạt: 47% về tấn, 56% về tấn/km. Tổng khối lượng hành khách so với kế hoạch quý ước đạt: 93% về lượt người, 76% về người/km.

Công nghiệp Trung ương đóng tại địa phương: Số đông các cơ sở, nhiệm vụ kế hoạch được giao chưa ổn định và thiếu nhiên liệu thiết bị nên nói chung các cơ sở đều đạt kế hoạch thấp.

3. Về tài chính - thương nghiệp

Công tác lương thực: Có sự cố gắng, tiến bộ. Tính đến ngày 31-3-1973 tổng số lương thực đã nhập kho được: thóc 2.608,5 tấn, bằng 74,6% kế hoạch vụ mùa năm 1972; trong đó nghĩa vụ đạt 81,1%, giá cao đạt 59,7% so với cùng kỳ năm trước, tốc độ nhập kho về thóc bằng 170,8%, ngô bằng 106,7%. Sắn khô đã mua được 60,6 tấn.

Công tác thu mua nông sản, thực phẩm: Trừ một vài mặt hàng như thảo quả, cá tươi... đạt khá, còn các mặt hàng khác nói chung đều đạt thấp.

Tổng giá trị thu mua nông sản, thực phẩm quý I - 1973 đạt 700.000 đồng, bằng 76,5% kế hoạch quý, nhưng so với cùng kỳ năm trước tăng 36,2%. Thu mua hàng công nghệ phẩm đạt 915.000 đồng, bằng 76,25% kế hoạch quý, và so với cùng kỳ năm trước bằng 100,35%. Thu mua hàng xuất khẩu đạt 265.019 đồng, bằng 60,7% kế hoạch quý, so với cùng kỳ năm trước bằng 46,4%.

Song song với việc thu mua nắm nguồn hàng, đã xúc tiến di chuyển các cửa hàng từ nơi sơ tán về nơi tập trung, sắp xếp ổn định tổ chức để đẩy mạnh bán ra. Trong việc phân phối, đã chú ý đối với một số mặt hàng phục vụ đông - xuân và phục vụ Tết Nguyên đán. Một số mặt hàng thiết yếu như muối, dầu hỏa, xà phòng... đã trở lại bán bình thường. Một số mặt hàng bán theo tiêu chuẩn, định lượng như thịt lợn được giải quyết dứt trong quý. Ngoài ra, còn bán thêm ngoài tiêu chuẩn một vài mặt hàng về thực phẩm cho cán bộ, công nhân viên. Tổng giá trị bán ra quý I - 1973 đạt 4.500.000 đồng, bằng 81,1% và so với cùng kỳ năm trước bằng 113%.

Công tác quản lý thị trường: Có cố gắng nên giá cả thị trường tự do nói chung tương đối ổn định. Giá cả thị trường tự do tuy so với cùng kỳ năm trước tăng 7,6%, nhưng không có đột biến lớn.

Về mặt tài chính và tiền tệ: Do kế hoạch sản xuất công nghiệp và lưu thông đạt thấp nên cũng ảnh hưởng đến kế hoạch thu chi

tài chính và tiền tệ. Tuy vậy, công tác tài chính tiền tệ đã có cố gắng đi xuống giúp đỡ các cơ sở tăng cường quản lý và đầu tư vốn phát triển sản xuất nông, công nghiệp, đồng thời tăng cường thu các khoản thu và bảo đảm chi theo kế hoạch.

Kế hoạch thu ngân sách ước đạt 96,8% và bằng 85,7% so với quý I-1972. Chi về hành chính sự nghiệp ước đạt 94,6% kế hoạch quý; chi xây dựng cơ bản đạt độ 40,8% kế hoạch.

Thiếu sót tồn tại trong công tác tài chính - thương nghiệp hiện nay là: công tác tổ chức thu mua nắm nguồn hàng và nhận hàng từ cấp I còn yếu, nên đã ảnh hưởng đến công tác bán ra. Khâu ăn uống phục vụ công cộng phát triển chậm, chưa đáp ứng yêu cầu của tình hình. Việc bố trí mạng lưới bán hàng phục vụ đời sống ở thị xã chưa hợp lý, cửa hàng quá tập trung vào một nơi, nên không đáp ứng được nhu cầu mua hàng của cán bộ và nhân dân.

Công tác thu ngân sách tuy đã có cố gắng, nhưng còn thất thu nhiều, nhất là các khoản thuế sát sinh, bán khoán lâm sản...

Các hợp tác xã tín dụng, mua bán vẫn chưa được củng cố, nên chưa phát huy được tác dụng.

4. Về văn - xã

Trên một số hoạt động về văn hóa - thông tin đã có cố gắng. Trong quý, đã tập trung vào tuyên truyền thắng lợi của Hiệp định Pari, kỷ niệm sinh nhật Đảng, tổ chức đợt sinh hoạt “mừng Đảng quang vinh, mừng Xuân đại thắng”, tuyên truyền sản xuất đông - xuân. Hình thức tuyên truyền, cổ động được chú ý phát huy một cách kịp thời, liên tục và phong phú để phục vụ nhiệm vụ chính trị và ngày càng đi sâu xuống cơ sở nông thôn. Đặc biệt trong dịp Tết và kỷ niệm lần thứ 43 ngày thành lập Đảng, các hoạt động văn nghệ, chiếu bóng, tranh cổ động, bản tin... đã tăng lên nhiều, góp phần động viên lòng phấn khởi tự hào của nhân dân các dân tộc trong tỉnh trước những thắng lợi vĩ đại của đất nước.

Về giáo dục: Công tác chủ yếu là tập trung chỉ đạo, ổn định trường lớp sau khi chuyển từ nơi sơ tán về, nhằm đẩy mạnh phong trào thi đua “Hai tốt”, hoàn thành tốt kỳ I - 1973. Ngành giáo dục đã tổ chức tổng kết phong trào thi đua năm học 1971 - 1972 và tiến hành bồi dưỡng giáo viên vùng cao, giáo viên bổ túc văn hóa.

Công tác bảo vệ bà mẹ và trẻ em: Được tiếp tục đẩy mạnh việc tuyên truyền, vận động sinh đẻ có kế hoạch bằng nhiều hình thức phong phú. Việc xây dựng nhà trẻ ở một số nơi được coi trọng hơn trước. Một số nhà trẻ ở các cơ sở công nghiệp lớn trong tỉnh đã trở lại hoạt động sau khi lập lại hòa bình. Tuy nhiên, công tác nhà trẻ còn làm chậm; ở một số cơ quan, các ngành và các huyện, công tác này chưa được quan tâm đúng mức.

Trong công tác y tế: Đã tích cực giải quyết tốt hai vụ dịch lớn xảy ra trong quý (dịch sởi ở Si Ma Cai và dịch cúm ở thị xã Lào Cai) không để xảy ra tử vong.

Về công tác thể dục thể thao: Đã biết tranh thủ điều kiện hòa bình để phát triển phong trào, đẩy mạnh việc tổ chức, huấn luyện và thi đấu giữa các đội bóng đá, bóng chuyền trong các cơ quan, các ngành. Công tác bồi dưỡng, hướng dẫn viên cho phong trào thể dục buổi sáng cũng đã bước đầu được chú ý.

II. CÔNG TÁC TRỊ AN - QUỐC PHÒNG

Do điều kiện từ chiến tranh chuyển sang hòa bình, với những thắng lợi to lớn của ta vừa giành được, đã có tác động tích cực đến các mặt công tác an ninh, quốc phòng, đồng thời tác động lớn đến tư tưởng, hành động của bọn phản cách mạng. Vì vậy, nhìn chung tình hình trong bọn phản cách mạng đều có chuyển hóa; hoạt động của chúng giảm hẳn so với những tháng trước đây. Những hành động phản tuyên truyền của địch bị quần chúng vạch trần. Tình trạng nghe đài địch căn bản được giải quyết.

Tình hình trị an xã hội được ổn định. Mặc dù là dịp Tết lại từ phân sơ tán trở về tập trung, các yêu cầu về đi lại của nhân dân tăng lên, nhưng nhiều mặt về phạm pháp hình sự, nhất là những trọng án đều giảm, an ninh chính trị và trật tự xã hội ở nội địa, biên giới được đảm bảo tốt, các mặt công tác trị an quốc phòng được đẩy mạnh.

Về mặt tuyển quân, đã hoàn thành hai đợt (một đợt tuyển cho bộ đội địa phương, một đợt lấy quân ở vùng phong trào yếu). Việc xây dựng các lực lượng được tiếp tục đẩy mạnh; đã củng cố, bồi dưỡng, bố trí lại dân quân tự vệ cho phù hợp với tình hình mới, đồng thời chú ý kiểm tra và đẩy mạnh việc thực hiện chính sách hậu phương quân đội. Công tác điều tra, nghiên cứu nắm tình hình và đấu tranh chống địch, công tác bảo vệ cơ quan, xí nghiệp... cũng được đẩy mạnh thêm và có mặt đạt kết quả ngày càng tốt.

Công tác kiểm sát, xét xử vẫn được tiếp tục chú ý, nhằm phục vụ nhiệm vụ chính trị địa phương. Do đó, những vụ án tồn đọng đã căn bản được giải quyết. Việc chấp hành pháp luật trong việc bắt, giam giữ nói chung đảm bảo.

Tuy nhiên, trong công tác trị an quốc phòng cũng còn những vấn đề tồn tại như: Việc nắm tình hình còn thiếu sâu sát, cụ thể, chính xác, và chưa kịp thời (như vụ người Hán ở Y Tý chạy xuống Trịnh Tường, nhưng địa phương và ngành có trách nhiệm không kịp thời báo cáo). Công tác đấu tranh chống địch còn thiếu khẩn trương, chưa biết lợi dụng tình hình thuận lợi để tiến công mạnh mẽ vào bọn phản cách mạng. Việc đấu tranh chống bọn tội phạm hình sự, giữ gìn trật tự trị an ở khu vực biên giới, thị xã, thị trấn, nơi tập trung đông người chưa có biện pháp giải quyết thật tích cực, nên có vấn đề xảy ra đã lâu, có chiều hướng phát triển, nhưng chưa ngăn chặn được (buôn lậu, cờ bạc). Công tác động viên tuyển quân ở một số nơi chưa được chú ý lãnh đạo và chỉ đạo chặt chẽ, nên ở đó đạt yêu cầu còn thấp.

III. CÔNG TÁC ĐOÀN THỂ QUẦN CHÚNG VÀ CHÍNH QUYỀN

1. Về đoàn thể quần chúng

Hoạt động của các đoàn thể quần chúng đã được tập trung vào việc giáo dục, vận động quần chúng thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy về phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch năm 1973, gắn liền với đợt sinh hoạt chính trị “mừng Xuân đại thắng, mừng Đảng quang vinh”, hưởng ứng lời kêu gọi ngày 28-1-1973 của Trung ương Đảng và Chính phủ.

Mặt trận Tổ quốc: đã gắn liền đợt sinh hoạt chính trị đầu năm với việc tổng kết công tác năm 1972 để giáo dục, động viên các tầng lớp nhân dân các dân tộc nhận rõ thắng lợi vĩ đại của dân tộc, động viên tinh thần phấn khởi, tin tưởng, giáo dục truyền thống đoàn kết dân tộc, thấy rõ tình hình và nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới... Qua đó, đã đưa phong trào quần chúng đi vào hành động thiết thực; đặc biệt đã chú ý đẩy mạnh phong trào hoạt động của tổ chức phụ lão. Nhờ vậy, nhiều nơi quần chúng và các cụ phụ lão đã làm tốt việc trồng cây, việc thăm hỏi động viên các gia đình thương binh, liệt sĩ, quân đội và vận động giúp đỡ những gia đình gặp khó khăn trong dịp Tết. Công tác vận động nhân dân tiết kiệm lương thực, thực phẩm bán cho Nhà nước đạt kết quả ở một số nơi.

Công tác thanh niên có nhiều tiến bộ trong việc giáo dục tầng lớp thanh niên về tình hình, nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, giáo dục truyền thống đấu tranh của Đảng, của Đoàn trong dịp kỷ niệm ngày thành lập Đảng, ngày thành lập Đoàn. Tỉnh đoàn đã mở đợt thi đua “Tuổi trẻ ra quân, mừng Đảng quang vinh, mừng Xuân đại thắng”, có những hình thức tổ chức đưa phong trào thanh niên ở cơ sở hoạt động sôi nổi. Trong các công, nông trường, xí nghiệp có phong trào công trình Thanh niên, ngày lao động Đoàn và luyện tay nghề, chọn thợ giỏi... Những phong trào đó bước đầu có kết quả khá. Có nơi, ngày công lao động bình quân của

thanh niên đã tăng lên rõ rệt, từ 18 lên 21 công/tháng (Thanh niên xung phong). Trong nông thôn, nhiều nơi có phong trào Thanh niên làm phân bón, thủy lợi, hoạt động tích cực trong các tổ chức khoa học kỹ thuật, v.v.. Ngoài ra, Đoàn đã chỉ đạo sơ kết công tác nữ thanh niên, tổng kết phong trào ba sẵn sàng (8 năm) nhằm động viên khen thưởng đối với những đơn vị, cá nhân tiêu biểu của phong trào và được Trung ương Đoàn tặng cờ thưởng cho phong trào thanh niên toàn tỉnh.

Công tác phụ nữ đã tiến hành tổng kết năm 1972 và thực hiện đợt sinh hoạt chính trị, đầu năm 74% số xã, đồng thời tiến hành kỷ niệm ngày quốc tế Phụ nữ 8-3. Qua đó, đã động viên được đông đảo chị em tham gia học tập, nêu cao truyền thống đấu tranh của Hội. Những đợt thi đua hành động thiết thực đi liền với giáo dục chính trị, tư tưởng trong phụ nữ có tiến bộ hơn trước. Nhiều xã có phong trào tập huấn cấy đúng kỹ thuật. Có nơi đã vận động phụ nữ tham gia hội chợ thu mua, động viên chị em làm nghĩa vụ với Nhà nước. Phong trào phụ nữ chăn nuôi lợn, làm phân bón, trồng cây phát triển ở một số nơi. Chính sách hậu phương, quân đội được chú ý vận động phụ nữ thực hiện. Nhiều nơi, chị em tổ chức hoạt động và góp tiền giúp đỡ những gia đình thương binh, liệt sĩ, bộ đội neo đơn, khó khăn. Trong công tác nữ công, có phong trào thao diễn kỹ thuật cho nữ công nhân, thợ thủ công và vận động gửi tiền tiết kiệm.

Công tác Công đoàn, đã chú ý giáo dục, động viên cán bộ, công nhân, viên chức chuyển hướng nhận thức và hoạt động từ thời chiến sang thời bình, tích cực tham gia ổn định cơ sở sản xuất từ nơi sơ tán về nơi tập trung; động viên đẩy mạnh sản xuất phục vụ Tết “mừng Xuân đại thắng, mừng Đảng quang vinh”. Trong lao động sản xuất và quản lý kinh tế, Công đoàn đã có sự chú ý phát hiện, góp ý kiến về chuyên môn, giải quyết các khâu bất hợp lý. Do đó, phong trào thi đua trong công nhân, viên chức bước đầu có kết quả.

Tóm lại, hoạt động của các đoàn thể quần chúng trong quý qua có một số kết quả chuyển biến mới, nhưng vẫn còn những tồn tại, nhược điểm như: phong trào chưa mạnh, chưa đồng đều, phần lớn còn ở phạm vi điển hình, chưa mở rộng được ra diện. Do đó, tác động mạnh mẽ đến với thực hiện kế hoạch nhà nước còn hạn chế. Việc gắn chặt đợt sinh hoạt chính trị với việc bồi dưỡng cán bộ và củng cố các tổ chức quần chúng làm còn yếu. Những tệ tục, tập quán lạc hậu có chiều hướng phát triển, nhưng việc vận động, giáo dục cải tạo vẫn chưa được chú ý thực hiện. Công tác đời sống trong công nhân, viên chức của Công đoàn chưa tích cực chỉ đạo. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho các đoàn viên, hội viên của các đoàn thể ở cơ sở làm còn yếu. Các cấp ủy huyện và cơ sở chưa quan tâm đúng mức đến việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác quần chúng.

2. Công tác chính quyền

Nhìn chung công tác chính quyền ở các cấp ngày càng được chú ý. Việc xây dựng chính quyền xã giải tỏa toàn diện được tiếp tục đẩy mạnh, đã có 81/124 xã tổng kết cuộc vận động năm 1972. Riêng huyện Mường Khương đã tổ chức tổng kết ở huyện.

Tuy nhiên, hoạt động công tác của bộ máy chính quyền ở cơ sở vẫn còn nhiều nơi yếu. Bộ máy chính quyền các huyện cũng còn một số nơi chưa phát huy được chức năng, vai trò và tác dụng trong việc điều hành bộ máy nhà nước để chỉ đạo thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên và nhiệm vụ của địa phương (kể cả về công việc hành chính và pháp chế).

Công tác bầu cử Hội đồng nhân dân huyện, xã năm nay đang được tích cực chuẩn bị. Nhìn chung việc tiến hành bầu cử đảm bảo được đúng pháp luật Nhà nước quy định. Tuy nhiên, một vài nơi chưa thực hiện tốt nguyên tắc, thể hiện như niêm yết danh sách cử tri, thành lập Hội đồng bầu cử, giới thiệu và công bố danh sách ứng cử viên bị chậm, ngày bầu cử định vào 22-4, nhưng vì việc chuẩn bị chưa tốt, do đó để đảm bảo quyền dân chủ của nhân dân

và chấp hành đúng pháp luật Nhà nước, tỉnh đã quyết định hoãn ngày bầu cử toàn tỉnh đến ngày 29-4 mới tiến hành.

IV - CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG

1. Về chính trị, tư tưởng

Công tác tư tưởng trong thời gian qua đã chú trọng gắn liền việc tuyên truyền các nhiệm vụ công tác trước mắt với tuyên truyền, giáo dục về thắng lợi của năm 1972, nhất là thắng lợi của 12 ngày đêm đánh bại cuộc tập kích chiến lược bằng B.52 của giặc Mỹ, thắng lợi vĩ đại chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình trên đất nước ta và tổ chức đợt sinh hoạt “mừng Đảng quang vinh, mừng Xuân đại thắng”, kỷ niệm 43 năm ngày thành lập Đảng.

Trong công tác tuyên truyền giáo dục chính trị, tư tưởng đã sử dụng được nhiều hình thức phong phú và tiến hành tương đối kịp thời, nên đã làm cho đảng viên, cán bộ, công nhân viên và nhân dân các dân tộc thấy rõ được thắng lợi vĩ đại của nhân dân ta, thất bại thảm hại của đế quốc Mỹ và tay sai; bước đầu quán triệt được nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, gây được khí thế phấn khởi trong sản xuất, công tác và học tập ở khắp các địa bàn và lĩnh vực hoạt động trong tỉnh. Từ đó, đã thúc đẩy phong trào thi đua lao động, giành năng suất cao, chất lượng tốt ở một số cơ sở tiến bộ.

Công tác giáo dục lý luận cho đảng viên, cán bộ cũng có những cố gắng. Lớp học chính trị trung cấp tại chức cho cán bộ các cơ quan xung quanh tỉnh và các lớp học sơ cấp của huyện đến nay đã hoàn thành chương trình các bài. Việc tổng kết công tác trường Đảng tỉnh năm 1972 đã xong và đang tích cực chuẩn bị mở các lớp học cho cán bộ chủ chốt khối công nghiệp và cấp xã.

Tuy nhiên, công tác tuyên truyền, giáo dục ở những xã vùng cao và nông thôn xa xôi, hẻo lánh làm yếu và chậm. Một số nơi làm qua loa, hời hợt, mới dừng ở mức truyền tin chiến thắng, chưa đi

sâu vào ý nghĩa lớn lao của thắng lợi, chưa đẩy mạnh được khí thế hào hứng, phấn khởi biểu hiện rõ rệt trong lao động sản xuất, công tác và học tập. Hiện nay trong cán bộ, đảng viên còn nhiều biểu hiện của tư tưởng hòa bình, nghỉ ngơi, lo tính cá nhân (xin xuôi, xin đổi, trông chờ, bàn tán nhiều về tăng lương, giảm giá hàng...).

Công tác tư tưởng chính trị có nơi, có lúc thiếu kịp thời. Trong cán bộ, đảng viên và nhân dân có một số nhận thức mơ hồ như: lúc mới ký Hiệp định Pari thì chỉ thấy mặt thuận lợi, chưa thấy hết những khó khăn, phức tạp, gian khổ của cuộc đấu tranh trong hòa bình, nhưng khi nghe đài, đọc báo... thấy địch vi phạm, phá hoại Hiệp định Pari thì lại tỏ ra bi quan.

Tình hình trên đã phần nào ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch quý I và các công tác không đạt yêu cầu đề ra.

2. Công tác tổ chức - cán bộ, kiểm tra

Trong quý qua, các cấp ủy đã tập trung vào lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức việc tiến hành báo công, lập công, tự phê bình và phê bình trong cán bộ, đảng viên, tiến hành tổng kết năm 1972 và đề ra nhiệm vụ công tác năm 1973, đồng thời mở đại hội đảng bộ cơ sở và huyện, thị.

Qua thực hiện, đến nay nhiều đảng bộ đã họp xong đại hội, đang đi vào tổ chức thực hiện nhiệm vụ mới. Những nơi đã tiến hành đại hội, nhìn chung khí thế phong trào thể hiện trong việc thực hiện kế hoạch nhà nước quý I, sản xuất đông - xuân và các công tác có được nâng lên, tình hình Đảng bộ được củng cố một bước, ý thức xây dựng Đảng được tăng cường hơn, cấp ủy đảng được kiện toàn. Trong việc tổng kết năm 1972, qua báo cáo của 2 huyện Mường Khương, Bắc Hà thì có 22% số đảng bộ cơ sở, với 42% số đảng viên ở xã và 14% số đảng bộ cơ sở, với 46% số đảng viên ở cơ quan đạt tiêu chuẩn phấn đấu tốt; còn 17% số đảng bộ cơ sở, với 18% số đảng viên ở xã và 8% số đảng bộ cơ sở, với 6% số đảng viên các cơ quan thuộc loại kém.

Về mặt củng cố Đảng và nâng cao chất lượng đảng viên, đã tiến hành việc tổng kết thực hiện 2 nội dung (1 và 2) của Nghị quyết số 195 của Bộ Chính trị gắn liền với tổng kết tình hình kinh tế theo tinh thần Nghị quyết 19, 20 của Trung ương và tổng kết việc thực hiện chính sách dân tộc. Các chuyên đề tổng kết đó tới nay căn bản đã dự thảo xong báo cáo. Qua tổng kết đã giúp các cấp ủy bước đầu thấy được đúng mức về kết quả công tác bồi dưỡng, giáo dục, nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh trong 2 năm qua, về tình hình đã qua và nhiệm vụ kinh tế của thời gian tới ở một tỉnh miền núi, có nhiều dân tộc. Cũng từ đó, nâng cao thêm tinh thần trách nhiệm và trình độ năng lực của các cấp, các ngành, các đảng bộ trong việc lãnh đạo, chỉ đạo phong trào và việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng ở địa phương.

Công tác tuyên truyền kết nạp đảng viên mới ở một số đảng bộ được chú trọng thường xuyên. Trong quý qua, toàn tỉnh kết nạp được 11 đảng viên mới vào Đảng.

Về mặt sắp xếp tổ chức, đã tiến hành cải tiến tổ chức Đảng ở một số Đảng ủy cho phù hợp với tình hình và chức năng, nhiệm vụ của Đảng bộ đó (Thương nghiệp, Lâm nghiệp, Kiến trúc, Bưu điện).

Song song với việc kiện toàn các ngành, các cấp theo thường xuyên, việc xây dựng cấp huyện theo Thông báo số 6 của Ban Bí thư Trung ương đã được bắt đầu tiến hành làm thử ở một huyện (Bát Xát). Ban chỉ đạo làm thử đã được thành lập. Số cán bộ đi làm công tác này đã được bố trí (trên 130 đồng chí) và đã mở lớp bồi dưỡng cho cán bộ ở tỉnh và huyện Bát Xát trước khi xuống cơ sở.

Công tác bồi dưỡng, đào tạo, sử dụng cán bộ được chú ý tiếp tục thực hiện. Trong quý qua, tỉnh đã cử 43 cán bộ đi học các lớp Nguyễn Ái Quốc I, Nguyễn Ái Quốc III, các lớp kiểm tra, tổ chức, Hoàng Văn Thụ và các lớp văn hóa tập trung. Việc nghiên cứu sắp xếp và đề bạt cán bộ, thực hiện chính sách chế độ (như điều dưỡng sức khỏe, chữa bệnh, hưu trí, v.v.) được tiếp tục giải quyết một số trường hợp, đảm bảo được đúng đắn, hợp lý.

Công tác thí điểm thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư Trung ương Đảng ở 5 cơ sở do Tỉnh ủy chỉ đạo, đã hoàn thành và đã tổng kết ở cơ sở, nay đang chuẩn bị tổng kết ở tỉnh để rút kinh nghiệm và mở rộng diện thí điểm vào đợt tới. Qua đợt thí điểm đã làm, nói chung đảm bảo được yêu cầu trong việc xét xử đối với đảng viên thuộc diện xem xét, xử lý.

Đi đôi với việc xử lý đối với một số đảng viên trong diện thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư, công tác kiểm tra xét xử kỷ luật thường xuyên được tiến hành bình thường. Trong quý, đã tiến hành kiểm tra 4 vụ (1 vụ thuộc về tổ chức Đảng là Đảng ủy Ty Giao thông, 3 vụ thuộc về cá nhân đảng viên). Các vụ kiểm tra này đã xong ở cơ sở, nay đang chuẩn bị kết luận và xem xét, xử lý.

Về mặt kỷ luật, đã thi hành đối với 61 đảng viên, với các sai lầm: về lịch sử chính trị (10), về chấp hành chủ trương, chính sách, pháp luật (17), về ý thức tổ chức kỷ luật (21), về phẩm chất đạo đức (8) và một số trường hợp giác ngộ quá thấp; bằng các hình thức: khiển trách 7, cảnh cáo 8, cách chức 1, lưu Đảng 9, khai trừ 9, đưa ra Đảng bằng các hình thức khác 27.

Tóm lại, công tác tổ chức và cán bộ trong quý qua đã đạt được một số kết quả đáng kể. Tuy nhiên bên cạnh đó, còn một số nhược điểm tồn tại, cần tích cực giải quyết tốt hơn nữa như: việc tiến hành đại hội đảng bộ huyện, thị, đảng bộ tương đương, nói chung làm chậm, đến nay vẫn còn một huyện và một số Đảng bộ cơ quan, xí nghiệp chưa hoàn thành. Trong Đại hội và sau Đại hội, một số nơi chưa chuyển biến được phong trào sản xuất, công tác một cách mạnh mẽ, sôi nổi. Công tác tuyên truyền, phát triển Đảng, nâng cao chất lượng đảng viên còn yếu ở nhiều cơ sở. Việc xét xử kỷ luật và giải quyết các đơn khiếu nại, tố giác không kịp thời, còn để tồn đọng nhiều (khiếu nại còn 20 vụ, tố giác còn 121 vụ). Việc kiểm tra tình hình thí điểm thực hiện Chỉ thị 192 của Trung ương do các huyện, thị, đảng ủy làm đợt 1971 - 1972 tiến hành chậm, do đó chưa đánh giá được cụ thể ưu, khuyết điểm của đợt đó.

V. KẾT LUẬN VÀ CÁC NHIỆM VỤ CÔNG TÁC CHỦ YẾU TRONG QUÝ II-1973

Trong quý I - 1973, quá trình thực hiện các nhiệm vụ công tác tuy gặp một số khó khăn nhất định (một số nơi ở vùng cao bị nắng hạn, nguyên, nhiên vật liệu bị thiếu...), nhưng có nhiều thuận lợi mới do hoàn cảnh trở lại thời bình, lại có sự chuyển hướng theo tình hình nhiệm vụ mới trong công tác lãnh đạo và chỉ đạo của các cấp, các ngành, nên trên từng mặt công tác đều đã có những chuyển biến, tiến bộ và đã thu được một số kết quả đáng kể. Tuy nhiên, so với yêu cầu của tình hình, nhiệm vụ mới, so với các chỉ tiêu kế hoạch đề ra thì còn nhiều nhược điểm và khuyết điểm tồn tại. Đáng chú ý là khí thế của phong trào quần chúng thể hiện trong lao động, sản xuất, công tác, học tập chưa được mạnh mẽ, sôi nổi, đều khắp. Tình hình sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng cơ bản, thu mua phân phối... đạt kế hoạch thấp. Công tác trị an quốc phòng, xây dựng Đảng, củng cố các tổ chức cơ sở, củng cố hợp tác xã, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ... chưa đáp ứng kịp yêu cầu mới đòi hỏi.

Nguyên nhân chủ yếu của những nhược điểm, tồn tại trên là do: Nhận thức về tình hình, nhiệm vụ mới trong cán bộ, đảng viên và quần chúng, trong các cấp, các ngành, kể cả trong cán bộ lãnh đạo, chưa chuyển biến mạnh. Tinh thần phấn khởi, tin tưởng, “mừng Xuân đại thắng, mừng Đảng quang vinh” có được phát động, nhưng nhiều nơi chưa tổ chức tốt việc đưa cán bộ, đảng viên và quần chúng đi vào hành động cách mạng thiết thực trong lao động sản xuất, cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, hiệu suất công tác... Tư tưởng xả hơi, hòa bình, nghỉ ngơi, suy tính cá nhân, xin xuôi, xin đổi công tác... phát sinh và có chiều hướng phát triển, nhưng chưa được triệt để đấu tranh khắc phục. Công tác chỉ đạo thực hiện kế hoạch, quản lý kinh tế, đôn đốc kiểm tra phong trào, sâu sát cơ sở của các cấp ủy, các cấp chính quyền và

các ngành có trách nhiệm còn bị buông lỏng và chung chung, thiếu tập trung, dứt điểm, thiếu tinh thần trách nhiệm.

Để phát huy những kết quả đã giành được quý I, các cấp, các ngành, các đoàn thể cần kiểm điểm, kiểm tra lại tình hình, ra sức khắc phục nhược điểm, khuyết điểm tồn tại, thực hiện tốt các nhiệm vụ công tác của quý II-1973 như sau:

1. Cải tiến công tác chỉ đạo và quản lý kế hoạch, quản lý kinh tế, và bằng mọi biện pháp tích cực, cụ thể để thực hiện vượt mức kế hoạch nhà nước quý II-1973. Tập trung đẩy mạnh chăm bón các cây đã trồng vụ xuân, hoàn thành gieo cấy các cây vụ mùa (chú ý cây công nghiệp, cây đặc sản, nghề rừng và trồng cây) và phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm, đồng thời đẩy mạnh giao thông vận tải, xây dựng cơ bản, sản xuất công nghiệp, tài chính - thương nghiệp và các hoạt động văn hóa - xã hội... Chuẩn bị tốt việc điều chỉnh kế hoạch năm 1973 vào tháng 6-1973 và xây dựng kế hoạch dài hạn.

2. Có kế hoạch cụ thể và chỉ đạo chặt chẽ việc củng cố phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, thủ công nghiệp (kể cả hợp tác xã mua bán, tín dụng). Hoàn thành việc chỉ đạo rút kinh nghiệm việc xây dựng hợp tác xã liên hiệp ở vùng cao để mở rộng diện thực hiện trong tỉnh.

3. Tăng cường công tác bảo vệ, trị an ở nội địa và biên giới. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, công an, đảm bảo tốt công tác tuyển quân, đáp ứng kịp với tình hình nhiệm vụ mới. Tăng cường công tác nắm tình hình và trấn áp địch một cách kịp thời, chủ động, đồng thời bằng các biện pháp tích cực, giải quyết và ngăn chặn tốt các hiện tượng mất trật tự an ninh xã hội nảy sinh và phát triển (chú trọng các khu vực thị xã, thị trấn, biên giới, nơi tập trung đông người).

4. Hoàn thành việc tổng kết tình hình xây dựng, phát triển kinh tế theo tinh thần Nghị quyết 19, tổng kết việc thực hiện chính sách dân tộc, tổng kết công tác chống chiến tranh phá hoại...

Trên cơ sở đó, rút kinh nghiệm về công tác lãnh đạo, chỉ đạo về vận dụng đường lối, chính sách để đẩy mạnh phong trào và các mặt công tác phát triển nhanh hơn nữa.

5. Tích cực củng cố, xây dựng Đảng và các tổ chức chính quyền, đoàn thể quần chúng ở cơ sở. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền phát triển Đảng. Tiến hành tốt việc làm thử xây dựng cấp huyện (ở Bát Xát). Hoàn thành mở Đại hội Đảng bộ cấp huyện và tương đương; chuẩn bị Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ 6. Hoàn thành tổng kết và mở rộng thí điểm thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư Trung ương. Lãnh đạo, chỉ đạo tốt cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân huyện, xã, qua đó củng cố, kiện toàn một bước chính quyền cấp huyện, xã.

6. Tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng làm chuyển biến mạnh mẽ, sâu rộng hơn nữa nhận thức và hành động cách mạng trước tình hình, nhiệm vụ mới trong cán bộ, đảng viên, đồng thời tiếp tục kiện toàn củng cố tổ chức bộ máy một số cơ quan, xí nghiệp.

7. Tiến hành học tập và tổ chức thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về công tác cán bộ.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC
KHÁNH VINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 05-BC/TU, ngày 14-5-1973

Về tình hình công tác tháng 4-1973

Trong tháng 4-1973, trên tinh thần thi đua lập thành tích mừng chiến thắng và kỷ niệm ngày Quốc tế lao động 1-5, các cấp, các ngành và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã có nhiều cố gắng quyết tâm trong việc thực hiện nhiệm vụ kế hoạch nhà nước và công tác.

Kết quả đạt được trên các mặt chủ yếu là:

I. SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Các ngành và các địa phương đã tập trung vào việc hoàn thành cấy lúa xuân, thu hoạch mì ngắn ngày, đẩy mạnh trồng ngô xuân và tranh thủ trồng các loại cây còn thời vụ. Đến nay tuy các loại cây trồng đều chưa đạt kế hoạch diện tích, nhưng nói chung các cây lương thực chủ yếu diện tích đều tăng hơn cùng kỳ năm trước.

Lúa xuân đã cấy 2.345 ha, đạt 94,2% kế hoạch và 101,2% so với cùng kỳ năm 1972. Ngô xuân đã trồng 9.026,6 ha, đạt 75,1% kế hoạch và bằng 109,7% cùng kỳ năm 1972. Sò đã trồng 424,5 ha, đạt 25,7% kế hoạch và bằng 148% cùng kỳ năm 1972. Sắn đã trồng 519,5 ha, đạt 28,8% kế hoạch và bằng 44,8% cùng kỳ năm 1972. Mía công nghiệp đã trồng 95 ha, đạt 41% kế hoạch và bằng 59,3%

cùng kỳ năm 1972. Đậu tương xuân đã trồng 389 ha, đạt 43,2% kế hoạch và bằng 78,2% cùng kỳ năm 1972.

Nguyên nhân không đạt kế hoạch về diện tích trồng trọt chủ yếu do việc chỉ đạo chưa thật chặt chẽ, sát sao, cụ thể, nhất là ở cơ sở, trên các mặt tổ chức sản xuất, quản lý lao động, quản lý đất đai.

Hiện nay đại bộ phận các cây trồng đang ở thời kỳ phát triển. Thâm canh tăng năng suất cây trồng được các địa phương chú ý thực hiện. Riêng lúa đang được đẩy mạnh làm cỏ đợt 2; sâu bệnh xuất hiện ở một số xã (thuộc Bảo Thắng và Bát Xát) đang được tích cực có biện pháp diệt trừ. Phân bón cho lúa bình quân đạt 5,1 tấn/ha.

Việc làm mùa cũng đang được tiến hành khẩn trương; đến nay đã cày được 1.790 ha ruộng và gieo được 54.342 kg mạ.

Về chăn nuôi, nhìn chung đàn gia súc vẫn phát triển, kể cả khu vực quốc doanh, tập thể và gia đình. Riêng ở 2 thị xã, công tác bình tuyển giống lợn nái và tiêm phòng cho lợn đã căn bản xong. Trại cá Cốc San đã cho cá đẻ 2 đợt đạt kết quả khá.

Nghề rừng cũng có những cố gắng, tiến bộ, đã quy hoạch lâm nghiệp xong ở 8 xã (thuộc huyện Bảo Thắng và huyện Mường Khương). Các địa phương cũng đã tiến hành trồng được một số trúc, thông và ươm, gieo một số sa mộc.

II. CÔNG NGHIỆP

Sau khi đã ổn định địa điểm, dây chuyền sản xuất, công tác quản lý trong các cơ sở bước đầu được chú ý tăng cường việc cung cấp nguyên, nhiên, vật liệu có tiến bộ. Do đó sản xuất trong tháng có được đẩy mạnh hơn.

Tổng giá trị công nghiệp quốc doanh địa phương tháng 4-1973 ước thực hiện là 808.800 đồng, bằng 30,70% so với kế hoạch quý II và bằng 103,7% so với tháng trước. Tuy vậy, tốc độ phát triển giữa các ngành, các cơ sở trong sản xuất công nghiệp vẫn chưa đều;

một số sản phẩm chủ yếu so với kế hoạch còn đạt thấp. Việc cung cấp nguyên, nhiên, vật liệu, đáng chú ý là than củi vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu tối thiểu của các cơ sở.

Xây dựng cơ bản: Ngoài việc tiếp tục hoàn thành một số công trình chuyển tiếp của quý I, đang chuẩn bị thi công một số công trình mới. Song vì trong tháng, mùa mưa bắt đầu và việc chuẩn bị các thủ tục ban đầu vẫn còn rất chậm, nên tốc độ xây dựng trong tháng tiến triển chậm chạp.

Tổng số vốn đầu tư xây dựng cơ bản trong tháng 4-1973 ước thực hiện 16% kế hoạch quý II và bằng 108,2% so với tháng trước.

Giao thông vận tải: Công tác vận tải được chú ý đẩy mạnh, đã có cố gắng, tiến bộ trong phục vụ cho sản xuất nông - công nghiệp, xây dựng cơ bản và sự đi lại của nhân dân. Công tác bảo dưỡng đường tốt tranh thủ trước mùa mưa được xúc tiến.

Tổng khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển so với tháng trước bằng 119% về tấn và 128% tấn/km.

Tổng khối lượng hành khách so với tháng trước bằng 107% lượt người và 99% lượt người/km.

III. TÀI CHÍNH - THƯƠNG NGHIỆP

Công tác thu mua lương thực: Tính đến ngày 10-4-1973, công tác thu mua và nhập kho vụ mùa 1972 coi như đã kết thúc.

Tổng số thóc nhập kho được 2.651 tấn 800, bằng 77,1% so với kế hoạch Trung ương giao, so với năm trước bằng 173,3%. Trong đó thuế và nghĩa vụ được 1.784 tấn 500, bằng 94,9%. Mua giá cao được 817 tấn 800, bằng 52,4% kế hoạch.

Tổng số ngô đã nhập kho (tính cả năm) được 438,800 tấn, bằng 62,6% và so với năm trước bằng 112%. Trong đó, thuế và nghĩa vụ được 352,400 tấn, bằng 71,4%. Mua giá cao được 86 tấn 400, bằng 43,3% kế hoạch.

Sắn khô mua được 73,694 tấn, bằng 24,56% kế hoạch.

So với năm trước, số thóc và ngô nhập kho năm nay đều tăng, nhưng chủ yếu đều tăng do mua giá cao. Còn sắn khô thì đạt rất thấp so với kế hoạch.

Công tác thu mua nông sản - thực phẩm - công nghệ phẩm: Phân động các huyện, thị đã mở hội nghị chuyên đề kiểm điểm công tác thu mua. Các hợp đồng thu mua với các cơ sở sản xuất đã được xúc tiến ký kết.

Tổng giá trị thu mua: Hàng nông sản - thực phẩm ước đạt 30% so với kế hoạch quý II - 1973. Hàng công nghệ phẩm ước đạt 50% so với kế hoạch quý II - 1973.

Hàng công nghệ phẩm ước đạt 50% so với kế hoạch quý II - 1973.

Công tác phân phối - bán ra: Để phục vụ khách hàng tốt hơn, đã mở thêm một quầy hàng bách hóa ở thị xã bán theo ca, ngoài ra còn tổ chức thêm 1 - 2 quầy hàng nông sản thực phẩm ở các tuyến đường, quầy hàng bán thức ăn chín cho cán bộ, công nhân viên và nhân dân thị xã. Việc tổ chức phục vụ ngày Quốc tế Lao động 1-5 đã có cố gắng. Một số mặt hàng bán theo tiêu chuẩn định lượng (thịt) đã được thanh toán xong cả tháng 5-1973. Ngoài các thứ trong tiêu chuẩn, đã tổ chức bán thêm cho mỗi cán bộ, công nhân một vài mặt hàng: Cá tươi, đường đỏ, sữa bột... Tổng giá trị bán ra ước đạt 28% so với kế hoạch quý II - 1973.

Công tác quản lý thị trường được chú ý nên đã hạn chế được nhiều trường hợp buôn bán trái phép và giá cả thị trường tự do không có biến động lớn.

Nhưng hiện nay trong công tác thương nghiệp thì khâu tổ chức mua vào, phân phối bán ra còn nhiều chỗ bất hợp lý, chưa được cải tiến, nên các chỉ tiêu nói chung đạt còn thấp và gây lãng phí nhiều lao động xã hội.

Các trường hợp tham ô, mất mát tiền - hàng để kéo dài, không giải quyết dứt khoát, rõ ràng.

IV. CÔNG TÁC TRỊ AN - QUỐC PHÒNG

Trong tháng qua, công tác trị an - quốc phòng vẫn được tiếp tục đẩy mạnh. Hoạt động của bọn phản cách mạng không có vấn đề gì lớn xảy ra.

Tình hình trị an xã hội nói chung ổn định. Riêng ở khu vực ở thị xã, thị trấn, dọc đường sắt còn xảy ra những vấn đề phức tạp, nhất là nạn trộm cắp, móc túi, cờ bạc, một số hành động cần quấy. Đối tượng chính gây nên tình trạng trên là do số 545 tên tù binh hình sự hết hạn mới ra, hiện đang làm ở mỏ apatít và ở xí nghiệp đường, rượu, giấy.

Trị an biên giới được đảm bảo. Tồn tại ở biên giới hiện nay chủ yếu vẫn là vấn đề buôn lậu.

Các biện pháp giữ gìn trị an được tăng cường, đã đảm bảo an toàn ngày kỷ niệm Quốc tế Lao động 1-5. Việc đăng ký thống kê lực lượng để chuẩn bị cho tuyển quân, củng cố, bồi dưỡng lực lượng dân quân tự vệ đã được chú ý tiến hành.

Công tác kiểm sát đang tập trung kiểm tra một số xí nghiệp, đã phát hiện một số vụ tham ô, vi phạm nguyên tắc quản lý vật tư, tài sản của Nhà nước và đã xét xử một số vụ án.

Tồn tại của công tác trị an - quốc phòng hiện nay vẫn là việc nắm tình hình không kịp thời; nhiều dư luận lan ra không được truy xét, kết luận; hiệu lực của các biện pháp quản lý trị an chưa được phát huy; một số vụ án lớn chưa được xét xử kịp thời.

V. CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG

Về tư tưởng chính trị: Công tác chính trị, tư tưởng trong tháng đã tập trung vào việc tuyên truyền, giáo dục đảng viên và quần chúng nhân dân về ý nghĩa thắng lợi của ta (thắng lợi của việc ký Định ước Pari về Việt Nam, 3 tháng thi hành Hiệp định Pari...), thắng lợi của việc ký Hiệp định chấm dứt chiến tranh ở Lào...,

kết hợp với tuyên truyền ý nghĩa ngày 1-5, ngày bầu cử Hội đồng nhân dân và Đại hội Đảng bộ các cấp.

Màng lưới báo cáo viên các huyện, thị, đảng ủy, chi bộ trực thuộc và các đoàn thể quần chúng đã được bồi dưỡng kịp thời, nên đã triển khai được việc tuyên truyền giáo dục rộng xuống các địa bàn cơ quan, công, nông, lâm trường, xí nghiệp và nông thôn (riêng huyện Sa Pa làm chậm, chưa triển khai xuống tới xã).

Nhìn chung, công tác tuyên truyền giáo dục đã làm cho mọi người nhận thức sâu sắc thêm ý nghĩa thắng lợi của cách mạng, nâng cao lòng tự hào, phấn khởi, hăng hái quyết tâm vươn lên làm tròn nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới. Các tư tưởng sai trái (hòa bình nghỉ ngơi, đòi hưởng thụ đãi ngộ...) đã dần dần được uốn nắn, khắc phục.

Công tác giáo dục lý luận cơ bản cho cán bộ, đảng viên cũng đang được xúc tiến để thực hiện kế hoạch huấn luyện năm 1973. Lớp học tập trung cho hai hệ công nghiệp và cán bộ chủ chốt ở cấp xã đã được triệu tập và khai giảng vào đầu tháng 5-1973.

Về tổ chức, kiểm tra: Trong tháng, việc tiến hành Đại hội Đảng 2 cấp tiếp tục được đẩy mạnh: 3 huyện, 1 thị xã, 4 đảng ủy và 1 chi bộ trực thuộc đã hoàn thành xong họp Đại hội. Qua việc tiến hành các Đại hội nói trên, nói chung, các nguyên tắc, thủ tục quy định được đảm bảo thực hiện, dân chủ nội bộ được phát huy, tinh thần, khí thế hồ hởi, phấn khởi của đảng viên, quần chúng trong lao động sản xuất, công tác được động viên đẩy mạnh. Tuy nhiên việc mở Đại hội Đảng các cấp nhìn chung còn chậm. Đến nay mới có 16/28 Đảng bộ trực thuộc tỉnh mở xong Đại hội.

Vừa qua tỉnh đã tiếp nhận Đảng ủy Đoàn địa chất 39 trước ở Bắc Thái nay chuyển về làm nhiệm vụ ở Lào Cai.

Trong tháng tỉnh cũng đã lãnh đạo, chỉ đạo công tác bầu cử Hội đồng nhân dân hai cấp đạt kết quả tốt, toàn tỉnh cử tri đi bỏ phiếu đạt 98,3%, cơ cấu Hội đồng nhân dân hai cấp đạt tốt.

Các đoàn thể quần chúng hoạt động đều, công đoàn đi vào nâng cao năng suất lao động, chỉ đạo định mức lao động, Phụ nữ đẩy mạnh phong trào học tập và nuôi dạy con cái trong mùa hè, Tỉnh đoàn thanh niên đã tổng kết Thanh niên, ba sẵn sàng trong 8 năm chống Mỹ, cứu nước và đẩy phong trào xây dựng Đội Thiếu niên, nhi đồng nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập Đội. Mặt trận đẩy tinh thần kết nghĩa Lào Cai - Thủ Dầu Một để động viên tinh thần, khí thế trong lao động sản xuất, bảo vệ trẻ em... Tích cực chuẩn bị cho việc mở hội nghị Tỉnh ủy và hội nghị cán bộ nghiên cứu, thảo luận Nghị quyết số 225 của Trung ương về công tác cán bộ và ra Nghị quyết của tỉnh về công tác cán bộ.

Mặt khác tỉnh đã và đang tập trung vào việc chuẩn bị tổng kết đợt thí điểm thực hiện Chỉ thị số 192 của Trung ương và kế hoạch tiến hành đợt thí điểm mở rộng thực hiện Chỉ thị này trong thời gian sắp tới.

NHỮNG CÔNG TÁC CHỦ YẾU TRONG THÁNG 5-1973

- Trên cơ sở đẩy mạnh đợt thi đua (1-5, 2-9), trước mắt là đợt thi đua ngắn 1-5, 19-5 lấy thành tích kỷ niệm lần thứ 83 Ngày sinh của Hồ Chủ tịch, các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh, bằng hành động cách mạng, nỗ lực phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ tháng 5 và 6 tháng đầu năm 1973, tập trung vào những công tác chủ yếu dưới đây:

- Chuẩn bị và làm tốt việc thu hoạch lúa sớm. Đảm bảo gieo đủ mạ, làm mùa đảm bảo kế hoạch diện tích và kịp thời vụ. Đẩy mạnh chăm sóc các loại cây trồng.

- Bổ sung lực lượng lao động cần thiết cho các cơ sở sản xuất, đồng thời tổ chức tốt sản xuất, tăng cường quản lý sản xuất, đi vào định mức kinh tế, kỹ thuật.

- Đẩy mạnh xây dựng cơ bản, khẩn trương tranh thủ trước mùa mưa.

- Củng cố, mở rộng mạng lưới thương nghiệp, tăng cường lực lượng và đẩy mạnh công tác thu mua phục vụ sản xuất, đời sống.
- Đảm bảo trật tự an ninh biên giới, nội địa, có biện pháp tích cực, kiên quyết giải quyết tốt tình hình trị an xã hội ở các thị xã và một số thị trấn đang có những vấn đề phức tạp.
- Hoàn thành tốt việc bầu cử Ủy ban hành chính hai cấp, đẩy mạnh đợt vận động làm thủ xây dựng cấp huyện.
- Tiếp tục đẩy mạnh việc tiến hành Đại hội Đảng đối với các Đảng bộ chưa mở đại hội.
- Khẩn trương chuẩn bị cho việc triển khai Nghị quyết công tác cán bộ của Trung ương.
- Tiến hành tổng kết đợt thí điểm thực hiện Chỉ thị 192 của Trung ương.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC
KHÁNH VINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 21-TB/TU, ngày 6-6-1973

Về điều chỉnh kế hoạch nhà nước năm 1973* (Trích)

Trong phiên họp ngày 30-5-1973, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nghe báo cáo tình hình và bàn định một số vấn đề về điều chỉnh kế hoạch nhà nước năm 1973.

Dự họp có các đồng chí: Trường Minh, Phạm Gia Tuân, Nguyễn Ân; vắng các đồng chí: Nông Công Thương, Việt Tiến, Lương Quyết Định, Cư Hòa Vân, Nguyễn Trí Nghị, Vi Khánh Vinh (do đi chữa bệnh, điều dưỡng, đi học và đi công tác).

Sau khi nghe Ủy ban kế hoạch tỉnh báo cáo về tình hình thực hiện kế hoạch 6 tháng đầu năm và đề nghị điều chỉnh một số chỉ tiêu kế hoạch năm 1973, Ban Thường vụ bàn bạc, phân tích đã nhất trí đánh giá tình hình và hướng điều chỉnh kế hoạch năm 1973 của tỉnh ta như sau:

1. Đối chiếu với phương hướng, nhiệm vụ của Tỉnh ủy đã đề ra và các chỉ tiêu kế hoạch nhà nước của tỉnh đã được duyệt, nhìn chung việc thực hiện từ đầu năm đến nay đã đạt một số kết quả. Sự chỉ đạo của các cấp, các ngành đã có những cố gắng đẩy mạnh một số mặt ngày càng khá hơn. Một số chỉ tiêu sản xuất vụ đông -

* Trích Thông báo về Hội nghị thường kỳ Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai.

xuân như: (...) khoai sọ, đào riềng, cây thuốc và chăn nuôi... đạt mức khá và tăng hơn năm 1972. Trong công nghiệp, xây dựng cơ bản, lưu thông phân phối, văn hóa - xã hội... có mặt, có khâu tiến bộ. Tuy nhiên, kiểm điểm lại thì việc thực hiện kế hoạch nhà nước trong các cấp, các ngành còn nhiều nhược điểm, thiếu sót tồn tại, các chỉ tiêu kế hoạch trên các mặt đại bộ phận đều mới thực hiện được ít, kết quả đạt được còn thấp... Có chỉ tiêu sản xuất cũng như chế biến tiêu thụ kém nên sẽ ảnh hưởng cho cả năm tới (sắn, mía), tẻ phá rừng còn nghiêm trọng ở nhiều nơi. Việc thực hiện kế hoạch sản xuất công nghiệp, xây dựng cơ bản, lưu thông phân phối, văn hóa, y tế... còn nhiều vấn đề trì trệ. Có những nhiệm vụ, phương hướng của Tỉnh ủy đã đề ra (trong Nghị quyết số 13 của Tỉnh ủy) đến nay vẫn chưa triển khai thực hiện.

Những tồn tại nêu trên, không phải về phương hướng, nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch đề ra không sát với khả năng, điều kiện của tỉnh ta, cũng không phải do thời tiết và các khó khăn khách quan khác gây ra là chính, mà chủ yếu do biện pháp chỉ đạo tổ chức thực hiện không tập trung dứt điểm, còn tản mạn tùy tiện, vẫn còn mang tính chất của lối sản xuất nhỏ.

Trong chỉ đạo thực hiện còn thiếu kế hoạch toàn diện, thiếu cân đối, không ăn khớp khế hở kín các khâu, thiếu tích cực giải quyết cụ thể những mâu thuẫn đã có và nảy sinh giữa sản xuất và tiêu thụ, giữa nông nghiệp và công nghiệp, giữa công nghiệp và lưu thông phân phối, giữa lao động, tiền vốn và vật tư..., thậm chí vẫn còn nhiều việc không có bộ phận chịu trách nhiệm rõ ràng. Các bộ máy nhà nước chưa phát huy đầy đủ hiệu lực theo chức năng được giao, thiếu kiểm tra đi sâu xuống cơ sở, nhất là cơ sở nông thôn, còn quan liêu, ngại khó... Những thiếu sót này đã kiểm điểm lâu nay, nhưng các cấp, các ngành, các đảng đoàn... vẫn để kéo dài chưa nghiêm túc tự sửa chữa và rút kinh nghiệm sâu sắc.

2. Việc điều chỉnh kế hoạch năm 1973, nhất trí với hướng điều chỉnh của Ủy ban Kế hoạch, nhưng cần phải căn cứ vào tình hình

kết quả, ưu, khuyết điểm như trên, bám chắc vào mục tiêu kế hoạch của Trung ương đã giao và các phương hướng nhiệm vụ của Tỉnh ủy đã đề ra trong Nghị quyết số 13, ngày 15-1-1973 và tình hình nhiệm vụ mới để tính toán, điều chỉnh một cách tích cực và chắc chắn; chống tư tưởng tiêu cực, bảo thủ, phiêu lưu không sát với điều kiện thực tế địa phương. Ủy ban Kế hoạch tỉnh phải có kế hoạch tính toán cân đối thật cụ thể về ba mặt (tiền vốn, lao động, vật tư), kể cả kế hoạch sử dụng lao động thủ công và cơ giới cho từng thời gian, thời vụ để xem lại từng loại chỉ tiêu mà điều chỉnh cho sát.

3. Về biện pháp thực hiện kế hoạch: các cấp, các ngành phải tăng cường chỉ đạo chặt chẽ, sát sao, đề cao trách nhiệm đảng đoàn, chính quyền cần xác định ranh giới, chức năng và giao trách nhiệm rõ cho từng ngành, từng cấp, từng bộ phận, tăng cường kiểm tra, đôn đốc giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc giữa các ngành và của cơ sở đề nghị.

Trong nông - lâm nghiệp, các cấp, các ngành phải khẩn trương giải quyết và đặc biệt quan tâm thực hiện các vấn đề trước mắt như: tập trung mọi khả năng, lực lượng, bằng mọi biện pháp để gieo cấy hết diện tích vụ mùa; tăng cường phân bón, chăm sóc cây trồng; chỉ đạo phát triển vụ hè - thu nhằm hoàn thành vượt mức kế hoạch tổng sản lượng của Trung ương đã giao và phấn đấu mức cao nhất, cố gắng nhất đối với kế hoạch của tỉnh.

Trong công tác xây dựng cơ bản, cần định rõ và tập trung mọi mặt vào những loại công trình trọng điểm, có sự chỉ đạo, thực hiện một cách tập trung dứt điểm, huy động và giải quyết kịp thời về lao động, vật tư, nguyên vật liệu cho các công trình trọng điểm, khẩn trương thi công, hoàn thành với tốc độ nhanh để sớm đưa vào phát huy tác dụng, phục vụ kịp thời cho yêu cầu sản xuất và đời sống. Các công trình được duyệt ở ngành nào, địa phương nào thì những nơi đó phải tập trung chỉ đạo, động viên mọi khả năng, phát động quần chúng tham gia để hoàn thành kế hoạch được giao, tránh để dây dưa kéo dài, vốn bị ứ đọng... Phải tập trung chỉ đạo

công tác quy hoạch thiết kế để đảm bảo đúng trình tự thủ tục về xây dựng cơ bản để đẩy mạnh tốc độ thi công các công trình vào 6 tháng cuối năm 1973. Tăng cường sự chỉ đạo đối với các nông trường và trạm trại nông nghiệp, giao trách nhiệm và phát huy chức năng thí nghiệm, thực nghiệm của các trạm trại, nghiên cứu về các cây giống, con giống tốt của địa phương.

Đảng đoàn chính quyền và Ủy ban kế hoạch tỉnh thường xuyên nắm chắc tình hình thực hiện kế hoạch, uốn nắn những lệch lạc, chậm trễ, đồng thời phải có sự kiểm điểm nghiêm khắc đối với những đơn vị thực hiện kế hoạch một cách tùy tiện, làm cho tính chất pháp lệnh của kế hoạch ngày càng có hiệu lực cao.

Căn cứ vào chức năng của mình, gắn liền trong dịp sơ kết 6 tháng đầu năm, Đảng đoàn chính quyền, Ủy ban kế hoạch và các cấp, các ngành cần nghiên cứu kiểm điểm, đánh giá mặt mạnh, mặt yếu, rút ra những tồn tại, nguyên nhân, đề ra biện pháp thực hiện thông báo này, nhằm phấn đấu hoàn thành tốt kế hoạch cả năm 1973 sau khi đã điều chỉnh và thường kỳ báo cáo về Tỉnh ủy theo chế độ quy định.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
BÍ THƯ
TRƯỜNG MINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 06-BC/TU, ngày 10-6-1973

Về tình hình công tác tháng 5-1973

Trong tháng 5-1973, với tinh thần thi đua lập thành tích mừng Việt Nam đại thắng, kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động 1-5, kỷ niệm lần thứ 83 Ngày sinh của Hồ Chủ tịch, các cấp, các ngành và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã có những cố gắng và thu được những kết quả đáng kể trong việc thực hiện kế hoạch nhà nước và các mặt công tác.

Kết quả đạt được trên các mặt chủ yếu như sau:

I. NÔNG - LÂM NGHIỆP

Các ngành, các cấp đã tập trung vào việc hoàn thành trồng ngô, thu hoạch mì ngắn ngày, cày bừa ruộng lúa mùa ở vùng cao, chỉ đạo chăm bón, trừ sâu bệnh và chuẩn bị thu hoạch lúa xuân ở vùng thấp. Tình hình sản xuất nhìn chung có những mặt cố gắng, nhưng kết quả còn hạn chế, tốc độ chậm, so với kế hoạch đạt còn thấp.

Lúa chiêm xuân, đầu tháng 5, trên 400 ha bị sâu bệnh đã kịp thời phòng trừ, đến nay một số nơi đã thu hoạch lúa xuân sớm, năng suất ước tính (đợt 1) 28,4 tạ/ha, bằng 94% so với kế hoạch và 97% so với năm 1972. Mì ngắn ngày đã thu hoạch nhanh gọn, năng suất bình quân ước 3,5 tạ/ha.

Làm mùa, mạ đã gieo được 317 tấn, ruộng một vụ đã cày được 79%, ruộng bờ mới được 63% so với diện tích đã cày. Hiện nay vùng cao một số nơi đã cấy. Lúa nương đã gieo 1.610 ha, tuy hiện nay mới bằng 89% cùng kỳ năm 1972 nhưng nếu các địa phương không kịp thời ngăn chặn phá rừng thì sẽ vượt xa kế hoạch. Một số cây trồng khác đạt kế hoạch thấp: khoai lang 30% (196 ha), sắn 28% (657 ha)... Sở dĩ kế hoạch đạt thấp chủ yếu là do biện pháp chỉ đạo không tập trung, không sát sao, không kiên quyết, hợp tác xã quản lý lãnh đạo không tốt, xã viên đi làm ăn riêng lẻ, nên không nắm được tình hình chính xác.

Về chăn nuôi, cả ba khu vực (quốc doanh, tập thể và gia đình) đều phát triển bình thường, phòng trừ dịch bệnh được kịp thời, đàn gia súc của quốc doanh so với tháng 4 đều tăng. Cá giống phát triển tốt.

Đời sống nhân dân nói chung (kể cả vùng cao) vẫn đảm bảo; lẻ tẻ một số xã ở Sa Pa có diện thiếu lương thực, cơ sở đang tiến hành nắm thêm tình hình và thực hiện các biện pháp để giải quyết.

II. CÔNG NGHIỆP

Tình hình cung cấp nguyên, nhiên, vật liệu do điều kiện thuận lợi hơn trước, nên đã dần dần đỡ khó khăn. Trong tháng đã giải quyết tập trung vào một số ngành sản xuất chủ yếu (tinh dầu xuất khẩu, đường mật, cơ khí phục vụ nông nghiệp, chế biến nông sản, vật liệu xây dựng...), nên sản xuất có khá hơn, tăng hơn tháng trước.

Tổng giá trị sản xuất công nghiệp quốc doanh địa phương tháng 5 ước thực hiện 793.000 đồng, bằng 30,1% kế hoạch quý II và bằng 105% so với tháng 4. Trong đó nhóm A ước thực hiện 233.300 đồng, bằng 27,3% kế hoạch quý II, và nhóm B ước thực hiện 559.700 đồng, bằng 31,5% kế hoạch quý II. Tuy nhiên, tình hình sản xuất ở nhiều cơ sở công nghiệp địa phương chưa thật ổn định, một số xí nghiệp kế hoạch chỉ đạt từ 50 - 70% so với tháng

trước (xi măng, thực phẩm tổng hợp, thủy tinh); việc cung cấp nguyên, nhiên, vật liệu không đảm bảo, đáng chú ý là than không đảm bảo yêu cầu cần thiết của cơ sở và chất lượng than kém.

Xây dựng cơ bản: Mặc dầu còn những khó khăn về vật tư, lao động, nhưng các cấp, các ngành đã cố gắng tập trung cho những công trình trọng điểm nên tốc độ xây dựng có khá hơn tháng trước. Nhưng so với yêu cầu xây dựng của tỉnh ta thì còn chậm.

Tổng số vốn đầu tư xây dựng cơ bản trong tháng 5 ước thực hiện 496.000 đồng, bằng 15,8% kế hoạch quý II và bằng 104% so với tháng trước. Sở dĩ tiến độ xây dựng chưa nhanh là do việc giải quyết lao động không được khẩn trương, tích cực và phần lớn công trình đã ghi vốn đến nay vẫn chưa có thủ tục.

Giao thông vận tải: Công tác vận tải vẫn được đẩy mạnh và cố gắng phục vụ cho sản xuất công - nông nghiệp, xây dựng cơ bản và đi lại của nhân dân. Các tuyến đường rải đá, rải nhựa đang được xúc tiến. Công tác tu bổ, bảo dưỡng đường tiến hành được thường xuyên, đảm bảo giao thông thông suốt.

Tổng khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển ước thực hiện 16.607 tấn và 305.287 tấn/km, so với tháng 4 đạt 107% về tấn và 92% về tấn/km.

Tổng khối lượng hành khách vận chuyển và luân chuyển ước thực hiện tháng 5 so với tháng 4 đạt 106% về người và 113% về người/km.

III. TÀI CHÍNH - THƯƠNG NGHIỆP

Công tác thu mua lương thực: Trong tháng vẫn tiếp tục thu mua sắn lát được 30 tấn, bằng 7,7% kế hoạch cả vụ, nếu tính cả từ đầu vụ đến nay mới được 155 tấn, bằng 38,7% kế hoạch. Hiện nay đã cuối vụ nên tiến độ nhập kho sẽ chậm lại.

Thu mua nông sản - thực phẩm - công nghệ phẩm và xuất khẩu: Tổng giá trị thu mua trong tháng 5 ước thực hiện so với kế

hoạch quý II: nông sản - thực phẩm đạt 21,9% (193.000 đồng), công nghệ phẩm đạt 35% (465.000 đồng) và xuất khẩu đạt 36,3% (115.900 đồng). Nói chung công tác thu mua đều kém hơn tháng trước, riêng hàng xuất khẩu tăng hơn tháng 4.

Công tác phân phối - bán ra: Các mặt hàng phục vụ đời sống, hàng tiêu chuẩn định lượng tương đối đảm bảo và tổ chức phục vụ tốt các ngày lễ trong tháng...

Tổng giá trị bán ra ước thực hiện 1.901.600 đồng, bằng 28,7% kế hoạch quý II.

Tài chính - Ngân hàng: Tổng thu cho ngân sách ước thực hiện 99,8% kế hoạch tháng và chi ngân sách ước đạt 104,5% kế hoạch tháng, số chi vượt kế hoạch phần lớn là chi về kiến thiết kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế, còn về hành chính chi đạt 95,9% kế hoạch. Công tác cho vay phục vụ nông nghiệp và thu nợ được đẩy mạnh, thực hiện so với kế hoạch quý II cho vay đạt 37% và thu nợ đạt 25%, công tác quản lý tiền mặt được đảm bảo, thu đạt 35,9% kế hoạch và số bội chi giảm hơn tháng trước.

IV. CÔNG TÁC TRỊ AN - QUỐC PHÒNG

Trong tháng 5-1973, công tác trị an - quốc phòng vẫn tiếp tục đẩy mạnh. Về mặt trị an đã tập trung vào việc thực hiện các biện pháp để giữ gìn trật tự xã hội ở thị xã, thị trấn. Tình hình trị an xã hội so với tháng trước có khá hơn; các tai nạn, tệ nạn xã hội có giảm, tình hình trị an biên giới nói chung ổn định. Tuy nhiên, có 2 vấn đề xảy ra đáng chú ý: ngày 31-4-1973 có 2 người mặc quân phục Trung Quốc mang theo vũ khí, đi sâu vào xã Nậm Chảy (Mường Khương) và có nói với dân ở đây là sẽ đòi lại đất vì đất Nậm Chảy trước đây là của Trung Quốc; ngày 11-5-1973 ta bắt được một thanh niên Trung Quốc đang đi bộ trên đường sắt Lào Cai - Yên Bái, khi khám thấy trong người thanh niên đó có tiền nhân dân tệ, lương khô, thẻ ra vào xưởng quân giới của Quân giải phóng Trung Quốc.

Tình hình hoạt động của các loại phản cách mạng không có vấn đề gì lớn. Chúng ta đã xét xử một số vụ án lớn tồn tại từ những năm trước; đang tiếp tục chuẩn bị cho công tác tuyển quân (đăng ký thống kê, khám sức khỏe), củng cố, bồi dưỡng lực lượng dân quân tự vệ.

Tồn tại của công tác trị an - quốc phòng hiện nay là: một số mặt công tác (huấn luyện dân quân tự vệ, khảo sát đối tượng) làm còn chậm, một số vụ án lớn còn để kéo dài.

V. CÔNG TÁC ĐẢNG

Về tư tưởng chính trị: Tháng 5-1973, công tác tư tưởng, chính trị đã tập trung vào những chủ đề lớn: Kỷ niệm ngày Quốc tế lao động 1-5 và mừng Việt Nam đại thắng, kỷ niệm sinh nhật Hồ Chủ tịch, tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân 2 cấp, tiếp tục bước I của công tác làm thủ xây dựng cấp huyện.

Qua việc tuyên truyền, giáo dục đã làm cho đảng viên, cán bộ và nhân dân các dân tộc nhận rõ hơn nữa ý nghĩa thắng lợi vĩ đại của dân tộc ta và những nhiệm vụ trước mắt của cách mạng trong giai đoạn mới; thắng lợi của dân tộc ta gắn liền với công lao và sự nghiệp của Hồ Chủ tịch. Trên cơ sở đó, công tác tư tưởng, chính trị đã hướng đảng viên, quần chúng vào việc sửa chữa những khuyết điểm, tồn tại trong công tác, khắc phục các tư tưởng sai trái hòa bình chủ nghĩa, nghỉ ngơi, đòi hỏi hưởng thụ, đãi ngộ chưa an tâm phục vụ miền núi. Đồng thời đã tăng cường công tác củng cố các tổ chức Đảng, chính quyền, các đoàn thể quần chúng, xây dựng, phát triển kinh tế địa phương.

Nhìn chung, công tác tuyên truyền giáo dục trong tháng 5 đã làm tương đối sôi nổi, sâu rộng và kịp thời. Mạng lưới báo cáo viên ở cơ sở đã được bồi dưỡng rộng rãi hơn. Hai huyện Bắc Hà và Sa Pa đã có cố gắng tuyên truyền xuống cơ sở, ở những nơi xa xôi, hẻo lánh.

Để phục vụ cho việc giáo dục lý luận chính trị cơ bản, công tác bồi dưỡng giảng viên cho các Đảng bộ cơ sở cơ quan, công nông - lâm trường, xí nghiệp đã được chú ý tiến hành bước đầu. Việc học tập cho đảng viên được mở rộng thêm một số Đảng bộ.

Về tổ chức, kiểm tra: Trong tháng tỉnh đã tập trung vào việc chuẩn bị cho đợt thi điểm mở rộng thực hiện Chỉ thị 192-CT/TW. Đã và đang tích cực chuẩn bị tổng kết đợt thi điểm vừa qua, chuẩn bị địa bàn, cán bộ đi làm, nội dung, kế hoạch tiến hành và chuẩn bị mở lớp bồi dưỡng cho cán bộ đi làm đợt này.

Công tác mở Đại hội cũng được tiếp tục tiến hành. Đã hoàn thành mở Đại hội ở một huyện và 2 đảng ủy (huyện Sa Pa, Đảng ủy Giao thông vận tải, Đảng ủy Công an nhân dân).

Về tổ chức bộ máy và cán bộ, đã cho thành lập Ban khoa giáo tỉnh và Ban khoa giáo ở 4 huyện, thị (Bảo Thắng, Mường Khương, Sa Pa, thị xã Lào Cai), sắp xếp bố trí các trưởng, phó các ban đó; đồng thời đã tăng cường bộ máy và cán bộ lãnh đạo cho Ty Thương nghiệp, Bệnh viện tỉnh.

NHỮNG CÔNG TÁC CHỦ YẾU TRONG THÁNG 6-1973

- Thu hoạch nhanh gọn lúa xuân. Hoàn thành cấy lúa mùa chân ruộng một vụ kịp thời vụ, chăm sóc đàn gia súc. Bảo vệ rừng, chống phá rừng, củng cố phong trào hợp tác xã nông nghiệp.

- Khẩn trương giải quyết lực lượng lao động, tổ chức tốt việc cung cấp vật tư cho yêu cầu sản xuất, xây dựng. Đẩy mạnh sản xuất các vật liệu xây dựng, chế biến thực phẩm, hoa quả hộp. Đẩy mạnh xây dựng cơ bản các công trình với tinh thần tập trung, dứt điểm. Tăng cường chỉ đạo tổ chức sản xuất, quản lý kinh tế, kỹ thuật.

- Cải tiến tổ chức thu mua, phân phối, làm tốt công tác thu mua, phân phối hàng hóa phục vụ tốt sản xuất, đời sống. Quản lý phải nắm giá cả thị trường.

- Làm tốt công tác phòng bệnh mùa hè. Chủ động, tích cực chuẩn bị đề phòng lũ lụt trong mùa mưa tới.

- Tiếp tục các biện pháp tích cực giữ gìn trật tự trị an, nhất là ở thị xã, thị trấn. Đẩy mạnh các khâu chuẩn bị cho công tác tuyển quân; khẩn trương tiến hành công tác huấn luyện dân quân tự vệ, khảo sát đối tượng, công tác xét xử...

- Tiếp tục tuyên truyền sâu rộng ý nghĩa thắng lợi của ta, giáo dục tình hình nhiệm vụ mới, giáo dục khắc phục những biểu hiện của tư tưởng hòa bình chủ nghĩa, đòi hỏi hưởng thụ, thiếu an tâm công tác. Tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng học, hoàn thành tốt năm học, cấp học ở các trường, lớp.

- Tổng kết đợt thi điểm thực hiện Chỉ thị 192-CT/TW vừa qua, tổ chức lớp bồi dưỡng cho cán bộ đi làm đợt thi điểm mở rộng. Tổng kết 2 năm cuộc vận động thực hiện Nghị quyết 195 và công tác phát triển đảng viên Lớp Hồ Chí Minh.

Tích cực chuẩn bị cho việc triển khai học tập Nghị quyết 225 của Trung ương.

Tiếp tục đẩy mạnh việc làm thủ tục xây dựng cấp huyện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC
KHÁNH VINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 25-TB/TU, ngày 7-7-1973

Về hội nghị thường kỳ Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Phiên họp thường kỳ của Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong 2 ngày: 2 và 3-7-1973 đã kiểm điểm đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch nhà nước 6 tháng đầu năm, bàn định nhiệm vụ kế hoạch 6 tháng cuối năm và bàn một số công tác trước mắt.

Dự họp gồm các đồng chí: Trường Minh, Phạm Gia Tuân, Khánh Vinh, Nguyễn Ân, Nguyễn Trí Nghị; vắng các đồng chí: Nông Công Thương, Việt Tiến, Lương Quyết Định, Cư Hòa Vần (đi điều dưỡng, đi học).

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH 6 THÁNG CUỐI NĂM 1973

Tại Hội nghị lần trước (30-5-1973), Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã sơ bộ nhận xét tình hình qua 5 tháng thực hiện và quyết định phương hướng điều chỉnh kế hoạch nhà nước năm 1973 (như Thông báo số 21/TB-TU ngày 6-6-1973 đã ghi rõ). Trong hội nghị lần này, sau khi nghe Ủy ban kế hoạch báo cáo tình hình thực hiện 6 tháng, Ban Thường vụ nhấn mạnh thêm một số điểm và đề ra một số biện pháp chủ yếu để thực hiện kế hoạch 6 tháng cuối năm như sau:

1. Qua 6 tháng thực hiện một số chỉ tiêu đã tăng hơn cùng kỳ năm 1972 (lúa xuân, khoai lang, khoai sọ, sò, đàn lợn, đàn ngựa), riêng đao riêng và đàn trâu, đàn bò vượt chỉ tiêu kế hoạch. Nhưng nhìn chung các mặt kế hoạch đạt còn thấp, tuy nhiên điều kiện, khả năng để đảm bảo nhiệm vụ của Trung ương giao và kế hoạch của tỉnh đã quy định vẫn còn nhiều, do đó các chỉ tiêu về tổng sản lượng trong nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng cơ bản cũng như các mặt khác nói chung không điều chỉnh xuống, mà phải động viên toàn đảng bộ, toàn dân vươn lên phấn đấu với tinh thần mới để hoàn thành. Đảng đoàn chính quyền, Ủy ban kế hoạch tỉnh xem xét cụ thể tình hình thực tế, từng huyện, từng ngành để điều chỉnh giữa chỉ tiêu cụ thể này với chỉ tiêu khác, nhưng vẫn đảm bảo không thay đổi tổng sản lượng hoặc giá trị sản phẩm.

2. Về chỉ đạo, các cấp, các ngành phải thấy hết khả năng tiềm tàng của địa phương, của quần chúng mà động viên cho được tinh thần cách mạng của quần chúng, chú ý động viên tốt khả năng của đội ngũ cán bộ, công nhân khoa học kỹ thuật, khắc phục khó khăn, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật với tinh thần “lấy mùa bù chiêm, lấy thu bù xuân, tháng này quý này làm gấp bội tháng trước, quý trước” để hoàn thành kế hoạch cả năm. Đồng thời phải tăng cường đôn đốc, kiểm tra xem xét cụ thể để kịp thời uốn nắn những lệch lạc, chống những biểu hiện tiêu cực, tùy tiện, thiếu trách nhiệm, quan liêu, lãng phí.

Trong xây dựng cơ bản, phải tập trung mọi mặt vào các công trình trọng điểm để sớm đưa vào sản xuất (kể cả về trang thiết bị). Trên cơ sở cân đối thật tốt các mặt lao động, vật tư và tiền vốn, v.v. để xếp loại công trình trọng điểm và công trình thường, công trình chuẩn bị, từ đó, quy định thời gian hoàn thành trong năm 1973, cần dứt điểm một số công trình như: các tuyến đường Mường Khương - Pha Long, Bắc Hà - Si Ma Cai và Lán Tây - Bảo Nhai, Bệnh viện tỉnh, Nhà máy chế biến sắn, Nhà máy gạch Quang Kim, lò vôi liên hoàn, v.v..

Phải đẩy mạnh phát triển cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng (gạch, ngói, vôi...) tại địa phương, cả trong quốc doanh và các hợp tác xã, đồng thời phải tập trung lực lượng khảo sát, thiết kế và làm thủ tục đi trước một bước để chủ động chuẩn bị cho những công trình của năm 1974.

Phải phát huy vai trò chỉ đạo chặt chẽ kịp thời của các cấp chính quyền, nâng cao tinh thần trách nhiệm của các ngành chủ quản, chống thái độ ỷ lại, tắc trách.

Tăng cường hiệu lực chỉ đạo khâu sản xuất công nghiệp, lưu thông phân phối. Tăng cường công tác thanh tra của Nhà nước để xây dựng tinh thần trách nhiệm và thực hiện chức năng của ngành, qua phong trào mà bồi dưỡng năng lực cán bộ và xây dựng chức năng của Ủy ban cấp dưới.

Các ban kinh tế của Tỉnh ủy có trách nhiệm kiểm tra, phát hiện tình hình và nghiên cứu, đề xuất những vấn đề về phương hướng, nhiệm vụ, chủ trương, chính sách trong quá trình thực hiện kế hoạch của các cấp, các ngành để giúp tỉnh uốn nắn kịp thời các thiếu sót, lệch lạc.

Căn cứ vào Thông báo số 21-TB/TU ngày 6-6-1973 và Thông báo này, các cấp, các ngành cần đề cao tinh thần trách nhiệm hơn nữa, nghiêm túc tự liên hệ về ý thức tổ chức kỷ luật trong việc chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng, rút kinh nghiệm để chỉ đạo thực hiện hoàn thành tốt kế hoạch năm 1973 và thường kỳ báo cáo kết quả về Tỉnh ủy theo chế độ đã quy định.

II. CHUẨN BỊ HỘI NGHỊ TỈNH ỦY SẮP TỚI

Để chuẩn bị tốt nội dung cho hội nghị, Tỉnh ủy có thể họp được vào thượng tuần tháng 8-1973, các ban, các ngành cần giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy hoàn thành và hoàn chỉnh báo cáo tổng kết tình hình kinh tế theo tinh thần Nghị quyết 19 và 20 của Trung ương, tổng kết việc thực hiện chính sách dân tộc, tổng kết việc

chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 195 của Bộ Chính trị, việc kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh, tổng kết thí điểm thực hiện Chỉ thị 92 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

Việc hoàn thành và hoàn chỉnh việc tổng kết các vấn đề trên cần kết hợp và thúc đẩy tốt việc thực hiện kế hoạch nhà nước năm 1973, việc làm thủ xây dựng cấp huyện và các công tác trước mắt hiện tại.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC

TRƯỜNG MINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 170-CT/TU, ngày 22-7-1973

**Về việc phát động phong trào thi đua phấn đấu
hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước 6 tháng
cuối năm để thiết thực kỷ niệm những ngày lễ lớn
trong năm 1973**

Trải qua 115 năm đấu tranh kiên cường, bất khuất và anh dũng tuyệt vời, sau thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đất nước ta đã sạch bóng quân xâm lược. Ngày nay cách mạng nước ta đã chuyển sang giai đoạn mới với những thuận lợi to lớn và triển vọng tốt đẹp. Tuy nhiên, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta phải nỗ lực vượt bậc để phát huy những thắng lợi đã giành được. Tiếp tục cuộc đấu tranh gian khổ và phức tạp nhằm giữ vững và củng cố hòa bình lâu dài, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, hoàn thành độc lập và dân chủ ở miền Nam, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc và làm tròn nghĩa vụ quốc tế của mình.

Ở miền Bắc, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đang nỗ lực hăng hái thi đua lao động, công tác và học tập để xây dựng nền kinh tế, văn hóa, đời sống và con người xã hội chủ nghĩa để củng cố miền Bắc về mọi mặt: chính trị, kinh tế, văn hóa, quốc phòng đáp ứng yêu cầu mới, cấp thiết của nhiệm vụ cách mạng đang đòi hỏi.

Cán bộ, công nhân viên và nhân dân các dân tộc tỉnh Lào Cai chúng ta, qua việc thực hiện kế hoạch nhà nước 6 tháng đầu năm 1973, về mọi mặt nhìn chung cũng đã có những chuyển biến tiến bộ đáng kể. Trên các mặt: sản xuất công nghiệp, nông - lâm nghiệp, lưu thông phân phối, văn hóa, giáo dục, phục vụ đời sống... đều có những tiến bộ rõ rệt so với trước. Song đối chiếu với yêu cầu mới của nhiệm vụ chính trị, chúng ta cũng còn những thiếu sót và tồn tại: một số chỉ tiêu của kế hoạch nông nghiệp đạt thấp, công tác quản lý kinh tế, quản lý lao động, vật tư, tiền vốn chưa chặt chẽ. Công tác xây dựng cơ bản làm chậm. Phong trào hợp tác hóa nông nghiệp ở vùng cao chưa có sự chuyển biến rõ rệt. Công tác phục vụ đời sống (kể cả mặt sinh hoạt vật chất, đảm bảo sức khỏe và sinh hoạt văn hóa, giáo dục...) cũng còn những thiếu sót, tồn tại, nhìn chung có khâu còn mắc khuyết điểm trầm trọng.

Để phát huy những thành tích đã đạt được, khắc phục những mặt khuyết điểm, tồn tại, đưa phong trào tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc, đáp ứng được yêu cầu mới rất khẩn trương, nặng nề trong giai đoạn mới của cách mạng, Đảng bộ chúng ta cần tập trung lãnh đạo nhằm phát huy tinh thần tự hào, phấn khởi của mọi người, biến chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thành chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong lao động để xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất Tổ quốc trong điều kiện hòa bình.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy chủ trương phát động trong toàn tỉnh một phong trào thi đua sôi nổi, khẩn trương, liên tục nhằm tích cực hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước năm 1973, lấy thành tích đó thiết thực mừng kỷ niệm trọng thể những ngày lễ lớn (19-8 và Quốc khánh 2-9; 19, 20 và 22-12...). Phong trào thi đua đó phải đạt được những yêu cầu dưới đây:

1. Về tư tưởng

- Làm cho mọi người nhận thức sâu sắc hơn nữa ý nghĩa, thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, trên cơ

sở đó phát huy lòng phấn khởi, tin tưởng, tự hào về Đảng ta, Nhà nước ta và dân tộc ta.

- Nâng cao giác ngộ giai cấp, phát huy tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, ý thức tự lập, tự cường an tâm phấn khởi công tác, tích cực hoàn thành bốn nghĩa vụ lớn để cùng nhau chung sức, chung lòng xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa miền núi, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

- Xây dựng ý thức làm chủ tập thể, sáng tạo, khắc phục mọi khó khăn, gian khổ, phấn đấu để thực sự là người lao động mới có năng suất cao, chất lượng tốt, góp phần xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội miền Bắc và đấu tranh giành thống nhất Tổ quốc.

- Khắc phục các tư tưởng hòa bình nghỉ ngơi, tự do tùy tiện, lãng phí, tham ô, lười biếng... làm trở ngại cho sản xuất và công tác.

2. Về hành động

Tổ chức một phong trào thi đua công tác lao động sản xuất có kỷ luật cao, có kỹ thuật, sáng tạo, sôi nổi ở tất cả mọi cơ quan, xí nghiệp, công, nông - lâm trường, bệnh viện, trường học... cho đến các hợp tác xã nông nghiệp, thủ công nghiệp, v.v. nhằm hoàn thành một cách xuất sắc chương trình kế hoạch 6 tháng cuối năm với chất lượng cao.

- Về công nghiệp: Tiếp tục phát huy tác dụng của thao diễn kỹ thuật, nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành. Phát huy ý thức làm chủ tập thể và tinh thần sáng tạo của giai cấp công nhân để cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất lao động. Sản xuất công nghiệp phải chú trọng phục vụ kịp thời yêu cầu của sản xuất nông nghiệp, đẩy mạnh tốc độ xây dựng cơ bản, chú ý cung cấp nguyên vật liệu cho các công trình xây dựng và làm nhanh hơn nữa khâu thiết kế.

- Về nông nghiệp:

- + Các cấp ủy phải lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ từng khâu trong sản xuất nông nghiệp một cách kịp thời làm cho cán bộ, công nhân viên, xã viên thấy rõ thắng lợi của vụ mùa có tính chất quyết định, hoàn thành toàn diện kế hoạch nhà nước về các chỉ tiêu sản xuất

nông nghiệp trong cả năm. Trước hết phải chỉ đạo cấy mùa kịp thời vụ, phấn đấu cấy hết diện tích, chú ý đảm bảo các khâu kỹ thuật, phấn đấu để đạt một vụ mùa thắng lợi toàn diện vượt bậc cả về trồng trọt và chăn nuôi.

- + Về lâm nghiệp, chú ý lãnh đạo chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước về bảo vệ, khai thác và trồng rừng.

- + Tiếp tục củng cố các hợp tác xã nông nghiệp, cần chú ý vùng cao và những nơi phong trào còn yếu, kém.

- Các ngành lưu thông phân phối:

- + Tổ chức tốt việc thu mua lương thực, thực phẩm..., phấn đấu đạt các chỉ tiêu đã đề ra (chú ý việc mua lợn thịt theo nghĩa vụ và mua trâu cày).

- + Có kế hoạch phân phối hàng hóa tốt, đúng chính sách, phục vụ kịp thời cho sản xuất, phục vụ tốt các hợp tác xã vùng cao, các lâm trường, nông trường, trường học và nhân dân (chú ý những nơi đông dân cư: thị xã, thị trấn và ở vùng biên giới xa xôi).

- Các cơ quan hành chính sự nghiệp:

- + Tổ chức học tập lại và nghiêm chỉnh chấp hành đúng các chức năng, nhiệm vụ đã được quy định.

- + Tăng cường các biện pháp quản lý, đi vào nền nếp đảm bảo chất lượng công tác.

- + Phát huy tinh thần làm chủ tập thể, nâng cao hiệu suất công tác, cải tiến lề lối làm việc.

- + Tích cực hoàn thành kế hoạch công tác ở cơ quan, đồng thời tăng cường đi sâu xuống cơ sở, giúp cơ sở hoàn thành kế hoạch năm 1973.

NHỮNG BIỆN PHÁP TIẾN HÀNH

Phong trào thi đua này sẽ chia ra làm hai đợt:

Đợt 1: Từ nay đến ngày 2-9-1973 phải phát động một đợt thi đua, phấn đấu nỗ lực hoàn thành chương trình công tác quý III

đạt kết quả cao nhất, làm đà cho việc hoàn thành kế hoạch cả năm. Đến ngày 30-8-1973, các đảng ủy, các ngành, các đoàn thể phải sơ kết phong trào này lấy thành tích chào mừng 2 ngày kỷ niệm 19-8 và 2-9.

Trong dịp kỷ niệm 2-9 phải tổ chức cho cán bộ, đảng viên quần chúng nhân dân học tập bài xã luận “Dấy lên một phong trào lao động sản xuất sôi nổi” (báo *Nhân Dân* số ra ngày 16-4-1973).

Kiểm điểm việc thực hiện kế hoạch 6 tháng đầu năm, bàn bạc việc thực hiện kế hoạch 6 tháng cuối năm, trước mắt cần có biện pháp khẩn thiết để phục vụ việc hoàn thành kế hoạch nhà nước quý III.

Đợt 2: Động viên toàn thể cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân hoàn thành vượt mức kế hoạch cả năm 1973 và sẽ tổng kết phong trào thi đua cả 2 đợt vào trung tuần tháng 12-1973 để lấy thành tích chào mừng 3 ngày lễ lớn: 19, 20, 22-12.

- Hoàn thành việc tổng kết việc thực hiện kế hoạch nhà nước cả năm 1973, trên cơ sở đó biểu dương những thành tích xuất sắc của cá nhân và đơn vị đã giành được trong phong trào thi đua, có những hình thức khen thưởng thích đáng cho cá nhân và đơn vị.

Việc tổ chức 2 ngày kỷ niệm 19-8 và Quốc khánh 2-9 năm nay: các huyện, thị, các khu vực tập trung đông người, các công trường, lâm trường, nông trường, các cơ quan, xí nghiệp, trường học... các xã trong toàn tỉnh phải tổ chức thật trọng thể, nên có những hình thức phong phú (mít tinh, triển lãm, biểu đồ thống kê, bảng thành tích... nhằm biểu dương những thành tích xuất sắc trong sản xuất, công tác từ sau ngày hòa bình được lập lại.

- Ty Văn hóa thông tin cần biên soạn các tài liệu tuyên truyền gửi sớm xuống cơ sở, hướng dẫn nghiệp vụ giúp đỡ các huyện, thị, các cơ quan, xí nghiệp tổ chức triển lãm: tổ chức hoạt động văn nghệ (chiếu phim, dạ hội, nói chuyện, văn nghệ...) ở nhiều nơi, gây một không khí thật vui tươi, phấn khởi, lành mạnh và sôi nổi ở khắp mọi nơi.

- Ty Thể dục thể thao phối hợp với Tỉnh đoàn thanh niên tổ chức các cuộc thi đua rèn luyện sức khỏe thích hợp, hấp dẫn: thi đấu đua ngựa... tổ chức ngày hội khỏe để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, có kế hoạch hướng dẫn các huyện, thị tổ chức thật chu đáo.

- Các ngành phục vụ phải có kế hoạch chi tiết phục vụ thật tốt và kịp thời phong trào thi đua và các ngày lễ kỷ niệm ở tận cơ sở (công trường, lâm trường, nông trường, trường học và hợp tác xã trong toàn tỉnh).

Các cấp ủy Đảng, các đoàn thể, các ngành, các cấp căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, có kế hoạch hướng dẫn nội dung và tổ chức phong trào thi đua ở cơ sở mình theo tinh thần Chỉ thị này. Việc tổ chức các ngày kỷ niệm phải mang nội dung thiết thực, chú ý đảm bảo trật tự xã hội, hết sức tiết kiệm, tránh bày vẽ ăn uống lãng phí.

Nhận được Chỉ thị này, các cấp ủy và đảng đoàn các ngành cần nghiên cứu quán triệt đầy đủ, tập trung lãnh đạo phong trào thi đua rộng lớn, sôi nổi, có kế hoạch chỉ đạo từng bước, qua từng đợt có sơ kết rút kinh nghiệm và báo cáo kết quả về Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC
KHÁNH VINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số BC/TU, ngày 4-8-1973

Tổng kết 2 năm tiến hành cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh (Dự thảo)

Thi hành Nghị quyết số 195-NQ/TW ngày 6-3-1970 của Bộ Chính trị và Chỉ thị số 175-CT/TW ngày 14-4-1970 của Ban Bí thư về cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên đến nay đã gần 3 năm. Ban Chấp hành Tỉnh ủy đã họp hội nghị mở rộng để đánh giá kết quả của cuộc vận động và đề ra phương hướng, nhiệm vụ công tác xây dựng Đảng trong vài năm tới. Đây là nội dung cụ thể:

I. QUÁN TRIỆT NGHỊ QUYẾT SỐ 195 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Lào Cai là tỉnh miền núi, vùng cao, biên giới, có nhiều dân tộc. Dân số có 20 vạn, bao gồm 25 dân tộc anh em sống xen kẽ, cư trú phân tán thành 889 thôn xóm nhỏ và thường di biến động, lại trải qua nhiều thời kỳ: Pháp, Nhật, quốc dân đảng và âm mưu gây phỉ của bọn đế quốc đã để lại nhiều vấn đề phức tạp. Hoặc tình hình biên giới luôn có những diễn biến cả mặt tích cực và tiêu cực. Tất cả tình hình đó đều có ảnh hưởng trực tiếp đến công tác tổ chức xây dựng Đảng.

Cơ sở Đảng nói chung mới phát triển từ năm 1960 trở lại đây và thường phát triển từng đợt qua các cuộc vận động lớn như:

vận động hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ, phát động tự trị, cải tiến quản lý hợp tác xã, vận động đồng bào miền xuôi lên tham gia phát triển kinh tế - văn hóa miền núi, cuộc vận động xây dựng chi bộ bốn tốt, huyện ủy bốn tốt, v.v.. Đảng bộ Lào Cai trưởng thành trong điều kiện ấy, cộng với những thiếu sót trong việc vận dụng phương hướng, phương châm về công tác xây dựng Đảng nên trong hàng ngũ đảng viên và các tổ chức cơ sở Đảng còn bộc lộ nhiều nhược điểm, tồn tại. Lực lượng đảng viên còn mỏng và phân bố không đồng đều. Tỷ lệ đảng viên so với dân số nông thôn mới chiếm 2%. Riêng vùng cao có 1,5%, chất lượng đảng viên thấp. Hàng năm còn trên 10% đảng viên vào loại phần đầu kém. Qua cuộc vận động bảo vệ Đảng, số đối tượng cần thẩm tra kết luận gần 2%. Hoặc qua phân loại theo tinh thần Chỉ thị số 192 thì số đảng viên có vấn đề cần xem xét trong cuộc vận động này khoảng 27%. Các cơ sở Đảng ở nông thôn nói chung còn yếu, chưa tự động được công tác, nhất là vùng cao. Phân loại hàng năm thường có trên dưới 20% chi bộ xã vào loại kém, chưa hoàn thành nhiệm vụ. Trước tình hình như vậy với yêu cầu nhiệm vụ chính trị đòi hỏi Trung ương cho mở cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên lần này là hoàn toàn phù hợp và cần thiết.

Đồng thời với việc thực hiện Nghị quyết 195 năm 1970, còn chưa thực hiện nhiều nghị quyết khác của Trung ương Đảng và Chính phủ như Nghị quyết số 194, 196, 197, v.v.. Năm 1970 cũng là năm bắt đầu thực hiện Nghị quyết đại hội Đảng tỉnh lần thứ V. Vì vậy, Tỉnh ủy đặt thống nhất các cuộc vận động thành một cuộc vận động tổng hợp dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các cấp ủy Đảng. Trong đó lấy cuộc vận động lao động sản xuất, định canh, định cư làm nội dung hành động; cuộc vận động tăng cường chế độ làm chủ tập thể ở nông thôn làm đòn xeo và cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên làm trung tâm, là động lực có ý nghĩa quyết định trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V. Đồng thời xác định phương châm chỉ đạo đối với cuộc vận động là:

Phải tiến hành từ trên xuống dưới, từ trong ra ngoài quần chúng và gắn chặt các khâu học, hành, kiểm, sửa, bồi dưỡng, nâng cao.

Đi vào chỉ đạo cụ thể, Tỉnh ủy đã có kế hoạch từng bước cho hai loại cơ sở: nông thôn và cơ quan, xí nghiệp. Đồng thời chọn 1 huyện (Mường Khương và 5 cơ sở làm trọng điểm chỉ đạo của tỉnh, cụ thể:

- 1- Xã Pha Long (vùng cao biên giới, xã khá).
- 2- Xã Cốc Lầu (vùng giữa, đồng bào Dao, chi bộ kém).
- 3- Xã Bản Lầu (vùng thấp, xã trung bình).
- 4- Xí nghiệp đường, rượu, giấy thuộc Thị ủy Lào Cai.
- 5- Công ty thực phẩm thuộc đảng bộ Ty Thương nghiệp.

Mỗi trọng điểm ở xã có 1 số tổ công tác và 1 đồng chí Tỉnh ủy viên trực tiếp phụ trách. Ngoài ra, các cơ sở khác tỉnh đã có điều hơn 300 cán bộ, nhân viên của các ngành, tỉnh, huyện, có huấn luyện để trực tiếp xuống chỉ đạo ở các cơ sở xã. Mỗi huyện cũng có từ 1 đến 2 xã trọng điểm, tạo thành hệ thống trọng điểm gồm 15 xã trong toàn tỉnh.

Quá trình chỉ đạo, các Ban chuyên môn về xây dựng Đảng như Ban Tuyên giáo, Ban Tổ chức, Ủy ban kiểm tra và các ban Nông nghiệp, Công nghiệp, Tài chính thương nghiệp, v.v. cũng có trách nhiệm phối hợp với văn phòng cấp ủy theo dõi tổng hợp tình hình thường xuyên báo cáo với Ban Thường vụ. Đồng thời có quy định chế độ báo cáo thỉnh thị, chế độ kiểm tra, chế độ sơ kết, tổng kết đối với các đảng bộ về cuộc vận động.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CUỘC VẬN ĐỘNG

1. Việc tổ chức truyền đạt nghiên cứu thảo luận các nghị quyết

Ngay từ đầu năm 1970, sau khi nhận được chủ trương của Trung ương (trước khi có văn bản chính thức), Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nghe truyền đạt chủ trương về mở cuộc vận động và

bàn một số biện pháp chuẩn bị. Ban Thường vụ đã giao cho Ban Tuyên giáo, Ban Tổ chức cùng phối hợp tiến hành thí điểm việc mở lớp giáo dục đối tượng kết nạp Đảng theo nội dung mới ở huyện trọng điểm (Mường Khương). Giao cho Ban Tổ chức và Ủy ban kiểm tra nắm lại toàn bộ tình hình chất lượng đội ngũ đảng viên để báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Đồng thời gắn vào việc chuẩn bị mở Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V để có đánh giá đúng đắn về tình hình công tác tổ chức xây dựng Đảng trong những năm qua.

Sau khi nhận được văn bản chính thức (Nghị quyết số 195-NQ/TW ngày 6-3-1970, Chỉ thị số 175-CT/TW ngày 14-4-1970, Nghị quyết số 197-NQ/TW ngày 15-3-1970 và kế hoạch hướng dẫn của Ban chỉ đạo cuộc vận động Trung ương...) thì Ban Thường vụ Tỉnh ủy lại tiếp tục nghiên cứu và dự thảo kế hoạch tiến trình cho hai khu vực nông thôn và cơ quan, xí nghiệp. Sau đó tổ chức nghiên cứu, thảo luận và bàn chủ trương, biện pháp tiến hành trong Ban Chấp hành tỉnh cho bí thư các huyện, thị và chủ chốt các ngành quanh tỉnh với hơn 100 cán bộ tham gia trong 5 ngày. Sau đó căn cứ vào kế hoạch chung của tỉnh, từng đảng bộ về tổ chức nghiên cứu thảo luận và bàn biện pháp thực hiện từ trong cấp ủy rồi mới đến cán bộ, đảng viên và quần chúng.

Đến cuối tháng 7-1970 cuộc vận động mới chính thức được triển khai xuống cơ sở. Riêng khu vực nông thôn sang đầu tháng 8-1970 mới triển khai xuống cơ sở. Việc tổ chức học tập, thảo luận các nghị quyết được gắn liền với nhiệm vụ làm mùa và chuẩn bị kế hoạch đông xuân 1970 - 1971.

Theo báo cáo của các đảng bộ thì việc tổ chức nghiên cứu, thảo luận các nghị quyết Trung ương và kế hoạch hướng dẫn của tỉnh nói chung được sâu rộng và đạt kết quả tốt. Ở nông thôn có 79,7% đảng viên được nghiên cứu, thảo luận, có liên hệ kiểm điểm; có xây dựng chương trình hành động cụ thể và trên 70% quần chúng xã viên được học tập. Trong cơ quan hành chính sự nghiệp cũng có 95,3% đảng viên và có 82,9% cán bộ, nhân viên được nghiên cứu

học tập. Trong cơ sở xí nghiệp có 94% đảng viên và 82% cán bộ, công nhân viên được nghiên cứu học tập. Trong các lực lượng vũ trang có 94,5% đảng viên và trên 90% cán bộ chiến sĩ được học tập. Đó là kết quả của bước đầu. Nhưng quán triệt nghị quyết là cả một quá trình vừa hành động, vừa tiếp tục nâng cao dần tinh thần nghị quyết. Đến tháng 8-1971 mở hội nghị bốn chủ chốt xã (bí thư, chủ tịch, bí thư đoàn thể thanh niên, phụ nữ) toàn tỉnh để tổng kết vòng 1 cuộc vận động. Đồng thời phổ biến tinh thần Nghị quyết 19 của Trung ương Đảng.

Quá trình chỉ đạo, Tỉnh ủy đã tổ chức nhiều đợt kiểm tra đối với cơ sở. Đã tổ chức hai cuộc kiểm tra đối với nông thôn về thực hiện nội dung cuộc vận động: một cuộc kiểm tra đối với cơ quan, xí nghiệp về việc quán triệt nghị quyết, xác định phương hướng nhiệm vụ với các biện pháp thực hiện chỉ tiêu kế hoạch nhà nước. Sau khi nhận thức được Thông tri 255-TT/TW ngày 10-4-1971 của Ban Bí thư thì Thường vụ Tỉnh ủy lại giao cho Ban Kiểm tra, Ban Tuyên giáo và Ban Tổ chức tiến hành kiểm tra việc kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh ở một số đảng bộ (Bảo Thắng, Bát Xát). Khi Trung ương có đoàn kiểm tra về thì Tỉnh ủy lại tiếp tục kiểm tra số đảng bộ nữa (Muồng Khương, Bắc Hà, Si Ma Cai). Khi Trung ương có Thông tri 272-TT/TW ngày 30-7-1971 về việc tiếp tục chỉ đạo chặt chẽ công tác kết nạp đảng viên thì Ban Thường vụ lại có Kế hoạch số 5 hướng dẫn thi hành Thông tri 272-TT/TW và giao cho các đảng bộ phải tiến hành kiểm tra lại toàn bộ số đảng viên mới kết nạp trong Lớp Hồ Chí Minh, tổng kết xây dựng phương hướng kế hoạch phát triển Đảng rồi mới đi vào kết nạp thường xuyên. Đối chiếu với yêu cầu phương châm cuộc vận động đến nay đã đạt được một số kết quả nhất định.

2. Về nâng cao chất lượng đảng viên và chất lượng các tổ chức Đảng

Thông qua việc tổ chức nghiên cứu thảo luận các nghị quyết của Bộ Chính trị 194, 195, 196, 197, nghị quyết 19, 20 của Ban Chấp hành

Trung ương và 220 của Bộ Chính trị gần đây nhìn chung nhận thức của cán bộ, đảng viên được nâng lên trên một số mặt, nhất là nhận thức tư tưởng, nhiệt tình cách mạng, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật và lòng tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Trung ương. Những nhận thức về đường lối chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội, về công tác xây dựng Đảng và công tác quần chúng có tiến bộ. Hoặc thông qua tổ chức bình báo công, quần chúng phê bình đảng viên, gắn với sơ kết, tổng kết nhận xét, phân loại định kỳ 6 tháng 1 lần đã góp phần quan trọng vào việc giáo dục rèn luyện đảng viên. Do đó vai trò tiên phong gương mẫu của một số đảng viên được đề cao. Nhiều đảng viên yếu kém đã sửa chữa được khuyết điểm phấn đấu vươn lên và liên hệ trong học tập, quần chúng phê bình đảng viên thì đối với đảng viên nông thôn thường có một số khuyết điểm phổ biến, tuy mức độ khác nhau: chây lười lao động tập thể, tham ô vay nợ nhập nhằng, lấn chiếm đất làm riêng lẻ, tư hữu vun vén cá nhân, quan liêu mất dân chủ, chưa gương mẫu chấp hành chính sách và làm nghĩa vụ, thiếu gương mẫu về phẩm chất đạo đức (chè chén bê tha, nghiện hút, cúng bái, trai gái, hủ hóa...) trình độ mọi mặt còn non kém. Trong cơ quan, xí nghiệp thì thường biểu hiện phổ biến là: chấp hành kỷ luật lao động lỏng lẻo, quan liêu mất dân chủ, trù dập cán bộ bên dưới, các cá nhân ngại khó, ngại khổ, cá nhân gây mất đoàn kết, thiếu trách nhiệm và ý thức tập thể, buông lỏng quản lý, lãng phí, tham ô...

Những khuyết, nhược điểm trên đây qua cuộc vận động lần này đã từng bước được khắc phục. Nhiều đảng bộ cơ quan, xí nghiệp việc thi hành Chỉ thị 89 trước đây, hoặc qua cuộc vận động 3 xây, 3 chống, cải tiến quản lý còn để một số vướng mắc, tồn tại kéo dài thì đến nay nói chung đã thanh toán dứt điểm cũng như nhiều thiếu sót khác dần dần được khắc phục. Ở khu vực nông thôn cũng có chuyển biến rõ rệt:

- Riêng ba xã trọng điểm của tỉnh có 73 đảng viên. Trước đây có 45 đảng viên không hoàn thành nghĩa vụ thực phẩm (60%).

Nay đã có 61 đảng viên hoàn thành nghĩa vụ thực hiện (80%). Số còn lại đều có lý do chính đáng.

- Qua điều tra 25 hợp tác xã nông nghiệp thì số tiền thóc còn vay nợ nhập nhằng trong hợp tác xã từ trước đến nay tới 310.480 đồng và 18.412 kg thóc. Đến nay riêng đảng viên đã trả được 37% về tiền và xong về thóc. Ngoài ra quần chúng mới trả 16% về tiền và 52% về thóc.

- Đảng bộ xã Bản Vược (Bát Xát) có 44 đảng viên. Trong đó có 37 đảng viên trực tiếp tham gia lao động sản xuất nông nghiệp. Tổng kết cuối năm 1972 bình quân ngày công của đảng viên đạt trên 270 công. Trong đó thấp nhất cũng đạt 150 công, trên 270 công. Là xã đạt năng suất lúa bình quân trên 9,665 tấn/ha. Chăn nuôi tập thể, ngành nghề thủ công phát triển tốt. Giá trị ngày công đạt 2,25 kg thóc, mức ăn đầu người đạt trên 20 kg thóc hàng tháng, các nghĩa vụ tòng quân, đóng góp đều thực hiện khá. Trong đó cán bộ, đảng viên nói chung đều thể hiện vai trò tiên phong gương mẫu.

Về nghĩa vụ thực phẩm có 33 đảng viên trong diện đóng góp thì có 31 đảng viên hoàn thành. Có 5 đảng viên có con đi bộ đội. trong đó có đồng chí đã có hai con tại ngũ, nay lại đưa người con thứ 3 lên đường nhập ngũ, quần chúng rất hoan nghênh.

Đảng bộ xã Bản Lầu (Mường Khương) trước đây có 5 đảng viên kém trong đó có đảng viên bỏ công tác 2 năm nay đã sửa chữa được khuyết điểm phấn đấu vươn lên. Chi bộ xã Pha Long (Mường Khương) trước đây có 4 đảng viên kém nay đã đưa ra khỏi Đảng 1. Số còn lại thì 2 đồng chí đã sửa chữa được khuyết điểm.

Chính từ những chuyển biến trên đây của cán bộ, đảng viên đã góp phần quan trọng thúc đẩy quần chúng, tạo khí thế mới trong lao động và thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương. Nhờ đó trong vòng 2 năm nay về mặt nông nghiệp cũng như công nghiệp đã có bước chuyển biến quan trọng. Trong nông nghiệp cả diện tích, năng suất và sản lượng đều tăng. Trong đó đáng chú ý nhất

là khai phá ruộng nương bậc thang, tăng vụ, nhập giống mới. Tổng sản lượng lương thực năm 1970 chỉ đạt 48.240 tấn. Năm 1972 tổng sản lượng đã đạt 54.040 tấn, tăng hơn năm 1971: 5.740 tấn (12%). Chăn nuôi phát triển tốt, đàn bò, ngựa, lợn đều tăng. Cho nên về thực phẩm đã tự túc được từ năm 1971 và năm 1972 là năm làm nghĩa vụ thực phẩm cho Nhà nước khá nhất từ trước đến nay (717 tấn). Giá trị nông sản hàng hóa và hàng xuất khẩu đều tăng từ 3.080,500 đồng năm 1971 lên 3.679,000 đồng năm 1972. Đời sống quần chúng được cải thiện rõ rệt (bình quân mức ăn đầu người hàng tháng đạt 20,5kg, kể cả màu). Tình hình đói giáp hạt ở vùng cao căn bản đã chấm dứt. Trước đây hàng năm Nhà nước phải bán cứu đói từ 400 đến 500 tấn lương thực cho nông dân thiếu ăn. Năm 1972 còn bán rất ít. Chất lượng hợp tác xã được đánh giá rõ hơn, đúng đắn hơn và một số nơi được củng cố hoặc xây dựng mới (hiện nay toàn tỉnh thực chất chỉ có 334 hợp tác xã với 67,6% số hộ nông dân. Riêng vùng cao chỉ có 48% số hộ nông dân trong hợp tác xã). Cuộc vận động định canh định cư đã căn bản hoàn thành bước vận động tập trung và đang đi vào thực hiện phương hướng. Trong công nghiệp và thủ công nghiệp cũng có chuyển biến tốt, nhất là vấn đề xây dựng cơ bản, phát triển giao thông vận tải, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp. Giá trị tổng sản lượng tăng từ hơn 8 triệu đồng năm 1969 lên hơn 12 triệu đồng năm 1972. Về xây dựng cơ bản tăng từ 6.975.800 đồng năm 1971 lên 8.143.000 đồng năm 1972. Các mặt nhiệm vụ khác cũng có nhiều chuyển biến. Công tác giữ gìn trật tự trị an biên giới được giữ vững. Công tác tuyển quân có tiến bộ (vượt 4% kế hoạch Trung ương giao). Công tác phòng không sơ tán, phân tán được tiến hành khẩn trương kịp thời, nhất là sau khi Trung ương có Chỉ thị 198 đến nay. Các mặt về tổ chức đời sống khác có tiến bộ hơn.

Thông qua cuộc vận động lần này công tác giáo dục bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, trình độ văn hóa, quản lý kinh tế chuyên môn kỹ thuật được chú ý hơn. Về giáo dục huấn luyện cho

đảng viên mới đến nay đã hoàn thành trên 40% (1.254/2.888 đảng viên kết nạp từ năm 1965 đến nay). Riêng việc giáo dục bồi dưỡng đảng viên cơ sở theo chương trình mới do Ban Tuyên huấn Trung ương hướng dẫn đến nay đã huấn luyện, bồi dưỡng được trên 30%.

Trường Đảng tỉnh từ khi tiến hành cuộc vận động đến tháng 12-1972 đã mở 8 lớp với thời gian từ 1 tháng rưỡi trở lên đến 4 tháng cho các loại chủ chốt cơ sở được 361 người. Trong đó có 6 lớp bồi dưỡng cho các loại chủ chốt xã. Một lớp cho cấp ủy các cơ quan và 1 lớp cho chủ chốt các xí nghiệp, nông trường. Đồng thời đã cho mở rộng hệ thống trường bổ túc văn hóa, các trường chuyên môn nghiệp vụ và mở thêm trường trung cấp nông lâm nghiệp của tỉnh. Tiếp tục duy trì hai lớp hàm thụ đại học tại chức nông nghiệp, công nghiệp cho trên 100 cán bộ chủ chốt tỉnh, huyện. Ngoài ra, các lớp do Trung ương hay khu Việt Bắc mở đều kiên quyết cử cán bộ đi học đầy đủ. Kết quả đến nay (tính từ năm 1970 đến năm 1972 đã đưa 1.290 cán bộ, công nhân viên đi học các trường lớp về chính trị, quản lý kinh tế và chuyên môn kỹ thuật. Một mặt trong thực tế công tác các tổ chức Đảng còn coi trọng hình thức mở các hội nghị tập huấn chuyên đề, sơ kết, tổng kết từng đợt và tham quan học tập các điển hình tiên tiến. Do đó đã góp phần nâng cao một bước trình độ năng lực tổ chức chỉ đạo thực hiện cho cán bộ, đảng viên.

Từ đó có thể khẳng định rằng qua hơn hai năm tiến hành cuộc vận động, chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên có được nâng lên một số mặt tùy mức độ khác nhau, nhưng đã đẩy mạnh được việc thực hiện bốn nghĩa vụ của đảng viên như Nghị quyết 19 của Trung ương đề ra. Và điều quan trọng là đã tạo ra một sự suy nghĩ mới trong cách làm ăn của cán bộ, đảng viên cũng như các tổ chức cơ sở Đảng. Đây là những chuyển biến bước đầu, nhưng rất cơ bản.

Tuy nhiên so với yêu cầu thì kết quả đó còn rất thấp, nhất là về nâng cao trình độ văn hóa, quản lý kinh tế và chuyên môn kỹ thuật chưa có tiến bộ đáng kể. Trong đó đáng chú ý nhất là đội ngũ

cán bộ, đảng viên ở các cơ sở xã trình độ nhiều mặt còn rất hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu. Ngay đội ngũ cán bộ chủ chốt xã, nhất là vùng cao đa số chưa tự động được công tác. Hiện nay còn 16 bí thư, 13 chủ tịch xã và 5 huyện ủy viên chưa biết chữ. Các loại chủ chốt khác ở xã cũng còn 9% chủ tịch, phó chủ tịch, ủy viên thư ký; 8,3% trưởng ban công an, xã đội và 37,5% bí thư đoàn thể chưa biết chữ. Số còn lại đa số mới có trình độ lớp 1, 2. Qua điều tra 25 hợp tác xã sản xuất nông nghiệp thì đội ngũ cán bộ từ đội trưởng sản xuất trở lên cũng còn 18% chưa biết chữ. Trình độ về quản lý kinh tế và chuyên môn kỹ thuật, công tác Đảng, công tác vận động quần chúng càng yếu hơn. Đây là nguyên nhân chủ yếu đã và đang cản trở trực tiếp đến việc thực hiện ba cuộc cách mạng ở nông thôn. Quá trình chỉ đạo thực hiện cuộc vận động, các tổ chức đảng, nhất là các tổ chức cơ sở đảng cũng chưa nghiêm chỉnh thực hiện đầy đủ các biện pháp để nâng cao chất lượng đảng viên một cách toàn diện. Vì vậy số đảng viên kém còn nhiều (trên 10%). Ngay trong khi tiến hành cuộc vận động, việc sửa chữa khuyết điểm của đảng viên còn chậm. Việc thanh toán nợ nần còn dây dưa. Một số ít đảng viên còn biểu hiện vai trò tiên phong gương mẫu kém, chấp hành chế độ, chính sách chưa nghiêm, ý thức rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng kém. Trong số đảng viên bị kỷ luật (từ năm 1970 đến năm 1972 là 513 trường hợp) thì gần 40% là sai phạm trong cuộc vận động. Ngoài số đảng viên yếu kém còn phải chú trọng đến số đảng viên trong công tác tuy không có khuyết điểm gì lớn, nhưng cũng tỏ ra hơn hẳn quần chúng tiên tiến. Tính tiên phong chiến đấu thể hiện không rõ. Số này thường biểu hiện lừng chừng đang chiếm tỷ lệ không ít trong đội ngũ đảng viên cả ở nông thôn và cơ quan, xí nghiệp. Trong cơ quan, xí nghiệp hiện nay nổi lên vấn đề đáng chú ý là tình hình thiếu đoàn kết nhất trí nội bộ. Số này thường biểu hiện trong lãnh đạo nhiều hơn, nhất là giữa Đảng với chính quyền. Nguyên nhân thường nổi lên trước hết là vấn đề chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ của

Đảng chưa nghiêm, tư tưởng cá nhân kèn cựa địa vị, bảo thủ, hẹp hòi, cộng với lề lối làm việc không có nền nếp nghiêm túc và tác phong của một số cán bộ còn quan liêu mất dân chủ khá nặng. Mặt khác, về trình độ của cán bộ không đồng đều cũng có ảnh hưởng đến việc thảo luận bàn bạc, đánh giá, nhận xét phong trào, nhận xét cán bộ. Một số ít đảng viên là cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo ý thức rèn luyện phấn đấu chưa cao, sửa chữa khuyết điểm chậm, chưa làm gương cho bên dưới. Riêng số đảng viên là cán bộ khoa học kỹ thuật, nhất là số mới được đào tạo, thời gian rèn luyện thử thách chưa nhiều, sự quan tâm giáo dục của tổ chức Đảng còn ít, đang có một số biểu hiện lệch lạc trong việc tiếp thu các chủ trương, đường lối, chính sách và việc chấp hành nguyên tắc tổ chức của Đảng. Tư tưởng chuyên môn đơn thuần, tách rời sự lãnh đạo của Đảng, tư tưởng tự do tản mạn, cầu an, ngại gian khổ, sự hy sinh... còn biểu hiện khá phổ biến.

Ở nông thôn, số đảng viên hiện nay đã xuống tuổi, trình độ nhiều mặt còn hạn chế. Tư tưởng giác ngộ xã hội chủ nghĩa nói chung còn thấp, đấu tranh giữa hai con đường chưa dứt khoát, chưa tin hẳn, hoặc trên thực tế sản xuất tập thể chưa phát huy được ưu thế nên chưa thuyết phục được tư tưởng của đảng viên và quần chúng. Ý thức rèn luyện phẩm chất đạo đức của một số cán bộ chưa cao. Sửa chữa khuyết điểm chậm, thậm chí một số ít đảng viên ngay trong cuộc vận động này còn mắc phạm những khuyết điểm nghiêm trọng như tham ô, hủ hóa, nghiện hút, cúng bái, cờ bạc, rượu chè, mua bán trái phép. Số này không nhiều nhưng đang có ảnh hưởng đến phong trào quần chúng. Nguyên nhân chính của những tồn tại trên là do chưa quán triệt yêu cầu và các biện pháp về nâng cao chất lượng đảng viên. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, rèn luyện đảng viên chưa gắn chặt với sinh hoạt thường xuyên của tổ chức đảng, nhất là các chi bộ, tổ đảng. Vấn đề đấu tranh tự phê bình và phê bình nội bộ chưa đề cao, chưa thành nền nếp thường xuyên. Công tác giáo dục bồi dưỡng huấn luyện của các

cấp làm chưa sâu, chưa kịp thời, chưa có kế hoạch cụ thể và sát với từng loại đảng viên. Biện pháp chỉ đạo thực hiện của cấp trên thiếu chặt chẽ, thường xuyên và gần đây có biểu hiện buông lỏng.

Đối với các tổ chức cơ sở, việc nâng cao chất lượng đảng viên và nâng cao chất lượng các tổ chức Đảng là hai vấn đề có quan hệ chặt chẽ với nhau đều nhằm tăng cường sức chiến đấu của tổ chức Đảng bảo đảm hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ. Vì vậy trong quá trình tiến hành cuộc vận động các tổ chức Đảng cũng đã bước đầu chú trọng giải quyết một số vấn đề như:

- Vấn đề sinh hoạt dân chủ trong Đảng.
- Vấn đề đoàn kết nội bộ.
- Vấn đề giải quyết đảng viên kém. Trong đó chủ yếu là đối với số đảng viên dự bị đã quá hạn mà chưa được chuyển lên chính thức, đảng viên nợ nần và đối với những đảng viên chây lười công tác, bỏ sinh hoạt Đảng, có nhiều sai phạm về phẩm chất đạo đức.

Cho đến nay tuy mức độ khác nhau, nhưng trên các mặt đó đã đạt được những kết quả nhất định. Việc chấp hành chế độ sinh hoạt Đảng nói chung có tiến bộ. Nội dung sinh hoạt được cải tiến một phần. Vấn đề đấu tranh phê bình và tự phê bình trong Đảng được đề cao. Từ đó vấn đề mở rộng dân chủ tập thể trong Đảng, vấn đề đoàn kết nội bộ trên cơ sở nhiệm vụ và nguyên tắc tổ chức đảng được tăng cường. Riêng nông thôn có trên 140 đảng viên dự bị đã quá hạn kéo dài tới 3, 4 năm đã giải quyết xong. Đối với những đảng viên chây lười công tác, bỏ sinh hoạt, không đóng Đảng phí và có nhiều khuyết điểm về phẩm chất đạo đức được giáo dục tận tình, giao nhiệm vụ thích hợp, đưa vào hành động tạo điều kiện sửa chữa khuyết điểm phấn đấu vươn lên. Đồng thời cũng đã kiên quyết xử lý nghiêm khắc kịp thời đối với những đảng viên quá kém qua giáo dục nhiều lần không chịu sửa chữa. Đối với những đảng viên tham ô hoặc còn vay nợ nhập nhằng của hợp tác xã cũng được giải quyết tích cực bằng biện pháp thích hợp

có phân biệt rõ ràng. Đối với những đảng viên tuy chưa phải tham ô, nhưng thật sự có vay nợ nhập nhằng sai chính sách thì vừa tạo điều kiện sửa chữa, vừa định thời gian phải thanh toán sòng phẳng. Đối với những đảng viên gia đình khó khăn tuy có vay nợ của hợp tác xã, nhưng chủ yếu là do điều kiện thóc hàng năm cộng lại, hoặc do trình độ quá kém nhầm lẫn sổ sách mà phải nợ thì tập thể bàn bạc, kể cả trong Đảng và quần chúng xã viên có xem xét chiếu cố thích đáng. Do đó, cán bộ, đảng viên và quần chúng nói chung đều phấn khởi, tin tưởng. Vì vậy có đảng viên đã tự giác báo cáo giữ tiền của hợp tác xã gần 300 đồng, mà trước nay chi bộ và xã viên chưa ai biết như ở Mường Khương, Si Ma Cai, có đảng viên khi liên hệ kiểm điểm đã tự giác xin bán đài, xe, trâu, ngựa, lợn để trả hợp tác xã như ở Bắc Hà, Bát Xát, v.v. cho đến nay đã có 37% số đảng viên vay nợ thanh toán xong. Còn số đảng viên khác cũng đã trả được một phần và đang có kế hoạch trả dần từng vụ. Trên cơ sở đó mà chất lượng hoạt động của các chi bộ ngày càng đi vào đúng chức năng, sát nhiệm vụ hơn trước. Công tác quản lý đảng viên được tăng cường. Mối quan hệ giữa Đảng với quần chúng ngày càng gắn bó. Việc giải quyết cơ sở kém, đảng viên kém ngày càng đi vào bề sâu với những biện pháp cụ thể hơn. Vấn đề nhận xét phân loại ngày càng đề cao chất lượng:

	1970	1971	1972
Chi bộ phần đấu tốt	26,7%	40%	30%
Chi bộ phần đấu kém	7%	12,3%	11%

Riêng các đảng bộ nông thôn có tới 20% vào loại kém và số cơ sở yếu kém mới vươn lên trong năm 1971 là 12% (15 đảng bộ). Nhưng cũng còn 4 đảng bộ từ khá tụt xuống.

Yếu và tồn tại chính hiện nay của tổ chức cơ sở là: Nói chung đội ngũ cốt cán có ý thức và nhiệt tình cách mạng, trung thành, tận tụy, nhưng trình độ năng lực không đáp ứng kịp đang có ảnh

hưởng nhiều đến việc thực hiện các nhiệm vụ. Thậm chí có nơi sút kém đi. Chất lượng sinh hoạt trong các tổ chức cơ sở nhất là chi bộ và tổ đảng chưa thật sự mang tính chất lãnh đạo giáo dục và chiến đấu nên chưa thật sự trở thành nơi giáo dục, rèn luyện đảng viên. Thậm chí còn một số ít cấp ủy chi bộ và không ít tổ đảng nhất là ở nông thôn sinh hoạt lỏng lẻo, rời rạc, không nộp đảng phí, chưa nghiêm chỉnh việc phân công công tác và quản lý đảng viên còn lỏng lẻo. Nội bộ một số nơi còn dễ mất đoàn kết hoặc sự nhất trí chưa cao, nhất là trong nội bộ lãnh đạo đã và đang ảnh hưởng đến sức chiến đấu của quần chúng. Về công tác xây dựng Đảng yếu nhất hiện nay là các cơ sở xã, nhất là vùng cao, biên giới và các ngành văn hóa, giáo dục, bệnh viện, cửa hàng, nông trường, công trường, lâm trường và các đoàn địa chất. Trước tình hình do sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp trên, nhất là các huyện, thị, đảng ủy lại thiếu chặt chẽ, thường xuyên, nên càng hạn chế vai trò của các tổ chức cơ sở.

Đối với cấp huyện và tương đương có tiến bộ, nhất là sinh hoạt dân chủ nội bộ được tăng cường hơn. Nội dung sinh hoạt được cải tiến một phần. Phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, tác phong công tác có cải tiến, nhất là cách làm việc tập thể dân chủ, chủ đạo theo vùng đang dần đi vào nền nếp. Quan hệ và lễ lối làm việc giữa Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng có tiến bộ. Tác phong sâu sát cụ thể được nâng lên. Vấn đề sơ kết, tổng kết được chú ý hơn.

Tuy nhiên, đối với cấp huyện hiện nay trước yêu cầu nhiệm vụ còn bộc lộ nhiều nhược điểm:

- Nhận thức về vị trí cấp huyện chưa thật rõ, mặc dù Nghị quyết 136 trước đây của Ban Bí thư đã xác định và Nghị quyết 19 gần đây của Trung ương càng rõ hơn về vị trí của cấp huyện. Nhưng nhìn chung chưa được quán triệt đầy đủ. Vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, nhất là công tác chỉ đạo thực hiện các mặt nhiệm vụ đối với cơ sở còn yếu. Chưa thật sự coi trọng công tác vận động quần

chúng chưa được chú trọng đúng mức. Việc phát huy vai trò bộ máy chính quyền còn lúng túng.

- Phương thức lãnh đạo, chỉ đạo và tác phong công tác chưa được cải tiến sát với chức năng, nhiệm vụ. Việc chỉ đạo xây dựng điển hình và nhân điển hình còn yếu. Cách chỉ đạo tập trung đúng điểm, việc kiểm tra cụ thể tại chỗ, việc sơ kết, tổng kết chưa thành nền nếp thường xuyên.

Trình độ nhiều mặt còn hạn chế, nhất là trình độ văn hóa quản lý kinh tế chuyên môn kỹ thuật và công tác đảng, công tác vận động quần chúng ở vùng dân tộc.

- Đối với cấp tỉnh qua hai năm thực hiện cuộc vận động cũng đã có tiến bộ một bước. Vấn đề sinh hoạt dân chủ được tăng cường hơn. Vấn đề đấu tranh phê bình và tự phê bình được đề cao. Tăng cường đoàn kết nhất trí trong nội bộ. Đặc biệt là nguyên tắc tập trung dân chủ được quán triệt và thực hiện triệt để hơn. Từ đó mà có tác dụng quan trọng đến việc phát huy vai trò lãnh đạo tập thể cũng như đề cao được chức trách từng cá nhân. Phương thức lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy có được cải tiến hơn trước. Tỉnh ủy chỉ đạo các mặt nhiệm vụ đến từng quý, Ủy ban hành chính tỉnh chỉ đạo các ty đến từng tháng. Các ty, ngành chỉ đạo cơ sở đến hàng tuần và ở cơ sở phải chỉ đạo nắm bắt các mặt công tác đến hàng ngày. Quá trình chỉ đạo cũng rất coi trọng công tác bồi dưỡng cán bộ, nhất là các ban tham mưu, công tác kiểm tra và đi vào tổng kết những vấn đề lớn. Một số ngành ở tỉnh cũng đã có chuyển biến tốt, phát huy được chức năng của ngành phục vụ nhiệm vụ chính trị và giúp đỡ bên dưới thiết thực hơn.

Tuy nhiên, cũng có một số mặt yếu:

- Về chủ trương, biện pháp đề ra nói chung là nhất trí, nhưng khi chỉ đạo thực hiện, có lúc có việc còn biểu hiện sự nhất trí chưa cao, hoặc chưa quán triệt vai trò lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, chưa cân đối giữa các mặt nhiệm vụ. Quá trình chỉ đạo có lúc còn tách rời công tác xây dựng Đảng với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị

hoặc ngược lại. Trong công tác xây dựng Đảng về tư tưởng chính trị và tổ chức có lúc thiếu sự gắn bó chặt chẽ. Phương hướng phục vụ nông nghiệp, phục vụ cơ sở của một số ngành còn yếu, chưa phát huy được chức năng của ngành thúc đẩy 3 cuộc cách mạng ở nông thôn và đào tạo bồi dưỡng cán bộ cơ sở.

- Về phương hướng lãnh đạo, chỉ đạo cũng còn một số nhược điểm. Việc phát huy vai trò của bộ máy chính quyền và các ban, ngành, việc chỉ đạo trọng điểm, việc sơ kết, tổng kết, nhân điển hình còn yếu. Hoặc trên một số mặt nhiệm vụ chỉ đạo chưa tập trung dứt điểm và chưa có biện pháp thật cụ thể nâng cao năng lực cho bản thân cấp ủy và phát huy vai trò của bộ máy chính quyền. Tác phong chỉ đạo của một số ngành còn quan liêu, không sâu sắc, cụ thể, dứt điểm. Nên nhiều vấn đề Tỉnh ủy đã có chủ trương cơ sở có quyết tâm, nhưng không đem lại kết quả cụ thể được, chính là do khâu tổ chức chỉ đạo thực hiện của các ngành.

3. Vấn đề kết nạp đảng viên

Qua 2 năm tiến hành cuộc vận động cả bốn đợt kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh đã có 26 trong số 27 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy có kết nạp đảng viên (còn 1 đảng bộ xí nghiệp Sành sứ).

Tổng số	255 (riêng nông thôn 53 của 30 xã)
Trong đó, phụ nữ	28,5% - 28%
30 tuổi trở xuống	77,7% - 50%
Dân tộc ít người	23% - 69,8%
Thành phần cơ bản	88% - 90%
Văn hóa cấp II trở lên	72% - 5,6%
Bao gồm nông thôn, khu phố	53
Cơ quan, xí nghiệp	185
Bộ đội tại ngũ	17
(...)	

Từ sau Lớp Hồ Chí Minh vào cuối năm 1971 đến nay toàn tỉnh mới chỉ kết nạp trên 20 đảng viên mới. Số đảng viên Lớp Hồ Chí Minh đủ tiêu chuẩn đều đã chuyển lên chính thức đúng thời hạn.

Nhìn chung việc kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh có tiến bộ hơn trước:

- Về tiêu chuẩn và chất lượng có tiến bộ. Tuyệt đối đa số là những phần tử tiên tiến trong quần chúng. Sau khi vào Đảng đa số phát huy được tác dụng. Qua kiểm tra tuy số không đủ tiêu chuẩn còn chiếm tỷ lệ khá cao (trên 16%) nhưng chỉ có 1, 2 trường hợp lịch sử có vấn đề chưa rõ (1 trường hợp bố đi phi chưa kết luận và 1 trường hợp bản thân là con nuôi hay con đẻ chưa rõ) chứng tỏ việc xem xét lựa chọn lần này có chặt chẽ hơn.

- Về phương châm, phương hướng có tiến bộ trên một số mặt. Bước đầu đã chú trọng đến lứa tuổi trẻ, phụ nữ, công nhân trực tiếp sản xuất. Số đảng viên kết nạp mấy năm trước đây thuộc lứa tuổi trẻ chỉ chiếm 70,9%, phụ nữ 20,9%, công nhân trực tiếp sản xuất 14,8%. Nhưng riêng trong Lớp Hồ Chí Minh tuổi trẻ chiếm 77%, phụ nữ 28,5%, công nhân trực tiếp sản xuất 26%. Trong đó 79% là công nhân kỹ thuật.

- Việc chấp hành nguyên tắc, thủ tục về kết nạp đảng viên có tiến bộ. Việc tổ chức cho quần chúng tham gia xây dựng Đảng được mở rộng hơn trước. Và nhìn chung việc kết nạp đảng viên đợt này có tác dụng trực tiếp góp phần nâng cao chất lượng của số đảng viên cũ và tăng cường hơn mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng.

Tuy nhiên so với yêu cầu cuộc vận động thì kết quả đạt được còn quá thấp và còn bộc lộ nhiều khuyết, nhược điểm:

- Nhìn chung số lượng còn ít và chất lượng chưa cao. Đa số cơ sở xã chưa kết nạp đảng viên nào (94 xã/124 xã) và chung toàn tỉnh còn 64% số chi bộ chưa kết nạp. Qua kiểm tra số không đủ tiêu chuẩn còn tới 41 trường hợp (16%). Riêng nông thôn thì số không đủ tiêu chuẩn chiếm tới 26%, số đảng viên mới kết nạp nhìn

chung chất lượng chưa cao, nhất là quá trình rèn luyện thử thách còn ít, giác ngộ về Đảng, về giai cấp còn rất hạn chế...

- Việc chấp hành phương châm, phương hướng và nguyên tắc thủ tục còn nhiều thiếu sót. Thậm chí có chi bộ kém nát cũng kết nạp như chi bộ phòng Lương thực huyện Mường Khương kết nạp 2 đảng viên mới trong Lớp Hồ Chí Minh thì cả hai đều không đủ tiêu chuẩn. Trong số đảng viên không đủ tiêu chuẩn đa số đều vi phạm phẩm chất đạo đức và do không nghiêm chỉnh chấp hành các thủ tục quy định, không cân nhắc kỹ lưỡng, cả từ chi bộ cho đến các cấp có thẩm quyền.

- Qua việc kết nạp đảng viên lần này tuy có tiến bộ so với trước nhưng chưa thật sự thành nên nếp cho sau này, kể cả những nơi có kết nạp đảng viên. Vì vậy, trong thời gian tới cần chỉ đạo chặt chẽ hơn, tích cực hơn, nhất là đối với miền núi, những nơi chưa có và ít đảng viên.

Nguyên nhân:

- Sở dĩ việc kết nạp đảng viên trong Lớp Hồ Chí Minh đạt kết quả thấp trước hết là về nhận thức chưa quán triệt sâu sắc yêu cầu cuộc vận động, là yêu cầu khách quan đòi hỏi đối với tình hình cụ thể ở Lào Cai. Tư tưởng ngại khó, bảo thủ, hẹp hòi, sợ trách nhiệm, tư tưởng phong kiến, nhất là đối với phụ nữ và lớp trẻ còn nặng. Hoặc vin có miền núi khó khăn, tình hình chính trị, xã hội phức tạp mà không có quyết tâm cao, không tích cực, chủ động, nhất là ở cơ sở và cấp ủy trực tiếp.

- Về lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn kiểm tra, đôn đốc uốn nắn của cấp trên chưa đầy đủ và thiếu chặt chẽ. Trong chỉ đạo, kể cả các Ban chuyên môn cũng thiếu kiểm tra đôn đốc, sơ kết rút kinh nghiệm để bồi dưỡng và uốn nắn kịp thời cho bên dưới. Nghiêm khắc mà kiểm điểm thì một số cấp ủy còn thiếu trách nhiệm đối với vấn đề này. Cho nên số chất lượng đảng viên kết nạp trong đợt này chưa phản ánh đúng phong trào chung của tỉnh.

- Về mặt khách quan cũng có ảnh hưởng quan trọng, nhất là tình hình chính trị và xã hội ở Lào Cai có nhiều quan hệ phức tạp. Ở địa phương thì tình hình phức tạp, tình hình biên giới. Trong cơ quan, xí nghiệp thì đa số cán bộ, công nhân viên từ nhiều tỉnh khác đến. Công tác thẩm tra rất khó khăn. Trình độ năng lực đội ngũ cán bộ cơ sở yếu. Ngay số cán bộ trực tiếp đi chỉ đạo cuộc vận động năng lực trình độ kiến thức về Đảng cũng rất hạn chế. Vai trò các đoàn thể quần chúng, nhất là Đoàn Thanh niên cũng chưa phát huy tác dụng tốt, ngoài ra còn có nhiều khó khăn khác của xã hội miền núi do lịch sử để lại còn phải khắc phục lâu dài cũng có ảnh hưởng một phần.

4. Vấn đề đưa người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng

Vấn đề này Lào Cai mới tiến hành xong thí điểm. Tuy nhiên, trong cuộc vận động này các Đảng bộ cũng đã sơ bộ nắm và lập được danh sách của số đảng viên có vấn đề cần xem xét thì tỷ lệ chung chiếm 27,5%. Trong đó loại vi phạm tiêu chuẩn chính trị chiếm 3,1% trong diện đảng viên thoát ly và 11,8% trong diện đảng viên không thoát ly. Loại vi phạm về phẩm chất đạo đức có 13,1% đối với diện đảng viên thoát ly và 23,4% đối với đảng viên không thoát ly. Loại trình độ giác ngộ, trình độ giác ngộ chính trị quá thấp có 2,8% đối với diện đảng viên thoát ly và 6,98% đối với đảng viên không thoát ly. Kết quả qua đợt thí điểm ở 3 cơ sở xã và 2 cơ quan cũng có tình hình tương tự và có mặt còn nghiêm trọng hơn. Cụ thể số đảng viên đã xử trí chiếm tới 17% đối với 2 cơ quan và 32,8% đối với 3 cơ sở xã. Trong đó loại vi phạm tiêu chuẩn chính trị 3% đối với cơ quan và 14% đối với cơ sở xã. Loại về phẩm chất đạo đức 13,8% đối với cơ quan và 11% đối với xã. Loại giác ngộ chính trị thấp 4% đối với cơ quan và 7% đối với xã. Số đã đưa ra khỏi Đảng 7,4% đối với cơ quan và 15,7% đối với xã.

Qua đợt thí điểm này nói chung đảm bảo đúng yêu cầu, phương châm và kế hoạch tiến hành. Việc vận dụng chính sách xử

trí đảng viên, nhất là ở vùng dân tộc được coi trọng ngay từ đầu và nói chung sát đúng, không xảy ra trường hợp nào đáng tiếc.

Ở những nơi chưa làm thí điểm Chỉ thị 192 thì cũng được quán triệt tinh thần chỉ thị và việc giữ gìn kỷ luật trong Đảng được tăng cường hơn. Trong 3 năm 1970 - 1972 đã xử trí kỷ luật 513 đảng viên, kể cả số đảng viên phải xử trí ngoài 5 hình thức. Trong đó đã khai trừ đưa ra khỏi đảng 257 trường hợp và quá 50% là loại có chức vụ, gần 40% sai phạm trong cuộc vận động. Nội dung sai phạm đa số thuộc về vi phạm nguyên tắc tổ chức của Đảng (30%), về chấp hành chính sách (37%) và về phẩm chất đạo đức như hủ hóa (30%). Về chính quyền trong 3 năm 1970 - 1972 cũng đã thi hành kỷ luật 540 cán bộ, công nhân viên. Trong đó có 33% là đảng viên (179/540). Nội dung sai phạm cũng có tình hình tương tự.

Nhìn chung thì vấn đề đưa người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng còn chậm và chưa kiên quyết. Trên nhận thức tư tưởng của một số cấp ủy cũng chưa đầy đủ, còn biểu hiện do dự, sợ căng thẳng, nhất là ở vùng dân tộc, biên giới, trình độ giác ngộ đảng viên và quần chúng còn thấp. Về mặt lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy lúc đầu cũng chưa có nhận thức đầy đủ, thiếu quyết tâm. Đây là vấn đề rất hệ trọng và đối với Lào Cai càng thận trọng hơn. Nhưng không đi vào chỉ đạo thí điểm ngay từ đầu để rút kinh nghiệm mà để các đảng bộ huyện tự làm. Cho nên chưa đạt yêu cầu và nay mới xong thí điểm.

III. VỀ LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO CUỘC VẬN ĐỘNG

Nhìn chung việc quán triệt và cách vận dụng thực hiện của Tỉnh ủy đặt vấn đề thống nhất các cuộc vận động, có kế hoạch cho từng loại cơ sở, chuẩn bị lực lượng cán bộ, có bồi dưỡng huấn luyện chu đáo, có trọng điểm, có kiểm tra chặt chẽ và kịp thời điều chỉnh bổ sung các biện pháp... là chủ trương đúng đắn, tích cực. Cũng theo nếp đó, các cấp, các ngành cũng đã có cố gắng nhất định, tạo

ra nếp chỉ đạo mới, đồng bộ hướng vào cơ sở. Đồng thời thông qua cuộc vận động này biểu hiện các cấp ủy đã có quan tâm hơn đối với công tác xây dựng Đảng; gắn công tác xây dựng Đảng với phong trào quần chúng. Ban Chỉ đạo cuộc vận động Trung ương và một số Ban, Đảng đoàn các ngành Trung ương, như Tổng cục địa chất, Bộ Giáo dục, Bộ Y tế, v.v. đã có hướng dẫn riêng khá cụ thể. Tuy nhiên trong lãnh đạo, chỉ đạo cũng còn một số khuyết, nhược điểm tồn tại làm hạn chế kết quả cuộc vận động:

- Việc quán triệt và vận dụng các yêu cầu cuộc vận động chưa sâu, chưa thấy yêu cầu nâng cao chất lượng đảng viên là cơ bản, là cấp bách. Do đó trong chỉ đạo chưa tập trung cao bằng tất cả mọi biện pháp để nâng cao chất lượng đảng viên, chất lượng tổ chức.

- Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, việc gắn cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên với các cuộc vận động khác phục còn lúng túng. Chưa thật sự thông qua việc thực hiện nhiệm vụ chính trị phong trào quần chúng để nâng cao chất lượng đảng viên, chất lượng tổ chức. Tổ chức chỉ đạo lúc đầu chặt chẽ, nhưng sau khi đã phát động, tạo khí thế và có những chuyển biến bước đầu rồi thì nhận thức của lãnh đạo không chuyển biến kịp, không có biện pháp tiếp tục nâng lên, bản thân cơ sở cũng không duy trì và phát huy kết quả đã đạt được. Từ đó phát sinh mâu thuẫn không được giải quyết dẫn đến một số nơi có chiều hướng dừng lại, hoặc sinh tiêu cực lợi lỏng.

Bản thân các cấp ủy cũng chưa có biện pháp để nâng cao chất lượng cho chính mình cả về mặt nhận thức tư tưởng và năng lực lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện. Việc chỉ đạo sự phối kết hợp giữa các Ban chuyên môn có lúc thiếu chặt chẽ và chưa được kiện toàn đầy đủ, kể cả ở tỉnh. Do đó chưa phát huy tốt chức năng tham mưu giúp cấp ủy chỉ đạo công tác xây dựng Đảng.

Những khuyết điểm tồn tại trên về lãnh đạo, chỉ đạo cũng đồng thời là một trong những nguyên nhân làm hạn chế kết quả cuộc vận động.

Tóm lại, cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên được tiến hành đồng thời với các cuộc vận động khác là một chủ trương rất đúng đắn và phù hợp. Sau hơn hai năm tiến hành cuộc vận động đã thu được một số kết quả bước đầu. Kết quả đó là một trong những nhân tố quan trọng thúc đẩy các cuộc vận động khác và là nhân tố quyết định đảm bảo thắng lợi cho việc thực hiện Nghị quyết 19 của Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết 220 của Bộ Chính trị và nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ năm. Kết quả đó là cơ sở bước đầu để đưa dần công tác xây dựng Đảng đi vào nền nếp thường xuyên, từng bước thực hiện mục tiêu mà Nghị quyết 195 của Bộ Chính trị đã đề ra: “Chất lượng của các đảng viên và của các chi bộ Đảng là nhân tố quan trọng làm nên sức mạnh của Đảng. Phải làm cho cán bộ và đảng viên xứng đáng với những tiêu chuẩn đã định, xứng đáng là chiến sĩ tiên phong của cách mạng nước ta”.

Tuy nhiên, đối chiếu với yêu cầu cuộc vận động thì kết quả đạt được còn thấp và còn nhiều thiếu sót, lúng túng. Vì vậy, cả huyện, thị, Đảng ủy các Ban, Đảng đoàn cần đưa vào bản báo cáo này để liên hệ kiểm điểm rút kinh nghiệm. Đồng thời trên cơ sở chức năng của mình mà có biện pháp tích cực nhằm đẩy mạnh cuộc vận động trong thời gian tới. Mỗi tổ chức cơ sở cần tổ chức nghiên cứu thảo luận và liên hệ kiểm điểm rút kinh nghiệm rồi đề ra kế hoạch cụ thể tiến hành cuộc vận động nhằm đạt những yêu cầu cơ bản để tổng kết cuộc vận động vào cuối năm 1973 đưa công tác xây dựng Đảng đi vào nền nếp. Riêng việc đưa người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng theo tinh thần Chỉ thị 192 căn cứ vào kế hoạch hướng dẫn của Ban chỉ đạo cuộc vận động Trung ương để tiến hành đảm bảo hoàn thành cơ bản vào cuối năm 1974 đầu năm 1975.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 171-CT/TU, ngày 6-8-1973

Về công tác tuyển quân năm 1973

Quán triệt tinh thần chống Mỹ, cứu nước là nhiệm vụ hàng đầu, trong những năm qua, công tác động viên tuyển quân thời chiến, chúng ta đã có nhiều cố gắng, lập được thành tích đáng kể, hàng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu, chất lượng khá, thời gian nói chung đảm bảo, góp phần xứng đáng vào thắng lợi chung của quân và dân cả nước trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước.

Tuy nhiên, qua việc thực hiện công tác này, chúng ta cũng còn bộc lộ những thiếu sót, nhược điểm: việc giáo dục chính trị, tư tưởng chưa thường xuyên, sâu sắc, hiện tượng tiêu cực trốn tránh còn xảy ra. Công tác chuẩn bị làm thiếu tích cực, chưa chủ động, có kế hoạch đưa công tác động viên, tuyển quân vào thành nền nếp thường xuyên, việc thực hiện chính sách hậu phương quân đội nói chung là tốt, nhưng cũng còn các vấn đề tồn tại, nhiều nơi chưa lấy được quân ở vùng yếu, phong trào kém, một số đơn vị thường xuyên không đạt chỉ tiêu.

Hiện nay tình hình cách mạng trong cả nước đã chuyển sang giai đoạn mới, có nhiều thuận lợi mới với những điều kiện và triển vọng rất tốt đẹp. Tuy nhiên chúng ta còn phải nỗ lực hơn nữa để phát huy những thắng lợi đã giành được, đẩy mạnh sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội trên quy mô

ngày càng lớn. Đồng thời phải thường xuyên nâng cao cảnh giác, tiếp tục đấu tranh giữ vững hòa bình lâu dài. Vì vậy, công tác động viên tuyển quân xây dựng lực lượng cho phù hợp với tình hình mới vẫn đang là vấn đề lớn có ý nghĩa rất trọng đại trong việc bảo vệ Tổ quốc, thống nhất đất nước và làm nhiệm vụ quốc tế. Trước mắt phải hoàn thành tốt đợt tuyển quân tháng 8-1973. Đây là một đợt tuyển quân với số lượng lớn, thời gian rất khẩn trương, địa bàn lấy quân chỉ có ở nông thôn, đường phố. Vì vậy, các cấp, các ngành phải làm thật tốt những việc sau đây:

1. Phải tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các đoàn thể quần chúng phải quán triệt thật sâu sắc nhiệm vụ, thấy rõ tầm quan trọng, thấy rõ trách nhiệm, trên cơ sở đó có kế hoạch thật cụ thể để thực hiện nhiệm vụ tuyển quân. Trong thời gian này (từ nay đến hết tháng 8-1973) phải coi nhiệm vụ tuyển quân là công tác trung tâm đợt xuất và nhất thiết phải đảm bảo đủ số quân, chất lượng đã phân bổ cho các địa phương, đơn vị.

2. Phải đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động quần chúng, phát huy mạnh mẽ tinh thần phấn khởi, tin tưởng của quần chúng, làm cho quần chúng nhận thức thấy trong thắng lợi chung rất vẻ vang của dân tộc có sự đóng góp của mình và gia đình mình, thấy rõ mình và gia đình mình phải có trách nhiệm phấn đấu hơn nữa để xây dựng đất nước, đấu tranh bảo vệ Tổ quốc, giữ vững hòa bình lâu dài, khắc phục tư tưởng ngại khó khăn, gian khổ, hòa bình nghỉ ngơi, hoặc sợ chiến tranh trở lại, từ đó mà gây thành khí thế sôi nổi trong quần chúng, phát động trong quần chúng phong trào thi đua, tòng quân, làm cho mọi người thấy được đi tham gia tòng quân, cử con em mình tham gia tòng quân là trách nhiệm, là vinh dự đối với Tổ quốc.

3. Phải khẩn trương làm tốt công tác chuẩn bị như đăng ký thống kê, khám sức khỏe, xét duyệt lý lịch, phân bổ người đi trước, đi sau, đảm bảo tính chất công bằng, hợp lý trong nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc giữa các gia đình, các dân tộc.

4. Quán triệt và thực hiện tốt hơn nữa các chính sách đối với thương binh, gia đình liệt sĩ, gia đình quân đội, nhất là những người hiện đang có khó khăn trong đời sống.

Các cấp ủy Đảng, chính quyền, các đoàn thể quần chúng phải căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của địa phương, của ngành, giới mình có kế hoạch cụ thể để thực hiện Chỉ thị này.

Hội đồng nghĩa vụ quân sự tỉnh, đảng ủy Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn kế hoạch cụ thể, giúp Tỉnh ủy kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện và thường xuyên báo cáo kết quả với Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC
KHÁNH VINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 08-BC/TU, ngày 3-9-1973

Về việc tổng kết công tác kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh

Kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh là một nội dung cơ bản của cuộc vận động “Nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh” như Nghị quyết số 195 của Bộ Chính trị đã chỉ rõ: “Để tỏ lòng thương nhớ và biết ơn Hồ Chủ tịch, Người sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng ta. Trung ương đã quyết định kết nạp một lớp đảng viên mới lấy tên là Lớp Hồ Chí Minh, nhằm tăng thêm sức chiến đấu của Đảng, làm cho Đảng có thêm lực lượng để kế tục tốt sự nghiệp vĩ đại của Hồ Chủ tịch. Đợt kết nạp này phải làm thật đúng những tiêu chuẩn và những thủ tục đã quy định trong Điều lệ Đảng, thu hút được những người ưu tú và giác ngộ nhất trong giai cấp công nhân, giai cấp nông dân tập thể, trong lực lượng vũ trang nhân dân và trong giới trí thức xã hội chủ nghĩa. Để xứng đáng với tên là Lớp Hồ Chí Minh, đợt kết nạp này phải đặc biệt chú ý trong bảo đảm chất lượng đảng viên, bảo đảm tính trong sạch và vững mạnh của Đảng, phải được tiến hành thật tốt để làm mẫu mực cho công tác kết nạp đảng viên từ nay về sau”.

Đối với Lào Cai, một tỉnh miền núi, vùng cao, biên giới, có nhiều dân tộc sống xen kẽ, cư trú phân tán và thường di biến động, lại đã trải qua nhiều thời kỳ phức tạp: Pháp, Nhật, Quốc dân đảng..., cơ sở

Đảng nói chung mới phát triển từ năm 1960 trở lại đây. Lực lượng đảng viên còn rất mỏng và phân bố không đều. Tỷ lệ đảng viên so với dân số nông thôn mới có 2%. Riêng vùng cao mới chiếm 1,5%. Bình quân mỗi xã vùng cao chỉ có hơn 10 đảng viên. Mỗi chi bộ lãnh đạo gần 3 hợp tác xã và mỗi hợp tác xã mới có 4, 5 đảng viên và nhiều hợp tác xã chưa có đảng viên. Do yêu cầu phát triển kinh tế, văn hóa, đội ngũ cán bộ, công nhân viên tăng lên khá nhanh (đội ngũ cán bộ, công nhân viên năm 1972 tăng gần ba lần so với năm 1963). Trong đó quá 2/3 là do yêu cầu cách mạng, nghe theo tiếng gọi của Đảng mà tình nguyện từ các tỉnh khác lên công tác ở Lào Cai. Đội ngũ đảng viên nông thôn thường phát triển từng đợt qua các cuộc vận động lớn có cán bộ trên về giúp như: phát động thành lập khu tự trị, vận động hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ, cải tiến quản lý hợp tác xã nông nghiệp, vận động đồng bào miền xuôi lên, tham gia phát triển kinh tế - văn hóa miền núi... Bản thân các tổ chức cơ sở đảng ở xã nói chung chưa tự đảm nhận được. Tất cả tình hình đó có ảnh hưởng trực tiếp đến công tác xây dựng Đảng. Đó là những khó khăn lâu dài đang được phấn đấu khắc phục từng bước. Vì vậy, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 195 mở cuộc vận động “Nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh” là một chủ trương rất phù hợp.

Sau khi nhận được chủ trương của Trung ương, trước khi có nghị quyết chính thức đầu năm 1970, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nghe và cho tiến hành một số công tác chuẩn bị. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã mở Hội nghị trực tiếp phổ biến chủ trương để quán triệt bước đầu đến các cấp, các ngành. Đồng thời giao cho Ban Tổ chức và Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy cùng phối hợp với Ban Thường vụ huyện ủy Mường Khương để mở lớp thí điểm giáo dục bồi dưỡng đối tượng kết nạp Đảng theo nội dung mới do Ban Tuyên huấn Trung ương hướng dẫn. Rồi sơ kết rút kinh nghiệm và triển khai ra toàn tỉnh. Giao cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy hướng dẫn rà lại toàn bộ đội ngũ đối tượng kết nạp đảng hiện có ở cơ sở để xem xét.

Sau khi có nghị quyết chính thức, công tác kết nạp đảng viên được đặt thành nhiệm vụ quan trọng trong kế hoạch tiến hành cuộc vận động, kể cả ở nông thôn và các khu vực khác.

Đến nay đợt kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh đã kết thúc. Việc kiểm tra số lượng đảng viên mới kết nạp đã hoàn thành. Nhiều Đảng bộ đã tiến hành tổng kết rút kinh nghiệm và xây dựng kế hoạch phát triển đảng ở đảng bộ mình. Một số đảng bộ đã bắt đầu kết nạp đảng viên mới. Ban Chấp hành Tỉnh ủy đã họp Hội nghị tổng kết về đợt kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh và rút kinh nghiệm để đưa công tác kết nạp đảng viên đi vào nền nếp thường xuyên sau này. Dưới đây là nội dung cụ thể:

I. NHỮNG KẾT QUẢ BƯỚC ĐẦU VỀ ĐỢT KẾT NẠP ĐẢNG VIÊN LỚP HỒ CHÍ MINH

Tổng số đảng viên mới kết nạp: 255. Riêng nông thôn: 53

Cụ thể từng đợt: 19-5-1970 kết nạp 35. Riêng nông thôn 12

2-9-1970	-	73	-	13
3-2-1971	-	99	-	23
19-5-1971	-	48	-	5

Trong đó là nữ 73 = 28,5% nông thôn 17 = 30%

Từ 18 đến 30 tuổi 197 = 77% - 26 = 49%

Dân tộc ít người 55 = 21,5% - 37 = 70%

Thành phần xuất thân:

Là công nhân 3

Bần nông 149 riêng nông thôn 42

Trung nông dưới 29 - 5

Dân nghèo 8

Thợ thủ công 2

Trung nông 59 - 6

Tiểu thương 3

Viên chức 1

Là công nhân trực tiếp sản xuất:	68 = 26,5%		
Trong đó công nhân kỹ thuật:	54 = 79,4%		
Là cán bộ chuyên môn kỹ thuật:	85 = 32,3%		
Số có trình độ văn hóa cấp I:	79 = 31%	nông thôn:	51 = 96%
Số có trình độ văn hóa cấp II:	102 = 40%	-	2 = 4%
Số có trình độ văn hóa cấp III:	74 = 29%		
Thuộc chi bộ phần đấu tốt:	136 = 53,3%	-	37 = 70%
- chưa tốt:	106 = 41,5%	-	15 = 28%
- kém:	13 = 5%	-	1 = 2%

Đối chiếu với yêu cầu kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh, qua tổng kết của các đảng bộ với số liệu trên có thể rút ra một số nhận xét:

1. Đợt kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh tuy số lượng còn ít nhưng chất lượng đã có những tiến bộ rõ rệt.

Qua kiểm tra xem xét thì đa số đảng viên mới kết nạp có động cơ vào Đảng đúng đắn, có phẩm chất đạo đức cách mạng tốt, là những phần tử ưu tú giác ngộ trong quần chúng đã được rèn luyện thử thách, được quần chúng tín nhiệm. Tất cả số đảng viên đủ tiêu chuẩn đều là lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua ít nhất là 2 năm, nhiều nhất là 8 năm, sau khi vào Đảng đa số phát huy tác dụng tốt.

Trình độ mọi mặt của số đảng viên mới kết nạp lần này có tiến bộ. Tất cả số đảng viên mới kết nạp được giáo dục bồi dưỡng bằng nhiều hình thức, nhất là giáo dục thông qua các tổ chức quần chúng, thông qua các lớp huấn luyện tập trung có hệ thống. Do đó số đảng viên mới kết nạp nói chung đã có những hiểu biết bước đầu về lý tưởng cộng sản, về Đảng và giai cấp, về tư cách và nhiệm vụ người đảng viên. Số đảng viên mới kết nạp trong 5 năm trước đây có trình độ văn hóa từ cấp II trở lên chỉ chiếm 42%, nay chiếm 70%. Số có trình độ chuyên môn kỹ thuật trước đây chỉ có 16,7%, nay chiếm tới 32,3%. Đó là những tiến bộ bước đầu về chất lượng của số đảng viên mới kết nạp góp phần nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức Đảng.

2. Việc thực hiện phương hướng, phương châm trong công tác phát triển Đảng đã có tiến bộ hơn trước tạo cơ sở cho công tác phát triển Đảng từ nay về sau.

Nhìn chung số đảng viên mới kết nạp đảm bảo đúng đường lối giai cấp của Đảng. Đa số xuất thân từ thành phần cơ bản, (74%) có lịch sử chính trị rõ ràng, không phạm tiêu chuẩn chính trị do Trung ương quy định. Ngoài 53 trường hợp thuộc giai cấp nông dân tập thể, số còn lại (202) là những đối tượng trong công nhân, cán bộ, nhân viên, bộ đội vũ trang, cán bộ chuyên môn kỹ thuật đã có quá trình rèn luyện qua thực tế lao động sản xuất, công tác, chiến đấu liên tục từ 3 năm trở lên chiếm tới 77,5%. Riêng bản thân là công nhân trực tiếp sản xuất chiếm tới 26%. Trong đó 79% là công nhân kỹ thuật và 72% là công nhân có tuổi nghề từ 5 năm trở lên (số đảng viên kết nạp trong 5 năm trước đây là công nhân trực tiếp sản xuất chỉ có 1,4%). Việc phát triển phụ nữ, lứa tuổi trẻ đã có tiến bộ hơn trước. Tỷ lệ đảng viên mới kết nạp là nữ trước đây chỉ có 20%, nay chiếm 23,5%. Số có độ tuổi từ 18 đến 30 trước đây chỉ có 70%, nay chiếm 77%.

Trong đợt kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh vừa qua cũng đã có 30 xã có kết nạp đảng viên bao gồm 11 xã vùng cao, 19 xã vùng thấp và 5 xã biên giới. Đó là cơ sở bước đầu rút kinh nghiệm cho công tác kết nạp đảng viên của các vùng sau này. Trong các cơ quan, xí nghiệp bước đầu đã chú trọng đến các cơ sở trực tiếp sản xuất, những nơi chưa có hoặc ít đảng viên, những bộ phận trọng yếu, những khâu quan trọng trong dây chuyền sản xuất. Ở Mỏ apatit kết nạp 10 đảng viên thì trong đó 8 là trực tiếp sản xuất và chủ yếu tập trung ở các khâu quan trọng như điện, cơ khí, khai thác, vận tải và có 2 trường hợp kết nạp vào tổ sản xuất chưa có đảng viên. Cả hai đoàn địa chất kết nạp 9 đảng viên thì trong đó 2/3 là ở khâu trực tiếp sản xuất. Số còn lại có 2 cán bộ là chuyên môn kỹ thuật và 1 nhân viên nghiệp vụ.

Việc thực hiện 3 phương châm trong công tác phát triển Đảng đã có tiến bộ trên một số mặt. Nhìn chung từ cấp ủy đến cán bộ, đảng viên đã có ý thức coi trọng chất lượng hơn. Từ việc tìm hiểu lựa chọn đối tượng, thẩm tra xác định, có trường hợp phải thẩm tra tới 8 lần vẫn kiên trì để có kết luận chính xác. Công tác giáo dục bồi dưỡng, xét duyệt kết nạp của chi bộ và cấp ủy thẩm quyền đã có ý thức thận trọng chắc chắn hơn.

3. Việc chấp hành các nguyên tắc, thủ tục và kết nạp đảng viên đã có một số tiến bộ, bước đầu rút được kinh nghiệm cho công tác kết nạp đảng viên từ nay về sau.

Nhìn chung việc chấp hành các nguyên tắc, thủ tục về kết nạp đảng viên đã có nhiều tiến bộ hơn trước. Ở những nơi có kết nạp đảng viên ít nhiều đều đã nắm được những nguyên tắc cơ bản như: việc lựa chọn đối tượng phải thông qua việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và phong trào quần chúng, phải được thẩm tra xác minh kỹ lưỡng cả quá khứ và hiện tại, việc xét duyệt đối tượng phải do tập thể chi bộ, đến cấp ủy có thẩm quyền, ít nhất là Ban Thường vụ. Đối tượng được kết nạp phải có đảng viên bảo đảm giới thiệu có đủ điều kiện như Điều lệ Đảng quy định, v.v.. Hoặc trong 11 khâu thủ tục cũng đồng thời là trình tự công việc cần phải làm để đảm bảo đúng tiêu chuẩn, phương hướng, phương châm trong công tác phát triển đảng viên. Chính nhờ đó mà đa số đảng viên mới kết nạp bảo đảm đủ tiêu chuẩn và có tiến bộ về chất lượng so với trước. Mặt khác, thông qua việc thực hiện các thủ tục kết nạp đảng viên góp phần nâng cao thêm nhận thức về Đảng, về quan điểm quần chúng trong công tác xây dựng Đảng.

4. Thông qua đợt kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh góp phần củng cố tổ chức Đảng và tăng cường thêm mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng.

Quá trình tìm hiểu lựa chọn, xét duyệt kết nạp đảng viên, những tiêu chuẩn kết nạp đảng được thảo luận, phân tích, vận dụng nhiều lần từ chi bộ đến cấp ủy. Đó là một quá trình đấu

tranh để mỗi đảng viên cũ suy nghĩ đối chiếu và tự rèn mình phấn đấu vươn lên. Hoặc khi chi bộ lựa chọn đảng viên làm nhiệm vụ bảo đảm giới thiệu chính là dịp để các chi bộ xem xét tư cách của các đảng viên, nâng cao trách nhiệm của chi bộ trong việc củng cố Đảng. Nhiều chi bộ vào loại phấn đấu chưa tốt và phấn đấu kém qua thảo luận phương châm, tiêu chuẩn kết nạp đảng viên đã tự nguyện, tự giác thấy trách nhiệm trong việc củng cố, nâng cao chất lượng của chi bộ, đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ, tạo điều kiện để làm tốt công tác phát triển Đảng.

Hầu hết các đảng viên mới kết nạp đều được các tổ chức quần chúng lựa chọn giới thiệu từ tổ đội sản xuất, công tác, phân chi đoàn thanh niên, tổ công đoàn trở lên. Qua thảo luận các tiêu chuẩn kết nạp đảng viên đã giúp cho quần chúng có phương hướng phấn đấu, được hiểu biết thêm về Đảng, hiểu rõ trách nhiệm và vinh dự được trực tiếp tham gia xây dựng Đảng. Do đó càng tăng thêm lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng, tăng thêm mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng. Đồng thời là dịp đấu tranh củng cố, nâng cao chất lượng đảng phát huy tốt vai trò của các tổ chức quần chúng thực hiện nhiệm vụ chính trị và xây dựng Đảng. Ở xã Bản Cầm (Mường Khương) sau khi chi bộ tổ chức cho quần chúng xã viên thảo luận các tiêu chuẩn kết nạp đảng viên yêu cầu quần chúng giới thiệu thì quần chúng đề nghị cho thêm thời gian để suy nghĩ lựa chọn người thật tốt giới thiệu vào Đảng.

5. Thông qua đơn kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh đã góp phần nâng cao thêm nhận thức về công tác xây dựng Đảng và những nguyên tắc thủ tục đã quy định trong Điều lệ Đảng.

Qua đợt kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh đã giúp cho mỗi cán bộ, đảng viên và nhất là các cấp ủy đảng quán triệt thêm một bước về những nguyên lý, phương châm trong công tác xây dựng Đảng. Vấn đề gắn công tác xây dựng Đảng với nhiệm vụ chính trị và phong trào cách mạng quần chúng, phải thông qua thực hiện nhiệm vụ chính trị và phong trào quần chúng để tìm hiểu, lựa

chọn, giáo dục bồi dưỡng. Xây dựng con người, củng cố tổ chức là những vấn đề rất cơ bản trong công tác xây dựng Đảng. Gắn xây dựng con người với xây dựng tổ chức, phát triển phải đi đôi với củng cố và những thủ tục kết nạp đảng viên vừa là phương châm vừa là nguyên tắc phương pháp cụ thể trong công tác phát triển Đảng. Qua đó đã rút ra được một số kinh nghiệm bước đầu, nhất là những nơi kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh và là dịp tốt bồi dưỡng nâng cao thêm một bước về nghiệp vụ công tác xây dựng Đảng cho cán bộ, đảng viên.

Sở dĩ đạt được những kết quả trên là do một số nguyên nhân sau đây:

1. Trước hết phải khẳng định những đảng bộ cơ sở có kết nạp đảng viên đủ tiêu chuẩn là vì ở đó từ cấp ủy đến đảng viên đã có nhận thức quán triệt được các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương. Thấy được trách nhiệm đối với công tác phát triển Đảng. Đồng thời biết cách vận dụng sát đối với từng loại đối tượng ngành, giới, lứa tuổi, dân tộc, biết cách giáo dục, rèn luyện xây dựng con người là nhân tố cơ bản có ý nghĩa then chốt, vì năm tiêu chuẩn do Trung ương quy định là chung cho toàn Đảng, với tất cả các loại đối tượng để xem xét kết nạp. Tiêu chuẩn đó là xuất phát từ tính chất của Đảng, của giai cấp công nhân Việt Nam. Nhưng trong quá trình thực hiện, nếu không có suy nghĩ vận dụng sát với từng loại đối tượng sẽ dẫn đến tuyệt đối hóa tiêu chuẩn, không kết nạp được đảng viên. Hoặc vin vào đặc điểm miền núi, dân tộc để hạ thấp tiêu chuẩn, châm chước sai lầm, khuyết điểm. Trên cơ sở tiêu chuẩn, phương pháp giáo dục xây dựng con người là vấn đề rất quan trọng. Thành công của những đảng bộ có kết nạp đảng viên đủ tiêu chuẩn thường bắt nguồn từ xây dựng nhiệm vụ chính trị, từ xây dựng bồi dưỡng phong trào cách mạng của quần chúng mà tìm hiểu lựa chọn, giáo dục, bồi dưỡng với tinh thần chủ động, tích cực, kiên trì, công phu, tỉ mỉ. Xây dựng từ những quần chúng bình thường đến

quần chúng tích cực, tiên tiến và trở thành phần tử ưu tú giác ngộ nhất, tiến lên có đủ tiêu chuẩn kết nạp vào Đảng.

Đảng bộ xã Bản Vược (Bát Xát) là xã biên giới, có nhiều dân tộc, có đồng bào miền xuôi lên tham gia phát triển kinh tế - văn hóa miền núi. Tình hình chính trị qua các thời kỳ cũng để lại nhiều vấn đề phức tạp. Nhưng vừa qua đã kết nạp 4 đảng viên Lớp Hồ Chí Minh đều đủ tiêu chuẩn. Đó là kết quả của quá trình phấn đấu đi từ thực hiện phương hướng sản xuất của xã, nhất là phong trào thâm canh, đưa chăn nuôi và nghề rừng lên thành ngành sản xuất chính. Từ đó mà năm 1972 năng suất bình quân toàn xã đạt 9,6 tấn/ha, đã có đàn lợn, đàn bò tập thể khác, đã trồng 20 ha rừng mới và đưa nghề rừng vào hợp tác xã quản lý. Thông qua phong trào xây dựng lực lượng chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu, từ phong trào thi đua của các đoàn thể quần chúng như thanh niên ba sẵn sàng, phụ nữ ba đảm đang, phụ lão ba giỏi, dân quân quyết thắng, hợp tác xã tiến lên, tổ đội sản xuất lao động xã hội chủ nghĩa... Trên cơ sở đó mà giáo dục, bồi dưỡng xây dựng con người, đào tạo cán bộ, kết nạp đảng viên.

Đảng bộ xã Xuân Giao (Bảo Thắng) đã đi từ việc củng cố hợp tác xã, thâm canh tăng năng suất, cải tiến kỹ thuật mà giáo dục, rèn luyện quần chúng xã viên và cán bộ thoát ly, cán bộ kỹ thuật, giáo viên hiện công tác ở xã trở thành đảng viên. Rõ ràng Đảng bộ xã Xuân Giao đã biết vận dụng năm tiêu chuẩn một cách đúng đắn. Người cán bộ kỹ thuật có trình độ đại học (kỹ sư trồng trọt), người giáo viên có trình độ lớp 10, với người xã viên bình thường có thể khác nhau về trình độ, về chức năng, nhiệm vụ; nhưng lý tưởng cộng sản; lập trường giai cấp công nhân, phẩm chất đạo đức cách mạng của người đảng viên và quan hệ quần chúng không khác nhau. Đảng bộ xã Xuân Giao không có ai có trình độ văn hóa cấp III. Nhưng có sức mạnh của lập trường của Đảng, có sức mạnh của phong trào quần chúng cách mạng, có sức mạnh của cả tập thể

đảng bộ nên đã kết nạp được 4 đảng viên có đủ tiêu chuẩn bao gồm cả đối tượng là xã viên, là cán bộ kỹ thuật, là giáo viên.

Chi bộ phòng Bưu điện Sa Pa đã kết nạp 4 đảng viên Lớp Hồ Chí Minh đều đủ tiêu chuẩn, cũng là kết quả của quá trình phấn đấu xây dựng phong trào tổ đội lao động xã hội chủ nghĩa 6 năm liền, là quá trình củng cố xây dựng chi bộ đạt yêu cầu phấn đấu tốt nhiều năm.

2. Có quan điểm quần chúng và thực sự đi đường lối quần chúng trong công tác phát triển Đảng là nguyên nhân rất quan trọng.

Qua kiểm tra, xem xét thì số đảng viên đủ tiêu chuẩn là những người được giáo dục, rèn luyện thật sự qua phong trào quần chúng và được quần chúng xem xét lựa chọn nhiều lần. Ý kiến quần chúng tham gia tuy không phải là quyết định, nhưng rõ ràng là cơ sở chắc chắn cho việc xem xét của các tổ chức đảng. Trong đó vai trò của các tổ chức quần chúng, nhất là Đoàn Thanh niên đã có những đóng góp tích cực. Ở Bát Xát có nơi sau khi chi bộ duyệt kết nạp, trước khi báo cáo lên huyện ủy có thông báo cho quần chúng biết 5 trường hợp chi bộ đã duyệt thì quần chúng cân nhắc lại và đóng góp những ý kiến rất bổ ích. Ở Đảng bộ Đoàn địa chất 5, trong hội nghị quần chúng lựa chọn đối tượng kết nạp Đảng có trên 60 người tham gia. Có đối tượng tuyệt đại đa số đều nhất trí đủ tiêu chuẩn và nhận định của Đảng ủy cũng hầu hết nhất trí. Nhưng chỉ có 1 quần chúng đề nghị xem xét thêm 1 điểm về lịch sử chính trị. Sau khi kiểm tra lại thì ý kiến đề nghị của quần chúng đó là đúng. Đảng ủy đã kịp thời uốn nắn. Qua thực tế đó chứng tỏ rằng quần chúng rất nhiệt tình trong việc tham gia xây dựng Đảng và khả năng đóng góp phản diện đối với công tác xây dựng Đảng. Từ đó khắc phục một bước những nhận thức lệch lạc cho rằng, quần chúng chỉ có thể tham gia về tinh thần công tác, phẩm chất đạo đức, tác phong, thái độ, chứ không thể tham gia được về lịch sử chính trị của đối tượng.

3. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp trên, kể cả các cấp ủy và các ban chuyên môn đã có tác dụng rất quan trọng.

Cần khẳng định riêng, những kết quả trên là sự đóng góp chung của các tổ Đảng. Nhưng trong đó, sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng đã có tác dụng quan trọng, có ý nghĩa quyết định.

Sau khi có nghị quyết chính thức về cuộc vận động, từng thời gian, Ban Bí thư lại có chỉ thị cụ thể, các ban, đảng đoàn, ngành dọc ở Trung ương cũng có những hướng dẫn riêng đã giúp cho các địa phương không chỉ có nhận thức đúng mà còn biết cách vận dụng thực hiện sát với địa phương.

Quán triệt nguyên tắc Điều lệ Đảng và các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã trực tiếp chỉ đạo, có kế hoạch cụ thể từng bước gắn với chỉ đạo cuộc vận động nói chung và từng thời gian có kiểm tra, uốn nắn kịp thời lệch lạc, có sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm đã giúp cho các Đảng bộ từng bước quán triệt được yêu cầu công tác kết nạp đảng viên, biết cách vận dụng, kịp thời sửa chữa những lệch lạc cấp ủy, huyện, thị, đảng ủy đã có nhiều cố gắng trong việc tổ chức chỉ đạo thực hiện. Đó là những cấp ủy trực tiếp thường xuyên giúp cơ sở tiến hành mọi nhiệm vụ có tác dụng rất quan trọng.

Quá trình thực hiện, các ban tham mưu, nhất là các ban xây dựng Đảng, kể cả ở tỉnh và các huyện, thị ủy đã có những đóng góp nhất định trong việc nghiên cứu vận dụng, hướng dẫn nghiệp vụ, kiểm tra đôn đốc cơ sở. Mặt khác cũng cần khẳng định rằng đội ngũ cán bộ trực tiếp tham gia chỉ đạo cuộc vận động ở xã, đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác Đảng ở các đảng bộ nói chung đã có những đóng góp tích cực.

II. MỘT SỐ KHUYẾT ĐIỂM TỒN TẠI TRONG CÔNG TÁC KẾT NẠP ĐẢNG VIÊN LỚP HỒ CHÍ MINH

Những kết quả trên mới chỉ là bước đầu. Đối chiếu với các yêu cầu kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh cũng còn một số khuyết

điểm, tồn tại cần được khắc phục để đưa công tác kết nạp đảng viên đi vào nền nếp.

Chất lượng đảng viên qua kiểm tra:

Tổng số đảng viên không đủ tiêu chuẩn: 41, chiếm tỷ lệ 15% so với tổng số kết nạp.

Thuộc các đợt:	19-5-1970:	6, chiếm tỷ lệ 17% của đợt này		
	2-9-1970:	13	-	17% -
	3-2-1971:	15	-	15% -
	19-5-1971:	7	-	14% -

Thuộc các loại cơ sở:

- Hợp tác xã nông nghiệp:	14, tỷ lệ chiếm	26,4% (14/53)
- Xí nghiệp:	18, -	22,7% (18/79)
- Cơ quan hành chính sự nghiệp:	8, -	3,4% (9/106)
Kết nạp ở: đảng bộ phần đấu tốt	15, tỷ lệ	11% (15/136)
phần đấu chưa tốt	18, -	17% (18/206)
phần đấu kém	8, -	61% (8/13)

Nội dung sai phạm:

Thuộc về tiêu chuẩn 1 = 23

Thuộc về tiêu chuẩn 2 = 20

Thuộc tiêu chuẩn 3 = 28

Thuộc tiêu chuẩn 4 = 6

Thuộc tiêu chuẩn 5 = 2 (lịch sử có vấn đề chưa rõ).

Trong số không đủ tiêu chuẩn là nữ: 13

Dân tộc ít người: 10

Từ 18 đến 30 tuổi: 21

Là cán bộ chuyên môn kỹ thuật: 15

Công nhân trực tiếp sản xuất: 9

Số hưởng dự bị 9 tháng: 29

Số hưởng dự bị 12 tháng: 14

Qua đánh giá của các đảng bộ và từ số liệu trên có thể rút ra một số nhận xét:

1. Trong đợt kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh tuy có đạt được một số kết quả bước đầu, nhưng nhìn chung số lượng còn ít và chất lượng chưa cao, chưa phản ánh đúng phong trào cơ sở.

Thực tế vừa qua trong số 42 đảng bộ cơ sở xã vào loại phấn đấu tốt mới có 18 xã có kết nạp đảng viên (42%). Trong cơ quan, xí nghiệp, doanh nghiệp và lực lượng vũ trang có 98 chi bộ, đảng bộ vào loại phấn đấu tốt. Trong đó cũng có 47 chi bộ, đảng bộ có kết nạp đảng viên (47,9%). Số còn lại không phải tất cả đều không có đối tượng và cũng không phải vì quá thận trọng nên không kết nạp được. Ở công trường thủy điện Cốc San phần lớn là lực lượng thanh niên xung kích trẻ và có triển vọng. Phong trào thi đua của quần chúng rất sôi nổi. Do đó công trình đã hoàn thành tốt kế hoạch thi công, vượt qua năng suất và thời gian. Hoạch công trình Nhà máy giấy 300 tấn/năm cũng có tình hình tương tự. Nhiều đơn vị và cá nhân được biểu dương khen thưởng. Nhưng cho đến khi kết thúc công trình vẫn không chọn được đối tượng, không kết nạp được đảng viên. Ở cơ sở xã cũng vậy, nhiều nơi có phong trào khác. Nhưng cả 4 đợt đều không kết nạp đảng viên nào. Và nếu so với những chuyển biến phong trào chung của tỉnh thì số lượng đảng viên mới kết nạp vừa qua không tương xứng với thực tế địa phương.

Về chất lượng số đảng viên mới kết nạp nói chung còn thấp. Số đảng viên không đủ tiêu chuẩn còn nhiều (16%). Đi sâu vào từng đảng bộ thì có nơi sau khi kiểm tra, số không đủ tiêu chuẩn phải đưa ra còn chiếm tỷ lệ khá cao như Đảng bộ ty Công an kết nạp 4 đảng viên thì có 2 không đủ tiêu chuẩn phải đưa ra và 2 phải kéo dài thời gian dự bị. Chi bộ phòng Lương thực Mường Khương kết nạp 2 thì cả 2 đều không đủ tiêu chuẩn. Một số đảng bộ khác cũng có tình hình tương tự như huyện Mường Khương kết nạp 19 thì 7 không đủ tiêu chuẩn (37%).

Bắc Hà kết nạp 10 thì 4 không đủ tiêu chuẩn, chiếm 40%.

Si Ma Cai kết nạp 11 thì 3 không đủ tiêu chuẩn, chiếm 27%.

Lào Cai kết nạp 17 thì 4 không đủ tiêu chuẩn, chiếm 23,5%.

Đảng bộ Ty Y tế kết nạp 4 thì 2 không đủ tiêu chuẩn, chiếm 50%.

Ngay trong số đủ tiêu chuẩn cũng còn 6 trường hợp có khuyết điểm phải kéo dài thời gian dự bị mà lý do chủ yếu là phạm khuyết điểm về tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật, vai trò tiên phong gương mẫu và phẩm chất đạo đức cách mạng của người đảng viên. Số còn lại phần lớn chưa trải qua những thử thách thật sự, chưa có thời gian vật chất cần thiết để rèn luyện đảm bảo cho giác ngộ giai cấp, giác ngộ vào Đảng, về lý tưởng cộng sản đầy đủ hơn. Do đó tuy không có khuyết điểm gì lớn, nhưng thường biểu hiện xấp xỉ như những xã viên, quần chúng tích cực. Tác dụng lãnh đạo, lôi cuốn quần chúng còn rất hạn chế. Đương nhiên, khi xem xét lựa chọn không tuyệt đối hóa tiêu chuẩn, không thể đòi hỏi đối tượng kết nạp không có thiếu sót gì. Nhưng phải đảm bảo yêu cầu chất lượng với ý thức chọn người lãnh đạo, tăng thêm sức chiến đấu cho tổ chức Đảng và là vấn đề cơ bản mẫu chốt chưa được quán triệt đầy đủ.

2. Việc thực hiện phương hướng, phương châm trong công tác phát triển Đảng chưa đầy đủ và còn nhiều biểu hiện lệch lạc.

Về phương hướng giai cấp tuy đã có chú trọng thành phần cơ bản, nhất là công nhân. Nhưng chưa chú trọng đúng mức đến công nhân lành nghề, công nhân nhiều đời và công nhân lâu năm trong nghề. Hoặc chú ý đến lực lượng trực tiếp sản xuất, nhưng chưa đi sâu vào những nơi đang có khó khăn như các cơ sở công nông, nông trường, trạm trại hay các đơn vị thường xuyên lưu động như các đội điều tra, khảo sát, thiết kế, quy hoạch, các đội tìm kiếm trong các đoàn địa chất. Hoặc chú ý đến đội ngũ cán bộ chuyên môn kỹ thuật, nhưng chưa chú trọng đúng mức đến số cán bộ hiện đang trực tiếp lăn lộn với phong trào ở cơ sở xa như giáo viên, cán bộ kỹ thuật các ngành công tác ở xã... Phát triển vào các đối tượng là phụ nữ, tuổi trẻ tuy có tiến bộ hơn trước nhưng ở nông thôn còn rất yếu. Trong cơ quan xí nghiệp còn có

khuyñh hướng tuổi trẻ đơn thuần. Chưa chú trọng đầy đủ đến quá trình rèn luyện thử thách thật sự. Phát triển vào dân tộc ít người chưa được quan tâm đúng mức.

Về phương hướng địa bàn chưa được chú ý đầy đủ, nhất là các cơ sở xã vùng cao, biên giới. Trong số 90 xã vùng cao vừa qua mới có 11 xã có kết nạp đảng viên và có 5 trong số 28 xã biên giới có kết nạp đảng viên. Toàn tỉnh cũng chỉ có 30 xã trong số 124 xã có kết nạp đảng viên. Ở các cơ sở thủ công nghiệp, các đội sản xuất chuyên canh trong hợp tác xã nông nghiệp cũng chưa được quan tâm đúng mức. Hiện nay hầu hết các đội sản xuất chuyên canh về nghề rừng, trồng cây công nghiệp, thủy lợi, chăn nuôi, ngành nghề thủ công đều chưa có đảng viên. Việc phát triển vào các cơ sở trắng, nơi xa xôi hẻo lánh, những cơ sở chưa có hoặc ít đảng viên chưa được quan tâm đầy đủ. Chung toàn tỉnh vừa qua cũng mới có 34% chi bộ có kết nạp đảng viên. Và nhìn chung hiện nay ở các cơ sở công, nông, lâm trường, cửa hàng, trường học, kể cả các trường chuyên nghiệp công tác xây dựng Đảng nói chung và phát triển đảng viên nói riêng còn rất yếu.

Việc thực hiện các phương châm trong công tác phát triển Đảng cũng còn một số biểu hiện chưa đúng đắn, chưa thấy đây là vấn đề thuộc về nguyên lý xây dựng Đảng của chủ nghĩa Mác - Lênin đảm bảo đúng tính chất của Đảng của giai cấp công nhân đã được ghi rõ trong cương lĩnh Điều lệ Đảng. Ba phương châm trong công tác phát triển Đảng là xuất phát từ tinh thần đó, nhưng chưa được chấp hành nghiêm chỉnh, chưa thật coi trọng chất lượng là chính: thận trọng theo lối buông trôi, thiếu chuẩn bị tích cực và lãnh đạo chặt chẽ; không chủ động chăm lo củng cố và phát triển Đảng thường xuyên. Từ đó mà trong vận dụng thực hiện thường vin vào đặc điểm miền núi có nhiều khó khăn để hạ thấp tiêu chuẩn, châm trước sai lầm khuyết điểm, lỏng lẻo trong việc chấp hành nguyên tắc thủ tục... lẻ tẻ còn có những biểu hiện tư tưởng cá nhân, bản vị cục bộ, ngại khó, thích thành tích. Hoặc vì thành tích mà báo cáo

sai sự thật, cố ý kết nạp vào Đảng những người không đủ tiêu chuẩn. Đến khi kiểm tra lại sợ mất thành tích, sợ trách nhiệm dẫn đến bao che cho người liên tục phạm khuyết điểm, tham tư lợi cá nhân nhiều năm.

3. Chấp hành nguyên tắc, thủ tục kết nạp đảng viên còn nhiều thiếu sót, ảnh hưởng đến việc thực hiện phương hướng, phương châm, nhất là việc bảo đảm chất lượng đảng viên.

Những thủ tục quy định về kết nạp đảng viên là xuất phát từ tính chất của Đảng, là những đảm bảo cho việc thực hiện phương hướng, phương châm trong công tác xây dựng Đảng. Đó là những quy định cụ thể nhằm gắn công tác xây dựng Đảng với thực hiện nhiệm vụ chính trị và phong trào quần chúng, gắn xây dựng Đảng về tư tưởng với xây dựng Đảng về tổ chức; là quan điểm quần chúng và đi đường lối quần chúng trong công tác xây dựng Đảng. Nhưng cả trên nhận thức và việc làm cụ thể còn nhiều thiếu sót. Qua kiểm tra thực tế chứng minh rằng, không thực hiện đầy đủ các thủ tục (...), hoặc không đủ tiêu chuẩn, hoặc không bảo đảm chất lượng. Thực tế kiểm tra ở đảng bộ (Bát Xát, Bắc Hà, Mường Khương, Si Ma Cai) thì trong số đảng viên được kiểm tra có tới 77,5% (45/48) có sai phạm về thủ tục. Tổng quát lại cả 11 khâu thủ tục là có ba quá trình chủ yếu tiến tới xây dựng thành đảng viên chính thức:

- Quá trình tìm hiểu, lựa chọn.
- Quá trình giáo dục, rèn luyện thử thách.
- Quá trình xét duyệt kết nạp...

Mỗi quá trình có một vị trí và tầm quan trọng nhất định. Quá trình tìm hiểu, lựa chọn là bước đầu tiên đặt cơ sở cho quá trình tiếp theo. Quá trình giáo dục, bồi dưỡng, rèn luyện, thử thách là quá trình xây dựng con người đảng viên có ý nghĩa quyết định. Quá trình xét duyệt kể trên là quá trình chấp hành nguyên tắc tổ chức của Đảng. Các quá trình đó có quan hệ chặt chẽ với nhau và phải được thực hiện nghiêm túc hơn một quy trình công nghệ.

Vì chưa quán triệt đầy đủ, nên khi thực hiện còn tùy tiện, hoặc chấp hành một cách miễn cưỡng chiếu lệ. Thiếu sót này biểu hiện phổ biến nhất là cấp ủy cơ sở và một số cấp ủy có thẩm quyền. Qua kiểm tra các đảng bộ thì trên 70% có sai phạm về thủ tục. Cá biệt có nơi, có trường hợp nhờ chồng (là bộ đội về phép lên chơi với vợ) đi thăm tra lý lịch vợ. Thậm chí có trường hợp không thăm tra xác minh tận gốc, không được tổ chức quần chúng lựa chọn giới thiệu, không có biên bản nhận xét của chi bộ cũng kết nạp... Những thiếu sót đó tuy không phổ biến nhưng nghiêm trọng.

Nguyên nhân:

1. Tuy mức độ khác nhau nhưng một số cấp ủy và số đông cán bộ, đảng viên chưa có nhận thức đầy đủ về yêu cầu cuộc vận động, chưa quán triệt mục đích, ý nghĩa, phương hướng, phương châm, nguyên tắc thủ tục về kết nạp đảng viên. Chưa thấy đây là một yêu cầu trong cuộc vận động và yêu cầu xây dựng Đảng ta lâu dài về sau. Phương hướng, phương châm, nguyên tắc thủ tục kết nạp đảng viên do Trung ương quy định, là sự vận dụng những nguyên lý cơ bản về xây dựng Đảng của chủ nghĩa Mác - Lênin, xuất phát từ tính chất của Đảng, của giai cấp công nhân. Đồng thời về ý thức tư tưởng, một số còn biểu hiện tinh thần trách nhiệm chưa cao, ý thức tổ chức kỷ luật lỏng lẻo, dẫn đến buông lỏng trách nhiệm đối với công tác xây dựng Đảng, chấp hành nguyên tắc thủ tục tùy tiện. Một số còn để tư tưởng cá nhân chi phối như thành tích, chạy theo số lượng, xem xét theo cảm tính, lồng gán động cơ cá nhân, ngại khó, ỷ lại, sợ trách nhiệm, bảo thủ, bản vị cục bộ, thành kiến hẹp hòi...

2. Về lãnh đạo, chỉ đạo, nhất là các cấp ủy cơ sở và cấp ủy có thẩm quyền thiếu tập trung, không có kế hoạch cụ thể, thiếu kiểm tra đôn đốc thường xuyên chặt chẽ. Nhiều cấp ủy còn lúng túng trong việc gắn công tác xây dựng Đảng với chỉ đạo nhiệm vụ chính trị và phong trào quần chúng. Tác phong lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy còn phiến diện, đại khái qua loa, thiếu sâu sát cụ thể,

giản đơn tùy tiện. Về chỉ đạo hướng dẫn nghiệp vụ của các ban xây dựng Đảng, kể cả ở tỉnh còn thiếu cụ thể. Công tác kiểm tra, đôn đốc thiếu chặt chẽ, thường xuyên. Do đó không phát huy được tác dụng tham mưu chỉ đạo đối với bên dưới và cơ sở. Sự phối kết hợp giữa các ban có lúc cũng thiếu chặt chẽ, toàn diện.

3. Trình độ lý luận về công tác xây dựng Đảng, công tác vận động quần chúng của nhiều cấp ủy và cán bộ, đảng viên còn rất hạn chế. Đội ngũ cán bộ xây dựng Đảng chưa được kiện toàn đầy đủ và chưa ổn định, kể cả ở tỉnh. Đây là một nhược điểm khá phổ biến, nhất là các cấp ủy cơ sở xã trình độ nhiều mặt còn hạn chế, chưa tự đảm nhiệm được. Đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác xây dựng Đảng cũng hầu như chưa được huấn luyện bồi dưỡng nên rất lúng túng. Hơn nữa ở một tỉnh miền núi, vùng cao, biên giới, có nhiều dân tộc, trình độ giác ngộ không đồng đều, cư trú phân tán và đã trải qua nhiều thời kỳ tình hình chính trị - xã hội phức tạp. Trong cơ quan, xí nghiệp cũng đa số cán bộ, công nhân viên từ nhiều tỉnh đến. Do đó công tác thẩm tra xác minh lý lịch cũng có những khó khăn nhất định. Nhiều tổ chức cơ sở Đảng, nhất là nông thôn vùng cao, tình hình hợp tác xã nhiều nơi đã tan vỡ hoặc chỉ là hình thức. Vai trò của các tổ chức quần chúng, kể cả Đoàn Thanh niên hoạt động yếu. Tất cả tình hình đó đều có ảnh hưởng trực tiếp đến công tác phát triển Đảng. Đây không phải chỉ là những khó khăn trước mắt, mà còn là vấn đề lâu dài phải tiếp tục khắc phục.

III. VỀ SỰ LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO ĐỐI VỚI CÔNG TÁC KẾT NẠP ĐẢNG VIÊN LỚP HỒ CHÍ MINH

Trên đây là những kết quả cụ thể về từng mặt nhiệm vụ cũng đã nói lên một phần, nhưng đi sâu vào công tác lãnh đạo, chỉ đạo có thể rút ra một số nhận xét.

1. Thông qua việc nghiên cứu thảo luận các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và những vấn đề cụ thể trong công tác kết nạp

đảng viên Lớp Hồ Chí Minh đã giúp các cấp ủy nâng cao thêm một bước về nhận thức và ngày càng đi sâu vào công tác xây dựng Đảng, kể cả cấp ủy tỉnh. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã dành nhiều thời gian nghiên cứu thảo luận đề ra chủ trương, biện pháp và trực tiếp chỉ đạo từ bước chuẩn bị làm thí điểm, chỉ đạo các ban chuyên môn đôn đốc kiểm tra, hướng dẫn cho đến sơ kết, tổng kết từng đợt, bồi dưỡng cán bộ. Các ban huyện, thị, đảng ủy và các cấp ủy cơ sở cũng đã có những cố gắng nhất định trong việc chỉ đạo thực hiện ở cơ sở. Nhiều cấp ủy đã đích thân trực tiếp kiểm tra từng việc làm của cơ sở, trực tiếp huấn luyện bồi dưỡng đối tượng... Từ đó mà các cấp ủy, nhất là những nơi có kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh đã rút được một số kinh nghiệm thiết thực.

2. Quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, các cấp ủy đã có những tiến bộ bước đầu gắn công tác kết nạp đảng viên với chỉ đạo nhiệm vụ chính trị và phong trào quần chúng. Ở nông thôn, một số nơi dựa trên cơ sở phương hướng đã được xác định để tổ chức đưa quần chúng vào hoạt động cách mạng, tạo ra những phong trào như: khai phá ruộng nương bậc thang, thâm canh tăng vụ, làm giao thông thủy lợi, khoanh núi nuôi rừng... Trên cơ sở đó mà tìm hiểu lựa chọn, giáo dục bồi dưỡng, rèn luyện thử thách. Trong cơ quan, xí nghiệp dựa vào phong trào lao động sản xuất làm nội dung hành động rèn luyện quần chúng có đủ tiêu chuẩn kết nạp đảng viên. Những đảng viên mới kết nạp ở các xã Bản Vược, Tả Ngao (Bát Xát), Nam Cường, Cam Đường, Xuân Giao, Phú Nhuận (Bảo Thắng), Lũng Sán, Sìn Hồ Sán (Si Ma Cai), Lao Chải, Tả Phìn (Sa Pa),... đều là những nhân tố tích cực nổi lên trong các phong trào thâm canh, tăng vụ, khai phá ruộng nương bậc thang, làm giao thông thủy lợi, củng cố hợp tác xã, phát triển ngành nghề kinh doanh... những đảng viên mới kết nạp trong các xí nghiệp, cơ quan hầu hết là những nhân tố được rèn luyện trong phong trào lao động sản xuất, cải tiến kỹ thuật làm 3 điểm cao, cải tiến quản lý xí nghiệp... Tuy mới ở phạm vi nhất định,

nhưng đây là những tiến bộ bước đầu trong công tác lãnh đạo chỉ đạo của các cấp ủy.

3. Quá trình chỉ đạo vận dụng tiêu chuẩn và thực hiện phương hướng, phương châm công tác phát triển Đảng đã có những cố gắng bước đầu. Với tình hình cụ thể của Lào Cai có nhiều vấn đề phức tạp, khó khăn, nhưng nhờ có cố gắng suy nghĩ vận dụng của các cấp ủy nên đã đem lại một số kết quả nhất định. Đã rút được kinh nghiệm cụ thể để giải quyết một số vấn đề có tính chất vận dụng đối với miền núi như vấn đề phỉ, vấn đề liên quan, vấn đề dân tộc, dòng họ, phong tục tập quán, vấn đề đi đường lối quần chúng trong công tác phát triển Đảng ở vùng dân tộc, v.v..

Bên cạnh những ưu điểm tiến bộ trên, sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đối với công tác kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh cũng còn một số khuyết điểm tồn tại:

1. Nhận thức ý nghĩa, mục đích, yêu cầu công tác kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh chưa đầy đủ và còn một số biểu hiện lệch lạc, chưa thấy có ý nghĩa sâu xa của đợt kết nạp đảng viên lần này chính là dịp đẩy nhiệm vụ, đẩy phong trào cách mạng của quần chúng, nâng cao tính Đảng, tạo nên nếp công tác Đảng từ nay về sau. Một số cấp ủy còn cho rằng tiêu chuẩn kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh phải cao hơn bình thường. Từ đó mà lấn cấn trong việc vận dụng các tiêu chuẩn, nhất là đối với nông thôn, dân tộc ít người, đối với những vấn đề liên quan, v.v.. Cá biệt có nơi lại cho rằng ngoài Lớp Hồ Chí Minh còn có kết nạp thường xuyên (Bắc Hà). Hoặc một số cấp ủy còn vin vào đặc điểm miền núi, vùng cao, trình độ giác ngộ của quần chúng thấp kém, phong tục tập quán lạc hậu, v.v. để hạ thấp tiêu chuẩn, châm chước sai lầm, khuyết điểm dẫn đến kết nạp cả những người không đủ tiêu chuẩn vào Đảng. Lẽ tẻ một số nơi để cho những tư tưởng cá nhân thành tích, bản vị cục bộ chi phối dẫn đến báo cáo sai sự thật, bao che khuyết điểm cho đối tượng, coi việc kết nạp đảng viên như “động viên cán bộ”, cố ý kết nạp vào Đảng để có thành tích...

2. Khâu yếu nhất và lúng túng nhất hiện nay là biện pháp chỉ đạo gắn công tác kết nạp đảng viên với chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị và phong trào quần chúng. Nhiều cấp ủy, nhất là cấp ủy cơ sở không có phương hướng kế hoạch cụ thể về công tác phát triển Đảng. Các cấp ủy có thẩm quyền cũng lúng túng và thiếu biện pháp cụ thể chỉ đạo các cơ sở. Ở nông thôn phương hướng sản xuất theo vùng đã được xác định đến từng xã, hợp tác xã. Trong các cơ sở xí nghiệp cũng đều đã có phương hướng rõ ràng. Nhưng nhiều cơ sở chưa có phương hướng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, phát triển đảng viên để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị. Do đó nhiều cơ sở (64%) chỉ bộ vừa qua không kết nạp được đảng viên nào. Thậm chí có một số ít nơi 4, 5 năm nay chưa kết nạp đảng viên. Đó là một khuyết điểm mà trách nhiệm trước hết là các cấp ủy cơ sở và các cấp ủy có thẩm quyền. Việc hướng dẫn chỉ đạo của các ban chuyên môn, kể cả ở tỉnh còn lúng túng và có lúc sự phối hợp, kết hợp thiếu chặt chẽ, thường xuyên.

3. Thông qua chỉ đạo đợt kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh còn bộc lộ một số nhược điểm khá phổ biến của các cấp ủy và cán bộ tổ chức xây dựng Đảng là phương pháp, tác phong lãnh đạo, chỉ đạo còn quan liêu, lười nghiên cứu, ít suy nghĩ, nắm không chắc các quy định, cách làm thiếu sâu sát, cụ thể, tỉ mỉ, nặng tác phong đại khái qua loa, dẫn đến tùy tiện, chấp hành không nghiêm túc các quy định của Trung ương. Có đồng chí cấp ủy huyện trực tiếp làm bí thư chi bộ mà không biết mặt đối tượng kết nạp. Có đồng chí trực tiếp xuống thăm vấn đối tượng cũng không phát hiện được đúng ưu, khuyết điểm và cả những nhược điểm sức khỏe của đối tượng.

Kết luận

Lào Cai là một tỉnh miền núi, vùng cao, biên giới, có nhiều dân tộc, cư trú phân tán và thường di biến động rất phức tạp. Tình hình đó có thuận lợi nhưng cũng có nhiều khó khăn đối với công

tác xây dựng Đảng nói chung và kết nạp đảng nói riêng. Vận dụng thực hiện đường lối chung của Trung ương, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ 5 đã và đang tạo ra những bước chuyển biến quan trọng. Nhưng cũng trong tình hình đó đang đặt ra những yêu cầu rất lớn đòi hỏi phải được tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về mọi mặt. Với trên 200 đảng viên mới kết nạp trong Lớp Hồ Chí Minh tuy chưa nhiều nhưng đó là cơ sở để đào tạo, bồi dưỡng và góp phần củng cố nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức Đảng. Đồng thời thông qua đợt kết nạp đảng viên lần này đã góp phần tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với quần chúng; làm cho quần chúng ngày càng hiểu Đảng và tin tưởng, gắn bó với Đảng hơn. Bản thân các cấp ủy và cán bộ, đảng viên, nhất là những nơi có kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh đã có những hiểu biết sâu thêm, rút được kinh nghiệm trong công tác phát triển Đảng ở vùng dân tộc, tạo điều kiện đưa dần công tác này đi vào nền nếp.

Tuy nhiên, đối với yêu cầu kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh thì kết quả đạt được còn thấp, và còn một số khuyết, nhược điểm tồn tại cần được khắc phục. Trước hết cần xác định công tác kết nạp đảng viên là một nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên cho toàn Đảng, đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển của Đảng. Dựa vào hướng dẫn của Trung ương và phương hướng công tác phát triển Đảng của Tỉnh ủy đã đề ra, mỗi đảng bộ cơ sở cần có liên hệ kiểm điểm, rút kinh nghiệm ở đảng bộ mình và xây dựng một phương hướng kế hoạch cụ thể về công tác phát triển Đảng trong thời gian tới. Đồng thời tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác kết nạp đảng viên để đưa dần công tác này đi vào nền nếp.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC

KHÁNH VINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 09-BC/TU, ngày 3-9-1973

Về việc tổng kết 3 năm tiến hành cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh

Thi hành Nghị quyết số 195-NQ/TW, ngày 6-3-1970 của Bộ Chính trị và Chỉ thị số 175-CT/TW ngày 14-4-1970 của Ban Bí thư về cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên đến nay đã 3 năm. Ban Chấp hành Tỉnh ủy đã tổ chức hội nghị mở rộng để đánh giá kết quả cuộc vận động và đề ra phương hướng, nhiệm vụ công tác xây dựng Đảng trong vài năm tới. Dưới đây là nội dung cụ thể:

I. QUÁN TRIỆT NGHỊ QUYẾT SỐ 195-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Lào Cai là tỉnh miền núi, vùng cao, biên giới, có nhiều dân tộc. Dân số 20 vạn, bao gồm 25 dân tộc anh em sống xen kẽ, cư trú phân tán thành 889 thôn, xóm nhỏ và thường xuyên di biến động, lại trải qua nhiều thời kỳ: Pháp, Nhật, Quốc dân đảng và âm mưu gây phỉ của bọn đế quốc đã để lại nhiều vấn đề phức tạp. Hoặc tình hình biên giới luôn có những diễn biến cả mặt tích cực và tiêu cực. Tất cả tình hình đó đều có ảnh hưởng trực tiếp đến công tác tổ chức xây dựng Đảng.

Cơ sở Đảng nói chung phát triển từ năm 1960 trở lại đây và thường phát triển từng đợt qua các cuộc vận động lên như: vận động hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ, phát động tự trị, cải tiến quản lý hợp tác xã, vận động đồng bào miền xuôi lên tham gia phát triển kinh tế, văn hóa miền núi, cuộc vận động xây dựng chi bộ 4 tốt, huyện ủy 4 tốt... Đảng bộ Lào Cai trưởng thành trong điều kiện ấy, cộng với những thiếu sót trong việc vận dụng phương hướng, phương châm và công tác xây dựng Đảng, nên trong hàng ngũ đảng viên và các tổ chức cơ sở đảng còn bộc lộ nhiều nhược điểm tồn tại. Lực lượng Đảng vẫn còn mỏng và phân bố không đều. Tỷ lệ đảng viên so với dân số nông thôn mới chiếm 2%. Riêng vùng cao có 1,5%. Chất lượng đảng viên thấp. Hàng năm còn trên 10% đảng viên vào loại phần đấu kém. Qua cuộc vận động bảo vệ Đảng số đối tượng cần thẩm tra kết luận chiếm gần 2%; hoặc phân loại theo tinh thần Chỉ thị 192 thì số đảng viên có vấn đề cần xem xét trong cuộc vận động này có khoảng 27%. Các cơ sở Đảng ở nông thôn nói chung (...) còn chưa tự động được công tác, nhất là vùng cao. Phân loại hàng năm thường có trên dưới 20% chi bộ xã vào loại kém, chưa hoàn thành nhiệm vụ. Trước tình hình như vậy, với yêu cầu nhiệm vụ chính trị đòi hỏi Trung ương cho mở cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên lần này là hoàn toàn phù hợp và cần thiết.

Đồng thời với việc thực hiện Nghị quyết 195, năm 1970 còn thực hiện nhiều nghị quyết khác của Trung ương Đảng và Chính phủ như các nghị quyết 194, 196, 197,... Năm 1970 cũng là năm bắt đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V. Vì vậy Tỉnh ủy đặt thống nhất các cuộc vận động thành một cuộc vận động tổng hợp dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các cấp ủy Đảng. Trong đó lấy cuộc vận động lao động sản xuất, định canh định cư làm nội dung hành động; cuộc vận động tăng cường chế độ làm chủ tập thể ở nông thôn làm đòn xeo và cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên làm trung tâm, là động lực có ý nghĩa quyết định trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V. Đồng thời xác định

phương châm chỉ đạo đối với cuộc vận động là: phải tiến hành từ trên xuống dưới, từ trong Đảng ra ngoài quần chúng và gắn chặt các khâu học, hành, kiểm, sửa, bồi dưỡng, nâng cao.

Đi vào chỉ đạo cụ thể, Tỉnh ủy đã có kế hoạch từng bước cho hai loại cơ sở: nông thôn và cơ quan, xí nghiệp. Đồng thời chọn 1 huyện (Mường Khương) và 5 cơ sở làm trọng điểm chỉ đạo của tỉnh, cụ thể:

Xã Pha Long (vùng cao biên giới, xã khá).

Xã Cốc Lầu (vùng giữa, đồng bào Dao, chi bộ kém).

Xã Bản Lầu (vùng thấp, xã trung bình).

Xí nghiệp Đường - rượu - giấy thuộc Tỉnh ủy Lào Cai.

Công ty thực phẩm thuộc Đảng bộ ty Thương nghiệp.

Mỗi trọng điểm ở xã có 1 tổ công tác và một đồng chí Tỉnh ủy viên trực tiếp phụ trách. Ngoài ra, các cơ sở khác tỉnh đã điều hơn 300 cán bộ, nhân viên các ngành, tỉnh, huyện, có huấn luyện để trực tiếp xuống chỉ đạo ở các cơ sở xã. Mỗi huyện cũng có từ 1 đến 2 xã trọng điểm, tạo thành hệ thống trọng điểm gồm 15 xã trong toàn tỉnh.

Quá trình chỉ đạo, các Ban chuyên môn về xây dựng Đảng như Ban Tuyên giáo, Ban Tổ chức, Ủy ban Kiểm tra và các ban nông nghiệp, công nghiệp, tài chính thương nghiệp... cũng có trách nhiệm phối hợp với văn phòng cấp ủy theo dõi tổng hợp tình hình, thường xuyên báo cáo với Ban Thường vụ. Đồng thời có quy định chế độ báo cáo thỉnh thị, chế độ kiểm tra, chế độ sơ kết, tổng kết đối với các đảng bộ về cuộc vận động.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CUỘC VẬN ĐỘNG

1. Việc tổ chức truyền đạt nghiên cứu, thảo luận các nghị quyết

Ngay từ đầu năm 1970, sau khi nhận được chủ trương của Trung ương (trước khi có văn bản chính thức), Ban Thường vụ

Tỉnh ủy đã nghe truyền đạt chủ trương về mở cuộc vận động và bàn một số biện pháp chuẩn bị. Ban Thường vụ đã giao cho Ban Tuyên giáo, Ban Tổ chức cùng phối hợp tiến hành thí điểm việc mở lớp giáo dục đối tượng kết nạp Đảng theo nội dung mới ở huyện trọng điểm (Mường Khương). Giao cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Ủy ban Kiểm tra nắm lại toàn bộ tình hình chất lượng đội ngũ đảng viên để báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Đồng thời căn cứ vào việc chuẩn bị mở đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V để có đánh giá đúng đắn về tình hình công tác tổ chức xây dựng Đảng trong những năm qua.

Sau khi nhận được văn bản chính thức (Nghị quyết 195-NQ/TW ngày 6-3-1970, Chỉ thị 175-CT/TW ngày 14-4-1970, Nghị quyết 197-NQ/TW ngày 15-3-1970 và kế hoạch hướng dẫn của Ban Chỉ đạo cuộc vận động Trung ương...) thì Ban Thường vụ Tỉnh ủy lại tiếp tục nghiên cứu và dự thảo kế hoạch tiến hành cho hai khu vực nông thôn và cơ quan, xí nghiệp. Sau đó tổ chức nghiên cứu, thảo luận và bàn chủ trương, biện pháp tiến hành trong Ban Chấp hành tỉnh. Rồi Ban Thường vụ trực tiếp tổ chức nghiên cứu, thảo luận cho bí thư các huyện thị và chủ chốt các ngành quanh tỉnh với hơn 100 cán bộ tham gia trong 5 ngày. Sau đó căn cứ vào kế hoạch chung của tỉnh, từng đảng bộ về tổ chức nghiên cứu, thảo luận và bàn biện pháp thực hiện từ trong cấp ủy trước rồi mới đến cán bộ, đảng viên và quần chúng.

Đến cuối tháng 7-1970 cuộc vận động mới chính thức được triển khai xuống cơ sở. Riêng khu vực nông thôn sang đầu tháng 8-1970 mới triển khai đến cơ sở. Việc tổ chức học tập, thảo luận các nghị quyết được gắn liền với nhiệm vụ làm mùa và chuẩn bị kế hoạch đông xuân 1970 - 1971.

Theo báo cáo của các đảng bộ thì việc tổ chức nghiên cứu, thảo luận các nghị quyết Trung ương và kế hoạch hướng dẫn của tỉnh nói chung được sâu rộng và đạt kết quả tốt. Ở nông thôn đã có 79,7% đảng viên được nghiên cứu thảo luận, có liên hệ kiểm điểm;

có xây dựng chương trình hành động cụ thể và trên 70% quần chúng xã viên được học tập. Trong cơ quan hành chính sự nghiệp cũng đã có 95,3% đảng viên và 82,9% cán bộ, nhân viên được nghiên cứu học tập. Trong cơ sở xí nghiệp có 94% đảng viên và 82% cán bộ, công nhân viên được nghiên cứu học tập. Trong các lực lượng vũ trang có 94,5% đảng viên và trên 90% cán bộ, chiến sĩ được học tập. Đó là kết quả bước đầu, những quán triệt nghị quyết là cả một quá trình vừa hành động, vừa tiếp tục nâng cao tinh thần nghị quyết. Đến tháng 8-1971 mở hội nghị 4 cán bộ chủ chốt xã (bí thư, chủ tịch, bí thư đoàn thể thanh niên, phụ nữ), toàn tỉnh tổng kết vòng 1 cuộc vận động và triển khai kế hoạch vòng 2 cuộc vận động. Đồng thời phổ biến tinh thần Nghị quyết 19 của Trung ương Đảng.

Quá trình chỉ đạo, Tỉnh ủy đã tổ chức nhiều đợt kiểm tra đối với cơ sở. Đã tổ chức hai cuộc kiểm tra đối với nông thôn về thực hiện nội dung cuộc vận động; một cuộc kiểm tra đối với cơ quan, xí nghiệp về việc quán triệt nghị quyết, xác định phương hướng, nhiệm vụ với các biện pháp thực hiện chỉ tiêu kế hoạch nhà nước. Sau khi nhận được Thông tri 265-TT/TU ngày 10-4-1971 của Ban Bí thư Thường vụ Tỉnh ủy lại giao cho Ban Kiểm tra, Ban Tuyên giáo và Ban Tổ chức tiến hành kiểm tra việc kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh ở một số đảng bộ (Bảo Thắng, Bát Xát). Khi Trung ương có đoàn kiểm tra về thì Tỉnh ủy lại tiếp tục kiểm tra một số đảng bộ nữa (Mường Khương, Bắc Hà, Si Ma Cai). Khi Trung ương có Thông tri 272-TT/TW ngày 30-7-1971 về tiếp tục chỉ đạo chặt chẽ công tác kết nạp đảng viên thì Ban Thường vụ lại có Kế hoạch số 5 hướng dẫn thi hành Thông tri 272-TT/TW và giao cho các đảng bộ phải tiến hành kiểm tra lại toàn bộ số đảng viên mới kết nạp trong Lớp Hồ Chí Minh, tổng kết xây dựng phương hướng kế hoạch phát triển Đảng rồi mới đi vào kết nạp thường xuyên. Đối chiếu với yêu cầu phương châm cuộc vận động đến nay đã đạt được một số kết quả nhất định.

2. Về nâng cao chất lượng đảng viên

Thông qua việc tổ chức nghiên cứu thảo luận các nghị quyết của Bộ Chính trị số 194, 195, 196, 197, Nghị quyết 19, 20 của Ban Chấp hành Trung ương và 220 của Bộ Chính trị gần đây nhìn chung nhận thức của cán bộ, đảng viên có được nâng cao lên trên một số mặt, nhất là ý thức tư tưởng, nhiệt tình cách mạng, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật và lòng tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Trung ương. Những nhận thức về đường lối chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội, về công tác xây dựng Đảng và công tác quần chúng có tiến bộ. Hoặc thông qua tổ chức bình báo công, quần chúng phê bình đảng viên, gắn với sơ kết, tổng kết nhận xét phân loại định kỳ 6 tháng một lần đã đóng góp phần quan trọng vào việc giáo dục rèn luyện đảng viên. Do đó vai trò tiên phong gương mẫu của số đông đảng viên được đề cao. Nhiều đảng viên yếu kém đã sửa chữa được khuyết điểm, phấn đấu vươn lên. Qua liên hệ trong học tập và quần chúng phê bình đảng viên thì đối với đảng viên nông thôn thường có một số khuyết điểm phổ biến, tuy mức độ khác nhau: chây lười lao động tập thể, tham ô vay nợ nhập nhằng - lấn chiếm đất làm riêng lẻ, tư hữu vun vén cá nhân, quan liêu mất dân chủ, chưa gương mẫu chấp hành chính sách và làm nghĩa vụ, thiếu gương mẫu về phẩm chất đạo đức (chè chén bê tha, nghiện hút, cúng bái; trai gái hủ hóa...) trình độ mọi mặt còn non kém. Trong cơ quan, xí nghiệp thì thường biểu hiện phổ biến là: chấp hành kỷ luật lao động lỏng lẻo, quan liêu, mất dân chủ, trù dập cán bộ bên dưới, cá nhân ngại khó, ngại khổ, cá nhân gây mất đoàn kết, thiếu trách nhiệm và ý thức tập thể, buông lỏng quản lý, lãng phí, tham ô...

- Những khuyết, nhược điểm trên đây qua cuộc vận động lần này đã từng bước được khắc phục. Nhiều đảng bộ cơ quan, xí nghiệp việc thi hành Chỉ thị 89 trước đây, hoặc qua cuộc vận động 3 xây 3 chống, cải tiến quản lý còn để một số vướng mắc tồn tại kéo

dài thì đến nay nói chung đã thanh toán dứt điểm cũng như nhiều thiếu sót khác dần dần được khắc phục. Ở khu vực nông thôn cũng có chuyển biến rõ rệt.

- Chính từ những chuyển biến trên đây của cán bộ, đảng viên đã góp phần quan trọng thúc đẩy quần chúng; tạo khí thế mới trong lao động và thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương. Nhờ đó trong vòng 3 năm nay về mặt nông nghiệp cũng như công nghiệp đã có bước chuyển biến quan trọng. Trong nông nghiệp cả diện tích, năng suất và sản lượng đều tăng. Trong đó đáng chú ý nhất là phong trào khai phá ruộng nương bậc thang, tăng vụ, nhập giống mới. Tổng sản lượng lương thực năm 1970 chỉ đạt 48.240 tấn. Năm 1972 tổng sản lượng đã đạt 54.040 tấn, tăng hơn năm 1971: 5.740 tấn (12%). Chăn nuôi phát triển tốt, đàn bò, ngựa, lợn đều tăng. Cho nên về thực phẩm đã tự túc được từ năm 1971 và năm 1972 là năm thu mua thực phẩm cho Nhà nước khá nhất từ trước đến nay (717 tấn). Giá trị nông sản hàng hóa và hàng xuất khẩu đều tăng từ 3.080,500 đồng năm 1971 lên 3.679.000 đồng năm 1972. Đời sống quần chúng được cải thiện rõ rệt (bình quân mức ăn đầu người hàng tháng đạt 20,5 kg, kể cả trồng màu). Tình hình đói giáp hạt ở vùng cao căn bản đã chấm dứt. Trước đây hàng năm Nhà nước phải bán cứu đói từ 400 đến 500 tấn lương thực cho nông dân thiếu ăn. Năm 1972 chỉ còn bán rất ít. Chất lượng hợp tác xã được đánh giá rõ hơn, đúng đắn hơn và một số nơi được củng cố và xây dựng mới (hiện nay toàn tỉnh thực chất chỉ có 334 hợp tác xã với 67,6% hộ nông dân. Riêng vùng cao chỉ có 48% số hộ nông dân trong hợp tác xã). Cuộc vận động định canh định cư đã căn bản hoàn thành bước vận động tập trung và đang đi vào thực hiện phương hướng. Trong công nghiệp và thủ công nghiệp cũng có chuyển biến tốt, nhất là vấn đề xây dựng cơ bản, phát triển giao thông vận tải, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp. Giá trị tổng sản lượng tăng từ hơn 8 triệu đồng năm 1969 lên hơn 12 triệu đồng năm 1972. Về xây dựng cơ bản tăng từ 6.975.800 đồng

năm 1971 lên 8.143.000 đồng năm 1972. Các mặt nhiệm vụ khác cũng có nhiều chuyển biến. Công tác giữ gìn trật tự trị an biên giới được giữ vững. Công tác tuyển quân có tiến bộ (vượt 4% kế hoạch Trung ương giao). Công tác phòng không, sơ tán, phân tán được tiến hành khẩn trương, kịp thời, nhất là sau khi Trung ương có Chỉ thị số 198. Đến khi Hiệp định Pari được ký kết thì việc chuyển hướng lại được tiến hành một cách khẩn trương, kịp thời. Các mặt về tổ chức đời sống khác có tiến bộ hơn.

Thông qua cuộc vận động lần này công tác giáo dục bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, trình độ văn hóa, quản lý kinh tế chuyên môn kỹ thuật được chú ý hơn. Về giáo dục huấn luyện cho đảng viên mới đến nay đã hoàn thành trên 40% (1.254/2.888 đảng viên kết nạp từ năm 1965 đến nay). Riêng việc giáo dục, bồi dưỡng đảng viên cơ sở theo chương trình mới do Ban Tuyên giáo Trung ương hướng dẫn đến nay đã huấn luyện, bồi dưỡng được trên (30%).

Trường Đảng tỉnh từ khi tiến hành cuộc vận động đến tháng 12-1972 mở 8 lớp với thời gian từ 1 tháng rưỡi trở lên đến 4 tháng cho các loại chủ chốt cơ sở được 361 người. Trong đó có 6 lớp bồi dưỡng cho các loại chủ chốt xã. Một lớp cho cấp ủy các cơ quan và 1 lớp cho chủ chốt các xí nghiệp nông trường. Đồng thời đã cho mở rộng hệ thống bổ túc văn hóa, các trường chuyên môn nghiệp vụ và mở thêm trường Trung cấp nông - lâm nghiệp của tỉnh. Tiếp tục duy trì hai lớp hàm thụ đại học tại chức nông nghiệp, công nghiệp cho trên 100 cán bộ chủ chốt tỉnh, huyện. Ngoài ra, các lớp do Trung ương hay khu Việt Bắc mở đều kiên quyết cử cán bộ đi học đầy đủ, kết quả đến nay tính từ năm 1970 đến năm 1972 đã đưa 1.290 cán bộ, công nhân viên đi học các trường lớp về chính trị, quản lý kinh tế và chuyên môn kỹ thuật. Một mặt trong thực tế công tác các tổ chức Đảng còn coi trọng hình thức mở các hội nghị tập huấn chuyên đề, sơ kết, tổng kết từng đợt và tham quan học tập các điển hình tiên tiến. Do đó đã góp phần nâng cao một bước trình độ năng lực tổ chức chỉ đạo thực hiện cho cán bộ, đảng viên.

Từ đó có thể khẳng định rằng qua ba năm tiến hành cuộc vận động, chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên được nâng lên một số mặt tuy mức độ khác nhau, đẩy mạnh việc thực hiện 4 nghĩa vụ của đảng viên như Nghị quyết 19 của Trung ương đề ra và điều quan trọng là đã tạo ra một sự suy nghĩ mới trong cách làm ăn của cán bộ, đảng viên cũng như cán bộ tổ chức cơ sở đảng. Đây là những chuyển biến bước đầu, nhưng rất cơ bản.

Tuy nhiên so với yêu cầu thì kết quả đó còn rất thấp, nhất là về nâng cao trình độ văn hóa, quản lý kinh tế và chuyên môn kỹ thuật chưa có tiến bộ đáng kể. Trong đó đáng chú ý nhất là đội ngũ cán bộ, đảng viên ở các cơ sở xã trình độ nhiều mặt còn rất hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu. Ngay đội ngũ cán bộ chủ chốt xã, nhất là vùng cao đa số chưa tự động được công tác. Hiện nay còn 16 bí thư, 13 chủ tịch xã và 5 huyện ủy viên chưa biết chữ. Trình độ về quản lý kinh tế và chuyên môn kỹ thuật, công tác đảng, công tác vận động quần chúng càng yếu hơn. Đây là nguyên nhân chủ yếu đã và đang cản trở trực tiếp đến việc thực hiện ba cuộc cách mạng ở nông thôn. Quá trình chỉ đạo thực hiện cuộc vận động, các tổ chức Đảng, nhất là các tổ chức cơ sở đảng cũng chưa nghiêm chỉnh thực hiện đầy đủ các biện pháp để nâng cao chất lượng đảng viên, thiếu kế hoạch huấn luyện bồi dưỡng cho từng loại đảng viên một cách toàn diện. Vì vậy số đảng viên kém còn nhiều (trên 10%). Ngay trong khi tiến hành cuộc vận động, việc sửa chữa khuyết điểm của đảng viên còn chậm. Việc thanh toán nợ nần còn dây dưa. Một số ít đảng viên còn thể hiện vai trò tiên phong gương mẫu kém, chấp hành chế độ, chính sách chưa nghiêm, ý thức rèn luyện phẩm chất đạo đức kém. Trong số đảng viên bị kỷ luật (từ năm 1970 đến năm 1972) là 513 trường hợp thì gần 40% là sai phạm trong cuộc vận động. Ngoài số đảng viên yếu kém còn phải chú trọng đến số đảng viên trong công tác tuy không có khuyết điểm gì lớn, nhưng cũng không tỏ ra hơn hẳn quần chúng tiên tiến. Tính tiên phong chiến đấu thể hiện không rõ. Số này thường biểu

hiện lung chừng đang chiếm tỷ lệ không ít trong đội ngũ đảng viên cả ở nông thôn và cơ quan, xí nghiệp. Trong cơ quan, xí nghiệp hiện nay nổi lên vấn đề đáng chú ý là tình hình thiếu đoàn kết, nhất trí nội bộ. Số này thường xuyên biểu hiện trong lãnh đạo nhiều hơn. Nguyên nhân thường nổi lên trước hết là vấn đề nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng chưa nghiêm, tư tưởng cá nhân kèn cựa địa vị, bảo thủ hẹp hòi, cộng với chức năng, nhiệm vụ không xác định rõ ràng, lề lối làm việc không có nền nếp nghiêm túc và tác phong của một số cán bộ còn quan liêu, mất dân chủ khá nặng. Mặt khác về trình độ của cán bộ không đồng đều có ảnh hưởng đến việc thảo luận, bàn bạc, đánh giá, nhận xét phong trào, nhận xét cán bộ. Một số ít đảng viên là cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo ý thức rèn luyện phấn đấu chưa cao, sửa chữa khuyết điểm chậm, chưa làm gương cho bên dưới. Riêng số đảng viên là cán bộ khoa học kỹ thuật, nhất là số mới được đào tạo, thời gian rèn luyện thử thách chưa nhiều, sự quan tâm giáo dục của tổ chức Đảng còn ít đang có một số biểu hiện lệch lạc trong việc tiếp thu các chủ trương, đường lối, chính sách và việc chấp hành nguyên tắc tổ chức của Đảng. Tư tưởng chuyên môn đơn thuần, tách rời sự lãnh đạo của Đảng, tư tưởng tự do tản mạn, cầu an, ngại khó, sợ hy sinh... còn biểu hiện khá phổ biến.

Ở nông thôn số đông đảng viên hiện nay đã luống tuổi, trình độ nhiều mặt hạn chế. Tư tưởng giác ngộ xã hội chủ nghĩa nói chung còn thấp, đấu tranh giữa hai con đường chưa dứt khoát, chưa tin hẳn, hoặc trên thực tế sản xuất tập thể chưa phát huy được ưu thế nên chưa thuyết phục được tư tưởng của đảng viên và quần chúng. Xu hướng chung khá phổ biến ở vùng cao hiện nay là chạy theo con đường làm ăn riêng lẻ, không chịu chăm lo xây dựng hợp tác xã. Ý thức rèn luyện phẩm chất đạo đức của một số chưa cao. Sửa chữa khuyết điểm chậm. Thậm chí một số ít đảng viên ngay trong cuộc vận động này còn mắc phạm những khuyết điểm nghiêm trọng như tham ô, hủ hóa, nghiện hút, cúng bái, cờ bạc,

rượu chè, mua bán trái phép. Số này không nhiều, nhưng đang ảnh hưởng đến phong trào quần chúng.

Nguyên nhân chính của những tồn tại trên là do chưa quán triệt yêu cầu và các biện pháp về nâng cao chất lượng đảng viên. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, rèn luyện đảng viên chưa gắn chặt với sinh hoạt thường xuyên của tổ chức Đảng, nhất là các chi bộ, tổ Đảng. Vấn đề đấu tranh của tổ chức Đảng, phê bình nội bộ chưa đề cao, chưa thành nền nếp thường xuyên. Công tác giáo dục, bồi dưỡng, huấn luyện của các cấp làm chưa sâu, chưa kịp thời, chưa có kế hoạch cụ thể và sát với từng loại đảng viên. Biện pháp chỉ đạo thực hiện của cấp trên thiếu chặt chẽ thường xuyên và gần đây có biểu hiện buông lỏng.

3. củng cố kiện toàn các tổ chức cơ sở và tăng cường trách nhiệm của cấp huyện, cải tiến chỉ đạo của các ngành cấp tỉnh

a) *Đối với tổ chức cơ sở*: Việc nâng cao chất lượng đảng viên và nâng cao chất lượng các tổ chức Đảng là hai vấn đề có quan hệ chặt chẽ với nhau, đều nhằm tăng cường sức chiến đấu của tổ chức Đảng bảo đảm hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ. Vì vậy, trong quá trình tiến hành cuộc vận động các tổ chức Đảng cũng đã bước đầu chú trọng giải quyết một số vấn đề như:

- Vấn đề sinh hoạt dân chủ trong Đảng.
- Vấn đề đoàn kết nội bộ.
- Vấn đề giải quyết đảng viên kém. Trong đó chủ yếu là đối với số đảng viên dự bị đã quá hạn mà chưa được chuyển lên chính thức, đảng viên nợ nần và đối với những đảng viên chây lười công tác, bỏ sinh hoạt đảng, có nhiều sai phạm về phẩm chất đạo đức.

Cho đến nay tuy mức độ khác nhau, nhưng trên các mặt đó đã được những kết quả nhất định. Việc chấp hành chế độ sinh hoạt đảng nói chung có tiến bộ. Nội dung sinh hoạt được cải tiến một phần. Vấn đề đấu tranh phê bình và tự phê bình trong Đảng được

đề cao. Từ đó vấn đề mở rộng dân chủ tập thể trong Đảng, vấn đề đoàn kết nội bộ trên cơ sở nhiệm vụ và nguyên tắc, tổ chức Đảng được tăng cường. Riêng nông thôn có trên 140 đảng viên dự bị đã quá hạn kéo dài 3, 4 năm đã giải quyết xong. Đối với những đảng viên chây lười công tác, bỏ sinh hoạt, không đóng đảng phí và có nhiều khuyết điểm về phẩm chất đạo đức được giáo dục tận tình, giao nhiệm vụ thích hợp, đưa vào hành động tạo điều kiện sửa chữa khuyết điểm phấn đấu vươn lên. Đồng thời cũng đã kiên quyết xử lý nghiêm khắc, kịp thời đối với những đảng viên quá kém qua giáo dục nhiều lần không chịu sửa chữa. Đối với những đảng viên tham ô hoặc còn vay nợ nhập nhằng của hợp tác xã cũng được giải quyết tích cực bằng các biện pháp thích hợp, có phân biệt rõ ràng. Đối với những đảng viên tuy chưa phải tham ô, nhưng thật sự có vay nợ nhập nhằng sai chính sách thì vừa tạo điều kiện sửa chữa, vừa định thời gian phải thanh toán sòng phẳng. Đối với những đảng viên gia đình khó khăn tuy có vay nợ hợp tác xã, nhưng chủ yếu là do điều kiện thóc hàng năm cộng lại, hoặc do trình độ quá kém nhầm lẫn sổ sách mà phải nợ thì được tập thể bàn bạc, kể cả trong Đảng và quần chúng xã viên có xem xét chiếu cố thích đáng. Do đó cán bộ, đảng viên và quần chúng nói chung đều phấn khởi, tin tưởng. Vì vậy có đảng viên đã tự giác báo cáo giữ tiền của hợp tác xã gần 300 đồng, mà trước nay chi bộ và xã viên chưa ai biết như ở Mường Khương, Si Ma Cai, có đảng viên khi liên hệ kiểm điểm đã tự giác xin bán đài, xe, trâu, ngựa, lợn để trả hợp tác xã như ở Bắc Hà, Bát Xát,... cho đến nay đã có 37% số đảng viên vay nợ thanh toán xong. Còn số đảng viên khác cũng đã trả được một phần và đang có kế hoạch trả dần từng vụ. Trên cơ sở đó mà chất lượng hoạt động của các chi bộ ngày càng đi vào đúng chức năng, sát nhiệm vụ hơn trước. Công tác quản lý đang vận dụng tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với quần chúng ngày càng gắn bó. Việc giải quyết cơ sở kém, đảng viên kém ngày càng đi vào bề sâu với những biện pháp cụ thể hơn. Vấn đề nhận xét phân loại ngày càng đề cao chất lượng:

	1970	1971	1972
Chi bộ phần đấu tốt	26,7%	40%	30%
Chi bộ phần đấu kém	7%	12,3%	11%

Riêng các đảng bộ nông thôn có tới 20% vào loại kém và số cơ sở yếu kém mới vươn lên trong năm 1971: 12% (15 đảng bộ). Nhưng cũng còn 4 đảng bộ từ khá tụt xuống.

Yếu và tồn tại chính hiện nay của tổ chức cơ sở là: Nói chung đội ngũ cốt cán cơ sở có ý thức và nhiệt tình cách mạng, trung thành, tận tụy, nhưng trình độ năng lực không đáp ứng kịp đang có ảnh hưởng nhiều đến việc thực hiện các nhiệm vụ. Thậm chí có nơi sút kém đi. Tình hình hợp tác xã vùng cao hầu như đã tan vỡ hoặc còn chỉ là hình thức. Ở vùng thấp tình hình làm riêng lẻ nhiều và chia khoán theo đội có chiều hướng phát triển. Từ đó một số vùng kinh tế có biểu hiện sa sút. Chất lượng sinh hoạt trong các tổ chức cơ sở nhất là chi bộ và tổ đảng chưa thật sự mang tính chất lãnh đạo giáo dục và chiến đấu nên chưa thật sự trở thành nơi giáo dục, rèn luyện đảng viên. Thậm chí còn một số ít cấp ủy chi bộ và không ít tổ đảng phát triển là ở nông thôn sinh hoạt lỏng lẻo, rời rạc, nộp đảng phí chưa nghiêm chỉnh. Việc phân công công tác và quản lý đảng viên còn lỏng lẻo. Nội bộ một số nơi còn dễ mất đoàn kết hoặc sự nhất trí chưa cao, nhất là khu vực cơ quan xí nghiệp, doanh nghiệp mà phần lớn là trong nội bộ lãnh đạo đã và đang ảnh hưởng dần đến sức chiến đấu của tổ chức Đảng, ảnh hưởng đến lòng tin tưởng của đảng viên và quần chúng. Về công tác xây dựng Đảng yếu nhất hiện nay là các cơ sở xa, nhất là vùng cao, biên giới và các ngành văn hóa, giáo dục, bệnh viện, cửa hàng, nông trường, công trường, lâm trường và các đoàn địa chất. Trước tình hình do sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp trên, nhất là các huyện thị, đảng ủy lại thiếu chặt chẽ, thường xuyên, nên càng hạn chế vai trò của các tổ chức cơ sở.

b) Đối với cấp huyện và tương đương có tiến bộ, nhất là sinh hoạt dân chủ nội bộ được tăng cường hơn. Nội dung sinh hoạt được cải tiến một phần. Phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, tác phong công tác có cải tiến, nhất là cách làm việc tập thể dân chủ, chỉ đạo theo vùng đang dần dần đi vào nền nếp. Quan hệ và lề lối làm việc giữa Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng có tiến bộ. Tác phong sâu sát cụ thể được nâng lên. Vấn đề sơ kết tổng kết được chú ý hơn.

Tuy nhiên, đối với cấp huyện hiện nay trước yêu cầu nhiệm vụ còn bộc lộ nhiều nhược điểm:

- Nhận thức về vị trí cấp huyện chưa thật rõ, mặc dù Nghị quyết 136 trước đây của Ban Bí thư đã xác định và Nghị quyết 19 gần đây của Trung ương càng nói rõ hơn về vị trí cấp huyện. Nhưng nhìn chung chưa được quán triệt đầy đủ. Vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, nhất là công tác chỉ đạo thực hiện các mặt nhiệm vụ đối với cơ sở còn yếu. Chưa thật sự coi trọng công tác quản lý kinh tế và khoa học kỹ thuật. Chưa nắm vững và củng cố tốt hệ thống chuyên chính vô sản với đầy mạnh đồng thời 3 cuộc cách mạng. Hoặc trên nhận thức đã có, nhưng đi vào chỉ đạo cụ thể còn lúng túng. Tình hình hợp tác xã, nhất là vùng cao nhiều nơi đã tan vỡ chưa được củng cố. Việc chỉ đạo vùng một số nơi buông lỏng. Nhiều tệ nạn, tập quán xã hội cũ phát triển không có biện pháp ngăn chặn kịp thời. Công tác đảng và công tác vận động quần chúng chưa được chú trọng đúng mức. Việc phát huy vai trò bộ máy chính quyền còn lúng túng.

- Phương thức lãnh đạo, chỉ đạo và tác phong công tác chưa được cải tiến sát với chức năng, nhiệm vụ. Việc chỉ đạo xây dựng điển hình và nhân điển hình còn yếu. Cách chỉ đạo tập trung dứt điểm, việc kiểm tra cụ thể tại chỗ, việc sơ kết, tổng kết chưa thành nền nếp thường xuyên.

- Trình độ nhiều mặt còn hạn chế, nhất là trình độ văn hóa, quản lý kinh tế chuyên môn kỹ thuật và công tác đảng, công tác vận động quần chúng ở vùng dân tộc.

c) Đối với cấp tỉnh qua hai năm thực hiện cuộc vận động cũng đã có tiến bộ một bước. Vấn đề sinh hoạt dân chủ được tăng cường hơn. Vấn đề đấu tranh phê bình và tự phê bình được đề cao. Tăng cường đoàn kết nhất trí trong nội bộ. Đặc biệt là nguyên tắc tập trung dân chủ được quán triệt và thực hiện triệt để hơn. Từ đó mà có tác dụng quan trọng đến việc phát huy vai trò lãnh đạo tập thể cũng như đề cao được chức trách từng cá nhân. Phương thức lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy có được cải tiến hơn trước. Tỉnh ủy chỉ đạo các mặt nhiệm vụ đến từng quý, Ủy ban hành chính tỉnh chỉ đạo các ty đến từng tháng. Các ty, ngành chỉ đạo cơ sở đến hàng tuần và cơ sở phải chỉ đạo nắm sát các mặt công tác đến hàng ngày. Quá trình chỉ đạo cũng rất coi trọng công tác bồi dưỡng cán bộ, nhất là các Ban tham mưu, công tác kiểm tra và đi vào tổng kết những vấn đề lớn. Một số ngành ở tỉnh cũng đã có chuyển biến tốt, phát huy được chức năng của ngành phục vụ nhiệm vụ chính trị và giúp đỡ bên dưới thiết thực hơn.

Tuy nhiên, cũng còn một số mặt yếu:

- Về chủ trương, biện pháp đề ra nói chung là nhất trí, nhưng khi chỉ đạo thực hiện, có lúc có việc còn biểu hiện sự nhất trí chưa cao, hoặc chưa quán triệt vai trò lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, chưa cân đối giữa các mặt nhiệm vụ. Quá trình chỉ đạo có lúc còn tách rời công tác xây dựng Đảng với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị hoặc ngược lại. Trong công tác xây dựng Đảng về tư tưởng chính trị và tổ chức có lúc thiếu sự gắn bó chặt chẽ. Phương hướng phục vụ nông nghiệp, phục vụ cơ sở của các ngành còn yếu, chưa phát huy được chức năng của ngành thúc đẩy 3 cuộc cách mạng ở nông thôn và đào tạo bồi dưỡng cán bộ cơ sở.

- Về phương thức lãnh đạo, chỉ đạo cũng còn một số nhược điểm. Việc phát huy vai trò của bộ máy chính quyền và các Ban, ngành, việc chỉ đạo trọng điểm, việc sơ kết, tổng kết, nhân điển hình còn yếu. Hoặc trên một số mặt nhiệm vụ chỉ đạo chưa tập trung dứt điểm và chưa có biện pháp thật cụ thể nâng cao năng lực

cho bản thân cấp ủy và phát huy vai trò của bộ máy chính quyền. Tác phong chỉ đạo của một số ngành còn quan liêu, không sâu sát, cụ thể, dứt điểm. Nền nhiều vấn đề Tỉnh ủy đã có chủ trương, cơ sở có quyết tâm, nhưng không đem lại kết quả cụ thể được, chính là do khâu tổ chức chỉ đạo thực hiện của các ngành.

4. Vấn đề kết nạp đảng viên

Qua 2 năm tiến hành cuộc vận động cả 4 đợt kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh đã có 26 trong số 27 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy có kết nạp đảng viên (còn 1 đảng bộ xí nghiệp Sành sứ).

Tổng số:

255, riêng nông thôn có 53 của 30 xã

Trong đó phụ nữ: 28,5% - 28%

30 tuổi trở xuống: 77,7% - 50%

Dân tộc ít người: 23% - 69,8%

Thành phần cơ bản: 88% - 90%

Văn hóa cấp II trở lên: 72% - 5,6%

Bao gồm nông thôn, khu phố: 53

Cơ quan, xí nghiệp: 185

Bộ đội tại ngũ: 17

Từ sau Lớp Hồ Chí Minh vào cuối năm 1971 đến nay toàn tỉnh mới chỉ kết nạp trên 20 đảng viên mới. Số đảng viên Lớp Hồ Chí Minh đủ tiêu chuẩn đều đã chuyển lên chính thức đúng thời hạn.

Nhìn chung việc kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh có tiến bộ hơn trước:

- Về tiêu chuẩn và chất lượng có tiến bộ. Tuyệt đại đa số là những phần tử tiên tiến trong quần chúng. Sau khi vào Đảng đa số phát huy được tác dụng. Qua kiểm tra tuy số không có đủ tiêu chuẩn còn chiếm tỷ lệ khá cao (trên 16%) nhưng chỉ có 12 trường hợp lịch sử có vấn đề chưa rõ (1 trường hợp bố đi phi chưa kết luận và 1 trường hợp bản thân là con nuôi hay con đẻ chưa rõ) chứng tỏ việc xem xét lựa chọn lần này có chặt chẽ hơn.

- Về phương châm, phương hướng có tiến bộ trên một số mặt. Bước đầu đã chú trọng đến lứa tuổi trẻ, phụ nữ, công nhân trực tiếp sản xuất. Số đảng viên kết nạp mấy năm trước đây thuộc lứa tuổi trẻ chỉ chiếm 70,9%, phụ nữ 20,9%, công nhân trực tiếp sản xuất 14,8%. Nhưng riêng trong Lớp Hồ Chí Minh tuổi trẻ chiếm 77%, phụ nữ 28,5%, công nhân trực tiếp sản xuất 26%. Trong đó 79% là công nhân kỹ thuật.

- Việc chấp hành nguyên tắc, thủ tục về kết nạp đảng viên có tiến bộ. Việc tổ chức cho quần chúng tham gia xây dựng Đảng được mở rộng hơn trước. Và nhìn chung việc kết nạp đảng viên đợt này có tác dụng trực tiếp góp phần nâng cao chất lượng của số đảng viên cũ và tăng cường hơn mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng.

Tuy nhiên, so với yêu cầu cuộc vận động thì kết quả đạt được còn quá thấp và còn bộc lộ nhiều khuyết, nhược điểm:

- Nhìn chung số lượng còn ít và chất lượng chưa cao. Đa số cơ sở xã chưa kết nạp đảng viên nào (94 xã/124 xã) và chung toàn tỉnh còn 64% số chi bộ chưa kết nạp. Qua kiểm tra số không đủ tiêu chuẩn còn tới 41 trường hợp (16%): Riêng nông thôn thì số không đủ tiêu chuẩn chiếm tới 26%, số đảng viên mới kết nạp nhìn chung chất lượng chưa cao, nhất là quá trình rèn luyện thử thách còn ít, giác ngộ về Đảng, về giai cấp còn rất hạn chế...

- Việc chấp hành phương châm, phương hướng và nguyên tắc thủ tục còn nhiều thiếu sót. Thậm chí có chi bộ kém nết cũng kết nạp như chi bộ phòng Lương thực huyện Mường Khương kết nạp 2 đảng viên mới trong Lớp Hồ Chí Minh thì cả hai đều không đủ tiêu chuẩn. Trong số đảng viên không đủ tiêu chuẩn đa số đều vi phạm phẩm chất đạo đức và do không nghiêm chỉnh chấp hành các thủ tục quy định, không cân nhắc kỹ lưỡng, cả từ chi bộ cho đến các cấp có thẩm quyền.

- Qua việc kết nạp đảng viên lần này tuy có tiến bộ so với trước, nhưng chưa thật sự thành nền nếp cho sau này, kể cả những nơi có kết nạp đảng viên. Vì vậy, trong thời gian tới cần chỉ đạo chặt chẽ hơn, tích cực hơn, nhất là đối với miền núi, những nơi chưa có và ít đảng viên.

Nguyên nhân:

- Sở dĩ việc kết nạp đảng viên trong Lớp Hồ Chí Minh đạt kết quả thấp trước hết là về nhận thức chưa quán triệt sâu sắc yêu cầu cuộc vận động, chưa thấy sự cần thiết và là yêu cầu khách quan đòi hỏi đối với tình hình cụ thể ở Lào Cai. Tư tưởng ngại khó, bảo thủ, hẹp hòi, sợ trách nhiệm, tư tưởng phong kiến, nhất là đối với phụ nữ và lớp trẻ còn nặng. Hoặc vin cớ miền núi khó khăn, tình hình chính trị, xã hội phức tạp mà không có quyết tâm cao, không tích cực, chủ động, nhất là ở cơ sở và cấp ủy trực tiếp. Vì vậy, việc kết nạp đảng viên mới vừa có tình hình ít về số lượng và chất lượng không cao.

- Về lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn kiểm tra, đôn đốc uốn nắn của cấp trên chưa đầy đủ và thiếu chặt chẽ. Trong chỉ đạo, kể cả các Ban chuyên môn cũng thiếu kiểm tra đôn đốc, sơ kết rút kinh nghiệm để bồi dưỡng và uốn nắn kịp thời cho bên dưới. Nghiêm khắc mà kiểm điểm thì một số cấp ủy còn thiếu trách nhiệm đối với vấn đề này. Cho nên số chất lượng đảng viên kết nạp trong đợt này chưa phản ánh đúng phong trào chung của tỉnh.

- Về mặt khách quan cũng có ảnh hưởng quan trọng, nhất là tình hình chính trị và xã hội Lào Cai có nhiều quan hệ phức tạp. Ở địa phương tình hình phức tạp, tình hình biên giới. Trong cơ quan, xí nghiệp thì đa số cán bộ, công nhân viên từ nhiều tỉnh khác đến. Công tác thẩm tra rất khó khăn. Trình độ năng lực đội ngũ cốt cán cơ sở yếu. Ngay số cán bộ trực tiếp đi chỉ đạo cuộc vận động năng lực trình độ kiến thức về Đảng cũng rất hạn chế. Vai trò các đoàn thể quần chúng, nhất là Đoàn Thanh niên cũng chưa phát huy được tác dụng tốt, ngoài ra còn có nhiều khó khăn khác của xã hội miền núi do lịch sử để lại còn phải khắc phục lâu dài cũng có ảnh hưởng một phần.

5. Vấn đề đưa người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng

Vấn đề này Lào Cai mới tiến hành xong thí điểm. Tuy nhiên, trong cuộc vận động này, các đảng bộ cũng đã sơ bộ nắm và lập

danh sách của số đảng viên có vấn đề cần xem xét thì tỷ lệ chung chiếm khoảng 27,5%. Trong đó phạm vi tiêu chuẩn chính trị chiếm 3,1% trong diện đảng viên thoát ly và 11,8% trong diện đảng viên không thoát ly. Loại vi phạm về phẩm chất đạo đức có 13,1% đối với diện đảng viên thoát ly và 23,4% đối với đảng viên không thoát ly. Loại trình độ giác ngộ chính trị quá thấp có 2,8% đối với diện đảng viên thoát ly và 6,98% đối với đảng viên không thoát ly. Kết quả qua đợt thí điểm ở 3 cơ sở xã và 2 cơ quan cũng có tình hình tương tự và có mặt còn nghiêm trọng hơn. Cụ thể số đảng viên đã xử trí chiếm tới 17% đối với 2 cơ quan và 32,8% đối với 3 cơ sở xã. Trong đó loại phạm tiêu chuẩn chính trị 3% đối với cơ quan và 14% đối với cơ sở xã. Loại giác ngộ chính trị thấp 4% đối với cơ quan và 7% đối với xã. Số đã đưa ra khỏi Đảng 7,4% đối với cơ quan và 15,7% đối với xã.

Qua đợt thí điểm này nói chung đảm bảo đúng yêu cầu phương châm và kế hoạch tiến hành. Việc vận dụng chính sách xử trí đảng viên, nhất là vùng dân tộc được coi trọng ngay từ đầu và nói chung sát đúng, không xảy ra trường hợp nào đáng tiếc.

Ở những nơi chưa làm thí điểm Chỉ thị 192 thì cũng được quán triệt tinh thần chỉ thị và việc giữ gìn kỷ luật trong Đảng được tăng cường hơn. Trong 3 năm 1970-1972 đã xử trí kỷ luật 513 đảng viên, kể cả số đảng viên phải xử trí ngoài 5 hình thức. Trong đó đã khai trừ đưa ra khỏi Đảng 257 trường hợp và quá 50% là loại có chức vụ, gần 40% sai phạm trong cuộc vận động. Nội dung sai phạm đa số thuộc về vi phạm nguyên tắc tổ chức của Đảng (30%); về chấp hành chính sách (37%) và về phẩm chất đạo đức như hủ hóa (30%). Về chính sách trong 3 năm 1970-1972 cũng đã thi hành kỷ luật 540 cán bộ công nhân viên. Trong đó có 33% là đảng viên (179/540). Nội dung sai phạm cũng có tình hình tương tự.

Nhìn chung thì vấn đề đưa người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng còn chậm. Trên nhận thức tư tưởng của một số cấp ủy cũng chưa đầy đủ, còn biểu hiện do dự, sợ căng thẳng, nhất là ở

vùng dân tộc, biên giới, trình độ giác ngộ của đảng viên và quần chúng còn thấp. Về mặt lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy lúc đầu cũng chưa có nhận thức đầy đủ và sự chỉ đạo thiếu sát sao. Các ban tham mưu cũng thiếu sự phối hợp chặt chẽ và chưa đề cao trách nhiệm trong việc tổ chức và chỉ đạo thực hiện. Thậm chí còn có xu hướng làm lướt lên một số nơi tuy có làm, nhưng chưa đạt yêu cầu. Đây là vấn đề rất hệ trọng và đối với Lào Cai càng thận trọng hơn. Nhưng không đi vào chỉ đạo thí điểm ngay từ đầu để rút kinh nghiệm mà để các đảng bộ huyện tự làm. Cho nên chưa đạt yêu cầu và nay mới xong thí điểm.

III. VỀ LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO CỦA CÁC CẤP ỦY VÀ NHỮNG KINH NGHIỆM BƯỚC ĐẦU

Nhìn chung việc quán triệt và cách vận dụng thực hiện của Tỉnh ủy đặt vấn đề thống nhất các cuộc vận động, có kế hoạch cho từng loại cơ sở, chuẩn bị lực lượng cán bộ, có bồi dưỡng huấn luyện chu đáo, có trọng điểm, có kiểm tra chặt chẽ và kịp thời điều chỉnh bổ sung các biện pháp... là chủ trương đúng đắn, tích cực. Cũng theo nếp đó, các cấp, các ngành cũng đã có cố gắng nhất định, tạo ra nếp chỉ đạo mới, đồng bộ hướng vào cơ sở. Đồng thời thông qua cuộc vận động này biểu hiện các cấp ủy đã có quan tâm hơn đối với công tác xây dựng Đảng, gắn công tác xây dựng Đảng với phong trào quần chúng. Ban Chỉ đạo cuộc vận động Trung ương và một số Ban, đảng đoàn các ngành Trung ương như Tổng cục Địa chất, Bộ Giáo dục, Bộ Y tế, v.v. đã có hướng dẫn riêng khá cụ thể. Tuy nhiên, trong lãnh đạo, chỉ đạo cũng còn một số khuyết, nhược điểm tồn tại làm hạn chế kết quả cuộc vận động:

- Việc quán triệt và vận dụng các yêu cầu cuộc vận động chưa sâu, chưa thấy yêu cầu nâng cao chất lượng đảng viên là cơ bản, là cấp bách. Do đó trong chỉ đạo chưa tập trung cao bằng tất cả mọi biện pháp để nâng cao chất lượng đảng viên, chất lượng tổ chức.

- Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, việc gắn cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên với các cuộc vận động khác còn lúng túng. Chưa thực sự thông qua việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và phong trào quần chúng để nâng cao chất lượng đảng viên, chất lượng tổ chức. Tổ chức chỉ đạo lúc đầu chặt chẽ, nhưng sau khi đã phát động, tạo khí thế và có những chuyển biến bước đầu rồi thì nhận thức của lãnh đạo không chuyển biến kịp, không có biện pháp tiếp tục nâng lên, bản thân cơ sở cũng không duy trì và phát huy kết quả đã đạt được. Từ đó phát sinh mâu thuẫn không được giải quyết dẫn đến một số nơi có chiều hướng dừng lại, hoặc nảy sinh tiêu cực lợi lỏng.

- Bản thân các cấp ủy cũng chưa có biện pháp để nâng cao chất lượng cho chính mình cả về mặt nhận thức tư tưởng và năng lực lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện. Việc chỉ đạo sự phối kết hợp giữa các Ban chuyên môn có lúc thiếu chặt chẽ và chưa được kiện toàn đầy đủ kể cả ở tỉnh. Do đó, chưa phát huy tốt chức năng tham mưu giúp cấp ủy chỉ đạo công tác xây dựng Đảng.

Những khuyết điểm, tồn tại trên về lãnh đạo, chỉ đạo cũng đồng thời là một trong những nguyên nhân làm hạn chế kết quả cuộc vận động và từ thực tiễn cuộc vận động có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm bước đầu như sau:

1. Nâng cao chất lượng đảng viên phải gắn với nâng cao chất lượng của tổ chức, phải đạt được mục đích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị.

Vì nhiệm vụ chính trị là mục tiêu và phương hướng của đảng viên và từng tổ chức. Đó vừa là nội dung, yêu cầu phương châm và phương pháp công tác xây dựng Đảng về tư tưởng gắn với xây dựng Đảng về tổ chức.

Ba năm qua thời gian không dài, cùng một nhiệm vụ chính trị chung, nhiều điều kiện ngoại cảnh như trời, đất, nước, khí hậu, trình độ lãnh đạo từng vùng giống nhau (trong hợp tác xã nông nghiệp). Cùng được giao nhiệm vụ chính trị một thời gian, được cung cấp trang thiết bị vật tư, tiền vốn, lao động, lãnh đạo tương

tự trong xí nghiệp quốc doanh nhưng có Đảng bộ hoàn thành nhiệm vụ chính trị xuất sắc, có nơi trung bình, có nơi đậm chân tại chỗ, có nơi tụt so với trước.

Mọi hiện tượng xảy ra đều có nguyên nhân chủ quan và khách quan. Nhưng qua tổng kết thấy những nơi hoàn thành suất sắc nhiệm vụ chính trị, đẩy được phong trào lên toàn diện, liên tục đồng đều. Nguyên nhân chủ quan là nhân tố quyết định, cần khẳng định các đảng bộ phát động được phong trào và duy trì được phong trào là đã nắm vững được nội dung của nâng cao chất lượng của đảng viên và của tổ chức Đảng, bám được mục tiêu của mình phải phấn đấu, biết bồi dưỡng và phát huy động cơ chính của cách mạng, biết gắn chặt giữa con người với tổ chức tập thể để thực hiện đồng thời 3 cuộc cách mạng ở đơn vị mình một cách cụ thể với cuộc sống của quần chúng ở nơi đó. Chính điều đó có sức phát huy, cổ vũ khí thế phong trào quần chúng tiến lên. Từ đó mà con người, tổ chức, lãnh đạo cũng từng bước nâng lên theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ chính trị cao hay thấp. Những nơi làm tốt không những có phong trào, nhưng cái đáng quý là tạo được lòng tin, tạo ra được đội ngũ cán bộ, phát triển được đảng viên tốt. Lãnh đạo được trưởng thành trội hẳn hơn quần chúng đảng viên và hơn cả các đơn vị khác có cùng điều kiện. Tất nhiên ở đây nó sẽ tạo ra được những cơ sở vật chất kỹ thuật có ý nghĩa để lại đời sau như giao thông thủy lợi, ruộng bậc thang, giống mới, v.v..

Đến nay chứng minh rất rõ ở các đảng bộ cơ sở vùng thấp như Nam Cường, Gia Phú, Bản Vược, Phú Nhuận, v.v.. Vùng cao như Tả Ngảo, Bản Phố, Pha Long, v.v..

Các xí nghiệp quốc doanh công nghiệp, nông nghiệp, thương nghiệp cũng thấy rất rõ điều này trong những năm qua ở sự giác ngộ nâng cao chất lượng, đồng đều từ đảng viên đến lãnh đạo là nhân tố quan trọng như (xí nghiệp chi cục vật tư, trại chăn nuôi Nam Cường, một số chi bộ thuộc đảng bộ giao thông, công nghiệp, thương nghiệp, v.v.).

Trái lại những nơi kém nết, lúng củng cũng có những lý do khách quan, hoặc tại một phần do trên không giúp đỡ. Nhưng chủ yếu là sự không nâng cao được chất lượng đồng đều của đảng viên và tổ chức (bao gồm cả tổ chức Đảng, chính quyền và đoàn thể quần chúng) và đặc biệt có thể nói là không nắm được phương hướng, không rõ nhiệm vụ chính trị, nên xác định chỗ đứng không vững, không dám làm, không dám phát động quần chúng làm, cho nên không có những kết quả tốt đẹp như các cơ sở khác mà thời gian, điều kiện cho phép đã bỏ qua, đó là sự lạc hậu về trình độ so với những đảng bộ có kinh nghiệm. Nếu những đảng bộ cơ sở này biết tổng kết lấy kinh nghiệm cũng có thể tiến lên ngang hoặc hơn những đảng bộ nay khá hơn mình. Điều đó không nhất thiết phải đi từng nấc thang một, mà có thể đi thẳng từ kém lên giỏi và giỏi liên tục. Nhưng cũng đề phòng chủ quan của những đảng bộ này khá nếu không nắm vững mục tiêu phấn đấu và sự nâng cao chất lượng đồng đều và liên tục thì cũng có thể trở lại là những chi bộ, đảng bộ cơ sở kém không thể tránh khỏi.

2. Sự cần thiết và nhất thiết phải nắm vững các nguyên tắc thủ tục cơ bản về công tác xây dựng Đảng. Phải làm cho những quan điểm của những nguyên tắc đó quán triệt giác ngộ từ các cấp ủy đến đảng viên quần chúng để thực hiện đúng đắn và tham gia đầy đủ.

Đây là kinh nghiệm, nhưng là nhiệm vụ phải phấn đấu của mọi đảng viên và cấp ủy. Nếu không giác ngộ điều này không thể làm tốt công tác xây dựng Đảng một cách chủ động tự giác với ý thức rõ rệt. Muốn nắm vững các nguyên tắc, thủ tục trong công tác xây dựng Đảng không có cách nào khác là phải nghiên cứu thảo luận tập thể cho kỹ, bắt tay vào làm, làm phải có cơ sở tổng kết, rút kinh nghiệm mới nâng được trình độ từ cảm tính lên lý tính. Điều chắc chắn là phải có một quá trình rèn luyện, đấu tranh thực tiễn mới làm cho ý thức tự giác hiểu biết được sâu sắc, tính thuyết phục mới được đề cao, những lệch lạc mới bị phủ định

khi đã có chân lý đúng đắn. Ngay trong đấu tranh làm cho sự nhất trí cao về tư tưởng hành động của từng đảng bộ và từng cấp đối với Nghị quyết số 195 đến nay cũng có mức độ của từng cấp rèn luyện nắm các nguyên tắc khác nhau, cho nên kết quả phong trào cũng khác nhau. Chắc chắn rằng nơi có phong trào giác ngộ sâu hơn về nhiệm vụ chính trị đối với nơi không có phong trào, nơi có phát triển đảng viên đã rút được kinh nghiệm có ý thức rõ hơn nơi không phát triển được đảng viên, nơi có đấu tranh phê bình giải quyết tốt các mâu thuẫn nội bộ mình, đi lên thấy vững vàng, có cơ sở hơn nơi làm qua loa, đại khái, cảm tính, tiểu tư sản không thể có lành mạnh được.

Những nơi làm tốt vừa qua chính là nắm vững và thực hiện đúng các nguyên tắc và thủ tục trong công tác xây dựng Đảng. Các nguyên tắc đó là: đoàn kết nhất trí trên cơ sở đường lối, chính sách, đấu tranh phê bình và tự phê bình một cách nghiêm túc, tự giác, đi đường lối quần chúng trong mọi hoạt động của mình, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ là nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng, thực hiện đúng đắn, nhưng trình tự 11 khâu trong phát triển đảng viên một cách thực chất. Những nơi làm tốt không những có phong trào tốt, trình độ lãnh đạo được nâng cao, sức mạnh của tổ chức được phát huy, đội ngũ cán bộ được phát triển và thử thách, trái lại những nơi buông lỏng các nguyên tắc cơ bản đó không những nhiệm vụ chính trị không hoàn thành, sức chiến đấu giảm sút, nội bộ lung củng, phát sinh thiếu tiêu cực, thiếu ý chí vươn lên.

3. Ba nội dung của cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên có quan hệ chặt chẽ với nhau và phải tiến hành đồng thời là vấn đề có tính nguyên tắc.

Nghị quyết 195 của Bộ Chính trị đã chỉ rõ mục đích của cuộc vận động lần này là làm cho tổ chức Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh với ba nội dung: nâng cao chất lượng đảng viên, kết nạp đảng viên mới và đưa người không đủ tư cách đảng viên ra

khỏi Đảng. Trong đó vấn đề nâng cao chất lượng đảng viên và chất lượng tổ chức Đảng là nội dung cơ bản. Những nội dung trong cuộc vận động lần này cũng đồng thời là yêu cầu xây dựng Đảng ta từ nay về sau. Thực tiễn qua 3 năm tiến hành cuộc vận động phần lớn các đảng bộ đã quán triệt được cả ba nội dung đó, có nơi làm tốt và gắn được chặt chẽ (Bản Vực, Xuân Giao, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, v.v.). Nhưng cũng còn nhiều chi bộ, đảng bộ cơ sở chưa quán triệt đầy đủ, nên lúc nặng mặt này, khi nhẹ mặt khác. Ngay vấn đề nâng cao chất lượng cũng thiếu kế hoạch cụ thể về nâng cao chất lượng cho từng loại đảng viên. Chưa thật sự đi sâu vận dụng có kế hoạch cụ thể theo tinh thần cần gì học nấy, yếu mặt nào nâng mặt đó, khuyết mặt nào sửa mặt đó. Thậm chí còn tách rời giữa xây dựng con người với xây dựng tổ chức. Một số ít chi bộ còn để tình trạng kém nát kéo dài, đảng viên yếu kém nhiều, sinh hoạt chi bộ lỏng lẻo, rời rạc, đấu tranh tự phê bình và phê bình không được đề cao. Từ đó nhiều vấn đề vi phạm vào nguyên tắc tổ chức của Đảng không được giải quyết. Một số ít đảng viên không đủ tiêu chuẩn cũng để trong Đảng. Thậm chí có chi bộ kém nát cũng cứ kết nạp đảng viên, kết nạp cả những người không đủ tiêu chuẩn vào Đảng. Thực tế vừa qua ở những nơi làm tốt chính là vì đã quán triệt và biết cách vận dụng đúng và càng khẳng định Nghị quyết của Bộ Chính trị đề ra là rất đúng đắn. Trái lại những đảng viên yếu kém hiện nay nguyên nhân chính là chưa quán triệt tinh thần đó.

4. Về lãnh đạo phải có tư tưởng hoàn chỉnh xuyên suốt toàn đợt. Trong chỉ đạo phải nắm trọng tâm và biết làm dứt điểm trong từng thời gian.

Kinh nghiệm cho thấy lãnh đạo phải có tư tưởng chỉ đạo hoàn chỉnh là hết sức quan trọng (đầu não của cách mạng), sự phát triển của phong trào tùy thuộc phần lớn ở tư tưởng chỉ đạo của cấp lãnh đạo từ tập thể nhỏ nhưng lại là cấp cao, có thể phát triển ra tập thể lớn của quần chúng ngành mình với tốc độ nhanh đúng với các nguyên tắc chính sách, hoặc ngược lại trì trệ không đẩy lên được. Vừa

qua cho thấy tư tưởng chỉ đạo của tập thể cấp cao thì rõ nhưng làm cho tư tưởng ấy quán triệt đến từng tập thể các ban ngành cấp bên dưới không đầy được thấy giai đoạn đầu nhưng chưa thấy kết thúc, thấy nội dung 1 nhưng chưa lường hết nội dung 3 để kết hợp chặt chẽ. Trong chỉ đạo cụ thể có lúc không rõ nét để công việc khác lẫn át, thiếu trọng tâm dứt điểm từng vấn đề, có lúc buông lỏng, thiếu liên tục bổ khuyết không kịp thời với tình hình đòi hỏi. Thậm chí các việc thiếu triệt để, trong nhiều cấp từ tỉnh đến cơ sở.

Giác ngộ ở cấp tỉnh mức độ cao hơn nhưng càng xuống dưới lại thấp dần, nhiều nơi làm nội dung 1 tách rời nội dung 2, 3. Nhiều chỉ bộ, đảng bộ cơ sở trong quá trình nâng cao chưa có ý thức tuyển lựa đối tượng, phát triển đảng viên và nghiên cứu tập hợp các vấn đề chuẩn bị cho nội dung 3. Thậm chí có nơi lại chưa kiện toàn tốt cả cốt cán lãnh đạo chủ chốt. Đây là trình độ nhận thức, nhưng cũng là một khuyết điểm trong chỉ đạo thiếu trọng tâm dứt điểm cụ thể.

Sau ba năm tiến hành cuộc vận động đã thu được một số kết quả bước đầu nhưng rất quan trọng. Đó là kết quả tổng hợp của nhiều cuộc vận động tạo ra cái đà cho bước phát triển tới. Kết quả đó là một trong những nhân tố quan trọng thúc đẩy các cuộc vận động khác và là nhân tố quyết định đảm bảo thắng lợi cho việc thực hiện Nghị quyết 19 của Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết 220 của Bộ Chính trị và nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ 5. Kết quả đó là cơ sở bước đầu để đưa công tác xây dựng Đảng đi vào nền nếp thường xuyên, từng bước thực hiện mục tiêu mà Nghị quyết 195 của Bộ Chính trị đã đề ra: “Chất lượng của các đảng viên và của các chi bộ Đảng là một nhân tố quan trọng làm nên sức mạnh của Đảng. Phải lựa chọn cán bộ và đảng viên xứng đáng với tiêu chuẩn đã định, xứng đáng là chiến sĩ tiên phong của cách mạng nước ta”. Một số kinh nghiệm rút ra ở đây mới chỉ là bước đầu nhưng rất cơ bản cần được nghiên cứu vận dụng.

Đối chiếu với yêu cầu cuộc vận động thì có mặt đạt chưa cao và còn nhiều thiếu sót, lúng túng. Vì vậy, các huyện, thị, đảng ủy, các ban, đảng đoàn cần dựa vào bản báo cáo này để liên hệ kiểm điểm rút kinh nghiệm. Đồng thời trên cơ sở chức năng của mình mà có biện pháp tích cực nhằm đẩy mạnh cuộc vận động trong thời gian tới. Mỗi tổ chức cơ sở cần tổ chức nghiên cứu, thảo luận, liên hệ kiểm điểm rút kinh nghiệm rồi đề ra kế hoạch cụ thể tiến hành cuộc vận động nhằm đạt những yêu cầu cơ bản để tổng kết cuộc vận động vào cuối năm 1973. Việc đưa người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng theo tinh thần Chỉ thị 192 đảm bảo phương châm tích cực, thận trọng, chắc chắn, làm đúng theo kế hoạch hướng dẫn của Ban chỉ đạo cuộc vận động Trung ương, nhằm hoàn thành cơ bản vào cuối năm 1974 kết thúc vào đầu năm 1975.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC
KHÁNH VINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

PHƯƠNG HƯỚNG CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 01-PH/TU, ngày 6-9-1973

**Về công tác xây dựng Đảng và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ
năm 1973 và thời gian tới**

I. PHƯƠNG HƯỚNG CHUNG

Quán triệt Nghị quyết 19, 20 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết 220 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 7 và các nghị quyết gần đây của Tỉnh ủy đã xác định rõ nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế - văn hóa trong những năm 1971-1973 là: “Trên cơ sở đẩy mạnh đồng thời ba cuộc cách mạng phải tập trung mọi cố gắng cao nhất để phấn đấu giải quyết tốt vấn đề tự túc lương thực, thực phẩm trong phạm vi địa phương, đồng thời tích cực phát triển sản xuất theo vùng tập trung bằng các cây, con có ưu thế đã xác định; căn bản thực hiện định canh, định cư; ra sức phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp sửa chữa, đảm bảo tự giải quyết được ngày càng nhiều hàng tiêu dùng tại địa phương; ra sức xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, chuẩn bị mọi điều kiện để tiến vọt vào các năm sau; cải thiện một bước đời sống nhân dân và có tích lũy ngày tăng...”.

Để đảm bảo hoàn thành các nhiệm vụ trên, công tác tổ chức xây dựng Đảng và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đang đặt ra những yêu cầu rất lớn. Căn cứ vào phương hướng chung về công tác xây

dựng Đảng và Nghị quyết 225 của Bộ Chính trị về công tác cán bộ trong giai đoạn mới, qua tổng kết 3 năm tiến hành cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên, Tỉnh ủy đề ra một số nhiệm vụ công tác tổ chức xây dựng Đảng, công tác cán bộ năm 1973 và những năm tới như sau:

Trên cơ sở đẩy mạnh cuộc vận động “nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh phải tập trung mọi cố gắng để tiếp tục tăng cường củng cố, kiện toàn các tổ chức cơ sở đảng, nhất là nông thôn, ra sức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế - văn hóa địa phương. Các chi bộ Đảng phải được tăng cường hơn nữa về chất lượng và hiệu lực lãnh đạo đối với sản xuất, hợp tác xã và tổ chức đời sống nhân dân...”.

II. NHỮNG NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Trên cơ sở đẩy mạnh cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên mà tiếp tục tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng và gắn chặt xây dựng đảng về tư tưởng với xây dựng đảng về tổ chức.

Phương hướng công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong những năm tới chủ yếu phải tiếp tục quán triệt và nâng cao, đi vào giải quyết những vấn đề cụ thể do thực tiễn đặt ra (mà chưa có phương hướng thì phải xác định rõ, chưa có hợp tác xã thì xây dựng, hợp tác xã tan vỡ thì củng cố lại với quy mô và hình thức tổ chức quản lý thích hợp...) theo tinh thần Nghị quyết 19, 20 của Trung ương Đảng, Nghị quyết 220 của Bộ Chính trị, Nghị quyết 07 và những nghị quyết gần đây cũng như sắp tới sẽ có của Trung ương và của Tỉnh ủy. Nội dung giáo dục phải chú ý cả các mặt: Lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, phẩm chất đạo đức cách mạng, những kiến thức về văn hóa, quản lý kinh tế và chuyên môn kỹ thuật, về công tác xây dựng Đảng và công tác vận động quần chúng. Trên cơ

sở đó phát huy mạnh mẽ chủ nghĩa anh hùng cách mạng, chuyển ý chí quyết chiến, quyết thắng trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước sang công cuộc đấu tranh xây dựng hòa bình. Đẩy mạnh đấu tranh phê bình và tự phê bình, tăng cường đoàn kết nhất trí trong đảng làm hạt nhân cho đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế. Chống tư tưởng cá nhân hòa bình hưởng lạc, xả hơi, lơ là cảnh giác, hữu khuynh bảo thủ, bản vị cục bộ, ngại khó khăn, gian khổ, sợ hy sinh, tư tưởng trung bình chủ nghĩa, thiếu tinh thần cách mạng tiến công. Trước mắt từ nay đến hết năm 1973 cần hoàn thành tốt chương trình giáo dục lý luận chính trị đối với đảng viên, chương trình bồi dưỡng đối với cán bộ cấp huyện và tỉnh theo tinh thần Nghị quyết 210 của Ban Bí thư tổ chức nghiên cứu thảo luận và bàn biện pháp thực hiện Nghị quyết 225 của Bộ Chính trị về công tác cán bộ đảng làm quán triệt đến các tổ chức cơ sở đảng, tạo ra những chuyển biến cơ bản cả về quan điểm, nhận thức và chỉ đạo thực hiện trong công tác cán bộ.

Trong chỉ đạo sinh hoạt chính trị tư tưởng phải luôn gắn với hành động cách mạng, gắn xây dựng con người với xây dựng tổ chức, vừa phải đảm bảo cho nhiệm vụ chính trị trước mắt, vừa chuẩn bị cho bước phát triển mới sau này. Cần đi vào tổng kết những vấn đề lớn về sự lãnh đạo của tổ chức đảng ở cơ sở như: thực hiện Nghị quyết 19 của Trung ương, thực hiện nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước, phát triển giao thông, v.v. trên cơ sở đó mà phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm tồn tại, kể cả với tổ chức và từng cá nhân. Phải vận dụng nhiều biện pháp tích cực với hình thức thích hợp để vừa tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng ngoài quần chúng, tạo ra những bước chuyển biến sâu sắc với khí thế thật mạnh mẽ, sôi nổi.

2. Ra sức nâng cao trình độ mọi mặt của cán bộ, đảng viên và đào tạo bồi dưỡng cán bộ

Nâng cao trình độ mọi mặt của cán bộ, đảng viên và đào tạo bồi dưỡng cán bộ là nhiệm vụ cơ bản trọng yếu đã và đang đặt ra

những yêu cầu cấp bách. Vì vậy trên cơ sở quán triệt Nghị quyết số 225 của Bộ Chính trị về công tác cán bộ trong giai đoạn mới, mỗi đảng bộ cơ sở, mỗi cấp, mỗi ngành sau khi đề ra nhiệm vụ chính trị, nhất thiết phải có kế hoạch nâng cao trình độ mọi mặt cho cán bộ, đảng viên và quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Phải tạo ra một phong trào học tập thật hăng say, sôi nổi trong cán bộ, đảng viên và quần chúng. Phải xây dựng một đội ngũ cán bộ vừa đông về số lượng, mạnh về chất lượng, có cơ cấu hợp lý, cân đối, toàn diện, có sức vươn lên mạnh mẽ. Đào tạo, bồi dưỡng, quản lý sử dụng và cất nhắc đề bạt là quá trình gắn bó chặt chẽ từng bước tiến lên thực hiện tiêu chuẩn hóa, chuyên môn hóa và đồng bộ hóa đội ngũ cán bộ. Cần chú trọng đào tạo các loại cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý và cán bộ chuyên môn kỹ thuật, công nhân kỹ thuật. Đồng thời phải xây dựng một đội ngũ cán bộ dự bị đối với từng loại. Trên cơ sở bảo đảm đường lối giai cấp phải hết sức chú trọng đến các đối tượng trẻ, phụ nữ, dân tộc địa phương đã qua rèn luyện, thử thách tỏ ra vững vàng. Đồng thời cần quan tâm đúng mức đến cán bộ kháng chiến cũ, cán bộ từ xuôi lên đã công tác lâu năm ở miền núi, cần chống tư tưởng bảo thủ, hẹp hòi, thành kiến cá nhân thành chủ nghĩa tư tưởng chủ quan lơ là cảnh giác, lỏng lẻo trong việc chấp hành đường lối giai cấp và chính sách cán bộ.

Mục tiêu phấn đấu từ nay đến năm 1975 ở nông thôn ít nhất phải kiện toàn được đội ngũ cốt cán lãnh đạo ổn định, bảo đảm sự tin cậy về chính trị và có triển vọng vươn lên để trên cơ sở đó mà đào tạo, bồi dưỡng, chủ động bảo đảm được mọi nhiệm vụ của địa phương và có từ 5 đến 7 cán bộ kỹ thuật trung cấp, sơ cấp về mặt trồng trọt, chăn nuôi, nghề rừng, y tế, giáo dục, quản lý hợp tác xã. Mỗi hợp tác xã ít nhất phải có từ 5 đến 7 cán bộ quản lý có trình độ trung cấp, sơ cấp.

Ở các cơ sở xí nghiệp, doanh nghiệp phải phấn đấu để kiện toàn đội ngũ cán bộ bao gồm cả các loại: Cán bộ chính trị, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ và công

nhân kỹ thuật. Phải kiên quyết khắc phục tình trạng quản lý cán bộ lỏng lẻo, sử dụng chéo ngành nghề, không chuyên môn hóa cán bộ. Kiên quyết mạnh dạn đưa cán bộ chính trị đi đào tạo, bồi dưỡng về quản lý kinh tế và khoa học kỹ thuật. Đồng thời kiên quyết đưa cán bộ kỹ thuật có triển vọng đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị để trở thành cán bộ lãnh đạo và quản lý giỏi sau này.

Để đạt mục tiêu trên Ban Tổ chức Tỉnh ủy cần phối hợp với các ban, đảng đoàn để xây dựng mục tiêu phấn đấu cụ thể đối với từng loại cán bộ, kể cả cơ sở xã, huyện và ngành từ nay đến năm 1975.

3. Ra sức cải tiến, nâng cao chất lượng sinh hoạt Đảng và củng cố, kiện toàn tổ chức cơ sở đảng

a) Để tổ chức Đảng không ngừng được củng cố vững mạnh, trước hết cần chấn chỉnh và cải tiến, nâng cao chất lượng sinh hoạt của các tổ chức Đảng (chi bộ, tổ đảng, cấp ủy) dựa vào nền nếp chặt chẽ cũng như chế độ mở Đại hội thường kỳ của các đảng bộ theo đúng quy định của Điều lệ Đảng. Nội dung sinh hoạt phải đi vào đúng chức năng, sát nhiệm vụ, bảo đảm tính chất lãnh đạo, giáo dục và chiến đấu trong sinh hoạt đảng. Các cấp ủy, nhất là cấp trên của tổ chức cơ sở cần tăng cường chỉ đạo chặt chẽ. Cần thường xuyên rút kinh nghiệm để chỉ đạo đối với từng loại cơ sở cho sát. Coi việc cải tiến nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng là nhiệm vụ trung tâm trong những năm tới để củng cố các tổ chức Đảng. Cần chấm dứt mọi hiện tượng sinh hoạt lỏng lẻo, rời rạc, không nghiêm túc, mất nhiều thời gian mà chất lượng không cao. Trên cơ sở đó đi vào giải quyết các chi bộ kém, tổ đảng kém. Kiên quyết khắc phục tình trạng mất đoàn kết ở một số nơi, nhất là trong lãnh đạo.

b) Cần hết sức coi trọng việc lựa chọn cắm chốt cán lãnh đạo cơ sở, kể cả Đảng, chính quyền, các đoàn thể quần chúng, cơ quan quản lý kinh tế, hợp tác xã, xí nghiệp. Hướng chung là phải đảm

bảo tiêu chuẩn, đề cao chất lượng, nâng cao trách nhiệm chính trị của cấp trưởng, kiện toàn cấp phó, mạnh dạn và tăng cường cán bộ khoa học kỹ thuật, chuyên môn, nghiệp vụ. Cố gắng khắc phục tình trạng bí thư kiêm giám đốc (hoặc trưởng ty) ở một số nơi. Ở nông thôn cần chú trọng trước hết đến các chức trách: Đảng ủy, chi ủy, tổ trưởng đảng, ủy viên ủy ban hành chính, trưởng phó công an, xã đội, chánh phó chủ nhiệm, kế toán, đội trưởng đội sản xuất. Trong cơ quan, xí nghiệp cần chú trọng đến các phòng, ban, tổ, đội sản xuất, cửa hàng chủ chốt các đoàn thể. Phải tạo thế đồng bộ và chuyên môn hóa cán bộ.

c) Trên cơ sở, nhiệm vụ chính trị đã được xác định, từng tổ chức cơ sở Đảng cần có sắp xếp tổ chức chi bộ, tổ đảng và phân bổ đảng viên sao cho hợp với cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý kinh tế, chuyên môn, đảm bảo tăng cường sự lãnh đạo của tổ chức đảng về mọi mặt. Ở nông thôn cần chú trọng sắp xếp tổ chức đảng phù hợp với quy mô hợp tác xã và cơ cấu ngành nghề như tinh thần Thông tri số 02 ngày 15-5-1971 của Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn. Riêng những nơi không có hợp tác xã hoặc có hợp tác xã nhưng đã tan vỡ thì tổ chức Đảng vẫn phải theo quy mô thôn, bản để tiện sinh hoạt, nhưng việc phân công đảng viên phải theo phương hướng sản xuất của xã đã xác định với những mặt nhiệm vụ trọng yếu do thực tế địa phương đặt ra nhằm đưa phong trào lên. Không để đảng viên nào không được giao công tác, hoặc ngược lại có đảng viên quá nhiều công tác, không hoàn thành được nhiệm vụ. Riêng đối với những đảng viên già yếu, tàn tật hoặc hưu trí thì tùy theo khả năng cụ thể của mỗi người, các chi bộ cần có sắp xếp bố trí công tác thích hợp để các đồng chí đó tiếp tục đóng góp vào sự nghiệp cách mạng chung của đảng ở địa phương. Trong cơ quan, xí nghiệp cũng cần rà lại để cải tiến sao cho tổ chức Đảng phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ. Trước mắt cần sớm khắc phục tình trạng tổ chức đảng không phù hợp với nhiệm vụ, hoặc có tính chất ngành dọc như một số nơi hiện nay.

d) Để nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức Đảng cần đặc biệt coi trọng việc củng cố xây dựng và phát huy hiệu lực của bộ máy chính quyền trong việc chỉ đạo thực hiện mọi nhiệm vụ sản xuất, xây dựng và tổ chức đời sống nhân dân. Đồng thời cần ra sức củng cố xây dựng và phát huy vai trò của các tổ chức quần chúng như thanh niên, phụ nữ, mặt trận, công đoàn, hợp tác xã kể cả trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, tổ chức đời sống và xây dựng Đảng. Căn cứ vào nền nếp và nâng cao chất lượng việc tổ chức quần chúng báo công, phê bình đảng viên, đại hội công nhân viên chức, đại hội xã viên trong các hợp tác xã.

đ) Cần tích cực cải tiến phương thức lãnh đạo, chỉ đạo và tác phong công tác, xây dựng mối quan hệ và lề lối làm việc chặt chẽ giữa cấp ủy đảng với các tổ chức ở cơ sở để tạo ra phong cách làm việc mới nghiêm túc, khẩn trương. Đồng thời cần tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp trên đối với cơ sở, kể cả các ngành, tỉnh, huyện. Cần chú trọng tăng cường công tác quản lý và phát huy tốt đội ngũ cán bộ thoát ly công tác ở xã. Chống tác phong quan liêu mệnh lệnh, độc đoán mất dân chủ, hoặc chung chung, không sâu sắc, cụ thể, nặng giấy tờ hành chính...

4. Làm tốt công tác kết nạp đảng viên mới và đưa người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi đảng

Trên cơ sở tổng kết đợt kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh mà đưa công tác kết nạp đảng đi vào nền nếp chặt chẽ, phải tiến hành một cách tích cực, thường xuyên gắn với nhiệm vụ chính trị và phong trào quần chúng. Phải bảo đảm chất lượng là chính, phải thật sự đủ tiêu chuẩn, đúng phương hướng, phương châm và các nguyên tắc thủ tục về kết nạp đảng viên. Hướng phát triển cần chú trọng những nơi chưa có hoặc ít đảng viên, nơi có phong trào khá, nơi phong trào yếu kém (nơi chưa có hợp tác xã và nhiều mặt nhiệm vụ còn trì trệ) chưa phát triển mà chủ yếu phải đi vào củng cố, tạo điều kiện để đưa phong trào lên. Trên cơ sở đó mà giáo dục,

bồi dưỡng lựa chọn đối tượng kết nạp đảng. Trong từng địa phương, đơn vị cần chú trọng đến các cơ sở trực tiếp sản xuất, những đơn vị hay bộ phận trọng yếu. Trên cơ sở bảo đảm đường lối giai cấp cần chú trọng đúng mức những đối tượng là đoàn viên thanh niên lao động Hồ Chí Minh, là phụ nữ, nhất là nữ thanh niên, là dân tộc ít người, đội trưởng, đội phó sản xuất, quản trị hợp tác xã, kế toán, cán bộ khoa học kỹ thuật, công nhân kỹ thuật có đủ tiêu chuẩn. Trong đó cần chú ý thích đáng đến đội ngũ giáo viên và cán bộ kỹ thuật đã qua rèn luyện, thử thách công tác ở cơ sở xã có đủ tiêu chuẩn. Đảm bảo đến cuối năm 1975 các đội sản xuất nói chung đều có tổ đảng hoặc ít nhất có đảng viên, không còn tổ đội sản xuất trắng, kể cả trong hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và trong xí nghiệp. Các đội sản xuất quan trọng trong xí nghiệp phải có tổ chức đảng lãnh đạo. Các đội sản xuất chủ yếu, đội chuyên ngành lớn hay ngành nghề quan trọng trong hợp tác xã đều có tổ đảng lãnh đạo. Các xã vùng thấp và một số xã vùng cao lập được đảng ủy.

Đi đôi với việc tích cực phát triển đảng viên mới phải cần tăng cường quản lý đảng viên và giữ gìn kỷ luật của đảng, kiên quyết đưa người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi đảng. Đối với những đảng viên phạm tiêu chuẩn chính trị, những đảng viên thoái hóa biến chất, thật sự không còn đủ tư cách đảng viên thì kiên quyết đưa ra khỏi đảng theo đúng tinh thần Chỉ thị số 192 của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Đối với những đảng viên trình độ giác ngộ chính trị quá kém thì phải có biện pháp tích cực giáo dục và định thời gian phấn đấu, nếu không tiến bộ cũng đưa ra khỏi đảng. Trước mắt cần tổng kết công tác bảo vệ đảng, tổng kết đợt thí điểm Chỉ thị số 192 rồi mở rộng diện và tập trung mọi cố gắng để hoàn thành căn bản vào cuối năm 1974.

Tất cả các trường hợp xử lý kỷ luật đảng viên phải hết sức thận trọng, khách quan, toàn diện, chính xác lấy giáo dục là chính,

nhưng phải kiên quyết để đảm bảo cho tổ chức đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh.

5. Mở rộng việc tổ chức cho quần chúng tham gia xây dựng Đảng

Tổ chức cho quần chúng tham gia xây dựng Đảng là nhiệm vụ thường xuyên để tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng, nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức đảng. Cần thông qua phong trào báo công, lập công của quần chúng mà mở rộng và nâng cao chất lượng việc quần chúng tham gia xây dựng Đảng một cách thường xuyên; cần giáo dục kỹ lưỡng ý thức tham gia xây dựng Đảng cho quần chúng. Phải thật sự tôn trọng và lắng nghe ý kiến quần chúng, tránh rập khuôn hình thức. Cần đưa hẳn vào các tổ chức quần chúng để tiến hành với những hình thức thích hợp như Đoàn Thanh niên, phụ nữ, công đoàn, hợp tác xã, v.v..

Thông qua việc tổ chức quần chúng tham gia xây dựng Đảng và sơ kết, tổng kết mà đặt thành nền nếp thường xuyên việc nhận xét phân loại chi bộ, tổ đảng, đảng viên 6 tháng 1 lần theo đúng hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương. Việc nhận xét này cần gắn liền với nhận xét phân loại ngành, nhận xét định kỳ cán bộ hằng năm. Sau mỗi kỳ nhận xét phân loại phải có biện pháp tích cực, có chương trình đăng ký phấn đấu cụ thể để tiếp tục phát huy của các điển hình tiên tiến. Đồng thời khắc phục những khuyết điểm, nhược điểm tồn tại và giúp đỡ tạo điều kiện đưa những đơn vị, cá nhân phấn đấu kém vươn lên, cần coi việc nhận xét, phân loại theo định kỳ là dịp tốt để giáo dục, bồi dưỡng nâng cao trách nhiệm cho mỗi tổ chức đảng và từng cán bộ, đảng viên.

6. Đối với cấp huyện, thị

Tiếp tục phát huy kết quả việc thực hiện Nghị quyết số 136 của Ban Bí thư về kiện toàn sự lãnh đạo, chỉ đạo của các huyện ủy, trong đó cần đi sâu rút kinh nghiệm về việc thực hiện chức trách trong việc chỉ đạo xã và hợp tác xã. Trong năm 1973 phải kiên

quyết hoàn thành chương trình huấn luyện, bồi dưỡng cho các huyện ủy viên còn lại theo đúng tinh thần Nghị quyết số 210 của Ban Bí thư Trung ương. Đồng thời tiếp tục thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ toàn diện ít nhất từ nay đến năm 1975.

Đi đôi với các vấn đề trên cần có chuẩn bị và làm tốt việc thí điểm về xây dựng cấp huyện ở Bát Xát. Trên cơ sở đó mà rút kinh nghiệm cho việc kiện toàn cấp huyện theo tinh thần Nghị quyết 19, 20 của Trung ương, tạo điều kiện cho cấp huyện vươn lên đảm bảo yêu cầu lãnh đạo nhiệm vụ sản xuất nông - lâm nghiệp, từng bước tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

III. MỘT SỐ BIỆN PHÁP

Để đạt các yêu cầu và nhiệm vụ trên cần thực hiện một số biện pháp chính sau đây:

1. Trên cơ sở quán triệt Nghị quyết 19, 20 của Trung ương Đảng, Nghị quyết số 220 của Bộ Chính trị, Nghị quyết 07 của Tỉnh ủy, từng tổ chức Đảng ở mỗi cấp, mỗi ngành phải xây dựng được phương hướng, nhiệm vụ xác định mục tiêu phấn đấu với những biện pháp tích cực bảo đảm thực hiện bằng được phương hướng đề ra. Cần có chỉ đạo chặt chẽ vấn đề này với sơ kết, tổng kết và mở đại hội hàng năm các đảng bộ, gắn với nội dung tiến hành cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và các cuộc vận động lớn hiện nay. Mặt khác, trong quá trình thực hiện phải luôn xem xét để có điều chỉnh bổ sung và không ngừng nâng cao nhiệm vụ, nâng cao trách nhiệm, rèn luyện đảng viên và năng lực lãnh đạo của tổ chức Đảng.

2. Trên cơ sở quán triệt nghị quyết của Trung ương và Tỉnh ủy, mỗi cấp, mỗi ngành đề ra quy hoạch đào tạo cán bộ và kế hoạch phát triển đảng viên đi đôi với kế hoạch xây dựng phát triển kinh tế - văn hóa ít nhất từ nay đến năm 1975. Trước mắt cần hoàn

thành thí điểm việc xây dựng quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ khoa học kỹ thuật nông - lâm nghiệp cho xã, hợp tác xã. Quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và kế hoạch phát triển đảng viên phục vụ sát yêu cầu nhiệm vụ cả trước mắt và lâu dài, phù hợp với điều kiện cụ thể của mỗi địa phương, đơn vị.

Cần nghiên cứu và kiện toàn hệ thống các trường lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nói chung và đối với cơ sở nói riêng, kể cả ở tỉnh và huyện. Trước mắt cần củng cố tốt hệ thống trường lớp hiện có. Đồng thời cần tiếp tục mở rộng hệ thống trường Đảng và các trường đào tạo cán bộ quản lý kinh tế, chuyên môn kỹ thuật. Tiếp tục mở rộng và phát triển hệ thống trường lớp bổ túc văn hóa, trường thanh niên lao động xã hội chủ nghĩa, trường thiếu nhi vùng cao. Đi đôi với các trường đào tạo, bồi dưỡng, nhất là hình thức bồi dưỡng kèm cặp tại chỗ, hàm thụ tại chức, v.v.. Mặt khác cần kiên quyết mạnh dạn đưa cán bộ đi học các trường lớp do Trung ương hoặc khu mở hay đi học nước ngoài kể cả ngắn hạn và dài hạn. Tiếp tục duy trì tốt các lớp hàm thụ đại học về nông nghiệp và công nghiệp hiện nay. Đồng thời nghiên cứu mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác lý luận và công tác xây dựng Đảng.

3. Các huyện, thị, đảng ủy cần tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng Đảng và cải tiến phương thức lãnh đạo, chỉ đạo của mình đối với cơ sở. Trước hết cần thực hiện tốt chế độ chức trách theo đúng tinh thần Nghị quyết 136 của Ban Bí thư Trung ương Đảng đối với các huyện, thị ủy và Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị đối với xí nghiệp. Cần kiện toàn các cơ quan lãnh đạo và bộ môn tham mưu giúp cấp ủy trong việc chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ, tạo thế đồng bộ đều tay từ trên xuống dưới. Các ban, Đảng đoàn, các ngành xung quanh tỉnh cần phát huy tốt chức năng của mình giúp cho các huyện, thị và cơ sở thực hiện tốt mọi nhiệm vụ. Mỗi ty, ngành nhất thiết phải có trọng điểm chỉ đạo của ngành ở

xã để rút kinh nghiệm cho chỉ đạo chung và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở.

Tăng cường sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của các tổ chức Đảng - là nhiệm vụ quan trọng và cấp thiết. Tỉnh ủy đề ra phương hướng nhiệm vụ công tác tổ chức xây dựng Đảng và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ như trên là xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ chính trị đòi hỏi, kể cả trước mắt và lâu dài. Các tổ chức Đảng, trước hết là cấp ủy Đảng cần hướng sự lãnh đạo của mình tập trung thực hiện tốt phương hướng đó, làm cho tổ chức đảng thật sự là hạt nhân lãnh đạo, đảm bảo hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ trước mắt và đủ sức đáp ứng mọi yêu cầu mới của cách mạng đề ra.

Nghị quyết này cần được quán triệt đến các chi bộ cơ sở, các ban, Đảng đoàn để thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC
KHÁNH VINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 10-BC/TU, ngày 9-9-1973

Về tình hình công tác tháng 8-1973

Trong tháng 8-1973, với tinh thần đầy mạnh thi đua để lấy thành tích chào mừng kỷ niệm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh (2-9) lần thứ 28, các cấp, các ngành và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã có cố gắng, phấn đấu thực hiện nhiệm vụ kế hoạch nhà nước và công tác.

Trên các mặt chủ yếu đã đạt những kết quả sau đây:

I. SẢN XUẤT NÔNG - LÂM NGHIỆP

- Các ngành, các địa phương đã tập trung chủ yếu hoàn thành cấy lúa mùa ở chân ruộng hai vụ, chăm sóc lúa mùa ở vùng cao và trồng cây vụ hè - thu: ngô, sò, khoai lang... Đến nay, các loại cây trồng đều chưa đạt kế hoạch và cũng chỉ mới đạt bằng thời gian cùng kỳ năm 1972 (trừ lúa mùa).

Hầu hết các huyện đều không đảm bảo kế hoạch (trừ Sa Pa), có huyện hụt đến 90 - 97 ha (Bắc Hà, Mường Khương), nông trường quốc doanh cũng hụt tới 18 ha. Ngô mới trồng được 315 ha, khoai lang 82 ha, sò 90 ha và đậu tương 489 ha. Tình hình chăm sóc được chú ý, hầu hết diện tích gieo trồng đều được làm cỏ, bón phân. Rải rác ở một vài nơi có sâu bệnh nhưng đã kịp thời ngăn

chặn, phân bón bình quân còn thấp, nạn cấy chay vẫn còn ở một số nơi. Nguyên nhân không đạt kế hoạch về diện tích trồng trọt chủ yếu do việc chỉ đạo chưa thật chặt chẽ, sát sao, cụ thể, nhất là ở cơ sở trên các mặt tổ chức sản xuất, quản lý lao động chưa chặt chẽ. Mặt khác cũng do thời tiết, mưa kéo dài, ảnh hưởng tới tốc độ gieo trồng.

- Về chăn nuôi, nhìn chung các đàn gia súc vẫn phát triển bình thường, cây thức ăn cho gia súc ở các nông trường quốc doanh đã có chú ý hơn (trồng được hơn 13 ha). Việc phòng trừ dịch bệnh tương đối tốt, tuy một vài nơi có dịch đã kịp thời dập tắt, thiệt hại không đáng kể.

- Nghề rừng vẫn tiếp tục và có những cố gắng, đã trồng được 41 ha, khoanh núi, nuôi rừng đạt 15.600 ha, triển vọng cuối năm có thể đạt 20.000 ha.

- Ở một số nơi công tác định canh định cư đã được chú ý chỉ đạo đẩy lên như Cốc Lầu, Mường Khương.

II. CÔNG NGHIỆP

Tình hình sản xuất công nghiệp trong tháng 8 tuy có những khó khăn về vật tư, tiêu thụ, thời tiết mưa nhiều nhưng công tác quản lý trong các cơ sở bước đầu được tăng cường, việc tổ chức, sản xuất đã có những phần hợp lý hơn nên đã có những cố gắng, kết quả đạt cao hơn tháng 7.

Tổng giá trị công nghiệp quốc doanh địa phương tháng 8-1973 ước tính thực hiện 972.500 đồng bằng 32,6% kế hoạch quý (trong đó nhóm A bằng 31,5%, nhóm B bằng 33%), so với tháng 7 tăng 8,6%, (trong đó nhóm A tăng 18,5% và nhóm B bằng 4,9%). Nhưng một số mặt hàng sản xuất phục vụ cho xây dựng đạt còn thấp (gạch ngói, gỗ tròn, củi, nứa...). Thủ công nghiệp hoạt động không đều, chưa có sự quan tâm đúng mức, thậm chí có nơi ngừng hoạt động từ lâu đến nay vẫn chưa được củng cố (hợp tác xã Ba Đình)...

Về xây dựng cơ bản, tuy có những cố gắng, tổng mức xây dựng cơ bản thực hiện trong tháng có tăng hơn tháng 7 (12%), trong đó xây lắp tăng tới 50%, nhưng so với kế hoạch quý III vẫn còn thấp, bằng 15% tổng mức, trong đó xây lắp bằng 5,2% và thiết bị bằng 37% kế hoạch quý.

Về giao thông vận tải, tuy mưa nhiều, đường bị sụt lỏ, xe hỏng không có phụ tùng sửa chữa nhưng trong tháng vẫn cố gắng khắc phục, tận dụng các lực lượng vận tải thô sơ nên vẫn đảm bảo các yêu cầu của tỉnh cũng như kế hoạch của Trung ương. Ước tính khối lượng vận chuyển hàng hóa thực hiện đạt 28,5% kế hoạch quý 3 (tăng 14% so với tháng 7) và luân chuyển 269.480 tấn/km, đạt 26,7% kế hoạch quý (tăng 22% so với tháng trước). Vận tải hành khách ước thực hiện đạt 42,8% kế hoạch quý (bằng 96% so với tháng 7), luân chuyển 668.000 người/km, đạt 37,1% kế hoạch quý (bằng 99% so với tháng trước).

III. TÀI CHÍNH - THƯƠNG NGHIỆP

Trong tháng 8 đã tập trung chỉ đạo để hoàn thành nghĩa vụ lương thực, đẩy mạnh thu mua nông sản thực phẩm để đảm bảo nhu cầu thường xuyên và phục vụ cho các ngày lễ lớn. Đã thực hiện hạ giá một số mặt hàng nhưng chưa có kế hoạch đầy đủ để thực hiện Nghị quyết số 109-CP của Chính phủ.

Thu mua lương thực vụ xuân nhập kho được 367,6 tấn (bằng 40,8% kế hoạch), trong đó thuế đạt 47,4%, nghĩa vụ đạt rất thấp, trả nợ chỉ được 3,1%. Ngoài ra đã mua giá cao, số lượng nhập kho bằng 157% cùng kỳ năm ngoái.

Thu mua nông sản thực phẩm ước thực hiện 43% (bằng 30,5% kế hoạch quý), trong đó thương nghiệp đạt 30,7%, dược phẩm đạt 10%, vật tư nông nghiệp đạt 32,2%. Thu mua lợn hơi vẫn ở mức đạt thấp (33,3% kế hoạch quý), thu mua lợn nghia vụ đã có chuyển biến (đạt 28,5% kế hoạch quý và tăng hơn tháng 7 tới 48%), bò hơi

do đến vụ giao nộp của các nông trường nên đạt 137,5% kế hoạch quý, mua trâu cày tăng hơn tháng trước 70%. Nhưng nhìn chung thu mua vẫn còn đạt thấp, một số nông sản thực phẩm không đạt kế hoạch sản lượng (rau xanh, đỗ tương, hạt rau giống...).

Thu mua hàng công nghệ phẩm đạt 35,2% và hàng xuất khẩu đạt 26,3% kế hoạch quý, trong đó có những mặt đạt khá cao so với kế hoạch quý III (đường, đậu phụ, chè gói và dầu màng tang), nhưng có loại lại quá thấp, chỉ đạt từ 3 - 10% (củi, giấy viết, ngói).

Thực hiện kế hoạch phân phối bán ra, ước tổng giá trị đạt: 2.389,000 đồng (bằng 29,3% kế hoạch quý), trong đó, thương nghiệp đạt 30,3%, lương thực đạt 24%, dược phẩm đạt 33,3% và vật tư nông nghiệp đạt 25,2%. Nhìn chung công tác phân phối phục vụ có những cố gắng đảm bảo yêu cầu thiết yếu về đời sống của nhân dân. Nhưng về tổ chức mạng lưới phân phối có chỗ chưa hợp lý còn để cho người mua phải đi xa, chờ đợi nhiều.

Công tác tài chính - ngân hàng, trong tháng đã thu ngân sách đạt 99,3%, thu tiền mặt tăng hơn tháng 7. Chi về hành chính sự nghiệp đạt 109,8%, chi xây dựng cơ bản đạt 62,9% kế hoạch tháng, chi về cho vay phục vụ sản xuất công - nông nghiệp và lưu thông phân phối đều tăng hơn tháng trước, trong đó vốn dài hạn tăng 55%, vốn ngắn hạn tăng 92%.

IV. CÔNG TÁC VĂN XÃ

- Về giáo dục đã tổ chức tốt kỳ thi hết các cấp học phổ thông và bổ túc văn hóa, đảm bảo các nguyên tắc thủ tục, quy định. Năm học 1972 - 1973 tuy có những khó khăn (do chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, trường sở thiếu thốn, năm học kết thúc muộn...) nhưng ngành giáo dục đã có những cố gắng, đảm bảo kết quả bình thường.

- Các mặt hoạt động thể dục thể thao, văn hóa thông tin cũng đã có những hoạt động sôi nổi phục vụ cho những ngày kỷ niệm

trong tháng (biểu diễn, thi đấu, cổ động, tuyên truyền...) tạo ra không khí phấn khởi, sôi nổi trong nhân dân các dân tộc.

Tuy nhiên, công tác văn xã cũng còn những mặt yếu cơ bản cần tích cực khắc phục. Chất lượng giáo dục không đồng đều, có trường kết quả thi rất thấp. Phong trào giáo dục vùng cao, công tác bổ túc văn hóa yếu, cả về chất lượng lẫn số lượng. Công tác mẫu giáo và nhà trẻ chưa có chuyển biến tiến bộ để nuôi dạy tốt các cháu ở lứa tuổi này, đảm bảo cho người mẹ an tâm, phấn khởi công tác.

V. CÔNG TÁC TRỊ AN - QUỐC PHÒNG

Trong tháng 8-1973, công tác trị an - quốc phòng đã tập trung vào việc động viên tuyển quân, bồi dưỡng huấn luyện dân quân tự vệ đẩy mạnh việc thực hiện các biện pháp an ninh, nhằm giữ gìn trật tự trị an trong dịp Quốc khánh 2-9.

Kết quả công tác tuyển quân đạt 73,09%, trong đó tuyển quân cho công an nhân dân vũ trang đạt 100%, tuyển cho Trung ương đạt 70,04% (những nơi đạt cao là thị xã Lào Cai 100%, Bảo Thắng 65,7%; những nơi đạt thấp là Mường Khương 11,3%, Bắc Hà 13,8%). Có 60/124 xã và 75/192 cơ sở triển khai công tác huấn luyện dân quân tự vệ.

Hoạt động của bọn phản cách mạng không có vấn đề gì lớn. Trật tự trị an trong tháng nói chung cũng như trong dịp Quốc khánh được giữ vững.

Công tác kiểm sát, xét xử được đẩy mạnh, đã xét xử nhiều vụ án tồn đọng trước đây.

Tồn tại của công tác trị an - quốc phòng hiện nay là tình hình trật tự trị an ở thị xã, thị trấn còn xảy ra nhiều vấn đề phức tạp (nhất là trộm cắp vặt, móc túi), tai nạn giao thông xảy ra có chiều hướng tăng hơn tháng trước, nhưng chưa có biện pháp thật kiên quyết, sát hợp để ngăn chặn. Việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyển

quân có nơi chưa thật quyết tâm, chưa có kế hoạch cụ thể nên nhiều nơi không đạt chỉ tiêu công tác bồi dưỡng, huấn luyện dân quân tự vệ triển khai chậm.

VI. CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG

Về tư tưởng chính trị:

Công tác tư tưởng chính trị đã tập trung vào việc tuyên truyền, giáo dục đảng viên, cán bộ và quần chúng nhân dân về truyền thống đấu tranh bất khuất, anh dũng, kiên cường với tinh thần “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” của dân tộc ta nhân dịp kỷ niệm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9. Qua đó đã làm cho mọi người nhận thức sâu sắc thêm ý nghĩa thắng lợi to lớn của nhân dân ta, nhân dân Lào và nhân dân Campuchia anh em trong cuộc đoàn kết đấu tranh chống đế quốc Mỹ và tay sai. Đồng thời nhằm quán triệt hơn nữa nhiệm vụ nặng nề của toàn Đảng, toàn dân ta trong giai đoạn cách mạng mới để động viên mọi người hăng hái lao động sản xuất, công tác, học tập nâng cao năng suất lao động và hiệu suất công tác; hăng hái phấn khởi làm tốt nghĩa vụ quân sự và hoàn thành các nhiệm vụ chính trị ở địa phương (xây dựng cấp huyện, làm mùa, hoàn thành kế hoạch nhà nước quý III...).

Các hình thức tuyên truyền (phim ảnh, thông tin cổ động, xuất bản phẩm, báo chí, đài truyền thanh, nói chuyện thời sự...) đã có cố gắng tạo ra một không khí sôi nổi, phấn khởi chung trong tỉnh (nhất là thị xã, thị trấn và khu vực đông người). Nhìn chung công tác tuyên truyền, giáo dục đã có tác dụng động viên mọi người hăng hái thi đua, phấn khởi công tác, học tập, lao động sản xuất.

Tuy nhiên, các tư tưởng hòa bình nghỉ ngơi, ngại gian khổ, hy sinh trong cán bộ, đảng viên và công nhân viên vẫn còn tồn tại cần tiếp tục giáo dục, khắc phục. Việc tuyên truyền, vận động thanh niên hăng hái làm nghĩa vụ quân sự chưa sôi nổi, sâu sắc, chưa có

biện pháp tích cực. Một số cán bộ, đảng viên và quần chúng xuất hiện sự suy nghĩ, lo lắng trước tình hình thi hành Hiệp định Pari và việc phát triển sản xuất nâng cao đời sống ở miền Bắc.

Công tác giáo dục lý luận cơ bản cho đảng viên cũng có những cố gắng, tiếp tục hoàn thành kế hoạch. Các đảng ủy, huyện ủy Bát Xát, Sa Pa, Mường Khương, Tỉnh đội, Giao thông, thị xã Lào Cai đã mở lớp học tại chức cho đảng viên, thu hút 418 đảng viên tham gia học tập.

Trường Đảng tỉnh đã kết thúc lớp học cho cán bộ chủ chốt và cán bộ quản lý khối công nghiệp, đang tiếp tục chiêu sinh lớp thứ 3 cho hộ nông thôn.

Về tổ chức, kiểm tra:

Trong tháng đã hoàn thành việc tổng kết 3 năm cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh, tổng kết thí điểm Nghị quyết 192 và triển khai đợt thí điểm mở rộng Nghị quyết nói trên ở 26 cơ sở (2 cơ sở cơ quan và 24 cơ sở nông thôn và hợp tác xã thủ công nghiệp). Việc thực hiện thí điểm mở rộng đã tiến hành xong bước 1 (đang sơ kết để chuyển sang bước 2 ở 25 cơ sở, trừ Đảng bộ Y tế). Nhìn chung, qua bước 1 đạt kết quả tương đối khá. Ở những cơ sở tiến hành thí điểm nhận thức được nâng cao, tư tưởng đảng viên và quần chúng có chuyển biến, tin tưởng, phấn khởi và có những hành động tích cực hơn. Việc kết hợp giữa nội dung cuộc vận động với việc đẩy mạnh hoàn thành nhiệm vụ chính trị của địa phương có kết quả bước đầu, ở một số nơi đang có đà chuyển biến tốt (Pha Long tích cực việc hoàn thành các nghĩa vụ lương thực, thực phẩm, đẩy mạnh việc làm mùa...).

Đã hoàn thành cơ bản việc điều tra, nghiên cứu, dự thảo các văn bản phục vụ cho việc thực hiện Nghị quyết 225 của Trung ương về công tác cán bộ. Ban Chấp hành tỉnh đã được thông báo về Nghị quyết nói trên và đang chuẩn bị để nghiên cứu chuyên đề về công tác cán bộ vào tháng 9 tới.

Trong tháng 8 cũng đã nghiên cứu, điều động, đề bạt, bồi dưỡng cán bộ, tổ chức bộ máy theo yêu cầu nhiệm vụ chính trị (đề bạt 20 cán bộ giữ chức vụ trưởng, phó phòng và tương đương, 2 cán bộ giữ chức vụ phó trưởng ty; nghiên cứu xong việc thành lập Ty Xây dựng; xét cử 38 cán bộ đi điều dưỡng ở trong tỉnh và ở nước ngoài).

Các đoàn thể quần chúng hoạt động đều, Công đoàn và các tổ chức khác đã tiến hành tổng kết phong trào thi đua năm 1972, động viên phong trào thi đua nhằm hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước năm 1973. Tỉnh đoàn thanh niên, Ủy ban Thiếu niên, nhi đồng đã phát động phong trào quản lý, chăm sóc, giáo dục và tổ chức vui chơi giải trí cho thiếu nhi trong dịp hè. Mặt trận đã tăng cường tình đoàn kết giữa hai tỉnh kết nghĩa Lào Cai - Thủ Dầu Một để động viên tinh thần, khí thế mới trong lao động sản xuất và công tác.

NHỮNG CÔNG TÁC CHỦ YẾU TRONG THÁNG 9-1973

Về sản xuất:

- Thu hoạch lúa mùa vùng cao và các loại cây trồng khác.
- Chuẩn bị thu hoạch ở vùng thấp.
- Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng cơ bản, tích cực hoàn thành kế hoạch quý III.
- Chú trọng đảm bảo giao thông thông suốt, chống lũ lụt, bảo vệ, sửa chữa những trạm thủy điện.
- Chú trọng sửa chữa, chuẩn bị kho tàng, tiến hành thu mua kịp thời, bảo quản tốt hàng hóa.

Về văn xã:

- Chuẩn bị tốt và khai giảng năm học mới đúng thời hạn, đảm bảo kế hoạch (cả về chỉ tiêu số lượng và tuyển sinh đảm bảo chất lượng).

Về công tác xây dựng Đảng:

- Tiếp tục giáo dục nhiệm vụ lao động xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và ý chí đấu tranh giành thống nhất nước nhà, khắc phục tư tưởng hòa bình nghỉ ngơi, xin xuôi, xin đổi, không an tâm công tác.

- Quán triệt tinh thần tổng kết của Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 195 xuống cơ sở và chỉ đạo tốt bước 2 việc thực hiện thí điểm mở rộng Nghị quyết 192.

- Chuẩn bị hội nghị Ban Chấp hành tỉnh để tổng kết Nghị quyết 19 về chính sách dân tộc và nghiên cứu Nghị quyết 225 về công tác cán bộ.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC

KHÁNH VINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 172-CT/TU, ngày 29-11-1973

Về việc tổng kết năm 1973 và mở Đại hội Đảng ở cấp huyện, thị và cơ sở

Việc thực hiện chủ trương tổng kết năm gắn liền với mở Đại hội Đảng ở cấp huyện, thị và cơ sở của tỉnh ta, mấy năm nay đã được tiến hành thường xuyên và đang dần dần vào nền nếp. Đó là biểu hiện ý thức nghiêm chỉnh chấp hành Điều lệ Đảng và rất phù hợp với tình hình đặc điểm, thời vụ sản xuất của địa phương.

Năm nay việc tổng kết năm và mở Đại hội Đảng ở hai cấp trong những điều kiện khác trước là: Qua một năm thực hiện nhiệm vụ cách mạng từ thời chiến chuyển sang thời bình, là năm Trung ương vừa mới nhận định tình hình và đề ra nhiệm vụ mới, đề ra Nghị quyết 225 về công tác cán bộ của Bộ Chính trị. Ở trong tỉnh, Tỉnh ủy đã tiến hành tổng kết tình hình nông - lâm nghiệp theo tinh thần Nghị quyết 19, 20 của Trung ương, tổng kết thực hiện chính sách dân tộc. Tỉnh ủy cũng đã bàn về phương hướng phát triển kinh tế 1974 - 1975. Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI, từ nay đến quý I - 1974 cũng phải chuẩn bị gấp rút.

Nội dung và tính chất của các vấn đề trên phải được quán triệt và làm sáng tỏ thêm trên quan điểm, lập trường, trong việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng ở mỗi cấp, mỗi ngành trong tỉnh. Đó là những vấn đề thuộc nội dung cơ bản của nhiệm vụ

chính trị, là tư tưởng chỉ đạo tập trung, thống nhất trong thời gian hiện nay của các đảng bộ. Trên cơ sở quán triệt các ý nghĩa đó, công tác tổng kết năm và mở Đại hội Đảng hai cấp năm nay phải đạt được những yêu cầu, nội dung và biện pháp tiến hành như sau:

1. Tiếp tục xây dựng và nâng cao tư tưởng cách mạng tiến công, tăng cường đoàn kết nhất trí, đề cao tinh thần tự lực tự cường, ý thức tổ chức kỷ luật trong Đảng và đề ra nhiệm vụ chính trị, trên cơ sở quán triệt tình hình nhiệm vụ mới, làm cho toàn đảng bộ thấm nhuần cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đã giành được thắng lợi rất lớn, rất vẻ vang, song sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân ta, sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam nước ta chưa hoàn thành, đế quốc Mỹ và tay sai còn nhiều âm mưu thâm độc, cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta còn rất gay go, phức tạp, toàn Đảng phải nhận rõ tình hình và nhiệm vụ mới, tăng cường đoàn kết, nhất trí, nâng cao cảnh giác, kiên trì cách mạng, tự hào và tin tưởng, phát huy mạnh mẽ tinh thần cách mạng tiến công, ra sức phấn đấu làm tròn mọi nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Tình hình, nhiệm vụ chung của cách mạng trên đây phải được quán triệt trong quá trình tiến hành tổng kết năm và mở Đại hội Đảng ở hai cấp, đồng thời phải dựa vào những vấn đề mà tỉnh đã tổng kết, vào phương hướng, kế hoạch năm 1974 - 1975 của tỉnh và căn cứ vào tình hình đặc điểm riêng của từng đảng bộ mà vận dụng, đề ra nhiệm vụ năm 1974 cho sát, đề ra các biện pháp tổ chức thực hiện cho đầy đủ.

Cụ thể nội dung Đại hội Đảng bộ của huyện, thị, cơ sở lần này cần: kiểm điểm đánh giá chính xác tình hình phong trào mọi mặt, nhưng đi sâu và tập trung kiểm điểm một số mặt trọng tâm của đảng bộ (như củng cố hợp tác xã quản lý kinh tế, xây dựng Đảng, công tác cán bộ; vai trò, ý thức và nhiệm vụ đảng viên, v.v.). Trên cơ sở kiểm điểm đánh giá tốt phong trào mà định rõ các nhiệm vụ của đảng bộ năm 1974, chú ý xoáy vào một số mục tiêu phấn đấu

cơ bản. Trong việc xác định nhiệm vụ năm 1974 khẳng định rõ nhiệm vụ chính trị, trong đó chú trọng vấn đề củng cố quan hệ sản xuất, sản xuất kinh tế - văn hóa, trị an quốc phòng, xây dựng Đảng, nhưng cần tập trung vào nhiệm vụ củng cố hợp tác xã, sản xuất, xây dựng Đảng, tăng cường phát triển đảng viên mới và công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Phải làm quán triệt thêm nguyên tắc tập trung dân chủ và coi trọng việc cải tiến phương thức lãnh đạo, chỉ đạo trong các cấp, các ngành đối với quản lý kinh tế và phương pháp xây dựng Đảng, công tác tổ chức - cán bộ. Ban Chấp hành đảng bộ phải chuẩn bị thật đầy đủ về nội dung Nghị quyết cho Đại hội.

Tóm lại, Đại hội các cấp lần này phải bàn bạc và quyết định rõ nhiệm vụ năm 1974 của Đảng bộ; phải dành nhiều thời gian bàn và quyết định một số mục tiêu phấn đấu cụ thể, với mức cố gắng cao nhất; phải bàn các biện pháp thiết thực nhất, cách chỉ đạo tốt nhất, tránh bàn chung chung và chỉ dừng ở phương hướng, đồng thời phải qua việc tổng kết năm mà tiến hành nhận xét định kỳ cán bộ; phân loại đảng viên, phân loại tổ chức theo yêu cầu hàng năm.

2. Về công tác nhân sự: Thông qua việc tổng kết năm và mở Đại hội Đảng ở hai cấp, làm cho toàn Đảng bộ quán triệt những quan điểm và tinh thần Nghị quyết 225 của Trung ương về công tác cán bộ. Xuất phát từ những nhận thức đúng đắn đó, căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ chính trị của mỗi đảng bộ, căn cứ vào tình hình, đặc điểm của đội ngũ cán bộ, căn cứ vào việc kiểm điểm định kỳ, kiểm điểm chức trách của từng cấp ủy viên khóa cũ được tuyển lựa bầu ra cấp ủy khóa mới, nhằm đảm bảo tiêu chuẩn và có đủ năng lực đảm đương nhiệm vụ.

Đối với tổ chức cơ sở: Ở những nơi đang làm Chỉ thị số 192, các tổ công tác sẽ giúp đỡ Đảng bộ tiến hành tổng kết năm và bầu xong cấp ủy, rồi mới rút về huyện. Đối với các Đảng bộ cơ sở, các huyện, thị, đảng bộ (trên cấp cơ sở), nói chung qua Đại hội lần này

kiện toàn cấp ủy thêm một bước. Đối với các trường hợp cán bộ, đảng viên không đủ tiêu chuẩn tham gia cấp ủy Đảng (theo Chỉ thị số 192) thì không tham gia cấp ủy mới lần này.

Đối với các cấp ủy ở huyện, thị và đảng bộ trên cấp cơ sở hiện nay vẫn thi hành theo Nghị quyết số 136 của Trung ương để vận dụng cơ cấu và số lượng cho thích hợp. Cần hết sức coi trọng lực lượng cán bộ quản lý kinh tế, khoa học kỹ thuật và trẻ vào tham gia cấp ủy, với số lượng thích đáng.

3. Đại hội Đảng hai cấp năm nay không những phải làm tốt về mặt nội dung nhiệm vụ chính trị và kiện toàn cấp ủy, mà còn phải quán triệt thêm các nguyên tắc của Đảng, thực hiện cho đúng những nguyên tắc, thủ tục tiến hành Đại hội trong Đảng, như Ban Tổ chức Trung ương đã hướng dẫn trong Thông tri 08 và Thông tri mới bổ sung. Ban Tổ chức Tỉnh ủy cần hướng dẫn cụ thể thêm về các vấn đề này.

4. Thời gian tiến hành Đại hội yêu cầu tốt, nhanh, gọn, từ nay đến hết tháng 1-1974 phải làm xong ở cấp cơ sở, đến hết tháng 2-1974 phải xong ở các huyện, thị, đảng bộ trên cấp cơ sở. Đây là thời gian rất phù hợp với tình hình, đặc điểm, thời vụ sản xuất công, nông nghiệp của tỉnh ta, cho nên các cấp ủy phải tập trung chỉ đạo kiên quyết và dứt điểm, hoàn thành đúng thời gian quy định.

5. Số lượng đại biểu Đại hội cấp huyện, thị, đảng bộ trên cấp cơ sở từ 100 đến 150 đại biểu là tối đa. Thời gian họp Đại hội từ 3 đến 4 ngày.

6. Những công việc chuẩn bị về nội dung phải được tập thể Ban Chấp hành bàn bạc dân chủ, mới báo cáo lên tỉnh. Tùy theo sự chuẩn bị và đăng ký từng đảng bộ, tỉnh sẽ dành thời gian nghe báo cáo và duyệt nhiệm vụ của từng Đảng bộ vào tháng 12-1973 và tháng 1-1974. Các đảng bộ phải hết sức coi trọng việc tổng kết ở cơ sở và phát động phong trào thi đua ở cơ sở làm những việc có ý nghĩa thiết thực để chuẩn bị và chào mừng Đại hội. Sau Đại hội, phải có kế hoạch triển khai và tổ chức thực hiện ngay Nghị quyết

Đại hội, bằng hành động cách mạng cụ thể, tập trung vào các mục tiêu lớn của công tác và kế hoạch quý I-1974.

Để chuẩn bị tốt việc tiến hành Đại hội, các cấp ủy, các Ban, các đảng, đoàn phải tổ chức tập thể nghiên cứu, quán triệt Chỉ thị này và có kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện, có phân công chỉ đạo và định thời gian làm dứt điểm từng việc; bảo đảm khi tiến hành Đại hội cũng là lúc đỉnh cao của phong trào quần chúng ở cơ sở.

Cần xác định rõ công tác tổng kết và mở Đại hội Đảng các cấp là nhiệm vụ quan trọng của Đảng bộ trong thời gian này. Do đó, phải gắn chặt các công tác trước mắt hiện nay với việc chuẩn bị Đại hội, phải hoàn thành tốt công tác tổ chức tổng kết các vấn đề theo kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã quy định như: tổng kết công tác nông nghiệp, tổng kết công tác chiến tranh phá hoại, tổng kết 3 năm cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên, kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh và lấy đó làm một trong những nội dung chuẩn bị Đại hội.

Các ban tổ chức, kiểm tra, tuyên huấn và các ban khác của Tỉnh ủy, các đảng đoàn căn cứ vào chức năng của mình có kế hoạch giúp đỡ và hướng dẫn cụ thể cho huyện, thị và cơ sở tiến hành tốt Đại hội, đồng thời đôn đốc, kiểm tra, nắm tình hình và thường xuyên báo cáo về Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

NÔNG CÔNG THƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 15-BC/TU, ngày 5-12-1973

Về tình hình công tác tháng 11-1973

Trên tinh thần nỗ lực, cố gắng thực hiện các nhiệm vụ công tác quý IV để phấn đấu hoàn thành kế hoạch nhà nước năm 1973, trong tháng 11 đã đạt được những kết quả chủ yếu dưới đây:

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ - VĂN HÓA, THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC

1. Về nông - lâm nghiệp

Trong tháng 11 sản xuất nông nghiệp, đi đôi với việc khẩn trương hoàn thành kế hoạch sản xuất năm 1973 đã chú ý chỉ đạo chuẩn bị cho vụ sản xuất năm 1974.

Tình hình sản xuất nông nghiệp: vùng cao đã hoàn thành thu hoạch lúa mùa, đang tiến hành làm đất và gieo trồng vụ đông - xuân; vùng thấp vừa thu hoạch lúa mùa vừa đồng thời chuẩn bị làm đất để gieo trồng lúa và ngô xuân. Nói chung thời tiết thuận lợi nhịp độ sản xuất tiến triển khá. Kết quả đã đạt được như sau:

- Toàn tỉnh đã thu hoạch được 91% diện tích lúa mùa, 94% diện tích lúa nương; số diện tích còn lại chủ yếu ở vùng thấp (chân ruộng hai vụ). Đậu tương hè và sò căn bản đã thu hoạch xong. Về năng suất (ước tính lần thứ hai) lúa mùa toàn tỉnh đạt 25 - 30 tạ/ha

kém hơn năm 1972 là 2 kg/ha; các huyện Bát Xát, Bắc Hà, Si Ma Cai, Mường Khương, Bảo Thắng đều tăng từ 0,3-2% so với năm 1972, riêng Sa Pa kém hơn năm 1972 là 2,64 kg/ha.

- Khâu cày, bừa, làm đất gieo trồng mì, đậu tương xuân và rau xanh... mới được 360 ha. Việc làm đất và làm phân nói chung đều chậm (mới bằng khoảng 60 - 80% cùng kỳ năm 1972).

- Khâu gieo trồng mới được trên 30 ha mì dài ngày ở Y Tý, khoảng 30 ha chè và 25 ha dứa ở các nông trường. Nhìn chung tốc độ làm đất và gieo trồng chậm, thiếu khẩn trương.

- Việc điều tra chăn nuôi (1 - 10) làm chậm, đến nay vẫn chưa kết thúc. Các đàn gia súc vẫn phát triển bình thường. Việc chuẩn bị thức ăn mùa đông và phòng, chống rét cho gia súc còn yếu, chưa được chú ý đúng mức.

- Nghề rừng: Các ngành, các địa phương đang có biện pháp ngăn chặn tệ phá rừng, đã hoàn thành điều tra diện phá rừng ở 4 xã (Phong Niên, Phong Hải, Xuân Quang, Cốc Lầu), đã tổ chức được 38 hộ dân tộc Mèo vào hợp tác xã Phong Niên và đưa 146 hộ vào nông trường để quản lý tệ phá rừng.

Về sản xuất nông - lâm nghiệp trong tháng 11-1973 có những mặt yếu cần phải khắc phục: thời tiết thuận lợi nhưng công tác chỉ đạo thiếu chặt chẽ, khẩn trương nên tiến độ thu hoạch và gieo trồng chậm hơn so với cùng kỳ năm ngoái. Việc dự trữ thức ăn mùa đông và phòng, chống rét cho gia súc rất yếu. Công tác quản lý lao động lỏng lẻo, ở vùng cao, tập tục ma chay, cưới xin kéo dài ảnh hưởng không tốt đến sản xuất. Tổ trồng thuốc phiện đã có ở một số nơi vùng cao (Sa Pa, Bát Xát) cần có biện pháp giải quyết kịp thời.

2. Về công nghiệp

Các cơ sở đang đẩy mạnh phong trào thi đua hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước năm 1973, do đó sản xuất công nghiệp được đẩy mạnh và tăng hơn so với tháng trước. Giá trị tổng sản lượng ước đạt 1.066.000 đồng. So với tháng 10 tăng 4,6%. Trong đó

nhóm A tăng 8,7%, nhóm B tăng 3,1%. Tuy thế, việc sản xuất một số mặt hàng chủ yếu như nông cụ và vật liệu xây dựng vẫn còn yếu, chưa đáp ứng được yêu cầu.

3. Về xây dựng cơ bản

Đã tập trung chỉ đạo thi công một số công trình trọng điểm trong nông nghiệp, công nghiệp và giao thông vận tải, cố gắng hoàn thành dứt điểm vào cuối năm. Đường thị xã Lào Cai đi Bát Xát và một số đường cho khai thác, vận chuyển trong lâm nghiệp cũng đã được khởi công. Nhờ được tập trung nhân lực và phương tiện nên tốc độ thi công trên các công trường được đẩy mạnh hơn. Đi đôi với việc phát triển, xây dựng mới thì việc củng cố, tu sửa một số công trình cũ sẵn có cũng đang được xúc tiến.

Tổng mức vốn đầu tư trong tháng ước thực hiện 868,500 đồng, so với tháng 10 tăng 28,3%. Trong đó: xây lắp so với tháng 10 tăng 18%. Song, việc cung cấp nguyên vật liệu cho xây dựng vẫn chưa bảo đảm yêu cầu nên đã ảnh hưởng đến tốc độ thi công của một số công trình.

4. Về giao thông vận tải

Để bảo đảm kế hoạch vận chuyển khối lượng hàng hóa của Trung ương và địa phương cũng như sự đi lại bình thường của nhân dân. Các tuyến đường chính trong tỉnh vẫn được tu sửa, bảo dưỡng thường xuyên. Tổng khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển ước đạt: 23.000 tấn và 342,500 tấn/km, so với tháng 10 bằng 99% về tấn và 108% về tấn/km. Tổng khối lượng hành khách ước đạt 17.000 lượt người và 631.133 lượt người/km. Trong công tác vận tải, hiện tượng xe chở một chiều còn khá phổ biến. Tỷ lệ đầu xe và ngày xe tốt còn thấp.

5. Về tài chính - thương nghiệp

- Công tác lương thực: Việc huy động vụ chiêm đã kết thúc. Vụ mùa mới bắt đầu huy động nhập kho, số lượng còn ít.

- Công tác thu mua nắm nguồn hàng và bán ra: Đã tập trung mọi cố gắng để đẩy mạnh mua vào, bán ra phục vụ sản xuất đông - xuân 1973 - 1974 và phục vụ các ngành nhằm đẩy mạnh sản xuất hoàn thành kế hoạch cả năm.

- Công tác quản lý thị trường, giá cả vẫn được tiến hành chặt chẽ nên tình hình nói chung vẫn ổn định, không có biến động lớn.

Kết quả thu mua ước đạt 370.200 đồng bằng 43,6% so với kế hoạch quý IV và tăng hơn tháng 10-1973: 10,2%. Bán ra ước đạt 2.797.000 đồng, bằng 45,83% kế hoạch quý IV, tăng hơn tháng 10: 58,4%.

- Công tác thu chi ngân sách, tiền tệ cũng đã có những cố gắng trong việc giúp đỡ các cơ sở tăng cường quản lý thu chi cuối năm đẩy mạnh sản xuất.

Kết quả thu ước đạt 99,6% so với kế hoạch tháng, chi hành chính sự nghiệp ước đạt 108,4% so với kế hoạch tháng, chi xây dựng cơ bản ước đạt 84% so với kế hoạch tháng.

6. Công tác văn xã

- Về giáo dục đã tăng cường việc kiểm tra, đôn đốc, cố gắng tổ chức bồi dưỡng một số chuyên đề cho giáo viên bộ môn các cấp học. Nhân dịp kỷ niệm ngày Quốc tế hiến chương các nhà giáo (20-11) ngành giáo dục đã phát động việc học tập thư Bác Hồ gửi cho ngành giáo dục (15-10-1968). Qua đó động viên toàn ngành đẩy mạnh phong trào thi đua “Hai tốt” hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ năm học 1973 - 1974.

- Các trường chuyên nghiệp trong tỉnh (trường trung cấp y tế, sơ cấp và trung cấp sư phạm...) đã hoàn thành cơ bản việc tuyển sinh cho năm học 1973 - 1974.

- Công tác bảo vệ bà mẹ trẻ em đã tổng kết lớp huấn luyện cô nuôi dạy trẻ đầu tiên, đang nghiên cứu để tiếp tục mở các lớp huấn luyện bồi dưỡng kỹ thuật cho số các cô nuôi dạy trẻ trong toàn tỉnh.

- Về văn hóa thông tin đã tiếp tục tổ chức hội diễn văn nghệ và thi công công tác thông tin ở một số huyện và thị xã. Đoàn văn công của tỉnh đã đi biểu diễn ở 2 tỉnh Nam Hà và Thái Bình. Công tác văn hóa thông tin đã góp phần tuyên truyền cho các nhiệm vụ: sản xuất, công tác, bảo vệ trật tự trị an, đồng thời tuyên truyền cho việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng.

II. CÔNG TÁC TRỊ AN - QUỐC PHÒNG

Trong tháng 11-1973, hoạt động của bọn phản cách mạng không có vấn đề gì lớn. Tuy nhiên, cũng có một vài trường hợp phải lưu ý như một số nơi bọn phản cách mạng và phần tử xấu đã tung ra những luận điệu phản tuyên truyền công tác tuyển quân (thị xã Lào Cai) có một số người buôn vàng, tiền Đông Dương, Quan kim đưa ra nước ngoài (ta bắt 1 vụ 21.700 đồng tiền Quan kim, một vụ 200 đồng tiền Đông Dương và một số vụ buôn vàng).

Tình hình trị an xã hội ở 2 thị xã và một số xã dọc đường giao thông, biên giới vẫn xảy ra phức tạp: gồm 50 vụ trộm cắp (trong đó có 7 vụ cắp xe đạp), 25 vụ móc túi, một số vụ vi phạm trật tự trị an do một số thanh niên, thiếu niên hư gây ra.

Công tác trị an, quốc phòng trong tháng đã tập trung vào việc tuyên truyền, bồi dưỡng, huấn luyện dân quân tự vệ, triển khai Chỉ thị 205 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

Ngành nội chính đã tập trung xét xử một số vụ án, hoàn thành tổng kết chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại; tổng kết công tác quân sự địa phương năm 1973...

Tồn tại của công tác trị an - quốc phòng hiện nay là: Công tác tuyển quân ở một số nơi lãnh đạo, chỉ đạo thiếu chặt chẽ, nên không đạt chỉ tiêu kế hoạch, việc giải quyết tình hình trị an ở các thị xã chưa thật kiên quyết, một số vụ án lớn (nhất là các vụ án kinh tế) chưa được xét xử kịp thời.

III. CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG

1. Công tác tư tưởng, chính trị

Tiếp tục việc tuyên truyền thắng lợi của nhân dân 3 nước Đông Dương (việc thi hành Hiệp định Pari; thắng lợi của các cuộc đi thăm một số nước trên thế giới của các Đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam; thắng lợi của việc ký nghị định thư ở Lào và thắng lợi của nhân dân Campuchia...). Trong tháng đã tập trung tuyên truyền, giáo dục trong Đảng và quần chúng nhân dân về các nghị quyết, chính sách lớn của Đảng và Chính phủ (Nghị quyết 109 của Hội đồng Chính phủ, Nghị quyết 225 của Bộ Chính trị, Chỉ thị số 205 của Ban Bí thư Trung ương Đảng...).

Nhìn chung, trong cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân đều duy trì được không khí phấn khởi, tin tưởng; phong trào thi đua nhằm hoàn thành kế hoạch nhà nước ở một số nơi (nhất là trong công nghiệp) được đẩy mạnh hơn.

Tuy nhiên, trong cán bộ, đảng viên và nhân dân cũng có những vấn đề tư tưởng cần lưu ý giáo dục, giải quyết: qua Nghị quyết 109, trong nhân dân có sự suy bì giữa vùng thấp và vùng cao, trong cán bộ có sự mong chờ việc giải quyết chuyển vùng... Tình hình bão lụt, mất mùa ở một số vùng cũng có ảnh hưởng tới sự an tâm, phấn khởi công tác của số cán bộ có gia đình ở dưới xuôi.

Công tác giáo dục lý luận cơ bản cho đảng viên, cán bộ vẫn được tiến hành tốt theo kế hoạch.

Công tác tư tưởng, giáo dục làm còn chưa sâu rộng, mới chỉ tập trung ở các cơ quan, thị xã, thị trấn, nơi tập trung đông người. Ở vùng cao, những nơi xa xôi, hẻo lánh công tác tuyên truyền thiếu sâu sắc, kịp thời, hình thức chưa phong phú.

2. Công tác tổ chức, kiểm tra

Tỉnh ủy đã tiến hành họp hội nghị Tỉnh ủy tổng kết tình hình nông - lâm nghiệp theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương

lần thứ 19, tổng kết việc thực hiện chính sách dân tộc theo Chỉ thị số 189 của Ban Bí thư Trung ương, kiểm điểm và thảo luận về Nghị quyết công tác cán bộ của tỉnh theo Nghị quyết số 225 của Bộ Chính trị, học tập tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 21. Trên cơ sở tổng kết, kiểm điểm phong trào các mặt trong thời gian qua và trên cơ sở nhận thức tình hình nhiệm vụ mới của cách mạng hiện nay, Tỉnh ủy đã bàn định phương hướng, nhiệm vụ kinh tế, kế hoạch nhà nước 2 năm 1974 - 1975, trước mắt là năm 1974, đồng thời đề ra nhiệm vụ và biện pháp về công tác cán bộ cho thời gian tới.

Công tác tổ chức - cán bộ và kiểm tra trong tháng qua được tập trung sự chỉ đạo thực hiện vào một số khâu chủ yếu, như thực hiện Chỉ thị số 192 của Ban Bí thư Trung ương, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, xét duyệt nâng lương bậc 1973 và tiếp tục kiện toàn, sắp xếp một số bộ máy tổ chức các ty, ngành, đảng ủy.

Với tinh thần chuyển biến từng bước sau khi học Nghị quyết 225 của Bộ Chính trị, trong tháng 11-1973, tỉnh đã kiên quyết cử 54 cán bộ thuộc loại trưởng, phó phòng và ty (trong đó có 3 trưởng, phó ty, ban) đi học văn hóa, lớp tập trung của tỉnh. Tỉnh cũng đã tiếp tục đề bạt 12 cán bộ lên chức vụ trưởng, phó phòng và ty. Việc xét duyệt nâng lương bậc 1973, các cấp, các ngành đã tiến hành gần hoàn thành. Diện nâng bậc lương và điều chỉnh thuộc tỉnh xét duyệt, nay đã xét duyệt đợt 1 được một số; còn lại sẽ tiếp tục duyệt đợt 2.

Về công tác thực hiện Chỉ thị số 192 của Ban Bí thư ở 26 điểm thí điểm mở rộng đợt này, nay đã gần hoàn thành công việc ở cơ sở. Số đảng viên phạm tiêu chuẩn các loại, huyện, tỉnh đã xét duyệt xong một số, nhưng vẫn còn đọng lại nhiều (108 trường hợp loại 1, tỉnh mới duyệt được 29). Tỉnh ủy đang cố gắng sắp xếp chương trình hoàn thành việc xét duyệt để chuyển bước và chuyển đợt. Đối với đợt tới, tỉnh đang chuẩn bị địa bàn và cán bộ để mở lớp huấn luyện, bồi dưỡng nhằm kế tiếp ngay khi đợt đang làm kết thúc.

NHỮNG CÔNG TÁC LỚN THÁNG 12-1973

Trong tháng 12 cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo làm tốt các mặt công tác dưới đây:

- Quán triệt tinh thần Chỉ thị số 170 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các chỉ thị, nghị quyết công tác khác, phấn đấu hoàn thành kế hoạch năm 1973.

- Tổ chức tốt việc báo công, bình công và tổng kết các mặt công tác năm 1973.

- Chuẩn bị kế hoạch lãnh đạo, chỉ đạo, phát động sản xuất đông - xuân, tạo không khí phấn khởi, hăng hái thi đua sôi nổi, để lấy thành tích thiết thực kỷ niệm các ngày lễ lớn (19, 20, 22-12).

- Chuẩn bị Đại hội Đảng các cấp và Đại hội các đoàn thể quần chúng (Phụ nữ, Công đoàn...).

Các ngành căn cứ vào chức năng của mình có kế hoạch chu đáo phục vụ nhân dân các dân tộc trong dịp Tết Nguyên đán.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ
NÔNG CÔNG THƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số- NQ/TU, ngày 16-1-1974

Về phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 1974 *(Dự thảo)*

I- NHẬN XÉT TÌNH HÌNH NĂM 1973 VÀ NHIỆM VỤ CHUNG CỦA TỈNH NĂM 1974

Như báo cáo tình hình năm 1973 của Tỉnh ủy đánh giá trong năm 1973 góp phần vào việc thực hiện nhiệm vụ khôi phục, phát triển kinh tế, khắc phục hậu quả chiến tranh ở miền Bắc, do Trung ương đề ra, đồng thời tiếp tục đẩy mạnh xây dựng và phát triển kinh tế, đẩy mạnh mọi mặt trong tỉnh, các cấp, các ngành đã có nhiều cố gắng, có nhiều chuyển biến, đưa phong trào mọi mặt tiến bộ một bước mới.

Quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trong năm 1973 có một số thuận lợi mới, do điều kiện hoà bình lập lại, nhưng cũng còn có nhiều khó khăn, do thời tiết, do vật tư, thiết bị, nguyên liệu quan trọng còn thiếu thốn, v.v.. Với tinh thần phấn khởi, tin tưởng và hăng hái lao động sản xuất, công tác của cán bộ và quần chúng trước thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, với các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương hướng dẫn, cộng với tinh thần quyết tâm, nỗ lực phấn đấu, khắc phục khó khăn của Tỉnh ủy và các cấp, các ngành, nên *trên từng mặt công*

tác đều đã giành được thắng lợi, tạo ra nhiều nhân tố điển hình tốt để làm đà cho năm 1974 phát triển mạnh mẽ.

Thắng lợi chủ yếu trong năm qua là: sản xuất và quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa nói chung tiếp tục được xây dựng và củng cố. Sản xuất lương thực, thực phẩm tiếp tục phát triển, trong đó lúa, lợn đạt kế hoạch khá. Một số cây, con tiếp tục đi vào sản xuất theo hướng thâm canh, chuyên canh, tập trung theo vùng kinh tế lớn xã hội chủ nghĩa (dứa, hạt rau giống, lợn, dược liệu, thảo quả, v.v.). Công nghiệp địa phương nhanh chóng ổn định và đi vào đẩy mạnh sản xuất phát triển. Giao thông vận tải, xây dựng cơ bản phát triển nhanh, mạnh và tăng thêm nhiều về đường sá, công trình. Lưu thông, phân phối, thu chi tài chính và tiền tệ, động viên đóng góp sức người, sức của cho Nhà nước, có nhiều cố gắng. Văn hoá - xã hội phát triển. Đời sống nhân dân được bảo đảm và cải thiện dần; nạn thiếu đói giáp hạt trong một vài nơi vùng cao hầu như được giải quyết tại chỗ. Trật tự an ninh nội địa, biên giới được giữ vững. Các tổ chức Đảng, chính quyền, lực lượng công an và quân sự địa phương, các tổ chức quần chúng được củng cố, nâng cao chất lượng hơn.

Những thắng lợi trên là do: dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của Trung ương, Tỉnh ủy và các cấp, các ngành trong tỉnh đã phát huy tinh thần đoàn kết, nhất trí, nêu cao ý thức tự lực tự cường, tinh thần cách mạng tiến công liên tục để vận dụng thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách, chỉ thị, nghị quyết của Trung ương vào địa phương một cách sát hợp. Đồng thời, thắng lợi trên còn nói lên tinh thần hăng hái, nỗ lực phấn đấu có nhiều cố gắng của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

Bên cạnh những thắng lợi đã đạt được, tình hình trên từng mặt trong tỉnh cũng có nhiều nhược điểm, khuyết điểm tồn tại: Kinh tế - văn hoá nói chung tiếp tục phát triển, nhưng còn mất

cân đối, nhiều chỉ tiêu đạt kế hoạch thấp. Sản lượng màu sứt kém hơn năm 1973. Nghề rừng tiến bộ chậm, tẻ phá rừng làm nương còn nặng nề. Cơ sở và điều kiện đảm bảo nguồn thức ăn, phát triển chăn nuôi chưa vững chắc. Phong trào hợp tác hoá trong nông thôn cũng như ở thị xã, thị trấn chưa củng cố được vững mạnh; tình trạng làm ăn riêng lẻ phát triển; định canh, định cư đạt kết quả ít. Công nghiệp và thủ công nghiệp, lưu thông phân phối, tài chính, ngân hàng thúc đẩy sản xuất, phục vụ nông nghiệp, phục vụ đời sống còn nhiều mặt yếu. Tình hình văn hoá - xã hội ở cơ sở phát triển chưa sâu rộng. Nạn mù chữ và một số tập tục lạc hậu có chiều hướng ngày càng phát sinh, phát triển. Một số hiện tượng tiêu cực trong đời sống, trật tự xã hội (ăn cắp, buôn lậu, tham ô, móc ngoặc, lãng phí...) xuất hiện, tuy không là phổ biến nhưng việc giải quyết, ngăn chặn còn kém. Các tổ chức ở cơ sở, nhiều nơi còn yếu; cán bộ địa phương còn ít, vai trò, hiệu lực của các chi bộ Đảng, các tổ chức đoàn thể và chính quyền ở xã chưa được nâng cao, chưa đạt được trình độ tự động công tác ở địa phương. Phong trào ở vùng thấp tiếp tục đi lên, nhưng phong trào mọi mặt ở vùng cao phát triển chậm, còn nhiều thấp kém, khó khăn chưa được giải quyết.

Những nhược điểm, tồn tại trên do một phần còn bị phụ thuộc vào các điều kiện, hoàn cảnh khó khăn của địa phương, một tỉnh miền núi, ba phần tư là vùng cao, nhưng phần nhiều là do những nguyên nhân thuộc về mặt lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện còn có khuyết điểm gây nên. Một số nhược điểm, khuyết điểm nổi bật là: Sự chỉ đạo và tổ chức thực hiện còn nhiều việc thiếu cụ thể, thiếu kịp thời, kiểm tra đôn đốc và theo dõi giải quyết vấn đề thiếu chặt chẽ. Chỉ đạo sản xuất theo hướng thâm canh tập trung hoá, chuyên môn hoá, sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa đối với từng vùng còn nhiều khâu chưa được tích cực chú ý (rừng và các cây có ưu thế...). Các cây trồng, trong đó đáng chú ý là ngô ở vùng cao chưa có sự tập trung chỉ đạo để tăng năng suất lên. Công tác quản lý

kinh tế, nhất là khâu lao động, vật tư, tiền vốn, chất lượng và giá thành sản phẩm, năng suất lao động trong các cơ quan, xí nghiệp, nói chung còn lỏng lẻo, sơ hở; quản lý còn yếu. Tinh thần trách nhiệm, ý thức (...) trong việc thực hiện kế hoạch và hoàn thành nhiệm vụ công tác trong các cấp, các ngành chưa cao. Sự phối hợp, kết hợp giữa các mặt, giữa các ngành còn kém. Công tác giáo dục tư tưởng và chính trị, nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa, ý thức làm chủ tập thể, ý thức tổ chức kỷ luật cho cán bộ và nhân dân chưa sâu sắc, liên tục. Công tác vận động quần chúng, phát động quần chúng chưa được quan tâm đúng mức. Công tác củng cố tổ chức và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhất là cán bộ nghiệp vụ quản lý kinh tế, khoa học kỹ thuật ở nhiều nơi, nhiều ngành chưa được thực hiện tích cực. Do những thiếu sót đó, nên tinh thần quần chúng thì phấn khởi, nhưng chưa động viên được quần chúng đi vào hành động cách mạng một cách có khí thế rầm rộ và trở thành cao trào sôi nổi trong từng lĩnh vực công tác.

Trong năm 1974, căn cứ vào tình hình, nhiệm vụ cách mạng của cả nước hiện nay, tiếp tục thực hiện Nghị quyết 19, 20, 21 và các chỉ thị, nghị quyết đã ban hành của Trung ương, các cấp, các ngành trong tỉnh cần phát huy thắng lợi, ra sức khắc phục khó khăn, kiên quyết sửa chữa khuyết điểm, nêu cao tinh thần trách nhiệm, giáo dục và động viên quần chúng hăng hái lao động sản xuất, công tác đưa *phong trào các mặt phát triển đồng đều, sâu rộng và mạnh mẽ hơn nữa*.

Phương hướng và nhiệm vụ chung của toàn tỉnh trong năm 1974 là:

Trên cơ sở tích cực củng cố quan hệ sản xuất mới, trọng tâm là củng cố các hợp tác xã nông nghiệp, thủ công nghiệp, đẩy mạnh công tác định canh định cư, đẩy mạnh cải tiến kỹ thuật, xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật, phát huy tinh thần cách mạng tiến công, truyền thống đoàn kết nhất trí, lao động cần cù, ý thức tự lực tự cường, nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa và ý thức cảnh giác

cách mạng cho cán bộ và nhân dân các dân tộc, khai thác các khả năng tiềm tàng, phong phú của địa phương, *để xây dựng nền kinh tế - văn hoá trong tỉnh tiếp tục phát triển theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, đảm bảo tốt nghĩa vụ đóng góp sức người, sức của cho Nhà nước và cải thiện một bước đời sống nhân dân; đảm bảo tốt trật tự an ninh nội địa, biên giới; xây dựng, củng cố cơ sở Đảng, tổ chức chính quyền, lực lượng trị an, quân sự và các đoàn thể quần chúng vững mạnh.*

Đó là những phương hướng, mục tiêu phải được quán triệt và thực hiện trong tất cả các cấp, các ngành, trong cán bộ, đảng viên và quân dân các dân tộc trong tỉnh.

II. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU TRÊN NHỮNG MẶT CÔNG TÁC

Từ phương hướng, nhiệm vụ chung trên, nhiệm vụ chủ yếu và mục tiêu cụ thể của từng mặt công tác phải tập trung thực hiện như sau:

1. Củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, xây dựng và phát triển kinh tế - văn hoá, thực hiện kế hoạch nhà nước năm 1974

Nhiệm vụ chủ yếu là: Tích cực phát triển và củng cố nâng cao trình độ quản lý của các hợp tác xã ở vùng thấp, xây dựng và củng cố các hợp tác xã vùng cao, củng cố các hợp tác xã mua bán, tín dụng và hợp tác xã thủ công nghiệp, tích cực xây dựng cơ bản, phát triển các cơ sở vật chất kỹ thuật, củng cố và mở rộng các cơ sở kinh tế, quốc doanh và hợp tác xã, đẩy mạnh phong trào thi đua sản xuất, tiết kiệm, cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất lao động trong tất cả các ngành kinh tế - văn hoá. Từ đó, tiếp tục phấn đấu với mức cố gắng nhất để phát triển sản xuất lương thực, thực phẩm, nghề rừng, các cây trồng và gia súc, gia cầm đã có quy hoạch theo vùng tập trung, đồng thời phát triển mạnh giao thông

vận tải, xây dựng cơ bản, phát triển sản xuất công nghiệp và thủ công nghiệp, đẩy mạnh thu mua, lưu thông phân phối, giữ vững giá cả thị trường và tích cực phát triển các sự nghiệp về văn hoá - xã hội tạo điều kiện và cơ sở đưa tốc độ phát triển mọi mặt nhanh hơn và mạnh hơn vào năm 1975.

Các mục tiêu lớn và chủ yếu cần đạt được trong năm 1974 là:

- Sản lượng lương thực quy thóc: 58.000 tấn. Chăn nuôi: lợn trên 2 tháng tuổi 105.200 con, trâu 38.300 con, bò 7.800 con, ngựa 25.590 con. Trồng rừng mới: 1.600 ha. Khai hoang đất canh tác 1.400 ha.

- Thu mua: 1.000 tấn thịt lợn hơi, 250 tấn đậu tương, 1.800 tấn rau xanh, 1.400 tấn hoa quả chuối, dứa, 23 tấn hạt rau giống, 300 tấn thảo quả, 4 triệu đồng hàng hoá cho Trung ương (trong đó 2,5 triệu đồng cho xuất khẩu).

- Giá trị sản lượng công nghiệp địa phương xây dựng ra: 16 triệu đồng.

- Vốn xây dựng cơ bản: 9,1 triệu đồng.

Để đạt được các mục tiêu trên, trong từng ngày cần phải:

a) Về nông - lâm nghiệp

Phát huy kết quả đã đạt được và tiếp tục thực hiện Nghị quyết 19 của Trung ương, ra sức xây dựng, củng cố và phát triển các hợp tác xã và nông trường quốc doanh theo yêu cầu từng vùng khác nhau, chú trọng vùng cao. Trên cơ sở đó, động viên các hợp tác xã và nông trường quốc doanh phấn đấu với mức cố gắng nhất về lương thực, phát triển mạnh sản xuất thực phẩm, chăn nuôi và nghề rừng, cây đặc sản, cây dược liệu.

Trong sản xuất, phải đi mạnh vào hướng làm ăn lớn xã hội chủ nghĩa, chuyên canh và thâm canh, tập trung vào một số cây, con chính như: lúa, ngô, sắn, dứa, chè, đậu tương và nghề rừng, nấm hương, hạt rau giống, cây thuốc và con lợn, đồng thời phát triển và tạo điều kiện mạnh cho các cây, con khác vào những năm sắp tới, như sò, trấu, thảo quả, trâu, cá, ong, v.v.. Phải tích cực xây dựng cơ sở vật

chất kỹ thuật, cải tiến công cụ, giống, phân bón và phòng trừ sâu bệnh, dịch bệnh, đầu tư vốn và giúp các cơ sở để đẩy mạnh những cây, con đó, nhanh chóng hình thành vùng sản xuất lớn, tập trung.

Trong nghề rừng, phải xác định rõ quan điểm rừng là bao gồm các loại cây và sản phẩm mọc ở rừng một cách toàn diện, để đầu tư về lao động và vốn vào việc trồng, giữ và khoanh nuôi, gắn liền với trồng cây công nghiệp, cây đặc sản, cây ăn quả dài ngày, cây thuốc trong đất rừng, gắn liền quy hoạch và thực hiện kế hoạch giữa nông với lâm, với giao thông và thủy lợi... Phải lấy công tác khoanh nuôi, bảo vệ rừng là chính, đồng thời đẩy mạnh phong trào trồng cây trong nhân dân, trong các hợp tác xã. Phải có biện pháp giải quyết một cách nghiêm ngặt với tệ phá rừng, sớm thành lập và triển khai tổ chức kiểm lâm nhân dân, đưa công tác bảo vệ rừng thành phong trào của quần chúng. Cần nhanh chóng củng cố và xây dựng các hợp tác xã ở tất cả các vùng. Ở vùng cao phải nhanh chóng nghiên cứu chỉ đạo rút kinh nghiệm để có hình thức tổ chức nội dung quản lý cho hợp tác xã thích hợp với đặc điểm kinh tế của các dân tộc.

Nói chung lại, trong nông, lâm nghiệp cần tùy theo yêu cầu của hướng sản xuất từng hợp tác xã, từng vùng mà tiến công mạnh mẽ vào các mặt: hợp tác hoá kết hợp với định canh định cư, với rừng xanh hoá, thủy lợi hoá, giao thông hoá, ruộng nương bậc thang hoá, với cải tiến công cụ và kỹ thuật, với phát triển văn hoá, như Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ 5 và tổng kết nông - lâm nghiệp mới đây đã nêu lên.

b) Về giao thông vận tải, sản xuất công nghiệp, xây dựng cơ bản:

Trong công tác *giao thông vận tải*, cần chủ động phát triển giao thông nông thôn và đẩy mạnh thi công các đoạn đường ô tô đang làm dở: thị xã Lào Cai - Bát Xát; chuẩn bị khảo sát mở thêm một số đường nhánh, nối liền các trục đường chính vào các vùng sản xuất, vùng kinh tế, từng bước mở rộng và nâng cấp đường thị xã Lào Cai.

Đi đôi với xây dựng và phát triển, phải tích cực củng cố và thường xuyên bảo dưỡng tốt cầu đường cũ đã có.

Trong công tác thông tin liên lạc, cần chú trọng mở rộng đi đôi với củng cố và nâng cao chất lượng công tác bưu vụ, điện báo, điện tín, phát hành báo chí... Trên cơ sở đó, bảo đảm cho giao thông, liên lạc được thông suốt trong bất kỳ tình huống nào.

Về vận tải, cần làm tốt công tác quản lý và nâng cao hiệu suất, năng suất sử dụng các loại xe cộ và xăng dầu, nâng cao chất lượng sửa chữa, bảo đảm vận chuyển nhanh, bảo quản tốt hàng hoá. Nghiên cứu mở thêm luồng đường chở khách, bảo đảm cho các huyện và một số khu vực có xe chở khách, tạo điều kiện cho nhân dân đi lại thuận tiện. Cần từng bước xây dựng các định mức trong công tác vận tải và đưa dần vào nền nếp. Cần phát triển các phương tiện thô sơ và cải tiến, nhất là trong nông thôn để đỡ sức lao động trong khâu vận tải và hỗ trợ cho cơ giới.

Trong sản xuất công nghiệp, vẫn lấy củng cố và tăng cường các cơ sở sẵn có làm chính, hướng vào phục vụ sản xuất nông - lâm nghiệp, xây dựng cơ bản là trọng tâm. Do đó, công tác quản lý mọi mặt trong các cơ sở cần được tăng cường. Cần được xác định rõ phương hướng và nhiệm vụ của từng xí nghiệp, trên cơ sở đó điều chỉnh, bổ sung và tăng thêm thiết bị để tạo ra sản phẩm có năng suất và chất lượng tốt hơn. Phải tích cực giải quyết thật tập trung việc phát triển sản xuất các nguyên vật liệu cho xây dựng và sản xuất, giải quyết tốt việc cung cấp nguyên vật liệu, phụ tùng thay thế cho các cơ sở sản xuất. Cần từng bước đẩy mạnh thực hiện định mức khoán sản phẩm đối với các cơ sở thường có mặt hàng ổn định. Việc phát triển và củng cố thủ công nghiệp và nghề phụ gia đình trong nông thôn và ở thị trấn, thị xã là công tác phải được coi trọng hơn trong năm 1974, nhất là phát triển mạnh các nghề truyền thống, các ngành sản xuất vật liệu xây dựng và chế biến hoa màu, chế biến và sản xuất mặt hàng xuất khẩu. Đối với xí nghiệp xây dựng mới, cần làm tốt công tác khảo sát, thiết kế trước một bước.

Trong *xây dựng cơ bản*, cần tập trung vốn một cách hợp lý và chỉ đạo thi công dứt điểm một số công trình trọng điểm trong nông nghiệp; thủy lợi, giao thông vận tải, công nghiệp... đồng thời có sự chú ý thích đáng đến một số công trình văn hoá, xã hội, phúc lợi tập thể, và sinh hoạt công cộng. Đi đôi với việc xây dựng phát triển các công trình ở thị trấn, thị xã, cần chú ý các công trình phục vụ sản xuất và sinh hoạt của nhân dân ở nông thôn, vùng cao (giếng và bể nước, chợ, trường học...).

Công tác khảo sát, thiết kế và dự toán các công trình phải được tập trung lực lượng cán bộ và điều kiện để tiến hành kịp thời phục vụ việc xây dựng các công trình theo kế hoạch đã ghi. Cần từng bước tiêu chuẩn hoá, định hình hoá trong công tác thiết kế và thi công. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng công nhân kỹ thuật, thợ lành nghề; đẩy mạnh việc sản xuất khai thác các vật liệu xây dựng (như gạch, ngói, vôi, cát, sỏi, gỗ, tranh tre, nứa lá...), kể cả trong quốc doanh, hợp tác xã và nhân dân. Khâu chất lượng trong xây dựng và khâu quyết toán các công trình cũng phải được chú trọng, đồng thời sớm đưa các công trình vào sử dụng, sản xuất, phát huy hiệu quả kinh tế. Đi đôi với xây dựng các công trình mới. Cần quan tâm tu sửa, củng cố các công trình cũ sẵn có.

c) Về tài chính - thương nghiệp

Tiếp tục phát huy vai trò, tác dụng của các ngành tài chính - thương nghiệp hướng vào thúc đẩy và phục vụ các vùng sản xuất; bám vùng, bám cây, bám con để tác động. Việc cung cấp nguyên vật liệu, công cụ, đầu tư vốn cần kịp thời và sát với yêu cầu từng nơi. Cần đi sát giúp đỡ các cơ sở tăng cường quản lý kinh tế, tài chính, thực hiện tăng thu, triệt để tiết kiệm chi, chống tham ô, lãng phí, tích cực phát huy hiệu quả đồng vốn. Tích cực giáo dục, vận động nhân dân làm tốt nghĩa vụ đóng góp và bán nông, lâm sản phẩm, thực phẩm, hàng xuất khẩu cho Nhà nước. Đối với nhân dân vùng cao cần có kế hoạch cụ thể và có sự chỉ đạo chặt chẽ trong việc thi hành Nghị quyết 109 của Hội đồng Chính phủ.

Tiếp tục xây dựng, củng cố các hợp tác xã mua bán, tín dụng. Hệ thống mạng lưới và đội ngũ cán bộ, nhân viên thu mua và bán hàng của các ngành lưu thông phân phối cần được tiếp tục sắp xếp hợp lý, bồi dưỡng, đào tạo tích cực để làm tốt công tác mua vào, bán ra.

Trong khâu phục vụ sinh hoạt cần chú ý phát triển và làm tốt khâu thu mua, cung cấp thực phẩm (nhất là rau, chất đốt) phục vụ ăn uống, chữa trị và khách sạn, v.v. chú ý phục vụ khách vắng lai. Đi đôi với việc mua vào cần xúc tiến tổ chức các trại chăn nuôi lợn ở tỉnh và các huyện để thường xuyên có lực lượng thực phẩm dự trữ, theo Nghị quyết cũ của Tỉnh ủy đã đề ra.

Củng cố và phát triển các kho tàng, quản lý và bảo quản tốt vật tư, hàng hoá, tài sản của Nhà nước, đồng thời tăng cường quản lý thị trường, biên giới, nội địa, tích cực chống đầu cơ, móc ngoặc, buôn lậu, thực hiện tốt Chỉ thị 205 của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Tăng cường kiểm tra và kiên quyết đưa số người buôn bán trái phép về sản xuất.

d) Về văn hoá - xã hội

Đẩy mạnh củng cố và phát triển các sự nghiệp văn hoá - xã hội phục vụ nhảy bén và kịp thời nhiệm vụ chính trị của địa phương, tích cực xây dựng nếp sống mới, con người mới xã hội chủ nghĩa, góp phần vào việc đẩy mạnh sản xuất, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, đảm bảo sức khỏe cho nhân dân. Phải thực hiện tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, ra sức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ các ngành văn hoá - xã hội, khoa học kỹ thuật, đặc biệt là cán bộ người dân tộc, để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới.

Về văn hoá, thông tin: Cần đẩy mạnh việc xây dựng nếp sống văn hoá lành mạnh, vui tươi, khoa học, trên cơ sở đó tích cực cải tạo các phong tục, tập quán lạc hậu, mê tín, dị đoan, phê phán mọi hành vi thiếu văn minh không phù hợp với đạo đức tác phong của con người mới xã hội chủ nghĩa.

Tích cực khai thác, sưu tầm các vốn văn hoá, nghệ thuật dân tộc. Tiếp thu một cách có phê phán, có cải biến và nâng cao, hướng vào phục vụ tốt việc thực hiện ba cuộc cách mạng ở địa phương.

Nâng cao chất lượng sáng tác, xuất bản và biểu diễn, đảm bảo tốt cả về yêu cầu tư tưởng, chính trị và hình thức nghệ thuật trong sáng tác văn thơ, kịch, nhạc, họa, phim ảnh...

Cải tiến và tăng cường củng cố hệ thống thông tin - tuyên truyền, phát triển các hình thức sinh động, đảm bảo nội dung thiết thực, chính xác, nhạy bén kịp thời.

Về giáo dục: phải đặc biệt chú trọng phong trào giáo dục nâng cao với các hình thức và biện pháp thích hợp, để khôi phục và đẩy mạnh phong trào giáo dục ở vùng cao tiến lên một bước mới. Phải cố gắng tạo ra sự chuyển biến rõ rệt, làm cơ sở cho việc phát triển giáo dục ở vùng cao một cách vững chắc trong những năm tới và tăng nhanh số học sinh dân tộc ít người ở các cấp học.

Tiếp tục quán triệt công tác bổ túc văn hoá là nhiệm vụ hàng đầu trong ngành giáo dục. Khẩn trương thanh toán nạn mù chữ cho cán bộ và nhân dân các dân tộc bằng chữ phổ thông và cả chữ Mèo (ở vùng dân tộc Mèo). Công tác thanh toán nạn mù chữ, bổ túc văn hoá và phát triển võ lòng, cấp I phải hỗ trợ, gắn bó chặt chẽ với nhau để khắc phục tình trạng mù chữ trở lại và nâng cao trình độ văn hoá ở nông thôn.

Phong trào thi đua “Hai tốt” cần được đẩy mạnh, trở thành một cao trào sôi nổi, rộng khắp trong toàn thể giáo viên, học sinh và phụ huynh học sinh. Cần đưa phong trào này đi vào bề sâu; chú trọng phát hiện, xây dựng điển hình và nhân điển hình.

Quán triệt hơn nữa nguyên lý “giáo dục kết hợp với lao động sản xuất” đưa công tác giáo dục lao động và tổ chức, quản lý lao động trong nhà trường vào nền nếp. Chú ý khắc phục tình trạng lãng phí công sức, tiền của, thành quả lao động và đảm bảo an toàn lao động. Phương hướng lao động sản xuất trong nhà trường cần phù hợp với đặc điểm, điều kiện và phương hướng sản xuất ở từng địa phương.

Kiên toàn tổ chức, đồng thời tăng cường giáo dục tư tưởng, chính trị và chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên các cấp.

Về y tế và công tác bảo vệ bà mẹ trẻ em: Đẩy mạnh phong trào vệ sinh, phòng dịch, kết hợp công tác y tế với văn hoá, giáo dục, cải tạo phong tục tập quán, xây dựng đời sống mới, lành mạnh, văn minh.

Xây dựng, củng cố và đẩy mạnh hoạt động của mạng lưới y tế cơ sở, chú ý phong trào nông thôn, vùng cao.

Tiếp tục củng cố tổ chức các ty, phòng y tế và bệnh viện, đồng thời tăng cường giáo dục tư tưởng, chính trị, nâng cao ý thức trách nhiệm, tinh thần đoàn kết nội bộ và ý thức làm chủ tập thể, chấp hành đúng quy chế chữa bệnh ở các bệnh viện, bệnh xá và các cơ sở y tế. Đẩy mạnh việc kết hợp đông y với tây y và nâng cao chất lượng trong việc chữa bệnh.

Phải tích cực tiến hành điều tra, phát hiện và nghiên cứu sử dụng những cây thuốc ở địa phương. Trên cơ sở đó đúc rút kinh nghiệm và tuyên truyền phổ biến rộng rãi việc sử dụng thuốc nam trong nhân dân.

Đối với công tác bảo vệ bà mẹ trẻ em, phải lấy việc tuyên truyền, hướng dẫn vệ sinh, phòng bệnh cho phụ nữ, người mẹ và trẻ em, làm tốt việc phát triển các nhà trẻ, mẫu giáo, đồng thời vận động sinh đẻ có kế hoạch (chú ý ở các cơ quan, xí nghiệp, thị xã, thị trấn). Tích cực đào tạo, bồi dưỡng các cô nuôi dạy trẻ.

Về thể dục thể thao: Tăng cường việc lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, các ngành đối với phong trào thể dục, thể thao. Trên cơ sở đó, đưa phong trào rèn luyện sức khỏe phát triển một cách rộng rãi, sôi nổi trong toàn tỉnh, trước hết là trong lứa tuổi thanh niên, thiếu niên.

Cần đẩy mạnh thể thao quốc phòng, và các hình thức thể thao khác phù hợp với đặc điểm các dân tộc (đua ngựa, võ dân tộc, bắn cung....). Chú ý hướng dẫn, xây dựng phong trào tập thể dục vệ sinh và thể dục chữa bệnh.

2. Công tác trị an - quốc phòng

Cần rất coi trọng công tác điều tra, nghiên cứu, nắm tình hình, từ đó có chủ trương, biện pháp phù hợp để đấu tranh có kết quả

đối với bọn đối tượng phản cách mạng và các bọn tội phạm khác nhau, đảm bảo tốt an ninh chính trị và trật tự xã hội địa phương và biên giới.

Phải tiếp tục xây dựng và phát triển phong trào bảo vệ trị an, xây dựng xã vững mạnh về chính trị và trật tự an ninh, phong trào bảo mật phòng gian, xây dựng cơ quan, xí nghiệp an toàn. Cần chú trọng mặt bảo vệ kinh tế và kiên quyết đấu tranh chống bọn tội phạm hình sự, giữ gìn trật tự trị an theo tinh thần Chỉ thị 105 của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Phải phấn đấu trong một thời gian ngắn, hạn chế đến mức thấp nhất và tiến tới chặn đứng được tệ lấy cắp vật tư, hàng hoá của Nhà nước, quản lý tốt thị trường.

Đối với công tác kiểm sát, xét xử, phải chủ động, kịp thời, tập trung vào các vấn đề chính, đánh mạnh vào các đối tượng chính, phục vụ sắc bén nhiệm vụ chính trị địa phương, đồng thời phải đẩy mạnh việc tuyên truyền pháp luật trong quần chúng, góp phần tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa trong các cấp, các ngành và trong nhân dân.

Thực hiện tốt các đợt tuyển quân, đảm bảo đủ số lượng và chất lượng, đồng thời quy định giải quyết tốt số quân bổ ngũ. Đẩy mạnh việc thực hiện các chính sách của Đảng, Nhà nước đối với thương binh, gia đình liệt sĩ, gia đình bộ đội.

Tích cực củng cố và bồi dưỡng lực lượng dân quân tự vệ, bố trí lực lượng dân quân cho phù hợp với nhiệm vụ sản xuất, sẵn sàng chiến đấu trong hoàn cảnh mới. Củng cố, bồi dưỡng lực lượng công an xã, tư pháp xã, bảo vệ dân phố, bảo vệ cơ quan, xí nghiệp và các tổ hoà giải trong nhân dân.

3. Xây dựng, củng cố chính quyền và các đoàn thể quần chúng

a) Về chính quyền

Trên cơ sở tích cực bồi dưỡng, huấn luyện cho cán bộ chính quyền các cấp, nhất là cấp xã, khu phố, đưa công tác chính quyền

của ủy ban hành chính các cấp nhất là cấp cơ sở tiến bộ nhanh chóng, thực hiện được đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của Đảng và Nhà nước quy định.

Cần tiếp tục xây dựng và củng cố phong trào “chính quyền giỏi toàn diện” gắn liền với nội dung của các cuộc vận động khác, nhằm đẩy mạnh hoạt động và duy trì sinh hoạt đều đặn của ủy ban hành chính và hội đồng nhân dân các cấp. Hướng hoạt động của cơ quan chính quyền cần tập trung vào những nhiệm vụ chủ yếu như quản lý kinh tế, thực hiện kế hoạch nhà nước, củng cố quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa, giữ gìn trật tự trị an và tổ chức đời sống nhân dân.

b) Về các đoàn thể quần chúng

Nhiệm vụ và vai trò của các đoàn thể quần chúng là phải bám chắc các phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu phấn đấu của cấp ủy đảng và chính quyền đề ra, để giáo dục động viên quần chúng giới mình hăng hái xung phong thực hiện, đem lại nhiều kết quả thiết thực trong phong trào lao động sản xuất, chấp hành các chủ trương, chính sách.

Đối với thanh, thiếu nhi: Cần phát huy và đẩy mạnh phong trào “Ba xung phong” trong các lĩnh vực hoạt động, trong đó đoàn viên phải làm nòng cốt, xung kích trong mọi khó khăn, đi đầu trong việc áp dụng khoa học - kỹ thuật, cải tiến công tác, xây dựng phong cách lao động mới, xây dựng nếp sống mới. Trên cơ sở đó, củng cố, xây dựng tổ chức đoàn, rèn luyện bồi dưỡng đoàn viên và thanh niên nhằm tạo ra một lực lượng thanh niên có lập trường, tư tưởng đạo đức cách mạng tốt, lao động có kỹ thuật, có năng suất cao và cung cấp lực lượng trẻ cho Đảng và Nhà nước (...).

Song song với công tác thanh niên, cần đẩy mạnh công tác thiếu niên nhi đồng, củng cố và phát triển các đội thiếu niên tiên phong và nhi đồng.

Đối với công đoàn: Phải tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao giác ngộ giai cấp, giác ngộ xã hội chủ nghĩa, ý thức

làm chủ, ý thức trách nhiệm cho cán bộ, công nhân, viên chức; động viên phong trào thi đua, hăng say lao động, công tác, đảm bảo ngày công chế độ, nâng cao năng suất lao động và ngày công, giờ công. Phải tăng cường hơn nữa vai trò hoạt động và chức năng của tổ chức công đoàn cơ sở và củng cố tổ chức công đoàn cấp huyện, thị, tiến tới lập ban cán sự công đoàn huyện, thị.

Đối với phụ nữ: Phải tích cực củng cố tổ chức Hội, tăng cường giáo dục, bồi dưỡng hội viên, động viên phụ nữ các dân tộc hăng hái thi đua xây dựng củng cố hợp tác xã, lao động sản xuất, công tác và học tập. Cần đẩy mạnh các phong trào chăn nuôi, cây cấy kỹ thuật, nuôi dạy con ngoan và thực hiện chính sách hậu phương quân đội.

Mặt trận Tổ quốc: Tăng cường hơn nữa công tác giáo dục, vận động các tầng lớp nhân dân đoàn kết tin tưởng và hăng hái tham gia các phong trào thi đua thực hiện kế hoạch nhà nước, làm tốt ba nghĩa vụ mà Bác Tôn đã kêu gọi trong thư chúc tết năm nay. Phải tích cực củng cố và phát huy vai trò hoạt động của tổ chức phụ lão trong các công tác trồng và giữ rừng, xây dựng phong tục, tập quán tốt trong nông thôn.

Đối với công tác Hoa vận, giáo vận và đối với trí thức cần được chú ý đẩy mạnh hơn trước.

c) Về Hội văn nghệ và chi hội báo

Cần hướng các hoạt động vào việc giáo dục quan điểm chính trị và văn hoá nghệ thuật, báo chí cho anh, chị em làm công tác văn nghệ, báo chí. Trên cơ sở đó, đẩy mạnh phong trào sáng tác, phong trào viết báo, đọc báo, nhằm phục vụ tốt các mục tiêu phấn đấu của tỉnh trong năm 1974.

4. Xây dựng Đảng và công tác tổ chức, cán bộ

a) Về tư tưởng

Tăng cường giáo dục chính trị làm cho đảng viên, cán bộ và quần chúng nhân dân tiếp tục quán triệt tình hình, nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, phấn khởi, tự hào trước thắng lợi đã

giành được và thấy rõ trách nhiệm, nhiệm vụ của mỗi người đối với Tổ quốc, đối với chủ nghĩa xã hội, biến phần khởi tin tưởng thành hành động thiết thực trong lao động sản xuất, công tác và học tập, phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước năm 1974.

Xây dựng, phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng nhân dân, đồng thời giáo dục mọi người hăng hái làm tròn ba nghĩa vụ lớn: lao động sản xuất, bảo vệ Tổ quốc và học tập; tự giác chấp hành mọi chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Trên cơ sở xây dựng tư tưởng cách mạng tấn công, xác định vinh dự và nghĩa vụ của mỗi người trong giai đoạn cách mạng mới mà khắc phục các tư tưởng chủ quan, mất cảnh giác, mất đoàn kết, cá nhân chủ nghĩa (nghỉ ngơi, hưởng thụ, chây lười, tham ô, hủ hoá, không an tâm công tác, xin xuôi, xin đổi...).

Đẩy mạnh việc bồi dưỡng giáo dục lý luận cơ bản, học tập văn hoá và quản lý kinh tế ở các trường Đảng, các lớp tập trung và tại chức cho cán bộ, đảng viên (chú trọng cán bộ, đảng viên ở cơ sở) lấy học tập tại chức làm chủ yếu. Trong giảng dạy và học tập cần nắm chắc phương châm “lý luận liên hệ với thực tế”, “học đi đôi với hành”, trọng chất lượng nhằm đem lại hiệu quả thiết thực sau học tập.

b) Về tổ chức và cán bộ

Trên cơ sở tiếp tục cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên, đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư trong các đảng bộ, chi bộ, sau khi tổng kết đợt thí điểm mở rộng ở 26 điểm.

Hoàn thành tốt việc mở Đại hội Đảng huyện, thị, cơ sở (đầu năm) và chuẩn bị mở Đại hội tỉnh vào quý II-1974. Qua công tác thực hiện Chỉ thị 192 và qua tiến hành Đại hội, củng cố một bước cơ sở đảng và kiện toàn các cấp ủy, bồi dưỡng giáo dục đảng viên, cải tiến và nâng cao chất lượng sinh hoạt trong Đảng.

Công tác phát triển đảng viên ở tất cả các chi bộ, đảng bộ đều phải được coi trọng thường xuyên, chú ý vào những nơi còn ít đảng

viên, chú ý phát triển các đảng viên dân tộc, tuổi trẻ, nữ và khoa học kỹ thuật, quản lý kinh tế. Phải phấn đấu tạo điều kiện, tiến tới thành lập được chi bộ ở các hợp tác xã.

Tổng kết cuộc vận động bảo vệ Đảng, tăng cường chặt chẽ công tác quản lý cán bộ, đảng viên đưa chế độ quản lý cán bộ, đảng viên vào nền nếp.

Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy các cấp, các ngành, đảm bảo cho các bộ máy hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ quy định một cách có hiệu lực, có chất lượng. Đối với cấp huyện, qua cuộc xây dựng thủ ở Bát Xát, cần rút kinh nghiệm để sắp xếp lại bộ máy các ngành ở huyện cho sát hợp hơn.

Tiếp tục học tập và tổ chức thi hành tốt Nghị quyết về công tác cán bộ của Tỉnh ủy đã đề ra theo tinh thần Nghị quyết 225 của Bộ Chính trị. Trong công tác cán bộ, cần nhanh chóng hoàn thành quy hoạch bồi dưỡng, đào tạo đối với từng loại, chú trọng bồi dưỡng, đào tạo cán bộ dân tộc địa phương, cán bộ trẻ.

c) Về công tác kiểm tra

Hoàn thành đợt thí điểm mở rộng ở 26 điểm và tiếp tục mở diện trong các đảng bộ về việc thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư. Việc thực hiện Chỉ thị 192 phải có sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ và trực tiếp của các cấp ủy đảng, nhằm đảm bảo tốt yêu cầu đúng đường lối, phương châm, chính sách của Trung ương đề ra.

Ngoài công tác trọng tâm là thực hiện Chỉ thị 192, trong công tác kiểm tra còn phải thường xuyên kiểm tra, xét xử các vụ kỷ luật xảy ra và giải quyết tốt các vụ khiếu tố của cán bộ, đảng viên.

III. MỘT SỐ BIỆN PHÁP VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Để đảm bảo các nhiệm vụ công tác như trên đạt thắng lợi, cần phải có các biện pháp cụ thể trong khi chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

Phải tiến hành một cách tích cực và đồng thời nội dung ba cuộc cách mạng, tập trung vào việc xây dựng và tăng cường các cơ sở

vật chất kỹ thuật, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý và cán bộ kỹ thuật, trên cơ sở đó củng cố, xây dựng tốt các hợp tác xã, để phát triển sản xuất, cải thiện đời sống quần chúng.

Trên cơ sở những kinh nghiệm và phương hướng, biện pháp đã rút ra qua tổng kết các chuyên đề: tổng kết việc thực hiện Nghị quyết 19 của Trung ương, tổng kết thực hiện chính sách dân tộc, tổng kết chống chiến tranh phá hoại, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết 195 của Bộ Chính trị, v.v. các cấp, các ngành cần tập trung lao động, vật tư, tiền vốn vào thực hiện từng khâu, từng bước, với tinh thần làm việc gì có sự chỉ đạo dứt điểm việc ấy.

Tăng cường công tác quản lý kinh tế, kiên quyết và nghiêm chỉnh chấp hành các chế độ, nguyên tắc, luật lệ của Nhà nước. Đối với các cơ sở kinh tế, cơ sở xây dựng kinh doanh đều cần phải tích cực thực hiện chế độ hạch toán kinh tế, chế độ định mức lao động, vật tư và kỹ thuật.

Nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức pháp lệnh, ý thức tổ chức kỷ luật trong việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, các nhiệm vụ công tác và kế hoạch nhà nước trong các cấp, các ngành. Tăng cường và kiện toàn hệ thống tổ chức làm công tác kế hoạch, công tác kinh tế, công tác thống kê và công tác nghiên cứu tổng hợp từ tỉnh đến cơ sở. Nghiên cứu kiện toàn, sắp xếp lại các ban kinh tế của Tỉnh ủy.

Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc, theo dõi, nắm tình hình và chỉ đạo trọng điểm, xây dựng điển hình tiên tiến trong từng ngành, từng công tác và từng địa phương. Các điểm chỉ đạo của tỉnh, huyện phải được chấn chỉnh và tiếp tục tăng cường chỉ đạo rút kinh nghiệm và phổ biến kịp thời.

Tiếp tục cải tiến phương thức lãnh đạo chỉ đạo trong các cấp, các ngành; chấp hành nghiêm chỉnh nguyên tắc tập trung dân chủ, phân rõ trách nhiệm của tập thể và cá nhân phụ trách, thực hiện nghiêm chỉnh chế độ báo cáo thỉnh thị; xây dựng tác phong sâu sát, chống quan liêu, đại khái, tùy tiện.

Cần phân định rõ và thực hiện đúng nhiệm vụ về vai trò, trách nhiệm của cấp ủy đảng, của cơ quan chính quyền và của đoàn thể quần chúng, đảng đoàn chính quyền và đảng đoàn các ngành, các đoàn thể phải coi trọng việc nghiên cứu và đề ra các kế hoạch, biện pháp cụ thể để tổ chức thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của cấp ủy đảng đề ra, đồng thời thường xuyên báo cáo kết quả cho cấp ủy đảng. Những chủ trương lớn trong các công tác đều phải được cấp ủy bàn bạc quyết định trước khi ban hành.

TM. BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 02-BC/TU, ngày 8-2-1974

Về tình hình công tác tháng 1-1974

Để phát huy thắng lợi đã đạt được trong năm 1973, đưa các mặt công tác của năm 1974 tiến lên mạnh mẽ ngay từ tháng đầu, Tỉnh ủy đã kịp thời mở hội nghị Ban Chấp hành mở rộng vào đầu tháng 1-1974 để kiểm điểm, đánh giá phong trào trong tỉnh năm 1973, đồng thời bàn bạc và đề ra nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ năm 1974.

Đi đôi với việc tổng kết năm cũ, đề ra nhiệm vụ cho năm mới, Tỉnh ủy đã tập trung chỉ đạo đợt sinh hoạt chính trị tiếp tục quán triệt tình hình nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân, chỉ đạo đợt thi đua lập thành tích chào mừng ngày kỷ niệm sinh nhật Đảng 3-2, chào mừng Đại hội Công đoàn toàn quốc lần thứ III và tổ chức Tết Nguyên đán Giáp Dần với tinh thần vui tươi, lành mạnh, tiết kiệm, cảnh giác, chỉ đạo tổ chức Đại hội Đảng hai cấp.

Trên cơ sở đó, các cấp, các ngành đã động viên cán bộ, đảng viên và quần chúng đi vào đẩy mạnh lao động sản xuất vụ đông - xuân thực hiện kế hoạch quý I-1974, đồng thời kết hợp đẩy mạnh các mặt hoạt động, công tác trong tỉnh.

Với niềm vui mừng, phấn khởi trước những thành tích của năm 1973 và trong khí thế thi đua quyết giành thắng lợi ngay từ

tháng đầu của cán bộ, đảng viên và nhân dân, các mặt công tác trong tỉnh đã và đang được đẩy mạnh, nhiều mặt đã đạt được kết quả khá.

Cụ thể biểu hiện trên một số công tác chủ yếu sau đây:

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ CÔNG TÁC KINH TẾ TÀI CHÍNH

1. Về nông - lâm nghiệp

Kế hoạch đông - xuân năm nay được chuẩn bị sớm và đã được các ngành, các cấp khẩn trương triển khai xuống cơ sở. Chủ yếu các địa phương đã vận động quần chúng tập trung làm tốt một số công tác lớn phục vụ cho đông - xuân như thủy lợi, phân bón và làm đất cho vụ xuân, chăm sóc cây trồng vụ đông, phòng và chống rét cho đàn gia súc, khai phục hoang, tăng vụ...

Theo thống kê, tính đến ngày 17-1-1974 các mặt sản xuất đã đạt được:

Khâu làm đất và gieo cấy: Ruộng chiêm đã cấy được 762 ha, bằng 75% so với cùng thời kỳ năm trước. Đất trồng các loại hoa màu cũng được cày xới nhưng so với thời vụ còn chậm. Đất trồng đậu tương đã cày được 420 ha, đất trồng ngô đã cày được 700 ha. Việc chọn giống và xử lý giống các cây trồng chuẩn bị cho việc gieo trồng được xúc tiến. Mạ (chủ yếu nông nghiệp 8) đã gieo được 56,7 tấn, bằng 85% so với cùng thời kỳ năm trước.

Khâu phân bón: Một số cây trồng đã được bón phân; chủ yếu lượng phân dự trữ, một số đang được chuyển ra đồng chuẩn bị cho việc gieo trồng mới. Nhưng so với yêu cầu thì số lượng phân bón và số phân dự trữ hiện có còn quá ít. Phân đã bón cho cây trồng: 2.105 tấn, phân dự trữ kể cả số đã chuyển ra đồng: 5.700 tấn.

Đàn gia súc có được chú ý chăm sóc, phòng và chống rét cũng như phòng bệnh tốt.

Tóm lại, trong công tác nông - lâm nghiệp đã có những cố gắng và đạt một số kết quả. Nhưng do ảnh hưởng thời tiết (rét và hạn hán kéo dài) nên việc chăm sóc gia súc và cây trồng có nhiều khó khăn. Phong trào và khí thế sản xuất của quần chúng chưa đều, có nơi còn yếu, hơn nữa một phần lo chuẩn bị tết nên nhìn chung tiến độ sản xuất so với yêu cầu của thời vụ còn chậm và so với cùng kỳ năm trước cũng thấp hơn.

2. Công nghiệp

Về sản xuất công nghiệp: Đã tập trung sản xuất các mặt hàng phục vụ cho sản xuất đông - xuân và phục vụ tết. Công tác chế biến màu: đao, sắn... và dệt tấm màn trong thủ công nghiệp được phát triển và đẩy mạnh.

Tuy nhiên, do một số cơ sở chưa được giao chỉ tiêu kế hoạch sản xuất cụ thể, một số cơ sở có sự thay đổi về cơ cấu mặt hàng; hơn nữa các cơ sở ít nhiều có bị tết chi phối nên đã ảnh hưởng đến tốc độ phát triển sản xuất. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp quốc doanh địa phương ước đạt 906.700 đồng, bằng 31% kế hoạch quý I-1974.

Về vận tải: Đã tập trung phương tiện phục vụ vận chuyển nguyên vật liệu cho xây dựng cơ bản, hàng hóa phục vụ tết và sự đi lại của nhân dân trong dịp tết. Lực lượng vận tải thô sơ có được huy động, hỗ trợ, thay thế cơ giới trong vận chuyển đường ngắn. Tổng khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển ước đạt 23,7% về tấn và 30% về tấn/km so với kế hoạch quý I-1974.

Về xây dựng cơ bản: Tranh thủ thời tiết thuận lợi đã tập trung đẩy mạnh tốc độ thi công một số công trình chuyển tiếp của năm trước, phục vụ giao thông, thủy lợi, nông nghiệp... đồng thời đã chuẩn bị thủ tục cho một số công trình để thi công trong quý I-1974. Nhưng vì các cơ sở được giao kế hoạch chậm, việc chuyển tiếp vốn cho các công trình cũ thiếu khẩn trương, một phần nhân lực trên các công

trường về nghỉ tết chưa trở lại làm việc đã ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch vốn đầu tư và tốc độ thi công các công trình. Tổng mức đầu tư ước thực hiện được 454.000 đồng, bằng 24% so với kế hoạch quý I-1974.

3. Về tài chính - thương nghiệp

a) *Lương thực*: Do công tác vận động và tổ chức thu mua làm còn yếu, ngoài những vùng cao thực hiện Nghị quyết 109 của Thủ tướng Chính phủ, nhân dân ở vùng thấp trong tỉnh vẫn có tư tưởng chờ đợi Nghị quyết 109, hơn nữa một phần lại bận chuẩn bị tết nên tốc độ nhập kho vẫn chậm. Tính đến ngày 31-1-1974 tổng số thóc nhập kho được 629.916 kg đạt 33,15% kế hoạch, bằng 59,9% so với cùng thời kỳ năm trước. Ngô được 113.252 kg, bằng 32,82% kế hoạch.

b) *Thu mua*: Đã có những cố gắng để tập trung lực lượng thu mua các nguồn hàng phục vụ sản xuất đông - xuân và phục vụ tết. Do đó, một số mặt hàng đạt khá như lợn hơi, rau xanh, bánh kẹo, thảo quả... Kết quả thu mua trong tháng đạt 260.000 đồng bằng 24,5% kế hoạch quý I-1974.

c) *Phân phối bán ra*: Hàng hóa bán ra trong tháng chủ yếu phục vụ sản xuất đông - xuân và phục vụ Tết Nguyên đán, hàng hóa không thiếu nhưng do công tác tổ chức chuẩn bị chưa đầy đủ, phương thức phân phối còn nhiều lúng túng chưa khoa học, hợp lý nên đã gây lãng phí lao động xã hội, nhất là ở thị xã, nhân dân thắc mắc và chê trách nhiều. Kết quả bán ra đạt 2.105.000 đồng bằng 34% so với kế hoạch quý I-1974.

d) *Thị trường và giá cả*: Nhờ có lực lượng hàng hóa của Nhà nước, sản xuất và chăn nuôi trong tỉnh được phát triển, công tác quản lý thị trường có được tăng cường, một số mặt hàng thiết yếu có được khơi luồng từ xuôi lên, nên thị trường và giá cả nói chung được ổn định, kể cả trong dịp Tết Nguyên đán.

II. CÔNG TÁC VĂN - XÃ

Các hoạt động văn - xã trong tháng đều được đẩy mạnh để phục vụ cho việc tuyên truyền tình hình, nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, động viên phấn đấu hoàn thành kế hoạch nhà nước năm 1974 ngay từ ngày đầu, quý đầu và phục vụ cho Tết Nguyên đán.

- Về văn hóa - thông tin: đã có những nội dung và hình thức phong phú, tuyên truyền, giáo dục nếp sống lành mạnh, văn minh; bài trừ tập tục lạc hậu (ăn chơi, mê tín, dị đoan, cờ bạc, rượu chè...) các hình thức thông tin cổ động, các xuất bản phẩm, công tác biểu diễn, phim ảnh... đều đáp ứng yêu cầu phục vụ cho các nhiệm vụ chính trị ở địa phương và yêu cầu của nhân dân (nhất là dịp Tết Nguyên đán).

Tuy vậy ở những vùng nông thôn xa xôi hẻo lánh, những vùng rẻo cao... các hình thức văn hóa, nghệ thuật chưa hoạt động sôi nổi, rầm rộ, chưa gắn được việc động viên vui chơi giải trí với việc đẩy mạnh tốc độ sản xuất, công tác ở địa phương.

- Công tác y tế và thể dục thể thao cũng có những cố gắng đảm bảo sức khỏe cho cán bộ, nhân dân trong dịp rét (sương muối) và trong dịp tết. Trong tháng tình hình bệnh tật không xảy ra vấn đề gì đáng kể. Các hình thức thể thao, vui chơi, giải trí cũng đã được tổ chức ở một số nơi đông người (thị trấn, thị xã, công trường, xí nghiệp) góp phần tạo ra không khí phấn khởi, hồ hởi chung trong dịp tết.

III. CÔNG TÁC TRỊ AN - QUỐC PHÒNG

Trong tháng 1-1974 do tác động tích cực của việc triển khai thực hiện Chỉ thị 205 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, tư tưởng quần chúng được phát động, cán bộ, nhân dân phấn khởi, hưởng ứng; các loại đối tượng được giáo dục, răn đe nên tình hình trật tự trị an trong tháng tương đối tốt.

Trong dịp tết tình hình biên giới, nội địa ở những nơi xa xôi hẻo lánh và khu vực đông người nói chung không xảy ra vấn đề gì lớn đáng kể. Một số cửa hàng mậu dịch, một số chợ được tiến hành kiểm tra cân đo, bán hàng và đã phát hiện những trường hợp sai phạm để giáo dục, ngăn ngừa nên đã tạo ra một số tin tưởng, phấn khởi của quần chúng.

Các vụ án vẫn được tiếp tục giải quyết; sự phối hợp công tác ở một số ngành thuộc khối nội chính được tăng cường hơn trước.

Việc thăm hỏi, động viên chấp hành chính sách của Đảng và Nhà nước đối với thương binh, gia đình liệt sĩ, bộ đội, cán bộ đi công tác xa trong dịp Tết Nguyên đán các cơ sở đã có sự chú ý thích đáng.

Tuy vậy trong tháng cũng còn xảy ra một số vụ đáng tiếc: cháy xảy ra 10 vụ, trong đó có 3 vụ tương đối lớn ở Bắc Hà và Bảo Thắng; một số vụ viết khẩu hiệu tuyên truyền ở Mỏ apatít và một số vụ đánh nhau, tham ô, móc ngoặc, lừa đảo.

IV. CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG

1. Về tư tưởng chính trị

Đã tập trung vào việc tiếp tục giáo dục tình hình nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, tuyên truyền thắng lợi của việc thực hiện kế hoạch nhà nước năm 1973 và động viên mọi người hăng hái phấn đấu làm 3 nghĩa vụ lớn, đảm bảo hoàn thành tốt kế hoạch nhà nước năm 1974.

Các hình thức tuyên truyền, giáo dục đã có nhiều cố gắng, triển khai nhanh và kịp thời xuống các cơ sở, phục vụ tốt cho việc hoàn thành các nhiệm vụ công tác ở địa phương.

Việc giáo dục lý luận cơ bản cho đảng viên vẫn được tiến hành theo kế hoạch. Các lớp học của các đảng ủy đã kết hợp việc học tập tình hình nhiệm vụ mới với chương trình lý luận đã quy định làm cho việc học tập có chiều sâu, có tác dụng giải quyết tư tưởng kịp thời.

Nhìn chung tháng 1-1974, tình hình tư tưởng đảng viên, cán bộ đều phấn khởi, phong trào thi đua có khí thế mới. Tuy vậy, do ảnh hưởng tốt chủ yếu là khâu tổ chức phân phối hàng tết chưa thuận tiện, hợp lý đã ít nhiều ảnh hưởng đến tư tưởng và giờ giấc lao động trong các cơ quan vào mấy ngày gần đây.

2. Công tác kiểm tra - tổ chức

Về công tác Đại hội, các đảng bộ trực thuộc tỉnh đã và đang tích cực chuẩn bị tiến hành đại hội ở hai cấp theo nhiệm kỳ kết hợp với tổng kết năm. Căn cứ vào sự chuẩn bị của các huyện ủy và các đảng ủy thì có khả năng đảm bảo hoàn thành công tác tổ chức đại hội theo nội dung, yêu cầu của tỉnh chỉ đạo.

Công tác tổ chức - cán bộ, trong tháng đã điều động, sắp xếp, đề bạt một số cán bộ cho các ty, ngành (điều động 9 cán bộ, trong đó có 1 đi B, 1 về trung ương, đề bạt 5 cán bộ là trưởng, phó phòng và phó ty, ngành).

Ngoài ra còn cử một số cán bộ ở tỉnh và huyện đi dự các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ của trung ương mở (4 cán bộ đi học lớp 6 tháng tại trường Tuyên huấn Trung ương, 10 cán bộ đi học 18 tháng tại trường Hoàng Văn Thụ. Các cơ sở sau khi hoàn thành đợt thi điểm thực hiện Chỉ thị 192 đang tiến hành tổng kết. Tỉnh đang mở tiếp lớp bồi dưỡng cho cán bộ đi làm Chỉ thị 192 trong đợt mở rộng sắp tới, có 187 cán bộ dự.

NHỮNG CÔNG TÁC CHỦ YẾU TRONG THÁNG 2-1974

Đẩy mạnh việc gieo trồng lúa xuân vùng thấp, đỗ tương, sò, mì xuân vùng cao; làm đất trồng ngô; đào dỡ, chế biến sắn. Đẩy mạnh việc trồng cây gây rừng, làm tốt việc chuẩn bị phân bón, nước tưới và chăm sóc cây trồng theo hướng thâm canh, tăng vụ kết hợp với việc khai hoang, phục hóa mở rộng diện tích gieo trồng. Tiếp tục phòng và chống rét, chống bệnh cho đàn gia súc, phát

triển chăn nuôi, nhanh chóng phục hồi đàn gia súc sau tết. Đẩy mạnh công tác củng cố hợp tác xã nông nghiệp (nhất là ở vùng cao).

Sớm ổn định việc giao chỉ tiêu kế hoạch và cung cấp nguyên, nhiên liệu cho các cơ sở công nghiệp để đẩy mạnh sản xuất.

Tranh thủ mùa khô, đẩy mạnh tốc độ thi công các công trình, đồng thời chuẩn bị mọi mặt cho kế hoạch xây dựng cơ bản cả năm và làm tốt công tác giao thông vận tải.

Kiểm tra đôn đốc thực hiện Nghị quyết 109 của Thủ tướng Chính phủ ở vùng cao, khẩn trương hoàn thành nghĩa vụ lương thực, thực phẩm năm 1973 ở vùng thấp.

Tăng cường quản lý kinh tế, tài chính, triển khai thực hiện Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị và Chỉ thị 205 của Ban Bí thư Trung ương Đảng nhằm tăng cường bảo vệ tài sản của Nhà nước, bảo vệ trật tự, trị an công cộng và quản lý thị trường.

Đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, giáo dục về tình hình nhiệm vụ mới kết hợp tuyên truyền, giáo dục, tổ chức kỷ niệm Ngày thành lập Đảng (3-2) một cách sâu sắc, thiết thực, chú ý các vùng cao, nơi xa xôi, hẻo lánh để tạo được khí thế mới của đảng viên và quần chúng trên các mặt công tác. Triển khai phổ biến nghị quyết Hội nghị lần thứ 22 của Trung ương Đảng và nhiệm vụ, phương hướng khôi phục phát triển kinh tế miền Bắc trong 2 năm 1974 - 1975.

Tiến hành tốt Đại hội Đảng các cấp trong tỉnh; tiếp tục thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ

NÔNG CÔNG THƯỜNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 03-BC/TU, ngày 5-3-1974

Về tình hình công tác tháng 2-1974

Trong tháng qua thi đua lập thành tích kỷ niệm lần thứ 44 ngày thành lập Đảng, chào mừng Đại hội toàn quốc các đoàn thể quần chúng và sau khi được nghe phổ biến tinh thần Nghị quyết hội nghị lần thứ 22 của Trung ương Đảng, Nghị quyết của Quốc hội khóa 4 kỳ họp thứ tư, cán bộ, đảng viên trong các cấp, các ngành và ở nhiều cơ sở bước đầu đã có những chuyển biến, phong trào chung trong tỉnh đã có những mặt tiến bộ. Kết quả một số công tác chủ yếu trong tháng như sau:

I. SẢN XUẤT NÔNG - LÂM NGHIỆP

- Lúa xuân: Trong tháng nói chung thời tiết đã trở lại ấm áp, một số nơi ở vùng cao bắt đầu đã có mưa nhỏ, cho nên tốc độ làm đất và cấy lúa xuân sớm, gieo mạ xuân chính vụ, làm đất chuẩn bị gieo trồng cây mới cũng như công tác thủy lợi, phân bón, chăm sóc cây trồng, công tác khai hoang phục hóa và phòng, chống bệnh cho gia súc đều được đẩy mạnh hơn tháng trước. Ở vùng cao, một số nơi bắt đầu cày ải ruộng mùa.

Tính đến cuối tháng 2-1974 diện tích ruộng đã cày được 1.886 ha, bằng 79% so với kế hoạch và bằng 81% so với cùng kỳ năm trước.

Mạ gieo thâm canh đợt 2 được 85 tấn, hiện nay nói chung mạ phát triển tốt.

Lúa xuân (nông nghiệp 8) đã cấy được 186 ha, chưa đạt 50% kế hoạch và cũng chỉ bằng 62% so với cùng kỳ năm trước.

- Các loại cây khác: ngô mới trồng được 145 ha, trong đó có 50 ha ngô lai, nhìn chung công việc chuẩn bị làm đất còn chậm. Đậu tương xuân đã kết thúc vụ trồng. Ngoài những địa phương trồng lẻ tẻ, một số xã trong vùng tập trung chỉ trồng được 394 ha, bằng 48% kế hoạch. Còn các cây khác như sắn, mì, seo, chè, cây thuốc... nói chung tính đến nay cũng mới trồng được ít.

- Về chăn nuôi đàn gia súc nói chung được khôi phục và phát triển bình thường, ở một vài nơi vùng cao thuộc 2 huyện Bát Xát và Mường Khương đã xảy ra nạn dịch làm chết một số lớn (trên 100 con). Các địa phương đang tập trung mọi cố gắng để bao vây và dập tắt.

- Về nghề rừng: một vài huyện có phong trào trồng cây gây rừng sau tết nhưng chưa sôi nổi, việc khoán các hợp tác xã trồng rừng, bảo vệ và kinh doanh nghề rừng còn làm được ít, nạn đốt rừng vẫn còn xảy ra.

Nói tóm lại so với tháng trước, tiến độ sản xuất nông nghiệp tuy có được đẩy mạnh hơn một bước, nhưng một số nơi do tình trạng nhân dân nghỉ tết kéo dài, hơn nữa công tác kiểm tra, đôn đốc của các cấp, các ngành thiếu thường xuyên, liên tục, chặt chẽ cho nên phong trào chưa mạnh, chưa đều, thậm chí có nơi có những mặt còn yếu nên tốc độ sản xuất so với thời vụ còn chậm, so với kế hoạch đạt thấp, so với cùng kỳ năm ngoái nói chung cũng kém hơn.

II. CÔNG NGHIỆP, GIAO THÔNG VẬN TẢI VÀ XÂY DỰNG CƠ BẢN

- Về công nghiệp quốc doanh địa phương: Sản xuất ở nhiều cơ sở đã tăng so với tháng trước. Một số cơ sở tuy có khó khăn về

nguyên liệu, phụ tùng... nhưng vẫn cố gắng duy trì sản xuất để kịp thời phục vụ cho sản xuất đông - xuân và đời sống nhân dân trong tỉnh. Giá trị tổng sản lượng tháng ước đạt 1.008.000 đồng, so với tháng 1-1974 tăng hơn 8%.

- Về giao thông vận tải, phần lớn các phương tiện được tập trung để vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ cho xây dựng cơ bản. Các phương tiện thô sơ được tổ chức, khai thác hỗ trợ cho phương tiện cơ giới trên các tuyến đường ngắn. Tổng khối lượng hàng hóa vận chuyển trong tháng ước đạt 22,345 tấn và 350,198 tấn/km, so với tháng 1-1974 tăng hơn 74% về tấn và 37% về tấn/km. Tổng khối lượng hành khách ước đạt 18.000 lượt và 600.000 lượt người/km, so với tháng 1-1974 chỉ bằng 90% vì tháng này nhân dân ít đi lại hơn. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật nói chung còn thấp do công tác quản lý chưa chặt chẽ nên vẫn còn hiện tượng lãng phí.

- Về xây dựng cơ bản: Đang tập trung chỉ đạo thi công các công trình chuyển tiếp trong công nghiệp, nông nghiệp, giao thông và phục vụ dân sinh. Việc sản xuất các vật liệu xây dựng được đẩy mạnh hơn so với tháng trước. Công tác đào tạo, bồi dưỡng công nhân được chú ý hơn. Công tác dự toán, thiết kế cho một số công trình kế tiếp trong năm đang được xúc tiến.

III. TÀI CHÍNH - THƯƠNG NGHIỆP

- Công tác lương thực: do có được kiểm tra, đôn đốc nên tốc độ nhập kho có khá hơn tháng trước. Tính đến 10-3-1974 tổng số lương thực vụ mùa đã nhập kho:

+ Thóc = 892.077 kg = 54,26% kế hoạch, ngoài ra còn mua giá cao được 206.048 kg.

+ Ngô = 39.995 kg.

+ Sắn = 146.490 kg.

Năm nay một số tỉnh miền xuôi bị bão lụt, mất mùa, nhân dân lên Lào Cai mua sắm nhiều nên Nhà nước mua được ít.

- Công tác thương nghiệp: Sau tết đã có những cố gắng thu mua nắm nguồn hàng phục vụ sản xuất và đời sống trong các thị trấn, thị xã và các khu vực lân cận. Từ khi thực hiện Nghị quyết số 109 của Chính phủ, đội ngũ cán bộ thu mua nói chung không được củng cố về tổ chức và tư tưởng, phương thức thu mua không được cải tiến nên đã hạn chế kết quả. Các chỉ tiêu thu mua theo nghĩa vụ nói chung đều đạt thấp, có chiều hướng ngày càng giảm.

- Về phân phối bán ra: Do công tác thu mua đạt thấp nên đã ảnh hưởng đến công tác phân phối bán ra. Một số mặt hàng thiết yếu cho đời sống như củi, rau xanh vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu. Các phương tiện cân đo lâu ngày không được kiểm tra, hiệu chỉnh nên đã mất chính xác, do đó một số cửa hàng thực phẩm quanh thị xã phải ngừng hoạt động một thời gian đã ảnh hưởng đến doanh số bán ra.

Thực hiện Chỉ thị 205 của Ban Bí thư và Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng, các cửa hàng đã được kiểm tra, nhờ đó thái độ phục vụ của các mặt dịch viên có được uốn nắn, cách cân đong, đo đếm bước đầu đã được sòng phẳng, chính xác hơn.

IV. CÔNG TÁC VĂN XÃ

- Về giáo dục: Tập trung vào việc tổng kết năm học, nâng cao và bồi dưỡng chính trị, nghiệp vụ cho giáo viên thuộc 5 huyện vùng cao ở trong tỉnh.

Toàn ngành chuẩn bị bồi dưỡng báo cáo viên để triển khai phổ biến Nghị quyết 22 của Trung ương Đảng. Các trường ở vùng thấp đã tiếp tục giảng dạy đi vào nền nếp hơn so với tình hình dịp tết. Nói chung phong trào bổ túc văn hóa và mẫu giáo vẫn còn yếu.

- Về y tế và bảo vệ bà mẹ, trẻ em: Đã tổng kết công tác y tế toàn ngành năm 1973. Các mặt công tác vẫn được tiến hành

bình thường. Tuy nhiên phong trào ở các cơ sở vẫn chưa có sự chuyển biến thật mạnh mẽ.

- Công tác văn hóa - thông tin: Tiếp tục tuyên truyền cho ngày thành lập Đảng (3-2) kết hợp với việc giáo dục tình hình, nhiệm vụ mới và triển khai việc phổ biến Nghị quyết 22. Một số chuyên đề (các cuộc vận động sáng tác về đề tài nông nghiệp, 27-7...) đã được tổng kết và bước đầu thu được kết quả tốt, phục vụ thiết thực cho nhiệm vụ công tác ở địa phương.

Tuy nhiên, các mặt công tác chưa phong phú, chưa kịp thời, công tác thông tin tuyên truyền ở vùng cao làm quá yếu.

V. CÔNG TÁC TRỊ AN - QUỐC PHÒNG

Các ngành thuộc khối nội chính đã có sự phối hợp chặt chẽ hơn trước, tập trung vào việc triển khai thực hiện Chỉ thị 205 và Nghị quyết 228 của Trung ương ở một số địa bàn trọng điểm.

Kết quả các mặt công tác nói trên đã góp phần giáo dục tư tưởng, giáo dục tác phong, đạo đức, xây dựng nếp sống mới, trật tự, trị an... ở địa phương. Một số vụ vi phạm tài sản Nhà nước và nhân dân đã được phát hiện, xử lý kịp thời phục vụ tốt cho việc tăng cường quản lý kinh tế, quản lý xã hội.

Trật tự trị an ở thị xã, thị trấn, biên giới, nội địa được giữ vững. Công tác quản lý thị trường có tiến bộ hơn trước.

Nhìn chung cuộc vận động thi hành Chỉ thị 205 và Nghị quyết 228 đang đi vào bề sâu, bước đầu đạt kết quả tốt, được dư luận rộng rãi đồng tình hưởng ứng, tạo được không khí phấn khởi, tin tưởng trong cán bộ và nhân dân.

Tuy nhiên các mặt công tác nói trên ở địa bàn nông thôn còn làm chậm, việc phối hợp và chỉ đạo thực hiện còn có mặt lúng túng, một số trường hợp chưa xử lý kịp thời.

Công tác quân sự địa phương đã tiến hành tổng kết và mừng công khen thưởng năm 1973 tạo ra được sự phấn khởi mới để tiến hành việc triển khai tổ chức huấn luyện và tuyển quân năm 1974.

VI. CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG

- Về tư tưởng chính trị: Trong tháng đã tập trung vào việc tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết 22 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, kết hợp với việc tuyên truyền, giáo dục nhân dịp kỷ niệm thành lập Đảng (3-2) và các nhiệm vụ sản xuất, công tác ở địa phương.

Công tác giáo dục tư tưởng, chính trị trong tháng 2 đã góp phần làm cho đảng viên, cán bộ, công nhân viên chức và nhân dân nhận rõ thêm những thuận lợi, khó khăn trong giai đoạn mới. Bước đầu ý thức trách nhiệm trong công tác, sản xuất và học tập đã được nâng lên so với trước.

Số cán bộ đi làm thí điểm mở rộng thực hiện Chỉ thị 192 đã được học tập và thu được kết quả tốt. Các lớp học lý luận vẫn được tiến hành theo kế hoạch. Tháng 2-1973 trường Đảng tỉnh đã cùng với Đảng ủy dân chính tỉnh mở được một lớp bồi dưỡng lý luận cho đảng viên cơ sở thuộc các cơ quan xung quanh tỉnh.

Nhìn chung trong tháng công tác tư tưởng chính trị đã làm tương đối nhanh, kịp thời; tuy vậy công tác tuyên truyền, giáo dục cho đảng viên, cán bộ và nhân dân các dân tộc ở vùng cao làm còn quá yếu (Si Ma Cai, Bắc Hà...).

- Công tác tổ chức và kiểm tra: Tập trung vào việc hướng dẫn tổ chức các Đại hội ở các đảng bộ trực thuộc tỉnh. Tối nay một số đảng bộ đã được duyệt về nội dung, đang tích cực chuẩn bị để đầu tháng 3 mở đại hội.

Công tác đề bạt, bồi dưỡng cán bộ vẫn được tiến hành thường xuyên, đã cử 1 cán bộ đi B, 1 cán bộ về Trung ương công tác và đề

bạt 5 cán bộ giữ chức vụ từ trưởng, phó phòng đến trưởng, phó ty, ban; cử 15 cán bộ đi học tại các lớp lý luận của Trung ương. Trong tháng cũng có thành lập thêm một tổ chức mới là Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thị xã Cam Đường.

Công tác kiểm tra xét xử đã giải quyết tiếp một số vụ kỷ luật đảng viên, tổng kết việc làm thí điểm Chỉ thị 192 ở một số cơ sở và mở lớp bồi dưỡng cho số cán bộ đi làm thí điểm mở rộng thực hiện Chỉ thị 192.

NHỮNG CÔNG TÁC CHỦ YẾU THÁNG 3-1974

Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc các cơ sở tập trung đẩy mạnh khâu làm đất, tranh thủ gieo trồng kịp thời, nhất là lúa xuân, đậu tương xuân, ngô xuân. Chú trọng thâm canh, làm phân, thủy lợi, chăm bón cho cây trồng; đẩy mạnh khai hoang, phục hóa và gieo cấy hết diện tích.

Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi, nhanh chóng phục hồi đàn gia súc sau tết, làm tốt công tác phòng bệnh, nhanh chóng bao vây, dập tắt các ổ dịch gia súc xuất hiện lẻ tẻ ở một số nơi.

Đẩy mạnh hơn nữa việc đưa nghề rừng và các hợp tác xã để khoanh nuôi chăm sóc, bảo vệ, trồng và kinh doanh rừng. Kiểm tra, chuẩn bị các mặt cho một số cơ sở công nghiệp sản xuất kịp thời vụ (sản xuất hoa quả hộp).

Tăng cường đôn đốc, đẩy mạnh tốc độ nhập kho để sớm kết thúc công tác thu mua lương thực vụ mùa 1973.

Tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị 205 của Ban Bí thư và Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng.

Đẩy mạnh việc tuyên truyền phổ biến tinh thần Nghị quyết lần thứ 22 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết Đại hội toàn quốc của các đoàn thể quần chúng xuống các cấp, các ngành và cơ sở. Tích cực nắm tình hình

chuẩn bị cho Ban Chấp hành Tỉnh ủy học tập Nghị quyết 22 của Ban Chấp hành Trung ương.

Tiếp tục tiến hành Đại hội Đảng các cấp trong tỉnh và mở rộng việc thực hiện Chỉ thị 192. Chuẩn bị để làm tốt công tác tổng điều tra dân số và bầu cử Hội đồng nhân dân.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

NÔNG CÔNG THƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 17-NQ/TU, ngày 30-3-1974

Về công tác cán bộ

I. KIỂM ĐIỂM CÔNG TÁC CÁN BỘ VÀ TÌNH HÌNH ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CỦA TỈNH LÀO CAI

Từ khi có cơ sở Đảng, Đảng bộ ta đã đặt công tác cán bộ là một trong những vấn đề có tầm quan trọng quyết định đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng ở Lào Cai. Từng bước của từng giai đoạn cách mạng Đảng bộ ta đã có những chủ trương, biện pháp tích cực xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ, đặc biệt là đội ngũ cán bộ dân tộc, cán bộ lãnh đạo và ngày càng quan tâm hơn đến việc đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật và cán bộ quản lý kinh tế... Những cố gắng trên đã ngày càng đáp ứng các yêu cầu của nhiệm vụ chính trị, đưa sự nghiệp cách mạng của toàn tỉnh không ngừng tiến bộ và góp một phần nhỏ vào sự nghiệp chung của cả nước.

Đội ngũ cán bộ của tỉnh được đào tạo theo ba hệ thống: Đảng, Nhà nước và đoàn thể quần chúng, tuy mức độ có khác nhau nhưng đều có những cố gắng. Cán bộ lãnh đạo chung được coi trọng, cán bộ quản lý ngành mới được từng mặt, cán bộ khoa học kỹ thuật còn có mức độ. Công tác đào tạo ở cấp tỉnh làm mạnh hơn ở huyện và cơ sở. Số lượng phát triển nhanh, nhưng chất lượng chưa nâng kịp với yêu cầu. Về chính trị, mới có 22% được học lý

luận có hệ thống, trình độ văn hóa đại bộ phận là cấp I, cấp II. Cán bộ lãnh đạo, trình độ quản lý còn thấp, cán bộ cơ sở còn thiếu và yếu nhiều mặt. Cán bộ khoa học kỹ thuật, quản lý kinh tế của khu vực hợp tác xã hầu hết đang còn ở bước đào tạo. Tỷ lệ đội ngũ cán bộ dân tộc địa phương còn thấp.

Cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo chủ chốt ở cấp trên, các ngành nói chung nắm được đường lối, chính sách của Đảng, tận tụy hy sinh, chịu đựng gian khổ, vững vàng trước những chuyển biến của trong nước và thế giới, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, có kinh nghiệm trong cách mạng dân tộc dân chủ, xây dựng lực lượng, lãnh đạo quần chúng đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang, nắm được tình hình địa phương, có quá trình thực tiễn công tác, đoàn kết nội bộ, gắn bó với phong trào, nhạy cảm với tình hình...

Đội ngũ cán bộ nói chung nhiệt tình công tác nhưng kinh nghiệm và sự rèn luyện trong thực tế cách mạng xã hội chủ nghĩa chưa nhiều, trình độ mọi mặt, nhất là trình độ quản lý kinh tế còn nhiều hạn chế.

Cán bộ khoa học kỹ thuật số lượng phát triển tương đối nhanh nhưng chưa cân đối giữa các khu vực, các ngành, nhất là khu vực tập thể. Về chỉ đạo cũng chưa sử dụng và phát huy khả năng của đội ngũ cán bộ này một cách hợp lý.

Ưu điểm nổi bật của đội ngũ cán bộ Lào Cai là sự đoàn kết nhất trí giữa cán bộ nơi khác đến với cán bộ địa phương. Sự gắn bó, tương trợ, giúp đỡ, xây dựng cho nhau về nhiều mặt trên cơ sở quán triệt quan điểm của giai cấp công nhân và đường lối, chính sách, nghị quyết của Đảng ngày càng được củng cố, tăng cường. Những biểu hiện của tư tưởng dân tộc lớn, tư tưởng tự ti hẹp hòi dần được khắc phục.

Cán bộ nơi khác đến nói chung xác định được trách nhiệm vì sự nghiệp cách mạng ở miền núi nên yên tâm, phục tùng sự phân công của Đảng. Cán bộ dân tộc địa phương đang có khí thế vươn lên, nhất là bộ phận cán bộ chủ chốt của các cấp, các ngành đang

có những ưu điểm, cố gắng trong học tập, rèn luyện nâng cao trình độ về mọi mặt, khắc phục những khó khăn riêng, đảm nhận được những nhiệm vụ mới nặng nề do cách mạng yêu cầu.

Đội ngũ cán bộ Lào Cai cũng bộc lộ rõ những khuyết điểm và nhược điểm của mình. Ngoài những khuyết điểm phổ biến của đội ngũ cán bộ như trong Nghị quyết 225 của Bộ Chính trị đã chỉ rõ, đội ngũ cán bộ Lào Cai còn có những khuyết điểm riêng, cụ thể:

- Một số cán bộ nơi khác đến chưa thật yên tâm xây dựng động cơ cách mạng đúng đắn, chưa xác định được tư tưởng phục vụ lâu dài ở Lào Cai, việc xin xuôi, xin đổi còn phổ biến.

- Một số ít cán bộ địa phương quyết tâm vươn lên chưa cao, còn để những khó khăn do hoàn cảnh khách quan và chủ quan chi phối, dẫn đến tình trạng có người bỏ hội họp, học tập và công tác thiếu liên tục.

- Nhiều cán bộ khoa học kỹ thuật chưa phát huy hết khả năng, chưa lao vào thực tiễn hành động để học tập và rèn luyện nên kinh nghiệm còn ít, kết quả cống hiến còn bị hạn chế.

- Việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác cán bộ của các cấp, các ngành còn nhiều thiếu sót: buông lỏng công tác giáo dục tư tưởng chính trị, chưa làm tốt công tác quy hoạch cán bộ, tổ chức, quản lý cán bộ chưa chặt, bố trí, sử dụng cán bộ có phần chưa hợp lý.

Nhiều cấp ủy, Đảng đoàn chưa nắm vững các nguyên tắc công tác cán bộ, buông lỏng việc lãnh đạo công tác tổ chức.

II. MỘT SỐ CHỦ TRƯỞNG, BIỆN PHÁP LỚN VỀ CÔNG TÁC CÁN BỘ TRONG THỜI GIAN TỚI NHẪM THỰC HIỆN ĐÚNG ĐẮN NGHỊ QUYẾT 225

Dựa trên các quan điểm cơ bản và đường lối tổ chức cán bộ của Đảng do Nghị quyết 225 vạch ra, căn cứ vào nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ ta trong các năm tới, công tác tổ chức cán bộ cần tập trung giải quyết những vấn đề trọng tâm:

1. Tập trung giáo dục nhằm thông suốt và quán triệt Nghị quyết 225 trong toàn Đảng bộ và đội ngũ cán bộ theo từng cấp có mức độ, từng cơ sở, từng cấp cần có sự liên hệ, kiểm điểm, gắn công tác cán bộ với nhiệm vụ chính trị của ngành, cấp mình để bàn kế hoạch, biện pháp công tác cán bộ cho sát.

Mỗi cấp ủy, Đảng đoàn phải xây dựng được quy hoạch công tác cán bộ nhằm đáp ứng việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị đã được xác định. Công tác quy hoạch cán bộ phải tiến hành toàn diện, có trọng tâm và cụ thể, bao gồm cả hai phương án ngắn hạn và dài hạn (1974-1975 và 1975-1980) trên cơ sở quán triệt đầy đủ quan điểm, đường lối, phương châm, nguyên tắc, tiêu chuẩn cán bộ trong Nghị quyết 225.

Trong quá trình vận dụng cần coi trọng cả hai mặt năng lực và phẩm chất (theo 5 tiêu chuẩn cán bộ của Nghị quyết 225) phải chú ý cả ba loại cán bộ:

- Lãnh đạo chung.
- Chỉ đạo quản lý ngành.
- Cán bộ khoa học kỹ thuật (bao gồm đầy đủ cả cán bộ quản lý).

Và đảm bảo cả 3 hệ thống:

- Tổ chức Đảng.
- Tổ chức Nhà nước.
- Tổ chức đoàn thể quần chúng.

Toàn bộ công tác quy hoạch cán bộ phải đặc biệt coi trọng việc đào tạo cán bộ dân tộc địa phương, coi đó là một nhiệm vụ trọng yếu lâu dài và thường xuyên của công tác đào tạo cán bộ tỉnh.

Cần cải tiến công tác lãnh đạo gắn liền kiện toàn tổ chức quản lý cán bộ, nhằm sử dụng tốt nhất năng lực của đội ngũ cán bộ sẵn có, phát huy những kinh nghiệm đã tổng kết để nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ lên một bước mới. Phải chuyển hướng thật mạnh việc đào tạo đội ngũ cán bộ cho khu vực tập thể, cân đối đồng bộ cả ba loại (kỹ thuật, quản lý, lãnh đạo). Đẩy mạnh việc đào tạo cán bộ

cho kinh tế công, nông, lâm nghiệp, đồng thời chú ý đầy đủ đến việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho lực lượng vũ trang.

Đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo cần nhanh chóng đẩy mạnh việc học quản lý kinh tế ngành để trong một thời gian (3 đến 5 năm) đại bộ phận cán bộ chỉ đạo ngành ở tỉnh tối thiểu có trình độ trung cấp quản lý, hoặc cao cấp ở những ngành kinh tế quan trọng. Đối với cán bộ lãnh đạo chủ chốt của cấp huyện, thị và ngành đến năm 1980 phải có trình độ đại học về quản lý kinh tế hay kỹ thuật.

Việc xây dựng quy hoạch cán bộ phải cân đối có kế hoạch toàn diện giữa các loại cán bộ cũ, mới, nam, nữ, dân tộc, cán bộ dự bị và loại về hưu hoặc ốm đau, v.v.. Quy hoạch chung của cơ quan phải quản lý và phát huy được chương trình phấn đấu của từng cá nhân, phải cân đối đảm bảo thực hiện tốt chương trình công tác của đơn vị và việc cử cán bộ đi học tập, bồi dưỡng. Phải coi trọng các hình thức học tập trung và học tập tại chức, học tập ở trường và học tập, rèn luyện trong thực tế công tác.

Việc cân đối quản lý quy hoạch cán bộ với chương trình công tác là do Đảng đoàn, tập thể thường vụ cấp ủy và thủ trưởng cơ quan chịu trách nhiệm bố trí. Cần giáo dục để tất cả cán bộ ai cũng thấy việc học tập, rèn luyện nâng cao trình độ mọi mặt là quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của mọi người.

Mỗi đồng chí lãnh đạo phải dựa vào đường lối, phương châm, tiêu chuẩn cán bộ, có kế hoạch đào tạo cán bộ kế cận nhằm tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ, tạo nguồn bổ sung cán bộ lãnh đạo và đáp ứng những yêu cầu mới của cách mạng. Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ đó do thường vụ cấp ủy và thường vụ Đảng đoàn biết, không đem bàn công khai, nhưng phải báo cáo cho cấp trên trực tiếp quản lý biết.

2. Kiểm tra lại việc phân công, bố trí cán bộ giữa tỉnh, huyện và cơ sở. Những bất hợp lý kiên quyết điều chỉnh. Hướng bố trí tối cần đảm bảo đồng bộ, cân đối giữa các ngành, các cấp từ cơ sở đến

huyện và tỉnh. Cần ưu tiên cho kinh tế những cán bộ có khả năng thực sự và đảm bảo những cán bộ ưu tú nhất cho những cương vị chủ chốt (bí thư, chủ tịch, trưởng ty, ban, v.v.).

Các ngành trên cơ sở quan điểm, đường lối, tiêu chuẩn cán bộ của Đảng, căn cứ vào đội ngũ cán bộ của ngành mà điều chỉnh, bố trí nhằm sử dụng có hiệu quả nhất năng lực của cán bộ, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị một cách xuất sắc nhất. Cần ưu tiên cho những cơ sở trực tiếp sản xuất vật chất, phải tăng cường một số cán bộ chất lượng các ngành cho huyện nhằm kiện toàn một bước các ngành huyện đảm bảo hoàn thành được nhiệm vụ xây dựng cấp huyện do Trung ương đề ra.

Cần thanh toán cách bố trí cán bộ theo lối hành chính và địa dư. Phải bố trí có trọng điểm, đồng bộ, nhất thiết phải có phương án kinh tế mới bố trí cán bộ kỹ thuật, quản lý.

Cố gắng bố trí cán bộ theo ngành học và sở trường, đi vào chuyên môn hóa cán bộ, vận dụng chính sách và các biện pháp thích hợp nhằm động viên, khuyến khích cán bộ phát huy mọi khả năng đóng góp tới mức cao nhất cho sự nghiệp xây dựng đất nước.

Trong quá trình bồi dưỡng, sử dụng cán bộ cần chú trọng phát hiện các tài năng mới có kế hoạch bồi dưỡng đúng mức, cần mạnh dạn cất nhắc kịp thời những tài năng đó. Phải có ý thức tự giác tuyển lựa một số cán bộ có năng lực, kinh nghiệm tốt, có sức chiến đấu, có phẩm chất chính trị tốt chuyển sang đào tạo cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý nhằm bổ sung sức chiến đấu, lực lượng lãnh đạo mới. Mặt khác, phải khẩn trương, kiên quyết cử những cán bộ nay là lãnh đạo nhưng văn hóa còn thấp, chuyên môn ngành chưa được đào tạo, lý luận Mác - Lênin chưa học, phải có tính toán từng bước, có chương trình học cho có kết quả trong một thời gian ngắn nhất. Đối với những cán bộ ốm yếu cần kiên quyết cho đi điều trị, điều dưỡng một cách có kế hoạch. Những cán bộ gặp khó khăn về đời sống gia đình, tập thể cần có kế hoạch giúp đỡ không thể để

cán bộ, đảng viên đi vào làm những việc xoay xở riêng tư không chính đáng.

Đối với những cán bộ có vấn đề lịch sử, hoặc phạm tiêu chuẩn phải xử lý ra khỏi Đảng, cần có một nhận thức đánh giá đúng đắn để giao việc sử dụng một cách hợp lý tránh thành kiến hẹp hòi, có hại cho công tác cách mạng.

3. Cần phát huy các biện pháp lớn đã tổng kết, khắc phục thật nhanh những thiếu sót của đội ngũ cán bộ. Lãnh đạo công tác tổ chức cán bộ của các cấp phải tập trung vào việc củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng, phát triển mạnh đảng viên, chú trọng vào nông thôn, vùng cao, vào các hướng (các vùng kinh tế, các ngành, khu kinh tế quan trọng...) nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đảm bảo việc lãnh đạo toàn diện của Đảng bộ ta trên tất cả các mặt, các khâu công tác, hoàn thành nhiệm vụ chính trị một cách vững chắc và ngày càng tiến lên đáp ứng những yêu cầu mới của cách mạng.

4. Kiện toàn và mở rộng hệ thống các trường đào tạo từ trường Đảng đến các trường nghiệp vụ khác trong tỉnh. Nếu xét cần cho thành lập các trường mới hoặc cho sáp nhập, mở rộng quy mô một số trường cho thích hợp với tình hình mới và đi dần vào chính quy. Mở các trường thiếu nhi vùng cao ở các khu vực cần thiết nhằm đào tạo đội ngũ cán bộ dân tộc có chất lượng đảm bảo những yêu cầu mới của cách mạng, tăng cường và đẩy mạnh các loại giáo dục chính trị, văn hóa hàm thụ tại chức một cách có kế hoạch. Hết sức coi trọng giáo dục tư tưởng cách mạng tiến công mới, giải quyết những tư tưởng tồn tại trong đội ngũ cán bộ. Chú ý kiện toàn đội ngũ giáo viên có phẩm chất tốt, có năng lực, chất lượng giảng dạy trong các trường phải nắm vững mục đích, đối tượng đào tạo cho yêu cầu nhiệm vụ chính trị, quán triệt đầy đủ yêu cầu đào tạo cán bộ địa phương Lào Cai (bao gồm cả cán bộ người ở nơi khác đến). Trong quá trình đào tạo cần xây dựng một động cơ đúng đắn cho

các loại cán bộ với ý thức cách mạng sâu sắc, chấp hành mọi sự phân công công tác một cách tự giác.

5. Vấn đề quản lý đội ngũ cán bộ

Về nguyên tắc, vấn đề quản lý cán bộ căn cứ vào Nghị quyết 04 của Ban Chấp hành tỉnh Lào Cai ra ngày 30-12-1970.

Do tình hình cách mạng phát triển và căn cứ vào Nghị quyết 225 của Bộ Chính trị, Tỉnh ủy nhất trí bổ sung vào Nghị quyết 04 những vấn đề sau:

- Tăng cường cải tiến công tác cán bộ đối với các cấp ủy và Đảng đoàn. Tập thể cấp ủy và Đảng đoàn cần quán triệt công tác cán bộ, là nhiệm vụ quan trọng của toàn Đảng bộ, nhưng trách nhiệm lớn và tập trung là của các cấp ủy và Đảng đoàn. Mọi cấp, mọi ngành phải nghiêm chỉnh thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng trong công tác tổ chức cán bộ về mọi mặt (đánh giá nhận xét điều động, đào tạo, đề bạt, kỷ luật, v.v.).

Từng tổ chức phải xây dựng được chức năng cụ thể của từng đơn vị. Phải có tiêu chuẩn cụ thể cho từng loại cán bộ để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và từng người có hướng phấn đấu. Lãnh đạo phải giao khối lượng công tác cụ thể, định rõ yêu cầu và quy định thời gian nhất định để có cơ sở nhận xét đánh giá cán bộ.

- Tỉnh ủy thống nhất quản lý toàn diện đội ngũ cán bộ. Nhưng Tỉnh ủy trực tiếp quản lý cá nhân cán bộ đến các đối tượng như Nghị quyết 04 và quyết định mở rộng diện cán bộ tỉnh quản lý đến các loại cán bộ khoa học kỹ thuật đã tốt nghiệp đại học trở lên.

Tỉnh ủy quản lý đến đâu thì Nhà nước cũng làm đến mức đó theo những thủ tục, quy chế đã định. Số còn lại cần phân cấp cho cấp dưới và ngành quản lý. Ngoài số cán bộ nói trên, tỉnh còn phải làm đầy đủ trách nhiệm với số cán bộ Trung ương qua từng thời kỳ, làm đúng những quy định của Trung ương và xây dựng tốt mối quan hệ và lối làm việc với các Đảng đoàn, Ban ở Trung ương.

Sự hoạt động của công tác cán bộ thường có mối quan hệ đến nhiều cấp, nhiều ngành, thậm chí cả nhiều tỉnh hoặc lên Trung ương. Nếu để cho từng ngành đứng ra giải quyết các mối quan hệ ấy sẽ gặp nhiều khó khăn, có khi phát sinh mâu thuẫn có ảnh hưởng đến chính sách cán bộ, Tỉnh ủy quy định:

- Những cán bộ thuộc diện tỉnh quản lý công tác ở các ngành, các cấp, khi điều động, đề bạt nâng lương và thực hiện các chế độ, chính sách cán bộ phải được Tỉnh ủy quyết định mới được thực hiện.

- Để đảm bảo thống nhất quản lý cán bộ tỉnh quy định một số vấn đề sau đây phải được tỉnh xét duyệt trước khi thi hành:

- + Những cán bộ phạm pháp luật phải đưa ra truy tố trước pháp luật từ án treo đến tù ngồi.

- + Cho đi học đại học các loại trong và ngoài nước.

- + Điều động, chuyển công tác ra ngoài tỉnh.

- + Điều động đi B, C, K...

- Cần kiện toàn hệ thống tổ chức quản lý cán bộ của các cấp ủy, các Đảng đoàn. Đảm bảo những cán bộ làm công tác tổ chức, quản lý hồ sơ cán bộ có đủ tiêu chuẩn chính trị, phẩm chất đạo đức và nghiệp vụ chuyên môn.

- Các cấp ủy, Đảng đoàn phải chỉ đạo thật chặt chẽ công tác cán bộ. Trong năm 1974 phải xây dựng hoặc bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ của từng cá nhân cán bộ thuộc quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

Cần chú ý làm tốt, thường xuyên nhận xét định kỳ hàng năm nhanh gọn cho từng cán bộ và tổ chức của mình.

6. Đề bạt cán bộ

Việc đề bạt cán bộ phải đảm bảo đánh giá cán bộ đúng đắn theo 5 tiêu chuẩn, vận dụng sát với từng người, tránh chủ quan một chiều hoặc phiến diện. Đảm bảo bồi dưỡng rồi mới giao nhiệm vụ và phải kết hợp giáo dục, sử dụng với đề bạt. Từ nay trở đi phải đưa công tác đề bạt cán bộ vào quy hoạch và tiêu chuẩn hóa. Cán bộ được đề bạt nhất thiết phải có trình độ văn hóa.

a) Cấp huyện và phòng ở các ngành tỉnh:

- Văn hóa phải qua cấp II trở lên.
- Chuyên môn ít nhất có trình độ trung cấp của ngành.
- Chính trị phải qua chương trình sơ cấp.

b) Lãnh đạo của cấp tỉnh và chủ chốt cấp huyện, thị:

- Văn hóa: phải qua cấp III.
- Chuyên môn: phải có trình độ đại học quản lý ngành.
- Chính trị: phải qua chương trình trung cấp.

III. TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC CÁN BỘ

Các tập thể cấp ủy, Đảng đoàn phải luôn gắn chặt với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị với công tác cán bộ; đặt công tác tổ chức, chỉ đạo, giáo dục, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng, đề bạt cán bộ dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của tập thể cấp ủy, Đảng đoàn một cách thường xuyên. Phải cải tiến một bước công tác cán bộ đối với các cấp ủy Đảng cả về nhận thức và lề lối làm việc. Đảm bảo thực hiện đúng đắn nguyên tắc tập trung dân chủ trong mọi lĩnh vực công tác cán bộ.

Phải phát huy đầy đủ vai trò của chính quyền và các đoàn thể quần chúng trong việc quản lý cán bộ. Thông qua việc giáo dục, rèn luyện nhận xét cán bộ định kỳ hằng năm để đẩy đội ngũ cán bộ tiến lên hoàn thành nhiệm vụ chính trị một cách suất sắc.

Các đồng chí thủ trưởng cơ quan, xí nghiệp, bí thư Đảng ủy và Đảng đoàn là người trực tiếp phụ trách công tác cán bộ. Phải nghiên cứu nắm vững các quan điểm, đường lối, chính sách, tiêu chuẩn cán bộ để bồi dưỡng cho tập thể cấp ủy, Đảng đoàn và lãnh đạo cơ quan vận dụng vào công tác cán bộ, coi đó là một nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của công tác lãnh đạo Đảng bộ và cơ quan.

Ban Tổ chức Tỉnh ủy có nhiệm vụ giúp Tỉnh ủy nghiên cứu, hướng dẫn thống nhất việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch công tác cán bộ và những nghiệp vụ về công tác cán bộ cho các Đảng đoàn

và cấp ủy bên dưới; nghiên cứu và có kế hoạch giúp cấp ủy để Tỉnh ủy kiểm tra việc thực hiện vận dụng các đường lối, chính sách, nghị quyết về cán bộ của các Đảng đoàn, cấp ủy bên dưới; đề xuất báo cáo với Tỉnh ủy những vận dụng về chính sách cán bộ nói chung và vận dụng chính sách cán bộ ở từng dân tộc nói riêng.

Nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới đặt ra những yêu cầu rất cao đối với đội ngũ cán bộ, đồng thời cũng tạo những điều kiện rất thuận lợi cho việc phát triển và nâng cao đội ngũ cán bộ. Nhận thức rõ tình hình và nhiệm vụ mới, quán triệt nghị quyết của Đảng về công tác cán bộ, phấn khởi trước những thắng lợi to lớn của cách mạng. Tỉnh ủy tin tưởng rằng phát huy những thành tích đã đạt được với kinh nghiệm của Đảng bộ nhất định công tác cán bộ của tỉnh ta sẽ có sự chuyển biến mạnh mẽ, đội ngũ cán bộ tỉnh ta sẽ trưởng thành nhanh chóng, vươn lên hoàn thành nhiệm vụ chính trị của Đảng trong giai đoạn mới một cách xuất sắc.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ

TRƯỜNG MINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

KẾ HOẠCH CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

**Tiến hành đợt sinh hoạt chính trị
nhằm thấm nhuần và bảo đảm thực hiện thắng lợi
Nghị quyết lần thứ 22 của Trung ương Đảng***

Căn cứ kế hoạch số 06-CV/TW ngày 4-3-1974 của Ban Bí thư Trung ương về đợt sinh hoạt chính trị, nhằm làm thông suốt và bảo đảm chấp hành Nghị quyết hội nghị lần thứ 22 của Trung ương Đảng Tỉnh ủy đề ra kế hoạch tiến hành như sau:

1. Cần nắm vững mục đích, yêu cầu của đợt sinh hoạt chính trị mà Trung ương đã đề ra

Ở tỉnh ta, cần nhấn mạnh là một trong đợt sinh hoạt chính trị này phải làm cho mọi người, mọi tầng lớp được thảo luận, học tập nghị quyết của Trung ương, và có liên hệ thực tế đối với địa phương, đơn vị, tìm ra nguyên nhân thắng lợi, tồn tại của mỗi cấp, ngành, đơn vị và biện pháp thực hiện thuộc về ngành nào thì ngành đó đi sâu vào thảo luận, rồi vận dụng, biến thành nghị quyết của cấp và ngành, đơn vị. Quá trình đợt sinh hoạt này, phải đẩy mạnh việc phê bình, tự phê bình làm chính trong từng cấp, từng ngành, từng người, cuối cùng nhằm đạt được sự nhất trí cao về nội dung tư tưởng, quan điểm cơ bản của Trung ương, sự đánh giá tình hình,

* Dự thảo, ngày 5-4-1974.

kiểm điểm ưu, khuyết điểm, chủ trương, biện pháp của địa phương, đơn vị về mặt quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước, quản lý xã hội và nhất trí với những biện pháp lớn để khắc phục, v.v..

Trên cơ sở học tập quán triệt nghị quyết và tự phê bình phải tạo ra được một phong trào thi đua lao động sản xuất thực hành tiết kiệm theo hướng và mục tiêu của Trung ương và Nghị quyết của Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh đề ra tháng 5-1974. Từng đơn vị, từng địa phương sẽ phát động từng đợt ngắn tập trung giải quyết những vấn đề có tính then chốt của mỗi địa phương, ngành; sau mỗi đợt như vậy sẽ sơ kết để nâng trình độ lãnh đạo và chỉ đạo của mỗi cấp lên, nâng sự giác ngộ của quần chúng lên. Để thực hiện được nghị quyết về mặt tổ chức như Kế hoạch Trung ương vạch ra, nhưng đối với tỉnh ta về mặt này phải được củng cố và xây dựng tổ chức cho vững mạnh hơn và trước hết lần này mỗi ngành, cấp, ban phải làm rõ chức năng, chức trách và quan hệ giữa các tổ chức đảng, nhà nước, quần chúng.

Trên cơ sở học tập sinh hoạt mà đấu tranh phê phán, khắc phục những tư tưởng sai trái với đường lối nghị quyết của Đảng tại đảng bộ như: đấu tranh giữa hai con đường, chống tính tự phát của sản xuất nhỏ, tâm lý và thói quen của xã hội cũ, du canh du cư, đốt phá rừng bừa bãi, chống tàn tích của tư tưởng giai cấp bóc lột đang đục khoét và cản trở chế độ xã hội chủ nghĩa; phải đấu tranh khắc phục những biểu hiện chủ nghĩa cá nhân: giảm ý chí chiến đấu, sợ gian khổ, hy sinh, ngại đi cơ sở, không yên tâm công tác, xin xuôi, xin chuyển, xin nghỉ, suy bì, kèn cựa, mất đoàn kết, tư tưởng trung bình chủ nghĩa, "nước chảy bèo trôi", tự ti, tư lợi, chạy theo làm ăn riêng lẻ, vun vén cho cá nhân, "chân ngoài dài hơn chân trong". Khắc phục những tệ nói dối, báo cáo sai sự thật, thấy đúng không dám bảo vệ, thấy sai không dám đấu tranh; thái độ cơ hội, giao động, tiểu tư sản, hoài nghi, bi quan, thiếu sự tin tưởng ở sự lãnh đạo các địa phương, tư tưởng ỷ lại, hủu khuynh, bảo thủ, tiêu cực, lười biếng; chống tác phong quan liêu, hách dịch,

vi phạm quyền làm chủ tập thể của quần chúng và xâm phạm tài sản của Nhà nước; khắc phục tình trạng vô tổ chức, vô kỷ luật, lãng phí, tham ô, nói năng tùy tiện và khắc phục tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, địa phương, cục bộ bản vị. Trên đây là nêu chung, còn từng địa phương phải vạch rõ giải quyết những tư tưởng cụ thể của địa phương, đơn vị sát hơn.

2. Cần nắm vững cách tiến hành và nội dung đợt sinh hoạt chính trị

Trong khi tiến hành phổ biến tuyên truyền rộng rãi tinh thần nghị quyết của Trung ương, thì các cấp ủy, các đảng, đoàn, ngành, ty, ban xúc tiến chuẩn bị tiến hành đợt sinh hoạt chính trị: học tập sâu nghị quyết của Trung ương và báo cáo kiểm điểm phê bình, tự phê bình, đánh giá đúng đắn những mặt đã làm được, những tồn tại, thiếu sót và nguyên nhân để có phương hướng, biện pháp khắc phục. Tiến hành tổ chức phân công chỉ đạo thực hiện nghị quyết từng đợt có tập trung dứt điểm một số trọng tâm, tạo ra sự chuyển biến nhận thức và hành động bảo đảm thực hiện thắng lợi từng bước Nghị quyết của Trung ương Đảng.

Nội dung sinh hoạt chính trị: Về mặt học tập thì lấy Nghị quyết của Trung ương Đảng làm văn bản chính thức và bài Những tư tưởng chủ đạo và quan điểm cơ bản của Nghị quyết do đồng chí Lê Thanh Nghị viết (đăng trên báo *Nhân Dân* ngày 14, 15, 16-3-1974) mà học tập để quán triệt từ các cấp ủy đảng, huyện, thị và tương đương trở lên. Báo cáo kiểm điểm tự phê bình và phê bình và những biện pháp khắc phục ở hội nghị học tập sinh hoạt chính trị ở mỗi cấp, ngành phải đi tới có nghị quyết và hành động, có phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng đồng chí chịu trách nhiệm chỉ đạo thực hiện từng đợt.

Tài liệu học tập ở chi bộ cơ sở thì lấy nghị quyết tóm tắt do Trung ương biên soạn. Trong thời gian học tập, các đảng ủy, chi ủy phải có báo cáo kiểm điểm và đề ra biện pháp khắc phục những thiếu sót tồn

tại của đơn vị mình. Ngoài ra phải thường xuyên học tập, tuyên truyền những chính sách, chế độ, pháp luật của Nhà nước.

Cách tiến hành ở quần chúng:

- Ở tỉnh và huyện, thị: các đoàn thể quần chúng: Thanh niên, Phụ nữ, Công đoàn, Mặt trận Tổ quốc mở hội nghị học tập cho cán bộ lãnh đạo của đoàn thể mình, có kế hoạch hướng dẫn cho cơ sở. Liên hệ kiểm điểm và đề ra chương trình hành động thuộc đoàn thể mình (bám vào trọng tâm công tác của cấp ủy địa phương, ngành mà tổ chức chỉ đạo và kiểm tra uốn nắn phong trào quần chúng); đồng thời qua đó mà củng cố, kiện toàn tổ chức và sửa đổi lề lối làm việc của cấp mình.

Ở cơ quan, xí nghiệp, công - nông - lâm trường và trường học: Ban chỉ ủy, đảng ủy cơ sở và thủ trưởng cơ quan chịu trách nhiệm lãnh đạo học tập nghị quyết, báo cáo kiểm điểm và phương hướng nhiệm vụ lãnh đạo tổ chức, chỉ đạo ngành mình, đơn vị mình, từng đợt phát động phong trào thi đua sâu rộng trong quần chúng [...] và có kế hoạch hướng dẫn, kiểm tra ngành dọc, cấp dưới nhằm hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước từng quý, năm; đồng thời xây dựng mối quan hệ giữa Đảng đoàn với cấp ủy địa phương, giữa bộ môn tham mưu với cơ sở trực tiếp sản xuất và xây dựng nếp làm việc đi sâu, đi sát, giải quyết kịp thời.

Công đoàn, Thanh niên, Hội Phụ nữ thống nhất vào một mối dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, chi bộ trong việc tổ chức học tập sinh hoạt với những vấn đề chung, còn mỗi đoàn thể cần đi sâu thêm nhiệm vụ của đoàn thể mình để thực hiện nghị quyết chung.

Tài liệu học tập: Báo cáo của đồng chí Lê Thanh Nghị trước Quốc hội khóa IV, kỳ họp thứ tư. Ngoài ra, các đoàn thể nào cần đi sâu vào nhiệm vụ, chức năng của đoàn thể ấy để vận dụng thực hiện nghị quyết của Trung ương Đảng và nghị quyết của Quốc hội

Ở nông thôn, thị trấn, thị xã: Các huyện, thị, đảng ủy chịu trách nhiệm trực tiếp lãnh đạo truyền đạt nghị quyết của Trung ương và của Tỉnh ủy cho chi bộ, chi bộ sẽ phân công bảo đảm học

tập cho các đoàn thể quần chúng, các hợp tác xã và xã viên, chi ủy kiểm điểm trước chi bộ, Ban Chấp hành đoàn thể báo cáo kiểm điểm trước đoàn thể mình, hợp tác xã kiểm điểm trước xã viên.

Trước và sau khi học tập đều chủ ý có những đợt chỉ đạo dứt điểm từng việc, qua đó mà để quần chúng phê bình, tự phê bình góp ý kiến xây dựng, đẩy phong trào từng bước tiến lên vững vàng (vừa làm vừa học).

Các huyện, thị cần chú ý bồi dưỡng báo cáo viên biết tiếng địa phương thông thạo để truyền đạt tinh thần Nghị quyết có hiệu quả tốt.

Tài liệu cho nông thôn lấy tài liệu biên soạn do Ty Văn hóa - Thông tin phát hành theo thể vấn đáp.

3. Một số biện pháp lãnh đạo và chỉ đạo đợt sinh hoạt chính trị học tập và thực hiện Nghị quyết 22 của Trung ương Đảng

- Tăng cường đoàn kết nhất trí trong toàn Đảng, toàn dân trên cơ sở nghị quyết của Trung ương Đảng, nâng cao tinh thần trách nhiệm, quán triệt sâu sắc nghị quyết, nêu cao tinh thần nghiêm túc tự phê bình và phê bình, phát huy quyền tập trung dân chủ trong học tập và thực hiện Nghị quyết của Trung ương và của Tỉnh ủy. Biết giữ gìn bí mật quốc gia, chống lối làm qua loa, tặc trách, hình thức chủ nghĩa, hô hào chung chung. Trong lãnh đạo, các cấp chú ý tránh tư tưởng tự phê bình qua loa, cho là đại hội đã kiểm điểm rồi nay cũng không có gì mới nên không kiểm điểm nữa.

- Phát huy tự do tư tưởng trong học tập, thực sự tôn trọng quyền làm chủ tập thể của quần chúng, uốn nắn kịp thời những lệch lạc trong nhận thức tư tưởng, cũng như trong hành động, học phải đi đôi với hành, biến nghị quyết thành hiện thực, thành hành động cách mạng. Vừa học tập vừa đẩy mạnh sản xuất và công tác, chống lối học cho xong chuyện, học để lấy số liệu báo cáo cấp trên. Các cấp ủy chịu trách nhiệm trực tiếp lãnh đạo kiểm tra truyền

đạt nghị quyết của Trung ương và Tỉnh ủy cho cấp mình phụ trách, các ban xây dựng đảng có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra, theo dõi các cơ sở tiến hành học tập và thực hiện nghị quyết của Trung ương và của Tỉnh ủy. Mỗi ban phải đi sâu vào kiểm tra, đôn đốc, phát hiện, uốn nắn những vấn đề thuộc về chức năng của mình đối với cơ sở và báo cáo Thường vụ Tỉnh ủy. Báo, đài, thông tin văn hóa, văn nghệ tích cực phục vụ tốt sinh hoạt chính trị. Tập trung mọi hình thức để tuyên truyền cho những mục tiêu trọng điểm của tỉnh, huyện, thị xã và của các ngành, biểu dương người tốt, việc tốt kịp thời, sát thực; phê phán mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội làm cản trở đến việc học tập và thực hiện nghị quyết.

- Các ngành, các cấp, các địa phương, đơn vị cần phải có chỉ đạo trọng điểm. Xây dựng điển hình, cụ thể hóa các mục tiêu của phong trào thi đua lao động sản xuất và thực hành tiết kiệm, phát huy những thế mạnh của tỉnh ta, tạo ra khí thế thi đua sôi nổi trong toàn tỉnh nhằm hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ 2 năm khôi phục và phát triển kinh tế thuộc phạm vi của mình, góp phần xứng đáng đưa tỉnh ta tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội. Thắng lợi của nghị quyết là hành động cách mạng của quần chúng ở cơ sở, biến nghị quyết thành hiện thực, có hiệu quả kinh tế, là thắng lợi của kế hoạch nhà nước 2 năm khôi phục và phát triển kinh tế. Vì vậy, các ngành, các cấp phải biết tổ chức và phát động được quần chúng, động viên học tập, quán triệt và thực hiện tốt nghị quyết.

4. Thời gian tiến hành

Nói chung bảo đảm học tập sâu rộng đến từng người dân, từng đoàn viên và hội viên. Những nơi chưa phổ biến tinh thần nghị quyết thì đến ngày 15-5 phải phổ biến xong, đến hết ngày 15-6 học xong toàn bộ.

Căn cứ vào Biên bản Kế hoạch số 06-CV/TW ngày 4-2-1974 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và bản kế hoạch của Tỉnh ủy,

các cấp ủy đảng, các ngành cần nghiên cứu kỹ về vận dụng thực hiện nghiêm chỉnh, đầy đủ ở cấp, ngành mình.

Ban Tuyên huấn cùng các ban của Tỉnh ủy cần đi sát theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giúp đỡ các cấp, ngành, các cơ sở tổ chức học tập, quán triệt và thực hiện thắng lợi Nghị quyết Hội nghị lần thứ 22 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng theo đúng bản Kế hoạch số 06 của Ban Bí thư Trung ương và kế hoạch của Tỉnh ủy, thường kỳ có báo cáo kết quả với Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 05-BC/TU, ngày 15-4-1974

Về tình hình công tác quý I năm 1974

Với niềm vui mừng phấn khởi trước thắng lợi đã đạt được trong năm 1973, với không khí thi đua lập thành tích kỷ niệm lần thứ 44 ngày thành lập Đảng, chào mừng đại hội các đoàn thể quần chúng ở Trung ương, sau khi được nghe phổ biến tinh thần Nghị quyết hội nghị lần thứ 22 của Trung ương, nghị quyết của Quốc hội khóa IV kỳ họp thứ tư; cán bộ, đảng viên và quần chúng đã có những chuyển biến nhận thức, biểu hiện bằng hành động cụ thể trên các mặt công tác và đã đạt được một số kết quả như sau:

I. SẢN XUẤT ĐÔNG XUÂN 1973 VÀ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 1973

1. Về nông - lâm nghiệp

Kế hoạch đông xuân năm nay được chuẩn bị sớm và đã được các cấp, các ngành triển khai xuống cơ sở. Một số địa phương đã vận động quần chúng tập trung làm tốt một số công tác chủ yếu phục vụ cho vụ đông xuân như thủy lợi, phân bón, làm đất gieo trồng cho vụ xuân, chăm sóc cây trồng vụ đông, phòng và chống rét, phòng trừ bệnh cho gia súc, khai hoang phục hóa, cày ải ruộng mùa... Đầu năm, mặc dù thời tiết không thuận lợi (rét và

hạn hán kéo dài) mạ bị chết, nhiều địa phương đã kịp thời gieo thêm mạ, các công trình thủy lợi đã được tu sửa, nhân dân đã đắp thêm mương phai để tận dụng thêm công suất, cố gắng cấy được diện tích cao nhất.

Kết quả các mặt sản xuất đông xuân, tính đến 27-3-1974 đã đạt được:

a) Về trồng trọt: Diện tích đã cấy được 2.250 ha, bằng 95% kế hoạch, trong đó lúa xuân mới cấy được 630 ha, bằng 26,5% kế hoạch và chỉ bằng 50% so với cùng kỳ năm trước. Ngô xuân đã trồng được 1.039 ha (trong đó 40 ha ngô lai, đạt 8,6% kế hoạch và bằng 95% so với cùng thời kỳ năm trước. Sắn đã trồng được 171 ha đạt 9,6% kế hoạch. Đậu tương xuân đã trồng 400 ha bằng 50%. Seo trồng được 244 ha bằng 62% kế hoạch.

Ngoài ra, các công trường quốc doanh đã trồng được 10 ha cam, 1 ha tam thất; đã chuẩn bị được một số đất để trồng cây công nghiệp dài ngày như: chè, dứa, sả và trồng thức ăn cho gia súc.

b) Về chăn nuôi: Đàn gia súc, chủ yếu là đàn lợn đang khôi phục sau dịp Tết Nguyên đán. Công tác phòng, chống rét cho gia súc nói chung đã chủ động được ngay từ đầu vụ rét nên không bị thiệt hại nhưng thời gian gần đây, một vài địa phương trong tỉnh đã xảy ra nạn dịch lợn, mặc dù đã có kế hoạch bao vây dập tắt nhưng dịch vẫn còn phát triển đã làm chết hơn 500 con lợn.

c) Về nghề rừng: Ước tính cả quý I chỉ trồng được 117 ha bằng 11,7% kế hoạch cả năm, chủ yếu là do lực lượng lâm trường quốc doanh. Một vài huyện có phong trào trồng cây gây rừng nhưng chưa sôi nổi đều khắp. Việc giao khoán cho các hợp tác xã trồng rừng, bảo vệ và kinh doanh nghề rừng chưa làm được mấy, nghề rừng nhìn chung còn rất yếu, nạn đốt phá rừng còn xảy ra.

d) Về đời sống nhân dân: Tình hình đời sống nhân dân ở vùng thấp cũng như vùng cao hiện nay vẫn bảo đảm chưa đâu xảy ra thiếu ăn đáng kể. Tuy nhiên, vẫn cần phải giáo dục ý thức tiết kiệm lương thực để đề phòng thiếu ăn trong những ngày giáp hạt.

Qua tình hình sản xuất và đời sống như trên, có thể đánh giá rằng vụ sản xuất đông xuân đã gặp nhiều khó khăn về thời tiết (rét hại kéo dài) hơn nữa công tác và biện pháp kiểm tra, đôn đốc của các cấp, các ngành thiếu thường xuyên, liên tục, chặt chẽ, khẩn trương cho nên phong trào chưa mạnh, chưa đều, thậm chí có những nơi, những mặt còn yếu, nên tốc độ sản xuất so với thời vụ còn chậm, so với kế hoạch đặt thấp, so với cùng thời kỳ năm trước nói chung đều kém hơn.

Do công tác tư tưởng, tổ chức chỉ đạo chưa chặt nên phong trào hợp tác xã ở vùng cao sau khi thực hiện Nghị quyết 109 của Hội đồng Chính phủ có chiều hướng giảm sút. Trong khi đó việc củng cố phong trào chưa được quan tâm đúng mức, nên việc chỉ đạo thiếu nhạy bén, khẩn trương, chặt chẽ và đã hạn chế kết quả. Việc đấu tranh giữa hai con đường chưa được dứt khoát, triệt để nên nhận thức về làm ăn lớn xã hội chủ nghĩa chưa được quán triệt đầy đủ chuyển biến còn yếu, tư tưởng làm ăn nhỏ còn biểu hiện khá rõ rệt, ý thức trách nhiệm đối với sản xuất và hợp tác xã chưa cao, kế hoạch nhiều mặt còn thiếu cân đối, đồng bộ nên đã ảnh hưởng đến công tác tổ chức, chỉ đạo, phục vụ sản xuất nông nghiệp trong tỉnh.

2. Về công nghiệp

Công nghiệp địa phương: Tuy có khó khăn do thiếu nguyên liệu, phụ tùng, một số cơ sở chưa được giao chỉ tiêu kế hoạch sản xuất cụ thể hoặc thay đổi cơ cấu mặt hàng, nhưng nói chung các cơ sở đều cố gắng duy trì sản xuất, kịp thời phục vụ sản xuất đông xuân và đời sống nhân dân trong tỉnh. Trong thủ công nghiệp, công tác chế biến hoa màu, chế biến gạo... và dệt tằm, mảnh xuất khẩu có được phát triển nhưng việc chế biến gạo, sản phẩm chủ yếu là do cá thể.

Giá trị tổng sản lượng quý I/1974 của công nghiệp địa phương ước thực hiện được 3.757.400 đồng bằng 94,6% so kế hoạch; trong đó công nghiệp quốc doanh đạt 100%, thủ công nghiệp đạt 80,5%. Nhóm A đạt 72,5% và nhóm B đạt 117,2%.

Sản xuất công nghiệp tuy đạt kế hoạch về giá trị tổng sản lượng nhưng các chỉ tiêu sản phẩm chủ yếu lại đạt thấp (trung tu ô tô, máy công cụ, lưỡi cày...) công tác quản lý tuy có tiến bộ nhưng vẫn chưa theo kịp với yêu cầu.

Xây dựng cơ bản: Tranh thủ thời tiết thuận lợi đã tập trung chỉ đạo thi công các công trình trọng điểm chuyển tiếp trong công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải và phục vụ dân sinh. Việc sản xuất vật liệu xây dựng: vôi, gạch, ngói... trong các hợp tác xã được phát triển và đẩy mạnh. Công tác đào tạo, bồi dưỡng công nhân được tăng cường. Công tác khảo sát, dự toán, thiết kế cho một số công trình kế tiếp đang được xúc tiến.

Nhưng hiện tượng mất cân đối trong xây dựng cơ bản như thường xuyên thiếu gỗ, vôi, xi măng, lao động và thiết bị thi công vẫn chưa khắc phục được. Hơn nữa, năng suất lao động trên các công trường lại thấp đã ảnh hưởng đến tốc độ thi công các công trình. Vì vậy, kế hoạch đầu tư vốn quý I-1974 đạt thấp, ước đạt 1.238.000 đồng bằng 48,7% kế hoạch.

Giao thông vận tải: Các phương tiện được tập trung để vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ cho xây dựng cơ bản, hàng hóa, lương thực phục vụ dân sinh và phục vụ sự đi lại của nhân dân trong tỉnh, lực lượng vận tải thô sơ có được khai thác, huy động hỗ trợ, thay thế cơ giới trong vận chuyển đường ngắn.

Tuy nhiên một phần do thiếu phụ tùng thay thế nhưng chủ yếu là do công tác quản lý chưa tốt nên tỷ lệ đầu xe tốt, doanh vận trong tháng đạt thấp đã ảnh hưởng đến kế hoạch luân chuyển. Tổng khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển so với kế hoạch quý ước đạt 106% về tấn và 77% về tấn/km. Tổng khối lượng hành khách so với kế hoạch quý ước đạt 93% về lượt người và 83% về lượt người/km.

Công nghiệp trung ương đóng tại địa phương: Tuy có khó khăn về máy móc thiết bị, phụ tùng thay thế nhưng các xí nghiệp trung ương đóng tại địa phương đã có nhiều cố gắng để hoàn thành và

hoàn thành vượt mức các kế hoạch quý I-1974 của cơ sở mình, đồng thời cố gắng đóng góp xây dựng và phát triển kinh tế địa phương. Một số cơ sở đi đôi với đẩy mạnh sản xuất đang từng bước chuẩn bị cho việc mở rộng quy mô sản xuất và khai thác theo kế hoạch dài hạn. Tổng giá trị sản lượng quý I-1974 của các xí nghiệp trung ương đóng tại địa phương đạt: Mỏ apatít 117,18%, nhà máy điện 92,65%, đoàn địa chất 24 đạt 104,7%, đoàn địa chất 5 đạt 111,2%, đoàn địa chất 39 đạt 93,3%.

3. Về tài chính - thương nghiệp và giá cả

Công tác lương thực: Do thiếu sự giáo dục, vận động, đôn đốc, kiểm tra và sự chỉ đạo thực hiện kế hoạch thu mua không chặt chẽ, tập trung dứt điểm của các cấp, các ngành có trách nhiệm, hơn nữa nhân dân những thôn, xã giáp ranh vùng cao có tư tưởng trông chờ được thực hiện Nghị quyết 109 của Hội đồng Chính phủ đã ảnh hưởng đến tốc độ nhập kho.

Tính đến 20-3-1974 tổng số thóc vụ mùa năm 1973 đã nhập kho được 1.099 tấn 900 bằng 54,37% kế hoạch so với cùng thời kỳ năm trước chỉ bằng 43,8%. Trong đó: Thuế đạt 77,5%, nghĩa vụ đạt 42,2%, sản khô đã mua được 146,5 tấn.

Công tác thu mua nông sản thực phẩm, hàng công nghệ phẩm: Tuy đã có những cố gắng thu mua, nắm nguồn hàng phục vụ sản xuất và đời sống trong các thị trấn, thị xã và một số vùng lân cận song do phương thức thu mua chưa được cải tiến, đội ngũ cán bộ thu mua không được củng cố, nên việc bám vùng, bám cây, bám con để phục vụ có bị hạn chế. Các chỉ tiêu thu mua theo nghĩa vụ nói chung đều đạt thấp, có chiều hướng ngày càng giảm. Sự phối hợp giữa sản xuất và thu mua, lưu thông chưa chặt chẽ, gây thêm trở ngại cho công tác thu mua.

Tổng giá trị thu mua hàng công nghệ phẩm quý I-1974 ước đạt 930.000 đồng, bằng 66,9% kế hoạch và bằng 82,9% so với cùng thời kỳ năm trước. Thu mua hàng xuất khẩu ước đạt 400.200 đồng

bằng 75,5% kế hoạch quý. Hàng nông sản, thực phẩm ước đạt 684.300 đồng bằng 64,7% kế hoạch và bằng 75% so với cùng kỳ năm trước.

Công tác phân phối bán ra: Do thu mua đạt thấp đã ảnh hưởng đến công tác phân phối bán ra. Một số mặt hàng thiết yếu cho đời sống như củi, rau... vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu. Tỷ lệ hàng hóa nằm ở kho còn lớn. Phương thức phân phối (nhất là những ngày lễ, ngày tết và ăn sáng của cán bộ, công nhân viên vẫn chưa được cải tiến đã gây lãng phí lao động xã hội. Bước đầu thực hiện Chỉ thị 205 của Ban Bí thư và Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị, thái độ phục vụ của một số mậu dịch viên ở một số cửa hàng xung quanh thị xã đã được uốn nắn, chấn chỉnh. Cách cân đo, đóng đếm bước đầu đã được sòng phẳng, chính xác hơn. Ở thị xã, các mặt hàng phân phối theo định lượng đã được thanh toán theo quý, không để nợ đọng. Tổng giá trị bán ra quý I năm 1974 ước đạt 5.199.000 đồng bằng 84,1% so với kế hoạch.

Công tác quản lý thị trường: Nhờ có lượng hàng hóa lớn của Nhà nước, nhờ sản xuất và chăn nuôi trong tỉnh được phát triển, công tác quản lý thị trường trong những tháng đầu năm, nhất là trong dịp Tết Nguyên đán có được chú ý, hơn nữa một số mặt hàng thiết yếu được khơi luồng từ xuôi lên giá cả thị trường trong thời gian ấy nói chung ổn định. Gần đây, bà con ở một số tỉnh miền xuôi lên mua sắm ngày càng đông làm cho giá cả các mặt hàng lương thực gạo, ngô xay, sắn khô, bột ngô... lên giá rất nhanh, kéo theo giá cả một số mặt hàng thực phẩm cũng tăng theo đã ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân trong các thị trấn, thị xã nhất là cán bộ, công nhân viên và làm công tác quản lý thị trường và trị an xã hội thêm phức tạp, khó khăn. So với tháng 12-1973 trên thị trường tự do, giá gạo tăng 2,2 lần, ngô xay tăng 2,5 lần, sắn khô tăng 3 lần, v.v.. Chỉ số giá thị trường tự do ước tính tăng 19% so với quý I-1973.

Hiện nay, thị trường tự do đang có chiều hướng phát triển không lành mạnh, số người ra buôn bán trái phép có chiều hướng tăng. Trong lúc đó công tác quản lý thị trường của các cấp, các ngành có trách nhiệm thiếu chủ động phối kết hợp chặt chẽ với nhau. Công tác quản lý thị trường biên giới có nhiều cố gắng trong việc kiểm tra, kiểm soát, chống, bắt lậu đã hạn chế được nhiều hiện tượng tiêu cực, ổn định được tình hình.

Công tác tài chính ngân hàng: Do một số cơ sở công nghiệp không hoàn thành kế hoạch, doanh số bán ra của thương nghiệp đạt thấp hơn nữa do chưa khẩn trương đẩy mạnh thu mua ngay từ đầu năm nên đã ảnh hưởng đến kế hoạch thu của quý I-1974.

Tuy vậy, công tác thu thuế trong khu vực tập thể, cá thể và thuế sát sinh có nhiều cố gắng và đạt kết quả khá. Tổng số thu ngân sách trong quý ước đạt 1.028.300 đồng, bằng 85% kế hoạch. Tổng số chi ước đạt 80,9% kế hoạch. Tiền mặt thu ước đạt 107%, chi ước đạt 103,2% kế hoạch. Công tác vận động gửi tiền tiết kiệm cũng có nhiều cố gắng và được đẩy mạnh trong khu vực thị trấn, thị xã, số dư tăng 36% so với cuối năm 1973, thu nợ đạt 80% kế hoạch. Hoạt động tín dụng cho ngân hàng cũng đã có những cố gắng trong việc đầu tư vốn phục vụ sản xuất công, nông nghiệp phát triển. Vốn cho vay dài hạn đạt 110,7%.

4. Công tác văn hóa và đại hội các đoàn thể quần chúng

- Về văn hóa - thông tin: Trong quý đã tập trung vào việc tuyên truyền giáo dục các nghị quyết lớn của Đảng, Chính phủ, công tác tổng điều tra dân số... đã có sự cố gắng nhằm động viên lòng tự hào, phấn khởi, hăng hái của cán bộ, nhân dân các dân tộc nhằm thực hiện ba nghĩa vụ lớn (nghĩa vụ lao động, bảo vệ Tổ quốc và học tập) nhân dịp Chủ tịch Tôn Đức Thắng tặng lăng hoa cho tỉnh Lào Cai.

Các ngày lễ lớn ở tỉnh (mít tinh đầu xuân đón lăng hoa của Bác Tôn, kỷ niệm thành lập Đảng) đã có các hình thức tuyên

truyền phong phú, có nội dung thiết thực. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ đều có tăng hơn so với trước.

Tuy nhiên, hoạt động văn hóa - thông tin mới chỉ hoạt động tương đối tốt ở các thị xã, thị trấn, phong trào ở vùng cao và nông thôn còn yếu, phong tục tập quán lạc hậu ở một số nơi có chiều hướng phát triển. Các chủ trương, nghị quyết, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước chưa được tuyên truyền phổ biến kịp thời sâu rộng cho nhân dân các dân tộc, đặc biệt là những vùng xa xôi hẻo lánh.

- Về giáo dục: Sau Tết Nguyên đán các trường đã ổn định trường, lớp để tiếp tục giảng dạy, tình hình phong trào các trường vùng thấp có tiến triển tốt hơn so với cùng thời kỳ này một số năm trước. Phong trào thi đua “2 tốt” ở vùng thấp được chú ý hơn, nhưng phong trào giáo dục ở vùng cao về mọi mặt vẫn quá yếu, chưa có các biện pháp tích cực để khắc phục. Cán bộ quản lý phong trào và nhà trường còn yếu. Công tác bổ túc văn hóa, thanh toán nạn mù chữ và ngành học mẫu giáo chưa được đẩy mạnh.

- Về y tế: Chất lượng điều trị tình hình quản lý vật tư, thuốc men, lao động ở một số cơ sở được nâng lên. Các bệnh dịch đã kịp thời được ngăn chặn. Công tác phòng bệnh mùa đông đạt được kết quả tốt. Nhưng phong trào ở một số cơ sở yếu kém vẫn chưa có tiến bộ rõ rệt. Ý thức trách nhiệm của cán bộ, nhân viên y tế chưa được nâng cao, tình trạng mất đoàn kết ở một số nơi vẫn tồn tại, công tác quản lý trạm xá xã không chặt chẽ, đi sâu vào hướng cụ thể để khai thác sử dụng khả năng thuốc nam trong quần chúng nhân dân.

- Công tác bảo vệ bà mẹ, trẻ em: Ở một số mặt đã có tiến bộ (xây dựng nhà trẻ điển hình, bồi dưỡng cô nuôi dạy trẻ, công tác hướng dẫn, vận động sinh đẻ có kế hoạch...); tuy nhiên việc đẩy mạnh xây dựng các nhà trẻ (nhất là ở nông thôn, ở các cơ sở sản xuất...) việc chú ý tăng cường chất lượng mọi mặt cho các nhà trẻ còn phải có nhiều cố gắng mới đáp ứng được các yêu cầu hiện tại ở

trong tình trạng đang đòi hỏi. Công tác chỉ đạo thực hiện cụ thể của một số cán bộ còn lúng túng chưa chủ động được công tác này.

II. CÔNG TÁC TRỊ AN - QUỐC PHÒNG

Việc giữ gìn trật tự trị an bảo vệ biên giới, nội địa vẫn được giữ vững, trong quý đã tập trung vào việc thực hiện Chỉ thị 205 của Ban Bí thư và Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị. Các cơ quan thuộc khối nội chính đã có sự phối hợp chặt chẽ hơn trước. Các ngành, các cơ quan và quần chúng nhân dân có sự hưởng ứng, bước đầu góp phần tạo ra được không khí phấn khởi, tin tưởng, góp phần giáo dục đạo đức, tác phong, xây dựng nếp sống mới, trật tự trị an... ở địa phương. Một số vụ vi phạm tài sản nhà nước và nhân dân đã được xử lý phục vụ cho việc tăng cường quản lý kinh tế, quản lý xã hội.

Tuy nhiên công tác trị an cũng còn một số vụ chưa xác minh, kết luận kịp thời, công tác quản lý hộ khẩu, quản lý thị trường chưa chặt chẽ (nhất là tháng 3 số người ở xuôi lên quá đông). Công tác giữ gìn trật tự trị an chưa thực sự trở thành phong trào quần chúng, phong trào ở nông thôn còn yếu, một số vụ án chưa xử lý kịp thời nhằm phục vụ tốt cho việc củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Công tác quân sự địa phương, sau khi tổng kết khen thưởng năm 1973, một số mặt đã được đẩy mạnh hơn (chấn chỉnh, tăng cường đội ngũ dân quân tự vệ, chỉ đạo một số xã trọng điểm...). Những việc tuyên truyền, động viên tuyển quân làm còn yếu, chưa có sự phối hợp chặt chẽ, còn bị động và lúng túng.

III. CÔNG TÁC ĐOÀN THỂ QUẦN CHÚNG VÀ CHÍNH QUYỀN

1. Về các đoàn thể quần chúng

- Công tác Mặt trận đã cố gắng củng cố tổ chức ở cơ sở nông thôn đồng thời với việc tuyên truyền, giáo dục tình hình nhiệm vụ

mới, động viên mọi người hăng hái sản xuất, công tác, động viên tuyển quân, trồng cây bảo vệ rừng, chống các tập tục mê tín dị đoan trong dịp tết. Công tác kết nghĩa Lào Cai - Thủ Dầu Một đã được tăng cường hơn trước. Việc tổng kết phong trào phụ lão "3 giỏi" (1972-1973) từ cơ sở lên đã thu được kết quả tốt, có tác dụng động viên phong trào ở sở sở.

- Các đoàn thể thanh niên, phụ nữ và công đoàn trong quý đã tập trung vào các công tác giáo dục tư tưởng, chính trị động viên lòng tự hào, phấn khởi cho đoàn viên nhân dịp Đại hội Phụ nữ, đại hội Công đoàn và Hội nghị đại biểu Đoàn Thanh niên Lao động Hồ Chí Minh. Các tổ chức quần chúng đã thông qua việc tuyên truyền kết quả thắng lợi của các đại hội, hội nghị nói trên để làm cho ngành, giới mình quán triệt tình hình nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, xác định vai trò, trách nhiệm của tổ chức quần chúng trong việc hoàn thành ba nghĩa vụ lớn để thực hiện thắng lợi Nghị quyết 22 ở địa phương. Nhìn chung hoạt động của các tổ chức quần chúng có được đẩy mạnh hơn trước, nhưng tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ ở nông thôn và nhất là các xã vùng cao xa xôi vẫn còn nhiều tồn tại, nhiều khâu yếu cần được tiếp tục củng cố.

2. Công tác chính quyền

Hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính cấp tỉnh và huyện, thị vẫn được duy trì đều đặn, có nội dung cụ thể: Hội đồng nhân dân huyện, thị xã đã họp kỳ thứ 3 theo đúng luật quy định. Hội đồng nhân dân tỉnh đã họp kỳ thứ 6 (cuối nhiệm kỳ) để tiến hành kiểm điểm, chuẩn bị cho việc bầu cử Hội đồng nhân dân tỉnh sắp tới. Công tác bầu cử đã và đang được quan tâm chuẩn bị về mọi mặt. Đã tiến hành tổng kết phong trào thi đua xây dựng chính quyền xã giỏi toàn diện 2 năm 1972 - 1973 ở 99/124 xã và đã có 79,8% số xã đăng ký thi đua năm 1974.

Công tác tổng điều tra dân số đã được xác định là công tác quan trọng và đột xuất của toàn Đảng, toàn dân ở địa phương đã

có sự chỉ đạo, tổ chức thực hiện một cách khẩn trương. Tuy vậy, hoạt động của chính quyền ở cơ sở nhất là cấp xã còn yếu, chưa thực hiện đầy đủ chức năng quản lý kinh tế, quản lý nhà nước, thiếu kiên quyết thực hiện để bảo đảm pháp luật của Nhà nước đã ban hành.

IV. CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG:

1. Công tác chính trị tư tưởng

Quý I/1974 những hoạt động phục vụ cho việc giáo dục tư tưởng chính trị đã được tiến hành một cách sôi nổi, khẩn trương ở trong Đảng bộ cũng như trong cán bộ, công nhân viên và nhân dân các dân tộc. Việc Chủ tịch Tôn Đức Thắng tặng lẵng hoa cho tỉnh Lào Cai về thành tích năm 1973, Đại hội các đoàn thể quần chúng ở Trung ương sau khi có Nghị quyết 22 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Nghị quyết của Quốc hội (kỳ họp thứ 4) đã tạo ra một không khí sôi nổi, phấn khởi trong tỉnh. Nhận thức rõ về tình hình nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, lòng tin tưởng vào đường lối đấu tranh cách mạng ở miền Nam, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và ý thức trách nhiệm của mỗi người trong giai đoạn mới được nâng lên. Các tư tưởng hòa bình hưởng lạc, xả hơi, ngại gian khổ, chây lười, thiếu trách nhiệm trong công tác được giáo dục, khắc phục. Các hình thức và biện pháp giáo dục tư tưởng đã có phần cải tiến cho phù hợp với từng loại đối tượng: cán bộ lãnh đạo, đảng viên, cán bộ kỹ thuật, ngành, giới, dân tộc... Nhờ vậy phong trào thi đua cải tiến lề lối làm việc, cải tiến công tác, nâng cao năng suất lao động và hiệu suất công tác đã có một số chuyển biến, một số mặt, một số khâu thực hiện một số chỉ tiêu kế hoạch công tác đã có tiến bộ.

Nhưng mặt khác, do tình hình khó khăn chung của miền Bắc, tình hình mất mùa, đói kém, thiếu ăn ở một số tỉnh miền xuôi đã làm cho một số khá đông cán bộ và nhân dân lo lắng, suy nghĩ.

Đồng bào miền xuôi lên mua sắm khá đông, thiếu tổ chức và quản lý chặt chẽ, giá cả tăng vọt lên... Tình hình trên cũng có tác động phát sinh một số hiện tượng không lành mạnh: trật tự, nếp sống văn minh, đầu cơ, buôn bán, chạy theo làm ăn cá nhân, sản xuất không đúng hướng... sự phối hợp giữa các ngành trong khối công tác tư tưởng chưa chặt, có khâu chưa kịp thời.

2. Công tác tổ chức - kiểm tra

Trong quý đã tập trung vào công tác tổng kết năm 1973, mở đại hội các cấp, triển khai các nghị quyết lớn của Trung ương.

Tới nay 35% số đảng bộ, chi bộ trực thuộc đã mở đại hội. Tình hình mọi mặt ở những nơi sau khi tiến hành đại hội nhìn chung là tốt, hoạt động của các tổ chức đảng và phong trào quần chúng có được nâng lên. Việc thực hiện kế hoạch nhà nước quý I, sản xuất đông xuân và các công tác có chuyển biến, tiến bộ, tình hình đảng bộ được củng cố một bước, ý thức xây dựng Đảng được tăng cường hơn, cấp ủy đảng từng mặt được kiện toàn.

Về mặt củng cố Đảng và nâng cao chất lượng đảng viên đã hoàn thành việc chuẩn bị địa bàn cho việc thực hiện Chỉ thị 192 đợt 3 (gồm 29 điểm ở nông thôn, 7 điểm ở 2 thị xã, 8 đảng ủy trực thuộc tỉnh) và mở lớp bồi dưỡng cho 182 cán bộ (thời gian 1 tháng) đã làm đợt này. Hiện nay, các tổ công tác, các địa bàn đã được duyệt đang tiến hành theo kế hoạch. Đã hoàn thành việc tổng kết thí điểm đợt 2 (26 điểm) ở các huyện, thị (trừ Đảng ủy Dân Chính Đảng chưa tổng kết).

Trong quý cũng đã quyết nghị thành lập thêm hai tổ chức mới: Ủy ban Mặt trận tổ quốc thị xã Cam Đường và Chi cục Kiểm lâm nhân dân.

Công tác bồi dưỡng, đào tạo, sử dụng được chú ý tiếp tục thực hiện theo tinh thần Nghị quyết 225 của Trung ương. Trong quý đã đề bạt 13 cán bộ giữ các chức vụ từ trưởng, phó phòng đến phó ty

và bổ sung một số đồng chí vào Ban Chấp hành Tỉnh đoàn khóa III, điều động 14 cán bộ (3 chuyển về xuôi, 5 đi công tác B, 6 điều động trong tỉnh) và tuyển dụng thêm 4 cán bộ vào công tác ở huyện, thị ủy. Công tác bồi dưỡng, đào tạo cán bộ vẫn được chú ý thường xuyên, đã chọn cử 18 cán bộ, đảng viên đi bồi dưỡng học tập lớp chính trị và nghiệp vụ ở Trung ương. Các lớp bồi dưỡng lý luận, học tập đường lối, chính sách tập trung ở trường Đảng tỉnh và các lớp tại chức vẫn được tiến hành bình thường.

Về mặt kỷ luật, trong quý (tính đến ngày 20-2-1974) đã xử trí 110 trường hợp đảng viên vi phạm kỷ luật của Đảng (84 trường hợp thuộc phạm vi xử lý trong khi thực hiện thí điểm Chỉ thị 192 ở 26 điểm) chia ra như sau: Khiển trách 3, cách chức 1, cảnh cáo 8, lưu Đảng 10. Về chức vụ trong Đảng của những đảng viên vi phạm kỷ luật có: 1 là huyện ủy viên; đảng ủy viên và chi ủy viên cơ sở 19, chi ủy viên dưới đảng bộ cơ sở 2, đảng viên không giữ chức vụ trong Đảng 88 đồng chí.

Nội dung sai phạm của những đảng viên bị xử lý kỷ luật gồm 53 trường hợp vi phạm tiêu chuẩn chính trị (4 xử trí theo Chỉ thị 90) tham ô, lãng phí 10, thiếu trách nhiệm, bỏ nhiệm vụ 19; mất đoàn kết, thiếu dân chủ 7; rượu chè, bê tha, trai gái, hủ hóa, lấy vợ lẽ 20; vi phạm chính sách quản lý thị trường 1.

Nhìn chung, công tác tổ chức - kiểm tra trong quý đã cố gắng theo tinh thần các nghị quyết lớn của Đảng và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương. Tuy vậy, công tác phát triển đảng viên mới chưa được các cấp ủy đảng chú ý đúng mức. Công tác đề bạt, bố trí cán bộ cũng như công tác kỷ luật, giải quyết các trường hợp tố giác, khiếu nại đảng viên còn làm chậm. Đáng chú ý là tư tưởng tự do, tùy tiện, ý thức tổ chức, kỷ luật của một số đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc và một số ban, ngành trong việc chấp hành chế độ báo cáo, thỉnh thị công tác với Đảng, tuy đã được nhắc nhở nhưng chưa có sự khắc phục một cách nghiêm túc.

Kết luận

Trong quý I năm 1974, quá trình thực hiện các nhiệm vụ công tác tuy có gặp một số khó khăn nhưng nhờ có sự cố gắng của các cấp, các ngành thông qua các sự kiện chính trị lớn trong quý và bước đầu thấm nhuần Nghị quyết hội nghị lần thứ 22 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết của Quốc hội khóa 4 kỳ họp thứ tư, nhận thức tư tưởng của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân đã có những chuyển biến, biểu hiện bằng hành động cụ thể, đưa lại một số kết quả trong sản xuất, công tác và các mặt hoạt động khác.

Tuy nhiên, so với yêu cầu của tình hình và nhiệm mới thì sản xuất công, nông nghiệp, xây dựng cơ bản, thu mua, phân phối... so với các chỉ tiêu kế hoạch đề ra thì phần lớn không đạt và so với cùng kỳ năm trước nói chung đều kém hơn. Khí thế thi đua của quần chúng trong lao động, sản xuất, công tác, học tập tuy có được phát hiện nhưng thiếu sôi nổi, mạnh mẽ, liên tục và đều khắp.

Công tác trị an quốc phòng, xây dựng Đảng và củng cố tổ chức cơ sở, củng cố hợp tác xã... tuy đã có những tiến bộ nhìn chung chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu của tình hình.

Nguyên nhân chủ yếu của những nhược điểm, tồn tại là do:

Các cấp, các ngành chưa kịp thời biến nhận thức tư tưởng thành hành động cách mạng sôi nổi, liên tục và thiết thực để đẩy mạnh khí thế thi đua hoàn thành nhiệm vụ.

Nắm vững chuyên chính vô sản, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng và đấu tranh giữa hai con đường chưa được quán triệt sâu sắc trong cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân.

Công tác chỉ đạo thực hiện kế hoạch, quản lý kinh tế và quản lý các mặt hoạt động khác, trên nhiều khâu thường xuyên đồng bộ, cân đối, sát sao, nhịp nhàng.

Hạn hán kéo dài nhưng biện pháp đi sâu, đi sát cơ sở, nắm vững tình hình, đôn đốc, kiểm tra phong trào của các cấp ủy, các

cấp chính quyền và các ngành có trách nhiệm thường thiếu cụ thể, chặt chẽ và thường xuyên, cách giải quyết các sự việc thường thiếu tập trung dứt điểm.

NHIỆM VỤ CÔNG TÁC QUÝ II-1974

Để phát huy kết quả đã giành được trong quý I, để tiếp tục triển khai quán triệt và thực hiện thắng lợi nghị quyết hội nghị lần thứ 22 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, các cấp, các ngành, các đoàn thể cần đề cao tinh thần tự phê bình và phê bình, liên hệ kiểm điểm sâu sắc, kiểm tra nắm chắc tình hình, quyết tâm khắc phục những thiếu sót, nhược điểm và tồn tại, cải tiến phương thức chỉ đạo thực hiện kế hoạch, quản lý kinh tế, lề lối làm việc, làm tốt công tác chính trị tư tưởng, động viên mọi khả năng, mọi lực lượng sẵn có, bằng những biện pháp tích cực và cụ thể, quyết tâm lãnh đạo hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước quý II-1974, tập trung vào những nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

1. Tập trung đẩy mạnh chăm bón và chuẩn bị thu hoạch nhanh gọn vụ chiêm, tích cực chuẩn bị làm mùa và hoàn thành tốt việc gieo cấy lúa (ruộng 1 vụ); bảo đảm cấy hết diện tích và kịp thời vụ. Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi, các ngành sản xuất công nghiệp, xây dựng cơ bản, giao thông vận tải, tài chính thương nghiệp và các hoạt động văn hóa... bám sát phương hướng và vùng sản xuất của tỉnh mà phục vụ đắc lực cho yêu cầu sản xuất và đời sống, bảo đảm hoàn thành vượt mức kế hoạch 6 tháng đầu năm 1974, chuẩn bị điều kiện để xây dựng kế hoạch cho năm sau.

2. Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết 109 của Hội đồng Chính phủ ở vùng cao, có kế hoạch cụ thể và chỉ đạo chặt chẽ cho việc củng cố phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, thủ công nghiệp (kể cả hợp tác xã mua bán và tín dụng). Nghiên cứu, sắp xếp và sử dụng hợp lý lực lượng lao động của tỉnh Nam Hà lên tham gia xây dựng và phát triển kinh tế ở tỉnh ta.

- Thực hiện nghiêm chỉnh Chỉ thị 205 của Ban Bí thư và Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị.

3. Tăng cường công tác bảo vệ trị an, quốc phòng, quản lý trường nội địa và biên giới. Xây dựng củng cố lực lượng sẵn sàng đáp ứng kịp với tình hình và nhiệm vụ. Có biện pháp ngăn ngừa kịp thời những tiêu cực xã hội và kiên quyết xử lý những hành vi xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa.

4. Tích cực củng cố và xây dựng Đảng và các tổ chức chính quyền, đoàn thể quần chúng ở cơ sở. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền phát triển Đảng, hoàn thiện việc mở đại hội Đảng hai cấp. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng trong việc tiếp tục mở rộng việc thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư Trung ương và công tác bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, công tác quản lý đảng viên mới. Lãnh đạo, chỉ đạo tốt cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VI và cuộc tổng điều tra dân số lần thứ hai.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ

TRƯỜNG MINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

**Về nhiệm vụ, biện pháp xây dựng, củng cố, tăng cường
hợp tác xã nông - lâm nghiệp gắn với tổ chức lại sản
xuất theo vùng và xây dựng cấp huyện
(2 năm 1974 - 1975)***

I. TÌNH HÌNH HỢP TÁC XÃ NÔNG - LÂM NGHIỆP CỦA TỈNH HIỆN NAY

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng tỉnh lần thứ 5, tỉnh ta đã có nhiều chủ trương, biện pháp để củng cố, tăng cường hợp tác xã sản xuất Nông - lâm nghiệp (kế hoạch 04 về thực hiện các nghị quyết 194, 195, 196, 197 của Trung ương Đảng, thực hiện Nghị quyết 84, 125 và 38 của Hội đồng Chính phủ, điều trên 300 cán bộ xuống tăng cường cho cơ sở, tiến hành điều tra hợp tác xã, giúp hợp tác xã kiểm kê tài sản, thanh quyết toán, v.v.). Đã có một số kết quả nhất định, hợp tác xã vùng thấp tương đối ổn định, bước đầu đã phát huy tính ưu việt của lối làm ăn tập thể, có tác dụng nhất định trên một số mặt về sản xuất và tổ chức đời sống cho xã viên, những năm qua đã thành công trong việc thâm canh lúa, trên 50% số hợp tác xã đạt trên 50 tấn thóc 1 ha và 2 vụ lúa, giải quyết vững chắc vấn đề lương thực, tạo phần khởi bước đầu trong

* Dự thảo, ngày 19-4-1974.

xã viên. Đã có hợp tác xã có cung cách làm ăn khá (Nam Cường, Bản Vược) ngoài cây lương thực đã có 19 hợp tác xã kinh doanh nghề rừng và 33 hợp tác xã chuyên canh cây công nghiệp, cây đặc sản. Ở vùng cao, tuy hợp tác xã có nhiều mặt còn khó khăn nhưng cũng có một số nơi vẫn giữ vững tính chất hợp tác xã, đó là chiều hướng tốt phù hợp với hướng đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa theo tinh thần Nghị quyết 19, 20, 22 của Trung ương.

Tuy nhiên, phong trào hợp tác xã nông nghiệp của tỉnh ta hiện nay đang còn nhiều mặt khó khăn, tồn tại. Phong trào hợp tác xã tỉnh ta xây dựng đã trên 10 năm, nền nông nghiệp của tỉnh ta tuy hợp tác hóa, cơ sở vật chất kỹ thuật và việc đưa khoa học kỹ thuật vào nông nghiệp bước đầu được xây dựng và thực hiện nhưng về cơ bản vẫn là sản xuất nhỏ, quản lý theo hành chính cung cấp, chưa hình thành được cơ cấu sản xuất, cơ cấu quản lý và chế độ quản lý theo hướng đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Thế mạnh của nông nghiệp miền núi chưa được phát huy mà có mặt còn bị tàn phá, giảm sút đi (rừng bị tàn phá, đất bị xói mòn bạc màu, đồi cỏ mất dần). Phương thức sản xuất phân tán quảng canh, du canh là biện pháp tập trung nhất của nền sản xuất nhỏ trong nông nghiệp tỉnh ta. Phương thức sản xuất phân tán biểu hiện ở chỗ mỗi hợp tác xã là một đơn vị riêng biệt, tự bố trí lấy sản xuất, trước hết lo tự túc lương thực, tự giải quyết các khâu trong quá trình sản xuất, giữa các hợp tác xã chưa có sự phân công và hợp tác; huyện và xã là cấp trực tiếp với hợp tác xã nhưng còn là cấp hành chính, cấp huyện chỉ đạo sản xuất nhưng chưa có quy hoạch cụ thể, không nắm các khâu vật chất kỹ thuật, các ngành phục vụ nông nghiệp còn là các cơ quan chuyên môn nghiệp vụ, chưa có hệ thống kinh doanh phục vụ nông nghiệp, phương thức sản xuất phân tán còn thể hiện cao trong từng hợp tác xã; mỗi đội sản xuất thực chất là một cơ sở sản xuất phân tán, tự bố trí lấy sản xuất, tự nắm và bảo đảm các khâu trong quá trình sản xuất, giữa các đội sản xuất chưa có sự phân công và hợp tác, ban quản trị không trực tiếp nắm các

khâu vật chất kỹ thuật nên không có hiệu lực quản lý tập trung thống nhất. Một số hợp tác xã ăn chia theo đội và khoán cho xã viên, sản xuất phân tán dẫn đến các mặt về xây dựng, quản lý phân bổ vật tư, bố trí tổ chức lãnh đạo của Đảng ở cơ sở, v.v. đều bị phân tán mất cân đối, không ăn khớp.

Hợp tác xã vùng thấp tuy tương đối ổn định nhưng đã bắt đầu đậm chân tại chỗ, chỉ mới độc canh cây lúa, chưa mở rộng kinh doanh phát huy thế mạnh của từng nơi nên hợp tác xã chưa đảm bảo được cả ăn tiêu cho đời sống xã viên nên xã viên lo làm riêng để tăng thu nhập, hợp tác xã không quản lý tận dụng hết sức lao động, xã viên chạy theo phá rừng làm nương, sử dụng đất đai không có tổ chức.

Hợp tác xã vùng cao (kể cả những nơi còn du canh du cư ở vùng thấp) tính chất hợp tác xã ngày càng mất dần. Số lượng ngày càng giảm sút biểu hiện qua tỷ lệ số hộ dân vào hợp tác xã như sau:

Năm	% số hộ nông dân vào hợp tác xã toàn tỉnh	% số hộ nông dân vào hợp tác xã ở vùng thấp	% số hộ nông dân vào hợp tác xã ở vùng cao
1970	79	92,9	71,7
1971	80,5	92,5	74,3
1972	67,1	92,7	48,7
1973	50,2	81,6	24,5

Quan hệ sản xuất - hạ tầng cơ sở yếu kém và giảm sút nên một số mặt trong sản xuất nông - lâm nghiệp phát triển không lành mạnh, một số tiêu cực của xã hội cũ (nghiện hút thuốc phiện, cờ bạc, ma chay, cưới xin nặng nề, thuê mướn nhân công, cho vay lãi...) đang có chiều hướng nảy nở trở lại, công tác trị an quản lý biên giới, quản lý xã hội có nhiều khó khăn, sự nghiệp giáo dục, y tế ở vùng cao bị giảm sút hơn trước, v.v..

Tình hình hợp tác xã như vậy là do nhận thức về nội dung hợp tác xã bao gồm: chế độ sở hữu về tư liệu sản xuất, chế độ quản lý

và chế độ phân phối và đồng thời tiến hành ba cuộc cách mạng (cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng kỹ thuật, cách mạng tư tưởng, văn hóa trong đó cách mạng kỹ thuật là then chốt), quan điểm về sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa và quan điểm công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, lập trường giai cấp công nhân trong cán bộ, đảng viên, cấp ủy các cấp chưa được sâu sắc và rõ ràng nên trong chỉ đạo xây dựng, củng cố hợp tác xã trong tỉnh ta trong thời gian qua đã có một số thiếu sót chủ yếu sau đây:

1. Sau khi hoàn thành việc tổ chức nông dân lại tập thể hóa về tư liệu sản xuất là phải tiếp tục giáo dục đấu tranh giữa hai con đường, giữa sản xuất nhỏ và sản xuất lớn, tiếp tục hoàn chỉnh nội dung quan hệ sản xuất, nhất là chế độ quản lý và phân phối nhưng ta nhận thức không rõ nên phần nào đã buông lỏng, thiếu biện pháp cụ thể thành kế hoạch hằng năm để hoàn thiện, cải tiến dần từng bước mà chỉ mới dừng ở mức độ chủ trương chung.

2. Bản chất của hợp tác xã là sản xuất lớn, đáng lẽ ra sau khi tổ chức nông dân lại ta phải đồng thời từng bước tổ chức lại nền sản xuất nông nghiệp đã được hợp tác hóa, tổ chức lại toàn bộ tư liệu sản xuất và các yếu tố sản xuất khác theo hướng đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa tập trung thâm canh chuyên canh, phát huy thế mạnh của từng vùng, nhưng vừa qua ta chưa suy nghĩ và thực hiện được đây là nguyên nhân của tình trạng hợp tác hóa đã trên 10 năm nhưng nông nghiệp vẫn sản xuất nhỏ, phân tán quảng canh, du canh.

3. Đối với vùng cao có nhiều đặc điểm khác với vùng thấp. Qua thực hiện xây dựng trên 10 năm qua thấy cần phải có hình thức tổ chức nông dân vào làm ăn tập thể và bước đi, cách làm ăn khác hẳn vùng thấp, nhưng ta chậm tổng kết nghiên cứu thí điểm kết luận về hình thức hợp tác và cách quản lý thích hợp với trình độ và hoàn cảnh vùng cao mà áp dụng máy móc như vùng thấp.

4. Phương thức sản xuất của tỉnh đã có nhưng dừng ở mức độ chủ trương chưa được cụ thể hóa đến từng hợp tác xã, từng vùng nhỏ thành bước đi, thành quy hoạch và kế hoạch cụ thể hằng năm

nên nhiều hợp tác xã khi xây dựng chưa từ yêu cầu phương hướng sản xuất mà đã xác định loại hình quy mô hợp tác xã, nhất là đối với hợp tác xã vùng cao.

5. Vai trò lãnh đạo của chi bộ, đảng bộ đối với công tác củng cố tăng cường hợp tác xã, công tác quản lý (nhất là vùng cao) còn yếu, quan điểm, lập trường giai cấp công nhân trong việc đấu tranh giữa hai con đường chưa được vững vàng. Nhiều nơi, đảng viên, cán bộ thiếu gương mẫu, không kiên trì con đường làm ăn tập thể, theo đuôi quần chúng chạy theo con đường làm ăn riêng lẻ, phá rừng làm nương, một số nơi còn nhập nhằng tiền của của hợp tác xã.

6. Trên 10 năm qua, tỉnh ta tích cực thực hiện các cuộc vận động lớn ở nông thôn, tăng cường nhiều đợt cán bộ của tỉnh, huyện xuống cơ sở để tăng cường củng cố phong trào hợp tác xã, đẩy mạnh sản xuất như vậy là đúng đắn, cần thiết nhưng các biện pháp đã làm vừa qua đã có nhược điểm là nặng về biện pháp chính trị tư tưởng, giải quyết từng khâu riêng chưa gắn chặt và đi sâu vào các biện pháp quản lý kinh tế, khoa học kỹ thuật, gắn với công tác tổ chức cải tiến sự lãnh đạo ở cơ sở, giải quyết đồng thời ba cuộc cách mạng, cán bộ đưa xuống vừa qua chỉ mới giúp đỡ cơ sở về công tác hành chính, chưa đi vào nghiệp vụ quản lý, giúp hợp tác xã tổ chức lại nền sản xuất theo hướng sản xuất lớn. Do đó, kết quả còn đọng lại không được mấy.

7. Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ của hợp tác xã làm chậm và yếu. Hợp tác xã ta đã xây dựng trên 10 năm nhưng trình độ cán bộ cơ sở và đội ngũ làm công tác quản lý còn rất thấp không đáp ứng được yêu cầu. Đội ngũ cán bộ đã có lại không đồng bộ, cán bộ kỹ thuật nhiều, cán bộ quản lý ít (huyện Bát Xát ở vùng thấp có 484 cán bộ hợp tác xã thì 9,1% mù chữ, 18% lớp 1 và 2, còn lại là lớp 3). Ở vùng cao có 48 cán bộ thì 12% mù chữ, 52% là lớp 1 và 2, còn lại là lớp 3. Các Ủy ban nông nghiệp huyện thì tổng số có 171 cán bộ, nhân viên thì có 116 người làm công tác kỹ thuật, 55 người làm công tác quản lý nhưng trong đó lại có 25 người không có nghiệp vụ

quản lý. Như vậy chỉ có 35 người biết làm nghiệp vụ quản lý, bình quân 8 huyện thì mỗi nơi được trên 4 người. Tuy có 171 người nhưng số người thực làm việc chỉ có 140 người, còn thì làm việc khác và ốm yếu xin về.

Đội ngũ cán bộ làm công tác nông - lâm nghiệp hiện nay so với trước đây thì ngày càng được tăng cường cả về số và chất lượng nhưng nhược điểm lớn là nằm cả ở tỉnh và huyện, chỉ đạo sản xuất hợp tác xã theo kiểu hành chính, ở các hợp tác xã hiện nay chưa có hợp tác xã nào có cán bộ quản lý và kỹ thuật đã qua đào tạo có hệ thống. Số cán bộ ở tỉnh, huyện tuy có cho về giúp hợp tác xã từng đợt nhưng đối với phong trào hợp tác xã, việc hoàn thành kế hoạch của hợp tác xã được thua không có trách nhiệm gì cụ thể, không có thưởng phạt gì về mặt kinh tế (...) hầu hết là chạy quanh hợp tác xã, làm việc với tinh thần cố vấn hời hợt, không sâu sát (...) nên trường Trung cấp nông nghiệp của tỉnh gần đây mới hình thành và mới dạy khóa I.

8. Huyện là cấp trực tiếp chỉ đạo hợp tác xã, số lượng biên chế có được tăng cường hơn trước nhưng còn là cấp hành chính, chỉ đạo hợp tác xã theo kiểu độc khan và hiệu triệu chung, chưa đi vào giúp hợp tác xã công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch, nắm các khâu vật chất kỹ thuật.

9. Các hợp tác xã cũng như các ngành, các cấp chưa thi hành đúng điều lệ tóm tắt do Trung ương thông qua, Hồ Chủ tịch đề tựa, các hiện tượng vi phạm dân chủ, vi phạm điều lệ trong nội bộ hợp tác xã và các ngành vẫn thường xuyên xảy ra.

10. Các ngành phục vụ hợp tác xã không đầy đủ, gần như bị buông nơi xem nhẹ (vấn đề đào tạo cán bộ kế toán hợp tác xã, bồi dưỡng văn hóa cho cán bộ hợp tác xã, v.v.). Trách nhiệm của Ủy ban nông nghiệp và Ban Nông nghiệp Tỉnh ủy giúp tỉnh đối với phong trào hợp tác xã nông nghiệp gần đây cả hai bên đều buông lỏng không rõ bên nào là chính. Cả huyện, tỉnh số cán bộ chuyên lo giúp hợp tác xã hầu như không còn, phần lớn bị điều động hoặc sử

dụng đi công tác khác, số còn lại thì trình độ không theo kịp yêu cầu, hai năm gần đây đã hai lần Ban Chấp hành Tỉnh ủy bàn, có nghị quyết về chọn cán bộ đưa về làm kế toán hợp tác xã nhưng chưa được thi hành.

Những thiếu sót trên đều là những nguyên nhân làm cho phong trào hợp tác xã chậm phát triển và có nơi giảm sút, nhưng nguyên nhân bao trùm hơn cả là ta chưa tiến hành tổ chức lại nền sản xuất nông nghiệp từ cơ sở theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, chưa cải tiến được cách chỉ đạo quản lý kinh doanh theo phương thức xã hội chủ nghĩa, cung cách làm ăn còn là lề lối sản xuất nhỏ phân tán hành chính cung cấp, chưa thực hiện đúng nội dung cơ bản của cuộc đấu tranh giữa hai con đường là “nắm vững chuyên chính vô sản phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, trong đó cách mạng kỹ thuật là then chốt”.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ Củng cố Tăng cường HỢP TÁC XÃ NÔNG - LÂM NGHIỆP NHỮNG NĂM TỚI

Tình hình trên đã phân tích ta thấy tác động đến phong trào hợp tác xã có nhiều nguyên nhân, do đây việc tăng cường củng cố, hoàn thiện hợp tác xã không thể dừng ở góc độ nào đó riêng về mặt quan hệ sản xuất mà phải đặt ra một cách toàn diện, gắn bó chặt chẽ đồng thời giữa ba cuộc cách mạng, củng cố hoàn thiện cả ba nội dung (chế độ sở hữu về tư liệu sản xuất, chế độ quản lý và phân phối). Gắn chặt chẽ với xây dựng, phát triển sản xuất phát huy thế mạnh của nông nghiệp tỉnh ta những năm tới và sau này; gắn với cuộc vận động định canh định cư đối với đồng bào còn du canh, du cư. Củng cố hợp tác xã ở cơ sở đi đôi với tăng cường cấp huyện. Củng cố hợp tác xã gắn chặt với công tác xây dựng Đảng và các mặt công tác khác ở nông thôn... Tình hình đó đòi hỏi phải gấp rút tổ chức lại sản xuất và cải tiến quan hệ nông nghiệp nhằm chuyển

từ sản xuất phân tán theo hướng đi lên sản xuất tập trung chuyên canh và phát triển toàn diện, chuyển từ quản lý hành chính cung cấp sang quản lý kinh tế, quản lý kinh doanh hình thành cơ cấu sản xuất, cơ cấu quản lý và chế độ quản lý mới, thực hiện một bước việc tổ chức lại nền sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Tổ chức sản xuất và cải tiến quản lý nông nghiệp phải bắt đầu từ cơ sở, chủ yếu là hợp tác xã.

Từ cách đặt vấn đề nêu ra trên đây, nhiệm vụ củng cố, tăng cường hợp tác xã nông nghiệp trong vài ba năm tới là: Củng cố tăng cường hợp tác xã đi đôi với xây dựng cấp huyện, hình thành huyện với hợp tác xã thành cơ cấu chung về sản xuất và quản lý nông nghiệp, thực hiện một bước việc tổ chức lại nền nông nghiệp từ cơ sở, theo hướng đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, chuyển quản lý nông nghiệp sang quản lý kinh tế, quản lý kinh doanh.

Phấn đấu thực hiện nhiệm vụ trên phải đạt được các yêu cầu:

1. Thực hiện một bước bố trí lại cơ cấu và phân bổ lại lao động trong nông nghiệp theo hướng tập trung chuyên canh và phát triển toàn diện. Vừa bố trí sắp xếp lại sản xuất và đẩy mạnh thâm canh tăng vụ cây lương thực với mức độ cao trên diện tích ruộng đất đã có. Vừa từng bước mở mang diện tích phát triển các cây con thuộc ưu thế của từng vùng đã kết luận, xây dựng thành từng vùng sản xuất tập trung chuyên canh, trồng rừng cây công nghiệp, cây đặc sản ăn quả và chăn nuôi. Hình thành những tiểu vùng sản xuất trong mỗi huyện thị như: vùng dưa, lợn, sỏ, sả thuộc huyện Bảo Thắng, hai thị xã Lào Cai và Cam Đường và hai xã Bản Cầm, Bản Phiệt (Mường Khương) và nông trường Phong Hải, Phú Xuân, rau ăn thị xã Lào Cai, ngô, lợn thịt, cây chè (...) Lùng Vai và Nông trường Thanh Bình. Đậu tương, cây ăn quả thuộc Bắc Hà, Mường Khương, Si Ma Cai. Cây đặc sản và cây ăn quả Sa Pa. Rừng (...) ngô, lợn 8 xã vùng thấp và thảo quả ở Mường Hum, Bát Xát.

Ở vùng cao những nơi còn đồng bào du canh du cư, tổ chức lại sản xuất đến đâu đồng thời tiến hành vận động đồng bào định canh theo hướng sản xuất mới đã tổ chức lại đến đấy. Làm gọn từng vùng nhỏ nhiều tiểu vùng sản xuất của huyện.

2. Tổ chức và sử dụng hợp lý sức lao động và những điều kiện, khả năng hiện có để đẩy mạnh xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, áp dụng các biện pháp kỹ thuật tiên tiến, thực hiện thâm canh tăng vụ, tăng năng suất lao động theo cơ cấu sản xuất của từng tiểu vùng để phục vụ cho yêu cầu sản xuất từng vùng.

3. Căn cứ vào cơ cấu sản xuất của từng vùng mà tổ chức củng cố hợp tác xã đối với các hợp tác xã đã có hiện nay, đưa đại bộ phận lên ngang với trình độ các hợp tác xã khá và tiên tiến như hiện nay có cải tiến theo nội dung mới. Đối với những nơi ở vùng cao hiện nay hợp tác xã không còn đưa đại bộ phận nông dân vào làm ăn tập thể với nhiều hình thức thích hợp từ thấp lên cao.

4. Xây dựng cấp huyện thành cấp trực tiếp phụ trách hợp tác xã, trực tiếp quản lý nông nghiệp có hiệu lực. Xây dựng và kiện toàn Ủy ban nông nghiệp, Ty Lâm nghiệp tỉnh thành hệ thống quản lý thống nhất có hiệu lực theo hướng dẫn của Trung ương.

5. Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, nhất là Đảng ủy và chi bộ ở cơ sở, phát huy vai trò quản lý kinh tế của Nhà nước và đề cao vai trò tham gia quản lý của quần chúng đối với nông nghiệp.

6. Quá trình thực hiện các yêu cầu trên đồng thời phải phát động phong trào lao động sản xuất sôi nổi trong quần chúng, nhằm đẩy mạnh sản xuất phát triển, thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước về nông nghiệp 2 năm 1974 - 1975.

Để thực hiện nhiệm vụ về yêu cầu nêu ra trên, cần tập trung làm tốt nội dung lớn sau đây:

1. Tổ chức lại sản xuất từ cơ sở theo hướng đi lên sản xuất lớn, hình thành huyện với hợp tác xã thành cơ cấu chung về sản xuất.

Nội dung tổ chức lại sản xuất ở cơ sở là tiến hành quy hoạch sản xuất, bố trí sắp xếp lại sản xuất trong phạm vi huyện, trên cơ

sở phân vùng nông nghiệp; bố trí sắp xếp lại sản xuất trong từng hợp tác xã theo quy hoạch chung; xây dựng mạng lưới kinh tế kỹ thuật trên địa bàn, hình thành mối quan hệ mới trong quá trình sản xuất, chế biến lưu thông giữa hợp tác xã với với nhau, giữa hợp tác xã với cơ sở quốc doanh.

Tổ chức lại sản xuất nông nghiệp trên phạm vi huyện phải bắt đầu từ hợp tác xã và xoay quanh đáp ứng việc củng cố tăng cường hợp tác xã. Yêu cầu củng cố tăng cường hợp tác xã lần này chủ yếu là thực hiện một bước việc chuyển hợp tác xã đi lên theo hướng sản xuất tập trung, chuyên canh, thâm canh, có cơ cấu sản xuất hợp lý và đấu tranh thi hành đúng điều lệ hợp tác xã, xây dựng hợp tác xã trở thành đơn vị kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Thực hiện yêu cầu đó phải bắt đầu từ tổ chức lại sản xuất và kết hợp giải quyết một cách toàn diện về quản lý tổ chức, về tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo cho từng cây, từng con, từng ngành nghề trong hợp tác xã. Làm như vậy nó gắn chặt việc xây dựng cơ cấu sản xuất mới với cơ cấu quản lý mới, chế độ quản lý mới, trong bản thân từng hợp tác xã đặt ra mối quan hệ giữa hợp tác xã với nhau, giữa hợp tác xã với Nhà nước, đó là cách tốt nhất để củng cố, tăng cường hợp tác xã.

Nội dung tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý đối với từng cây, từng con trong hợp tác xã bao gồm nhiều mặt:

- Quy hoạch tổ chức lại đồng ruộng, đàn gia súc theo hướng sản xuất tập trung và thâm canh như: Phân loại ruộng đất, bố trí đất, nước, giống ăn khớp với nhau trên từng ruộng đất. Quy hoạch thủy nông, xây dựng đồng ruộng, giống, phân bón, chế độ canh tác cải tạo đất ăn khớp với từng hạng ruộng. Đối với đàn gia súc phải phân loại chia đàn quy hoạch các khâu giống, thức ăn, chuồng trại, xây dựng chế độ chăm sóc, bảo vệ, kết hợp chăn nuôi tập thể và chăn nuôi gia đình.

- Từ yêu cầu sản xuất tập trung, thâm canh, chuyên canh phải tổ chức phân bố lại lao động, từng bước thực hiện chuyên môn hóa lao động. Cụ thể là phân bố lại ruộng đất cho đội sản xuất theo

hướng tập trung và chuyên môn hóa, tính toán lại quy mô sản xuất cho phù hợp với từng cây, từng con. Việc xác định quy mô đội sản xuất phải căn cứ vào nhiều yếu tố nhưng trong điều kiện lao động thủ công, quy mô đội sản xuất phụ thuộc chủ yếu vào việc bố trí sử dụng lao động. củng cố các đội sản xuất cơ bản, hướng các đội sản xuất cơ bản vào nhiệm vụ chủ yếu là quản lý sử dụng lao động, đảm bảo thời vụ, kỹ thuật, thực hiện thâm canh tăng năng suất; thành lập các nhóm lao động tạm thời để thực hiện sự phân công và hợp tác lao động trong các đội sản xuất, bảo đảm yêu cầu thời vụ, tăng năng suất lao động. Xây dựng và củng cố các đội chuyên và bán chuyên để tăng cường xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và giúp ban quản trị trực tiếp quản lý từng khâu cơ sở vật chất kỹ thuật trong hợp tác xã. Tùy theo điều kiện và trình độ quản lý của từng nơi mà chuyển dần các khâu vật chất kỹ thuật từ đội sản xuất nắm sang các đội lao động chuyên trách, trước mắt ban quản trị phải cố nắm chắc được khâu giống, mạ, phân, nước. Việc phân bổ sức lao động phải dựa trên cơ sở cơ cấu sản xuất của từng hợp tác xã mà tính toán, bố trí nhưng hướng chung là dành khoảng từ 1, 2 lao động phụ trách 1 ha diện tích gieo trồng cây lương thực, còn chuyển qua trồng, nuôi các cây, con mới theo thể mạnh của từng nơi và xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật để đảm bảo cho thâm canh cây lương thực và các cây con theo cơ cấu sản xuất của từng hợp tác xã.

- Cải tiến một số chế độ quản lý theo yêu cầu của sản xuất tập trung và chuyên môn hóa lao động, xây dựng chế độ khoán và các định mức lao động sát với từng cây, từng con, từng ngành, nghề của từng hợp tác xã, sát hợp với bố trí lại đồng ruộng, đội sản xuất, khắc phục tình trạng thực hiện ba khoán theo cách khoán trắng cho đội sản xuất dẫn tới ăn chia theo đội. Thực hiện phân phối thống nhất trong toàn hợp tác xã, ban quản trị phải cố gắng nắm cho được các khâu thu hoạch các sản phẩm cuối cùng. Phải làm tốt việc định mức lao động, trên cơ sở định mức lao động mà tiến hành

khoán việc cho người lao động, đề cao trách nhiệm của người lao động đối với yêu cầu kỹ thuật và thời vụ. Bên cạnh việc khoán chung cho nhóm cần tiến hành khoán việc cho từng xã viên tùy theo tính chất công việc, việc nào cần nhiều người thì khoán nhóm, cần bao nhiêu người thì tổ chức bấy nhiêu, việc lao động không cần nhiều người thì khoán cho lao động; sửa đổi chế độ đãi ngộ đối với cán bộ hợp tác xã, gắn việc hưởng thụ của cán bộ với kết quả sản xuất.

- Kiện toàn cơ quan quản lý hợp tác xã, tăng cường hiệu lực quản lý tập trung thống nhất của ban quản trị, làm cho ban quản trị thực sự trở thành cơ quan quản lý trực tiếp. Ban quản trị phải xây dựng được kế hoạch sát, đúng và thống nhất chỉ đạo thực hiện kế hoạch. Xây dựng được chế độ canh tác, quy trình kỹ thuật và thống nhất chỉ đạo kỹ thuật thời vụ, trực tiếp nắm các điều kiện vật chất kỹ thuật, nắm các đội lao động chuyên và điều phối việc sử dụng lao động, rút bớt số lượng ban quản trị xuống gọn 5-7 người, tăng cường những đảng viên, cán bộ có chất lượng vào ban quản trị. Xây dựng một đội ngũ cán bộ chuyên môn nghiệp vụ, tổ chức thành các bộ môn ổn định, giúp việc cho ban quản trị như: kế hoạch vật tư, kế toán thống kê, lao động định mức và kỹ thuật, văn xã, thi đua...

- Sắp xếp lại tổ đảng, chi bộ, phân công lại đảng viên phù hợp với cơ cấu sản xuất và sự tổ chức phân công lao động của hợp tác xã theo yêu cầu lãnh đạo sản xuất, khắc phục tình trạng tổ chức chi bộ, tổ đảng, phân công đảng viên theo kiểu hành chính căn cứ địa dư nơi cư trú của đảng viên cũ.

- Về hình thức và quy mô hợp tác xã đối với vùng thấp:

Hiện nay còn nhiều hợp tác xã quy mô quá nhỏ (bình quân 1 hợp tác xã vùng thấp huyện Bát Xát 16 ha, huyện Bảo Thắng 48 ha, toàn vùng thấp còn 43 ha dưới 10 ha) không đủ để phân công lại lao động mở rộng kinh doanh thêm, nhưng hợp nhất lại thành những hợp tác xã lớn thì còn nhiều khó khăn, phức tạp và chệnh

lệch địa tô, vốn, quỹ, v.v. xã viên không phấn khởi nên hướng chung là tiến hành tổ chức các liên hiệp kinh doanh, những ngành sản xuất mới như trồng rừng, cây công nghiệp và phát triển chăn nuôi lớn. Quy mô từng liên doanh tùy theo yêu cầu phát triển sản xuất và sự quan hệ về đất đai sản xuất, v.v. mà quyết định cụ thể. Điều kiện để xây dựng một liên doanh là:

1- Cùng chung một hướng sản xuất thuộc vùng sản xuất của tỉnh, huyện xác định, cùng chung một khu đồng ruộng, đôi cỏ, có liên quan nhiều với nhau về phát triển sản xuất.

2- Có cán bộ và cốt cán lãnh đạo vững của địa phương, có cán bộ quản lý kỹ thuật đồng bộ (của hợp tác xã hoặc trên cử về) tích cực, nhiệt tình.

3- Các hợp tác xã tham gia liên doanh được củng cố một bước, ít nhất có một hợp tác xã tốt làm nòng cốt.

4- Quần chúng xã viên nhận rõ lợi ích của việc mở rộng quy mô sản xuất, bằng hình thức liên doanh thực sự đồng tình và phải do đại diện xã viên hợp tác xã chuẩn bị tham gia liên doanh quyết định.

5- Phương hướng sản xuất của liên doanh được xác định rõ ràng, có quy hoạch sản xuất, phương án quản lý kinh tế được xã viên dân chủ bàn bạc và Nhà nước xét duyệt (đề nghị Ủy ban hành chính tỉnh duyệt).

Nội dung liên doanh: các hợp tác xã nhỏ giữ nguyên tư cách pháp nhân, sản xuất cây lương thực để đảm bảo nghĩa vụ với Nhà nước và tự phân phối đảm bảo đời sống xã viên, nội dung quản lý theo đúng như điều lệ quy định, riêng ban quản trị nên ít người và hợp tác xã quá nhỏ không nên chia đội sản xuất mà do ban quản trị trực tiếp phụ trách, cân đối lao động để đủ làm lương thực, còn rút ra để cùng liên doanh kinh doanh ngành sản xuất mới theo hình thức các hợp tác xã nhỏ góp lao động, góp vốn, góp cán bộ, cử ra ban quản lý liên doanh để chỉ đạo chung, kết quả sản xuất trừ chi phí tích lũy, còn lại phân phối nhỏ cho hợp tác xã nhỏ theo công

lao động của hợp tác xã đóng góp, để hợp tác xã nhỏ thống nhất phân phối cho xã viên.

Ngoài việc tổ chức liên doanh giữa các hợp tác xã đã có ở địa phương với nhau, những nơi có tiếp nhận lao động ở xuôi lên xây dựng vùng kinh tế mới, tùy tình hình cụ thể mà tổ chức liên doanh giữa hợp tác xã cũ của địa phương với hợp tác xã mới ở xuôi lên để cùng nhau phát triển sản xuất kinh doanh, theo hướng sản xuất và quy hoạch của từng vùng.

Đối với các hợp tác xã đã hợp nhất trước đây nay có nhiều khó khăn và tư tưởng mất đoàn kết nội bộ làm ảnh hưởng đến sản xuất hoặc chỉ có hình thức phải tích cực củng cố hoặc chuyển qua hình thức liên doanh, không nên đặt vấn đề chia nhỏ lại như cũ. Những hợp tác xã ổn định sản xuất tốt thì tiến hành củng cố mở rộng kinh doanh để tiến lên một bước mới.

Về loại hình hợp tác xã chung ở vùng thấp là nông - lâm nghiệp hoặc lâm nông nghiệp tùy theo hướng sản xuất của từng nơi mà xác định nông nghiệp là chính hay lâm nghiệp là chính.

- Hình thức tổ chức nông dân lại làm ăn tập thể ở vùng cao (vùng đồng bào còn du canh du cư): Vấn đề đưa nông dân vùng cao vào con đường làm ăn tập thể qua thực tế còn nhiều vấn đề khó khăn, phức tạp nhưng cũng từ thực tế tỉnh ta 3/4 là vùng cao, du canh du cư, nếu không dân không được tổ chức lại thì phải có nhiều mặt tiêu cực trong sản xuất và xã hội cũ lại phát triển nảy sinh. Tình hình đó không cho phép, chờ khi tình hình có đủ điều kiện, khả năng đầu tư lớn về mọi mặt mà phải từng bước đưa nông dân vùng cao đi lên nhịp nhàng với vùng thấp.

Thực tiễn hơn 10 năm qua cho thấy hợp tác xã ở vùng cao nếu chỉ hợp tác để sản xuất lương thực để tự túc như vừa qua thì không thể coi đó là sản xuất lớn được và nếu chỉ dừng ở mức đó thì hợp tác xã không thể vững chắc vì chỉ có ăn mà không có tiêu, bản

thân đòi sống đòi hỏi, sức lao động lại còn thiếu, xã viên sẽ tự phát làm ăn riêng lẻ theo con đường tiêu cực, lạc hậu cũ của mình. Do đó, tổ chức hợp tác xã ở vùng cao phải trên cơ sở phương pháp làm giàu của vùng cao là nghề rừng (bao gồm cây đặc sản, cây công nghiệp, cây ăn quả). Để phù hợp với trình độ quản lý của cán bộ, đồng thời từng bước tạo điều kiện để đưa nông dân vùng cao đi lên sản xuất lớn. Những năm tới cần tiến hành tổ chức nông dân lại với các hình thức sau:

a) Tổ chức các hợp tác xã nhỏ quy mô khoảng 4 - 5 ha, 10 - 15 ha theo từng nhóm nhỏ và từng khu đồng, đồi nương, lấy thuận tiện sản xuất là chính để cùng nhau sản xuất cây lương thực lúa, ngô để tự đảm bảo đời sống với nội dung kinh doanh và quản lý đơn giản như: Ban quản trị có 1 chủ nhiệm, 1 phó chủ nhiệm kiêm kế toán trực tiếp phụ trách điều khiển lao động sản xuất, không chia đôi (cả một hợp tác xã coi như một đội). Định mức công việc để khoán cho lao động hoặc khoán nhóm hằng ngày, không có ba khoán kết quả thu hoạch vụ nào chia riêng vụ ấy, để giống và chi phí về phân hóa học, một phần trăm quỹ xã hội, còn chia hết cho ngày công lao động, không để tích lũy, công cụ xã viên tự sắm, phân chuồng hàng vụ phân bỏ cho lao động đóng góp hoặc lấy công lao động cùng làm. Sổ sách theo dõi chỉ cần lập 1 sổ ghi công của từng hộ.

b) Trên cơ sở nông dân đã được tổ chức lại ở các hợp tác xã quy mô nhỏ, dựa theo điều kiện cùng phương hướng sản xuất, cùng chung một khu rừng, đồng ruộng, đồi cỏ, v.v. sản xuất hàng ngày có liên quan với nhau, tiến hành quy hoạch xác định phương hướng sản xuất cụ thể, thành lập các liên doanh với quy mô liên thôn, một xã hay hai, ba xã có liên quan chặt chẽ với nhau về sản xuất để cùng liên doanh phát huy những cây, con có ưu thế theo hướng sản xuất của từng vùng như: Tổ chức kinh doanh chung nghề rừng, chăn nuôi, trồng cây công nghiệp, cây đặc sản, cây ăn

quả hoặc tổ chức góp công, góp sức để cùng nhau xây dựng những cơ sở vật chất kỹ thuật nhất định như làm thủy lợi, giao thông, xây dựng đồng cỏ, mở rộng diện tích canh tác mới hoặc bàn bạc thống nhất lập ra những quy ước về quy trình kỹ thuật cho 1 cây trồng trên 1 sù đồng, v.v.. Nội dung quản lý của liên doanh và điều kiện để lập liên doanh như sau:

- Về nội dung quản lý: Đối với cây lương thực để nguyên các hợp tác xã nhỏ tự kinh doanh phân phối theo hợp tác xã nhỏ để tự đảm bảo đời sống. Liên doanh chỉ thống nhất chỉ đạo về cơ cấu cây trồng, quy trình kỹ thuật canh tác, hướng dẫn kỹ thuật trên từng cánh đồng chung, quản lý chung về các cơ sở vật chất kỹ thuật có liên quan chung cả của liên doanh, giúp đỡ công tác quản lý như việc định mức lao động, hướng dẫn ghi công và ăn chia. Hợp tác xã nhỏ cân đối lao động đến từng hộ xã viên, vận động từng hộ cử người lao động chuyên hoặc ngoài thời vụ làm cây lương thực để phát triển kinh doanh những cây, con mới thuộc liên doanh quản lý thống nhất theo quy hoạch, kế hoạch và mức khoán của liên doanh. Kết quả sản xuất liên doanh phân phối thẳng cho lao động tham gia theo mức khoán. Phân phối có thể theo 2 vòng; vòng 1 theo hình thức trả công cho định mức do xã viên bàn bạc quy định, vòng 2 cuối năm kết quả kinh doanh trừ chi phí và tích lũy còn lại phân phối thêm vào ngày công. Bộ máy quản lý do các hợp tác xã nhỏ cử đại biểu tham gia để bàn bạc dân chủ còn bộ máy thường trực do Nhà nước bổ nhiệm trả lương trong thời gian đầu, song từng bước phải đào tạo cán bộ địa phương thay thế. Căn cứ vào phương án kinh tế quy hoạch sản xuất của từng liên doanh đề nghị Nhà nước đầu tư giúp đỡ vốn xây dựng cơ bản cho cho vay vốn kinh doanh sau thu hồi dần theo chính sách đầu tư vốn đối với đồng bào du canh, du cư và vùng cao.

- Điều kiện để tổ chức liên doanh như vùng thấp nhưng phải chú ý thêm điều kiện được Nhà nước giúp đỡ tích cực và có cán bộ

trên có tinh thần hăng hái, nhiệt tình về trực tiếp giúp đỡ và cùng thực hiện.

- Bước đi của việc tổ chức liên doanh có thể chia làm 2 bước: Bước đầu cùng nhau góp sức xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho cây lương thực hiện có, thống nhất quy trình sản xuất, giúp đỡ hợp tác xã nhỏ thâm canh giải quyết tốt vấn đề lương thực tại chỗ, đồng thời chuẩn bị điều kiện sau đó mới tiến lên phát triển những cây, con mới.

c) Đối với những nơi gần nông, lâm trường của Nhà nước thì kết nạp lao động của những gia đình nông dân vào, biến họ thành công nhân nông hay lâm nghiệp nếu họ thật sự tự nguyện. Đối với những nơi dân cư quá phân tán không có điều kiện tổ chức hợp tác xã thì tổ chức hình thức đổi công tạo điều kiện để tiến lên hợp tác xã.

Quá trình thực hiện quy hoạch sản xuất và đưa hợp tác xã đi lên gắn liền với quá trình xây dựng và trang bị mạng lưới kinh tế và kỹ thuật cho nông nghiệp trên địa bàn huyện. Thời gian tới, cần tập trung giúp đỡ huyện nhanh chóng hoàn chỉnh hệ thống thủy nông và tổ chức quản lý thủy nông, xây dựng mạng lưới giống cho một số cây, con chính như lúa, ngô, lợn và những cây đặc sản, công nghiệp theo hướng sản xuất của từng huyện. Kiện toàn hệ thống cung cấp vật tư nông nghiệp, hệ thống vận chuyển nông thôn, xây dựng cơ bản trong nông nghiệp, hệ thống quản lý và sửa chữa công cụ cải tiến và cơ giới nhỏ. Từng bước xây dựng mạng lưới cơ giới lớn và hệ thống chế biến theo công nghiệp. Cùng với việc xây dựng mạng lưới kỹ thuật cần chấn chỉnh lại mạng lưới thu mua để phục vụ tốt yêu cầu sản xuất và chế biến.

2. Cải tiến quản lý nông nghiệp theo hướng chuyển từ hành chính cung cấp sang quản lý kinh tế, quản lý kinh doanh. Nội dung chủ yếu là cải tiến kế hoạch, tiến hành hạch toán kinh tế, sửa đổi, bổ sung, nâng cao các chế độ quản lý và chính sách kinh tế (theo hướng dẫn của Trung ương).

3. Cải tiến tổ chức và lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng hệ thống quản lý nông nghiệp thống nhất và có hiệu lực, thực hiện chế độ quản lý mới trong nông nghiệp (theo hướng dẫn của Trung ương).

III. CHỦ TRƯỞNG, BIỆN PHÁP LỚN ĐẢM BẢO CHO CÔNG TÁC XÂY DỰNG, Củng cố, TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC XÃ NÔNG, LÂM NGHIỆP

Để đảm bảo củng cố tăng cường hợp tác xã thực hiện một bước chuyển hợp tác xã đi lên theo hướng sản xuất lớn trở thành đơn vị kinh doanh xã hội chủ nghĩa phải làm tốt một số chủ trương, biện pháp sau:

1. Tiến hành giáo dục sâu sắc từ trong Đảng ra ngoài quần chúng, từ trên xuống dưới về tinh thần nghị quyết 19, 20, 22 của Trung ương. Nâng cao lập trường quan điểm của giai cấp công nhân, nhận thức và phân biệt rõ rệt về đấu tranh giữa hai con đường tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa, biểu hiện giữa sản xuất lớn và sản xuất nhỏ “Nghiêm khắc phê phán thái độ coi nhẹ vị trí của hợp tác xã trong sản xuất nông nghiệp”. Những nơi đang thực hiện Chỉ thị 192 của Trung ương về nâng cao chất lượng đảng viên phải giáo dục tinh thần trên cho đảng viên, quần chúng và phát động quần chúng hăng hái tham gia hợp tác xã. Phát hiện cốt cán tốt để lại làm nòng cốt cho công tác củng cố hợp tác xã. Những nơi có chi, đảng bộ thì tiến hành tốt Chỉ thị 192 trước, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiến hành củng cố hợp tác xã, đồng thời cũng qua phong trào hợp tác xã mà chọn quần chúng tốt bồi dưỡng kết nạp vào Đảng, củng cố tăng cường chi bộ, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng ở nông thôn.

2. Tiến hành gấp việc quy hoạch đào tạo cán bộ cho hợp tác xã trong phạm vi toàn tỉnh, từ quy hoạch có kế hoạch đào tạo gấp cán bộ cho hợp tác xã bằng nhiều hình thức tại trường và lớp ngắn ngày, bồi dưỡng về nghiệp vụ thường xuyên theo thời vụ. Từ quy

hoạch tiến hành mở rộng trường Trung cấp nông - lâm nghiệp của tỉnh, tăng cường cán bộ lãnh đạo giảng dạy, soát xét lại nội dung bài giảng, đáp ứng yêu cầu và sát hợp với địa phương, giao cho trường làm cả nhiệm vụ bồi dưỡng cán bộ của hợp tác xã.

3. “Chuyển ngay một số thích đáng cán bộ kỹ thuật nông nghiệp xuống công tác ở hợp tác xã, lựa chọn, bồi dưỡng, đào tạo ngay hàng loạt cán bộ đưa xuống củng cố hợp tác xã”. Tính toán điều chỉnh tổng biên chế thuộc hành chính sự nghiệp của tỉnh, rút ra khoảng 600 - 700 cán bộ (số rút ra chủ yếu là ngành giáo dục và nông - lâm nghiệp) để đưa về tăng cường cho huyện và hợp tác xã. Rút kinh nghiệm các lần trước, phải lựa chọn những anh chị em có sức khỏe, có nhiệt tình, có khả năng tiếp thu bồi dưỡng về khoa học kỹ thuật quản lý. Trước khi đưa xuống phải bồi dưỡng về chính sách, công tác quản lý và đưa xuống đâu, nơi đó phải xây dựng được phương án kinh tế rõ ràng và đưa hẳn vào các ban quản trị hoặc chuyên môn của hợp tác xã hay liên doanh để cùng cán bộ địa phương thực hiện, tuyệt đối không được sử dụng vào công tác hành chính. Thực hiện tốt chính sách đối với anh chị em xuống cơ sở, ngoài việc thực hiện chính sách vùng cao (Nghị quyết 109/CP) những cán bộ bố trí vào hợp tác xã được giữ nguyên mọi quyền lợi theo chính sách đã có, nếu hoàn thành tốt kế hoạch hằng năm thì được hưởng thêm từ 30 - 50% phụ cấp của hợp tác xã theo chức trách, nhiệm vụ hợp tác xã phân công. Số cán bộ trên khi có biên chế nếu lựa chọn trong tỉnh không đủ thì quan hệ với các tỉnh bạn ở xuôi xin thêm hoặc đề nghị với Trung ương bổ sung cho một số cán bộ có khả năng bố trí cho trường, cho các bộ phận yêu cầu trình độ nghiệp vụ cao ở tỉnh và huyện.

4. Kiện toàn Ủy ban nông nghiệp tỉnh, trước mắt là bộ phận quản lý hợp tác xã và đội quy hoạch, kiện toàn và bổ sung đủ người cho Ban nông nghiệp Tỉnh ủy. Từng bước xây dựng các ủy ban nhân dân huyện theo hướng tổ chức mới, trước mắt là tổ chức lại huyện Bát Xát để rút kinh nghiệm song triển khai các huyện

khác. Các huyện khác cần kiện toàn các bộ phận làm công tác hợp tác xã trước.

Thành lập công ty Cơ giới nông cụ thuộc Ủy ban Nông nghiệp tỉnh, chuyển trả bộ phận cơ giới nông nghiệp hiện nay nằm trong công ty cơ giới thuộc Ty Xây dựng về cho công ty này thống nhất phụ trách thành hệ thống với Cục Cơ giới thuộc Ủy ban nông nghiệp Trung ương và lập các trạm phục vụ yêu cầu sản xuất nông nghiệp xuống các huyện và nông trường theo từng địa bàn nhất định. Có kế hoạch thống nhất quản lý, sử dụng chung trong cả ngành nông nghiệp của tỉnh, kể cả các máy ở các nông trường. Lập phòng xây dựng chuyên dùng nông nghiệp thuộc Ủy ban Nông nghiệp để giúp Ủy ban Nông nghiệp về công tác xây dựng cơ bản, Ủy ban Nông nghiệp chịu trách nhiệm và làm tham mưu cho Ủy ban Hành chính tỉnh về mặt xây dựng cơ bản trong nông nghiệp.

5. Trong khi chờ Trung ương ban hành bổ sung các chính sách, chế độ mới phải vận dụng thực hiện tốt các chính sách đã có để giúp đỡ cơ sở như Nghị quyết 38 của Hội đồng Chính phủ và các chính sách đối với vùng cao; Chỉ thị 125 đối với hợp tác xã kinh doanh cây công nghiệp, các chính sách giúp đỡ hợp tác xã mở mang kinh doanh nghề rừng, trong khi chờ Trung ương có chính sách cụ thể đối với khai hoang mở rộng diện tích ở vùng thấp, một mặt động viên tinh thần tự lực cánh sinh của hợp tác xã trích quỹ tích lũy và đi vay, một mặt địa phương cần tính toán trích vốn xây dựng cơ bản hàng năm đầu tư, giúp hợp tác xã với mức cố gắng nhất định để các hợp tác xã đẩy mạnh được khai hoang trồng ngô.

6. Các nông trường của tỉnh (trừ Trịnh Tường) đến nay về phương hướng sản xuất đã được duyệt, vốn vật tư, máy móc cơ giới, lao động, cán bộ quản lý kỹ thuật đã có tương đối đủ. Như vậy, các yếu tố cần thiết để có thể đẩy mạnh tốc độ xây dựng đã có 2 năm tới, đi đôi với củng cố tăng cường hợp tác xã ta phải tập trung chỉ đạo cải tiến cách quản lý, đẩy mạnh tốc độ xây dựng của các nông

trường mau chóng hoàn thành bước xây dựng cơ bản chuyển sang kinh doanh củng cố các lâm trường và các trạm trại để làm nòng cốt cho hợp tác xã từng vùng (nội dung cụ thể Ban Thường vụ Tỉnh ủy có hội nghị bàn chuyên đề riêng).

IV. BƯỚC ĐI VÀ CÁCH TIẾN HÀNH

1. Bước đi chung: Các huyện vùng thấp năm 1974 gắn với chủ trương của tỉnh tiếp nhận lao động xuôi lên xây dựng vùng kinh tế mới, các huyện Bảo Thắng, Mường Khương và thị xã Lào Cai, Cam Đường, cố gắng xây dựng xong phương án kinh tế toàn huyện, tổ chức lại sản xuất ở hợp tác xã điểm và làm gọn ở một vùng. Riêng Bát Xát làm xong vùng thấp thực hiện liên doanh ở vùng cao để rút kinh nghiệm. Tổ chức nông dân lại theo hình thức hợp tác xã nhỏ quản lý đơn giản, năm 1975 xong toàn vùng thấp (riêng Bát Xát trong cả vùng cao) hình thành huyện với hợp tác xã và cơ cấu sản xuất chung.

Các huyện vùng cao Sa Pa, Bắc Hà, Si Ma Cai và Mường Khương năm 1974 xong phương án huyện và làm xong hợp tác xã điểm, đồng thời tổ chức nông dân lại làm ăn tập thể theo hình thức hợp tác xã nhỏ quản lý đơn giản. Năm 1975 tổ chức các liên doanh ở một, hai vùng và tiếp theo đến năm 1976 hình thành được huyện với hợp tác xã là cơ cấu chung.

2. Trình tự tiến hành cụ thể ở huyện và cơ sở

Để triển khai thực hiện cần làm tốt sáu công tác lớn: Điều tra cơ bản và quy hoạch sản xuất, tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý hợp tác xã, xây dựng mạng lưới kỹ thuật kinh tế trên địa bàn huyện, cải tiến kế hoạch và thực hiện một bước hạch toán kinh tế, cải tiến công tác tổ chức và bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, cải tiến công tác đảng và công tác quần chúng. Sáu công tác đó phải qua thời gian vài ba năm thì mới thực hiện được. Trong thời gian đầu, các huyện cần làm tốt những việc sau đây:

- Làm cho cán bộ, đảng viên quán triệt nghị quyết 19, 20, 22 của Trung ương về đưa nông nghiệp từng bước tiến lên sản xuất lớn và chuyển sang quản lý kinh tế kinh doanh nắm vững cách đặt vấn đề, yêu cầu, nội dung, hướng làm và cách làm để tiến hành tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý nông nghiệp từ cơ sở, qua đó tạo nên sự chuyển biến nhận thức và nhất trí ban đầu.

- Dựa theo yêu cầu mới, xem xét bố trí lại đội ngũ cán bộ của huyện, bổ sung thêm một số cán bộ cho huyện, kiện toàn số cán bộ chủ chốt của huyện, bước đầu thành lập Ủy ban Nông nghiệp huyện gồm một số bộ phận và cán bộ cốt cán.

- Tiến hành điều tra cơ bản, bổ sung và xây dựng quy hoạch sản xuất chung cho huyện, kết hợp với kiểm điểm đánh giá tình hình để bước đầu xây dựng phương án kinh tế, bố trí ý định làm ăn của huyện, đồng thời tiến hành quy hoạch sản xuất cụ thể ở một số hợp tác xã, sau đó trở lại điều chỉnh quy hoạch sản xuất chung và điều chỉnh lại phương án kinh tế của huyện.

Tiến hành xây dựng một số hợp tác xã điểm về tổ chức lại sản xuất và cải tiến lại quản lý đối với một số cây, con chính trên một số khu vực chuyên canh, đồng thời mở rộng hiệu quả đã đạt được ra các hợp tác xã trong huyện.

- Kiểm tra và xây dựng hoàn chỉnh quy hoạch, trang bị cho từng khâu cơ sở vật chất kỹ thuật, bố trí hệ thống tổ chức và quản lý đối với từng khâu, sơ bộ củng cố tổ chức và cải tiến công tác kế hoạch của các trạm, trại (nếu có), chuyển các trạm, trại thành đơn vị kinh doanh hạch toán.

- Tiến hành xây dựng kế hoạch nông nghiệp cơ sở, bao gồm kế hoạch hợp tác xã và kế hoạch trạm trại, đồng thời cải tiến xây dựng kế hoạch nông nghiệp cấp huyện làm cơ sở bước đầu để cải tiến chỉ đạo thực hiện kế hoạch, làm tiếp hạch toán kinh tế của các trạm trại, các hợp tác xã.

- Quá trình làm các việc trên kết hợp đào tạo, bồi dưỡng, cất nhắc cán bộ, kiện toàn bộ máy, xác định chức năng, nhiệm vụ, cải

tiến lên làm việc, cải tiến công tác lãnh đạo của Đảng, phát huy quyền làm chủ quần chúng, phát động phong trào quần chúng sôi nổi, đẩy mạnh sản xuất, hăng hái tham gia xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, nghiêm chỉnh thực hiện các chế độ kỹ thuật và quản lý.

V. TỔ CHỨC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

Công tác củng cố tăng cường hợp tác xã, thực hiện một bước chuyển hợp tác xã đi lên theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, tổ chức lại sản xuất từ cơ sở gắn với xây dựng cấp huyện là việc rất mới mẻ và là một công tác lớn trung tâm ở nông thôn của những năm tới để thực hiện nghị quyết 19, 20, 22 của Trung ương, có liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp phải vận dụng thực hiện nhiều chính sách, chế độ, v.v. do đó phải đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy Đảng các cấp.

Ở tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy trực tiếp chỉ đạo về mặt chủ trương, biện pháp lớn, giao cho Đảng đoàn chính quyền Ủy ban Hành chính tỉnh chỉ đạo thực hiện cụ thể. Các Ban của Đảng như Tổ chức, Tuyên huấn, Khoa giáo, Tài chính, Thương nghiệp, Công nghiệp, Nông nghiệp, Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Ủy ban Hành chính tỉnh, Ủy ban Nông nghiệp, Ty Lâm nghiệp, Ủy ban Kế hoạch chịu trách nhiệm chính trong việc tham mưu giúp Tỉnh ủy và Ủy ban Hành chính tỉnh làm việc dưới sự chỉ đạo hằng ngày của Thường trực Tỉnh ủy, trong đó Ban Nông nghiệp Tỉnh ủy là cơ quan thường trực, các ban và các Đảng đoàn các ngành cử cán bộ và đồng chí lãnh đạo ban, ngành chuyên lo phụ trách phần việc thuộc chức năng của ban mình, ngành mình. Các ngành, giới theo chức năng Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao trách nhiệm cụ thể cho từng ngành, mỗi ngành phải cử một số cán bộ và đồng chí lãnh đạo chuyên trách theo dõi thực hiện các việc từng thời gian được tỉnh giao.

Ở huyện, thị Ban Thường vụ các huyện, thị chịu trách nhiệm chỉ đạo trực tiếp, giúp việc là các ban của Đảng và Ủy ban Nông nghiệp huyện, thường trực là Ủy ban nông nghiệp huyện.

Kinh phí và phương tiện làm việc phục vụ cho công tác này thống nhất sử dụng vào ngân sách thuộc Nhà nước. Ở tỉnh, Ban Nông nghiệp Tỉnh ủy dự trù, ở huyện, Ủy ban Nông nghiệp huyện dự trù cụ thể theo kế hoạch hằng năm, Ủy ban hành chính tỉnh xét cấp.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 85-TB/TU, ngày 27-4-1974

Về Hội nghị Thường vụ Tỉnh ủy bàn việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị 192

Ngày 22-4-1974 tập thể Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã họp có các đồng chí: Trường Minh, Nông Công Thương, Phạm Gia Tuân, Vi Khánh Vinh, Cư Hòa Văn, Nguyễn Ân, Nguyễn Trí Nghị (vắng đồng chí Lương Quyết Định, Dương Việt Tiến) để nghe tình hình và quyết định chủ trương, biện pháp tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

Sau khi nghe báo cáo Thường vụ nhất trí nhận định: Từ khi có Chỉ thị 192 CT/TW ngày 26-10-1971 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Tỉnh ủy đã nghiên cứu quán triệt, sau đó đã từng bước quán triệt trong các huyện, thị, đảng ủy, các ban, Đảng đoàn. Đã căn cứ vào tình hình cụ thể của địa phương vạch ra dự án kế hoạch thực hiện trong toàn tỉnh.

Đã hoàn thành hai đợt thí điểm và thí điểm mở rộng ở 31 tổ chức cơ sở đảng thuộc các huyện, thị và một số đảng ủy đại diện cho các vùng, các loại tổ chức cơ sở đảng khác nhau (hiện nay đang làm ở 55 tổ chức cơ sở nữa, như vậy tính đến nay đã và đang làm ở 86/361 cơ sở đảng trong toàn tỉnh).

Ở những nơi đã thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, kết quả đạt được tuy có mức độ khác nhau nhưng nhìn

chung những yêu cầu cơ bản của việc thực hiện Chỉ thị đều đạt được, chất lượng của tổ chức đảng và đảng viên được nâng cao hơn một bước, tổ chức đảng được trong sạch và bước đầu được củng cố, việc thực hiện chính trị trước mắt được đẩy mạnh.

Tuy nhiên bên, cạnh những kết quả đạt trên cũng còn những thiếu sót, tồn tại: nhận thức của một số cấp ủy chưa thật quán triệt, việc lãnh đạo, chỉ đạo chưa thật chặt chẽ, nhìn chung việc thực hiện Chỉ thị 192 còn chậm, một vài nơi đã thực hiện đạt yêu cầu chưa cao, kết hợp đẩy mạnh việc thực hiện nhiệm vụ chính trị chưa được quan tâm đầy đủ.

Để phát huy những ưu điểm, khắc phục những thiếu sót tồn tại nhằm đẩy mạnh việc thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư Trung ương Đảng trong toàn Đảng bộ đạt yêu cầu, đúng thời gian Trung ương quy định cho các tỉnh miền núi (giữa năm 1975) Thường vụ đã nhất trí quyết định các vấn đề sau đây:

1. Các cấp ủy Đảng, các Ban, Đảng đoàn phải nghiên cứu quán triệt sâu sắc về nhận thức và quan điểm việc thực hiện Chỉ thị 192, phải nhận rõ việc thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư Trung ương Đảng nhằm kết thúc cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh trong phạm vi tỉnh ta hiện nay là một việc làm có tầm quan trọng đặc biệt, là một trong những nhiệm vụ trung tâm của tỉnh, các cấp ủy đảng từ tỉnh đến cơ sở phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo để thực hiện với tinh thần chủ động, tích cực, khẩn trương và dứt điểm.

Các huyện, thị, đảng ủy, đảng đoàn phải căn cứ vào tình hình của Đảng bộ mình mà vạch ra kế hoạch, bố trí lực lượng cán bộ, phân công lãnh đạo, chỉ đạo để tổ chức tốt việc thực hiện trong phạm vi cấp mình phụ trách.

2. Ở những nơi đang thực hiện Chỉ thị 192 phải gắn chặt với việc thực hiện Nghị quyết 22 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết 225, 228 của Bộ Chính trị. Trên cơ sở phát động tư tưởng đảng viên và quần chúng thực hiện Chỉ thị 192 thì đồng

thời phải phát động một phong trào sôi nổi của quần chúng phấn đấu thực hiện nhiệm vụ chính trị. Cụ thể là phải đẩy mạnh sản xuất, củng cố quan hệ sản xuất, giữ gìn trật tự trị an và làm tốt các nhiệm vụ trước mắt khác. Ở những nơi đã và đang thực hiện Chỉ thị 192, các mặt sản xuất, trị an và việc thực hiện những nhiệm vụ trước mắt khác phải tốt hơn lúc chưa làm; cá biệt ở những nơi có nhiều khó khăn thì cũng phải duy trì được phong trào như tình hình hiện tại.

Riêng vấn đề củng cố quan hệ sản xuất vì thời gian có hạn và tình hình hợp tác xã ở mỗi nơi có khác nhau nên mức độ giải quyết ở từng nơi phải cụ thể:

- Ở những nơi đã có hợp tác xã thì phải giúp cơ sở củng cố những mặt yếu kém nhằm duy trì hợp tác xã, đưa hợp tác xã ngày càng hoạt động tốt hơn.

- Ở những nơi tuy đã có hợp tác xã nhưng chỉ là hình thức thì phải giúp cơ sở để đưa hợp tác xã từng bước đi vào hoạt động có nội dung.

- Ở những nơi chưa có hợp tác xã hoặc hợp tác xã đã tan vỡ thì phải chuẩn bị điều kiện để sau này thành lập hợp tác xã, điều quan trọng ở đây là phải giáo dục cho đảng viên và quần chúng nhận thức rõ việc xây dựng hợp tác xã là vấn đề tất yếu đưa nông thôn tiến lên chủ nghĩa xã hội. Mỗi cán bộ, đảng viên phải nhận thức rõ, phải đi đầu và vận động quần chúng tham gia xây dựng, củng cố hợp tác xã.

- Ở những nơi đã kết thúc việc thực hiện Chỉ thị 192 thì phải tổ chức lực lượng cán bộ đến kiểm tra nhằm phát huy những kết quả, giải quyết những tồn tại và đẩy mạnh các mặt công tác nói trên.

3. Việc thực hiện Chỉ thị 192, Nghị quyết 22 và các nghị quyết công tác khác ở cơ sở là một vấn đề lớn, ngoài việc lãnh đạo, chỉ đạo tập trung của các cấp ủy Đảng đòi hỏi phải có sự tham gia của các Ban, Đảng đoàn, các ngành từ tỉnh đến cơ sở, đồng thời

các ngành cũng phải thông qua việc thực hiện Chỉ thị 192 ở cơ sở để củng cố ngành mình vì vậy các Ban, Đảng đoàn, các ngành phải căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của từng Ban, từng ngành mà lập ra kế hoạch và chỉ đạo Ban, ngành mình phục vụ cuộc vận động. Mặt khác, phải xem xét và nghiên cứu sắp xếp lại tổ chức của từng Ban, từng ngành cho phù hợp để có thể rút ra một lực lượng cán bộ đi tham gia thực hiện Chỉ thị 192 và các công tác khác ở cơ sở, đồng thời vẫn đảm bảo công tác thường xuyên của các Ban, các ngành.

Đảng đoàn chính quyền tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo việc phối hợp của các Ban, các ngành, huy động các ban, ngành tham gia.

4. Để tăng cường sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Thường vụ quyết định sẽ phân công một đồng chí trong Ban Thường vụ và một số đồng chí Tỉnh ủy viên tăng cường vào bộ phận chỉ đạo thực hiện Chỉ thị 192 để giúp Thường vụ kiểm tra, đôn đốc và chỉ đạo việc thực hiện (sẽ có quyết định riêng) sau khi đã bàn bạc trong Ban Chấp hành Tỉnh ủy).

Đối với các đồng chí Thường vụ và Tỉnh ủy viên khác cùng với việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn phải chỉ đạo thực hiện tốt Chỉ thị 192 ở khối và ngành mình phụ trách.

Các đồng chí thường vụ phụ trách thường trực Tỉnh ủy, thường trực Ủy ban hành chính tỉnh và thường trực bộ phận chỉ đạo thực hiện Chỉ thị 192 phải thường xuyên quan hệ chặt chẽ để bàn bạc và giải quyết tốt các vấn đề cơ sở.

5. Ban Chấp hành Tỉnh ủy sẽ có cuộc họp riêng để nghe báo cáo kết quả đợt thí điểm mở rộng và quyết định chủ trương, biện pháp tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị 192 ở toàn đảng bộ.

Sau cuộc họp của Ban Chấp hành Tỉnh ủy, sẽ mở hội nghị với các huyện, thị, đảng ủy, các Ban, Đảng đoàn, các ngành để tổng kết đợt thí điểm mở rộng trên cơ sở đó quán triệt thêm một bước tinh thần Chỉ thị 192, bàn biện pháp đẩy mạnh việc thực hiện Chỉ thị 192 và bàn kế hoạch các ngành tham gia cuộc vận động.

Văn phòng Tỉnh ủy, các Ban Tổ chức, Tuyên huấn, Kiểm tra có trách nhiệm giúp Thường vụ chuẩn bị tốt các nội dung và phục vụ hội nghị.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ

NÔNG CÔNG THƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG TRI CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 65-TT/TU, ngày 10-5-1974

Về việc kỷ niệm lần thứ 84 ngày sinh của Hồ Chủ tịch

Năm nay chúng ta kỷ niệm lần thứ 84 ngày sinh của Hồ Chủ tịch vĩ đại giữa lúc tình hình cách mạng đang có những chuyển biến to lớn.

Nhân dân miền Bắc đang nô nức thi đua phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết 22 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Nhân dân miền Nam anh hùng, kiên trì và đấu tranh tiếp tục hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ ở miền Nam tiến tới hòa bình, thống nhất Tổ quốc.

Nhân dân cả nước ta đang phát huy thắng lợi đã giành được tiếp tục tiến lên trong giai đoạn cách mạng mới để thực hiện *Di chúc* thiêng liêng của Hồ Chủ tịch: “Xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới...”.

Để thiết thực kỷ niệm ngày sinh của Hồ Chủ tịch các cơ sở Đảng cần làm tốt mọi mặt kế hoạch công tác, phấn đấu đạt những yêu cầu sau:

1. Tiếp tục đợt sinh hoạt chính trị nhằm làm thông suốt và bảo đảm chấp hành Nghị quyết hội nghị lần thứ 22 của Trung ương

Đảng theo tinh thần Kế hoạch số 06-CV/TW ngày 4-2-1974 của Ban Chấp hành Trung ương đã gửi, Kế hoạch hướng dẫn của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (sẽ gửi tiếp).

2. Phát động phong trào thi đua yêu nước, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội, ra sức cải tiến công tác, cải tiến lề lối làm việc; tăng cường công tác quản lý về mọi mặt, đặc biệt là quản lý kinh tế, quản lý nhà nước, quản lý xã hội, chống mọi hiện tượng tiêu cực; nâng cao năng suất lao động và hiệu quả công tác; phấn đấu thực hiện ba nhiệm vụ lớn, bảo đảm hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước năm 1974.

Về nội dung và thời gian tiến hành:

a) *Nội dung*: Các cơ sở đảng trong toàn tỉnh tổ chức:

- Nói chuyện về thân thế và sự nghiệp của Hồ Chủ tịch (Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy chịu trách nhiệm hướng dẫn về nội dung).

- Tiếp tục giáo dục nhằm quán triệt Nghị quyết 22 của Trung ương Đảng và Nghị quyết của Tỉnh ủy về nhiệm vụ và biện pháp chủ yếu khôi phục và phát triển kinh tế tỉnh 2 năm 1974 - 1975 (tài liệu do Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy biên soạn).

- Liên hệ kiểm điểm, bàn biện pháp khắc phục những khuyết điểm, tồn tại của đơn vị mình, tiến hành phát động thi đua, tổ chức hành động một cách sôi nổi, thiết thực.

b) *Thời gian*:

Việc tổ chức kỷ niệm sinh nhật Bác sẽ tiến hành vào ngày 19-5. Nhưng toàn bộ nội dung trên sẽ nằm trong kế hoạch đợt sinh hoạt chính trị chung của tỉnh và sơ kết thi đua vào dịp Quốc khánh (2-9-1974).

Các cơ quan văn hóa, thông tin, văn nghệ, báo chí, đài truyền thanh... và các ngành khác cần có kế hoạch phục vụ tốt ngày kỷ niệm nói trên một cách sôi nổi và thiết thực.

Các cấp ủy, các đảng đoàn ngành tổ chức thực hiện theo đúng tinh thần Thông tri này và gửi báo cáo về Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ

NÔNG CÔNG THƯỜNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 08-BC/TU, ngày 10-5-1974

**Về việc kiểm điểm việc thực hiện phương hướng,
nhiệm vụ kinh tế - văn hóa từ năm 1970 đến nay
của Tỉnh ủy**

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã họp Hội nghị toàn thể từ ngày 29-4-1974 để nghiên cứu học tập và thảo luận chủ trương, biện pháp thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 22 của Trung ương Đảng.

Trên cơ sở quán triệt tinh thần và nội dung cơ bản của Nghị quyết Trung ương Đảng lần này và các nghị quyết 19, 20 của Trung ương đã ban hành, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đánh giá tình hình và kiểm điểm việc thực hiện phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa của tỉnh từ năm 1970 đến nay; đồng thời đề ra các chủ trương, biện pháp lớn để tiếp tục phấn đấu thực hiện trong hai năm 1974 - 1975.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã nhất trí nhận định: Từ năm 1970 đến nay, trong hoàn cảnh chung của cả nước và của miền Bắc: chiến tranh và lại từ chiến tranh chuyển sang hòa bình, chúng ta đã có nhiều cố gắng, quyết tâm khắc phục khó khăn, giáo dục, động viên cán bộ, đảng viên và quần chúng phát huy quyền làm chủ tập thể, tinh thần cách mạng tiến công, đoàn kết nhất trí, tự lực, tự cường để phấn đấu thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng và Chính phủ, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V. Từ khi có Nghị quyết Hội nghị lần thứ

19, 20 của Trung ương Đảng, chúng ta lại tiếp tục bổ sung nhiều chủ trương và biện pháp cụ thể để thực hiện phương hướng, nhiệm vụ của tỉnh ta về mặt xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng của giai đoạn mới và phục vụ đời sống nhân dân trong tỉnh.

Quá trình thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và kế hoạch Nhà nước hằng năm, chúng ta đã giành được nhiều thắng lợi to lớn cơ bản, có ý nghĩa quan trọng trong sản xuất và đời sống của tỉnh ta. Tuy nhiên, đối chiếu với những nhiệm vụ và mục tiêu đã đề ra thì tình hình kinh tế - văn hóa của tỉnh ta còn những mặt yếu, phát triển chậm, chưa đồng đều, chưa mạnh mẽ, liên tục, có một số khâu còn trì trệ, sút kém kéo dài.

I. NHỮNG THẮNG LỢI, ƯU ĐIỂM CƠ BẢN

Vận dụng đường lối, chính sách của Trung ương vào điều kiện hoàn cảnh của địa phương, trong mấy năm qua, Tỉnh ủy tiếp tục coi trọng công tác điều tra, nghiên cứu, đi sâu vào việc chỉ đạo quản lý kinh tế, khoa học kỹ thuật, từng bước lập quy hoạch các mặt và tiến hành tổng kết một số chuyên đề như: Tổng kết việc thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị, tổng kết việc thực hiện chính sách dân tộc, tổng kết 2 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 19 của Trung ương, tổng kết công tác chống chiến tranh phá hoại, kết hợp kinh tế với quốc phòng... Từ đó Tỉnh ủy đã cụ thể hóa thêm phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu và biện pháp để đẩy mạnh sản xuất và các mặt công tác khác trong tỉnh. Những chủ trương, biện pháp đó được thể hiện bằng các nghị quyết của Tỉnh ủy (từ Nghị quyết số 5 đến số 14).

Thực hiện các nghị quyết đã đề ra chúng ta đã đưa phong trào mọi mặt từng bước phát triển, đưa tổng giá trị sản lượng công - nông nghiệp toàn tỉnh năm 1973 tăng 48,5% so với năm 1969, bình quân hằng năm tăng 10,4%.

Về nông - lâm nghiệp, chúng ta đã tích cực tiếp tục đẩy mạnh thâm canh tăng vụ là chủ yếu và mở thêm diện tích ở những nơi còn điều kiện. Công tác giống, phân, đầu tư vào việc xây dựng các cơ sở vật chất, kỹ thuật, làm thủy lợi... trong nông nghiệp được tiếp tục tăng cường chỉ đạo. Các vùng sản xuất nhằm phát triển các cây, con có ưu thế của địa phương được xác định ngày càng rõ ràng và dần dần có quy hoạch cụ thể. Sản xuất lương thực là trọng tâm, được liên tục tập trung nhiều cố gắng và mọi biện pháp khắc phục thiên tai và đẩy mạnh phát triển nên đã giành được thắng lợi lớn. Đồng thời với sản xuất lương thực, việc phát triển sản xuất các cây thực phẩm, chăn nuôi, nghề rừng, cây công nghiệp, cây đặc sản của địa phương đều đã có những chủ trương, biện pháp để đẩy mạnh. Công tác củng cố hợp tác xã sản xuất nông nghiệp được đặt ra thường xuyên và có kế hoạch củng cố từng đợt. Một số hợp tác xã vùng thấp và có hợp tác xã ở vùng cao đã có phương hướng sản xuất đúng, quản lý kinh doanh phát triển có thể làm mẫu để các nơi làm theo như Sâu Chua, Bản Phố, Bản Vược, Nam Cường... Các nông - lâm trường, trạm trại và các cơ sở quốc doanh trồng trọt, chăn nuôi trong tỉnh ngày càng được củng cố và phát triển theo hướng đi nhanh tới mức định hình.

Do những cố gắng trên nên tình hình sản xuất nông - lâm nghiệp tỉnh ta mấy năm qua đã tiếp tục phát triển, mặc dù có những khó khăn do thiên tai và ảnh hưởng chung của chiến tranh gây nên. Sản lượng lương thực quy thóc năm 1973 đã đạt 52,838 tấn, tăng 10,425 tấn so với năm 1969 (riêng năm 1972 đạt 4,074 tấn). trong đó sản lượng màu tăng nhanh nhất, do việc phát triển mì, seo, ngô, sắn, khoai... được đẩy mạnh phù hợp với điều kiện đại bộ phận đất đai trồng cạn của tỉnh ta. Tình hình sản xuất lương thực tăng khá nên mức ăn bình quân của một nhân khẩu nông nghiệp đã đạt hơn 21 kg lương thực một tháng. Đời sống nông thôn được giữ vững, có mặt được cải thiện hơn. Hằng năm, Nhà nước bán lương thực cho nông dân thiếu ăn lúc giáp hạt đã giảm đi nhiều

(từ năm 1970 đến năm 1973 chỉ bán 350 tấn). Đó là thắng lợi cơ bản để làm cơ sở cho việc phát triển các mặt khác trong nông - lâm nghiệp và các ngành kinh tế khác.

Các vùng sản xuất cây thực phẩm, cây công nghiệp, cây đặc sản đã xác định, một số vùng đã được chú ý phát triển theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa và tạo ra sản phẩm hàng hóa ngày càng tăng, do việc chỉ đạo và đầu tư xây dựng đã được chú ý một bước (vùng hạt giống rau, vùng dứa, vùng mía công nghiệp, vùng cây thuốc, vùng thảo quả...).

Chăn nuôi phát triển bình thường, đặc biệt đàn bò và lợn tăng khá, bình quân hằng năm tăng: trâu 1,2%, bò 13,2%, ngựa 6%, lợn trên 2 tháng tuổi 11,3%. Ưu điểm nổi bật là đối với đàn lợn trong quốc doanh và khâu gia đình ở 2 thị xã và vùng xung quanh đã phát triển tốt do việc vận dụng thực hiện các chủ trương, chính sách, biện pháp của Trung ương đề ra của tỉnh ta ngày càng sát hợp và cụ thể (như giải quyết vấn đề giống, chuồng trại, cung cấp cám, điều chỉnh lại giá cả, giá công chăn nuôi cho các hộ gia đình nhân dân và cán bộ, công nhân viên, v.v.) nhờ vậy đàn lợn trên 2 tháng tuổi của tỉnh ta từ năm 1973 đã tăng 53,8% so với năm 1969 và số lợn hơi nhà nước đã mua được 973,25 tấn năm (1973). Do đàn lợn tăng khá nên tỉnh ta đã tự giải quyết được về căn bản số lượng thịt cung cấp cho khu phi sản xuất nông nghiệp, kể cả các xí nghiệp, đơn vị trung ương tại địa phương.

Trong công tác lâm nghiệp, chúng ta cũng đã đạt được một số kết quả nhất định, có mặt có chuyển biến tiến bộ. Trong 4 năm qua, toàn tỉnh trồng được trên 2.000 ha rừng, khoanh nuôi rừng được 6,1 vạn héc-ta. Số cơ sở đã tổ chức kinh doanh nghề rừng có 19 hợp tác xã trong 12 xã.

Về công nghiệp: Công nghiệp địa phương trong thời kỳ có chiến tranh vẫn được duy trì củng cố, có mặt được tăng cường phát triển, mở rộng cơ sở sản xuất, tăng thêm trang thiết bị, lao động, tiền vốn để phát triển các mặt hàng phục vụ sản xuất, đời sống và xuất

khẩu. Có xí nghiệp sản xuất đã có lãi (cơ khí, mộc xẻ, tinh dầu, thực phẩm, dược phẩm, nhà in...). Một số xí nghiệp được phục hồi hoặc mở rộng thêm đã đi vào sản xuất hoặc đang tiếp tục xây dựng như xi măng, vôi, gạch, dược phẩm... Việc chế biến nông sản thực phẩm đã xây dựng được cơ sở làm hoa quả hộp và đang xây dựng cơ sở chế biến sắn. Về giao thông vận tải trong tỉnh, chúng ta đã chú ý tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh xây dựng và phát triển thêm các đường lớn, tăng thêm xe ô tô, do đó mạng lưới giao thông trong tỉnh ngày càng tăng lên rõ rệt, thuận tiện hơn cho sự đi lại và bảo đảm được khối lượng vận chuyển ngày càng nhiều của địa phương. Công tác xây dựng cơ bản trong công - nông nghiệp được chú trọng phát triển. Ngành xây dựng được chấn chỉnh theo yêu cầu nhiệm vụ mới. Số vốn đầu tư vào các ngành hằng năm tăng nhanh và đã sửa chữa, làm thêm được một số công trình hoặc cơ sở vật chất, kỹ thuật cho nông - lâm nghiệp, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, nhà cửa, kho tàng...

Những cố gắng trên cộng với sự hỗ trợ, giúp đỡ một phần của các cơ sở công nghiệp của Trung ương tại địa phương, như mỏ Apatít, nhà máy điện, v.v.. Chúng ta đã đưa giá trị sản lượng công nghiệp đến năm 1973 tăng 70% so với năm 1969, bình quân hằng năm tăng 14,2% và chiếm tỷ trọng 26,3% trong tổng giá trị sản lượng công - nông nghiệp toàn tỉnh (năm 1969 mới chiếm 22,8%).

Trong công tác tài chính - thương nghiệp, chúng ta đã có cố gắng trong việc thực hiện các nhiệm vụ thu chi ngân sách, tiền tệ, lưu thông phân phối, thúc đẩy và phục vụ sản xuất. Tiền vốn ngân sách và tín dụng đã được đầu tư vào hướng trọng tâm là sản xuất nông nghiệp, đồng thời đầu tư cho xây dựng, phát triển công nghiệp. Số lương thực cung cấp vào các vùng sản xuất cây công nghiệp, cho những nơi vận động định canh định cư cũng khá lớn (2.877 tấn cho vùng cây công nghiệp, 1.100 tấn cho các nơi định canh định cư thuộc vùng cao và giữa). Thu mua, phân phối ngày càng tiến bộ, giá trị một số mặt hàng nông sản thu được ngày càng

tăng (dứa, mía, rau, lợn thịt, v.v.). Thu mua hàng xuất khẩu hàng năm tăng khá, góp phần đáng kể vào tổng giá trị hàng xuất khẩu của Nhà nước. Việc phân phối phục vụ sản xuất, đời sống mặc dù gặp khó khăn chung của thời chiến nhưng mấy năm qua một số yêu cầu thiết yếu đã được chú ý bảo đảm cung cấp theo tiêu chuẩn định lượng, trong đó đáng chú ý là đã cung cấp dứt điểm hàng quý đối với thịt và mỡ cho các đối tượng được phân phối. Tình hình giá cả thị trường nói chung bình ổn, không có đột biến lớn xảy ra.

Công tác quản lý kinh tế, tài chính, thị trường, giá cả được đề ra thường xuyên trong phương hướng, nhiệm vụ và kế hoạch của tỉnh. Do đó, trên một số khâu trong các mặt này cũng dần dần có tiến bộ. Ý thức tiết kiệm, làm ăn có tính toán, có hiệu quả kinh tế đã có một số chuyển biến nhất định.

Đồng thời với việc xây dựng, phát triển kinh tế, chúng ta đã có những chủ trương, biện pháp để đẩy mạnh sự nghiệp về giáo dục, văn hóa, thể thao, v.v.. Đặc biệt là việc phát triển giáo dục phổ thông, học bổ túc văn hóa, đào tạo cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật... đã được nhấn mạnh, nhất là thời gian từ năm 1971 đến nay. Nói chung, tình hình các mặt này đã phát triển một bước. Các trường lớp và số học sinh thuộc các hệ phổ thông, bổ túc văn hóa, sư phạm, y tế, thanh niên dân tộc, thanh niên vùng cao... và học các nghiệp vụ khác đều tăng lên hàng năm. Các hoạt động văn hóa, thông tin, văn nghệ đã có những điển hình tốt và có nơi phong trào đang được phát triển. Công tác vệ sinh, phòng bệnh, thể dục, thể thao, bảo vệ và rèn luyện sức khỏe nhân dân và công tác bảo vệ bà mẹ, trẻ em cũng đã đạt một số kết quả.

Nguyên nhân đạt được những thắng lợi trên là do:

1- Đường lối, chính sách của Đảng, Chính phủ thể hiện trong các chỉ thị, nghị quyết 19, 20... rất đúng đắn, lại có sự lãnh đạo, chỉ đạo, theo dõi giúp đỡ đối với tỉnh ta của Trung ương ngày càng cụ thể và chặt chẽ, do đó đã tạo ra nhiều thuận lợi cho bước đường phấn đấu thực hiện các nhiệm vụ của chúng ta.

2. Nhận thức về tình hình, nhiệm vụ của Tỉnh ủy và các cấp, các ngành nói chung có chuyển biến kịp thời, qua việc nghiên cứu quán triệt tinh thần, các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương. Sự vận dụng thi hành các chủ trương, đường lối của Trung ương vào địa phương có nhiều cố gắng nên đã làm cho phương hướng, nhiệm vụ của tỉnh ngày càng sát hợp với tình hình, đặc điểm của tỉnh ta. Trong lãnh đạo, chỉ đạo được tích cực và từng bước cải tiến chế độ, phương pháp ngày càng tiến bộ đối với công tác quản lý kinh tế, kỹ thuật.

3. Tinh thần cách mạng tiến công, tự lực, tự cường, đoàn kết, nhất trí trong các cấp ủy đảng, chính quyền cộng với tinh thần hăng hái thi đua khắc phục khó khăn của cán bộ, đảng viên, công nhân viên luôn luôn được bồi dưỡng và nêu cao nhằm mục tiêu lao động sản xuất, sẵn sàng chiến đấu thực hiện kế hoạch Nhà nước hàng năm.

4. Quần chúng nhân dân các dân tộc trong tỉnh tiếp tục phát huy và nêu cao tinh thần đoàn kết, đấu tranh khắc phục thiên tai và các khó khăn, cần cù lao động sản xuất, tin tưởng và tích cực chấp hành đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

II. NHỮNG NHƯỢC ĐIỂM, KHUYẾT ĐIỂM TỒN TẠI CHỦ YẾU

Trong quá trình phấn đấu xây dựng và phát triển kinh tế văn hóa, bên cạnh những khó khăn khách quan, chúng ta cũng còn bộc lộ nhiều nhược điểm làm hạn chế những thắng lợi đã đạt được. Những nhược điểm, khuyết điểm tồn tại chủ yếu là:

1. Nông, lâm nghiệp

Lương thực, thực phẩm chúng ta đã có nhiều cố gắng phát triển, nhưng còn khó khăn, chưa đảm bảo tự túc vững chắc ở địa phương, chưa đảm bảo làm cơ sở để tiến công mạnh mẽ sang các

cây công nghiệp, đặc sản có ưu thế của tỉnh ta. Đáng chú ý là rau xanh chưa thành vùng sản xuất lớn, chưa đáp ứng nhu cầu tối thiểu thường xuyên của khu vực phi sản xuất nông nghiệp. Cây công nghiệp, cây đặc sản đã quy vùng hoặc đã có chủ trương làm mạnh nhưng làm chưa tích cực, chưa tập trung dứt điểm như chuối, sắn, khoai, ngô, sò, óc chó, dẻ hạt, chè, thảo quả, cây thuốc... Thậm chí, vùng đậu tương không những không phát triển được mà diện tích, sản lượng lại càng bị thu hẹp và sút kém nặng. Số sản phẩm thu nộp cho Nhà nước của một số cơ sở kinh tế tập thể và của nông - lâm trường quốc doanh chưa tương xứng với số lương thực và các khoản khác được Nhà nước cung cấp và đầu tư.

Năng suất các loại cây trồng, trừ lúa ruộng ở vùng thấp có tiến bộ, còn đại bộ phận vẫn thấp, thậm chí có cây, có năm giảm sút như ngô, mía, hạt rau giống... Đáng chú ý là năng suất lúa ruộng một vụ và ngô, đậu ở vùng cao còn thấp và lên xuống bấp bênh, do chưa có cơ sở vật chất, kỹ thuật vững chắc và chưa có tác động kỹ thuật máy. Việc tăng vụ và việc khai hoang thêm diện tích cũng còn kém, chưa thành phong trào liên tục và rộng khắp.

Tình hình chăn nuôi phát triển chưa mạnh trong toàn tỉnh, chưa cân đối với trồng trọt, chưa tạo được cơ sở để thành ngành chính trong nông nghiệp. Chăn nuôi trong khu vực tập thể còn nhiều khó khăn, chưa có biện pháp tổ chức quản lý thích hợp, giá trị chăn nuôi hàng năm ít (5,7%); tỷ trọng chiếm trong nông nghiệp mới được 23,7%; cơ sở vật chất kỹ thuật để phát triển chăn nuôi theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa như giống, thức ăn còn ít, chưa vững vàng, xây dựng được chuồng trại chậm chạp, kéo dài.

Lâm nghiệp kém phát triển, chậm tiến bộ. Việc trồng, tu bổ, cải tạo, khoanh nuôi rừng làm được quá ít, trong khi đó tệ chặt phá rừng bừa bãi và việc khai thác không tổ chức còn xảy ra nhiều. Việc phát rừng làm nương rẫy tiếp diễn nghiêm trọng, do đó chỉ tiêu lúa nương năm nào cũng tăng vọt so với kế hoạch.

Phong trào hợp tác hóa nông nghiệp bị dừng lại, chưa có tiến bộ rõ rệt; thậm chí có mặt ngày càng sút kém. Tính đến cuối năm 1973, tỷ lệ hộ nông dân toàn tỉnh trong hợp tác xã chỉ còn 50,2%. Số hợp tác xã đã khá có một số điển hình nhưng không phát huy mở rộng ra diện được. Đáng chú ý là tình hình làm ăn tập thể bị yếu đi, làm ăn riêng lẻ trở lại và phát triển tràn lan nhưng chúng ta chưa có biện pháp quản lý được. Phong trào hợp tác hóa ở vùng cao còn nhiều mặt yếu và sút kém (tuy ở vùng thấp cũng còn những mặt yếu) thể hiện ở chỗ: tình hình làm ăn tập thể rời rạc, số hợp tác xã tan vỡ và không còn nội dung ngày càng nhiều, tỷ lệ số hộ trong hợp tác xã nay chỉ còn 24,5%. Sở dĩ như vậy chủ yếu là do phương hướng sản xuất kinh doanh và quản lý của các hợp tác xã ở vùng cao chưa được xác định rõ, hình thức tổ chức và nội dung quản lý chưa phù hợp, cơ sở vật chất, kỹ thuật, cải tiến kỹ thuật còn quá ít, cộng với trình độ văn hóa, nghiệp vụ của cán bộ, cốt cán ở vùng cao còn thấp. Phong trào hợp tác hóa như vậy là một nguyên nhân làm cho sản xuất, đời sống, trị an, văn hóa, xã hội... trong nông thôn nói chung, ở vùng cao nói riêng chưa thể phát triển mạnh mẽ, vững chắc theo kế hoạch.

2. Công nghiệp

Nhìn chung giá trị sản lượng hàng năm đều tăng nhưng tăng chậm và nhiều xí nghiệp chưa quán triệt, chưa thực sự đi vào hướng trọng tâm là phục vụ nông - lâm nghiệp. Các cơ sở, xí nghiệp nhiều nơi ngày càng phát triển và mở rộng quy mô sản xuất, trang bị thêm máy móc, thiết bị nhưng phát triển chưa tính toán cân đối, vững chắc, chuẩn bị mọi mặt không đầy đủ; củng cố và phát huy hiệu quả kinh tế của những cơ sở đã sẵn có còn kém. Một số cơ sở chưa ổn định phương hướng và nhiệm vụ sản xuất, hoặc có lúc không bám hướng, bám nhiệm vụ mà lại làm những việc không đúng nhiệm vụ đề ra hoặc chạy theo giá trị sản lượng

một cách đơn thuần, không tập trung vào sản xuất những sản phẩm chủ yếu, như cơ khí, sành sứ, mộc xẻ, đường, rượu, giấy... Một số cơ sở chưa được thay thế thiết bị hỏng, cũ và trang bị thêm kỹ thuật. Nguyên vật liệu (chủ yếu là nông - lâm sản) cung cấp cho sản xuất công nghiệp không đủ, chưa vững chắc, có lúc thiếu trầm trọng (như đậu tương...). Ý thức làm chủ tập thể và giác ngộ xã hội chủ nghĩa của cán bộ, công nhân chưa được bồi dưỡng và đấu tranh mạnh mẽ giữa hai con đường nên tình trạng lỏng lẻo trong lao động, trong việc thi hành kỷ luật và các chế độ nguyên tắc... có chiều hướng phát triển. Vai trò và tinh thần trách nhiệm trong công tác quản lý của các ngành, các giám đốc xí nghiệp cũng còn yếu kém. Các hợp tác xã thủ công nghiệp không được chú ý củng cố; sản xuất thủ công nghiệp chưa được quản lý và đẩy mạnh phát triển. Vì vậy, năng suất lao động trong công nghiệp còn quá thấp; chất lượng sản phẩm nói chung còn kém, giá thành sản phẩm còn cao và đắt; hiệu quả kinh tế còn ít; phục vụ sản xuất và đời sống chưa kịp thời. Hiện nay còn một số xí nghiệp bị lỗ vốn lớn (đường, rượu, giấy, vật liệu xây dựng...) khâu chế biến nông - lâm sản, nhất là chế biến màu (sắn, gạo...) và thức ăn gia súc, làm quá chậm và thiếu tập trung dứt điểm.

3. Xây dựng cơ bản: Tuy đã có những cố gắng lớn nhưng chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đề ra. Vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật cho nông - lâm nghiệp trong đó nhất là vùng cao còn ít, chưa cân đối với vốn đầu tư vào công nghiệp. Công tác khảo sát, quy hoạch thiết kế chậm trễ, nhất là quy hoạch thị xã, thị trấn và một số điểm nông thôn đến nay vẫn chưa hoàn thành. Công tác thi công thường kéo dài, dây dưa, phân tán không dứt điểm, không tập trung chỉ đạo và nguyên liệu hướng vào trọng điểm của tỉnh đề ra. Tình hình nguyên vật liệu và lao động cho xây dựng cơ bản thiếu, nhưng việc giải quyết thiếu tích cực nên ảnh hưởng lớn đến tốc độ xây dựng các công trình (nhất là về gạch, ngói...). Công tác đào tạo công nhân kỹ thuật, công nhân

lành nghề chưa được quan tâm đúng mức. Việc tu sửa, tận dụng các công trình cũ sẵn có chưa được chú ý.

4. Giao thông vận tải: Khâu yếu hiện nay là giao thông nông thôn phát triển kém và chậm, giao thông vận tải ở vùng cao còn khó khăn. Phương tiện vận chuyển cải tiến và thô sơ không được chú ý đẩy mạnh. Khâu vận chuyển cơ giới thì số đầu xe tăng nhiều nhưng khối lượng vận chuyển chưa tăng cân xứng, hiệu suất sử dụng đầu xe còn thấp; lãng phí hư hỏng vật liệu, nguyên liệu còn nhiều. Quy hoạch và thực hiện kế hoạch về đường giao thông với làm thủy lợi, trồng cây... chưa được kết hợp chặt chẽ, đồng bộ với nhau.

5. Lưu thông phân phối tài chính, tiền tệ, giá cả tuy có một số chuyển biến tiến bộ nhưng còn nhiều khâu chưa mạnh, chưa tập trung. Việc bám vùng, bám hướng sản xuất của các ngành tài chính thương nghiệp chưa thật thường xuyên và sâu sát cơ sở, có lúc sự phối hợp, kết hợp còn rời rạc, do đó việc phục vụ không kịp thời, không đầy đủ yêu cầu của sản xuất và đời sống ở cơ sở.

Việc chế biến, tiêu thụ, thu mua các nông sản mới chú ý như thóc, ngô, lợn, còn về khoai, sắn... chưa được quan tâm đúng mức (kể cả lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện). Có lúc sản xuất ra sản phẩm nhưng do việc thu mua, chế biến, tiêu thụ không ăn khớp, không có biện pháp đầy đủ nên bị hư hao, tổn hại sản phẩm (như dưa, mía năm 1972 - 1973). Thu mua, chế biến hàng xuất khẩu chưa đáp ứng yêu cầu so với khả năng dồi dào của tỉnh ta.

Đối với những vấn đề thuộc nghĩa vụ của quần chúng, chúng ta chưa giáo dục thấm nhuần ý thức đóng góp cho quần chúng nên còn khó khăn, thu mua giá cao thì vượt mức nhưng nghĩa vụ thì không đạt kế hoạch (lương thực, thực phẩm, lợn...). Mạng lưới và lực lượng cán bộ, nhân viên thu mua chưa được tăng cường đầy đủ và chưa thống nhất một mối.

Công tác phân phối, phục vụ đời sống có lúc còn thiếu mặt hàng thiết yếu và thị hiếu của quần chúng. Số lượng hàng hóa nằm tồn kho qua các năm còn lớn nhưng thiếu tích cực đưa hàng về các cửa hàng để bán ra. Số lượng hàng hóa kém và mất phẩm chất còn cao. Rau xanh, đậu phụ, nước chấm, chất đốt, đồ dùng và vật dụng hằng ngày có lúc không đủ cung cấp. Việc cung cấp thực phẩm và phục vụ ăn uống cho các bếp ăn tập thể ở các cơ quan, xí nghiệp, công trường, nông - lâm trường chưa bảo đảm được yêu cầu 13-15 đồng/tháng. Mạng lưới phân phối còn hẹp, từ khi hòa bình lập lại đến nay lại hẹp hơn những năm có chiến tranh. Phương thức phân phối, thu mua có được cải tiến nhưng vẫn còn thể thức phiền phức, gây lãng phí lao động xã hội. Phong trào hợp tác xã mua bán và tín dụng chưa được củng cố nên nói chung hoạt động còn rất yếu và có nơi đã tan vỡ (nhất là ở vùng cao).

Trong công tác tài chính tiền tệ thì tình hình thất thu ở cơ sở còn nhiều, nhất là thu thuế ở khu vực tập thể và cá nhân. Chi tiêu chưa thực sự triệt để tiết kiệm. Tham ô, lãng phí còn xảy ra. Thu chưa tăng kịp so với chi. Bội chi tiền mặt còn lớn. Công tác tín dụng của ngân hàng (nhất là đối với vùng nông thôn) chưa quản lý và phát huy được hiệu quả đồng vốn.

Thị trường giá cả nói chung quản lý chưa chặt chẽ, số người bỏ sản xuất ra buôn bán ngày càng nhiều nhưng việc giải quyết đưa trở về sản xuất còn thiếu kiên quyết. Một số giá cả còn bất hợp lý, không khuyến khích sản xuất nhưng chậm nghiên cứu điều chỉnh (giá mua đậu tương, giá công bốc vác, vận tải, v.v.).

6. Văn hóa - xã hội: Sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa, thông tin, thể dục thể thao, bảo vệ bà mẹ, trẻ em, v.v. tuy có phát triển nhưng chậm, chưa đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất và đời sống. Hoạt động của các mặt này ở cơ sở đều còn yếu. Phong trào giáo dục phổ thông và bổ túc văn hóa ở nông thôn

vùng cao sút kém, trì trệ. Số người lớn mù chữ và số trẻ em chưa đi học còn nhiều. Số cán bộ và đảng viên cốt cán ở xã, hợp tác xã còn nhiều đồng chí mù chữ và nói chung trình độ văn hóa còn thấp (qua điều tra ở 45 xã còn 203/467 đồng chí mù chữ). Số học sinh các dân tộc ít người trong các trường cấp II, III còn quá ít. Phong trào vệ sinh phòng bệnh ở nhiều nơi còn yếu. Việc kết hợp đông, tây y trong chữa bệnh chưa mạnh. Việc khai thác và sử dụng thuốc sẵn có ở địa phương làm còn kém. Phong tục tập quán tốt và nếp sống văn minh, văn hóa mới chưa được phát huy, phát triển rộng rãi, trong khi đó những tập tục và lối sống lạc hậu (cưới xin, ma chay, mê tín, nghiện hút...) có chiều hướng phát triển.

III. NGUYÊN NHÂN CỦA THIẾU SÓT, TỒN TẠI

Những thiếu sót, tồn tại trên do nhiều nguyên nhân. Có những nguyên nhân thuộc về khách quan như tình hình đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội của tỉnh ta có nhiều khó khăn chưa thể khắc phục được nhanh, cộng với những khó khăn do ảnh hưởng của chiến tranh trong những năm qua gây nên... Nhưng về phía chủ quan, chúng ta còn có nhiều khuyết điểm chưa được kiên quyết sửa chữa, khắc phục.

Những khuyết điểm, thiếu sót chính trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện thể hiện như sau:

1. Về mặt lãnh đạo và chỉ đạo, những chủ trương về phương hướng, nhiệm vụ và các biện pháp của Tỉnh ủy đề ra nói chung là đúng đắn, sát hợp với khả năng, điều kiện của địa phương. Nhưng trong khi thực hiện, chúng ta còn thiếu kiểm tra, đôn đốc, phát hiện vấn đề kịp thời. Cũng có một vài vấn đề, tuy chúng ta đã có nghị quyết nhưng do bàn bạc chưa sâu sắc, kỹ càng để kết luận một cách dứt khoát và có sự nhất trí cao. Có những chủ trương công tác, sau khi có nghị quyết, chúng ta còn thiếu sự phân công,

giao trách nhiệm rành mạch cụ thể, do đó khi thực hiện thiếu tập trung, mạnh mẽ. Trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện, việc theo dõi nắm tình hình và giải quyết vấn đề cụ thể (như giống, vốn, vật tư, lao động...) không kịp thời, thiếu tập trung vào hướng, vào vùng trọng điểm. Có những việc lỡ thời vụ. Sự phối hợp và tập trung vào các ngành xoay quanh nhiệm vụ trung tâm và trọng điểm từng thời gian có những việc còn rời rạc, phân tán, không giao trách nhiệm rõ ràng. Tinh thần trách nhiệm và ý thức pháp lệnh đối với việc thực hiện phương hướng, nhiệm vụ các chỉ tiêu kế hoạch của tỉnh đề ra trong các cấp, các ngành còn thiếu nghiêm chỉnh, còn xảy ra nhiều hiện tượng tùy tiện, cục bộ.

2. Công tác quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước còn lỏng lẻo, có nhiều sơ hở. Các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Nhà nước chưa được chính quyền hóa, cụ thể hóa một cách đầy đủ trong quá trình thực hiện. Chế độ quản lý chưa được cải tiến mạnh mẽ, tư tưởng hành chính cung cấp trong sản xuất, kinh doanh còn thể hiện phổ biến. Lối làm ăn của người sản xuất nhỏ, thiếu chuẩn bị, thiếu điều tra khảo sát và tính toán cân đối còn nặng nề. Tình trạng lãng phí lao động, tiền của còn nhiều. Các chế độ và các kỷ luật trong quản lý kinh tế như định mức kinh tế, kỹ thuật, hạch toán kinh tế, v.v. chưa được thực hiện nghiêm túc trong các cơ sở sản xuất kinh doanh. Công tác quản lý lao động, vật tư, tiền vốn chưa có sự chuyển biến mạnh mẽ và đều khắp. Pháp chế xã hội chủ nghĩa chưa được chấp hành nghiêm chỉnh trong các cấp, các ngành. Công tác bảo vệ kinh tế, trật tự xã hội chưa được mạnh. Sự kết hợp giữa công tác kinh tế với bảo vệ trị an, giữa kinh tế với quốc phòng cũng còn nhiều khâu, nhiều lúc chưa chặt chẽ.

3. Việc tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng chưa nhịp nhàng, chỉ đạo thiếu cụ thể. Đáng chú ý là công tác củng cố hợp tác xã nông nghiệp chưa có biện pháp cụ thể, chưa tích cực đi vào chỉ đạo điều hành và chậm nghiên cứu, rút ra cách tổ chức hợp tác xã ở vùng cao như thế nào cho phù hợp về hình thức quy mô cũng như

về phương hướng sản xuất, kinh doanh và nội dung quản lý của hợp tác xã. Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý hợp tác xã làm còn ít. Việc đưa cán bộ nghiệp vụ xuống hợp tác xã trực tiếp giúp đỡ cũng làm chậm. Cơ sở vật chất kỹ thuật của các hợp tác xã trong thời gian vận động, cải tiến đã xây dựng được một số nhưng mấy năm qua lại thiếu củng cố và tăng cường thêm. Các điểm cơ khí nhỏ, thủy luân, thủy điện nhỏ trong nông thôn bị hư hỏng dần, không được giúp đỡ sửa chữa tích cực, nên kém phát huy tác dụng trong quản lý. Hiện nay cơ sở vật chất kỹ thuật trong các hợp tác xã, nhất là các hợp tác xã vùng cao chưa có gì đáng kể. Từ khi thành lập ủy ban nông nghiệp tỉnh, huyện, nhiệm vụ lo liệu về công tác củng cố, xây dựng hợp tác xã nông nghiệp không cơ quan nào chịu trách nhiệm rõ ràng. Đó là những lý do làm cho phong trào hợp tác xã bị sút kém đi, không làm được vai trò mở đường và tạo cơ sở để phát triển sản xuất theo kế hoạch.

Về tư tưởng, vấn đề đấu tranh giữa hai con đường, thể hiện giữa cá thể với tập thể, giữa sản xuất nhỏ với sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, giữa lạc hậu và tiên tiến diễn ra nhiều hình thức khác nhau trong nông thôn cũng như ở thị xã, thị trấn, trong cả đảng viên và cán bộ, công nhân viên. Tình hình phổ biến hiện nay là tư tưởng làm ăn riêng lẻ, vun vén gia đình cá nhân, ít chăm lo tập thể và Nhà nước có chiều hướng phát triển. Nhưng về phía giáo dục và đấu tranh, chúng ta đã thiếu sự lãnh đạo và chỉ đạo chặt chẽ, thiếu kiên quyết đối với những hiện tượng tiêu cực, những thói hư tật xấu trong sản xuất và đời sống xã hội (lười biếng, tham ô, ăn cắp của công, gây tổn thất tài sản của tập thể và Nhà nước, v.v.).

4. Công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, nhất là cán bộ quản lý kinh tế, nghiệp vụ, kỹ thuật chưa có quy hoạch cụ thể, đào tạo, bồi dưỡng được ít và lại chưa cân đối, đồng bộ giữa các loại, giữa các yêu cầu. Việc bố trí và sử dụng cán bộ khoa học, kỹ thuật ở các cấp, các ngành nói chung chưa hợp lý, chưa đúng nghề nghiệp của cán bộ đã được đào tạo. Do đó nhiều việc còn làm mò mẫm, thiếu cán

bộ có trình độ và có kinh nghiệm, nhất là ở cơ sở hợp tác xã nông nghiệp và các xí nghiệp.

5. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng và chính quyền chưa thực sự quán triệt, nắm vững các nghị quyết của Trung ương và của Tỉnh ủy đối với nhiệm vụ kinh tế. Các ngành, các cấp còn thiếu đi sâu đi sát cơ sở, thiếu đi sâu vào quản lý kinh tế để giải quyết những vấn đề cụ thể và thiết thực. Việc củng cố, xây dựng chính quyền và các tổ chức quần chúng chưa thực sự gắn chặt với nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa. Nhiều cơ sở, tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể còn yếu, chưa đảm bảo việc lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất và các mặt công tác ở cơ sở. Vai trò làm chủ tập thể của quần chúng chưa được phát động mạnh mẽ. Bộ máy tổ chức quản lý kinh tế, quản lý nhà nước từ tỉnh xuống cơ sở nhiều khâu còn công kênh, chưa khoa học, hợp lý. Hệ thống tổ chức kinh tế trong tỉnh như các ban kinh tế, các ngành kế hoạch, thống kê... chưa được chấn chỉnh, kiện toàn hợp lý từ tỉnh đến cơ sở. Nhiệm vụ, chức năng của cơ quan đảng và chính quyền trong việc lãnh đạo, chỉ đạo kinh tế có lúc cũng chưa rõ ràng. Nhiều ngành, nhiều bộ môn chưa làm tốt chức năng nhiệm vụ của mình; nói chung tinh thần trách nhiệm còn yếu. Sự phân công trong các cấp ủy đảng và chính quyền cũng còn có mặt chưa hợp lý, chưa được điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ hiện nay.

6. Về chính sách, có mặt thực hiện chưa đầy đủ, có mặt chưa đi sâu nghiên cứu để đề nghị bổ sung một cách cụ thể, như chính sách đối với thủ công nghiệp, chính sách cán bộ miền núi, chính sách giá cả... Nói chung các chính sách thuộc về kinh tế chưa tích cực vận dụng thực hiện; có vấn đề còn bất hợp lý nhưng chậm sửa đổi (giá cả một số hàng nông - lâm sản).

Những khuyết điểm, thiếu sót trên là những nguyên nhân làm hạn chế thắng lợi của tỉnh ta, làm cho tình hình kinh tế, văn hóa và các mặt công tác khác tiến bộ chậm, còn nhiều tồn tại.

KẾT LUẬN

Từ năm 1970 đến nay, thực hiện các nghị quyết 19, 20 của Trung ương Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ 5, chúng ta đã đạt được nhiều thắng lợi cơ bản trên mặt trận kinh tế - văn hóa trong tỉnh. Tuy nhiên trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện phương hướng, nhiệm vụ và các mục tiêu kế hoạch do Trung ương và Tỉnh ủy đề ra, chúng ta còn có những khuyết điểm, thiếu sót, tồn tại, làm hạn chế thắng lợi đã giành được, phong trào phát triển chậm, chưa mạnh mẽ, đồng bộ, liên tục, rộng khắp, còn có những mặt yếu, thậm chí còn một số khâu trì trệ, sút kém kéo dài.

Những nguyên nhân của tồn tại có nhiều, một phần do ảnh hưởng khó khăn của thời chiến, nhưng phần quan trọng là sự chỉ đạo thực hiện bao trùm, nhất là công tác quản lý kinh tế, quản lý nhà nước, quản lý xã hội của chúng ta còn nhiều thiếu sót. Có những thiếu sót, nhược điểm chậm thấy và chậm sửa chữa, thiếu kiên quyết khắc phục.

Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 22 và các nghị quyết 19, 20 của Trung ương đã ban hành, chúng ta cần phát huy ưu điểm thắng lợi, kiên quyết sửa chữa, khắc phục thiếu sót, khuyết điểm tồn tại, đưa nhiệm vụ xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa và phong trào mọi mặt trong tỉnh tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc và toàn diện hơn nữa. Chúng ta cần khẩn trương, nhanh chóng giải quyết đi sâu vào những vấn đề then chốt trong quản lý kinh tế, quản lý nhà nước, quản lý xã hội, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, vai trò và hiệu lực của chính quyền, phát huy vai trò làm chủ tập thể của quần chúng, phát động quần chúng hăng hái thi đua lao động sản xuất, tiết kiệm, hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước 2 năm 1974 - 1975, tạo điều kiện và cơ sở để tiến vọt sau năm 1975.

Các cấp, các ngành, các ban, các đảng đoàn căn cứ vào nhiệm vụ, chức năng của mình để liên hệ kiểm điểm, tự phê bình và phê bình cho sâu sắc đồng thời đề ra kế hoạch và phương án để thực hiện các nhiệm vụ của Tỉnh ủy đã đề ra trong 2 năm 1974 - 1975.

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

BÍ THƯ

TRƯỜNG MINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 15-NQ/TU, ngày 10-5-1974

Về nhiệm vụ và biện pháp chủ yếu khôi phục và phát triển kinh tế trong tỉnh 2 năm 1974 - 1975

Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, họp từ ngày 29-4-1974 đến 5-5-1974, để học tập Nghị quyết Hội nghị lần thứ 22 của Trung ương Đảng, trên cơ sở đó đánh giá tình hình kiểm điểm việc thực hiện phương hướng, nhiệm vụ kinh tế - văn hóa trong tỉnh từ năm 1970 đến nay và đề ra những nhiệm vụ, biện pháp để thực hiện trong 2 năm 1974 - 1975.

Về đánh giá tình hình, trong báo cáo kiểm điểm của Tỉnh ủy đã khẳng định những thắng lợi cơ bản mà tỉnh ta đã giành được trong mặt trận kinh tế - văn hóa, thực hiện kế hoạch nhà nước từ năm 1970 đến nay; đồng thời đã kiểm điểm rõ những ưu, khuyết điểm và nguyên nhân tồn tại.

Quán triệt tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ 22 của Trung ương Đảng và trên cơ sở kiểm điểm tình hình đã qua, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã thảo luận sâu sắc, nhất trí quyết nghị những mục tiêu và một số biện pháp chủ yếu, cấp bách trong nhiệm vụ khôi phục và phát triển kinh tế của tỉnh ta 2 năm 1974 - 1975 như sau:

I. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ MỤC TIÊU CHUNG

Nhiệm vụ chung về kinh tế - văn hóa của tỉnh ta trong 2 năm 1974-1975 là: ra sức củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là củng cố phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, căn bản thực hiện định canh định cư, tiếp thu tốt lao động miền xuôi lên, động viên mọi lực lượng và khả năng để tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật, đẩy mạnh thi đua lao động, sản xuất, tiết kiệm, thực hiện vượt mức kế hoạch nhà nước 2 năm 1974-1975 của Trung ương giao và xây dựng, củng cố phong trào về mọi mặt. Trên cơ sở đó, tiến hành khôi phục, xây dựng và phát triển một bước nền kinh tế - văn hóa theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, tăng thêm tích lũy và cải thiện đời sống nhân dân các dân tộc trong bước đi ban đầu, đồng thời tạo điều kiện, cơ sở chuẩn bị cho việc phát triển với tốc độ cao hơn vào những năm sau 1975.

Những mục tiêu cơ bản trong kế hoạch kinh tế - văn hóa 2 năm 1974-1975 của tỉnh ta phấn đấu đến năm 1975 là:

- Sản lượng quy thóc từ 59.000 tấn trở lên; đảm bảo mức ăn bình quân nhân khẩu nông nghiệp một tháng 24 kg lương thực, trong đó thóc, ngô 21 kg, huy động thu mua lương thực 2.000 tấn.

- Thực phẩm, cơ bản cung cấp được các nhu cầu tại địa phương sản lượng thịt chăn nuôi khoảng 4.180 tấn, bình quân đầu người độ 18 kg/năm; Nhà nước thu mua trên 1.500 tấn, trong đó hơn 1.200 tấn lợn hơi. Sản lượng rau thu mua 2.100 tấn, đậu tương đảm bảo sản xuất để thu mua được khoảng 500 tấn.

- Trồng rừng khoảng 2.300 ha, khoanh nuôi rừng khoảng 4 vạn ha, khai thác gỗ khoảng 16.000m³, củi khoảng 8.000 stere.

- Giá trị sản lượng công nghiệp địa phương đạt khoảng 18,5 triệu đồng, sản xuất được phần lớn các hàng tiêu dùng mà địa phương có điều kiện, đảm bảo sửa chữa và sản xuất đủ công cụ thường, công cụ cải tiến cho sản xuất và xây dựng cơ bản.

- Xây dựng cơ bản: đảm bảo vượt mức vốn đầu tư được duyệt hằng năm.

- Giá trị thu mua hàng nông sản thực phẩm 6,2 triệu, trong đó giao hàng cho Trung ương hơn 5 triệu; bình quân đầu người trong tỉnh về hàng xuất khẩu trên 14 đồng/năm (hiện nay trên 10 triệu đồng).

Những mục tiêu trên quyết định vấn đề cải thiện đời sống nhân dân trong tỉnh, đồng thời tăng tích lũy, củng cố chế độ xã hội chủ nghĩa về mọi mặt, củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa và tạo ra cơ sở, điều kiện vật chất cho bước đi nhanh, mạnh, vững chắc hơn của tỉnh ta sau năm 1975. Để đạt được những mục tiêu đó, trong kế hoạch nhà nước 2 năm 1974-1975 phải được cụ thể hóa và thể hiện bằng các chỉ tiêu và biện pháp cụ thể để thực hiện.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRONG TỪNG NGÀNH

1. Trong nông - lâm nghiệp

Hướng chủ yếu nhất là: tập trung củng cố các hợp tác xã và tiếp tục xây dựng các nông, lâm trường, trên cơ sở đó tiếp tục phấn đấu nhằm giải quyết đến mức cao nhất vấn đề lương thực, bằng các biện pháp thâm canh, tăng vụ, chấm dứt chặt phá rừng làm nương và quản lý chặt chẽ đất nông nghiệp và đất rừng theo đúng quy định trong Nghị quyết số 12 ngày 22-5-1972 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Phải sử dụng hợp lý số ruộng đất đã có, đồng thời tận dụng đất đai có thể trồng cây lương thực được để khai hoang, mở thêm diện tích trồng cây lương thực, phát triển mạnh các loại màu để đảm bảo lương thực cho người và để chăn nuôi; phấn đấu tự túc về thực phẩm trong tỉnh. Đi đôi với tận lực phát triển lương thực, phải đẩy mạnh xây dựng, hình thành và đi vào phát triển sản xuất một số vùng sản xuất đã quy hoạch đối với các cây công nghiệp, cây đặc sản và rừng, đưa chăn nuôi phát triển cân đối với trồng trọt, đưa lâm nghiệp đi vào hướng sản xuất kinh doanh toàn diện,

gắn bó với nông nghiệp, phù hợp với điều kiện rừng và đất đai miền núi của tỉnh ta (căn cứ vào Thông báo số 03-TB/TU ngày 18-2-1972 và Thông báo số 45-TB/TU ngày 8-12-1973 của Tỉnh ủy).

Trong từng mặt sản xuất, hai năm 1974-1975 cần tập trung vào các mục tiêu trọng tâm như sau:

- Lương thực: Ngoài thâm canh tăng năng suất và khai hoang thêm diện tích lúa ruộng ở các vùng, cần phải đẩy mạnh việc tăng vụ và tận dụng đất đai để phát triển mạnh các loại màu (ngô, sắn, khoai, khoai, đao riềng, v.v.). Trong 2 năm 1974-1975 tập trung mọi mặt để làm mạnh cây ngô, cây sắn ở vùng thấp: ven đường Hữu nghị 7, vùng ven sông Hồng Bát Xát, Bảo Thắng, vùng Bảo Lầu, vùng Gia Phú Xuân Giao (Bảo Thắng).

- Thực phẩm: Phát triển mạnh chăn nuôi gia súc, gia cầm, lấy thịt, trứng, sữa và phân bón, phát triển mạnh các loại đậu và rau xanh. Trong hai năm 1974-1975 tập trung giải quyết vững chắc ba khâu chính: thịt; đậu tương để làm đậu phụ, nước chấm; rau xanh. Về thịt, chủ yếu phát triển mạnh đàn lợn, đồng thời tăng nhanh đàn gia cầm và cá. Về đậu tương, cần kiên quyết đầu tư xây dựng và giải quyết chính sách, biện pháp để khôi phục và phát triển vùng đậu tương đã quy hoạch, đảm bảo năng suất, sản lượng theo đúng chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Về rau xanh, tập trung vào vùng 2 thị xã và xung quanh, vào vùng thị trấn Sa Pa, vùng xung quanh mỏ đồng (Bát Xát); trước mắt trong hai năm 1974-1975 xây dựng hoàn chỉnh vùng rau thị xã Lào Cai, Cam Đường, trọng điểm là vùng Vạn Hòa, chuẩn bị cơ sở xây dựng vùng rau, phục vụ mỏ đồng ở Bát Xát.

- Chăn nuôi: tùy theo từng nơi có khả năng mà đẩy mạnh phát triển đàn trâu, bò, ngựa, lợn, dê, gia cầm, cá, ong... Nhưng hướng tập trung trong 2 năm 1974-1975 là tiếp tục phát triển mạnh đàn bò quốc doanh và tập thể, đàn lợn (kể cả quốc doanh, tập thể và gia đình), phát triển nuôi cá hồ ao, đồng thời xây dựng cơ sở nuôi trâu đàn và trâu sữa theo hướng sản xuất tập trung, quy mô lớn

xã hội chủ nghĩa. Cần chú ý làm tốt việc tổ chức, xây dựng các vùng con giống (con lợn), đẩy mạnh công tác xây dựng chuồng trại, trồng và chế biến thức ăn cho gia súc. củng cố, mở rộng trại chăn nuôi quốc doanh ở Nam Cường; xây dựng mỗi huyện một cơ sở chăn nuôi lợn vỗ béo.

- Cây công nghiệp, cây ăn quả, cây đặc sản: tập trung phát triển mạnh mấy cây: mía, đậu tương, chè, sỏ, trầu, dứa, chuối, hạt rau giống; đồng thời xây dựng và phát triển một bước các vùng cây thuốc, cây thảo quả, nấm hương và các cây ăn quả khác (cam, óc chó, dẻ hạt, mận, đào...), nhưng phải theo đúng phương hướng đã quy định và đã xác định của từng vùng. Đi đôi với việc phát triển, cần đẩy mạnh công tác chế biến hoa quả để có thêm mặt hàng phục vụ trong nước và xuất khẩu.

- Nghề rừng: trọng tâm khoanh nuôi và bảo vệ rừng, đồng thời trồng rừng lấy gỗ, lấy củi, đảm bảo nhanh chóng cho rừng có tán che. Chú trọng trước hết là các rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn, đồng thời xây dựng các rừng kinh tế và dân dụng. Mạnh dạn, kiên quyết, khẩn trương đưa nghề rừng vào hợp tác xã, xây dựng các hợp tác xã lâm nghiệp kiêm nông nghiệp và hợp tác xã nông nghiệp kiêm lâm nghiệp. Cần đẩy mạnh nghề rừng theo hướng; nhân dân trồng, trông coi quản lý là chủ yếu. Cần thực hiện các chính sách khuyến khích nghề rừng và sớm quy định việc giao rừng cho hợp tác xã, các gia đình trông, nuôi dưỡng, bảo vệ và định rõ quyền lợi sử dụng.

Chính quyền và các ngành cần tập trung lực lượng, vốn, vật tư, phương tiện, thiết bị vào các hướng sản xuất chủ yếu trên để tiến hành quy hoạch một cách toàn diện và cụ thể, tiến hành xây dựng cơ bản các mặt (làm thủy lợi, đường giao thông, chuồng trại, v.v.); tổ chức lại sản xuất và lao động, tiếp nhận thêm lao động ở Nam Hà lên; xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, tập trung cơ giới để khai hoang mở mang diện tích, đẩy mạnh thực hiện các biện pháp kỹ thuật (nước, phân, giống, v.v.) cho từng vùng, từng cây, con.

Về mặt chỉ đạo, phải phân công phụ trách, giao cho các ngành hoặc tổ chức nào chịu trách nhiệm thực hiện rõ ràng. Hệ thống tổ chức về nông - lâm nghiệp từ tỉnh đến cơ sở cần chấn chỉnh hợp lý thêm. Công ty Cơ giới nông nghiệp cần được tách ở công ty Thi công cơ giới ra, đưa về Ủy ban Nông nghiệp tỉnh quản lý cho thích hợp với yêu cầu hiện nay của sản xuất nông nghiệp.

2. Trong công nghiệp, xây dựng cơ bản, giao thông vận tải: cần tập trung vào hướng chủ yếu là phục vụ và thúc đẩy nông - lâm nghiệp phát triển. Do đó:

- Công nghiệp phải sản xuất cung cấp các hàng phục vụ sản xuất nông - lâm nghiệp, xây dựng cơ bản và đảm bảo phần lớn các hàng tiêu dùng mà tỉnh ta có nguyên vật liệu, đồng thời đẩy mạnh phát triển các mặt hàng xuất khẩu mà tỉnh ta có khả năng. Hướng chính của cơ khí là sửa chữa, đồng thời sản xuất các công cụ thường và cải tiến cho nông - lâm nghiệp và các ngành sản xuất. Hướng chính của công nghiệp chế biến là tích cực xây dựng các cơ sở, đẩy mạnh sản xuất, chế biến nông - lâm sản, thực phẩm, trọng tâm là chế biến sắn, khoai, rau, đậu phụ, nước chấm, hoa quả. Các điểm cơ khí nhỏ, thủy luân, thủy điện nhỏ trong nông thôn phải được sản xuất, khôi phục, củng cố, quản lý tốt và phát triển thêm các điểm mới một cách tích cực và vững chắc. Phát triển thêm các trạm thủy điện vừa và nhỏ trên cơ sở có khảo sát, thiết kế, đồng thời chuẩn bị quy hoạch, kế hoạch cho những năm sau 1975. Phải xây dựng và củng cố tốt các hợp tác xã thủ công nghiệp, đẩy mạnh một bước sản xuất thủ công nghiệp. Các cơ sở công nghiệp trung ương tại địa phương như Nhà máy điện, Mỏ apatít, các đoàn địa chất, v.v. trong khi thực hiện kế hoạch nhà nước giao, cần hỗ trợ giúp đỡ đắc lực công nghiệp địa phương và phục vụ nông - lâm nghiệp phát triển.

- Trong xây dựng cơ bản, phải tập trung sản xuất các vật liệu xây dựng và lực lượng lao động, thợ, đảm bảo tương đối đủ cho nhu cầu xây dựng của Nhà nước, hợp tác xã và một phần cho nhân dân.

Cần phát triển các cơ sở sản xuất gạch, ngói, vôi cả trong quốc doanh và hợp tác xã, cả công nghiệp và thủ công nghiệp. Cần khảo sát thiết kế và thi công dứt điểm các công trình trọng điểm, với phương châm vừa hiện đại vừa thủ công, vừa kiên cố vừa bán kiên cố, tạm thời (tùy theo trường hợp cụ thể); tập trung lực lượng và mọi điều kiện để làm đâu dứt điểm đấy, nhanh chóng đưa công trình vào sản xuất và sử dụng, tránh dây dưa kéo dài. Căn cứ vào vốn của Nhà nước cấp hàng năm và khả năng thực hiện của tỉnh ta, cần hướng tập trung vào xây dựng các công trình phục vụ sản xuất trong nông nghiệp (chuồng trại, khai hoang, thủy lợi, xây dựng đồng ruộng...), trong công nghiệp, giao thông vận tải, đồng thời phục vụ công cộng, phục vụ đời sống, như nước ăn vùng cao, nhà ở, trường học, trạm xá, bệnh xá, v.v.. Đi đôi với việc xây dựng các công trình mới, cần chú ý sửa chữa, tu bổ, tận dụng các công trình cũ sẵn có. Ngoài vốn của Nhà nước cấp cho tỉnh, nếu ngành dọc Trung ương đầu tư thêm vốn, nguyên vật liệu, thiết bị thì tiến hành xây dựng thi công, trên cơ sở có thiết kế cụ thể (như câu lạc bộ công nhân do Công đoàn đầu tư vốn, v.v.). Quy hoạch thị trấn cũng phải được nhanh chóng hoàn thành và từng bước xây dựng quy hoạch làng bản nông thôn.

- Trong giao thông vận tải, tập trung hoàn thành các đường Lào Cai - Bát Xát; Cốc Sầm - Phó Lu, Sa Pa - Thanh Phú, Cam Đường - Phú Nhuận và từng bước mở các đường giao thông trong nông thôn, đồng thời chú trọng củng cố, bảo dưỡng, sản xuất các đường cũ, củng cố và phát triển mạng lưới bưu điện đã có. Đối với vận tải, phát triển phương tiện vận tải cải tiến, thô sơ (chủ yếu vùng thấp) và tận dụng năng suất, hiệu suất đầu xe ô tô đã có. Trên cơ sở đó, đảm bảo giao thông vận tải, liên lạc thông suốt, nhanh chóng, đem lại hiệu ích cao.

3. Trong lưu thông phân phối, quản lý tài chính, tiền tệ, giá cả: Cần khôi phục và củng cố các hợp tác xã mua bán, tín dụng, đưa các tổ chức này hoạt động đắc lực trong khu vực nông thôn.

Đẩy mạnh công tác thu mua các mặt hàng nông sản, thực phẩm, hàng xuất khẩu và các hàng công nghiệp địa phương tự sản xuất được, đồng thời tập trung nguồn hàng vào phục vụ sản xuất nông - lâm nghiệp, vào các cơ sở sản xuất đồng thời phục vụ tốt đời sống. Cố gắng đảm bảo các mặt hàng cần dùng hàng ngày trong sinh hoạt đời sống quần chúng.

Đối với hàng xuất khẩu cần đẩy mạnh vào khai thác, chế biến, sản xuất các mặt hàng xuất khẩu mà tỉnh ta có nhiều khả năng. Cụ thể là đẩy mạnh chế biến hàng tằm mành, cần câu, gậy trúc, dầu hương liệu (màng tang, pơ mu, sả...); phát triển cây thảo quả ở vùng Mường Hum (Bát Xát) và Sa Pa; nghiên cứu và đưa cây thảo quả vào hợp tác xã kinh doanh để đẩy mạnh tốc độ phát triển hơn hiện nay.

Đối với đời sống, trọng tâm giải quyết là tổ chức và cung cấp phục vụ tốt vấn đề ăn, ở, học tập của quần chúng, đảm bảo cung cấp theo đủ tiêu chuẩn các thứ: thịt, rau, đậu phụ, nước chấm, chất đốt...

Đẩy mạnh công tác thu mua, tiết kiệm chi tài chính và tiền mặt; tăng thu, chống thất thu, giảm bội chi đến mức cố gắng nhất.

Tăng cường quản lý thị trường và giá cả, kiên quyết chống tham ô, lãng phí, móc ngoặc, ăn cắp của công, làm ăn trái phép. Ngăn chặn và chấm dứt tình trạng bỏ sản xuất ra buôn bán linh tinh.

Thực hiện vận dụng tốt chính sách giá cả của Nhà nước đã ban hành và nhanh chóng nghiên cứu, điều chỉnh giá cả một vài mặt hàng nông sản, hàng thủ công nghiệp, bốc vác, vận chuyển... bất hợp lý.

4. Trong giáo dục, văn hóa, y tế

Đối với giáo dục, cần đẩy mạnh phong trào học văn hóa, phát triển mạnh võ lòng, phổ thông cấp I ở nông thôn, củng cố đi đôi với phát triển phong trào bổ túc văn hóa, thanh toán nạn mù chữ ở nông thôn, đồng thời củng cố, phát triển phổ thông cấp II, cấp III, học tập tại chức (kể cả các lớp đại học) ở khu vực thị xã, thị trấn.

Phải xây dựng và phát triển mạnh phong trào “2 tốt”, thực hiện tốt phương hướng giáo dục học tập kết hợp với lao động sản xuất, và làm tốt việc giáo dục tư tưởng, quan điểm chính trị cho giáo viên và học sinh, nhằm nâng cao chất lượng trong các trường lớp là chính.

Đối với văn hóa - thông tin, văn học, nghệ thuật: cần đẩy mạnh các hoạt động thông tin cổ động, báo chí, văn nghệ, chiếu bóng, triển lãm.... hướng vào phục vụ chủ yếu cho sản xuất và đời sống một cách nhạy bén, kịp thời, sâu rộng. Nội dung của công tác thông tin, văn hóa, báo chí, văn nghệ là tập trung tuyên truyền, giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa, đấu tranh với con đường làm ăn cá thể, trái pháp luật, trái đạo đức xã hội chủ nghĩa, biểu dương người tốt, việc tốt và nếp sống văn minh, lành mạnh, đồng thời kịch liệt phê phán, bài trừ những hiện tượng tiêu cực, thói hư, tật xấu lười biếng, ăn cắp... trong lao động sản xuất và đời sống xã hội. Đối với các phòng tục tập quán lạc hậu, cần tích cực giáo dục, vận động sửa đổi, trên cơ sở phát huy, phát triển các phong tục, tập quán tốt đẹp trong nhân dân các dân tộc ở địa phương. Cần củng cố, khôi phục và phát triển mạng lưới thông tin - văn hóa cơ sở, mạng lưới loa, đài truyền thanh trong các huyện, thị.

Đối với công tác y tế, cần lấy việc củng cố cơ sở y tế, củng cố các bệnh viện, bệnh xá, đẩy mạnh vệ sinh phòng bệnh làm trọng tâm, trong chữa bệnh cần đẩy mạnh kết hợp đông tây y. Trên cơ sở đó, đưa công tác phòng bệnh, chữa bệnh đi vào chất lượng, phục vụ một cách có ý thức đối với sức khỏe và bệnh tật của nhân dân.

Đối với công tác bảo vệ bà mẹ, trẻ em: chủ yếu là vận động và tổ chức tốt các nhà trẻ, bảo vệ sức khỏe và tạo điều kiện cho phụ nữ lao động sản xuất, công tác, học tập được thuận lợi, đồng thời vận động sinh đẻ có kế hoạch.

Đối với công tác thể dục thể thao, chủ yếu là vận động phong trào thể dục, đồng thời củng cố và phát triển các hoạt động thể thao, chú trọng thể dục, thể thao dân tộc địa phương kết hợp thể thao quốc phòng.

Tóm lại, nhiệm vụ kinh tế, văn hóa của tỉnh trong hai năm 1974-1975 phải nhằm tập trung giải quyết và đẩy mạnh phong trào lao động, sản xuất, tiết kiệm, thực hiện bằng được những mục tiêu chủ yếu và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch do Nhà nước giao cho. Tất cả các cấp, các ngành phải xoay quanh mục tiêu khôi phục và phát triển kinh tế để thực hiện và phục vụ các mũi nhọn trong 2 năm 1974-1975 là: lương thực cho người và gia súc, trong đó tập trung vào cây ngô, con lợn, đậu tương, đậu phụ, nước chấm, chất đốt, nuôi và bảo vệ rừng, hàng xuất khẩu.

III. MỘT SỐ BIỆN PHÁP CHỦ YẾU TRONG TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Để đảm bảo thắng lợi cho các mục tiêu trong nhiệm vụ kinh tế - văn hóa 2 năm 1974-1975 như trên, các cấp, các ngành cần tiến hành một số biện pháp chủ yếu sau đây:

1. Hết sức chú trọng, tập trung thực hiện ba cuộc cách mạng một cách đồng thời, gắn bó nội dung với nhau. Cần nhận thức rõ và gắn chặt 2 mặt: cải tạo và xây dựng trong chỉ đạo thực hiện, nhưng trước mắt nhiệm vụ cải tạo của tỉnh ta còn rất nặng nề, vì vậy cần phải làm mạnh hơn gắn liền với nhiệm vụ xây dựng. Đối với quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa, cần cấp bách tập trung vào củng cố các hợp tác xã nông nghiệp. Đối với vùng cao, cần gắn liền việc thực hiện định canh định cư, học tập giáo dục lại Nghị quyết 109 của Chính phủ với việc xây dựng, củng cố lại các hợp tác xã. Cần gấp rút tổng kết một số hợp tác xã điển hình và nghiên cứu xong có kết luận về mặt hình thức, quy mô tổ chức và nội dung quản lý, phương hướng sản xuất cho từng loại hình hợp tác xã ở từng vùng cho phù hợp (kể cả hợp tác xã nông - lâm nghiệp và hợp tác xã lâm - nông nghiệp). Trong 2 năm 1974-1975 căn bản củng cố được phong trào ở vùng cao và phát triển một bước phong trào ở vùng thấp, gắn liền với xây dựng cấp huyện, nhanh chóng đưa vào nền nếp việc

thực hiện điều lệ hợp tác xã của Trung ương ban hành (phần cho hợp tác xã, có nghị quyết cụ thể của Tỉnh ủy). Đối với các nông, lâm trường, xí nghiệp, doanh nghiệp, phải lấy việc tăng cường quản lý, cải tiến quản lý và kỹ thuật, nâng cao giờ công, ngày công, đảm bảo kỷ luật lao động là trọng tâm, để đẩy mạnh sản xuất, nâng cao năng suất lao động, đảm bảo phẩm chất và hạ giá thành sản phẩm.

Đối với cách mạng kỹ thuật, tập trung xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông - lâm nghiệp, hướng vào các khâu phục vụ cho thâm canh tăng năng suất cây trồng, cho khai hoang, cho các vùng sản xuất trọng điểm và các cây, con trọng tâm trong hai năm 1974-1975. Đi đôi với việc đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật mới, cần bồi dưỡng quản lý và sử dụng hợp lý đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật sẵn có ở từng ngành, từng cấp theo đúng nghề nghiệp chuyên môn của cán bộ đã được đào tạo.

Về mặt tư tưởng, văn hóa, trước hết cần tiến hành một đợt sinh hoạt chính trị trong các cấp, các ngành, từ tỉnh đến cơ sở, từ cán bộ, đảng viên đến quần chúng, học tập thấm nhuần Nghị quyết Hội nghị lần thứ 22 và các nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy đã ban hành. Trên cơ sở đó nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa, giác ngộ về “hai con đường” đấu tranh mạnh mẽ với tư tưởng và lối sản xuất cá thể, hành chính, cung cấp, vun vén gia đình, cá nhân và các tư tưởng khác làm trở ngại đến sự nghiệp khôi phục và phát triển kinh tế, xây dựng chủ nghĩa xã hội. Từ nâng cao giác ngộ, phát động phong trào quần chúng hăng say lao động, sản xuất, tiết kiệm góp phần tích cực vào sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong bước đi ban đầu, tạo ra một phong trào thi đua sôi nổi, liên tục, nhằm thực hiện vượt mức kế hoạch nhà nước 2 năm 1974-1975 của tỉnh đề ra (kế hoạch cụ thể của đợt sinh hoạt chính trị có bản riêng của Ban Thường vụ Tỉnh ủy).

2. Tăng cường cải tiến quản lý kinh tế, quản lý nhà nước, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa trong quản lý kinh tế. Trong quản lý kinh tế phải đề cao trách nhiệm của thủ trưởng, của giám

đốc và kiên quyết, nghiêm chỉnh các chế độ, nguyên tắc, thể lệ của Nhà nước đã quy định, trước hết là quản lý lao động, vật tư, tiền vốn, xây dựng và thực hiện định mức kinh tế, kỹ thuật, thực hiện hạch toán kinh tế trong các cơ sở và đơn vị sản xuất, kinh doanh, chống lối làm ăn tùy tiện, hành chính cung cấp. Phải nắm vững các phương châm trong khôi phục và phát triển kinh tế, chế độ làm phân tán, chậm trễ, lãng phí thì giờ, tiền của trong các khâu quản lý xí nghiệp, doanh nghiệp. Trước hết cần giảm bớt các đầu mối trung gian cách bức, tập trung thống nhất vào một mối để giải quyết những khâu trong cùng một công việc. Tất cả các nhiệm vụ và mục tiêu phấn đấu đều được xây dựng thành phương án, quy hoạch cụ thể và phải được chính quyền hóa để tổ chức thực hiện.

Cần tăng cường công tác kế hoạch hóa, chấn chỉnh lại các ban kinh tế và kiện toàn bộ máy kế hoạch, thống kê của tỉnh, huyện và cơ sở.

3. Tích cực đẩy mạnh công tác tổ chức - cán bộ, thực hiện công tác cán bộ theo đúng tinh thần Nghị quyết 225 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng. Phải kiểm tra, nắm lại tình hình tổ chức cán bộ, nếu cần thì phải điều chỉnh, bố trí lại một số tổ chức và cán bộ cho phù hợp nhằm bố trí tổ chức và bồi dưỡng, đào tạo, phân công, sử dụng cán bộ phù hợp với phương hướng, nhiệm vụ 2 năm của Tỉnh ủy sát với nghề nghiệp chuyên môn của cán bộ, phù hợp với nhiệm vụ, chức năng của từng cấp, từng ngành. Hoàn thành và tổng kết việc xây dựng thủ cấp huyện ở Bát Xát, qua đó rút kinh nghiệm, xây dựng tăng cường tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo quản lý cho các huyện và các hợp tác xã. Kiên quyết rút một số thích đáng cán bộ, nhân viên trong các ngành, đồng thời nghiên cứu tiêu chuẩn và vận dụng thi hành một số chế độ, chính sách khuyến khích cán bộ, đưa số cán bộ này xuống hợp tác xã, trực tiếp làm kế toán, hoặc tham gia quản trị hợp tác xã trong một thời gian nhất định. Những cán bộ xuống cơ sở củng cố hợp tác xã lần này phải là những đồng chí có nhiệt tình, an tâm công tác, tự nguyện đi làm

nhiệm vụ, có trình độ văn hóa, chính trị, nhất định, có sức khỏe nhất định và phải được bồi dưỡng huấn luyện tốt trước khi đưa xuống cơ sở. Phải đẩy mạnh công tác mở trường, lớp tập trung và khuyến khích học tại chức bồi dưỡng quản lý kinh tế, kỹ thuật và các nghiệp vụ khác (kể cả đại học) cho cán bộ cơ sở (hợp tác xã, xí nghiệp) và cán bộ huyện, tỉnh. Trên cơ sở đó, dần dần từng bước thực hiện tiêu chuẩn hóa cán bộ như Nghị quyết về công tác cán bộ của Trung ương và của tỉnh đề ra.

4. Tích cực xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng ở cơ sở, đảm bảo cho các tổ chức này làm tốt chức năng, nhiệm vụ của mình ở cơ sở. Đối với tổ chức đảng, cần lấy việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết 195 của Bộ Chính trị, thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư để nâng cao chất lượng đảng viên, phát triển thêm đảng viên mới, đưa người không đủ tiêu chuẩn ra khỏi Đảng, làm cho các chi bộ, đảng bộ cơ sở đủ sức và phát huy được vai trò của mình đối với lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế và kế hoạch ở cơ sở. Việc thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư cần tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo hơn nữa, kiên quyết hoàn thành trong 6 tháng đầu năm 1975. Chuẩn bị tốt việc mở Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI vào cuối quý III-1974.

Tổ chức chính quyền các cấp phải nâng cao vai trò và hiệu lực tổ chức thực hiện đối với công tác kinh tế và kế hoạch. Do đó, phải tiếp tục xây dựng, phát triển phong trào xây dựng chính quyền cơ sở giải tỏa toàn diện, đưa sinh hoạt và hoạt động của Ủy ban hành chính và Hội đồng nhân dân các cấp mạnh mẽ, đều khắp hơn nữa.

Các tổ chức quần chúng phải giáo dục phát động quần chúng hướng vào các nhiệm vụ và các chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước hai năm 1974-1975 của tỉnh để gương mẫu thực hiện, nhằm phát huy vai trò làm chủ tập thể của quần chúng trong công tác xây dựng và thực hiện kế hoạch Nhà nước. Phải tuân theo nhiệm vụ, chức năng và giới tính của mỗi đoàn thể mà tổ chức tốt từng đợt thi đua, tiến công vào các mục tiêu cụ thể cho phù hợp.

5. Đẩy mạnh công tác bảo vệ trị an, xây dựng lực lượng công an, quân sự nhằm củng cố lực lượng, sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ tốt kinh tế, bảo vệ tốt biên giới, giữ gìn an ninh trật tự địa phương. Đối với lực lượng quân sự phải đảm bảo xây dựng, củng cố vững mạnh, sẵn sàng chiến đấu, kết hợp nhiệm vụ xây dựng, huấn luyện với việc sử dụng lực lượng dân quân tự vệ, bộ đội vào nhiệm vụ khôi phục và phát triển kinh tế ở địa phương, kết hợp tốt kinh tế với quốc phòng. Đối với nhiệm vụ bảo vệ trị an, bảo vệ kinh tế, phải quán triệt và thực hiện tốt Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị và Chỉ thị 205 của Ban Bí thư Trung ương, kiên quyết chống tham ô, ăn cắp, làm ăn phi pháp, làm rối trật tự an ninh và gây tổn hại kinh tế của Nhà nước và hợp tác xã.

6. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, phát huy vai trò chính quyền, phát huy vai trò làm chủ tập thể của quần chúng, đồng thời ra sức sửa đổi, cải tiến phương thức chỉ đạo và lề lối làm việc trong công tác quản lý kinh tế, quản lý kế hoạch Nhà nước. Đảng lãnh đạo thể hiện bằng các chỉ thị, nghị quyết của Đảng bộ và của cấp ủy. Các nghị quyết đó phải được quán triệt trong các cấp, các ngành, trong cán bộ, đảng viên và quần chúng, phải được chính quyền hóa bằng các phương án, kế hoạch của chính quyền và các đoàn thể để thực hiện. Trên cơ sở phương hướng, nhiệm vụ của cấp ủy Đảng đã đề ra, cấp ủy và các bộ môn tham mưu của Đảng làm nhiệm vụ định ra phương hướng và trực tiếp chỉ đạo công tác tổ chức - cán bộ, bố trí cán bộ, động viên đảng viên và chỉ đạo công tác phát động quần chúng đồng thời kiểm tra, đôn đốc, theo dõi, việc thực hiện, chỉ đạo công tác thi đua và tổng kết những vấn đề mới để đề ra các chủ trương, biện pháp chủ yếu. Vai trò của chính quyền các cấp là thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ đã được quy định là công cụ của Đảng để tổ chức thực hiện kế hoạch Nhà nước và quản lý các mặt kinh tế, xã hội, đời sống trong địa phương. Các cấp chính quyền phải cụ thể hóa các nghị quyết, chỉ thị của Đảng bằng các nghị quyết và kế hoạch cụ thể dựa vào quần chúng, huy

động điều phối hoạt động của các ngành chuyên môn, cung cấp và tập trung lao động, vốn, vật tư và các điều kiện để thực hiện. Các đoàn thể quần chúng phải giáo dục cho quần chúng thấm nhuần các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, thông suốt và làm hậu thuẫn, hăng hái thực hiện các chủ trương, kế hoạch của cấp ủy đảng và chính quyền đề ra.

Để đảm bảo thực hiện được đúng các nguyên tắc trên, cần tiến hành điều chỉnh, phân công trong các cấp ủy đảng, chính quyền cho hợp lý hơn. Các ban kinh tế của Đảng và các bộ môn, các ngành kinh tế, kế hoạch của Ủy ban hành chính ở tỉnh, huyện, thị cũng cần được sắp xếp, chấn chỉnh, kiện toàn để giúp việc đắc lực hơn nữa cho cấp ủy đảng và Ủy ban hành chính các cấp. Các điểm chỉ đạo của tỉnh, huyện, phải được khôi phục và phân công, bố trí cán bộ phụ trách rõ ràng. Ở các huyện, việc phân công huyện ủy viên và ủy viên Ủy ban hành chính cần tập trung chủ yếu vào việc phụ trách cơ sở, phụ trách các hợp tác xã.

Về lề lối làm việc cần thực hiện tốt các chế độ, nguyên tắc của Đảng và Nhà nước quy định, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của từng cấp, từng ngành, từng tổ chức, chống lối làm việc ỷ lại, vô trách nhiệm. Đối với các vấn đề cần đặt thành chủ trương, chỉ thị, nghị quyết thuộc ngành, ban nào thì ngành, ban đó phải nghiên cứu, chuẩn bị và dự thảo đề án, phương án, kế hoạch rồi báo cáo với Thường trực cấp ủy, tùy vấn đề mà Thường trực cấp ủy đặt chương trình đưa ra hội nghị Ban Thường vụ hoặc Ban Chấp hành để thảo luận và quyết nghị. Chế độ báo cáo, thỉnh thị cũng phải được nghiêm chỉnh chấp hành. Các cấp, các ngành, các ban, đảng đoàn phải thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo và xin chủ trương công tác đối với cấp ủy Đảng. Những vấn đề lớn thuộc ngành dọc cấp trên đã có chỉ thị, nghị quyết thì chính quyền tỉnh và các ngành chính quyền phải chuẩn bị kế hoạch và báo cáo, xin ý kiến của cấp ủy về chủ trương, biện pháp thực hiện trước khi tiến hành.

7. Ngoài các biện pháp như trên, cần tiếp tục thực hiện các biện pháp đã đề ra trong các nghị quyết 7, 11, 14 của Tỉnh ủy, vì có những biện pháp trong thời gian qua chưa được thực hiện đầy đủ.

Trên đây, Tỉnh ủy đề ra những vấn đề chủ yếu trọng tâm trong nhiệm vụ kinh tế, văn hóa 2 năm 1974-1975 nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Hội nghị lần thứ 22 của Trung ương và các phương hướng của Tỉnh ủy đã xác định trong các nghị quyết đã ban hành. Trong quá trình thực hiện, cần kết hợp, phối hợp chặt chẽ các ngành, các công tác, lấy việc thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư, Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị, gắn chặt và thúc đẩy phục vụ việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 22 của Trung ương. Dựa vào Nghị quyết này, các cấp, các ngành có trách nhiệm cụ thể hóa bằng các phương án, kế hoạch và các biện pháp chi tiết để thực hiện. Sau hội nghị Tỉnh ủy sẽ tổ chức một hội nghị cán bộ các cấp ủy Đảng, các đảng đoàn trực thuộc tỉnh để quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ 22 và Nghị quyết này của Tỉnh ủy, từ đó triển khai đợt sinh hoạt chính trị từ tỉnh đến cơ sở. Ban Tuyên huấn tỉnh cần có đề cương tóm tắt để làm quán triệt Nghị quyết này của Tỉnh ủy ở cấp cơ sở. Một số vấn đề về củng cố hợp tác xã, về xây dựng cơ bản, về quản lý kinh tế, về lao động, về đời sống, v.v.. cũng cần phải có sự chuẩn bị chu đáo của đảng đoàn, chính quyền và các ban, các ngành, giới có trách nhiệm và tùy theo tính chất, phạm vi của vấn đề mà mở các hội nghị chuyên đề do chính quyền hoặc cấp ủy Đảng tổ chức.

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
BÍ THƯ

TRƯỜNG MINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG TRI CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 64-TT/TU, ngày 11-5-1974

Về việc tiến hành tổng kết việc thực hiện Nghị quyết 09 ngày 16-9-1971 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Sau gần 3 năm thực hiện Nghị quyết 09 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, nhất là trong những năm chống Mỹ, cứu nước, các mặt công tác: xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, xây dựng lực lượng dự bị động viên tuyển quân, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ địa phương, kết hợp kinh tế với quốc phòng... đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới. Ban Thường vụ Tỉnh ủy chủ trương tiến hành kiểm điểm, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết 09 nhằm:

Mục đích tổng kết:

Tổng kết thành tích ưu, khuyết điểm và rút ra những kinh nghiệm về lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác quân sự địa phương trong những năm qua. Trên cơ sở đó đưa công tác quân sự địa phương vào nền nếp chính quy, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trước mắt và lâu dài đồng thời góp phần bổ sung vào việc tổng kết lịch sử 8 năm chống Mỹ, cứu nước của nhân dân các dân tộc Lào Cai.

Yêu cầu tổng kết:

- Đánh giá đúng thành tích, ưu, khuyết điểm tồn tại và rút ra được những kinh nghiệm sâu sắc sát hợp với địa phương. Qua tổng kết làm chuyển biến thêm một bước công tác quân sự địa phương cho kịp với yêu cầu hiện nay.

- Cần có quan điểm khách quan, toàn diện phát huy tinh thần

phê bình, tự phê bình để rút ra các bài học kinh nghiệm điển hình phong phú góp phần đẩy mạnh phong trào địa phương.

Nội dung tổng kết:

Căn cứ vào Nghị quyết 09 của Tỉnh ủy, nội dung tổng kết gồm bốn vấn đề chính như sau:

- Xây dựng lực lượng dự bị động viên tuyển quân.
- Xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh toàn diện.
- Lãnh đạo sẵn sàng chiến đấu bảo vệ địa phương.
- Kết hợp xây dựng, phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng.

Lấy mốc thời gian từ khi có Nghị quyết tới nay. Cần đi sâu kiểm điểm việc quán triệt và vận dụng phương châm, nhiệm vụ và các chỉ tiêu, các biện pháp thực hiện, trên cơ sở đó rút ra những kinh nghiệm sát hợp với địa phương.

Tổ chức thực hiện:

Công tác tổng kết sẽ tiến hành ở cấp huyện và thị làm cơ sở cho việc kiểm điểm tổng kết của tỉnh. Để đạt được mục đích, yêu cầu, nội dung trên việc tổng kết phải đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Ban Thường vụ các cấp, có sự tham gia đóng góp của các ngành liên quan, cơ quan quân sự các cấp làm tham mưu và thường trực, giúp cấp ủy chỉ đạo tiến hành.

Thời gian:

Thời gian hoàn thành trong năm 1974. Huyện Bảo Thắng tổng kết trước (vào cuối tháng 6-1974). Các huyện, thị hoàn thành trong quý III-1974 và tỉnh hoàn thành trong quý IV-1974.

Yêu cầu các cấp ủy trực thuộc, các đảng đoàn ngành cần kết hợp chặt chẽ với các công tác khác, tập trung chỉ đạo hoàn thành việc tổng kết, đảm bảo đạt được mục đích yêu cầu đã đề ra.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ

NÔNG CÔNG THƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 16-NQ/TU, ngày 15-5-1974

**Về phương hướng, nhiệm vụ xây dựng, củng cố
hợp tác xã nông - lâm nghiệp, gắn với tổ chức lại
sản xuất theo vùng và xây dựng cấp huyện trong
2 năm 1974-1975**

I. TÌNH HÌNH HỢP TÁC XÃ NÔNG - LÂM NGHIỆP CỦA TỈNH HIỆN NAY

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V và các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương về, củng cố hợp tác xã nông - lâm nghiệp, tỉnh ta đã có nhiều chủ trương, biện pháp để tiến hành, theo từng đợt một cách liên tục, thường xuyên và có một số kết quả nhất định. Các hợp tác xã vùng thấp tương đối ổn định bước đầu đã phát huy tính ưu việt của lối làm ăn tập thể, có tác dụng nhất định trên một số mặt về sản xuất và tổ chức đời sống xã viên những năm qua. Do đó phong trào thâm canh lúa ruộng ở vùng thấp đã thắng lợi trên 50% số hợp tác xã đạt trên 5 tấn thóc 1 ha 2 vụ lúa, giải quyết được vững chắc vấn đề lương thực, tạo được phần khởi bước đầu trong xã viên. Một số hợp tác xã đã có cung cách làm ăn khá (Nam Cường, Bản Vược). Ngoài việc sản xuất cây lương thực, trong tỉnh đã có 19 hợp tác xã kinh doanh nghề rừng và 33 hợp tác xã chuyên canh cây công nghiệp, cây đặc

sản. Ở vùng cao, phong trào hợp tác xã có nhiều mặt còn khó khăn, nhưng một số nơi vẫn giữ vững được tính chất hợp tác xã và cũng đã có hợp tác xã có cách làm ăn tương đối thích hợp với trình độ đặc điểm của vùng cao hiện nay.

Tuy nhiên, phong trào hợp tác xã nông nghiệp của tỉnh ta hiện nay đang còn nhiều khó khăn, nhược điểm, tồn tại. Phong trào hợp tác xã tuy đã xây dựng được trên 10 năm cơ sở vật chất kỹ thuật và việc đưa khoa học kỹ thuật vào nông nghiệp bước đầu đã được thực hiện, nhưng về cơ bản vẫn là sản xuất nhỏ và quản lý theo hành chính cung cấp, chưa hình thành được cơ cấu sản xuất, cơ cấu quản lý và chế độ quản lý sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Thế mạnh của nông nghiệp miền núi chưa được phát huy, có mặt lại còn bị giảm sút đi (rừng bị tàn phá, đất bị xói mòn, bạc màu, đồi cỏ mất dần). Phương thức sản xuất nói chung vẫn là phân tán, quảng canh, du canh, biểu hiện của nền sản xuất nhỏ trong nông nghiệp. Huyện và xã là cấp trực tiếp với hợp tác xã, nhưng còn là cấp hành chính. Cấp huyện chỉ đạo sản xuất, nhưng chưa có quy hoạch cụ thể, không nắm các khâu vật chất kỹ thuật. Các ngành phục vụ nông nghiệp chưa có hệ thống kinh doanh chuyên lo phục vụ nông nghiệp. Ban quản trị hợp tác xã không trực tiếp nắm các khâu vật chất kỹ thuật, nên không có hiệu lực quản lý tập trung thống nhất. Một số hợp tác xã ăn chia theo đội, v.v.. Việc bố trí tổ chức lãnh đạo của Đảng ở cơ sở, v.v. cũng phân tán, mất cân đối, không ăn khớp.

Hợp tác xã vùng thấp tuy tương đối ổn định, nhưng đã bắt đầu dầm chân tại chỗ, mới độc canh cây lúa, chưa mở rộng kinh doanh, phát huy thế mạnh của từng nơi. Do chưa mở rộng kinh doanh nên các hợp tác xã chưa đảm bảo được có ăn, tiêu cho đời sống xã viên. Cũng do đó phát sinh, phát triển tình trạng xã viên chạy đi làm riêng để tăng thu nhập như phá rừng làm nương, sử dụng đất đai không có tổ chức, hợp tác xã không quản lý, tận dụng được sức lao động.

Hợp tác xã vùng cao (kể cả những nơi còn du canh du cư ở vùng thấp) tính chất hợp tác xã ngày càng mất dần. Số lượng ngày càng giảm sút.

Quan hệ sản xuất - hạ tầng cơ sở yếu kém và giảm sút nên một số mặt trong sản xuất nông - lâm nghiệp phát triển không lành mạnh, một số hiện tượng tiêu cực của xã hội cũ (nghiện hút thuốc phiện, cờ bạc, ma chay, cưới xin nặng nề, thuê mướn nhân công, cho vay lãi, v.v.) đang có chiều hướng nảy nở trở lại, công tác trị an, quản lý biên giới, quản lý xã hội có nhiều khó khăn; sự nghiệp giáo dục, y tế ở vùng cao bị giảm sút hơn trước, v.v..

Tình hình hợp tác xã như trên là do: nhận thức về nội dung hợp tác xã (bao gồm chế độ sở hữu tư liệu sản xuất, chế độ quản lý, chế độ phân phối); về đồng thời tiến hành ba cuộc cách mạng (cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng kỹ thuật, cách mạng tư tưởng văn hóa trong đó cách mạng kỹ thuật là then chốt), về quan điểm sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa và quan điểm công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, v.v. trong cán bộ, đảng viên, trong các cấp, các ngành chưa được quán triệt sâu sắc và rõ ràng. Từ đó trong chỉ đạo xây dựng củng cố hợp tác xã của tỉnh ta thời gian qua đã có một số thiếu sót chính sau đây:

1- Sau khi hoàn thành việc tổ chức nông dân vào hợp tác xã đúng ra là phải tiếp tục giáo dục đấu tranh giữa hai con đường, giữa sản xuất nhỏ và sản xuất lớn, tiếp tục hoàn chỉnh nội dung cải tạo quan hệ sản xuất, nhất là chế độ quản lý và phân phối, nhưng ta đã phần nào buông lỏng, mới chỉ có chủ trương chung còn về kế hoạch và biện pháp thực hiện thì chưa đề ra được cụ thể để hoàn thiện, cải tiến từng bước.

2- Bản chất hợp tác xã là sản xuất lớn, đáng lẽ ra sau khi tổ chức nông dân lại ta phải từng bước tổ chức lại nền sản xuất nông nghiệp, tổ chức lại toàn bộ tư liệu sản xuất và các yếu tố sản xuất khác theo hướng đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa (tập trung,

thâm canh, chuyên canh) phát huy thế mạnh của từng vùng, nhưng ta chưa suy nghĩ sớm thấy vấn đề và chưa làm được như vậy.

3- Đối với vùng cao, có nhiều đặc điểm khác với vùng thấp cần phải có hình thức tổ chức nông dân vào hợp tác xã, bước đi và cách làm phải khác vùng thấp; nhưng ta áp dụng máy móc như vùng thấp chậm thí điểm tổng kết và nghiên cứu kết luận bàn rõ hình thức hợp tác và cách quản lý thích hợp.

4- Phương hướng sản xuất chung của tỉnh đã có, nhưng chưa được cụ thể hóa từng hợp tác xã, từng vùng nhỏ chưa định rõ bước đi xây dựng thành quy hoạch, kế hoạch cụ thể hằng năm. Nhiều hợp tác xã khi xây dựng chưa xuất phát từ yêu cầu của phương hướng sản xuất và sản xuất để xác định loại hình, quy mô hợp tác xã, nhất là đối với các hợp tác xã vùng cao.

5- Vai trò lãnh đạo của chi bộ đảng đối với công tác củng cố, công tác quản lý hợp tác xã còn yếu. Quan điểm lập trường giai cấp công nhân trong việc đấu tranh giữa hai con đường của cán bộ, đảng viên ở cơ sở chưa được vững vàng. Nhiều nơi cán bộ, đảng viên thiếu gương mẫu, không kiên trì con đường làm ăn tập thể ngược lại đã theo đuôi quần chúng, chạy theo con đường làm ăn riêng lẻ, phá rừng làm nương. Một số cán bộ, đảng viên còn nhập nhằng tiêu cực hợp tác xã.

6- Các cuộc vận động lớn ở nông thôn, tỉnh, huyện đã tăng cường nhiều đợt cán bộ xuống giúp đỡ cơ sở củng cố phong trào hợp tác xã đẩy mạnh sản xuất, nhưng có nhược điểm là nặng về biện pháp chính trị, tư tưởng, giải quyết từng khâu riêng rẽ chưa gắn chặt và đi sâu vào các biện pháp quản lý kinh tế, khoa học kỹ thuật, gắn với công tác tổ chức và cải tiến sự lãnh đạo ở cơ sở, giải quyết đồng thời ba cuộc cách mạng. Cán bộ đưa xuống cơ sở vừa qua chỉ mới giúp đỡ hợp tác xã được công tác hành chính, chưa đi vào nghiệp vụ quản lý, chưa giúp hợp tác xã tổ chức lại nền sản xuất theo hướng sản xuất lớn. Bên cạnh việc cử cán bộ trên về giúp chúng ta lại chưa có biện pháp thật tích cực, cụ thể về đào tạo, bồi

đưỡng cán bộ dân tộc địa phương ngay tại chỗ, nhất là lớp trẻ, để tự đảm nhiệm. Do đó cán bộ trên rút đi thì phong trào ở cơ sở lại xẹp xuống.

7- Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của hợp tác xã làm chậm và yếu. Trình độ cán bộ cơ sở và đội ngũ làm công tác quản lý còn rất thấp, không đáp ứng được yêu cầu. Đội ngũ cán bộ đã có lại không đồng bộ, cán bộ kỹ thuật nhiều, cán bộ quản lý ít.

Đội ngũ cán bộ nông - lâm nghiệp trong biên chế hiện có đã tăng nhiều so với trước cả về số và chất lượng, nhưng việc bố trí chưa hợp lý, đa số vẫn để ở tỉnh, huyện chưa đưa thẳng vào hợp tác xã để thực hành nghiệp vụ chuyên môn và trực tiếp có trách nhiệm ở hợp tác xã. Do đó, cán bộ vẫn làm việc theo kiểu hành chính chung chung, hầu hết là chạy quanh hợp tác xã, làm việc hời hợt, không sâu sát, không được hợp tác xã và xã viên mến. Trường Trung cấp nông nghiệp của tỉnh cũng thành lập chậm, gần đây mới hình thành và mới dạy khóa I.

8- Huyện là cấp trực tiếp chỉ đạo, nhưng còn là cấp hành chính, chưa đi vào giúp hợp tác xã công tác quản lý, quy hoạch, kế hoạch, nắm các khâu vật chất kỹ thuật.

9- Các hợp tác xã cũng như các ngành, các cấp chưa thi hành đúng Điều lệ tóm tắt do Trung ương đã thông qua và Hồ Chủ tịch đề tựa. Các hiện tượng vi phạm dân chủ, vi phạm Điều lệ trong nội bộ hợp tác xã và các ngành vẫn thường xảy ra.

10- Các ngành phục vụ việc củng cố hợp tác xã không đầy đủ, nói chung là bị buông lỏng, xem nhẹ. Tinh thần trách nhiệm của Ủy ban Nông nghiệp tỉnh và Ban Nông nghiệp Tỉnh ủy đối với phong trào hợp tác xã nông nghiệp, gần đây cả hai bên vì đều buông lỏng, không rõ bên nào là chính. Hiện nay cả huyện, tỉnh, số cán bộ phần lớn bị điều động hoặc sử dụng đi công tác khác, số còn lại thì trình độ không theo kịp yêu cầu. Hai năm gần đây, Tỉnh ủy đã bàn và có nghị quyết về chọn cán bộ đưa về làm kế toán cho hợp tác xã, nhưng chưa được thực hiện.

Tóm lại, nguyên nhân bao trùm là ta chưa tiến hành được việc tổ chức lại nền sản xuất nông nghiệp từ cơ sở theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa; chưa nghiên cứu rút được kinh nghiệm thực tế để cải tiến cách chỉ đạo quản lý kinh doanh theo phương thức xã hội chủ nghĩa mà vẫn tiến hành theo lối sản xuất nhỏ, phân tán, hành chính cung cấp; chưa có biện pháp thật tích cực, cụ thể về bồi dưỡng, đào tạo cán bộ dân tộc địa phương nhất là lớp trẻ tự đảm nhiệm phong trào, chưa thực hiện đúng nội dung cơ bản của cuộc đấu tranh giữa hai con đường là nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, trong đó cách mạng kỹ thuật là then chốt.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ XÂY DỰNG, Củng cố HỢP TÁC XÃ NÔNG - LÂM NGHIỆP NHỮNG NĂM TỚI

Căn cứ vào tình hình trên thì công tác tăng cường củng cố hoàn thiện quan hệ sản xuất mới không thể chỉ dừng ở mặt quan hệ sản xuất mà phải đặt ra một cách toàn diện. Vì vậy, phải gắn bó chặt chẽ đồng thời nội dung của ba cuộc cách mạng, củng cố hoàn thiện cả ba nội dung (chế độ sở hữu về tư liệu sản xuất, chế độ quản lý và phân phối); gắn chặt với xây dựng, phát triển sản xuất, phát huy các thế mạnh của nông nghiệp tỉnh ta; gắn chặt với cuộc vận động, định canh định cư đối với đồng bào còn du canh du cư. Công tác củng cố hợp tác xã ở cơ sở lại phải đi đôi với xây dựng và tăng cường cấp huyện. Phải gắn chặt công tác xây dựng Đảng và các mặt công tác khác ở nông thôn, v.v.. Yêu cầu đó cũng đòi hỏi phải gấp rút tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý nhằm chuyển nền nông - lâm nghiệp từ sản xuất nhỏ, phân tán sang hướng đi lên sản xuất tập trung, chuyên canh và phát triển toàn diện; chuyển từ chế độ quản lý hành chính cung cấp sang quản lý kinh tế, quản lý kinh doanh, hình thành cơ cấu sản xuất, cơ cấu quản lý

và chế độ quản lý mới. Tổ chức sản xuất và cải tiến quản lý nông - lâm nghiệp phải bắt đầu từ cơ sở, chủ yếu là hợp tác xã.

Từ phương hướng và yêu cầu chung trên đây, nhiệm vụ củng cố hợp tác xã nông - lâm nghiệp trong vài ba năm tới của tỉnh ta là: Tích cực củng cố, tăng cường hợp tác xã gắn liền với xây dựng cấp huyện; hình thành huyện với hợp tác xã là cơ cấu chung về sản xuất và quản lý nông - lâm nghiệp, thực hiện một bước việc tổ chức lại nền nông - lâm nghiệp theo hướng đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, chuyển mạnh chế độ quản lý hành chính cung cấp sang quản lý kinh tế, quản lý kinh doanh của phương thức xã hội chủ nghĩa.

Các yêu cầu cụ thể cần đạt trong củng cố phong trào:

1- Thực hiện một bước bố trí lại cơ cấu và phân bổ lại lao động trong nông nghiệp theo hướng tập trung, chuyên canh và phát triển toàn diện. Vừa bố trí sắp xếp lại sản xuất và đẩy mạnh thâm canh tăng vụ cây lương thực với mức độ cao, từng bước mở mang diện tích phát triển các cây, con thuộc ưu thế của từng vùng đã kết luận, xây dựng thành từng vùng sản xuất tập trung, chuyên canh về trồng rừng, cây công nghiệp, cây đặc sản, ăn quả và chăn nuôi trong mỗi huyện thị cần hình thành những tiểu vùng sản xuất như:

- Vùng dứa, lợn, sỏ, sả thuộc huyện Bảo Thắng, 2 thị xã Lào Cai, Cam Đường và 2 xã Bản Cầm, Bản Phiệt (Mường Khương) và nông trường Phong Hải, Phú Xuân. Vùng rau ăn ở hai thị xã Lào Cai và Cam Đường; vùng ngô, lợn thịt, cây chè ở các xã Bản Xen, Bản Lầu, Lùng Vai và nông trường Thanh Bình; vùng đậu tương, cây ăn quả, cây chè thuộc Bắc Hà, cây ăn quả Mường Khương, Si Ma Cai; cây đặc sản (hạt rau giống...) và cây ăn quả ở Sa Pa. Vùng rừng trụ mỏ, ngô, lợn ở 8 xã vùng thấp và thảo quả ở Mường Hum (Bát Xát), v.v..

Ở vùng cao những nơi còn đồng bào du canh du cư tổ chức lại sản xuất đến đâu thì đồng thời tiến hành vận động đồng bào định

canh theo hướng sản xuất mới đã được tổ chức lại đến đấy. Làm gọn từng vùng nhỏ theo các tiểu vùng sản xuất của huyện.

Để sử dụng và quản lý đất đai được hợp lý cần kiên quyết thực hiện các chính sách và pháp luật về ruộng đất, về rừng của Đảng và Nhà nước đã quy định (căn cứ Nghị quyết 12 của Trung ương và các quyết định của Chính phủ). Phải kiên quyết xử lý đối với những trường hợp lấn chiếm, mua bán đất đai trái phép, v.v..

2- Tổ chức và sử dụng hợp lý sức lao động và những điều kiện, khả năng hiện có để đẩy mạnh xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, áp dụng các biện pháp kỹ thuật tiên tiến vào thâm canh, tăng năng suất lao động và phục vụ các yêu cầu sản xuất. Từ nay phải căn cứ vào phương hướng và cơ cấu sản xuất của từng tiểu vùng để đáp ứng.

3- Căn cứ vào cơ cấu sản xuất của từng vùng mà tổ chức củng cố hợp tác xã. Đối với các hợp tác xã đã có, cần đưa đại bộ phận lên ngang với trình độ các hợp tác xã khá và tiên tiến hiện nay, có cải tiến theo nội dung mới. Đối với những nơi ở vùng cao hiện nay không còn hợp tác xã cần tiến hành xây dựng lại hợp tác xã, đưa đại bộ phận nông dân vào làm ăn tập thể, với các hình thức thích hợp, với bước đi từ thấp lên cao.

4- Xây dựng cấp huyện thành cấp trực tiếp phụ trách hợp tác xã, trực tiếp quản lý nông nghiệp có hiệu lực theo hướng dẫn của Trung ương cần xây dựng và kiện toàn Ủy ban Nông nghiệp, Ty Lâm nghiệp tỉnh, Chi cục Kiểm lâm hình thành hệ thống quản lý nông - lâm nghiệp thống nhất, có hiệu lực.

5- Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, nhất là đảng ủy và chi bộ ở cơ sở, phát huy vai trò quản lý kinh tế của Nhà nước và đề cao vai trò tham gia quản lý của quần chúng đối với nông - lâm nghiệp.

6- Trong quá trình thực hiện các yêu cầu trên phải đồng thời phát động phong trào lao động sản xuất tiết kiệm trong quần chúng, nhằm đẩy mạnh sản xuất thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kế hoạch nhà nước 2 năm 1974-1975.

Để thực hiện các nhiệm vụ và yêu cầu trên cần tập trung làm tốt những nội dung công tác lớn sau đây:

1- Tổ chức lại sản xuất ở cơ sở theo hướng đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, hình thành huyện với hợp tác xã là cơ cấu chung về sản xuất

Nội dung tổ chức lại sản xuất ở các cơ sở là tiến hành quy hoạch sản xuất xác định cụ thể phương hướng sản xuất, bố trí sắp xếp cơ cấu các cây, con và các ngành nghề trong phạm vi huyện theo các phân vùng nông - lâm nghiệp, từ đó bố trí sắp xếp lại sản xuất trong từng vùng hợp tác xã, xây dựng mạng lưới kinh tế - kỹ thuật trên địa bàn huyện nhằm hình thành mối quan hệ mới trong quá trình sản xuất, chế biến, lưu thông giữa hợp tác xã với nhau, giữa hợp tác xã với cơ sở kinh tế quốc doanh.

Tổ chức lại sản xuất nông - lâm nghiệp trong phạm vi huyện, phải bắt đầu từ hợp tác xã và xoay quanh đáp ứng việc củng cố tăng cường hợp tác xã. Yêu cầu củng cố tăng cường hợp tác xã lần này chủ yếu là thực hiện một bước việc đưa các hợp tác xã đi lên, theo hướng sản xuất tập trung chuyên canh, thâm canh, cơ cấu sản xuất hợp lý và đấu tranh thi hành đúng điều lệ hợp tác xã, xây dựng hợp tác xã trở thành đơn vị kinh doanh theo phương thức xã hội chủ nghĩa. Do đó, phải bắt đầu từ tổ chức lại sản xuất đồng thời giải quyết một cách toàn diện và gắn chặt với nhau giữa việc thực hiện chế độ quản lý mới, giữa việc tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo cho từng cây, từng con, từng ngành nghề trong hợp tác xã với việc xây dựng và thực hiện cơ cấu sản xuất mới, các mối quan hệ mới của hợp tác xã.

Ban Nông nghiệp Tỉnh căn cứ nội dung trên cần vạch ra nội dung cụ thể và biện pháp tiến hành tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý đối với từng cây, từng con trong hợp tác xã để hướng dẫn thực hiện.

a) Nội dung cụ thể để tiến hành tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý ở từng hợp tác xã, bao gồm những việc chính như sau:

Khảo sát lập quy hoạch và tổ chức lại đồng ruộng, rừng và đất rừng, đàn gia súc và các mặt liên quan trực tiếp khác theo hướng sản xuất tập trung, thâm canh, chuyên canh kết hợp toàn diện.

b) Từ yêu cầu của cơ cấu sản xuất mới mà tổ chức, phân bổ lại lao động, từng bước thực hiện chuyên môn hóa lao động. Cụ thể là: phân bổ lại ruộng đất cho đội sản xuất theo hướng tập trung và chuyên môn hóa. Tính toán lại quy mô đội sản xuất cho hợp với từng cây, từng con. củng cố lại các đội sản xuất cơ bản; thành lập các nhóm lao động tạm thời; xây dựng và củng cố các đội chuyên và bán chuyên để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật và giúp ban quản trị trực tiếp quản lý từng khâu cơ sở vật chất, kỹ thuật trong hợp tác xã. Hướng chung về phân bổ và tổ chức lao động là: để khoảng từ 1, 2 lao động làm 1 ha diện tích gieo trồng cây lương thực, còn thì chuyển qua làm các cây, con mới theo thế mạnh của từng nơi và xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, nhằm đảm bảo cho thâm canh cây lương thực và các cây, con theo cơ cấu sản xuất của từng hợp tác xã.

c) Cải tiến một số chế độ quản lý theo yêu cầu của sản xuất tập trung và chuyên môn hóa lao động, xây dựng chế độ khoán và các định mức lao động sát với từng cây, từng con, từng ngành nghề của từng hợp tác xã sát hợp với bố trí lại các đội sản xuất, khắc phục tình trạng thực hiện 3 khoán theo cách khoán trắng cho đội sản xuất, dẫn tới ăn chia theo đội. Phải thực hiện phân phối thống nhất trong toàn hợp tác xã, ban quản trị phải cố gắng nắm cho được khâu thu hoạch các sản phẩm cuối cùng. Trên cơ sở định mức lao động mà tiến hành khoán việc cho người lao động, đề cao trách nhiệm và có chế độ cộng điểm khuyến khích người lao động đối với các khâu yêu cầu kỹ thuật và thời vụ. Bên cạnh việc khoán chung cho nhóm, cần tiến hành khoán việc cho từng xã viên, tùy theo tính chất công việc và yêu cầu của số lượng lao động. Sửa đổi chế độ đãi ngộ đối với cán bộ hợp tác xã, gắn việc hưởng thụ của cán bộ với kết quả sản xuất.

d) Kiện toàn cơ quan quản lý hợp tác xã, tăng cường hiệu lực quản lý tập trung, thống nhất của ban quản trị, Ban quản trị phải xây dựng được kế hoạch sát đúng và thống nhất chỉ đạo thực hiện kế hoạch, xây dựng được chế độ canh tác, quy trình kỹ thuật và thống nhất chỉ đạo kỹ thuật thời vụ; trực tiếp nắm các điều kiện vật chất kỹ thuật, nắm các đội lao động chuyên và điều phối việc sử dụng lao động. Số lượng ban quản trị nên từ 5 - 7 người, tăng cường những đảng viên, cán bộ có chất lượng vào Ban quản trị. Xây dựng một đội ngũ cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ, tổ chức thành các bộ môn ổn định giúp việc cho ban quản trị như: kế hoạch vật tư, kế toán thống kê, lao động, định mức, kỹ thuật văn xã, thi đua, v.v..

đ) Sắp xếp lại tổ đảng, chi bộ, phân công lại đảng viên phù hợp với cơ cấu sản xuất và sự tổ chức, phân công lại lao động của hợp tác xã, khắc phục tình trạng tổ chức chi bộ, tổ đảng, phân công đảng viên theo kiểu hành chính căn cứ vào địa dư, nơi cư trú của đảng viên.

2- Về hình thức và quy mô hợp tác xã

a) Ở vùng thấp, hiện nay còn nhiều hợp tác xã quy mô quá nhỏ, không đủ sức để phân công lại lao động, mở rộng kinh doanh, nhưng hợp nhất lại thành những hợp tác xã lớn thì có nhiều khó khăn, phức tạp về chênh lệch địa tô, vốn quỹ, v.v. xã viên không phấn khởi. Do đó hướng chung là tiến hành tổ chức liên hiệp kinh doanh những ngành sản xuất mới như trồng rừng, cây công nghiệp và phát triển chăn nuôi lớn. Quy mô từng liên doanh tùy theo yêu cầu phát triển sản xuất và sự quan hệ về đất đai sản xuất, v.v. mà quyết định cụ thể. Điều kiện để xây dựng một liên doanh là:

- Cùng chung một hướng sản xuất thuộc trong một vùng sản xuất của tỉnh, huyện xác định, cùng chung một khu rừng, đồng ruộng, đồi cỏ, có liên quan nhiều với nhau về phát triển sản xuất.

- Có cán bộ và cốt cán lãnh đạo vững của địa phương, có cán bộ quản lý kỹ thuật đồng bộ (của hợp tác xã hoặc trên cử về) tích cực, nhiệt tình.

- Các hợp tác xã tham gia liên doanh được củng cố một bước, ít nhất có một hợp tác xã tốt làm nòng cốt.

Quần chúng xã viên nhận rõ lợi ích của xã viên mở rộng quy mô sản xuất bằng hình thức liên doanh, thực sự đồng tình và phải do đại biểu xã viên các hợp tác xã chuẩn bị tham gia liên doanh quyết định.

Phương hướng sản xuất của liên doanh được xác định rõ ràng, có quy hoạch sản xuất, phương án kinh tế (...) quản lý, được xã viên dân chủ bàn bạc và Nhà nước xét duyệt (Ủy ban hành chính huyện đề nghị Ủy ban hành chính tỉnh duyệt).

Nội dung liên doanh: các hợp tác xã nhỏ giữ nguyên tư cách pháp nhân, sản xuất cây lương thực để đảm bảo nghĩa vụ với Nhà nước và tự phân phối, đảm bảo đời sống xã viên. Nội dung quản lý theo đúng như Điều lệ quy định, riêng ban quản trị nên ít người. hợp tác xã quá nhỏ, không nên chia đội sản xuất mà do Ban quản trị phân công nhau trực tiếp phụ trách, cân đối lao động đủ làm lương thực, còn thì rút ra để cùng liên doanh kinh doanh ngành sản xuất mới, theo hình thức các hợp tác xã nhỏ góp lao động, góp vốn, góp cán bộ, cử ra ban quản lý liên doanh để chỉ đạo chung. Kết quả sản xuất của liên doanh sẽ trừ chi phí, tích lũy còn lại phân phối cho hợp tác xã nhỏ theo công lao động và vốn của các hợp tác xã đóng góp, để hợp tác xã nhỏ thống nhất phân phối cho xã viên.

Ngoài việc tổ chức liên doanh giữa các hợp tác xã đã có ở địa phương với nhau, những nơi có tiếp nhận lao động ở xuôi lên xây dựng vùng kinh tế mới, tùy tình hình cụ thể mà tổ chức liên doanh giữa hợp tác xã cũ của địa phương với hợp tác xã mới ở xuôi lên để cùng nhau phát triển sản xuất, kinh doanh, theo hướng sản xuất và quy hoạch của từng vùng.

Đối với các hợp tác xã đã hợp nhất trước đây nay có nhiều khó khăn và tư tưởng, mất đoàn kết nội bộ, làm ảnh hưởng đến sản xuất hoặc chỉ có hình thức nay cần phải tích cực củng cố hoặc chuyển qua hình thức liên doanh, nói chung không nên đặt vấn đề

chia nhỏ lại như cũ. Những hợp tác xã ổn định sản xuất tốt thì tiến hành củng cố, mở rộng kinh doanh để tiến lên một bước mới.

b) Đối với vùng cao, vùng còn du canh du cư: vấn đề xây dựng hợp tác xã ở vùng cao có nhiều khó khăn, phức tạp, nhưng nếu nông dân không được tổ chức lại thì có nhiều mặt tiêu cực trong sản xuất và xã hội cũ lại nảy sinh và phát triển. Tình hình đó đòi hỏi phải từng bước đưa nông dân vùng cao vào con đường làm ăn tập thể nhện nhàng với vùng thấp. Tổ chức hợp tác xã ở vùng cao phải trên cơ sở lấy phương hướng làm giàu của vùng cao là nghề rừng (bao gồm cây đặc sản, cây công nghiệp, cây ăn quả). Để phù hợp với trình độ quản lý của cán bộ đồng thời từng bước tạo điều kiện để đưa nông dân vùng cao đi lên sản xuất lớn. Những năm tới cần tiến hành tổ chức nông dân lại từ thấp lên cao với các hình thức sau:

Tổ chức các hợp tác xã nhỏ, quy mô khoảng 4- 5 ha đến 10 - 15 ha theo từng xóm nhỏ và từng khu đồng, đồi nương, lấy thuận tiện sản xuất là chính, cùng nhau sản xuất cây lương thực; lúa, ngô để tự đảm bảo đời sống, với nội dung kinh doanh và quản lý đơn giản, như: ban quản trị có 1 chủ nhiệm, 1 phó chủ nhiệm kiêm kế toán, trực tiếp phụ trách điều khiển lao động sản xuất, không chia đôi (có một hợp tác xã coi như 1 đội). Định mức công việc để khoán cho lao động hoặc khoán nhóm hằng ngày, không có ba khoán. Kết quả thu hoạch được vụ nào, chia riêng vụ ấy. Công cụ xã viên tự sắm, phân chuồng, hằng vụ phân bổ cho lao động đóng góp hoặc lấy công lao động cùng làm. Sổ sách theo dõi chỉ cần lập một sổ ghi công điểm chung của hợp tác xã, dùng phiếu điểm thay cho sổ ghi công của từng hộ.

Các hợp tác xã quy mô nhỏ, dựa theo điều kiện cùng phương hướng sản xuất, cùng chung một khu rừng, đồng ruộng, đồi cỏ, v.v., sản xuất hằng ngày có liên quan với nhau thì tiến hành quy hoạch, xác định phương hướng sản xuất cụ thể, thành lập các liên doanh với quy mô một thôn hay liên thôn, một xã hay hai, ba xã có liên quan chặt chẽ với nhau về sản xuất để cùng phát huy những cây, con có ưu thế theo hướng sản xuất của từng vùng, như: tổ chức kinh

doanh chung nghề rừng, chăn nuôi, trồng cây công nghiệp, cây đặc sản, cây ăn quả, hoặc tổ chức góp công, góp sức để cùng nhau xây dựng những đồng cỏ, mở rộng diện tích canh tác mới, hoặc bàn bạc thống nhất, lập ra những quy ước về quy trình kỹ thuật cho một cây trồng trên một xứ đồng, v.v.. Nội dung quản lý của liên doanh và điều kiện để lập liên doanh như sau:

+ Về nội dung quản lý: đối với cây lương thực để nguyên các hợp tác xã nhỏ tự kinh doanh, phân phối theo hợp tác xã nhỏ để tự túc đảm bảo đời sống. Liên doanh chỉ thống nhất chỉ đạo về cơ cấu cây trồng, quy trình kỹ thuật canh tác, hướng dẫn kỹ thuật trên từng cánh đồng chung, quản lý chung về các cơ sở vật chất - kỹ thuật có liên quan chung cả của liên doanh; giúp đỡ công tác quản lý như việc định mức lao động, hướng dẫn và ăn chia. Hợp tác xã nhỏ cân đối lao động đến từng hộ xã viên, vận động từng hộ cử lao động chuyên hoặc ngoài thời vụ làm cây lương thực, để phát triển kinh doanh những cây, con mới thuộc liên doanh quản lý thống nhất, theo quy hoạch, kế hoạch và mức khoán của liên doanh. Kết quả sản xuất liên doanh phân phối thẳng cho lao động tham gia theo mức khoán. Phân phối có thể theo hai vòng: vòng 1 theo hình thức trả công cho định mức, do xã viên bàn bạc quy định; vòng 2 vào cuối năm đem kết quả kinh doanh, trừ chi phí và tích lũy còn lại phân phối thêm cho ngày công, bộ máy quản lý do các hợp tác xã nhỏ cử đại biểu tham gia bàn bạc dân chủ; còn bộ máy thường trực do Nhà nước bổ nhiệm, trả lương trong thời gian đầu, song từng bước phải đào tạo cán bộ địa phương thay thế. Căn cứ vào phương án kinh tế, quy hoạch sản xuất của từng liên doanh, đề nghị Nhà nước đầu tư, giúp đỡ vốn xây dựng cơ bản và cho vay vốn kinh doanh, sau thu hồi dần theo như chính sách đầu tư vốn đối với đồng bào du canh du cư và vùng cao.

Điều kiện để tổ chức liên doanh như vùng thấp, nhưng phải chú ý thêm điều kiện được Nhà nước giúp đỡ tích cực và có cán bộ trên có tinh thần hăng hái, nhiệt tình về trực tiếp giúp đỡ và cùng thực hiện.

Bước đi của việc tổ chức liên doanh có thể chia làm hai bước, bước đầu cùng nhau góp sức xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho cây lương thực hiện có, thống nhất quy trình sản xuất, giúp đỡ hợp tác xã nhỏ thâm canh giải quyết tốt vấn đề lương thực tại chỗ, đồng thời chuẩn bị điều kiện rồi từng bước tiến sang bước phát triển những cây, con mới.

Đối với nơi gần nông - lâm trường của Nhà nước thì tiếp tục kết nạp lao động của những gia đình nông dân vào, biến họ thành công nhân nông hay lâm nghiệp, nếu họ thật sự tự nguyện. Đối với những nơi dân cư quá phân tán, không có điều kiện tổ chức hợp tác xã thì tổ chức kinh doanh đối công, tạo điều kiện để tiến lên hợp tác xã.

c) Về loại hình hợp tác xã: nói chung ở tỉnh ta là nông - lâm nghiệp, hoặc lâm nghiệp tùy theo hướng sản xuất của từng nơi mà xác định nông nghiệp là chính hay lâm nghiệp là chính.

d) Đối với cấp huyện, quá trình thực hiện quy hoạch sản xuất và đưa hợp tác xã đi lên, gắn liền với quá trình xây dựng và trang bị mạng lưới kinh tế và kỹ thuật cho nông - lâm nghiệp trên địa bàn huyện. Thời gian tới cần tập trung giúp huyện nhanh chóng hoàn chỉnh, hệ thống thủy nông và tổ chức quản lý thủy nông, xây dựng mạng lưới giống cho một số cây, con chính như lúa, ngô, lợn và những cây đặc sản, cây công nghiệp, vườn ươm cây theo hướng sản xuất của từng huyện. Kiện toàn hệ thống cung cấp vật tư nông nghiệp, hệ thống vận chuyển nông thôn, xây dựng cơ bản trong nông nghiệp, hệ thống quản lý và sản xuất nông cụ cải tiến và cơ giới nhỏ. Từng bước xây dựng mạng lưới cơ giới lớn và hệ thống chế biến theo công nghiệp, cùng với xây dựng mạng lưới kỹ thuật cần chấn chỉnh lại mạng lưới thu mua để phục vụ tốt yêu cầu sản xuất và chế biến.

3- Cải tiến quản lý nông nghiệp theo hướng chuyển từ hành chính cung cấp sang quản lý kinh tế, quản lý kinh doanh. Nội dung chủ yếu là cải tiến kế hoạch, tiến hành hạch toán kinh tế, sửa đổi, bổ sung, nâng cao các chế độ quản lý và chính sách kinh tế (theo hướng dẫn của Trung ương).

4- Cải tiến tổ chức và lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng hệ thống quản lý nông nghiệp thống nhất và có hiệu lực, thực hiện chế độ quản lý mới trong nông nghiệp (theo hướng dẫn của Trung ương).

III. NHỮNG BIỆN PHÁP LỚN ĐẢM BẢO CHO CÔNG TÁC XÂY DỰNG, Củng cố tăng cường hợp tác xã NÔNG - LÂM NGHIỆP

Để đảm bảo xây dựng, củng cố hợp tác xã, thực hiện một bước chuyển hợp tác xã đi lên theo hướng sản xuất lớn, trở thành đơn vị kinh doanh xã hội chủ nghĩa, phải làm thật tốt một số biện pháp sau:

1. Tiến hành giáo dục sâu sắc trong Đảng ra ngoài quần chúng, từ trên xuống dưới về tinh thần các nghị quyết 19, 20, 22 của Trung ương trên cơ sở đó nâng cao lập trường quan điểm của giai cấp công nhân, nhận thức và phân biệt rõ về đấu tranh giữa hai con đường tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa; biểu hiện giữa sản xuất lớn và sản xuất nhỏ, nghiêm khắc phê phán thái độ coi nhẹ vị trí của hợp tác xã trong sản xuất nông nghiệp, động viên mọi người, mọi ngành hăng hái thực hiện Nghị quyết về củng cố hợp tác xã của tỉnh ở nông thôn. Những nơi đang thực hiện Chỉ thị 192 của Trung ương về nâng cao chất lượng đảng viên cũng phải giáo dục tinh thần trên cho đảng viên, quần chúng và phát động quần chúng hăng hái tham gia hợp tác xã, phát hiện cốt cán tốt để làm nòng cốt cho công tác củng cố hợp tác xã. Những nơi có chi bộ đảng thì tiến hành (...) tốt Chỉ thị 192 trước; tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiến hành củng cố hợp tác xã; đồng thời cũng qua phong trào hợp tác xã mà chọn quần chúng tốt bồi dưỡng, kết nạp vào Đảng, củng cố tăng cường chi bộ, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng ở nông thôn.

2. Tiến hành gấp việc lập quy hoạch đào tạo cán bộ cho hợp tác xã trong phạm vi toàn tỉnh. Từ quy hoạch, có kế hoạch đào tạo gấp

cán bộ cho hợp tác xã bằng nhiều hình thức: tại trường và lớp ngắn ngày, bồi dưỡng về nghiệp vụ thường xuyên theo thời vụ. Từ quy hoạch, tiến hành mở rộng Trường Trung cấp nông - lâm của tỉnh, tăng cường cán bộ lãnh đạo giảng dạy, soát xét lại nội dung bài giảng nhằm đáp ứng yêu cầu và sát hợp địa phương, giao cho trường làm cả nhiệm vụ bồi dưỡng cán bộ của hợp tác xã. củng cố trường thanh niên dân tộc xã hội chủ nghĩa, hướng chủ yếu vào đào tạo cán bộ cho hợp tác xã. Mở rộng trường thiếu nhi dân tộc vùng cao đến từng khu vực, theo từng tiểu vùng sản xuất của huyện để đào tạo cán bộ lâu dài tại chỗ cho hợp tác xã, gọi là trường thiếu nhi dân tộc nông nghiệp. Trước mắt, mỗi huyện có 1 trường, tiến tới mỗi khu vực, tiểu vùng sản xuất có 1 trường. Đẩy mạnh phong trào bổ túc văn hóa, củng cố các trường lớp phổ thông, mau chóng nâng cao trình độ văn hóa cho cán bộ và xã viên, nhất là vùng cao. Các trường này cần gắn với các trạm, trại kỹ thuật đã có, tạo thành những điểm về kỹ thuật của từng vùng.

3. Đi đôi với tích cực đào tạo cán bộ dân tộc địa phương, trước mắt cần chuyển ngay một số thích đáng cán bộ kỹ thuật và quản lý nông nghiệp xuống công tác ở hợp tác xã, lựa chọn, bồi dưỡng đào tạo ngay hàng loạt cán bộ đưa xuống củng cố hợp tác xã. Rút kinh nghiệm ngay các lần trước phải lựa chọn những anh chị em có sức khỏe, có nhiệt tình, có khả năng tiếp thu và bồi dưỡng về khoa học kỹ thuật, về quản lý. Trước khi đưa xuống phải được bồi dưỡng về chính sách, công tác quản lý và đưa xuống đâu, nơi đó phải xây dựng được phương án kinh tế rõ ràng và đưa hẳn vào các ban quản trị, hoặc làm chuyên môn của hợp tác xã hay liên doanh, tuyệt đối không được sử dụng vào công tác hành chính. Thực hiện tốt chính sách đối với anh chị em xuống cơ sở. Ngoài việc thực hiện chính sách vùng cao (Nghị quyết 109-CP), những cán bộ bố trí vào hợp tác xã được giữ nguyên mọi quyền lợi theo chính sách đã có, nếu hoàn thành tốt kế hoạch hàng năm thì được hợp tác xã phụ cấp thêm theo chức trách, nhiệm vụ hợp tác xã phân công. Số cán bộ

trên nên lựa chọn trong tỉnh không đủ thì quan hệ với các tỉnh bạn ở xuôi để xin thêm, hoặc đề nghị với Trung ương bổ sung cho một số cán bộ có khả năng để bố trí cho Trường, cho các bộ phận yêu cầu trình độ nghiệp vụ cao ở tỉnh và huyện.

Phải có kế hoạch thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho số cán bộ của trên đưa về giúp hợp tác xã. Mở các lớp đại học và trung học tại chức lựa chọn các anh chị em có đủ tiêu chuẩn đưa vào học, để trong vòng 3 - 5 năm đại bộ phận có trình độ trung học, đại học và một số có trình độ trên đại học (đối với anh chị em hiện nay đã có trình độ đại học).

4. Kiện toàn Ủy ban Nông nghiệp tỉnh, Ty Lâm nghiệp, thành lập Chi cục Kiểm lâm, trước mắt là bộ phận quản lý hợp tác xã và đội quy hoạch. Kiện toàn và bổ sung cán bộ Ban Nông nghiệp Tỉnh ủy. Từng bước xây dựng các Ủy ban Nông nghiệp huyện theo hướng tổ chức mới, trước mắt là tổ chức lại huyện Bát Xát để rút kinh nghiệm xong triển khai ra các huyện khác. Các huyện khác cần kiện toàn các bộ phận làm công tác hợp tác xã trước.

Thành lập công ty cơ giới, nông cụ thuộc Ủy ban hành chính tỉnh, chuyên bộ phận cơ giới nông nghiệp (gồm cả cán bộ và máy móc) trong công ty Cơ giới thuộc Ty Xây dựng về cho công ty này thống nhất phụ trách và từ đó lập các trạm phục vụ yêu cầu sản xuất nông nghiệp xuống các huyện và nông trường, theo từng địa bàn nhất định. Có kế hoạch thống nhất quản lý sử dụng chung cả trong ngành nông nghiệp của tỉnh, kể cả các máy ở các nông trường. Lập phòng xây dựng cơ bản chuyên dụng trong nông nghiệp thuộc Ủy ban Nông nghiệp để giúp Ủy ban Nông nghiệp về công tác xây dựng cơ bản; Ủy ban Nông nghiệp chịu trách nhiệm và làm tham mưu cho Ủy ban hành chính tỉnh về mặt xây dựng cơ bản trong nông nghiệp.

Đối với cơ khí nhỏ, thủy điện nhỏ, năm 1974 cần tập trung sức lực, vật tư sửa chữa lại toàn bộ các điểm đã bị hư hỏng có sự hoạt động trở lại cần rút kinh nghiệm và có kế hoạch để phát triển vào

những năm sau. Để việc giúp đỡ cơ sở có hiệu quả và theo dõi được chặt chẽ ở tỉnh cần thống nhất bộ phận thủy điện nhỏ của Ty Thủy lợi, tổ cơ khí nhỏ của Ty Công nghiệp, tổ cơ khí nông cụ của Ủy ban Nông nghiệp thành một tổ chức thống nhất, đặt trong Ủy ban Nông nghiệp để làm nhiệm vụ chuyên lo giúp các hợp tác xã sửa chữa, bồi dưỡng công nhân, hướng dẫn cách quản lý, sử dụng, dự trữ, chuẩn bị vật tư, phụ tùng sửa chữa, thay thế, nghiên cứu các loại nông cụ cải tiến cơ khí, giao cho ngành công nghiệp sản xuất, công ty Vật tư nông nghiệp kinh doanh cung cấp cho các hợp tác xã.

5. Trong khi chờ Trung ương ban hành bổ sung các chính sách chế độ mới, phải vận dụng thực hiện tốt các chính sách đã có như Nghị quyết 38 của Hội đồng Chính phủ và các chính sách kèm theo đối với đồng bào du canh du cư, chính sách đối với vùng cao. Chỉ thị 125 đối với hợp tác xã kinh doanh cây công nghiệp, các chính sách giúp đỡ hợp tác xã mở mang kinh doanh nghề rừng. Trong khi chờ Trung ương có chính sách cụ thể đối với khai hoang mở rộng diện tích ở vùng thấp, một mặt động viên tinh thần tự lực cánh sinh của hợp tác xã trích quỹ tích lũy và đi vay, một mặt địa phương trích vốn xây dựng cơ bản hàng năm đầu tư giúp hợp tác xã với mức cố gắng nhất định để các hợp tác xã đẩy mạnh được khai hoang trồng ngô.

6. Các nông trường của tỉnh cần đẩy mạnh tốc độ xây dựng mau chóng hoàn thành bước xây dựng cơ bản chuyển sang kinh doanh. củng cố các lâm trường và các trạm trại để làm nòng cốt cho hợp tác xã từng vùng (nội dung cụ thể có hội nghị bàn chuyên đề riêng).

IV. BƯỚC ĐI VÀ CÁCH TIẾN HÀNH

1. Bước đi chung

Các huyện vùng thấp năm 1974 gắn với chủ trương của tỉnh tiếp nhận lao động miền xuôi lên xây dựng vùng kinh tế mới, các huyện

Bảo Thắng, Mường Khương và hai thị xã Lào Cai, Cam Đường, cố gắng xây dựng xong phương án kinh tế toàn huyện, tổ chức lại sản xuất ở hợp tác xã điểm và làm gọn một vùng. Riêng Bát Xát làm xong vùng thấp thực hiện liên doanh ở vùng cao để rút kinh nghiệm, năm 1975 làm xong toàn vùng thấp (riêng Bát Xát trong cả vùng cao).

Các huyện vùng cao Sa Pa, Bắc Hà, Si Ma Cai và Mường Khương, năm 1974 xong phương án huyện và làm xong hợp tác xã điểm, đồng thời tổ chức nông dân lại làm ăn tập thể theo hình thức hợp tác xã nhỏ quản lý đơn giản. Năm 1975 làm xong cả huyện.

Trong năm 1974, từ nay đến tháng 8-1974 nói chung trong toàn tỉnh phải quán triệt quan điểm, tư tưởng chuẩn bị điều kiện đầy đủ, bố trí huấn luyện cán bộ và giữ vững hợp tác xã để đẩy mạnh sản xuất vụ xuân, vụ hè thu. Từ tháng 9-1974 trở đi, triển khai toàn diện cuộc vận động theo nội dung phương pháp như Nghị quyết này đề ra.

2. Trình tự tiến hành cụ thể ở huyện và cơ sở

Để triển khai thực hiện cần làm tốt sáu công tác lớn: điều tra cơ bản và quy hoạch sản xuất, tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý hợp tác xã; xây dựng mạng lưới kỹ thuật, kinh tế trên địa bàn huyện; cải tiến kế hoạch và thực hiện một bước hạch toán kinh tế; cải tiến công tác tổ chức và bồi dưỡng, đào tạo cán bộ; cải tiến công tác đảng và công tác quần chúng. Sáu công tác đó phải qua thời gian vài ba năm thì mới thực hiện được. Nhưng trong thời gian đầu các huyện cần làm tốt những việc sau đây:

- Làm cho cán bộ, đảng viên quán triệt các nghị quyết 19, 20, 22 của Trung ương về đưa nông nghiệp từng bước tiến lên sản xuất lớn và chuyển sang quản lý kinh tế, kinh doanh nắm vững cách đặt vấn đề, yêu cầu nội dung, hướng làm và cách làm để tiến hành tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý nông nghiệp từ cơ sở, qua đó tạo nên sự chuyển biến nhận thức và nhất trí ban đầu.

- Dựa theo yêu cầu mới, xem xét bố trí lại đội ngũ cán bộ của huyện, bổ sung thêm một số cán bộ cho huyện, kiện toàn số cán bộ

chủ chốt của huyện, bước đầu thành lập Ủy ban Nông nghiệp huyện, gồm một số bộ phận và cán bộ cốt cán.

- Tiến hành điều tra cơ bản, bổ sung và xây dựng quy hoạch sản xuất chung cho huyện, kết hợp với kiểm điểm đánh giá tình hình để bước đầu xây dựng bản phương án kinh tế bố trí ý định làm ăn của huyện, đồng thời tiến hành quy hoạch sản xuất cụ thể ở một số hợp tác xã điểm, sau đó trở lại điều chỉnh quy hoạch sản xuất chung và điều chỉnh lại bản phương án kinh tế của huyện.

- Tiến hành xây dựng một số hợp tác xã điểm về tổ chức lại sản xuất và cải tiến lại quản lý đối với một số cây, con chính, ở một số khu vực chuyên canh, đồng thời từng bước mở rộng hiệu quả đã đạt được ra các hợp tác xã trong huyện.

- Kiểm tra và xây dựng hoàn chỉnh quy hoạch trang bị từng khâu cơ sở vật chất, kỹ thuật, bố trí hệ thống tổ chức và quản lý đối với từng khâu; sơ bộ củng cố tổ chức và cải tiến công tác kế hoạch của các trạm trại (nếu có), chuyển các trạm trại thành đơn vị kinh doanh hạch toán.

- Tiến hành xây dựng kế hoạch nông nghiệp ở cơ sở, bao gồm kế hoạch của hợp tác xã và kế hoạch của trạm trại, đồng thời cải tiến xây dựng kế hoạch nông nghiệp cấp huyện. Sau đó làm tiếp hạch toán kinh tế của các trạm trại, các hợp tác xã, đội kế hoạch sản xuất hàng năm phải có kế hoạch củng cố, hoàn thiện hợp tác xã. Kế hoạch sản xuất và kế hoạch hoàn thiện quan hệ sản xuất phải đi đôi với nhau.

- Quá trình làm các việc trên phải kết hợp đào tạo, bồi dưỡng cất nhắc cán bộ kiện toàn bộ máy, xác định chức năng, nhiệm vụ, cải tiến lề lối làm việc cải tiến công tác lãnh đạo của Đảng, phát huy quyền làm chủ của quần chúng, phát động phong trào quần chúng sôi nổi, đẩy mạnh sản xuất, hăng hái tham gia xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, nghiên cứu thực hiện các chế độ kỹ thuật và quản lý.

V. TỔ CHỨC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

Công tác củng cố hợp tác xã thực hiện một bước chuyển hợp tác xã đi lên theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, tổ chức lại sản xuất từ cơ sở, gắn với xây dựng cấp huyện là việc rất mới mẻ và là một công tác trung tâm ở nông thôn. Trong những năm tới nhằm để thực hiện các nghị quyết 19, 20, 22 của Trung ương. Công tác này có liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp và phải thực hiện nhiều chính sách, chế độ, v.v., do đó phải tiến hành từng đợt vận động theo kế hoạch thống nhất và phải đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của các cấp ủy đảng.

Ở tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy trực tiếp chỉ đạo về mặt chủ trương, biện pháp lớn, giao cho Đảng đoàn Ủy ban hành chính tỉnh chỉ đạo thực hiện cụ thể. Các ban của Đảng như nông nghiệp, tổ chức, tuyên huấn, khoa giáo, tài chính thương nghiệp, công nghiệp và các ngành chính quyền như Ủy ban Nông nghiệp và Ban Quản lý định canh định cư trong Ủy ban Nông nghiệp, Ty Lâm nghiệp, Ty Lao động, Ban Tổ chức chính quyền, Ủy ban Kế hoạch chịu trách nhiệm làm tham mưu giúp Tỉnh ủy và Ủy ban hành chính tỉnh làm việc dưới sự chỉ đạo hàng ngày của Thường trực Tỉnh ủy và Ủy ban hành chính tỉnh. Ban Nông nghiệp Tỉnh ủy và bộ phận quản lý hợp tác xã thuộc Ủy ban Nông nghiệp tỉnh là cơ quan thường trực. Các ban và đảng đoàn các ngành cử cán bộ và đồng chí lãnh đạo ban, ngành chuyên lo phụ trách phần việc thuộc chức năng của ban mình, ngành mình. Các ngành, giới theo chức năng từng ngành, giới phải cử một số cán bộ và một số đồng chí lãnh đạo ngành chuyên trách theo dõi và tổ chức thực hiện các việc từng thời gian.

Ở huyện, thị, Ban Thường vụ các huyện, thị chịu trách nhiệm chỉ đạo trực tiếp giúp việc là các ban của Đảng và Ủy ban Nông nghiệp huyện, thường trực là Ủy ban nông nghiệp huyện.

Kinh phí và phương tiện làm việc phục vụ cho công tác này, thống nhất sử dụng vào ngân sách thuộc Nhà nước. Ở tỉnh Ban

Nông nghiệp Tỉnh ủy dự trù. Ở huyện, Ủy ban nông nghiệp huyện dự trù cụ thể.

Căn cứ Nghị quyết này, Ban Nông nghiệp Tỉnh ủy vạch ra kế hoạch, chỉ đạo bao gồm: nội dung từng bước và phương pháp tiến hành cụ thể để hướng dẫn cấp dưới thực hiện; đồng thời cùng các ban, ngành nghiên cứu xây dựng các chế độ, chính sách cụ thể và tiến hành một số hợp tác xã điển hình làm mẫu, chuẩn bị cho hội nghị củng cố hợp tác xã toàn tỉnh vào thời gian tới.

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

BÍ THƯ

TRƯỜNG MINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 09-BC/TU, ngày 28-5-1974

Về việc tổng kết thực hiện chính sách dân tộc (từ năm 1960 đến nay)

Thi hành Chỉ thị 189 ngày 30-3-1971 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc tổng kết thực hiện chính sách dân tộc, tại Hội nghị Tỉnh ủy từ ngày 20-11-1973 đến 26-11-1973 để kiểm điểm, đánh giá những kết quả, tồn tại trong việc thực hiện chính sách dân tộc hơn 10 năm qua, đồng thời rút ra những nguyên nhân và bài học kinh nghiệm, đề ra phương hướng, nhiệm vụ nhằm tiếp tục thực hiện tốt hơn nữa chính sách trong thời gian tới.

Phần thứ nhất

MỘT SỐ NÉT VÀ ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH TRONG TỈNH

Lào Cai là một tỉnh miền núi, biên giới, nhiều dân tộc, ba phần tư đất đai là vùng cao. Diện tích toàn tỉnh rộng trên 4.000 km²; rừng và đất rừng chiếm 87,2%. Địa hình có độ dốc lớn, có nhiều núi cao, nhiều thung lũng nhỏ; do địa hình như vậy nên diện tích có khả năng trồng lúa nước rất bị hạn chế: ruộng ít (7.000 ha/30.000 ha) không có những cánh đồng lớn và tập trung; đất đồi nương nhiều nhưng đại bộ phận là nương du canh, luân canh, phân tán. Rừng núi có nhiều lâm sản, đặc sản quý nhưng do tị du canh, quảng

canh từ lâu để lại nên phần lớn đều bị tàn phá trở trụi, nơi có khả năng thuận tiện cho việc khai thác còn rất ít và ở xa, chưa có đường vận xuất.

Khí hậu trong tỉnh nói chung thuộc vùng nhiệt đới, nhưng có nhiều tiểu vùng khí hậu khác nhau, vùng cao có tính chất nhiệt đới. Do điều kiện khí hậu nên tạo ra khả năng gieo trồng được nhiều vụ trong năm và nhiều loại cây, con có giá trị kinh tế khác nhau ở từng vùng, song cũng có khó khăn là có nhiều loại kế hoạch, nhiều loại kỹ thuật đối với từng vùng và từng loại cây, con. Trong tỉnh có nhiều tài nguyên về khoáng sản, có trữ lượng lớn (apatit, đồng, garafite...) đã hoặc được chuẩn bị khai thác. Công nghiệp Trung ương, công nghiệp của địa phương từ năm 1960 đến nay được phát triển mạnh, có tác động thuận lợi cho việc phát triển kinh tế, văn hóa và các mặt khác trong tỉnh.

Nguồn thủy lực trong tỉnh tương đối nhiều: có sông Hồng, sông Chảy chảy qua, có nhiều khe suối. Do đó, mạng lưới thủy nông, thủy điện, cơ khí nhỏ trong tỉnh có điều kiện để phát triển.

Những đặc điểm thuận lợi có nhiều nhưng cũng có nhiều mặt khó khăn, phức tạp. Vùng cao chiếm đại bộ phận đất đai nhưng mùa đông rét kéo dài, thường có sương mù, có nơi có sương muối, có tuyết rơi nhiều và cường độ lớn, đồi núi cao, địa hình dốc; ruộng đất bị xói mòn nghiêm trọng, lũ lớn thường xảy ra... Đó là những khó khăn ảnh hưởng lớn và trực tiếp đối với sản xuất nông, lâm nghiệp, chưa thể có đủ điều kiện để khắc phục trong một thời gian ngắn.

Tình hình giao thông vận tải trước đây rất khó khăn, từ ngày giải phóng Lào Cai (1950) đến nay, do việc tích cực làm đường giao thông của Trung ương và địa phương nên giao thông vận tải đã thuận tiện hơn trước rất nhiều. Tuy vậy, giao thông vận tải trong nông thôn nói chung, vùng cao nói riêng và từ huyện đến xã, từ xã nọ sang xã kia vẫn chưa có đường lớn nên còn trở ngại nhiều cho việc vận chuyển, đi lại...

Dân số trong tỉnh phát triển nhanh cả về tự nhiên và cơ học. Hiện nay nhân khẩu toàn tỉnh có gần 20 vạn, bao gồm hơn 20 dân tộc. Trong các dân tộc ít người thì dân tộc Mèo, dân tộc Dao đông nhất, dân tộc ít nhất là trên dưới 100 người như dân tộc Lô Lô và La Chí... Từ năm 1960 đến nay, do sự phát triển các mặt, số cán bộ, công nhân viên và số đồng bào miền xuôi lên công tác và tham gia phát triển kinh tế - văn hóa miền núi ngày càng đông nên dân số dân tộc Kinh đã tăng nhanh và hiện nay đã chiếm đông nhất so với các dân tộc khác. Tuy vậy các dân tộc ít người vẫn giữ vị trí chủ yếu trong tỉnh, vẫn chiếm đa số (61%) so với dân số chung, cư trú ở địa bàn rộng khắp trong tỉnh.

Các dân tộc ít người, nói chung cư trú theo vùng, phân tán, xen kẽ, thường ở theo dòng họ (dân tộc Mèo), theo ngành (dân tộc Mèo và Dao). Vùng thấp, chủ yếu là các dân tộc Dáy, Tày, Nùng; vùng cao, chủ yếu là các dân tộc Mèo, Dao.

Các dân tộc vốn có truyền thống đoàn kết và đấu tranh, có tinh thần tương trợ giúp đỡ nhau, có lòng tự hào dân tộc; tính tình cương trực, chất phác, thực thà, đơn giản, dễ tin nhưng cũng dễ nghi và còn nặng tính bình quân.

Về mặt mâu thuẫn dân tộc, do âm mưu chia rẽ các dân tộc của đế quốc, làm cho các dân tộc mâu thuẫn thành kiến sâu sắc (có vụ nghiêm trọng nhất là giữa các dân tộc ít người với dân tộc Kinh), trải qua nhiều cuộc vận động giáo dục, đến nay những mâu thuẫn dân tộc căn bản đã được giải quyết, tình đoàn kết giữa các dân tộc ngày càng được củng cố và tăng cường. Tuy vậy, ở từng nơi, từng lúc vẫn còn xảy ra những hiện tượng thành kiến, nghi ngờ nhau, thường biểu hiện ở mối quan hệ về cư trú xen kẽ, trong hợp tác xã xen ghép nhiều dân tộc... Ngoài ra, do đồng bào các dân tộc ít người sống giáp biên giới Trung Quốc nên các dân tộc có mối quan hệ thường xuyên và có ảnh hưởng lẫn nhau trên nhiều mặt với nhân dân bên bạn (Trung Quốc).

Trình độ xã hội, kinh tế, văn hóa trong các dân tộc ít người nói chung còn thấp và chênh lệch nhau. Trình độ kinh tế và sản xuất của các dân tộc ngày càng tiến bộ nhưng nói chung vẫn còn mang nặng tính chất tự nhiên, tự túc, tự cấp, quảng canh, du canh.

Phong tục tập quán của mỗi dân tộc khác nhau, có những mặt tốt và tiến bộ song còn tồn tại nhiều tàn dư của chế độ, của mối quan hệ dân tộc, dòng họ, làng bản còn nặng nề, vai trò của các cụ già trưởng họ, thầy mo, thầy cúng và tầng lớp trên còn ảnh hưởng lớn. Có những việc, quần chúng còn lẫn lộn chưa nhận biết được đúng sai theo quan điểm, lập trường của giai cấp công nhân; ý thức đối với Tổ quốc chưa cao, mê tín, dị đoan còn phổ biến; một số phong tục tập quán lạc hậu còn tồn tại sâu sắc và dai dẳng đó là những trở ngại đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - văn hóa và các mặt khác trong dân tộc.

Tình hình chính trị trong tỉnh cũng có những đặc điểm phức tạp: Pháp, Nhật, Việt Nam quốc dân đảng, rồi Pháp lại tái chiếm, sau khi ta giải phóng thì phải nổi liên tiếp và kéo dài. Những biến cố đó gây tâm lý không ổn định và làm cho quần chúng dễ nghi ngại. Đến nay, những tư tưởng, tâm lý này đã được căn bản giải quyết, nhân dân các dân tộc ngày càng tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, Chính phủ và chế độ mới - chế độ xã hội chủ nghĩa.

Cơ sở đảng trong tỉnh trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945 chưa có, mới được phát triển mạnh từ 1960 trở lại đây. Các tổ chức đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng hiện nay đã có ở khắp các thôn, xã, song nhìn chung còn yếu về nhiều mặt, nhất là ở vùng cao biên giới, nơi xa xôi, hẻo lánh.

Tóm lại, đặc điểm của Lào Cai là một tỉnh miền núi, nhiều dân tộc, có nhiều khả năng to lớn, tiềm tàng, có nhiều điều kiện về tự nhiên thuận lợi để phát triển kinh tế, đặc biệt là có ưu thế phát triển chăn nuôi, nghề rừng, trồng cây công nghiệp. Song, đặc điểm bao trùm và nổi bật nhất là một tỉnh vùng cao còn du canh du cư, còn mang nặng tính chất tự nhiên, tự cấp, tự túc trong sản xuất,

trình độ các mặt nói chung còn thấp, do đó còn nhiều khó khăn lớn chưa thể khắc phục trong một thời gian ngắn. Đặc điểm này đã và đang chi phối toàn diện, gây nhiều trở ngại đối với yêu cầu đưa nhanh, đưa mạnh nền kinh tế và xã hội các dân tộc trong tỉnh tiến lên chủ nghĩa xã hội, trước hết là đối với việc thực hiện ba cuộc cách mạng: cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa trong các dân tộc.

Phần thứ hai

KIỂM ĐIỂM, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CÁC MẶT CHỦ YẾU QUA HƠN 10 NĂM THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC CỦA ĐẢNG

Qua hơn 10 năm phấn đấu thực hiện đường lối và các chủ trương, chính sách do Trung ương đề ra, đến nay tình hình trong tỉnh đã có nhiều chuyển biến lớn lao, có ý nghĩa lịch sử chưa từng có nhưng đồng thời cũng còn nhiều khó khăn, nhược điểm, khuyết điểm cần phải tiếp tục khắc phục.

I. VỀ PHONG TRÀO HỢP TÁC HÓA NÔNG NGHIỆP

Với nhận thức con đường hợp tác hóa, đưa các dân tộc tiến lên chủ nghĩa xã hội dù ở miền xuôi cũng như miền núi là con đường tất yếu duy nhất, do đó trong cuộc vận động hợp tác hóa kết hợp với hoàn thành cải cách dân chủ (1959 - 1960) ở khắp các vùng, các dân tộc đều tiến hành xây dựng hợp tác xã theo từng bước từ thí điểm mở rộng ra diện.

Sau khi xây dựng hợp tác xã, tuy có lúc gặp khó khăn, phong trào giảm sút, nhất là vùng cao nhưng Tỉnh ủy vẫn kiên trì bám chắc đường lối của Đảng, thường xuyên, liên tục có chủ trương, kế hoạch giữ vững và củng cố phong trào. Trải qua nhiều cuộc vận động xây dựng và củng cố, đến năm 1972 toàn tỉnh có 334 hợp tác xã,

gồm 17.576 hộ xã viên, chiếm 67,1% số hộ nông dân lao động toàn tỉnh, trong đó hợp tác xã (...) chiếm 68,8% số hộ xã viên. Tất cả (...) có hợp tác xã và nhiều nơi có nhiều dân tộc cùng tham gia trong một hợp tác. Đi đôi với xây dựng hợp tác xã, Tỉnh ủy đã tích cực phát triển một số nông - lâm trường quốc doanh, mạnh dạn đưa một số đồng bào các dân tộc ở lân cận vào các nông - lâm trường để giải quyết định canh, định cư.

Ở vùng thấp, các dân tộc Tày, Dáy, Nùng đã có 92,5% số hộ nông dân vào hợp tác xã. Số hợp tác xã khá chiếm 50,6%, có một số hợp tác xã có quy mô toàn xã, gồm nhiều dân tộc như Bản Vược (Dáy, Kinh), Xuân Giao (Tày, Dao, Dáy, Kinh), Nam Cường (Dáy, Kinh...). Số hợp tác xã đạt năng suất hai vụ 5 tấn thóc trở lên trên một ha gieo trồng mỗi năm tăng từ 22 hợp tác xã (1966) lên 53 hợp tác xã (1972). Có hợp tác xã đạt trên 9 tấn/ha (Bản Vược). Năng suất lúa toàn vùng thấp hiện nay đã đạt trên 5 tấn/ha.

Ở vùng cao phong trào hợp tác xã nói chung còn yếu kém nhiều mặt và có khó khăn hơn vùng thấp, nhưng cũng có một số hợp tác xã vẫn được duy trì, từng bước được củng cố. Một số hợp tác xã đang từng bước đi vào làm ăn theo phương hướng định canh, định cư, khai phá ruộng nương bậc thang, trồng cây công nghiệp, trồng rừng, làm thủy lợi... như hợp tác xã Bản Phố (Mèo ở Bắc Hà), Sâu Chua (Mèo ở Sa Pa), Tả Phìn (Mèo, Dao ở Sa Pa), Lũng Pâu (Pa Dí ở Mường Khương), Tả, Ngảo, Bàu Bàng (Dao, Kinh Bát Xát)...

Tình hình trên có thể kết luận rằng: quan hệ sản xuất mới, trong các dân tộc đã được xác lập rộng khắp và từng bước được củng cố. Vùng thấp phát triển nói chung tương đối vững chắc và ngày càng ổn định, bước đầu đã phát huy tính ưu việt của lối làm ăn tập thể. Nhưng ở vùng cao tình hình hợp tác xã bị sút kém và còn nhiều tồn tại, sản xuất chưa mạnh, đời sống xã viên còn khó khăn.

Sở dĩ phong trào chưa thật mạnh như trên là do: về mặt chủ quan sau khi xây dựng hợp tác xã, các cấp, các ngành (kể cả Tỉnh ủy) chưa lường hết được hết những khó khăn do các đặc điểm tự nhiên,

kinh tế và xã hội ở mỗi vùng, mỗi dân tộc, chậm nghiên cứu và tích cực tạo điều kiện vật chất cho các hợp tác xã có đủ (cơ sở sản xuất ổn định và trình độ quản lý, cốt cán bộ lãnh đạo), mới chỉ chú trọng và giáo dục chính trị tư tưởng, củng cố tổ chức.

Việc đi sâu nghiên cứu để tìm những hình thức và nội dung hợp tác xã phù hợp với điều kiện và trình độ ở mỗi vùng, mỗi dân tộc làm còn chậm. Việc mở rộng hợp tác xã ở một số nơi còn thiếu điều tra, xem xét điều kiện thực tế, nên trong những năm 1965 - 1966 tiến hành hợp nhất một số hợp tác xã theo quy mô toàn xã hoặc liên thôn chưa sát hợp, có nơi còn chủ quan, gượng ép, máy móc, rập khuôn. Do đó, sau khi hợp nhất cán bộ xã không tự quản lý được, một số hợp tác xã chia nhỏ lại như cũ, có nơi cố giữ nhưng thực chất sản xuất, kinh doanh cũng như phân phối hoa lợi vẫn theo hợp tác xã cũ.

Vấn đề xác định phương hướng sản xuất cho hợp tác xã còn nhiều lúng túng chưa ổn định, chưa phù hợp với ưu thế tự nhiên, khí hậu. Vì vậy nên chưa phát huy được cây, con, ngành nghề có ưu thế của từng vùng, từng hợp tác xã.

Sự chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền và các ngành đối với củng cố hợp tác xã trong những năm gần đây chưa mạnh, thiếu chặt chẽ, thường xuyên và tập trung dứt điểm, nhất là đối với vùng cao, chưa đi sâu tìm ra hình thức và nội dung hợp tác xã phù hợp.

Ngoài những khuyết điểm, tồn tại trên, về mặt khách quan cũng có nhiều khó khăn do điều kiện và hoàn cảnh thực tế của địa phương chi phối; do đó mặc dù tỉnh và các huyện đã có nhiều cố gắng tích cực xây dựng, củng cố phong trào nhưng vẫn chưa tạo được điều kiện để đưa các hợp tác xã tiến bộ mạnh mẽ, nhanh chóng.

II. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT VÀ KINH TẾ

Trong phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa của tỉnh hơn mười năm qua, Tỉnh ủy đã luôn luôn đặt

nhiệm vụ phát triển nông - lâm nghiệp lên hàng đầu, trong đó có cây lương thực là trọng tâm, đồng thời từng bước phát huy ba thế mạnh của miền núi là phát triển cây công nghiệp, cây đặc sản, chăn nuôi và nghề rừng.

Từ phương hướng trên, việc quy vùng sản xuất được đặt ra từ các năm 1963 - 1964. Quá trình tiến hành đến nay đã đi từ tổng quát đại thể và đang đi vào quy hoạch cụ thể, từng bước xác định rõ những cây, con chủ yếu và cơ cấu cây trồng cho từng vùng. Trong kế hoạch phát triển nông nghiệp, đã chú trọng thâm canh, tăng vụ xuống ruộng và lên nương, mạnh dạn áp dụng giống mới có năng suất cao. Ngoài việc tăng thêm vụ đã thành tập quán cây lúa xuân ở vùng thấp thì việc tăng vụ đậu tương, mì, seo ở vùng cao được đẩy mạnh. Thắng lợi có ý nghĩa lớn của giai đoạn đã qua ở vùng cao là vấn đề vận động quần chúng bỏ trồng cây thuốc phiện, bước đầu đưa các cây: đậu tương, cây thuốc, hạt rau giống, v.v. thay thế.

Về mặt vận dụng các chính sách đòn bẩy kinh tế để thúc đẩy sản xuất phát triển, Tỉnh ủy đã có nghiên cứu, đề ra những quy định sát hơn với điều kiện, hoàn cảnh thực tế của mỗi vùng, như quy định mức nghĩa vụ bán thịt lợn theo lao động ở hai vùng cao, thấp có khác nhau, hoặc như tích cực thực hiện chính sách giúp đỡ vốn, giống, lương thực, tư liệu sản xuất, v.v. cho các vùng sản xuất.

Việc xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật và cải tiến kỹ thuật ngày càng được chú ý thực hiện, nhất là trong cuộc vận động cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật trong các hợp tác xã vùng thấp và một số nơi thuộc vùng cao. Trong 10 năm qua đã xây dựng được 43 công trình thủy nông thuộc loại vừa (trong đó có 14 công trình ở vùng cao), mạng lưới thủy nông phát triển mạnh (mương, phai, hồ ao) đảm bảo tưới nước chắc chắn cho diện tích lúa mùa và lúa xuân (96 - 98% diện tích). Cơ sở sản xuất ổn định ở vùng cao từng bước được tăng thêm, đã khai hoang được 1.500 ha ruộng và nương bậc thang (trong đó gồm 840 ha ruộng). Các cơ sở vật chất kỹ thuật khác như kho, sân phơi, quạt, hòm, phương tiện vận tải và công cụ

cải tiến... cũng đã có một số. Các cơ sở nghiên cứu thực nghiệm khoa học kỹ thuật nông nghiệp (lợn, cá, ong mật, dự tính dự báo sâu bệnh, giống cây trồng ở các vùng khác nhau) cũng được xây dựng một số trạm, trại và từng bước phát triển rộng.

Kết quả của những chủ trương, biện pháp trên đã đưa sản xuất cây lương thực ngày một tăng lên rõ rệt. Diện tích cây lương thực năm 1970 so với năm 1960 tăng 70% (12.390 ha), sản lượng từ 30.440 tấn năm 1960 lên 48.240 tấn năm 1970, 54.074 tấn năm 1972; đặc biệt sản lượng màu năm 1970 tăng gấp 3 lần so với năm 1960. Vùng thấp sản xuất ngày càng đi vào thế ổn định vững chắc. Lúa lai ở vùng thấp đã đạt trên 5 tấn/ha, nhiều hợp tác xã đạt 6 đến 7 tấn.

Các cây công nghiệp, cây đặc sản được phát triển theo vùng tập trung và theo hướng chuyên canh. Một số cây đã dần dần hình thành từng vùng rõ rệt (mía, hạt rau, cây thuốc, chè, dưa, v.v.). Diện tích cây công nghiệp, cây đặc sản năm 1970 so với năm 1960 tăng 99,3%; giá trị sản lượng từ 575 ngàn đồng năm 1960 lên 1 triệu 507 ngàn đồng năm 1970 (tăng 162%); sản phẩm hàng hóa bước đầu đã có như mía, thảo quả, hạt rau su hào giống, chè và cây thuốc, dưa, v.v..

Đi đôi với trồng trọt, chăn nuôi nói chung được chú ý phát triển, đàn gia súc từ 1960 đến 1970 đều tăng: Trâu 32%, ngựa 72%, bò tăng gấp hơn 5,2 lần; lợn bình quân hàng năm tăng 6,6%. Các cơ sở chăn nuôi tập thể của hợp tác xã và nông trường quốc doanh được xây dựng và ngày càng củng cố, một số cơ sở đã phát triển như đàn lợn ở hợp tác xã Cam Đường, đàn bò ở hợp tác xã Tả Ngảo, trại lợn giống Bát Xát, nông trường Đản Khao. Kết quả đàn gia súc phát triển, đã cung cấp cho nhu cầu về thịt trong tỉnh ngày càng tốt hơn trước và hằng năm cung cấp về miền xuôi hàng ngàn trâu cày kéo.

Đối với nghề rừng, luôn luôn được đề cập và từng bước có tiến bộ. Phong trào trồng cây trong các dân tộc có một số điển hình tốt

như: Tày, Nùng, Hán ở Na Hối (Bắc Hà), Mèo và Dao ở Thanh Kim (Sa Pa), Mèo và Hán ở Pha Long (Mường Khương), Dáy và Kinh ở Cốc San (Bát Xát). Kết quả 10 năm (cả nhân dân và quốc doanh) đã trồng được 5.524 ha năm 1971, so với năm 1960 tăng 23,7 lần. Sau khi thí điểm đưa nghề rừng vào hợp tác xã quản lý kinh doanh (1965 - 1966), nay đang được mở rộng việc tổ chức nghề rừng trong hợp tác xã gắn với việc thực hiện phương án định canh, định cư.

Song song với phát triển nông - lâm nghiệp, tình hình xây dựng và phát triển công nghiệp địa phương, giao thông vận tải trong tỉnh cũng được tích cực đẩy mạnh. Vì vậy chỉ trong một thời gian ngắn, hàng chục xí nghiệp sản xuất các mặt hàng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống đã nhanh chóng được xây dựng, ngày càng mở rộng như cơ khí, đường, rượu, giấy, sành sứ, thực phẩm, dược phẩm, xi măng... Các điểm cơ khí nhỏ phục vụ xây xát, chế biến nông sản, kết hợp thủy điện, thủy luân trong nông thôn bước đầu được xây dựng (kể cả một số cơ sở ở vùng cao). Các tuyến đường giao thông lớn trong tỉnh được sửa chữa, mở rộng và làm mới như đường ô tô từ Lán Tây - Bắc Hà, Bắc Hà - Si Ma Cai, Mường Khương - Pha Long, v.v.. Điểm nổi bật là một số cầu treo qua các con suối lớn được xây dựng (Mường Hum, Gia Phú, v.v.), đặc biệt đã làm được cầu treo Bảo Nhai - một công trình thuộc kiểu mới đầu tiên xây dựng trên miền Bắc, do Bộ Giao thông thiết kế và do cán bộ và công nhân của Lào Cai thi công.

Từ kết quả của sản xuất phát triển, nên đời sống nhân dân các dân tộc đã từng bước được cải thiện, có mặt, có nơi được nâng cao rõ rệt. Mức thu nhập bình quân nhân khẩu trong tháng mỗi năm một tăng (năm 1960 với 1970, vùng cao tăng 53,8%, vùng thấp 66,9%), số lương thực nhà nước phải bán ra để cứu đói ngày một giảm (1961 bán 543 tấn, 1970 bán 244 tấn). Quần áo, chăn đắp của nhân dân các dân tộc được lành lặn hơn. Sức khỏe ngày càng được tăng cường. Các đồ dùng cần thiết trong gia đình, nhiều nhà đã

sắm được tương đối đầy đủ, nhà ở làm được chắc chắn và rộng rãi hơn trước. Đặc biệt là nhân dân các dân tộc sống xung quanh thị trấn, thị xã, một số gia đình còn sắm được xe đạp.

Tóm lại, trải qua hơn 10 năm phấn đấu thực hiện, nền kinh tế trong tỉnh đã có sự chuyển biến tiến bộ lịch sử: Từ một tỉnh công nghiệp không có gì, từ nền sản xuất tự nhiên, tự túc, tự cấp, độc canh, phân tán, quảng canh du cư, nay đã có công nghiệp địa phương và giao thông vận tải bước đầu được xây dựng; nông nghiệp dần dần phát triển theo hướng thâm canh, định canh, định cư, sản xuất tập trung theo vùng và bước đầu có sản phẩm hàng hóa; nạn đói lưu niên được giải quyết căn bản; đời sống nhân dân nói chung được cải thiện rõ rệt.

Nhưng bên cạnh những thành tích kết quả trên, nền kinh tế trong tỉnh cũng còn yếu và nhiều tồn tại; sản xuất phát triển chưa thật toàn diện, cân đối giữa các vùng, các ngành. Phương thức làm ăn nói chung chưa thoát khỏi tính chất tự nhiên, tự túc, tự cấp, quảng canh sản xuất nhỏ; năng suất cây trồng nói chung còn thấp, bấp bênh. Nghề rừng còn yếu, tiến bộ chậm, tẽ phá rừng làm nương rẫy chưa được chấm dứt. Tình trạng du canh du cư vẫn còn. Cơ sở và điều kiện vật chất phục vụ sản xuất chưa được nhiều. Các ưu thế ở mỗi vùng chưa được phát huy mạnh; nông sản hàng hóa còn ít và phân tán. Sản xuất và phong trào hợp tác hóa ở vùng cao, vùng dân tộc Mèo, Dao thì còn nhiều mặt yếu. Lương thực cũng còn có nơi thiếu ăn lúc giáp hạt. Đời sống trên một số mặt của đồng bào vùng cao còn khó khăn.

Nguyên nhân của những mặt yếu và tồn tại trên là do nền kinh tế trong tỉnh vốn lạc hậu, trình độ mọi mặt trong các dân tộc nói chung còn thấp và chênh lệch giữa các vùng, các dân tộc. Cơ sở sản xuất ổn định có ít (ruộng nương định canh ít, nương du canh nhiều). Sản xuất còn bị phụ thuộc lớn vào thiên nhiên (thời tiết khắc nghiệt, lũ lở đột ngột thường xảy ra). Trong tỉnh nói chung, vùng cao nói riêng là thiếu lương thực, nên những năm qua mới

chỉ tập trung được vào mặt phát triển cây lương thực để đảm bảo cho người nhưng vẫn chưa đủ, chưa có điều kiện để đi vào phát huy thế mạnh: chăn nuôi, nghề rừng, cây công nghiệp.

Song về mặt lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện của các cấp, các ngành trong tỉnh còn có những thiếu sót: Việc nắm sâu và vận dụng các đặc điểm, điều kiện về tự nhiên, kinh tế và xã hội trong từng vùng, từng dân tộc chưa đầy đủ. Việc xác định phương hướng sản xuất và cơ cấu cây trồng nói chung chưa sát hợp và cụ thể cho từng vùng, từng hợp tác xã; nơi có phương hướng được xác định đúng thì việc bám vùng, bám cây, con và tạo mọi điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật để đảm bảo thực hiện vẫn chưa tốt. Có vùng cấp ủy địa phương đã có lúc thiếu kiên trì thực hiện phương hướng đã xác định, nên muốn bỏ cây này thay cây khác. Việc chỉ đạo cụ thể có mặt chưa có quyết tâm cao, thiếu tập trung dứt điểm. Việc quan tâm đầu tư giúp đỡ về các mặt đối với vùng cao của các cấp, các ngành nói chung chưa đầy đủ; có vấn đề thuộc chính sách nhưng chưa được tích cực nghiên cứu để đề nghị với Trung ương giải quyết; có việc đã có chính sách rõ ràng nhưng thực hiện còn thiếu sót.

III. TÌNH HÌNH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA - GIÁO DỤC TRONG TỈNH

Từ nhận thức: xây dựng và phát triển văn hóa, giáo dục là một nhiệm vụ hết sức quan trọng trong công cuộc cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền núi, nó càng có vị trí cấp bách, cho nên Tỉnh ủy đã có những cố gắng lớn trong việc xây dựng và phát triển giáo dục, y tế, văn hóa như đề ra Nghị quyết 18 về phát triển chữ Mèo, Nghị quyết 49 (đẩy mạnh phong trào giáo dục), v.v..

Trong quá trình thực hiện một số phong trào được phát động và thu kết quả khá như: cuộc vận động tổng công kích diệt dốt, thanh toán nạn mù chữ, bằng cả chữ quốc ngữ và chữ Mèo

(1964 - 1965); phong trào bổ túc văn hóa 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965); vận động cải tạo phong tục tập quán trong các dân tộc ở vùng cao cũng như ở vùng thấp, v.v..

Những thắng lợi nổi bật đã đạt được: Năm 1964 - 1965 căn bản thanh toán nạn mù chữ trong toàn tỉnh. Đến cuối năm 1966 hoàn thành vượt mức kế hoạch bổ túc văn hóa 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965). Hơn mười năm qua đã thanh toán nạn mù chữ cho 16.438 người, trong đó có 9.000 người Mèo được thanh toán bằng chữ dân tộc Mèo, so với 1960 tăng 5,2 lần. Đến cuối 1969 toàn tỉnh đã có 78% số cán bộ, đảng viên, thanh niên có trình độ lớp 1 - 2, riêng nông thôn vùng dân tộc Tày, Dáy có trình độ phổ biến lớp 2; vùng dân tộc Mèo, Dao có một số đã học đến lớp 4, lớp 5. Các xã trong tỉnh nói chung đã có trường phổ thông cấp I. Hầu hết các xã vùng thấp và 2 xã vùng cao và giữa có trường cấp II. Ở 2 thị xã và các huyện (trừ Si Ma Cai) đã có trường cấp III. Số học sinh là con em các dân tộc năm 1970 so với 1960 tăng 1,7 lần (nếu so với thời Pháp thuộc thì gấp 100 lần). Dân tộc Tày số học sinh ở cả 3 cấp đã chiếm tới 11,7% so với dân số của dân tộc đó. Một tiến bộ có ý nghĩa lịch sử của các dân tộc là trong một số dân tộc ít người đã có một số con em đang học hoặc đã tốt nghiệp đại học trong nước và đi học ở nước ngoài (tuy số lượng còn ít, mới có 25 người).

Đi đôi với công tác thanh toán nạn mù chữ, bổ túc văn hóa và phổ thông, các trường, lớp tập trung để đào tạo văn hóa cho con em các dân tộc đã có sự chú trọng xây dựng và phát triển thành hệ thống, như: trường Thiếu nhi vùng cao, Thanh niên dân tộc, bổ túc công nông, Sư phạm I, II và Sư phạm chữ Mèo. Đội ngũ giáo viên người dân tộc ít người địa phương tăng lên rõ rệt: Năm 1960 chỉ mới có 15 người, đến năm 1970 đã có 191 người (tăng gấp 12 lần).

Về lĩnh vực văn hóa, mạng lưới loa đài truyền thanh đã xây dựng được và ngày càng phát triển ở tỉnh và các huyện. Ngoài rạp chiếu bóng ở thị xã, các đội chiếu bóng lưu động của các huyện phục vụ nông thôn đã được xây dựng. Các hoạt động văn hóa (báo

chí, sách báo, tranh ảnh, văn công, v.v) ngày một phát triển và từng bước đi sâu xuống cơ sở phục vụ quần chúng các dân tộc. Việc cải tạo các phong tục, xây dựng nếp sống văn minh đã có nhiều tiến bộ. Một số tập tục lạc hậu so với trước đã giảm bớt. Một số nơi đã có phong trào văn hóa, cải tạo phong tục tập quán, xây dựng nếp sống mới (Dao đỏ, Dao tuyến ở xã Tả Ngảo và thôn Vĩ Kẽm thuộc huyện Bát Xát). Nạn nghiện hút thuốc phiện căn bản được giải quyết.

Phong trào vệ sinh phòng bệnh, công tác y tế cũng từng bước phát triển. Đến nay hầu khắp các xã trong tỉnh có trạm y tế xã (riêng vùng cao có 77 trạm xá); nhiều khu vực có bệnh xá; tỉnh và các huyện đều có bệnh viện. Đội ngũ cán bộ người dân tộc ít người làm công tác y tế cũng được chú ý đào tạo từ không đến có, từ ít đến nhiều (nay có 65 y sĩ). Trong dân tộc Xá Phố, Mèo cũng đã có người làm y sĩ. Vùng cao đã có 67 y sĩ và y sĩ ở trên tăng cường về hoạt động ở 55 xã. Công tác phòng, chữa bệnh có nhiều tiến bộ hơn trước. Một số bệnh hiểm nghèo được giải quyết căn bản. Nạn hữu sinh vô dưỡng trong đồng bào các dân tộc (đặc biệt là đồng bào Dao tuyến) đã được đẩy lùi. Tỷ lệ người chết giảm dần từ 1,96% (1960) xuống 1,21% (1969).

Kết quả các mặt văn hóa - xã hội trên đã góp phần củng cố quan hệ sản xuất mới, thúc đẩy sản xuất phát triển, từng bước nâng cao trình độ, văn hóa và kiến thức khoa học kỹ thuật, từng bước nâng cao đời sống tinh thần và sức khỏe cho nhân dân, đưa tốc độ tăng dân số của dân tộc ít người phát triển nhanh chóng, từ 86.000 người năm 1960 lên 120 ngàn người năm 1970 (tăng 51%).

Tuy nhiên, bên cạnh những tiến bộ trên các sự nghiệp về văn hóa, xã hội còn nhiều mặt yếu, chưa đáp ứng yêu cầu đòi hỏi, nói chung vẫn ở trình độ thấp. Số trẻ em đi học còn ít, đặc biệt là học lên cấp II, III và dân tộc Mèo, Dao lại càng ít (học sinh cấp III là dân tộc ít người mới có 1,2% so với số học sinh ở cả ba cấp). Số người lớn chưa biết chữ và tái mù chữ còn nhiều (39.000 người).

Phong trào vệ sinh phòng bệnh trong nông thôn, nhất là vùng cao, còn quá yếu. Một số phong tục tập quán lạc hậu, mê tín dị đoan còn nặng, có mặt ở một số dân tộc còn tồn tại sâu sắc. Tệ nghiện hút thuốc phiện gần đây lại tái diễn trong một số người ở một số nơi thuộc vùng cao. Phong trào hoạt động văn hóa trong nhân dân các dân tộc nói chung còn kém. Riêng ở vùng cao, tình hình phát triển văn hóa - xã hội còn rất yếu, có nơi phong trào bị giảm sút chưa đẩy lên được (như phong trào giáo dục).

Còn những tồn tại trên là do trình độ văn hóa, xã hội trong địa phương vốn từ lâu bị thấp kém để lại, quan hệ sản xuất mới chưa vững chắc; kinh tế vùng cao phát triển chậm, đời sống vật chất ở vùng cao chưa được nâng lên nhiều.

Song, khuyết điểm về phía lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành là chưa gắn liền, chặt chẽ các mặt văn hóa, giáo dục, y tế... Việc xây dựng củng cố hợp tác xã, đẩy mạnh sản xuất, xây dựng nếp sống mới, con người mới; việc nghiên cứu, vận dụng thực hiện các chế độ, chính sách để khuyến khích và sự giúp đỡ, đầu tư mọi mặt của Nhà nước vào công tác văn hóa - xã hội đối với nông thôn vùng dân tộc ít người còn ít.

Việc tổ chức thực hiện của các ngành có trách nhiệm còn thiếu đi sâu vào từng vùng, từng dân tộc; do đó, trong việc xây dựng, phát triển và củng cố phong trào văn hóa, giáo dục, y tế còn nhiều biểu hiện máy móc, dập khuôn, đồng loạt, không thích hợp với điều kiện, hoàn cảnh, trình độ, tâm lý xã hội của từng vùng, từng dân tộc. Có việc, có nơi tư tưởng chỉ đạo còn chạy theo số lượng, mệnh lệnh nên gò ép, xây dựng phong trào không bền vững, như việc cải tạo phong tục tập quán ở một số nơi thuộc vùng cao, v.v..

IV. XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ DÂN TỘC ĐỊA PHƯƠNG

Việc vận dụng đường lối, phương châm, chính sách xây dựng Đảng và công tác cán bộ nói chung sát hợp với đặc điểm khác nhau

ở mỗi dân tộc, mỗi vùng và được gắn liền với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị ở cơ sở.

1. Về xây dựng Đảng

Cơ sở Đảng trong các dân tộc từ chỗ hầu hết các xã vùng cao và nhiều xã vùng thấp chưa có, nhiều dân tộc chưa có đảng viên, đến nay đã có ở khắp các xã, các dân tộc trong tỉnh. Hiện nay xã nào cũng có chi bộ, một số xã đã thành lập đảng ủy (110 chi bộ xã và 13 đảng bộ cơ sở). Số đảng viên dân tộc ít người ngày càng tăng (có 2.405 đảng viên) so với năm 1960 tổng số đảng viên đã gấp 2,83 lần. Vai trò lãnh đạo của Đảng ở cơ sở, tính tiên phong gương mẫu của đảng viên được nâng lên từng bước.

Kết quả trên là một nhân tố quyết định mọi thắng lợi cách mạng của Đảng bộ Lào Cai trong những năm qua và khẳng định sự lãnh đạo của Đảng, trình độ giác ngộ chính trị của các dân tộc được nâng lên rõ rệt, quyền bình đẳng chính trị được thể hiện cụ thể.

Tuy nhiên, trong công tác xây dựng Đảng còn bộc lộ những tồn tại, thiếu sót là: Số lượng đảng viên các dân tộc ít người còn ít (mới chiếm 32% trong tổng số đảng viên toàn tỉnh) và phân bố không đều giữa các vùng, các dân tộc, đảng viên dân tộc Mèo, Dao càng ít hơn và tỷ lệ còn quá thấp so với dân số của dân tộc đó (Mèo 1,33%, Dao 2,14%). Vai trò và trình độ lãnh đạo của các cơ sở đảng nói chung còn yếu, nhất là vùng cao và giữa. Nhiều chi bộ nông thôn chưa tự động công tác. Trình độ các mặt của nhiều đảng viên chưa theo kịp yêu cầu của tình hình mới. Giác ngộ về Đảng của đảng viên dân tộc ít người nói chung còn thấp.

Còn những tồn tại trên là do: Có những đặc điểm khó khăn thực tế khách quan, nhưng về mặt chủ quan thì còn có những khuyết điểm, thiếu sót: Nhận thức của các cấp ủy đảng có lúc còn biểu hiện chưa quán triệt đầy đủ yêu cầu, nhiệm vụ của công tác xây dựng Đảng vào quần chúng các dân tộc, chưa nắm vững Chỉ thị 121 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Chỉ thị 39 của Tỉnh ủy, v.v.. Việc

phát triển đảng viên mới có nơi, có lúc còn biểu hiện chạy theo số lượng, hoặc ngược lại, một số chi bộ 3-4 năm liền không phát triển thêm đảng viên nào. Công tác giáo dục bồi dưỡng đảng viên làm còn quá ít, chưa chú trọng bồi dưỡng nâng cao chất lượng, chưa tích cực mở lớp huấn luyện cho đảng viên ở cơ sở.

Trong chỉ đạo thực hiện, việc gắn liền nhiệm vụ xây dựng Đảng với nhiệm vụ chính trị từng thời gian có nơi, có lúc cũng chưa chặt chẽ hoặc thiếu kết hợp giữa nhiệm vụ xây dựng Đảng về mặt tổ chức với mặt chính trị, tư tưởng.

Kế hoạch và biện pháp xây dựng Đảng cũng còn thiếu cụ thể, thiếu phương pháp vận dụng sát với từng nơi, từng dân tộc, từng loại chi bộ. Đáng chú ý là việc xây dựng, củng cố cơ sở chọn lọc quần chúng tốt mà bồi dưỡng, kết nạp vào Đảng thì nhiều nơi làm còn kém. Việc đúc rút kinh nghiệm, việc huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác xây dựng Đảng cho từng vùng, từng dân tộc làm còn quá ít.

2. Về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dân tộc địa phương

Thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nói chung, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ địa phương nói riêng, Tỉnh ủy đã đề ra nhiều chủ trương, biện pháp tích cực. Qua thực tế đã có những hình thức đem lại kết quả tốt là: lựa chọn anh chị em các dân tộc đưa vào các tổ công tác ở xã và khu vực để kèm cặp; đưa con em các dân tộc vào trường Thanh niên dân tộc, Thiếu nhi vùng cao, Đội Thanh niên xung phong chống Mỹ, cứu nước để học hoặc vừa học vừa làm; củng cố và phát triển các trường bổ túc công nông, phổ thông lao động, v.v. để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ về văn hóa, chuyên môn nghiệp vụ. Đi đôi với bồi dưỡng về mặt văn hóa, chuyên môn, việc bồi dưỡng về chính trị, lý luận, đường lối, chính sách nói chung chưa được chú trọng thực hiện. Tỉnh, huyện đã tích cực mở các lớp học chính trị cho cán bộ và cử nhiều anh chị em đi học các lớp ở khu Việt Bắc và Trung ương.

Về mặt chấp hành đường lối, chính sách, Tỉnh ủy đã quan tâm mạnh dạn sử dụng, đề bạt, cất nhắc cán bộ dân tộc địa phương, chú ý giải quyết khó khăn về đời sống, vận dụng các chế độ, tiêu chuẩn và đãi ngộ, giúp đỡ sát với hoàn cảnh thực tế của địa phương, tạo điều kiện thuận lợi để anh chị em yên tâm công tác và học tập.

Từ những cố gắng trên, số cán bộ dân tộc địa phương thoát ly từ chỗ chỉ có rất ít, nay đã có một đội ngũ với số lượng ngày càng đông và tăng lên nhiều (1971 so với 1960 gấp 4,5 lần). Có dân tộc tăng nhanh (Mèo 7,1 lần, Tày 3,6 lần), có dân tộc trước chưa có cán bộ thoát ly nay đã có (Hà Nhì, Thù Lao, La Chí, Pa Dí). Điều đáng chú ý là hàng ngũ cán bộ trí thức khoa học, kỹ thuật và công nhân kỹ thuật người dân tộc địa phương đã hình thành và từng bước phát triển. Hầu hết các dân tộc trong tỉnh đã có người tham gia công tác trong nhiều ngành ở tỉnh, huyện. Số cán bộ dân tộc tham gia vào các chức vụ lãnh đạo Đảng, chính quyền ở các cấp, các ngành từ tỉnh đến huyện ngày một nhiều (220 đồng chí chiếm 17,3% trong tổng số cán bộ lãnh đạo trong tỉnh).

Song, đối chiếu với yêu cầu, đòi hỏi của cách mạng thì công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dân tộc địa phương còn nhiều tồn tại: Số lượng tuyệt đối tuy có tăng nhanh, nhưng tỷ lệ cán bộ dân tộc so với tổng số biên chế hiện có [...] lại giảm xuống tương đối (1960 chiếm 13,9% trong tổng số nay còn 11%), chưa cân đối giữa các ngành (cán bộ quản lý kinh tế quá ít) và phát triển không đều trong các dân tộc (hai dân tộc Mèo, Dao tỷ lệ cán bộ so với dân số của dân tộc đó còn thấp hơn các dân tộc ít người khác). Trình độ cán bộ dân tộc địa phương nói chung còn yếu về nhiều mặt, nhất là về trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật, quản lý kinh tế, do đó khả năng đảm đương nhiệm vụ của một số đông cán bộ còn bị hạn chế. Đáng kể nhất hiện nay là đội ngũ cán bộ cơ sở xã, hợp tác xã, nhất là ở vùng cao còn quá yếu, nhiều nơi chưa chủ động công tác. Cán bộ, công nhân viên nơi khác đến nhiều người chưa thực sự yên

tâm, phấn khởi công tác ở Lào Cai, nhất là số anh chị em công tác lâu năm ở cơ sở và số cán bộ, công nhân viên mới từ miền xuôi lên.

Còn những tồn tại trên do nhiều nguyên nhân: Về mặt công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dân tộc địa phương của các cấp, các ngành còn có những khuyết điểm là có nhiều đồng chí ngại khó, chưa có quyết tâm cao trong việc đào tạo cán bộ dân tộc địa phương. Quy hoạch và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ từ tỉnh đến các cấp, các ngành chưa xây dựng được cụ thể và toàn diện cho trước mắt và lâu dài. Việc sắp xếp, sử dụng còn chắp vá, bị động. Có cấp, có ngành, có lúc còn biểu hiện tư tưởng hẹp hòi, thành kiến trong việc cất nhắc, đề bạt cán bộ dân tộc địa phương. Ngược lại, có lúc, có nơi lại tùy tiện, thiếu bồi dưỡng rèn luyện cán bộ trước khi giao nhiệm vụ. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo ở huyện, xã thường thay đổi luôn, nhiều nơi cấm chốt chưa được chắc. Sau khi cất nhắc, đề bạt cán bộ dân tộc địa phương thường ít chú ý bồi dưỡng, huấn luyện cho anh chị em khả năng cần thiết, để đảm đương nhiệm vụ được giao.

Về phía bản thân cán bộ, kể cả địa phương và nơi khác đến, có một số đồng chí còn thiếu ý chí phấn đấu vươn lên, thiếu tinh thần khắc phục khó khăn, tinh thần học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ tư tưởng và năng lực công tác, để ngày càng tiến bộ. Một số cán bộ nơi khác đến, trong đó có một số cán bộ lãnh đạo chưa thực sự yên tâm, phấn khởi, tư tưởng xin chuyển vùng, chuyển về xuôi... còn biểu hiện tương đối phổ biến; do đó thiếu đi sâu vào quần chúng các dân tộc và không chịu học tiếng nói của dân tộc để làm tốt công tác được giao, v.v..

Việc chấp hành chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác cán bộ cũng còn có điểm, có trường hợp chưa thật sát hợp. Việc nghiên cứu để đề nghị với Trung ương bổ sung hoặc đề ra chế độ, chính sách mới nhằm khuyến khích tinh thần và vật chất đối với cán bộ hoạt động ở miền núi cũng chưa được quan tâm thích đáng.

Bên cạnh những thiếu sót thuộc về chủ quan trên, về mặt khách quan còn nhiều khó khăn chi phối. Đó là những khó khăn do tình hình đặc điểm của địa phương; do điều kiện sản xuất và đời sống còn thấp của nhân dân (nhất là vùng cao); do phong tục tập quán lạc hậu ràng buộc, do khả năng ngân sách của địa phương có hạn, v.v. chưa thể khắc phục trong thời gian ngắn.

Phần thứ ba

KẾT LUẬN VÀ NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHỦ YẾU

Qua hơn 10 năm thực hiện chính sách dân tộc của Đảng, đến nay đã thu được những thắng lợi cơ bản, đánh dấu một bước tiến lớn và có ý nghĩa lịch sử, sâu sắc đối với các dân tộc trong tỉnh, đó là:

Thắng lợi cơ bản của cuộc vận động quần chúng các dân tộc tiến hành xây dựng hợp tác xã nông nghiệp, kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ đã vĩnh viễn xóa bỏ chế độ người bóc lột người, đưa nông dân các dân tộc ở vùng cao đi vào con đường làm ăn tập thể xã hội chủ nghĩa. Các hợp tác xã nông nghiệp trong tỉnh được xây dựng căn bản là tốt và lành mạnh, từng bước tiến bộ và được củng cố, riêng ở vùng thấp càng đi vào nội dung chất lượng, nền nếp.

Về mặt kinh tế, từ một nền sản xuất nông nghiệp lạc hậu tự nhiên, tự cấp, tự túc, độc canh, du canh du cư, công nghiệp không có, giao thông vận tải rất khó khăn, nạn mù chữ trầm trọng, v.v. nay nông nghiệp đang đi lên nền sản xuất nhiều mặt, bước đầu làm ra sản phẩm hàng hóa. Công nghiệp địa phương bước đầu được xây dựng; giao thông vận tải, mạng lưới thủy lợi, thủy điện phát triển nhanh chóng. Nạn đói lưu niên ở một số vùng, một số bệnh tật trầm trọng, tệ nghiện hút thuốc phiện căn bản được giải quyết. Sự nghiệp văn hóa, giáo dục từng bước phát triển. Đời sống nhiều mặt của nhân dân các dân tộc được cải thiện hơn trước.

Cơ sở đảng phát triển rộng khắp ở các vùng, trong các dân tộc. Đội ngũ cán bộ địa phương ngày một nhiều, từng bước đảm đương nhiệm vụ chủ chốt ở các cấp, các ngành trong tỉnh. Chất lượng của chi bộ, cán bộ, đảng viên cũng được nâng lên dần.

Những kết quả trên đã làm cho quyền bình đẳng về các mặt giữa các dân tộc được thể hiện ngày càng cụ thể và thiết thực, có cơ sở vật chất bảo đảm. Mối quan hệ đoàn kết giữa các dân tộc ngày càng tốt đẹp và phát triển; mâu thuẫn dân tộc căn bản được giải quyết. Các dân tộc cùng nhau đoàn kết xây dựng hợp tác xã, đẩy mạnh sản xuất, xây dựng chế độ mới, chế độ xã hội chủ nghĩa.

Đạt được những thắng lợi trên, trước hết là do đường lối, chính sách đúng đắn của Trung ương và ngày càng có những chủ trương cụ thể nhằm khuyến khích giúp đỡ đồng bào các dân tộc ít người phát triển các mặt. Cán bộ, đảng viên người dân tộc địa phương cũng như nơi khác đến và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã cùng nhau chung sức, chung lòng khắc phục mọi khó khăn, gian khổ, nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, tinh thần cần cù lao động, v.v.. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy đã có những cố gắng, quyết tâm trong việc vận dụng thi hành các chủ trương, chính sách của Trung ương ở địa phương một cách đúng đắn, sinh động, đã đề ra các chủ trương, kế hoạch, biện pháp tương đối sát hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế ở các vùng, các dân tộc, có mặt vận dụng sáng tạo. Ưu điểm nổi bật là Tỉnh ủy đã nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, dám nghĩ, dám làm, tinh thần cách mạng tiến công, tin tưởng vào quần chúng các dân tộc, kiên trì bám chắc đường lối của Đảng, tích cực thực hiện ba cuộc cách mạng trong tỉnh.

Tuy nhiên, bên cạnh những thắng lợi đã đạt được, việc thực hiện chính sách dân tộc thể hiện trên các mặt công tác trong tỉnh còn nhiều thiếu sót, có mặt tồn tại nghiêm trọng. Những tồn tại chính là phong trào các mặt nói chung chưa phát triển vững chắc, chưa toàn diện, chưa đều giữa các vùng, các dân tộc. Sản xuất, đời

sống trong các dân tộc còn thấp và còn nhiều chênh lệch; ba ưu thế trong tỉnh chưa được phát huy mạnh mẽ. Sản phẩm hàng hóa trong nông nghiệp chưa nhiều. Chăn nuôi, nghề rừng phát triển chậm; đặc biệt là rừng còn bị tàn phá nghiêm trọng và kéo dài, tình trạng du canh, du cư còn khá phổ biến. Quan hệ sản xuất mới ở nông thôn nói chung còn yếu. Trình độ văn hóa của nhân dân các dân tộc còn thấp. Số người chưa biết chữ và trở lại mù chữ còn nhiều. Cán bộ dân tộc địa phương còn ít và trình độ các mặt so với yêu cầu còn thấp. Cơ sở xã nói chung còn nhiều mặt yếu, một số nơi quá yếu, cán bộ nơi khác đến một số chưa thực sự yên tâm, phấn khởi công tác.

Điều đáng chú ý là đất đai trong tỉnh là vùng cao, dân tộc Mèo, Dao là hai dân tộc có dân số đông nhất trong các dân tộc ít người, lại cư trú tập trung ở vùng cao, nhưng các mặt này ở vùng cao đều yếu, có nơi, có mặt trì trệ. Phong trào ở vùng cao nói chung sút kém, sản xuất, đời sống còn nhiều khó khăn. Sự đổi mới toàn diện ở vùng cao chưa thể hiện rõ nét.

Nguyên nhân của những nhược điểm, tồn tại trên, một phần do các đặc điểm về tự nhiên và xã hội... ở các vùng, các dân tộc trong tỉnh vốn do có nhiều khó khăn. Những đặc điểm, khó khăn đó đã và còn tiếp tục chi phối, hạn chế tốc độ phát triển về mọi mặt trong tỉnh. Nhưng về phía chủ quan lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành cũng có nhiều khuyết điểm, thiếu sót đáng kể. Các khuyết điểm, thiếu sót chính là: Nhận thức đối với vấn đề dân tộc, vấn đề miền núi, vấn đề vùng cao của các cấp, các ngành chưa đầy đủ, do đó có nhiều lúc chưa có ý thức gắn chặt chính sách dân tộc với các chủ trương, biện pháp cụ thể để thực hiện trong địa phương, trong ngành. Việc giáo dục chính sách dân tộc, phương châm công tác vận động quần chúng vùng dân tộc ít người, bồi dưỡng ý thức phục vụ quần chúng các dân tộc ít người, giáo dục tình hình đặc điểm ở vùng dân tộc cho cán bộ, công nhân viên nói chung và số cán bộ, công nhân viên mới đến công tác ở

Lào Cai chưa được quan tâm đúng mức, do đó trong các cấp, các ngành khi thực hiện các công tác còn biểu hiện chưa quán triệt, vận dụng đúng phương châm “kiên nhẫn, thận trọng, chắc chắn nhưng tích cực, khẩn trương”; có lúc, có việc còn thể hiện bảo thủ rụt rè hoặc “tích cực khẩn trương” nhưng “không chắc chắn”; có lúc còn chủ quan, không sát trong việc đánh giá tình hình trong việc đề ra chủ trương, kế hoạch công tác.

Về phía lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy còn một số nhược điểm, thiếu sót: Có vấn đề chưa nghiên cứu và đề ra được chủ trương và biện pháp cụ thể, đầy đủ. Việc tiến hành ba cuộc cách mạng trong nông thôn có nơi, có lúc thiếu chỉ đạo gắn chặt, đồng thời với nhau. Việc đầu tư giúp đỡ về mọi mặt và tập trung các ngành, hướng mạnh vào phục vụ thúc đẩy phong trào nông thôn, vùng cao còn ít và còn yếu. Những chính sách, chế độ đã có đối với miền núi nói chung, vùng cao nói riêng có những điểm chưa có sự chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc thực hiện một cách chặt chẽ, cụ thể; thiếu tích cực nghiên cứu, đề nghị với Trung ương có những chính sách mới hoặc bổ sung cho sát hợp. Công tác điều tra nghiên cứu các mặt trong các dân tộc một cách sâu sắc và có hệ thống chưa thật sự được coi trọng. Có vấn đề khi thực hiện còn lúng túng, chưa tìm được nội dung, hình thức sát hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế, nên chưa dám mạnh dạn quyết đáp. Có lúc, có việc còn biểu hiện chủ quan, máy móc, rập khuôn, quy mô hình thức. Nhiều việc khi tiến hành chưa có sự chỉ đạo tập trung, có trọng điểm và dứt điểm, thiếu theo dõi chặt chẽ và không tổng kết rút kinh nghiệm được đầy đủ.

Về tổ chức - cán bộ có mặt chưa được tích cực giải quyết, trình độ của các tổ chức ở cơ sở xã, hợp tác xã nhất là vùng cao nói chung còn thấp; nhiều xã, nhiều hợp tác xã chưa tự đảm đương được công việc. Tư tưởng của cán bộ, công nhân viên chức các ngành tỉnh, huyện nói chung, kể cả một số cán bộ lãnh đạo còn ngại đi xuống cơ sở. Cũng vì vậy, có chủ trương, chính sách không được quán triệt sâu rộng xuống quần chúng các dân tộc. Trong các đợt vận

động quần chúng, tỉnh và huyện đều cử nhiều cán bộ xuống giúp cơ sở nhưng đa số làm việc theo kiểu hành chính đơn đốc công việc chung, chưa đi sâu vào công tác quản lý của hợp tác xã để giúp đỡ thiết thực; một số anh chị em trong tư tưởng còn khúc mắc nên thiếu yên tâm, phấn khởi, thiếu nhiệt tình, hăng say hoàn thành nhiệm vụ.

Về mặt chính sách cũng còn một số vấn đề chưa được giải quyết hoặc đề ra chậm như chính sách lương thực đối với vùng không có khả năng tự giải quyết, bổ sung chính sách, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ công tác ở miền núi. Việc đầu tư trang bị kỹ thuật, vốn, nhân lực còn ít, v.v..

Qua kiểm điểm, đánh giá ở các phần trên, sơ bộ rút ra một số bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng ở địa phương như sau:

1. Nắm vững tình hình đặc điểm mọi mặt từng vùng, từng dân tộc đồng thời quán triệt chính sách, phương châm ở vùng dân tộc miền núi nói chung, đặc biệt là ở vùng cao nói riêng là vấn đề cơ bản, bao trùm đối với tất cả các công tác, trong mọi lĩnh vực hoạt động của các cấp, các ngành. Đây là vấn đề có tính chất nguyên tắc, đồng thời thực tế đã chứng minh trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ cách mạng từ trước đến nay. Quán triệt được vấn đề này trong nhận thức và hành động cụ thể thì mới có thể vận dụng đường lối, chính sách, phương châm trong từng thời gian sát với tình hình, đặc điểm của vùng dân tộc, từng nơi, từng lúc.

Thực tế trên đã được thể hiện rất rõ trong việc xây dựng, củng cố phong trào hợp tác hóa nông nghiệp ở các vùng, các dân tộc, trong việc xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa, xây dựng Đảng và đào tạo cán bộ, v.v..

Nội dung cơ bản của chính sách dân tộc là đoàn kết, bình đẳng và tương trợ phải được thể hiện vào nội dung xây dựng và phát triển kinh tế - văn hóa, phải đảm bảo cho các dân tộc có lợi trong quan hệ kinh tế của quan hệ sản xuất mới. Ví dụ: dân tộc Dao và

Kinh ở xã Tả Ngảo và dân tộc Dáy - Kinh ở xã Bản Vược (huyện Bát Xát), dân tộc Tày - Kinh ở huyện Bảo Thắng, v.v. do kinh tế - văn hóa từng bước phát triển, sản xuất tăng, thu nhập của hợp tác xã và đời sống được đảm bảo cho nên sự đoàn kết giữa các dân tộc ở đó càng gắn bó, sự bình đẳng về quyền lợi cũng như nghĩa vụ trong các dân tộc được thể hiện rõ rệt.

Muốn nắm vững tình hình, đặc điểm một cách sâu sắc và có cơ sở khoa học thì vấn đề quan trọng là phải tích cực tiến hành công tác điều tra nghiên cứu tình hình, đặc điểm mọi mặt ở từng vùng, từng dân tộc, nhất là những điều kiện và khả năng về tự nhiên, kinh tế của địa phương. Có như vậy việc vận dụng thực hiện phương châm “kiên nhẫn, thận trọng, chắc chắn và tích cực, khẩn trương” mới có cơ sở và mới có thể khắc phục được tư tưởng nôn nóng, chủ quan, phiến diện hoặc tư tưởng bảo thủ, rụt rè, vịn vào đặc điểm khó khăn, không mạnh dạn tiến bước. Trong thời gian qua có lúc, có việc do công tác điều tra chưa kỹ lưỡng, vận dụng phương châm công tác và bước đi thiếu chắc chắn nên kết quả đem lại không như yêu cầu mong muốn. Ví dụ việc tiến hành hợp nhất hợp tác xã có nơi không nghiên cứu kỹ điều kiện tự nhiên và kinh tế, trình độ lãnh đạo của cán bộ cốt cán nên sau khi hợp nhất quản lý không tốt, lại phải chia nhỏ hoặc có nơi cố giữ, nhưng thực chất vẫn theo đội sản xuất, v.v..

2. Tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, lấy cách mạng kỹ thuật làm then chốt là đường lối chung trong cách mạng xã hội chủ nghĩa của cả miền Bắc. Ở vùng dân tộc miền núi, việc đồng thời tiến hành ba cuộc cách mạng có tầm quan trọng đặc biệt. Nội dung của ba cuộc cách mạng càng phải xoắn xuýt, gắn chặt với nhau, trong đó cách mạng kỹ thuật và cách mạng tư tưởng - văn hóa có vai trò củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất mới sau khi hợp tác xã được xây dựng.

Những năm qua, những nơi có hợp tác xã vững, tốt, sản xuất tăng, đời sống khá, làm tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước, y tế, văn

hóa phát triển, v.v. như hợp tác xã Lũng Thàng, xã Tả Ngảo, hợp tác xã Bầu Bàng xã Cốc Mỹ, huyện Bát Xát (dân tộc Dáy, Dao, Kinh); hợp tác xã Nam Cường huyện Bảo Thắng (dân tộc Dáy, Kinh), v.v. là do biết gắn liền với nhau giữa các mặt: xây dựng hợp tác xã, xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật, cải tiến kỹ thuật đồng thời đẩy mạnh giáo dục chính trị, văn hóa, bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý, trình độ văn hóa cho cán bộ và xã viên, xây dựng nếp sống văn minh, cải tạo phong tục tập quán lạc hậu.

Ngược lại, có nhiều hợp tác xã chỉ mới dừng lại ở công tác tuyên truyền giáo dục chính trị, tư tưởng và xây dựng thành khung hình hợp tác xã, còn các việc xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật, cải tiến kỹ thuật, bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý, trình độ văn hóa cho cán bộ, cốt cán... thì chưa làm tốt nên không củng cố được hợp tác xã. Hiện nay, tình hình hợp tác xã và sản xuất ở vùng cao còn yếu kém nên chưa phát triển mạnh được các phong trào học tập văn hóa, thanh toán nạn mù chữ, y tế, vệ sinh, nghĩa vụ quân sự, bảo vệ trị an, v.v..

Thực tiễn đã cho thấy: phong trào hợp tác hóa lúc đầu xây dựng nói chung dễ dàng, ít khó khăn hơn thời kỳ củng cố hoặc dân tộc ở vùng thấp cũng như ở vùng cao cũng đều có thể đưa nông dân vào hợp tác xã, nhưng điều cơ bản là hợp tác xã phải có phương hướng sản xuất đúng, nhất là phải tạo ra được cơ sở vật chất ổn định ngày càng nhiều (trước hết là ruộng đất định canh) và các cơ sở vật chất, kỹ thuật khác thì mới phát triển được sản xuất, tăng được thu nhập, tư tưởng xã viên mới gắn bó với hợp tác xã. Hợp tác xã Lũng Thàng, dân tộc Dao đỏ, xã Tả Ngảo (huyện Bát Xát) do đã cố gắng khai phá ruộng nương bậc thang, đưa bình quân lên trên 2 sào ruộng nước nên sản xuất tự túc được lương thực, xây dựng được trạm thủy điện kết hợp xay xát và có đàn bò trên 60 con, từ đó thu nhập và đời sống xã viên được đảm bảo và còn sản phẩm hàng hóa bán cho Nhà nước.

Hợp tác xã Bản Vược, dân tộc Dáy (thuộc vùng thấp) huyện Bát Xát ruộng nước còn ít, nhưng đã biết đầu tư vào khâu cải tiến kỹ thuật, đưa năng suất năm 1972 lên hơn 9 tấn/ha lúa ruộng hai vụ, lại biết mở rộng kinh doanh (phát triển cây mía, chăn nuôi đàn bò, đàn lợn tập thể) do đó đã đưa thu nhập bình quân đạt trên 2 kg thóc trên 1 đồng/ngày công.

Ngoài các hợp tác xã trên có một số hợp tác xã khác ở từng vùng cũng có những cách làm ăn tương tự và bước đầu phát huy được tính hơn hản của hợp tác xã (như hợp tác xã Sâu Chua ở Sa Pa). Đó là những hợp tác xã điển hình tốt, đang tiến bước theo hướng phát triển sản xuất và làm giàu bằng những thế mạnh riêng, phù hợp với điều kiện tự nhiên và kinh tế ở nơi đó.

Song song với các vấn đề trên, công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ văn hóa, trình độ quản lý kinh tế cho cán bộ và cốt cán của hợp tác xã, là việc làm rất cấp bách. Một số hợp tác xã đã có cơ sở vật chất ổn định, có phương hướng sản xuất đúng nhưng chưa đào tạo được cán bộ có nhiệt tình cách mạng, có giác ngộ xã hội chủ nghĩa, có trình độ quản lý kinh tế nhất định nên vẫn không đảm bảo được phong trào phát triển, thậm chí bị sút kém dần. Ví dụ xã Dền Sáng, dân tộc Dao đỏ; xã Sảng Ma Sáo dân tộc Mèo, huyện Bát Xát, ruộng nước bình quân đầu người gần 3 sào, có cây đặc sản lưu niên (cây thảo quả) khá nhiều, nhưng vì không đào tạo được đội ngũ cốt cán tốt, tin cậy nên hợp tác xã không củng cố được và bị tan vỡ dần.

Về mặt giáo dục và văn hóa các dân tộc trong tỉnh, thực tế cũng đã chứng minh là những hợp tác xã công tác giáo dục, văn hóa, vệ sinh, v.v. được phát triển thì ở đó có tác phong phục vụ thiết thực đối với sản xuất và đời sống nhân dân. Ví dụ hợp tác xã Tả Ngảo huyện Bát Xát, hợp tác xã Bản Phố (Mèo) huyện Bắc Hà.

3. Việc phát huy tinh thần tự lực cánh sinh, tự hào dân tộc, kiên trì bám chắc và tích cực thực hiện phương hướng và bước đi đã định của mỗi hợp tác xã nhưng nhất thiết không thể thiếu được

sự giúp đỡ, hỗ trợ của Nhà nước. Sự giúp đỡ của Nhà nước phải thiết thực, tích cực, kiên trì, tập trung và có trọng điểm, nhất là sự giúp đỡ về vốn, vật tư kỹ thuật, đồng thời phải giải quyết tốt các chính sách như chính sách trợ cấp lương thực, chính sách giá cả... Ở những nơi có ưu thế sản xuất cây công nghiệp, nghề rừng, chăn nuôi thì sự đầu tư giúp đỡ của Nhà nước lại càng phải quan tâm thì mới phát huy được các cây, con có ưu thế, sản phẩm hàng hóa ở đó mới phát triển được nhanh chóng.

Những năm qua, việc quy hoạch vùng, xác định phương hướng sản xuất trong tỉnh đã được tiến hành từ 1963 - 1964 đến nay và trong quá trình thực hiện đã giành được một số thắng lợi đáng kể. Đó là do tinh thần tự lực cánh sinh và tích cực sản xuất của quần chúng các dân tộc, nhưng cũng một phần phải có sự giúp đỡ tích cực của Nhà nước.

Nhưng hiện nay một số vùng sản xuất và nhiều cây, con mặc dù đã có quy hoạch nhưng do không có sự chỉ đạo chặt chẽ, nhất quán, hợp tác xã không bám chắc phương hướng đã định, các ngành của Nhà nước thiếu tích cực giúp đỡ giải quyết khó khăn về giống, vốn, lương thực, vật tư kỹ thuật, cơ sở vật chất, kỹ thuật, chế biến, tiêu thụ, lưu thông, giá cả, v.v. nên sản xuất không những không được phát triển mà còn có chiều hướng ngày càng tụt dần (như vùng đậu tương) hoặc không phát triển được (vùng chuối, vùng rừng...).

Một thực tế nữa như việc mở các đường trục lớn từ tỉnh xuống huyện và khu vực (như Lán Tây - Bắc Hà - Si Ma Cai, Mường Khương - Pha Long), v.v. đều đã chứng minh rằng: khi đã có chủ trương, phương hướng đúng, có quy hoạch cụ thể, quần chúng được phát động, đồng thời lại có sự đầu tư của Nhà nước một cách tích cực nên tiến hành được nhiều kết quả tốt và chóng hoàn thành.

4. Muốn đào tạo cán bộ dân tộc địa phương phải có quy hoạch và kế hoạch đào tạo cụ thể, toàn diện, đồng thời phải có chế độ, chính sách sát hợp với từng loại cán bộ và từng dân tộc. Khi thực hiện

phải hết sức kiên trì và tích cực, theo từng bước chắc chắn; phải tùy theo từng cán bộ mà song song hoặc trước sau theo từng bước và bằng nhiều hình thức mà bồi dưỡng quan điểm, lập trường, trình độ văn hóa, nghiệp vụ chuyên môn, khoa học kỹ thuật. Phải sử dụng hợp lý, hợp tình, quan tâm đến đời sống của anh chị em; đồng thời phải giải quyết thỏa đáng mối quan hệ giữa cán bộ cũ và mới; già và trẻ, cán bộ địa phương và cán bộ nơi khác đến.

Hơn mười năm qua, công tác đào tạo cán bộ dân tộc địa phương trong tỉnh đã đạt được một số kết quả. Sở dĩ như vậy trước hết là do nhận thức đối với công tác đào tạo cán bộ địa phương ngày càng quán triệt, từ đó đã có những hình thức bồi dưỡng, đào tạo sát hợp như kèm cặp, vừa học vừa làm trong thực tế, trong công tác, vừa học ở các trường tập trung ngắn hạn, vừa mở các trường dài hạn như trường Thanh niên dân tộc, Thiếu nhi vùng cao, Bỏ túc công nông, v.v.. Đặc biệt là các trường Thanh, Thiếu niên dân tộc cần được đẩy mạnh và mở rộng ở cả tỉnh và huyện để tạo điều kiện thuận lợi, thu hút con em các dân tộc ít người vùng cao vào học được dễ dàng.

Song, nhìn chung công tác đào tạo cán bộ địa phương còn nhiều tồn tại. Đó là chưa có quy hoạch và kế hoạch lâu dài, toàn diện, một mặt lại thiếu tích cực thực hiện, thiếu phát huy các hình thức đào tạo đã có.

Việc bồi dưỡng về quan điểm, lập trường giai cấp vững vàng cho cán bộ là điều kiện phải quan tâm trước hết. Có như vậy mới giúp anh chị em có quan điểm, nhận thức rõ, khỏi mơ hồ giữa vấn đề giai cấp và dân tộc. Hiện nay cá biệt vẫn còn tình trạng Bí thư, Chủ tịch xã che đậy, không dám đấu tranh với các sai phạm của phần tử xấu. Cũng có một số trường hợp, cán bộ dân tộc giữ trách nhiệm chủ chốt của xã, huyện khi giải quyết công việc, có lúc còn đứng lệch về phía dân tộc mình, dòng họ mình để giải quyết. Tình hình đó đòi hỏi phải được giải quyết bằng cách tiếp tục, thường xuyên bồi dưỡng, giáo dục chính trị, tư tưởng cho anh em.

Do những điều kiện về kinh tế, xã hội ở vùng dân tộc, nhất là ở vùng cao còn nhiều khó khăn nên đã hạn chế kết quả của công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ địa phương. Trong những năm qua, nơi nào, ngành nào quan tâm giải quyết những khó khăn đó thì anh em yên tâm phấn khởi công tác và phát huy được tinh thần trách nhiệm; ngược lại nơi nào, ngành nào coi nhẹ thì công tác đào tạo cán bộ địa phương kém kết quả.

Trong công tác cán bộ, việc đề bạt, cất nhắc, sử dụng cán bộ dân tộc địa phương còn cho thấy rằng: chỉ có dựa trên cơ sở của đường lối, nguyên tắc, tiêu chuẩn về cán bộ của Đảng đã quy định và trên cơ sở có quy hoạch, kế hoạch đã xác định mà bồi dưỡng lãnh đạo, rèn luyện thử thách từng bước, đến một mức độ nhất định (trước khi cất nhắc, đề bạt) và tiếp tục bồi dưỡng (sau khi cất nhắc, đề bạt) thì việc cất nhắc đề bạt mới chắc chắn. Ngược lại, nếu nóng vội, thiếu bồi dưỡng, đào tạo thì không đạt kết quả tốt, có khi không có kết quả. Những năm qua, đã có một số trường hợp do việc nghiên cứu chưa kỹ, thiếu bồi dưỡng, đào tạo trước khi đề bạt, cất nhắc, nên khi anh em không hoàn thành nhiệm vụ, lại phải giao công tác khác.

Phần thứ tư

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NHỮNG NĂM TỚI

Mục tiêu cơ bản của việc thực hiện chính sách dân tộc trong thời gian tới của toàn tỉnh là: Tiếp tục đưa các dân tộc trong tỉnh tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc hơn nữa trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhanh chóng tiến kịp miền xuôi, nhanh chóng xóa bỏ sự chênh lệch trên các mặt giữa các dân tộc.

Nhiệm vụ chủ yếu trong thời gian trước mắt là: Tiếp tục tiến hành mạnh mẽ và đồng thời ba cuộc cách mạng, lấy cách mạng kỹ thuật làm then chốt, phát huy mạnh mẽ tinh thần cách mạng và truyền thống đoàn kết của các dân tộc, khả năng tiềm tàng, phong

phú ở một số vùng nhằm: xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất mới, ra sức phát triển sản xuất, tập trung phát triển cây công nghiệp, cây đặc sản, chăn nuôi, nghề rừng, thủ công nghiệp, đồng thời tiếp tục đẩy mạnh sản xuất lương thực đến mức cố gắng nhất ở mỗi vùng, phát triển mạnh giao thông nông thôn (đặc biệt là vùng cao) và sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế, tích cực xây dựng, củng cố các tổ chức cơ sở xã, đặc biệt là xây dựng Đảng và đào tạo cán bộ dân tộc địa phương. Trên cơ sở đó, tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa, cung cấp, phục vụ cho công nghiệp địa phương phát triển, hàng hóa cho xuất khẩu, từng bước nâng cao đời sống cho nhân dân các dân tộc, mau chóng định canh định cư, ổn định sản xuất, ổn định đời sống đồng bào vùng cao.

Để thực hiện tốt các mục tiêu, phương hướng trên, cần tập trung đẩy mạnh các nhiệm vụ công tác chủ yếu sau đây:

1. Về sản xuất nông - lâm nghiệp và thủ công nghiệp

Trước mắt phải xác định rõ phương hướng và quy hoạch sản xuất, dựa vào điều kiện, khả năng thực tế để giải quyết tốt mối quan hệ giữa sản xuất lương thực và phát huy các thế mạnh ở mỗi vùng. Ở vùng thấp, có điều kiện phát triển mạnh lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp ngắn ngày, cần đẩy mạnh các khâu thâm canh, tăng vụ đối với lúa nước và hoa màu, phấn đấu theo mục tiêu 10 tấn/ha trên toàn bộ diện tích lúa ruộng hai vụ. Ở vùng cao và giữa, cần đẩy mạnh sản xuất theo phương hướng định canh định cư, lấy việc phát triển trồng rừng, cải tạo và bảo vệ rừng, trồng cây công nghiệp, cây đặc sản và cây ăn quả dài ngày, phát triển mạnh chăn nuôi làm các ngành sản xuất chính; đồng thời tăng vụ cây lương thực, để đảm bảo tự giải quyết được căn bản nhu cầu về lương thực cho người và gia súc.

Trên cơ sở phát triển sản xuất theo phương hướng được xác định, sản phẩm hàng hóa chính của vùng thấp là: lương thực, thực phẩm (lợn, cá, gia cầm...), sản phẩm cây công nghiệp và cây ăn quả

nhật đới (chuối, dứa, cam, quýt), lâm sản phục vụ công nghiệp và khai thác mỏ của vùng cao là: sản phẩm nghề rừng, đặc sản (thảo quả, dược liệu, hạt giống các loại, nấm hương, v.v.); trâu, bò cày và cây công nghiệp (là chè, đậu tương...).

Để tạo điều kiện thuận lợi cho các dân tộc thực hiện phương hướng trên, cần phải:

- Nhanh chóng hoàn thành việc điều tra, nghiên cứu, lập quy hoạch cụ thể cho từng vùng, từng hợp tác xã, qua đó xác định phương hướng và kế hoạch sản xuất cụ thể, rõ ràng, sát hợp với từng vùng, từng hợp tác xã. Phải đặc biệt coi trọng việc phát huy kinh nghiệm và tập quán của quần chúng ở từng vùng.

- Mạnh dạn đầu tư vốn, vật tư kỹ thuật do Nhà nước giúp đỡ một phần và vận động quần chúng ra sức xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật ở các vùng theo hướng sản xuất đã được xác định, tích cực mở đường giao thông từ huyện xuống xã, hợp tác xã.

- Thống nhất tổ chức hoặc từng ngành phải có bộ phận chuyên lo về các mặt đảm bảo: cung cấp vật tư, tiền vốn, lương thực, tiêu thụ, phân phối sản phẩm, nghiệm thu, thanh toán các công trình về làm rừng, ruộng nương bậc thang, v.v. theo kế hoạch hằng tháng, hằng quý, hằng năm.

- củng cố và mở rộng các trạm, trại giống, kỹ thuật của Nhà nước ở các vùng khác nhau theo phương hướng sản xuất từng vùng. Tích cực đưa cơ giới vào phục vụ các khâu canh tác và chế biến sản phẩm nông - lâm nghiệp.

- Nghiên cứu chính sách đầu tư thêm gạo, tiền vào các khâu xây dựng ruộng, nương bậc thang, làm thủy lợi, làm đường giao thông, xây dựng đồng cỏ, trồng cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả và cây đặc sản... nhất là đối với vùng thực hiện phương án định canh định cư và đối với đồng bào Mèo, Dao ở vùng cao.

- Gấp rút xác định và lập quy hoạch riêng đối với vùng cao, chỉ đạo tốt việc thực hiện Nghị quyết 109 của Hội đồng Chính phủ để nhân dân vùng cao yên tâm, phấn khởi đi vào sản xuất, củng cố quan hệ sản xuất mới và làm ăn theo phương hướng đã định.

2. Về phong trào hợp tác hóa nông nghiệp

Phương hướng chung là: Tích cực củng cố, xây dựng phong trào ở tất cả các vùng, nhưng chú trọng trước mắt đối với vùng cao nhằm đưa trình độ quản lý hợp tác xã nhanh chóng tiến bộ, làm cho xã viên gắn bó. Từ yêu cầu đó cần tập trung nghiên cứu xác định hợp lý quy mô hợp tác xã sát với điều kiện và trình độ quản lý, đồng thời có hình thức và nội dung thích hợp cho từng vùng. Cần định rõ phương hướng sản xuất và nhu cầu đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, cơ sở sản xuất ổn định cho các hợp tác xã; xác định rõ nội dung, phương hướng sản xuất gia đình và xã viên sản xuất lớn của hợp tác xã nhằm tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa trong các hợp tác xã và tăng thu nhập của xã viên.

Đối với vùng thấp: Lấy việc củng cố, nâng cao nội dung và trình độ quản lý theo điều lệ của hợp tác xã đã định, đi vào thâm canh, phát triển các ngành nghề theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Đối với vùng cao và giữa: Những nơi có quy mô hợp tác xã chưa phù hợp thì cần nghiên cứu, điều chỉnh lại cho phù hợp với điều kiện sản xuất, cư trú và trình độ quản lý ở mỗi hợp tác xã. Trên cơ sở đó định rõ phương hướng sản xuất và cơ cấu cây, con cho phù hợp mà tiến hành xây dựng lại hợp tác xã ở những nơi đã tan vỡ.

Gấp rút nghiên cứu thí điểm và kết luận về hình thức tổ chức và nội dung quản lý phù hợp của hợp tác xã vùng cao và giữa như hợp tác xã liên hiệp, liên doanh, những việc, những ngành sản xuất lớn.

Tất cả các vùng đều phải gấp rút đào tạo các loại cán bộ cho hợp tác xã, trước mắt phải đào tạo chủ nhiệm, đội trưởng, cán bộ tài vụ, kế toán và cán bộ kỹ thuật theo phương hướng sản xuất và cơ cấu cây, con ở mỗi vùng. Các loại cán bộ này hiện nay đại bộ phận hợp tác xã chưa có hoặc chưa đủ trình độ tự làm, do đó trong vài năm đầu, Nhà nước có thể phái cán bộ xuống giúp hợp tác xã.

Song song với việc xây dựng, củng cố hợp tác xã, cần mở rộng và lấy những nông - lâm trường quốc doanh ở những nơi có điều kiện, trên cơ sở đó thu hút các hộ nông dân các dân tộc vào làm công nhân nông - lâm trường (đi thẳng lên sở hữu toàn dân) như một số nông - lâm trường trong tỉnh hiện nay đang làm.

3. Về văn hóa, giáo dục

Về giáo dục: Phát triển mạnh mẽ sự nghiệp giáo dục ở các vùng, đặc biệt chú trọng đối với vùng cao, bằng các biện pháp tích cực nhất. Phát triển trường, lớp, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho các trường Thiếu nhi vùng cao. Cần chấn chỉnh, củng cố các loại trường hiện có như trường Thanh niên dân tộc lao động xã hội chủ nghĩa, Bồi dưỡng công nông, Sư phạm chữ Mèo, Sư phạm cấp I (hệ (...)+3)..., tăng cường trang bị phương tiện và điều kiện cho con em các dân tộc học tập tốt hơn. Cần khẩn trương mở ở mỗi huyện vùng cao một trường Thiếu nhi vùng cao để thu hút thiếu niên các dân tộc vùng cao theo học được dễ dàng và số người đi học được nhiều hơn.

Tập trung lực lượng gấp rút mở đợt vận động thanh toán nạn mù chữ (cả chữ Mèo và phổ thông từ nay đến năm 1975). Cố gắng phấn đấu trong khoảng 10 năm tới, nhân dân các dân tộc phổ cập có trình độ cấp II (ở vùng thấp), cấp I (ở vùng cao) và nhiều thanh niên dân tộc ít người có trình độ cấp III và đại học.

Quốc lập hóa trường vỡ lòng cả vùng thấp và vùng cao; thực hiện chế độ cấp học bổng và cung cấp lương thực cho con em các dân tộc ở xa đến học trường cấp III phải ở lại. Phát triển mạnh mẽ hình thức trường nội trú hoặc nửa nội trú ở vùng cao.

Củng cố xây dựng lại các trường học chữ Mèo xen kẽ chữ phổ thông ở vùng người Mèo; từng bước sử dụng chữ Mèo vào lĩnh vực hành chính ở huyện có dân tộc Mèo và trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật trong dân tộc Mèo. Các xuất bản phẩm trong tỉnh của các ngành cần in cả chữ Mèo.

Về y tế: Xây dựng, củng cố các trạm y tế xã, đảm bảo mỗi xã có một trạm y tế hộ sinh xã. Cung cấp, sử dụng tốt khoản tiền thuốc

và dụng cụ được cấp theo Nghị quyết 156 của Chính phủ. Cán bộ y tế xã phải tiếp tục bồi dưỡng kiến thức khoa học để vừa phục vụ chữa bệnh vừa là người tuyên truyền khoa học, vừa vận động quần chúng xây dựng nếp sống văn minh, cải tạo phong tục tập quán xấu, xây dựng cho quần chúng một tư tưởng ngày càng tin tưởng vào thuốc khi có bệnh tật.

Đẩy mạnh công tác vệ sinh phòng bệnh, phòng chống dịch ở nông thôn. Tiếp tục thanh toán một số bệnh xã hội trong nhân dân các dân tộc (da liễu, giang mai, bướu cổ...). Tích cực đầu tư xây dựng các công trình nước ăn cho một số nơi ở vùng cao hiện đang thiếu nước cho người và gia súc.

Về văn hóa: Khai thác sâu tầm vốn cổ, tốt đẹp về văn hóa, văn nghệ các dân tộc ít người, kết hợp văn hóa - văn nghệ miền núi với miền xuôi tiên tiến. Xây dựng rộng khắp các đội văn nghệ không chuyên nghiệp ở các xã, hợp tác xã; chú ý phát huy, phát triển và nâng cao những điệu múa, hát hay của các dân tộc.

Trong công tác xây dựng nếp sống văn minh, cải tạo phong tục tập quán xấu trong các dân tộc, cần phải đi sâu nghiên cứu phát huy các phong tục, tập quán tốt của các dân tộc, đồng thời từng bước tích cực sửa đổi các phong tục tập quán lạc hậu có hại cho sản xuất, đời sống.

4. Về đào tạo cán bộ và xây dựng Đảng

a) *Đào tạo cán bộ*: Từng cấp, từng ngành cần nhanh chóng hoàn thành việc lập quy hoạch đào tạo các loại cán bộ, trong đó có quy hoạch riêng cán bộ dân tộc địa phương nhằm bảo đảm số cán bộ dân tộc ít người ngày càng tăng nhanh và dân tộc nào cũng có cán bộ ở các ngành, các lĩnh vực. Ngành giáo dục cần có quy hoạch đào tạo giáo viên người dân tộc ít người, đặc biệt các xã vùng cao cần thực hiện phương châm bồi dưỡng đào tạo đi trước một bước đối với công tác đề bạt, cất nhắc cán bộ.

Việc bồi dưỡng giáo dục về quan điểm, lập trường chính trị cho cán bộ phải được coi là gốc và phải làm thường xuyên, liên tục,

đồng thời đào tạo, bồi dưỡng nhanh chóng về văn hóa và nghiệp vụ chuyên môn quản lý kinh tế, khoa học kỹ thuật. Kiên quyết và mạnh dạn cho cán bộ đi học các trường, lớp do tỉnh và Trung ương mở. Về mặt khả năng công tác cần thực hiện việc bổ túc văn hóa đi trước một bước, đảm bảo cho cán bộ dân tộc thoát ly của tỉnh, huyện một thời gian nhất định có trình độ văn hóa lớp 7 trở lên, cán bộ xã nói chung học hết cấp I trở lên, trên cơ sở đó huấn luyện, đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ khoa học kỹ thuật.

Đối với cán bộ nói chung, cán bộ nơi khác đến nói riêng, ngoài việc học đường lối chính trị chung, tất cả phải được học chính sách dân tộc của Đảng, học về phương châm công tác vận động quần chúng ở vùng dân tộc. Riêng cán bộ địa phương, cần giáo dục về ý thức làm chủ, ý thức Tổ quốc chung theo quan điểm của giai cấp công nhân của Đảng. Cần đặc biệt quan tâm giúp đỡ và có chế độ chính sách cụ thể để giải quyết hoàn cảnh, đời sống khó khăn của cán bộ dân tộc địa phương, nhất là anh em ở vùng cao.

Đối với đội ngũ cán bộ xã, cần nghiên cứu, tổng kết việc thực hiện đường lối đào tạo, chính sách sử dụng và đãi ngộ đối với từng loại cán bộ. Từ đó đề ra một quy hoạch, kế hoạch toàn diện trong việc đào tạo và đề xuất với Trung ương bổ sung những chế độ, chính sách chưa có nhằm tạo mọi điều kiện để nhanh chóng đào tạo được đội ngũ cán bộ cơ sở có trình độ nhất định để đảm đương nhiệm vụ và yên tâm phấn khởi công tác.

b) Về công tác xây dựng Đảng: Hướng phát triển Đảng hiện nay cần chú trọng vào các địa bàn xung yếu, biên giới, vùng các dân tộc ít người, có số đảng viên còn ít để tăng nhanh số lượng đảng viên dân tộc ít người và đảm bảo dân tộc nào cũng có đảng viên.

Cần lấy việc nâng cao chất lượng đảng viên làm chủ yếu trong công tác xây dựng Đảng. Đối với các đảng viên dân tộc địa phương cần giáo dục thấm nhuần nhận thức tư tưởng là: đảng viên dù ở dân tộc nào cũng đều phải thật sự là người có giác ngộ giai cấp của

giai cấp công nhân; có quan điểm lập trường giai cấp công nhân và đủ các tiêu chuẩn của người đảng viên.

Để xây dựng, củng cố cơ sở đảng được tốt còn phải thường xuyên coi trọng công tác xây dựng củng cố các tổ chức quần chúng và chính quyền. Phải gắn liền công tác củng cố, xây dựng Đảng với việc thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị địa phương; lấy nhiệm vụ chính trị của địa phương làm mục tiêu và nội dung phấn đấu, rèn luyện của đảng viên và củng cố Đảng.

Để phát triển Đảng được đồng đều ở các vùng, các dân tộc, nâng cao chất lượng đảng viên, nhất là vùng cao biên giới trong thời gian tới cần nghiên cứu tổng kết việc vận dụng tiêu chuẩn kết nạp đảng viên mới, việc bồi dưỡng đảng viên, củng cố chi bộ, trước hết trong hai dân tộc Mèo và Dao để đẩy mạnh hơn nữa công tác củng cố xây dựng Đảng ở vùng này.

5. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo và biện pháp tổ chức thực hiện

Trong mọi công tác phải được xây dựng thí điểm, chỉ đạo điển hình ở các vùng có điều kiện hoàn cảnh khác nhau. Các vấn đề mới nhất thiết phải qua thí điểm rút kinh nghiệm rồi mới phát triển diện rộng, tránh nóng vội, chủ quan, làm thiệt hại đến sản xuất (...).

Trong chỉ đạo, cần được coi trọng và làm tốt việc tổng kết rút kinh nghiệm thực tế của địa phương, lấy đó để giáo dục cán bộ, đảng viên, đồng thời bổ sung công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành ngày càng sâu sát hơn.

Đối với vùng cao, cần tăng cường việc lãnh đạo và quan tâm đầy đủ của các cấp ủy đảng, chính quyền và các ngành chuyên môn đối với các mặt ở vùng cao. Cần có kế hoạch phối hợp thật ăn khớp, có trọng tâm, trọng điểm, từng thời gian trong việc giải quyết các vấn đề tồn tại.

Đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, giáo dục tình hình, nhiệm vụ mới gắn với ý thức phục vụ miền núi, phục vụ

vùng cao. Chú ý biểu dương, khen thưởng người tốt, việc tốt, đơn vị tốt và phân tích phê phán việc xấu, nơi làm xấu, gây tác hại đến chính sách dân tộc của Đảng.

Cần kiện toàn hoặc chấn chỉnh Ban Dân tộc Tỉnh ủy, đưa công tác nghiên cứu dân tộc đẩy mạnh hơn: ở các cấp, các ngành phải có đồng chí phụ trách việc nghiên cứu vận dụng chính sách dân tộc vào các mặt, các khâu công tác; cứ 3 tháng một lần phải kiểm điểm và báo cáo việc thực hiện công tác dân tộc và chính sách dân tộc lên Tỉnh ủy.

Trên cơ sở tiến hành xây dựng cấp huyện, cần kiện toàn và tăng cường cán bộ có chất lượng các mặt cho huyện, khu vực, xã và hợp tác xã, đồng thời xây dựng cấp huyện trở thành cấp lãnh đạo, chỉ đạo cho phù hợp nhất là về quản lý kinh tế.

Về biện pháp tổ chức thực hiện: Sau hội nghị Tỉnh ủy họp kiểm điểm đánh giá chung, Tỉnh ủy mở hội nghị cán bộ toàn tỉnh để quán triệt tinh thần tổng kết của Tỉnh ủy đã nêu lên.

Sau hội nghị cán bộ, các huyện ủy, thị ủy, các ngành họp liên hệ kiểm điểm đề ra phương hướng, kế hoạch thực hiện của cấp mình, ngành mình.

Từng bước, Tỉnh ủy sẽ mở các hội nghị cán bộ dân tộc, trước hết là hội nghị cán bộ dân tộc Mèo, hội nghị cán bộ dân tộc Dao để đánh giá những chuyển biến về các mặt của dân tộc đó (tập trung vào các vấn đề chính như củng cố, xây dựng hợp tác xã, giáo dục, đào tạo cán bộ và củng cố, xây dựng chi bộ), qua đó động viên cán bộ dân tộc góp phần vào xây dựng nhiệm vụ, biện pháp giải quyết những khó khăn, tồn tại trong thời gian tới.

6. Một số vấn đề đề nghị với Trung ương

Căn cứ vào thực tiễn trong mười năm qua, để thiết thực giúp đỡ đồng bào các dân tộc ít người, nhất là đồng bào vùng cao và để động viên khuyến khích, tạo điều kiện cho cán bộ nói chung, cán bộ nơi khác đến nói riêng, công tác ở miền núi phấn khởi, yên tâm,

Tỉnh ủy đề nghị Trung ương nghiên cứu và giải quyết các vấn đề sau đây:

a) Nhà nước trợ cấp toàn bộ tiền và gạo cho việc xây dựng cơ bản công trình giao thông, trồng cây công nghiệp dài ngày, xây dựng đồng cỏ, làm thủy lợi... ở các hợp tác xã vùng cao như trợ cấp đối với khai phá ruộng nương bậc thang trong chính sách định canh định cư.

b) Chuyển hệ mẫu giáo và vỡ lòng, cả vùng thấp và vùng cao được hưởng chế độ quốc lập.

c) Các trường phổ thông cấp I, II, trạm xá xã đều được Nhà nước cấp vốn xây dựng, trang bị các thiết bị, phương tiện cần thiết.

d) Về chính sách đối với học sinh trường phổ thông các cấp ở vùng (cao, thấp) đều được miễn học phí. Nghiên cứu cấp học bổng và tăng mức bán lương thực cho từng lứa tuổi, đối với tất cả học sinh cấp II, III nội trú tại trường hoặc ở nhờ bà con để học tập. Tăng mức trợ cấp học bổng, tiêu chuẩn lương thực hằng tháng cho học sinh các trường tập trung của tỉnh, như Trường bổ túc công nông, Trường Thiếu nhi vùng cao, Trường Y sỹ và Sư phạm, v.v..

đ) Đề nghị cho tất cả mọi người dân các dân tộc ở các vùng khi điều trị ở bệnh viện đều được Nhà nước đài thọ các khoản tiền ăn, tiền thuốc trong những ngày ở viện.

e) Về các chính sách, chế độ đào tạo cán bộ:

- Ngoài biên chế của bộ máy chung, đề nghị Trung ương cho thêm một tỷ lệ thỏa đáng so với tổng số chỉ tiêu biên chế của tỉnh, để có một số cán bộ phụ trách khu vực (liên xã), phụ trách xã, cán bộ nghiệp vụ, kỹ thuật xuống giúp hợp tác xã và có một số con em các dân tộc ít người đưa vào kèm cặp, đào tạo, bồi dưỡng nhưng chưa tính vào định mức lao động và công tác.

- Hằng năm cho tỉnh được gửi một số lượng thỏa đáng hơn hiện nay về số thanh niên các dân tộc ít người và lãnh đạo ở các ngành chuyên môn có trình độ văn hóa lớp 7 vào học các trường trung

cấp, lớp 10 vào các trường đại học. Điều kiện vào các trường đó nên rộng hơn so với miền xuôi, như không phải thi vào trường, không hạn chế mức tuổi, được học bổng và điều kiện học tập hợp với hoàn cảnh đời sống và tâm lý dân tộc miền núi.

- Có chế độ trợ cấp cho Bí thư chi bộ hoặc Bí thư đảng ủy và Chủ tịch Ủy ban hành chính xã vùng cao và giữa, được hưởng trợ cấp bằng lương cán sự 1 như khung lương cán bộ thoát ly (kể cả phụ cấp khu vực và phụ cấp khác) để đảm bảo đời sống và yên tâm công tác cho số cán bộ này. Đối với cán bộ chủ chốt xã đã tham gia hoạt động lâu năm, nay vì già yếu, bệnh tật hoặc vì trình độ không đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay mà nghỉ công tác thì nên có chế độ phụ cấp và một số chế độ đãi ngộ khác.

- Đối với cán bộ công tác ở miền núi nói chung, công tác ở vùng cao nói riêng, nên có chế độ chính sách phù hợp nhằm khuyến khích anh chị em yên tâm công tác lâu dài như: hưởng lương cao hơn một bậc, có phụ cấp thâm niên công tác ở miền núi, tỷ lệ cho cán bộ đi tham quan, nghỉ mát (trong và ngoài nước) được cao hơn và mở rộng hơn miền xuôi; khi cán bộ về hưu vẫn được tính phụ cấp khu vực, thâm niên công tác miền núi để hưởng tỷ lệ trong lương hưu trí. Cần có chế độ phụ cấp cho cán bộ biết tiếng, biết chữ của dân tộc ít người. Đối với cán bộ công tác ở các huyện vùng cao, rét nên có chế độ thống nhất chung đối với tất cả các ngành được cấp tiền củi sưởi trong 3 tháng rét.

- Đối với cán bộ nơi khác đến có khả năng ngang với chức vụ ở cấp nào, ngành nào nhưng không giữ chức vụ đó, nay được hưởng các quyền lợi đãi ngộ và lương bậc ngang với bậc lương chức vụ cấp ấy, ngành ấy, không khống chế khung bậc lương cán bộ phải thấp hơn lãnh đạo ở mỗi cấp, mỗi ngành.

g) Tất cả các chế độ, chính sách giúp đỡ đồng bào vùng dân tộc ít người nếu được Trung ương quy định mà ngân sách địa phương không thể cân đối được thì đề nghị Trung ương cho lập riêng một quỹ của Trung ương, thống nhất với quỹ trợ cấp định canh định cư

rồi cấp thẳng cho từng địa phương, coi kinh phí này là vốn Trung ương trợ cấp cho địa phương những khoản thu bị hụt đi và những khoản chi theo Quyết định 156, Nghị quyết 109 của Hội đồng Chính phủ.

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
PHÓ BÍ THƯ

NÔNG CÔNG THƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 18-NQ/TU, ngày 2-7-1974

**Về việc thực hiện Chỉ thị số 192-CT/TW
của Ban Bí thư Trung ương Đảng**
(trong cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên
và kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh)

I. KIỂM ĐIỂM VIỆC THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 192-CT/TW NGÀY 26-10-1971 CỦA BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

Từ khi có Chỉ thị số 192-CT/TW ngày 26-10-1971 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Tỉnh ủy đã tiến hành nghiên cứu, thảo luận để quán triệt. Sau đó, Tỉnh ủy đã chủ trương cho tiến hành thí điểm ở 5 cơ sở Đảng khác nhau để rút kinh nghiệm về việc tổ chức thực hiện. Tiếp theo đó, dựa vào thực tế, qua đợt chỉ đạo thí điểm và dựa vào đề án ngày 1-12-1972 của Ban Chỉ đạo cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh của Trung ương, Tỉnh ủy đã đề ra quy hoạch và cách lãnh đạo, tổ chức thực hiện (bản dự án kế hoạch thực hiện số 01, ngày 25-5-1973 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy). Mặt khác, sau tổng kết đợt thí điểm, Tỉnh ủy còn chủ trương cho tiến hành một đợt thí điểm mở rộng nữa gồm 26 cơ sở Đảng, trong đó có một số nơi chủ trương cho làm gọn cả một cụm, gồm nhiều xã để tiến hành rút kinh nghiệm thêm về cách chỉ đạo thực hiện.

Như chủ trương đã đề ra, Tỉnh ủy kiểm điểm lại là đúng đắn và cách chỉ đạo thận trọng, chặt chẽ. Đối với các cấp ủy, các ban, đảng đoàn nói chung đều đã tổ chức việc nghiên cứu để quán triệt tinh thần Chỉ thị 192 của Ban Bí thư theo chủ trương Tỉnh ủy đề ra và sau đó đã xây dựng quy hoạch và kế hoạch thực hiện chỉ thị thuộc phạm vi chung của đảng bộ mỗi cấp. Ở các huyện, thị hầu hết đều đã bắt tay vào chỉ đạo thực hiện chỉ thị ở một số cơ sở Đảng và diện thực hiện đến nay đang được mở rộng ra. Riêng chỉ đạo các đợt làm tập trung theo kế hoạch ba bước ở cơ sở, kết quả đạt được ở mỗi nơi tuy mức độ có khác nhau, nhưng yêu cầu cơ bản của việc thực hiện chỉ thị thì nhìn chung đều đạt được; chất lượng của tổ chức đảng và đảng viên có được nâng cao một bước, nhiệm vụ chính trị trước mắt ở cơ sở có được thúc đẩy tiến bộ hơn, tổ chức đảng bước đầu đã được củng cố và trong sạch.

Bên cạnh kết quả đã thu được cũng còn thiếu sót, tồn tại: có cấp ủy, đảng đoàn đến nay vẫn chưa tổ chức nghiên cứu Chỉ thị 192, hoặc việc nghiên cứu thảo luận tuy có làm nhưng cách làm còn hình thức, chưa gắn với thực tế để thảo luận, chưa giải quyết được triệt để những nhận thức lệch lạc; trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện, một số nơi cấp ủy tuy đã phân công có đồng chí phụ trách, nhưng người được phân công chưa đề cao trách nhiệm trước tập thể, ngược lại phía tập thể thì lại khoán trắng cho đồng chí được phân công. Việc chỉ đạo thực hiện chỉ thị ở tổ chức cơ sở đảng tiến độ chậm, ở một số nơi: việc gắn và thúc đẩy nhiệm vụ chính trị, việc sửa chữa sai lầm cả trong Đảng và ngoài quần chúng chưa có chuyển biến tốt; việc vận dụng phương châm xử trí ở một vài nơi có biểu hiện hữu khuynh hoặc có nơi diện xử trí còn mang tính chất dung hòa đối với những vi phạm thông thường. Về công tác tư tưởng cho một số người phải xử trí đưa ra khỏi Đảng một số nơi chưa làm tốt. Việc giáo dục cho đối tượng đảng viên ở loại trình độ giác ngộ chính trị thấp kém ở nhiều nơi nội dung và biện pháp còn rập khuôn, chưa cụ thể, thiết thực... Ngoài ra, đối với số nơi qua thực

hiện chỉ thị, phần lớn đều có tiến hành củng cố hoặc bầu lại cấp ủy cơ sở, số đồng chí được bổ sung hoặc bầu vào cấp ủy tuy đều là các đồng chí tốt, nhưng do mới, nên có nhiều lúng túng.

II. CHỦ TRƯỞNG VÀ SỐ BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

Để phát huy ưu điểm, khắc phục thiếu sót tồn tại, đẩy mạnh việc thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư trong toàn Đảng bộ, vừa đảm bảo thời gian Trung ương ấn định cho miền núi (đầu năm 1975 phải hoàn thành), vừa đảm bảo chất lượng nhằm góp phần tích cực thúc đẩy việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng, phục vụ tốt cho Đại hội Đảng bộ các cấp đồng thời tạo điều kiện kết thúc một cách thắng lợi toàn bộ cuộc vận động, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề ra chủ trương, biện pháp để tiếp tục thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư và tổng kết toàn bộ cuộc vận động thực hiện Nghị quyết 195 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng như sau:

1. Tiếp tục giải quyết tư tưởng, nâng cao nhận thức việc thực hiện Chỉ thị 192; tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo đảm bảo tốt cả hai mặt thời gian và chất lượng. Kiên quyết chống làm ẩu, làm lướt, đồng thời đề phòng cách làm lề mề, thiếu khẩn trương, không đảm bảo thời gian quy định.

Đối với các cấp ủy huyện, thị, các đảng ủy trực thuộc tỉnh ở nơi đã có chỉ đạo thực hiện chỉ thị nhưng chưa hoàn thành xong toàn bộ các cơ sở Đảng trong đảng bộ phải lấy việc sơ kết, tổng kết việc thực hiện Chỉ thị 192 ở các cơ sở Đảng đợt đã qua để phân tích, kiểm điểm đánh giá về kết quả, tồn tại, thông qua đó mà giải quyết những tư tưởng nhận thức chưa đúng, đồng thời bổ khuyết những thiếu sót, khuyết điểm, đồng thời uốn nắn, bổ khuyết những thiếu sót, khuyết điểm, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, nhằm thúc đẩy việc thực hiện chỉ thị đảm bảo thời gian và đạt yêu cầu chất lượng tốt.

Ở nơi chưa chỉ đạo việc thực hiện chỉ thị mà những đảng ủy, đảng đoàn chưa tổ chức việc nghiên cứu thảo luận Chỉ thị số 192, hoặc việc nghiên cứu, thảo luận chưa đầy đủ thì phải tổ chức việc nghiên cứu thảo luận lại một cách thật nghiêm túc, trên cơ sở đó mà giải quyết triệt để những tư tưởng chần chừ, do dự, xác định quyết tâm, phân công việc lãnh đạo, chỉ đạo và xây dựng quy hoạch, kế hoạch thực hiện Chỉ thị 192 trong đảng bộ cấp mình được nghiêm chỉnh.

2. Xác định mục đích, yêu cầu cụ thể của việc thực hiện chỉ thị số 192 và vận dụng tốt phương châm “cuộc vận động phải gắn liền với việc phấn đấu thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Đảng”.

Ở mỗi nơi khi thực hiện Chỉ thị 192 đều phải căn cứ vào vị trí, nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng đã quy định để đánh giá lại về kết quả và tồn tại của việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, cũng như sự yếu mạnh trong việc lãnh đạo của đảng bộ và vai trò của đảng viên. Trên cơ sở đó mà cụ thể hóa mục tiêu yêu cầu của việc thực hiện Chỉ thị 192 cho từng đảng bộ được thiết thực, sát hợp với tình hình. Hết sức tránh cách làm hình thức, không có ý định chỉ đạo rõ ràng, hoặc chỉ đạo chung chung không có trọng tâm, trọng điểm.

Việc vận dụng phương châm “gắn liền với việc phấn đấu thực hiện các nhiệm vụ chính trị” cần phải toàn diện nhưng chú trọng đi vào vấn đề cơ bản thuộc về tư tưởng, ý thức, quan điểm vận dụng và thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, thể hiện trên mọi lĩnh vực sản xuất, công tác, kinh doanh, thực hiện các nghĩa vụ,... (chú ý những mặt yếu, những sai trái ảnh hưởng và cản trở việc thực hiện nhiệm vụ chính trị) để có biện pháp gắn vào các bước, các việc trong kế hoạch thực hiện mà chỉ đạo việc sửa chữa những vấn đề có thể sửa ngay được. Cần đề phòng tư tưởng ngại khó nên chỉ chú trọng kết hợp đẩy mạnh một số việc trước mắt, ngược lại do nôn nóng muốn cùng một lúc yêu cầu phải giải quyết nhiều vấn đề xét không phù hợp với khả năng và thời gian quy định của mỗi đợt làm tập trung.

Riêng đối với số các nghị quyết, chỉ thị của Tỉnh ủy như Nghị quyết 15 về nhiệm vụ và biện pháp chủ yếu khôi phục và phát triển kinh tế trong tỉnh hai năm 1974-1975, Nghị quyết 17 về công tác cán bộ và Chỉ thị số 2 ngày 10-5-1975 về việc tổ chức thực hiện Chỉ thị 205 của Ban Bí thư Trung ương và Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng. Các Nghị quyết, chỉ thị này là phương hướng nhiệm vụ chính trị trước mắt của tỉnh, có quan hệ trực tiếp đến nội dung việc thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Vì vậy, mỗi nơi khi thực hiện Chỉ thị 192 cần phải gắn việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị đó một cách thích hợp.

3. Coi trọng những quy định trong chỉ đạo thực hiện và tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp ủy và tổ chức Đảng có quan hệ nhằm thúc đẩy việc thực hiện Chỉ thị 192 ở từng cơ sở đạt kết quả, chất lượng tốt.

Chủ trương về việc thi hành Chỉ thị 192 tại địa phương, Tỉnh ủy đã có văn bản quy định rõ việc tổ chức chỉ đạo thực hiện, đồng thời lại có hướng dẫn ở các hội nghị bồi dưỡng cán bộ, hội nghị sơ, tổng kết từng đợt. Các cấp ủy huyện, thị, các đảng ủy trực thuộc tỉnh và các đảng đoàn ngành xung quanh tỉnh chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy để chỉ đạo các cơ sở Đảng thi hành có kết quả Chỉ thị 192 của Ban Bí thư Trung ương Đảng thuộc địa phương, đơn vị mình phụ trách. Do đó, các cấp ủy và các đảng đoàn phải nghiên cứu nắm vững, coi trọng và nghiêm chỉnh thực hiện các quy định Tỉnh ủy đã đề ra.

Ở các cấp ủy huyện, thị và các đảng ủy trực thuộc tỉnh là đơn vị trên cơ sở, mỗi khi chỉ đạo từng đợt phải hết sức coi trọng việc sơ, tổng kết để rút kinh nghiệm và bồi dưỡng cho cán bộ đi giúp cơ sở thực hiện tốt Chỉ thị 192 các đợt sau.

Ngoài việc thực hiện đúng các quy định trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện Tỉnh ủy đề ra, mỗi cấp ủy và tổ chức Đảng có trách nhiệm như giữa chi ủy, Đảng ủy với đảng đoàn trong một ngành chuyên môn ở tỉnh; giữa đảng đoàn ở một ngành chuyên môn của

tỉnh với các cấp ủy huyện, thị trong quan hệ chỉ đạo công tác chuyên môn của ngành theo hệ thống dọc nhưng cơ sở Đảng lại do cấp huyện, thị lãnh đạo thì vấn đề đặt ra để thực hiện có kết quả Chỉ thị 192 ở từng cơ sở Đảng là phải có sự phối hợp chặt chẽ trong việc chỉ đạo thực hiện. Sự phối hợp ở đây phải dựa trên các nguyên tắc đã quy định về hệ thống tổ chức của Đảng và quyền hạn, nhiệm vụ của mỗi cấp ủy, mỗi tổ chức Đảng; đồng thời sự phối hợp đó phải thật chủ động, thường xuyên và định rõ trách nhiệm cụ thể thì sự phối hợp đó mới đem lại kết quả tốt.

Cùng với sự phối hợp theo hệ thống tổ chức của Đảng nêu trên, từng ban, ngành ở cấp tỉnh và huyện, thị có liên quan đến các hoạt động ở cơ sở như các ban Tài chính thương nghiệp, ban Công nghiệp, Nông nghiệp... của Đảng, các cơ quan ngân hàng, tín dụng, tài chính, lâm nghiệp... của Nhà nước và các đoàn thể công đoàn, thanh niên, phụ nữ đều cần phải có kế hoạch phối hợp nhằm hỗ trợ và thúc đẩy sự hoạt động của các ban, ngành, đoàn thể ở cơ sở thực hiện tốt Chỉ thị 192. Ở từng nơi khi xét thấy cần thiết, các ngành hữu quan ở tỉnh và huyện, thị cần cử cán bộ nghiệp vụ xuống cơ sở để kết hợp giải quyết các vấn đề vướng mắc, tồn tại được nhất trí và dứt điểm.

4. Đảm bảo việc vận dụng đúng chính sách và phương châm xử trí là phải kiên quyết, thận trọng và dứt điểm. Hết sức chống tư tưởng giản đơn, ngại khó, e dè, nể nang, bao che cho nhau, mặt khác phải đề phòng tư tưởng bảo thủ, định kiến cá nhân xử trí sai phương châm, chính sách.

Đối tượng đặt ra phải tiến hành xem xét và xử trí khi thực hiện Chỉ thị 192 và chính sách, phương châm xử trí như Chỉ thị 192 đã nêu rõ. Mỗi tổ chức cơ sở đảng và các cấp ủy đảng phải nắm vững để vận dụng thi hành được đúng chính sách, phương châm xử trí của Đảng.

Nhằm để vận dụng thi hành đúng chính sách và phương châm xử trí của Đảng, đòi hỏi các cấp ủy khi kết luận một trường hợp để

xử trí cần phải phân tích nhiều mặt, phải làm rõ về động cơ tư tưởng dẫn đến có sai phạm, mức độ sai phạm, thời gian sai phạm, thời gian hoàn cảnh cụ thể xảy ra có sai phạm của đảng viên để khẳng định cho rõ về mặt bản chất, hết sức tránh chỉ lấy hiện tượng sự việc để kết luận vấn đề một cách thiếu căn cứ. Mặt khác, khi phân tích sai phạm của đảng viên ở tỉnh ta còn phải cân nhắc cả mối liên quan đến tình hình đặc điểm về chính trị, xã hội, đặc biệt là những vấn đề có tính chất quần chúng và phong tục của địa phương, đồng thời còn phải chiếu cố đến thực tế cơ sở đảng ở tỉnh ta, nhất là ở vùng cao hầu hết mới được xây dựng, việc rèn luyện chấp hành kỷ luật của Đảng ở tổ chức cơ sở nhìn chung còn buông lỏng. Do vậy, không được giản đơn, tùy tiện, nhưng cũng không phức tạp hóa vấn đề một cách không căn cứ, mỗi trường hợp đặt ra cần cân nhắc lợi, hại cho phong trào để giải quyết thích hợp với tình hình địa phương. Khi xem xét và xử trí thì những vấn đề về biểu hiện chính trị, đấu tranh cách mạng phải được chú trọng hơn những vấn đề về sinh hoạt cá nhân.

Đối với những đảng viên có vấn đề lịch sử chính trị phức tạp thuộc diện tiến hành cuộc vận động bảo vệ Đảng, nhưng chưa được xem xét xử trí, thì khi thực hiện Chỉ thị 192 Ban Bảo vệ Đảng của tỉnh phải cùng phối hợp với huyện ủy, đảng ủy trực thuộc tỉnh và đảng đoàn ngành xung quanh tỉnh để xem xét, giải quyết dứt điểm.

Riêng về trường hợp đảng viên trình độ giác ngộ chính trị thấp kém, trường hợp này đối với các cơ sở đảng ở tỉnh ta nhất là cơ sở ở vùng cao có thể có nơi số lượng nhiều. Do đó, chủ trương đặt ra là chỉ trừ một số đảng viên thật sự không tha thiết tiến bộ hoặc đã bỏ sinh hoạt Đảng thời gian dài thì mới cho ra khỏi Đảng ngay, còn nói chung đều phải kiên trì giáo dục một thời gian và sau thời gian đó không có chuyển biến tiến bộ thì mới đưa ra khỏi Đảng.

Phải thường xuyên tổ chức kiểm tra lại việc vận dụng chính sách, phương hướng và phương châm xử trí ở những nơi đã thực

hiện Chỉ thị 192, nhằm bổ khuyết kịp thời và rút kinh nghiệm cho các nơi làm sau.

5. Tiếp tục giải quyết các vấn đề tồn tại ở những nơi đã thực hiện xong Chỉ thị 192 nhằm phát huy kết quả tác dụng của cuộc vận động đồng thời động viên đảng viên, quần chúng phấn đấu thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị đã đề ra.

Ở mỗi nơi sau khi đã thực hiện xong Chỉ thị 192 của Ban Bí thư Trung ương đều phải dựa vào tinh thần Chỉ thị 01-CT/TU ngày 1-3-1974 về việc tăng cường củng cố tổ chức, quản lý sử dụng đảng viên và cán bộ ngoài Đảng của Ban Thường vụ Tỉnh ủy để có kế hoạch, biện pháp từng bước giải quyết các vấn đề tồn tại. Trước mắt nên tập trung giải quyết một số vấn đề như: tiếp tục giải quyết, ổn định tư tưởng và bố trí công tác thích hợp theo chính sách sử dụng cho số đảng viên đã đưa ra khỏi Đảng nhằm hạn chế mặt tiêu cực ở mức thấp nhất. Đẩy mạnh kế hoạch thực hiện việc kiên trì giúp đỡ giải quyết khó khăn và giáo dục nâng cao trình độ của những đảng viên giác ngộ chính trị thấp kém để sau khoảng thời gian đã định mà còn có người không tiến bộ thì sẽ xem xét đưa ra khỏi Đảng. Phải có kế hoạch giáo dục, nâng cao trình độ của đảng viên nói chung và rất chú trọng việc bồi dưỡng đội ngũ cốt cán ở cơ sở, nhất là đối với cốt cán mới được lựa chọn, bổ sung sau khi thực hiện Chỉ thị 192 nhằm nhanh chóng giúp cho các đồng chí đó đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ lao động mọi hoạt động của tổ chức Đảng và đảng viên, đưa sinh hoạt chi bộ, công tác quản lý đảng viên và công tác phát triển đảng đi vào nền nếp. Phải tập trung vào việc động viên toàn thể đảng viên và quần chúng thực hiện những mục tiêu phấn đấu về nhiệm vụ chính trị.

6. Từng nơi sau khi đã hoàn thành việc thực hiện Chỉ thị 192 cần phải làm tốt việc tổng kết cuộc vận động thực hiện Nghị quyết 195 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng nhằm kết thúc thắng lợi cuộc vận động, đưa phong trào tiến lên.

Đối với các cấp ủy huyện, thị, các đảng ủy trực thuộc tỉnh, sau

khi đã chỉ đạo hoàn thành xong việc thực hiện Chỉ thị 192 ở các tổ chức cơ sở Đảng thì cần tiến hành tổng kết cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh thuộc đảng bộ cấp mình.

Nội dung tổng kết cuộc vận động, các Ban xây dựng Đảng ở tỉnh (Tuyên huấn, Tổ chức, Ủy ban Kiểm tra) sẽ căn cứ vào hướng dẫn chung của Ban chỉ đạo cuộc vận động của Trung ương mà chỉ đạo một nơi để rút kinh nghiệm, sau đó sẽ xây dựng đề cương để Tỉnh ủy hướng dẫn cho các cấp ủy cấp dưới tiến hành.

III. VẤN ĐỀ LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Tỉnh ủy khẳng định việc lãnh đạo, tổ chức thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư nhằm kết thúc cuộc vận động “Nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh” trong phạm vi tỉnh ta là một việc làm có tầm quan trọng và đặt công tác này ở vị trí là một trong các công tác trung tâm phải được tập trung để thực hiện với tinh thần nghiêm túc, vừa khẩn trương vừa chủ động, tích cực của mỗi cấp ủy, các Ban, Đảng đoàn phải xác định rõ trách nhiệm, lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ từ trên xuống dưới, từ trong Đảng ra ngoài quần chúng để cuộc vận động đạt kết quả tốt nhất.

Nhằm tăng cường việc chỉ đạo của cấp ủy đối với công tác này, ở cấp tỉnh, Tỉnh ủy đã nhất trí phân công một số đồng chí trong cấp ủy chuyên trách, thường xuyên lo giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy để lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức việc thực hiện Chỉ thị 192 nói riêng và tổng kết cuộc vận động “Nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh” nói chung được chặt chẽ, kịp thời.

Các ban công tác xây dựng Đảng của tỉnh (Tuyên huấn, Tổ chức, Ủy ban Kiểm tra) phải phân công có đồng chí trong lãnh đạo của ban và một số cán bộ chuyên trách phụ trách. Mỗi ban phải chủ động tham gia theo chức năng tham mưu cho cấp ủy và chủ

động kiểm tra, đề xuất các vấn đề giúp cấp ủy chỉ đạo việc làm cụ thể, chặt chẽ.

Các ban khác của Tỉnh ủy sẽ tùy theo chức năng của mỗi ban mà tham gia giúp cấp ủy đánh giá tình hình cơ sở, nhận xét cán bộ, đảng viên và đề xuất những vấn đề giúp Tỉnh ủy để chỉ đạo các đợt làm tập trung và việc tổng kết cuộc vận động đạt được kết quả tốt.

Các huyện, thị ủy, các đảng ủy và chi bộ trực thuộc tỉnh, các ban, đảng đoàn xung quanh tỉnh sẽ căn cứ vào Nghị quyết này để thi hành thuộc địa phương, ngành mình phụ trách.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ
NÔNG CÔNG THƯỜNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 91-TB/TU, ngày 8-7-1974

Về đợt sinh hoạt chính trị học tập và thực hiện Nghị quyết 22 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng

Căn cứ vào tình hình cụ thể của địa phương và thực hiện Kế hoạch số 6-CV/TW ngày 4-2-1974 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về đợt sinh hoạt chính trị học tập và thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 22 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã có kế hoạch hướng dẫn các cấp, các ngành tiến hành triển khai và chia ra làm hai bước:

Bước I: Từ ngày 9-2 đến hết tháng 4-1974. Nội dung chủ yếu của bước này là phổ biến tinh thần cơ bản của Nghị quyết 22 của Trung ương cho cán bộ lãnh đạo chủ chốt, cán bộ tuyên huấn ở các ngành, các huyện, thị, sau đó phổ biến sâu rộng đến toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh; đồng thời chuẩn bị nội dung cho bước II học tập và thực hiện Nghị quyết 22.

Nhìn chung trong toàn tỉnh, các ngành, các cấp đã khẩn trương triển khai, phổ biến tinh thần Nghị quyết xuống cơ sở. Đối chiếu với bản Kế hoạch số 6 của Trung ương, bước này đã hoàn thành cơ bản và đạt yêu cầu. Bước đầu, cán bộ, đảng viên và quần chúng các ngành, các cấp từ tỉnh xuống đến cơ sở đã nâng cao thêm về nhận thức tư tưởng, nhất trí cao với sự đánh giá tình hình kinh tế miền Bắc của Trung ương, thấy rõ nhiệm vụ cấp bách hiện

nay của các ngành, các cấp trong hai năm khôi phục và phát triển kinh tế - văn hóa 1974-1975, đồng thời đã đề ra được những biện pháp thiết thực giúp cơ sở tổ chức hành động nhằm biến Nghị quyết của Trung ương thành hành động cách mạng của quần chúng. Song việc phổ biến tinh thần Nghị quyết 22 trong bước I cũng chưa được đều khắp, một số nơi chưa truyền đạt kịp thời...

Bước II: Từ tháng 5 đến tháng 7-1974. Đây là bước trọng tâm của đợt sinh hoạt chính trị. Nội dung của bước này là học tập, thảo luận, nắm chắc tư tưởng chủ đạo và các quan điểm cơ bản của Nghị quyết 22, gắn với việc thực hiện Chỉ thị 192 về công tác xây dựng Đảng, Chỉ thị 205 và Nghị quyết 228 về công tác bảo vệ trị an, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở đó tự liên hệ kiểm điểm khẳng định những thành tích, tìm được những thiếu sót, tồn tại và nguyên nhân của nó trong công tác lãnh đạo và quản lý kinh tế của các cấp, các ngành; đồng thời đề ra được phương hướng, nhiệm vụ phấn đấu trong 2 năm 1974-1975.

Cụ thể trong bước này Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã họp hội nghị toàn thể để học tập quán triệt Nghị quyết 22 của Trung ương Đảng, kiểm điểm sự lãnh đạo của Đảng bộ về công tác quản lý kinh tế, quản lý xã hội từ năm 1970 đến nay và đã bàn bạc nhất trí đề ra được các nghị quyết về nhiệm vụ và biện pháp chủ yếu khôi phục và phát triển kinh tế trong tỉnh 2 năm 1974-1975 (số 15); về phương hướng, nhiệm vụ, biện pháp xây dựng và củng cố các hợp tác xã nông nghiệp (số 16); về công tác cán bộ (số 17)... Sau đó đã tiếp tục triển khai trong cán bộ lãnh đạo chủ chốt các ngành của tỉnh và của huyện, thị về nội dung trên.

Qua hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và hội nghị cán bộ toàn tỉnh đã tiếp tục củng cố thêm về nhận thức tư tưởng, tạo ra sự nhất trí cao trong toàn đảng bộ. Trong học tập và kiểm điểm đã làm cho các ngành, các cấp cũng mạnh dạn tham gia ý kiến và thẳng thắn phê bình sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, đồng thời cũng liên hệ tự phê bình những thiếu sót, tồn tại và tìm ra

nguyên nhân trong công tác quản lý kinh tế, quản lý xã hội của ngành, cấp mình.

Sau hội nghị cán bộ tỉnh, các ngành, các cấp trong toàn tỉnh đã chuẩn bị tiến hành triển khai bước II đợt sinh hoạt chính trị theo kế hoạch hướng dẫn (số 02) của Tỉnh ủy và đến nay đã có 36 cơ quan, đơn vị đến thông qua báo cáo kiểm điểm và phương hướng, nhiệm vụ với Tỉnh ủy, trước khi tiến hành. Một số đơn vị đã triển khai đến chi bộ cơ sở và quần chúng như Đảng đoàn Ty Tài chính, Ty Công nghiệp, Huyện ủy Bát Xát, Thị ủy Cam Đường, v.v..

Trong quá trình triển khai đợt sinh hoạt chính trị học tập và thực hiện Nghị quyết 22 Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Tỉnh ủy nhận thấy: Nói chung các ngành, các cấp đã có nhiều cố gắng trong việc chấp hành Kế hoạch số 6 của Trung ương và số 02 của Tỉnh ủy; một số đơn vị đã khẩn trương triển khai học tập và nghiêm túc kiểm điểm đánh giá đúng đắn những ưu, khuyết điểm trong công tác quản lý kinh tế, quản lý xã hội đã kết hợp học tập, kiểm điểm với sơ kết, bình công, báo công 6 tháng đầu năm 1974 và bước đầu đã đẩy mạnh khí thế thi đua lao động sản xuất và công tác (trong khu vực nông thôn cũng như khu vực nhà nước). Song bên cạnh đó cũng còn một số khó khăn và thiếu sót, tồn tại cần được ra sức khắc phục như:

- Song song với đợt sinh hoạt chính trị, chúng ta phải tập trung hoàn thành những công tác trước mắt, đặc biệt là thu chiệm, làm mùa, triển khai học tập và thực hiện Chỉ thị 192... do việc bố trí, sắp xếp công việc chưa hợp lý, khoa học nên việc triển khai nhiều nơi còn chậm, chưa đảm bảo đúng lịch quy định là hết tháng 6-1974 phải hoàn thành bước II trong khu vực Nhà nước.

- Một số đơn vị làm còn qua loa, đại khái, có nơi mới phổ biến Nghị quyết 22 đến cán bộ, đảng viên, chưa tổ chức học tập đến quần chúng. Báo cáo kiểm điểm chưa quán triệt đầy đủ quan điểm cơ bản của Nghị quyết 22, chưa làm đúng theo kế hoạch hướng dẫn của Trung ương và Tỉnh ủy.

- Việc phát động thi đua ở một số đơn vị còn yếu, do đó phong trào chuyển biến, tiến bộ chưa mạnh, v.v..

Chỉ còn trên 20 ngày nữa là kết thúc bước II đợt sinh hoạt chính trị học tập và thực hiện Nghị quyết 22 của Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các ngành, các cấp cần kiểm điểm rút kinh nghiệm những thiếu sót trong quá trình chỉ đạo tiến hành triển khai, dựa vào Kế hoạch số 6 của Trung ương và Kế hoạch số 02, 03 của Tỉnh ủy để vận dụng thực hiện cho đúng, đảm bảo được nội dung, yêu cầu và thời gian quy định, tạo ra được sự chuyển biến mới và nhận thức tư tưởng, đẩy lên khí thế thi đua lao động sôi nổi, đều khắp trong đảng bộ và nhân dân nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết 22 của Trung ương và các nghị quyết của Tỉnh ủy.

Mong các đồng chí lưu ý thi hành và báo cáo kết quả về Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

NÔNG CÔNG THƯỜNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 15-BC/TU, ngày 10-7-1974

Về tình hình 6 tháng đầu năm 1974

Phát huy thắng lợi của năm trước, với đà phấn khởi được Bác Tôn tặng lẵng hoa về thành tích năm 1973 và trên tinh thần phấn khởi vươn lên thực hiện Nghị quyết 22 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng 6 tháng đầu năm 1974, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Lào Cai đã tích cực, cố gắng khắc phục khó khăn trong mọi hoạt động, công tác đã tạo ra một sự chuyển biến tiến bộ mới.

Tình hình thể hiện trên các mặt công tác chủ yếu như sau:

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ - VĂN HÓA, THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC, Củng cố QUAN HỆ SẢN XUẤT XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Về nông - lâm nghiệp

a) *Trồng trọt:* Trong 6 tháng đầu năm 1974 tình hình khí hậu, thời tiết có một số khó khăn (hạn hán, giá rét kéo dài, có một số đợt sương muối, mưa đá, mưa tuyết) gây tác hại cho các loại cây trồng, nhất là ở vùng cao, mặt khác do nhuận hai tháng tư âm lịch nên ảnh hưởng một phần đến tư tưởng của một số cán bộ và nhân dân trong việc phấn đấu thực hiện lịch thời vụ gieo trồng...

Trước tình hình đó, việc lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy và các ngành, các cấp trong tỉnh đã chú ý giáo dục chính trị, tư tưởng, mở hội nghị phát động sản xuất đông - xuân, triển khai xuống cơ sở... Một số huyện đã tiến hành kiểm tra nắm tình hình sản xuất, tình hình hợp tác xã; đã vận động quần chúng tập trung làm tốt một số công tác chủ yếu phục vụ cho sản xuất như thủy lợi, phân bón, làm đất gieo trồng cho vụ xuân, chăm sóc cây trồng vụ đông; phòng, chống rét và phòng trừ dịch bệnh cho gia súc, khai hoang, phục hóa, cày ải ruộng mùa, v.v..

Khắc phục khó khăn (thiếu nước, thiếu mạ do giá rét, hạn hán gây nên) phấn đấu đảm bảo diện tích, nhiều địa phương đã gieo thêm mạ, cấy tiết kiệm mạ, điều hòa mạ giữa nơi thừa với nơi thiếu; đồng thời đẩy mạnh phong trào tu sửa và làm mới các mương, phai, có kế hoạch quản lý, sử dụng và tận dụng công suất các công trình thủy lợi.

Nhờ những cố gắng trên nên việc thực hiện các chỉ tiêu sản xuất trồng trọt vụ đông - xuân đã thu được một số kết quả:

- Lúa xuân toàn tỉnh đã cấy được 2.173 ha, đạt 91% kế hoạch (trong đó có 115 ha phải bỏ không cấy vì thiếu nước, thiếu mạ). Giống nông nghiệp 8 đã cấy được khoảng 350 ha so với kế hoạch, đạt 87,5% và so với tổng diện tích đã cấy chiếm 16,1%.

- Ngô xuân đã trồng được 11.000 ha, so với kế hoạch đạt 79%, trong đó có một số tăng vụ đưa xuống ruộng và tập trung ở một số nơi như khu vực Bản Sen (Mường Khương), Bát Xát, Bảo Thắng đã trồng được 40 ha ngô lai Ấn Độ...

Nguyên nhân hụt kế hoạch, tuy có nắng hạn, đất không cày được, gieo hạt không nảy mầm nhưng chủ yếu là do việc tổ chức khai hoang vùng ngô tập trung chưa cụ thể, quy hoạch và tổ chức lực lượng lao động để thực hiện chưa rõ ràng. Tốc độ khai hoang trồng ngô tập trung còn chậm, giống ngô lai thiếu nhiều. Diện tích ngô phần lớn còn do xã viên và nhân dân trồng riêng không thống kê được đầy đủ.

- Các loại hoa màu, cây lương thực khác như sắn đạt 92%, khoai sọ đạt 58%, khoai lang chỉ đạt 16% so với kế hoạch.

- Các loại rau đậu, cây công nghiệp ngắn ngày so với kế hoạch đều hụt mức.

Như vậy là so với kế hoạch hầu hết các chỉ tiêu gieo trồng vụ xuân 1974 đều không đạt và so với vụ xuân 1973 chỉ trừ có sắn, đậu tương, cây sả là tăng, còn các chỉ tiêu khác cũng đều hụt.

Do hụt diện tích và phân bón ít (bình quân mỗi ha mới bón được trên 4,2 tấn phân chuồng) nên mặc dù thời tiết sau khi cấy có mưa luân, chân ruộng cấy kịp thời vụ lúa khá tốt, nhưng khả năng sản lượng vẫn không đạt kế hoạch.

Sản xuất vụ mùa hiện nay thời tiết tương đối thuận lợi, tốc độ sản xuất đã được đẩy mạnh hơn trước; vùng cao đã cấy xong, vùng thấp cấy bữa cũng đã xong căn bản, chân ruộng một vụ, có nơi đã bắt đầu cấy. Tính đến ngày 7-7-1974, toàn tỉnh đã cấy được 4.064 ha, so với kế hoạch đạt khoảng 54%, lúa nương đã tra được 3.281 ha, đạt 60,9%. Một số nơi ở vùng cao đã sử dụng phân bón hóa học song nhìn chung việc chuẩn bị phân bón cho vụ mùa còn yếu.

b) Chăn nuôi: Nhờ cố gắng khắc phục khó khăn, giải quyết khâu giống, thức ăn gia súc và tiêm phòng bao vây hạn chế được dịch bệnh nên nhìn chung đàn gia súc vẫn được duy trì và phát triển. So với kế hoạch, đàn trâu đạt 95% (36.389), đàn bò đạt 96% (7.271 con). So với năm 1973 chỉ trừ có đàn bò đạt 99% còn hầu hết đều vượt, trong đó đàn lợn tăng 14%, đàn ong và cá vẫn duy trì được nhưng chưa đạt kế hoạch. Hiện nay, khó khăn nhất vẫn là vấn đề thức ăn gia súc, chất bột dự trữ khá lớn là cây sắn, vừa qua hầu hết đã đào dỡ bán cho đồng bào miền xuôi chống đói, do đó nếu không có biện pháp khắc phục giải quyết tốt khâu thức ăn thì việc duy trì đàn gia súc như hiện nay cũng có nhiều trở ngại.

c) Nghề rừng: Trồng rừng quốc doanh có nhiều tiến bộ (trong số 290 ha rừng mới trồng có 125 ha do các lâm trường trồng). Một

số nơi có phong trào khá về trồng rừng, bảo vệ rừng. Kết quả trồng cây toàn tỉnh so với cùng thời gian năm 1973 tăng 16%, đã chăm sóc 479 ha và tu bổ 30 ha rừng.

Tuy nhiên việc kiểm tra đôn đốc quản lý, bảo vệ rừng thiếu chặt chẽ nên tốc độ đốt phá rừng vẫn xảy ra ở một số nơi, gây thiệt hại hàng trăm ha. Nhiều vụ đốt phá rừng chưa được xử lý kịp thời. Việc đưa nghề rừng vào hợp tác xã kinh doanh và quản lý làm còn chậm.

d) Tình hình hợp tác xã nông nghiệp và đời sống nhân dân: Nhìn chung tình hình các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp trong tỉnh thời gian qua vẫn chưa có chuyển biến đáng kể, phong trào còn nhiều khó khăn, nhất là vùng cao. Việc giáo dục và đấu tranh giữa hai con đường còn yếu và thiếu thường xuyên do đó hiện tượng làm ăn riêng lẻ có chiều hướng phát triển, ý thức trách nhiệm đối với sản xuất tập thể chưa cao.

Đời sống nhân dân trong thời kỳ giáp hạt vừa qua có bị ảnh hưởng giá cả một số mặt hàng về lương thực, thực phẩm có bị tăng lên (do đồng bào dưới xuôi lên đông) nhưng đời sống của đồng bào nói chung vẫn bảo đảm. Ở vùng cao, một số nơi còn gặp khó khăn (Sa Pa, Si Ma Cai, thượng huyện Bát Xát) nhưng đã kịp thời giải quyết.

Vừa qua có một số hộ đồng bào ở Si Ma Cai (gồm 152 nhân khẩu) chuyển cư xuống Yên Bái rồi về vùng Cốc Lầu (huyện Bắc Hà, khu vực dân tộc Dao), tỉnh đã có biện pháp cụ thể giải quyết. Vụ đông - xuân có thể huy động sản lượng lương thực, do đó cần phải chú ý giáo dục ý thức tiết kiệm lương thực cho nhân dân để đề phòng thiếu ăn trong kỳ giáp hạt sắp tới...

Đối với phong trào hợp tác xã nông nghiệp, Tỉnh ủy đã đề ra Nghị quyết số 16 nhằm xây dựng và củng cố các hợp tác xã góp phần đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ và khôi phục phát triển kinh tế - văn hóa hai năm 1974 - 1975 của địa phương.

Thời gian qua tỉnh đã tiếp nhận đợt đầu đồng bào Nam Hà lên xây dựng vùng kinh tế mới ở địa phương (đưa vào Bảo Thắng,

huyện trọng điểm chỉ đạo của tỉnh). Căn cứ theo quy hoạch, đã tổ chức thành 4 hợp tác xã chuyên canh cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả và nghề rừng. Đến nay đang bắt tay vào sản xuất. Tuy nhiên do bước đầu gặp nhiều khó khăn về tư tưởng và tổ chức nên đã có một số người bỏ về.

2. Về công nghiệp

a) Công nghiệp quốc doanh địa phương: Dựa vào nguyên liệu sẵn có ở địa phương, một số cơ sở sản xuất thêm mặt hàng mới bảo đảm cho sản xuất liên tục, nâng cao năng suất lao động và công suất thiết bị, nhờ đó sản xuất đã có lãi. Một số cơ sở sản xuất theo thời vụ đã chủ động chuẩn bị các điều kiện ngay từ đầu, bảo đảm cho sản xuất sớm ổn định.

Việc ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế ngày càng có tiến bộ, nhờ đó tốc độ phát triển có khá hơn so với cùng thời kỳ năm trước.

Tuy nhiên, trong công nghiệp địa phương, số đông các cơ sở vẫn chưa xác định được mức độ phát triển, phương hướng sản xuất lâu dài của mình, cũng như kế hoạch được giao từng thời gian thường chậm và thiếu cụ thể, gây cho cơ sở nhiều lúng túng. Việc cung cấp nguyên, nhiên, vật liệu, thiết bị và tiêu thụ sản phẩm vẫn chưa được giải quyết tốt làm cho công nghiệp địa phương chưa phục vụ kịp thời yêu cầu của nông nghiệp và các ngành kinh tế khác.

Công tác quản lý tuy có tiến bộ nhưng vẫn đáp ứng yêu cầu của tình hình, năng suất lao động, công suất thiết bị nói chung còn thấp. Các mặt hàng chủ yếu thường đạt thấp so với kế hoạch. Tinh thần hợp tác tương trợ giữa công nghiệp và thủ công nghiệp cũng như với các ngành kinh tế khác chưa chặt chẽ và đồng bộ, gây cho công tác chỉ đạo sản xuất còn phân tán, tản mạn.

b) Thủ công nghiệp: Trừ một vài mặt như chế biến dao, sắn (cá thệ), sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất mặt hàng xuất khẩu tằm

mạnh... có phát triển, còn các ngành khác nói chung có hiện tượng sản xuất cầm chừng vì không đủ việc làm. Sự phối hợp, hỗ trợ, phân công giữa thủ công nghiệp và công nghiệp địa phương chưa cụ thể rõ ràng. Các cơ sở thủ công nghiệp ở các huyện, thị, các phòng thủ công nghiệp huyện, thị đều yếu, chưa được củng cố kiện toàn.

Công tác quản lý trong thủ công nghiệp tuy có tiến bộ nhưng chưa đồng đều, chất lượng sản phẩm của thủ công nghiệp nói chung còn thấp, giá thành còn cao. Tư tưởng muốn tự sản tự tiêu, chỉ muốn được Nhà nước cung cấp lương thực và vật tư mà không nộp sản phẩm cho Nhà nước vẫn còn xảy ra trong một số cơ sở thủ công nghiệp.

Tổng giá trị sản lượng 6 tháng đầu năm của công nghiệp địa phương ước đạt 8.324.600 đồng, bằng 51,3% so với kế hoạch cả năm. Trong đó công nghiệp quốc doanh ước đạt 52,3%; thủ công nghiệp ước đạt 48,2%. Nhóm A ước đạt 40%, nhóm B ước đạt 60,1%. Giữa các ngành trong khối cũng có sự chênh lệch nhau nhiều: ngành thực phẩm đạt 65,9% kế hoạch năm, ngành vật liệu xây dựng mới đạt 39,9%, khai thác gỗ đạt 38,5% kế hoạch năm. Một số sản phẩm chủ yếu đạt rất thấp: xi măng đạt 22,9%, gạch 42,7%, ngói 41,2%, vôi 15,8%, gỗ tròn 23,3%, củi 21,2%... Các mặt hàng sản xuất: đường, giấy các loại, may mặc, cơ khí cũng đạt quá thấp.

c) Công nghiệp Trung ương đóng tại địa phương: Nhiệm vụ kế hoạch của các xí nghiệp được giao nói chung ổn định. Các xí nghiệp đã có nhiều cố gắng khắc phục khó khăn về máy móc thiết bị, phụ tùng thay thế. Công tác quản lý của các xí nghiệp Trung ương tuy đã có một số tiến bộ nhưng vẫn chưa trở lại được nền nếp như trước chiến tranh.

Tổng số giá sản lượng của các xí nghiệp Trung ương trong 6 tháng đầu năm 1974 ước đạt:

- Mỏ apatít: 54,57% so với kế hoạch cả năm.
- Địa chất 5: 51,7% so với kế hoạch cả năm.
- Địa chất 24: 50,15% so với kế hoạch cả năm.

- Địa chất 39: 25% so với kế hoạch cả năm.

- Máy điện: 59,01% so với kế hoạch cả năm (nhưng công tác vận hành chưa an toàn, còn dễ xảy ra sự cố ảnh hưởng đến sản xuất của công trường, xí nghiệp).

Về xây dựng cơ bản: Đã tập trung tiền vốn và nhân lực phục vụ các công trình trọng điểm trong các ngành giao thông, nông - lâm nghiệp, thủy lợi, công nghiệp... với chủ trương tập trung chỉ đạo các công trình trọng điểm, thi công nhanh, dứt điểm, sớm ổn định công trình vào sử dụng, phát huy hiệu quả kinh tế.

Nhưng trong quá trình thực hiện, do các thủ tục ban đầu làm chậm, chỉ đạo thi công phân tán, thiếu tập trung dứt điểm, hơn nữa việc cung cấp nguyên liệu, thiết bị và công nhân kỹ thuật cho xây dựng cơ bản thường bị thiếu đã ảnh hưởng đến tốc độ thi công. Việc kết hợp giữa xây dựng các công trình kiên cố với nửa kiên cố và tạm thời chưa được thực hiện chặt chẽ nên xây dựng cơ bản chưa đáp ứng kịp thời với yêu cầu phát triển. Do công tác quản lý chưa chặt chẽ, nên nếp nên năng suất lao động vẫn còn thấp, chất lượng công trình chưa cao.

Tổng mức đầu tư ước thực hiện trong 6 tháng đầu năm là 3.099.000 đồng, bằng 34% so với kế hoạch năm, so với cùng kỳ năm trước tăng 13%.

Về vận tải - bưu điện: Công tác vận tải chủ yếu đã tập trung vào việc phục vụ cho sản xuất công - nông nghiệp, xây dựng cơ bản và đời sống nhân dân. Các đường giao thông đi vào các vùng kinh tế của tỉnh đã và đang tiếp tục được xây dựng bảo đảm cho sự vận chuyển thuận lợi phục vụ cho sản xuất và sự đi lại của nhân dân... các trục đường chính trong tỉnh vẫn được bảo dưỡng, tu sửa trước mùa mưa bão để bảo đảm giao thông được thường xuyên thông suốt.

Tồn tại, thiếu sót hiện nay trong công tác vận tải là: Công tác quản lý còn lỏng lẻo nên năng suất cũng như các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật trong vận tải còn thấp, gây nhiều lãng phí và sơ hở, công tác giao thông nông thôn phát triển chậm và chưa đều.

Tổng khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển trong 6 tháng đầu năm ước đạt 41% về tấn và 37% về tấn/km so với kế hoạch năm.

Tổng khối lượng hành chính ước đạt 49% về lượt người và 47% về lượt người/km so với kế hoạch năm.

Công tác liên lạc vẫn bảo đảm thường xuyên thông suốt kể cả nội tỉnh và ngoại tỉnh nhưng chất lượng đường dây chưa tốt.

3. Về tài chính - thương nghiệp

Đã có những cố gắng trong việc bám vùng, bám cơ sở để đầu tư vốn, phục vụ cơ sở phát triển đẩy mạnh sản xuất và tăng cường quản lý kinh tế, tài chính. Các ngành đã có sự phối hợp phục vụ đồng bào miền xuôi lên tham gia phát triển kinh tế - văn hóa miền núi sớm ổn định nơi ăn chốn ở đi vào sản xuất. Kết quả các mặt công tác như sau:

- *Công tác lương thực:* Do sự phối hợp giữa ngành lương thực với các huyện thiếu chặt chẽ nên công tác kiểm tra, đôn đốc, vận động thiếu thường xuyên và sâu sát, nhân dân ở một số nơi (giáp vùng cao, giáp tỉnh Yên Bái) lại có tư tưởng chờ đợi được thực hiện Nghị quyết số 109 của Chính phủ nên công tác huy động lương thực đạt thấp so với kế hoạch.

Công tác cung cấp lương thực cho các cơ sở trồng cây công nghiệp và sản xuất thủ công nghiệp vẫn được tiến hành bình thường, song số sản phẩm thu nộp chưa tương xứng với số lương thực Nhà nước cung cấp cho các cơ sở sản xuất, thậm chí có cơ sở trong một thời gian dài không nộp được một sản phẩm nào cho Nhà nước.

Kết quả công tác huy động lương thực vụ mùa 1973 chuyển sang đạt nghĩa vụ 73,7%, mua theo giá cao 88,4%, thu nợ 6,8%, sản khô 53,2%.

- *Công tác thu mua nắm nguồn hàng:*

a) *Nông sản - thực phẩm, hàng gia công, tự sản xuất chế biến:*
Do quan hệ sản xuất chưa được củng cố, phương thức tổ chức chỉ

đạo thu mua nhiều mặt chưa hợp lý, đội ngũ thu mua tuy bước đầu có được chấn chỉnh nhưng chưa thật yên tâm, phấn khởi, bám vùng để đi sát cơ sở thu mua. Hơn nữa giá cả một số mặt hàng nông sản, thực phẩm trên thị trường tự do luôn biến động tăng lên đã ảnh hưởng đến công tác thu mua của Nhà nước. Thu mua theo nghĩa vụ vẫn đạt thấp hơn so với thu mua theo giá cao (mới đạt 12,6%) kế hoạch năm. Việc ký kết hợp đồng kinh tế giữa các ngành tuy có tiến bộ nhưng nói chung vẫn còn chậm và thi hành chưa nghiêm chỉnh. Trong một số cơ sở công nghiệp quốc doanh và thủ công nghiệp, hiện tượng tự sản tự tiêu, không giao hàng qua khâu lưu thông vẫn còn xảy ra.

Tổng giá thu mua nông sản, thực phẩm ước đạt 1.400.000 đồng, bằng 94,59% so với kế hoạch 6 tháng và tăng 1,83% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng trị giá thu mua, gia công hàng công nghiệp địa phương ước đạt 79,2% so với kế hoạch 6 tháng đầu năm và chỉ bằng 96,2% so với cùng kỳ năm trước.

b) *Nhận hàng cấp I*: Hàng cấp I được phân phối thường lên chậm hay lên dồn dập trong một thời gian và không đáp ứng yêu cầu thị hiếu của địa phương. Tổng trị giá nhận hàng cấp I ước đạt 7.000.000 đồng, bằng 99,12% so với kế hoạch 6 tháng đầu năm, so với cùng kỳ năm trước tăng 0,64%.

c) *Thu mua hàng xuất khẩu*: Đã cố gắng quan hệ với các công - nông - lâm trường và hợp tác xã sản xuất hàng xuất khẩu để giúp hướng dẫn các cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu theo quy cách, phẩm chất. Nhờ đó, kết quả thu mua hàng xuất khẩu 6 tháng đầu năm đã đạt 63,1% so với kế hoạch cả năm.

Tuy nhiên, công tác thu mua hàng xuất khẩu còn nhiều mặt bị hạn chế. Ngoài khó khăn khách quan, sự phối hợp giữa hai ngành nội và ngoại thương chưa chặt chẽ nên nhiều mặt hàng có giá trị xuất khẩu chưa được tổ chức, khai thác và vận động thu mua.

- *Công tác phân phối bán ra*: Trước yêu cầu phục vụ sản xuất và đời sống ngày càng tăng, nhưng do công tác thu mua không đạt kế hoạch, hàng cấp I phân phối lại nên không đều đã ảnh hưởng đến công tác phân phối bán ra. Tuy nhiên ngành Thương nghiệp đã cố gắng bảo đảm cung cấp các mặt hàng theo tiêu chuẩn định lượng (thịt, mì chính...) ở hai thị xã không để nợ đọng. Ngoài ra còn phân phối thêm cho cán bộ, công nhân viên một số mặt hàng ngoài tiêu chuẩn (cá khô, mắm tôm, đường đỏ). Riêng các huyện, thị còn có khó khăn hơn.

Tuy nhiên công tác phân phối, bán ra vẫn còn nhiều thiếu sót, tồn tại; phương thức phân phối vẫn chưa được cải tiến, gây nhiều lãng phí lao động xã hội, còn tình trạng hàng hóa không đến được tận tay người tiêu dùng.

Một số mặt hàng thiết yếu cho đời sống: Chất đốt, rau xanh, bát sứ, kim chỉ, xà phòng giặt... thường không đủ để bán; một vài nơi ở vùng cao thiếu cả dầu hỏa, muối, đồng bào phải ra tận thị xã mới mua được. Khâu ăn uống phục vụ chưa đáp ứng với yêu cầu của xã hội, vệ sinh còn kém, giá thành còn đắt, sự hoạt động của các hợp tác xã mua bán nói chung rất yếu. Tình trạng thiếu hụt vốn là phổ biến. Các cơ sở còn hoạt động phần đông mang tính chất đại lý bán lẻ một số mặt hàng và có xu hướng thiên về kinh doanh ăn uống.

Tổng giá trị bán ra ước đạt 9.890.000 đồng, bằng 86,75% so với kế hoạch 6 tháng đầu năm và tăng 15,85% so với cùng kỳ năm trước.

- *Công tác quản lý kinh tế*: Thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Chính phủ về tăng cường quản lý kinh tế, bước đầu đã có chuyển biến trong việc thanh toán, thu hồi công nợ, tài sản thất lạc... kiểm tra các dụng cụ đo lường của các cửa hàng, xử lý một số vụ tham ô, móc ngoặc, hoặc thiếu trách nhiệm để mất mát, hư hỏng tài sản, tem phiếu.

Song công tác quản lý kinh tế vẫn còn nhiều mặt yếu. Tình hình kế toán, tài vụ ở một số công ty còn dây dưa, kéo dài (đến nay ngành Thương nghiệp vẫn chưa quyết toán xong năm 1973).

- *Công tác tài chính - tiền tệ*: Đã có nhiều cố gắng trong việc giúp đỡ các cơ sở cho vay vốn phát triển sản xuất, hướng dẫn nghiệp vụ quản lý, đào tạo cán bộ kế hoạch... tăng cường đi xuống cơ sở để nghiên cứu, tận thu các nguồn tiềm tàng, cố gắng tăng thu, giảm chi. Song, do nhiều xí nghiệp không hoàn thành kế hoạch giá trị tổng sản lượng nên đã ảnh hưởng đến công tác thu chi tài chính. Công tác quản lý tiền mặt chưa chặt chẽ.

Sự hoạt động của các hợp tác xã tín dụng nói chung ngày càng giảm sút. Vốn cho vay thường chưa được phát huy hiệu quả tối đa, một số trường hợp đã sử dụng vốn tín dụng không đúng mục đích, gây nên tham ô, thiếu nợ nhập nhằng.

Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm: Thu tài chính ước đạt 40,9% so với kế hoạch năm. Thu tiền mặt ước đạt 52,33% kế hoạch năm, thu tiết kiệm ước đạt 97,43% kế hoạch năm, thu nợ ước đạt 35% kế hoạch năm.

- *Công tác quản lý thị trường, giá cả*: Tình hình thị trường, giá cả trong 6 tháng đầu năm diễn biến phức tạp. Lợi dụng số bà con ở xuôi lên mua lương thực lúc giáp hạt, số người bỏ sản xuất ra buôn bán ngày càng đông, gây thêm nhiều khó khăn cho công tác quản lý thị trường, trật tự, trị an xã hội và ổn định giá cả.

Thực hiện Nghị quyết số 228 của Bộ Chính trị, các ngành đã có sự phối hợp kiểm tra tình hình buôn bán trong hai chợ thị xã Lào Cai và Cam Đường, bước đầu hạn chế được một số vụ buôn lậu và buôn bán trái phép, ngăn ngừa được một số vụ tham ô, móc ngoặc, lợi dụng ăn cắp vật tư, tài sản của Nhà nước trong các cơ quan và cơ sở kinh tế quốc doanh và tập thể.

Để khuyến khích phát triển sản xuất, tỉnh đã đề nghị điều chỉnh nâng giá thu mua đậu tương (hình thức trợ giá), bước đầu có tác dụng động viên tinh thần phấn khởi của nông dân, xã viên nông nghiệp.

Tuy vậy công tác quản lý thị trường vẫn còn nhiều hiện tượng lỏng lẻo, sơ hở, thiếu sót. Sự phối kết hợp giữa các ngành, các cấp

vẫn thiếu chặt chẽ, ăn khớp (hiện nay ở thị xã Lào Cai và một vài nơi khác thường xuyên có hàng trăm người ở xuôi lên buôn bán trái phép vẫn chưa có biện pháp tổ chức quản lý). Do đó giá cả một số mặt hàng về lương thực, thực phẩm trên thị trường tự do gần đây tăng nhanh theo chiều hướng không lành mạnh, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống hàng ngày của cán bộ, công nhân viên và nhân dân chung quanh các thị trấn, thị xã.

4. Về văn xã

Trong 6 tháng đầu năm, công tác văn xã đã có những cố gắng tiến bộ nhằm phục vụ tốt hơn việc thực hiện kế hoạch Nhà nước và các nhiệm vụ chính trị ở trong tỉnh theo tinh thần Nghị quyết 22.

- *Về văn hóa - thông tin*: Các hoạt động văn hóa, thông tin đã có một số tiến bộ mới, phục vụ thiết thực những nhiệm vụ chính trị của địa phương; tuyên truyền cho thắng lợi năm 1973 và kế hoạch Nhà nước năm 1974 nhân dịp Lào Cai nhận lăng hoa của Bác Tôn trao tặng, các ngày lễ kỷ niệm lớn (3-2, 1-5, 19-5) (...) và ngày bầu cử Hội đồng nhân dân tỉnh. Đồng thời ngành văn hóa, thông tin đã cố gắng tổng kết các điển hình để từ đó rút ra việc xây dựng phong trào văn hóa ở các xã vùng cao. Các hoạt động sáng tác (văn công, văn nghệ...) đã có một số kết quả. Việc xây dựng chức năng, cải tiến lề lối làm việc cũng đã có những chuyển biến bước đầu. Công tác quản lý nội dung (thông tin, tuyên truyền, sáng tác, xuất bản), quản lý vật tư, tài sản... cũng đang trên đà tiến bộ.

- *Công tác giáo dục*: Nhìn chung phong trào giáo dục vẫn phát triển bình thường ở vùng thấp. Phong trào thi đua “Hai tốt” phấn đấu làm theo các điển hình tiên tiến ở miền núi đã có những cố gắng nhất định. Một số điển hình tốt ở trong tỉnh (phong trào mẫu giáo xã Xuân Giao, trường cấp I Sin Quyền, phong trào giáo dục xã Bản Phố, trường thiếu niên vùng cao Mường Khương...) đã được tổng kết rút kinh nghiệm. Ngành Giáo dục đã có một vài cố gắng bước đầu củng cố phong trào giáo dục vùng cao như mở trường

thiếu niên vùng cao, bồi dưỡng tiếng nói và chữ Mèo cho số giáo viên đang công tác ở vùng cao. Các trường phổ thông và bổ túc văn hóa tập trung đã kết thúc năm học. Kết quả thi cấp I, II đạt tương đối khá (cấp I đạt 88,71%, cấp II đạt 85,38%) nhưng cấp III đạt thấp (44,55%). Phong trào bổ túc văn hóa ở các địa bàn công - nông - lâm trường, xí nghiệp có chuyển biến khá, các trường bổ túc văn hóa tập trung cũng đã có tiến bộ hơn trước.

- *Công tác y tế*: Ngành Y tế đã có chú ý tới việc đẩy mạnh phong trào thi đua xây dựng các điển hình tiên tiến. Một số mặt công tác đã có những chuyển biến bước đầu như: Việc kiểm tra, đề xuất, kiến nghị đối với các cơ sở sản xuất lương thực, thực phẩm... để đề phòng (...) và tai nạn lao động. Công tác khám chữa bệnh đã có sự đi sâu vào một số bệnh ở địa phương (da liễu, sốt rét, bướu cổ...); một số bệnh viện đã đề cao việc quản lý lao động, chấp hành các quy chế...; việc kết hợp đông y với tây y, việc điều tra điển hình về bệnh tật, sức khỏe, môi trường sống... đã có kết quả tốt. Tỷ lệ tử vong ở các bệnh viện thấp, một số bệnh dịch cũng đã được ngăn chặn.

- *Công tác bảo vệ bà mẹ và trẻ em*: Việc vận động sinh đẻ có kế hoạch được đẩy mạnh hơn trước, thể hiện ở công tác tuyên truyền và tăng cường việc bồi dưỡng cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ để tránh sai sót. Công tác nhà trẻ cũng có những tiến bộ... Số cô nuôi dạy trẻ và số cháu được gửi vào nhà trẻ đều có tăng lên. Một số nhà trẻ điển hình đang được cố gắng xây dựng ở các cơ sở sản xuất tập trung đông người.

- *Công tác thể dục thể thao*: Có sự chuyển biến tốt về việc bồi dưỡng hướng dẫn viên cho các cơ sở huyện, thị, xí nghiệp, trường học. Phong trào tập thể dục buổi sáng có được đẩy mạnh hơn ở những cơ quan tập trung đông người. Trong lực lượng vũ trang đã có sự kết hợp tập quân sự với rèn luyện theo tiêu chuẩn. Phong trào quần chúng tham gia các hoạt động thể thao (bóng bàn, bóng chuyền, bóng đá...) đang có chiều hướng phát triển ở một số cơ quan, xí nghiệp.

Nhưng công tác văn xã cũng còn những tồn tại cần chú ý khắc phục:

Công tác văn hóa - thông tin: Công tác thông tin yếu, thiếu nhạy bén và kịp thời. Việc xây dựng nếp sống văn hóa ở vùng cao như thế nào cho phù hợp vẫn còn ở phạm vi nghiên cứu, suy nghĩ, thí điểm chưa đẩy lên thành phong trào mạnh mẽ. Bộ máy văn hóa, thông tin từ huyện đến xã hoạt động còn yếu, (...)... Xí nghiệp chưa đảm bảo kế hoạch, chưa phục vụ kịp thời yêu cầu của các cơ quan, các ngành của địa phương. Công tác quản lý nói chung cần được tăng cường hơn nữa.

Công tác giáo dục ở vùng cao vẫn sút kém, phong trào bỏ túc văn hóa ở nông thôn vẫn rất yếu. Việc tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo thi cử (ở cả ba cấp) còn có khâu chưa tốt, có việc sai phạm nghiêm trọng cần được rút kinh nghiệm kịp thời. Phong trào thi đua “2 tốt” làm theo các điển hình tiên tiến chưa được chú ý đúng mức. Bộ máy giáo dục cơ sở chưa được chú ý, kiện toàn, việc xây dựng trường, sở bản thân ngành Giáo dục chưa có chuyển biến đáng kể.

Công tác y tế và bảo vệ sức khỏe bà mẹ và trẻ em chưa được đẩy mạnh các khâu: vệ sinh công cộng, xây dựng các công trình vệ sinh còn yếu, chưa chủ động để ngăn chặn nhanh gọn, kịp thời các dịch bệnh; công tác chống sốt rét và các bệnh xã hội chưa mạnh, chất lượng thấp, chỉ tiêu không đạt; công tác quản lý còn yếu, mạng lưới y tế cơ sở có nơi quá kém. Công tác nhà trẻ chưa đẩy mạnh kịp thời với yêu cầu, chất lượng các nhà trẻ còn thấp.

II. CÔNG TÁC TRỊ AN - QUỐC PHÒNG

Hoạt động của bọn phản cách mạng nói chung không có gì mới so với năm 1973, bọn tù phản cách mạng được tha về cũng không thấy có sự phản ứng chống phá. Luận điệu phản tuyên truyền cũng không có gì đáng kể, chỉ rải rác có một vài tin ở vùng cao (nhiều nhất là khu vực Pha Long) như: nói ta thực hiện Chỉ thị 192

cũng giống như Trung Quốc làm cách mạng văn hóa và tung tin Liên Xô, Trung Quốc sẽ có đánh nhau ở khu vực biên giới. Ở một vài nơi biên giới có nhật được truyền đơn chữ Trung Quốc, nội dung học tập nhà văn Liên Xô dùng vũ khí văn nghệ để chống Mao Chủ tịch (ở đất Trung Quốc có nhiều hơn). Đáng chú ý là vấn đề vượt biên, 6 tháng đầu năm tuy số lượng không nhiều nhưng số người đã rải rác cả biên giới lẫn nội địa, đã gây ra một số vụ án hình sự (trộm cắp trâu, ngựa, lợn, hãm hiếp phụ nữ, đánh nhau...). Đáng chú ý là có 3 người Trung Quốc sang ta từ đầu cách mạng văn hóa nằm lì, đi sâu bắt rễ vào người cùng họ (họ Điền ở Năm Lư, Tùng Lôu, Mường Khương) mới có biểu hiện về kinh tế (buôn bán lậu) chưa rõ mục đích chính trị.

Ở vùng biên giới vẫn tồn tại hiện tượng lấn đất, xâm cư, xâm canh. Bạn nhắc ta thôn Sìn Sào Thành (Nậm Chảy huyện Mường Khương) là đất và dân của bạn (123 hộ = 160 người). Phía Trung Quốc có hiện tượng chôn giấu vũ khí ở biên giới, huấn luyện quân sự trang bị vũ khí cho dân quân, đồng thời dò xét ta (tìm hiểu những con đường mới làm, bộ đội chủ lực của ta...), tình hình buôn lậu tuy có giảm (ở những mặt hàng xa xỉ phẩm) nhưng lại nổi lên các hiện tượng mới (buôn lậu tiền Đông Dương, nhân dân tệ, Quan kim, vàng, thuốc phiện...) là những vấn đề mang nội dung chính trị nhưng vẫn chưa phát hiện được rõ nguồn gốc. Sáu tháng đầu năm có hiện tượng đánh bạc (cả ở biên giới lẫn nội địa) có vụ lớn tới 44 người tham gia. Thời kỳ giáp hạt dân ở dưới xuôi lên đông nên trật tự trị an có phần lộn xộn ở những thị xã, thị trấn, bến xe, nhà ga...

Công tác quân sự địa phương cả lực lượng thường trực lẫn lực lượng dân quân tự vệ đều có những tiến bộ về các mặt tổ chức, huấn luyện quân sự kỹ thuật và giáo dục tư tưởng chính trị. Việc xây dựng lực lượng thường trực và dân quân tự vệ đều đã cố gắng chú ý những mặt, những địa bàn xung yếu.

Công tác tuyển quân đã có sự chuẩn bị, đã cố gắng phối hợp với việc tuyên truyền giáo dục thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương nên kết quả động viên đạt chỉ tiêu kế hoạch trên giao.

Công tác hậu phương quân đội vẫn được chú ý chấp hành, các cơ sở đã cố gắng giải quyết kịp thời khắc phục những thiếu sót, tồn tại. Đối với số quân đào lạc ngũ đã tích cực thực hiện Chỉ thị 185 của Thủ tướng Chính phủ, tổ chức số anh em này thành đơn vị để giáo dục và lao động sản xuất phục vụ cho yêu cầu xây dựng của địa phương.

Công tác xét xử cũng đã cố gắng để phục vụ cho việc thực hiện Nghị quyết 228, Chỉ thị 205 của Trung ương Đảng và các nhiệm vụ chính trị của tỉnh.

Tuy vậy, 6 tháng đầu năm công tác điều tra nắm tình hình chưa sâu, chưa chính xác, biện pháp giải quyết cụ thể có mặt yếu, có công việc không dứt điểm, phân tán. Một số vụ trọng điểm đưa ra xử lý chậm, chưa đáp ứng phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Công tác xây dựng Đảng, củng cố và huấn luyện dân quân tự vệ làm còn yếu, chất lượng và chỉ tiêu kế hoạch đạt thấp (chỉ mới triển khai huấn luyện được 13 xã và 20 cơ sở tự vệ trong toàn tỉnh). Công tác tập trung số quân nhân đào lạc ngũ cũng mới chỉ đạt 50%, một số nơi (thị xã Lào Cai, huyện Si Ma Cai...) chưa có sự chú ý đúng mức.

III. CÔNG TÁC CHÍNH QUYỀN VÀ CÁC ĐOÀN THỂ QUÂN CHÚNG

1. Công tác chính quyền

Sáu tháng đầu năm đã tập trung vào việc bầu cử Hội đồng nhân dân tỉnh khóa 6. Tất cả các bước chuẩn bị và tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban Hành chính tỉnh đều nghiêm túc, chấp hành đúng luật pháp của Nhà nước. Các cấp ủy Đảng nói chung ngày càng chú ý hơn đối với công tác xây dựng, củng cố chính quyền, tăng cường chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban Hành chính và Hội đồng nhân dân. Việc bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban Hành chính tỉnh khóa 6 đã đạt kết quả tốt. Ý thức làm chủ tập thể và ý thức xây dựng chính quyền của quần chúng được bồi dưỡng,

giáo dục nâng lên một bước. Đã đạt 98,84% cử tri đi bầu, có tới 73 xã và 13 tổ bầu cử của 2 thị xã đạt tỷ lệ 100% cử tri đi bầu cử. Số phiếu trắng và không hợp lệ giảm xuống nhiều so với kỳ trước.

Công tác tổng điều tra dân số cũng đã đạt kết quả tốt, đảm bảo các yêu cầu của Trung ương đề ra.

Tuy nhiên, công tác bầu cử Hội đồng nhân dân tỉnh năm nay việc tuyên truyền tổ chức học tập (...) niêm yết danh sách còn có thiếu sót nên còn dễ xảy ra có phiếu trắng.

Sự hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban Hành chính xã ở một số nơi còn loạc choạc, chưa có nền nếp, còn buông lỏng vai trò quản lý của mình ở cơ sở.

2. Các đoàn thể quần chúng

Trong 6 tháng qua công tác Mặt trận đã có nhiều cố gắng trong việc củng cố tổ chức ở cơ sở nông thôn và thông qua việc tuyên truyền giáo dục tình hình nhiệm vụ mới, động viên nhân dân các dân tộc trong tỉnh hăng hái sản xuất, công tác và chấp hành các chính sách. Đã tiến hành tổng kết phong trào phụ lão “3 giỏi” (1972 - 1973) từ cơ sở lên huyện và tỉnh, có tác dụng động viên phụ lão tích cực thi đua góp phần thúc đẩy sản xuất vụ đông - xuân, trồng cây, bảo vệ rừng, chống các tập tục mê tín dị đoan trong dịp tết, động viên tuyển quân...

Công tác kết nghĩa Lào Cai - Thủ Dầu Một đã được tăng cường hơn trước.

Tuy nhiên, có mặt hoạt động của Mặt trận vẫn còn yếu, nhất là công tác vận động quần chúng tham gia xây dựng, củng cố hợp tác xã, công tác vận động giáo dục Hoa kiều, giáo dân, tầng lớp cán bộ trí thức và khoa học kỹ thuật. Việc vận động cải tạo phong tục tập quán xấu, lạc hậu và chống tệ đốt phá rừng nói chung cũng còn yếu, v.v..

Các đoàn thể Thanh niên, Phụ nữ, Công đoàn đã tập trung vào việc giáo dục chính trị tư tưởng cho đoàn viên, hội viên, nhất là nhân dịp đại hội Phụ nữ, Công đoàn, hội nghị đại biểu Đoàn

Thanh niên lao động Hồ Chí Minh toàn quốc đã động viên lòng tự hào, phấn khởi cho đoàn viên, hội viên, làm cho mọi người quán triệt tình hình nhiệm vụ của mình trong việc hoàn thành 3 nghĩa vụ lớn để thực hiện thắng lợi Nghị quyết 22 của Trung ương ở địa phương, nhờ vậy hoạt động của các tổ chức quần chúng nói chung đã được đẩy mạnh hơn trước. Trong khu vực nông thôn, đoàn viên và hội viên tích cực làm nòng cốt tham gia phong trào làm thủy lợi, làm phân, cấy ruộng cao sản... Trong khu vực Nhà nước, đoàn viên và hội viên đều gương mẫu hăng hái thi đua lao động, lao động có kỷ luật, có kỹ thuật, cải tiến lề lối làm việc, nâng cao hiệu suất công tác và đã tích cực tham gia thực hiện Chỉ thị 205, Nghị quyết 228 của Trung ương về bảo vệ trị an, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa...

Riêng hội Phụ nữ trong 6 tháng vừa qua đã tiến hành họp Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn tỉnh lần thứ 7 để kiểm điểm tổng kết phong trào 3 đảm đang, đề ra nghị quyết về nhiệm vụ mới, động viên hội viên thực hiện tốt khẩu hiệu “giỏi việc nước, đảm việc nhà, phấn đấu thực hiện nam nữ bình đẳng” và bầu cử Ban Chấp hành phụ nữ mới của tỉnh.

Nhưng phong trào các đoàn thể quần chúng tiến bộ chưa đều. Một số tổ chức của Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ ở nông thôn, nhất là các xã vùng cao xa xôi hoạt động còn yếu, còn nhiều tồn tại, công tác giáo dục và học tập trong thanh niên chưa được chú ý lãnh đạo, còn nhiều người chưa biết chữ hoặc mù chữ trở lại, phong trào xây dựng nhà trẻ, mẫu giáo ở nông thôn còn yếu; việc vận động sinh đẻ có kế hoạch ở khu vực Nhà nước, thị xã chưa được chú ý đúng mức...

IV. CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG

1. Về tư tưởng - chính trị

Trong 6 tháng qua toàn bộ công tác tuyên truyền, giáo dục tư tưởng chính trị đều tập trung vào việc làm quán triệt và bảo đảm

chấp hành Nghị quyết 22 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Tỉnh ủy đã căn cứ vào Kế hoạch 06 của Trung ương Đảng và tình hình thực tế của địa phương, tổ chức đợt sinh hoạt chính trị sôi nổi, rộng khắp trong toàn tỉnh. Việc tổ chức các ngày kỷ niệm lớn (sinh nhật Đảng, 1/5, 19/5...), việc tuyên truyền phổ biến thời sự ở trong nước và thế giới, việc tuyên truyền thực hiện kế hoạch Nhà nước... đều nằm trong nội dung đợt sinh hoạt chính trị, phục vụ cho chủ đề lớn tạo ra một không khí thi đua lao động, học tập, công tác sôi nổi, liên tục và rộng khắp trong toàn Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh để đảm bảo thực hiện thắng lợi Nghị quyết 22 của Trung ương Đảng, trước mắt là phấn đấu đạt kế hoạch Nhà nước năm 1974.

Các hình thức tuyên truyền đã cố gắng đi sâu, thực hiện theo kế hoạch từng bước, từ trong Đảng ra ngoài quần chúng có hướng dẫn các đơn vị liên hệ kiểm điểm và đề ra phương hướng, biện pháp khắc phục thiếu sót, phát huy ưu điểm, phấn đấu hoàn thành dứt điểm các chỉ tiêu kế hoạch công tác.

Một số biểu hiện tư tưởng cầu an, ngại khó, hoài nghi, thiếu tin tưởng vào việc thực hiện nghị quyết, buông lỏng quản lý... đã được khắc phục từng bước. Ở từng nơi tùy mức độ khác nhau nhưng đều có sự chuyển biến tiến bộ, các mặt công tác đều được đẩy lên một bước. Song công tác tuyên truyền giáo dục chính trị ở vùng cao còn quá yếu. Việc đấu tranh giữa hai con đường chưa được đẩy mạnh. Các hình thức và biện pháp tuyên truyền chưa thật phong phú, sát hợp với từng đối tượng, từng khu vực.

Công tác giáo dục lý luận cơ bản đã mở được 3 lớp huấn luyện cho đảng viên cơ sở ở cơ quan, nông trường (Giáo dục, Dân Chính Đảng, Nông trường Đản Khao) và một lớp cho đảng viên nông thôn của huyện Bát Xát. Công tác giáo dục lý luận ở trường Đảng tỉnh vẫn được tiến hành theo kế hoạch nhưng nhìn chung việc giáo dục lý luận cơ bản cho đảng viên làm được ít, số lượng đạt rất thấp.

Vấn đề chiêu sinh cho trường Đảng tỉnh, huyện vẫn gặp nhiều khó khăn việc học tập tại chức còn quá yếu.

2. Công tác tổ chức và kiểm tra

6 tháng đầu năm đã cơ bản hoàn thành việc mở đại hội đảng bộ ở 2 cấp (cơ sở, huyện, thị, đảng ủy trên cơ sở) gắn liền với việc tổng kết công tác năm 1973. Hiện nay toàn Đảng bộ chỉ còn 1 chi bộ trực thuộc tỉnh chưa được đại hội. Cấp ủy đảng ở các cơ sở, đảng ủy huyện, thị ủy... đã được kiện toàn, củng cố thêm một bước theo tinh thần Nghị quyết 225.

Về mặt nâng cao chất lượng đảng viên vẫn được tiếp tục thực hiện Nghị quyết 195 của Trung ương về nâng cao chất lượng đảng viên và tổ chức cơ sở đảng. Hiện nay các tổ chức của Đảng đang được hướng dẫn tích cực phấn đấu thực hiện phương hướng tăng cường sự lãnh đạo của Đảng theo tinh thần Nghị quyết 22 của Trung ương Đảng. Nhiều tổ chức cơ sở đã có sự chuyển biến, đã cố gắng lãnh đạo trong việc thành hoàn kế hoạch Nhà nước.

Công tác tuyên truyền kết nạp đảng viên ở một số đảng bộ cũng có tiến bộ hơn 6 tháng cuối năm 1973. Công tác bảo vệ Đảng đã đẩy mạnh việc thẩm tra, xác minh, việc kết luận những vấn đề lịch sử cá nhân đạt tỷ lệ gần 70%.

Công tác cải tiến và kiện toàn tổ chức được tiếp tục giải quyết. Trong 6 tháng qua đã sắp xếp, bố trí cán bộ theo phương hướng mới cho 2 tổ chức đoàn thể (Thanh niên và Phụ nữ), đã thành lập thêm 2 tổ chức mới là Chi cục Kiểm lâm nhân dân và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thị xã Cam Đường.

Việc đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ được tiếp tục chú ý tăng cường. Trong 6 tháng qua đã đề bạt 20 cán bộ thuộc diện tỉnh quản lý (28% có trình độ đại học), đã tích cực cử cán bộ đi học các trường tập trung của Trung ương và của tỉnh mở theo hướng quy hoạch cán bộ, 35 cán bộ theo học lớp đại học nông nghiệp đã thi tốt nghiệp, 27 đồng chí trúng tuyển (trong đó có 7 Tỉnh ủy viên, 3 đồng chí là Thường vụ).

Công tác thực hiện Chỉ thị 192 đã hoàn thành, việc tổng kết đợt 2 thí điểm mở rộng ở 26 cơ sở, đang tiến hành mở rộng đợt 3 gồm 29 điểm khu vực nông thôn, 2 điểm ở chi bộ đường phố, 1 ở chi bộ thủ công và 23 điểm thuộc khu vực cơ quan, xí nghiệp. Nhìn chung đối với công tác này sự chỉ đạo của tỉnh và các cấp ủy cấp dưới có chặt chẽ hơn, đã gắn cuộc vận động thực hiện Chỉ thị 192 với việc tuyên truyền phát động quần chúng thực hiện nhiệm vụ chính trị, thúc đẩy các mặt công tác ở địa phương.

Việc xem xét, xử lý đảng viên trong đợt thí điểm thực hiện Chỉ thị 192 và việc kỷ luật đảng viên vẫn được tiến hành thường xuyên và đảm bảo đúng thủ tục quy định. Trong 6 tháng đầu năm đã xử lý kỷ luật 146 vụ, trong đó có 4 vụ theo Chỉ thị 90 và 33 vụ kỷ luật thường xuyên. Về hình thức kỷ luật trong đảng gồm có: khiển trách 5, cảnh cáo 12, cách chức 1, lưu Đảng 15, khai trừ 84.

Tóm lại, công tác tổ chức, cán bộ và công tác Đảng trong 6 tháng qua được tiếp tục đẩy mạnh, đảm bảo đáp ứng hơn các nhiệm vụ chính trị ở trong tỉnh. Tuy vậy, công tác tổ chức, kiểm tra cũng còn có những khuyết điểm, tồn tại: Công tác sinh hoạt Đảng (tổ đảng chi bộ) nói chung không đều và chất lượng yếu (nhất là nông thôn). Ngay cả ở một số nơi đã thực hiện Chỉ thị 192 tình hình sinh hoạt Đảng cũng chưa có chuyển biến đáng kể. Số đảng viên ở cơ sở xã phần đầu kém còn tới 24,2%; số tổ chức cơ sở phần đầu kém 22,5%.

V. NHẬN XÉT CHUNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC CUỐI NĂM

Dưới ánh sáng Nghị quyết 22 và các nghị quyết khác của Trung ương Đảng, Tỉnh ủy đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo vào các mặt công tác ở địa phương, thể hiện ở các nghị quyết 14, 15, 16, 17. Đợt sinh hoạt chính trị nhằm quán triệt và chấp hành nghiêm

chính các nghị quyết của Trung ương và Tỉnh ủy đã được triển khai rộng khắp từ trong Đảng ra ngoài quần chúng, từ trên xuống dưới. Do nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc đang được nâng lên một bước, phong trào thi đua lao động sản xuất và công tác bước đầu được đẩy mạnh lên, tình hình mọi mặt trong tỉnh có sự chuyển biến tiến bộ, một số mặt, khâu công tác đã đạt kết quả tốt.

Việc thực hiện kế hoạch Nhà nước trừ một vài chỉ tiêu đạt thấp (do thiên tai, thời tiết không thuận lợi) nhưng nói chung một số mặt nông - lâm nghiệp, công nghiệp, lưu thông phân phối, văn hóa - xã hội cũng đã có tăng hơn năm trước. Tuy vậy, việc tổ chức thực hiện kế hoạch còn có nhiều thiếu sót nên nhiều chỉ tiêu đạt thấp.

Đáng chú ý là việc đấu tranh giữa hai còn đường, việc giáo dục, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết 109 chưa đầy đủ nên tình hình các hợp tác xã nông nghiệp vùng cao còn ở tình trạng sút kém, việc làm ăn riêng lẻ vẫn phát triển chưa có biện pháp ngăn chặn một cách tích cực.

Công tác xây dựng cơ bản còn có những khâu chưa dứt điểm, tiến độ chậm, việc cung cấp nguyên, nhiên, vật liệu chưa đáp ứng yêu cầu. Trong công nghiệp các mặt quản lý tuy đã có được nâng lên, nhưng nhìn chung vẫn chưa chặt chẽ. Công nghiệp địa phương chưa phục vụ tốt yêu cầu sản xuất nông nghiệp và các ngành kinh tế khác của địa phương. Khâu lưu thông phân phối, công tác thu mua chưa có biện pháp tích cực (nhất là đối với vùng cao), việc quản lý thị trường lỏng lẻo, buôn bán trái phép phát triển, việc phục vụ đời sống chưa thuận lợi.

Công tác trị an quốc phòng, quân sự địa phương cũng còn một số mặt chưa đáp ứng yêu cầu. Việc thực hiện Nghị quyết 228 và Chỉ thị 205 chưa được các cấp, các ngành quán triệt ở hầu hết mọi khâu công tác thuộc đơn vị mình.

Nguyên nhân chính là do sự chuyển biến chưa đồng bộ, chưa sâu sắc, chưa tổ chức thành phong trào hành động cách mạng sôi nổi cụ thể và thiết thực. Trong lãnh đạo, chỉ đạo còn có chỗ chưa chặt chẽ, việc kiểm tra, đôn đốc còn lỏng lẻo; trách nhiệm của từng cấp, từng ngành chưa được phát huy đầy đủ, một số việc chưa được tập trung giải quyết dứt điểm, kịp thời, tư tưởng của cán bộ, công nhân viên và nhân dân chưa thực sự hào hứng, phấn khởi, hăng say trong lao động sản xuất và công tác. Những biểu hiện của tư tưởng cá nhân vun vén, vụ lợi, cầu an... của một số đảng viên, cán bộ và nhân dân vẫn còn là những trở ngại trong việc hoàn thành các nhiệm vụ công tác. Ở một số cấp, ngành, ban việc sắp xếp, bố trí phân công cán bộ cũng còn có chỗ chưa hợp lý, chưa đầy đủ để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao.

Phát huy những ưu điểm, thành tích đã đạt được trên tinh thần tiếp tục quán triệt Nghị quyết 22 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và các nghị quyết của Tỉnh ủy; các cấp, các ngành cần cố gắng khắc phục những khuyết điểm, nhược điểm, thiếu sót, vươn lên thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm 1974, phấn đấu đảm bảo hoàn thành tốt kế hoạch Nhà nước cả năm. Cụ thể, cần tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

1. Tiếp tục tuyên truyền, giáo dục làm cho mọi ngành, mọi cấp, từ trong Đảng ra ngoài quần chúng quán triệt sâu sắc và đảm bảo chấp hành nghiêm chỉnh Nghị quyết 22 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đảm bảo hoàn thành các nhiệm vụ công tác của tỉnh như các nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng, đảm bảo hoàn thành các nhiệm vụ công tác của tỉnh như các nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã đề ra.

2. Tiếp tục đẩy mạnh cuộc đấu tranh giữa hai con đường, tích cực củng cố hợp tác xã nông nghiệp (kể cả vùng cao). Chỉ đạo các huyện tiến hành tổng kết kinh nghiệm của các hợp tác xã nông - lâm nghiệp tiên tiến. Cải tiến và tăng cường công tác quản lý ở các

công, nông, lâm trường, xí nghiệp quốc doanh, khắc phục những thiếu sót, tồn tại đảm bảo hoàn thành tốt kế hoạch Nhà nước.

3. Về xây dựng cơ bản, trước mắt cố gắng tập trung nguyên, nhiên, vật liệu và lao động đảm bảo hoàn thành dứt điểm một số công trình theo chỉ tiêu kế hoạch. Chú ý việc phòng chống lũ lụt, bảo vệ tài sản Nhà nước và nhân dân, tuyệt đối tránh không để xảy ra tổn thất trong mùa mưa lũ.

4. Đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, nâng cao chất lượng đảng viên, chú ý cải tiến sinh hoạt Đảng, tăng cường việc giáo dục, bồi dưỡng đảng viên và tích cực tuyên truyền, kết nạp đảng viên mới. Tiếp tục mở rộng việc thực hiện Chỉ thị 192 đồng thời chú ý bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, củng cố, xây dựng tổ chức đảm bảo hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị đề ra.

Mở hội nghị Ban Chấp hành, tiếp tục và làm xong việc kiểm điểm cá nhân định kỳ Ban Chấp hành tỉnh; tích cực chuẩn bị cho việc mở đại hội Đảng bộ tỉnh khóa V.

Lãnh đạo tốt việc thực hiện các chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước (nâng bậc lương, thực hiện Nghị quyết 75, 109 của Chính phủ, v.v.).

5. Đẩy mạnh phong trào thi đua lao động sản xuất, công tác, hoàn thành ba nghĩa vụ lớn đảm bảo cho việc thực hiện thắng lợi kế hoạch năm 1974. Tăng cường sự chỉ đạo của chính quyền các cấp, phát huy mạnh mẽ vai trò của Nhà nước chuyên chính vô sản trong mọi lĩnh vực công tác. Tổ chức thi hành nghiêm chỉnh Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị. Tăng cường sự phối hợp hoạt động của các ngành nội chính, tạo một số chuyển biến thực sự trong vòng 6 tháng theo yêu cầu của Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị, Thông tri số 302 ngày 3-7-1974 của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Củng cố, tăng cường các hoạt động của các đoàn thể quần chúng tạo điều kiện cho các đoàn thể quần chúng tham gia vào hoạt động của Nhà nước, động viên đoàn viên, hội viên hăng hái, gương mẫu lao động,

công tác, chấp hành chính sách, lập thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước, hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, công tác, học tập...

6. Trong khi chỉ đạo tích cực hoàn thành kế hoạch Nhà nước năm 1974 cần nắm chắc tình hình mọi mặt chuẩn bị tốt việc lập kế hoạch năm 1975 đảm bảo cho việc thực hiện các nhiệm vụ công tác đầu năm mới một cách khẩn trương, kịp thời vụ tránh lúng túng, không đồng bộ.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ

NÔNG CÔNG THƯỜNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 03-CT/TU, ngày 16-7-1974

Về việc tăng cường công tác bảo vệ bà mẹ và trẻ em

Từ trước tới nay Đảng và Nhà nước ta luôn coi việc bảo vệ bà mẹ và trẻ em là một công tác quan trọng của cách mạng. Ở tỉnh ta, trong những năm qua, công tác bảo vệ bà mẹ và trẻ em có những thành tích nhất định và ngày càng có nền nếp, tiến bộ:

- Tháng 11-1971, Ủy ban bảo vệ bà mẹ và trẻ em của tỉnh đã được thành lập. Khắc phục những khó khăn ban đầu của một tổ chức mới. Ủy ban bảo vệ bà mẹ và trẻ em đã nhanh chóng đi sâu vào chức năng, nhiệm vụ của ngành, phối hợp với các cấp, các ngành xây dựng tổ chức mạng lưới cơ sở. Nhờ đó, những chỉ tiêu lớn nhằm bảo vệ sức khỏe của bà mẹ và sự nuôi dạy trẻ em đã đạt được những thành tích bước đầu.

- Nhiều cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành... đã có sự quan tâm đến công tác bảo vệ bà mẹ và trẻ em. Nhiều cơ sở, địa phương làm tốt công tác sinh đẻ có kế hoạch (Sa Pa, Bắc Hà, Mường Khương, Bát Xát, khu Mỏ apatít...). Công tác xây dựng, củng cố nhà trẻ, nhóm trẻ cũng được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo. Nhiều nhà trẻ, nhóm trẻ được củng cố nâng cao chất lượng nuôi dạy các cháu (khu nhà trẻ thị trấn Sa Pa, Bắc Hà, Mường Khương, xí nghiệp Thực phẩm tổng hợp, Ty Công nghiệp, Ty Lâm nghiệp, Mỏ apatít, Tỉnh hội phụ nữ, nhà trẻ liên cơ Tỉnh ủy + Ủy ban hành chính tỉnh...).

Nhưng so với yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng trước mắt cũng như lâu dài, công tác bảo vệ bà mẹ và trẻ em của tỉnh ta còn bộc lộ một số khuyết điểm, nhược điểm. Nhìn chung công tác nói trên chưa được nhận thức đúng đắn, chưa có sự quan tâm đúng mức, thường xuyên, liên tục và chưa có sự kết hợp chặt chẽ với nhau ở tất cả các cấp, các ngành.

- Công tác vận động sinh đẻ có kế hoạch chưa được quán triệt đầy đủ. Tỷ lệ sinh đẻ còn cao không phù hợp với chỉ tiêu phát triển kinh tế. Tình trạng sinh đẻ dày (mau), sớm, nhiều còn phổ biến trong khu vực Nhà nước, làm ảnh hưởng đến sức khỏe của bà mẹ, đến sự chăm sóc, nuôi dạy các cháu và đến việc học tập nâng cao trình độ mọi mặt để nâng cao năng suất lao động và hiệu suất công tác của cán bộ, công nhân, viên chức (đặc biệt là phụ nữ).

- Công tác xây dựng, củng cố, phát triển nhà trẻ, nhóm trẻ còn nhiều thiếu sót, đáng chú ý là việc tuyển lựa, giáo dục và bồi dưỡng các cô nuôi dạy trẻ còn quá yếu. Các chế độ đối với các nhà trẻ chưa được chú ý chấp hành đầy đủ. Do đó, tỷ lệ các cháu được đưa vào nhà nuôi dạy trẻ còn quá thấp (mới đạt 51,8% tổng số các cháu hiện có trong khu vực Nhà nước và ở khu vực nông thôn chỉ đạt 22,85%).

- Ủy ban bảo vệ bà mẹ và trẻ em và ngành Y tế cũng chưa có sự kết hợp chặt chẽ với nhau trong mọi khâu công tác, chưa phát huy những thuận lợi đã có, chưa làm tốt chức năng, nhiệm vụ của mình. Mặt khác sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, các đoàn thể quần chúng (Mặt trận, Thanh niên, Phụ nữ, Liên hiệp công đoàn) và các thủ trưởng đơn vị đối với công tác bảo vệ bà mẹ và trẻ em có nơi, có lúc cũng chưa thật đầy đủ.

Để thiết thực phục vụ cho nhiệm vụ khôi phục và phát triển kinh tế và để đáp ứng yêu cầu của cách mạng trong giai đoạn mới; trên cơ sở quán triệt Nghị quyết 22 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng ở tỉnh ta, Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ đã chỉ rõ: “Đối với công tác bảo vệ bà mẹ và trẻ em chủ yếu là

vận động và tổ chức tốt các nhà trẻ, bảo vệ sức khỏe và tạo điều kiện cho phụ nữ lao động sản xuất, công tác, học tập được thăng lợi, đồng thời vận động sinh đẻ có kế hoạch”.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy lưu ý các cấp, các ngành cần làm tốt một số việc cụ thể dưới đây:

- Tất cả các cấp ủy đảng, chính quyền, cơ quan và đoàn thể cần có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác bảo vệ bà mẹ và trẻ em một cách thường xuyên, liên tục vì đó là một công tác cách mạng quan trọng đồng thời là một trong những biện pháp rất tích cực để hoàn thành tất cả mọi chỉ tiêu và kế hoạch của đơn vị mình.

- Cần cố gắng đưa công tác bảo vệ bà mẹ và trẻ em vào nền nếp. Trước hết cần làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục sâu rộng trong quần chúng với hình thức phong phú, thích hợp nhằm động viên tính tự giác tích cực tham gia vào công tác nói trên với ý thức giác ngộ về quyền lợi và nghĩa vụ của mọi công dân.

- Công tác nuôi dạy trẻ em được chú ý ở tất cả các khâu tuyển lựa, bồi dưỡng cô nuôi dạy trẻ, xây dựng cơ sở vật chất cho các nhà trẻ, đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho công tác chăm sóc, nuôi dạy trẻ em trên cơ sở thực hiện các chế độ đã được quy định.

- Cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch phải được tổ chức tuyên truyền sâu rộng với hình thức và nội dung tốt, có sức thuyết phục quần chúng để mọi người phấn khởi, tin tưởng tự nguyện, tự giác tham gia, nhằm phấn đấu giảm dần tỷ lệ sinh đẻ sao cho phù hợp với thực tiễn của ngành, của địa phương, cân đối với chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế. Đặc biệt chú trọng đến các đối tượng thuộc khu vực Nhà nước và khu vực nhân dân thuộc các thị trấn, thị xã trong tỉnh.

- Tích cực xây dựng và từng bước tiến tới việc hoàn chỉnh các đơn vị tiên tiến về sinh đẻ có kế hoạch, về công tác nhà trẻ. Phải chú ý tổng kết rút kinh nghiệm của các đơn vị tiên tiến để phổ biến kịp thời cho các đơn vị. Cần có sự hướng dẫn và kiểm tra công tác nói trên một cách thường xuyên.

- Trong quá trình củng cố, xây dựng hợp tác xã cần phải đồng thời tích cực củng cố, xây dựng các nhóm trẻ, nhà trẻ trong hợp tác xã.

Tiếp tục củng cố, xây dựng và kiện toàn tổ chức cơ quan bảo vệ bà mẹ trẻ em ở các cấp và thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách của Đảng, Nhà nước đã ban hành về công tác bảo vệ bà mẹ và trẻ em.

Bảo vệ bà mẹ và trẻ em là sự nghiệp cách mạng của toàn Đảng, toàn dân, các cấp ủy đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng cần có sự chuyển biến mạnh mẽ, có kế hoạch thực hiện tốt công tác bảo vệ bà mẹ và trẻ em theo tinh thần chỉ thị này. Đảng đoàn chính quyền tỉnh, Ban Khoa giáo Tỉnh ủy, Ủy ban Bảo vệ bà mẹ và trẻ em tỉnh căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình, cần có sự phối hợp chặt chẽ với nhau và chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Tỉnh ủy, hướng dẫn, theo dõi và kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện chỉ thị này.

Chỉ thị này được phổ biến xuống các chi bộ.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

NÔNG CÔNG THƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG TRI CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 69-TT/TU, ngày 20-7-1974

Về tăng cường công tác giáo dục tư tưởng chính trị lý luận cho cán bộ, đảng viên

Trong mấy năm qua tỉnh ta đã triển khai việc thi hành Nghị quyết 20 của Trung ương Đảng về công tác giáo dục tư tưởng chính trị lý luận Mác - Lênin cho cán bộ.

Các cấp ủy đảng, các đảng đoàn, các đồng chí phụ trách các ngành đã tổ chức được nhiều lớp học theo các chương trình chính trị trung cấp, sơ cấp, cơ sở cho cán bộ, đảng viên học tập. Tùy theo hoàn cảnh, điều kiện của từng địa phương, đơn vị mà các cấp, các ngành đã có nhiều hình thức tổ chức lớp học linh hoạt như tập trung học hết một chương trình, tập trung học một phần chương trình rồi nghỉ công tác sau đó lại tập trung học hoặc học đều đặn trong suốt một thời gian dài vào những buổi đã quy định trong tuần. Trường Đảng tỉnh cũng đã tích cực mở riêng các lớp cho cán bộ ở khối công nghiệp, tài mậu, ngoài các lớp cho cán bộ trong khối nông nghiệp.

Tuy nhiên so với yêu cầu nâng cao trình độ tư tưởng, lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên thì kết quả đạt được còn rất thấp. Nhiều cán bộ, đảng viên, trước hết là các đảng viên công tác trực tiếp ở các cơ sở sản xuất công - nông nghiệp, việc học tập lý luận chính trị còn rất ít. Tình hình đó đã ảnh hưởng nhiều đến nhận thức vai trò tiên phong, gương mẫu của người cán bộ, đảng viên,

đến việc tu dưỡng và chấp hành chủ trương, chính sách, nhất là ảnh hưởng đến công tác lãnh đạo thực hiện kế hoạch sản xuất 2 năm 1974-1975, đến công tác quản lý kinh tế, quản lý chuyên môn, kỹ thuật của cán bộ, đảng viên.

Để đáp ứng yêu cầu của tình hình, nhiệm vụ mới, để thực hiện đầy đủ nghĩa vụ học tập như Nghị quyết 22 của Trung ương Đảng đã nhấn mạnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy lưu ý các cấp ủy, các đồng chí phụ trách các ngành, các đảng đoàn một số vấn đề chủ yếu sau đây để đẩy mạnh công tác giáo dục tư tưởng, lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên.

1. Nhận thức đầy đủ và trách nhiệm của các cấp ủy và các đảng viên đối với việc học tập lý luận chính trị

Nghị quyết (...) của Trung ương Đảng đã nói rõ “về học tập lý luận chính trị, mỗi đảng viên phải lần lượt học hết các chương trình cơ sở, sơ cấp, trung cấp và cao cấp”.

Để đạt được chủ trương đó, các huyện, thị, đảng ủy phải cùng với các đồng chí phụ trách các ngành, các đảng đoàn tổ chức cho đảng viên học bằng nhiều hình thức tập trung, tại chức, cử đi học các trường Đảng.

Từ nay đến năm 1976, việc cấp bách và phổ cập của các huyện, thị, đảng ủy là phải tổ chức cho tất cả cán bộ, đảng viên học hết chương trình cơ sở như Ban Tuyên huấn Trung ương quy định. Những nơi đã tổ chức cho đảng viên học được một phần rồi nay tổ chức học bổ sung rồi cấp giấy chứng nhận.

Những nơi tổ chức học chương trình cơ sở xong về căn bản thì tổ chức học chương trình sơ cấp.

Ban Tuyên huấn tỉnh cần nghiên cứu chuẩn bị để tiếp tục mở lớp tại chức theo chương trình trung cấp.

2. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng giảng viên lý luận

Ban Tuyên huấn tỉnh và trường Đảng tỉnh có trách nhiệm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên lý luận chương trình cơ sở cho

các huyện, thị, đảng ủy. Trước mắt cần tổ chức ngay một số lớp để cung cấp giảng viên kịp thời cho các địa phương. Các huyện, thị, đảng ủy phải kiên quyết cử người đi dự cho đủ.

Đội ngũ giảng viên lý luận bao gồm những đồng chí chuyên trách và kiêm nhiệm để có một đội ngũ giảng viên chuyên trách và có chất lượng tốt. Ban Tổ chức Tỉnh ủy, các huyện, thị, đảng ủy cần chú trọng chọn lọc cán bộ đã qua giảng dạy bổ sung đủ cho bộ phận huấn học trong Ban Tuyên huấn tỉnh, huyện và trường Đảng tỉnh. Tích cực chuẩn bị cán bộ để lập các trường Đảng huyện, trước hết là lập trường Đảng huyện Bát Xát và Bảo Thắng. Các cấp ủy viên, các đồng chí chuyên trách công tác Đảng ở các đảng ủy và các cán bộ công tác ở các Ban chuyên môn của Tỉnh ủy, huyện ủy, đảng ủy cũng cần bồi dưỡng trở thành giảng viên lý luận kiêm chức.

Việc giáo dục lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên là việc lớn, vừa cấp bách, vừa lâu dài, đòi hỏi các cấp ủy đảng, các đảng đoàn, các đồng chí phụ trách các ngành phải có suy nghĩ chu đáo, tổ chức hành động kiên quyết mới có thể thực hiện được tốt.

Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy phải có kế hoạch hướng dẫn tỉ mỉ, phải giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo dõi, đôn đốc và thường xuyên báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy để bổ khuyết kịp thời.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ

NÔNG CÔNG THƯỜNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CÔNG VĂN
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 58-CV/TU, ngày 6-8-1974

Kính gửi: - Các huyện thị, đảng ủy,
- Các chi bộ trực thuộc,
- Các đảng đoàn, các ngành,

Để phổ biến một số công tác, Thường trực Tỉnh ủy quyết định triệu tập một cuộc họp.

Thời gian làm việc 1 ngày, khai mạc 6 giờ 30 phút ngày 9-8-1974 tại Văn phòng Tỉnh ủy.

Thành phần hội nghị gồm:

- Các đồng chí bí thư (hoặc Phó Bí thư Thường trực) huyện, thị, đảng ủy, chi bộ trực thuộc.

- Các đồng chí bí thư (hoặc phó bí thư) đảng đoàn, các ngành. (Nơi không có đảng đoàn thì đồng chí phụ trách ngành đến họp).

Yêu cầu các đồng chí đến họp đầy đủ, đúng thành phần và thời gian quy định.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ VĂN PHÒNG

NGUYỄN DUYÊN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG TRI CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 71-TT/TU, ngày 19-8-1974

Về việc kỷ niệm lần thứ 29 Cách mạng Tháng Tám ngày Quốc khánh 2-9

Năm nay toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta kỷ niệm lần thứ 29 ngày Cách mạng Tháng Tám thành công và ngày Quốc khánh 2-9 trong tình hình cách mạng của nước ta đã chuyển sang bước ngoặt phát triển mới.

Miền Nam giành được thắng lợi to lớn trong cuộc đấu tranh kiên cường chống đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn vi phạm Hiệp định Pari về Việt Nam và xây dựng vùng giải phóng, nhân dân miền Bắc và nhân dân các dân tộc tỉnh ta đang sôi nổi thi đua lao động sản xuất, học tập, công tác, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội theo tinh thần Nghị quyết 22 của Trung ương Đảng đã giành nhiều thắng lợi quan trọng.

Để thiết thực kỷ niệm hai ngày lịch sử nói trên, các cấp, các ngành, các đơn vị cần chỉ đạo làm tốt một số mặt công tác dưới đây:

1. **Đẩy mạnh việc hoàn thành đợt sinh hoạt chính trị, tiếp tục tuyên truyền giáo dục làm cho mọi ngành, mọi cấp từ trong Đảng ra ngoài quần chúng quán triệt sâu sắc và đảm bảo thực hiện nghiêm chỉnh Nghị quyết 22, đảm bảo hoàn thành thắng lợi (...)**

các nhiệm vụ công tác của tỉnh như các nghị quyết của Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ đã đề ra. Đồng thời lấy bài xã luận đăng trên báo Nhân dân ngày 15-8-1974 làm đề cương chính thức trong việc tuyên truyền, giải thích vấn đề Tổng thống Níchxơn từ chức, qua đó một lần nữa khẳng định thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam và nhân dân Đông Dương.

2. Tiếp tục đẩy mạnh cuộc đấu tranh giữa hai con đường, tích cực củng cố các hợp tác xã nông nghiệp. Cải tiến và tăng cường công tác quản lý công, nông, lâm trường, xí nghiệp quốc doanh, khắc phục những thiếu sót tồn tại, đảm bảo hoàn thành tốt kế hoạch Nhà nước năm 1974.

3. Chú ý phòng chống lũ lụt, bảo vệ tài sản của Nhà nước và nhân dân, tuyệt đối không để xảy ra trong mùa mưa lũ. Đẩy mạnh công tác thi đua lao động sản xuất, trồng cây hết diện tích vụ mùa; động viên mọi người hăng hái, gương mẫu lao động, công tác, chấp hành chính sách, lập thành tích xuất sắc trong sản xuất, công tác và học tập.

4. Làm tốt công tác xây dựng Đảng, thực hiện nghiêm chỉnh, khẩn trương Chỉ thị 192 của Ban Bí thư Trung ương Đảng theo kế hoạch của Tỉnh ủy hướng dẫn. Tổ chức thi hành nghiêm chỉnh Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị, tạo một sự chuyển biến thực sự trong tư tưởng và hành động của cán bộ, nhân viên và nhân dân các dân tộc.

Đẩy mạnh việc giáo dục ý thức tiết kiệm, bài trừ các tệ nạn tiêu cực trong sản xuất và đời sống, các hiện tượng làm ăn phi pháp, tránh tổ chức ăn uống lãng phí...

Các chi đảng bộ, cơ quan, xí nghiệp, đơn vị tổ chức sinh hoạt nội bộ, sơ kết đợt thi đua và kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết 22, Nghị quyết 228 của Trung ương và các nghị quyết của tỉnh như kế hoạch của tỉnh đã hướng dẫn trong đợt sinh hoạt chính trị.

Các cơ quan tuyên truyền (báo, đài, thông tin văn hóa, văn nghệ...) cần đẩy mạnh việc tuyên truyền cổ động, giáo dục phục vụ cho các ngày kỷ niệm nói trên một cách sôi nổi, thiết thực, chú ý nông thôn và các vùng cao xa xôi, hẻo lánh.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ

NÔNG CÔNG THƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 05-CT/TU, ngày 31-8-1974

Về công tác giáo dục phổ thông trong 2 năm học 1974-1975 và 1975-1976

Qua 3 năm thực hiện Chỉ thị 162 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy ngày 20-10-1971 về công tác giáo dục, phong trào giáo dục phổ thông trong tỉnh đã có những chuyển biến: Phong trào giáo dục (chủ yếu là vùng thấp) hàng năm vẫn phát triển; việc thanh toán nạn mù chữ và bổ túc văn hóa cho đảng viên và cán bộ chủ chốt đã có những biện pháp tích cực; phong trào bổ túc văn hóa ở nhiều cơ quan, xí nghiệp công, nông, lâm trường được giữ vững, có nơi trong thời gian sơ tán vẫn học được; việc lao động sản xuất trong trường học theo Chỉ thị 237 của Phủ Thủ tướng bước đầu đã có một số kết quả.

Tuy nhiên công tác giáo dục phổ thông hiện nay còn nhiều mặt yếu: Phong trào phát triển chưa vững chắc, chưa đều, chưa cân đối giữa các vùng, các dân tộc, các ngành học. Giáo dục vùng cao còn trì trệ, học sinh là con em các dân tộc ít người chiếm tỷ lệ quá thấp trong các trường học, các cấp học, các ngành học; việc thanh toán nạn mù chữ và bổ túc văn hóa chưa được đẩy mạnh thường xuyên; việc giáo dục đào tạo chưa đảm bảo chất lượng theo yêu cầu mới; chưa chú ý đào tạo giáo viên là người các dân tộc địa phương; việc thực hiện nguyên lý “giáo dục kết hợp với lao động sản xuất và

hoạt động xã hội” còn nhiều lúng túng; việc xây dựng, bồi dưỡng, tổng kết và phổ biến kinh nghiệm của các điển hình tiên tiến làm chưa tốt; chất lượng giáo dục còn yếu.

Những tồn tại trên đây do nhiều nguyên nhân, song chủ yếu là các ngành, các cấp chưa nhận thức đúng vị trí “chìa khóa” của công tác giáo dục đối với sản xuất và các mặt công tác khác; cán bộ đảng viên (nhất là ở nông thôn) chưa được thực sự giác ngộ về nghĩa vụ học tập. Đội ngũ giáo viên - lực lượng xung kích trên mặt trận giáo dục - chưa nắm vững quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng về công tác giáo dục, chưa nhận thức được tình hình, đặc điểm của Lào Cai, do đó chưa vận dụng được tốt trong công tác; việc chỉ đạo của ngành Giáo dục còn chung chung, rập khuôn, máy móc, nặng về hình thức, thiếu quyết tâm.

- Phương hướng, nhiệm vụ công tác giáo dục trong hai năm tới: Để thực hiện phương hướng, nhiệm vụ đã vạch ra trong các nghị quyết số 15, 16 của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy lưu ý các cấp, các ngành một số vấn đề cụ thể sau đây:

Về phương hướng công tác giáo dục ở tỉnh ta trong hai năm học 1974 - 1975 và 1975 - 1976: Cần quán triệt sâu sắc đặc điểm của Lào Cai là một tỉnh miền núi vùng cao, biên giới, có nhiều dân tộc trình độ mọi mặt phát triển không đều, để ra sức đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục ở vùng cao. Trên cơ sở đó mà:

+ Đáp ứng yêu cầu đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật và lực lượng lao động kỹ thuật.

+ Từng bước nâng cao trình độ văn hóa cho nhân dân lao động (...) và con em các dân tộc.

+ Phục vụ đắc lực ba cuộc cách mạng ở tỉnh ta.

- Nhiệm vụ và mục tiêu của công tác giáo dục trong 2 năm tới là:

1. Về bổ túc văn hóa

Phải dứt điểm xóa nạn mù chữ cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, thanh niên lao động và một bộ phận thanh niên. Đồng thời

phải phát triển bổ túc văn hóa một cách tích cực và vững chắc bằng nhiều hình thức trường, lớp thích hợp; bảo đảm giảng dạy và học tập liên tục. Những thôn, bản đông đồng bào Mèo cần tổ chức thanh toán nạn mù chữ và bổ túc văn hóa chữ Mèo. Xây dựng đội ngũ giáo viên nhân dân đông đảo trong từng xã, từng cơ quan. Các đơn vị cần phát động phong trào: “mọi người đều đi học và phấn đấu mỗi năm mỗi người phải lên một lớp” coi đó là nghĩa vụ, là tiêu chuẩn thi đua. Các ban quản trị hợp tác xã, các đồng chí trưởng, phó Ty, Ban phải đôn đốc tổ chức, lãnh đạo việc học tập gắn chặt với lao động sản xuất, với công tác quản lý, giải quyết tốt các chế độ, chính sách cho người dạy, người học. Nội dung bổ túc văn hóa phải gắn chặt với nâng cao kiến thức kỹ thuật quản lý, thời sự chính sách.

Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ có trách nhiệm giáo dục, tổ chức vận động đoàn viên, hội viên ra trường và học tập tốt.

2. Về mẫu giáo, vỡ lòng và phổ thông

Cơ quan, công, nông - lâm trường, xí nghiệp, thị xã, thị trấn và nông thôn vùng thấp phấn đấu để hầu hết các cháu trong độ tuổi được ra lớp mẫu giáo. Vùng cao phải đặc biệt chú trọng tổ chức để các em đi học đông, tạo chuẩn để phát triển cấp I.

Phát triển mạnh mẽ các trường lớp phổ thông cấp I (bao gồm cả vỡ lòng) tạo điều kiện để phổ cập cấp I ở vùng thấp và nhanh xây dựng các trường cấp I hoàn chỉnh ở vùng cao. Mở rộng các trường lớp thích hợp ở vùng cao như: trường phổ thông có nội trú hoặc nửa nội trú; các lớp dạy ghép. Phát triển tốt các trường cấp II, đảm bảo cho các học sinh học hết cấp I đều được tiếp tục học cấp II. Các huyện phải có kế hoạch củng cố các trường cấp III, phải tạo mọi điều kiện thuận lợi cho con em các dân tộc ít người đi học nhiều và học liên tục lên cấp trên, bảo đảm đến năm học 1975-1976 có khoảng từ 30 đến 35% ở cấp I, từ 7 đến 9% ở cấp II và từ 4 đến 5% ở cấp III là học sinh dân tộc so với tổng số học sinh.

3. Về xây dựng củng cố và phát triển các trường “nguồn”

Trong hai năm tới phải củng cố thật tốt các trường thiếu nhi làm nòng cốt cho việc phát triển loại trường này trong thời gian tới. Trước mắt cần khẩn trương chuẩn bị mở thêm 2 trường thiếu nhi vùng cao Ý Tý và Cốc Lầu. Củng cố thật tốt các trường thanh niên dân tộc (của tỉnh và của huyện) và có kế hoạch từng bước mở rộng để tăng nhanh học sinh loại trường này. Nhanh chóng ổn định hệ bổ túc công nông để thêm nhiều học sinh cung cấp cho các trường đào tạo. Tất cả các trường “nguồn” nói trên phải đảm bảo chiêu sinh đúng đối tượng; cải tiến nội dung chương trình và phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập cho phù hợp, phải có đội ngũ giáo viên tốt; tăng cường cơ sở vật chất, tổ chức tốt đời sống... để đảm bảo giữ vững số học sinh và nâng cao chất lượng đào tạo để các trường này thực sự trở thành nguồn cung cấp lực lượng thanh niên các dân tộc có văn hóa cho công tác đào tạo cán bộ địa phương.

4. Về công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên

Phải tập trung mọi khả năng về các mặt để đào tạo giáo viên là người các dân tộc vùng cao, đảm bảo đến năm 1980 mỗi xã có từ 4 giáo viên cấp I trở lên là người các dân tộc ở xã đó. Trước mắt phải tạo một bước chuyển biến lớn, cơ bản về mặt này để nhanh chóng bảo đảm các xã đều có giáo viên dân tộc ở xã đó. Phải cải tiến nội dung đào tạo để các giáo sinh sau khi ra trường có thể làm tốt được các việc: vận động, tổ chức phong trào bổ túc văn hóa, biết dạy các lớp ghép, dạy xen kẽ chữ Mèo và chữ phổ thông; giảng dạy và chỉ đạo tốt vấn đề lao động sản xuất trong các trường phổ thông. Việc bồi dưỡng giáo viên phải tiến hành thường xuyên bằng nhiều hình thức với nội dung thiết thực, sát với tình hình địa phương và đặc điểm của đội ngũ. Chú trọng bồi dưỡng về chính trị tư tưởng, giỏi về chuyên môn, nhanh chóng đưa công tác quản lý của ngành Giáo dục đi vào nền nếp, gắn nhà trường với hoạt động xã hội và hoạt động sản xuất.

5. Phải tiếp tục thực hiện tốt việc tổ chức lao động sản xuất trong trường học theo Chỉ thị số 237 ngày 01-12-1970 của Phủ Thủ tướng. Trong quá trình thực hiện phải gắn chặt lao động với học tập, làm cho hai hoạt động này bổ sung cho nhau trong quá trình đào tạo. Về phương hướng, lao động sản xuất của các trường phải theo phương hướng sản xuất của vùng nơi trường đóng; nhưng nói chung tất cả các trường cần tổ chức trồng cây gây rừng, những nơi có điều kiện tổ chức làm vật liệu xây dựng, làm nghề thủ công... Cần tổ chức ban chỉ đạo lao động sản xuất trong các trường, ở ty và các phòng giáo dục cần cử người chuyên trách vấn đề này. Phấn đấu trong hai năm tới trường nào cũng có đôi cây của mình. Ngành Lâm nghiệp, Ủy ban nông nghiệp... cần phối hợp thật chặt chẽ với ngành Giáo dục trong công tác này để hướng dẫn, giúp các trường đạt kết quả tốt.

Để đảm bảo thực hiện tốt các nhiệm vụ, mục tiêu trên, cần tiến hành một số công tác lớn dưới đây:

1. Triển khai nội dung hội nghị giáo dục miền núi lần thứ tư một cách sâu rộng thông qua đó mà cấp ủy, chính quyền các cấp, các ngành giúp đội ngũ cán bộ, giáo viên và nhân dân quán triệt thêm một bước quan điểm, đường lối giáo dục của Đảng vận động ở miền núi; thấm nhuần thêm nguyên lý, phương châm giáo dục của Đảng; học tập và làm theo kinh nghiệm của các đơn vị tiên tiến của giáo dục miền núi; trên cơ sở đó mà tiến hành tổng kết phong trào thi đua “2 tốt”. Học tập và làm theo các điển hình tiên tiến trong 3 năm qua và phát động phong trào thi đua trong hai năm tới.

2. Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho các trường học. Trong hai năm tới phải động viên lực lượng nhân dân sử dụng hợp lý lao động của cán bộ, giáo viên, công nhân viên và học sinh kết hợp với việc sử dụng có hiệu quả công sức, tiền của của nhân dân đóng góp và số đầu tư của Nhà nước mà giải quyết tốt một bước việc xây dựng trường sở. Phải phấn đấu trường ra

trường, lớp ra lớp, phải căn cứ Quyết định 248/TTg của Chính phủ, cần sửa chữa hoặc cải tạo lại một số trường lớp hiện có, xây dựng thêm một số trường, lớp mới. Những nơi chưa có điều kiện xây dựng kiên cố hoặc nửa kiên cố cũng phải đảm bảo đúng quy cách, dù chỉ là tranh, tre, nứa, lá. Ngành giáo dục cần có một số cán bộ chuyên lo vấn đề này và hướng dẫn cụ thể cho cơ sở.

3. Cải tiến một bước công tác tổ chức, quản lý và chỉ đạo giáo dục.

Trong 2 năm tới cần cải tiến tổ chức bộ máy nhằm củng cố một bước hệ thống tổ chức của ngành Giáo dục từ tỉnh đến cơ sở. Cần tiến hành điều tra cơ bản, nắm chắc tình hình đội ngũ, cần tiến hành phân loại cán bộ, giáo viên trên cơ sở đó mà xây dựng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí sử dụng cán bộ quản lý của ngành. Có kế hoạch bổ sung hoặc thay thế cán bộ quản lý chủ chốt đảm bảo cả số lượng và chất lượng. Tăng cường công tác quản lý, trước hết là: quản lý việc thực hiện kế hoạch, quản lý lao động, quản lý cơ sở vật chất của nhà trường... để đảm bảo thực hiện nghiêm chỉnh các quy chế chuyên môn và các chức trách. Phê phán và ra sức khắc phục thái độ vô trách nhiệm, tự do tản mạn trong giảng dạy, sinh hoạt và công tác. Cải tiến công tác chỉ đạo của cấp tỉnh và cấp huyện theo hướng tập trung, dứt điểm và hướng mạnh về cơ sở bằng cách tăng cường cho cơ sở những cán bộ, giáo viên có chất lượng, đi sâu đi sát cơ sở và phục vụ cơ sở kịp thời. Phải nắm chắc quan điểm chỉ đạo, thường xuyên đúc rút kinh nghiệm tiên tiến, phổ biến kinh nghiệm tiên tiến và nhân những điển hình tiên tiến. Đảng đoàn ty giáo dục và các huyện, thị xã cần có sự phối hợp chặt chẽ trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo để trong hai năm tới huyện nào cũng có một số đơn vị điển hình tiên tiến và ngành học nào cũng có điển hình tiên tiến.

4. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và chính quyền đối với công tác giáo dục trong giai đoạn mới của cách mạng, nhất là ở tỉnh ta, các cấp ủy đảng và chính quyền phải tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo công tác giáo dục. Cụ thể là: phải thường xuyên giáo

dục cho cán bộ, đảng viên và toàn dân thấy rõ yêu cầu cấp thiết phải nâng cao trình độ văn hóa và tự giác đi học; giáo dục và bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên phấn đấu thực hiện nhiệm vụ chính trị của nhà trường mà tăng cường công tác xây dựng Đảng trong ngành Giáo dục; đồng thời chú ý xây dựng, củng cố và đẩy mạnh hoạt động của các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Đội Thiếu niên các trường; từng cấp phải có kế hoạch lãnh đạo việc xây dựng cơ sở vật chất cho các trường. Cấp ủy phải có chế độ định kỳ nghe báo cáo, bàn bạc và quyết định các vấn đề thuộc về phương hướng, chủ trương, biện pháp lớn về công tác giáo dục ở địa phương mình. Lãnh đạo các đoàn thể quần chúng xây dựng phát triển giáo dục. Phát triển và đề xuất với cấp trên những chế độ, chính sách, tạo điều kiện cho con em các dân tộc trong tỉnh học tập được lên lớp trên, cấp trên. Tăng cường công tác kiểm tra phong trào giáo dục trong địa phương.

Giáo dục là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, các cấp, các ngành cần có kế hoạch thực hiện tốt chỉ thị này. Đảng đoàn Chính quyền, Đảng đoàn Giáo dục và Ban khoa giáo Tỉnh ủy có trách nhiệm giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện chỉ thị này.

Chỉ thị này được phổ biến đến tận chi bộ.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ

NÔNG CÔNG THƯỜNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 20-BC/TU, ngày 6-9-1974

Về tình hình công tác tháng 8-1974

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết 22, các chỉ thị, nghị quyết khác của Trung ương, thiết thực lập thành tích kỷ niệm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9, trong tháng các mặt công tác chủ yếu đã thực hiện được như sau:

1. Sản xuất nông - lâm nghiệp

Trong tháng việc lãnh đạo và chỉ đạo của các ngành, các cấp đã có nhiều cố gắng tập trung kiểm tra, đôn đốc việc thu chiêm, làm mùa. Cụ thể là:

- Về thu chiêm, nhờ thời tiết thuận lợi nên việc đập, phơi, nhập kho và phân phối được nhanh gọn. Năng suất lúa xuân ước tính bình quân toàn tỉnh đạt 26,24 tạ/ha (so với kế hoạch đạt 74,7% và so với vụ đông xuân 1972 - 1973 đạt 90%, tức là hụt 0,36 tạ/ha).

Các loại hoa màu khác như ngô xuân, mì mạch, khoai lang, khoai tây, hạt rau, đậu tương xuân... cũng đã thu hoạch. So với kế hoạch năng suất đều chưa đạt, nhưng so với vụ xuân 1973 một số chỉ tiêu tăng như ngô, đậu tương, khoai tây...

- Về làm mùa: Trong tháng do còn mưa ít nên một số chân ruộng một vụ bị thiếu nước (huyện Bát Xát khoảng 100 ha, Bảo Thắng 30,8 ha...) tuy đã cố gắng khắc phục giải quyết nhưng có thể

phải chuyển một số diện tích sang trồng màu vì thời vụ gieo trồng vụ mùa đến nay đã kết thúc.

Nhìn chung, tốc độ gieo cấy lúa ruộng vụ mùa năm nay chậm hơn so với cùng thời gian năm trước (tính đến ngày 26-8-1974, toàn tỉnh ta đã cấy được 7.251,2 ha so với kế hoạch đạt 96,2%, so với cùng kỳ thời gian năm trước bằng 97,5%).

Nguyên nhân chủ yếu là do bị hạn, việc chỉ đạo một số địa phương còn lúng túng, việc quản lý lao động còn thiếu chặt chẽ dẫn đến mạ chờ ruộng ảnh hưởng đến tốc độ gieo trồng...

Về hoa màu vụ hè, riêng đậu tương so với cùng thời gian năm trước tốc độ gieo trồng có nhanh hơn (465 ha tăng 27 ha) song các chỉ tiêu khác đều chậm hơn (ngô 126 ha, bằng 45%; khoai lang 40 ha, bằng 52%, mạch hoa 56 ha, bằng 80%...).

Tình hình chăm sóc cho lúa và hoa màu nói chung còn chậm và yếu (so với diện tích đã gieo trồng thì lúa ruộng mới làm cỏ được được 66,1%, lúa nương mội được 83,4%, bình quân ruộng mới bón được 1,17 tấn phân chuồng/ha).

Tình hình chăn nuôi vẫn được duy trì và phát triển bình thường. Riêng vùng Pha Long (Mường Khương) có xảy ra dịch lợn, nhưng đã bao vây dập tắt được.

Về lâm nghiệp, đang đẩy mạnh làm vườn ươm, điều tra quả giống, tuyển lựa cây con chuẩn bị phục vụ cho phong trào trồng cây vụ xuân tới. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh đã tập trung chỉ đạo thực hiện mũi nhọn tiến công vận động phong trào trồng cây gây rừng, xây dựng “rừng cấm cửa làng” mang tên kết nghĩa Lào Cai - Thủ Dầu Một.

Việc tiếp nhận nhân lực đồng bào huyện Lý Nhân (Nam Hà) lên tham gia xây dựng vùng kinh tế mới ở Lào Cai đưa vào thí điểm ở hai xã Xuân Quang và Phong Niên (huyện Bảo Thắng) đợt đầu đã căn bản ổn định, trong tháng đã tiếp nhận thêm hai đợt nữa. Ngoài ra còn tiếp nhận thêm 50 lao động làm nghề gạch ngói ở các tỉnh miền xuôi bổ sung thêm cho một số hợp tác xã ở Bảo Thắng,

Bát Xát, thị xã Lào Cai để phục vụ cho yêu cầu phát triển ngành nghề của các hợp tác xã.

Nhìn chung tình hình tư tưởng, sinh hoạt và việc làm ăn sản xuất của bà con mới lên đã bước đầu ổn định, song cũng còn nhiều tồn tại như việc khoanh vùng giao đất cho các hợp tác xã mới chưa cụ thể rõ ràng, dụng cụ sản xuất thiếu, việc giúp đỡ về thuốc men, phòng chữa bệnh và cung cấp thực phẩm cho đồng bào chưa được đầy đủ...

Để tiếp tục củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa theo tinh thần Nghị quyết hội nghị lần thứ 22 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, vừa qua tỉnh ta đã tổ chức hội nghị đại biểu các huyện, thị và các ngành, giới xung quanh tỉnh để thảo luận quán triệt Nghị quyết (số 16) và Kế hoạch (số 03) của Tỉnh ủy “về nhiệm vụ, phương hướng, kế hoạch tiến hành cuộc vận động xây dựng, củng cố hợp tác xã sản xuất nông - lâm nghiệp gắn với tổ chức lại sản xuất theo vùng và xây dựng cấp huyện 2 năm 1974- 1975”.

2. Công nghiệp

Bên cạnh một số sản phẩm chủ yếu có giá trị nhỏ như nông cụ, giấy, hóa chất... có khá hơn thì một số sản phẩm chủ yếu có giá trị lớn như: trung, đại tu ô tô, sản xuất vật liệu xây dựng... lại giảm nhiều so với tháng trước nên đã ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất trong tháng. Ngoài ra, do một số cơ sở đã kết thúc sản xuất theo thời vụ (hoa, quả hộp), một số cơ sở không được cung cấp đủ nguyên liệu như: rỉ mật để nấu rượu, đỗ tương để sản xuất nước chấm, một số cơ sở thiếu vật tư, sắt thép, thiết bị, phụ tùng để thay thế, sửa chữa nên giá trị tổng sản lượng công nghiệp của tháng này chỉ bằng 95,9% so với tháng trước.

- Về xây dựng cơ bản, tuy có chủ trương tập trung vật tư, tiền vốn và lao động cho các công trình trọng điểm nhưng do chỉ đạo còn phân tán, dây dưa, thiếu dứt điểm, các thủ tục ban đầu làm chậm nên so với tháng trước tuy có tốc độ thi công khá hơn bằng 148%, nhưng

nhìn chung vẫn còn chậm. Tính đến hết tháng 8-1974, ước chỉ đạt được 41,8% so với tổng số vốn đầu tư trong cả năm.

- Về giao thông vận tải, các tuyến đường trục vẫn được bảo dưỡng, tu sửa bảo đảm giao thông thông suốt trong mùa mưa lũ. Công tác vận tải nói chung vẫn bảo đảm được kế hoạch, vận chuyển phục vụ sản xuất nông nghiệp, xây dựng cơ bản phục vụ đời sống và sự đi lại của nhân dân. Tuy nhiên, một phần do thiếu phụ tùng thay thế và chủ yếu là do công tác quản lý chưa đáp ứng kịp với tình hình nên các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật trong công tác vận tải vẫn đạt thấp, đã ảnh hưởng đến năng suất, hiệu suất cũng như kế hoạch vận tải trong tháng. Vận tải thô sơ có được khai thác hỗ trợ cho cơ giới trên các tuyến đường ngắn. Tổng khối lượng hàng hóa luân chuyển và vận chuyển trong tháng ước đạt 96% về tấn và 89% về tấn/km, tổng số hành khách ước đạt 98% lượt người, 96% lượt người/km so với tháng trước.

3. Tài chính - thương nghiệp

- Công tác lương thực: Tính đến cuối tháng 8-1974, tổng số thóc đã nhập kho được 381.095 kg, bằng 38% kế hoạch tạm thu vụ chiêm. Trong đó thuế đạt 46,18%, nghĩa vụ đạt 27,1%. Riêng mua giá cao đạt rất thấp chỉ bằng 2% so với cùng thời kỳ năm trước.

- Công tác thu mua nông sản - thực phẩm, hàng công nghệ phẩm: Đã tổ chức vận động thu mua, phục vụ cho ngày 2-9 một số mặt hàng như lợn, bò... đạt kết quả khá. Song một số mặt hàng chủ yếu như rau xanh, đỗ tương và một số mặt hàng thu mua theo nghĩa vụ còn đạt thấp so với kế hoạch.

Trong gia công mua hàng công nghệ phẩm, trừ một vài mặt hàng như bánh kẹo, bát cơm sứ... xấp xỉ đạt kế hoạch quý, ngoài ra do thiếu nguyên liệu để sản xuất: rượu, nước chấm... đã ảnh hưởng đến thu mua, phục vụ.

Kết quả thực hiện: Thu mua nông sản, thực phẩm, dược liệu ước đạt 27%, thu mua hàng công nghệ phẩm ước đạt 28,4% so với kế hoạch quý.

- Công tác phân phối bán ra: Những mặt hàng phân phối theo tiêu chuẩn định lượng đã cố gắng giải quyết hằng tháng, hằng quý, không để nợ đọng, ngoài ra còn cung cấp thêm một số mặt hàng cho cán bộ, công nhân viên như cá khô, súp... Song một số mặt hàng thiết yếu như: Xà phòng giặt, nước chấm, vải nhựa đi mưa, giấy viết, phụ tùng xe đạp... thiếu bán từ những tháng trước chưa giải quyết được đã ảnh hưởng đến doanh số bán ra, ảnh hưởng đến đời sống của cán bộ và nhân dân. Tổng số giá bán ra trong tháng ước đạt 29,3% so với kế hoạch quý.

- Công tác thị trường giá cả: Thực hiện Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị, công tác quản lý thị trường đã có những cố gắng, tiến bộ. Số người buôn bán trái phép đang được thu hẹp chuyển dần về sản xuất. Một số mặt hàng do Nhà nước thống nhất quản lý đã được quản lý, thu mua, làm cho thị trường tự do đang dần được ổn định. Song nhìn chung, công tác này chuyển biến còn chậm, sự phối hợp giữa các ngành có trách nhiệm chưa ăn khớp, chặt chẽ.

Về giá cả lương thực, thực phẩm trên thị trường tự do có chiều hướng tăng hơn so với tháng trước với chỉ số chung khoảng 106%.

4. Công tác văn xã

Công tác văn hóa - thông tin và các hoạt động văn nghệ chủ yếu tập trung tuyên truyền cổ động cho việc triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và của tỉnh cho kỷ niệm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9. Công tác giáo dục đã hoàn thành việc bồi dưỡng hè về chính trị và nghiệp vụ cho giáo viên các cấp, đã hoàn thành việc thi chọn học sinh vào lớp 5 và lớp 8 và đang chuẩn bị khai giảng năm học mới 1974 - 1975.

5. Công tác trị an - quốc phòng

Sự hoạt động của các loại phản cách mạng ở địa phương trong tháng qua chưa thấy xuất hiện vấn đề gì đáng kể. Tình hình trị an biên giới, nội địa vẫn được giữ vững. Bốn trường hợp vượt biên từ Bạt sang đã được giải quyết. Tình hình buôn lậu ở biên giới thời

gian gần đây có nhiều vấn đề phức tạp nhưng phần lớn các vụ đã bị phát hiện và bắt giữ.

Tình hình trật tự xã hội nói chung không có vấn đề gì lớn. Một số vụ móc túi, đánh bạc, đánh nhau gây lộn xộn xảy ra đều đã được phát hiện, xác minh và xử lý kịp thời. Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị tiếp tục được triển khai thực hiện và đã thu thêm được một số kết quả. Song nhìn chung chuyển biến còn chậm và chưa đều, sự phối kết hợp giữa các cấp các ngành trong lúc thực hiện nghị quyết chưa ăn khớp, chặt chẽ.

Công tác quốc phòng: Việc tuyển quân bổ sung cho địa phương đã đảm bảo được chỉ tiêu. Công tác tuyển quân thường trực đợt 2 đã được triển khai xuống các huyện, thị.

Trong tháng, lực lượng dân quân du kích, tự vệ ở một số xã biên giới thuộc huyện Mường Khương đã được tổ chức diễn tập chống gián điệp, biệt kích có kết quả.

6. Công tác xây dựng Đảng

Về chính trị, tư tưởng tiếp tục đôn đốc kiểm tra các cấp, các ngành, các cơ sở triển khai thực hiện các nghị quyết của Trung ương và Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ.

Công tác tuyên truyền tình hình thời sự trong nước và thế giới, tuyên truyền phổ biến chế độ, chính sách, nhất là tuyên truyền cho thắng lợi của cả hai miền Nam - Bắc từ đầu năm lại đây được tiến hành rộng rãi đến tận cơ sở đã gây thêm được phần khởi tin tưởng trong cán bộ và nhân dân.

Công tác tổ chức, kiểm tra vẫn được tiến hành theo kế hoạch. Để đẩy mạnh việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng từ trong cấp ủy tỉnh, vừa qua Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ đã tổ chức kiểm điểm định kỳ cá nhân năm 1973 nhằm nâng cao thêm tinh thần trách nhiệm của từng cá nhân và đẩy mạnh mọi mặt hoạt động trong toàn tỉnh, khẩn trương chuẩn bị Đại hội lần thứ VI của tỉnh Đảng bộ.

Thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư Trung ương Đảng đang tiến hành bước hai của đợt này và đã kết luận được 38 trường hợp.

NHIỆM VỤ CÔNG TÁC THÁNG 9-1974

1. Tập trung đẩy mạnh công tác thủy lợi, phân bón, chăm sóc phòng trừ sâu bệnh cho lúa mùa và các cây trồng khác, thu hoạch nhanh gọn ngô vùng cao, tranh thủ gieo trồng rau xanh, ngô, khoai lang vụ thu đông. Trồng thêm cây thức ăn, chăm sóc, phòng bệnh, phòng dịch cho gia súc. Tiếp tục đẩy mạnh việc trồng cây vụ thu, kết hợp làm tốt công tác vườn ươm, thu nhặt hạt giống, gieo ươm chuẩn bị cho việc trồng cây vụ xuân.

Khắc phục hiện tượng mất cân đối, cố gắng giải quyết cho các sở công nghiệp có nguyên vật liệu để ổn định sản xuất, hoàn thành tốt kế hoạch cả năm. Đẩy mạnh việc sản xuất vật liệu xây dựng, cố gắng cung cấp đủ vật tư, lao động, tập trung chỉ đạo thi công dứt điểm các công trình trọng điểm sớm đưa vào sản xuất và sử dụng, đồng thời khẩn trương tiến hành các thủ tục ban đầu cho các công trình kế tiếp.

Tăng cường thu mua, nắm nguồn hàng để đẩy mạnh xuất khẩu và phân phối bán ra phục vụ tốt cho sản xuất vụ đông xuân 1974-1975.

Chú ý làm tốt công tác phòng, chống bão lũ để bảo vệ sản xuất, bảo vệ tài sản của Nhà nước và của nhân dân, bảo đảm giao thông liên lạc thông suốt.

2. Về công tác văn xã, tiếp tục tuyên truyền cổ động cho việc triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và của tỉnh, chuẩn bị đầy đủ mọi mặt để bước vào năm học mới 1974-1975.

3. Tiếp tục đẩy mạnh việc triển khai tuyển quân đợt hai xuống các huyện, thị và cơ sở, bảo đảm thời gian và quân số, tiếp tục làm tốt việc tập trung, giáo dục số đào binh.

4. Tiếp tục đôn đốc, kiểm tra các cấp, các ngành triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và của tỉnh đẩy mạnh mọi mặt phong trào, tiếp tục chuẩn bị cho Đại hội lần thứ sáu của tỉnh Đảng bộ. Các cơ sở đang thực hiện Chỉ thị 192, cố gắng kết thúc bước hai trong tháng.

Đôn đốc các ban, các đảng đoàn xúc tiến, hoàn thành xây dựng cơ bản chức năng, nhiệm vụ của mình.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

NÔNG CÔNG THƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG TRI CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 72-TT/TU, ngày 10-9-1974

Về việc tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác động viên tuyển quân

Đối với công tác tuyển quân, Trung ương và Tỉnh ủy đã có những chỉ thị, thông tri cụ thể. Thực hiện các chỉ thị, thông tri đó, các cấp, các ngành đã có nhiều cố gắng, do đó các đợt tuyển quân từ trước đến nay đã đạt kết quả; một số đơn vị vượt mức chỉ tiêu kế hoạch của tỉnh giao (thị xã Lào Cai, Cam Đường).

Tuy nhiên, công tác tuyển quân cũng còn một số mặt yếu. Trong đó, công tác giáo dục, vận động tòng quân và việc quản lý lực lượng còn nhiều thiếu sót, trách nhiệm của các ngành, các giới chưa thật sự đề cao.

Để nghiêm chỉnh thực hiện nhiệm vụ động viên tuyển quân đợt 2 hiện nay và các đợt từ nay về sau, đảm bảo giao đủ quân số, chất lượng cao, đúng thời gian, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhắc các cấp, các ngành chú ý thi hành một số điểm sau đây:

1. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục và động viên quần chúng, làm cho mọi người, đặc biệt là thanh niên thấy rõ hơn trong khi thực hiện nhiệm vụ khôi phục và phát triển kinh tế, phải đồng thời làm tốt công tác quốc phòng, công tác tuyển quân để bảo vệ Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ với miền Nam ruột thịt nói chung và

đồng bào tỉnh Thủ Dầu Một nói riêng và nghĩa vụ quốc tế. Từ đó làm cho mọi người tự nguyện, tự giác tham gia quân đội.

Các chi bộ, các đoàn thể quần chúng, nhất là thanh niên phải có trách nhiệm chính trong việc giáo dục, vận động đảng viên, đoàn viên và thanh niên, anh em và chồng con của đoàn thể mình, coi chỉ tiêu tuyển quân là nhiệm vụ và tiêu chuẩn thi đua của đoàn thể mình. Cần phải có động viên khen thưởng đối với đoàn viên, hội viên làm tốt công tác tuyển quân đồng thời phê bình, kiểm điểm hoặc có kỷ luật với đảng viên, đoàn viên, hội viên không làm tròn nhiệm vụ đối với công tác tuyển quân.

Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy cần hướng dẫn nội dung và kế hoạch cụ thể cho các huyện, thị, thanh niên, phụ nữ, mặt trận để tiến hành tuyên truyền, giáo dục, vận động quần chúng.

2. Chú trọng công tác quản lý lực lượng quân dự bị, cần phải nắm chắc lực lượng quân dự bị về cả con người và tư tưởng. Do đó các cơ quan quân sự huyện, thị và cơ quan chính quyền cần phải tăng cường công tác đăng ký, thống kê và quản lý quân dự bị hàng năm thật sát sao để đi vào nền nếp, đăng ký đúng đối tượng, đúng độ tuổi, đủ 100% quân số; thống kê phải thật chính xác và phải tiến hành khám sức khỏe toàn bộ cho quân dự bị, quản lý chắc những thanh niên đủ điều kiện động viên. Những người đủ điều kiện động viên hay những người sức yếu nhưng nằm trong diện được tạm miễn, hoãn, không phạm chính trị thì đưa vào đội dự bị và dân quân tự vệ.

Những quân nhân dự bị đủ điều kiện động viên cần lập lý lịch nghĩa vụ quân sự theo đúng nội dung, đúng yêu cầu và đảm bảo đầy đủ thủ tục để sẵn sàng phục vụ cho việc động viên các đợt.

Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh cần phải chỉ đạo thí điểm 1-2 xã để rút kinh nghiệm, qua đó mà chỉ đạo tuyển quân đợt hai năm 1974 và các năm sau.

3. Phải thực hiện chính sách công bằng, hợp lý trong công tác động viên tuyển quân theo đúng các chỉ thị, công văn của Chính

phủ đã quy định. Các huyện, thị và các cơ quan nhà nước phải phát hiện, lập danh sách những gia đình, những thanh niên có đông anh em trai đến tuổi nghĩa vụ quân sự mà chưa có người nào đi bộ đội (kể cả các đồng chí lãnh đạo) thì đợt này nhất thiết phải có người đi bộ đội. Phải giáo dục, động viên các đồng chí cấp ủy, đảng viên và cán bộ có đông con trai mà chưa có người tham gia quân đội thì phải tình nguyện gương mẫu động viên con, em mình tự nguyện lên đường nhập ngũ.

Nhận được thông tri này, các huyện, thị, các cơ quan và các ngành, giới phải có kế hoạch cụ thể tổ chức hội nghị quán triệt, tổ chức một đợt tuyên truyền, giáo dục thật sự sâu rộng, có phân công phụ trách thường xuyên nắm tình hình, tổng hợp báo cáo về Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ

NÔNG CÔNG THƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 169-TB/TU, ngày 20-9-1974

Về việc quyết định một số vấn đề về nghiên cứu làm thử xây dựng cấp huyện (Bát Xát) và quy hoạch vùng kinh tế mới (Bảo Thắng)

Ngày 6 và 7-9-1974, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã họp thường kỳ, có mặt: các đồng chí Trường Minh, Nông Công Thương, Lương Quyết Định, Cư Hòa Văn, Nguyễn Ân, Nguyễn Trí Nghị (vắng mặt 2 đồng chí: Vi Khánh Vinh đi công tác, Phạm Gia Tuân đi chữa bệnh).

I. Sau khi nghe các đồng chí Thường trực Ban Chỉ đạo Xây dựng cấp huyện ở Bát Xát, báo cáo phương án tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện Bát Xát từ năm 1974 đến năm 1980 và phương án kiện toàn tổ chức bộ máy và cán bộ Ủy ban Nông, lâm nghiệp huyện, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nhất trí đánh giá và quyết định một số vấn đề như sau:

1. Quán triệt Thông báo 06-TB/TW ngày 12-8-1972 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về làm thử xây dựng cấp huyện, trong hơn một năm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện thí điểm ở Bát Xát đã thu được những kết quả bước đầu, đạt tương đối tốt yêu cầu nghiên cứu làm thử xây dựng cấp huyện ở Trung ương đề ra. Những kết quả đạt được là do sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo của các ngành, các cấp, sự nhiệt tình cộng tác của cán bộ trực tiếp đi

làm (do các huyện, thị và các ban ngành xung quanh tỉnh cung cấp). Ban Chỉ đạo xây dựng cấp huyện và Ban Nông nghiệp Tỉnh ủy đã có nhiều cố gắng thực hiện Thông báo số 05-TB/TU ngày 23-1-1973 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, đã giúp Bát Xát nghiên cứu xây dựng được phương án tổ chức lại sản xuất ở 7 cơ sở, trong đó có 3 cơ sở có kết hợp với triển khai làm thử (Bản Vược, Tả Ngạn, Cốc Mỹ); đã giúp Bát Xát nghiên cứu xây dựng được phương án tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện từ năm 1974 đến năm 1980, cùng với việc sắp xếp lại mạng lưới kinh tế, kỹ thuật, kiện toàn tổ chức bộ máy và cán bộ Ủy ban Nông, lâm nghiệp huyện theo yêu cầu của cơ cấu sản xuất mới đã được tổ chức lại; đồng thời đã đào tạo cho các huyện, thị và nhiều ngành chuyên môn xung quanh tỉnh một số cán bộ biết làm công tác tổ chức lại sản xuất ở cơ sở hoặc một ngành ở huyện. Qua thực tế tiến hành làm thử xây dựng cấp huyện ở Bát Xát, Ban Thường vụ Tỉnh ủy khẳng định: Muốn đưa nền nông nghiệp sản xuất nhỏ, phân tán của tỉnh ta đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, cách tốt nhất là phải tổ chức lại sản xuất từ cơ sở lên địa bàn toàn huyện, từ những cây, con đã có đến những cây, con mới; từ tổ chức lại sản xuất đến việc sắp xếp, bố trí mạng lưới kinh tế nông, lâm nghiệp từ cơ sở đến huyện.

Trong khi chờ đợi nghị quyết chính thức của Trung ương về công tác xây dựng cấp huyện, Ban Chỉ đạo Xây dựng cấp huyện, tỉnh và Ban Nông nghiệp Tỉnh cần vận dụng những kinh nghiệm đã làm thí điểm ở Bát Xát vào việc thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Cuộc vận động xây dựng, củng cố hợp tác xã sản xuất nông - lâm nghiệp, gắn với tổ chức lại sản xuất theo vùng và xây dựng cấp huyện hai năm 1974-1975; đồng thời tiếp tục theo dõi giúp huyện Bát Xát triển khai thực hiện các phương án đã xây dựng, tổng kết đúc rút kinh nghiệm về kết quả và cách làm từng vấn đề cụ thể để chỉ đạo chung.

2. Duyệt phương hướng sản xuất huyện Bát Xát đã xây dựng trong phương án kinh tế và quản lý từ năm 1974 đến năm 1980 là:

“Lấy việc phát triển rừng (bao gồm cây đặc sản, cây công nghiệp) và lấy chăn nuôi là ngành sản xuất chính, đồng thời đẩy mạnh sản xuất cây lương thực với mức cố gắng nhất, bằng thâm canh tăng vụ và mở rộng diện tích những nơi có điều kiện, để đảm bảo lương thực cho người và thức ăn cho gia súc. Về lương thực, 18 xã vùng cao cố gắng sản xuất vừa đảm bảo đời sống và có phần dự trữ, 8 xã vùng thấp sản xuất vừa đảm bảo đời sống vừa có phần đóng góp nghĩa vụ với Nhà nước”.

Để Bát Xát có điều kiện xây dựng các vùng chuyên môn hóa sản xuất, giữa huyện và hợp tác xã có cùng một cơ cấu sản xuất và quản lý, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhất trí Bát Xát được chia thành 5 tiểu vùng sản xuất để chỉ đạo thực hiện và đến năm 1980 toàn huyện có trên dưới 40 đơn vị sản xuất (cả quốc doanh và tập thể). Quy mô mỗi đơn vị có khoảng 500 ha trở lên (trong đó đất canh tác khoảng 150-200 ha, đất lâm nghiệp khoảng 300 ha trở lên).

3. Huyện Bát Xát phải đảm bảo thực hiện đạt và vượt mức các mục tiêu phấn đấu đã xây dựng trong phương án kinh tế với yêu cầu nhanh, mạnh, vững chắc, từng bước định hình quy mô sản xuất, lao động, sản phẩm hàng hóa để từ 5-7 năm sau trở thành huyện định hình về sản xuất theo hướng đi lên sản xuất lớn, xã hội chủ nghĩa: tập trung, chuyên canh, thâm canh, định canh... hình thành rõ nét được các vùng kinh tế chủ yếu của huyện (đến năm 1980) như sau:

- Vùng lương thực, thực phẩm (8 xã vùng thấp) với quy mô 989 ha lúa hai vụ, năng suất 9 tấn/ha; 11.982 con lợn (60% lai kinh tế) với cơ sở sản xuất thức ăn, giống, phòng trừ dịch bệnh vững chắc.

- Vùng rừng gỗ trụ mỏ (15 xã vùng thấp và các xã giáp vùng thấp chạy dài từ Cốc San đến A Mu Sung) quy mô khoảng 9.000 ha.

- Vùng cây đặc sản (thảo quả, nấm hương, cây thuốc thuộc khu vực Mường Hum và Y Tý).

- Một số hợp tác xã chuyên canh mía, dứa (thuộc các xã Bản Qua, Quang Kim, Đồng Tuyển, Cốc San).

- Chăn nuôi đại gia súc (6 xã vùng giữa và 1 xã vùng cao).

4. Huyện Bát Xát được kiện toàn tổ chức bộ máy và cán bộ Ty Nông - Lâm nghiệp huyện, đồng thời được sắp xếp lại mạng lưới kinh tế và kỹ thuật trên địa bàn huyện theo phương án mới cho phù hợp với yêu cầu của sản xuất đã được tổ chức lại. Ban Nông nghiệp và Ban Tổ chức Tỉnh ủy cùng với Ban Tổ chức chính quyền, Ủy ban Nông nghiệp tỉnh, Ty lâm nghiệp cần giúp đỡ hướng dẫn các huyện, thị kiện toàn Ủy ban Nông, lâm nghiệp theo hướng tổ chức như Bát Xát; đồng thời tiến hành nghiên cứu thêm về chức năng, nhiệm vụ của chính quyền cấp xã trong quản lý kinh tế nông - lâm nghiệp sau khi đã được tổ chức lại. Nghiên cứu phương án tổ chức bộ máy nông - lâm nghiệp ở cấp tỉnh cho phù hợp với tổ chức bên dưới để xây dựng hệ thống tổ chức bộ máy kinh tế ngành nông - lâm nghiệp thống nhất.

II. Sau khi nghe Đảng đoàn Ủy ban Nông - Lâm nghiệp tỉnh trình bày quy hoạch sản xuất nông - lâm nghiệp vùng kinh tế mới huyện Bảo Thắng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thảo luận và nhất trí.

1. Xác định Bảo Thắng là huyện nằm trong vùng I (vùng lương thực - thực phẩm của tỉnh), phương hướng sản xuất của vùng là “Phải tận dụng mọi khả năng đất đai dưới 15° để sản xuất cây lương thực ngắn ngày (lúa, ngô, màu), cố gắng giải quyết vấn đề lương thực với mức cao nhất. Tích cực mở rộng phát triển diện tích cây công nghiệp lấy dầu, cây ăn quả (sơ, dứa). Đẩy mạnh phát triển nghề rừng (bao gồm cả khoanh nuôi, tu bổ, trồng rừng và khai thác), đồng thời tích cực phát triển chăn nuôi (lợn, cá, trâu). Phấn đấu từ nay đến năm 1980 sản xuất được nhiều sản phẩm hàng hóa phục vụ cho xuất khẩu, nguyên liệu cho công nghiệp, thực phẩm cho khu công nghiệp mỏ...”.

2. Căn cứ vào phương hướng sản xuất xác định trên, huyện Bảo Thắng cần thực hiện quy hoạch cụ thể cho từng cây, con, đồng

thời tiến hành tổ chức lại sản xuất từ cơ sở lên địa bàn toàn huyện (như cách làm, bước đi của Bát Xát) để đến năm 1980 định hình được các tiểu vùng sản xuất các cây, con chủ yếu như:

- Vùng trồng sớ: Tập trung vào khu vực nông trường Phú Xuân, Sơn Hà, các xã Gia Phú, Xuân Giao, Phú Nhuận, Tầng Lởong.

- Vùng trồng dưa xen cây lấy dầu (trầu, măng tang) dọc đường Hữu Nghị 7, đường sắt, đường Phố Lu, Lán Tây.

- Vùng trồng màu tập trung (ngô, sắn...) có độ dốc dưới 15⁰ nằm dọc theo sông Hồng và hai đường trục chính.

- Vùng trồng rừng, khai thác, bảo vệ rừng: Tập trung dọc tả ngạn sông Hồng.

- Ao hồ thả cá ở khu vực: Phú Xuân, Phú Nhuận, Phố Lu, Cam Đường.

- Đàn trâu sữa: Nông trường Phú Xuân nghiên cứu xây dựng đàn trâu sữa vào các năm sau.

Dựa vào phương hướng sản xuất và các cây, con đã xác định trên các ngành kinh tế của tỉnh, huyện Bảo Thắng tiếp tục nghiên cứu, tính toán xây dựng quy hoạch, kế hoạch ngắn hạn, dài hạn để thực hiện với tinh thần khẩn trương, mạnh mẽ và vững chắc.

3. Đối với khu vực quốc doanh, phải định hình các nông trường Phú Xuân, Phong Hải, Sơn Hà, Trường Thanh niên lao động xã hội chủ nghĩa; xóa bỏ lâm trường theo kiểu địa dư hành chính hiện nay; nghiên cứu tổ chức măng lưới thu mua, chế biến lâm sản, trực thuộc một tổ chức thống nhất ở tỉnh; tiến hành việc giao rừng và đất rừng cho hợp tác xã quản lý kinh doanh theo kế hoạch nhà nước. Đối với khu vực tập thể, trên cơ sở tổ chức lại sản xuất mà xác định rõ loại hình hợp tác xã (nông - lâm, lâm - nghiệp, hoặc lâm nghiệp chuyên)...

4. Để thực hiện phương hướng, nhiệm vụ sản xuất trên, Ban Thường vụ nhất trí cần tiếp nhận thêm lao động của tỉnh Nam Hà bổ sung cho cả khu vực quốc doanh và tập thể trong vùng kinh tế để mở rộng diện tích những cây trồng mới, tăng cường đầu tư cơ sở

vật chất, kỹ thuật cho vùng kinh tế mới, trước hết là đường giao thông, thủy lợi, khai hoang, xây dựng đồng ruộng, cơ khí, các cơ sở giống, phân bón, phòng chống dịch bệnh và các công trình phục vụ công cộng (trường học, trạm xá, cửa hàng)...

5. Những cây trồng hiện đang sản xuất, nhưng không nằm trong phương hướng sản xuất đã xác định như mía, sắn... cần nghiên cứu thu hẹp dần diện tích cùng với việc mở rộng cây trồng mới.

III. Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao cho Đảng đoàn chính quyền tỉnh có trách nhiệm lãnh đạo, lập các thủ tục nhà nước trình lên Trung ương xét duyệt, hằng năm căn cứ vào phương hướng sản xuất mà giao chỉ tiêu kế hoạch cho hai huyện Bát Xát và Bảo Thắng; đồng thời chỉ đạo các ngành thực hiện; các ngành của tỉnh căn cứ vào chức năng của ngành, có trách nhiệm hướng dẫn giúp đỡ các huyện một cách tích cực; Huyện ủy Bát Xát, Bảo Thắng có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo thực hiện tốt phương án; các ban của Đảng và các đoàn thể quần chúng có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, động viên các ngành, các cấp và nhân dân hai huyện thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

NÔNG CÔNG THƯỜNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CÔNG VĂN
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 76-CV/TU, ngày 15-10-1974

Kính gửi: Các đồng chí trong Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy triệu tập Hội nghị toàn Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh để:

1. Kiểm điểm, đánh giá tình hình các mặt 9 tháng đầu năm, định chương trình công tác 3 tháng cuối năm 1974.
2. Nghiên cứu Chỉ thị 208, 209 của Ban Bí thư Trung ương, Điều lệ Hợp tác xã nông nghiệp, thông qua kế hoạch thực hiện Chỉ thị 209 về việc tổ chức Đại hội Nông dân tập thể.

Thời gian họp 3 ngày, bắt đầu từ 21 đến 23-10-1974, tại Văn phòng Tỉnh ủy.

Vậy báo để các đồng chí chuẩn bị ý kiến và về dự họp đông đủ.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ

NÔNG CÔNG THƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG TRI CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 73-TT/TU, ngày 21-10-1974

Về việc triệu tập Hội nghị tổng kết các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp điển hình

Thi hành các chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “tổ chức lại sản xuất và cải tiến một bước quản lý nông nghiệp” “tổ chức đại hội nông dân tập thể”, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định triệu tập hội nghị với nội dung sau đây:

1. Tổng kết các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp điển hình và phát động phong trào củng cố hợp tác xã, đẩy mạnh sản xuất trong và toàn tỉnh.

2. Học tập Chỉ thị 209 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, nghiên cứu Điều lệ hợp tác xã và nghe phổ biến, thảo luận kế hoạch tiến hành của tỉnh...

Thành phần hội nghị:

Ở cơ sở:

- Chủ nhiệm (hoặc phó chủ nhiệm) các hợp tác xã điển hình hoặc các hợp tác xã lớn (theo danh sách kèm theo).

- Bí thư (hoặc phó bí thư) chi bộ xã hoặc đảng ủy xã.

- Chủ tịch (hoặc phó chủ tịch) ủy ban hành chính xã.

Ở huyện, thị:

- Bí thư (hoặc phó bí thư) huyện, thị ủy.

- Chủ tịch (hoặc phó chủ tịch) ủy ban hành chính huyện, thị.

- Chủ nhiệm (hoặc phó chủ nhiệm) ủy ban nông nghiệp huyện, thị.

- Trưởng ban (hoặc phó trưởng ban) tổ chức đảng và chính quyền huyện, thị.

- Trưởng ban (hoặc phó trưởng ban) tuyên huấn huyện, thị.

Các đại biểu ở cơ sở và huyện, thị do các huyện ủy, thị ủy chịu trách nhiệm triệu tập và đôn đốc đi họp.

Ở tỉnh:

- Các đảng ủy, đảng đoàn, chi bộ trực thuộc (một đồng chí lãnh đạo).

- Các ban, các đoàn thể (một đồng chí lãnh đạo).

- Các đồng chí phụ trách các ngành.

Thời gian: Họp 7 ngày (từ 5 đến 11-11-1974).

Các đồng chí ở xa tập trung tại Hội trường Ủy ban Hành chính tỉnh từ chiều ngày 4-11-1974 đến 7 giờ sáng ngày 5-11-1974 kịp dự khai mạc.

Đây là một hội nghị lớn và rất quan trọng. Yêu cầu các huyện, thị ủy tập trung chỉ đạo, đôn đốc, triệu tập các đại biểu về dự họp đông đủ, đúng thành phần, đúng ngày và hướng dẫn đi tập trung theo đoàn; đồng thời đôn đốc hoàn thành báo cáo các điển hình tiên tiến để báo cáo tại hội nghị.

Ghi chú: Các đại biểu đi họp nhớ đem theo chăn màn, quần áo, đồ dùng cần thiết.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ
NÔNG CÔNG THƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 194-TB/TU, ngày 25-10-1974

Về Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai đã họp thường kỳ từ ngày 21 đến ngày 23-10-1974. Dự họp có 17 đồng chí; vắng mặt do đi công tác hoặc đi học, đi chữa bệnh: Trường Minh, Tuấn, An, Việt Tiến, Hàn, Văn Sơn, Quang, Sầu, Thủy, Tất.

Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh kỳ này đã:

1. Nghiên cứu các chỉ thị số 208, 209 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “tổ chức lại sản xuất, cải tiến một bước quản lý nông nghiệp”, “tổ chức Đại hội nông dân các cấp và đưa Điều lệ vào các hợp tác xã”; nghiên cứu điều lệ hợp tác xã nông nghiệp bậc cao, thảo luận, thông qua kế hoạch triển khai cuộc vận động này.

2. Thông qua báo cáo sơ kết công tác 9 tháng và chương trình công tác quý IV năm 1974.

3. Thông qua kế hoạch nhà nước năm 1975 của tỉnh.

*

* *

1. Qua nghiên cứu và thảo luận các chỉ thị 208, 209 của Ban Bí thư và Điều lệ hợp tác xã nông nghiệp bậc cao, tập thể Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh hoàn toàn nhất trí với Trung ương trong việc khẳng định những thành tích và tiến bộ cũng như những khuyết điểm, nhược điểm và nguyên nhân của nông nghiệp miền Bắc nước

ta từ sau khi hợp tác hóa đến nay, Hội nghị nhận thức rằng: Việc Trung ương đề ra chủ trương, biện pháp “tổ chức lại sản xuất và cải tiến một bước quản lý nông nghiệp từ cơ sở theo hướng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa” và “tổ chức Đại hội đại biểu nông dân tập thể các cấp” là rất phù hợp với tình hình và yêu cầu của nông nghiệp hiện nay.

Liên hệ với tình hình nông nghiệp trong tỉnh những năm qua và 9 tháng năm 1974, một lần nữa Tỉnh ủy đã nhất trí nhận định, đánh giá phong trào sản xuất và hợp tác hóa; nhất trí phương hướng, nhiệm vụ khôi phục, phát triển kinh tế - văn hóa hai năm 1974-1975 và nhiệm vụ xây dựng, củng cố các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp trong những năm tới (như nghị quyết 15, 16 và Kế hoạch 03 của Tỉnh ủy).

2. Ban Chấp hành đã nhất trí chương trình công tác quý IV-1974 (ghi trong báo cáo 9 tháng đầu năm của Tỉnh ủy), nhất trí kế hoạch 04 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai cuộc vận động tổ chức đại hội nông dân tập thể các cấp và đưa Điều lệ vào các hợp tác xã. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhấn mạnh một số vấn đề sau đây:

a) Phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tìm mọi biện pháp tích cực cố gắng để phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch nhà nước quý IV và cả năm 1974;

b) Phải tổ chức tốt hội nghị tổng kết các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp điển hình ở tỉnh và đại hội nông dân tập thể các cấp. Trên cơ sở đó, giáo dục nâng cao thêm một bước giác ngộ xã hội chủ nghĩa; phân biệt rõ vấn đề “hai con người”, bồi dưỡng và củng cố quyền làm chủ tập thể của xã viên; biểu dương những thành tích của nông dân tỉnh ta trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội; phát động phong trào thi đua lao động sản xuất, tích cực giải quyết rõ ràng các vấn đề tồn tại trong từng hợp tác xã theo Điều lệ Hợp tác xã và các chính sách đã có (tập trung chủ yếu vào vấn đề ruộng đất và rừng, vấn đề quản lý lao

động...), từng bước tổ chức lại sản xuất, cải tiến quản lý nông nghiệp; khắc phục những nhược điểm thiếu sót, tích cực tham gia xây dựng, củng cố hợp tác xã, phát triển sản xuất, đưa nông nghiệp tiến dần lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

3. Về kế hoạch nhà nước năm 1975, nói chung việc xây dựng các chỉ tiêu đã đưa vào Nghị quyết 15 của Tỉnh ủy và đã quán triệt được tinh thần các nghị quyết 19, 20, 22 của Trung ương. Qua trao đổi, thảo luận các nhiệm vụ và các chỉ tiêu do Ủy ban Kế hoạch tỉnh báo cáo, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhất trí về phương hướng, nhiệm vụ và những chỉ tiêu chủ yếu trong bản kế hoạch dự thảo. Tỉnh ủy nhấn mạnh thêm một số vấn đề:

a) Trong nông nghiệp, lương thực phải phấn đấu với mức cao nhất, sản xuất phải bám chắc phương hướng chuyên canh, thâm canh (chú ý các biện pháp kỹ thuật về giống, nước, phân...). Đi đôi với sản xuất lương thực, phải căn cứ vào khả năng về giống và lao động, v.v., mà tập trung chỉ đạo đẩy mạnh phát triển đậu tương, dưa, chè, sỏ, sả, rau xanh; cây đặc sản... theo vùng; đẩy mạnh phát triển chăn nuôi, nhất là nuôi lợn ở khu vực quốc doanh, tập thể và gia đình xã viên; đẩy mạnh phong trào trồng cây gây rừng, đưa nghề rừng vào hợp tác xã kinh doanh và quản lý.

b) Trong công nghiệp, chú ý tập trung đẩy mạnh công tác xây dựng cơ bản là phải căn cứ vào khả năng nguyên vật liệu, tiền vốn được Trung ương cấp và nhân lực của địa phương mà bố trí thi công có trọng điểm và dứt điểm từng thời gian, từng công trình, hết sức tránh tản mạn và dây dưa kéo dài.

c) Đảng đoàn chính quyền tỉnh và đảng đoàn Ủy ban Kế hoạch có trách nhiệm điều chỉnh, bổ sung các tinh thần trên vào bản kế hoạch chính thức, cho ban hành và tổ chức chỉ đạo thực hiện. Trong thực hiện phải bám sát các phương hướng và mũi nhọn, các trọng tâm đã ghi trong Nghị quyết 15 của Tỉnh ủy; từ đó có phương án tổ chức thực hiện từng vấn đề và theo dõi, nắm chắc

tình hình một cách kịp thời để giải quyết một cách mau lẹ, tránh để lỡ vụ, lỡ việc.

d) Một số vấn đề tồn tại hoặc chưa nhất trí cao, Ban Thường vụ Tỉnh ủy sẽ tiếp tục nghiên cứu, bàn bạc và quyết định (như vấn đề nuôi trâu sữa) và tổng kết kết luận các điểm chỉ đạo sản xuất khoai tây, nấm hương, hướng dương.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ
NÔNG CÔNG THƯỜNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 214-TB/TU, ngày 18-11-1974

Về Hội nghị thường kỳ của Ban Thường vụ Tỉnh ủy ngày 13-11-1974

Ngày 13-11-1974, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã họp thường kỳ để nghe Chi cục Thống kê báo cáo đề án thực hiện Quyết định số 84-QĐ/TTg ngày 18-4-1974 của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý tập trung thống nhất hệ thống thống kê nhà nước theo ngành dọc từ cấp huyện trở lên.

Dự họp có các đồng chí: Trường Minh, Nông Công Thương, Lương Quyết Định, Nguyễn Trí Nghị, Cư Hòa Vân; vắng mặt các đồng chí: Nguyễn Ân (đi học), Dương Việt Tiến (đi công tác), Phạm Gia Tuân, Vi Khánh Vinh (đi điều dưỡng).

Sau khi nghe Chi cục Thống kê báo cáo, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thảo luận và nhất trí mấy vấn đề chủ yếu sau đây:

1. Tách số cán bộ làm nhiệm vụ thống kê (trong Phòng Thống kê - Kế hoạch huyện hiện nay) để thành lập Phòng Thống kê huyện, thị trực thuộc sự quản lý tập trung thống nhất theo hệ thống ngành thống kê.

2. Về tổ chức: Ở Chi cục thành lập ba phòng: Tổng hợp - Văn xã, Thống kê nông - lâm nghiệp, Tổ chức - Hành chính, bộ phận máy tính và các bộ phận khác như cũ. Hằng năm, cần đề nghị

Tổng cục Thống kê cung cấp cho số học sinh được đào tạo ở các trường của Tổng cục để tăng dần số cán bộ có nghiệp vụ cho biên chế của Chi cục và các phòng thống kê huyện, thị theo chỉ tiêu biên chế được duyệt. Cán bộ phụ trách các phòng thống kê huyện, thị và các phòng nghiệp vụ ở Chi cục, do Chi cục cùng với Ban Tổ chức đảng và Ban Tổ chức chính quyền căn cứ vào khả năng, trình độ của từng cán bộ mà nghiên cứu và báo cáo với Ban Thường vụ duyệt. Ngoài ra, Chi cục có thể bàn bạc thỏa thuận và đề nghị điều trở về công tác thống kê những cán bộ có nghiệp vụ thống kê mà trước đây đã chuyển sang công tác khác ở các cơ quan.

Bộ phận máy tính cần được củng cố đi vào nền nếp và cử cán bộ phụ trách có đủ năng lực và trình độ để các số liệu, tài liệu cung cấp cho các cơ quan đảng và nhà nước bảo đảm chính xác, trung thực, kịp thời và sớm trở thành đơn vị hạch toán có lãi.

3. Đối với đội ngũ cán bộ thống kê xã, vẫn do tỉnh quản lý, với sự bồi dưỡng hướng dẫn nghiệp vụ của ngành thống kê, cần được kiện toàn, bổ sung bảo đảm mỗi xã có một người và phải có đủ trình độ, khả năng đảm nhận trách nhiệm, không để cán bộ thống kê xã kiêm nhiệm quá nhiều công việc. Mức thù lao cho cán bộ thống kê xã vẫn giữ như cũ để đảm bảo sự tương quan với các loại cán bộ khác ở cơ sở.

4. Kinh phí hoạt động của ngành thống kê trong tỉnh, nay theo quy định của Chính phủ thì do Tổng cục Thống kê thống nhất xét duyệt cấp phát. Do đó Chi cục Thống kê cần lập dự toán cụ thể báo cáo Tổng cục Thống kê (có ý kiến tham gia của Ủy ban Hành chính tỉnh), trước mắt số kinh phí đã được cấp nên sử dụng vào việc mua sắm các phương tiện làm việc và xây dựng được cơ sở vật chất, kỹ thuật là chủ yếu. Việc chi tiêu phải theo đúng nguyên tắc tài chính của Đảng và Nhà nước quy định, trên tinh thần tiết kiệm.

5. Căn cứ vào quyết định của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Tổng cục Thống kê và thông báo này, đảng đoàn chính

quyền tỉnh cùng các ban thực hiện cụ thể, chú trọng vấn đề bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, nhanh chóng kiện toàn, ổn định tổ chức, cải tiến lề lối làm việc, sớm đưa các mặt quản lý đi vào nề nếp, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ

NÔNG CÔNG THƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG TRI CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 74-TT/TU, ngày 1-12-1974

Về việc xây dựng, củng cố tổ chức bộ máy Ủy ban Nông - Lâm nghiệp huyện, tăng cường cán bộ cho huyện và các hợp tác xã

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 22 của Ban Chấp hành Trung ương, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị số 208-CT/TW ngày 16-9-1974 về việc “tổ chức lại sản xuất nông nghiệp và cải tiến một bước quản lý nông nghiệp theo hướng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa” trong đó Ban Bí thư đã chỉ rõ phương hướng và nội dung cơ bản về xây dựng Ủy ban Nông nghiệp huyện.

Để đảm bảo điều kiện về mặt tổ chức - cán bộ cho việc thi hành các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và các nghị quyết 15, 16, Thông báo 169 của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thấy cần thiết phải khẩn trương xây dựng, củng cố tổ chức bộ máy ủy ban nông, lâm nghiệp các huyện, thị xã cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ hiện nay, đồng thời bổ sung cán bộ cho huyện, thị xã, hợp tác xã.

Việc xây dựng, củng cố tổ chức Ủy ban Nông - Lâm nghiệp huyện phải đạt được những yêu cầu như Chỉ thị số 208 của Ban Bí thư Trung ương Đảng: xây dựng ủy ban nông nghiệp huyện thành cơ quan quản lý thống nhất và có hiệu lực đối với Nhà nước và hợp

tác xã; ủy ban nông nghiệp huyện phải phụ trách toàn diện về nông nghiệp, trực tiếp quản lý các cơ sở vật chất, kỹ thuật và các cơ sở kinh doanh phục vụ nông nghiệp trong huyện; phụ trách đào tạo, bồi dưỡng, quản lý, sử dụng cán bộ kỹ thuật và cán bộ quản lý nông nghiệp. Bộ máy của ủy ban nông nghiệp huyện phải được tổ chức chặt chẽ, gọn nhẹ, có chất lượng...

Phải chú trọng đảm bảo cho Ủy ban Nông - Lâm nghiệp huyện có đủ cán bộ chủ chốt (chủ nhiệm, các phó chủ nhiệm) và cán bộ nòng cốt về kinh tế, kỹ thuật, nghiệp vụ đảm đương tốt nhiệm vụ ở các bộ phận giúp việc, các trạm trại trong huyện và các hợp tác xã sản xuất nông - lâm nghiệp.

Việc đưa cán bộ về công tác lâu dài ở cấp huyện và cơ sở phải được tiến hành khẩn trương, lựa chọn cẩn thận, bồi dưỡng huấn luyện chu đáo nhằm phát huy vai trò của cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý kinh tế một cách hiệu quả.

Nội dung và kế hoạch tiến hành, căn cứ vào tình hình cụ thể của địa phương và hướng dẫn của Trung ương, có thể chia ra các bước để tập trung chỉ đạo thực hiện, đảm bảo hoàn thành vào cuối tháng 2 -1975. Cần làm từ điểm ra diện, vừa làm vừa rút kinh nghiệm. Cụ thể là: sau khi bố trí xong Ủy ban Nông - Lâm nghiệp ở huyện Bát Xát (theo Thông báo 169 ngày 20-9-1974 của Tỉnh ủy) sẽ nghiên cứu bố trí tổ chức bộ máy Ủy ban Nông - Lâm nghiệp cho huyện Bảo Thắng và nghiên cứu cắm chốt cho Ủy ban Nông - Lâm nghiệp các huyện, thị xã khác.

Để giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo dõi, chỉ đạo chặt chẽ công tác này, các ban, các đảng đoàn: chính quyền tỉnh, Ban Nông nghiệp, Ủy ban Nông nghiệp, Ban Kinh tế - Kế hoạch, Tổ chức Tỉnh ủy, Tổ chức Chính quyền, Tuyên giáo, Thủy lợi, Lâm nghiệp, Ủy ban Kế hoạch có trách nhiệm vạch ra kế hoạch và biện pháp cụ thể, phối hợp chặt chẽ với nhau, hướng dẫn cho huyện, thị xã và cơ sở thực hiện.

Ban Tổ chức Tỉnh ủy, tổ chức chính quyền tỉnh và Ban Nông nghiệp Tỉnh ủy đề ra kế hoạch tiến hành và đơn đốc thi hành thông tri này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ
NÔNG CÔNG THƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CÔNG VĂN
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 107-CV/TU, ngày 12-12-1974

Kính gửi:

- Các huyện thị, đảng ủy,
- Các chi bộ trực thuộc,
- Các ban, đảng đoàn.

Thi hành Nghị quyết của Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định mở Hội nghị quân sự tỉnh vào dịp kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22-12-1974) để:

- Tổng kết công tác quân sự địa phương trong 8 năm chống Mỹ, cứu nước.

- Quán triệt nghị quyết của Tỉnh ủy về công tác quân sự địa phương trong giai đoạn mới.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã giao cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh trách nhiệm chuẩn bị mọi mặt tốt Hội nghị nói trên và thông báo cho các cơ sở biết thời gian, địa điểm làm việc của Hội nghị.

Đây là một hội nghị có tính chất rất quan trọng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhắc các cấp, các ngành cần bố trí công tác để cử đủ số lượng và thành phần quy định về dự Hội nghị (số lượng đại biểu của từng nơi đã ghi rõ trong công văn của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh).

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ

NÔNG CÔNG THƯỜNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 220-TB/TU, ngày 12-12-1974

**Hội nghị thường kỳ của Ban Thường vụ Tỉnh ủy
(từ ngày 5 đến 6-12-1974)**

Có mặt các đồng chí: Trường Minh, Nông Công Thương, Phạm Gia Tuân, Dương Việt Tiến, Nguyễn Trí Nghị, Củ Hòa Vân; vắng mặt 3 đồng chí: Vi Khánh Vinh (đi chữa bệnh), Nguyễn Ân (đi học), Lương Quyết Định (đi công tác).

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nghe đồng chí Dương Việt Tiến báo cáo tình hình đi họp do Ban Trù bị Đại hội Nông dân tập thể và Ban Tổ chức Trung ương triệu tập; nghe đồng chí Hồng Dương, Phó Trưởng Ban Nông nghiệp Tỉnh ủy, Ủy viên Thường trực Ban Trù bị Đại hội Nông dân tập thể tỉnh báo cáo sơ kết tình hình chỉ đạo thực hiện Chỉ thị 209 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Kế hoạch 04 của Tỉnh ủy; nghe đồng chí Lê Chính, Phó Trưởng Ban Kinh tế - Kế hoạch Tỉnh ủy báo cáo tình hình bán cám gia công đổi thịt lợn, v.v..

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thảo luận và nhất trí:

1. Nhìn chung các cấp, các ngành đã nhận thức đúng và có nhiều cố gắng bố trí cán bộ, tăng cường lực lượng cho cơ sở, khẩn trương tiến hành Chỉ thị 209 của Trung ương và Kế hoạch 04 của Tỉnh ủy; việc lãnh đạo, chỉ đạo tương đối tập trung thống nhất, đảm bảo thực hiện đúng lịch và thời gian quy định; kết hợp các mặt công tác được chặt chẽ (đẩy mạnh sản xuất lên một bước, một

số nơi đã đi vào củng cố tổ chức, xây dựng lại các hợp tác xã và thực hiện tốt các chỉ thị, nghị quyết như 192, 228...).

Tuy nhiên, cũng còn biểu hiện một số thiếu sót, tồn tại như: tư tưởng làm lười cốt bầu xong đại biểu đi dự Đại hội Nông dân tập thể cấp trên, chưa học tập trong Chỉ bộ đã học tập ngoài quần chúng; nặng nề phổ biến, chưa đi sâu thảo luận kiểm điểm liên hệ và mạnh dạn phê bình, tự phê bình; việc sửa chữa khuyết điểm và phát huy kết quả học tập bằng các hành động lao động sản xuất, thực hiện nghĩa vụ chưa thật sâu rộng và mạnh mẽ; các ngành, các cơ quan ở tỉnh và huyện, thị xã nhiều nơi chưa tổ chức học tập để quán triệt Chỉ thị 209, điều lệ hợp tác xã cho cán bộ công nhân viên chức hoặc có tổ chức học tập nhưng chưa liên hệ kiểm điểm sâu sắc việc phục vụ nông nghiệp của cơ quan, đơn vị mình; công tác tuyên truyền, cổ động phát động tư tưởng làm còn yếu, v.v..

Để khắc phục những thiếu sót, tồn tại trên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các ngành, các cấp phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm chỉnh Chỉ thị 209 của Ban Bí thư và Kế hoạch 04 của Tỉnh ủy; Ban Trù bị Đại hội Nông dân tập thể tỉnh và các ban, ngành liên quan có trách nhiệm giúp Tỉnh ủy kiểm tra, đôn đốc thường xuyên việc triển khai này nhằm đảm bảo làm cho cán bộ, đảng viên và quần chúng quán triệt sâu sắc nội dung yêu cầu của Chỉ thị 209, thực hiện đúng Kế hoạch 04 của Tỉnh ủy. Nơi nào làm chưa đạt yêu cầu phải làm lại và thực hiện tốt phương châm: Học tập tốt, sửa chữa tốt, có phong trào lao động sản xuất tốt...

Với mục đích, yêu cầu trên, về thời gian tiến hành Đại hội Nông dân tập thể quy định lại như sau:

- Các huyện, thị xã hoàn thành xong từ ngày 15 đến 25-1-1975.
- Ở tỉnh sẽ tổ chức vào sau Tết Nguyên đán Ất Mão.

Kinh phí chi tiêu cho Đại hội Nông dân tập thể huyện, tỉnh do ngân sách nhà nước đài thọ theo mức sinh hoạt như hội nghị hội đồng nhân dân huyện, tỉnh.

2. Do quán triệt yêu cầu phát triển kinh tế - văn hóa, đáp ứng nhu cầu thực phẩm cho cán bộ, công nhân viên chức và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, trong những năm qua, việc lãnh đạo và chỉ đạo phát triển chăn nuôi đã được coi trọng ở cả ba hình thức: quốc doanh, tập thể và gia đình.

Với điều kiện và khả năng về xây xát, chế biến, chúng ta đã đầu tư cám hỗ trợ giải quyết một phần khó khăn về thức ăn gia súc cho một số nơi, nhất là ở hai thị xã và huyện Bảo Thắng, nhờ vậy đã góp phần đẩy mạnh phát triển đàn lợn, đẩy mạnh công tác thu mua thực phẩm, đảm bảo cung cấp theo tem phiếu cho cán bộ, công nhân viên chức, cải thiện đời sống nhân dân; ổn định thị trường, giá cả, tăng thêm tích lũy cho ngân sách địa phương và vài năm nay đã giao nộp cho Trung ương hàng chục tấn thịt lợn (năm 1973 giao 50 tấn, năm 1974 đã giao 41 tấn)...

Song cũng còn một số tồn tại trong việc tổ chức chăn nuôi, thu mua thực phẩm và quản lý thức ăn gia súc như: Chưa có cơ sở vững chắc về thức ăn gia súc để chủ động thực hiện Nghị quyết 227 của Hội đồng Chính phủ; chăn nuôi chưa đi vào tổ chức chặt chẽ, có kế hoạch tạo thành vành đai thực phẩm một cách vững chắc, việc phân phối đầu tư cám còn nhiều trường hợp chưa thực hiện đúng tinh thần Chỉ thị 22 của Ủy ban hành chính tỉnh, v.v..

Để đáp ứng nhu cầu thực phẩm ngày càng tăng phục vụ tốt cho công nghiệp phát triển và cải thiện đời sống nhân dân, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chủ trương tiếp tục đẩy mạnh phát triển chăn nuôi, coi trọng cả ba hình thức: quốc doanh, tập thể và gia đình. Trên cơ sở dựa vào sức mình là chính, căn cứ vào khả năng cám của địa phương, trong năm 1975 vẫn tiếp tục cho đăng ký mua cám, bán lợn chi Nhà nước, đồng thời hỗ trợ một phần (nhân dân và cán bộ, công nhân viên chức được cho chăn nuôi của tập thể và quốc doanh), cụ thể là:

- Đối tượng và diện được mua cám gia công gồm các gia đình xã viên hợp tác xã nông nghiệp và các cán bộ công nhân viên chức ở hai thị xã Lào Cai, Cam Đường và những nơi có cơ sở xay xát lương thực của quốc doanh nhằm nhanh chóng tạo thành vành đai thực phẩm một cách chủ động, vững chắc. Việc xét duyệt đăng ký mua cám, bán lợn phải làm thật chặt chẽ, thực hiện đúng Chỉ thị 22 của Ủy ban Hành chính tỉnh, không được vì chăn nuôi mà ảnh hưởng đến lao động tập thể của hợp tác xã và năng suất, hiệu suất công tác của cán bộ, công nhân viên, kiên quyết khắc phục tình trạng kê khai giả mạo, móc ngoặc. Chi bộ, công đoàn, cơ quan, hợp tác xã phải trực tiếp xét duyệt, theo dõi quản lý cán bộ công nhân viên chức và xã viên đăng ký mua cám, bán lợn và đưa vào tiêu chuẩn bình bầu thi đua hằng năm về chấp hành chính sách, v.v..

- Các nông trường, trạm trại quốc doanh và các hợp tác xã nông nghiệp có chăn nuôi tập thể phải có kế hoạch cân đối về lao động, đất đai để sản xuất thức ăn cho gia súc (kể cả thức ăn tinh) đảm bảo cung cấp cho nhu cầu của đơn vị mình; trường hợp đã phấn đấu với mức cố gắng nhưng vẫn còn thiếu thì có thể được xét hỗ trợ một phần cám cho chăn nuôi.

- Các trại cải tạo của Trung ương trên cơ sở đất đai và khả năng lao động của mình cần phấn đấu tự túc hoàn thành về thức ăn cho gia súc và hoàn thành nghĩa vụ giao nộp thực phẩm theo kế hoạch.

- Mức gia công cám chăn nuôi quy định như sau:

+ Cán bộ công nhân viên: 6 kg cám, thu mua 1 kg lợn hơi theo nghĩa vụ.

+ Gia đình xã viên: 4 kg cám, thu mua 1 kg lợn hơi theo nghĩa vụ.

+ Hợp tác xã nông nghiệp: 4 kg cám, thu mua 1 kg lợn hơi theo nghĩa vụ.

+ Nông trường quốc doanh: 4 kg cám, thu mua/1 kg tăng trọng.

+ Cơ sở vỗ béo thương nghiệp: 4 kg cám, thu mua/1 kg tăng trọng, riêng lợn mua vào để mổ (tiếp chuyển) thì bình quân mỗi

con 1 tháng được 45kg cám để giữ vững trọng lượng ban đầu và có phần tăng thêm cân.

- Đảng đoàn chính quyền tỉnh, Ủy ban Nông nghiệp, Ty Thương nghiệp, Ty Lương thực, Liên hiệp Công đoàn có trách nhiệm nghiên cứu tổ chức chỉ đạo và kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện đảm bảo thi hành đúng những quy định trên. Ngành lương thực và thương nghiệp phải quản lý, cung cấp cám thật chặt chẽ. Ngành thương nghiệp cần nghiên cứu, hướng dẫn cụ thể về thể thức, tiêu chuẩn đăng ký mua cám, bán lợn, phương thức giao nhận, bán ra đảm bảo hợp lý, thuận tiện, nắm chắc tình hình chăn nuôi của từng hợp tác xã, từng hộ gia đình được cung cấp cám. Đảng đoàn chính quyền tỉnh phải xét duyệt về phương thức, biện pháp và kiểm tra đôn đốc việc thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

NÔNG CÔNG THƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 222-TB/TU, ngày 21-12-1974

Về Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã họp từ 17 đến 20-12-1974, để nghiên cứu quán triệt Chỉ thị 210 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, tổng kết việc thực hiện nhiệm vụ quân sự địa phương trong 8 năm chống Mỹ, cứu nước (1965-1972) và đề ra nghị quyết về công tác quân sự địa phương; sơ kết việc thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư, Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị và bàn chủ trương, biện pháp tiếp tục thực hiện.

Dự hội nghị có 18 đồng chí, vắng mặt 8 đồng chí do đi công tác, đi học hoặc đi điều dưỡng (Phạm Gia Tuân, Vi Khánh Vinh, Nguyễn Ân, Văn Sơn, Hoàng Trá Quang, Bàn A Hàn, Trần Văn Sầu, Giàng Seo Phù).

Căn cứ vào các văn bản dự thảo do Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chuẩn bị vào báo cáo trước hội nghị, Hội nghị đã thảo luận từng vấn đề, cuối cùng nhất trí với những nét cơ bản về đánh giá tình hình, về chủ trương, biện pháp tiếp tục như đã ghi trong các dự thảo báo cáo.

Dưới đây là những điểm chủ yếu mà Hội nghị đã thảo luận và nhất trí quyết nghị:

I. VẤN ĐỀ QUÂN SỰ ĐỊA PHƯƠNG

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã nghiên cứu và nghe phổ biến

Chỉ thị 210 của Ban Bí thư Trung ương, Nghị quyết 86 của Quân ủy Trung ương về công tác quân sự địa phương, trên cơ sở đó Tỉnh ủy đã thảo luận kiểm điểm và tổng kết công tác quân sự của tỉnh trong thời gian 8 năm chống Mỹ, cứu nước và hai năm 1973-1974, đồng thời đề ra nghị quyết mới cho công tác đó.

Nội dung tổng kết và nghị quyết về công tác quân sự địa phương có bản riêng.

II. SƠ KẾT VIỆC THỰC HIỆN CHỈ THỊ 192 CỦA BAN BÍ THƯ VÀ NGHỊ QUYẾT 228 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Căn cứ vào các văn bản báo cáo về kiểm điểm việc thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư và báo cáo kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị từ khi bắt đầu triển khai thực hiện đến nay, Tỉnh ủy đã thảo luận, đánh giá kết quả, ưu khuyết điểm và đề ra phương hướng, biện pháp tiếp tục về những công tác đó. Qua thảo luận và liên hệ sâu sắc, Tỉnh ủy nhất trí với những nét cơ bản về đánh giá tình hình thực hiện cũng như về phương hướng, biện pháp tiếp tục đã ghi trong bản dự thảo báo cáo.

Dưới đây là những điểm chủ yếu mà Hội nghị Tỉnh ủy đã nhất trí kết luận:

1. Do nhận thức được đúng tầm quan trọng của hai công tác này, nên sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành và Ban Thường vụ Tỉnh ủy tuy mức độ đối với từng công tác có khác nhau, nhưng nói chung là được chú ý quan tâm từ đầu và thể hiện được tinh thần nghiêm chỉnh chấp hành chỉ thị, nghị quyết của trung ương. Vì vậy, Ban Chấp hành và Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã có nghị quyết, kế hoạch cụ thể vận dụng chính sách, phương châm sát với tình hình, đặc điểm trong tỉnh, kết hợp các nội dung, yêu cầu và chương trình của mỗi vấn đề với nhau để tiến hành. Quá trình triển khai việc thực hiện xuống các cấp, các đơn vị cơ sở, Tỉnh ủy

đã chú ý theo dõi nắm tình hình và kịp thời bổ khuyết uốn nắn các thiếu sót lệch lạc.

Qua học tập nghị quyết, chỉ thị đến đảng viên và quần chúng, mọi người đều nhận thức được vấn đề thực hiện nghị quyết 228 và chỉ thị 192 là rất cấp thiết. Cán bộ, đảng viên và quần chúng rất hoan nghênh và tham gia tích cực vào việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết đó.

Đối với Chỉ thị 192, sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, của Ban Thường vụ Tỉnh ủy được tập trung, chú ý tăng cường lực lượng và kiểm tra, theo dõi chặt chẽ hơn, nhìn chung việc tiến hành ở các cơ sở đảm bảo được phương châm, chính sách trong việc xem xét và xử lý đảng viên thuộc trong loại. Nhiều cơ sở đạt được cả yêu cầu về củng cố Đảng và thúc đẩy việc thực hiện các nhiệm vụ công tác trước mắt của đơn vị, của địa phương.

Đối với Nghị quyết 228, ở tỉnh có lập ra Ban Chỉ đạo và giao Đảng, đoàn chính quyền phụ trách trực tiếp. Đến nay nói chung ở các cơ sở đều đã học tập hoặc phổ biến được các nghị quyết đến quần chúng. Qua việc làm, bước đầu đã có một số chuyển biến. Việc liên hệ, kiểm điểm phát hiện xác minh, kết luận và giải quyết vấn đề ở một số cơ sở trên một số khâu đạt kết quả tốt, bước đầu ngăn chặn được một số hiện tượng làm ăn phi pháp xảy ra.

2. Tuy đã đạt một số kết quả trên, nhưng kiểm điểm lại còn những tồn tại đáng chú ý:

- Tiến độ thực hiện ở nhiều cơ sở chưa khẩn trương, kể cả việc thực hiện Chỉ thị 192 và Nghị quyết 223. Nhìn chung không đảm bảo thời gian từng bước đi theo kế hoạch chỉ đạo.

- Việc vận dụng phương châm, phương pháp, có một số nơi làm chưa tốt, có nơi máy móc, hình thức, nhưng cũng có nơi làm qua loa thiếu sâu sắc chặt chẽ. Việc kết hợp nội dung và chương trình, bước đi của việc tiến hành học tập Nghị quyết 22 Trung ương, Nghị quyết 228 Bộ Chính trị, Chỉ thị 192 Ban Bí thư, ở nhiều cơ sở thiếu gắn bó, ăn khớp nhau, thường là tách rời, làm vấn đề gì chỉ biết vấn đề

ấy. Do đó kết quả đạt chưa cao, chưa đều, phong trào chuyển biến chưa toàn diện và mạnh mẽ. Riêng về Nghị quyết 228, việc thực hiện chưa đạt yêu cầu, kết quả còn nhiều hạn chế. Các vấn đề phát hiện ra trong khi làm Nghị quyết 228 thì nhiều, nhưng xác minh kết luận và giải quyết thiếu khẩn trương và chưa tập trung vào vấn đề cơ bản chủ yếu. Việc sửa chữa các khuyết điểm qua thực hiện Chỉ thị 192 và Nghị quyết 228 ở các cơ sở, nói chung làm chậm, thiếu dứt điểm, thường để dây dưa, làm cho quần chúng thiếu tin tưởng.

Nguyên nhân chính của các nhược điểm, tồn tại đó là: Việc quán triệt tinh thần và nội dung của chỉ thị, nghị quyết ở từng cấp, từng ngành chưa đầy đủ. Đối với Chỉ thị 192, ngày càng có sự biểu hiện chuyển biến mạnh mẽ, đúng mức trong các cấp ủy đảng, những đối với Nghị quyết 228 thì các cấp, các ngành, kể cả trong cán bộ lãnh đạo tỉnh, huyện chưa được đồng đều; còn một số đồng chí chưa thấy hết vấn đề, cho nên chưa tích cực tổ chức thực hiện nghị quyết. Việc tiến hành ở một số cơ sở còn mắc mớ về tư tưởng, chưa được giải quyết thông suốt. Về phía quần chúng, cán bộ công nhân viên, đảng viên và nhân dân cũng chưa được phát động tư tưởng sâu sắc. Về mặt lãnh đạo, chỉ đạo cũng còn có lúc thiếu kiểm tra đôn đốc và giải quyết vấn đề một cách kịp thời, dứt khoát. Đối với Nghị quyết 228 thì sự theo dõi nghe báo cáo và bổ khuyết từ khi triển khai thực hiện đến nay của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và của Ủy ban Hành chính tỉnh cũng chưa được thường xuyên chặt chẽ. Ban Chỉ đạo 228 lập ra, nhưng chưa được đảm bảo hiệu lực đầy đủ, do đó chưa phát huy được tác dụng. Việc kết hợp phối hợp giữa công tác 228 với 192, với thực hiện nhiệm vụ công tác thường xuyên và kế hoạch nhà nước chưa thật gắn bó chặt chẽ.

3. Để nghiêm chỉnh thi hành chỉ thị, nghị quyết Trung ương, Tỉnh ủy quyết định: Tiếp tục làm cho các cấp, các ngành, cho cán bộ công nhân viên và quần chúng, nhất là các cán bộ lãnh đạo, các cấp ủy chuyển biến nhận thức đầy đủ và sâu sắc hơn nữa đối với những quan điểm và yêu cầu, nội dung cơ bản của Nghị quyết 228,

Chỉ thị 192. Cần xác định rõ phải tích cực khẩn trương, làm dứt điểm và làm tốt công tác 192, 228 để đảm bảo cho việc hoàn thành khôi phục và phát triển kinh tế hai năm 1974-1975, chuẩn bị tốt cho kế hoạch 5 năm 1976-1980, phục vụ tốt cho nhiệm vụ xây dựng Đảng, cho trật tự an ninh xã hội chủ nghĩa, cho đại hội đảng các cấp khóa tới, cũng như để thúc đẩy các mặt công tác khác tiến lên. Các cấp, các ngành phải thực sự nêu cao tinh thần trách nhiệm, tự mình đứng lên thực hiện và phát động quần chúng tích cực tham gia thực hiện chỉ thị, nghị quyết đảm bảo đạt tốt các yêu cầu đề ra trong các kế hoạch của tỉnh đã ban hành.

Về chương trình và thời gian hoàn thành: Đối với Chỉ thị 192, tích cực làm xong và tổng kết trong 6 tháng đầu năm 1975, riêng nông thôn làm xong trong quý I-1975; đối với Nghị quyết 228 làm xong và tổng kết bước đầu trong quý I-1975. Riêng đối với 192, trong khi tiến hành các đợt hiện nay, phải chuẩn bị tốt đợt kiểm tra, phúc tra và tổng kết cuối cùng của toàn cuộc. Trước mắt, tổ chức phúc tra một số điểm cần thiết (bộ phận chỉ đạo 192 đề xuất kế hoạch và điểm phúc tra để Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định).

- Nghiêm chỉnh vận dụng thực hiện các phương châm, chính sách mà chỉ thị, nghị quyết của Trung ương đã đề ra. Phải phát huy tinh thần trách nhiệm và tự đứng ra làm trực tiếp của cấp ủy đảng, của đảng đoàn và thủ trưởng đơn vị là chính, đồng thời có sự chỉ đạo giúp đỡ của cấp trên. Phải dựa vào quần chúng đảng viên, cán bộ và nhân dân để tiến hành các vấn đề. Phải lấy giáo dục phát động tư tưởng, kiểm đi đôi với sửa là chính, đồng thời kết hợp với biện pháp hành chính, pháp luật, nguyên tắc chế độ để giải quyết. Kiên quyết xử lý đối với những trường hợp vi phạm nghiêm trọng một cách có trọng tâm, trọng điểm. Phải đẩy mạnh được phong trào lao động sản xuất, thực hiện kế hoạch nhà nước và các công tác thường xuyên.

- Về mặt phương pháp tiến hành: Cần điều chỉnh kế hoạch các bước đi nhằm kết hợp chặt chẽ, gắn bó và ăn khớp với nhau giữa

các mặt, các khâu trong công tác 192, 228, Đại hội Nông dân tập thể, công tác trước mắt, v.v., tránh máy móc, tách rời. Đối với nơi đã làm, cần tiếp tục củng cố nâng cao phong trào và đi vào tích cực sửa chữa khuyết điểm, tồn tại. Những nơi đang làm, cần chỉ đạo chặt chẽ, khẩn trương hoàn thành từng bước đi theo kế hoạch đã vạch ra.

Những nơi mới làm 228 qua loa, cần gắn với tổng kết năm 1974 để bổ sung làm tốt hơn. Điều cơ bản là phải đạt được yêu cầu, tức là chuyển biến nhận thức tư tưởng và hành động, kiểm điểm rõ và giải quyết, sửa chữa tốt các vấn đề tồn tại đã qua. Đối với diện thực hiện 192, cần nghiên cứu phân ra những cơ sở có thể tự làm, cơ sở phải có cán bộ trên về giúp, để chỉ đạo cho sát nhằm đảm bảo cả yêu cầu và thời gian như phần trên đã quy định.

- Về mặt lãnh đạo, chỉ đạo: Tiếp tục phát huy trách nhiệm phụ trách khối và ngành, huyện của các đồng chí thường vụ và Tỉnh ủy viên. Đối với Chỉ thị 192, tiếp tục tăng cường sự chỉ đạo của Ban Thường vụ và cấp ủy đã được phân công phụ trách như hiện nay, các đồng chí cấp ủy viên ở cơ sở nào phải chịu trách nhiệm phụ trách nơi đó. Bộ phận tổng hợp 192 của tỉnh cần được bố trí, phân công tốt hơn và nghiên cứu bổ sung cán bộ xuống các cơ sở cần phải giúp và cử một số cán bộ đi làm phúc tra.

- Đối với Nghị quyết 228, cần kiện toàn, chấn chỉnh lại Ban chỉ đạo tỉnh, huyện và các ngành đưa sự hoạt động vào nền nếp, bổ sung một số đồng chí có trách nhiệm và có hiệu lực trong thường trực Ủy ban và trong một số ngành cần thiết vào Ban chỉ đạo. Danh sách Ban Chỉ đạo tỉnh do Ban Thường vụ Tỉnh ủy duyệt. Ở từng cấp, từng ngành trách nhiệm chính trong việc tổ chức thực hiện Nghị quyết 228 là đảng ủy, chi ủy, đảng đoàn, thủ trưởng và đồng chí Tỉnh ủy viên ở nơi đó. Cần nghiên cứu đề ra các hình thức và các quy định phù hợp trong việc vận dụng các chế độ, chính sách, pháp luật để giải quyết và xử lý các vấn đề về vật tư, hàng hóa, tài sản, v.v., của Nhà nước trong khi làm Nghị quyết 228. Cần

động viên đảng viên, quần chúng mạnh dạn phát hiện, đấu tranh, đồng thời có biện pháp đề phòng và chống kẻ xấu xuyên tạc và lợi dụng. Hình thức hòm thư 228 có thể không cần đặt mà cứ để quần chúng gửi theo hệ bưu điện hoặc trực tiếp gửi.

- Để chỉ đạo chặt chẽ hơn, Ban Chỉ đạo 228 và bộ phận 192 phải thường kỳ phản ánh tình hình và xin ý kiến về biện pháp thực hiện với Thường trực Tỉnh ủy; hằng tháng có báo cáo cho tập thể Ban Thường vụ Tỉnh ủy nghe và bàn chủ trương, biện pháp tiếp tục. Phải tăng cường công tác kiểm tra, theo dõi, sơ kết, tổng kết kịp thời.

III. MỘT SỐ CÔNG TÁC QUÝ I NĂM 1975

Nhiệm vụ công tác năm 1975 có vị trí rất quan trọng. Các cấp, các ngành phải trên cơ sở tiếp tục quán triệt nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 23 và các chỉ thị, nghị quyết đã có của Trung ương, của Tỉnh ủy và Chỉ thị về ba ngày lễ lớn do Bộ Chính trị mới ban hành để đẩy phong trào mọi mặt tiến bộ toàn diện, mạnh mẽ hơn. Trước mắt hiện nay và trong quý I-1975, gắn liền với công tác 192, 228 như trên đã nói, cần tập trung làm tốt công tác sau đây:

1. Hoàn thành và tổng kết tình hình công tác mọi mặt năm 1974 và xây dựng nhiệm vụ cụ thể của năm 1975, đồng thời chuẩn bị gấp nội dung Đại hội Đảng bộ lần thứ sáu trên cơ sở hoàn thành gấp tổng kết chuyên đề (công nghiệp, kiến thiết cơ bản, tài chính - thương nghiệp, xây dựng đảng, công tác tư tưởng, công tác an ninh trật tự, công tác biên giới, v.v.) để có thể gửi báo cáo lên Trung ương trong tháng 1-1975. Tiến hành Hội nghị Tỉnh ủy tổng kết năm 1974 và quyết định nhiệm vụ năm 1975 vào khoảng từ ngày 10 đến ngày 15-1-1975.

2. Thông qua và bàn kế hoạch tiến hành với ngân sách thu chi của toàn tỉnh và các công trình xây dựng cơ bản cả năm 1975 (Đảng đoàn chính quyền chuẩn bị báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy

duyet); đồng thời đẩy mạnh sản xuất đông - xuân, hoàn thành công tác lương thực 1975 (1-1975) và giao xong kế hoạch cho các cấp, các ngành giải quyết và làm chuyển biến thực sự mạnh mẽ trong việc thực hiện các mũi nhọn trong kinh tế - kế hoạch đã ghi trong Nghị quyết 15 của Tỉnh ủy.

3. Hoàn thành tốt Đại hội nông dân tập thể đến cấp tỉnh và tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 208 của Ban Bí thư.

4. Chuẩn bị tốt cuộc bầu cử Quốc hội khóa 5.

5. Tiến hành mới Đại hội các đảng bộ huyện, thị, cơ sở theo tinh thần Chỉ thị 241 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

NÔNG CÔNG THƯỜNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CÔNG VĂN
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 110-CV/TU, ngày 31-12-1974

Kính gửi: Các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Kính mời các đồng chí về dự họp Ban Thường vụ Tỉnh ủy, một ngày 3-1-1975 để thông qua báo cáo tóm tắt nội dung Đại hội VI của tỉnh ta.

Đề nghị các đồng chí đến dự đông đủ, để đảm bảo kịp gửi văn bản lên Ban Bí thư xin làm việc.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ VĂN PHÒNG

NHÂN TRÍ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 17-BC/TU, ngày 28-2-1975

Về tình hình thực hiện công tác quản lý thu chi tài chính đảng năm 1974

Phát huy thành tích đạt được của năm trước cộng với tình hình ngày càng có thuận lợi và tinh thần phấn đấu khắc phục khó khăn của các đơn vị dự toán trong tỉnh, cho nên công tác quản lý, thu chi tài chính đảng năm 1974 đã có một số tiến bộ và từng bước đi vào quản lý có nền nếp.

Nhìn chung công tác quản lý tài chính đảng trong năm qua của tỉnh đã kịp thời đáp ứng nhiệm vụ công tác chỉ đạo và lãnh đạo của các cấp ủy và cơ quan đảng, trọng tâm là đáp ứng yêu cầu của các công tác về xây dựng Đảng (thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư, đại hội đảng cấp huyện, thị và cơ sở...), tăng cường trang bị thêm đối với các yêu cầu thiết yếu về mặt sinh hoạt, đời sống và phương tiện công tác cho các cơ quan Đảng tỉnh, huyện, thị.

Dựa vào phương hướng, nhiệm vụ công tác tài chính Đảng trong năm 1974 của Văn phòng Trung ương đề ra, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã đề ra phương hướng, biện pháp sát với địa phương để thực hiện, các cấp ủy và các cơ quan Đảng năm 1974 đã thường xuyên bám sát kế hoạch được duyệt (kể cả thu, chi) đảm bảo được chặt chẽ, kịp thời, phù hợp với khả năng kinh phí cũng như khả năng vật tư, lao động. Qua một số mặt cụ thể như sau:

I. THU NỘI BỘ

Đã cố gắng phấn đấu thu đủ, đều và tận thu hết các nguồn thu, nên kết quả năm 1974 đạt 103,75% so với kế hoạch điều chỉnh và bằng 95,9% so với thực hiện năm 1973.

1. Về thu chi đảng phí: Đạt 102,5% so với kế hoạch năm và bằng 99,8% so với năm 1973.

Nhìn chung công tác thu nộp đảng phí năm 1974, tiến bộ trên các mặt: Hằng tháng, quý đã thu tương đối đều, đủ, đúng, tỷ lệ trích nộp lên trên kịp thời; công tác kiểm tra đôn đốc của một số cấp ủy đã được tăng cường bằng nhiều hình thức (thông báo, kiểm tra tại chỗ, đề xuất trong hội nghị). Tình trạng thu dồn vào các quý cuối năm đã giảm bớt; hoặc thu rồi không nộp ngay, chờ thu đủ mới nộp lên trên năm 1974 ít xảy ra. Nhiều đơn vị đã mở sổ theo dõi đầy đủ, nắm chắc tình hình thu nộp, nên hằng tháng, quý kịp thời thông báo kết quả thu nộp đảng phí của từng chi, đảng bộ thuộc đảng bộ mình phụ trách. Mặt khác, qua công tác xây dựng đảng mà ý thức tự giác của mỗi đảng viên cũng được nâng lên, kể cả đảng viên ở nông thôn, nên đã thúc đẩy công tác thu nộp đảng phí tiến bộ rõ hơn. Số lần tháng đảng viên đóng đảng phí đủ, đều, đúng tỷ lệ, nộp lên trên kịp thời đã tăng lên. Trong tổng số 29 đơn vị trực thuộc tỉnh đã có tới 17 đơn vị đạt loại khá và tương đối khá so với kế hoạch năm như: Bát Xát, Mường Khương, Sa Pa, Bắc Hà, Bảo Thắng, thị xã Lào Cai, thị xã Cam Đường, Máy điện, mỏ apatít, địa chất 24, Thương nghiệp, Giáo dục, Thanh niên xung phong, Tỉnh đội, Công an vũ trang, Công an nhân dân.... Một số đơn vị không những thu nộp tốt năm 1974 còn tích cực thu dón các lần tháng của năm trước và tiền tồn quỹ thừa...

Song, trong công tác thu nộp đảng phí năm 1974 cũng còn có những tồn tại, số lần tháng đảng viên chưa đóng đảng phí còn nhiều (như Si Ma Cai, mỏ apatít, Bảo Thắng, Bắc Hà,...) cá biệt có chi, đảng bộ vẫn còn tình trạng thu nộp không đúng tỷ lệ, hoặc để

thu dồn vào các quý cuối năm, trích nộp lên trên vẫn còn chậm (khấu trừ ở các chi đảng bộ xã). Việc trích giữ lại theo tỷ lệ chưa đúng với tinh thần Nghị quyết 61 của Bộ Chính trị, lấy thu bù chi (như: Mường Khương, Thị ủy Lào Cai), nhiều đơn vị để thất thu, nộp không đều, chuyển lên trên còn chậm.

Sở dĩ có những tình trạng trên là do:

a) Một số cấp ủy chưa chú ý quan tâm đầy đủ đến công tác thu nộp đảng phí, vẫn còn tình trạng giao phó cho đồng chí phụ trách Văn phòng và đồng chí kế toán. Những đồng chí được cấp ủy giao theo dõi công tác thu nộp, thiếu kiểm tra đôn đốc thường xuyên, chưa thực sự coi công tác đóng đảng phí là một việc quan trọng trong công tác xây dựng Đảng. Đến nay, vẫn còn khá nhiều chi đảng bộ 3- 4 tháng chưa nộp đảng phí, kể cả một số chi, đảng bộ thuộc cơ quan, xí nghiệp.

b) Một số ít đảng viên, tuy năm 1974 công tác xây dựng Đảng có được tăng cường một bước, nhưng ý thức tự giác đóng đảng phí chưa được nâng lên.

c) Công tác tổ chức thu nộp đảng phí thiếu chặt chẽ, nhiều nơi không có sổ sách theo dõi, hoặc đã có thì ghi chép không đầy đủ, không rõ ràng, thậm chí có nơi không làm báo cáo (nhất là khâu cơ sở xã, hầu như không làm được) do trình độ văn hóa thấp và người phụ trách tài chính của cơ sở lại thay đổi luôn).

2. Thu và xuất bản báo

Trong năm qua, kế hoạch thu đạt 83,6% so với kế hoạch được duyệt và so với năm 1973 bằng 77,3%. Nguyên nhân chính vì số kỳ xuất bản bình quân thấp: Kế hoạch 2.000 tờ/kỳ chữ phổ thông, thực hiện 1.776 tờ/kỳ; chữ Mèo 1.000 tờ/ kỳ, thực hiện 400 tờ/ kỳ; đặc biệt trong quý I-1974 chữ phổ thông đạt bình quân 500 tờ/kỳ, chữ Mèo bình quân 80 tờ/ kỳ. Tuy vậy, công tác thu nộp đảm bảo, được kịp thời hằng quý và thanh toán được dứt điểm, không để kéo dài hoặc thu dồn vào cuối năm.

3. Về thu khác

Nhiều đơn vị đã chú ý tận thu như: tiền nhà, điện nước, tiền nợ, tiền bán tài sản cũ... năm 1974 đạt 141,2% so với kế hoạch giao.

Song cũng còn một số đơn vị chưa chú ý, nhất là khâu thu nợ, còn để kéo dài, tiền nhà, điện nước thu chưa đúng tỷ lệ; hoa lợi các cây ăn quả công cộng, phần lớn còn để thất thu.

II. CÔNG TÁC CHI NGÂN SÁCH

Tổng số chi các loại năm 1974 đạt 96,7% so với dự toán điều chỉnh và so với năm 1973 tăng hơn 10,2%. Cụ thể từng loại đã thực hiện sau:

1. Chi hành chính

Đạt 101,1% so với kế hoạch, tăng hơn năm 1973 là 12,1%. Nhìn chung, các khoản chi đã đảm bảo các yêu cầu phục vụ công tác lãnh đạo và chỉ đạo của các cấp ủy và cơ quan đảng như: Chi về quỹ lương đảm bảo chi đầy đủ số có mặt đầu năm và số tăng thêm.

Song, bên cạnh những cố gắng trên, cũng còn một số lớn đơn vị chưa tích cực bổ sung biên chế nên quỹ lương còn thừa nhiều như: Si Ma Cai, Bắc Hà, Bảo Thắng, Mường Khương, Thị ủy Lào Cai... Ngoài ra năm 1974 có đơn vị tuyển dụng thêm biên chế mới không đúng nguyên tắc quy định, phải chuyển sang hợp đồng chi 2 tháng lương (Thị ủy Lào Cai).

- Chi về y tế phí: Đảm bảo mức chi bình thường đúng chế độ, nguyên tắc quy định. Trong thực tế chi về tiền thuốc mỗi năm đều tăng lên, một mặt do số biên chế thêm, mặt khác cán bộ già yếu nhiều, công tác miền núi lâu năm, sức khỏe mỗi ngày giảm sút, vì vậy số người đi khám bệnh hàng tháng nhiều, tiền thuốc cũng tăng lên.

Tuy nhiên, việc quản lý thuốc nói chung còn lỏng lẻo, thiếu chặt chẽ, hiện tượng cảm tình nể nang trong vấn đề ghi đơn

của bác sĩ, y sĩ vẫn chưa được khắc phục, mức bình quân thuốc quá cao.

- Chi hội nghị, đại hội: Đảm bảo phục vụ tốt các cuộc hội nghị thường xuyên của các cấp ủy và cơ quan đảng, phục vụ tốt và kịp thời đại hội huyện, thị, đảng ủy và học tập các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương như: Chỉ thị 192, Nghị quyết 22, 225, 228... Trong chi phí đã đảm bảo chi đúng chính sách, chế độ nguyên tắc của Đảng và Nhà nước quy định.

- Chi về công tác đời sống: Ngoài các khoản chi có tính chất thường xuyên theo quy định chung, năm 1974 đã tiếp tục sửa chữa nhà cửa, làm thêm một số công trình phụ thuộc như: Nhà tắm, bể nước, nhà xí, mua sắm thêm một số phương tiện cần thiết, bàn ghế, giường, tủ, chăn, màn... đã cơ bản ổn định nơi ăn, ở, làm việc của cơ quan đảng ở tỉnh và huyện, thị.

Bên cạnh những cố gắng trên, cũng còn một số tồn tại, những đơn vị chưa tính toán kỹ khả năng thực hiện, dự trù muốn làm nhiều, thực hiện quá thấp, một phần chưa tổ chức tốt để thực hiện, một phần cũng do thiếu nguyên vật liệu, lao động. Do đó có phần nào ảnh hưởng đến khâu thực hiện.

- Chi về xăng, dầu, phụ tùng thay thế, đáp ứng các yêu cầu phục vụ đi lại của cấp ủy, bước đầu đi vào quản lý có nền nếp, đã từng bước định mức đầu xe, nội quy sử dụng, do đó chi phí tiết kiệm hơn năm 1973.

- Chi về nghiên cứu, nghiệp vụ: Đã phục vụ tốt các yêu cầu công tác quản lý đảng viên, công tác 192, hồ sơ, sách báo chuyên môn...

Tóm lại, công tác chi hành chính đã tập trung kinh phí vào những công tác trọng tâm của tỉnh như: Chi học tập các chỉ thị, nghị quyết, hội nghị, đại hội các cấp; Chỉ thị 192, công tác xây dựng Đảng, công tác đời sống cán bộ, công nhân viên... đáp ứng các yêu cầu lãnh đạo và chỉ đạo của các cấp ủy và cơ quan đảng. Song bên cạnh những cố gắng trên, cũng còn một số tồn tại như: Lập kế

hoạch thu chi tháng, quý thường thiếu tính toán cân nhắc kỹ lưỡng giữa khả năng thực hiện, với khả năng tiền vốn, nhất là khâu sửa chữa, làm thêm các công trình phụ, mua sắm... Vì vậy đã ảnh hưởng phần nào đến kế hoạch phân phối và sử dụng kinh phí của tỉnh. Trong việc sửa chữa nhà cửa, đồ đạc, do không có lực lượng Nhà nước làm, phải thuê khoán tự do, nên không đảm bảo được giá cả quy định.

2. Chi về công tác huấn luyện, đào tạo

Trong năm qua mới đạt 56,7% so với kế hoạch điều chỉnh và so với năm 1973 cũng kém đi 5,3%. Công tác này đạt thấp một phần do công tác tổ chức vận động chiêu sinh có nhiều khó khăn, nhất là khâu cơ sở; mặt khác các cấp ủy huyện, thị, đảng ủy cũng chưa quan tâm đến công tác huấn luyện đảng viên, không tích cực mở lớp và bố trí cán bộ giảng dạy một cách có quy củ. Vì vậy, trong năm 1974, ngoài một số lớp của trường Đảng tỉnh mở, thì chỉ có Bát Xát, Bảo Thắng, Đảng ủy Dân chính đảng mở được lớp cho đảng viên. Cả năm 1974 trường Đảng tỉnh mở được 4 lớp với 130 học viên, trong đó có 63 học viên là cán bộ cơ sở xã, Bát Xát 130 học viên, Đảng ủy Dân chính Đảng 39 học viên. Những đảng ủy tương đối lớn từ năm 1970 đến nay không mở được lớp nào như: Mỏ apatít, Giao thông, Kiến trúc...

Việc trang bị thêm một số cơ sở vật chất cho trường Đảng tỉnh như: Sửa chữa trường sở, mua sắm thêm bàn ghế, giường, chiếu, chăn, màn cho học viên, đồ dùng dạy học... đã được chú ý thêm. Song trong thực tế công tác này triển khai cũng rất chậm.

Tình hình trên, là một tồn tại lớn trong công tác xây dựng Đảng của các cấp ủy, cần phải được khắc phục trong năm 1975.

3. Chi xuất bản báo đạt 99,1% so với kế hoạch điều chỉnh và giảm hơn năm 1973 là 2,1%.

Chữ phổ thông kế hoạch 2.000 tờ/kỳ đạt 1.776 tờ/kỳ bằng 87,05%; chữ Mèo 1.000 tờ/kỳ đạt 400 tờ/kỳ bằng 48%. Nguyên

nhân chính xuất bản báo không đạt, chủ yếu khâu phát hành do thiếu kế hoạch hoặc cơ quan báo thiếu phối hợp chặt chẽ với các ngành có liên quan như: Bưu điện, Tuyên huấn, Văn hóa, Thông tin. Các khâu tuyên truyền, quảng cáo, đọc báo, làm theo báo cũng rất yếu.

III. VỀ CHẤP HÀNH CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH, NGUYÊN TẮC, THỂ LỆ TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN CỦA ĐẢNG

Trong năm qua, tỉnh đã tiếp tục coi trọng công tác quản lý và tăng cường chỉ đạo việc chấp hành các nguyên tắc, chế độ tài chính của Đảng và Nhà nước quy định. Đặc biệt là qua việc thực hiện Thông tri 242, 303 của Ban Bí thư Trung ương, Chỉ thị 150 của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị và Thông báo vụ quỹ trái phép ở huyện Yên Lãng, các cấp ủy, các đơn vị càng quan tâm đến việc chấp hành nghiêm chỉnh các chế độ, nguyên tắc trong chi tiêu ngân sách. Do đó, trong các khoản, mục chi năm qua, nói chung là đúng đắn, trường hợp sai phạm ít xảy ra. Cụ thể là những khoản chi chưa dự toán và không có chế độ, chính sách đều không chi; hiện tượng chi sai, hay chi trước xin xét duyệt sau giảm dần so với trước. Đại đa số các đơn vị lập được dự toán thu chi năm, quý sớm, làm đầy đủ, đã có tính toán, cân nhắc giữa khả năng thực hiện và khả năng tài chính.

Nhiều cấp ủy, thủ trưởng cơ quan đã chú ý tăng cường lãnh đạo công tác thu chi tài chính, nhất là đồng chí cấp ủy được phân công trực tiếp về mặt tài chính, đã đi sâu, đi sát, nắm chắc được một số nguyên tắc, thể lệ tài chính Đảng, nên đã thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở cán bộ kế toán khoản nào được duyệt mới chi, không duyệt thì kiên quyết không chi. Các hiện tượng buông lỏng quản lý đã được tích cực khắc phục. Riêng về khâu thu chi đảng phí, nhiều cấp ủy đã thường xuyên kiểm tra đôn đốc, kịp thời thông báo, nên số đảng viên đóng đều hằng tháng mỗi ngày một tăng lên.

Về mặt sổ sách kế toán ở tỉnh và các đơn vị đã từng bước đi vào nền nếp, quản lý thống nhất, chặt chẽ, đúng thể lệ tài chính theo như chế độ kế toán mới 205 ngày 13-9-1973 của Trung ương quy định.

Tuy vậy, trong công tác quản lý thu chi tài chính đảng vẫn còn biểu hiện một số nhược điểm thiếu sót như: Một số đơn vị do chưa nhận thức đầy đủ, vẫn cho công tác tài chính đảng chỉ là việc thu chi đơn thuần, mà chưa thấy đó là một công tác trong nhiệm vụ xây dựng Đảng của mỗi cấp ủy đảng. Vì vậy, việc chấp hành những quy định, thể lệ tài chính ở một số đơn vị còn có mặt bị coi nhẹ. Hiện tượng quản lý lỏng lẻo, có lúc, có nơi còn dễ xảy ra. Ví dụ: Quỹ tiền mặt thường quá mức quy định; tạm ứng quá nhiều, thanh toán dây dưa kéo dài; sổ sách kế toán không cập nhật thường xuyên, đơn vị cuối tháng mới vào sổ một lần; số liệu còn dập xóa, chứng từ thiếu rõ ràng, nhất là chứng từ "giấy đi đường". Việc làm báo cáo còn chậm, nhiều đơn vị gửi chậm, lại thiếu chính xác, hiện tượng thiếu hụt quỹ, cá biệt có lúc có đơn vị còn dễ xảy ra. Có đơn vị thừa thiếu kinh phí không tìm rõ nguyên nhân kịp thời. Cá biệt có đơn vị tự chi trước, rồi báo cáo sau như: Thuê lao động hợp đồng ngoài kế hoạch; chi các khoản về hành chính, về nghiệp vụ... Chế độ kế toán mới nói chung, chế độ tài chính cấp huyện nói riêng, còn nhiều lúng túng, bối ngỡ về mặt làm nghiệp vụ.

Công tác quản lý tài sản còn nhiều sơ hở, sổ sách vào không đầy đủ, xuất nhập chưa theo đúng chế độ đã quy định, kiểm kê không kịp thời. Hiện tượng mất mát lặt vặt còn xảy ra. Hiện nay cũng còn nhiều đơn vị không có nội quy quản lý, hoặc không phân công người chịu trách nhiệm cụ thể.

Về sửa chữa nhà cửa, làm thêm các công trình phụ thuộc, mua sắm thêm phương tiện, một số lớn đơn vị thiếu tích cực tổ chức thực hiện còn dễ kéo dài, thiếu khắc phục khó khăn trong việc giải quyết cụ thể, một mặt cũng thiếu nguyên vật liệu, lao

động, giá cả cao, nên cũng hạn chế đến việc thực hiện kế hoạch chung về mặt này.

Nguyên nhân tồn tại của những hiện tượng trên, là do:

1. Cán bộ tài chính kế toán ngành đảng chưa ổn định, thường xuyên thay đổi luôn, nhiều anh, chị em mới, chưa được bồi dưỡng nghiệp vụ một cách hệ thống, do đó nghiệp vụ còn non yếu, chưa thông thạo, phần lớn cán bộ kế toán các huyện, thị vẫn kiêm nhiệm nhiều việc, việc kiểm tra, nghiên cứu hướng dẫn nghiệp vụ cho cấp dưới của Phòng Tài chính Văn phòng Tỉnh ủy cũng chưa làm được đều đặn và còn ít.

2. Việc lãnh đạo và chỉ đạo của Thường trực các cấp ủy, thủ trưởng cơ quan của một số huyện, thị, đảng ủy và các ban chưa thực sự quan tâm đầy đủ và thường xuyên, vẫn có tình trạng phó mặc cho đồng chí phụ trách Văn phòng và Kế toán, do đó thiếu kiểm tra đôn đốc thường kỳ. Một số đồng chí được cấp ủy giao trách nhiệm thiếu biện pháp cụ thể, chung chung, sự vụ nhiều.

IV. MỘT SỐ BIỆN PHÁP PHÁT HUY ƯU ĐIỂM, KHẮC PHỤC TỒN TẠI

Căn cứ vào phương hướng, nhiệm vụ thu chi tài chính đảng năm 1975 của Văn phòng Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ tài chính Đảng của Đảng bộ tỉnh ta. Các cấp ủy, các ban, các đơn vị dự toán ngân sách ngành đảng trong tỉnh cần tiếp tục phát huy ưu điểm, tích cực khắc phục tồn tại để thực hiện cho tốt hơn, trên cơ sở quyết toán năm 1974, nhằm đưa công tác quản lý tài chính đảng tiến bộ một bước và nhanh chóng đi vào nền nếp. Cụ thể cần chú ý một số vấn đề chủ yếu sau đây:

1. Phần đầu hoàn thành tốt kế hoạch thu chi tài chính đã được Tỉnh ủy duyệt, trong đó phải thu đảng phí đạt 100% số đảng viên đóng; phải nộp đủ, đều hàng tháng, tỷ lệ để lại và trích nộp lên trên phải đúng quy định và kịp thời. Đảng phí trích giữ lại phải

chi đúng chế độ. Việc xét cấp bù thiếu phải xét từng chi, đảng bộ một cách chặt chẽ. Phải mở và ghi chép đầy đủ sổ sách, báo cáo phải đúng biểu mẫu quy định, ngoài ra, cần chú ý các khoản thu về bán báo, tiền nhà, điện, nước, và các khoản tạp thu khác.

2. Nghiêm chỉnh chấp hành tốt các chế độ, chính sách, nguyên tắc và các thể lệ tài chính đảng. Tích cực cải tiến quản lý, tiến tới quản lý theo định mức, chấm dứt mọi biểu hiện buông lỏng quản lý, đề cao tinh thần triệt để thực hành tiết kiệm chống lãng phí, tham ô, nghiêm cấm quỹ đen, chi tiêu không dự toán, không đề nghị, xử lý nghiêm khắc đối với các trường hợp vi phạm vào nguyên tắc, chế độ tài chính, chú trọng bồi dưỡng chính sách, chế độ, tiêu chuẩn và thể lệ tài chính đảng, trong cán bộ, công nhân viên, làm cho mỗi cán bộ, đảng viên nhận thức đầy đủ nhiệm vụ chức năng công tác tài chính mà ra sức hoàn thành tốt các nhiệm vụ của tỉnh đề ra.

3. Mỗi cấp ủy và cơ quan đảng phải tích cực thực hiện nhằm hoàn thành và hoàn thành tốt kế hoạch thu chi đã được duyệt, với chất lượng cao, phục vụ tốt các nhiệm vụ chính trị của tỉnh đề ra. Trước mắt hướng trọng tâm vào các mặt: Thu đảng phí, chi cho công tác, kiện toàn tổ chức biên chế, công tác triển khai các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, công tác đại hội các cấp, công tác đào tạo, huấn luyện, đồng thời chú ý tổ chức thực hiện tốt việc sửa chữa nhà cửa, làm thêm một số công trình phụ, mua sắm thêm phương tiện cần thiết. Trong khi thực hiện, cần tính toán, cân nhắc kỹ lưỡng việc gì làm trước, việc gì làm sau, cân đối sát khả năng tài chính với vật tư và lao động...

4. Về quản lý tài sản: Các đơn vị dựa vào kiểm kê đến ngày 1-1-1975, mở sổ sách theo dõi, đầy đủ, quản lý chặt chẽ theo đúng chế độ nội quy. Đối với các tài sản thất lạc, mất mát phải truy tìm và quy trách nhiệm rõ ràng và phải kiểm kê theo định kỳ quy định.

5. Về sổ sách kế toán: Năm 1975 tất cả các đơn vị dự toán đều phải thực hiện theo chế độ kế toán mới; phải báo cáo đầy đủ, chính

xác, rõ ràng, kịp thời; thực hiện đúng chế độ tạm ứng, chế độ quỹ tiền mặt; chấm dứt tình trạng để xảy ra thiếu hụt quỹ.

6. Chú trọng kiện toàn và củng cố bộ máy kế toán các huyện, thị và các đơn vị dự toán, đơn vị nào chưa có hoặc đã có nhân viên kế toán nhưng không đảm bảo đúng tiêu chuẩn, cần bổ sung, điều chỉnh và cử đi học tập bồi dưỡng nghiệp vụ. Cần tránh xáo trộn cán bộ, nhân viên làm nghiệp vụ kế toán và không để kiêm nhiệm nhiều việc. Trên cơ sở đó, từng bước đi vào chuyên môn cán bộ làm công tác tài chính đảng.

7. Cần tăng cường hơn nữa công tác lãnh đạo và chỉ đạo, có biện pháp cụ thể để thực hiện công tác tài chính đảng năm 1975. Các cấp ủy, thủ trưởng các ban, các đơn vị phải tiến hành trên cơ sở tăng cường kiểm tra đôn đốc thường xuyên công tác thu, chi tài chính trong đơn vị mình.

Phòng Tài chính Văn phòng Tỉnh ủy cần tăng cường công tác bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ, nghiên cứu đề xuất các biện pháp quản lý, tăng cường kiểm tra đôn đốc, kịp thời phát hiện các khoản thu chi lệch lạc để uốn nắn và bổ khuyết.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

NÔNG CÔNG THƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG TRI CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 76/TT-TU, ngày 13-1-1975

Hướng dẫn thực hiện Chỉ thị 213-CT/TW của Bộ Chính trị về việc tổ chức ba ngày kỷ niệm lớn trong năm 1975

Thi hành Chỉ thị 213-CT/TW của Bộ Chính trị Trung ương Đảng, tỉnh ta tổ chức ba ngày kỷ niệm lớn năm 1975 trong tình hình cách mạng cả nước thu được nhiều thắng lợi quan trọng.

Phong trào cách mạng ở miền Nam đã có những phát triển mới quan trọng đang tiếp tục tiến lên mạnh mẽ nhằm mục tiêu hoàn thành cách mạng dân tộc và dân chủ.

Trên miền Bắc xã hội chủ nghĩa, nhân dân ta đang phấn khởi thi đua thực hiện Nghị quyết 22 của Trung ương Đảng, nhanh chóng hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục, ổn định đời sống... và đã thu được những thắng lợi to lớn.

Cán bộ và nhân dân tỉnh ta vừa kết thúc một năm thi đua lao động sản xuất, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội một cách khẩn trương, sôi nổi và đã hoàn thành vượt mức nhiều chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch nhà nước năm 1974.

Năm 1975 là năm Đảng ta vừa tròn 45 tuổi (1930-1975) nhân dân ta kỷ niệm lần thứ 85 ngày sinh của Hồ Chủ tịch (19-5) và lần thứ 30 ngày thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1945-1975).

Năm 1975 cũng là năm Đảng ta họp Đại hội toàn quốc lần thứ IV, nhân dân miền Bắc bầu cử Quốc hội khóa V và tỉnh ta mở Đại hội Đảng bộ lần thứ VI. Đó là những sự kiện chính trị cực kỳ quan trọng.

Căn cứ vào Chỉ thị 213-CT/TW của Trung ương Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy hướng dẫn một số việc cụ thể trước mắt sau đây:

1. Yêu cầu và nội dung của ba ngày kỷ niệm lớn

Về nhận thức:

- Làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc hiểu sâu sắc hơn lịch sử đấu tranh của Đảng ta, nâng cao trình độ chính trị và tư tưởng thấy được những kinh nghiệm quý báu trong đấu tranh cách mạng của Đảng nhằm tăng thêm ý thức chiến đấu, tăng cường đoàn kết nhất trí trong Đảng, tăng cường khối đoàn kết toàn dân.

- Nâng cao trình độ giác ngộ cho cán bộ, đảng viên và quần chúng, nhân dân; nâng cao lòng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, phấn khởi, quyết tâm khắc phục khó khăn hoàn thành tốt các nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

Về tổ chức hành động:

- Nâng cao năng lực hoạt động và chất lượng sinh hoạt của các chi bộ đảng, chính quyền và các tổ chức quần chúng. Trên cơ sở đó tổ chức phát động được phong trào lao động, sản xuất, tiết kiệm với khí thế mới, sôi nổi với quyết tâm đạt và vượt xa những chỉ tiêu trong kế hoạch nhà nước năm 1975.

- Tiến hành sinh hoạt chi bộ để quán triệt nghị quyết lần thứ 23 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (theo kế hoạch của Tỉnh ủy hướng dẫn nhằm nâng cao trình độ mọi mặt cho đảng viên và tổ chức của Đảng).

- Phải tổ chức và phát động bằng được phong trào thi đua tiến tới cao trào thi đua xây dựng xã hội chủ nghĩa, hoàn thành nhiệm vụ khôi phục và phát triển kinh tế miền Bắc (hai năm 1974 - 1975) để lấy thành tích chào mừng ba ngày kỷ niệm lớn, chào mừng Đại hội Đảng bộ (lần thứ VI) và Đại hội lần thứ IV của Đảng.

- Cần phải có kế hoạch dứt điểm một số công trình, hoàn thành tốt một số công việc, tổ chức những công trình mới, sản xuất những sản phẩm mới mang tên “Kỷ niệm ngày 3-2” mở đầu cho phong trào thi đua lập thành tích chào mừng những ngày kỷ niệm lớn năm 1975 một cách thiết thực, làm cho ngày kỷ niệm 3-2 năm nay thực sự có khí thế cách mạng tiến công, với tinh thần hăng say, phấn khởi, hào hứng sôi nổi liên tục khắp mọi nơi.

2. Một số việc cụ thể chuẩn bị cho các ngày kỷ niệm lớn

Tổ chức mít tinh trọng thể ở tỉnh và ở các huyện, thị nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập Đảng (3-2). Các ngày lễ lớn khác sẽ có hướng dẫn sau.

- Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng cùng với Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy biên soạn các tài liệu và hướng dẫn sử dụng các tài liệu tuyên truyền, học tập cho các ngành, các cấp về ba ngày kỷ niệm lớn.

- Ban Tuyên huấn chịu trách nhiệm bồi dưỡng mạng lưới báo cáo viên về nội dung và kế hoạch sinh hoạt trong các ngày lễ trên đúng như tinh thần Chỉ thị 213 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng.

- Đảng đoàn chính quyền, Ban Thi đua tỉnh hướng dẫn cụ thể các mục tiêu thi đua năm 1975, tập trung vào việc động viên cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân thực hiện kế hoạch nhà nước trên mọi lĩnh vực. Cần phát động, đẩy mạnh phong trào thi đua lao động, sản xuất, công tác, sẵn sàng chiến đấu, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội thật sôi nổi, rộng khắp, tiến tới cao trào thi đua năm 1975 (chú ý tổng kết và khen thưởng kịp thời).

- Các cơ quan tuyên huấn (Văn hóa - thông tin, Báo, Đài, Văn học nghệ thuật, biểu diễn, phim ảnh...) cần đẩy mạnh các hoạt động tập trung vào việc kỷ niệm ba ngày lễ lớn nói trên bằng nhiều hình thức phong phú, nhằm giới thiệu về lịch sử đấu tranh của Đảng ta, những bài học kinh nghiệm quý báu của Đảng, tiểu sử và sự nghiệp của Hồ Chủ tịch, sự trưởng thành của đảng bộ địa phương; những thành tích vẻ vang, những đổi mới trong đời sống nhân dân do cách mạng đem lại... Tổ chức triển lãm nhân ngày kỷ

niệm 3-2 và các ngày lễ khác trong năm 1975 (triển lãm những thành tựu trong 30 năm qua của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và thắng lợi vĩ đại của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, những thành tích của tỉnh ta...).

- Ty Thể dục thể thao tổ chức tốt các buổi biểu diễn, thi đấu phục vụ trong những ngày lễ lớn.

- Ty Thương nghiệp cần có kế hoạch chuẩn bị, phục vụ các ngày lễ lớn nói trên một cách thật khoa học, vệ sinh, tiện lợi và phải thể hiện rõ ý thức phục vụ của ngành thương nghiệp xã hội chủ nghĩa.

- Các lực lượng vũ trang tăng cường bảo vệ biên giới và nội địa, chuẩn bị tốt việc tuyển quân và xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, bảo vệ tốt trật tự trị an, phục vụ tốt những ngày lễ lớn (chú ý những nơi tập trung đông người và ở những vùng xa xôi, hẻo lánh).

Các ngành, các cấp trong tỉnh căn cứ vào Chỉ thị 213-CT/TW của Bộ chính trị và tinh thần Thông tri này để có kế hoạch cụ thể tổ chức thật tốt việc kỷ niệm ba ngày lễ lớn nhằm phát huy đến mức cao nhất tác dụng chính trị, tư tưởng tạo một sự chuyển biến cách mạng trong mọi công tác ở cơ sở mình.

Tất cả các chi bộ đảng được phổ biến toàn văn Chỉ thị 213-CT/TW của Bộ Chính trị và Thông tri này phải được thảo luận kỹ để thực hiện thật tốt.

Ban Tuyên huấn, các ban chuyên môn của Đảng và Đảng đoàn chính quyền tỉnh có trách nhiệm giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các ngành, các cấp thực hiện nghiêm chỉnh chỉ thị 213-CT/TW và Thông tri này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ

NÔNG CÔNG THƯỜNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 31-BC/TU, ngày 10-3-1975

Về tình hình công tác tháng 2-1975

Trong tháng 2-1975, việc lãnh đạo và chỉ đạo của các ngành, các cấp trong tỉnh đã tập trung đẩy mạnh các mặt công tác và đạt được kết quả trên một số mặt sau đây:

1. Về nông - lâm nghiệp

Thời tiết và khí hậu trong tháng nói chung vẫn thuận lợi cho khâu làm đất và gieo trồng. (Song vừa qua có xảy ra vài trận mưa đá ở vùng xung quanh thị trấn Sapa đã gây thiệt hại cho khoai tây, cây hạt rau và đào, mận...). Sau Tết âm lịch, việc lãnh đạo, chỉ đạo của các ngành, các cấp đã tập trung dồn đốc, kiểm tra tiến độ sản xuất, tăng cường các biện pháp giúp đỡ cơ sở và động viên đẩy mạnh khí thế thi đua trong quần chúng nên phong trào đã có những chuyển biến mới. Vùng cao đang tập trung làm đất ngô và trồng đậu tương. Vùng thấp tập trung cấy lúa xuân sớm, làm mạ xuân chính vụ, thu hoạch và trồng mới khoai, sắn, mía...

Kết quả tính đến ngày 7-3-1975, diện tích lúa xuân đã cày bừa so với kế hoạch đạt 91,5% (2.186 ha), so với cùng thời gian năm ngoái bằng 100,5%; lúa xuân sớm đã cày so với kế hoạch đạt 21,9% diện tích (524 ha). Do thời tiết và khí hậu nắng ấm, thuận lợi nên số mạ xuân sớm đã cấy phát triển khá tốt, số mạ xuân chính vụ đã

gieo cũng vậy. Ngô xuân so với kế hoạch thì khâu làm đất đạt 39,8% (4.666 ha) và gieo trồng đạt 3,8% (446 ha), trong đó có 80 ha trồng ngô lai. Nhìn chung so với thời vụ tốc độ làm đất và tốc độ gieo trồng ngô xuân hiện nay còn chậm; Việc chỉ đạo thâm canh ngô ở các vùng tập trung chưa được coi trọng; khu vực Bản Lầu (Mường Khương) đến nay mới trồng được 10 ha ngô lai...Đậu tương xuân tuy có được chú ý, đôn đốc nhưng khâu làm đất và gieo trồng đến nay thực hiện vẫn đạt thấp (so với kế hoạch mới trồng được 320 ha, đạt 35,7%). Nguyên nhân chủ yếu là do đất trồng đậu tương hầu hết do xã viên, cá thể quản lý, đang tập trung vào trồng cây lương thực (ngô, khoai). Vì vậy so với yêu cầu thì khó có khả năng đạt được kế hoạch.

Các chỉ tiêu khác như: mía công nghiệp đã thu mua được cho nhà máy đạt 3.300 tấn và tu bổ, trồng mới được 41 ha; trồng rừng được 50 ha, v.v..

Về chăn nuôi, đàn gia súc vẫn giữ được bình thường nhưng hiện nay đang gặp khó khăn về thức ăn cho gia súc (kể cả thức ăn tinh và thô xanh); việc chăm sóc và bảo vệ đàn gia súc nhiều nơi đã chú ý, song cũng còn một vài nơi còn để xảy ra tổn thất đáng tiếc (như ở Hợp tác xã Seo Mỹ Tỷ, Sa Pa và nông trường Bắc Hà để chết và lạc mấy chục con bò).

2. Về công nghiệp - thủ công nghiệp và tài chính - thương nghiệp

- Giá trị tổng sản lượng công nghiệp quốc doanh địa phương đã thực hiện 1,005 triệu đồng (trong đó nhóm A đạt 22,9%, nhóm B đạt 77,1%) so với kế hoạch cả quý I-1975 thì nhóm A đạt 18,7%, nhóm B đạt 25,5%, so với tháng 1-1975 thực hiện cũng giảm sút hơn. Nhóm A giảm sút chủ yếu là cơ khí chế tạo và vật liệu xây dựng; nhóm B giảm sút chủ yếu là thực phẩm. Nguyên nhân chính là do công tác quản lý lao động chưa chặt chẽ; việc cung cấp nguyên liệu, vật tư còn thiếu tích cực; phương tiện vận chuyển còn gặp nhiều khó khăn...

- Tổng mức vốn đầu tư về xây dựng cơ bản ước thực hiện 241.000 đ, trong đó các ngành công nghiệp, nông nghiệp, thương nghiệp... đều đạt thấp so với tháng 1 chỉ đạt 75%. Nguyên nhân là do: một số công trình của các ngành nông - lâm nghiệp, thủy lợi chủ yếu là hoàn thiện của năm trước và bàn giao, còn các công trình mới chưa khởi công được; các công trình chuyển tiếp tốc độ thi công vẫn giữ ở mức độ bình thường, thủ tục thiết kế thiếu khẩn trương, chỉ đạo chưa tập trung, khí thế thi đua lao động chưa cao...

- Về giao thông - vận tải, khối lượng vận chuyển ước thực hiện so với tháng 1 bằng 71% về tấn (11,700 tấn) và 72,8% về tấn/km (191.000 tấn /km). Nếu cộng cả 2 tháng thực hiện thì so với quý I-1975 mới đạt 16,3% về tấn và 18,4% về tấn/km. Nguyên nhân là do: số xe của Công ty vận tải hoạt động rất thấp (bình quân 20/50 xe hoạt động trên mặt đường), việc bảo quản kém, xe hỏng nhiều, sửa chữa chậm.

- Thu mua lương thực tốc độ nhập kho thời gian qua có tăng hơn trước do tập trung dồn đốc, chỉ đạo, nhưng tính đến ngày 15-2-1975 kết quả mới huy động được so với kế hoạch vụ mùa về thóc đạt 69,2% (1.183,2 tấn) trong đó thuế đạt 79,3%, nghĩa vụ đạt 59,9%, so với kế hoạch cả năm 1974 đạt 48,8% (riêng giá cao đạt 61,2%). Nhìn chung tốc độ nhập kho còn quá chậm, chỉ riêng huyện Mường Khương vượt mức nghĩa vụ 2%, còn các huyện khác đạt thấp (thấp nhất như Bắc Hà đạt 24%)...

- Nông sản- thực phẩm ước thực hiện so với kế hoạch quý I đạt 21,1% (204.000 đồng) và bằng 65,5% tháng trước; nếu tính cả hai tháng thì so với kế hoạch quý đạt 53,3% (trong đó riêng thịt lợn hơi mua được đạt 109,4 tấn, đạt 42% kế hoạch quý).

- Tổng trị giá thu mua hàng xuất khẩu so với kế hoạch quý I đạt 26,8% (199.700 đồng), trong đó mặt hàng chủ yếu đạt khá như cần câu, gậy trúc đạt 50% kế hoạch (30 tấn), tấm màn đạt 30,8%, dầu Pơmu so với tháng trước có khá hơn, song do thiếu nguyên liệu, do lò hỏng chưa chữa xong nên đạt kết quả thấp...

- Việc phân phối hàng hóa trong dịp Tết được quan tâm chỉ đạo đảm bảo cơ bản tiêu chuẩn định lượng, quy định, nhất là hàng

cấp I so với tháng trước tăng gấp rưỡi. So với kế hoạch quý I-1975 đạt 31,3% và bằng 103% so với tháng trước. Ngành ăn uống cũng có nhiều cố gắng chế biến các mặt hàng phục vụ Tết nên đã đạt 27% kế hoạch quý và tăng 10% so với tháng trước. Công tác quản lý thị trường được tăng cường hơn trước nên nhìn chung giá cả một số mặt hàng về thực phẩm ngoài thị trường tự do có tăng do nhu cầu Tết, nhưng không có gì đột biến.

Tuy nhiên, có nơi, có lúc kế hoạch và phương thức phân phối còn chưa sát, lúc thừa, lúc thiếu (thịt, mứt, bánh kẹo...trong dịp Tết).

3. Công tác văn xã

- Hoạt động văn hóa thông tin đã tập trung vào việc tuyên truyền giáo dục quần chúng nhân dân các dân tộc trong dịp kỷ niệm lần thứ 45 năm ngày thành lập Đảng. Ở các thị xã, thị trấn, các nơi đông người, công tác tuyên truyền làm tương đối tốt nhưng ở vùng cao, những nơi xa xôi, hẻo lánh đợt tuyên truyền này làm yếu, không sôi nổi, sâu sắc.

- Hoạt động giáo dục, mấy ngày trước và sau đợt nghỉ Tết, các trường học có biểu hiện loạc choạc, chấp hành quy chế có phần không nghiêm chỉnh. Công tác thanh toán nạn mù chữ và bổ túc văn hóa chưa có chuyển biến gì đáng kể.

- Công tác y tế, bảo vệ bà mẹ và trẻ em trong tháng vẫn giữ được bình thường, không để xảy ra trường hợp nào đáng tiếc trong dịp Tết. Công tác bà mẹ trẻ em đang có sự chuyển hướng để phục vụ cho việc giữ trẻ theo giờ làm việc mới.

4. Công tác trị an - quốc phòng

- Trong dịp Tết ở thị xã có tin tung ra lịch in lầm ngày, lúc đầu có gây ra thắc mắc ở một số người nhưng đã kịp thời giải thích, ngăn chặn.

- Ở một số huyện vùng cao có một số tin nhảm tung ra: có biệt kích; sẽ có sự thay đổi của đất trời; người Xá sẽ giết người Mèo để báo thù... Những tin trên đã làm cho một số đồng bào lo sợ, hốt hoảng (ở

Si Ma Cai đã có 300 người Mèo chạy về Bắc Hà “lánh nạn”). Tỉnh đã kịp thời nắm tình hình, giải quyết, ổn định tư tưởng quần chúng.

- Việc qua lại biên giới trong dịp Tết tăng lên, bọn đầu cơ, buôn lậu nhân dịp này cũng có hoạt động nhiều hơn. Đáng chú ý là có vụ đánh bạc lớn (tới 40 người tham gia) trong đó có cán bộ, bộ đội về hưu, công nhân mỏ và đảng viên tham gia (xã Sơn Hà; Bảo Thắng).

Công tác quân sự địa phương trong tháng chủ yếu tập trung làm các việc phục vụ cho việc lập hồ sơ khám tuyển động viên tuyển quân sắp tới, chính sách hậu phương quân đội trong dịp Tết cùng được chú ý hơn trước.

5. Công tác chính quyền

Trong tháng đã tập trung vào việc chỉ đạo cấy chiêm, sản xuất vụ xuân, phục vụ sản xuất và đời sống trong dịp Tết. Việc chỉ đạo thực hiện Nghị quyết 228 đã có sự đi sâu nắm vững và giải quyết các vấn đề hơn trước, công tác chuẩn bị phục vụ cho việc bầu cử hội đồng nhân dân và Quốc hội sắp tới đã được tiến hành một cách khẩn trương, theo đúng kế hoạch và thể lệ quy định.

6. Công tác xây dựng Đảng

- Công tác chính trị tư tưởng đã tập trung vào việc tuyên truyền giáo dục về Đảng nhân dịp kỷ niệm lần thứ 45 năm ngày thành lập Đảng và triển khai học tập, quán triệt Nghị quyết 23/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Đã tổ chức Hội nghị Ban Chấp hành và hội nghị cán bộ toàn tỉnh và quyết nghị kế hoạch đợt sinh hoạt chính trị (theo kế hoạch của Trung ương hướng dẫn).

- Công tác kiểm tra vẫn tiến hành việc thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, đã tổ chức huấn luyện và phân bổ xong số cán bộ đi làm cơ sở. Công tác thực hiện Chỉ thị 192 vẫn được tiến hành theo kế hoạch nhưng ở một số cơ sở chưa làm việc dứt điểm, còn dây dưa kéo dài, một số việc chưa kết luận dứt khoát.

- Công tác tổ chức cán bộ đã làm song việc chuẩn bị nhân sự cho việc bầu cử Quốc hội khóa 5 và hội đồng nhân dân hai cấp

huyện và xã; Đang xúc tiến chuẩn bị các mặt cho việc tiến hành Đại hội Đảng bộ cấp huyện, thị và đảng ủy trực thuộc và tiếp tục cho việc mở Đại hội Đảng bộ tỉnh (lần thứ VI). Công tác bố trí, sắp xếp, điều chuyển cán bộ vẫn được tiến hành phục vụ cho nhu cầu công tác chung (điều động một số cán bộ đi học, đi B, đi chữa bệnh và chuyển vùng).

Việc học tập tại chức và cử cán bộ theo học trường đảng tỉnh các cơ sở chưa chấp hành nghiêm chỉnh, do đó việc huấn luyện đảng viên vẫn chưa thực hiện được kế hoạch đã định.

NHỮNG CÔNG TÁC CHỦ YẾU TRONG THÁNG 3-1975

- Tập trung chỉ đạo sản xuất vụ đông - xuân: Vùng thấp cấy căn bản song lúa xuân và khẩn trương gieo trồng các loại hoa màu có chất bột đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch và thời vụ; vùng cao chú ý trồng xong ngô xuân và đậu tương (cả vùng thấp và vùng cao cần chú ý chỉ đạo cây ngô lai và đào dõ, chế biến sắn, đào giềng và các loại hoa màu khác đảm bảo nguyên liệu cho nhà máy chế biến và cây lương thực cho chăn nuôi).

- Đẩy mạnh phong trào trồng rừng, bảo vệ rừng và trồng cây nhân dân.

- Coi trọng công tác chăm sóc, bảo vệ đàn gia súc (tiến hành tiêm phòng dịch và bình tuyển lợn trong vụ xuân). Khẩn trương giải quyết vấn đề thức ăn gia súc, duy trì tốt đàn lợn hiện có.

- Tranh thủ mùa khô đẩy mạnh thi công các công trình xây dựng cơ bản, giải quyết dứt điểm các thủ tục cần thiết của những công trình trọng điểm.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác thu mua lương thực, thực phẩm (kết thúc nhập kho về lương thực năm 1974 trong tháng 3-1973).

- Tăng cường công tác vệ sinh phòng bệnh, vận động thực hiện nếp sống văn minh.

- Đẩy mạnh công tác bảo vệ trị an, hoàn thành tốt đợt tuyển quân sắp tới. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị.

- Kiểm tra, đôn đốc công tác bầu cử Quốc hội và hội đồng nhân dân cấp huyện, thị xã và xã đảm bảo đúng luật pháp của Nhà nước và quyền dân chủ của công dân.

- Tiếp tục triển khai học tập Nghị quyết 23 của Trung ương Đảng theo kế hoạch và thời gian đã định. Chỉ đạo Đại hội Đảng ở cơ sở; tiếp tục thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư và chuẩn bị Đại hội Đảng bộ tỉnh.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

NÔNG CÔNG THƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 236-TB/TU, ngày 24-3-1975

Về một số kinh nghiệm về việc tổ chức học tập, triển khai thực hiện Nghị quyết 23/TW

Qua hội nghị học tập Nghị quyết 23-TW ở tỉnh và một vài lớp đã làm, Ban Thường vụ sơ bộ rút kinh nghiệm và thông báo để các cấp, các ngành vận dụng thực hiện.

VỀ TỔ CHỨC LỚP HỌC

Nên tổ chức học theo khối. Ở các huyện thì nên tổ chức theo vùng sản xuất hoặc khu vực. Tổ chức học như vậy có lợi là:

- Đảng viên hiểu biết lẫn nhau nên có thể giúp cho nhau trong phần liên hệ học tập;

- Nhiệm vụ chính trị của từng khối có quan hệ với nhau, nên khi thảo luận phân tích về nguyên nhân tồn tại, có sự trao đổi qua lại, có thể giúp cho từng ngành, từng cơ quan thấy được những thiếu sót và nguyên nhân thuộc về phần mình được rõ hơn. Những ý kiến đề xuất, góp ý sẽ được tập trung và sát hơn;

- Qua học tập thảo luận, nắm được cán bộ sâu hơn, giúp cho việc quy hoạch cán bộ được sát hơn.

Nên cố gắng sắp xếp mỗi lớp có trình độ tương đương, không nên để đảng viên có trình độ chênh lệch nhau vào cùng một lớp. Có

như vậy việc tiếp thu nhận thức về cơ sở của lý luận mới tốt, mới có quan điểm đúng đắn để phân tích và đánh giá tình hình trong nghị quyết một cách khách quan toàn diện.

Sắp xếp một lớp học có trình độ tương đương còn có lợi cho giảng viên giảng bài được sát với trình độ của cán bộ đảng viên.

II. VỀ CHUẨN BỊ TÀI LIỆU

- Phải được chuẩn bị thật đầy đủ tài liệu tham khảo. Cần thông báo trước cho người về dự họp đem đi (như tập san xây dựng Đảng tháng 1-1975) và nên cho đọc tài liệu trước khi giảng.

- Phần tài liệu đọc ở tổ thuộc lớp cán sự 1 trở lên thì nên cho đọc thêm “Bản đề cương truyền đạt Nghị quyết 23 của Trung ương” tại Hội nghị cán bộ tỉnh ngày 19-20 tháng 2-1975 của đồng chí Trường Minh, Bí thư Tỉnh ủy. Như vậy là để giúp cán bộ củng cố thêm nhận thức và xác định được lòng tin tưởng đối với (...) (bản đề cương này đã chỉ rõ phần ưu, khuyết điểm một cách sâu sắc...).

- Trước khi vào phần học tập, lúc khai mạc lớp học cần nói rõ phương pháp, thái độ học tập nghị quyết: Thái độ phải nghiêm túc; thảo luận, phân tích phải khách quan, toàn diện trách nhiệm phiên diện; phải thấy rõ cả hai mặt: mặt mạnh để phát huy, mặt yếu để khắc phục, không nên chỉ nhìn thấy mặt khuyết mà sinh ra bi quan tiêu cực, không nên chỉ nhìn thấy khuyết điểm của một vài cá nhân hoặc ở từng nơi, từng lúc mà đánh giá toàn Đảng như vậy sinh ra hoài nghi thiếu tin tưởng ở đường lối, chính sách của Đảng; tránh khuynh hướng sa vào liên hệ thực tế nhiều để giải quyết vấn đề, lấy sự tiếp thu nghị quyết để giải quyết những tồn tại, lấy sự phê bình, tự liên hệ bản thân là chính, từ đó xác định rõ trách nhiệm của tổ chức mình, bản thân mình đối với những vấn đề tồn tại đó.

III. PHẦN BÀI GIẢNG

Người được phân công truyền đạt nghị quyết: phải là những đồng chí có cương vị lãnh đạo chủ chốt của cấp tỉnh (đơn vị học tập) hoặc cấp trên cử về, để cán bộ tin tưởng và có thái độ học tập nghiêm túc hơn.

Người truyền đạt nghị quyết phải am hiểu tình hình thực tế, và nắm vững trình độ và đội ngũ cán bộ để khi liên hệ phân tích được sát với thực tế. Khi truyền đạt phải làm rõ quan điểm của Nghị quyết.

Trong phân tích lý luận, phải gắn với thực tế và từ thực tế qua phân tích lại soi vào lý luận để nâng cao nhận thức, khi giảng từng phần cụ thể cần nêu quan điểm của từng phần. Ví dụ như: Khi giảng về tính chất Đảng, cần làm rõ tính tiên phong của người đảng viên.

- Tính tiên phong phải thể hiện trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị; trong việc đấu tranh để thực hiện nghị quyết của Đảng, trong việc đấu tranh bảo vệ sự đoàn kết nhất trí nội bộ Đảng, v.v..

- Tính tiên phong phải thể hiện ở mỗi đảng viên, mỗi tổ chức, tạo thành một sức mạnh tổng hợp của Đảng.

Khi giảng về phương châm xây dựng Đảng, cần phải phân tích mối quan hệ hữu cơ trong từng phương châm và mối quan hệ giữa các phương châm với nhau trong công tác xây dựng Đảng. Qua phân tích về mối quan hệ giữa các phương châm để đi đến kết luận: Sức mạnh tổng hợp của Đảng ta là phải đồng bộ và phải:

- Tạo ra khí thế.
- Đẩy mạnh được phong trào.
- Khi đã có được phong trào, phải đi vào đó để củng cố tổ chức đảng, củng cố tổ chức quần chúng.
- Phải làm cho cán bộ, đảng viên phấn khởi tin tưởng và quyết tâm thực hiện nghị quyết của Đảng.

IV. GỢI Ý THẢO LUẬN

- Nêu gợi ý từng phần, thảo luận dứt phần, nhận thức lý luận xong rồi mới đi vào liên hệ thực tế, không đi vào thực tế ngay.

- Trong khi liên hệ thực tế phải chú ý phân tích soi vào lý luận để làm rõ quan điểm của nghị quyết.

Trong khi thảo luận, phân tích về nguyên nhân tồn tại, nguyên nhân thắng lợi phải nâng cao quan điểm theo quan điểm của nghị quyết để nêu và giải quyết vấn đề.

- Phải nêu cao tính tiên phong của mỗi đảng viên, mỗi tổ chức để giải quyết những vấn đề tồn tại cho đúng mức, không nên chỉ nêu tồn tại, mà không thấy trách nhiệm của từng người, từng bộ phận đối với vấn đề đó.

- Khi gợi ý thảo luận thấy có ý kiến phát biểu trái với quan điểm của nghị quyết cũng cần phải được tranh luận để thống nhất giải quyết.

- Không nên coi ý kiến cá nhân tồn tại là tồn tại chung của tổ.

V. VỀ CHỈ ĐẠO HỌC TẬP

Quá trình một hội nghị hoặc một lớp học tập phải có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của cấp ủy, của đảng đoàn ở mỗi nơi. Việc bố trí tổ trưởng, tổ phó và thư ký ghi chép cũng cần được chọn lọc những đồng chí có năng lực, có tín nhiệm, trung thực...

Trong học tập nghị quyết rất cần phải có thu hoạch cá nhân, và phải có sổ ghi chép biên bản của từng tổ để nghiên cứu và lưu trữ lại.

VI. TỔNG KẾT ĐÁNH GIÁ LỚP HỌC

- Phải nói lại một số lý luận cơ bản, nhất là các quan điểm của nghị quyết, nhấn mạnh những phần mà anh, chị, em nhận thức còn yếu;

- Về đánh giá kết quả, phải tổng hợp ý kiến của anh chị em đã đề xuất trong học tập.

- Lấy quan điểm của nghị quyết để giải quyết những thắc mắc tồn tại chung (tiếp thu những ý kiến của anh chị em...).

- Không nên giải đáp từng vấn đề vụn vặt.

- Cuối cùng phải có sự động viên giao trách nhiệm và xác định lòng tin để cán bộ về quyết tâm thực hiện Nghị quyết 23 của Trương ương Đảng.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

NÔNG CÔNG THƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 255/TB-TU, ngày 3-4-1975

Về Hội nghị bất thường của Ban Thường vụ ngày 2-4-1975

Ngày 2-4-1975, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã họp hội nghị bất thường để bàn một số công tác cần phải làm ngay.

Dự họp có các đồng chí: Trường Minh, Nông Công Thương, Việt Tiến, Lương Quyết Định, Khánh Vinh, Nguyễn Trí Nghị, Cư Hòa Văn; vắng mặt: đồng chí Phạm Gia Tuân đi công tác, Nguyễn Ân đi học.

I. VỀ VIỆC TUYỂN QUÂN

Sau khi nghe Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh báo cáo tình hình tuyển quân cho đợt này mới đạt khoảng 70% chỉ tiêu kế hoạch của trên giao, trong đó Bát Xát và Mường Khương là hai huyện đạt thấp nhất.

Việc vận dụng chính sách “công bằng, hợp lý” ở một số địa phương, ngành cũng chưa được quán triệt, công tác xây dựng hồ sơ, lý lịch cho số anh em được khám tuyển ở một số cơ sở còn thiếu khẩn trương nên đã ảnh hưởng đến công tác tuyển quân của toàn tỉnh.

Tuyển, giao đủ và vượt số quân quy định trong lúc chiến trường đang dồn dập, tấn công quân địch và liên tiếp giành những

thắng lợi to lớn là một yêu cầu hết sức cấp bách và có ý nghĩa hết sức lớn lao. Bởi vậy, Ban Thường vụ đã thảo luận và nhất trí:

- Cần tiếp tục làm cho các cấp huyện, thị, các ngành và cơ sở thấy hết tầm quan trọng của việc tuyển quân đợt này để đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục nhân dân, quần chúng gây một không khí hào hứng, phấn khởi để động viên thanh niên nô nức tòng quân, giết giặc cứu nước, nhắc nhở các bậc phụ huynh khuyến khích, vận động con em lên đường nhập ngũ. Khẩn trương, nhanh chóng giải quyết các thủ tục về hồ sơ, giấy tờ để việc tuyển và giao đủ quân số và đúng thời gian quy định, đồng thời chuẩn bị đầy đủ mọi điều kiện cho đợt tuyển quân tới (tháng 6-1975).

- Trong khi tiến hành tuyển quân đợt này, trường hợp các ngành dọc ở Trung ương cần điều người đi B, C... phục vụ công tác chuyên môn của ngành mình thì chỉ được giải quyết:

+ Đối với cán bộ kỹ thuật trung, cao cấp cần phải đi điều ngay thì dành riêng cho chuyên môn.

+ Đối với cán bộ kỹ thuật cao cấp trong diện phải thực hiện chính sách “công bằng, hợp lý” mà đang chỉ đạo một công trình trọng điểm hay một công trình quan trọng nào đó, không thể thiếu được thì có thể được xét và tạm hoãn.

II. VỀ VIỆC NHÀ NƯỚC VAY LƯƠNG THỰC CỦA NHÂN DÂN ĐỂ NUÔI QUÂN VÀ CUNG CẤP CHO ĐỒNG BÀO Ở CÁC VÙNG MỚI ĐƯỢC GIẢI PHÓNG

Ban Thường vụ đã thảo luận và nhất trí:

Tiết kiệm lương thực để nuôi quân ăn no đánh thắng và giúp đồng bào ở những vùng mới được giải phóng là một việc làm hết sức tốt đẹp và thiết thực của hậu phương đối với tiền tuyến và cũng là một dịp để biểu thị tình cảm ruột thịt Bắc - Nam.

Sau khi được biết chủ trương của Trung ương, đồng bào ở một số nơi trong tỉnh đã tự nguyện đăng ký cho Nhà nước vay

lương thực, đó là những tấm gương quý đã được hoan nghênh và biểu dương.

Nhưng sau khi thảo luận, cân nhắc, Ban Thường vụ nhận thấy: Đối với hoàn cảnh của tỉnh ta, việc tổ chức vay sẽ có nhiều phức tạp và khó khăn cho nhân dân trong việc trả sau này, cho nên thay thế việc cho vay, tỉnh sẽ tiến hành thu mua lương thực của nhân dân (kể cả nhân dân vùng cao) theo giá cao của Nhà nước quy định.

Để công tác thu mua đạt kết quả tốt và cũng là một dịp để mọi người dân được biểu lộ tinh thần yêu nước, yêu đồng bào của mình, các huyện, thị dựa vào các chi bộ cơ sở, cần tổ chức một cuộc tuyên truyền, vận động thật sôi nổi, rầm rộ trong nhân dân, quần chúng dưới hình thức hội nghị Mặt trận để mọi người ghi tên bán lương thực cho Nhà nước, trên tinh thần tiết kiệm lương thực và tùy theo khả năng của từng người.

Song song với công tác vận động thu mua, cần tăng cường quản lý thị trường không để cho lương thực lọt về xuôi, vận động đẩy mạnh sản xuất nhất là đối với những thứ đang thời vụ: sắn, khoai, đậu... Ở những nơi nào chưa hoàn thành nghĩa vụ 3 thu thì tiếp tục vận động bà con hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước, đồng thời cần điều tra nắm chắc trữ lượng sắn của nhân dân và hợp tác xã hiện có để khi cần sẽ huy động lực lượng đào dỡ, chế biến.

Đối với cán bộ, công nhân viên trong các cơ quan nhà nước, cần đẩy mạnh phong trào trồng các thứ: rau, quả, củ..., thay thế cho lương thực để mỗi người theo tiêu chuẩn của mình có thể quyên góp ủng hộ ít nhất là 2 kg gạo vào sự nghiệp của dân tộc trong những giờ phút lịch sử này (chỉ làm trong một đợt và chỉ riêng cán bộ công nhân viên, không kể những người khác trong gia đình).

Để công việc được xúc tiến khẩn trương, Ban Kinh tế - Kế hoạch của Tỉnh ủy cùng với Đảng đoàn Ty lương thực, Đảng đoàn Chi nhánh ngân hàng cần vạch kế hoạch, thông qua Thường trực Tỉnh ủy và Ủy ban Hành chính tỉnh, sau đó cùng họp bàn với các

Ban Nông nghiệp, Tuyên giáo, Tổ chức Tỉnh ủy, Mặt trận Tổ quốc, Công đoàn, Thanh niên, Phụ nữ để triển khai thực hiện và sẽ kết thúc vào cuối tháng 4-1975.

Sau đợt này, chúng ta sẽ tiến hành đợt vận động nhân dân bán thực phẩm cho Nhà nước.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

NÔNG CÔNG THƯỜNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 32-BC/TU, ngày 5-4-1975

Tình hình công tác năm 1974

Dưới ánh sáng các Nghị quyết 22 của Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết 195, 225, 228 của Bộ Chính trị; Chỉ thị 192 của Ban Bí thư và các chỉ thị, nghị quyết khác của Đảng và Nhà nước, Tỉnh ủy đã tổ chức nghiên cứu để quán triệt trong các cấp, các ngành; thảo luận, liên hệ, kiểm điểm sâu sắc tình hình mọi mặt ở địa phương. Trên cơ sở đó Tỉnh ủy đã đề ra Nghị quyết 14, 15, 16, 17, 18, 19 để lãnh đạo, chỉ đạo các mặt công tác ở trong tỉnh. Qua một năm phấn đấu của toàn Đảng bộ, của cán bộ, công nhân viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh; Tỉnh ủy tập trung kiểm điểm, đánh giá tình hình các mặt công tác chủ yếu dưới đây:

I. NHIỆM VỤ KHÔI PHỤC, XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - VĂN HÓA, THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC

1. Nông - Lâm nghiệp

Tình hình thời tiết khí hậu trong tỉnh năm qua nói chung có nhiều thuận lợi, ảnh hưởng tốt đến sự sinh trưởng, phát triển của các loại cây trồng và con gia súc.

(Riêng đầu vụ đông - xuân có xảy ra hạn hán, giá rét và có một số đợt sương muối, mưa đá, mưa tuyết ở vùng cao cũng gây

ra một số khó khăn về phấn đấu thực hiện kế hoạch diện tích gieo trồng...).

Việc lãnh đạo và chỉ đạo về nông - lâm nghiệp của Tỉnh ủy và các ngành, các cấp được chuẩn bị sớm, chủ động đề ra những mục tiêu, biện pháp phấn đấu cụ thể. Tỉnh ủy đã có các nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ công tác và các biện pháp chủ yếu khôi phục và phát triển kinh tế hai năm 1974 - 1975, xây dựng và củng cố hợp tác xã sản xuất nông nghiệp... Phong trào quần chúng đã được phát động nhằm thực hiện kế hoạch nông - lâm nghiệp ngay từ đầu vụ đông - xuân 1973- 1974. Đặc biệt việc tỉnh Lào Cai được Bác Tôn tặng lẵng hoa xuân về thành tích phấn đấu hoàn thành kế hoạch lương thực, thực phẩm năm 1973, đã động viên, cổ vũ mạnh mẽ khí thế thi đua trong toàn tỉnh. Việc chỉ đạo sản xuất nông - lâm nghiệp vẫn tiếp tục bám chắc phương hướng tập trung, thâm canh và chuyên canh. Phong trào chọn giống, thay giống, nhân giống, lai giống trong trồng trọt và chăn nuôi được chú ý chỉ đạo. (Vụ xuân đã cấy 91% diện tích giống lúa Nông nghiệp 8, Trân châu lùn, Quảng thu lùn..., vụ mùa đã cấy 71,5% diện tích giống lúa nông nghiệp 22, Bao thai lùn, Khê nam lùn, Nông nghiệp 5...). Phong trào làm phân, bón phân ở những hợp tác xã vùng thấp nói chung có nhiều tiến bộ (riêng phân chuồng vụ chiêm đã bón bình quân 5,8 tấn/ha, vụ mùa 4,5 tấn/ha). Ở vùng cao, việc dùng phân hóa học đã ngày càng mở rộng (tổng số đã phân phối 500 tấn phân đạm, tăng hơn năm 1973 là 70 tấn và 670 tấn phân lân, tăng hơn năm 1973 là 145 tấn). Phong trào làm thủy lợi nhỏ vẫn được tiếp tục đẩy mạnh; các công trình thủy luân, thủy điện được tu sửa, gia cố thường xuyên phục vụ tốt cho yêu cầu thâm canh, mở rộng diện tích và tăng vụ.

Đi đôi với sản xuất lương thực, với mức cố gắng cao nhất, trên cơ sở phương hướng và quy hoạch tổng thể đã xác định, tỉnh đã chú ý chỉ đạo các vùng sản xuất chuyên canh, đang ngày càng hình

thành, phát triển và bước đầu có sản phẩm hàng hóa như vùng hạt rau giống, vùng chè, dưa, vùng thực phẩm...

Do cố gắng chung của toàn tỉnh nên sản xuất nông - lâm nghiệp trong năm qua vẫn tiếp tục phát triển; trên một số mặt đã đạt được những kết quả khá.

Về trồng trọt, bình quân 2 vụ lúa ruộng toàn tỉnh đạt 5,511 tấn thóc/ha, so với năm 1973, mỗi hécta tăng 113 kg thóc; tổng sản lượng lương thực quy thóc, so với kế hoạch của Trung ương đạt 99,4% (53.374 tấn/53.700 tấn), so với kế hoạch của tỉnh đạt 92%, so với năm 1973 tăng 1% (536 tấn), trong đó riêng về thóc so với kế hoạch đạt 102,4 %, so với năm 1973 tăng 0,2 % (75 tấn). Đã có 4 huyện thị xã, 17/31 xã vùng thấp và 64/123 hợp tác xã vùng thấp đạt 5 tấn thóc/ ha trở lên (so với năm 1973 tăng 2 và 5 hợp tác xã). Riêng ngô so với kế hoạch đạt 82,3%, so với năm 1973 tăng 1,1%. Đáng chú ý diện tích và năng suất ngô lai vận động trồng tập trung ở Bản Sen, Bản Lầu (Mường Khương) phát triển khá (vụ xuân gieo trồng 50 ha, vụ thu 103 ha, năng suất bình quân từ 18 - 25 tạ/ha và diện tích đạt trên 3 tấn/ha).

Những do thời tiết vụ đông - xuân gặp khó khăn nên nhiều loại cây trồng thực hiện không đạt, nhất là các loại hoa màu có chất bột. Nhìn chung tốc độ tăng lương thực còn chậm so với tốc độ tăng dân số, cho nên lương thực bình quân đầu người so với năm 1973 cũng giảm sút chút ít (năm 1973 là 250 kg, năm 1974 là 239 kg).

Về chăn nuôi, việc lãnh đạo và chỉ đạo đã tập trung giải quyết các khâu thức ăn, giống, tích cực phòng chống dịch bệnh, chống rét cho gia súc, đồng thời có những biện pháp tích cực ngăn chặn việc đưa trâu bò vượt biên trái phép, do đó đàn gia súc các loại vẫn được giữ vững và có chiều hướng tăng lên. So với kế hoạch, đàn trâu đạt 97,8% (37.583 con), tăng hơn năm 1973 là 4,7%; đàn bò đạt 97,9% (7.336 con) tăng hơn năm 1973 là 1,4%; đàn ngựa đạt 98,6% (21.314 con) tăng hơn năm 1973 là 7,7%; đàn lợn trên 2 tháng tuổi đạt 87,6% (93.772 con) và tăng hơn năm 1973 là 6,3%.

Các nông trường quốc doanh so với kế hoạch đạt thấp (đàn bò đạt 83,1%, trâu 82,5%, lợn 48,1%) và so với năm 1973 đàn bò bằng 95,9%, còn trâu và lợn có tăng hơn. Việc giao nộp sản phẩm chăn nuôi cũng không đạt kế hoạch (bò hơi 43,7 tấn = 97%, lợn hơi 27 tấn = 62,6%).

Do có sự tích cực chỉ đạo, tác động mạnh về mặt chính sách như giải quyết vấn đề giống, vấn đề tổ chức chăn nuôi; cung cấp cám nên đã thu mua được 1.180,2 tấn thịt hơi các loại, trong đó có 1.094 tấn thịt lợn hơi. Vì vậy việc cung cấp thịt lợn trong tỉnh năm qua vẫn được chủ động, giải quyết tem phiếu dứt điểm cả năm và còn chuyển cho Trung ương được 50 tấn.

Về nghề rừng, công tác trồng cây, gây rừng, khoanh núi nuôi rừng đã có nhiều cố gắng tiến bộ, trong đó huyện Bảo Thắng đã hoàn thành quy hoạch khoanh núi nuôi rừng và những nơi có phong trào khá về trồng cây, gây rừng (Bản Vược, Nam Cường) vẫn phát huy được tác dụng. Trên cơ sở quy hoạch rừng, việc đưa nghề rừng vào hợp tác xã kinh doanh, quản lý vẫn được tiếp tục tiến hành từng bước và đã có một số điển hình tốt như Seo Mỹ Tỷ, Sâu Chua, Lý Lao Chải (Sapa), Bản Vược, Cốc Mì, (Bát Xát), Pha Long (Mường Khương), Nam Cường, Tân Lập (Bảo Thắng), Bản Phố (Bắc Hà)... Công tác tuyên truyền giáo dục ý thức bảo vệ rừng đã được tăng cường hơn trước, nhất là từ khi thành lập Chi cục Kiểm lâm nhân dân đến nay. Việc kiểm tra, xử lý tệ đốt phá rừng bừa bãi đã được chú ý ở một số nơi, nhất là ở huyện Bảo Thắng. Kết quả trồng cây toàn tỉnh đã thực hiện so với kế hoạch đạt 62% (620 ha), so với năm 1973 tăng 159 ha; khoanh núi nuôi rừng được 17.315 ha (trong đó rừng phòng hộ đầu nguồn 5.198 ha, rừng nuôi dưỡng phục hồi 12.117 ha). Một số hợp tác xã đã trả công cho những xã viên làm nhiệm vụ bảo vệ rừng tương đương như những xã viên nông nghiệp do đó có tác dụng duy trì lực lượng quần chúng tích cực hoạt động.

Công tác thu tiền nuôi rừng tính đến tháng 11-1974 đã đạt 90,2% (203.747đ00).

Về tình hình các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và công tác định canh định cư: Trong năm qua việc lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, củng cố các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp đã được chú ý hơn trước. Tỉnh ủy đã nghiên cứu chỉ đạo phương hướng, nội dung, biện pháp xây dựng, củng cố các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp cho phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương; đã huy động một số cán bộ các ngành tỉnh, huyện đưa xuống tăng cường cho các huyện và các hợp tác xã.

Thi hành Chỉ thị 208 của Ban Bí thư, Tỉnh ủy đã tổ chức hội nghị tổng kết hợp tác xã điển hình từ cơ sở đến tỉnh. Tại Hội nghị này đã bước đầu rút ra một số kinh nghiệm về chỉ đạo. Các hợp tác xã ở vùng thấp có thể học tập làm theo cách làm ăn của hợp tác xã Nam Cường, Bản Vược. Các hợp tác xã ở vùng cao tùy theo điều kiện cụ thể về đất đai, khí hậu, nhân lực và trình độ quản lý có thể học tập và làm theo cách làm ăn của Sâu Chua, Lý Lao Chải (Mường Khương), Sáng Chải (Pha Long); Bản Phố hoặc tổ chức liên doanh như Cốc Mỹ, Lũng Pâu (Bát Xát).

Đáng chú ý là qua cuộc vận động làm thử xây dựng cấp huyện ở Bát Xát và qua hơn một năm tiến hành tổ chức lại sản xuất theo phương hướng mới, Hợp tác xã Bản Vược đã thu được một số kết quả về chỉ đạo thâm canh cây lúa, phát triển mạnh mẽ chăn nuôi và nghề rừng. Hiện nay nhiều nơi đang yêu cầu tỉnh, huyện giúp đỡ để tiến hành tổ chức lại sản xuất theo kiểu Bản Vược. Việc triển khai chỉ đạo thực hiện Chỉ thị 209 của Ban Bí thư về đưa Điều lệ (chi tiết) vào hợp tác xã và tổ chức đại hội nông dân tập thể các cấp được tiến hành khẩn trương từ tỉnh xuống đến cơ sở, đảm bảo thời gian và nội dung, yêu cầu quy định. Đến nay phần lớn các hợp tác xã đã họp Đại hội nông dân tập thể và đến trước Tết âm lịch các huyện, thị xã cũng tiến hành xong. Nhìn chung qua học tập, thảo luận Điều lệ dự thảo của hợp tác xã và qua Đại hội nông dân tập

thể ở nhiều nơi, quần chúng xã viên rất phấn khởi tin tưởng, đã mạnh dạn phê bình và tự phê bình những việc làm sai sót của cán bộ hợp tác xã, của bản thân như tham ô, lãng phí, chây lười lao động, lấn chiếm đất đai của tập thể. Một số người đã tích cực sửa chữa khuyết điểm và một số nơi đã tạo được khí thế thi đua mới, đẩy mạnh công tác và sản xuất...

Tính đến nay, toàn tỉnh có 290 hợp tác xã (năm 1973 có 180 cái) gồm 16.321 hộ (năm 1973 có 13.154 hộ), chiếm 61,2% số hộ nông dân (năm 1973 chiếm 50,2%). Số hợp tác xã bậc cao có 128 cái, gồm 11.157 hộ, chiếm 70,6 % số hộ xã viên. Qua phân loại, số hợp tác xã thuộc loại khá chiếm 32%, trung bình 24,4% và loại kém chiếm 43,4%.

Công tác vận động định canh định cư vẫn được tiếp tục thực hiện theo phương án đã đề ra, một số nơi đã phát huy được tác dụng đầu tư vốn của Nhà nước, đẩy mạnh phát triển sản xuất, đời sống được ổn định hoặc bước đầu có sản phẩm hàng hóa như Hợp tác xã Sâu Chua, Seo Mỹ Tỷ, Lúng Pâu, v.v..

Tóm lại, qua một năm lãnh đạo, chỉ đạo phần đầu khắc phục khó khăn, phát huy thuận lợi cho nên tình hình sản xuất nông - lâm nghiệp trong tỉnh vẫn được giữ vững và phát triển trên một số mặt: sản xuất lương thực, đàn gia súc vẫn tăng; phong trào hợp tác hóa nông nghiệp được quan tâm chỉ đạo, kiên trì củng cố và hoàn thiện từng bước. Nhiều hợp tác xã ở vùng thấp qua củng cố vẫn phát huy được tác dụng. Tuy nhiên, đối chiếu với yêu cầu của nhiệm vụ và kế hoạch đề ra thì tình hình sản xuất nông - lâm nghiệp và phong trào hợp tác hóa nông nghiệp trong năm qua còn có nhiều thiếu sót, tồn tại: Tốc độ phát triển của sản xuất nông nghiệp vẫn còn chậm, chưa vững chắc, chưa đạt kế hoạch toàn diện, có loại cây trồng bị giảm sút (như diện tích lúa xuân, khoai lang, sò, mì, khoai riềng, mía, rau xanh, hạt su hào...). Lao động nông nghiệp không thiếu, hiện có 66.107 lao động trong độ tuổi nhưng bình quân mỗi người lao động mới làm được khoảng 0,5 ha

diện tích gieo trồng hằng năm và 1,4 con lợn (trên 2 tháng tuổi); sức kéo dồi dào, nhưng việc thâm canh tăng năng suất cây trồng còn thấp, diện tích chưa được mở rộng. Nghề rừng phát triển còn kém, tỷ lệ đốt phá rừng làm nương vẫn còn xảy ra, có nơi nghiêm trọng. Phong trào trồng rừng, bảo vệ rừng tiến bộ còn chậm. Các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp ở vùng thấp được tiếp tục củng cố, kiện toàn một bước, nhưng ở vùng cao sự chuyển biến chưa mạnh, còn nhiều hợp tác xã yếu kém, thiếu nội dung hoạt động. Công tác vận động định canh định cư nói chung thực hiện còn yếu. Kinh phí và lương thực đầu tư cho định canh định cư sử dụng thấp (kinh phí đạt 50% = 350.000đ00), lương thực đạt 95%.

Nguyên nhân của những thiếu sót, tồn tại trên chủ yếu là do việc chỉ đạo kiểm tra đôn đốc của các ngành, các cấp còn thiếu kịp thời, nhất là trong vụ đông - xuân. Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp yếu kém còn nhiều; việc quản lý lao động còn lỏng lẻo, tình trạng làm ăn riêng lẻ còn xảy ra khá phổ biến ở nhiều nơi. Kinh tế tập thể có chiều hướng thu hẹp hoặc dấn chân tại chỗ, kế hoạch hằng năm giao xuống không có cơ sở thực hiện đầy đủ. Trình độ tiếp thu khoa học kỹ thuật còn rất hạn chế, tập quán sản xuất cũ chưa được thay đổi mạnh, những nhân tố mới xuất hiện trong phong trào, trong các điểm chỉ đạo chưa được chú ý bồi dưỡng nhân lên kịp thời. Một số chính sách về phát triển nông nghiệp, vùng kinh tế, định canh định cư... chưa được nghiên cứu đề xuất giải quyết tích cực.

Riêng đối với các nông trường quốc doanh, mặt yếu và tồn tại chủ yếu hiện nay là kinh nghiệm quản lý chỉ đạo còn ít, làm ăn chưa thực hiện đúng chế độ hạch toán kinh tế, chưa có định mức rõ ràng; tổ chức sản xuất còn nhiều lúng túng; phương hướng sản xuất chưa ổn định; chiều hướng chăn nuôi mất cân đối với trồng trọt; phân bón thiếu, năng suất cây trồng còn thấp so với các hợp tác xã; giống chè cũng còn thiếu; xây dựng cơ bản còn quá chậm, ranh giới đất đai chưa được quy định rõ ràng giữa nông trường và hợp tác xã, v.v..

2. Về công nghiệp

a) Công nghiệp quốc doanh địa phương

Nhờ các vùng kinh tế được hình thành, một số cây con được xác định và đang đi dần vào thế ổn định đã giúp cho công nghiệp có điều kiện phát triển. Một số cơ sở tương đối ổn định đã cố gắng tăng năng suất lao động, tận dụng công suất thiết bị để hoàn thành kế hoạch cả năm trước thời hạn và có lãi, góp phần tăng tích lũy cho ngân sách địa phương. Một số cơ sở khi tình hình sản xuất không ổn định đã cố gắng suy nghĩ, tìm tòi công việc sản xuất mặt hàng thay thế để bảo đảm sản xuất được liên tục, phấn đấu giảm tô. Do đó công nghiệp địa phương đã đóng góp được một phần của mình trong việc phục vụ các nhu cầu của địa phương cho xuất khẩu, hỗ trợ các ngành khác cùng phát triển và đã hoàn thành vượt mức kế hoạch cả năm về giá trị tổng sản lượng.

Tuy nhiên, trong công nghiệp địa phương hiện tượng mất cân đối vẫn chưa khắc phục được. Tình trạng thiếu nguyên vật liệu để sản xuất; sắt thép cho sản xuất nông cụ (đã thiếu thường lại đúng quy cách), thiết bị, phụ tùng thay thế, sửa chữa ô tô; đậu tương để sản xuất nước chấm, mía để sản xuất đường... đã buộc một số cơ sở phải sản xuất cầm chừng hoặc ngừng sản xuất từng thời gian. Tốc độ phát triển giữa các nhóm, các ngành, các cơ sở lại không đồng đều (giá trị của ngành xay xát chiếm 1/4 giá trị tổng sản lượng của toàn tỉnh). Việc thực hiện kế hoạch về giá trị và kế hoạch sản phẩm chủ yếu của một số cơ sở cũng không cân đối: xí nghiệp cơ khí Phú Lợi; giá trị sản phẩm chủ yếu được giao chủ yếu 30% kế hoạch, đã phải tự tìm việc để sản xuất, chủ yếu là sản xuất các máy móc thiết bị cho các xí nghiệp Trung ương; do đó xu hướng chạy theo các mặt hàng có giá cao và đã phần nào lơ lửng sản xuất các mặt hàng phục vụ nông nghiệp làm cho xí nghiệp không chủ động được trong việc bố trí sắp xếp lao động và máy móc. Các ngành khai thác, chế biến nông - lâm sản, cơ khí sửa chữa, điện

lực, vật liệu xây dựng... đáng lẽ phải được đẩy mạnh thì lại đạt thấp, cơ khí đạt 71,8%, điện lực đạt 58,2%, khai thác chế biến lâm sản đạt 87%, vật liệu xây dựng đạt 73,3% so với kế hoạch được giao cả năm. Do công tác sửa chữa, bảo quản, sử dụng chưa tốt nên các điểm cơ khí nhỏ ở nông thôn chưa phát huy được hết tác dụng và hiệu quả của nó. Năng suất lao động, công suất thiết bị nói chung còn thấp. Công tác quản lý chuyển biến tiến bộ còn chậm, chưa đáp ứng kịp với tình hình. Tinh thần hợp tác tương trợ giữa công nghiệp và thủ công nghiệp với các ngành kinh tế khác chưa chặt chẽ, đồng bộ, thậm chí có lúc có khâu còn cản trở lẫn nhau làm cho công tác chỉ đạo sản xuất thường bị động, phân tán. Hiệu quả kinh tế trong công nghiệp chưa tương xứng với số vốn được đầu tư.

b) Thủ công nghiệp, trừ một vài ngành như: chế biến thực phẩm, hóa chất, nhờ sản xuất tương đối ổn định nên đã hoàn thành vượt mức kế hoạch cả năm về giá trị tổng sản lượng, một vài ngành sản xuất hàng xuất khẩu như dệt tằm màn, chưng cất tinh dầu... có khả năng phát triển còn các ngành khác nói chung có hiện tượng sản xuất cầm chừng vì không đủ nguyên vật liệu, không đủ việc làm. Sự phối hợp, hỗ trợ của các ngành đối với thủ công nghiệp chưa chặt chẽ, rõ ràng, do đó việc đầu tư trang thiết bị, vốn cho các cơ sở thủ công chưa được quan tâm giải quyết đúng mức. Công tác quản lý trong thủ công nghiệp còn nhiều sơ hở, lỏng lẻo. Trách nhiệm của số đông cơ sở thủ công nghiệp đối với Nhà nước chưa cao, sản phẩm giao nộp cho Nhà nước chưa tương xứng với số lượng lương thực và vật tư được Nhà nước cung cấp. Mặt hàng sản lượng của nhiều cơ sở thường không ổn định, các ngành có trách nhiệm chưa thống kê và nắm được hết, nhất là các sản phẩm được chế biến từ nông sản: sắn, gạo riêng... cho nên khả năng, chất lượng sản phẩm nói chung còn thấp, giá thành còn cao.

Tổng giá trị sản lượng năm 1974 của công nghiệp địa phương đạt 16.720.200đ00, bằng 103,1% so với kế hoạch năm và tăng 11,5% so với năm 1973.

Thủ công nghiệp đạt 4.059.700đ00, bằng 101,5% so với kế hoạch năm.

Nhóm A đạt 83,1%, nhóm B đạt 117,8% so với kế hoạch năm.

c) Công nghiệp Trung ương đóng tại địa phương: Nhiệm vụ kế hoạch của các xí nghiệp được giao nói chung ổn định. Mặc dù sản xuất trong điều kiện máy móc, thiết bị phần lớn đã cũ kỹ, thiết bị, phụ tùng thay thế lại thiếu nhưng các cơ sở đã phát huy cố gắng chủ quan, khắc phục khó khăn để hoàn thành phần lớn các chỉ tiêu kế hoạch được giao trước thời hạn. Ngoài ra các cơ sở tùy theo khả năng và vị trí của mình đã tranh thủ tham gia, đóng góp xây dựng kinh tế địa phương. Song song với việc phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm, các cơ sở đã liên hệ, phối hợp với cấp ủy và chính quyền địa phương trong việc xây dựng kế hoạch mở rộng, phát triển cho thời gian tới.

Tổng giá trị sản lượng của các xí nghiệp Trung ương trong năm 1974 ước đạt:

- mỏ apatít: đạt 106,77%.
- Nhà máy điện: đạt 116,20%.
- Địa chất 5: các chỉ tiêu chủ yếu đều đạt và vượt kế hoạch cả năm.
- Địa chất 24: đã hoàn thành toàn diện vượt mức các chỉ tiêu chủ yếu trước 12 ngày.
- Địa chất 39: đạt 104,70%.

Về xây dựng cơ bản, đã có chủ trương tập trung vốn, vật liệu, lao động... cho các công trình trọng điểm trong thủy lợi, nông nghiệp (chuồng trại, khai hoang, xây dựng đồng ruộng), giao thông công cộng và đời sống với phương châm: vừa hiện đại, vừa thủ công, vừa kiên cố vừa nửa kiên cố, tạm thời, với tốc độ thi công nhanh, dứt điểm, nhanh chóng đưa công trình vào sản xuất, sử dụng sớm phát huy hiệu quả kinh tế. Kết quả một số công trình thủy lợi hồ Cầu Đen, hồ Nậm Hễn đã hoàn thành bảo đảm đủ nước tưới cho 55 ha ruộng đất. Xưởng gạch Quang Kim có 7 triệu viên/năm,

lò vôi liên hoàn với công suất 3.600 tấn/năm đã bước đầu đi vào sản xuất. Trong nông nghiệp đã có thêm 103 ha cây công nghiệp, cây ăn quả, 1.950 m² chuồng trại. Trong lâm nghiệp có thêm 620 ha rừng mới trồng. Trong giao thông đã mở xong 19 km nền đường, rải đá, nhựa được 16,5 km, xây xong 9 cái cầu và 64 cái cống... Ngoài ra, một số công trình phục vụ công cộng, đời sống: hệ thống nước sinh hoạt trong thị xã, một số trường, sở... đã hoàn thành và đưa vào sử dụng. Một số công trình khác khởi công trong năm đang được chuyển tiếp và thi công với tốc độ có tiến bộ.

Song, một phần do thiếu nguyên vật liệu (gỗ, sắt thép, xi măng, vôi...), một phần do các thủ tục ban đầu các cơ sở còn nhiều lúng túng nên thường làm chậm, chỉ đạo thi công lại phân tán, thiếu tập trung dứt điểm đã ảnh hưởng nhiều đến tốc độ thi công trong xây dựng cơ bản. Vật liệu xây dựng: vôi, gạch, ngói, tre vầu, nứa... sản xuất, khai thác không đáp ứng kịp với yêu cầu. Công nhân kỹ thuật còn thiếu nhiều, trình độ tay nghề thấp, trong lúc đó lao động phổ thông lại sử dụng quá rộng rãi nên phần nào đã ảnh hưởng đến năng suất lao động trên các công trường và hạn chế nhiều đến tốc độ thi công, gây nên nhiều lãng phí. Chất lượng các công trình tuy có tiến bộ nhưng nhìn chung vẫn còn thấp, chưa kể một vài công trình xây xong phải phá đi làm lại (lò vôi liên hoàn, xí nghiệp được phẩm...), hầu hết các công trình đều vượt dự toán được duyệt. Do các loại vật liệu tranh, tre, nứa, lá... khai thác không đảm bảo được kế hoạch nên việc xây, cất các công trình nửa kiên cố và tạm thời cũng không đáp ứng được với nhu cầu đòi hỏi ngày càng cao. Các công trình phục vụ nông thôn làm được ít. Tổ chức bộ máy trong xây dựng cơ bản còn nhiều chỗ chưa hợp lý và chưa ổn định, chưa cân xứng với khối lượng công tác ngày càng lớn và tình hình ngày càng phát triển.

Sự lãnh đạo công tác xây dựng cơ bản của các cấp, các ngành chưa được quan tâm đúng mức.

Kết quả thực hiện trong cả năm: Tổng mức đạt 7.057.00000, bằng 79,8% kế hoạch năm. Trong đó: Xây lắp 6.326.000 đồng, bằng 82,3% kế hoạch năm; Thiết bị 731.000 đồng, bằng 80% kế hoạch năm. So với năm 1973 chỉ bằng 84%.

Về vận tải - Bưu điện:

- Công tác vận tải trong năm vẫn đảm bảo được những nhiệm vụ chủ yếu phục vụ cho các ngành khác phát triển và sự đi lại của nhân dân. Phương tiện vận tải của các cơ sở đã được sắp xếp, điều chỉnh lại hợp lý hơn. Các đội vận tải chủ lực của các cơ quan, công trường được tăng cường đã đảm nhận việc vận chuyển được khối lượng hàng hóa khá lớn (chiếm 34% tổng khối lượng hàng hóa cần vận chuyển). Các đội vận tải thô sơ được tổ chức khai thác, có tác dụng hỗ trợ cho phương tiện cơ giới trên các tuyến đường ngắn và đã phục vụ được những yêu cầu cơ bản về vận tải xung quanh các thị trấn, thị xã.

Song, do tổng khối lượng hàng hóa cần vận chuyển trong năm ít hơn so với năm trước, hơn nữa do công tác quản lý lao động, phương tiện còn nhiều sơ hở, lỏng lẻo cho nên tỷ lệ đầu xe tốt còn thấp, thường chỉ có 27 - 28/64 xe tải, 6,7/12 xe khách hoạt động được. Ngày xe doanh vận cũng còn thấp, bình quân chỉ đạt 12 ngày trong tháng, tình trạng xe chờ một chiều, chờ ngoài nhiệm vụ, ngoài kế hoạch còn khá phổ biến, do đó công tác vận chuyển, luân chuyển hàng hóa trong năm không hoàn thành được nhiệm vụ kế hoạch. Công tác vận tải hành khách tuy có tăng xe, tăng chuyến, tăng tuyến đường, nhưng hiện tượng chờ xe, chờ vé thường vẫn còn xảy ra, gây nên phiền phức, trở ngại cho việc đi lại của nhân dân. Giá cả trong vận tải thô sơ chưa được quản lý, chỉ đạo chặt chẽ nên nói chung còn cao. Công tác giải phóng bến bãi thường chưa được nhanh chóng, khẩn trương. Luật lệ giao thông chưa được đôn đốc, nhắc nhở và chấp hành nghiêm chỉnh.

Đường giao thông đi vào các khu vực, các vùng kinh tế đã và đang tiếp tục được xây dựng phát triển ngày càng đảm bảo cho

việc vận chuyển và đi lại thuận tiện. Các trục đường chính trong tỉnh vẫn thường xuyên được bảo dưỡng, tu sửa đảm bảo giao thông thông suốt. Giao thông nông thôn phát triển vẫn còn chậm và chưa đều.

Tổng khối lượng hàng hóa vận chuyển đạt 73% kế hoạch cả năm (242,1 tấn/331,5 tấn); khối lượng hàng hóa luân chuyển đạt 77,1% kế hoạch cả năm (3.051,8 tấn/4.536,9 tấn).

Tổng khối lượng hành khách đạt 91,3% lượt người và 91,8% lượt người/km so với kế hoạch năm.

- Chất lượng trong công tác thông tin liên lạc có được chú ý nâng cao nên đã đảm bảo thường xuyên thông suốt kể cả nội tỉnh và ngoại tỉnh, phục vụ kịp thời cho sự chỉ đạo sản xuất và các phong trào khác. Công tác phát hành báo chí có được chú ý đẩy mạnh, đã vượt 3,72% về kế hoạch số lượng. Tỷ lệ báo chủ yếu vào các chi bộ đạt 43,5%, vào các đoàn thể đạt 74%; vào các trường học đạt 100%, vào các hợp tác xã đạt 17%.

3. Về tài chính - thương nghiệp

Đã có những cố gắng trong việc bám vùng, đầu tư vốn, phục vụ cơ sở phát triển sản xuất và tăng cường quản lý kinh tế, tài chính, phục vụ đời sống nhân dân. Ngoài ra đã có những cố gắng phục vụ đồng bào miền xuôi lên tham gia xây dựng phát triển kinh tế - văn hóa miền núi, sớm có điều kiện ổn định nơi ăn chỗ ở đi vào sản xuất.

- Công tác lương thực, mặc dù vụ mùa năm nay khá tốt và thời tiết cũng có nhiều thuận lợi cho việc thu hoạch, nhưng do công tác tuyên truyền vận động, đôn đốc, kiểm tra thiếu khản trương và liên tục nên công tác huy động lương thực vụ mùa đạt rất thấp so với kế hoạch. Lương thực trong nhân dân cũng như trên thị trường tự do chưa được quản lý chặt chẽ nên vẫn còn hiện tượng mua bán lương thực lén lút. Sau khi thực hiện Nghị quyết 109 của Hội đồng Chính phủ, nhân dân vùng cao mang nhiều lương thực (chủ yếu là

ngô) ra chợ bán nhưng do công tác tổ chức, vận động thu mua chưa thuận tiện và thiếu khẩn trương nên kết quả thu mua lương thực theo giá cao bị hạn chế rất nhiều. Việc cung cấp lương thực và thu mua sản phẩm theo hợp đồng chưa được các ngành có trách nhiệm theo dõi, giám sát thực hiện chặt chẽ. Do đó số sản phẩm của nhiều cơ sở sản xuất tập thể giao nộp cho Nhà nước chưa xứng với số lương lương thực được Nhà nước cung cấp. Hiện tượng được cung cấp lương thực nhưng không có sản phẩm giao nộp cho Nhà nước vẫn còn xảy ra.

Kết quả nhập kho vụ mùa 1974: thóc 1.139 tấn đạt 52,8% kế hoạch. Trong đó thuế đạt 87,7%, nghĩa vụ đạt 66,3%. Mua giá cao: thóc 68.537 kg, ngô 153.383 kg.

- Công tác thu mua năm nguồn hàng:

Nông sản - thực phẩm, hàng gia công, tự sản xuất chế biến. Nhờ một số cây, con được xác định, một số chủ trương, biện pháp nhằm khuyến khích chăn nuôi phát triển được thực hiện đã tạo thuận lợi cho công tác thu mua nông sản, thực phẩm. Một số chỉ tiêu thu mua đạt khá: lợn hơi vượt kế hoạch Trung ương giao 94 tấn.

Do quan hệ sản xuất chưa được củng cố, sự hoạt động của các hợp tác xã mua bán nói chung rất yếu, phương thức tổ chức, chỉ đạo thu mua, tuy bước đầu có được cải tiến nhưng còn nhiều mặt chưa hợp lý, đội ngũ cán bộ thu mua chưa được thống nhất quản lý, bồi dưỡng cho nên chưa thật yên tâm, phấn khởi làm nhiệm vụ đã hạn chế kết quả thu mua.

Do công tác kiểm tra, đôn đốc, giáo dục, tuyên truyền, vận động thiếu sâu rộng, sôi nổi và liên tục nên kết quả thu mua, theo nghĩa vụ đạt kết quả thấp hơn so với thu mua giá cao, lợn nghĩa vụ chỉ đạt 40% kế hoạch Trung ương, rau xanh chỉ mua được 60,1% so với kế hoạch. Việc ký kết hợp đồng kinh tế giữa các ngành tuy có tiến bộ nhưng nói chung vẫn chậm và thi hành chưa nghiêm chỉnh, vẫn còn hiện tượng khoán trắng trong việc ký và thực hiện hợp đồng. Hiện tượng tự sản, tự tiêu, không giao sản phẩm qua

khâu lưu thông hoặc giao nộp sản phẩm xấu vẫn còn xảy ra trong một số cơ sở sản xuất. Giá cả một số mặt hàng nông sản, thực phẩm chủ yếu trên thị trường tự do luôn biến động tăng lên, cuộc đấu tranh giữa hai con đường chưa được quan tâm đầy đủ đã ảnh hưởng đến công tác thu mua của Nhà nước.

Tổng giá trị thu mua nông sản, thực phẩm đạt 4.336.000đ00, bằng 97,4% so với kế hoạch cả năm, tăng 5,8% so với năm 1973. Thu mua hàng công nghệ phẩm đạt 4.856.500đ00 bằng 84,4% so với kế hoạch, giảm 17,5% so với năm 1973.

- Nhập hàng cấp I: Các ngành có trách nhiệm đã cố gắng liên hệ xin hàng, vận chuyển và nhập hàng của cấp I nên đã vượt kế hoạch. Vào cuối năm, một số mặt hàng được cấp I giao, số lượng có nhiều hơn, song hàng lên nói chung còn chậm, chưa đều, chưa đáp ứng được nhu cầu thị hiếu của nhân dân địa phương. Một số mặt hàng, thiết yếu như vải nhựa đi mưa, dép nhựa, xà phòng giặt, chỉ khâu, thuốc chữa bệnh... thường xuyên thiếu đã ảnh hưởng đến sinh hoạt và tư tưởng của cán bộ công nhân viên và nhân dân. Hàng hóa dự trữ ở kho cũng rất mỏng. Tổng giá trị nhập hàng của cấp I đạt 15.341.000đ00, bằng 106,9% so với kế hoạch năm, nhưng chỉ bằng 92,5% so với năm 1973.

- Mua hàng xuất khẩu có nhiều cố gắng, đi sát cơ sở, đầu tư cho vay vốn, giúp đỡ cơ sở tổ chức sản xuất, hướng dẫn quy cách phẩm chất mặt hàng, nhờ đó kết quả thu mua hàng xuất khẩu ngày càng tăng. Nhưng vì một số cơ sở sản xuất thiếu nguyên liệu, thiết bị, phụ tùng không được sửa chữa thay thế kịp thời. Mặt khác sự phối hợp giữa hai ngành nội và ngoại thương vẫn chưa được chặt chẽ, phần nguyên liệu sản xuất vẫn còn dựa vào thiên nhiên, chưa có kế hoạch trồng nom chăm bón, phát triển nên đã ảnh hưởng đến công tác sản xuất và thu mua hàng xuất khẩu.

Tổng giá trị mua hàng xuất khẩu đạt 1.601.800đ00, bằng 91,6% so với kế hoạch năm, tăng 14,5% so với năm 1973 (trong đó chưa kể 427.755 đồng hoa quả hộp).

- Công tác phân phối bán ra: Đã có cố gắng mở thêm cửa hàng tổ chức quầy hàng lưu động bán giải khát, quà sáng phục vụ hàng ngày phục vụ nhân dân, cán bộ công nhân viên các cơ quan, xí nghiệp xung quanh thị xã. Trong những ngày lễ, ngày tết đã xuống phục vụ trực tiếp các cơ sở sản xuất tập trung, bước đầu tạo thuận lợi cho người tiêu dùng. Một số mặt hàng thiết yếu như thuốc lá, thuốc đánh răng, pin đèn, chăn bông, áo rét, dép nhựa, v.v., đã được phân về căng tin của các cơ sở để phân phối lại đã hạn chế được nạn hàng hóa, vật tư của Nhà nước chạy ra thị trường tự do. Những mặt hàng bán theo tiêu chuẩn, định lượng như thịt, mì chính đã được thanh toán theo từng quý, từng tháng không để ứ đọng. Ngoài các mặt hàng cung cấp theo tem phiếu đã cố gắng khơi thêm luồng hàng để phân phối thêm được một số mặt hàng như nước mắm, cá khô, xúp... góp phần thiết thực cải thiện đời sống cán bộ, công nhân viên và nhân dân. Hai bữa ăn chính của các bếp ăn tập thể xung quanh thị xã bước đầu đã được chú ý hơn, phần đông đã được cung cấp đủ 15đ/18đ/tháng. Riêng các bếp ăn ở thị xã và ở các huyện còn gặp nhiều khó khăn.

Tuy nhiên, công tác phân phối bán ra vẫn còn nhiều thiếu sót, nhược điểm. Do các chỉ tiêu thu mua phần lớn không đạt kế hoạch hàng cấp I nên không đều, các mặt hàng thiết yếu lại được giao ít nên ảnh hưởng đến công tác phân phối bán ra.

Một số mặt hàng thiết yếu cho đời sống như rau xanh, chất đốt, nước chấm... vẫn chưa được quan tâm giải quyết một cách căn bản. Do thiếu kiểm tra chặt chẽ, sự phối hợp giữa quan hệ sản xuất và lưu thông chưa ăn khớp nên ngay cả một số mặt hàng công nghiệp sản xuất tại địa phương như bát sứ ăn cơm, thuốc chữa bệnh, giường, bàn ghế... cũng không có bán tại các cửa hàng hoặc có bán cũng rất ít, chưa đáp ứng được nhu cầu đòi hỏi. Phương thức phân phối tuy có cố gắng cải tiến nhưng nói chung còn nhiều khâu chưa khoa học, hợp lý, công bằng. Người mua vẫn còn phải mất nhiều thời gian chờ đợi phiền phức (nhất là trong những ngày

lễ, ngày tết) gây nhiều lãng phí lao động xã hội. Tình trạng hàng không đến tận tay người tiêu dùng vẫn còn xảy ra. Trong khâu ăn uống, phục vụ, ít được chú ý mở mang, cải tiến, các mặt hàng còn nghèo nàn, ít ỏi, sơ sài, chưa đáp ứng được kịp với yêu cầu của xã hội, vệ sinh kém, giá thành đắt. Kho tàng, cửa hàng thiếu, xấu, chật hẹp đã ảnh hưởng đến chất lượng hàng hóa và có nhiều khó khăn trong việc bảo quản.

Do chưa được quan tâm chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, giúp đỡ cho nên các hợp tác xã mua bán nói chung hoạt động rất yếu. Phong trào (nhất là ở xã) rất kém, vì cán bộ vừa thiếu lại quá non kém về mọi mặt, do đó tình trạng thiếu hụt vốn, mất hàng hóa, tham ô, lợi dụng xảy ra khá phổ biến. Hiện nay phần lớn số cơ sở còn hoạt động (đại bộ phận ở vùng thấp và vùng giữa) chỉ làm được một chức năng đại lý bán lẻ một số mặt hàng của ngành nội thương và có thiên hướng về kinh doanh ăn uống. Tính đến cuối năm 1974 có 93/117 cơ sở được tổ chức còn hoạt động. Trong đó loại khá chiếm 32%, loại trung bình chiếm 38%, loại yếu kém chiếm 30%, 25 cơ sở phải đóng cửa vì hết vốn.

- Công tác quản lý kinh tế, đã được tăng cường hơn, bước đầu đã có chuyển biến trong việc thanh toán, thu hồi công nợ, tài sản thất lạc, thanh lý các tài sản, hàng hóa, vật tư ứ đọng... kiểm tra lại các dụng cụ đo lường của các cửa hàng, xử lý một số vụ tham ô, móc ngoặc, hoặc thiếu trách nhiệm để mất mát tem phiếu, hư hỏng tài sản... Song, do chưa duy trì và đẩy mạnh được phong trào cho nên công tác quản lý kinh tế vẫn còn nhiều sơ hở, lỏng lẻo. Các vụ cũ đang xử lý thì một số vụ mới lại phát sinh (có vụ còn nghiêm trọng hơn). Hiện tượng kẻ gian vào kho ăn cắp tài sản, hàng hóa, lương thực hoặc ra bến bãi lấy trộm vật tư, nguyên nhiên liệu của Nhà nước vẫn còn xảy ra.

Tình hình kế toán, tài vụ của một số cơ sở kinh doanh, sản xuất còn dầy dụa, kéo dài thiếu dứt điểm. Hiện tượng chiếm kho, lưu bãi, chiếm dụng vốn của nhau xảy ra còn khá phổ biến.

Công tác tài chính - tiền tệ:

Đã có những cố gắng trong việc đi sát cơ sở để đầu tư vốn cho vay, phát triển sản xuất, hướng dẫn nghiệp vụ quản lý, đào tạo cán bộ kế toán, kiểm tra, giám sát tình hình sử dụng vốn, tuyên truyền phổ biến các chỉ thị văn bản quy định các nguyên tắc, thể lệ, chế độ về thu chi ngân sách đưa dần công tác thu chi vào nguyên tắc chế độ. Công tác điều tra, nghiên cứu các nguồn thu tiềm tàng để thực hiện tăng thu, tận thu, giảm chi, hướng dẫn cơ sở cố gắng phát huy hiệu quả của đồng vốn, uốn nắn những lệch lạc, thiếu sót trong việc vay và sử dụng vốn... cũng đã được tăng cường. Công tác vận động gửi tiền tiết kiệm xung quanh thị trấn, thị xã do có nhiều hình thức tuyên truyền cổ động nên đạt được kết quả khá. Các hợp tác xã tín dụng bước đầu đã được củng cố, số vốn cho vay tuy có giảm về số lượng, kể cả hai khu vực kinh tế tập thể và quốc doanh (vì khi cho vay đã đi vào quy chế chặt chẽ hơn trước). Việc sử dụng đồng vốn nói chung chặt chẽ và phát huy được hiệu quả hơn trước. Tính đến tháng 1-1974, số hợp tác xã tín dụng trong toàn tỉnh có 114 cơ sở, trong đó loại khá chiếm 30%, loại yếu chiếm 70%.

Song so với việc phối hợp, tổ chức chỉ đạo thực hiện giữa các cấp, các ngành có trách nhiệm chưa được chặt chẽ nên thuế công thương nghiệp, thuế nông nghiệp và thuế sát sinh... còn thất thu nhiều. Công tác vận động gửi tiền tiết kiệm ở nông thôn nói chung còn yếu.

Kết quả tổng thu tài chính đạt 101,4%, tổng thu tiền mặt đạt 108,93%, thu tiết kiệm đạt 145,92% so với kế hoạch năm. Tổng chi tài chính bằng 98%. Tổng chi tiền mặt bằng 101,4% so với kế hoạch năm.

Công tác quản lý thị trường - giá cả: Tình hình thị trường đầu năm có nhiều diễn biến phức tạp. Số người bỏ sản xuất ra buôn bán trái phép (kể cả người ở địa phương và người dưới xuôi lên) ngày càng đông, gây nhiều khó khăn cho công tác quản lý thị

trường giá cả, bảo vệ trật tự trị an xã hội, thời gian gần đây, nhất là về cuối năm đã có những chuyển biến tiến bộ. Các ngành có trách nhiệm kết hợp với việc kiểm tra, cấp phát sổ đăng ký kinh doanh mới, đã đưa người không đủ điều kiện, tiêu chuẩn đăng ký kinh doanh trở về sản xuất, bước đầu làm cho tình hình thị trường, giá cả có phần ổn định hơn. Thực hiện Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị, tình hình buôn bán trong các chợ ở thị xã, thị trấn có được kiểm tra, giám sát các mặt hàng do Nhà nước quản lý có được theo dõi, phát hiện, ngăn ngừa được một số vụ tham ô, móc ngoặc, lợi dụng, ăn cắp vật tư, tài sản của Nhà nước, của tập thể và đã xử lý một số vụ.

Sau khi điều chỉnh giá thu mua đậu tương, đã tiến hành điều chỉnh giá thu mua thóc ngoài nghĩa vụ theo hình thức trợ giá, bước đầu đã có tác dụng động viên khuyến khích bà con nông dân xã viên nông nghiệp, tạo điều kiện cho công tác thu mua bước đầu có kết quả.

Tuy vậy, công tác quản lý thị trường, giá cả vẫn còn nhiều mặt yếu. Việc học tập, quán triệt và thực hiện Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị trong các cấp, các ngành, cán bộ cơ sở chưa đồng đều và chưa khẩn trương nên phong trào chuyển biến chưa mạnh, chưa đều. Trong điều kiện hàng hóa của Nhà nước còn có hạn, các ngành hoạt động kinh tế đôi lúc chưa nhạy bén với tình hình thị trường giá cả, đã không đấu tranh kịp thời và kiên quyết với những thủ đoạn đầu cơ, tích trữ của bọn gian thương, làm cho tình hình giá cả thị trường thêm lộn xộn. Tình hình thị trường biên giới cũng có nhiều vấn đề phức tạp, nhưng nhờ có sự cố gắng phối hợp của các ngành có trách nhiệm nên đã hạn chế được một số hiện tượng tiêu cực. Nhưng tình trạng bọn gian thương mang lương thực, trâu, ngựa... vượt biên bán sang Trung Quốc và nhập một số mặt hàng tiêu dùng về lén lút bán trong nội địa vẫn còn xảy ra.

Tỷ số giá cả một số mặt hàng chủ yếu trên thị trường tự do trong năm 1974 so với năm 1973 tăng 9,9%.

Công tác văn xã:

Về giáo dục, phong trào ở vùng thấp đều có sự phát triển cả về số lượng lẫn chất lượng; các ngành học phổ thông, mẫu giáo, võ lòng, bổ túc văn hóa, học tập tại chức (kể cả các lớp đại học và ngoại ngữ) đều được duy trì, có những mặt phát triển. Phong trào thi đua “Hai tốt”, xây dựng các điển hình tiên tiến cũng có những cố gắng nhất định. Việc giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, đào tạo con người mới phát triển toàn diện cũng được duy trì. Nhưng đối chiếu với Nghị quyết 15 của Tỉnh ủy đã đề ra nhằm đẩy mạnh phong trào thi đua “Hai tốt” tăng cường công tác giáo dục tư tưởng chính trị, đẩy mạnh phong trào giáo dục, đặc biệt là khu vực nông thôn, chú trọng công tác bổ túc văn hóa, thanh toán nạn mù chữ ở vùng cao, biên giới... thì vẫn còn nhiều khuyết điểm tồn tại. Sự nghiệp giáo dục ở vùng cao vẫn ở tình trạng trì trệ. Ngành giáo dục vẫn chưa tập trung được sự lãnh đạo, chỉ đạo và thanh toán nạn mù chữ (nhất là nông thôn, vùng cao) rất yếu. Phong trào thi đua “Hai tốt” chưa đồng đều, chưa có chiều sâu, biểu hiện ở chất lượng giáo dục chưa cao, chưa toàn diện. Số lượng học sinh ở vùng cao không phát triển, số học sinh là con em các dân tộc ít người quá ít, ở cấp II và cấp III lại càng ít. Việc thanh toán nạn mù chữ và bổ túc văn hóa làm quá yếu ảnh hưởng không nhỏ tới việc củng cố quan hệ sản xuất nông thôn. Quy chế trong các trường học chưa được chấp hành nghiêm túc đầy đủ. Việc giáo dục và tổ chức lao động ở trong các trường học vẫn còn lúng túng. Việc xây dựng cơ sở vật chất của trường học chưa được đẩy mạnh.

- Công tác văn hóa - thông tin - văn nghệ - báo chí đã cố gắng phục vụ các nhiệm vụ chính trị của địa phương (tuyên truyền cho thắng lợi năm 1973 của quân dân hai miền Nam Bắc; thực hiện kế hoạch nhà nước năm 1974 ở địa phương, tuyên truyền phổ biến các nghị quyết, chính sách của Đảng và Nhà nước, các nghị quyết của địa phương, v.v.). Ngành văn hóa - thông tin đã tiếp tục bồi dưỡng, củng cố các điển hình tiên tiến của ngành để trên

cơ sở đó xây dựng phong trào văn hóa ở địa phương hoạt động văn nghệ cũng bước đầu có kết quả, thu hút được đông đảo người viết phản ánh cuộc sống chiến đấu, lao động sôi nổi của địa phương. Công tác sưu tập vốn văn học dân tộc cũng đã thu được một số kết quả bước đầu. Mặc dù có nhiều khó khăn nhưng tờ báo của địa phương vẫn ra được đều đặn theo định kỳ bằng hai thứ chữ (tiếng phổ thông và tiếng Mèo). Nội dung phản ánh trên báo cũng đã được nâng lên, phục vụ kịp thời các yêu cầu của nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Tuy vậy, việc xây dựng nếp sống văn minh, cải tạo phong tục tập quán lạc hậu làm còn yếu, không duy trì được thường xuyên, chưa có chiều sâu. Việc xây dựng con người và nếp sống mới xã hội chủ nghĩa chưa làm được bao nhiêu. Phong trào thông tin - văn hóa ở vùng cao, biên giới tuy có một số cố gắng thực sự đi vào hoạt động, có một số điển hình tốt ở vùng cao nhưng nhìn chung phong trào toàn tỉnh vẫn còn yếu. Một số bộ phận chưa được củng cố, nhất là mạng lưới thông tin văn hóa cơ sở nên chưa đáp ứng được các yêu cầu của tình hình hoạt động thông tin - văn nghệ, báo chí trong việc ca ngợi biểu dương gương tốt đồng thời phê phán, lên án những hiện tượng tiêu cực trong xã hội cũng còn hạn chế, chưa nhạy bén và kịp thời.

- Công tác y tế nhìn chung, một số mặt có chuyển biến bước đầu. Công tác phòng bệnh, phòng dịch đã được tăng cường. Các bệnh truyền nhiễm (sởi, lỵ, cúm, hội chứng não cấp tính...) đã được ngăn chặn. Việc điều tra điển hình về bệnh tật, sức khỏe, môi trường sống đạt kết quả tốt. Một số quy chế trong các bệnh viện được phục hồi và duy trì. Tuy vậy công tác y tế vẫn còn nhiều tồn tại, khuyết điểm. Công tác quản lý (bệnh viện, dược phẩm) vẫn lỏng lẻo; việc lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra chặt chẽ thường xuyên ý thức chấp hành của cán bộ nhân viên ngành y tế ở một số cơ sở chưa cao. Do đó trong việc chữa bệnh và bán thuốc phục vụ nhân dân và cán bộ ở nhiều nơi còn thiếu sót. Việc kết hợp Đông - Tây y

chưa được đẩy mạnh, việc chế biến thuốc men dùng dược liệu địa phương để chữa bệnh chưa được rộng rãi và đi vào nền nếp.

- Công tác bảo vệ bà mẹ và trẻ em, Tỉnh ủy đã xác định: Căn cứ vào tình hình cụ thể của tỉnh cần tập trung chủ yếu vào việc vận động, tổ chức tốt các nhà trẻ đồng thời vận động sinh đẻ có kế hoạch. Năm 1974, công tác nuôi dạy trẻ đã đạt một số kết quả như xây dựng nhà trẻ liên cơ, nhà trẻ thực hành, tổ chức đại hội các cô nuôi dạy trẻ xuất sắc toàn tỉnh, huấn luyện các cô nuôi dạy trẻ... Công tác vận động sinh đẻ có kế hoạch cũng được duy trì ở những nơi đông người (cơ quan, công - nông - lâm trường, xí nghiệp, thị xã, thị trấn).

Tuy vậy, công tác nhà trẻ và vận động sinh đẻ có kế hoạch còn đạt thấp. Công tác nhà trẻ ở nhiều nơi đạt quá thấp (nông thôn, cơ sở công nghiệp tập trung...). Cơ sở vật chất và chất lượng phục vụ của nhà trẻ chưa được chú ý thích đáng. Việc vận động sinh đẻ có kế hoạch cần tăng cường tuyên truyền sâu rộng, có biện pháp thích hợp và cần đề cao vị trí, trách nhiệm vận động của các tổ chức quần chúng ở cơ sở.

- Công tác thể dục thể thao cũng đã chú ý đến việc xây dựng phong trào ở cơ sở. Phong trào ở quân đội, thanh niên xung phong, ở công trường, xí nghiệp, trường học phát triển tương đối khá. Công tác thể dục thể thao đã góp phần vào việc rèn luyện và tăng cường sức khỏe, tạo ra không khí vui trẻ, hăng hái lao động, công tác, học tập trong cán bộ và nhân dân, nhất là thanh niên, học sinh. Nhưng phong trào phát triển không đều, thể dục chữa bệnh không được chú ý (tất cả các bệnh viện và viện điều dưỡng đều chưa nghiên cứu đưa thể dục vào trong công tác điều trị). Công tác thể dục thể thao kết hợp với quốc phòng chưa được chú ý đầy đủ. Trong thi đấu cần tăng cường giáo dục đạo đức xã hội chủ nghĩa. Trong xây dựng phong trào cần chú ý phát huy vốn thể thao dân tộc và có hình thức tổ chức phối hợp từng vùng, từng dân tộc.

II. CÔNG TÁC TRỊ AN - QUÂN SỰ, BẢO VỆ NỘI ĐỊA VÀ BIÊN GIỚI

Về công tác trị an bảo vệ nội địa, biên giới vẫn được giữ vững. Hoạt động của bọn phản cách mạng nói chung không có vấn đề mới so với năm 1973. Luận điệu phản tuyên truyền cũng không có gì đáng kể. Ở vùng biên giới ta thường hay nhặt được truyền đơn từ phía Trung Quốc lạc sang ta, nội dung tuyên truyền chống Mao Chủ tịch.

Hiện tượng lấn đất xâm canh, xâm cư ở biên giới vẫn tồn tại, tiếp diễn. Tỉnh ủy đã tiến hành kiểm tra khảo sát, nắm tình hình biên giới về mọi mặt và đã có báo cáo đề xuất với Trung ương về việc xây dựng và bảo vệ biên giới ở Lào Cai. Việc buôn lậu hàng xa xỉ phẩm giảm xuống, nhưng năm 1974 lại nổi lên những vụ buôn vàng, tiền Quan kim, thuốc phiện một cách có tổ chức. Vấn đề này đã nghiên cứu điều tra nhưng chưa truy tìm được tận gốc, hiện tượng đánh bạc còn xảy ra ở nhiều nơi.

Việc giáo dục thiếu nhi làm chưa đầy đủ nên số trẻ em hư thường tụ tập chen lấn, ăn cắp ở những nơi đông người. Một số tệ nạn khác (nghiện hút, buôn bán gian lận, mê tín, dị đoan) vẫn còn tồn tại, gây ảnh hưởng xấu nhưng ta vẫn chưa có sự phối hợp giải quyết một cách tích cực, kịp thời. Vụ một công nhân miền Nam khinh suất bắn chết một em bé người dân tộc, sau đó một số đồng người dân tộc đến tận cơ quan bắn giết chết người công nhân đó đã gây ra sự phản ứng của hàng trăm người miền Nam đang làm việc ở Lào Cai và làm cho kẻ xấu lợi dụng kích động. Ta đã có chủ trương đúng và ngăn chặn không để xảy ra lộn xộn.

Việc triển khai thực hiện Nghị quyết 228 của Trung ương đã có tác dụng tốt, góp phần vào việc tăng cường quản lý kinh tế, quản lý xã hội, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa. Một số vụ làm ăn phi pháp được phát hiện ngăn chặn, ý thức cán bộ, công nhân viên và nhân dân đã được nâng lên, đang tạo ra một dư luận xã hội lên án

nghiêm khắc những hành vi phi pháp. Tuy nhiên, việc thực hiện ở nhiều cơ sở chưa khẩn trương; việc phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, các cấp, các ngành với nhau cũng như việc kết hợp nội dung và chương trình, bước đi của việc tiến hành quán triệt Nghị quyết 22, Nghị quyết 228, Chỉ thị 192 ở nhiều cơ sở thiếu gắn bó, ăn khớp nhau, thường là tách rời, làm vấn đề gì chỉ biết vấn đề ấy. Do đó kết quả đạt được chưa cao, chưa đều, phong trào chuyển biến chưa toàn diện, chưa mạnh mẽ, chưa đạt yêu cầu và còn rất nhiều hạn chế. Các vấn đề phát hiện ra thì nhiều nhưng xác minh kết luận và giải quyết thiếu khẩn trương và chưa tập trung vào vấn đề cơ bản, chủ yếu. Việc sửa chữa còn chậm, dây dưa, thiếu dứt điểm; làm cho quần chúng thiếu tin tưởng.

Công tác quân sự, kể cả lực lượng dân quân tự vệ và bộ đội thường trực đều có những tiến bộ về các mặt tổ chức, giáo dục, tư tưởng, huấn luyện, trang bị. Trong chỉ đạo đã chú ý tới một số vùng xung yếu. Công tác hậu phương quân đội cũng đã có nhiều cố gắng, việc khắc phục các thiếu sót, khuyết điểm trong việc thực hiện các chế độ, chính sách đã có chuyển biến tiến bộ.

Tuy vậy, công tác xây dựng, củng cố dân quân tự vệ còn làm chưa mạnh, chất lượng chưa cao, nhiều nơi thiếu nòng cốt. Công tác tuyển quân chưa chủ động, chưa giáo dục một cách thường xuyên, tư tưởng hòa bình xuất hiện, công tác động viên tuyển quân chưa thực hiện được công bằng giữa các vùng, các dân tộc. Việc chấp hành chính sách hậu phương quân đội cũng còn nhiều thiếu sót.

Công tác xét xử còn làm chậm, một số vụ án còn tồn đọng lâu. Các đảng đoàn chưa thực sự quan tâm giải quyết những thắc mắc, khiếu tố của quần chúng, nhân dân nên việc giải quyết không đến nơi đến chốn, kéo dài làm ảnh hưởng đến lòng tin của quần chúng đối với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Tóm lại, về công tác trị an - quốc phòng tuy đạt được một số kết quả, nhưng cũng còn bộc lộ một số thiếu sót, tồn tại; nắm tình

hình và trấn áp những kẻ chống đối, phạm pháp còn làm chậm, giải quyết một số hiện tượng tiêu cực, làm mất trật tự an ninh chưa mạnh và chưa liên tục; bảo vệ biên giới còn nhiều sơ hở. Lực lượng dân quân tự vệ, công an chưa được củng cố mạnh. Công tác vận động tuyên quân và chấp hành chính sách hậu phương ở cơ sở làm còn yếu.

III. CÔNG TÁC CHÍNH QUYỀN VÀ CÁC ĐOÀN THỂ QUÂN CHÚNG

1. Công tác chính quyền đã được củng cố và cải tiến một bước về lề lối làm việc. Công tác bầu cử Hội đồng nhân dân được tiến hành nghiêm túc, đúng pháp luật, cấp ủy và các cấp đã chú ý đến việc củng cố xây dựng chính quyền và hướng công tác chính quyền vào việc đi sâu sát cơ sở phục vụ cho việc thực hiện kế hoạch nhà nước một cách cân đối và toàn diện. Tuy vậy, chính quyền ở các cấp huyện và xã còn nhiều mặt non yếu, nhất là ở cấp xã, vùng cao, biên giới nhiều nơi chưa thể hiện được chức năng của Nhà nước chuyên chính vô sản ở địa phương, chưa tự đảm đương được nhiệm vụ; pháp chế xã hội chủ nghĩa chưa được duy trì và chấp hành một cách nghiêm chỉnh. Cơ cấu chính quyền và một số ngành ban chưa được chấn chỉnh, củng cố phù hợp với tình hình, nhiệm vụ mới.

2. Công tác vận động quần chúng

- Công tác Mặt trận trong năm qua đã tập trung thực hiện mũi nhọn tiến công về củng cố tổ chức, cải tiến lề lối làm việc, ở một số nơi đã xây dựng “rừng cấm” của làng mang tên Thủ Dầu Một. Thông qua các đợt sinh hoạt chính trị, tư tưởng, Mặt trận đã động viên nhân dân các dân tộc trong tỉnh hăng hái tham gia phong trào lao động sản xuất, tích cực thực hiện kế hoạch nhà nước, cần kiệm xây dựng đất nước, vận động toàn dân chăm sóc, giáo dục thiếu niên nhi đồng, vận động nhân dân chấp hành các chính sách,

tham gia xây dựng củng cố chính quyền, xây dựng nếp sống mới, con người mới. Đã tiến hành tổng kết phong trào Phụ lão “3 giỏi” nhằm động viên phát huy vai trò của tổ chức Phụ lão góp phần thúc đẩy sản xuất, vận động trồng cây bảo vệ rừng, động viên tuyển quân và đang tiến hành tổng kết khen thưởng thành tích 8 năm chống chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ (1965 - 1972), 4 huyện, thị xã đã tiến hành đại hội Mặt trận và 49 ban mặt trận ở cơ sở (chiếm 37%) đã được củng cố, chấn chỉnh lại.

Tuy nhiên, công tác Mặt trận cũng còn một số mặt hoạt động yếu, nhất là chưa nhân điển hình tốt để mở rộng diện kịp thời, công tác vận động phong trào cải tạo phong tục tập quán lạc hậu làm còn yếu, công tác vận động giáo dục Hoa kiều, giáo dân cũng chưa được quan tâm thường xuyên.

Các tổ chức Thanh niên, Phụ nữ, Công đoàn đã có nhiều cố gắng trong việc giáo dục chính trị tư tưởng cho đoàn viên, hội viên, nhất là sau Đại hội Phụ nữ, Công đoàn, hội nghị đại biểu Đoàn Thanh niên Lao động Hồ Chí Minh toàn quốc đã làm cho mọi người phấn khởi, tự hào, quán triệt và nâng cao nhận thức về tình hình nhiệm vụ mới, đẩy mạnh hoàn thành ba nghĩa vụ lớn, thực hiện thắng lợi các nghị quyết của Trung ương và Tỉnh ủy.

Trong Thanh niên đã đẩy mạnh phong trào “Ba sẵn sàng”, xung phong tình nguyện vượt mức kế hoạch, tiếp tục duy trì và phát triển các phong trào hoạt động như: nhận công trình, phân việc thanh niên quản lý; tổ chức đội thanh niên xung kích, đội thanh niên kiểm tra (trên các công trường, xí nghiệp trong năm qua Đoàn đã nhận 45 công trình lớn nhỏ, thu hút hàng ngàn thanh niên phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch). Ở khu vực nông thôn, đoàn viên và thanh niên vẫn phát huy được vai trò nòng cốt trong phong trào làm thủy lợi, phân bón, làm ruộng cao sản...

Công tác giáo dục thiếu niên nhi đồng vẫn được quan tâm chỉ đạo. Chất lượng học tập, tinh thần lao động và đạo đức của học sinh các cấp ở một số nơi đã có tiến bộ mới. Đã tổ chức Đại

hội cháu ngoan Bác Hồ từ cơ sở lên tỉnh và tổ chức hội nghị toàn dân tham gia chăm sóc giáo dục thiếu niên, nhi đồng ở tỉnh trong dịp nghỉ hè nhằm động viên thiếu nhi tiếp tục đẩy mạnh phong trào làm nghìn việc tốt, thực hiện 5 điều Bác Hồ dạy thiếu niên nhi đồng.

Tuy nhiên phong trào thanh niên, thiếu niên, nhi đồng và hoạt động của Đoàn, của Đội cũng chưa đều, tổ chức Đoàn ở cơ sở, nhất là ở vùng cao còn nhiều nơi rất yếu. Công tác giáo dục và học tập trong Thanh niên chưa được toàn diện, nhất là học trong việc xây dựng nếp sống văn minh, phong cách con người mới xã hội chủ nghĩa. Các ngành, các cấp so với trước đã chú ý nhiều đến việc chăm sóc, giáo dục thiếu niên - nhi đồng, nhưng từng nơi, từng lúc chưa có sự giáo dục, quan tâm đúng mức trong việc giải quyết vấn đề tổ chức vui chơi, phân phối các mặt hàng hóa cần thiết cho các cháu. Việc kết hợp giữa nhà trường, các đoàn thể và gia đình trong việc giáo dục thiếu nhi cũng chưa chặt chẽ.

- Trong Phụ nữ, ngoài việc động viên chị em làm nòng cốt phong trào sản xuất công tác, đã quan tâm chỉ đạo công tác phúc lợi, vận động sinh đẻ có kế hoạch, xây dựng gia đình xã hội chủ nghĩa. Tổ chức Hội cũng được củng cố thêm một bước, đã tổ chức Đại hội Phụ nữ toàn tỉnh để tổng kết phong trào “ba đảm đang” và phát động phong trào thi đua “giỏi việc nước đảm việc nhà, phấn đấu thực hiện nam nữ bình đẳng”.

Tuy vậy, nhìn chung phong trào Phụ nữ hoạt động chưa đều, ở vùng cao và nơi xa xôi hẻo lánh sự hoạt động còn rất yếu. Phong trào xây dựng nhà trẻ, mẫu giáo ở nông thôn chưa được quan tâm đúng mức. Việc giáo dục ý thức hội viên và vai trò của người phụ nữ trong giai đoạn mới chưa được chú ý chỉ đạo cụ thể, chưa phát huy tác dụng và nhân điển hình kịp thời.

- Về Công đoàn, qua các đợt sinh hoạt chính trị và vận động thực hiện Nghị quyết 22 của Trung ương, Nghị quyết 46 của Hội đồng Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Tổng Công đoàn và các nghị

quyết của Tỉnh ủy, đã tiếp tục giáo dục, động viên cán bộ công nhân viên quán triệt nhiệm vụ chính trị của cả nước và của địa phương, nâng cao nhận thức về vai trò, chức năng của mình trong giai đoạn mới, nhờ vậy phong trào thi đua đã được thường xuyên phát động, giữ vững và ngày càng đi vào nội dung kinh tế, xây dựng phong trào, củng cố tổ chức, nhiều đơn vị đã phát động được khí thế sôi nổi thi đua, đạt được ngày công và năng suất lao động cao hơn trước, một số xí nghiệp đã hoàn thành vượt mức kế hoạch về sản lượng và thời gian (Mỏ apatít, nhà máy điện...).

Tuy nhiên, phong trào công nhân viên chức và hoạt động của Công đoàn chưa được đồng đều, mạnh mẽ và liên tục. Công tác tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế của Công đoàn có nơi vẫn còn yếu. Việc tổ chức đời sống trong cán bộ công nhân viên chức ở các cơ quan, xí nghiệp còn có nhiều khó khăn. Việc lãnh đạo, chỉ đạo của tổ chức Công đoàn các cấp, nói chung chưa thật sâu sát và còn nhiều khuyết điểm tồn tại.

IV. CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG

Công tác chính trị tư tưởng đã tập trung vào việc mở đợt sinh hoạt chính trị, nhằm tuyên truyền giáo dục sâu rộng trong Đảng và quần chúng, quán triệt và đảm bảo chấp hành Nghị quyết 22 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết 195, 225, 228 của Bộ Chính trị; Chỉ thị 192, 205, 208, 209 của Ban Bí thư và các chỉ thị, nghị quyết khác của Trung ương Đảng và Chính phủ, công tác tư tưởng chính trị đã bám sát các nghị quyết của Tỉnh ủy và tình hình thực tế của địa phương nên đã có nội dung thiết thực phù hợp với các đối tượng. Các đợt sinh hoạt, học tập thời sự chính sách, kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm đều tập trung vào các nhiệm vụ đấu tranh giữa hai con đường, củng cố quan hệ sản xuất, khôi phục xây dựng và phát triển kinh tế - văn hóa, tăng cường quản lý về mọi mặt, xây dựng chế độ mới, nếp sống mới.

Công tác chính trị tư tưởng đã cố gắng giáo dục làm tròn ba nghĩa vụ lớn đồng thời với việc phê phán nghiêm khắc nhằm khắc phục từng bước tư tưởng cầu an, ngại khó, hoài nghi, thiếu tự tin vào việc thực hiện các nhiệm vụ công tác của địa phương, cơ quan, đơn vị. Ở từng nơi, tuy mức độ khác nhau nhưng đều có sự chuyển biến, tiến bộ, các mặt công tác đều có được nâng lên một bước.

Công tác giáo dục lý luận cơ bản cũng đã đạt một số kết quả. Ngoài việc bồi dưỡng cho số cán bộ đi làm nhiệm vụ thực hiện Chỉ thị 192, năm qua đã có 7 Đảng bộ mở được 12 lớp theo 2 chương trình cơ sở và sơ cấp cho 326 đảng viên (hình thức tại chức). Ở trường Đảng tỉnh cũng đã mở được 5 lớp cho đảng viên là cán bộ cơ sở ở các ngành, các huyện, thị (153 học viên = 61% kế hoạch).

Tuy nhiên, công tác chính trị tư tưởng vẫn còn bộc lộ những mặt yếu. Việc đấu tranh giữa hai con đường chưa được giáo dục một cách mạnh mẽ thường xuyên. Việc giáo dục nếp sống văn minh, đạo đức xã hội chủ nghĩa, cải tạo những tập tục lạc hậu, những thói hư tật xấu chưa làm được thường xuyên, liên tục, sâu sắc. Việc đấu tranh phê bình và tự phê bình có được chú ý hơn nhưng việc sửa chữa khuyết điểm chưa có sự phấn đấu cao, còn dầy dụa, kéo dài. Tình trạng mất đoàn kết còn tồn tại ở nhiều nơi, có chỗ vẫn phát triển, kéo dài gây tổn thất không nhỏ đến uy tín của Đảng ở cơ sở và gây ảnh hưởng xấu đến công tác.

Việc giáo dục lý luận cơ bản cho đảng viên làm còn chậm, số lượng đạt rất thấp. Việc học tập của đảng viên cơ sở, nông thôn còn quá yếu. Công tác chiêu sinh ở trường Đảng tỉnh, huyện vẫn còn nhiều khó khăn, lúng túng. Việc tổ chức học tập lý luận tại chức còn bị coi nhẹ. Các cấp ủy đảng tỉnh đến cơ sở chưa có sự lãnh đạo chặt chẽ, thường xuyên, các ban chuyên môn của Đảng chưa làm tốt chức trách của mình để làm tham mưu giúp cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo việc học tập lý luận tại chức cho Đảng bộ. Do đó việc học tập lý luận cơ bản của đảng viên ở Đảng bộ ta chưa thành phong trào.

Công tác tổ chức và kiểm tra, trong năm qua cũng đã tập trung vào việc kiện toàn củng cố các cơ sở đảng, trong Đảng bộ bằng việc đồng thời thực hiện các Nghị quyết 195, 225 và Chỉ thị 192. Công tác tổ chức bộ máy và quản lý nội bộ đã cố gắng để đáp ứng các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Một số tổ chức mới đã được thành lập. Một số ty, ban, ngành đã được tăng cường, củng cố thêm một bước nhằm đáp ứng các yêu cầu của tình hình công tác. Việc điều chuyển cán bộ phục vụ cho các mặt công tác ở địa phương và theo yêu cầu của nhiệm vụ chung (do Trung ương điều) vẫn được tiến hành thường xuyên. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cũng đã có những kết quả tốt, ngoài việc cử cán bộ đi học các trường lớp ở Trung ương, tỉnh đã mở rộng hệ thống các trường phổ thông lao động, bổ túc văn hóa và chuyên môn nghiệp vụ, đại học tại chức (công - nông nghiệp, kinh tế kế hoạch, ngoại ngữ). Việc chấp hành chế độ, chính sách đối với cán bộ vẫn được chú ý thường xuyên.

Việc thực hiện Chỉ thị 192 cho tới nay đã và đang tiến hành ở 176 tổ chức cơ sở (50,42% so với tổng số cơ sở đảng phải thực hiện, bằng 65,8% tổng số đảng viên trong tỉnh). Lãnh đạo của Ban Chấp hành và Ban Thường vụ tỉnh cũng đều có sự tập trung, chú ý tăng cường lực lượng và thường xuyên theo dõi, kiểm tra chặt chẽ. Nhìn chung việc tiến hành ở các cơ sở đảm bảo đúng phương châm chính sách trong việc xem xét và xử lý đảng viên thuộc từng loại. Qua giáo dục, bồi dưỡng và qua thực hiện Chỉ thị 192 nói chung chất lượng đảng viên có được nâng cao một phần, đội ngũ đảng viên vững mạnh hơn lên. Tuy vậy tiến độ thực hiện Chỉ thị 192 ở nhiều cơ sở thiếu khẩn trương, chưa đảm bảo thời gian từng bước đi theo kế hoạch chỉ đạo. Việc kết hợp với các mặt công tác khác (Nghị quyết 22, 228 và Chỉ thị 192) ở nhiều cơ sở nói chung làm chậm, thiếu dứt điểm, vấn đề sinh hoạt nội bộ còn nhiều hiện tượng buông lỏng, nhất là nông thôn, vùng cao; sinh hoạt chi bộ không đều, thiếu nghiêm túc, nội dung tản mạn, không thiết thực, ở một số nơi đã làm Chỉ thị 192,

nhưng chế độ sinh hoạt vẫn còn lỏng lẻo, phong trào chưa có sự chuyển biến đáng kể. Tình hình mất đoàn kết ở một số cơ sở vẫn chưa được khắc phục, hạn chế nhiều đến việc lãnh đạo của Đảng ở cơ sở. Trong lãnh đạo, chỉ đạo chưa gắn được nhiệm vụ trung tâm trước mắt và các nhiệm vụ thường xuyên, chưa gắn việc giáo dục xây dựng, sử dụng con người với việc giáo dục, xây dựng tổ chức. Công tác cán bộ ở một số ty, ban, ngành cơ sở chưa có quy hoạch cụ thể, chưa toàn diện, cân đối, một số nơi chưa được chấn chỉnh, củng cố phù hợp với tình hình nhiệm vụ mới. Số đảng bộ cơ sở thuộc diện chưa tốt và kém còn nhiều (54% chưa tốt, 26% kém). Tỷ lệ đảng viên so với dân số còn thấp (3,1%), riêng nông thôn mới có 1,4% và còn tới 26% số tổ, đội sản xuất trong các hợp tác xã chưa có đảng viên. Công tác phát triển Đảng đạt rất thấp (cả năm chỉ kết nạp 60 đảng viên) trong khi đó số đảng viên bị thi hành kỷ luật (bao gồm cả xử trí trong khi thực hiện Chỉ thị 192) tăng lên. Tổng số đảng viên phải thi hành kỷ luật là (...) đồng chí, chia ra như sau: khiển trách 26, cảnh cáo 58, cách chức 8, lưu Đảng 55, khai trừ 166; đưa ra khỏi Đảng bằng các hình thức khác 81.

Công tác xử lý kỷ luật đảng viên, cán bộ cũng còn có trường hợp chưa dứt điểm. Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở những nơi đã làm Chỉ thị 192 chưa kịp thời; chưa cân đối nên đã hạn chế việc phát huy thành tích, đẩy mạnh phong trào tiến lên. Việc quản lý giáo dục, sử dụng cán bộ (nhất là cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ dân tộc) cũng còn những khâu yếu chưa động viên được cán bộ, công nhân viên an tâm, phấn khởi, làm hết sức mình đóng góp một cách có hiệu quả cao vào việc phát triển kinh tế - văn hóa ở địa phương.

NHẬN XÉT CHUNG

Nghiêm chỉnh chấp hành Nghị quyết 22 của Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết 195, 225, 228 của Bộ Chính trị và các chỉ thị của Ban Bí thư, trong năm qua Đảng bộ Lào Cai đã cố gắng

khắc phục các khó khăn đưa phong trào mọi mặt tiếp tục chuyển biến tiến bộ, đã đạt những thắng lợi đáng kể. Những nghị quyết 14, 15, 16, 17, 18, 19 của Tỉnh ủy đã được đề ra là rất đúng đắn, nó thể hiện sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Tỉnh ủy, thể hiện tinh thần đoàn kết, phấn đấu vươn lên trong giai đoạn cách mạng mới của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Do đó tình hình mọi mặt ở trong tỉnh đang trên đà chuyển biến đi lên. Việc thực hiện kế hoạch nhà nước mặc dù là ở vùng cao gặp thiên tai gây ra một số khó khăn hoặc do những nguyên nhân khách quan khác nhưng trên nhiều mặt trong sản xuất nông - lâm nghiệp, công nghiệp, lưu thông phân phối, văn hóa - xã hội đều có tăng hơn trước. Công tác quản lý kinh tế, quản lý nhà nước, quản lý xã hội được chấn chỉnh nhằm khắc phục dần những hiện tượng buông lỏng, giáo dục, lên án và nghiêm khắc xử lý các hiện tượng tiêu cực trong công tác, sản xuất và đời sống. Ý thức giác ngộ của đảng viên và quần chúng được nâng lên. Phong trào thi đua yêu nước đang trên đà phát triển. Công tác củng cố xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng được tiếp tục đẩy mạnh, các hoạt động đã có những tiến bộ từng bước. Công tác cán bộ hướng vào việc thực hiện Nghị quyết 225 của Bộ Chính trị, việc quy hoạch cán bộ đã được tiến hành từng bước. Đồng thời đã chú ý kiện toàn lãnh đạo và tổ chức bộ máy một số ngành ở tỉnh và huyện. Công tác trật tự an ninh địa phương được đảm bảo, nói chung không xảy ra sự việc gì lớn đáng kể. Việc thực hiện Nghị quyết 228 cũng đã thu được những kết quả bước đầu.

Nhưng Tỉnh ủy cũng thống nhất đánh giá rằng phong trào mọi mặt ở trong tỉnh cũng còn những tồn tại, những khuyết, nhược điểm cần phải ra sức sửa chữa, khắc phục.

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng của Đảng bộ làm còn yếu, nhiệt tình cách mạng, tinh thần phấn đấu hy sinh của đảng viên, cán bộ chưa được phát huy. Việc đấu tranh giữa hai con đường chưa mạnh, chưa liên tục, sâu sắc, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa

chưa được củng cố. Việc giáo dục nghĩa vụ đóng góp và làm nghĩa vụ quân sự chưa mạnh. Vì vậy, tư tưởng làm ăn cá thể, vun vén cá nhân, tư lợi phát triển. Động viên sức người, sức của còn gặp nhiều khó khăn, chưa đáp ứng được yêu cầu đòi hỏi. Một số tệ tục lạc hậu (ma chay, cưới xin, cúng bái, nghiện hút thuốc phiện) đã và đang tái diễn, nhưng việc giáo dục làm còn yếu. Nhiều cơ sở kinh tế quốc doanh việc quản lý kinh tế vẫn còn sơ hở, lỏng lẻo, năng suất lao động chưa cao, tình trạng tham ô, lãng phí của công vẫn còn tồn tại. Ở khu vực kinh tế tập thể hợp tác xã nông nghiệp, tuy có một số điển hình tốt nhưng phong trào nói chung vẫn chưa đồng đều, nhiều nơi (nhất là vùng cao) vẫn còn khó khăn tồn tại, lúng túng, dậm chân tại chỗ. Việc làm ăn riêng lẻ, phi pháp vẫn chưa ngăn chặn được một cách tích cực, đồng bộ. Việc chỉ đạo đẩy mạnh các cây, con trong nông nghiệp, các phương hướng sản xuất trong công nghiệp vẫn còn hiện tượng tản mạn, tham lam. Vì vậy trong nông, lâm nghiệp, các cây, con có thể mạnh chưa được phát triển mạnh mẽ, vẫn dễ rừng và nghề rừng chưa được đẩy mạnh đúng mức.

Trong công nghiệp thì thủ công nghiệp còn bị xem nhẹ, sản xuất công nghiệp nói chung chưa được tập trung phục vụ và ăn khớp với nông - lâm nghiệp.

Công tác xây dựng cơ bản, xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật trong nông - lâm nghiệp trong nông thôn, nhất là vùng cao (một phần do vốn có hạn, lao động và vật tư thiếu) làm chưa được bao nhiêu. Do đó chưa tạo điều kiện để phát triển sản xuất nhanh, mạnh. Công tác lưu thông phân phối cũng còn nhiều sơ hở, thiếu sót, chưa đáp ứng được yêu cầu của sản xuất và đời sống.

Trong chỉ đạo đời sống có những việc đã đề ra chủ trương, nhưng thực hiện còn chậm chạp, thiếu biện pháp cụ thể nên chưa đem lại kết quả rõ rệt (than, củi, rau xanh, nước ăn vùng cao, vệ sinh công cộng ở thị xã, thị trấn).

Trong công tác trị an - quốc phòng: Nhận thức về kinh tế kết hợp với quốc phòng trong các cấp, các ngành chưa được thấm

nhuần sâu sắc. Do đó hiện tượng chủ quan, mất cảnh giác còn xảy ra nhiều. Về việc giải quyết các hiện tượng tiêu cực trong đời sống kinh tế và xã hội, có nhiều trường hợp còn thể hiện hữu khuynh, thiếu kịp thời, thiếu trọng tâm, trọng điểm. Công tác xét xử, trưng trị, trấn áp vẫn còn một số vụ chậm chạp.

Công tác văn hóa - xã hội còn nhiều khâu yếu, có nơi bị sút kém, chưa đáp ứng kịp yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế. Đáng chú ý là nạn mù chữ trong nông thôn còn lớn, cán bộ xã, hợp tác xã, đảng viên, đoàn viên cũng còn nhiều người mù chữ (toàn tỉnh còn khoảng 4 vạn người mù chữ).

Công tác xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng thì việc củng cố các tổ chức cơ sở chưa được coi trọng đúng mức, thiếu chủ trương, biện pháp cụ thể. Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên ở cơ sở xã, hợp tác xã làm chưa tích cực. Công tác tổ chức cán bộ có lúc thiếu kịp thời, thiếu đi liền với khi đề ra nhiệm vụ chính trị. Công tác phát triển Đảng bị coi nhẹ. Công tác dân vận, các đoàn thể quần chúng cũng chưa được đẩy mạnh. Hiện tượng hẹp hòi, bảo thủ, định kiến trong công tác tổ chức cán bộ và mất đoàn kết nội bộ trong một số ngành vẫn còn xảy ra chưa được kiên quyết giải quyết dứt điểm. Việc thực hiện Nghị quyết 225 của Bộ Chính trị nói chung chưa thật mạnh mẽ.

Nguyên nhân của những tồn tại nói trên:

Ngoài những nguyên nhân do khó khăn khách quan chưa thể khắc phục nhanh chóng thì về phía chủ quan của công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện có những khuyết điểm, thiếu sót. Một số khuyết điểm chính đã thể hiện là: Có những chủ trương, phương hướng đã có nghị quyết nhưng chưa được cụ thể hóa bằng các chỉ tiêu, biện pháp của chính quyền, đoàn thể, của các cấp, các ngành để thực hiện; có việc còn thiếu chỉ đạo tập trung, dứt điểm, có lúc, có việc thiếu kiểm tra, đôn đốc chặt chẽ. Một số ngành nội bộ mất đoàn kết, thiếu tinh thần cách mạng tiến công, thiếu lo

lắng đến công tác chung. Nhìn chung, chức năng nhiệm vụ của các ban, các ngành chưa được phát huy đầy đủ, thậm chí còn thiếu tinh thần trách nhiệm. Việc thực hiện nội dung ba cuộc cách mạng cũng có lúc coi nhẹ mặt này, lúc coi nhẹ mặt khác, thiếu nhịp nhàng, gắn bó với nhau. Việc quan tâm đối với vùng cao còn kém, chưa coi trọng tăng cường mọi mặt đối với vùng cao. Đáng chú ý là tư tưởng cá thể, vun vén cá nhân, ngại gian khổ, sợ khó khăn, ngại xuống cơ sở... trong cán bộ, đảng viên (kể cả trong lãnh đạo), còn phổ biến. Tư tưởng hành chính cung cấp, cách làm ăn của người sản xuất nhỏ, thiếu tính toán có căn cứ khoa học, thiếu nghiên cứu điều tra và chuẩn bị điều kiện đầy đủ mỗi khi đề ra kế hoạch trong kinh tế còn thiếu nặng nề. Tình hình cơ sở nhất là cơ sở nông thôn vùng cao chưa được củng cố vững mạnh, trình độ mọi mặt của cán bộ xã, hợp tác xã còn quá yếu, chưa đào tạo, bồi dưỡng được tốt.

Bước vào năm 1975 với những sự kiện chính trị cực kỳ quan trọng, với tinh thần phấn đấu, tiếp tục thực hiện thắng lợi Nghị quyết 22 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết 195, 225, 228 của Bộ Chính trị và triển khai quán triệt thực hiện Nghị quyết 23 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ nhất trí nhận định rằng: Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Lào Cai nhất định sẽ phấn đấu sửa chữa khuyết điểm, đẩy mạnh các mặt công tác, vươn lên lập thành tích kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm 1975 một cách thật xứng đáng để đưa phong trào tỉnh Lào Cai tiến lên mạnh mẽ, đáp ứng yêu cầu của cách mạng trong giai đoạn mới.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ

NÔNG CÔNG THƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

DỰ THẢO BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số DT/BC, ngày 30-4-1975

**Về kiểm điểm tình hình công tác tư tưởng và
phương hướng, nhiệm vụ biện pháp công tác tư tưởng
để thực hiện Nghị quyết 22, 23 của Ban Chấp hành
Trung ương Đảng
(từ Đại hội V đến tháng 3-1975)**

Từ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V lại đây, Trung ương Đảng đã có nhiều nghị quyết lớn như 19, 20, 21, 22 và gần đây có Nghị quyết 23. Ban Chấp hành Tỉnh ủy có khá nhiều nghị quyết, chỉ thị lớn trên các lĩnh vực để thực hiện Nghị quyết Trung ương Đảng bằng các nghị quyết cụ thể từ Nghị quyết 7 đến Nghị quyết 17 và có Nghị quyết 10 của Ban Thường vụ đã chỉ ra phương hướng công tác tư tưởng của Đảng bộ sau Đại hội 5 của tỉnh. Tình hình thế giới trong nước cũng có nhiều diễn biến lớn, nhất là cuộc kháng chiến thắng lợi to lớn. Đặc biệt hơn một tháng nay, ta đã giải phóng trên 10 tỉnh. Trong đó có những thành phố lớn thứ hai ở miền Nam là Đà Nẵng, mở ra một giai đoạn mới trong cuộc đấu tranh hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước. Công cuộc khôi phục, phát triển kinh tế, văn hóa, hàn gắn vết thương chiến tranh cũng đang giành được những kết quả đáng kể, trong đó có cả tỉnh ta. Cán bộ đảng viên, quần chúng đã phấn khởi đạt được thành tích, được nhận lẵng hoa của Bác Tôn tặng về thành

tích sản xuất lương thực và thực phẩm trong năm 1973, năm 1974 và đầu năm 1975 này tình hình các mặt đang tiến triển tốt.

Tóm lại qua việc thực hiện các nghị quyết của Trung ương Đảng, của Ban Chấp hành Đảng bộ ta giành được những thắng lợi cơ bản trên các mặt. Đồng thời cũng thấy rõ những tồn tại cần khắc phục để đưa phong trào cách mạng trong tỉnh ta tiến lên một bước mới. Báo cáo này kiểm điểm sâu về công tác tư tưởng trong Đảng bộ và đề ra phương hướng nhiệm vụ công tác tư tưởng trong thời gian tới.

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC TRONG THỜI GIAN QUA

1. Giáo dục tuyên truyền đường lối chống Mỹ, cứu nước của Đảng

Dưới ánh sáng nghị quyết về tình hình nhiệm vụ đường lối chống Mỹ, cứu nước của Trung ương, các lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và gần đây có Nghị quyết 21 của Ban chấp hành Trung ương Đảng.

Đảng bộ Lào cai đã tiến hành nhiều đợt sinh hoạt chính trị từ trong Đảng ra đến quần chúng, cơ quan, các dân tộc để quán triệt tinh thần nghị quyết của Trung ương “chống Mỹ, cứu nước là nhiệm vụ hàng đầu” và lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do!”. Giáo dục tư tưởng kiên trì đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là hy sinh gian khổ, phức tạp nhưng thắng lợi nhất định thuộc về nhân dân ta. Xác định nghĩa vụ của địa phương đối với tiền tuyến, ra sức chi viện mọi mặt cho tiền tuyến đánh thắng giặc Mỹ xâm lược và bẻ gãy tay sai.

Sau khi ký Hiệp định Pari về Việt Nam có lời kêu gọi của Ban Chấp hành Trung ương và sau đó Nghị quyết 21 của Trung ương Đảng công tác tuyên truyền giáo dục về tình hình nhiệm vụ cách

mạng trong giai đoạn mới càng được mở ra nhiều đợt và nhiều hình thức hơn những hoạt động về Việt Nam đại thắng... các đợt sinh hoạt chính trị để quán triệt Nghị quyết 21 và báo cáo tình hình thời sự vẫn tiếp tục mở ra liên tục. Do đó chúng ta có thể khẳng định được kết quả nổi bật trên mặt trận tư tưởng, nhận thức và hành động là:

- Đại bộ phận cán bộ đảng viên, quần chúng các dân tộc tỉnh ta tin tưởng và khẳng định đường lối chống Mỹ, cứu nước của Đảng ta là đúng đắn và sáng tạo, tư tưởng “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” và tư tưởng kiên trì kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thấm sâu vào trong đảng viên, quần chúng các dân tộc trong tỉnh.

Tin tưởng và xác định được một cách vững chắc về thắng lợi cách mạng trong cả nước, nghĩa vụ của hậu phương đối với việc chi viện cho tiền tuyến và thường xuyên ngày càng nhận rõ hơn âm mưu đen tối của kẻ địch sau khi Hiệp định Pari và tinh thần cảnh giác ngày càng được nâng cao.

Tinh thần chịu đựng gian khổ hy sinh trong cán bộ, đảng viên các dân tộc của tỉnh ta càng lớn, cho nên sự tham gia đóng góp ngày công lao động vào các công trình sản xuất sẵn sàng chiến đấu, công trình sản xuất vật chất và kỹ thuật và sự đóng góp đối với Nhà nước cũng ngày một tiến bộ dù phải chịu đựng đời sống còn khó khăn thiếu thốn nhưng sẵn sàng chịu khổ, lòng tin vẫn vững vàng đối với thắng lợi của cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do và thống nhất Tổ quốc.

- Ngày nay trước tình hình mới đang diễn ra trong cuộc đấu tranh để tiếp tục hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc, lòng tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng được củng cố vững chắc và có cơ sở khoa học. Do đó càng đẩy lùi khắc phục những biểu hiện bàng quan, tư tưởng hoài nghi, bi quan thiếu tin tưởng phấn khởi và mất cảnh giác có lúc đã diễn ra trong cán bộ, đảng viên và quần chúng tỉnh ta.

Những kết quả về nâng cao nhận thức tư tưởng đã được thể hiện sinh động bằng hành động cách mạng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân tỉnh ta như nhiều địa phương, đơn vị hoàn thành nghĩa vụ tuyển quân tốt nhiều năm liền, thực hiện chính sách hậu phương quân đội, huấn luyện lực lượng dân quân tự vệ, có phương án tác chiến sẵn sàng chiến đấu, việc tổ chức sơ tán phân tán đợt hai nhanh, gọn, ổn định nhanh chóng vào sản xuất, công tác và sẵn sàng chiến đấu, công tác bảo vệ trật tự trị an nội địa và biên giới cũng đạt kết quả tốt.

2. Giáo dục tuyên truyền đường lối công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa

a) Về giáo dục tuyên truyền đường lối kinh tế bước đi ban đầu vào các nghị quyết về khôi phục và phát triển kinh tế.

Từ năm 1970 đến nay, Trung ương Đảng đã có nhiều nghị quyết về xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa như các nghị quyết 194, 195, 196, 197 của Bộ Chính trị, Nghị quyết 19, 20... và bài “Dưới lá cờ vẻ vang” của đồng chí Lê Duẩn. Nghị quyết 19, 22 là thể hiện đường lối xây dựng kinh tế của Đảng ta ngày càng được cụ thể. Căn cứ vào các nghị quyết lớn đó tỉnh ta đã có nghị quyết Đại hội 5, Nghị quyết 7, 8 và các Nghị quyết 15, 16, 17 của Ban Chấp hành tỉnh, cụ thể hóa một phần về đường lối kinh tế của Trung ương và địa phương.

Dưới ánh sáng Nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy, tỉnh đã mở các đợt sinh hoạt học tập quán triệt tinh thần, tư tưởng và tổ chức thực hiện từng bước Nghị quyết của Trung ương, của tỉnh ủy: Cuộc vận động thực hiện quyền làm chủ tập thể của quần chúng, củng cố vùng cao, thực hiện Nghị quyết 19 của Trung ương Đảng và gần đây là việc triển khai Nghị quyết 22 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, các Nghị quyết 15, 16 của Tỉnh ủy.

Qua những đợt vận động củng cố cơ sở và sinh hoạt chính trị, về công tác giáo dục đường lối công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa,

gắn với xây dựng kinh tế địa phương, chúng ta khẳng định đạt được những kết quả rất cơ bản.

- Việc giáo dục đường lối kinh tế trong bước đi ban đầu: Nghị quyết 19, Nghị quyết 20, 22 và những nghị quyết về nhiệm vụ chính trị của tỉnh và kế hoạch hằng năm của tỉnh đã làm cho tư tưởng nhận thức về sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa ngày một rõ ràng, trước hết là trong cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo từ cấp huyện trở lên. Do đó trong chỉ đạo thực hiện đã dần dần hình thành những vùng sản xuất cây, con, ngành nghề rõ rệt hơn, xuất hiện những nhân tố mới trong những vùng sản xuất thâm canh tăng năng suất cây trồng, có những con giống, cây giống tốt được xác định. Tư tưởng chỉ đạo giải quyết vấn đề lương thực tự túc và thực phẩm có chuyển biến mạnh và ăn sâu vào trong quần chúng đã tạo ra một số sản phẩm hàng hóa từ nông nghiệp từng bước đã làm cơ sở cho công nghiệp nhẹ phát triển. Những tư tưởng sản xuất nhỏ, độc canh, du canh và làm ăn riêng sẽ bị phê phán mạnh mẽ.

- Lập trường tư tưởng giai cấp công nhân được tiếp tục nâng lên, việc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa mà nội dung cơ bản là: Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng; cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa vẫn được tiếp tục giáo dục và phát huy. Biểu hiện việc đấu tranh giữ vững, củng cố quyền làm chủ tập thể của quần chúng trong việc củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, ý thức làm chủ tập thể của cán bộ, đảng viên, quần chúng các dân tộc được nâng lên một bước cả trong khu vực tập thể và khu vực nhà nước. Những hành động cách mạng mạnh mẽ trong các đợt, các phong trào thi đua góp phần củng cố trận địa xã hội chủ nghĩa như củng cố hợp tác xã, củng cố nông trường quốc doanh và xí nghiệp, cơ quan nhà nước. Củng cố nền chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ của quần chúng góp phần thúc đẩy kế hoạch kinh tế hằng năm đạt được kết quả.

Những biểu hiện không cân đối về ba cuộc cách mạng không được đồng thời coi trọng và tiến hành được giảm dần.

- Tư tưởng tự lực tự cường, tự lực cánh sinh, ý thức phấn đấu phát triển kinh tế địa phương tại chỗ để đảm bảo cho việc thực hiện hệ hậu cần tại chỗ theo hướng sản xuất lớn và phát huy thế mạnh của miền núi cũng có nhiều tiến bộ hơn. Biểu hiện trong nền kinh tế của tỉnh không những chỉ sản xuất nông nghiệp phát triển mà các ngành công nghiệp chế biến và thủ công nghiệp, công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất, chế biến xuất khẩu và giao thông vận tải, cơ khí nhỏ các trang trại nông trường quốc doanh, máy móc công nghiệp... cũng phát triển đáp ứng một phần yêu cầu về sản xuất và đời sống quần chúng trong tỉnh, tư tưởng ỷ lại vào viện trợ, ỷ lại trên, cục bộ dựa dẫm vào nhau được phê phán và khắc phục từng bước.

- Nhận thức và trình độ lãnh đạo quản lý kinh tế, quản lý nhà nước cũng được nâng lên ở các cấp lãnh đạo và chỉ đạo từ tỉnh đến huyện và một số cơ sở. Biểu hiện ở chỗ đã bước đầu quan tâm đến việc xây dựng quy hoạch kinh tế, tính toán đến kinh doanh lỗ lãi, tính toán đến chính sách cụ thể để khuyến khích sản xuất và nắm được sản xuất, sản phẩm trong tay Nhà nước. Do đó tư tưởng hành chính cùng cấp ỷ lại bị phê phán, đẩy lùi một bước, nhất là từ sau khi có Nghị quyết 22 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

b) Về giáo dục tuyên truyền các chính sách, pháp luật, pháp lệnh cụ thể của Nhà nước.

Từ năm 1970 lại đây, Đảng và Chính phủ đã có nhiều nghị quyết, chính sách pháp luật... như: quản lý phân phối lương thực, pháp lệnh bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, bảo vệ rừng và các nghị quyết đối với vùng cao...

Cùng với các đợt sinh hoạt chính trị, các đợt vận động củng cố phong trào ở cơ sở, Đảng bộ ta đã thường xuyên tổ chức tuyên truyền, giáo dục và tổ chức thực hiện từ các trọng điểm mở rộng ra toàn diện trong việc thực hiện các chính sách và nghị quyết pháp lệnh cụ thể của Đảng và Chính phủ ở địa phương.

Qua các đợt vận động và giáo dục đảng viên, quần chúng và các chính sách pháp luật cụ thể của Đảng và Nhà nước chúng ta có thể đánh giá: Đảng viên và quần chúng các dân tộc tỉnh ta ngày càng tin tưởng vào các chính sách và pháp luật, pháp lệnh của Nhà nước là xuất phát từ lợi ích của quần chúng, của Đảng, cho nên ý thức tư tưởng chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước có tiến bộ như đóng góp nghĩa vụ lương thực, thực phẩm, nghĩa vụ quân sự, quản lý thị trường, bảo vệ trật tự trị an, chống ăn cắp tài sản của tập thể và Nhà nước, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt đối với đảng viên, cán bộ quần chúng vùng cao càng phấn khởi và tin tưởng vào Đảng đã chăm lo và quan tâm đến vùng cao nên đã miễn thuế và thu mua lương thực, thực phẩm nghĩa vụ.

- Trong giáo dục và đấu tranh thực hiện các chính sách của Đảng và Nhà nước: Từ sau khi thi hành Chỉ thị 209 và thực hiện Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị, những tư tưởng sợ thù oán đã giảm bớt, đảng viên và quần chúng đã có ý thức đối với tài sản của tập thể, Nhà nước nên đã mạnh dạn hơn trong phát hiện và đấu tranh với những người, hiện tượng vi phạm pháp luật, chính sách và tài sản của tập thể và Nhà nước, cho nên việc lấy cắp tài sản của Nhà nước và tập thể và vi phạm pháp luật của Nhà nước được giảm dần. Đó cũng là biểu hiện ý thức làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của quần chúng đảng viên được giác ngộ và nâng cao hơn trước.

3. Giáo dục, tuyên truyền về đường lối quốc tế của Đảng ta

Trong mấy năm qua, công tác giáo dục và học tập tuyên truyền về đường lối quốc tế, Đảng bộ ta vẫn dựa vào tinh thần Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và kết hợp với tình hình mới diễn biến trên trường quốc tế, chúng ta đã thường xuyên tuyên truyền giáo dục các nghị quyết của Đảng với thông báo, báo cáo thời sự về tình hình diễn biến quốc tế, kịp thời giải đáp những vấn đề lớn xảy ra trên trường quốc tế. Như ta đã không ngừng vạch trần “Học thuyết Ních sơn” nhất định bị phá sản. Những sự kiện chính trị

lớn xảy ra ở châu Á, châu Phi, ở Trung Đông, châu Mỹ Latinh và ba trào lưu cách mạng đều có tuyên truyền giải thích cho cán bộ, đảng viên và quần chúng góp phần làm cho cán bộ, đảng viên và quần chúng hiểu rõ hơn về phong trào cách mạng quốc tế và chủ nghĩa đế Mỹ, ghét Mỹ và chống Mỹ. Ta cũng không ngừng giáo dục tinh thần quốc tế vô sản đối với các nước xã hội chủ nghĩa anh em và với cách mạng Lào - Campuchia. Do đó vừa đề cao được ý thức độc lập tự chủ, tự lực cánh sinh, vừa thấy rõ sự viện trợ của quốc tế đối với cách mạng nước ta và xác định được nghĩa vụ quốc tế của Đảng và nhân dân ta.

Do tư tưởng, nhận thức về đường lối quốc tế vô sản của Đảng ta được giáo dục và nâng cao, cho nên mặc dù là tỉnh biên giới, những biến động của bên bạn thường truyền tương đối nhanh đến các xã vùng biên giới, nhưng cán bộ, đảng viên và quần chúng của ta đại bộ phận là vững vàng, không dễ xảy ra những điều đáng tiếc trong quan hệ quốc tế. Đó là kết quả đáng mừng của Đảng bộ.

4. Giáo dục tuyên truyền về xây dựng Đảng và giáo dục lý luận chính trị cho đảng viên

Trong mấy năm qua, công tác giáo dục về xây dựng Đảng và giáo dục lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên ta đã tiến hành bằng nhiều đợt và nhiều biện pháp.

Giáo dục tuyên truyền về xây dựng Đảng.

Ngoài các đợt sinh hoạt chính trị nhằm quán triệt chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương, của Tỉnh ủy, tỉnh đã tổ chức triển khai đợt vận động thực hiện Nghị quyết 195 của Bộ Chính trị về nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh. Sau đó năm 1973 đã tiến hành triển khai cuộc vận động thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư Trung ương về việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng. Tiến hành kiểm tra việc kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh và cho tới cuối.

Những cuộc vận động trên đều là những đợt giáo dục sâu sắc về Đảng về tư cách đảng viên, về nâng cao quan điểm ý thức đảng viên đối với Đảng...

Trong cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh, Đảng bộ ta đã huy động được:

79,7% đảng viên nông thôn;

93,3% đảng viên cơ quan hành chính sự nghiệp;

94,0% đảng viên xí nghiệp.

Tham gia vào học tập thảo luận Nghị quyết 195 của Bộ Chính trị về các yêu cầu xây dựng Đảng, về các nguyên tắc đảng, thủ tục kết nạp đảng viên. Từ năm 1973 lại đây, khi cuộc vận động thực hiện Chỉ thị 192 được tiến hành thì công tác giáo dục về xây dựng Đảng lại được nâng lên một bước. Các vấn đề về đường lối, phương châm và nguyên tắc đảng lại được học tập rộng rãi và thảo luận sâu sắc hơn. Trong cuộc vận động này, ta đã huy động được từ 90-100% đảng viên tham gia học tập các đường lối, phương châm và một số chính sách về Đảng, đảng viên. Đồng thời vận động quần chúng tham gia ý kiến đối với đảng viên và củng cố Đảng.

Những đợt giáo dục sâu sắc ấy rõ ràng làm cho các đảng viên, Đảng bộ ta có những chuyển biến sâu sắc về tư tưởng, nhận thức và hành động.

- Tính chất và ý thức đảng của giai cấp công nhân được nâng lên rõ rệt, biểu hiện ở chỗ nhiều đảng viên có tinh thần tiên phong gương mẫu hoàn thành nhiệm vụ lãnh đạo chính trị, lãnh đạo quần chúng. Được quần chúng tín nhiệm, vai trò lãnh đạo của Đảng bộ và đảng viên ngày càng được thể hiện bằng tinh thần tiến công cách mạng, vượt khó khăn gian khổ, hoàn thành nhiệm vụ chính trị ở địa phương, đơn vị.

- Ý thức trách nhiệm đối với công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ, của nhiều cán bộ, đảng viên và cấp ủy Đảng ngày càng được nâng lên. Do đó quần chúng ngày càng hiểu Đảng, tin Đảng, tin sự lãnh đạo của đảng bộ các cấp.

- Tinh thần, ý thức phê bình và tự phê bình trong Đảng có tiến bộ, nhiều đảng bộ tiến hành tự phê bình trước quần chúng càng đề cao được lòng tin của quần chúng đối với Đảng và đảng viên.

- Tinh thần dân chủ, kỷ luật và đoàn kết nhất trí trong Đảng trên cơ sở đường lối, nghị quyết, chính sách của Đảng ngày một tiến bộ, những hiện tượng quan liêu mệnh lệnh, cá nhân chủ nghĩa, mất đoàn kết, tự do, tản mạn ngày càng bị phê phán và giảm bớt.

b) Việc giáo dục lý luận chính trị cho cán bộ đảng viên

Thi hành nghị quyết đại hội đảng bộ, Nghị quyết 210 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 10 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, công tác giáo dục lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên tỉnh ta được tiến hành bằng các hình thức tại trường và tại chức đã đạt được những kết quả nhất định.

- Trường đảng tỉnh từ năm 1970 lại đây đã mở các lớp cho đối tượng nông thôn và cơ quan xí nghiệp:

Nông thôn: Số lớp: 13; số người học: 391.

Cơ quan: Số lớp: 5, số người học: 170.

Xí nghiệp: Số lớp: 3; số người học: 155.

- Các lớp huấn luyện chính trị tại chức, trên cơ sở chúng ta đã tiến hành đạt được một số kết quả nhất định.

- Ở tỉnh mở được một số lớp cho một số cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo xung quanh đảng ủy dân chính đảng học một số vấn đề về lý luận trong bước đi ban đầu.

- Các huyện thị, đảng ủy, chi bộ trực thuộc tỉnh đã mở lớp giáo dục chính trị ngắn ngày cho đảng viên. Đợt đầu tính đến năm 1973, chúng ta đã huấn luyện cho trên 60% (1.254/2.088) đảng viên mới kết nạp từ năm 1965 và trên 30% đảng viên được học một số phần theo chương trình mới do Ban Tuyên huấn Trung ương hướng dẫn.

Kết quả những lớp học tập trung, tại chức và giáo dục đảng viên đã góp phần nâng cao trình độ lý luận chính trị cho cán bộ đảng viên, quan điểm lập trường và phương pháp công tác có những tiến bộ nhất định; kiến thức về chính trị, về quản lý kinh

tế, xã hội cũng được nâng lên ý thức học tập lý luận chính trị của nhiều đảng viên, đảng bộ có chuyển biến tốt. Do đó đã góp phần nâng cao trình độ công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số đảng bộ chuyển biến và tiến bộ.

5. Về hoạt động của các cơ quan tham mưu và lực lượng làm công tác tư tưởng của đảng và Nhà nước

- Trong mấy năm qua về các bộ máy và hoạt động của các cơ quan tham mưu công tác tư tưởng của đảng, nhà nước cũng đã không ngừng được trưởng thành và hoạt động bám sát nhiệm vụ chính trị của đảng và các Nghị quyết lớn của đảng và chính phủ. Từng thời gian tiến hành công tác tuyên truyền giáo dục tư tưởng, chính trị trong Đảng và ngoài quần chúng. Từ nội dung, hình thức giáo dục, kế hoạch giáo dục tuyên truyền củng cố những tiến bộ, mở rộng từng bước đi sâu vào trong cán bộ, đảng viên, quần chúng. Ví dụ trong mỗi nghị quyết lớn của Đảng đều có những kế hoạch, hướng dẫn sinh hoạt tư tưởng, tổ chức nghiên cứu, học tập và thông báo các lớp chính trị lý luận cũng được mở ra liên tục ở nhiều đơn vị. Các hình thức tuyên truyền giáo dục, thông tin cổ động, báo chí, truyền thanh, văn hóa, văn nghệ ngày càng đi sâu vào nâng cao chất lượng phục vụ cho thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương có kết quả. Các mặt chỉ đạo và phối hợp các hoạt động của cán bộ, bộ máy tham mưu công tác tư tưởng, công tác tuyên truyền giáo dục của Đảng, Nhà nước ngày một chặt chẽ và tiến bộ hơn.

Việc kết hợp giữa các biện pháp giáo dục tư tưởng, tổ chức hành chính và kinh tế cũng ngày một tiến bộ, các cấp ủy đảng nhiều đồng chí, nhiều đảng bộ đã nhận thức và chỉ đạo ngày càng sát sao với các bộ máy hoạt động trên mặt trận tư tưởng.

Những hoạt động trên đã góp phần làm cho tình hình tư tưởng và công tác tư tưởng của Đảng bộ ngày một chuyển biến tiến bộ, các mặt tiêu cực trong Đảng và quần chúng ngày một giảm bớt.

6. Nhận xét tình hình tư tưởng và công tác tư tưởng hiện nay

Những kết quả về công tác tư tưởng đã đạt được trong thời gian là rất cơ bản, tình hình tư tưởng cán bộ, đảng viên có nhiều diễn biến tiến bộ trên mặt nâng cao nhận thức tư tưởng, quan điểm lập trường và trình độ năng lực lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện, vận dụng nghị quyết, chỉ thị của Trung ương vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương, tích cực vận dụng phù hợp với điều kiện tỉnh ta.

Công tác tư tưởng được các cấp ủy đảng ngày càng quan tâm hơn, các cơ quan tham mưu công tác tư tưởng của Đảng và Nhà nước ngày càng phát huy tốt chức năng của mình, đã góp phần cho công tác văn hóa tư tưởng đạt được những kết quả nhất định.

Tuy nhiên, so với yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ trong giai đoạn mới thì sự chuyển biến về nhận thức và tư tưởng trong cán bộ, đảng viên quần chúng các dân tộc tỉnh ta còn chưa đều, chưa đủ và còn những tồn tại tiêu cực cần tiếp tục giải quyết thì mới đưa phong trào cách mạng của Đảng bộ ta lên mạnh và đều khắp.

- Về nhận thức tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng cụ thể, về khái niệm có vẻ thông thạo, nhưng hành động và tin tưởng vận dụng ba cuộc cách mạng vào miền vùng cao chưa được rõ ràng và hoàn nghi.

- Trong thực tiễn thì tiến hành cuộc cách mạng tư tưởng văn hóa chưa được mạnh và chưa đi sâu nghiên cứu, bộ môn phụ trách chuyên môn chưa có hành động nên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa chưa được rõ ràng và chưa tin vào thực tiễn mặc dù biết đó là việc cấp bách, tư tưởng trông chờ, bàng quan còn nặng.

Cuộc đấu tranh giữa hai con đường biểu hiện giữa sản xuất nhỏ, sản xuất lớn, giữa tập thể, Nhà nước và cá thể còn diễn biến phức tạp, còn biểu hiện tư tưởng sản xuất nhỏ, bảo thủ, du canh, du cư, chạy theo làm ăn riêng lẻ là phổ biến. Cách suy nghĩ, hành động và tư tưởng đi lên sản xuất lớn chưa trở thành nếp nghĩ, hành động của toàn thể cán bộ và quần chúng các dân tộc, tỉnh

thần cách mạng, tiến công, ý thức làm chủ tập thể và tự lực tự cường, ý thức trách nhiệm khắc phục khó khăn khai thác khả năng tiềm tàng của địa phương, ngành vươn lên hoàn thành nhiệm vụ chưa mạnh, hầu hết là sản xuất lao động tập thể là vì chính trị, chưa nhận rõ là vấn đề kinh tế và đại bộ phận là sản xuất theo yêu cầu địa phương chứ chưa phải có ý thức đầy đủ thực hiện kế hoạch nhà nước.

Trong Đảng và cả cán bộ còn một số biểu hiện phổ biến, trước những khó khăn, diễn biến mới của tình hình kinh tế, đời sống thì có nhiều băn khoăn, lo lắng, thậm chí có một số dao động, bi quan, kém phấn khởi, một bộ phận còn mang nặng tự tư, tự lợi, vun vén cá nhân, suy bì hưởng thụ, kèn cựa địa vị, mất đoàn kết, ý chí chiến đấu giảm sút, hữu khuynh, sợ gian khổ, hy sinh, ngại đi cơ sở, xin xuôi, xin chuyển, xin về, không yên tâm làm công tác, lười suy nghĩ, học tập, làm đến đâu hay đến đó, trung bình chủ nghĩa và tư tưởng cung cấp hành chính xuôi chiều còn nặng nề. Một số còn mắc tác phong quan liêu, mệnh lệnh, ép quần chúng vi phạm quyền làm chủ của quần chúng cho nên làm giảm lòng tin của quần chúng đối với Đảng.

Những vấn đề về xác định chức năng, trách nhiệm giữa Đảng và Nhà nước, giữa tổ chức và cá nhân chưa được phân biệt ranh giới dứt khoát, có hiện tượng bao biện, độc đoán, tùy tiện, có nơi, có chỗ cũng chưa nhận thức sâu sắc, rõ ràng, có tình trạng chồng chéo trong lãnh đạo, chỉ đạo, có việc không đảm nhận trách nhiệm, có việc làm ầu không báo cáo thỉnh thị, hoặc báo cáo trên để xin chủ trương không có dự kiến phân tích cụ thể và thậm chí, không có biện pháp thực hiện, có nơi chỉ đạo không rõ ràng, càng xuống dưới càng không rõ, có chính sách, nghị quyết không được chấp hành nghiêm chỉnh nên cũng có nơi, có chỗ, có đơn vị không những không nhận sai lầm do mình gây ra mà đổ cho cấp dưới hoặc giấu đi không báo cáo hoặc báo cáo sai lệch, lòng tin giữa quần chúng, đảng viên và lãnh đạo giảm sút.

Đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam, tuy vẫn tin tưởng ở thắng lợi cách mạng và sau Nghị quyết 21 chiều hướng phấn khởi, tin tưởng càng tăng lên. Nhưng về nhận thức, tư tưởng của nhiều cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân chưa thật sự sâu sắc, toàn diện, cho nên từng lúc, từng thời gian, còn biểu hiện tư tưởng hoài nghi về thắng lợi, ngại lâu dài, gian khổ, hy sinh, một số đôi lúc sinh ảo tưởng hoặc lại lạc quan quá mức, một số có chồng, con ở chiến trường, tâm tư diễn biến phức tạp và một số ý thức cảnh giác, cách mạng không được thường xuyên giữ vững.

b) Tồn tại trong công tác giáo dục tư tưởng của Đảng

Qua mấy năm tiến hành công tác giáo dục tư tưởng của Đảng, ta thấy có những tồn tại chủ yếu như sau:

- Công tác giáo dục tư tưởng của Đảng bộ chúng ta mới coi trọng việc giáo dục các nghị quyết và đường lối cơ bản của Đảng. Việc giáo dục chính sách cụ thể pháp luật, pháp lệnh của Đảng, của Nhà nước là chưa cân đối.

- Công tác giáo dục tư tưởng, tổ chức với biện pháp hành chính, kinh tế cũng chưa được kết hợp nhịp nhàng và cân đối.

- Công tác giáo dục lý luận chính trị và nâng cao trình độ quản lý kinh tế, quản lý nhà nước, giữa giáo dục nâng cao quan điểm lập trường và phương pháp tư tưởng cũng chưa cân đối, chưa theo kịp với yêu cầu của cách mạng phát triển và chưa đi sâu vào các đối tượng.

- Chất lượng về công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong Đảng, trong nhân dân còn thiếu sâu sát, sắc bén, kém tính chiến đấu, có những biểu hiện lỏng lẻo, hữu khuynh vì một số mặt công tác tư tưởng và tổ chức chưa phối kết hợp chặt chẽ, gắn bó và thiếu kịp thời, do đó, những luận điệu nhằm nhĩ, tâm lý chiến còn có cơ sở để tồn tại và lan truyền.

- Các hoạt động của bộ máy công tác tư tưởng của Đảng, Nhà nước và đoàn thể chưa mạnh, chưa đều, nhất là ở cơ sở còn nhiều mặt yếu, có nơi hầu như bỏ trống.

c) Nguyên nhân của tình hình tồn tại là do:

- Tình hình cách mạng luôn chuyển biến, có những giai đoạn gay go, ác liệt của chiến tranh phá hoại cộng với thiên tai nặng nề trong các năm vừa qua cũng tác động mạnh mẽ đến diễn biến tư tưởng và sinh hoạt tư tưởng trong Đảng, trong quần chúng, một số chính sách của Nhà nước, có lúc, có vấn đề đề ra có khi chưa được chuẩn bị tốt và vận dụng cũng còn chệch choạc cho nên cũng tác động đến diễn biến tư tưởng của cán bộ, đảng viên và quần chúng.

- Trình độ giác ngộ về chính trị, hiểu biết về văn hóa của cán bộ, đảng viên và quần chúng các vùng còn khác nhau, nhiều đảng viên và quần chúng vùng cao còn chưa sử dụng được tiếng phổ thông để giao dịch, cán bộ cấp trên lại ít xuống cơ sở, đồng thời có cán bộ chuyên môn lại cũng nắm chưa chặt vấn đề... Do đó, càng hạn chế đến việc tiếp thu và quán triệt các chính sách mới.

- Nội dung sinh hoạt chi bộ chưa được cải tiến, nhiều chi bộ vẫn thường bàn những công việc cụ thể mà ít thì giờ bàn về công tác xây dựng đảng, công tác rèn luyện, giáo dục đảng viên, công tác lãnh đạo các chế độ học tập, đọc sách báo, đảng viên làm công tác tuyên truyền bị sao lãng. Nhiều biện pháp giáo dục, rèn luyện đảng viên và quần chúng làm chưa tốt, việc đấu tranh thực hiện phê bình và tự phê bình còn yếu. Bộ phận đảng viên trung bình và đảng viên kém còn nhiều và chưa nâng lên được. Nên ảnh hưởng đến chất lượng tổ chức cơ sở đảng và vai trò của đảng viên đối với quần chúng.

- Chuyển sang thời kỳ mới đòi hỏi chất lượng công tác tư tưởng phải được nâng cao, đối tượng công tác tư tưởng càng rộng. Nhưng đội ngũ cán bộ, đảng viên làm công tác tư tưởng bộc lộ rõ nhược điểm trình độ lý luận chính trị, kiến thức văn hóa, khoa học kỹ thuật và trình độ nghiệp vụ chưa đáp ứng được yêu cầu, về số lượng cũng còn thiếu nhiều. Một số cán bộ trong các ngành làm công tác tư tưởng, kể cả cán bộ tuyên huấn các cấp cũng chưa thật yên tâm công tác, đi sâu vào ngành nghề.

Nhiều ban tuyên huấn huyện thị đảng ủy chưa được củng cố và không ổn định, cán bộ càng xuống chi bộ cơ sở, xã thì càng yếu và rời rạc, không đủ sức làm nhiệm vụ tham mưu.

Nhiều cấp ủy đảng, thủ trưởng chưa quan tâm đúng mức việc chỉ đạo công tác tư tưởng như chưa có chế độ nghe báo cáo và cho ý kiến về công tác tư tưởng, chưa chăm lo củng cố tổ chức, ổn định cán bộ làm công tác tư tưởng.

II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG TRONG THỜI GIAN TỐI

Thời gian tới, công tác tư tưởng trong Đảng cần quán triệt phương hướng do Nghị quyết 23 đề ra:

“Bồi dưỡng tư tưởng cách mạng của giai cấp công nhân, nâng cao giác ngộ lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, quyết tâm chiến đấu cho sự toàn thắng của chủ nghĩa Mác - Lênin và đường lối, chính sách của Đảng, chống tư tưởng tiểu tư sản và ảnh hưởng của tư tưởng tư sản, xóa bỏ tàn tích của tư tưởng phong kiến, ngăn ngừa và tẩy trừ những ảnh hưởng của các loại chủ nghĩa cơ hội”.

Do đó, cần làm tốt các nội dung sau đây:

1. Giáo dục cho mọi người hiểu rõ tình hình, nhiệm vụ chung, thấy rõ thắng lợi, thuận lợi, khó khăn; thấy rõ bản chất ngoan cố, xảo quyệt của đế quốc Mỹ và bọn tay sai, bồi dưỡng ý chí quyết tâm hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam; ý chí “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”, sẵn sàng vượt mọi gian khổ, hy sinh nhằm hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc; khắc phục mọi biểu hiện hòa bình chủ nghĩa, chủ quan, ảo tưởng, mất cảnh giác, bi quan, tiêu cực.

Chống những luận điệu chiến tranh tâm lý của địch, những luận điệu phản tuyên truyền của phần tử xấu.

2. Tăng cường giáo dục về đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, nội dung ba cuộc cách mạng, đưa miền Bắc từng bước

lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Nâng cao tinh thần tự lực, tự cường, ý thức làm chủ tập thể, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội, tinh thần khắc phục khó khăn, thi đua lao động sản xuất, tăng tiềm lực kinh tế và quốc phòng, làm tròn nghĩa vụ đối với cách mạng miền Nam và nghĩa vụ quốc tế.

Chống mọi biểu hiện lao động thiếu trách nhiệm, ỷ lại, tự do, vô kỷ luật, tham ô, lãng phí và những biểu hiện tiêu cực trong đời sống và xã hội.

3. Giáo dục cho đảng viên, thanh niên hiểu rõ thêm về tính chất đảng của giai cấp công nhân, về lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, nắm được đường lối, phương châm xây dựng Đảng để thực hiện tốt Nghị quyết 23 của Ban Chấp hành Trung ương.

4. Giáo dục để mọi người thực hiện đúng đường lối quốc tế của Đảng, giữ gìn đoàn kết quốc tế, đoàn kết dân tộc để làm tốt nghĩa vụ quốc tế, làm tốt việc bảo vệ trị an biên giới.

5. Tích cực xây dựng con người mới, nếp sống mới, kiên quyết bài trừ những phong tục tập quán xấu, những tư tưởng, tác phong trái với đạo đức xã hội chủ nghĩa, với phong cách làm ăn của sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

6. Tổ chức tốt việc học tập lý luận chính trị về chủ nghĩa Mác - Lênin, về đường lối, chính sách, nâng cao về lập trường, quan điểm, phương pháp tư tưởng, về văn hóa, khoa học kỹ thuật, nghiệp vụ... để bồi dưỡng, đào tạo cán bộ.

Để bảo đảm hoàn thành các nội dung trên đây cần làm tốt các nhiệm vụ sau:

1. Tiếp tục làm tốt việc học tập Nghị quyết số 23 và nghị quyết đại hội đảng toàn quốc và đại hội đảng tỉnh, trên cơ sở đó quán triệt những quan điểm tư tưởng và nội dung nhiệm vụ Nghị quyết số 23 của Trung ương.

Học tập Nghị quyết số 23 cũng như các nghị quyết đại hội, học tập lý luận phải gắn với kiểm, sửa và hành động mà đẩy lên phong trào thi đua sôi nổi trong Đảng, ngoài quần chúng, qua đó mà rèn

luyện, bồi dưỡng đảng viên, cán bộ, quần chúng, cải tiến nâng cao chất lượng công tác lãnh đạo, chỉ đạo, hoàn thành vượt mức các nhiệm vụ khôi phục, phát triển kinh tế, văn hóa do các nghị quyết đề ra (chỉ tiêu kế hoạch nhà nước và nhiệm vụ đối với cách mạng miền Nam...).

2. Phối hợp các lực lượng và tận dụng các phương tiện nhằm làm tốt việc tuyên truyền, giáo dục, huấn luyện thường xuyên và trong dịp các ngày kỷ niệm lớn trong năm, các chiến thắng bằng những hình thức và nội dung phong phú, phù hợp với các đối tượng, các dân tộc.

Công tác chính trị tư tưởng phải do toàn Đảng và cấp ủy đảng trực tiếp làm.

Với chức năng của mình, các đoàn thể quần chúng, các cấp chính quyền đều có trách nhiệm làm công tác giáo dục chính trị tư tưởng gắn chặt với việc tổ chức và chỉ đạo hoàn thành nhiệm vụ chính trị, củng cố kiện toàn tổ chức.

Các ngành thuộc khối văn giáo là những ngành trực tiếp với những phương tiện: báo, đài, phim ảnh, văn công văn nghệ, đèn chiếu, trường đảng, trường học... cần được kiện toàn và tăng cường phương tiện, cán bộ, bồi dưỡng cán bộ. Cần được chỉ đạo chặt chẽ, phối hợp thường xuyên trên tinh thần hợp tác xã xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của cấp ủy đảng để làm tốt việc tuyên truyền, giáo dục, nâng cao trình độ mọi mặt cho quần chúng, đưa khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đời sống, nhanh chóng đẩy lùi những phong tục, tập quán lạc hậu, mê tín dị đoan..., góp phần xây dựng con người mới, xã hội mới, nền kinh tế mới.

Nội dung tuyên truyền và giáo dục, huấn luyện phải cố gắng đảm bảo thực hiện sát hợp, phong phú về cả nội dung, hình thức cho hợp với các đối tượng, các dân tộc và các vùng khác nhau.

3. Kiên quyết kiện toàn bộ máy tuyên giáo về hệ thống trường đảng các cấp, tích cực bồi dưỡng cán bộ tuyên giáo, định rõ chức

năng nhiệm vụ và lề lối làm việc để nâng cao chất lượng và hiệu suất công tác.

Nhiệm vụ cấp bách là phải nâng cao trình độ lý luận cho cán bộ đảng viên; vì vậy phải kiện toàn và coi trọng việc bồi dưỡng đội ngũ cán bộ tuyên giáo nói chung, đặc biệt là đội ngũ cán bộ làm công tác lý luận, để hoàn thành tốt nhiệm vụ bồi dưỡng lý luận cho đảng viên như Nghị quyết 23/TW đề ra: “Tất cả đảng viên thường đến hết năm 1977, phải học xong chương trình cơ sở, sau đó học chương trình sơ cấp” và “đại bộ phận cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý sơ cấp phải học xong chương trình lý luận trung cấp; tất cả cán bộ cơ sở học xong chương trình sơ cấp và một bộ phận học xong chương trình trung cấp”.

Vì vậy hệ thống trường đảng từ tỉnh đến huyện phải được nhanh chóng củng cố, kiện toàn. Phải xây dựng ở các cấp đội ngũ giảng viên kiêm chức và có kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên.

Việc định rõ chức năng, nhiệm vụ, lề lối làm việc cho phù hợp với tình hình và yêu cầu mới là cấp thiết để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng ngày càng chặt chẽ về mọi mặt.

Trên lĩnh vực công tác tư tưởng, hơn lúc nào hết cần được tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, đảm bảo sự nhất trí cao với chủ trương, nghị quyết của cấp ủy và bảo đảm sự thống nhất trong hành động, tạo thành một sức mạnh tổng hợp của các lực lượng trên mặt trận tư tưởng.

4. Tăng cường lãnh đạo công tác tư tưởng của các cấp ủy đảng.

- Các cấp ủy phải phân công các đồng chí thực sự có năng lực trực tiếp làm công tác tuyên giáo và phụ trách văn giáo chính quyền. (chú ý cấp cơ sở), hết sức tránh xáo trộn luân.

- Kiện toàn hệ thống tuyên giáo và mạng lưới báo cáo viên, tuyên truyền viên các cấp. Các cấp ủy phải có kế hoạch đào tạo, thường xuyên bồi dưỡng và quản lý chặt chẽ đưa dần vào hoạt động có nền nếp.

- Cấp ủy cần trực tiếp chỉ đạo và kiểm tra các cơ quan làm công tác tư tưởng thuộc phạm vi cấp mình phụ trách và tạo điều

kiện giúp các đồng chí lãnh đạo các ban, ngành này nắm được chủ trương, nghị quyết của cấp ủy và đường lối quan điểm của Đảng về nhiệm vụ cách mạng ở hai miền.

- Chấn chỉnh và cải tiến công tác quản lý cán bộ tuyên giáo để từng bước chuyên môn hóa cán bộ, khắc phục tình trạng chấp vá, tùy tiện, ăn xổi; đặc biệt chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ là người dân tộc ở địa phương.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

NÔNG CÔNG THƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 34- BC/TU, ngày 10-5-1975

Về tình hình công tác tháng 4-1975

Phấn khởi trước những thắng lợi to lớn, vang dội của cuộc tiến công và nổi dậy của quân và dân ta, giải phóng hoàn toàn miền Nam, phong trào thi đua sản xuất và công tác trong tình hình tháng qua vẫn được tiếp tục duy trì, đẩy mạnh, đạt được kết quả trên một số mặt sau đây:

1. Về sản xuất nông - lâm nghiệp

Tình hình thời tiết, khí hậu nói chung bình thường. Tuy nhiên vùng Y Tý (Bát Xát) có xảy ra mưa tuyết; một số xã vùng cao huyện Mường Khương thiếu nước; một số xã vùng thấp thấy xuất hiện sâu bệnh và có nơi thiếu mạ...

Nhờ tập trung lãnh đạo, tăng cường kiểm tra đôn đốc và phát động một tháng thi đua mừng miền Nam chiến thắng, đưa cán bộ các ban, ngành trên tỉnh xuống một số khu vực trọng điểm kết hợp tuyên truyền tin chiến thắng, vận động đẩy mạnh sản xuất nên phong trào đã có những chuyển biến, tiến bộ mới. So với cùng thời gian năm trước, tốc độ gieo trồng về ngô, lúa có nhanh hơn và phần lớn các chỉ tiêu đều tăng, nhưng so với kế hoạch thì nhiều chỉ tiêu chưa đạt. Cụ thể tính đến ngày 26-4-1975 lúa xuân đã cấy so với kế hoạch đạt 91% (2.169,55 ha) so với năm 1974 đạt 100,7%; ngô

xuân đã trồng đạt 76,4% kế hoạch (8.943,86 ha) so với năm 1974 đạt 121,9%; sản đạt 56,6% kế hoạch (817,96 ha) và bằng 85,3% năm 1974; đào giếng đạt 50,6% (536,92 ha) so với năm trước đạt 143,9%; đậu tương đã trồng được 631 ha, so với năm 1974 đạt 110%, v.v..

Hiện nay việc chỉ đạo đang tập trung vào khâu chăm bón, phòng trừ sâu bệnh, dịch bệnh cho cây trồng, con gia súc và phần đầu gieo trồng tăng diện tích một số loại cây trồng mà thời vụ hầy còn....

2. Về công nghiệp

So với tháng trước, sản xuất ở một số cơ sở có tăng trưởng hơn chút ít, song những mắc mớ, tồn tại từ tháng trước như hiện tượng mất cân đối về nhiều mặt nhất là việc cung cấp vật tư, nguyên liệu vẫn chưa được giải quyết một cách tích cực nên một vài cơ sở phải ngừng sản xuất cả tháng như Xí nghiệp Dầu hương liệu hoặc ngừng sản xuất từng thời gian (Xí nghiệp Thực phẩm tổng hợp) đã ảnh hưởng đến tốc độ sản xuất trong tháng.

Giá trị tổng sản lượng ước thực hiện 1.083.548 đồng, bằng 104,74% so với tháng trước.

- Về xây dựng cơ bản: Nói chung tốc độ thi công các công trình, nhất là các công trình trọng điểm đều chậm, thiếu tập trung dứt điểm (trừ một vài công trình trong ngành giao thông, thủy lợi: cầu Quang Kim, đường Lào Cai - Bát Xát, đập Làng Thác, Cam Đường có tiến bộ hơn so với tháng trước).

Tốc độ thi công các công trình tạm thời bằng tranh, tre, nứa, lá cũng chậm vì không đủ cung cấp nguyên vật liệu.

Lao động huy động được quá thấp (dân công dài ngày chỉ đạt 1/4 kế hoạch), năng suất lao động nói chung là thấp đã ảnh hưởng đến việc thực hiện vốn đầu tư.

Tổng mức vốn đầu tư trong tháng có tăng hơn 3% so với tháng trước nhưng chỉ đạt 16% so với kế hoạch cả năm.

- Công tác vận tải: Do thiếu hàng để vận chuyển, hơn nữa do công tác quản lý thiếu chặt chẽ nên năng suất của phương tiện và năng suất lao động nói chung còn thấp đã ảnh hưởng đến tình hình vận chuyển và luân chuyển. Tỷ lệ đầu xe tốt mới chỉ đạt 54% so với tổng số đầu xe hiện có. Ngày doanh vận bình quân của một đầu xe chỉ đạt 14,1 ngày/tháng.

Tổng khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển ước đạt 99,3% về tấn và 104,9% về tấn/km; tổng khối lượng hành khách ước đạt 100,5% về lượt người và 101,9% về lượt người/km so với tháng trước.

3. Về tài chính thương nghiệp

- Công tác thu mua năm nguồn hàng: Nhờ nhận thức tư tưởng được giải quyết, một số nơi ở vùng thấp và xung quanh thị xã đã biết dựa vào hợp tác xã mua bán để thu mua nên một số mặt hàng về thực phẩm, nông sản đạt khá.

Thịt lợn hơi tăng 44,5%, bò hơi tăng 100%, chè chính tăng 25%...so với tháng trước.

Nhưng do sản xuất đạt thấp, hơn nữa một số mặt hàng đã ở thời kỳ cuối vụ (đậu tương, thảo quả...) nên thu mua được ít hơn so với tháng trước.

- Công tác bán ra: Vẫn giữ được mức độ bình thường, các mặt hàng phân phối theo tiêu chuẩn, định lượng vẫn được thanh toán đều đặn hàng tháng, quý nhưng chưa đều (ở một số thị trấn còn nợ đọng). Một số mặt hàng thiết yếu như: xà phòng, nước chấm, giấy viết..., không đủ để bán ra đã ảnh hưởng đến sinh hoạt của nhân dân và đến doanh số bán ra.

Gần đây, do xuất hiện và lưu truyền một vài tin tức không có căn cứ, cán bộ, nhân dân xung quanh thị xã đã đưa nhau mua đường (hết tem phiếu cả năm) và muối để tích trữ, có lúc đã gây căng thẳng về hàng hóa cho các cửa hàng ở thị xã.

Tổng doanh số bán ra ước đạt 2.005.000 đồng, tăng 15,09% so với tháng trước.

- Thị trường - giá cả: Tuy đã tổ chức học tập và cấp phát đăng ký mới nhưng do công tác kiểm tra, quản lý thiếu chặt chẽ, ăn khớp nên số người ra buôn bán trái phép vẫn còn phát triển, làm cho giá thị trường thiếu ổn định. Một số mặt hàng thiết yếu cho đời sống như: gà, vịt, cá, trứng, tôm, ốc... có chiều hướng ngày càng tăng. Thị trường tự do về lương thực vẫn chưa được quản lý triệt để, ảnh hưởng đến các mặt quản lý khác.

4. Công tác văn xã

Các hoạt động văn hóa - thông tin đã tập trung phục vụ tuyên truyền khuếch trương tin chiến thắng của quân dân miền Nam, phục vụ công tác động viên tuyển quân, bầu cử quốc hội và hội đồng nhân dân huyện, thị xã, xã... Song bên cạnh đó, việc phổ biến truyền tin chiến thắng cũng chưa được đều khắp đến nhân dân ở các bản làng xa xôi hẻo lánh, vùng cao.

Đã tiến hành tiêm phòng tả cho cán bộ và nhân dân một số nơi trong tỉnh và đang vận động đẩy mạnh phong trào vệ sinh phòng bệnh mùa hè sâu rộng trong nhân dân.

Trong tháng đã chỉ đạo tổ chức tập luyện và thi đấu tranh giải hạng A trong tỉnh một số môn thể thao như: bóng bàn, bóng rổ, bóng chuyền, bóng đá, bắn súng thể thao quốc phòng và chọn tuyển thủ tham gia thi đấu ở Trung ương. Qua thi đấu đã nâng thêm một bước về đạo đức thể thao xã hội chủ nghĩa đối với vận động viên và nhìn chung phong trào so với trước có chiều hướng phát triển tiến bộ.

5. Công tác trị an - quốc phòng

Nói chung tình hình trật tự trị an biên giới, nội địa vẫn được giữ vững. Đã tổ chức kiểm tra hành chính tại thị xã Lào Cai

(từ ngày 26 đến ngày 29-4-1975), phát hiện có một số trường hợp vi phạm chính sách, pháp luật như: Không có chứng minh thư, căn cước, cư trú bất hợp pháp, buôn gian, bán lậu, trộm cắp... Đáng chú ý xảy ra một số vụ tai nạn chết người (5 vụ) và một vụ lợi dụng mê tín vận động, tuyên truyền cúng Vua (ở xã Lũng Khấu Nhin, Mường Khương, ta đã bắt một tên để điều tra khai thác xử lý).

Công tác tuyển quân đã được coi trọng chỉ đạo; chính quyền và các đoàn thể quần chúng một số nơi đã phát huy tốt vai trò giáo dục, vận động nhân dân và động viên tân binh lên đường nhập ngũ nên đã giao quân đạt và vượt mức chỉ tiêu. Song do Phủ Thủ tướng điện khẩn cho tạm hoãn số công nhân lành nghề, cán bộ kỹ thuật nên số lượng giao quân vừa qua đạt khoảng 90% (còn hụt 33 người).

6. Công tác vận động quần chúng và xây dựng chính quyền:

Công tác Mặt trận và các đoàn thể quần chúng trong tháng qua đã chú ý vận động nhân dân hăng hái thi đua lao động sản xuất và công tác lập thành tích chào mừng thắng lợi vĩ đại của quân dân miền Nam chào mừng 15 năm kết nghĩa Lào Cai - Thủ Dầu Một, tiếp tục phát động phong trào thi đua "Mỗi người làm việc bằng hai vì miền Nam ruột thịt, vì Lào Cai - Thủ Dầu Một kết nghĩa".

Đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thành thắng lợi cuộc vận động bầu cử quốc hội và hội đồng nhân dân hai cấp (huyện, thị xã và xã). Số cử tri đi bầu cử đạt tỷ lệ khá cao (98,49%) và tập trung số phiếu cho các ứng cử viên đắc cử (đại biểu quốc hội trúng cử cao nhất đạt 98,81% số phiếu và thấp nhất đạt 88,4% số phiếu). Nói chung, việc chấp hành nguyên tắc, thể lệ bầu cử nhiều nơi làm tốt, không mắc sai sót lớn, tuy nhiên cũng vẫn còn xảy ra những thiếu sót như: phiếu trắng 22 trường hợp, phiếu không hợp lệ chiếm 3,4% (Tổng số người đi bỏ phiếu: 102.834; phiếu hợp lệ 99,07%).

7. Công tác xây dựng Đảng và tổ chức cán bộ

Đã tiếp tục triển khai học tập Nghị quyết 23 của Trung ương Đảng. Tính đến nay đã triển khai xong đến các huyện ủy, thị ủy và 16 đảng ủy, chi bộ trực thuộc. Số đảng viên đã học Nghị quyết 23 so với tổng số đạt 40%. Nhìn chung, sau phần học tập, quán triệt nghị quyết, nâng cao nhận thức, các đơn vị và cá nhân đã liên hệ, bàn bạc đề ra chương trình hành động cách mạng phấn đấu vươn lên trong sản xuất và công tác. Song do việc nắm tình hình đơn đốc yếu nên việc học tập còn thiếu chiều sâu và liên hệ tự phê bình còn kém...

Vừa qua, Tỉnh ủy đã họp để kiểm điểm, đánh giá tình hình lãnh đạo mọi mặt từ năm 1970 đến nay gắn với thảo luận dự thảo báo cáo và phương hướng, nhiệm vụ của đại hội đảng bộ tỉnh kế hoạch dài hạn 5 năm, đồng thời chuẩn bị kiểm điểm cá nhân cấp ủy viên vào thời gian tới.

Một số đảng ủy, huyện ủy đã chuẩn bị xong nội dung đại hội đảng bộ mình và kết hợp với bầu cử hội đồng nhân dân huyện, thị xã. Tỉnh ủy đã tham gia duyệt nhân sự của cấp ủy mới cho huyện, thị xã.

Quán triệt tình hình nhiệm vụ mới của cách mạng, Tỉnh ủy đã chủ động có kế hoạch hướng dẫn các ngành, ban, đoàn thể của tỉnh và huyện chuẩn bị sắp xếp, bố trí về tổ chức - cán bộ để vừa đảm bảo tốt nhiệm vụ của địa phương, của từng đơn vị, vừa sẵn sàng đáp ứng yêu cầu chi viện cán bộ cho miền Nam sau ngày giải phóng (và trong tháng đã có một số cán bộ công nhân viên chức các ban, ngành lên đường vào Nam công tác theo quyết định điều động của trên), v.v..

NHIỆM VỤ CÔNG TÁC THÁNG 5-1975

Nhân ngày lễ mừng thắng lợi vĩ đại của dân tộc và kỷ niệm 85 năm ngày sinh của Hồ Chủ tịch, mở một đợt sinh hoạt chính trị

trong chi bộ, chi đoàn, các đoàn thể quần chúng và trong nhân dân các dân tộc nhằm ôn lại sự nghiệp vĩ đại, *Di chúc* thiêng liêng của Hồ Chủ tịch và làm cho mọi người biểu lộ niềm hân hoan, phấn khởi và lòng tự hào trước những thắng lợi vĩ đại của quân và dân ta, trên cơ sở đó mà biến thành hành động cách mạng thiết thực, đẩy mạnh phong trào thi đua lao động, sản xuất, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội, phấn đấu hoàn thành thắng lợi kế hoạch nhà nước năm 1975. Trước mắt cần đẩy lên một cao trào thi đua trong mọi hoạt động, phát huy cao độ chủ nghĩa anh hùng cách mạng, khắc phục những nhược điểm, tồn tại, những biểu hiện tiêu cực trong sản xuất và đời sống xã hội, trong việc quản lý kinh tế, quản lý nhà nước, thực hiện tốt các nghị quyết 22, 23, 228, Chỉ thị 192 của Trung ương và các chỉ thị, nghị quyết của Tỉnh ủy, phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ chính trị của cấp, ngành và đơn vị mình, cụ thể là:

- Tập trung chỉ đạo đẩy mạnh chuẩn bị việc làm mùa, nhằm đảm bảo gieo cấy hết diện tích, kịp thời vụ, đồng thời chuẩn bị thu hoạch nhanh, gọn vụ chiêm và chăm sóc các cây trồng và đàn gia súc; đẩy mạnh công tác quy hoạch trồng rừng, bảo vệ rừng. Quan tâm giải quyết những tồn tại, mất cân đối trong sản xuất công nghiệp để đẩy mạnh tốc độ sản xuất công nghiệp (nhất là đối với các thứ có tính chất thời vụ), xây dựng cơ bản, giao thông liên lạc, tài chính thương nghiệp và các hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế, đáp ứng kịp với tình hình nhiệm vụ mới.

- Chuẩn bị tiến hành tổng kết năm học 1974 - 1975 và tổ chức hè vui tươi, lành mạnh, thiết thực, bổ ích cho học sinh các cấp.

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị, tăng cường quản lý về mọi mặt, đấu tranh khắc phục những hiện tượng tiêu cực trong sản xuất và đời sống xã hội, xây dựng, củng cố lực lượng trị an, quốc phòng, bảo đảm trật tự trị an biên giới, nội địa trong tình hình mới.

- Tiếp tục nghiên cứu, quán triệt và thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 23 của Trung ương, kết hợp với công tác tổ chức đại hội đảng các cấp; tiếp tục thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư có phân chia quy định thời gian cụ thể; đẩy mạnh công tác phát triển Đảng, đồng thời làm tốt công tác quy hoạch cán bộ, chuẩn bị lực lượng sẵn sàng khi trên cần điều động.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ
NÔNG CÔNG THƯỜNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 311/TB-TU, ngày 2-6-1975

**Về Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai
(Từ ngày 24 đến ngày 30-4-1975 và từ ngày 28
đến ngày 30-5-1975)**

Trong các phiên họp từ ngày 24 đến ngày 30-4-1975 và từ ngày 28 đến ngày 30-5-1975, Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã tiếp tục quán triệt Nghị quyết số 23 của Trung ương, kiểm điểm, đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy đối với các nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng và các mặt có liên quan, đồng thời kiểm điểm lề lối làm việc của Tỉnh ủy.

Ban Chấp hành đã làm việc một cách khẩn trương, nghiêm túc. Sau khi nghiên cứu và thảo luận các văn bản Dự thảo, Ban Chấp hành đã thống nhất quyết nghị một số vấn đề chủ yếu như sau:

I. KIỂM ĐIỂM, ĐÁNH GIÁ PHONG TRÀO MỌI MẶT VÀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG CỦA TỈNH

1. Về ưu điểm, thành tích (các điểm mạnh)

Thắng lợi, thành tích của tỉnh ta đã đạt được trên các mặt công tác từ năm 1970 đến nay là to lớn, tương đối toàn diện.

Về mặt kinh tế, căn cứ vào đặc điểm tự nhiên và các khả năng phong phú của địa phương, Tỉnh ủy đã từng bước nắm sâu

tình hình đặc điểm địa phương, coi trọng việc áp dụng khoa học kỹ thuật theo từng bước tích cực, coi trọng việc tiến hành quy hoạch vùng sản xuất trong tỉnh, đã đi từ tổng thể đến dần dần cụ thể. Phương hướng sản xuất cho các vùng đã được xác định, các cây con đề ra hướng phát triển đều sát đúng, đến nay chưa thấy có gì phải thay đổi cơ bản. Quá trình tổ chức thực hiện, chúng ta đã có nhiều cố gắng trong việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật và chỉ đạo kỹ thuật, đã tập trung giải quyết một số khâu chính trong giao thông, thủy lợi, cơ cấu cây trồng, phân bón, giống má và thời vụ... Kết quả đến nay, một số vùng sản xuất mới đã được hình thành, một số cây con như hạt rau, chè, dưa, thuốc, cây ăn quả, cây đặc sản, con lợn, con cá... bước đầu đã được xác định về quy trình sản xuất và kỹ thuật, đang tạo ra những tiền đề tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, ngày càng có nhiều sản phẩm hàng hóa. Sản xuất lương thực và thực phẩm ngày càng được phát triển, đẩy mạnh sản lượng ngày càng tăng lên. Năng suất lúa đã có nhiều hợp tác xã đạt trên 5 tấn/ha, một số hợp tác xã đã đạt được 7 - 8 tấn/ha. Một số điển hình từng mặt và nhiều mặt trong các cơ sở kinh tế tập thể (kể cả ở vùng cao) đã xuất hiện, đang được bồi dưỡng và đã có khả năng nhân lên. Chăn nuôi phát triển khá, đặc biệt đàn lợn phát triển nhanh và tăng sản phẩm một cách rõ rệt.

Trong khu vực kinh tế quốc doanh, một số nông trường, trạm trại tuy đang ở thời kỳ xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, nhưng nói chung đã có phương hướng phát triển và đi lên đúng đắn.

Sản xuất công nghiệp địa phương được phát triển và củng cố, đã đáp ứng một phần quan trọng trong việc cung cấp nông cụ thường và nông cụ cải tiến và cung cấp một số mặt hàng thiết yếu cho đời sống của nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Hiện nay, công nghiệp địa phương của tỉnh ta đã có khả năng, trình độ để sửa chữa, sản xuất một số máy móc thi công, chế biến... Cơ sở vật chất và kỹ thuật trong nhiều ngành... đang được mở rộng và tăng cường.

Công tác xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể ở cơ sở đã đạt nhiều kết quả tốt, qua các đợt vận động và sinh hoạt chính trị. Đến nay, cơ sở đảng đã xây dựng được ở khắp nơi và từng bước được củng cố. Đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ khoa học kỹ thuật ở huyện và tỉnh đã được đào tạo, bồi dưỡng ngày càng đông đảo, đang từng bước được củng cố, kiện toàn.

Lực lượng an ninh, quốc phòng được xây dựng, củng cố đã giữ vững được trật tự trị an biên giới, nội địa. Công tác tuyển quân cho tiền tuyến hàng năm có nhiều cố gắng.

Trong việc tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, gắn liền với đẩy mạnh phát triển lực lượng sản xuất, từng bước đẩy mạnh cách mạng kỹ thuật, cách mạng tư tưởng - văn hóa, chúng ta đã bám chắc và vận dụng có sáng tạo đường lối hợp tác hóa nông nghiệp vào điều kiện đặc điểm tỉnh ta, đã kiên trì xây dựng, củng cố và từng bước phát triển các hợp tác xã trong nông thôn. Vì vậy, phong trào hợp tác hóa nông nghiệp đến nay nói chung được duy trì và dần dần tiến bộ.

Đối với vùng cao, do có nhiều khó khăn về nhiều mặt, đòi hỏi phải giải quyết lâu dài theo từng bước, nhưng chúng ta đã cố gắng đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho vùng cao như xây dựng các trục đường giao thông lên đến tận các thị trấn và các khu vực của các huyện vùng cao, nhiều nguồn nước ăn cho vùng cao đã được xây dựng, giảm bớt một phần khó khăn trong sinh hoạt cho nhân dân, ruộng, nương bậc thang nhiều nơi ở vùng cao được khai phá, mở rộng thêm, một số cây con cho vùng cao bước đầu đã được xác định; nạn đói tháng năm ở vùng cao nói chung đã được giải quyết; phong trào hợp tác hóa vùng cao đã có hợp tác xã điển hình, v.v.. Đó là những yếu tố quan trọng góp phần thúc đẩy ba cuộc cách mạng ở vùng cao tiến lên.

2. Về khuyết điểm, tồn tại

Bên cạnh những ưu điểm, thành tích nói trên, phong trào của tỉnh ta còn nhiều mặt yếu, kém:

Ba cuộc cách mạng chưa được tiến hành đồng đều: về mặt tư tưởng - văn hóa, sự chỉ đạo chưa mạnh. Công tác giáo dục đấu tranh giữa “hai con đường” thiếu kiên quyết, kịp thời, liên tục nên chưa phục vụ đắc lực cho công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế ở địa phương, chưa tạo được những nhân tố tích cực làm nòng cốt cho phong trào để đấu tranh khắc phục những biểu hiện tiêu cực trong sản xuất và đời sống. Vì vậy, tư tưởng làm ăn cá thể, vun vén cá nhân, tư lợi phát triển. Việc động viên sức người, sức của còn gặp nhiều khó khăn. Một số tệ tục lạc hậu đang tái diễn và có chiều hướng phát triển. Phong trào văn hóa, giáo dục, y tế trong nông thôn, nhiều nơi còn yếu kém, nạn mù chữ còn nhiều nhưng chưa được quan tâm giải quyết đúng mức.

- Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa chưa được củng cố vững chắc. Phong trào hợp tác hóa tiến bộ chậm, không đều, còn nhiều mặt yếu, kém, nhất là ở vùng cao, nên chưa phát huy mạnh mẽ vai trò, tác dụng đối với sản xuất và các mặt hoạt động khác.

- Từ quy hoạch tổng thể, đi vào quy hoạch cụ thể để định ra mức độ, quy mô đầu tư, phát triển bảo đảm cân đối giữa các ngành, các vùng, các cây, con... còn nhiều lúng túng, tiến hành còn tản mạn, chậm trễ, chưa thật tập trung vào phương hướng chủ yếu.

- Việc chỉ đạo thực hiện đẩy mạnh các cây, con trong nông nghiệp; củng cố phát triển sản xuất trong cây công nghiệp vẫn còn hiện tượng tản mạn, cho nên chưa phát huy được thế mạnh của những cây, con của những ngành mà địa phương có ưu thế, vấn đề rừng và nghề rừng chưa được quan tâm đẩy mạnh đúng với khả năng của địa phương tỉnh ta.

- Trong công nghiệp thì thủ công còn bị xem nhẹ, sản xuất công nghiệp chưa tập trung phục vụ đắc lực cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp phát triển. Việc phát triển trang thiết bị cho công nghiệp chế biến nông lâm sản của địa phương còn yếu.

- Công tác xây dựng cơ bản, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho thâm canh (nước, phân, giống cây...) trong nông - lâm nghiệp,

trong nông thôn chưa làm được nhiều (một phần do vốn có hạn, lao động kỹ thuật và vật tư thiếu). Việc quan tâm đến xây dựng các cơ sở cho đời sống phúc lợi quần chúng và trường sở, v.v., còn ít. Công tác khảo sát thiết kế còn làm quá chậm. Việc phân bổ vốn còn mang tính chất bình quân, tản mạn. Công tác chỉ đạo thi công thiếu tập trung dứt điểm, gây nhiều lãng phí về sức người, sức của. Phong trào giao thông nông thôn yếu, chưa khéo phối kết hợp với các phong trào trồng cây, thủy lợi, do đó chưa tạo điều kiện cho sản xuất phát triển nhanh mạnh.

- Công tác lưu thông, phân phối, tài chính, tiền tệ, thu mua, nắm nguồn hàng phục vụ sản xuất và đời sống còn yếu. Các hợp tác xã mua bán và tín dụng tan vỡ nhiều, chưa được củng cố, nội dung hoạt động nghèo nàn. Công tác quản lý kinh tế, tài chính có nhiều sơ hở, lỏng lẻo, tham ô, lãng phí còn xảy ra khá phổ biến. Công tác thanh quyết toán, nhất là ở cơ sở còn yếu, dây dưa, kéo dài. Việc xây dựng và phân bổ kế hoạch thường chưa có cơ sở khoa học thực tế và dân chủ.

- Trong công tác trị an - quốc phòng, việc nhắc nhở, quán triệt tinh thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu chưa được thường xuyên. Nhận thức “kinh tế kết hợp với quốc phòng” trong các cấp, các ngành chưa được thấm nhuần sâu sắc. Công tác nắm tình hình, ngăn ngừa những hiện tượng tiêu cực, bảo vệ trật tự trị an, bảo vệ biên giới còn nhiều sơ hở. Việc thực hiện Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị làm chưa gọn, chưa tạo được chuyển biến rõ rệt, chỉ đạo chưa tập trung. Công tác xét xử, trấn áp, trừng trị nhiều vụ làm chậm, thiếu trọng tâm, trọng điểm, nhiều trường hợp còn thể hiện hữu khuynh. Công tác tuyên truyền, giáo dục và thực hiện chính sách hậu phương quân đội ở cơ sở còn yếu.

- Công tác xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng, công tác tổ chức - cán bộ thường chưa bám sát, gắn liền với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị. Việc quy hoạch, đánh giá, sắp xếp, đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt cán bộ cho yêu cầu trước mắt và

lâu dài còn nhiều lúng túng (kể cả cán bộ cơ sở), chưa đáp ứng kịp thời với đòi hỏi của tình hình. Công tác kết nạp đảng viên mới quá yếu. Công tác thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư ở cơ sở làm kéo dài thiếu dứt điểm. Các vụ khiếu nại nói chung chưa phúc tra, kết luận được. Việc đưa cán bộ xuống giúp cơ sở còn thiếu kiên quyết, khẩn trương. Vai trò và hiệu lực của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng ở cơ sở, nhất là nông thôn vùng cao, nói chung còn yếu, chưa tự đảm đương được nhiệm vụ. Tổ chức, bộ máy của một số huyện chưa thực sự được kiện toàn, tăng cường. Một số ngành, ban ở tỉnh chưa được chấn chỉnh, củng cố phù hợp với tình hình nhiệm vụ mới. Chức năng, nhiệm vụ của các ngành chưa quy định thật rõ rệt, hoặc đã quy định, nhưng tinh thần trách nhiệm của mỗi ngành, mỗi tổ chức chưa cao. Đối với cán bộ trẻ, nói chung các cấp, các ngành chưa thực sự chú ý quan tâm bồi dưỡng, đào tạo, đề bạt.

Việc thực hiện chức năng Đảng lãnh đạo, chính quyền quản lý các đoàn thể động viên, giáo dục quần chúng thực hiện, nhiều khâu, nhiều việc còn lúng túng, lẫn lộn, cho nên chưa phát huy mạnh mẽ được sức mạnh tổng hợp của hệ thống chuyên chính vô sản trong khi tổ chức thực hiện các nhiệm vụ.

Một số nghị quyết lớn của Đảng về công tác vận động quần chúng chưa được nghiên cứu, quán triệt và thi hành nghiêm chỉnh, các điển hình ít được chú ý bồi dưỡng nên không duy trì, phát huy vai trò được lâu dài và chưa được nhân lên thành phong trào rộng rãi.

3. Nguyên nhân của những khuyết điểm, tồn tại

Có nhiều nguyên nhân của những khuyết điểm, tồn tại nói trên nhưng nguyên nhân chính nổi bật thuộc về công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện của các cấp, các ngành và của Tỉnh ủy. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã thống nhất nhận định:

- Việc cụ thể hóa các chủ trương, phương hướng, nghị quyết của Đảng bằng các kế hoạch, chỉ tiêu, biện pháp của chính quyền, đoàn thể nhiều lúc còn chậm chạp, thậm chí có việc còn trì trệ. Có việc bàn bạc chưa sâu và khi tổ chức thực hiện thiếu chuẩn bị điều kiện đầy đủ nên kém kết quả.

- Sự chỉ đạo còn nhiều biểu hiện tản mạn, thiếu tập trung dứt điểm, thiếu nhạy bén, kịp thời; thiếu tập trung vào những hướng chính mà nghị quyết của Trung ương và của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã quyết định. Điều đó biểu hiện là khi đề ra chủ trương, nhiệm vụ và nghị quyết thì nhất trí, nhưng khi chỉ đạo thực hiện thì có việc thiếu thống nhất tập trung, biểu hiện hành động chưa nhất trí cao.

- Sự phối, kết hợp giữa công tác trung tâm, đột xuất với công tác thường xuyên, giữa các cấp, các ngành còn thiếu ăn khớp, chặt chẽ, nhịp nhàng, đồng bộ. Công tác kiểm tra đôn đốc thiếu thường xuyên, sâu sát. Lễ lối làm việc, chế độ công tác có điểm chưa được cải tiến, hoặc có điểm đã có nhưng thực hiện không nghiêm chỉnh, kỷ luật báo cáo, thỉnh thị chưa nghiêm.

- Việc thực hiện nội dung ba cuộc cách mạng có lúc thiếu nhịp nhàng, gấn bó với nhau. Tư tưởng hành chính cung cấp còn thể hiện nặng nề. Ý thức tổ chức kỷ luật còn lỏng lẻo. Tinh thần trách nhiệm chưa được đề cao đúng mức. Trình độ mọi mặt của cán bộ ở xã, hợp tác xã còn quá yếu, chưa được chú ý đào tạo, bồi dưỡng. Tư tưởng chủ quan, phiến diện, nhấn mạnh một chiều, nặng về thành tích, nhẹ về thiếu sót, tồn tại (hoặc ngược lại), lối làm việc thiếu điều tra nghiên cứu, v.v., còn thể hiện trên một số vấn đề trong một vài đồng chí cấp ủy và ở một số cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp, các ngành. Công tác xây dựng, củng cố vùng cao, biên giới còn nhiều mặt yếu, nhất là mặt tư tưởng và văn hóa xã hội.

Tóm lại, nhìn lại quá trình những năm qua, các chủ trương về phương hướng, nhiệm vụ của Tỉnh ủy đề ra đều đúng đắn, có mặt có sáng tạo, chỉ đạo thực hiện có nhiều ưu điểm, do đó phong trào

ngày càng tiến bộ và phát triển. Tuy nhiên, trên từng mặt đều còn những nhược điểm, tồn tại, thể hiện chủ yếu là do công tác và trình độ, nhất là về chỉ đạo và tổ chức thực hiện còn nhiều thiếu sót, thiếu cụ thể, thiếu tập trung thống nhất và cân đối, đồng bộ. Đó là mâu thuẫn chủ yếu nổi lên hiện nay, đòi hỏi tỉnh ta phải tích cực và kiên quyết khắc phục.

II. VỀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ

Từ tình hình thực tế như đã nhận định, đánh giá ở phần trên, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã xác định: “Phải bám chắc phương hướng lâu dài của tỉnh ta là: tỉnh công nghiệp, khai hoang lớn, công nghiệp chế biến nông, lâm, đặc sản, thực phẩm, đồng thời phát triển chăn nuôi, nghề rừng, cây công nghiệp, cây đặc sản. Phải từ yêu cầu phục vụ cho công nghiệp khai khoáng của Trung ương tại địa phương, để phát triển kinh tế địa phương cho thích hợp”.

Để thực hiện các nghị quyết của Trung ương và phương hướng lâu dài của tỉnh ta như trên, Tỉnh ủy nhất trí với những điểm cơ bản về phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu cơ bản từ nay đến năm 1980 và hai năm 1975 - 1976 như đã nêu lên trong các văn bản dự thảo. Để làm cho bản phương hướng, nhiệm vụ của tỉnh ta thêm hoàn chỉnh, từng cấp, từng ngành phải tiến hành quy hoạch cụ thể theo phương hướng phát triển từ nay đến 1980 - 1985, đồng thời xác định rõ ràng chỉ tiêu cụ thể trong hai năm 1975 - 1976 của tỉnh phù hợp với tình hình và nhiệm vụ mới.

Đối với những chỉ tiêu chủ yếu từ nay đến 1980 - 1985, Ban Chấp hành giao cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy sẽ xét duyệt cụ thể, căn cứ vào tình hình, nhiệm vụ mới, dựa vào các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và các ban, các ngành nghiên cứu xây dựng đề ra sao cho vừa có tính chất tiên tiến, vừa phù hợp với khả năng và hoàn cảnh của tỉnh ta.

Các vấn đề về phương hướng, chủ trương, biện pháp lớn và một số vấn đề cụ thể, qua hội nghị này, Tỉnh ủy đã có sự nhất trí cao để bảo đảm sự chỉ đạo, thực hiện được thấu suốt, triệt để hơn. Việc phát triển một số cây, con: khoai tây, nấm hương... Tỉnh ủy quyết nghị cần phải được tiến hành thí nghiệm, thí điểm, có đúc rút kinh nghiệm, có kết luận chắc chắn về kỹ thuật, trước khi phát triển đại trà.

Cần đầu tư nhiều và mạnh dạn hơn nữa để xây dựng thêm cơ sở vật chất kỹ thuật, nhanh chóng quy hoạch cụ thể về đất đai cho các cây con, cho việc trồng rừng bảo vệ đầu nguồn ở vùng cao (chú ý miền Đông).

Cần đẩy mạnh hơn nữa ba cuộc cách mạng ở vùng cao, xây dựng cho vùng cao những điển hình từng mặt, tiến lên thành điển hình nhiều mặt, đưa vùng cao tiến bộ nhanh hơn. Phải làm cho tổ chức đảng, chính quyền, các đoàn thể ở vùng cao, biên giới vững mạnh.

Về công tác cán bộ, phải thi hành tốt Nghị quyết số 225 của Trung ương, cụ thể là nghiêm chỉnh thi hành Nghị quyết số 04, Nghị quyết của Tỉnh ủy, và Thông báo số 11 của Ban Bí thư Trung ương. Trước mắt cần kiên quyết điều động một số cán bộ có chất lượng xuống giúp đỡ các cơ sở xây dựng phong trào ở nông thôn. Phải nhanh chóng hoàn thành quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, trên cơ sở có kế hoạch và thực hiện việc giáo dục, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ một cách có hệ thống, tránh lối làm công tác cán bộ một cách chắp vá, bị động.

Đối với công tác xây dựng Đảng, phải tiếp tục theo Nghị quyết số 195 và Nghị quyết số 23 của Trung ương để làm tốt công tác xây dựng Đảng như đã đề ra trong báo cáo của Tỉnh ủy. Cần phải chú trọng nâng cao chất lượng sinh hoạt và năng lực lãnh đạo của chi bộ cơ sở, đồng thời phải đẩy mạnh công tác phát triển Đảng. Phải tập trung vào việc xây dựng, củng cố các chi bộ, đảng bộ kém và trung bình, nhanh chóng giải quyết các cơ sở kém, đảng viên kém và trung bình. Phải đẩy mạnh và hoàn thành việc thực hiện Chỉ

thị 19 của Ban Bí thư trong toàn tỉnh, đồng thời tiến hành phúc tra các cơ sở và các đối tượng đã làm. Hoàn thành công tác bảo vệ Đảng. Cần cải tiến phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, chế độ và lề lối làm việc theo Nghị quyết của Tỉnh ủy để làm rõ ranh giới chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức: vai trò Đảng lãnh đạo, vai trò chỉ đạo thực hiện của tổ chức chính quyền và các đoàn thể quần chúng, bảo đảm cho các chủ trương, chỉ thị, nghị quyết của Đảng được phổ biến quán triệt và thi hành nghiêm chỉnh, kịp thời. Các đồng chí trong Ban Chấp hành tỉnh và các cấp ủy cần quan tâm và đề cao tinh thần trách nhiệm hơn nữa đối với công tác xây dựng Đảng trong khi tiến hành chỉ đạo huyện và chỉ đạo công tác ở ngành mình phụ trách.

Đi đôi với việc quan tâm đến công tác xây dựng Đảng, cần tăng cường, củng cố tổ chức chính quyền và các tổ chức quần chúng ở các cấp, nhất là ở cơ sở.

Để đạt được những yêu cầu, nhiệm vụ trên, cần đẩy mạnh đợt sinh hoạt chính trị, nâng cao tư tưởng theo tinh thần Nghị quyết số 23 Trung ương; phát động phong trào thi đua lao động, sản xuất, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội, phấn đấu hoàn thành thắng lợi kế hoạch nhà nước năm 1975. Cần đẩy lên một cao trào thi đua trong mọi hoạt động, động viên mọi người phát huy cao độ chủ nghĩa anh hùng cách mạng, quyết tâm khắc phục những nhược điểm, tồn tại, những biểu hiện tiêu cực trong sản xuất và đời sống xã hội, trong việc quản lý kinh tế, quản lý nhà nước. Phải khẩn trương thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 228 của Bộ Chính trị, Chỉ thị 192, 208, 209 của Ban Bí thư và các chỉ thị, nghị quyết của Tỉnh ủy một cách gắn bó, kết hợp chặt chẽ với nhau.

Một số công tác chính cần tập trung thực hiện trong thời gian từ nay đến quý III-1975 là:

- Đẩy mạnh và hoàn thành nhanh gọn việc thực hiện Nghị quyết số 228 của Bộ Chính trị. Tăng cường công tác trị an - quốc phòng, củng cố xây dựng lực lượng quân sự, công an, v.v.. Giải

quyết dứt điểm các vụ khiếu tố về mặt hành chính cũng như về mặt pháp luật.

- Đẩy mạnh việc thực hiện Chỉ thị 192, đảm bảo đến hết quý 3-1975 tiến hành tổng kết khu vực nông thôn, tiếp tục triển khai đợt cuối cùng trong khu vực cơ quan, xí nghiệp. Tổng kết cuộc vận động bảo vệ Đảng theo Chỉ thị số 90. Tiến hành phúc tra các điểm 192 đã làm.

- Chuẩn bị tốt để tiến tới mở Đại hội nông dân tập thể toàn tỉnh khi đã thực hiện đầy đủ những điều Trung ương quy định:

- a) Từ cơ sở lên đến tỉnh phải có phong trào tốt về mọi mặt.

- b) Các kiến nghị của Đại hội nông dân tập thể cấp dưới phải được nghiên cứu, giải quyết, sửa chữa có kết quả theo Điều lệ Hợp tác xã quy định.

- c) Các văn bản về nội dung Đại hội phải được chuẩn bị đầy đủ, chu đáo theo sự hướng dẫn của Trung ương.

- Chuẩn bị Đại hội Đảng tỉnh vào quý III-1975. Tiến hành kiểm điểm, phê bình, tự phê bình theo Nghị quyết số 23 trung ương (trong quý II-1975).

- Nghiên cứu sắp xếp, ổn định bộ máy tổ chức, chuẩn bị lực lượng cán bộ, gấp rút hoàn thành quy hoạch cán bộ, xây dựng chế độ và ra sức cải tiến phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, sửa đổi lề lối làm việc theo nội dung nghị quyết của Tỉnh ủy đã đề ra. Phải nhanh chóng kiện toàn cấp huyện, thị và một số bộ môn, ty, ban, ngành ở tỉnh cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ hiện nay.

- Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc kịp thời nắm chắc tình hình, sâu sát cơ sở, thực hiện nghiêm chỉnh chế độ báo cáo, thỉnh thị, nguyên tắc tập trung dân chủ, chống tư tưởng tản mạn, tùy tiện vô trách nhiệm.

- Đẩy mạnh việc giáo dục lý luận cơ bản và thời sự, chính sách cho đảng viên, cán bộ và quần chúng nhân dân các dân tộc.

Những vấn đề cơ bản trên đây đã được Ban Chấp hành tỉnh nhất trí quyết nghị, cần phổ biến quán triệt đến các cấp, các

ngành, các cơ sở, đồng thời phải được cụ thể hóa bằng các chỉ tiêu, biện pháp của chính quyền, các đoàn thể, của các cấp, các ngành và các ban để tổ chức thực hiện khẩn trương, chặt chẽ.

Tất cả các ngành, các cấp cần đề cao trách nhiệm đảm bảo thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

NÔNG CÔNG THƯỜNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 35/BC-TU, ngày 5-6-1975

Về việc kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh từ năm 1970 đến nay

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh do Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ V bầu ra, gồm 29 đồng chí (27 chính thức, 2 dự khuyết). Trong thời gian qua, do yêu cầu chung, Trung ương điều đi công tác khác 2 đồng chí và 1 đồng chí ốm chết, nên nay số cấp ủy viên còn 26 đồng chí (đều là chính thức), trong đó có 9 đồng chí ủy viên Ban Thường vụ.

Trên cơ sở học tập quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ 23 của Trung ương Đảng và căn cứ vào nhiệm vụ của mình, Tỉnh ủy kiểm điểm các ưu khuyết điểm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo các mặt như sau:

Ưu điểm:

Từ năm 1970 đến nay, Trung ương có những nghị quyết, chỉ thị lớn đã ban hành, như các nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 19, 20, 21, 22, các nghị quyết 225, 228, v.v., của Bộ Chính trị, các chỉ thị 192, 205, 208, 209, 211, v.v., của Ban Bí thư. Chấp hành các nghị quyết, chỉ thị đó và thi hành Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V, Tỉnh ủy đã có nhiều cố gắng trong việc nghiên cứu vận dụng, đề ra các chủ trương, kế hoạch, biện pháp để thực hiện.

Ưu điểm nổi bật là mỗi khi có chỉ thị, nghị quyết của Trung ương gửi về, bản thân Tỉnh ủy phân công nhau hoặc sử dụng các ban, ngành chuyên môn tiến hành việc nghiên cứu xây dựng các chủ trương, kế hoạch và các biện pháp lớn, tiến hành học tập, nghiên cứu trong Tỉnh ủy, rồi triển khai xuống các cấp, các ngành một cách kịp thời và nghiêm chỉnh. Vận dụng thi hành các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương vào hoàn cảnh địa phương và cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội tỉnh lần thứ V, Tỉnh ủy đã đề ra 19 nghị quyết để thực hiện về phương hướng, nhiệm vụ cho từng năm (trong đó nhấn mạnh về kế hoạch nhà nước và xây dựng Đảng), về quản lý ruộng đất và rừng, về củng cố phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, về trị an - quân sự địa phương, về công tác tư tưởng, cán bộ, về thực hiện Chỉ thị 192, v.v..

Các nghị quyết, chỉ thị của Tỉnh ủy đề ra, do có sự đi sâu vào công tác điều tra, nghiên cứu, nắm vững hơn tình hình đặc điểm địa phương, do tư tưởng cách mạng tiến công luôn luôn được phát huy, nên các chủ trương, biện pháp nêu ra được thực hiện kiểm nghiệm, đã chứng tỏ việc vận dụng đường lối, chính sách của Trung ương vào điều kiện, hoàn cảnh địa phương nói chung là đúng đắn, sát hợp, không có sai lệch gì xảy ra.

Về mặt chỉ đạo thực hiện, sự hoạt động của tập thể Ban Chấp hành nói chung, biểu hiện hàng ngày là Ban Thường vụ nói riêng, có nhiều tiến bộ. Trên cơ sở chỉ thị, nghị quyết đã có, Tỉnh ủy và Ban Thường vụ đã bám chắc vào chỉ đạo nói chung là chặt chẽ đối với các công tác chủ yếu thường xuyên như xây dựng, phát triển kinh tế, củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, bảo vệ trị an, quân sự địa phương, xây dựng Đảng, đồng thời quan tâm tổ chức chỉ đạo thực hiện các công tác đột xuất từng thời gian như tuyển quân, điều tra dân số, thực hiện Chỉ thị 192, Nghị quyết 228...

Trong việc tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, Tỉnh ủy đã tiếp tục kiên trì củng cố phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, đồng thời có những cố gắng trong việc chỉ đạo xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật, đẩy mạnh cải tiến kỹ thuật, phát triển văn hóa, giáo dục. Do đó, phong trào hợp tác hóa nông nghiệp tuy chưa vững chắc, còn nhiều khó khăn, tồn tại, nhưng vẫn duy trì được ở mức độ nhất định (61,2% số hộ nông dân, trong đó vùng thấp: 81,6%; vùng cao: 45,9%). Về mặt kinh tế - văn hóa, sản xuất ngày càng phát triển. Tổng giá trị sản lượng công - nông nghiệp tỉnh đến năm 1974 đã tăng 83,7% so với năm 1969, bình quân hàng năm tăng 12,9%. Đời sống nhân dân được bảo đảm và cải thiện dần; tình trạng thiếu ăn giáp hạt ở một số nơi vùng cao nay đã được giải quyết. Nghĩa vụ đối với Nhà nước của nhân dân, nói chung được bảo đảm.

Trong nông - lâm nghiệp, sự lãnh đạo và chỉ đạo của Tỉnh ủy đã được tập trung, nhấn mạnh việc phấn đấu đẩy mạnh sản xuất lương thực đến mức cố gắng cao nhất và đẩy mạnh vấn đề tự túc thực phẩm cho mọi nhu cầu, bằng con đường thâm canh tăng vụ, tăng diện tích ở nơi còn điều kiện, coi trọng cả lúa và màu (ngô, sắn,...), Do đó, sản lượng lương thực hàng năm tăng khá, đến năm 1974 so với năm 1969 đã tăng 10.917 tấn (tăng trên 25%), bình quân hàng năm tăng 4,7%. Tình hình chăn nuôi lấy thịt, phát triển nhất là đàn lợn được tập trung giải quyết vấn đề giống, tăng cường xây dựng chuồng trại (trong quốc doanh), có chế độ gia công phân phối cám, giá cả thu mua năm 1974 đạt được 1.098 tấn, đủ bảo đảm cho các nhu cầu (kể cả cho các cơ sở công nghiệp trung ương ở địa phương).

Đi đôi với sản xuất lương thực, thực phẩm, Tỉnh ủy đã có cố gắng trong việc xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật cho việc phát triển các cây, con có thế mạnh của địa phương, Tỉnh ủy đã quan tâm tiến hành điều tra khảo sát, lập quy hoạch sản xuất cụ thể và đã xác định mùa, vụ luân canh một số cây trồng, bước đầu định ra cơ cấu cây trồng, con gia súc cho một số vùng, nhằm hướng chuyên

canh gắn liền với phát triển toàn diện trong mỗi vùng, trên cơ sở quy hoạch tổng thể của tỉnh đã có. Đến nay, một số cây con đang hình thành vùng tập trung và có sản phẩm hàng hóa ngày càng tăng (dứa, chè, hạt rau giống, bò, lợn v.v).

Đối với công nghiệp, Tỉnh ủy đã chú trọng củng cố và ổn định nhanh chóng các cơ sở sản xuất sau chiến tranh phá hoại chấm dứt; đã chú ý một bước đối với công tác quản lý kinh tế và tiếp tục đầu tư trang thiết bị để đẩy mạnh sản xuất. Sản xuất công nghiệp địa phương tiếp tục phát triển, một số xí nghiệp đã sản xuất có chỉ đạo, tập trung vào việc làm đường giao thông, mở thêm một số đoạn đường ô tô vào nông thôn và vùng cao (Bắc Hà, Si Ma Cai, Mường Khương, Pha Long...), đồng thời chú trọng xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật trong các nông trường, trạm trại quốc doanh và tiếp tục phát triển thủy lợi, v.v..

Về mặt đời sống, Tỉnh ủy đã quan tâm đối với việc đảm bảo phân phối, cung cấp phục vụ đời sống cán bộ, công nhân viên và nhân dân; chú ý phát triển các bệnh viện, bệnh xá và trường học.

Đối với công tác trị an - quốc phòng, quân sự địa phương, Tỉnh ủy đã thường xuyên coi trọng việc giáo dục tinh thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu cho cán bộ và nhân dân, đồng thời chú ý đến công tác trị an xã hội, bảo vệ nội địa, biên giới. Do đó, tình hình trật tự an ninh, địa phương được đảm bảo, nói chung không xảy ra sự việc gì lớn, đáng kể. Gần đây thi hành Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị, Tỉnh ủy đã và đang chỉ đạo tiến hành sâu rộng trong tỉnh.

Trong công tác xây dựng Đảng, chính quyền, các đoàn thể quần chúng, Tỉnh ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ đối với việc thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư, đối với các cuộc bầu cử hội đồng nhân dân và kiện toàn ủy ban hành chính các cấp, đối với Đại hội các đoàn thể. Qua đó, vai trò và sự hoạt động của tổ chức đảng, chính quyền và các đoàn thể đã có tiến bộ một bước. Trong công tác cán bộ, việc quán triệt Nghị quyết 225 của Bộ Chính trị đã được tiến hành học tập từ trong Tỉnh ủy đến các cấp, các ngành.

Qua đó, công tác cán bộ đã có tiến bộ hơn trước, đã chú ý kiện toàn lãnh đạo và tổ chức bộ máy ở một số ngành ở tỉnh và huyện.

Về mặt phương thức và tác phong, lề lối lãnh đạo, chỉ đạo, chấp hành nguyên tắc, chế độ sinh hoạt, v.v., của Tỉnh ủy được tiếp tục cải tiến thêm. Sinh hoạt của Tỉnh ủy đều đặn. Vấn đề tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách trong Tỉnh ủy có nhiều tiến bộ. Vai trò trách nhiệm của Ban Thường vụ Tỉnh ủy được đề cao. Công tác kiểm tra, đôn đốc của Tỉnh ủy nói chung được chú ý tăng cường. Việc chỉ đạo và tổ chức thực hiện các công tác giữa Đảng và chính quyền đều đặn được cải tiến. Tinh thần tự phê bình, phê bình, đấu tranh nội bộ, được duy trì tốt, do đó sự đoàn kết nhất trí, tập trung thống nhất được giữ vững.

Tư tưởng, lập trường, đạo đức, phẩm chất của các đồng chí trong Tỉnh ủy đã thể hiện nói chung vững vàng, nói chung đều có tinh thần cách mạng tiến công, cần cù, giản dị, liêm khiết, gương mẫu. Trong chấp hành các chế độ, chính sách, qua tự liên hệ, kiểm điểm theo tinh thần Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị của các Tỉnh ủy viên, tuy cũng có một vài hiện tượng thiếu sót trong một số đồng chí, nhưng không có tính chất và động cơ sai phạm nghiêm trọng.

Về khuyết điểm, nhược điểm:

Bên cạnh những ưu điểm nói trên, Tỉnh ủy tự thấy còn có những khuyết điểm, nhược điểm chính như sau:

- Về mặt lãnh đạo và chỉ đạo ba cuộc cách mạng, xây dựng và phát triển kinh tế - văn hóa còn thể hiện chưa cân đối, toàn diện, có lúc nặng mặt này, nhẹ mặt khác. Việc củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đối với nông thôn, sự chỉ đạo chưa được tập trung đầy đủ, chưa có những biện pháp thật đồng bộ và triệt để, do đó chưa có phong trào mạnh mẽ, nhiều nơi hợp tác xã còn kém hoặc giảm sút. Đặc biệt là đối với vùng cao chiếm 3/4 đất đai trong tỉnh, nhưng sự chú ý tăng cường và đẩy mạnh mọi mặt ở vùng cao chưa được thích đáng, chưa có sự tập trung suy nghĩ và đầu tư vốn, vật tư, v.v., để phát triển kinh tế - văn hóa, xây dựng cơ sở vật chất,

kỹ thuật vào vùng cao. Công tác định canh định cư cũng chưa có sự tích cực chỉ đạo thực hiện, do đó kết quả mang lại được rất ít.

Trong ba cuộc cách mạng thì mặt tư tưởng và văn hóa, sự chỉ đạo chưa mạnh. Việc chỉ đạo công tác giáo dục đấu tranh “hai con đường” thiếu kiên quyết, kịp thời, liên tục; giáo dục nghĩa vụ đóng góp và đi bộ đội, v.v., cho quần chúng các dân tộc cũng chưa mạnh. Vì vậy, tư tưởng làm ăn cá thể, vun vén cá nhân, tư lợi phát triển, động viên sức người, sức của còn gặp nhiều khó khăn. Một số tệ tục lạc hậu (ma chay, cưới xin, cúng bái, nghiện thuốc phiện...) đã và đang tái diễn trở lại, nhưng việc giáo dục, cải tạo làm còn yếu. Phong trào giáo dục, văn hóa, y tế trong nông thôn, nhiều nơi còn yếu kém, nạn mù chữ còn nhiều, nhưng sự chú ý đẩy mạnh giải quyết các mặt này còn chưa được đầy đủ.

Việc lãnh đạo, chỉ đạo kinh tế - kế hoạch, có những vấn đề sau khi đã có chủ trương, có nghị quyết, thì việc cụ thể hóa bằng chỉ tiêu, bằng biện pháp tích cực của chính quyền, đoàn thể, của các ngành để thực hiện chưa được kịp thời, đầy đủ và thiếu chỉ đạo thực hiện một cách tập trung dứt điểm, do đó khả năng điều kiện thì có, nhưng thực hiện không đạt kế hoạch. Việc chỉ đạo đẩy mạnh các cây con trong nông nghiệp, các phương hướng sản xuất trong công nghiệp, vẫn còn tản mạn. Vấn đề rừng và nghề rừng vẫn còn chưa được đẩy mạnh đúng mức. Trong công nghiệp thì thủ công nghiệp còn bị xem nhẹ và sản xuất công nghiệp nói chung chưa thật tập trung phục vụ và ăn khớp với nông - lâm nghiệp.

Công tác xây dựng cơ bản, xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật trong nông - lâm nghiệp, trong nông thôn, nhất là vùng cao, chưa làm được nhiều, do đó chưa tạo được điều kiện là phát triển sản xuất nhanh, mạnh.

Trong chỉ đạo công tác đời sống, có những việc đã đề ra chủ trương, nhưng thực hiện còn chậm chạp, thiếu kế hoạch biện pháp cụ thể, nên chưa đem lại kết quả rõ rệt (vấn đề củi, than, rau xanh, nhà trọ, vệ sinh công cộng ở thị xã, thị trấn, v.v.).

Trong công tác trị an - quốc phòng, việc làm quán triệt tinh thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu chưa được thường xuyên, nhận thức “kinh tế kết hợp với quốc phòng” trong các cấp, các ngành chưa được thấm nhuần sâu sắc. Do đó, hiện tượng chủ quan mất cảnh giác còn xảy ra nhiều. Về mặt giải quyết những hiện tượng tiêu cực trong đời sống kinh tế và xã hội, có nhiều trường hợp còn thể hiện hữu khuynh, thiếu kịp thời, thiếu trọng tâm, trọng điểm. Công tác xét xử, trừng trị, trấn áp vẫn còn một số vụ chậm chạp. Việc thực hiện Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị chưa thật tập trung, dứt điểm, chưa tạo được sự chuyển biến rõ rệt trong quản lý kinh tế và đời sống xã hội.

Đối với công tác xây dựng Đảng, chính quyền, các đoàn thể quần chúng thì việc củng cố các tổ chức ở cơ sở (nhất là cơ sở nông thôn, vùng cao, biên giới) chưa được coi trọng đúng mức, thiếu biện pháp cụ thể. Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên ở cơ sở xã, hợp tác xã, làm chưa tích cực. Do đó, phong trào mọi mặt ở nông thôn (nhất là vùng cao) lúc lên, lúc xuống, chưa phát triển và củng cố được vững mạnh đồng đều. Công tác tổ chức - cán bộ có lúc thiếu kịp thời, chưa đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ chính trị. Công tác kết nạp đảng viên mới bị coi nhẹ. Công tác dân vận, các đoàn thể quần chúng cũng chưa được đẩy mạnh; Tỉnh ủy còn ít bàn về công tác này. Hiện tượng hẹp hòi, bảo thủ, thiếu toàn diện trong công tác tổ chức - cán bộ và mất đoàn kết nội bộ của một số ngành vẫn còn xảy ra, chưa giải quyết được dứt điểm. Việc thực hiện Nghị quyết 225 của Bộ Chính trị nói chung chưa thật mạnh mẽ.

Về phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, tác phong công tác, thực hiện các nguyên tắc của Tỉnh ủy cũng còn một số thiếu sót như: họp hành nói chung đều đặn, nhưng sự chuẩn bị còn thiếu đầy đủ nên cuộc họp thường kéo dài, phát biểu trùng lặp, sự đóng góp ý kiến của các Tỉnh ủy viên vào chủ trương, biện pháp còn ít. Có vấn đề trong phương hướng sản xuất cây, con cụ thể chưa được thảo luận kỹ và khi đã nghị quyết rồi thì trong việc tổ chức thực hiện

còn có biểu hiện thiếu tập trung vào phương hướng chính hoặc thiếu sự nhất trí cao trong hành động thực hiện. Việc chỉ đạo thực hiện và triển khai các chỉ thị, nghị quyết cũng còn có lúc, có việc chưa sâu. Vai trò trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc đối với các cấp, các ngành của Ban Thường vụ Tỉnh ủy cũng còn có việc chưa kịp thời và chưa sử dụng đầy đủ chức năng, trách nhiệm giữa lãnh đạo với chỉ đạo thực hiện, giữa cơ quan Đảng với cơ quan chính quyền đã có nhiều tiến bộ, nhưng cũng còn có lúc, có việc chưa phát huy được mạnh mẽ, nhất là trong chỉ đạo sản xuất, quản lý kinh tế - kế hoạch. Công tác chỉ đạo trọng điểm, xây dựng điển hình sơ kết, tổng kết một số vấn đề, tuy vẫn chưa được chú ý quan tâm, nhưng việc nhân điển hình, phổ biến kinh nghiệm làm còn kém, sơ kết, tổng kết cũng còn nhiều vấn đề quá chậm. Việc nghiên cứu đề nghị với Trung ương về các chính sách cụ thể cũng còn quá ít và thiếu mạnh dạn.

Về phần bản thân các đồng chí trong Tỉnh ủy, nói chung đều thể hiện được tư tưởng, tác phong tốt, nhưng cũng có đồng chí còn chủ quan, bảo thủ, hẹp hòi, quan liêu, thiếu kiểm tra và sâu sát cơ sở, thiếu điều tra nghiên cứu trong công tác. Có đồng chí cũng còn tư tưởng phiến diện, lúc nhấn mạnh thành tích, lúc nhấn mạnh thiếu sót tồn tại đối với những việc hoặc ngành mình phụ trách.

Nguyên nhân của những khuyết điểm, nhược điểm trên là do:

- Công tác điều tra, nghiên cứu nắm tình hình thực tế chưa sâu, bàn bạc thảo luận có vấn đề chưa kỹ, chuẩn bị các khâu cho việc thảo luận, quyết nghị chưa đầy đủ, do đó, chưa có cơ sở để kết luận dứt khoát trong chủ trương cũng như trong biện pháp thực hiện. Cũng do đó, việc vận dụng đường lối, chính sách của Đảng vào từng hoạt động, từng vùng sản xuất, cũng còn có việc chưa sâu, chưa toàn diện.

- Việc phát huy dân chủ các cấp, các ngành của cán bộ đảng viên và quần chúng đối với các chủ trương, kế hoạch của tỉnh chưa được chú trọng.

- Chức năng, trách nhiệm của các ban, các đảng đoàn, các ngành và của bản thân Tỉnh ủy cũng chưa quy định được cụ thể hoặc đã có nhưng chưa phát huy được đầy đủ. Các ban, đảng đoàn, các ngành nói chung chưa làm tốt nhiệm vụ tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Tỉnh ủy. Một số ban và bộ môn nghiên cứu tổng hợp giúp việc của Tỉnh ủy và Ủy ban Hành chính tỉnh chưa được củng cố, kiện toàn một cách đảm bảo đặc lực.

- Trình độ kiến thức và năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của các đồng chí trong Tỉnh ủy cũng chưa đồng đều, nhất là mặt khoa học kỹ thuật, quản lý kinh tế. Một số đồng chí chưa phát huy hết tinh thần cá nhân phụ trách trước tập thể. Một số đồng chí lại phải phân công kiêm nhiệm nhiều việc, do đó, đã phần nào hạn chế đối với sự lãnh đạo, chỉ đạo chung của tập thể Tỉnh ủy.

Tóm lại, kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy trong mấy năm qua thì mặt ưu điểm, tiến bộ là cơ bản. Tuy nhiên, Tỉnh ủy cũng tự thấy còn những khuyết điểm tồn tại. Tồn tại chủ yếu nhất là vấn đề tổ chức chỉ đạo thực hiện, sau khi đã có chủ trương, nghị quyết thì thường thiếu biện pháp cụ thể, kịp thời, thiếu theo dõi chặt chẽ từ đầu đến cuối, thiếu kết thúc và tổng kết một cách gọn gẽ và dứt điểm.

Sang khóa tới, dưới ánh sáng của các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, lại có sự quyết tâm phấn đấu vươn lên của bản thân mỗi đồng chí Tỉnh ủy viên và sự đoàn kết nhất trí của toàn Đảng bộ, nhất định Tỉnh ủy sẽ hoàn thành chức năng, nhiệm vụ của mình một cách tốt đẹp hơn.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ

NÔNG CÔNG THƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 36-BC/TU, ngày 5-6-1975

Về việc kiểm điểm các mặt công tác từ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V đến nay và phương hướng, nhiệm vụ hai năm 1975 - 1976 của tỉnh Lào Cai

Để tiếp tục thực hiện các nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 19, 20 và Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 23 mới đây vừa được học tập, đồng thời để chuẩn bị Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI sắp tới, Tỉnh ủy kiểm điểm, đánh giá các mặt công tác mấy năm qua và dự kiến phương hướng, nhiệm vụ của Đảng bộ trong hai năm 1975 - 1976.

I. TÌNH HÌNH ĐẶC ĐIỂM ĐỊA PHƯƠNG VÀ KIỂM ĐIỂM CÁC MẶT CÔNG TÁC TỪ NĂM 1970 ĐẾN NAY

Đặc điểm bao trùm và nổi bật của Lào Cai đã được Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V nhận định và được thực tiễn kiểm nghiệm, bổ sung là: Một là miền núi, biên giới (207 km giáp Trung Quốc), nhiều dân tộc (trên 20 dân tộc), 3/4 đất đai là vùng cao.

Dân số tính đến năm 1974 có trên 23 vạn nhân khẩu; ngoài dân tộc Kinh (chiếm 38,5%) thì dân tộc Mèo chiếm đa số (25,68%). Diện tích toàn tỉnh rộng trên 4.100 km², trong đó rừng núi chiếm

87,3%. Độ cao trung bình cả tỉnh là 111 m so với mặt nước biển; nhưng có tới 93/124 xã (75%), với số dân 89.974 người (53,8%) thuộc vùng cao từ 700 m trở lên. Khí hậu trong tỉnh nói chung thuộc miền nhiệt đới, nhưng ở vùng cao và giữa mang tính chất ôn đới và á nhiệt đới. Kinh tế địa phương vốn là tự cấp, tự túc, tự nhiên, 47% nhân khẩu nông nghiệp sống du canh du cư, dân cư và ruộng đất canh tác phân tán.

Đất nông nghiệp ít (17,38%); trong đất nông nghiệp ruộng nước chỉ có dưới 8.000 ha, trong đó có hơn 2.400 ha là ruộng hai vụ, còn đều là đất đồi nương. Bình quân nhân khẩu nông nghiệp về ruộng nước quá thấp (trên 488 m²), riêng ở vùng cao càng thấp hơn, chỉ có 416 m².

Giao thông vận tải trước kia rất khó khăn, nhưng đến nay ngoài đường sắt ra, đã có đường ô tô về xuôi, đi tới tất cả các huyện, lỵ và tới gần 1/3 số xã. Nguồn thủy lực do khe suối tạo nên dồi dào.

Các cơ sở công nghiệp nặng và lớn (mỏ apatít, đồng, điện...) của Trung ương tại địa phương đã và đang phát triển lớn, do đó có điều kiện tác động hỗ trợ công nghiệp địa phương và phục vụ nông - lâm nghiệp phát triển.

Các đặc điểm trên tạo cho Lào Cai có nhiều thuận lợi, nhưng đồng thời cũng gây ra nhiều khó khăn, phức tạp. Thuận lợi cơ bản nhất là khí hậu có nhiều tiểu vùng, tài nguyên về lâm, khoáng sản tiềm tàng phong phú, bảo lụt lớn rất ít xảy ra... Do đó có khả năng gieo trồng bốn mùa và trồng được những cây đặc sản quý (cây thuốc, hạt rau giống, nấm hương, thảo quả...).

Về mặt khó khăn, phức tạp thì các khó khăn chủ yếu là đất đai, địa hình có độ dốc lớn, bị xói mòn trầm trọng; ruộng nước ít, do đó có khó khăn trong việc phát triển sản xuất lúa nước và gây phức tạp cho việc áp dụng các phương thức thâm canh phù hợp. Trong khi đó, các cơ sở công nghiệp của Trung ương tại địa phương

ngày càng phát triển lớn, do đó nhân khẩu phi nông nghiệp tăng nhanh và ngày càng đông (nay chiếm 25,6% dân số); lao động nông nghiệp lại thiếu và phân bố không đều, đường giao thông vận tải trong nông thôn, nhất là vùng cao, còn nhiều trở ngại, trình độ văn hóa, khoa học, kỹ thuật, quản lý kinh tế của cán bộ và nhân dân nói chung còn thấp. Tập quán lạc hậu, tệ tục còn nhiều mặt tồn tại (phá rừng làm nương rẫy, thả rông, cưới xin, ma chay, cúng bái, mê tín, nghiện hút...).

Với tinh thần phát huy các thuận lợi, ra sức khắc phục khó khăn, nghiêm chỉnh chấp hành các nghị quyết Hội nghị lần thứ 19, 20, 22 của Trung ương, các nghị quyết 195, 225, 228 của Bộ Chính trị, các chỉ thị của Ban Bí thư và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V, trong mấy năm qua, Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh đã phấn đấu đưa phong trào mọi mặt tiếp tục tiến bộ và đã đạt được nhiều thắng lợi lớn, nhưng cũng còn có những nhược điểm, khuyết điểm tồn tại phải tiếp tục khắc phục.

1. Về củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, và xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa

Với ý thức, quan điểm luôn luôn bám chắc và kiên trì đường lối hợp tác hóa nông nghiệp của Đảng, Tỉnh ủy đã tích cực tìm mọi biện pháp để xây dựng, củng cố các hợp tác xã nông - lâm nghiệp, ở cả vùng thấp lẫn vùng cao trong tỉnh, Tỉnh ủy đã chú ý đi sâu xuống cơ sở nắm tình hình đánh giá phong trào cho đúng với thực tế và từ đó đề ra phương hướng, nội dung củng cố, xây dựng các hợp tác xã phù hợp hơn. Nhờ vậy, phong trào hợp tác hóa nông nghiệp nói chung được duy trì. Hiện nay toàn tỉnh có 290 hợp tác xã, chiếm tỷ lệ 61,2% số hộ nông dân trong tỉnh (trong đó vùng thấp chiếm 81,6%, vùng cao chiếm 45,9%), so với năm 1969 giảm 18% số hộ vào hợp tác xã. Qua xây dựng thủ cấp huyện, qua thực hiện phương án định canh, định cư và qua làm thí điểm, xây dựng điển hình, kết quả bước đầu đã tạo ra được

một số hợp tác xã điển hình, làm mẫu (có cả ở vùng thấp và vùng cao), có nội dung kinh tế và nội dung quản lý thích hợp hơn trước, sản xuất phát triển, đời sống xã viên được nâng lên, nghĩa vụ với Nhà nước được bảo đảm, như các hợp tác xã: Sâu Chua, Seo Mỹ Tỷ, Bản Phố, Bản Vược, Nam Cường, Cốc Mỳ...

Đi đôi với việc củng cố hợp tác xã, thì việc củng cố, phát triển thành phần kinh tế quốc doanh cũng được tiếp tục đẩy mạnh và có sự chú ý đến các mặt cải tiến quản lý kinh tế và kỹ thuật. Các nông - lâm trường quốc doanh, trạm trại nông nghiệp được tiếp tục đầu tư vốn xây dựng và từng bước đi đến định hình (toàn tỉnh hiện có 5 nông trường). Các xí nghiệp, doanh nghiệp quốc doanh được tăng cường mở rộng cơ sở, tăng thêm công nhân, lao động và trang thiết bị, có cơ sở được khôi phục sản xuất để tự giải quyết một phần nhu cầu địa phương (như xi măng).

Tuy nhiên, nhìn chung quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa chưa được củng cố vững chắc, còn nhiều mặt yếu tồn tại. Phong trào hợp tác hóa ở vùng thấp có hiện tượng dậm chân tại chỗ, riêng ở vùng cao bị sút kém, do chưa có nội dung kinh tế thích hợp, do trình độ quản lý còn quá yếu và do những đặc điểm khó khăn tự nhiên khác chưa thể khắc phục nhanh được. Vì vậy, số hợp tác xã trong tỉnh hiện nay chỉ còn 61,2% số hộ nông dân, riêng ở vùng cao thì còn 45,9%. Số hợp tác xã khá toàn tỉnh mới có 32%, số hợp tác xã kém còn tới 47%, các hợp tác xã mua bán, tín dụng trong nông thôn, nhiều cơ sở bị vỡ, chưa được tích cực củng cố. Trong phong trào hợp tác hóa còn nhiều yếu kém nên không phát huy mạnh vai trò, tác dụng đối với sản xuất và các mặt khác, nhất là vai trò làm cơ sở cho phát triển công nghiệp của nông nghiệp chưa được đảm bảo, trong khu kinh tế quốc doanh (nông, lâm trường, trạm trại, xí nghiệp...) thì khâu quản lý kinh tế tiến độ chậm, chưa có chuyển biến cơ bản, tư tưởng làm ăn tùy tiện, tản mạn, hành chính cung cấp... của người sản xuất nhỏ còn thể hiện phổ biến, tham ô lãng phí, móc ngoặc còn xảy ra nhiều.

2. Xây dựng, phát triển kinh tế - văn hóa, đẩy mạnh sản xuất

Gắn liền với củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, trong mấy năm qua, Tỉnh ủy đã tiếp tục chú ý đến công tác điều tra, nắm sâu tình hình, đặc điểm địa phương, từ đó đã xác định được ngày càng cụ thể phương hướng sản xuất đối với các vùng trong tỉnh, đã từng bước tiến hành quy hoạch cụ thể dựa trên cơ sở của quy hoạch tổng thể đã định từ năm 1960 đến nay. Do đó, phương hướng sản xuất của tỉnh ngày càng chứng tỏ là đúng đắn, sát hợp với tình hình đặc điểm địa phương và yêu cầu nhiệm vụ chung. Trong quá trình thực hiện qua việc thực hiện kế hoạch nhà nước hằng năm, mặc dù gặp nhiều khó khăn về thời tiết không thuận hòa, về lao động, vật tư thiếu thốn, v.v., nhưng sản xuất vẫn được đẩy mạnh phát triển. Tổng giá trị sản lượng công - nông nghiệp toàn tỉnh đến năm 1974 đạt trên 56,4 triệu đồng, tăng 39,8% so với năm 1969; bình quân hằng năm tăng 6,9%.

Trong nông - lâm nghiệp, các biện pháp đảm bảo cho thâm canh: thủy lợi, giống, phân bón, công thức luân canh, tăng vụ đã được tiếp tục đẩy mạnh và bước đầu đã xác định được cơ cấu cây, con, quy trình sản xuất và kỹ thuật một số cây trồng một cách hợp lý, đi đôi với liên tục tích cực đẩy mạnh sản xuất lương thực, việc phát triển sản xuất theo hướng chuyên canh và tập trung theo vùng được từng bước tiến hành quy hoạch cụ thể. Từ phương hướng đã xác định, một số cây con có ưu thế của địa phương đã và đang phát triển hình thành vùng có sản phẩm hàng hóa bước đầu (hạt rau giống, chè, lợn...). Do vậy, sản lượng lương thực quy thóc đến năm 1974 đã đạt 53,374 tấn, tăng 10.917 tấn so với năm 1969, bình quân hằng năm tăng 4,7. Năng suất lúa ruộng hai vụ 5 tấn/ha đã đạt từ năm 1970 và đến năm 1974 đã có trên 1/2 số hợp tác xã vùng thấp đạt mức năng suất này, một số hợp tác xã đạt tới 7 tấn/ha (Nam Cường), 9,6 tấn/ha (Bản Vược). Ruộng một vụ ở vùng cao cũng đã có điển hình đạt năng suất trên 4 tấn/ha, do việc

tăng phân và đưa giống tốt vào. Nghề rừng có tiến bộ trên mặt khoanh nuôi rừng. Chăn nuôi phát triển bình thường, riêng đàn lợn phát triển nhanh do giống đã được xác định và có vận dụng chính sách khuyến khích phù hợp, đàn lợn đến năm 1974 đã có 93.772 con, tăng 62,1% so với năm 1969 và năm 1974 đã thu mua được 1.098 tấn thịt lợn hơi.

Tuy vậy, trong sản xuất nông - lâm nghiệp còn những nhược điểm và khó khăn, khó khăn lớn nhất là vấn đề sản xuất lương thực mặc dù đã liên tục cố gắng đưa sản lượng lương thực tăng nhanh, nhưng vẫn không thể đảm bảo cung cấp đủ cho khu vực phi sản xuất nông nghiệp. Cơ sở vật chất, kỹ thuật trong nông - lâm nghiệp còn nghèo nàn. Các công trình thủy lợi chưa được củng cố xây dựng vững chắc, nên chưa chủ động được việc tưới nước. Các cây, con có thể mạnh của địa phương chưa đẩy mạnh, đẩy nhanh. Các vùng sản xuất tập trung chưa hình thành vững chắc, thậm chí có vùng bị thu hẹp và sút kém dần (vùng đậu tương).

Về công nghiệp, trong mấy năm qua tiếp tục được củng cố và phát triển, giá trị sản lượng năm 1974 so năm 1969 tăng 113,6%, bình quân hằng năm tăng 16,4%. Sản xuất các mặt hàng phục vụ sản xuất, xây dựng cơ bản và đời sống tiếp tục phát triển. Một số xí nghiệp sản xuất đã có lãi (cơ khí, mộc xẻ, tinh dầu, thực phẩm, dược phẩm...). Vấn đề chế biến hoa quả hộp và hàng xuất khẩu như dưa, đào, mận... có khả năng và triển vọng lớn, đã và đang được đẩy mạnh phát triển, (năm 1974 đã sản xuất được 149,5 tấn hoa quả hộp). Xây dựng cơ bản ngày càng tăng mạnh. Đường giao thông, nông trường, trạm trại,...được đẩy mạnh xây dựng, mở mang thêm. Riêng đường ô tô đến các vùng cao mấy năm nay đã làm được một số đoạn đường đáng kể (như Mường Khương, Pha Long, Si Ma Cai...). Vấn đề giải quyết nước ăn ở vùng cao cũng được chú ý phát triển ngày càng tăng các công trình, như bể, giếng, máy nước. Tuy nhiên, công nghiệp địa phương phát triển chưa thật mạnh, chưa tập trung đúng mức vào các khâu phục vụ nông - lâm nghiệp phát

triển, sản xuất, chế biến nông - lâm sản còn rất yếu, chưa được tích cực đẩy mạnh, sản xuất thủ công nghiệp còn bị xem nhẹ lãnh đạo, chỉ đạo. Các ngành nghề thủ công trong tỉnh kém phát triển. Năng suất lao động trong công nghiệp nói chung còn thấp, phẩm chất mặt hàng còn kém, giá thành còn cao, quản lý kinh tế còn yếu, một số xí nghiệp vẫn bị lỗ vốn. Trong xây dựng cơ bản do các khâu thủ tục ban đầu vẫn chưa giải quyết được tốt, lại thiếu nguyên vật liệu, lao động và công nhân kỹ thuật, chỉ đạo có lúc thiếu tập trung dứt điểm, nên nhiều công trình xây dựng dây dưa kéo dài, lãng phí. Việc phát triển giao thông vận tải nông thôn còn yếu, chuyển vận, đi lại còn khó khăn (nhất là ở vùng cao).

Tình hình lưu thông - phân phối, quản lý kinh tế, tài chính có một số tiến bộ trong việc thúc đẩy và phục vụ sản xuất, phục vụ đời sống, đảm bảo phân phối được bình thường. Thị trường và giá cả nói chung ổn định, không có đột biến lớn. Thu mua hàng xuất khẩu hằng năm tăng khá (năm 1974 đạt 1,5 triệu, tăng 43,2% so với năm 1969; chiếm trên 34% giá trị hàng nông sản thực phẩm thu mua được, bình quân đầu người toàn tỉnh đạt gần 5 đồng/năm). Tuy vậy, các hoạt động tài chính lưu thông, phân phối đi sâu bám sát sản xuất và nông thôn vẫn còn yếu. Thu mua nông sản còn kém, các hợp tác xã mua bán và hợp tác xã tín dụng tan vỡ nhiều, chưa được củng cố. Công tác quản lý kinh tế, tài chính còn nhiều sơ hở, lỏng lẻo. Tham ô, lãng phí còn xảy ra nhiều. Một số chính sách về giá cả, về thu mua, phân phối chưa được vận dụng đầy đủ hoặc chưa được bổ sung, nên hạn chế một phần đối với sản xuất. Thu ngân sách hằng năm có tăng, nhưng không đáp ứng nhu cầu về chi. Mức trợ cấp ngân sách của Trung ương cho địa phương ngày càng tăng (năm 1969 = 8,4 triệu, năm 1974 = 12,7 triệu).

Về văn hóa xã hội và đời sống:

Các sự nghiệp giáo dục, văn hóa - thông tin, báo chí, y tế, thể dục - thể thao, bảo vệ bà mẹ và trẻ em có một số mặt được tiếp tục phát triển như: trường sở, bệnh viện, trạm xá, văn nghệ, báo chí...

Đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân có tiến bộ. Nạn thiếu đói thường niên ở vùng cao nói chung đã được giải quyết. Nhưng nhìn chung tình hình văn hóa - xã hội trong tỉnh còn nhiều khâu yếu, chưa đáp ứng kịp yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, phát triển kinh tế địa phương. Đáng chú ý là nạn mù chữ còn ở nhiều người (toàn tỉnh còn khoảng 4 vạn người mù chữ); mê tín, hủ tục, ma chay, cưới xin, cúng bái, trồng và nghiện hút thuốc phiện có chiều hướng phát triển. Đối với vùng cao, tình hình kinh tế - văn hóa có phát triển, có sự chú ý tăng cường một số mặt như: mở mang được một số đoạn đường giao thông đến nơi xa xôi, hẻo lánh, đầu tư xây dựng công trình giải quyết nước ăn, xây dựng nông trường, trạm trại làm nòng cốt trong mỗi vùng... Nhưng nhìn chung, sự chú ý đến vùng cao còn bị hạn chế, nhất là điều kiện về vốn, lao động, vật tư, nên chưa đẩy được mọi mặt ở vùng cao tiến bộ mạnh mẽ, có mặt vẫn thấp kém như văn hóa - xã hội.

3. Về công tác trị an - quân sự, bảo vệ nội địa và biên giới

Nói chung các công tác này đều được tiến hành thường xuyên gắn liền với các mặt công tác khác. Tình hình nội địa, biên giới, bảo vệ được an toàn, không xảy ra vấn đề gì lớn. Trong những năm có chiến tranh và khi hòa bình trở lại, trước tình hình mới đó, cũng nảy sinh một số hiện tượng tiêu cực trong đời sống xã hội, nhưng không trở thành phức tạp rộng lớn đáng kể. Công tác tuyển quân cho tiền tuyến hằng năm đều đạt từ 90-100%. Tuy nhiên, việc nắm tình hình và trấn áp những kẻ chống đối, phạm pháp còn chậm, giải quyết một số hiện tượng tiêu cực, làm mất trật tự an ninh chưa mạnh và chưa liên tục, bảo vệ biên giới còn nhiều sơ hở. Công tác trấn áp các luận điệu tuyên truyền xuyên tạc... chưa làm được kịp thời và mạnh mẽ. Công tác bảo vệ cơ quan, xí nghiệp, chống tham ô, ăn cắp, làm ăn phi pháp chưa giải quyết được tận gốc. Nhiều vụ án xét xử còn dây dưa kéo dài, nhưng cũng có vụ giải quyết tùy tiện, không theo đúng pháp luật, Công tác giáo dục, vận

động tuyển quân và việc thực hiện chính sách hậu phương quân đội ở cơ sở làm còn yếu. Việc thực hiện Nghị quyết số 228 của Bộ Chính trị đã và đang tiến hành, nhưng sự chỉ đạo giải quyết các vụ việc còn chậm trễ, thiếu dứt điểm, kết quả chuyển biến chưa rõ rệt.

4. Về xây dựng Đảng, chính quyền, các đoàn thể quần chúng và đào tạo cán bộ

Đối chiếu với Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 23, thì công tác Đảng mấy năm qua đã có những việc được tiếp tục đẩy mạnh, cụ thể là tập trung thực hiện Nghị quyết số 195 của Bộ Chính trị, Chỉ thị số 192 của Ban Bí thư. Việc giáo dục, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đảng viên đã được tiến hành bằng nhiều hình thức, như học tập, mở lớp huấn luyện chính trị, văn hóa, nâng cao nội dung sinh hoạt các chi bộ, các cấp ủy... Việc thực hiện Chỉ thị số 192 của Ban Bí thư đã làm từ thí điểm hẹp đến thí điểm mở rộng, nay đang mở rộng diện theo từng đợt. Tính đến nay, đã và đang tiến hành được 78,8% số đảng bộ cơ sở với 85% tổng số đảng viên trong tỉnh, riêng nông thôn đã tiến hành được 75% số cơ sở đảng. Qua giáo dục bồi dưỡng và thực hiện Chỉ thị số 192, nói chung chất lượng đảng viên có được nâng cao một bước. Việc xử trí đối với đảng viên vi phạm tiêu chuẩn nói chung đảm bảo được đúng phương châm, chính sách. Đối với các tổ chức quần chúng và chính quyền, qua các đợt sinh hoạt chính trị và thực hiện các nhiệm vụ công tác, qua đại hội các đoàn thể và bầu cử Hội đồng nhân dân huyện, xã... cũng được củng cố một bước. Về mặt công tác cán bộ, đã có những tiến bộ trong công tác bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, nhất là sau khi có Nghị quyết 225 của Bộ Chính trị, tỉnh đã mạnh dạn cân nhắc đề bạt, bổ sung một số cán bộ và kiện toàn một số cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể và các ngành của huyện, tỉnh và cơ sở. Đáng chú ý là phong trào học tập tại chức về mặt văn hóa, khoa học kỹ thuật, quản lý kinh tế trong cán bộ, đảng viên được chú ý tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức

mạnh mẽ, nên đã đạt được những kết quả tốt. Số cán bộ từ trường, phó ty trở lên, nay đã có trên 40% có trình độ lớp 10 và 50,4% có trình độ chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ từ sơ cấp đến đại học.

Tuy vậy, công tác xây dựng Đảng, chính quyền, các đoàn thể quần chúng và công tác tổ chức - cán bộ vẫn còn có lúc chưa bám sát, gắn liền với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, chưa theo kịp yêu cầu của nhiệm vụ chính trị đòi hỏi; có lúc, có trường hợp còn thể hiện chủ quan, hẹp hòi, chấp vá. Quy hoạch, kế hoạch về công tác cán bộ tiến hành chậm, nay vẫn chưa xây dựng được chính thức. Vai trò và hiệu lực của các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể ở cơ sở, nhất là trong nông thôn vùng cao, nói chung còn yếu, chưa được tăng cường củng cố đúng mức, nên chưa tự đảm đương nhiệm vụ. Việc thực hiện chức năng Đảng lãnh đạo, chính quyền quản lý, các đoàn thể động viên quần chúng thực hiện còn nhiều việc, nhiều khâu chưa thể hiện rõ. Số đảng bộ cơ sở thuộc loại chưa tốt và kém còn nhiều (60% chưa tốt, 10% kém). Tỷ lệ đảng viên so với dân số còn thấp (2,8%), riêng nông thôn mới có 1,5% và còn tới 26% số tổ, đội sản xuất trong hợp tác xã chưa có đảng viên. Tình hình phân bố đảng viên trong các ngành cũng chưa cân đối, trong đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, giáo dục còn ít đảng viên. Công tác thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư Trung ương Đảng làm ở các cơ sở, nói chung bị dầy dụa, kéo dài; ở các nơi đã làm xong việc xử trí đảng viên không đủ tiêu chuẩn cũng chưa đẩy mạnh được phong trào thực hiện các nhiệm vụ chính trị. Tổ chức bộ máy của một số huyện chưa thực sự kiện toàn, tăng cường. Một số ngành, ban ở tỉnh chưa được chấn chỉnh, củng cố phù hợp với tình hình, nhiệm vụ mới. Tình trạng mất đoàn kết nội bộ trong lãnh đạo ở một số ngành vẫn tồn tại. Công tác kết nạp đảng viên mới còn quá yếu, bị dừng lại từ khi kiểm tra các đợt kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh. Trong 5 năm 1970-1974, toàn Đảng bộ chỉ kết nạp vào Đảng được 553 đồng chí, trong khi đó qua việc thi hành kỷ luật thường xuyên và qua xử trí trong 192 đã khai trừ và đưa ra khỏi Đảng 621 người.

5. Nguyên nhân của những tồn tại

Ngoài những nguyên nhân do khách quan gây ra, thì về phía chủ quan của công tác lãnh đạo, chỉ đạo, nhất là về mặt tổ chức thực hiện của các cấp, các ngành và của Tỉnh ủy còn có những khuyết điểm thiếu sót như: Các chủ trương, phương hướng đã có Nghị quyết nhiều việc chưa được cụ thể hóa bằng các chỉ tiêu, biện pháp của chính quyền, đoàn thể, của các cấp, các ngành để thực hiện nhiều lúc còn chậm trễ.

Có việc còn trì trệ, có việc bàn bạc chưa sâu, khi thực hiện thiếu chuẩn bị các điều kiện đầy đủ.

Sự chỉ đạo còn nhiều tản mạn, thiếu tập trung dứt điểm, thiếu nhạy bén, kịp thời. Có việc khi thực hiện thiếu tập trung vào những phương hướng đã quyết nghị, do đó thể hiện thiếu sự nhất trí cao trong hành động của người phụ trách. Có việc thiếu kiểm tra, đôn đốc chặt chẽ. Sự phối hợp, kết hợp giữa công tác, giữa các ngành thiếu ăn khớp đồng bộ, nhịp nhàng. Một số ngành nội bộ mất đoàn kết, thiếu tinh thần cách mạng tiến công, thiếu lo lắng đến công tác chung. Chức năng, nhiệm vụ của các ban, các ngành, vai trò, chức năng của chính quyền, đoàn thể chưa được phát huy đầy đủ, thậm chí còn thiếu tinh thần trách nhiệm.

- Việc thực hiện nội dung ba cuộc cách mạng cũng có lúc thiếu nhịp nhàng, gấn bó với nhau. Đáng chú ý là tư tưởng cá thể, vun vén cá nhân, ngại gian khổ, sợ khó khăn, ngại xuống cơ sở... trong cán bộ, đảng viên (kể cả trong lãnh đạo) còn phổ biến. Tư tưởng hành chính cung cấp, cách làm ăn của người sản xuất nhỏ, tư tưởng chủ quan phiến diện, nhấn mạnh một chiều, nặng về thành tích, nhẹ về thiếu sót, hoặc ngược lại... còn thể hiện nhiều.

- Phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, lề lối làm việc của các cấp, các ngành, cũng như của Tỉnh ủy chưa có sự cải tiến mạnh mẽ, chưa có quy định rõ ràng. Ý thức tổ chức kỷ luật trong việc chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng trong việc báo cáo, thỉnh thị của các cấp ủy, các ban, đảng đoàn còn thiếu nghiêm túc.

- Tình hình cơ sở, nhất là cơ sở nông thôn vùng cao chưa được củng cố vững mạnh. Trình độ mọi mặt của cán bộ xã, hợp tác xã còn quá yếu, chưa đào tạo, bồi dưỡng được tốt. Đáng chú ý là vùng cao trong tỉnh, chiếm 3/4, nhưng công tác xây dựng, củng cố vùng cao, biên giới của ta còn bị coi nhẹ, chưa được tăng cường về mọi mặt, do đó phong trào ở vùng cao và biên giới còn nhiều mặt yếu, chưa có sự chuyển biến đáng kể so với yêu cầu đòi hỏi.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ HAI NĂM 1975-1976

Căn cứ vào đặc điểm tình hình trong tỉnh và dựa vào đường lối, chính sách của Trung ương, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V đã xác định phương hướng lâu dài của tỉnh là: Tỉnh công nghiệp khai khoáng lớn, công nghiệp chế biến nông - lâm - đặc sản, thực phẩm, đồng thời phát triển chăn nuôi, nghề rừng, cây công nghiệp, cây đặc sản. Trên cơ sở đó phục vụ tốt sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, phục vụ cho công nghiệp khai khoáng của Trung ương tại địa phương và cho xuất khẩu, đồng thời cải thiện đời sống và làm giàu cho nhân dân. Phương hướng đó là sự thể hiện phù hợp đối với các thế mạnh, là những nguồn kinh tế lớn, phù hợp với đất đai, khí hậu, tài nguyên trong tỉnh.

Về mặt công nghiệp Trung ương tại địa phương, từ nay đến năm 1980 sẽ phát triển tăng nhanh và to lớn, cả về quy mô và tốc độ phát triển như tăng khối lượng và tốc độ khai thác apatít, xây dựng các khai trường để đi vào khai thác mỏ đồng, v.v.. Từ đó dân cư sẽ tăng lên rất nhanh, các khu công nghiệp và thị xã, thị trấn sẽ mở rộng và tập trung lớn, giao thông vận tải, lưu thông phân phối, đời sống vật chất và tinh thần của quần chúng, v.v., đều đòi hỏi tăng lên rất lớn để đáp ứng.

Từ yêu cầu phục vụ công nghiệp Trung ương phát triển tại địa phương, cộng với yêu cầu xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa, cải thiện đời sống nhân dân các dân tộc trong tỉnh và đưa vào khả

năng trong tỉnh, Tỉnh ủy bước đầu dự tính mục tiêu phấn đấu về mặt kinh tế đến năm 1980 của Lào Cai đạt khoảng: Lương thực quy thóc 91.000 tấn; sản lượng thịt 10.000 tấn; cá 4.000 tấn; rau xanh 13.000 tấn; đậu tương 1.100 tấn; gạch 115 triệu viên; ngói 14 triệu viên; vôi 17.000 tấn; gỗ chống lò 5.000 m³, gỗ xây dựng 40.000m³, củi 55.000 Sters....

Từ phương hướng, nhiệm vụ lâu dài trên, phương hướng, nhiệm vụ trong hai năm 1975-1976 của tỉnh là: "Tích cực xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là củng cố phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý, đẩy mạnh xây dựng kinh tế và phát triển văn hóa theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, ra sức xây dựng Đảng và các tổ chức chính quyền, đoàn thể vững mạnh, trọng tâm là xây dựng, củng cố cơ sở nông thôn và vùng cao, bảo vệ tốt an ninh trật tự nội địa, biên giới. Trên cơ sở đó, cải thiện một bước đời sống nhân dân, tích cực tạo cơ sở và điều kiện về vật chất để đáp ứng các nhu cầu của công nghiệp trung ương tại địa phương, tăng phần tích lũy, góp phần vào sự nghiệp cách mạng chung của cả nước và tạo cơ sở tốt cho thực hiện kế hoạch 5 năm 1976-1980".

Một số mục tiêu chủ yếu về kinh tế phải phấn đấu trong hai năm 1975-1976 là:

	Năm 1975	Năm 1976
- Sản lượng lương thực quy thóc	59.000 tấn	61.000 tấn
- Sản lượng thịt chăn nuôi	3.700 tấn	4.100 tấn
- Trồng rừng	2.100 ha	3.000 tấn
- Giá trị sản lượng công nghiệp địa phương	18 triệu đồng	20 triệu đồng
- Vốn xây dựng cơ bản khoảng:	12 triệu đồng	12,1 triệu đồng
- Nhà nước thu mua:		
+ Lương thực	3.000 tấn	5.000 tấn
+ Thịt (hơi)	1.300 tấn	1.600 tấn

+ Đậu tương + Nông sản thực phẩm (trong đó hàng giao Trung ương và cho xuất khẩu là 4,9 triệu (năm 1975), 6 triệu năm là 1976): Riêng về hàng xuất khẩu sẽ đưa bình quân đầu người đến năm 1976 độ 15 đ/năm)	(trong đó 1.200 tấn thịt lợn) 350 tấn 6,4 triệu đồng	(trong đó 1.100 tấn thịt lợn) 700 tấn 7 triệu đồng
- Khai thác: + Gỗ + Củi	18.000 m ³ 8.000 Sters	16.000m ³ 8.000 Sters

Để đảm bảo phương hướng và mục tiêu chủ yếu hai năm 1975-1976 như trên phải tập trung thực hiện.

1. Về nông - lâm nghiệp

Toàn tỉnh phân ra ba vùng lớn, các cấp, các ngành phải bám chắc phương hướng sản xuất đã được xác định cho mỗi vùng để tiến hành lập quy hoạch và kế hoạch cụ thể và phấn đấu thực hiện:

- Vùng cao miền Đông: Hướng chính là tích cực trồng rừng, khoanh nuôi và bảo vệ rừng đầu nguồn (trọng điểm là đầu nguồn sông Chảy); phát triển chăn nuôi, phát triển cây công nghiệp: chè, đậu tương; cây ăn quả ôn đới: Lê, táo, mận, đào; các cây thuốc: tam thất, đại táo, sinh địa, bạch truật...

- Vùng cao miền Tây: Hướng chính là bảo vệ rừng, đồng thời trồng rừng, trồng cây trụ mủ; phát triển chăn nuôi; cây ăn quả: đào, mận; các cây đặc sản: hạt rau giống, thảo quả, nấm hương...

- Vùng thấp, thung lũng sông Hồng: Hướng chính là sản xuất lương thực, thực phẩm (kể cả rau, thịt, chủ yếu là lợn, cá, gà, vịt đẻ trứng); phát triển các cây công nghiệp và hoa quả nhiệt đới (sở, trâu, măng tang, dưa, chuối,... đóng hộp xuất khẩu). Trồng rừng phục vụ gỗ trụ mủ và phục vụ dân sinh.

Bước đi trong sản xuất phải tích cực, chắc chắn. Những cây, con nào đã sẵn có tập quán sản xuất của địa phương và đã có kinh nghiệm, có quy hoạch, phương án kinh tế, có quy trình sản xuất và tiêu chuẩn kỹ thuật thì làm mạnh và lớn, cây, con nào mới nhập nội hoặc di thực và chưa có kinh nghiệm thì phải thí nghiệm rút ra kết luận chắc chắn, rồi mới phát triển mạnh ra đại trà (như khoai tây, nấm hương...). Phải lấy thâm canh, tăng vụ làm chính, đồng thời tích cực khai hoang tăng thêm diện tích ở những nơi còn điều kiện (chủ yếu là ruộng, nương bậc thang và đất để trồng màu, trồng các cây chịu cạn). Về mặt năng suất bình quân của các cây trồng đến năm 1980 phải đạt tới khoảng: Về thóc: 8 tấn/ha ruộng hai vụ, 3 tấn/ha ruộng một vụ (1975, 1976 khoảng 27 tạ/ha); ngô: 14,5 tạ/ha vụ (1975, 1976 khoảng 12 tạ/ha); đậu tương trên 7 tạ/ha vụ (1975, 1976 phải đạt 6- 6,5 tạ/ha).

Phát triển sản xuất phải theo vùng tập trung và theo hướng thâm canh, tăng vụ và tận dụng đất đai có độ dốc từ 15 - 20° trở xuống để tiếp tục phát triển mạnh hơn nữa sản xuất lương thực, nhằm tự giải quyết đến mức cao nhất vấn đề lương thực tại địa phương, mà vẫn bảo vệ được môi trường (rừng và tài nguyên khác...) và phát huy được các thế mạnh của địa phương, tăng nhanh được khối lượng nông - lâm - đặc sản hàng hóa và hàng xuất khẩu.

Tiếp tục tiến hành khảo sát, lập quy hoạch, lập phương án kinh tế và quy trình kinh tế, kỹ thuật cho từng cây, con trong từng vùng cụ thể, từ đó có kế hoạch phát triển, hình thành từng vùng kinh tế rõ ràng.

Trong kế hoạch năm 1975-1976, tập trung đẩy mạnh một số cây, con như sau:

a) Đối với cây lương thực

Phải tiếp tục đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ cây lúa và các cây hoa màu chất bột khác, với mức cố gắng cao nhất, hướng tập trung trước mắt là tập trung mở rộng diện tích đi đôi với tăng năng suất cây ngô, cây sắn, cây đao giềng, để tăng nhanh lương thực cho người và cho chăn nuôi. Vì vậy, phải gấp rút quy hoạch vùng ngô, sắn, để khai hoang thêm độ 3.000 ha trồng ngô lai, trồng sắn, ở

một số điểm tập trung thuộc vùng Bản Lầu, Bảo Thắng, Bát Xát, đồng thời phát triển mạnh cây đào giềng ở vùng cao.

b) Đối với vấn đề rau xanh

Phấn đấu đảm bảo đủ cung cấp cho nhu cầu phi nông nghiệp trong tỉnh. Phải tiến hành khoanh rõ và xây dựng vùng rau tập trung, nhanh chóng hình thành vành đai thực phẩm ở khu vực thị xã, thị trấn. Trước mắt phải đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật, thủy lợi, giống, phân, xây dựng đồng ruộng... ở vùng hai thị xã Lào Cai, Cam Đường, Bát Xát. Tiến hành chế biến các loại rau để cung cấp trong lúc giáp hạt. Đối với rau trái vụ, đẩy mạnh sản xuất ở Sa Pa, Bắc Hà là nơi có khí hậu cho phép và nghiên cứu điều chỉnh giá rau trái vụ cho hợp lý hơn.

c) Đối với cây công nghiệp, cây ăn quả, cây đặc sản

Tập trung làm mạnh mấy cây: Đẩy mạnh sản xuất đậu tương ở những vùng trọng điểm đã có quy hoạch (Mường Khương, Bắc Hà, Si Ma Cai) đưa diện tích lên khoảng 1.500 -1.600 ha, để đáp ứng đủ nhu cầu về nguyên liệu cho công nghiệp làm đậu phụ, nước chấm. Về cây sỏ, trẩu tăng thêm diện tích ở vùng thấp Bảo Thắng khoảng 200 ha, cây sả để cất tinh dầu khoảng 300 ha, cây dứa khoảng 600 ha, cây ăn quả như: đào, mận ở Sa Pa và các huyện miền đông cần phải phát triển mạnh cả trong gia đình xã viên và hợp tác xã (phải làm gấp vườn ươm, ghép cây để nhân giống nhanh). Cây đặc sản: Hạt rau giống khoảng 100 ha, 33 tấn sản lượng (Sa Pa, Bắc Hà); thảo quả 1.000 ha, 360 tấn sản lượng. Cây thuốc khoảng 18 ha. Phải đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật cho các cây trên như: Giống, vườn ươm, dụng cụ thu hoạch, phơi sấy, thu mua, chế biến và thực hiện một số chính sách, chế độ khuyến khích, giúp đỡ như: Vốn, lương thực, quy định nghĩa vụ bán sản phẩm và đề nghị điều chỉnh lại giá cả.

d) Về chăn nuôi

Đẩy mạnh phát triển cả trâu, bò, ngựa, lợn, cá và các loại gia cầm (gà, vịt...). Chú ý phát triển đàn vịt đẻ trứng. Trong hai năm

tập trung phát triển đàn lợn, bò và chuẩn bị cơ sở, điều kiện để phát triển mạnh trâu đàn và trâu sữa. Phải quy vùng chăn nuôi cụ thể và giải quyết tốt các khâu: Giống, thức ăn, chuồng trại, phòng trừ dịch bệnh. Đối với đàn lợn, cần phát triển chăn nuôi cả quốc doanh, hợp tác xã, gia đình và cả hình thức gia công, thực hiện tốt chính sách thu mua, giá cả để khuyến khích.

đ) Tích cực đẩy mạnh nghề rừng

Đây là vấn đề cấp bách hàng đầu trong tỉnh. Do đó phải xác định rõ các cây trồng cho từng loại rừng và tiến hành quy hoạch khoanh nuôi, bảo vệ, trồng mới, khai thác một cách cụ thể ở từng vùng khác nhau, gắn liền với nông nghiệp và ăn khớp với quy hoạch, kế hoạch nông nghiệp. Phải đẩy mạnh việc đưa nghề rừng vào hợp tác xã kinh doanh, giao rừng cho hợp tác xã quản lý, bảo vệ, tổ chức các hợp tác xã nông nghiệp kiêm lâm nghiệp và hợp tác xã lâm nghiệp kiêm nông nghiệp. Tích cực khoanh nuôi, bảo vệ rừng đầu nguồn sông, suối (trọng điểm là đầu nguồn sông Chảy); chấm dứt tẻ phá rừng làm nương rẫy.

2. Về công nghiệp và các ngành kinh tế khác

Phải xoanh quanh việc phục vụ và thúc đẩy sản xuất nông-lâm nghiệp phát triển, đồng thời phục vụ tốt các nhu cầu về hàng tiêu dùng, phục vụ đời sống, để đẩy mạnh công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp phát triển. Phải đặc biệt coi trọng phát triển tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp. Phát huy vai trò hỗ trợ giúp đỡ của các cơ sở công nghiệp trung ương đóng tại địa phương đối với công nghiệp và nông - lâm nghiệp. Hướng tập trung trong hai năm 1975- 1976 là:

- Về sản xuất cơ khí: Đảm bảo đủ nông cụ thường và công cụ cải tiến cho công nghiệp, cho khâu chế biến nông - lâm sản và các ngành sản xuất khác. củng cố và xây dựng thêm các cơ sở cơ khí nhỏ, thủy điện nhỏ trong nông thôn.

- Về công nghiệp chế biến, chủ yếu là chế biến hoa màu và các hàng tiêu dùng như: bánh kẹo, đậu phụ, nước chấm, đồ uống, thức

ăn gia súc, hàng xuất khẩu... Tiến hành xây dựng cơ sở chế biến thức ăn gia súc.

- Sản xuất chế biến hàng xuất khẩu là một khâu trọng yếu trong sản xuất công nghiệp hai năm 1975-1976. Vì vậy, phải phát triển mạnh việc chế biến các loại tinh dầu pơmu, màng tang, bạc hà..., phát triển mạnh sản xuất thảo quả, cần câu, gậy trúc, tấm màn. Ngoài ra, đẩy mạnh chế biến dầu sỏ, trâu và những mặt hàng khác.

- Đẩy mạnh sản xuất vật liệu xây dựng như: gạch, ngói, vôi, xi măng, gỗ, tre, vầu, nứa, củi... để đảm bảo nhu cầu xây dựng cơ bản của Nhà nước và cung cấp một phần cho nhân dân.

- Giải quyết tốt vấn đề chất đốt cho nhu cầu sản xuất và nhu cầu đun nấu các bữa ăn. Ngoài củi, cần cung cấp than đun nấu cho các bếp ăn tập thể và gia đình ở thị xã, thị trấn.

- Đẩy mạnh xây dựng cơ bản, trên cơ sở số vốn và vật tư Nhà nước cấp. Những công trình cần có xi măng, sắt thép, phải tính toán kỹ trước khi xây dựng. Trong thi công phải tập trung vào một số công trình trọng yếu, với tinh thần thi công tập trung dứt điểm, nhanh chóng đưa công trình vào sản xuất và mau phát huy hiệu quả. Phải vừa xây dựng các công trình lâu dài kiên cố, vừa xây dựng các công trình phục vụ kịp thời cho nhu cầu trước mắt, do đó phải chú ý xây dựng các nhà cửa nửa kiên cố và tranh tre, nứa tạm thời, v.v..

Trong hai năm 1975-1976, cần tập trung vốn cho việc mở thêm một số đoạn đường giao thông, phát triển thủy lợi, nước ăn ở vùng cao và ở thị xã, thị trấn, xây dựng và mở rộng hoặc hoàn chỉnh công trình trong công nghiệp có tính chất trực tiếp sản xuất, nhằm chuẩn bị điều kiện và đẩy mạnh sản xuất các mặt hàng phục vụ cho công nghiệp trung ương tại địa phương, cho sản xuất và đời sống trong tỉnh, đồng thời xây dựng các nông - lâm trường, trạm trại nông nghiệp, trường học và một phần cho các công trình nhà ở, trụ sở, văn hóa - xã hội, phúc lợi công cộng.

- Tổ chức tốt việc nắm nguồn hàng, cải tiến phương thức và tổ chức tốt mạng lưới thu mua, phân phối của thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán, đảm bảo vượt kế hoạch thu mua, đảm bảo phân phối đúng tiêu chuẩn, chế độ, chính sách, hàng hóa đến tay người tiêu dùng. Tăng cường quản lý kinh tế, tài chính, tiền tệ, thị trường và giá cả, kiên quyết chống ăn cắp, tham ô, móc ngoặc, buôn bán trái phép, nghiêm chỉnh thực hiện Nghị quyết số 228 của Bộ Chính trị.

3. Về văn hoá - xã hội, đời sống

Trong công tác giáo dục, hướng chủ yếu là đẩy mạnh phong trào bổ túc văn hóa, thanh toán nạn mù chữ, vỡ lòng, cả hệ tập trung và tại chức, nâng cao chất lượng toàn diện trong các cấp học phổ thông, đặc biệt coi trọng vấn đề thanh toán xong nạn mù chữ cho người trong diện thanh toán và nâng cao một bước trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật cho cán bộ và nhân dân. Phải tích cực phát động phong trào học tập trong quần chúng, coi học tập là nghĩa vụ của mọi người, củng cố và phát triển mạnh phong trào học văn hóa trong nông thôn, chú trọng vùng cao, chú trọng xây dựng trường sở và trang bị đồ dùng dạy học cho các trường, lớp.

Đi đôi với công tác giáo dục, phải đẩy mạnh công tác văn hóa, thông tin, báo chí, văn nghệ, thể dục thể thao, y tế, bảo vệ bà mẹ trẻ em, nhằm xây dựng, bồi dưỡng tư tưởng, đạo đức xã hội chủ nghĩa, xây dựng nếp sống văn hóa mới, bảo vệ sức khỏe cho nhân dân và tích cực cải tạo phong tục tập quán lạc hậu, vận dụng thực hiện tốt Chỉ thị 214 ngày 15-1-1975 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

Phải đảm bảo và nâng cao một bước đối với vấn đề ăn ở, học của nhân dân và cán bộ, công nhân viên. Cụ thể là giải quyết tốt hơn việc cung cấp thịt, đậu, nước chấm, rau, chất đốt, nơi ăn ở cho cán bộ, công nhân viên. Tiếp tục chữa một số bệnh như giang mai, bấu cổ, giải quyết vấn đề nước ăn cho các nơi thuộc vùng cao bị thiếu.

4. Về bảo vệ trị an và xây dựng lực lượng công an, quân sự

Nâng cao ý thức cảnh giác cho cán bộ và nhân dân, đồng thời xây dựng, củng cố lực lượng công an, quân sự, đảm bảo sẵn sàng chiến đấu và bảo vệ an toàn địa phương. Phải kết hợp việc xây dựng, huấn luyện với việc sử dụng lực lượng dân quân tự vệ, bộ đội tham gia xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa, kết hợp xây dựng kinh tế với củng cố quốc phòng.

Thực hiện tốt Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị, chặn đứng và chấm dứt tệ ăn cắp của công, tham ô, làm ăn phi pháp, kiên quyết trừng trị những phần tử chống đối và những kẻ gây rối trật tự an ninh gây tổn hại đến kinh tế của Nhà nước và hợp tác xã.

5. Về xây dựng Đảng và công tác cán bộ

Phải trên cơ sở quán triệt Nghị quyết số 225 của Bộ Chính trị và Nghị quyết Hội nghị lần thứ 23 của Trung ương Đảng để đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, công tác cán bộ, tăng cường năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các đảng bộ trong tỉnh. Phải gắn chặt việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị trong 2 năm 1975-1976 với công tác xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng, đặc biệt coi trọng củng cố các tổ chức ở cơ sở nông thôn, vùng cao và hợp tác xã.

Đối với tổ chức đảng, tập trung chủ yếu vào các công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao quan điểm, lập trường, nhiệt tình cách mạng, xây dựng, bồi dưỡng và nâng cao giác ngộ giai cấp xã hội chủ nghĩa và lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, đồng thời đề cao ý thức tổ chức, dân chủ kỷ luật, chống tư tưởng tiểu tư sản, vun vén cá nhân, hòa bình hưởng lạc, cá nhân chủ nghĩa và các tàn tích của tư tưởng phong kiến... trong cán bộ, đảng viên và đoàn viên. Về mặt tổ chức, phải tăng cường công tác kiểm tra dân chủ, kỷ luật trong Đảng và hoàn thành việc thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư Trung ương vào giữa năm 1975, đồng thời phải tích cực tuyên truyền Đảng và phát triển đảng viên mới. Hướng phấn đấu năm 1976, các

đội, tổ sản xuất đều có đảng viên, các đảng bộ, chi bộ nông thôn căn bản tự đảm đương được vai trò hạt nhân lãnh đạo ở cơ sở, giải quyết dứt điểm, không để tồn tại tình trạng có cơ sở kém nát. Phải tích cực mở lớp huấn luyện lý luận cho cán bộ, đảng viên theo hệ trường Đảng tỉnh, trường lớp ở huyện và cơ sở.

- Đối với tổ chức chính quyền và các đoàn thể, chủ yếu là bồi dưỡng về quan điểm, lập trường và năng lực làm việc, tăng cường hoạt động, đề cao vai trò trách nhiệm và hiệu lực trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ của các cấp, các ngành, theo đúng chức năng, nhiệm vụ của từng cấp, từng ngành. Phải coi trọng và tích cực củng cố các đoàn thể quần chúng Công đoàn, Thanh niên, Phụ nữ, Mặt trận v.v.; có phương pháp giáo dục, vận động quần chúng sát với từng dân tộc, từng lứa tuổi và giới tính. Mỗi đoàn thể cần có một nội dung nhiệm vụ thích hợp trong từng thời gian để vận động đoàn viên, hội viên làm đầu tàu thực hiện.

Về mặt tổ chức cán bộ, qua phong trào quần chúng và qua việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị để rèn luyện, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, thực hiện chuyên môn hóa và từng bước tiêu chuẩn hóa cán bộ. Phải gấp rút hoàn thành quy hoạch cán bộ của tỉnh. Hướng đào tạo cán bộ, nói chung đều phải chú ý cả các loại, trọng tâm là đào tạo cán bộ quản lý kinh tế, khoa học kỹ thuật và cán bộ trẻ, cán bộ dân tộc địa phương. Phải đặc biệt coi trọng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho huyện và cơ sở xã, hợp tác xã, đồng thời đưa một số cán bộ ở tỉnh xuống huyện và xã, hợp tác xã (chủ yếu là cán bộ nghiệp vụ quản lý kinh tế, kế toán, kỹ thuật).

Phải phấn đấu đưa trình độ cán bộ chủ chốt ở xã và hợp tác xã đa số có từ lớp 4 trở lên và có trình độ sơ cấp về chính trị. Đối với cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp huyện, đa số có trình độ trung cấp các mặt. Đối với cán bộ lãnh đạo và quản lý chủ chốt cấp tỉnh, đa số có trình độ văn hóa cấp III và học qua chương trình chính trị trung cấp trở lên. Đối với trình độ khoa học, kỹ thuật hiện có, cần tích cực bồi dưỡng về mặt chính trị và quản lý, sử dụng cho hợp lý và chặt chẽ.

III. MỘT SỐ BIỆN PHÁP VỀ LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Để đảm bảo thực hiện tốt phương hướng, nhiệm vụ hai năm 1975-1976 về mặt lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện phải chú ý một số biện pháp sau đây:

1. Phát động phong trào thi đua lao động sản xuất, tiết kiệm trong đảng bộ và nhân dân, trên cơ sở học tập quán triệt các Nghị quyết, Chỉ thị của Trung ương và của Tỉnh ủy, tạo khí thế lao động sản xuất, công tác sôi nổi, liên tục trong quần chúng.

2. Đẩy mạnh tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng trong mọi công tác, tích cực giải quyết tư tưởng, đấu tranh giữa "hai con đường" lấy việc củng cố quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh cách mạng kỹ thuật và cách mạng tư tưởng - văn hóa để đẩy mạnh sản xuất, thực hiện vượt mức kế hoạch nhà nước năm 1975-1976. Phải tích cực củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là củng cố phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, gắn liền với hoàn thành phương án định canh, định cư. Phải tiến hành tổng kết, phân tích một số hợp tác xã điển hình, có cách làm ăn tốt, tiến hành tổ chức lại sản xuất, từ cơ sở, tiến hành Đại hội nông dân tập thể, thực hiện Điều lệ hợp tác xã. Mức phấn đấu trong hai năm 1975-1976, phải đưa phong trào hợp tác hóa nông nghiệp lên khoảng 80% số hộ nông dân, trong đó vùng thấp 95%, vùng cao 70%. Tiếp thu tốt lao động Nam Hà lên, để tăng thêm lao động vào làm nông nghiệp, xây dựng cơ bản (độ 8.000 lao động, với 2 vạn nhân khẩu).

Trong khu vực kinh tế quốc doanh và hợp tác xã, vấn đề chủ yếu hiện nay là phải tích cực cải tiến quản lý kinh tế, cải tiến kỹ thuật, tăng cường pháp chế trong các khâu xây dựng, phát triển kinh tế, tổ chức đời sống xã hội. Phải thực hiện nghiêm túc các chế độ, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong mọi lĩnh

vực hoạt động. Phải tăng cường công tác kế hoạch hóa, công tác thống kê, theo dõi nắm tình hình.

Trong việc tăng cường xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật, phải tích cực đẩy mạnh một cách đồng bộ và dứt điểm như đầu tư thêm vốn, lao động, trang bị cơ giới cho từng vùng kinh tế và từng ngành sản xuất trọng tâm là khai hoang, mở mang đường giao thông, thủy lợi, kiến thiết đồng ruộng, vườn ươm, cơ sở phân, giống, xí nghiệp chế biến cám tổng hợp và thức ăn gia súc... nhằm phục vụ cho phát triển sản xuất lương thực, thực phẩm và ba thế mạnh, tập trung vào hướng thâm canh, tăng vụ, nghề rừng, chăn nuôi, sản xuất chế biến hàng xuất khẩu.

3. Tăng cường một bước đối với việc xây dựng, phát triển mọi mặt ở vùng cao, biên giới, cần có kế hoạch toàn diện để đưa vùng cao biên giới tiến bộ nhanh hơn. Về mặt chính sách, cần vận dụng sát và thực hiện tốt Nghị quyết 109 của Chính phủ đối với vùng cao; tích cực khắc phục tư tưởng ngại xuống cơ sở và coi nhẹ vùng cao của các ngành, của cán bộ, công nhân viên.

4. Ra sức xây dựng Đảng, xây dựng, củng cố các tổ chức chính quyền, đoàn thể và các lực lượng trị an- quân sự địa phương, đào tạo, bồi dưỡng tăng nhanh các loại cán bộ (chú trọng cán bộ địa phương, quản lý kinh tế, khoa học kỹ thuật). Trong xây dựng củng cố các tổ chức, phải lấy việc củng cố, xây dựng các tổ chức cơ sở nông thôn làm trọng tâm. Kiên quyết đưa cán bộ của tỉnh, huyện xuống hợp tác xã và thực hiện tốt các chế độ, chính sách mới theo Quyết định số 292 của Hội đồng Chính phủ. Phải tích cực chấn chỉnh và kiện toàn các ban, ngành, bộ môn giúp việc của Đảng và chính quyền ở tỉnh và huyện.

5. Cải tiến phương thức lãnh đạo, chỉ đạo và lề lối làm việc của các cấp, các ngành, nhằm tăng cường kiểm tra, đôn đốc đi sâu đi sát vào quần chúng, chống tác phong quan liêu, mệnh lệnh, làm việc không chuẩn bị, không điều tra nghiên cứu đầy đủ, hoặc tùy tiện. Phải quy định rõ chế độ sinh hoạt, phân công, phân nhiệm rõ

ràng, nhằm phát huy vai trò tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách trong các cấp ủy đảng. Đề cao chức năng lãnh đạo và kiểm tra của cơ quan đảng, trách nhiệm tổ chức chỉ đạo thực hiện của chính quyền, vai trò động viên quần chúng thực hiện của các đoàn thể quần chúng (có Nghị quyết quy định cụ thể của Tỉnh ủy).

Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, còn phải coi trọng chỉ đạo trọng điểm, xây dựng và nhân điển hình, kịp thời sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm và tích cực nhân điển hình ra diện rộng. Duy trì chế độ phân công phụ trách các huyện và lấy một số huyện làm trọng điểm: Huyện phân công phụ trách xã, hợp tác xã và lấy một xã và hợp tác xã làm trọng điểm; đồng thời tỉnh, huyện phân công chỉ đạo từng vùng, từng cây, con cụ thể.

6. Phải vận dụng thực hiện nghiêm túc các chế độ, chính sách trên các mặt mà Đảng và Nhà nước đã ban hành, đồng thời nghiên cứu đề nghị cụ thể với Trung ương giải quyết bổ sung một số chính sách chưa có, như đầu tư vốn, trang bị máy móc, vật tư kỹ thuật... cho xây dựng, phát triển kinh tế, chế độ đãi ngộ cán bộ miền núi...

Trên đây là những nét chính về kiểm điểm tình hình mấy năm qua và dự kiến phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu trong hai năm 1975-1976. Căn cứ vào báo cáo này, các cấp, các ngành sẽ thảo luận và bổ sung thêm thành nội dung báo cáo chính trị của Đại hội Đảng tỉnh lần thứ VI sắp tới.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

NÔNG CÔNG THƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 20-NQ/TU, ngày 12-6-1975

Về việc “cải tiến phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, chế độ và lề lối làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai”

Việc cải tiến phương thức lãnh đạo, chỉ đạo và chế độ làm việc, đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ để tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng là một trong những công tác cấp bách mà Nghị quyết hội nghị lần thứ 23 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đề ra.

Trên cơ sở quán triệt các nghị quyết của Trung ương Đảng, xuất phát từ tình hình thực tế của địa phương và để đáp ứng những yêu cầu của nhiệm vụ công tác trong giai đoạn mới, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đề ra Nghị quyết về việc “Cải tiến phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, chế độ và lề lối làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai” như dưới đây:

Phần thứ nhất

KIỂM ĐIỂM ƯU, KHUYẾT ĐIỂM TRONG THỜI GIAN QUA

Từ Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ V (tháng 4-1970) tới nay, chế độ công tác, lề lối làm việc của Tỉnh ủy ngày càng được cải tiến và ngày càng có tiến bộ; do đó đã đảm bảo cho công tác lãnh

đạo và chỉ đạo thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Trung ương Đảng và Chính phủ, của Đảng bộ ta từng bước được tăng cường và đạt nhiều kết quả tốt. Tuy nhiên, trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các công tác và đối chiếu với yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng đòi hỏi thì chế độ làm việc, công tác tổ chức thực hiện của các cấp ủy và của Tỉnh ủy còn những nhược điểm, thiếu sót tồn tại cần tiếp tục sửa đổi và cải tiến.

Những ưu điểm và khuyết điểm, nhược điểm tồn tại chủ yếu thể hiện:

Về ưu điểm:

1. Việc nghiên cứu đề ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu, biện pháp lớn và tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện của Ban Chấp hành tỉnh và Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã có nhiều cố gắng trong việc nắm và vận dụng thi hành đường lối, chủ trương, chính sách của Trung ương, nghị quyết của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương trong từng thời gian. Đó là do ngày càng tích cực đi sâu vào công tác điều tra, nghiên cứu nắm vững tình hình, đặc điểm địa phương, do tư tưởng cách mạng tiến công của Tỉnh ủy luôn luôn được phát huy và do trình độ năng lực lãnh đạo chỉ đạo của tập thể Tỉnh ủy từng bước được nâng lên về mọi mặt, nên việc vận dụng đường lối, chính sách của Trung ương vào hoàn cảnh địa phương nói chung là đúng đắn và sát hợp.

2. Sự phân công và sự hoạt động của tập thể Tỉnh ủy cũng như việc chỉ đạo thực hiện các công việc hằng ngày của Ban Thường vụ Tỉnh ủy nói chung có nhiều tiến bộ. Trên cơ sở chỉ thị, nghị quyết đã có, Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã bám chắc vào chỉ đạo nói chung là chặt chẽ đối với các công tác chủ yếu và thường xuyên như xây dựng, phát triển kinh tế, củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; bảo vệ trị an, quân sự địa phương; xây dựng đảng; đồng thời quan tâm, chỉ đạo các công tác đột xuất từng thời gian tuyển quân, điều tra dân số, thực hiện Chỉ thị số 192, Nghị quyết số 228, v.v.. Trong công tác xây dựng

Đảng, chính quyền, các đoàn thể quần chúng, Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ đối với việc thực hiện Chỉ thị số 192 của Ban Bí thư, việc bầu cử hội đồng nhân dân và kiện toàn ủy ban hành chính các cấp, việc mở đại hội các đoàn thể và qua đó đưa sự hoạt động của các tổ chức đó tiến bộ một bước.

3. Đối với các bộ máy giúp việc (các đảng đoàn, các ban và Văn phòng Tỉnh ủy) Tỉnh ủy đã chú ý củng cố, kiện toàn từng bước. Việc chấp hành các chế độ, chức trách, việc thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu, tổng hợp, đề xuất vấn đề, làm tham mưu cho cấp ủy của các bộ máy giúp việc đã có những tiến bộ nhất định và ngày càng có nền nếp trong việc phục vụ các yêu cầu công tác của Tỉnh ủy.

4. Về mặt phương thức và tác phong, lề lối lãnh đạo, chỉ đạo, chấp hành nguyên tắc, chế độ sinh hoạt... của Tỉnh ủy đã được tiếp tục được cải tiến thêm. Sinh hoạt của Tỉnh ủy được đều đặn. Việc chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách trong Tỉnh ủy đã có nhiều tiến bộ. Vai trò trách nhiệm của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thể hiện rõ rệt trên từng mặt trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, cũng như về mặt tinh thần trách nhiệm. Công tác kiểm tra đôn đốc của Tỉnh ủy nói chung được chú ý tăng cường. Việc chỉ đạo và tổ chức thực hiện các công tác giữa Đảng và chính quyền ngày càng được phân định rõ. Tinh thần tự phê bình, phê bình đấu tranh nội bộ được duy trì tốt, do đó sự đoàn kết, nhất trí, tập trung thống nhất trong Tỉnh ủy được giữ vững.

Về khuyết điểm, nhược điểm tồn tại:

Bên cạnh những mặt ưu điểm chính như trên, trong quá trình chỉ đạo thực hiện của Tỉnh ủy còn bộc lộ một số nhược điểm và khuyết điểm như sau:

1. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của tập thể Tỉnh ủy đối với mọi mặt công tác ở địa phương, đặc biệt là trong việc xây dựng và phát triển kinh tế - văn hóa, trong việc đề ra chủ trương, phương hướng, nhiệm vụ và các biện pháp lớn cho các mặt thì nói chung

đều đúng đắn, không có gì sai lệch đáng kể, nhưng trong công tác tổ chức chỉ đạo thực hiện thì còn có việc chưa cân đối toàn diện, có lúc nặng mặt này, có lúc nặng mặt khác. Đối với nhiệm vụ củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn, công tác vận động định canh, định cư, chỉ đạo vùng sản xuất, đặc biệt là công tác vùng cao chưa có sự tập trung, chưa có những biện pháp đồng bộ và triệt để. Việc chỉ đạo công tác giáo dục tư tưởng, chính trị trong từng thời gian chưa mạnh, chưa sâu sắc. Công tác tổ chức - cán bộ có lúc chưa theo kịp, chưa đi liền với yêu cầu của nhiệm vụ chính trị. Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Đảng, chính quyền, các đoàn thể quần chúng ở cơ sở chưa được coi trọng đúng mức, thiếu chủ trương, biện pháp cụ thể. Có một vài vấn đề thuộc về phương hướng nhiệm vụ, mục tiêu phấn đấu đã có chủ trương, nghị quyết của Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Tỉnh ủy, nhưng trong quá trình tổ chức chỉ đạo thực hiện thì còn có hiện tượng thiếu tập trung, thiếu bám sát phương hướng của đồng chí phụ trách hoặc của các ngành, ban có trách nhiệm.

2. Phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, tác phong công tác, thực hiện các nguyên tắc cũng còn một số thiếu sót. Sinh hoạt, họp hành nói chung đều đặn, nhưng sự chuẩn bị trước khi họp thiếu đầy đủ, cuộc họp kéo dài, ý kiến phát biểu trùng lặp, sự đóng góp ý kiến của các đồng chí tỉnh ủy viên vào các chủ trương, biện pháp còn ít.

Việc kiểm tra, đôn đốc các cấp, các ngành của Ban Thường vụ Tỉnh ủy cũng còn có việc chưa kịp thời, chưa phát huy đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của các bộ máy giúp việc (các ban, các đảng đoàn...).

Vấn đề phân định trách nhiệm giữa lãnh đạo với chỉ đạo thực hiện, giữa cơ quan đảng với cơ quan chính quyền tuy có tiến bộ nhưng cũng có việc chưa phát huy được mạnh mẽ, nhất là trong chỉ đạo sản xuất, quản lý kinh tế - kế hoạch, do đó chưa phát huy được sức mạnh một cách tổng hợp và đồng đều trên các lĩnh vực hoạt động.

3. Việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các đồng chí tỉnh ủy viên, tuyệt đại đa số các đồng chí đều có sự cố gắng, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao và tích cực tham gia vào sự lãnh đạo, chỉ đạo chung của tập thể Tỉnh ủy. Nhưng cũng còn một số đồng chí phương pháp lãnh đạo và tác phong còn chủ quan, bảo thủ, quan liêu, thiếu điều tra nghiên cứu. Một số đồng chí trong Tỉnh ủy còn ít đi cơ sở, còn ngại học tập nâng cao trình độ quản lý kinh tế, nghiệp vụ và khoa học kỹ thuật. Có đồng chí cũng còn biểu hiện tư tưởng lúc nhấn mạnh mặt này, lúc nhấn mạnh mặt khác, chưa thấy hết nhược điểm, khuyết điểm của cá nhân và của ngành mình phụ trách. Có đồng chí do trình độ mọi mặt còn bị hạn chế, nên cũng ảnh hưởng đến sức nhạy cảm với cái mới, đến việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, đến việc hoàn thành các chế độ, chức trách được giao.

4. Bộ máy giúp việc cho Tỉnh ủy chưa làm đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của mình, chưa làm tròn được vai trò tham mưu cho Tỉnh ủy trong từng khâu công tác một cách hoàn chỉnh (đề xuất vấn đề, tổ chức thực hiện, sơ kết, tổng kết). Trong việc đề xuất các vấn đề với Tỉnh ủy, với Ban Thường vụ, của các ban, đảng đoàn thường thiếu các cơ sở làm căn cứ cho việc bàn định của cấp ủy hoặc sự chuẩn bị còn thiếu kỹ lưỡng của tập thể ban, đảng đoàn. Năng lực và tinh thần trách nhiệm của các ban, đảng đoàn có nơi, có lúc chưa đáp ứng yêu cầu công tác. Việc thực hiện chế độ báo cáo, thỉnh thị của các cấp ủy, các ban, đảng đoàn, các ngành thiếu nghiêm chỉnh.

Sở dĩ có những khuyết điểm, tồn tại nói trên là do:

- Trong chủ trương cũng như trong biện pháp thực hiện có những vấn đề chưa được điều tra nghiên cứu, nắm sâu tình hình thực tế, chưa bàn bạc thảo luận kỹ, do đó chưa có cơ sở để đề ra một cách cụ thể và dứt khoát.

- Chức năng, nhiệm vụ của từng đồng chí trong Tỉnh ủy cũng có đồng chí chưa thực hiện đầy đủ. Trình độ các mặt của các đồng

chí tỉnh ủy viên cũng chưa đồng đều (nhất là trình độ khoa học - kỹ thuật, nghiệp vụ quản lý kinh tế...). Một số đồng chí chưa phát huy đầy đủ tinh thần trách nhiệm trước tập thể. Một số đồng chí phải kiêm nhiệm nhiều việc nên cũng ảnh hưởng tới những công việc được giao phụ trách.

- Chức năng, trách nhiệm của các ban, đảng đoàn chưa được phát huy đầy đủ; có những vấn đề cũng chưa được quy định cụ thể. Một số ban chuyên môn, nghiên cứu tổng hợp của Tỉnh ủy và Ủy ban Hành chính tỉnh chưa được củng cố, kiện toàn cả về số lượng, chất lượng cán bộ.

- Một số quy định trong lề lối làm việc chưa được thảo luận, quyết nghị kỹ, chưa được đề ra một cách đầy đủ hoặc đã có nhưng chưa thực hiện một cách đồng bộ, nghiêm khắc và thường xuyên bổ sung.

Phần thứ hai

NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ CẢI TIẾN PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, CHẾ ĐỘ VÀ LỀ LỐI LÀM VIỆC CỦA TỈNH ỦY

I. PHẢI ĐẢM BẢO CHẾ ĐỘ SINH HOẠT VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN CHẤP HÀNH VÀ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY THEO ĐÚNG NGUYÊN TẮC TẬP TRUNG DÂN CHỦ, THỰC HIỆN ĐÚNG CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ ĐƯỢC PHÂN CÔNG

Chất lượng lãnh đạo của Đảng thể hiện ở sức mạnh tập thể của tổ chức, ở sự tập trung trí tuệ của mọi thành viên trong tổ chức, do đó cần phát huy đầy đủ trách nhiệm và năng lực của tất cả các đồng chí trong Tỉnh ủy theo đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

1. Trách nhiệm chung của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

Ban Chấp hành tỉnh là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng bộ giữa hai kỳ Đại hội (đại biểu) và là bộ tham mưu tập thể của toàn Đảng bộ.

Căn cứ vào nghị quyết của Đại hội (đại biểu) Đảng bộ và các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, Ban Chấp hành tỉnh có nhiệm vụ bàn và đề ra các chủ trương, biện pháp tổ chức chỉ đạo thực hiện, đồng thời kiểm tra đôn đốc việc thực hiện và chịu trách nhiệm chính về kết quả của mọi mặt công tác trong địa phương. Mỗi đồng chí tỉnh ủy viên phải chịu trách nhiệm chung trong tập thể Tỉnh ủy, đồng thời trực tiếp chịu trách nhiệm toàn bộ về công tác của ngành và đơn vị được phân công phụ trách.

Nhiệm vụ cụ thể của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh là: Quyết nghị, đề ra các chủ trương, biện pháp chủ yếu trên tất cả các mặt trong tỉnh. Hằng năm, 6 tháng, 3 tháng tập thể Tỉnh ủy nghe báo cáo và thảo luận, quyết định các vấn đề thuộc về chủ trương, phương hướng nhiệm vụ, mục tiêu cơ bản và chủ yếu; các chế độ chính sách, biện pháp lớn là chủ yếu; chương trình công tác chung của cả tỉnh trên các mặt: Kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa, xã hội, đời sống.... Trọng tâm là quyết định các vấn đề thuộc về phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch kinh tế - văn hóa, ngân sách hằng năm của tỉnh; về củng cố hoàn thiện quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa; về phong trào ở vùng cao, biên giới, về trị an - quốc phòng, bảo vệ biên giới nội địa; về công tác xây dựng Đảng, công tác tổ chức cán bộ, xây dựng củng cố chính quyền và các đoàn thể quần chúng; về công tác tư tưởng chính trị. Đối với những vấn đề khác có ảnh hưởng chung, có quan hệ đến tâm tư, tình cảm của quần chúng, đến phong trào mọi mặt ở địa phương thì tập thể Tỉnh ủy cũng phải bàn bạc, quyết định. Ban chấp hành tỉnh chỉ đi sâu xem xét quyết định những vấn đề lớn trọng yếu, cơ bản, không đi vào những vấn đề sự vụ, vụn vặt.

Tập thể Tỉnh ủy có trách nhiệm chuẩn bị mọi mặt và tổ chức tốt Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh theo đúng Điều lệ Đảng và sự hướng dẫn của Trung ương (có lập ra ban truù bị để giúp việc).

Hàng năm, từng thời kỳ Tỉnh ủy có tổng kết, đánh giá việc thi hành các nghị quyết của Đảng ở địa phương, đề ra chủ trương, biện pháp mới để phát huy thắng lợi, khắc phục khuyết điểm, tồn tại.

Hội nghị Tỉnh ủy phải được chuẩn bị chu đáo, có nội dung thiết thực và phải đảm bảo đúng thời gian quy định. Tài liệu, văn bản dự thảo phải được gửi cho các đồng chí tỉnh ủy viên nghiên cứu trước từ 5 ngày. Các đồng chí tỉnh ủy viên cần nghiên cứu chuẩn bị ý kiến trước khi đến họp. Trong cuộc họp cần tập trung thảo luận những vấn đề chủ yếu thuộc chức năng, nhiệm vụ của Tỉnh ủy, phát biểu tránh dài và không lặp lại các ý kiến phát biểu của các đồng chí khác. Ý kiến thảo luận trong hội nghị phải được kết luận rõ ràng (do đồng chí Bí thư kết luận) và nếu cần thì phải lấy biểu quyết. Nếu vấn đề nào chưa thảo luận rõ thì để lại, chưa vội kết luận. Từng đồng chí tỉnh ủy viên phải coi trọng việc học tập (chính trị, thời sự, chính sách, văn hóa, khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ...); phải tích cực tự rèn luyện, đề cao tự phê bình và phê bình đồng thời đóng góp trí tuệ của mình vào công việc chung của Tỉnh ủy. Sự phân công của Tỉnh ủy vẫn theo khối, theo ngành và phụ trách huyện hoặc vùng sản xuất, phụ trách cây, con cụ thể, phụ trách chỉ đạo trọng điểm và các nhiệm vụ công tác trọng yếu khi cần thiết.

Các đồng chí trong Tỉnh ủy phải đảm bảo giữ gìn và tăng cường khối đoàn kết nhất trí trong tập thể Tỉnh ủy cũng như của toàn Đảng bộ, xây dựng Đảng bộ ngày một trưởng thành, vững mạnh.

2. Trách nhiệm của Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Ban Thường vụ Tỉnh ủy là cơ quan thay mặt Ban Chấp hành tỉnh lãnh đạo và chỉ đạo mọi công tác của Đảng bộ giữa hai kỳ hội nghị toàn thể Ban Chấp hành tỉnh. Ban Thường vụ Tỉnh ủy có trách nhiệm chuẩn bị tốt các hội nghị Ban Chấp hành tỉnh, thông báo

tình hình hằng tháng cho các tỉnh ủy viên, nêu các vấn đề cho các tỉnh ủy viên cùng chuẩn bị; 6 tháng một lần (theo đúng quy định của Điều lệ Đảng) làm báo cáo tình hình cho cấp dưới và có thể đề xuất ý kiến cho cấp dưới thảo luận, tham gia ý kiến và tổng hợp ý kiến của cấp dưới để báo cáo với tập thể Tỉnh ủy. Ban Thường vụ Tỉnh ủy phải báo cáo theo định kỳ các công việc đã làm của mình với Tỉnh ủy để Tỉnh ủy tham gia ý kiến, nhận xét và bổ khuyết.

Nhiệm vụ cụ thể của Ban Thường vụ Tỉnh ủy:

- Nắm toàn bộ công tác của Tỉnh ủy để chuẩn bị hoặc chỉ đạo cho các ban, các đảng đoàn và các đồng chí phụ trách các ngành chuẩn bị tốt hội nghị của Ban Chấp hành.

- Bàn biện pháp tổ chức chỉ đạo thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và các nghị quyết của Tỉnh ủy, đồng thời tổ chức kiểm tra việc thực hiện các mặt công tác của Tỉnh ủy đề ra, báo cáo với Tỉnh ủy về kết quả thực hiện các nghị quyết, các mặt công tác đã làm; tổng hợp tình hình theo thường kỳ và bất thường để báo cáo lên Trung ương. Đối với các nhiệm vụ về kinh tế, văn hóa... sau khi có chủ trương về phương hướng, mục tiêu do Tỉnh ủy đã quyết nghị, Ban Thường vụ Tỉnh ủy có trách nhiệm bàn bạc và quyết định các biện pháp lớn để chỉ đạo thực hiện (như các chỉ tiêu và biện pháp chủ yếu của kế hoạch nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản và ngân sách của tỉnh 6 tháng, 1 năm...). Đối với các chỉ thị, nghị quyết lớn của Chính phủ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy cũng phải nghiên cứu quán triệt và quyết định các chủ trương, biện pháp, kế hoạch vận dụng thi hành trong tỉnh.

- Thực chất Tỉnh ủy tổ chức quản lý tốt các tổ chức đảng trong Đảng bộ, chỉ đạo chính quyền, các lực lượng vũ trang, an ninh địa phương, các đoàn thể quần chúng nghiên cứu và quyết định các vấn đề dân tộc, công tác tổ chức - cán bộ theo tinh thần nghị quyết số 225 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 04, Nghị quyết số 17 của Tỉnh ủy.

- Tập trung trí tuệ của tập thể Ban Thường vụ Tỉnh ủy để xây dựng vững vàng kết cấu các chuyên đề; tổ chức cho các tỉnh ủy

viên xuống chỉ đạo kiểm tra, xây dựng, tổng kết điển hình và nhân điển hình theo kế hoạch và phương hướng chung của Tỉnh ủy.

- Trong khi giải quyết công việc, Ban Thường vụ Tỉnh ủy phải giữ vững và tôn trọng đầy đủ nghị quyết của tập thể Tỉnh ủy; Nghị quyết của Ban Thường vụ không được trái với nghị quyết tập thể Tỉnh ủy. Nếu có những vấn đề cần bổ sung hoặc sửa đổi nghị quyết của Tỉnh ủy, nếu là vấn đề cấp bách không kịp xin ý kiến của tập thể Tỉnh ủy thì Ban Thường vụ tạm thời giải quyết, nhưng phải báo cáo với Ban Bí thư Trung ương và sau đó phải báo cáo lại một cách đầy đủ với Tỉnh ủy ở hội nghị gần nhất.

Bộ phận thường trực Tỉnh ủy (gồm bí thư, các phó bí thư) không phải là một cấp bộ riêng trong Tỉnh ủy, nhưng có trọng trách giữa hai kỳ hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Vì vậy bộ phận thường trực Tỉnh ủy có trách nhiệm thay mặt Ban Thường vụ Tỉnh ủy nắm tình hình, chỉ đạo giải quyết các công việc hằng ngày của Tỉnh ủy và của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

3. Trách nhiệm của từng đồng chí trong Ban Chấp hành

a) Bí thư: Bí thư Tỉnh ủy là một thành viên, đồng thời là người đứng đầu trong Ban Chấp hành, giữ trọng trách của Đảng bộ, do đó phải nắm khâu chính trong toàn bộ các công tác của đảng bộ. Tổ chức việc nghiên cứu các vấn đề về vận dụng đường lối, chính sách một cách chủ động về công tác xây dựng Đảng, về tổng kết các công tác lớn; chỉ đạo hoạt động của Ban Chấp hành và trực tiếp nắm các vấn đề cơ bản về quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

Nhiệm vụ cụ thể của Bí thư là:

- Quán xuyến toàn bộ công tác của Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Tỉnh ủy, chủ động giải quyết những vấn đề thuộc quyền hạn, nhiệm vụ của mình trong việc chỉ đạo thực hiện nghị quyết, chủ trương, nắm chắc công tác trung tâm, công tác xây dựng Đảng.

- Nắm chắc tình hình và phong trào chung của địa phương, kiểm tra phát hiện và giải quyết những mâu thuẫn, những khâu

trọng yếu trong quá trình tổ chức và chỉ đạo thực hiện các mặt công tác ở địa phương; nắm chắc vấn đề trọng tâm, xác định được hướng, mũi nhọn, bước đi của từng thời gian và tập trung các khả năng hoàn thành dứt điểm các mặt, các khâu chủ yếu, đồng thời đảm bảo hoàn thành các nhiệm vụ và các kế hoạch công tác một cách toàn diện.

- Đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, đi đúng đường lối quần chúng, lắng nghe ý kiến của tập thể Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Tỉnh ủy. Bí thư phải thật sự là trung tâm và là hạt nhân đoàn kết trên cơ sở chấp hành nghiêm chỉnh mọi nguyên tắc Đảng - của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành tỉnh và toàn đảng bộ.

- Bí thư phải trực tiếp chỉ đạo việc tổng kết kinh nghiệm công tác lãnh đạo của Đảng bộ theo từng chuyên đề và chỉ đạo việc phổ biến những kinh nghiệm để kịp thời bổ sung cho các hoạt động thực tiễn của phong trào. Đồng chí bí thư cần dành nhiều thời giờ để nghiên cứu, phát hiện, đề xuất các vấn đề thuộc về vận dụng đường lối, chủ trương, chính sách của Trung ương vào địa phương, về công tác chỉ đạo thực hiện để Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban Chấp hành tỉnh thảo luận, quyết định.

- Bí thư phải khéo léo sử dụng tổ chức, phát huy trí tuệ của tập thể và đặc biệt coi trọng việc cải tiến phương pháp lãnh đạo, chỉ đạo và lề lối làm việc, để huy động trí tuệ, khả năng của tập thể vào những vấn đề trọng tâm, cơ bản nhất.

b) Các phó bí thư thay mặt Bí thư để giải quyết một số mặt, một số khâu công tác hằng ngày. Các phó bí thư phải hoàn thành tốt các nhiệm vụ do Bí thư ủy nhiệm và của tập thể Ban Thường vụ, Ban Chấp hành phân công; phải báo cáo thường xuyên công việc mình nắm và giải quyết với Bí thư và Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Phó Bí thư Thường trực: giúp Bí thư, thường trực giải quyết các công việc hằng ngày và nắm công tác chung của Tỉnh ủy, của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, cùng với đồng chí ủy viên thường vụ phụ trách khối, theo dõi công tác đảng, công tác quần chúng. Cụ thể là:

- Nghiên cứu vận dụng, đề xuất các vấn đề trên các mặt công tác: chính trị, tư tưởng, tổ chức, xây dựng đảng, công tác cán bộ, công tác vận động quần chúng cho phù hợp với đặc điểm của đảng bộ và của địa phương, nhằm đưa các tổ chức bám sát, xoay quanh, phục vụ nhiệm vụ chính trị của tỉnh.

- Chỉ đạo công tác văn phòng Tỉnh ủy và các ban chuyên môn đi vào phục vụ, đảm bảo tốt yêu cầu đối với công việc hằng ngày và các hội nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và của Tỉnh ủy.

- Giúp Bí thư chuẩn bị tốt việc phổ biến, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và của tỉnh cho cấp dưới, đồng thời huy động các bộ máy giúp việc Tỉnh ủy để tổ chức theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị đó.

- Cùng với Bí thư chỉ đạo việc tổng kết kinh nghiệm công tác lãnh đạo của đảng bộ ở địa phương theo từng chuyên đề và phổ biến những kinh nghiệm ấy.

- Giúp Bí thư đề xuất với Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban Chấp hành tổng kết, xây dựng và cải tiến lề lối làm việc, tác phong lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và của Ban Chấp hành tỉnh, cải tiến lề lối làm việc của các bộ máy giúp việc Tỉnh ủy, thực hiện việc tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với tất cả các cấp, các ngành.

- Thay mặt Bí thư và Thường vụ Tỉnh ủy thường trực giải quyết công tác của Tỉnh ủy cùng với các đồng chí phó bí thư phụ trách công tác chính quyền tỉnh thường xuyên nghe báo cáo của đảng đoàn, chính quyền tỉnh, đôn đốc đảng đoàn chính quyền tỉnh và theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và của Ban Chấp hành tỉnh; cùng với các đồng chí ủy viên thường vụ phụ trách công tác chính quyền quyết định những vấn đề cụ thể về biện pháp có liên quan đến việc thực hiện nghị quyết của trên và của Tỉnh ủy. Phó Bí thư Thường trực có trách nhiệm duy trì lề lối làm việc, phân rõ giữa việc lãnh đạo của Tỉnh ủy với việc chỉ đạo thực hiện của thường trực chính quyền tỉnh.

Phó Bí thư phụ trách chính quyền: cùng với các ủy viên Ban Chấp hành tỉnh hoạt động trong bộ máy chính quyền chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy về mọi mặt công tác của chính quyền, đi sâu nắm quản lý kinh tế, nắm kế hoạch kinh tế địa phương, chú trọng vùng sản xuất, củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và công nghiệp địa phương, phát triển văn hóa và phục vụ đời sống nhân dân.

Nhiệm vụ cụ thể là:

- Cùng với tập thể đảng đoàn, chính quyền tỉnh tổ chức việc hiệp đồng kinh tế, hợp tác sản xuất giữa các khối, các ngành một cách dân chủ, hợp lý, chặt chẽ; duy trì pháp chế xã hội chủ nghĩa trong việc thực hiện hiệp đồng, hiệp tác sản xuất, hoàn thành nhiệm vụ của các ngành, các xí nghiệp, các đơn vị và cá nhân người phụ trách thuộc khối chính quyền.

- Cùng đồng chí ủy viên thường vụ Tỉnh ủy là chủ tịch, chỉ đạo nghiên cứu và xây dựng kế hoạch nhà nước hằng năm và dài hạn của tỉnh báo cáo Thường vụ Tỉnh ủy và Tỉnh ủy duyệt.

- Coi trọng việc tổng kết về mặt quản lý kinh tế tổng hợp và cụ thể từng mặt, tổng kết công tác quản lý công - nông - lâm nghiệp, quản lý xã hội, an ninh trật tự địa phương...

- Tập trung chỉ đạo cụ thể công tác trọng tâm từng thời gian; nắm các khối và đi sâu, giải quyết kịp thời các khó khăn về tiền vốn, lao động, vật tư... và về mặt nguyên tắc, thủ tục bị mắc nếu ở từng khối, chú ý các ngành thuộc kinh tế - văn hóa.

- Đi sâu tổ chức việc chỉ đạo điển hình, nhân điển hình, cùng đồng chí ủy viên thường vụ phụ trách nông - lâm nghiệp chỉ đạo có trọng điểm một số vùng sản xuất, một số cây, con chủ yếu để rút kinh nghiệm, trên cơ sở đó đề xuất với Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành tỉnh có chủ trương, biện pháp kịp thời, toàn diện.

- Trực tiếp làm bí thư đảng, đoàn chính quyền tỉnh, thường xuyên báo cáo, phản ánh tình hình với bí thư Tỉnh ủy, chủ động và thường xuyên trao đổi tình hình và phối hợp công việc chặt chẽ với

Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy để chỉ đạo việc kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban Chấp hành tỉnh; cùng với Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy chuẩn bị các vấn đề đưa ra thảo luận ở Hội nghị Thường vụ Tỉnh ủy và Ban Chấp hành tỉnh. Đối với những vấn đề thuộc các ngành chính quyền phụ trách, đồng chí phó bí thư phụ trách chính quyền cùng đảng đoàn, chính quyền tỉnh phải chỉ đạo các ngành, các ban thuộc chính quyền phối hợp với các ban của Tỉnh ủy để nghiên cứu, lập đề án, phương án, báo cáo chuẩn bị cho hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy hoặc Tỉnh ủy.

- Là người chịu trách nhiệm chính và cùng với các ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo mọi hoạt động của Ủy ban Hành chính tỉnh đúng với nghị quyết của Ban Chấp hành và Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Các chỉ thị, nghị quyết của Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Tỉnh ủy sau khi ban hành, đồng chí phó bí thư Tỉnh ủy phụ trách chính quyền cùng đảng đoàn, chính quyền tổ chức thực hiện bằng các thủ tục của chính quyền để thi hành một cách đầy đủ và kịp thời. Đồng chí Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh phải bảo đảm tổ chức thực hiện đầy đủ các chủ trương, biện pháp, nhiệm vụ công tác theo quyết nghị của Tỉnh ủy, của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và của đảng đoàn chính quyền tỉnh, đồng thời thường xuyên phản ánh tình hình mọi mặt và trao đổi công việc hằng ngày với đồng chí phó bí thư phụ trách chính quyền tỉnh.

c) Các ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy: Mỗi đồng chí ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy ngoài trách nhiệm của một cấp ủy viên còn có trách nhiệm là thành viên tham gia sự lãnh đạo tập thể của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và được phân công phụ trách từng khối (đảng, dân, kinh tế - kế hoạch, nông - lâm nghiệp, công nghiệp, nội chính, tuyên - văn giáo...) và phụ trách huyện, thị, vùng sản xuất và tùy theo tầm quan trọng của công tác lớn mà phân công một số đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy phụ trách trong từng thời

gian nhất định. Các đồng chí ủy viên Ban Thường vụ phụ trách khối nào cần có sự nghiên cứu để có kiến thức cơ bản về yêu cầu, nhiệm vụ của khối đó, để hướng khối đó đi đúng đường lối, quan điểm của Đảng, xây dựng khối đó ngày càng vững vàng, đáp ứng được các yêu cầu của nhiệm vụ chính trị ở địa phương.

đ) Các đồng chí tỉnh ủy viên (kể cả các đồng chí ủy viên ban thường vụ): được phân công phụ trách một khối, một ban hoặc một ngành, phải tìm cách vượt mọi khó khăn, xây dựng phong trào, phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng, củng cố, tăng cường đoàn kết nhất trí, đảm bảo hoàn thành thật tốt nhiệm vụ chính trị của ngành, ban, khối do mình phụ trách.

Trong khi thực hành nhiệm vụ của mình được phụ trách, các đồng chí trong Tỉnh ủy cần giữ đúng cương vị mình là ủy viên Ban Chấp hành, phải nêu cao ý thức và tinh thần trách nhiệm của một ủy viên trong Tỉnh ủy, nhưng không được nhân danh Ban Thường vụ hoặc Tỉnh ủy để quyết định giải quyết công việc (nếu không được Ban Thường vụ Tỉnh ủy hoặc Ban Chấp hành tỉnh ủy nhiệm). Khi tổ chức thực hiện nhiệm vụ có vướng mắc gì về chủ trương thì xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy, nếu là những vấn đề cụ thể thuộc chính quyền (hiệp đồng kinh tế, vật tư, tài chính...) thì xin ý kiến thường trực chính quyền tỉnh. Khi có ý kiến bổ khuyết rồi thì phải tìm mọi cách để thực hiện nhiệm vụ một cách xuất sắc. Các đồng chí ủy viên giữ cương vị lãnh đạo ở các ngành chuyên môn, nghiệp vụ cần phải có ý thức tôn trọng, bảo vệ và phục tùng cơ quan nhà nước, phục tùng các cơ quan cấp trên (không kể đồng chí đó có phải là cấp ủy viên hay không). Đối với các chỉ thị, nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các đồng chí Tỉnh ủy viên có trách nhiệm tổ chức thực hiện đầy đủ trong khối, ngành, ban mình phụ trách (kể cả công tác đảng, công tác tổ chức - cán bộ). Nếu có trường hợp không nhất trí với chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thì Tỉnh ủy viên có thể đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét quyết định lại, nhưng khi chưa có quyết định mới thì vẫn phải thi

hành theo quyết định đã ban hành, không tự ý sửa đổi một cách tùy tiện.

Các Tỉnh ủy viên phải gương mẫu chấp hành kỷ luật và kế hoạch công tác; phải tích cực hoàn thành tốt các nhiệm vụ được phân công; phải nêu gương và đảm bảo kỷ luật nghiêm minh trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo của Đảng bộ; phải coi trọng việc thường xuyên học tập, rèn luyện nâng cao trình độ lý luận, đường lối, chính sách, kiến thức xây dựng đảng, kiến thức văn hóa, khoa học kỹ thuật, nghiệp vụ, chuyên môn, năng lực lãnh đạo, trình độ tổ chức và chỉ đạo thực hiện; phải trực tiếp tổng kết công tác do mình phụ trách, để từ đó nâng cao trình độ bản thân, cho đơn vị, cơ quan và cán bộ thuộc phạm vi mình phụ trách. Các Tỉnh ủy viên phải tuyệt đối tránh tác phong làm việc chung chung, sự vụ mà ngược lại cần “miệng nói tay làm” một cách có trọng tâm, trọng điểm, có như vậy mới tham gia vào sự lãnh đạo chung của tập thể Tỉnh ủy một cách thiết thực, có chất lượng.

Các đồng chí trong Tỉnh ủy (thường vụ hoặc Tỉnh ủy viên) giữ cương vị, chức trách chính quyền, cần đảm bảo tổ chức thực hiện tốt các chủ trương, nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban Chấp hành tỉnh. Khi giải quyết việc thì lấy danh nghĩa chính quyền, không lấy danh nghĩa Tỉnh ủy để giải quyết công việc cụ thể thuộc chính quyền hoặc để chỉ thị cho cấp dưới thực hiện những công việc thuộc chức năng của cơ quan nhà nước.

Từng đồng chí ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy hoặc tỉnh ủy viên được phân công phụ trách khối hoặc chỉ đạo một huyện, thị hay một vùng phải nắm chắc tình hình phong trào ở khối hoặc huyện, thị (hoặc vùng) được phân công; phải có trách nhiệm giúp đỡ có kết quả cho cơ sở; phải phát hiện ra được những nhân tố mới, những mâu thuẫn mới, những kinh nghiệm, những kết luận cần thiết, đề xuất các phương pháp và biện pháp giải quyết một cách tích cực nhất; phải chịu trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện chỉ thị, nghị quyết của Ban Chấp hành và Ban Thường vụ

Tỉnh ủy ở khối hoặc huyện, thị (hoặc vùng) do mình phụ trách, có biện pháp chỉ đạo kịp thời theo đúng tinh thần kế hoạch chung của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; phải phản ánh tình hình và đề xuất với Ban Thường vụ Tỉnh ủy hoặc Ban Chấp hành tỉnh những vấn đề cần bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với tình hình thực tế ở cơ sở; phải đặc biệt quan tâm đến xây dựng Đảng và công tác cán bộ.

Các Tỉnh ủy viên trực tiếp làm bí thư huyện ủy chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành tỉnh về mọi mặt công tác ở huyện mình, và phải tổ chức việc thực hiện chỉ thị, nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban Chấp hành tỉnh ở huyện mình, đưa phong trào mọi mặt ở đảng bộ và huyện mình tiến lên một cách nhanh chóng, vững chắc. Từng thời gian 3 tháng, 6 tháng, một năm và qua các đợt vận động lớn phải trực tiếp tổng kết kinh nghiệm để bổ khuyết cho phong trào địa phương mình, đồng thời góp vào sự lãnh đạo chung của Tỉnh ủy.

Các đồng chí ở Tỉnh ủy công tác ở ngành nào, cấp nào cũng đều phải có trách nhiệm lớn về công tác xây dựng đảng, các tổ chức quần chúng và công tác tổ chức - cán bộ ở nơi đó (theo đúng Nghị quyết số 04 và Nghị quyết số 17 của tỉnh).

Tất cả các đồng chí Tỉnh ủy viên đều phải gương mẫu làm tốt 10 nhiệm vụ của người đảng viên và phải tham gia sinh hoạt chi bộ, cơ quan và các đoàn thể quần chúng ở nơi mình công tác một cách đầy đủ.

II. KIẾN TOÀN VÀ TĂNG CƯỜNG TRÁCH NHIỆM, PHÁT HUY ĐẦY ĐỦ CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA BỘ MÁY GIÚP VIỆC TỈNH ỦY

Bộ máy giúp việc Ban Chấp hành tỉnh và của Ban Thường vụ Tỉnh ủy bao gồm các ban chuyên môn của Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy và các đảng đoàn ở các cơ quan chính quyền và đoàn thể quần chúng cấp tỉnh.

1. Chức năng, nhiệm vụ chung của các ban là cơ quan chuyên môn làm nhiệm vụ tham mưu về các mặt công tác của Tỉnh ủy

Nhiệm vụ chung của các ban chuyên môn là: Nghiên cứu, đề xuất, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện và thi hành các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và của Tỉnh ủy về các mặt công tác theo các nhiệm vụ cụ thể khác nhau đã quy định riêng cho từng ban. Qua kiểm tra theo dõi, các ban giúp Tỉnh ủy tìm ra những nhân tố tích cực để phát huy, những mâu thuẫn cần giải quyết, những biểu hiện sai trái với nghị quyết, chính sách để Tỉnh ủy uốn nắn, đồng thời đề xuất với Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Tỉnh ủy những vấn đề mới cần bổ sung hoặc nghiên cứu.

- Nghiên cứu, đề xuất và dự thảo các văn bản cho Ban Thường vụ và Tỉnh ủy (các nghị quyết, chỉ thị, thông tri, thông báo, kế hoạch, v.v.) về những công tác thuộc ban mình theo dõi và phụ trách. Sau khi có các ý kiến thảo luận, quyết nghị của Tỉnh ủy, hoặc Ban Thường vụ Tỉnh ủy rồi thì ban chuyên môn phải căn cứ vào ý kiến kết luận để viết lại hoặc sửa chữa, bổ sung vào văn bản đó và giúp Thường trực Tỉnh ủy tổ chức việc triển khai thực hiện các vấn đề đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy (hoặc Tỉnh ủy) quyết nghị. Sau khi văn bản được ban hành, Ban có nhiệm vụ hướng dẫn cụ thể, theo dõi, kiểm tra, tổng hợp báo cáo tình hình sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Tỉnh ủy. Tóm lại, các Ban chuyên môn có trách nhiệm làm tham mưu giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Tỉnh ủy về từng khâu công tác thuộc Ban được giao một cách hoàn chỉnh từ thời đầu đến cuối cùng, từ lúc đề xuất vấn đề cho đến khi ra được các văn bản chính thức và tổ chức thực hiện, tổng kết, kết thúc một việc.

Các đồng chí trưởng, phó các ban cần có sự phân công cụ thể và phải trực tiếp suy nghĩ, tổ chức lực lượng cán bộ, nhân viên trong ban để hoàn thành các nhiệm vụ được giao. Trưởng, phó ban là người chịu trách nhiệm về toàn bộ các văn bản, các vấn đề đề

xuất với Tỉnh ủy và Ban Thường vụ, phải trực tiếp thảo luận, xem xét và thông qua các văn bản trước khi đưa lên Ban Thường vụ Tỉnh ủy và ký tên đóng dấu vào văn bản báo cáo và các đề án thuộc về phương án, kế hoạch do ban nghiên cứu chính thức đề xuất. Sau khi có ý kiến của Ban Thường vụ hoặc Tỉnh ủy, đồng chí trưởng hoặc phó ban phải tự mình hoàn chỉnh, chỉnh lý các văn bản trước khi giao lại Văn phòng Tỉnh ủy.

Các ban chuyên môn cần chủ động phối hợp công tác chặt chẽ với nhau, hỗ trợ nhau hoàn thành tốt trách nhiệm tham mưu cho Tỉnh ủy, tránh ỷ lại, trông chờ nhau và tránh làm cho các cấp ủy bị động, sự vụ vụn vặt. Để làm tròn các nhiệm vụ trên, cần củng cố, kiện toàn các ban thêm một bước; tăng cường cán bộ có chất lượng, có khả năng. Trước mắt, cần kiện toàn các ban: Tuyên huấn, Tổ chức, Kiểm tra, Kinh tế - Kế hoạch, Nông nghiệp và nghiên cứu kiện toàn hoặc sáp nhập hoặc giải thể đối với ban nào ít nội dung nhiệm vụ hoặc nhiệm vụ không rõ ràng, để tránh chồng chéo, dẫm chân lên nhau.

2. Văn phòng Tỉnh ủy

Là bộ máy trực tiếp phục vụ các công việc lãnh đạo và chỉ đạo toàn diện của Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Tỉnh ủy; là cơ quan giúp việc theo dõi, nghiên cứu một cách tổng hợp của Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Tỉnh ủy; là đầu mối liên hệ giữa các ban, các ngành, các huyện, thị ủy, đảng ủy trực thuộc; là cơ quan trực tiếp giúp Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức cách làm việc; là cơ quan giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Tỉnh ủy quản lý ngân sách tài chính ngành đảng trong tỉnh. Nhiệm vụ cụ thể của Văn phòng Tỉnh ủy là:

a) Đối với báo cáo và văn bản đề nghị của các cấp ủy, các ban, các đảng đoàn gửi đến Văn phòng Tỉnh ủy phải giúp Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Tỉnh ủy nghiên cứu, tổng hợp và đề xuất cách giải quyết bằng ba cách:

- Các báo cáo 3 tháng, 6 tháng, một năm, báo cáo chuyên đề của các cấp ủy, các ban, đảng đoàn gửi đến thì Văn phòng Tỉnh ủy chọn lọc tóm tắt những ý chính, trực tiếp báo cáo với Thường trực Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Mặt khác Thường trực Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Tỉnh ủy trực tiếp xem các báo cáo quan trọng.

- Các tư liệu về thông tin tình hình các mặt khác, văn phòng Tỉnh ủy phải tập hợp báo cáo với đồng chí Thường trực Tỉnh ủy hàng ngày (nếu cần thiết phải giải quyết ngay), hoặc tổng hợp phản ánh vào buổi hội ý sáng thứ hai hàng tuần của thường trực Tỉnh ủy.

- Các chỉ thị, nghị quyết của trung ương và của cấp ủy cấp dưới, các văn bản có tác dụng hướng dẫn chủ trương, chính sách của các ngành gửi đến, thì Văn phòng Tỉnh ủy trích sao (hoặc sao nguyên bản) gửi các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy (hoặc Tỉnh ủy) để nghiên cứu đề xuất, nhằm phục vụ sự chỉ đạo kịp thời của Ban Thường vụ Tỉnh ủy hoặc Tỉnh ủy.

Văn phòng Tỉnh ủy phải hướng dẫn cụ thể về cách thức báo cáo của các cấp ủy và các ban, đảng đoàn, quy định rõ nội dung, số trang, số bản, thời gian, người có trách nhiệm đối với bản báo cáo và ký tên.

Văn phòng Tỉnh ủy có trách nhiệm tổng hợp và dự thảo các báo cáo chung thường kỳ và bất thường của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Tỉnh ủy để gửi lên Trung ương báo cáo hoặc để chuẩn bị cho đồng chí Thường trực Tỉnh ủy trình bày tại Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Tỉnh ủy. Sau khi hội nghị có quyết nghị thì căn cứ vào đó để hoàn chỉnh văn bản gửi Trung ương và các ngành trong tỉnh.

Văn phòng Tỉnh ủy phối hợp với Văn phòng Ủy ban Hành chính tỉnh nắm tình hình hoạt động của Ủy ban Hành chính tỉnh để báo cáo với Thường trực Tỉnh ủy biết chương trình làm việc hàng tháng và hàng tuần, những chủ trương, quyết nghị quan trọng và tiến độ thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Ủy ban Hành chính tỉnh.

Hàng tháng, hàng quý, văn phòng Tỉnh ủy và Văn phòng Ủy ban Hành chính tỉnh phối hợp với nhau lập chương trình, phân rõ những việc đưa lên Ban Thường vụ Tỉnh ủy bàn định những việc thuộc Ủy ban Hành chính tỉnh giải quyết. Chương trình này phải được đồng chí Thường trực Tỉnh ủy và Thường trực Ủy ban Hành chính tỉnh duyệt.

b) Đối với các văn bản của Trung ương gửi đến: Văn phòng có nhiệm vụ nghiên cứu và trình bày với Thường trực Tỉnh ủy nội dung của những nghị quyết, chỉ thị và thông tri đó và đề nghị ý kiến về kế hoạch thi hành ở địa phương; truyền đạt và bàn bạc với các ban, ngành liên quan nghiên cứu và chuẩn bị kế hoạch thực hiện để đưa ra Ban Thường vụ Tỉnh ủy thảo luận và quyết định.

Những văn bản của các cấp ủy, các ngành, các ban, đảng đoàn dự thảo để chuẩn bị cho Tỉnh ủy hoặc những văn bản (kể cả đề nghị thỉnh thị hoặc xin gặp trực tiếp các đồng chí Thường trực Tỉnh ủy, cần được Tỉnh ủy duyệt thì gửi trước về Văn phòng Tỉnh ủy ít nhất một tuần lễ, Văn phòng Tỉnh ủy có trách nhiệm tiếp nhận, nghiên cứu, đề xuất ý kiến và bố trí chương trình giải quyết cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

c) Theo dõi, đôn đốc việc tổ chức chỉ đạo thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương Đảng và Chính phủ và các chỉ thị, nghị quyết của Tỉnh ủy trong các ngành, các huyện, thị, đảng ủy và cơ sở; kịp thời phản ánh tình hình và phát hiện cho Ban Thường vụ và Thường trực Tỉnh ủy những kinh nghiệm tốt cần phát huy, những lệch lạc, thiếu sót cần được uốn nắn, sửa chữa.

Trước khi Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Hội nghị Ban Chấp hành tỉnh họp bàn về vấn đề gì, Văn phòng Tỉnh ủy phải trao đổi với các ban, ngành chuẩn bị đầy đủ tình hình, tài liệu để cung cấp cho các đồng chí cấp ủy họp đạt kết quả tốt.

đ) Làm biên bản các hội nghị Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Tỉnh ủy; dự thảo các văn bản chung của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Tỉnh ủy

mà không thuộc nội dung ban, ngành dự thảo (trước khi cấp ủy thông qua) hoặc đã sửa lại (sau khi cấp ủy đã thông qua), thì Văn phòng Tỉnh ủy có trách nhiệm xem lại và hoàn chỉnh thêm (nếu thấy cần) trước khi đưa Ban Thường vụ Tỉnh ủy duyệt và ký.

e) Về nhiệm vụ giúp Tỉnh ủy quản lý tài chính đảng, có quy định riêng.

Để làm tốt các nhiệm vụ trên, cần tăng cường kiện toàn bộ máy tổ chức Văn phòng Tỉnh ủy, trước mắt cần kiện toàn bộ phận theo dõi, nghiên cứu, tổng hợp có đủ số và chất lượng cán bộ cần thiết để đảm đương được đầy đủ các nhiệm vụ được giao.

3. Các Đảng đoàn

Đảng đoàn các ngành và các đoàn thể quần chúng cấp tỉnh do Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ định theo đúng Điều lệ Đảng. Nhiệm vụ của các đảng đoàn là: Thực hiện đường lối, chính sách và các nghị quyết của Đảng; tăng cường ảnh hưởng của Đảng, tăng cường đoàn kết và mối liên hệ chặt chẽ giữa cán bộ trong Đảng và ngoài Đảng trong tổ chức mình hoạt động; nghiên cứu đề nghị cấp ủy quyết định chủ trương công tác đối với tổ chức ấy. Ở những nơi chưa có đảng đoàn thì đồng chí đảng viên phụ trách ngành phải đảm nhiệm các mặt công tác nói trên. Thường kỳ hằng tháng, hằng quý, tập thể đảng đoàn phải họp kiểm điểm các mặt công tác và thống nhất những nhận định, kết luận những thành tích và khuyết điểm tồn tại trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của ngành mình, đồng thời đề xuất những vấn đề thuộc chủ trương để xin cấp ủy duyệt. Những vấn đề có liên quan nhiều ngành thì các đảng đoàn ngành phải tự động và chủ động liên hệ với nhau, cùng nhau trao đổi, phối hợp, kết hợp để tránh sự chồng chéo, xộc xệch. Các đảng đoàn các ngành trước khi báo cáo đề nghị vấn đề gì với Ban Thường vụ Tỉnh ủy thì cần trao đổi với đảng đoàn chính quyền tỉnh và cùng đảng đoàn chính quyền tỉnh chịu trách nhiệm

báo cáo đề nghị với Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Các đồng chí bí thư, phó bí thư đảng đoàn phải trực tiếp suy nghĩ tổng hợp và làm các văn bản nói trên. Chế độ báo cáo là một vấn đề thuộc về nguyên tắc Đảng. Các đảng đoàn phải thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo quý, năm; không được lấy báo cáo chuyên môn, báo cáo chính quyền thay thế cho báo cáo của đảng đoàn.

Dưới đây quy định rõ thêm một số vấn đề về chức năng, nhiệm vụ của Đảng đoàn chính quyền tỉnh và các đoàn thể quần chúng.

- Về nguyên tắc, Đảng đoàn chính quyền tỉnh cũng như các đảng đoàn ngành đều do Tỉnh ủy chỉ định và chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, đảng đoàn chính quyền tỉnh không phải là cơ quan cấp trên của các đảng đoàn ngành. Nhưng do tính chất và phạm vi công tác, do trách nhiệm và quyền hạn của ủy ban hành chính tỉnh trong việc quản lý nhà nước ở địa phương, cho nên cần đảm bảo nguyên tắc và lễ lối làm việc giữa đảng đoàn chính quyền tỉnh với Thường trực Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Tỉnh ủy như sau:

+ Đảng đoàn chính quyền tỉnh chịu sự lãnh đạo trực tiếp và có trách nhiệm thi hành nghị quyết của Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Tỉnh ủy về các công tác thuộc nhà nước phụ trách. Cụ thể là sau khi có nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch của Ủy ban Hành chính và tiến hành thủ tục hóa về mặt pháp chế nhà nước để thi hành (kể cả vấn đề điều động, đề bạt, khen thưởng, kỷ luật cán bộ, sắp xếp tổ chức bộ máy). Trong khi thi hành nếu có mắc mứu, trở ngại, đảng đoàn chính quyền tỉnh phải kịp thời báo cáo về Thường trực Tỉnh ủy và đề xuất ý kiến để Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Tỉnh ủy bàn định thêm. Các chỉ thị, nghị quyết thuộc các nguyên tắc, chế độ, chính sách của Chính phủ ban hành, đảng đoàn chính quyền phải sử dụng các ngành và bộ máy giúp việc thuộc Nhà nước để nghiên cứu đề xuất đề án, phương án, kế hoạch vận dụng thực hiện trong tỉnh và tùy mức độ quan trọng của từng vấn đề mà đề nghị Thường trực Tỉnh ủy đưa ra tập thể Thường trực Tỉnh ủy hoặc Ban Thường vụ

Tỉnh ủy hoặc Tỉnh ủy họp bàn định các việc thi hành. Những vấn đề thuộc công tác Đảng, công tác chính trị, tư tưởng, công tác quần chúng, sau khi có chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thì do Thường trực Tỉnh ủy tổ chức việc thực hiện và đôn đốc các ban chuyên môn của Đảng, các đoàn thể thực hiện. Đối với công tác tổ chức cán bộ thuộc chính quyền, đảng đoàn chính quyền tỉnh phải sử dụng tốt Ban Tổ chức chính quyền làm tham mưu đắc lực cho mình, để thực hiện tốt Nghị quyết số 04 và Nghị quyết số 17 của Tỉnh ủy, riêng một số việc cụ thể về công tác cán bộ, Tỉnh ủy sẽ nghiên cứu ủy nhiệm cho tập thể đảng đoàn chính quyền giải quyết, rồi báo cáo với Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

+ Đồng chí Thường trực Tỉnh ủy có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc chung việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Tỉnh ủy; cùng với đồng chí Phó Bí thư phụ trách công tác chính quyền thường xuyên nắm tình hình mọi mặt hoạt động của đảng đoàn chính quyền tỉnh và các cấp, các ngành để kịp thời phát hiện các vấn đề về chủ trương, về việc tổ chức chỉ đạo thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy, để kịp thời báo cáo với Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Tỉnh ủy có biện pháp giải quyết.

- Các đảng đoàn các đoàn thể quần chúng nhận chỉ thị trực tiếp của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Nhưng vì tính chất hoạt động của các đoàn thể quần chúng theo nguyên tắc “Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý”, do đó đảng đoàn chính quyền và đảng đoàn các ngành phải phát huy vai trò của các đoàn thể trong hệ thống chuyên chính vô sản, phải dựa vào các đoàn thể để quần chúng thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Các đảng đoàn, các đoàn thể quần chúng và đảng đoàn chính quyền tỉnh cần có quan hệ chặt chẽ với nhau, công tác phối hợp với nhau hoàn thành nhiệm vụ. Đảng đoàn chính quyền phải tạo điều kiện thuận lợi và phương tiện công tác cần thiết để các đoàn thể quần chúng phát huy vai trò và chức năng của mình.

III. MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Chế độ hội nghị và làm việc:

Phải tăng cường chế độ làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Để đảm bảo đúng chế độ đó, nay quy định:

a) Bộ phận Thường trực Tỉnh ủy:

Gồm các đồng chí: Bí thư, Phó Bí thư Thường trực phụ trách chính quyền.

Đồng chí Phó Bí thư Thường trực trực tiếp chuẩn bị nội dung các vấn đề để hội ý, thảo luận chung trong Thường trực Tỉnh ủy.

Hàng tuần vào giờ làm việc đầu ngày thứ hai, bộ phận Thường trực Tỉnh ủy (Bí thư, các Phó Bí thư) có hội ý, giải quyết các công việc thường xuyên (có Văn phòng Tỉnh ủy và Văn phòng Ủy ban tỉnh dự để cung cấp tình hình và giúp Thường trực nắm công việc); các ngày khác trong tuần theo công việc mà bộ phận thường trực có thể họp để nghe báo cáo và bàn định các chuyên đề do các ban, ngành đề xuất, hoặc đi kiểm tra cơ sở, hoặc nghiên cứu các vấn đề của mỗi đồng chí phải phụ trách.

b) Ban Thường vụ Tỉnh ủy:

Hội nghị thường kỳ của Ban Thường vụ nửa tháng họp một lần vào ngày 5 và 20 hằng tháng; mỗi kỳ họp 2 ngày.

Hội nghị kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Thường vụ và kiểm điểm cá nhân từng đồng chí thường vụ: 6 tháng một kỳ. Tùy theo yêu cầu cần thiết, Ban Thường vụ có thể họp bất thường.

c) Ban Chấp hành tỉnh (Tỉnh ủy):

Hội nghị thường lệ Ban Chấp hành mỗi quý một kỳ vào cuối tháng thứ ba; mỗi kỳ họp khoảng 3 - 5 ngày.

Hội nghị kiểm điểm về sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của Ban Chấp hành và của từng đồng chí Tỉnh ủy viên: 1 năm một lần.

Ngoài ra, có thể mở các hội nghị học tập chỉ thị, nghị quyết Trung ương hoặc ba chuyên đề lớn khi cần thiết.

Tuỳ từng nội dung cụ thể có thể triệu tập hội nghị Tỉnh ủy mở rộng và hội nghị cán bộ tỉnh. Nội dung, thành phần của từng hội nghị do Ban Thường vụ Tỉnh ủy triệu tập quy định.

d) Công tác chuẩn bị

Hội nghị Ban Thường vụ: do đồng chí Thường trực Tỉnh ủy chuẩn bị hoặc do các đồng chí ủy viên Thường vụ khác chuẩn bị, nhưng đồng chí bí thư và các phó bí thư phải thông qua trước nội dung.

Hội nghị Ban Chấp hành: do Ban Thường vụ chuẩn bị.

Các ban, ngành có trách nhiệm giúp Thường trực và Ban Thường vụ Tỉnh ủy chuẩn bị tốt nội dung hội nghị. Các văn bản chuẩn bị chu đáo và phải xong trước ngày họp hội nghị, gửi trước (trừ đột xuất) các văn bản đó do các thành viên dự hội nghị trước ngày họp ít nhất từ 5 - 7 ngày (đối với các văn bản hội nghị tỉnh) và trước 2 -3 ngày (đối với các văn bản họp Thường vụ Tỉnh ủy). Trong cuộc họp, đồng chí ủy viên thường vụ phụ trách khối hoặc ban, ngành công tác phải đích thân trình bày báo cáo đề án, nêu rõ căn cứ và quan điểm của vấn đề nhận định và chủ trương để hội nghị thảo luận, kết luận và nghị quyết, không đọc lại toàn văn các văn bản, để tránh cho hội nghị kéo dài không cần thiết.

2. Chế độ báo cáo, thỉnh thị, kiểm tra cơ sở

Ban Thường vụ Tỉnh ủy chịu trách nhiệm báo cáo với Trung ương Đảng theo đúng chế độ thường kỳ và bất thường đã quy định, đồng thời thông báo tình hình của đảng bộ cho cấp dưới trực tiếp ba tháng một lần.

Thường trực Tỉnh ủy nghe báo cáo trực tiếp của các đảng đoàn ngành, các cấp ủy trực thuộc, các ban ít nhất 6 tháng một lần (sau khi có báo cáo bằng văn bản của các đảng đoàn ngành, các cấp ủy trực thuộc và các ban gửi đến). Riêng các đồng chí ủy viên Thường vụ phụ trách khối phải bố trí thời gian để nghe báo cáo của ngành, cấp mình phụ trách một cách thường xuyên, ít nhất một tháng một lần, nếu cần thì trực tiếp kiểm tra ngay tại cơ sở, nhưng phải tránh

cho cấp dưới không bị động, đảo lộn kế hoạch công tác (nên có kế hoạch làm việc với từng ngành, cấp thuộc khối mình phụ trách).

Các đồng chí Tỉnh ủy viên phụ trách công việc cần phản ánh tình hình thường xuyên với đồng chí ủy viên thường vụ Tỉnh ủy phụ trách khối và ít nhất mỗi quý phải một lần trực tiếp báo cáo với Thường trực cấp ủy (báo cáo cuối quý trước khi họp hội nghị Ban Chấp hành tỉnh).

Các đảng đoàn ngành, các ban, các cấp ủy trực thuộc tỉnh phải nghiêm chỉnh thực hiện chế độ và kỷ luật báo cáo công tác định kỳ bằng văn bản hằng tháng, 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 1 năm và báo cáo bất thường khi cần thiết với Ban Thường vụ Tỉnh ủy (riêng các đảng đoàn không phải báo cáo hằng tháng). Nội dung báo cáo không quá 5 trang đánh máy (đối với báo cáo tháng), 10 - 15 trang (đối với báo cáo 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 1 năm) và phải có ở Văn phòng Tỉnh ủy trước ngày 27 hằng tháng.

Các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các đồng chí Tỉnh ủy viên phải có tác phong sâu sát cơ sở, coi trọng kiểm tra, đôn đốc, hằng tháng cố gắng dành từ 1/4 đến 1/3 thời gian xuống cơ sở kiểm tra, xem xét, giúp đỡ cơ sở.

Nghị quyết này có giá trị thi hành ngay sau khi ban hành và phải được phổ biến và nghiên cứu toàn văn đến các cấp và các ban, ngành trực thuộc tỉnh. Ở cơ sở thì phổ biến tinh thần của nghị quyết đến cán bộ, đảng viên.

Các cấp, các ngành, các ban, đảng đoàn căn cứ nghị quyết này để xây dựng và quy định cải tiến chế độ công tác, làm việc của mình để thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ

NÔNG CÔNG THƯỜNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 37-BC/TU, ngày 12-6-1975

Tình hình công tác tháng 5-1975

Trong tháng 5-1975, phấn khởi trước thắng lợi vĩ đại của dân tộc: Miền Nam hoàn toàn giải phóng, đồng thời nhân dịp kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động 1-5 và kỷ niệm 85 năm Ngày sinh của Hồ Chủ tịch, việc lãnh đạo và chỉ đạo của các ngành, các cấp đã được chú ý tập trung và phong trào thi đua trong quần chúng đã có những chuyển biến, tiến bộ trên một số mặt công tác sau đây:

1. Về nông - lâm nghiệp

Đã kết thúc gieo trồng các loại cây của vụ sản xuất đông - xuân 1974 -1975. Hiện nay đang tiến hành điều tra để xác định chính thức diện tích gieo trồng và đang chuẩn bị thu hoạch lúa chiêm xuân, đậu tương...

Theo sơ bộ nhận định: so với năm 1974 về diện tích, nhiều chỉ tiêu đều xấp xỉ bằng và tăng hơn, nhưng so với kế hoạch thì hầu hết các chỉ tiêu đều chưa đạt; về năng suất lúa có khả năng cũng đạt thấp so với kế hoạch và so với cả năm trước...

Sản xuất vụ mùa màu đang được chú ý chỉ đạo đôn đốc. Tính đến ngày 7-6-1975, diện tích ruộng một vụ đã được cày đạt 87% (3.762,3 ha), mạ mới gieo đảm bảo đạt 46% diện tích chân ruộng một vụ (198,2 tấn giống) và một số nơi đã bắt đầu cấy (tổng số cấy được 203,4 ha).

Lúa nương mộ đã trồng so với kế hoạch đạt 46,4% (1.137,4 ha), bằng 81,4% so với năm 1974 (riêng Bảo Thắng và Bát Xát chưa có số liệu báo cáo). Nhờ tăng cường giáo dục quản lý nên nhìn chung tình hình đốt phá rừng bừa bãi làm nương so với trước đã giảm rõ rệt.

Do chú ý kiểm tra, đôn đốc, tác động chính sách khuyến khích chăn nuôi và hỗ trợ cám nên tình hình chăn nuôi nói chung có chiều hướng phát triển tốt, đàn gia súc có được tăng lên chút ít (so với cùng thời gian năm trước: trâu tăng khoảng 4%, lợn 2,9%, ngựa 1,6%...). Riêng khu vực thị xã Lào Cai, đàn lợn có giảm sút so với năm trước.

2. Về công nghiệp

Các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh đã có nhiều cố gắng, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu. Xí nghiệp thực phẩm tổng hợp sản xuất thêm mặt hàng mì sợi, bánh mì. Xí nghiệp sành sứ nhận sản xuất thêm vượt 10.000 bát ăn cơm. Xí nghiệp cơ khí Phú Lợi đã thiết kế chế tạo thành công máy thái sắn đang chuẩn bị sản xuất hàng loạt phục vụ cho nhu cầu địa phương, các tỉnh và miền Nam...

Tuy nhiên, do thiếu nguyên liệu, phụ tùng thay thế, sửa chữa nên giá trị tổng sản lượng công nghiệp quốc doanh tháng 5 ước đạt 1,1169 triệu đồng, so với tháng trước đạt 94,5% (trong đó nhóm A đạt 242.900 đồng).

- Về xây dựng cơ bản: Tổng mức vốn đầu tư xây dựng cơ bản ước thực hiện đạt 621,6 ngàn đồng, so với tháng trước tăng 51,3%, nhưng so với kế hoạch vẫn chưa đạt yêu cầu, nguyên nhân là do việc cung cấp vật tư (ngói, xi măng, nhựa đường, tranh, nứa, gỗ...) không đảm bảo số lượng, quy cách hoặc thiếu nhân lực xây phá đá (ngành giao thông - vận tải), nên tốc độ thi công bị chậm.

- Về giao thông vận tải: Khối lượng hàng hóa vận chuyển so với tháng trước tăng 14,4% (tăng 1.538 tấn), nhưng khối lượng

hàng hóa luân chuyển giảm 13,1% (giảm 25.078 tấn/km) do luân chuyển cự ly ngắn (tập trung xung quanh thị xã Lào Cai); tình hình sử dụng phương tiện còn thấp (Công ty vận tải có 48 xe ghi trong kế hoạch, nhưng mới sử dụng được 22 đến 25 xe); lực lượng vận tải thô sơ trong khi vực thị xã thiếu việc làm; về phương diện kỹ thuật và công tác quản lý cũng chưa có gì thay đổi.

- Về lưu thông - phân phối - giá cả: Nhìn chung tình hình lưu thông hàng hóa - phân phối - giá cả trên thị trường tự do và tổ chức vẫn được ổn định. Một số mặt hàng, tháng trước thiếu (xà phòng, giấy viết, nước chấm...) nay đã có phục vụ. Công tác thu mua nông sản - thực phẩm có cố gắng (tổng giá trị đạt 307.000 đồng, so với kế hoạch quý đạt 27,4% và bằng 97,7% tháng trước). Mua hàng xuất khẩu trung ương do nhân lực tập trung vào sản xuất theo thời vụ gieo trồng nên hầu hết các mặt hàng đều không đạt kế hoạch (tổng trị giá đạt 106.300 đồng, bằng 78,5% tháng trước). Thu mua lương thực vụ mùa năm 1974 đã kết thúc. Tính đến ngày 15-5-1975, kết quả đã nhập kho trong tháng được 140 tấn thóc, 17 tấn ngô, 49 tấn sắn khô. Riêng đợt vận động tiết kiệm lương thực cho vay và ủng hộ đồng bào vùng giải phóng miền Nam đến nay được 17.481kg...

Về bán ra, hầu hết các mặt hàng chủ yếu đều tăng so với tháng trước, tinh thần phục vụ nhân dân và cán bộ nhân dịp kỷ niệm ngày Quốc tế lao động và ngày lễ mừng chiến thắng có cố gắng.

(Doanh số bán ra được 21.366 triệu đồng, so với tháng trước tăng 6,8% và bằng 30,7% kế hoạch quý).

Tuy nhiên, về phương thức tổ chức bán hàng còn có những nhược điểm như giờ giấc, nội quy thực hiện chưa đầy đủ, còn để khách hàng chờ đợi lâu, thái độ đối với khách hàng của một số mặt dịch viên chưa được hòa nhã, lịch sự; cửa hàng ăn uống phục vụ còn nhiều nơi thiếu ngăn nắp, vệ sinh...

Tình hình thị trường giá cả nói chung không có đột biến lớn. Rau xanh do đang vụ hè và thời tiết thuận lợi nên so với tháng trước giá cả có giảm. Riêng về thực phẩm, do việc cung cấp của thị trường có tổ chức chưa tốt nên giá cả thị trường tự do vẫn còn cao (thịt lợn có lúc 8-9 đồng một kg).

- Về tài chính - tiền tệ: Do cố gắng đôn đốc và có biện pháp tích cực thực hiện nên kết quả thu so với tháng trước có tiến bộ hơn và so với kế hoạch tháng đã đạt 99,6% (568.500 đồng); về chi so với kế hoạch tháng đạt 93,2% (1,553 triệu đồng), trong đó chi xây dựng cơ bản đạt 87%, chi hành chính sự nghiệp đạt 98%...

3. Công tác văn xã

Ngành giáo dục đã tập trung vào việc tổng kết năm học cho các trường phổ thông, chuẩn bị cho việc thi cuối năm học và chuẩn bị cho công tác hè.

Công tác văn hóa - thông tin đã cố gắng phục vụ đợt tuyên truyền “Mừng Việt Nam toàn thắng” và kỷ niệm 85 năm ngày sinh của Hồ Chủ tịch nên đã tạo ra được tinh thần hào hứng, phấn khởi trong nhân dân. Các hình thức tuyên truyền, cổ động phong phú và hấp dẫn, nhất là khu vực thị xã, thị trấn.

Các hoạt động khác (y tế, thể dục thể thao, bảo vệ bà mẹ và trẻ em...) cũng vẫn được tiến hành theo kế hoạch và đã có những đóng góp thiết thực vào việc tổ chức chào mừng thắng lợi vĩ đại của dân tộc.

4. Công tác trị an - quốc phòng

Hoạt động của bọn phản cách mạng không có gì đáng kể. Bọn tội phạm trong các trại cải tạo sau thắng lợi vĩ đại của dân tộc cũng đã có những chuyển biến, những tên ngoan cố cũng đã chịu nhận sự cải tạo.

Một số hiện tượng tiêu cực trong xã hội (trộm cắp, buôn lậu, cờ bạc, đánh nhau...) lác đác vẫn còn xảy ra ở các huyện, thị.

Hiện tượng cúng vua, đón vua xảy ra ở một số nơi trong dân tộc Dao dưới hình thức mê tín đã gây ra một số ảnh hưởng đến sản xuất và đoàn kết dân tộc. Việc này đã bước đầu nghiên cứu, xử lý nhưng vẫn chưa tìm rõ được nguyên nhân sâu xa và chưa giải quyết được triệt để.

Công tác quân sự đã tiến hành tổng kết khen thưởng phong trào thi đua “quyết thắng” năm 1974 và phát động phong trào thi đua năm 1975 trong lực lượng quân sự địa phương.

5. Công tác chính quyền và các đoàn thể quần chúng

- Công tác chính quyền đã hoàn thành việc tổng kết bầu cử Hội đồng nhân dân và ủy ban hành chính hai cấp và bầu cử Quốc hội. Nhìn chung công tác bầu cử đã đạt kết quả tốt theo đúng luật pháp quy định. Chính quyền các cấp đã tiếp tục được củng cố, tăng cường hơn. Tuy nhiên đối với bộ máy chính quyền ở cấp xã vẫn còn nhiều mặt non yếu cần được tăng cường đào tạo và bồi dưỡng nhiều mới đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

- Các đoàn thể quần chúng tiếp tục đẩy mạnh hoạt động nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn (1-5, 19-5) và mừng chiến thắng vĩ đại của dân tộc nhằm động viên khí thế thi đua trong cán bộ và nhân dân hoàn thành tốt hơn nữa nhiệm vụ sản xuất và công tác.

Đã tổ chức Đại hội đại biểu phụ nữ các gia đình vẻ vang toàn tỉnh lần thứ hai để tuyên dương thành tích những gia đình vẻ vang có nhiều cống hiến xuất sắc trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đã huy động lực lượng cán bộ công nhân viên chức, đoàn viên công đoàn và thanh niên các cơ quan, xí nghiệp xung quanh tỉnh và hai thị xã để cổ động, tuyên truyền và phục vụ các ngày kỷ niệm, ngày lễ mừng chiến thắng.

Đã mở Hội nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh để sơ kết công tác Mặt trận từ đầu năm và bàn bạc nhiệm vụ 6 tháng cuối năm.

6. Công tác xây dựng Đảng

- Đã cơ bản hoàn thành bước 1 của đợt sinh hoạt chính trị thực hiện Nghị quyết số 23/TW trong toàn Đảng bộ.

Ở tỉnh, Ban chấp hành đã hoàn thành việc kiểm điểm chung, kiểm điểm công tác xây dựng Đảng và quyết nghị một số quy định về việc cải tiến lề lối làm việc.

Công tác tổ chức, việc sắp xếp, điều chuyển, sắp xếp cán bộ vẫn được tiến hành bình thường phục vụ cho các nhiệm vụ công tác ở địa phương. Đối với bộ máy chính quyền cấp huyện đã được sắp xếp, củng cố thêm một bước.

Công tác thực hiện Chỉ thị số 192 vẫn được tiếp tục thi hành nhưng nhìn chung tiến độ chậm, một số nơi tuy thời gian làm đã kéo dài nhưng vẫn chưa tổng kết được.

Một số ban, ngành và đảng bộ trực thuộc cần phải tiếp tục tích cực tăng cường, củng cố cả về số lượng và chất lượng hơn để đáp ứng các nhiệm vụ công tác trong giai đoạn mới.

NHIỆM VỤ CÔNG TÁC THÁNG 6-1975

- Tập trung kiểm tra, đôn đốc việc điều tra xác định các chỉ tiêu diện tích gieo trồng, năng suất lúa xuân; thu hoạch nhanh gọn vụ chiêm xuân và khẩn trương làm mùa đảm bảo thời vụ. Chú ý công tác phòng, chống dịch bệnh và giải quyết tốt khâu thức ăn cho gia súc và phòng chống bão lũ. Tiếp tục chuẩn bị nội dung và phong trào nhằm tiến tới đại hội nông dân tập thể toàn tỉnh.

- Tranh thủ thời gian đẩy mạnh hơn nữa tiến độ thi công xây dựng cơ bản các công trình trọng điểm.

- Tăng cường công tác quản lý kinh tế, tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết số 228, Chỉ thị số 192...

- Trong dịp nghỉ hè đẩy mạnh phong trào “Toàn dân chăm sóc thiếu niên - nhi đồng”. Có kế hoạch tổ chức hè vui chơi bổ ích, bồi dưỡng ôn tập cho các em.

- Coi trọng công tác vệ sinh phòng bệnh mùa hè.

Công tác Đảng:

- Họp hội nghị Ban Chấp hành (kiểm điểm cá nhân Tỉnh ủy viên).

- Họp hội nghị cán bộ tỉnh tiếp tục quán triệt và thực hiện kế hoạch bước 2 Nghị quyết số 23 và các chỉ thị, nghị quyết của tỉnh.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

NÔNG CÔNG THƯỜNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 08 /CT-TU, ngày 15-6-1975

Về công tác bồi dưỡng, đào tạo, quản lý, sử dụng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và công nhân kỹ thuật

Dưới ánh sáng của các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương Đảng, Chính phủ về nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng, quản lý, sử dụng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và công nhân kỹ thuật, trong những năm qua tỉnh ta đã có nhiều cố gắng vận dụng thực hiện và bước đầu đã đạt được những kết quả nhất định:

- Cấp ủy và chính quyền các cấp, các ngành đã ngày càng quan tâm đến nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng, quản lý và đã sử dụng tốt đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và công nhân kỹ thuật. Tỉnh ta đã cố gắng mở một số trường chuyên nghiệp để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công nhân, đồng thời tích cực cử người đi đào tạo ở các trường trong và ngoài nước. Mặt khác tỉnh ta lại được sự quan tâm, hỗ trợ của Trung ương và các tỉnh miền xuôi, nên lực lượng cán bộ và công nhân kỹ thuật tỉnh ta đã lớn lên nhanh chóng cả về số lượng và chất lượng. Cuối năm 1974 tỉnh ta đã có 688 cán bộ tốt nghiệp đại học, trên 2.406 trung học và trên 3.300 công nhân. Hầu hết anh chị em đều được đào tạo dưới chế độ ta đa số còn trẻ, khỏe, hăng hái, nhiệt tình và cầu tiến bộ. Anh chị em đã góp phần đáng kể trong thành tích chung của tỉnh ta.

- Việc bố trí, sử dụng, tỉnh cũng đã có sự quan tâm bố trí theo ngành nghề đào tạo, công tác quản lý và bồi dưỡng cũng đã có những chuyển biến bước đầu.

Ở tỉnh cũng như các cấp, các ngành đã chú ý vận dụng thực hiện các chế độ, chính sách để từng bước cải thiện đời sống và tạo điều kiện cho anh chị em làm việc.

Tuy nhiên công tác bồi dưỡng, đào tạo, quản lý, sử dụng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và công nhân kỹ thuật ở tỉnh ta cũng còn một số khuyết, nhược điểm như:

- Những đường lối, chủ trương của Đảng về công tác quản lý, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật và công nhân kỹ thuật chưa được quán triệt đều khắp trong từng cấp, từng ngành, nên nhìn chung chưa phát huy, tận dụng được những khả năng tiềm tàng của số cán bộ khoa học kỹ thuật và công nhân kỹ thuật hiện có.

- Việc quản lý chưa sâu, chưa toàn diện. Việc bồi dưỡng chưa quan tâm đúng mức, chưa có quy hoạch và kế hoạch rõ ràng, chưa tổ chức, tạo điều kiện và đôn đốc anh chị em tự bồi dưỡng thường xuyên; còn tách rời giữa sử dụng với bồi dưỡng và đào tạo.

- Đặc biệt việc đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và công nhân kỹ thuật là người các dân tộc ít người - nhất là các dân tộc vùng cao - thì nhiều ngành, nhiều cấp còn chưa chú ý và chưa quyết tâm, kiên trì.

- Những trường lớp đào tạo chưa được kiện toàn, củng cố để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo.

- Trong khâu sử dụng, chưa chú ý ưu tiên cho cơ sở, hoặc chưa bố trí đồng bộ đi đôi với tạo điều kiện cho anh chị em đi vào khoa học kỹ thuật; một số còn bị sử dụng trái nghề, nên tác dụng còn rất hạn chế. Việc giúp anh chị em giải quyết những khó khăn trong công tác, học tập, đời sống nhiều nơi chưa chú ý thỏa đáng.

Mặt khác, đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và công nhân kỹ thuật của tỉnh ta phần đông mới ra trường, kinh nghiệm công tác, vốn sống thực tế cũng như trình độ nghề nghiệp và phương pháp công tác quần chúng còn hạn chế; hiểu biết thực tế của địa phương lại chưa sâu. Những biểu hiện tự do tản mạn, tính toán cá nhân, chưa say mê phấn khởi học tập và công tác... cũng là những vấn đề cần khắc phục để phát huy các mặt tích cực, tăng cường hơn sự cống hiến và hiệu suất công tác của một số anh chị em.

Để đáp ứng các yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, căn cứ vào các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và Nghị quyết số 17 của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quy định một số công tác cụ thể việc bồi dưỡng, đào tạo, quản lý, sử dụng đội ngũ cán bộ khoa học và công nhân như sau:

1. Trong công tác đào tạo và bồi dưỡng

Từ nay cho đến hết quý III-1975 các ngành, các cấp, các cơ sở cần tập trung sức xây dựng xong kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chuyên môn và công nhân kỹ thuật thuộc ngành mình và địa phương mình quản lý. Đặc biệt chú trọng xây dựng quy hoạch cán bộ khoa học kỹ thuật và công nhân kỹ thuật là người thuộc dân tộc ít người ở địa phương với phương châm “xã nào, dân tộc nào có cán bộ, công nhân là người xã đó, dân tộc đó”. Trong xây dựng kế hoạch đào tạo cần tính toán đồng bộ, cân đối giữa đào tạo cho khu vực tập thể và khu vực nhà nước, Ban Khoa giáo Tỉnh ủy phối hợp với các ban có kế hoạch hướng dẫn, tổng hợp việc làm kế hoạch này. Đảng đoàn chính quyền cần nghiên cứu đề xuất chế độ cụ thể đối với học sinh dân tộc vùng cao đi học các trường chuyên nghiệp trong tỉnh và chế độ đối với học sinh sau khi ra trường về phục vụ tại khu vực tập thể nhằm thực hiện tích cực nhất chủ trương trên.

- Cần nhanh chóng củng cố kiện toàn các trường lớp hiện có và nghiên cứu mở thêm các trường lớp mới một cách vững chắc. Nghiên cứu để tiến tới xây dựng Phòng giáo dục chuyên nghiệp

của tỉnh để giúp tỉnh quản lý công tác giáo dục chuyên nghiệp chung trong tỉnh được thống nhất, chặt chẽ. Các ngành có trường cần lập quy hoạch kiện toàn và củng cố các trường nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo từng bước vững chắc theo mục tiêu đào tạo mà Nghị quyết số 142 của Bộ Chính trị đã đề ra. Từ nay cần cố gắng ổn định đội ngũ cán bộ, giáo viên trong các trường chuyên nghiệp, để tạo nên một đội ngũ cán bộ giảng dạy được chuyên môn hóa cao, nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo ở các trường.

- Tăng cường công tác đào tạo tại chức cho cán bộ trẻ có triển vọng và cán bộ người dân tộc hiện đang công tác và tăng cường việc bồi dưỡng trình độ quản lý kinh tế, khoa học kỹ thuật cho đội ngũ cán bộ lớn tuổi giữ những cương vị chủ chốt hiện nay. Trước mắt các trường trung cấp trong tỉnh cần phải mở hệ tại chức ở các trường của mình. Trong công tác đào tạo tại chức, cần kiên quyết chấm dứt việc đào tạo, bồi dưỡng trái ngành, nghề mà cán bộ đang công tác.

- Các ngành, các cấp có kế hoạch bồi dưỡng cho cán bộ khoa học kỹ thuật và công nhân kỹ thuật của ngành mình, cấp mình một cách thường xuyên và toàn diện về các mặt chính trị tư tưởng chuyên môn, nghiệp vụ, thực tiễn công tác nhằm làm cho số cán bộ nói trên an tâm, phấn khởi đem hết nhiệt tình và khả năng ra lao động, sáng tạo cống hiến nhiều nhất cho sự nghiệp cách mạng ở địa phương. Mạnh dạn chọn cử cán bộ có năng lực, nhiệt tình công tác đi học thêm với một tỷ lệ thích đáng.

2. Trong việc sử dụng và quản lý cán bộ khoa học kỹ thuật và công nhân kỹ thuật

- Cần bố trí cán bộ khoa học kỹ thuật và công nhân kỹ thuật vào vị trí công tác cho hợp lý, cân đối và đồng bộ. Kiên quyết không bố trí trái ngành nghề mà cán bộ được đào tạo. Cần bố trí theo một tỷ lệ thích đáng giữa cán bộ cao cấp, trung cấp và công nhân; bố trí

cân đối giữa cán bộ khoa học kỹ thuật và cơ sở vật chất sản xuất cần có, để tránh lãng phí sức người, sức của không cần thiết. Tăng cường bố trí cán bộ có năng lực cho cơ sở và những khâu chỉ đạo sản xuất then chốt.

- Trong việc sử dụng cán bộ khoa học kỹ thuật và công nhân kỹ thuật, các ngành, các cấp cần chấp hành nghiêm chỉnh những chế độ, chính sách, quy chế của Đảng và Nhà nước đã ban hành đối với từng loại cán bộ. Cụ thể đối với từng cơ sở, đơn vị cần xây dựng những chế độ công tác, định mức công việc cụ thể, rõ ràng cho từng loại cán bộ nhằm phát huy cả ba chức năng: sản xuất, nghiên cứu và giảng dạy của đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật mà đơn vị và cơ sở mình quản lý (việc này cần tiến hành song song với quá trình thực hiện Nghị quyết số 245 của Hội đồng Chính phủ về tinh giản bộ máy biên chế).

- Tăng cường việc quản lý thống nhất đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và công nhân kỹ thuật lành nghề từ tỉnh xuống cơ sở. Những đơn vị có từ 300 cán bộ trung, cao cấp khoa học kỹ thuật hoặc 500 công nhân kỹ thuật trở lên cần có một đồng chí trong lãnh đạo và một cán bộ chuyên trách để lo việc quản lý khối cán bộ đó theo những quy định về quản lý và sử dụng cán bộ từ trước đã ban hành. Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Ban Tổ chức chính quyền cần phối hợp với các ban, ngành nghiên cứu, đề xuất chế độ quản lý, sử dụng đối với đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và công nhân kỹ thuật các loại.

- Các đơn vị sản xuất, các ngành có nhiều cán bộ khoa học kỹ thuật cần kiện toàn và quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng khoa học ngành, đơn vị, nhằm đẩy mạnh việc nghiên cứu khoa học phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong đơn vị và ngành mình.

- Các ban, các ngành, các cấp có quan hệ đến việc thực hiện các nhiệm vụ nêu trên cần có kế hoạch và phương án cụ thể để thực

hiện. Ban Khoa giáo Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, các ban của Tỉnh ủy và đảng đoàn chính quyền tỉnh căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình, có trách nhiệm giúp Tỉnh ủy tổ chức, triển khai, kiểm tra, đôn đốc thực hiện chỉ thị này và thường kỳ báo cáo với Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ
NÔNG CÔNG THƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 317 /TB-TU, ngày 10-7-1975

Về Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy (từ ngày 5-7-1975)

Có mặt dự họp các đồng chí: Thương, Vân, Việt Tiến, Khánh Vinh, Quyết Định.

Tham dự gồm đại diện các ban xây dựng Đảng, các ngành Tài chính, Thống kê, Kế hoạch và Đảng đoàn chính quyền tỉnh.

Sau khi nghe Đảng đoàn Ủy ban Kế hoạch báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch nhà nước 6 tháng đầu năm 1975, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhất trí nhận định: Nhờ quan tâm lãnh đạo và tổ chức chỉ đạo thực hiện nên 6 tháng qua tỉnh ta đã đạt được những kết quả nhất định trên một số mặt, nhiều chỉ tiêu về nông nghiệp so với năm 1974 đều tăng, nhưng do có những thiếu sót về lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện, do có những khó khăn khách quan về thời tiết, về cung cấp nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị... cho nên nhiều chỉ tiêu kế hoạch nhà nước về nông - lâm nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng cơ bản... không đạt mức.

Được những thắng lợi vĩ đại của dân tộc, các ngành, các cấp đảng tập trung lãnh đạo động viên cán bộ, công nhân viên chức và nhân dân đẩy mạnh phong trào thi đua lao động sản xuất và công tác, phấn đấu hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ trong giai đoạn mới của cách mạng.

Từ những thuận lợi cơ bản trên, căn cứ vào điều kiện và khả năng của địa phương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã bàn bạc và nhất trí: quyết tâm phấn đấu với mức cố gắng cao nhất nhằm hoàn thành những chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch nhà nước năm 1975, và nhấn mạnh thêm những vấn đề sau đây:

- Về mục tiêu tổng sản lượng lương thực quy thóc cả năm phải đảm bảo mức của Trung ương giao (56.400 tấn), bằng cách phấn đấu đạt và vượt mức diện tích và năng suất lúa mùa; tận dụng đất đai đầy mạnh phong trào trồng ngô, khoai lang vụ thu và sạ; tập trung chăm bón (tăng cường sử dụng phân đạm, apatít nghiền...) và tích cực phòng trừ sâu bệnh nhằm tăng năng suất và sản lượng thu hoạch.

- Để phấn đấu cho mục tiêu 1.000 tấn rau xanh/1 năm, cần nhanh chóng hoàn thành dứt điểm vùng rau tập trung theo quy hoạch đã xây dựng.

- Đẩy mạnh phong trào toàn tỉnh trồng rừng, hoàn thành giao đất rừng cho hợp tác xã quản lý và kinh doanh ở một số xã như Cốc San, Bản Vược, Nam Cường, Xuân Quang, Phong Niên (xong trong tháng 9-1975) và duyệt đất lâm nghiệp cho các lâm trường.

Về giá trị tổng sản lượng công nghiệp cố gắng phấn đấu đảm bảo chỉ tiêu (chú ý cả công nghiệp quốc doanh và thủ công nghiệp). Căn cứ vào điều kiện và khó khăn thực tế, nhất trí điều chỉnh một số chỉ tiêu cho phù hợp như hoa quả hộp, xi măng, nước chấm, thu mua hạt rau, v.v. (do Ủy ban Hành chính tỉnh xét duyệt cụ thể), còn các chỉ tiêu cần phấn đấu đảm bảo kế hoạch.

- Tiến hành xem xét tình hình sản xuất và quản lý của nhà máy xi măng để báo cáo với Tỉnh ủy có chủ trương giải quyết (do Đảng đoàn chính quyền tỉnh trực tiếp chỉ đạo).

- Tiến hành giao nhà máy chế biến sắn cho Ty Công nghiệp xây dựng và quản lý sau khi đã đi vào nền nếp sẽ bàn giao cho Trường Thanh niên lao động xã hội chủ nghĩa Làng Giàng và trường có trách nhiệm cung cấp nguyên liệu (bán sắn).

- Về xây dựng cơ bản cần tập trung chỉ đạo, có kế hoạch giải quyết khẩn trương nguyên vật liệu, tranh thủ thời gian đẩy mạnh tốc độ thi công hoàn thành dứt điểm một số công trình trọng điểm (trại lợn chợ Chậu, nông trường Phong Hải; đường Phố Lu - Lán - Tây; Mường Làng Thác; làng Cù, cầu Quang Kim, v.v.). và chuyển tiếp một số công trình chính sang năm 1976 (Nhà máy nước thị xã, đường Lào Cai - Bát Xát, Lào Cai - Vạn Hòa, Sa Pa - Tả Van, khách sạn ga Lào Cai, trường Đảng huyện Bát Xát, Bảo Thắng, v.v.. Riêng trường thiếu nhi vùng cao, Ban Thường vụ quyết định đem nhà lắp ghép Lôva vào xây lắp và hoàn thành trong quý III-1975.

Cần nghiên cứu tổ chức các đội xây dựng cơ bản ở các huyện, thị và một số ngành cần thiết để kịp thời đáp ứng yêu cầu về xây dựng.

Kế hoạch Nhà nước là “Cương lĩnh thứ hai của Đảng” cần phải đảm bảo chấp hành đúng tính chất pháp lệnh, dân chủ, cân đối, v.v.. Các ngành, các cấp và các đoàn thể quần chúng căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình có biện pháp cụ thể, tích cực để lãnh đạo, chỉ đạo và vận động thực hiện đạt kết quả tốt.

Đảng đoàn chính quyền tỉnh, Ủy ban Kế hoạch, và các ban, ngành liên quan có trách nhiệm rà lại các chỉ tiêu để điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp và đề ra những biện pháp cụ thể để tiến hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

NÔNG CÔNG THƯỜNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 318 /TB-TU, ngày 10-7-1975

**Về hội nghị tự phê bình và phê bình
của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
sau khi học Nghị quyết số 23/TW
(từ ngày 23-6 đến ngày 30-6-1975)**

Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh họp từ ngày 23-6-1975 đến ngày 30-6-1975 để tiến hành phê bình và tự phê bình và quyết nghị một số công tác theo tinh thần Nghị quyết số 23 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đồng thời kiểm điểm nhiệm kỳ khóa 5. Sau đây là nội dung và kết quả của hội nghị:

1. Về kiểm điểm ưu, khuyết điểm

Quán triệt hơn nữa nội dung tinh thần Nghị quyết số 23/TW và nghiêm chỉnh thi hành Thông tri số 314 của Ban Bí thư Trung ương Đảng trên cơ sở báo cáo kiểm điểm chung của Tỉnh ủy họp kỳ trước, Hội nghị Tỉnh ủy kỳ này đã họp để tiến hành tự phê bình và phê bình cá nhân. Tám đồng chí Thường vụ được kiểm điểm chung và 13 đồng chí Tỉnh ủy viên được kiểm điểm ở tổ. Qua 21 đồng chí được tự phê bình và phê bình, tổng hợp lại, ưu điểm nổi bật của Tỉnh ủy là: Tỉnh ủy đã quán triệt, tin tưởng tuyệt đối vào đường lối, chính sách, chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng, tích cực suy nghĩ cách vận dụng đường lối của Trung ương vào địa phương, từ năm 1970 trở lại

đây thể hiện cụ thể ở Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ 5 và các nghị quyết cụ thể và phát triển kinh tế - văn hóa và xây dựng Đảng của Tỉnh ủy. Nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ đề ra kể cả phương hướng bước đi trước mắt và lâu dài vừa qua đã được Trung ương thông qua và Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã phê chuẩn. Những kết quả đó nói lên sự vận dụng đường lối của Trung ương vào địa phương mà Tỉnh ủy đề ra chủ trương là đúng đắn và sát thực tế, nói lên sự đoàn kết nhất trí, tinh thần cách mạng tiến công, năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy là vững vàng. Đó là ưu điểm, thành tích cơ bản của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Tuy vậy, so với nhiệm vụ chức năng của cấp ủy tỉnh trong giai đoạn mới thì hiện nay các mặt công tác còn nhiều tồn tại. Đó cũng là thể hiện khuyết điểm của cá nhân các đồng chí Tỉnh ủy, thể hiện trình độ năng lực chỉ đạo, tổ chức thực hiện, phương pháp công tác, lề lối, tác phong làm việc còn biểu hiện chủ quan, quan liêu, chưa sâu sát, phương pháp sơ kết, tổng kết và nhất là trình độ, kiến thức quản lý kinh tế còn nhiều hạn chế.

Về phẩm chất đạo đức cách mạng của Tỉnh ủy nói chung là tốt chưa có đồng chí nào mắc khuyết điểm gì nghiêm trọng: song càng có một số ít đồng chí hoặc có liên quan tới một số sự việc còn khuyết điểm trong việc chấp hành chế độ chính sách chưa thật sự nghiêm túc, hoặc khuyết điểm về tác phong thái độ nóng nảy, thiếu dân chủ. Các đồng chí Tỉnh ủy đều tự giác phê bình và tập thể phê bình đều đảm bảo tính khách quan khoa học và nghiêm túc.

Tóm lại, việc tự phê bình và phê bình của Tỉnh ủy lần này đã đạt yêu cầu, bước đầu nâng cao chất lượng lãnh đạo, chỉ đạo, nâng cao tinh thần trách nhiệm, tăng cường sự đoàn kết nhất trí trong nội bộ cấp ủy; nhận thức sâu sắc hơn nữa nguyên lý tự phê bình và phê bình của Đảng là để xây dựng Đảng vững mạnh, để đảm bảo hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ chính trị của Đảng. Kết quả này của Hội nghị là tốt đẹp cần được phát huy trong bước hai thực hiện Nghị quyết số 23. Tuy vậy cũng cần rút kinh nghiệm để khắc

phục sự chuẩn bị của một vài đồng chí chưa chu đáo, chưa liên hệ đúng chức trách nhiệm vụ, một số đồng chí phê bình còn tản mạn, tràn lan, thậm chí còn có ý kiến day dứt, thiếu phân tích sâu sắc và toàn diện.

2. Nhiệm vụ tiếp tục phát huy thắng lợi hội nghị để chuẩn bị Đại hội lần thứ sáu của Đảng bộ

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề ra kế hoạch để phân công các đồng chí Tỉnh ủy đi kiểm tra cơ sở về việc thực hiện Nghị quyết số 23/TW kết hợp với việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị, chỉ tiêu, kế hoạch, chương trình công tác cả năm 1975. Trên cơ sở kiểm tra thực tế, cần phát động một đợt thi đua mới để lấy thành tích chào mừng Đại hội Đảng lần thứ sáu của tỉnh và Quốc khánh 2-9, Ban Thường vụ tiếp tục, đôn đốc, chỉ đạo chặt chẽ Ban Trù bị và các tiểu ban khẩn trương chuẩn bị Đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ sáu, gắn liền với việc chỉ đạo thực hiện kế hoạch Nhà nước cả năm 1975.

Để đảm bảo nguyên tắc quản lý cán bộ và chuẩn bị nhân sự cho Đại hội kịp thời, tất cả các đồng chí Tỉnh ủy đều phải sửa và viết lại bản tự kiểm điểm và gửi về Thường trực Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức) trước ngày 10-7-1975.

3. Phân công lại một số đồng chí trong Tỉnh ủy

Sau khi phổ biến Thông báo số 2447/NQNSTW ngày 12-6-1975 của Bộ Chính trị về việc Trung ương điều động đồng chí Trường Minh, Bí thư, đi nhận công tác mới; Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ thảo luận và cân nhắc các mặt công tác, cuối cùng đi tới nhất trí đề nghị Bộ Chính trị giao cho đồng chí Nông Công Thương, Quyền Bí thư Tỉnh ủy để cùng Ban Thường vụ và Ban chấp hành khẩn trương chuẩn bị Đại hội; đồng thời đề tăng cường cho bộ phận Thường trực, Tỉnh ủy cũng nhất trí phân công đồng chí Dương Việt Tiến, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy về Thường trực Tỉnh ủy (vẫn kiêm phụ trách nông nghiệp như cũ).

Số các đồng chí khác đi học sắp về, và cử một số đồng chí tiếp tục đi học trường Nguyễn Ái Quốc. Ban Chấp hành Tỉnh ủy nhiệm cho Ban Thường vụ tiếp tục nghiên cứu và phân công cụ thể, đề nghị lên Trung ương quyết định.

Thông báo này được phổ biến toàn văn đến các cấp ủy trực thuộc và các ban, đảng đoàn, các đồng chí phụ trách các ngành; được phổ biến tinh thần cơ bản tới toàn Đảng bộ.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ
NÔNG CÔNG THƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 40-BC/TU, ngày 24-7-1975

Về một số nét về tình hình chính trị vùng đồng bào dân tộc Dao

Từ tháng 8-1974 đến tháng 5 - 1975 ở một số nơi trong tỉnh đã xuất hiện những luận điệu phản tuyên truyền xuyên tạc chính sách như: Người Hán sẽ báo thù người Mèo (ở Si Ma Cai, Bắc Hà); trời đất sẽ đổi thay: "vua Dao" sẽ ra (ở Y Tý, huyện Bát Xát và một vài nơi thuộc huyện Mường Khương, Bắc Hà, Bảo Thắng); lịch in sai ngày (thị xã Lào Cai, Cam Đường), v.v..

Đặc biệt là vấn đề cúng đón "vua" ở vùng đồng bào người Dao. Trước tết, đã xuất hiện nhiều luận điệu cùng một lúc ở một số vùng người Dao. Luận điệu chung là:

- Trời sẽ tối 7 ngày đêm, khi đó "vua" sẽ ra, người Dao được sung sướng.

- "Vua" Dao sẽ đón con cháu 5 họ (Đặng, Triệu, Bàn, Lý, Trương) về quê hương (Bắc kinh thành).

- Muốn về được "Bắc kinh thành" phải cúng lễ cho sạch tội; không được ăn rau xanh, cá chép, không được đi sản xuất; phải mặc quần áo, cắt tóc theo kiểu cổ người Dao; phải may cờ cúng vua, đào hầm chống mưa đá, không được lấy củi... Nếu ai không nghe thì không phải là người của Thiên Hùng Vương, không được về "Bắc kinh thành" sấm sét sẽ đánh chết, hổ sẽ ăn thịt...

- Khi chuẩn bị xong thì "vua" sẽ nổi giông bão đón về quê hương chia đất cho ở, v.v..

Do luận điệu này, nên người Dao ở một số nơi đã tổ chức cúng lễ, làm hăm, may cò, kiêng kỵ không đi sản xuất...

Dưới đây dẫn chứng một số sự việc đã xảy ra:

- Ở Sin San, Y Tý (Bát Xát) vùng đồng bào Dao đỏ, tên Tần Sài Lin đã lên đồng phán những lời hoang đường mê hoặc quần chúng, cưỡng bức quần chúng làm theo như dẫn một số người lên núi xem thần tiên hiển hiện trong ao hồ, vũng nước; bắt quần chúng làm ngựa cho Tần Lào Sĩ lên 7 tuổi (con tên Lìn) cưới; lập danh sách và công bố 2 đại đội từ cấp chỉ huy đến người phục vụ (nhưng không có quân). Chúng con sáng tác các bài hát hát lên lời răn của các "thánh" như Bàn Vương, Thất Tinh, Thiên vương, Địa vương, v.v..

Sau khi phát hiện, Huyện ủy Bát Xát cùng các ngành hữu quan tỉnh, huyện đã trực tiếp xuống cơ sở tuyên truyền giáo dục quần chúng và trấn áp những tên lộ mặt (đã bắt giam 1 tên), nên tình hình đã tương đối ổn định và nhân dân đã tiếp tục đi lao động sản xuất. Tuy nhiên cũng vẫn còn âm ỉ luận điệu mê hoặc quần chúng là: " Dù sao trước sau "vua" Dao sẽ ra và đón con cháu về quê hương...

Từ Y Tý (Bát Xát) sự việc trên đã lan sang xã Bản Khoang, Suối Thầu, Thanh Phú (Sa Pa), Tàng Loỏng, Xuân Giao, Gia Phú, Phú Nhuận (Bảo Thắng).

- Vùng đồng bào Dao tuyển ở Xuân Quang, Trì Quang, Nam Cường, Phong Niên, Phong Hải (Bảo Thắng), Nậm Lúc, Cốc Lầu, Cốc Ly, Bảo Nhai, Nậm Đét, Nậm Khánh (Bắc Hà), Bản Lầu, Bản Sen, Bản Phiệt, Nùng Vai (Muồng Khương) cũng xuất hiện luận điệu phản tuyên truyền, tích cực vận động cúng đón "vua".

Tháng 10-1974, tên Tần Giàng Pha, tức Đặng Văn Kẹo đã phao tin ở Thải Dàng Chải (Muồng Khương) là hấn được "Tiên" bảo đi các nơi tuyên truyền người Dao, mạo danh "trời đất" gửi thư đe dọa Ủy ban Hành chính xã Nậm Đét, sáng tác bài hát

phản tuyên truyền, kích động quần chúng, kêu gọi người Dao về quê hương...

Đến giữa tháng 3 - 1975, bọn chúng đã tiến lên một bước công khai tổ chức các cuộc cúng "vua" lớn, vận động nhân dân nhiều nơi đến tham dự, như vụ ở Xuân Dâu, xã Xuân Quang (Bảo Thắng) có 25 hộ tham gia, vụ ở Bản Lài, xã Nậm Đét (Bắc Hà) có 99 hộ tham gia, chi phí riêng về lương thực 250 kg gạo, thực phẩm 123 kg thịt lợn, 80 con gà... Nội dung chủ yếu nhằm kích động quần chúng, xuyên tạc chính sách, chia rẽ dân tộc như: Bàn Vương và Hồ Chủ tịch tranh luận về vấn đề hợp tác xã và đã thắng; phân chia đất cho từng dân tộc (người Mèo ở chợ Bắc Hà, chợ thị xã Lào Cai, người Hán, Phù Lá ở trên đồi cao, người Kinh, Tày, Nùng về xuôi ở...); không đi bộ đội, không làm cán bộ, v.v..

Đến tháng 4 - 1975, bọn chúng lại công khai tổ chức một đoàn "thánh" gồm tên Kẹo thừa lệnh "vua", tên Lý Văn Dang, tên Bàn Văn Đanh tướng tả hữu ép buộc 6 cô gái chưa chồng từ 14 đến 17 tuổi ở hai thôn bản Lài, bản Lùng (xã Nậm Đét) bắt mặc quần áo đẹp để làm "vợ vua" và "hầu vua". Cả bọn cưới 9 con ngựa nói là đi phá Trại I cứu 3 người Dao bị bắt, chúng xuất phát từ xã Nậm Đét, ra đến Xuân Dâu, xã Xuân Quang (Bảo Thắng) bị chặn hỏi, bọn chúng bỏ chạy về Lý Chư Thìn (Bắc Hà)...

Những sự việc xảy ra trên, có những đồng chí đảng viên, cán bộ cơ sở nêu cao được ý thức cảnh giác cách mạng, tư tưởng vững vàng đã vận động quần chúng và gia đình không nghe theo chúng và trấn áp chúng như mẹ con bà Triệu Mùi Phạm, xã Nậm Đét, đồng chí Bàn Văn Hạnh, Chủ tịch xã Nậm Khánh... nhưng cũng có nhiều cán bộ, đảng viên dân tộc Dao ở một số vùng đã tê liệt cảnh giác, không dám trấn áp chúng hoặc bàng quan trước sự việc xảy ra, thậm chí một số còn bị chúng lôi kéo đi tổ chức những đám cúng, đào hầm...

Một số ngành, ban ở huyện, xã cũng còn chủ quan, thiếu sâu sát cơ sở, nắm tình hình không chắc, do đó không kịp thời ngăn

chặn, dập tắt ngay những luận điệu phản tuyên truyền, kích động quần chúng mà để ngày càng lan rộng gây nên một số tác hại làm ảnh hưởng đến sản xuất, đến trật tự trị an và đoàn kết dân tộc ở một vài nơi vùng đồng bào Dao.

Trước tình hình đó, đi đôi với việc giải thích, vận động quần chúng, ta đã truy bắt mấy tên lộ mặt quan trọng trực tiếp gây ra tác hại để điều tra tìm ra bọn thủ phạm đầu sỏ. Quần chúng nói chung hoan nghênh và bước đầu đã phân biệt được luận điệu tuyên truyền xuyên tạc, thủ đoạn mê hoặc nhân dân của bọn chúng, tư tưởng được phát động, quần chúng đã mạnh dạn phát hiện, tố giác, báo cáo với ta; tình hình sản xuất và đoàn kết dân tộc đã dần được khôi phục...

Tóm lại, những sự việc xảy ra vừa qua ở vùng Dao, ta thấy: Nói chung phần lớn nhân dân ta đều tốt, nhưng do một số phần tử xấu, đối tượng chính trị (phần lớn những tên này nguồn gốc ở Trung Quốc sang Việt Nam từ trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, nhưng cũng có tên mới vượt biên sang từ năm 1958 như tên Kẹo) lợi dụng mê tín và trình độ nhận thức thấp kém của một số đồng bào, bọn chúng đã gây nên một số tình hình xáo động về tư tưởng, chính trị, gây cho ta một số khó khăn nhất định, trong việc vận động sản xuất, xây dựng hợp tác xã và chấp hành các chính sách ở địa phương.

Do mất cảnh giác, thiếu đi sâu nắm chắc tình hình, chưa tập trung chỉ đạo và có biện pháp ngăn chặn dập tắt kịp thời, nên sự việc ngày càng diễn biến, lan rộng.

Một nguyên nhân nữa là những nơi xảy ra thường là những nơi phong trào nhiều mặt yếu kém, hợp tác xã tan vỡ, sản xuất ỉ ạch, trình độ chính trị tư tưởng của cán bộ, đảng viên và tổ chức cơ sở non yếu, chưa được củng cố, kiện toàn...

Sau khi nghe Ban Dân tộc Tỉnh ủy và các ngành nội chính báo cáo tình hình, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nhất trí chủ trương phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết ngăn chặn kịp thời những

hành động lợi dụng mê tín phản tuyên truyền gây hoang mang trong đồng bào các dân tộc, nhất là dân tộc Dao.

Trước mắt cần tập trung giáo dục đồng bào vùng Dao, làm cho đồng bào phấn khởi trước thắng lợi vĩ đại của dân tộc: Miền Nam đã hoàn toàn giải phóng, Mỹ đã cút, ngụy đã nhào, Tổ quốc Việt Nam hoàn toàn độc lập, tự do, làm cho quần chúng tin tưởng ở đường lối, chính sách của Đảng, phân biệt đúng, sai, cảnh giác trước luận điệu phản tuyên truyền xuyên tạc chính sách của các phần tử xấu. Trên cơ sở đó mà động viên nhiệt tình cách mạng, vận động đồng bào tăng cường đoàn kết dân tộc, ra sức thi đua lao động sản xuất, xây dựng, củng cố hợp tác xã, chấp hành tốt các chính sách của Đảng và Nhà nước, v.v..

Để thực hiện tốt chủ trương đề ra trên đây, sẽ tổ chức một hội nghị ở tỉnh gồm đại biểu cấp ủy, chính quyền, đoàn thể các huyện, thị xã, các ban, ngành có liên quan ở tỉnh và một số cán bộ, đảng viên dân tộc Dao để kiểm điểm đánh giá tình hình vừa qua xảy ra ở một số vùng đồng bào dân tộc Dao và bàn bạc các biện pháp tiến hành cụ thể. Cấp ủy các huyện và các xã, nhất là nơi có đồng bào Dao cư trú, nơi đã xảy ra việc cúng đón "vua", phải tập trung lãnh đạo và chỉ đạo để nhanh chóng dập tắt tình trạng trên, ổn định tư tưởng quần chúng. Ban Dân tộc Tỉnh ủy, Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy, và một số ban, ngành, đoàn thể ở tỉnh cử cán bộ có khả năng xuống các khu vực trọng điểm kết hợp với huyện và các chi bộ, đảng ủy, chính quyền, đoàn thể xã, đẩy mạnh công tác tuyên truyền về thời sự, chính sách, cải tạo mo then, cải tạo phong tục tập quán lạc hậu, phát động tư tưởng quần chúng nâng cao cảnh giác, phát hiện những phần tử xấu để giáo dục và xử lý kịp thời những tên chủ mưu, ngoan cố đồng thời động viên đồng bào hăng hái tham gia lao động sản xuất vụ thu chiêm, làm mùa nhanh gọn, tăng cường đoàn kết, chấp hành tốt các chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, hoàn thành và hoàn thành vượt mức chỉ tiêu thu mua lương thực, thực phẩm, đậu tương, v.v..

Ban Dân tộc, Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy, đảng đoàn chính quyền tỉnh, đảng đoàn Ty Văn hóa thông tin, Mặt trận Tổ quốc và các ngành có liên quan, các đoàn thể quần chúng tỉnh (do Ban Dân tộc Tỉnh ủy chủ trì). Giúp Tỉnh ủy đề ra kế hoạch tiến hành và kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện, đồng thời báo cáo kết quả về Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

NÔNG CÔNG THƯỜNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH

Số 39-BC/TU, ngày 25-7-1975

Về tình hình công tác 6 tháng đầu năm 1975

Sáu tháng đầu năm 1975 có nhiều sự kiện chính trị quan trọng. Dưới ánh sáng các Nghị quyết 22, 23 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và các chỉ thị, nghị quyết khác của Trung ương, với đà phấn khởi chung của đất nước, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Lào Cai đã cố gắng phấn đấu khắc phục khó khăn, hoàn thành các nhiệm vụ của mình và đạt được một số kết quả dưới đây:

I. TÌNH HÌNH KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ, THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC

1. Sản xuất nông - lâm nghiệp

Trong 6 tháng qua, việc lãnh đạo vào chỉ đạo thực hiện kế hoạch của Tỉnh ủy và các ngành, các cấp đã có nhiều cố gắng, đã chủ động giao sớm các chỉ tiêu kế hoạch năm 1975 cho cơ sở, đã tiến hành họp hội nghị tổng kết các hợp tác xã nông nghiệp điển hình, tổ chức hội nghị phát động sản xuất vụ đông - xuân ở tỉnh ngay từ cuối năm 1974. Một số chính sách cụ thể của Nhà nước được áp dụng (nhất là Quyết định số 129- CP của Hội đồng Chính phủ) đã có tác động đẩy mạnh hơn nữa việc phát triển nông - lâm

nghiệp miền núi. Đại hội Nông dân tập thể đã được tiến hành từ cơ sở lên huyện (theo tinh thần Chỉ thị 209 của Ban Bí thư). Phong trào thi đua lập thành tích chào mừng ba ngày lễ lớn đã được phát động rộng rãi trong quần chúng, đặc biệt đã tập trung chỉ đạo đẩy mạnh cao trào thi đua lập thành tích chào mừng cuộc tổng tiến công và nổi dậy đại thắng mùa Xuân năm 1975, chào mừng Việt Nam toàn thắng, v.v..

Nhờ vậy đã khắc phục, hạn chế được một số khó khăn nhất định. Phong trào làm thủy lợi nhỏ, tự sửa mương phai giữ nước, khâu làm đất, làm phân đều được tiến hành sớm hơn năm trước và nhiều nơi tập trung cày xong trước Tết âm lịch. Tình hình thời tiết khí hậu hồi đầu năm nói chung thuận lợi cho việc gieo trồng.

Tuy nhiên, do những khó khăn, tồn tại những năm trước chưa giải quyết được, nhất là những vấn đề quan hệ sản xuất chưa được củng cố vững chắc, tình hình quản lý kinh tế lỏng lẻo, việc phục vụ nông nghiệp chưa sâu sát, còn mất cân đối trên một số khâu,... do đó đã ảnh hưởng một phần đến việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch. Mặt khác, lúc giữa vụ, thời tiết và khí hậu có một số đột biến: xảy ra mưa đá (vùng thị trấn Sa Pa), gió lốc (thị xã Cam Đường, huyện Bảo Thắng, Bắc Hà) gây nên một số thiệt hại cho cây trồng (khoai tây, cây hạt rau, đào, mận), nhà cửa bị đổ, tóc mái (phải tập trung nhân lực sửa chữa khắc phục hậu quả), do mưa nhỏ và không đều nên một số nơi bị hạn thiếu nước cày bừa, trong khi đó mạ sinh trưởng nhanh (trời ấm), ruộng làm không kịp, mạ bị ống phải bỏ gây nên thiếu mạ không cấy hết diện tích, v.v..

Dưới đây là kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất vụ đông-xuân và vụ mùa năm 1975:

a) Trồng trọt: Lúa xuân đã cấy so với kế hoạch đạt 93,8% (2.241,2 ha) so với năm 1974 tăng 2,7%; ngô xuân đã trồng đạt 95,7%; kế hoạch (12.117,4 ha), tăng 1% so với năm 1974; khoai lang chỉ đạt 31,2% kế hoạch (232ha) và bằng 89,6% so với năm 1974; sắn trồng mới so với kế hoạch đạt 88,8% (1.428,3 ha) tăng

8,7% so với năm 1974, đào giếng đạt 98,7% kế hoạch (1.026 ha), tăng 19,4% so với năm 1974; mía công nghiệp đã trồng được 146,2 ha so với năm 1974 đạt 95,9%, các chỉ tiêu khác như khoai sọ, seo, cây hạt su hào, bông, lanh, lạc, vừng, sả, dưa,... so với kế hoạch đều chưa đạt, nhưng so với năm 1974 đều tăng hơn.

Tóm lại, so với năm 1974 nhiều chỉ tiêu có tăng hơn nhưng so với kế hoạch thì hầu hết chưa đạt, chủ yếu là do: việc chỉ đạo, kiểm tra đôn đốc có nơi, có lúc thiếu kịp thời, một số chỉ tiêu xây dựng chưa sát; do chỉ đạo cụ thể thiếu tích cực (ngô lai), khai hoang cơ giới chỉ đạt 24,3% kế hoạch thời vụ (việc xác định địa bàn và bàn giao, quản lý tổ chức thi công cơ giới chưa đầy đủ, kịp thời), do quản lý lao động chưa chặt chẽ, v.v.. Đáng chú ý ở một số nơi vùng cao thuộc huyện Bát Xát, Mường Khương, Bắc Hà đã xảy ra trồng cây thuốc phiện trái với phương hướng, sau khi phát hiện phải tập trung lực lượng cán bộ xuống vận động, giải thích phá bỏ tốn nhiều công sức, thời gian.

Trong khu vực quốc doanh, các nông trường cũng có nhiều cố gắng tập trung chỉ đạo công tác khai hoang, xây dựng các công trình chăn nuôi (trại lợn chợ Chậu, Thanh Bình, trại lợn Phong Hải), trồng mới và chăm sóc chè, dưa, cam, sả, cây thuốc... song so với kế hoạch nhiều chỉ tiêu cũng chưa đạt.

Về thu hoạch vụ đông - xuân đang được tập trung chỉ đạo. Tính đến nay, lúa chiêm xuân đã gặt xong căn bản; đậu tương, ngô xuân và các cây trồng khác như seo, bông đã thu hoạch xong. Về năng suất, do ảnh hưởng của thời tiết, do khâu bón phân, chăm sóc chưa đảm bảo yêu cầu nên lúa xuân khả năng chỉ đạt khoảng 24,6 tạ/ha, ngô xuân đạt 10,1 tạ/ha, đậu tương đạt 5,2 tạ/ha và so với kế hoạch thì đạt 80%, so với năm 1974, năng suất lúa đạt 88,4%, ngô xuân đạt 100%, đậu tương đạt 98,1%.

Căn cứ vào tình hình thực hiện kế hoạch trên, do đạt được mức kế hoạch Trung ương giao về tổng sản lượng lương thực quy thóc cần phải ra sức phấn đấu vượt diện tích lúa mùa và hoa

màu có chất bột, đồng thời đẩy mạnh phong trào thâm canh tăng năng suất.

Về sản xuất vụ mùa cũng đang được quan tâm chỉ đạo. Mạ đã gieo đảm bảo cấy hết diện tích, lúa mùa đã cấy đạt 72% kế hoạch (5.431 ha), lúa nương mộ đã tra so với kế hoạch đạt 154% kế hoạch (3.788ha) và so với năm 1974 cũng xấp xỉ bằng.

b) Chăn nuôi: Nhìn chung đàn gia súc ở cả hai khu vực vẫn được giữ vững và phát triển bình thường. Theo thống kê mốc 1-4-1975, đàn trâu đạt 94,5% kế hoạch (37.419 con), so với năm 1974 tăng 2,8%, đàn lợn trên 2 tháng đạt 86,8% kế hoạch (90.529 con), so với năm 1974 tăng 2,4%; đàn ngựa đạt 94,1% kế hoạch (21.521 con), so với năm 1974 tăng 3,7%; đàn bò cũng vẫn được duy trì, riêng đàn bò quốc doanh đạt 91,2% kế hoạch năm.

Tuy nhiên, trong chăn nuôi, cũng còn có những khó khăn, thiếu sót, cần phải ra sức khắc phục như: thức ăn cho lợn thiếu (kể cả tinh và thô xanh), khả năng hỗ trợ cám của Nhà nước có hạn và phương thức cám gia công chưa sát; tình trạng lạm sát gia súc vẫn còn xảy ra; việc quản lý, chăm sóc gia súc còn thiếu chu đáo, dịch bệnh gia súc (suyễn, dịch tả lợn) vẫn lẻ tẻ xuất hiện ở một số nơi (ở Bát Xát, thị xã Lào Cai,...). Đàn ong cũng thiếu thức ăn (mất mùa hoa nhãn, vải,...) do dịch bệnh (thối ấu trùng) và do khâu quản lý, chăm sóc chưa tốt nên cũng bị giảm sút, v.v..

c) Nghề rừng: Việc trồng cây gây rừng, khoanh nuôi và chăm sóc, bảo vệ rừng mới có một số chuyển biến. Tổng diện tích rừng trồng mới được 474,7 ha (trong đó hợp tác xã trồng được 150 ha). Về chăm sóc rừng được 758,1 ha (chủ yếu là lực lượng quốc doanh). Việc quản lý, bảo vệ rừng năm nay có được chú ý hơn trước, hiện tượng phát nương bừa bãi đã hạn chế được (diện tích lúa nương tăng chủ yếu là do tận dụng đất đai mở mang khai phá thêm).

Nhưng nhìn chung công tác trồng rừng và phong trào trồng cây trong nhân dân còn yếu. Nguyên nhân chính là do việc tổ chức thực hiện còn nhiều lúng túng; điều hòa cây giống giữa nơi thừa nơi

thiếu chưa tốt; đưa nghề rừng vào hợp tác xã quản lý, kinh doanh làm còn chậm, còn nhiều khó khăn vướng mắc trong việc giải quyết các chế độ, chính sách như lương thực, khoán công điểm, trang bị phòng hộ cho lực lượng chuyên làm nghề rừng, v.v..

d) Tình hình phong trào hợp tác hóa nông nghiệp và định canh định cư: Thực hiện Chỉ thị 209 của Ban Bí thư, đã tập trung chỉ đạo hoàn thành đại hội nông dân tập thể từ cơ sở lên huyện thị. Tư tưởng được phát động, quần chúng xã viên đã mạnh dạn tham gia việc kiểm điểm phê bình, tự phê bình những thiếu sót trong công tác quản lý, những hiện tượng tham ô, lãng phí, lấn chiếm đất đai trong hợp tác xã và bước đầu một số nơi đã có những biện pháp tích cực sửa chữa, khắc phục. Tiếp đó đã đôn đốc các hợp tác xã thực hiện kế hoạch vòng 2 của cuộc vận động (thanh, quyết toán năm 1974, bầu cơ quan quản lý hợp tác xã,..). Hiện nay đang gấp rút xúc tiến việc chuẩn bị nội dung để tiến hành đại hội đại biểu nông dân tập thể toàn tỉnh (một số khâu đã làm xong và đang tiếp tục nghiên cứu các chuyên đề để theo yêu cầu của Trung ương)... Tuy vậy, việc củng cố, xây dựng các hợp tác xã cũng còn gặp nhiều khó khăn, nhất là ở vùng cao. Việc chỉ đạo thực hiện Kế hoạch số 04 của Tỉnh ủy chưa được tập trung phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, lực lượng cán bộ xuống giúp cơ sở củng cố, xây dựng hợp tác xã chưa được bố trí và tăng cường thích đáng, v.v..

Công tác định canh định cư đã và đang tập trung hoàn thành một số việc như: thanh quyết toán chính thức năm 1974, tổng kết 4 năm, phân bố và kiểm tra, đôn đốc việc sử dụng vốn (các huyện Sa Pa, Bảo Thắng đã thực hiện khá và đã nghiệm thu một số công trình). Tuy nhiên so với yêu cầu thì việc chỉ đạo công tác định canh định cư thực hiện còn yếu, việc sử dụng kinh phí, lương thực phục vụ cho định canh, định cư đạt quá thấp (mới sử dụng 50.000 đồng trong số 700.000 đồng của kế hoạch).

2. Công nghiệp

a) Công nghiệp quốc doanh địa phương: Nhịp độ sản xuất công nghiệp 6 tháng qua nói chung bình thường, song có những đơn vị xí nghiệp còn gặp phải một số khó khăn. Trong tháng 6-1975, các ngành, các xí nghiệp đã tập trung phấn đấu khắc phục khó khăn hoàn thành kế hoạch quý II và 6 tháng đầu năm, nhờ vậy nhiều chỉ tiêu so với trước đều tăng, nhưng so với kế hoạch thì một số chỉ tiêu cũng chưa đạt như lưỡi cày, diệp cày, bánh kẹo, hoa quả hộp, v.v..

b) Thủ công nghiệp: Qua tổng kết phong trào cuối năm, sản xuất thủ công nghiệp có được đẩy mạnh hơn. Một số ngành chế biến hoa màu, sản xuất vật liệu xây dựng,... có được phát triển. Bước đầu đã có sự phân công sản xuất các loại nông cụ cho các huyện, thị, để sản phẩm sản xuất ra phù hợp với thị hiếu, tập quán canh tác của nhân dân và kịp thời đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất của các vùng kinh tế.

Giá trị tổng sản lượng công nghiệp địa phương 6 tháng đầu năm 1975 ước thực hiện so với kế hoạch cả năm đạt 47,7% (8,596 triệu đồng), so với cùng thời kỳ năm 1974 đạt 99,4%; trong đó: quốc doanh đạt 48,3%, thủ công đạt 45,9%, nhóm A đạt 38,7% (2,468 triệu đồng), nhóm B đạt 52,7% (6,128 triệu đồng), so với năm 1974 quốc doanh đạt 99,4%, thủ công nghiệp đạt 99,5%, nhóm A đạt 94%, nhóm B đạt 101,8%.

Như vậy là so với kế hoạch cả năm mới thực hiện chưa được 1/2 giá trị tổng sản lượng và một số mặt hàng chủ yếu cũng chưa đạt.

Nguyên nhân chủ yếu là do: Việc cung cấp nguyên, vật liệu cho các đơn vị xí nghiệp kinh doanh không đảm bảo (thép tấn 5-6 ly để làm cào cỏ, sắt tây để làm hộp hoa quả, đậu tương để làm nước chấm, thiết bị phụ tùng thay thế để đảm bảo cho sản xuất của các xí nghiệp), hoặc sản xuất không đảm bảo kỹ thuật, một phần do chất lượng vật tư cung cấp không đảm bảo, một phần thực tế có khó khăn của Nhà nước; việc ký hợp đồng kinh tế giữa các xí nghiệp, cơ quan chưa đảm bảo đúng nguyên tắc, thiếu chủ động và

chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành; công tác quản lý, nhất là quản lý kỹ thuật, lao động ở nhiều cơ sở còn thiếu chặt chẽ, chất lượng sản phẩm không đảm bảo yêu cầu (xi măng).

c) Các xí nghiệp trung ương (tại địa phương): Kế hoạch được giao tương đối ổn định. Ngoài việc phát động thi đua đẩy mạnh sản xuất, phấn đấu hoàn thành kế hoạch của đơn vị, các xí nghiệp trung ương đang chuẩn bị quy hoạch dài hạn, đồng thời có những cố gắng đóng góp vào việc phục vụ xây dựng và phát triển kinh tế địa phương.

Kết quả thực hiện kế hoạch đạt được như sau:

- Mỏ apatít ước đạt 102,72 % kế hoạch về giá trị sản lượng 6 tháng đầu năm và bằng 47,86% kế hoạch cả năm.

- Nhà máy điện đạt 79,95 % về giá trị tổng sản lượng (do đại tu lò máy và xây lắp trạm trung gian Bắc Lệnh chưa thực hiện được).

- Các đoàn địa chất đều cơ bản đạt và vượt các chỉ tiêu chủ yếu (Đoàn địa chất 24 đạt 103,7% kế hoạch 6 tháng đầu năm về tổng mức đầu tư, Đoàn địa chất 5 đạt 100,37% kế hoạch 6 tháng đầu năm về khoan máy; 116,3% về trắc địa,...);

d) Xây dựng cơ bản: Thời gian qua nói chung thời tiết có nhiều thuận lợi cho việc thi công, kế hoạch được giao tương đối sớm do đó đã hoàn thành và đưa vào sử dụng một số công trình chuyển tiếp trong các ngành giao thông, công nghiệp (đường Mường Khương - Pha Lọng, lò vôi liên hoàn 12 tấn/ngày, lò lung nhà máy xi măng,...) và đã khởi công xây dựng một số công trình khác (hồ mỏ Sinh ở Cam Đường, cầu Vòm Quang Kim ở Bát Xát,...).

Tuy nhiên, do các ngành thiếu quan tâm lãnh đạo công tác xây dựng cơ bản, việc chỉ đạo thi công còn phân tán, thiếu tập trung dứt điểm; việc quản lý và sử dụng lao động chưa chặt chẽ, việc cung cấp nguyên vật liệu không đầy đủ; chưa làm tốt khâu thủ tục xét duyệt,... nên đã ảnh hưởng đến tốc độ thi công các công trình và so với kế hoạch đạt quá thấp (tổng mức đầu tư vốn so với kế hoạch năm đạt 23,8% = 2,358 triệu đồng, trong đó: xây lắp đạt

30,9%, thiết bị đạt 0,18% và so với cùng kỳ năm 1974 tổng mức vốn đầu tư cũng đạt chỉ bằng 76,1%).

- Về giao thông - vận tải và bưu điện: Do hàng hóa những tháng đầu năm ít (kể cả khối lượng đất đá, cát sỏi, vôi gạch cho các công trường xây dựng cơ bản) nên xe phải nằm chờ hàng nhiều (bình quân hàng tháng vận tải chỉ được trên 10.000 tấn) và mặt khác do xe hỏng nhiều, sửa chữa không kịp, công tác quản lý phương tiện vật tư lao động trong ngành vận tải còn lỏng lẻo (số ngày xe nằm sửa chữa bình quân một xe mất 21,2 ngày, sử dụng các ngày xe chưa cao (bình quân xe tốt một tháng mới được 15,7 ngày = 82,6% kế hoạch), xe chở một chiều còn khá phổ biến, chưa chú ý tận dụng các phương tiện vận tải thô sơ,... Vì vậy, so với kế hoạch năm, tổng khối lượng hàng hóa chỉ đạt 30,5% về tấn (62,186 tấn), 35,3% về tấn/km (1.110.881 tấn/km), tổng khối lượng hành khách đạt 44% về lượt người (106,683 người) và 45,9% về lượt người.

Nhờ chú ý cải tiến quản lý nâng cao chất lượng nên công tác bưu điện thời gian qua đã đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt phục vụ tốt cho lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện kế hoạch. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu: Bưu phẩm ước đạt 97,6%, phát hành báo chí đạt 115,3%, điện báo đạt 125,8%, điện thoại đạt 88,4%, tổng doanh thu đạt 108,8%.

3. Tài chính - Thương nghiệp

- Công tác lương thực: Nhờ quan tâm chỉ đạo kiểm tra, đôn đốc nên việc huy động nhập kho vụ mùa 1974 đã kết thúc. Một vài huyện như Bát Xát, Mường Khương đã thực hiện đạt và vượt mức kế hoạch.

Tổng số thóc đã nhập kho: 1.202,3 tấn. Trong đó: thuế 574,4 tấn; nghĩa vụ 457,6 tấn, đạt 90,1%; ngoài nghĩa vụ 162,2 tấn, thu nợ 8,1 tấn. Tỷ lệ huy động: 4,7% (năm 1973 = 5,3%).

Trong đợt vận động ủng hộ lương thực cho miền Nam đã thu được 150,9 tấn thóc; 21,2 tấn ngô; 81,6 tấn sắn khô. Ngoài ra cán

bộ và nhân dân đã tiết kiệm không mua khẩu phần lương thực của mình được 32.724 tấn gạo.

Như vậy, tổng số đã nhập kho được 1.353,2 tấn lương thực quy thóc, so với kế hoạch đạt 93,2% (tỷ lệ huy động chiếm 5,4%),...

Song công tác thu nợ và thu mua ngoài nghĩa vụ đạt thấp. Việc cung cấp lương thực cho các cơ sở thủ công nghiệp chưa được kiểm tra, quản lý chặt chẽ, do đó sản phẩm giao nộp cho Nhà nước chưa tương xứng với số lương thực được cấp. Việc nhập, xuất, bảo quản lương thực nói chung còn chưa chấp hành đầy đủ nguyên tắc, chế độ, còn có nơi cấp phát sai chính sách, đối tượng, v.v..

- Công tác thu mua nông sản - thực phẩm tuy đã có những cố gắng nhất định nhưng do công tác tuyên truyền, vận động, tổ chức thu mua còn yếu; vấn đề giá cả, phương thức đổi cám áp dụng chưa sát nên cũng ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch thu mua (hầu hết các chỉ tiêu so với kế hoạch cả năm chỉ đạt được trên dưới 30%).

Tổng giá trị thu mua 6 tháng đầu năm ước đạt 28% kế hoạch năm (1,568 triệu đồng), trong đó: thịt lợn hơi đạt 31,5% (378 tấn), rau xanh đạt 32,7% (523,5 tấn), v.v..

- Mua hàng xuất khẩu cũng đạt thấp. So với kế hoạch năm, tổng giá trị thu mua đạt 36,4% (729.000đ). Một số mặt hàng mua được cao nhất đạt 45,1% (thảo quả), thấp nhất chỉ đạt 1,6% (màng tang), so với cùng kỳ thời kỳ năm 1974, một số chỉ tiêu đạt khá như thảo quả đạt 103,9%, sả đạt 164,2%, song trường đạt 635,2%.

- Công tác bán ra: Nhìn chung công tác lưu thông - phân phối vẫn giữ được mức độ bình thường. Các mặt hàng phân phối theo tiêu chuẩn định lượng vẫn đảm bảo đều đặn. Đã sắp xếp giờ giấc bán hàng phục vụ theo giờ làm việc mới tạo điều kiện thuận lợi cho việc mua bán, sinh hoạt chung của cán bộ công nhân viên chức và nhân dân. Ngoài ra thương nghiệp còn tổ chức các quầy hàng lưu động phục vụ bữa ăn trưa cho các cơ quan xung quanh thị xã, cung cấp than qua lửa cho các bếp ăn tập thể và một vài huyện vùng cao, v.v..

Doanh số bán ra so với kế hoạch cả năm ước đạt 41,1% (11,4815 triệu đồng), trong đó: Thương nghiệp đạt 40,4%, dược phẩm đạt 48,6% kế hoạch.

Tuy nhiên, so với nhu cầu đạt còn thấp. Một số mặt hàng thiết yếu như xà phòng, nước chấm, giấy viết, bát đĩa sứ.... không đủ cung ứng ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt của cán bộ công nhân viên chức, ảnh hưởng đến doanh thu của thương nghiệp; công tác tổ chức phục vụ, chấp hành nội quy, giờ giấc ở một số cửa hàng còn thiếu chu đáo, còn tùy tiện để khách hàng kêu ca nhất là về thái độ trong giao dịch, mua sắm, về vấn đề cân, đong, đo, đếm và phẩm chất hàng hóa... Sự phối hợp giữa các khâu sản xuất và tiêu thụ chưa chặt chẽ, ăn khớp; mạng lưới hợp tác xã mua bán đầy đủ chức năng hỗ trợ đắc lực cho thương nghiệp quốc doanh....

- Công tác tài chính - ngân hàng: Nhìn chung công tác thu, chi tài chính - tiền tệ trong 6 tháng qua không đạt kế hoạch, bội chi tiền mặt vượt chỉ tiêu. Thu ngân sách chỉ đạt có 36,8% kế hoạch năm. Do sản xuất công nghiệp không hoàn thành kế hoạch, doanh số bán ra của thương nghiệp đạt thấp cho nên nguồn thu về thuế, lãi và khấu hao của xí nghiệp quốc doanh đều không đạt. Về chi mới đạt 33,7% kế hoạch năm. Các khoản chi về xây dựng cơ bản, kiến thiết kinh tế nông - lâm nghiệp đạt rất thấp.

Về thu, chi tiền mặt cũng không đạt kế hoạch: Thu đạt 41,4%, chi đạt 46,4 % và bội chi vượt 66% kế hoạch năm. Do tình hình sản xuất của các xí nghiệp và hợp tác xã không được đẩy mạnh nên hoạt động tín dụng công- nông nghiệp cũng gặp nhiều khó khăn. Công tác quản lý tiền mặt còn thiếu chặt chẽ, chưa chấp hành đầy đủ nguyên tắc, chế độ (còn nhiều cơ quan, xí nghiệp giữ tiền mặt cao quá mức quy định, có nơi tự thu, tự chi một cách tùy tiện, không qua ngân hàng gây khó khăn cho công tác quản lý tài chính tiền tệ).

Quản lý thị trường giá cả: Thực hiện Nghị quyết 76 của Hội đồng Chính phủ, đã tổ chức học tập và xét cấp đăng ký mới cho

kinh doanh công - thương nghiệp ở các thị xã, thị trấn. Việc quy hoạch lại ngành nghề đã được tiến hành (nhưng nói chung còn chậm). Giá thu mua một số mặt hàng nông - lâm sản, thực phẩm do Nhà nước điều chỉnh đã được thực hiện (gỗ, than, thịt lợn, đậu tương, trợ giá thu mua lương thực,...). Việc quản lý giá cước bốc vác và vận tải bằng phương tiện thô sơ chưa được quản lý chặt chẽ. Cũng do sản xuất không đáp ứng với yêu cầu tiêu dùng, do công tác quản lý có nơi, có lúc còn buông lỏng và phương thức phục vụ chưa được cải tiến kịp thời, nên tuy không có đột biến lớn nhưng giá cả một số mặt hàng trên thị trường tự do có chiều hướng tăng như thịt lợn, gà, cá, trứng, rau xanh,...

4. Công tác văn xã

- Về giáo dục: đã kết thúc năm học phổ thông ở vùng thấp. Các kỳ thi hết cấp, tốt nghiệp phổ thông và bổ túc văn hóa đã được tiến hành và kết thúc tốt. Nói chung việc thi cử năm nay đảm bảo tương đối đúng quy chế, giữ được không khí bình thường, nghiêm túc, chất lượng giáo dục có được nâng lên nhưng nói chung còn thấp. Việc giáo dục đạo đức, nếp sống văn minh cho học sinh, thanh thiếu niên ở các thị xã, thị trấn cần được tăng cường hơn. Các lực lượng giáo dục: gia đình, nhà trường, xã hội chưa có sự phối hợp chặt chẽ, chưa có biện pháp và hình thức giáo dục thiết thực, phù hợp để quản lý giáo dục cho các em có nền nếp theo năm điều Bác Hồ dạy. Công tác xây dựng cơ sở vật chất cho các trường học còn làm chậm, chưa đáp ứng yêu cầu. Công tác thanh toán nạn mù chữ vẫn chưa có biện pháp tích cực nên kết quả chưa có tiến bộ đáng kể.

- Về y tế và bảo vệ bà mẹ trẻ em: Công tác vệ sinh phòng dịch, phòng bệnh có được chú ý. Một số mặt quản lý (dược, bệnh viện,...) đã có nền nếp hơn trước. Việc kết hợp đông - tây y trong chữa bệnh đã có sự chú ý hơn. Công tác nuôi dạy trẻ và khám chữa bệnh đã tổ chức theo giờ làm việc mới, bước đầu phục vụ có kết quả cho sản

xuất và công tác. Tuy vậy, tồn tại lớn của ngành y tế là chất lượng điều trị ở các bệnh viện, bệnh xá còn thấp, tinh thần phục vụ của cán bộ nhân viên y tế chưa cao, việc quản lý, phân phối thuốc thiếu chặt chẽ. Chất lượng của các nhà trẻ (cơ sở vật chất, vệ sinh, trình độ cô nuôi dạy trẻ,...) còn yếu nên đã ảnh hưởng đến việc chăm sóc, nuôi dạy các cháu.

- Các hoạt động thể dục thể thao đã phục vụ cho các ngày lễ, ngày tết có kết quả, tạo ra không khí phấn khởi, vui khỏe ở các khu vực, thị xã, thị trấn, những nơi đông đúc dân cư. Nhưng phong trào thể dục rèn luyện sức khỏe, thể thao quốc phòng, thể dục chữa bệnh chưa được chú ý phát triển.

II. CÔNG TÁC TRỊ AN QUỐC PHÒNG

So với cuối năm 1974, tình hình trị an 6 tháng đầu năm 1975 có những diễn biến thay đổi. Trước thắng lợi vĩ đại của ta, hoạt động của bọn phản cách mạng đã giảm xuống rõ rệt. Tình hình trật tự trị an biên giới, nội địa vẫn được giữ vững. Tuy vậy cũng có một số diễn biến phức tạp: Ở vùng người Dao có hiện tượng xưng vua, đón vua dưới hình thức mê tín (ở 20 xã, trong đó có 4 xã ở biên giới). Tình hình này đã gây ra một thời gian dài (từ đầu năm tới nay) ảnh hưởng đến đoàn kết dân tộc, chấp hành chính sách, sản xuất và trật tự trị an ở địa phương. Tuy đã có những chủ trương và biện pháp giải quyết nhưng tình hình trên vẫn chưa chấm dứt và cần phải tiếp tục tìm rõ nguyên nhân và có biện pháp giải quyết triệt để. Hiện tượng buôn lậu (thuốc phiện, tiền Đông Dương, quan kim, vàng,...) ở vùng biên giới vẫn xảy ra.

Công tác giải quyết các vụ án tuy có tiến bộ nhưng vẫn còn để tồn tại nhiều, một số vụ chưa dứt điểm. Ở cấp huyện sự phối hợp các mặt sản xuất, trị an, xét xử vẫn chưa chặt chẽ, đồng bộ nên còn để xảy ra chậm trễ, sơ hở.

Việc thực hiện Chỉ thị 228 của Bộ Chính trị gần đây tuy có tiến bộ nhưng nói chung vẫn còn chậm, thiếu dứt điểm.

Công tác quân sự đã làm tốt việc động viên tuyển quân theo yêu cầu của kế hoạch trên giao. Việc xây dựng, củng cố tổ chức, huấn luyện dân quân tự vệ ở cơ sở, biên giới chưa đều, có nơi yếu, cần tiếp tục đẩy mạnh hơn.

III. CÔNG TÁC CHÍNH QUYỀN VÀ CÁC ĐOÀN THỂ QUẦN CHÚNG

1. Công tác chính quyền đã lãnh đạo và tổ chức thực hiện tốt việc bầu cử Quốc hội và hội đồng nhân dân hai cấp. Qua việc bầu cử đã làm cho quần chúng nhân dân các dân tộc hiểu rõ hơn về quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, vai trò của Nhà nước chuyên chính vô sản trong giai đoạn mới. Chính quyền các cấp đã tiếp tục được củng cố thêm một bước. Tuy nhiên, chính quyền cấp xã vẫn còn nhiều mặt non yếu cần được tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nhiều mới đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới. Sự phối hợp giữa các ngành, các cấp để phục vụ cho việc thực hiện kế hoạch nhà nước, phục vụ sản xuất còn có chỗ chưa chặt chẽ, chưa đồng bộ. Việc giáo dục ý thức phục vụ nhân dân và chức trách cho cán bộ nhân viên ở các cơ quan, các ngành cần được chú ý tăng cường và thường xuyên kiểm tra. Cần tiếp tục khắc phục thái độ quan liêu, cửa quyền, thiếu trách nhiệm, gây khó khăn cho việc giải quyết công tác và đời sống của cán bộ, nhân dân.

2. Công tác mặt trận và các đoàn thể quần chúng trong 6 tháng qua đã tập trung vào tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng, vận động các tầng lớp nhân dân hăng hái thi đua lao động sản xuất và công tác lập thành tích chào mừng các ngày lễ lớn trong năm, chào mừng thắng lợi vĩ đại của dân tộc.

- Mặt trận đã chỉ đạo tổ chức kỷ niệm 15 năm ngày kết nghĩa Lào Cai - Thủ Dầu Một (11-4-1960 - 11-4-1975) từ cơ sở lên huyện,

tỉnh. Qua kiểm điểm, nhằm tiếp tục phát động và đẩy mạnh phong trào thi đua “Mỗi người làm việc bằng hai vì miền Nam ruột thịt, vì Lào Cai - Thủ Dầu Một kết nghĩa” và đã tập trung chỉ đạo thực hiện hai nhiệm vụ lớn:

- + Tổ chức rừng làng mang tên kết nghĩa (thí điểm ở Pha Long - Mường Khương - dân tộc Hán và huyện Bảo Thắng - dân tộc Kinh) để rút kinh nghiệm.

- + củng cố tổ chức Mặt trận và xây dựng con người mới.

Ngoài ra công tác Mặt trận còn phục vụ và động viên nhân dân tham gia cuộc bầu cử hội đồng nhân dân hai cấp, bầu cử Quốc hội khóa V; vận động lực lượng phụ lão làm nòng cốt trồng cây, bảo vệ rừng, động viên tuyển quân, cải tạo phong tục tập quán xấu, lạc hậu, xây dựng nếp sống mới, v.v..

- Phong trào Thanh niên “Tình nguyện vượt mức kế hoạch nhà nước” do Đoàn Thanh niên lao động phát động vẫn được duy trì và phát triển (nhất là trong các cơ quan, xí nghiệp). Một số đơn vị đã nhận các công trình thanh niên. Việc vận động nếp sống văn minh trong đoàn viên, thanh niên đang được tiến hành và đạt được kết quả bước đầu. Công tác vận động tuyển quân trong đoàn viên và thanh niên vẫn được chú ý chỉ đạo nên đảm bảo cơ bản chỉ tiêu giao quân. Công tác giáo dục truyền thống cách mạng của Đảng, của Đoàn nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập Đảng (3-2), ngày thành lập Đoàn (26-3) đã được tiến hành và triển khai đến tận cơ sở. Việc giáo dục thiếu niên, nhi đồng và công tác Đoàn, Đội trong nhà trường cũng bước đầu được quan tâm và phối hợp giữa các lực lượng giáo dục. Đã tổ chức đại hội cháu ngoan Bác Hồ từ cơ sở lên huyện, tỉnh và đang tiến hành tổ chức các trại hè cho thiếu niên, học sinh, v.v..

- Phụ nữ với phong trào thi đua “Giải việc nước đảm việc nhà, phấn đấu thực hiện nam nữ bình đẳng” đã tạo ra những chuyển biến tiến bộ mới, có tác động đến việc động viên lực lượng phụ nữ

các dân tộc đẩy mạnh phong trào lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, xây dựng gia đình, nuôi dạy con cái,...

Ở khu vực nông thôn, thời gian qua chị em phụ nữ đã đảm nhiệm tốt các khâu làm phân, chăm bón, cấy kỹ thuật, làm nông cốt trong phong trào chăn nuôi gia súc, bán thực phẩm cho Nhà nước,...

Ở khu vực cơ quan, xí nghiệp, phong trào thi đua trong nữ công nhân viên chức đã tập trung phấn đấu đảm bảo ngày công, nâng cao hiệu suất công tác,...

Đại hội đại biểu phụ nữ các gia đình về vang toàn tỉnh lần thứ hai đã được tổ chức để tuyên dương những gia đình có nhiều cống hiến xuất sắc trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Về công tác Công đoàn: Đã tổ chức học tập, phổ biến Chỉ thị 215 của Ban Bí thư (kết hợp với học tập Nghị quyết số 23/TW) trong hội nghị cấp ủy và cán bộ chủ chốt toàn tỉnh và đang triển khai đến cán bộ công nhân viên chức các ngành, các cấp.

Việc tổ chức phong trào lao động sản xuất trong cán bộ công nhân viên chức đã được chú ý hơn trước, mở hội nghị công nhân viên chức tăng 40%, ký hợp đồng tập thể tăng 25%, v.v.. Đối chiếu với năm nội dung của phong trào lao động sản xuất, có hai nội dung chuyển biến tốt là: Năng suất lao động có một số cơ sở đạt và vượt chỉ tiêu định mức và về quản lý ở một số xí nghiệp có những chuyển biến mới.

Tuy nhiên, trong công tác mặt trận và các đoàn thể quần chúng vẫn còn bộc lộ những thiếu sót, tồn tại, chủ yếu là: việc củng cố, kiện toàn tổ chức cơ sở yếu, kém, còn thiếu quan tâm thường xuyên, phong trào thi đua và hoạt động của các đoàn thể chuyển biến chưa thật mạnh mẽ, có nơi, có lúc chưa đều, do đó chưa phát huy đầy đủ vai trò, chức năng của mình trong sản xuất và công tác (còn nhiều chỉ tiêu, kế hoạch thực hiện chưa đạt, hiệu quả kinh tế chưa cao,...); phong trào xây dựng, củng cố nhà trẻ chưa được chú ý đúng mức (còn nhiều đơn vị sản xuất chưa có nhà gửi trẻ); việc cải tạo phong

tục tập quán cũ, lạc hậu nói chung vẫn còn yếu, do đó một số nơi trong đồng bào dân tộc Dao đã bị bọn xấu lợi dụng mê tín dị đoan tổ chức cùng đón "vua", làm ảnh hưởng đến sản xuất và đoàn kết dân tộc,... Việc kiểm tra chấp hành kỷ luật an toàn lao động chưa được coi trọng đã dẫn đến xảy ra tai nạn lao động có lúc nghiêm trọng (riêng trong tháng 5-1975 đã bị chết 6 người, bị thương 2 người), v.v..

IV. CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG

1. Công tác tư tưởng chính trị

Sáu tháng đầu năm đã tập trung vào những chủ đề lớn: quán triệt và đảm bảo chấp hành nghiêm chỉnh Nghị quyết 23 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tuyên truyền, giáo dục kỷ niệm các ngày lễ lớn (thành lập Đảng, sinh nhật Bác Hồ) và mừng Việt Nam toàn thắng.

Những sự kiện lớn nói trên đã làm cho tư tưởng, tình cảm cách mạng của cán bộ, công nhân viên và nhân dân các dân tộc được nâng lên. Ý thức tổ chức, kỷ luật, nhiệt tình, tinh thần trách nhiệm trong công tác đã có tiến bộ rõ rệt.

Việc triển khai thực hiện Nghị quyết 23 của Trung ương Đảng kết hợp với các nhiệm vụ trọng tâm công tác (đẩy mạnh sản xuất, thực hiện Chỉ thị 192, 208, 209 của Ban Bí thư, Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị,...) đã đạt được những kết quả mới, có mặt, có nơi đã có những tiến bộ đáng kể. Sự chỉ đạo của cấp ủy tỉnh cũng đã có những biện pháp tích cực, cụ thể, sát sao, nên đã có tác dụng vừa nâng cao nhận thức vừa sửa chữa khuyết điểm, đẩy mạnh hoàn thành các nhiệm vụ công tác trước mắt.

Tuy vậy, việc giáo dục tư tưởng, chính trị có nơi làm yếu. Ở cơ sở và nông thôn vùng cao, việc tuyên truyền giáo dục chưa sâu sắc, cụ thể, phù hợp với từng đối tượng. Việc học tập nâng cao nhận thức chưa đi đôi với việc sửa chữa sai lầm, khắc phục khuyết điểm, đẩy mạnh hoạt động cụ thể.

2. Công tác tổ chức và kiểm tra

Trên cơ sở quán triệt Nghị quyết 23-TW, Tỉnh ủy đã làm xong việc kiểm điểm chung và kiểm điểm cá nhân, trên cơ sở đó đã đề ra Nghị quyết về "Cải tiến phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, chế độ và lề lối làm việc" của Tỉnh ủy; nghiên cứu việc xây dựng tiêu chuẩn đảng viên dân tộc; đánh giá và nghiên cứu tăng cường việc quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật hướng vào việc phục vụ cơ sở; nghiên cứu để tăng cường củng cố, đào tạo cán bộ chủ chốt ở xã và huyện, đồng thời kiện toàn đội ngũ cán bộ chủ chốt của các ban, ngành trong tỉnh theo tinh thần Nghị quyết 225 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 17 của Tỉnh ủy. Qua việc lãnh đạo bầu cử Quốc hội và hội đồng nhân dân, công tác củng cố chính quyền ở cơ sở được tăng cường thêm một bước.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng và bố trí, sử dụng đã có những chuyển biến tích cực hơn, phục vụ cho các yêu cầu công tác ở địa phương và yêu cầu của trên trong giai đoạn cách mạng mới (trong đó điều động cho miền Nam cán bộ gồm 4 phó ty, 5 trưởng phó phòng, 6 có trình độ đại học). Công tác quy hoạch cán bộ cũng vẫn được tiếp tục chú ý. Việc chấp hành chính sách cán bộ (nâng lương, chữa bệnh, dưỡng sức, về nghỉ mất sức,...) vẫn tiến hành thường xuyên. Công tác quản lý đảng viên theo tinh thần Chỉ thị 203 và 297 của Ban Bí thư đã có nhiều cố gắng. Việc kết nạp đảng viên mới có được chú trọng đẩy mạnh hơn năm 1974 (đã kết nạp được 31 đảng viên mới = 70,4% năm 1974).

Việc thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư, tất cả các đảng bộ ở khu vực nông thôn đã và đang tiến hành, trong đó đã tổng kết 58% cơ sở đảng. Riêng ở khối cơ quan, xí nghiệp việc thực hiện chậm hơn, tình trạng dây dưa, kéo dài, thiếu dứt điểm cũng có nhiều hơn ở khu vực nông thôn. Nhìn chung, cùng với việc thực hiện Nghị quyết 23/TW sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng đối với việc thực hiện Chỉ thị 192 đã có sự chuyển biến, quyết tâm hơn.

Công tác kiểm tra, giữ gìn kỷ luật đã có sự cố gắng đi sâu và giải quyết dứt điểm một số trường hợp. Sáu tháng đầu năm đã thi hành kỷ luật 252 đảng viên trong đó xử trí trong công cuộc vận động thực hiện Chỉ thị 192 là 217 đồng chí, xử trí theo Nghị quyết 228 là 1 đồng chí, kỷ luật thường xuyên là 38 đồng chí. Về hình thức xử trí gồm có: khiển trách 38, cảnh cáo 60, cách chức 2, lưu đảng 53, khai trừ 73, đưa ra bằng các hình thức khác 26. Việc xử trí nói chung đảm bảo đúng nguyên tắc, thận trọng, chính xác, coi trọng công tác giáo dục tư tưởng.

Tuy nhiên, công tác đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng quy hoạch cán bộ, củng cố, xây dựng tổ chức bộ máy, công tác đảng viên vẫn còn nhiều tồn tại, nhìn chung là chậm, chưa đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ công tác một cách liên tục và đồng bộ, kịp thời; một số nơi tổ chức bộ máy quá yếu, xộc xệch, không đủ năng lực làm việc; công tác đi sâu nắm, củng cố cơ sở các cấp, các ngành còn yếu.

Việc thực hiện Chỉ thị 192 tuy có tiến bộ so với năm 1974 nhưng nhìn chung vẫn còn chậm, nhiều việc chưa giải quyết dứt điểm, để dây dưa kéo dài, có nơi quá dài, vẫn chưa tổng kết được. Một số mặt công tác thường xuyên (tổ giác, khiếu nại,... của đảng viên) cũng còn nhiều việc giải quyết chậm trễ.

NHẬN XÉT CHUNG

Dưới ánh sáng Nghị quyết 23 và các chỉ thị, nghị quyết khác của Trung ương Đảng, trong phong trào thi đua lập thành tích kỷ niệm ba ngày lễ lớn và trong niềm vui lớn của dân tộc mừng Việt Nam toàn thắng, các mặt công tác của tỉnh trong sáu tháng đầu năm đều có sự chuyển biến cố gắng, trên một số mặt công tác đã có tiến bộ hơn so với năm 1974. Song, đối chiếu với chỉ tiêu kế hoạch nhà nước và các yêu cầu của từng mặt công tác, Tỉnh ủy nghiêm khắc khẳng định rằng: những kết quả đạt được còn thấp, chưa tương xứng với khí thế hào hùng của chiến thắng vĩ đại của dân tộc. Việc thực hiện kế hoạch nhà nước, việc khôi phục và phát triển kinh tế theo tinh thần Nghị quyết

22 và 23 của Trung ương Đảng nhiều chỉ tiêu chưa đạt; năng suất còn chưa cao, quản lý chưa chặt, chưa đồng bộ, phong trào thi đua chưa sôi nổi, sâu rộng, liên tục và mạnh mẽ. Công tác xây dựng Đảng chưa mạnh; việc thực hiện Chỉ thị 192 và Nghị quyết 228 tuy có tiến bộ nhưng vẫn còn chậm, dây dưa; việc giáo dục tư tưởng chính trị yếu, chưa chuyển được tinh thần hào hứng, phấn khởi của đảng viên, cán bộ, quần chúng trước thắng lợi vĩ đại của dân tộc thành khí thế thi đua sôi nổi lao động, sản xuất và công tác. Công tác tổ chức bộ máy, bố trí sử dụng, đào tạo cán bộ còn những khâu chưa đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ chính trị. Công tác trị an quốc phòng có những việc chưa nắm và có biện pháp giải quyết kịp thời, triệt để (vấn đề xưng vua của người Dao). Việc chỉ đạo thực hiện, việc kiểm tra đôn đốc của tỉnh và các cấp, các ngành cũng còn thiếu thường xuyên và sâu sát, thiếu kịp thời, chưa chú ý tăng cường nắm chắc tình hình và giúp cơ sở một cách tích cực, đồng bộ.

MỘT SỐ CÔNG TÁC CHỦ YẾU SÁU THÁNG CUỐI NĂM 1975

Từ nay đến hết năm 1975, tỉnh ta có nhiều công tác lớn, Tỉnh ủy và các cấp, các ngành cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo để đảm bảo hoàn thành kế hoạch nhà nước và các chỉ tiêu công tác cả năm với sự nỗ lực cao nhất.

- Tập trung vào việc triển khai thực hiện bước hai Nghị quyết 23 của Trung ương Đảng đồng thời tiến hành mở Đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ sáu; kiện toàn, sắp xếp các tổ chức bộ máy theo tinh thần Nghị quyết 23; hoàn thành việc thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

- Phát động một phong trào thi đua sôi nổi rộng khắp trong toàn tỉnh để vừa đảm bảo hoàn thành tốt các chỉ tiêu, kế hoạch công tác, các nhiệm vụ thường xuyên, vừa chuẩn bị tốt cho việc mở Đại hội Đảng bộ tỉnh.

- Tập trung chỉ đạo, phấn đấu đảm bảo các chỉ tiêu gieo trồng cây lương thực vụ mùa (chú ý tăng thêm diện tích ngô, khoai lang vụ thu); tích cực chăm bón để nâng cao năng suất và sản lượng lương thực: đảm bảo thu hoạch nhanh gọn và hoàn thành tốt công tác ba thu lương thực. Đảm bảo việc cung cấp thức ăn cho gia súc, chú ý phòng dịch để thực hiện được chỉ tiêu chăn nuôi cả năm. Tiến hành Đại hội nông dân tập thể lần thứ nhất và triển khai thực hiện Chỉ thị 208 của Ban Bí thư (cần tập hợp tình hình và đề xuất việc vận dụng chủ trương và biện pháp cụ thể ở các vùng trong tỉnh).

- Giải quyết cân đối các mặt, làm tốt công tác quản lý để đẩy mạnh sản xuất công nghiệp, xây dựng cơ bản, giao thông vận tải hoàn thành kế hoạch cả năm 1975.

- Đẩy mạnh việc thu mua năm nguồn hàng, đảm bảo giải quyết kịp thời những nhu cầu thiết yếu của sản xuất và đời sống; khắc phục khó khăn để đảm bảo cung cấp chất đốt, rau xanh, nước chấm,... cho cán bộ và nhân dân (nhất là ở các thị xã, thị trấn và vùng cao).

- Có biện pháp tích cực để phòng chống bão lũ, bảo vệ sản xuất, đảm bảo giao thông vận tải, bảo vệ tài sản và tính mạng của Nhà nước và nhân dân.

- Tăng cường công tác Mặt trận, vận động giáo dục quần chúng, đẩy mạnh việc cải tạo phong tục tập quán lạc hậu, xây dựng nếp sống mới văn minh, đồng thời chú ý làm tốt công tác giữ gìn trật tự an ninh biên giới, nội địa, giải quyết tốt vấn đề xung vua ở vùng dân tộc Dao.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC

VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 41-BC/TU, ngày 7-8-1975

Về tình hình công tác tháng 7-1975

Trong tháng 7-1975, việc lãnh đạo và chỉ đạo của các ngành, các cấp đã tập trung phấn đấu thực hiện nhiệm vụ kế hoạch nhà nước và đẩy mạnh các mặt công tác khác của địa phương.

Dưới đây là kết quả đạt được trên một số mặt công tác:

1. Tình hình nông - lâm nghiệp

Do có những khó khăn, thiếu sót về chủ quan cũng như khách quan nên việc thực hiện kế hoạch sáu tháng đầu năm 1975 còn nhiều chỉ tiêu không đạt mức. Sau khi đã kiểm điểm rút kinh nghiệm, Tỉnh ủy đã đề ra biện pháp khắc phục bằng cách: đẩy mạnh phong trào thi đua lập thành tích chào mừng 30 năm ngày thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, chào mừng Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ sáu, tập trung phấn đấu đảm bảo tổng mức sản lượng lương thực của Trung ương giao (56.400 tấn), cụ thể phải phấn đấu thu hoạch nhanh gọn vụ xuân, phấn đấu đạt và vượt chỉ tiêu về diện tích và năng suất vụ mùa, tận dụng đất đai đẩy mạnh phong trào trồng ngô, khoai lang và sò vụ thu, tích cực chăm bón và phòng trừ sâu bệnh, v.v..

Nhờ vậy, phong trào chung đã có những chuyển biến, tiến bộ.

Đã kết thúc cuộc điều tra gieo cấy vụ đông - xuân. Tổng hợp chung đạt kết quả như sau:

- Cây lương thực, so với kế hoạch đạt 89,8% (17,71 ha) và so với năm trước đạt 102,8%.

- Cây công nghiệp hằng năm so với kế hoạch đạt 86,8% (1.621,5 ha) và so với năm trước đạt 112 %.

Tính đến ngày 26-7-1975 toàn tỉnh đã căn bản gặt xong lúa xuân. Năng suất gặt thống kê theo báo cáo sơ bộ của các huyện, thị thì so với kế hoạch, đạt 72,8 %, so với năm 1974 đạt 88,4 % (sản lượng thóc được khoảng 5.363 tấn), ngô xuân và đậu tương xuân cũng đã thu hoạch xong (riêng đậu tương chưa đập hết). Năng suất đậu tương ở Bắc Hà và Si Ma Cai đạt khá, riêng ở Mường Khương thì giảm hơn so với hai năm trước.

Mạ lúa mùa đã gieo xong đủ đảm bảo cấy hết diện tích. Lúa đã cấy so với kế hoạch đạt 72% (5.437 ha), so với cùng thời kỳ năm 1974 đạt 111%, trong đó Sa Pa và Si Ma Cai đã cấy xong. Riêng Bảo Thắng mới cấy đạt 1/3 diện tích (vì có nhiều ruộng hai vụ). Lúa nương đã trồng so với kế hoạch đạt 154% (3.788 ha). Nếu thống kê đầy đủ diện tích do xã viên làm riêng thì lúa nương năm nay có khả năng cũng đạt xấp xỉ bằng năm ngoái.

Khâu làm đất đậu tương ở vùng cao do mưa nhiều nên tốc độ bị chậm. Khoai lang vụ thu cũng mới trồng được khoảng 100 ha, v.v..

Đang tiếp tục chỉ đạo hoàn thành dứt điểm vùng rau tập trung theo quy hoạch đã xây dựng để nhanh chóng đi vào sản xuất; chuẩn bị nội dung để tiến hành đại hội nông dân tập thể toàn tỉnh, và tổng kết 6 năm thực hiện cuộc vận động định canh định cư, v.v..

Đã tiến hành họp tổng kết công tác thủy lợi năm 1974, bàn nhiệm vụ sản xuất đông xuân 1975-1976, tổng kết công tác phòng chống bão lũ và phát động đẩy mạnh phong trào thi đua hoàn thành nhiệm vụ sản xuất vụ mùa năm 1975.

2. Về công nghiệp

Hiện tượng mất cân đối vẫn chưa được giải quyết căn bản: Một số cơ sở không đủ nguyên vật liệu để sản xuất (thiếu đậu tương để

sản xuất nước chấm, thiếu dược liệu để sản xuất thuốc, thiếu hộp để sản xuất hoa quả đóng hộp, thiếu phụ tùng thay thế, sửa chữa ô tô, hơn nữa trong tháng phần đông các cơ sở lại có dịch đau mắt, tỷ lệ lao động phải nghỉ sản xuất chiếm khá lớn (có cơ sở phải nghỉ gần 800 công) đã làm cho tốc độ sản xuất giảm sút so với tháng trước cả về giá trị tổng sản lượng lẫn mặt hàng chủ yếu. Một vài cơ sở có cố gắng tìm mặt hàng thay thế vừa để có công ăn việc làm cho công nhân, vừa để có hàng phục vụ nhưng cũng chỉ giải quyết có tính chất tạm thời.

Giá trị tổng sản lượng trong tháng ước đạt: 1.012.300 đồng, so với tháng trước chỉ bằng 92,8%.

- Về xây dựng cơ bản: Một số công trình đang được bổ sung thêm lao động nên tốc độ thi công có khá hơn so với tháng trước. Song, vì thiếu nhiều lao động có kỹ thuật và các vật liệu chủ yếu (sắt, thép, gỗ...) đã làm cho tốc độ xây dựng cơ bản tiến triển rất chậm.

Tổng mức đầu tư tháng này ước đạt 442.700 đồng, so với tháng trước tăng khoảng 20,5%.

- Về vận tải: Do thiếu phụ tùng để thay thế nên phương tiện cơ giới hỏng, không được sửa chữa, giải phóng kịp thời, do đó công tác vận tải hàng hóa gặp nhiều khó khăn. Lực lượng vận tải thô sơ chưa được huy động, tận dụng đúng mức.

- Công tác vận tải hành khách vẫn giữ được mức bình thường, so với tháng trước có tăng hơn chút ít. Song thái độ phục vụ hành khách nhiều mặt còn thiếu văn minh, thuận tiện...

Tổng khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển tháng này ước đạt 10.743 về tấn và 198.790 tấn/km, so với tháng trước tăng khoảng 29% về tấn và chỉ bằng khoảng 94,4% về tấn/km.

Tổng khối lượng hành khách tháng này ước đạt 15.000 lượt người và 600.000 lượt người/km, so với tháng trước tăng khoảng 26% về lượt người, khoảng 6,3% về lượt người/km.

3. Về tài chính, thương nghiệp

a) Công tác thu mua, nắm nguồn hàng: Do sản xuất bị giảm

sút, công tác quản lý thị trường thiếu chặt chẽ, công tác vận động thu mua, giáo dục nghĩa vụ đối với Nhà nước đều làm chưa tốt nên đã ảnh hưởng đến kết quả mua vào, làm cho lực lượng dự trữ ở kho cũng rất mỏng.

Kết quả tổng giá trị mua vào: Thực phẩm nông sản ước đạt 400.000 đồng, bằng 29,62% so với kế hoạch quý III-1975. Hàng công nghệ phẩm ước đạt 383.000 đồng, bằng 27,1% so với kế hoạch quý III-1975. Hàng Trung ương cung cấp ước đạt 1.200.000 đồng, bằng 28,8% so với kế hoạch quý III-1975.

b) Công tác phân phối bán ra: Đã có cố gắng khơi luồng, khăn trương tiếp nhận hàng hóa ở xuôi lên để có thêm mặt hàng phục vụ. Ngoài các loại hàng cung cấp theo tiêu chuẩn, định lượng tháng này còn bán thêm cho các đối tượng có phiếu cung cấp thực phẩm một số mặt hàng như: cá khô, cá hộp, mắm tôm, nước mắm, đường kính... nên đã nâng mức cung cấp hai bữa ăn chính của các bếp ăn tập thể lên được ít nhiều.

Song một số mặt hàng thiết yếu vẫn không đủ để bán. Phương thức phân phối bán ra còn có mặt chưa thật thuận tiện, hợp lý, song chưa được các ngành có trách nhiệm quan tâm, đôn đốc, kiểm tra để cải tiến, còn gây nhiều phiền phức cho người tiêu dùng và lãng phí lao động xã hội.

Tổng giá trị bán ra tháng này ước đạt 1.994.500 đồng, so với tháng trước tăng 5,3% và bằng 27% so với kế hoạch quý III-1975.

c) Công tác quản lý thị trường giá cả: Tuy đã tổ chức phổ biến, học tập và đang thời kỳ thực hiện Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị, nhưng do sự phối hợp giữa các ngành có trách nhiệm còn thiếu ăn khớp, chặt chẽ nên công tác quản lý thị trường còn có nhiều sơ hở, lỏng lẻo. Một số người bỏ sản xuất ra buôn bán trái phép vẫn còn đông. Giá cả một số mặt hàng chủ yếu trên thị trường tự do có chiều hướng ngày càng tăng, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của người lao động.

4. Công tác văn xã

- Tiếp tục chỉ đạo các hoạt động trong dịp hè cho thiếu niên, học sinh (chọn cử những cháu ngoan Bác Hồ xuất sắc cho đi nghỉ hè và tham quan ở Hà Nội, Hải Phòng, Sa Pa) và bố trí lớp bồi dưỡng hè cho giáo viên.

- Thi hành chỉ thị của Ban Bí thư, công tác thương binh - xã hội đã được quan tâm chỉ đạo. Đã tổ chức học tập sâu rộng thư của Chủ tịch Tôn Đức Thắng gửi các đồng chí thương binh, bệnh binh, các gia đình liệt sĩ, gia đình bộ đội nhân lễ mừng chiến thắng vĩ đại của cả dân tộc và bài nói của đồng chí Dương Quốc Chính, Bộ trưởng Bộ Thương binh và Xã hội.

Ngày 27-7-1975, ở tỉnh và các huyện, thị xã đã tổ chức viếng mộ liệt sĩ và tiếp xúc, tọa đàm với các gia đình thương binh, liệt sĩ, bộ đội, v.v..

5. Công tác nội chính

Tình hình trị an biên giới, nội địa trong tháng vẫn được ổn định. Hoạt động của bọn phản cách mạng chưa thấy có biểu hiện gì lớn. Do tác động của thắng lợi vĩ đại của dân tộc, bọn tội phạm đang bị giam giữ nói chung có chuyển biến cải tạo tiến bộ hơn trước.

Tuy nhiên, tình hình cúng đón “vua” trong một số vùng đồng bào dân tộc Dao vẫn còn diễn biến âm ỉ và mới đây lại tiếp tục xuất hiện luận điệu “vua Dáy” sắp ra ở Bản Náng (Bát Xát): Có một số đối tượng đã đánh 6 con dao găm phân phát cho một số người nói là để giết người Kinh...

Tình hình giải quyết các vụ án tồn đọng quá lâu chưa được chú ý chỉ đạo. Công tác điều tra, lập hồ sơ và xét xử một số vụ án chưa kịp thời và sự phối hợp chưa được chặt chẽ.

6. Công tác xây dựng Đảng

Việc triển khai bước hai đợt sinh hoạt chính trị học tập và thực hiện Nghị quyết 23 vẫn được tiếp tục chỉ đạo và đang tiến hành kiểm điểm cá nhân kết hợp với nội dung đại hội đảng bộ tỉnh. Tỉnh ủy đã

triệu tập hội nghị cán bộ hướng dẫn kế hoạch tiến hành tổ chức đại hội các chi bộ, đảng bộ thảo luận báo cáo và phương hướng của Đại hội đảng bộ tỉnh, phân bố đại biểu và bước đầu đã nghiên cứu chuẩn bị nhân sự cấp ủy tỉnh để báo cáo với Trung ương.

Về chỉ đạo thực hiện Chỉ thị 192 vẫn được tiến hành theo kế hoạch. Hiện nay đang tập trung học tập và triển khai trong toàn thể đảng viên thuộc Đảng bộ Dân Chính Đảng tỉnh. Việc xét duyệt và xử trí kỷ luật đảng viên trong cuộc vận động đã đảm bảo chặt chẽ và thận trọng hơn trước.

CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC THÁNG 8

- Tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh phong trào thi đua lập thành tích chào mừng ngày kỷ niệm Cách mạng Tháng Tám và 30 năm ngày thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, chào mừng Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI với nội dung cụ thể, thiết thực, tập trung phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch nhà nước. Trong nông nghiệp, phấn đấu đạt và vượt mức diện tích gieo trồng, năng suất lúa, ngô, khoai lang, sò để bù sản lượng lương thực vụ xuân bị hụt... Trong công nghiệp, tài chính - thương nghiệp, cố gắng khắc phục khó khăn, giải quyết vấn đề mất cân đối, thiếu nguyên vật liệu, thiếu lao động, nâng cao tinh thần trách nhiệm và trình độ quản lý... phấn đấu đạt và vượt mức giá trị tổng sản lượng và các mặt hàng chủ yếu; đẩy mạnh mua vào, bán ra, nhất là trong thu mua lương thực vụ xuân, thu mua đậu tương và lợn choai ở vùng cao.

Tiếp tục bồi dưỡng hè cho giáo viên và chủ động chuẩn bị khai giảng năm học mới các trường phổ thông và chiêu sinh các trường tập trung.

Chỉ đạo, đôn đốc việc chuẩn bị tổ chức lễ kỷ niệm 30 năm ngày thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa từ cơ sở lên tỉnh và chuẩn bị họp Đại hội nông dân tập thể toàn tỉnh vào sau Đại hội Đảng bộ tỉnh.

- Về công tác xây dựng Đảng, tiếp tục chỉ đạo thực hiện Chỉ thị 192, Nghị quyết 23 và hoàn thành đại hội đảng ở các chi bộ, đảng bộ cơ sở. Riêng ở tỉnh, phải gấp rút hoàn thành mọi việc chuẩn bị Đại hội Đảng bộ tỉnh, nhất là bộ phận nội dung, nhân sự để có thể tiến hành Đại hội vào đầu tháng 9-1975...

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC

VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 42- BC/TU, ngày 6-9-1975

Về tình hình công tác tháng 8-1975

Trong tháng 8-1975, công tác chủ yếu của Tỉnh ủy là tập trung lãnh đạo, chỉ đạo phong trào thi đua đẩy mạnh sản xuất vụ mùa, thực hiện kế hoạch nhà nước quý III-1975, đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư và Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị gắn với thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 23, nhằm lập thành tích kỷ niệm lần thứ 30 ngày thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (2-9).

Qua thực hiện, tình hình kết quả thể hiện như sau:

I. SẢN XUẤT, THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC

1. Sản xuất nông - lâm nghiệp được thúc đẩy mạnh mẽ hơn trong phong trào hoàn thành thu hoạch vụ xuân, hoàn thành gieo cấy vụ mùa

Năng suất lúa xuân đã xác định xong, đạt 24,6 tạ/ha, sản lượng đạt 5.513 tấn. Như vậy, so với kế hoạch và so với vụ xuân năm 1974 đều hụt mức (năng suất so kế hoạch đạt 79,8%, so năm 1974 đạt 88,4%; sản lượng so với kế hoạch đạt 74,8%, so năm 1974 đạt 90,87%). Sở dĩ như vậy là do lúc cấy, một số nơi bị hạn nên không đạt được diện tích và việc chăm bón để đảm bảo năng suất theo kế hoạch ở nhiều nơi còn kém.

Về vụ mùa: Diện tích lúa ruộng mùa đã cấy xong, một số diện tích bị cấy muộn (sau tiết lập thu). Toàn tỉnh đạt 7.405 ha, bằng 98,3% kế hoạch và bằng 99,7% so với năm 1974. Số diện tích đã cấy, một vài nơi bị mưa lũ, xói lở, làm thiệt hại một số ruộng (Bát Xát bị mất 21 ha). Đối với các huyện, chỉ có huyện Sa Pa vượt kế hoạch một ít (0,9%) còn chỉ đạt xấp xỉ (Si Ma Cai) hoặc hụt kế hoạch từ 2 đến 4%. Việc chăm bón lúa mùa nói chung còn kém. Phân bón cho ruộng mới đạt bình quân độ 1,26 tấn/ha.

Tình hình lúa nương năm nay vẫn ở chiều hướng phát triển diện tích, qua sơ bộ nắm số liệu thì đã đạt 4.035 ha, bằng 98,4% kế hoạch và bằng 85,1% so với năm 1974. Trong các huyện thì Si Ma Cai, Bắc Hà, Bát Xát đều vượt kế hoạch diện tích lúa nương từ 7 đến 50%.

Đậu tương hè không đạt kế hoạch về diện tích (chỉ đạt 538 ha) và cũng không bằng vụ hè năm 1974 (chỉ bằng 91,6%). Nếu cộng cả diện tích đậu tương vụ xuân vào thì toàn tỉnh đạt 1.135 ha, bằng 78,2% kế hoạch, nhưng tăng hơn năm 1974 được 12,9 %.

Các loại cây trồng khác như ngô hè, khoai lang, mạch hoa (sò), v.v., đều thực hiện dưới mức kế hoạch quá nhiều (ngô hè 167 ha/1.027 ha, khoai lang 65 ha/482 ha, sò 73 ha/1.000 ha).

Tình hình chăn nuôi, nhìn chung phát triển bình thường; đang chuẩn bị điều tra, thống kê đầu gia súc vào ngày 1-10-1975.

Công tác chuẩn bị Đại hội nông dân tập thể toàn tỉnh (theo Chỉ thị 209 của Ban Bí thư) được tiếp tục tiến hành gắn với phong trào sản xuất, củng cố hợp tác xã trong nông thôn. Vấn đề trọng tâm trong thời gian qua là tiếp tục phát động tư tưởng quần chúng xã viên, tích cực giải quyết các vấn đề thuộc về chính sách ruộng đất, tài sản, tiền nong nợ nần, v.v., của hợp tác xã, đồng thời đã chính thức thành lập các hội đồng nông dân tập thể các huyện, sau khi đã được đại hội bầu ra, và chuẩn bị nội dung, chuẩn bị nhân sự tiến tới mở Đại hội nông dân tập thể tỉnh. Tuy vậy, việc giải quyết và sửa chữa các sai sót về các vấn đề thuộc chính sách hợp tác xã, nói chung tiến triển chậm, còn để dây dưa kéo dài, thiếu kiên quyết.

2. Về công nghiệp: Sản xuất trong tháng 8-1975 được đẩy mạnh một số mặt, nhằm phục vụ yêu cầu của dịp 2-9 và yêu cầu của xây dựng và đời sống quần chúng. Do đó, nhiều mặt hàng ở các cơ sở công nghiệp quốc doanh và thủ công nghiệp sản xuất tăng khá so với tháng 7-1975, như: được phẩm, bánh kẹo, nước chấm, gạch, v.v..

Tuy nhiên, do nguyên vật liệu để sản xuất vẫn còn thiếu, nên một số mặt hàng chính để phục vụ sản xuất vẫn chưa đẩy mạnh được (như các loại nông cụ cung cấp cho nông nghiệp). Có xí nghiệp 84% giá trị sản lượng sản xuất trong tháng 8-1975 là những mặt hàng ngoài kế hoạch (xí nghiệp cơ khí).

3. Về xây dựng cơ bản: Tiến độ xây dựng có tăng hơn tháng 7-1975 một phần (tăng 8% về giá trị đầu tư), nhưng vì công nhân và lao động, nguyên vật liệu thiếu, cộng với sự chỉ đạo thi công vẫn thiếu tập trung, đứt điểm nên nói chung tốc độ xây dựng vẫn chậm, nhiều công trình vẫn dây dưa kéo dài hoặc không thực hiện được đúng kế hoạch. Cũng do vậy, tổng vốn đầu tư năm 1975 của toàn tỉnh tính đến hết tháng 8-1975 mới thực hiện được độ 42 % kế hoạch.

4. Về lưu thông, phân phối: Công tác thu mua, thu thuế... lương thực vụ xuân đã nhập kho được 409,6 tấn thóc, bằng 40 % kế hoạch. Như vậy so với cùng kỳ năm 1974 thì có nhanh hơn. Thu mua nông sản, thực phẩm cũng có tăng hơn tháng 7-1975, bằng 191,5% so với tháng 7-1975 về giá trị. Thu mua hàng xuất khẩu cũng tăng hơn tháng 7-1975 (tăng 18,3 % giá trị sản lượng). Tuy vậy một số mặt hàng chính vẫn thu mua được ít (như đậu tương) một phần do sản xuất kém, một phần do việc vận động và tổ chức thu mua từ cơ sở lên còn có khâu chưa được giải quyết tốt.

Việc phân phối, bán ra, do hàng của cấp 1 cung cấp khá lớn nên việc phân phối cũng có tăng hơn tháng trước, trong đó mặt hàng phục vụ đời sống tăng đáng kể trong dịp 2-9 (như thịt, cá hộp, xà phòng, vải, đường, giấy viết...) nhưng cũng còn nhiều mặt hàng thiếu hoặc không có để bán ra (như nước chấm, nước mắm, cá khô, bát ăn cơm, rau xanh, v.v.).

Tình hình giá cả thị trường tự do giảm xuống so với tháng trước (giảm độ 2 %, trong đó thực phẩm giảm 2,5 %).

II. TÌNH HÌNH CÔNG TÁC TRỊ AN, QUÂN SỰ ĐỊA PHƯƠNG

Tình hình an ninh, trật tự xã hội ở nội địa và biên giới nói chung không có diễn biến gì đặc biệt so với trước. Các hiện tượng lẻ tẻ như trộm cắp, buôn lậu, cờ bạc, tai nạn chết người, vượt biên trái phép, v.v. vẫn còn xảy ra, nhưng không có trường hợp nghiêm trọng đáng kể.

Việc tăng cường bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa trong thực hiện nghị quyết 228 của Bộ Chính trị đã và đang tiếp tục tiến hành, một số vụ tham ô, móc ngoặc, xâm phạm tài sản nhà nước... sau khi phát hiện và kết luận đã được giải quyết, xử lý theo chế độ chính sách và pháp luật. Tuy vậy, có những vụ cũng chưa xét định được cụ thể và dứt khoát, do đó chưa phát huy được tác dụng.

Vấn đề “vua” trong dân tộc Dao vừa qua xảy ra ở một số nơi, nay đang tiếp tục giáo dục vận động quần chúng để giải quyết, Tình hình tư tưởng trong quần chúng đã được ổn định lại.

Trong công tác quân sự, tháng qua Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh đã thành lập được đơn vị bộ đội xây dựng kinh tế địa phương. Từ đơn vị bước đầu này sẽ dần dần phát triển tăng lên về số lượng trong thời gian tới.

III. CÔNG TÁC ĐẢNG, TỔ CHỨC - CÁN BỘ

Công tác tuyên truyền giáo dục tháng qua đã tập trung vào việc tiếp tục quán triệt tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 23, giáo dục ý nghĩa, nội dung kỷ niệm ngày 2-9 năm nay. Qua đó, đã động viên cán bộ, đảng viên và quần chúng thi đua lao động sản xuất, công tác tốt hơn.

Việc tổ chức kỷ niệm ngày 2-9 năm nay đã được tiến hành trọng thể, nói chung gây được khí thế hào hứng phấn khởi.

Công tác chuẩn bị Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ sáu đã được gấp rút tiến hành. Đến nay đại hội đảng bộ từ cơ sở lên để thảo luận báo cáo của Tỉnh ủy và bầu đại biểu đi dự Đại hội tỉnh đều đã hoàn thành. Báo cáo về tình hình và phương hướng, nhiệm vụ mới của Tỉnh ủy chuẩn bị đã gửi lên Ban Bí thư để xin xét duyệt. Công tác nhân sự cho Đại hội cũng đã chuẩn bị căn bản xong.

Về công tác thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư, tháng qua đã tiếp tục triển khai thêm ở các cơ sở đảng. Tính đến nay, 100% (131/131) số cơ sở nông thôn và 91,5 % (208/223) số cơ sở cơ quan, xí nghiệp đã và đang tiến hành, trong đó 93 cơ sở nông thôn và 43 cơ sở cơ quan, xí nghiệp đã tổng kết đợt vận động. Đi đôi với việc triển khai các đợt đang làm, Tỉnh ủy cũng đã bắt đầu chỉ đạo tiến hành việc tổng kết thí điểm, chuẩn bị cho tổng kết toàn cuộc khi kết thúc toàn tỉnh. Nhìn chung, bước đi trong thực hiện Chỉ thị 192 có tiến bộ hơn trước, nhưng vẫn có nơi tiến chậm, xem xét và giải quyết vấn đề chưa dứt điểm.

Về công tác tổ chức - cán bộ: Tỉnh đã tập trung vào công tác sắp xếp, điều động cán bộ đi vào miền Nam, giải quyết vấn đề nâng bậc lương năm 1975 và đã tiếp tục đề bạt một số cán bộ cho các ngành, các huyện, thị để tiếp tục kiện toàn bộ máy tỉnh, huyện.

IV. NHẬN XÉT CHUNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC THÁNG 9-1975

Trong tháng 8-1975, nhìn chung do tiếp tục quán triệt Nghị quyết Hội nghị trung ương lần thứ 23 và với tinh thần thi đua, phấn khởi đối với ngày kỷ niệm 2-9, nên phong trào trên nhiều mặt được đẩy mạnh hơn. Sản xuất có tiến bộ hơn tháng trước. Đời sống quần chúng được giải quyết, phục vụ tốt hơn. Công tác Đảng được đẩy mạnh tiến độ trong việc thực hiện Chỉ thị 192 của Ban

Bí thư và chuẩn bị Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ sáu. Tuy vậy, phong trào vẫn không phát triển đều, khí thế mạnh mẽ trong sản xuất và công tác còn hạn chế. Việc tổ chức thực hiện còn nhiều khâu vẫn thiếu sót. Do vậy, các công tác chính của tháng 9-1975 phải thực hiện như sau:

1. Đẩy mạnh khí thế thi đua chăm bón vụ mùa, tăng tốc độ thực hiện kế hoạch trong các ngành công nghiệp, lưu thông phân phối, xây dựng cơ bản, v.v.. Hoàn thành ba thu vụ xuân. Đẩy mạnh hơn nữa thu mua nông - lâm sản và các hàng xuất khẩu.

2. Tích cực thực hiện Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị gắn với đẩy mạnh tăng cường quản lý kinh tế ở các cơ sở; xem xét và giải quyết dứt điểm các vụ đã phát hiện.

3. Tiếp tục làm tốt công tác trị an xã hội nội địa, biên giới, tiếp tục điều tra xem xét và xử lý giải quyết các vụ phạm pháp một cách kịp thời.

4. Hoàn thành công tác chuẩn bị về mọi mặt và tiến hành mở Đại hội nông dân tập thể ở tỉnh. Trên cơ sở đó thúc đẩy phong trào củng cố, xây dựng các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp tiến bộ thêm.

5. Tăng cường chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư trong các cơ sở làm còn dở dang và đang đi vào bước 1, bước 2, đồng thời tăng cường công tác xây dựng Đảng về mọi mặt giáo dục, bồi dưỡng đảng viên và tuyên truyền kết nạp đảng viên mới.

6. Tiếp tục hoàn chỉnh các mặt, các việc trong việc chuẩn bị Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI. Sơ kết bước hai việc học tập và thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 23.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC

VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG TRI CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 92/TT-TU, ngày 10-8-1975

Về việc tổng kết cuộc vận động “Nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh”

Cuộc vận động “Nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh” ở tỉnh ta được triển khai thực hiện kể từ đầu năm 1970, đến nay, việc thực hiện dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, các ban, đảng đoàn đã sắp kết thúc. Để đảm bảo cho việc tổng kết Cuộc vận động này được tốt, căn cứ vào hướng dẫn tại Thông tri số 49/TT-BCĐ ngày 28-2-1974 của Ban Chỉ đạo Cuộc vận động “Nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh” của Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề ra việc tổng kết trong tỉnh ta như sau:

A- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, TỔNG KẾT

1. Đánh giá đúng mức kết quả và tồn tại của Cuộc vận động; đánh giá rõ hơn, cụ thể hơn tình hình cơ bản của tổ chức cơ sở Đảng và đội ngũ đảng viên.

2. Trên cơ sở đó mà rút ra bài học cần thiết của công tác xây dựng Đảng trong thời gian vừa qua mà có chủ trương, kế hoạch cụ thể để tăng cường công tác Đảng theo tinh thần Nghị quyết hội nghị lần thứ 23 của Trung ương Đảng, tạo ra sức mạnh mới, bảo

đảm lãnh đạo hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ chính trị trước mắt và lâu dài của Đảng.

B. NỘI DUNG TỔNG KẾT

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ VÀ TỒN TẠI CỦA CUỘC VẬN ĐỘNG

1. Khái quát tình hình thực hiện nhiệm vụ chính trị và các mặt công tác xây dựng Đảng trước khi bước vào cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh.

2. Kết quả và tồn tại của Cuộc vận động. Dựa vào mục đích, yêu cầu và ba việc chính của Cuộc vận động: việc giáo dục, bồi dưỡng đảng viên về các mặt chính trị, văn hóa, khoa học kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ; việc kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh; việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng, để kiểm điểm đánh giá trên các mặt nhận thức, tư tưởng, tinh thần phấn đấu cách mạng, ý thức tổ chức kỷ luật, ý thức trách nhiệm và năng lực hành động của tổ chức đảng và đảng viên mới đối với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; làm trong sạch tổ chức của Đảng; tăng cường đoàn kết nhất trí, nâng cao sức chiến đấu của Đảng và tăng cường mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng.

II. ƯU, KHUYẾT ĐIỂM VỀ SỰ LÃNH ĐẠO VÀ CHỈ ĐẠO CỦA CẤP ỦY ĐỐI VỚI CUỘC VẬN ĐỘNG

Phần này chú ý mấy vấn đề:

1. Tổ chức quán triệt nghị quyết 195 của Bộ Chính trị, các chỉ thị 175, 192 của Ban bí thư Trung ương Đảng trong cấp ủy.

2. Xác định mục đích, yêu cầu, đề ra quy hoạch và kế hoạch tiến hành Cuộc vận động trong đảng bộ cấp mình.

3. Việc phân công, phân nhiệm trong cấp ủy; việc huy động, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ và chỉ đạo phối hợp giữa các Ban Tuyên huấn, Tổ chức, Kiểm tra phục vụ cho cuộc vận động.

III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CƠ BẢN CỦA TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG VÀ ĐỘI NGŨ ĐẢNG VIÊN VÀ NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG

Qua việc nghiên cứu tình hình tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên trong quá trình tiến hành Cuộc vận động nói chung và đưa ra những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng nói riêng và căn cứ vào tình hình thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng mà đánh giá:

1. Tình hình cơ bản của tổ chức cơ sở đảng: Sau khi đánh giá chung mặt mạnh, mặt yếu của tổ chức cơ sở Đảng đã quy định, gắn với nội dung quy định nêu trong nghị quyết hội nghị Trung ương lần thứ 23 của Trung ương Đảng, cần đánh giá một cách cụ thể:

- Số chi, đảng bộ cơ sở vững vàng về chính trị, trong sạch về tổ chức, nội bộ đoàn kết nhất trí, có năng lực lãnh đạo hoàn thành mọi nhiệm vụ chính trị của Đảng.

- Số chi, đảng bộ yếu hoặc thiếu một hoặc hai yêu cầu nói trên.

- Số chi, đảng bộ kém, nát.

Từng loại nói trên, cần nói rõ biểu hiện chủ yếu của mỗi loại và phân tích rõ nguyên nhân.

2. Tình hình cơ bản của đội ngũ đảng viên: Sau khi đánh giá mặt mạnh, mặt yếu chung của đảng viên, cần căn cứ vào Thông tri số 315-TT/TW ngày 20-4-1975 về “chế độ nhận xét đảng viên” của Ban Bí thư Trung ương Đảng mà đánh giá cụ thể:

- Số đảng viên ưu tú, gương mẫu thực sự đủ tiêu chuẩn đảng viên (thể hiện ở các vấn đề: có lập trường quan điểm vững vàng; đạo đức, tác phong tốt; gương mẫu trước quần chúng; được quần chúng tín nhiệm; có năng lực tuyên truyền vận động lãnh đạo

quần chúng thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng trong phạm vi chức trách của mình, và không có sai lầm gì lớn).

- Số không đủ tư cách đảng viên theo ba loại đã nêu trong Chỉ thị 192 của Ban Bí thư và những biểu hiện chủ yếu mỗi loại.

- Số đảng viên không thuộc hai loại nói trên và những biểu hiện chủ yếu của mỗi loại.

Mốc thời gian để đánh giá từ năm 1965, nhưng chủ yếu là từ năm 1970 đến nay.

3. Những bài học bổ ích cho công tác xây dựng Đảng

Từ đánh giá kết quả và tồn tại của cuộc vận động đánh giá tình hình cơ bản của tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên phân trên, mà rút ra những bài học sau đây:

- Nhận thức của các cấp ủy về vị trí, tầm quan trọng của công tác xây dựng Đảng.

- Nhận thức và vận dụng phương châm “công tác xây dựng Đảng phải gắn chặt với nhiệm vụ chính trị của Đảng” và phương châm “dựa vào quần chúng để xây dựng Đảng, để kiểm tra công tác và phẩm chất của các tổ chức đảng và của các đảng viên”.

- Việc kết hợp giữa các mặt công tác tư tưởng, tổ chức và kiểm tra trong công tác xây dựng Đảng.

- Những bài học cụ thể về từng mặt công tác giáo dục, bồi dưỡng, quản lý đảng viên, phát triển Đảng và giữ gìn kỷ luật của Đảng.

C. MỘT SỐ ĐIỂM CẦN CHÚ Ý ĐỂ BẢO ĐẢM CHO VIỆC TỔNG KẾT TỐT CUỘC VẬN ĐỘNG ĐẠT KẾT QUẢ

1. Trước hết, cần xác định rõ lần này tiến hành tổng kết là tổng kết toàn bộ Cuộc vận động “Nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh”, do đó phải coi trọng đúng mức cả ba nội dung: giáo dục bồi dưỡng đảng viên, kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh và đưa ra những người không đủ tư cách

đảng viên ra khỏi Đảng. Mặt khác, phải nhận rằng tổng kết là bước thu hoạch kết quả cả quá trình thực hiện Cuộc vận động. Có làm tốt việc này mới đánh giá đúng đắn kết quả đã đạt được, và những tồn tại phải giải quyết tiếp để có kế hoạch củng cố, phát huy kết quả; mới phát hiện và đề xuất được những vấn đề cần thiết cho công tác Đảng dần dần đi vào nền nếp, vững chắc, theo tinh thần hội nghị lần thứ 23 của Trung ương Đảng.

2. Với tầm quan trọng nêu trên, mỗi cấp ủy cần nghiên cứu kỹ Thông tri này để nắm vững mục đích, yêu cầu tổng kết xác định quyết tâm, và vạch ra kế hoạch tổng kết chung trong toàn đảng bộ: xác định nơi trọng tâm, trọng điểm để tập trung lực lượng tập trung chỉ đạo; đồng thời phân công đồng chí chuyên theo dõi, chỉ đạo; tổ chức phổ biến cho cấp dưới và các cán bộ giúp việc để mỗi cấp, mỗi người đều có ý thức đi sâu vào công việc được phân công, phục vụ cho việc tổng kết đạt kết quả tốt nhất. Hết sức tránh chủ quan, đơn giản, để cho cơ sở tự làm một cách đồng loạt mà không có chỉ đạo, kiểm tra, uốn nắn những sai sót kịp thời.

3. Ở mỗi cấp, các Ban Tuyên huấn, Tổ chức, Ủy ban Kiểm tra phải thực sự làm tham mưu cho cấp ủy đối với việc tổng kết. Mặt khác, phải tăng cường chỉ đạo việc thống kê, bảo đảm thu thập đầy đủ, chính xác các số liệu thống kê của tất cả các cơ sở đã làm xong Cuộc vận động, chú trọng số nơi tiêu biểu về từng mặt để làm cơ sở cho việc đánh giá tình hình của đảng bộ, và tình hình riêng ở một số nơi có những nét tiêu biểu đặc biệt.

4. Từng cấp đều phải có chỉ đạo tổng kết từ một vài nơi, rồi thông qua đó rút kinh nghiệm mới làm rộng. Về cách làm phải tổng kết từ dưới lên, từng đảng viên rồi đến chi bộ và đảng bộ cơ sở, sau đó mới tổng kết ở cấp huyện, thị hoặc cấp tương đương và cấp tỉnh.

Quá trình tiến hành tổng kết ở từng cơ sở, từng cấp, phải là quá trình tiếp tục giáo dục nâng cao ý thức trách nhiệm của các cấp ủy đảng và toàn thể đảng viên, đẩy mạnh hơn nữa tự phê bình và phê bình, nhận rõ đúng, sai; trên cơ sở đó mà giải quyết

thật tốt một số tồn tại có thể và cần phải giải quyết kịp thời; xử trí dứt điểm số phải xử nhưng chưa xử; xét và giải quyết số đảng viên đã hết hạn bị lưu lại trong Đảng và số đảng viên trình độ giác ngộ chính trị quá thấp đã được tổ chức kiên trì giúp đỡ và đã hết thời hạn phấn đấu nhưng không tiến bộ; xử trí tiếp các trường hợp còn sót trong khi thực hiện Chỉ thị 192 và những trường hợp mới sai phạm đã rõ ràng, chú ý những trường hợp cố tình không thi hành nghị quyết của Đảng, hoạt động bè phái, ức hiếp quần chúng, đàn áp những người dám đấu tranh bảo vệ đường lối, chính sách của Đảng, những trường hợp quan liêu, độc đoán, lợi dụng móc ngoặc lấy cấp tài sản xã hội chủ nghĩa, làm ăn phi pháp, gây rối trật tự trị an, sinh hoạt đồi trụy, v.v..

5. Căn cứ vào Thông tri này, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy sẽ xây dựng kế hoạch thực hiện việc tổng kết, chọn một vài nơi tổng kết thử để rút kinh nghiệm, Ban Tổ chức Tỉnh ủy sẽ lựa chọn một số cán bộ chất lượng chủ yếu trong các Ban xây dựng Đảng và một số ngành hữu quan để đi chỉ đạo tổng kết thử. Việc tổng kết thử ở đâu thì cấp ủy ở đó đứng ra chủ trì lãnh đạo, chỉ đạo việc tổng kết, có sự tham gia của ba ban: Tuyên huấn, Tổ chức, Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy. Sau khi tiến hành xong việc tổng kết thử, Ủy Ban Kiểm tra Tỉnh ủy sẽ cùng hai ban Tổ chức và Tuyên huấn Tỉnh ủy rút kinh nghiệm việc tổng kết đó và xây dựng kế hoạch việc tổng kết mở diện để báo cáo Tỉnh ủy cho mở hội nghị triển khai. Các vấn đề này giữa ba ban: Tổ chức, Tuyên huấn, Kiểm tra Tỉnh ủy sẽ cùng nhau bàn bạc trước, sau đó thường trực Tỉnh ủy sẽ nghe và cho ý kiến thêm trước khi tiến hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Q. BÍ THƯ

NÔNG CÔNG THƯỜNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 43 -BC/TU, ngày 15-10-1975

Về việc tổng kết Lớp Đại học kinh tế - kỹ thuật công nghiệp tỉnh Lào Cai

Tháng 7-1974, Lớp đại học quản lý kinh tế nông nghiệp do Trường Đại học Nông nghiệp I giúp tỉnh ta đã kết thúc tốt đẹp.

Năm nay tỉnh ta lại kết thúc Lớp Đại học kinh tế - kỹ thuật công nghiệp do Trường Đại học Bách khoa giúp, với những thắng lợi mới rất đáng phấn khởi.

Kết thúc lớp đại học thứ hai của tỉnh ta bằng hình thức học tập tại chức giữa lúc cả nước ta đã hoàn toàn đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược ác liệt, tàn bạo nhất trong lịch sử, cả nước được hoàn toàn giải phóng, cả nước được hoàn toàn độc lập, tự do và vĩnh viễn độc lập tự do; giữa lúc đất nước ta bước vào thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội với quy mô lớn trong hòa bình; giữa lúc tỉnh Lào Cai chúng ta đã được Đảng và Chính phủ duyệt phương hướng phát triển công - nông - lâm nghiệp với quy mô lớn, tốc độ nhanh, thắng lợi trong sự nghiệp bồi dưỡng, đào tạo cán bộ kinh tế - kỹ thuật và quản lý kinh tế này có thể nói là một sự kiện có ý nghĩa rất sâu sắc đối với Đảng bộ ta.

Trong không khí vô cùng phấn khởi này, tôi thay mặt Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ủy ban Hành chính tỉnh Lào Cai tổng kết

một số thắng lợi mới nữa trong sự nghiệp đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật và quản lý kinh tế của tỉnh ta.

I. CHỦ TRƯỞNG MỞ LỚP ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP CHO CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO TRONG TỈNH

Lào Cai là một tỉnh công- nông - lâm nghiệp; trong đó công nghiệp chiếm vị trí ngày càng đặc biệt quan trọng. (Nếu năm 1975, giá trị tổng sản lượng công nghiệp - thủ công nghiệp chiếm 57% tổng giá trị sản lượng công - nông - lâm nghiệp trong tỉnh, thì năm 1980 theo kế hoạch giá trị sản lượng công nghiệp chiếm 85% tổng giá trị sản lượng công - nông - lâm nghiệp trong tỉnh). Là một tỉnh vùng cao, biên giới, có trên 20 dân tộc, tài nguyên, khí hậu có nhiều thuận lợi, khoáng sản phong phú đặc biệt dồi dào. Ngay sau ngày hòa bình 1954, Lào Cai đã ngày càng nhiều cơ sở xí nghiệp của Trung ương được xây dựng như Mỏ apatít, Nhà máy điện, các đoàn Địa chất... cộng với mạng lưới công nghiệp và thủ công nghiệp địa phương được phát triển tương đối toàn diện đã làm cho nền công nghiệp trong tỉnh có những sắc thái riêng biệt. Trong tương lai, theo kế hoạch của Nhà nước, Lào Cai sẽ là một tỉnh công nghiệp khai khoáng và chế biến lớn, đồng thời là một tỉnh nông - lâm nghiệp phát triển nhiều mặt mạnh mẽ làm cơ sở cho công nghiệp phát triển gấp bội.

Trong quá trình phấn đấu thực hiện các nghị quyết của Trung ương Đảng, Chính phủ, nhằm phát huy thế mạnh của mình, đưa Lào Cai đi lên chủ nghĩa xã hội, làm tròn nhiệm vụ của hậu phương lớn... Các mặt công - nông - lâm nghiệp, văn hoá - kỹ thuật tỉnh ta đã thu được những thành tích to lớn, tương đối toàn diện và rất căn bản. Nhưng đồng thời chúng ta cũng ngày càng nhận rõ nhiều khuyết điểm tồn tại và hạn chế, đã và đang trở ngại đến tốc độ phát triển mạnh mẽ khả năng tiềm tàng to lớn của tỉnh ta.

Điều nổi bật là trình độ văn hoá- khoa học kỹ thuật và quản lý kinh tế của cán bộ, đảng viên, trước hết là trong cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành, còn quá thấp.

Mặt khác, do đường lối, chủ trương của Trung ương phát triển kinh tế miền núi và do tốc độ phát triển công - nông - lâm nghiệp trong tỉnh nên đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật tỉnh ta ngày càng lớn lên nhanh chóng. Nếu trình độ của cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo không được nâng lên, sẽ hạn chế không nhỏ đến việc quản lý, sử dụng phát huy khả năng của đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, đáp ứng yêu cầu của quy luật xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Riêng trong công nghiệp, tuy yêu cầu lớn, nhưng cán bộ kỹ thuật được đào tạo có hệ thống mới chỉ chiếm 5% trong tổng số cán bộ khoa học kỹ thuật. Trên 70% cán bộ quản lý các ngành công nghiệp chưa được qua đào tạo ở trường lớp.

Thực tế trên đây đã được Nghị quyết số 142 ngày 28-6-1966 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng về vấn đề đào tạo và bồi dưỡng cán bộ khoa học kỹ thuật và quản lý kinh tế soi sáng: "Chúng ta phải tranh thủ một thời gian tương đối ngắn, xây dựng cho được một đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và cán bộ quản lý kinh tế đông đảo, vững mạnh, ngày càng hoàn chỉnh về trình độ và ngành nghề, vừa có phẩm chất chính trị tốt, tuyệt đối trung thành với Đảng, với giai cấp công nhân, với dân tộc, liên hệ chặt chẽ với công nông, vừa có trình độ khoa học, kỹ thuật và nghiệp vụ giỏi, nắm vững được những quy luật của tự nhiên và quy luật của xã hội, có năng lực tổ chức và động viên quần chúng, đủ sức giải quyết những vấn đề khoa học kỹ thuật và quản lý kinh tế do thực tiễn nước ta đề ra, và có khả năng tiến kịp trình độ khoa học kỹ thuật tiên tiến trên thế giới.

Nghị quyết 142 còn chỉ rõ: "... cán bộ hoạt động lâu năm cần có chế độ và hình thức thích hợp bồi dưỡng..." và "phải có quyết tâm khắc phục khó khăn để đẩy mạnh hơn nữa việc đào tạo và bồi dưỡng cán bộ bằng hình thức học tại chức...".

Thủ tướng Chính phủ ra Chỉ thị 49 đã nêu: "Bồi dưỡng, nâng cao trình độ khoa học, kỹ thuật và quản lý kinh tế cho cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, cán bộ hoạt động cách mạng lâu năm nhằm tạo điều kiện để anh chị em làm tốt hơn công tác đã được giao phó...". Chỉ thị 49 còn xác định rõ: "... tham gia học tập tại chức vừa là quyền lợi, vừa là nhiệm vụ để đưa việc học tập tại chức thành một phong trào quần chúng rộng rãi vững mạnh, liên tục".

Nghị quyết 142 - TW và Chỉ thị 49 đã thực sự bồi dưỡng thêm quyết tâm và nâng cao thêm tinh thần trách nhiệm của Tỉnh ủy về sự nghiệp bồi dưỡng, nâng cao trình độ khoa học kỹ thuật, quản lý kinh tế cho cán bộ, đảng viên... để đáp ứng yêu cầu rất nặng nề của nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn mới.

Xuất phát từ quyết tâm và ý thức nghiêm chỉnh thực hiện nghị quyết của Đảng, Chính phủ với tinh thần trách nhiệm đầy đủ của mình trước tình hình cụ thể và yêu cầu của nhiệm vụ, Tỉnh ủy đã bàn bạc và tiến hành những việc như:

- Bồi dưỡng, sử dụng số cán bộ khoa học kỹ thuật và quản lý kinh tế đã có, đồng thời tích cực và mạnh dạn đào tạo đội ngũ cán bộ công nhân kỹ thuật của địa phương, đặc biệt là số con em người các dân tộc miền núi.

- Riêng đối với cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo ở tỉnh và huyện, thị xã, tỉnh ta đã có nhiều biện pháp và nhiều hình thức bồi dưỡng về văn hóa, chính trị, nghiệp vụ. Song chúng ta đều biết các hình thức học tập trung đối với cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo, nhất là đối với các đồng chí chủ chốt ở từng cương vị, từng ngành, chúng ta đã gặp rất nhiều khó khăn.

Chúng ta đã mạnh dạn đi vào con đường đào tạo tại chức như Nghị quyết 142 đề ra và đã được các trường đại học hết sức giúp đỡ. Trường Đại học Nông nghiệp I năm 1968 đã giúp tỉnh ta mở lớp quản lý kinh tế nông nghiệp tại Lào Cai kết thúc giữa năm 1974. Năm 1971, Trường Đại học Bách khoa giúp ta mở Lớp kinh

tế - kỹ thuật cho cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo mà hôm nay kết thúc thắng lợi tại đây.

Mặc dầu trong hoàn cảnh cả nước có chiến tranh, nhất là giữa lúc cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc của giặc Mỹ với mọi âm mưu hòng đẩy miền Bắc "trở lại thời kỳ đồ đá" như chúng tuyên bố, thì Lào Cai chúng ta đã mở thêm các lớp đại học để đáp ứng yêu cầu xây dựng chủ nghĩa xã hội ngay trong chiến tranh và còn là để chuẩn bị cho thời kỳ xây dựng với quy mô lớn.

Thắng lợi của Lớp Đại học kinh tế - kỹ thuật lần này cộng với thắng lợi của lớp đại học quản lý kinh tế nông nghiệp năm 1974, đã là những thực tế sinh động rất đáng tự hào, rất đáng phấn khởi, để động viên tỉnh chúng ta, động viên mỗi cán bộ đảng viên chúng ta thêm quyết tâm học tập rèn luyện, nâng cao trình độ khoa học kỹ thuật và quản lý kinh tế của mình để hoàn thành nhiệm vụ mà Đảng, Chính phủ giao phó.

II. QUÁ TRÌNH PHẤN ĐẤU ĐỂ ĐƯA LỚP KINH TẾ - KỸ THUẬT ĐẾN THÀNH CÔNG

Đường lối Nghị quyết của Trung ương Đảng nói chung và trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng cán bộ khoa học kỹ thuật nói riêng, là hoàn toàn đúng đắn.

Thực hiện nghị quyết của Trung ương, tỉnh ra đã đề ra chủ trương đề nghị các trường đại học mở các lớp học tại chức và được các trường Đại học Nông nghiệp I, Đại học Bách khoa ủng hộ.

Vấn đề chúng ta cần rút ra ở đây là: Những yếu tố đã đưa lớp kinh tế kỹ thuật này đạt kết quả. Ta thường nói đường lối, chủ trương đã đúng, thì quyết tâm và biện pháp tổ chức thực hiện là vấn đề quyết định để biến chủ trương đúng đó thành hiện thực. Đó là vấn đề mà ta cần cố gắng tổng kết, khẳng định để bồi bổ cho công tác tổ chức lãnh đạo sự nghiệp bồi dưỡng, đào tạo cán bộ. Tất nhiên phần nội dung chương trình và phương pháp giảng dạy là

một trong những yếu tố quyết định kết quả của lớp học, những đề nghị để nhà trường giúp ta phân tích đúc kết.

Những quyết tâm và biện pháp phù hợp, đã được thể hiện trong quá trình tổ chức thực hiện:

1. Về công tác chiêu sinh

Với đối tượng là các đồng chí trong Tỉnh ủy, Ủy ban hành chính tỉnh và lãnh đạo, chỉ đạo các ty, một số đơn vị cơ sở và cán bộ nghiên cứu các ban mà tỉnh duyệt 50 đồng chí đi học lớp này là một quyết tâm lớn của Tỉnh ủy, của tập thể các cơ quan có người được đi học. Nhất là trong lúc ấy 47 đồng chí ở đối tượng tương tự đang học lớp quản lý nông nghiệp và hàng trăm đồng chí khác đang học bổ túc văn hóa trong 7 trường phổ thông lao động tỉnh, huyện.

Từ 50 đồng chí, qua 4 năm học tập, nay còn 37 đồng chí dự thi có thể nói tất cả chúng ta đã phải vượt qua rất nhiều khó khăn chồng chất.

Thật vậy, việc nhiều, nhiều cơ quan thiếu lãnh đạo do yêu cầu đi học ở trên, do đi công tác đột xuất... nhiều đồng chí phải vừa học vừa tranh thủ giải quyết công việc. Có những việc do trên triệu tập vào đợt học tập trung, khi về lại phải học đuổi, học bù. Thầy giáo của trường hoặc giáo viên kiêm chức phải giảng lại và phụ đạo. Việc định kỳ học hằng tháng từ 25 đến 30 được duy trì suốt khóa học, có thể nói là một cố gắng lớn và sự tiến bộ chung trong lề lối làm việc của chúng ta.

Nhờ đó mà công việc chung ít bị trở ngại, các đồng chí kể cả các đồng chí lãnh đạo chủ chốt vẫn học được.

Rõ ràng nếu có đủ quyết tâm, biết khéo sắp xếp và có hình thức tổ chức thích hợp, các đồng chí cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo kể cả các đồng chí có trọng trách trong Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh vẫn có thể học tập để nâng cao trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật và quản lý kinh tế.

Cũng qua lớp này, cộng với lớp đại học quản lý kinh tế nông nghiệp, chúng ta càng thêm cơ sở để khẳng định chủ trương bồi

duỡng đào tạo cán bộ lãnh đạo (đã có tuổi) bằng con đường tại chức là tốt, đúng đắn, cách mạng, kinh tế.

2. Quá trình duy trì lớp học

Với đối tượng học viên là trình độ văn hóa như trên, lại học trong điều kiện chiến tranh, cơ sở vật chất trường lớp khó khăn; thầy xa trên 300 cây số đi lại phải qua nhiều trọng điểm địch thường đánh phá ác liệt... lớp học chúng ta đã đạt được kết quả như ngày nay, là một điều có rất nhiều ý nghĩa và nhiều điều đáng nói.

Tỉnh ủy và Ủy ban Hành chính tỉnh quan tâm đặc biệt đến lớp, đã vận dụng các chế độ do Nhà nước quy định để các đồng chí theo học được hưởng đúng các chế độ tập trung, lên lớp, ôn tập... Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính, mà trực tiếp là các đồng chí Phó Bí thư Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch học lớp này luôn gương mẫu, động viên thúc đẩy học viên duy trì học tập và kịp thời đề xuất với tập thể giải quyết các khó khăn để giữ vững lớp, thực hiện nghiêm chỉnh nghị quyết của tập thể.

Một số cơ quan như Văn phòng Ủy ban Hành chính tỉnh, Ty Công nghiệp, Ty Giáo dục, các xí nghiệp được tỉnh giao nhiệm vụ giúp đỡ lớp học về cán bộ hướng dẫn học tập, cơ sở vật chất thiết bị và hậu cần... cũng đã thể hiện rõ sự cố gắng, nhiệt tình đối với lớp học.

Các cơ quan có cán bộ đi học do thông suốt chủ trương của tỉnh đã tạo mọi điều kiện thuận tiện để cán bộ yên tâm theo học.

Đặc biệt là Ban giám hiệu nhà trường và khoa tại chức trường Đại học Bách khoa, đã theo dõi sát tình hình học tập của lớp. Mỗi khi gặp khó khăn nhà trường và khoa tại chức cùng với tỉnh bàn bạc tìm cách giải quyết, giáo viên của trường phải dạy nhiều lớp, nhưng đều đặn, cử những giáo viên nhiều kinh nghiệm giảng dạy lên giúp đỡ lớp Lào Cai.

Năm 1972 khi chiến tranh phá hoại ỏ vào giai đoạn ác liệt nhất; thì cũng là lúc lớp học đang bước vào phần khó khăn nhất của khoa học cơ bản. Trường lớp phải sơ tán, cơ sở vật chất thiếu

thốn, việc tập trung học định kỳ hằng tháng từ 25 đến 30 không thực hiện được. Nếu không có những chủ trương, biện pháp kịp thời, phù hợp, lớp học sẽ chuệch choạc và có khả năng tan vỡ.

Trước tình hình tỉnh quyết tâm duy trì lớp học, nhà trường thấy được những khó khăn của tỉnh, của lớp học, nên đã cử 3 giáo viên khoa học cơ bản, một cán bộ thí nghiệm cùng với các thiết bị thí nghiệm, hóa chất, lên Lào Cai để tiến hành giảng dạy của lớp.

Thời kỳ khó khăn nhất, các đồng chí giáo viên đã tranh thủ mọi thời gian để hoàn thành nhiệm vụ được giao. Không thể học định kỳ được cả lớp, nên bất cứ lúc nào học sinh có điều kiện học là tổ chức lên lớp, phụ đạo, học buổi tối, học vào ngày nghỉ, học làm nhiều đợt, một tổ, một nhóm cũng lên lớp, là hình thức học phổ biến trong thời gian này.

Đối với một lớp học tại chức, học viên đa số là cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo, thì phần khoa học cơ bản thường học viên gặp nhiều khó khăn nhất. Qua lớp kinh tế kỹ thuật công nghiệp lần này, cũng như lớp quản lý nông nghiệp trước, đều rút ra: Nếu vượt qua được phần khoa học cơ bản thì chắc chắn tiến tới thành công. Từ thực tế đó, Ban lãnh đạo lớp học và tập thể lớp đã tăng cường động viên nhắc nhở nhau. Các đồng chí lãnh đạo khoa tại chức thường xuyên động viên lớp học, đầu tư nhiều mặt cho lớp học vượt qua giai đoạn gay go nhất trong cả quá trình học tập.

Đất nước được hoàn toàn giải phóng, cũng là lúc lớp học gần tới đích, và càng nhiều thuận lợi, nhưng cũng chưa hết khó khăn. Vì là lớp kinh tế kỹ thuật phải học nhiều ngành kỹ thuật chủ yếu như: điện, cơ khí, hóa chất, luyện kim và các môn quản lý, điều khiển học kinh tế, toán kinh tế, v.v.. Mức độ yêu cầu phải hiểu được những kiến thức hiện đại và làm quen với những phương pháp mới. Trong khi đó mỗi đồng chí theo học thường chỉ biết về một ngành kỹ thuật với mức độ thấp và còn nặng về kinh nghiệm.

Nắm được đặc điểm trên đây, nhà trường đã cử những đồng chí giáo viên có năng lực để giảng dạy cho lớp học. Tỉnh đã chỉ định

một đội ngũ giáo viên kiêm chức là kỹ sư các ngành, cùng các giáo viên của trường tìm hiểu thực tế công nghiệp Lào Cai, vừa phụ đạo cho lớp, cho các tổ, theo yêu cầu của nhà trường.

Trong giai đoạn học kỹ thuật và quản lý kinh tế, tỉnh và nhà trường đã tạo mọi điều kiện thuận lợi để giáo viên, học viên thâm nhập thực tế các ngành và xí nghiệp công nghiệp. Thực tế đó được đưa vào bài giảng giúp học viên hiểu sâu lý luận và nâng dần năng lực phân tích tổng hợp. Một số giờ học ở một số môn đã được tổ chức ngay tại các xí nghiệp là rất cần thiết.

Hết tháng 7 -1975 hoàn thành chương trình. Nhà trường, khoa tại chức đã căn cứ vào yêu cầu chương trình, tình hình thực tế Lào Cai, nhiệm vụ đang làm và khả năng, sở trường của mỗi học viên để giao đề tài, 37 học viên đều làm báo cáo tốt nghiệp. Nhiều học viên được giao những đề tài báo cáo tốt nghiệp đúng việc mình đang phụ trách.

Yêu cầu báo cáo tốt nghiệp phải thể hiện tổng hợp những kiến thức trong suốt quá trình học. Thực tế đưa vào báo cáo phải được phân tích làm sáng tỏ lý luận. Học viên phải vận dụng những kiến thức đã học, phân tích những thực tế có chọn lọc, rút ra được những kết luận có căn cứ khoa học phù hợp với thực tế hiện tại và tương lai gần trong kế hoạch 5 năm lần thứ hai. Việc làm này rất mới đối với học viên. Có thể nói giai đoạn này cũng là đỉnh cao về sự nỗ lực của người học và của các thầy giáo.

Các đồng chí giáo viên đã hướng dẫn tỉ mỉ từng bước cách làm báo cáo. Tỉnh và các cơ quan đã tạo mọi điều kiện thuận tiện để học viên sưu tầm tài liệu viết báo cáo. Sự động viên giúp đỡ của tập thể cơ quan và của số đồng chí có trình độ khoa học kỹ thuật lúc này cũng là những yếu tố quan trọng.

Ngày 13-10-1975, nhà trường đã tổ chức cho lớp kinh tế kỹ thuật công nghiệp Lào Cai thi tốt nghiệp.

Đến hôm nay, trong thắng lợi chung, mỗi chúng ta đều thấy mình đã lớn lên về nhiều mặt, đều rất đáng tự hào, phấn khởi là

đã đóng góp xứng đáng phần mình trong công trình chung của cả tập thể chúng ta (tỉnh ta và Trường Đại học Bách khoa) trong việc thực hiện chủ trương đào tạo, bồi dưỡng cán bộ khoa học kỹ thuật và quản lý kinh tế do Đảng, Chính phủ đề ra.

Rõ ràng tư tưởng tốt, tổ chức tốt đã đảm bảo để chúng ta hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị.

3. Thắng lợi của Lớp Đại học kinh tế - kỹ thuật công nghiệp của tỉnh ta

- Với một lớp học đại học tại chức, đại bộ phận là các đồng chí cán bộ chủ chốt từ tỉnh đến cơ sở sản xuất, mà đạt trên 70 % đồng chí học được hết chương trình trong hoàn cảnh như trên đã nêu, thật không đơn giản. Trong số 37 đồng chí dự thi có 36 đồng chí đạt yêu cầu. Với tỷ lệ 97% đủ điểm tốt nghiệp đợt đầu của một lớp tại chức, là một thắng lợi to lớn, phản ánh đúng đắn sự cố gắng lớn của cả người dạy và người học. Một số đồng chí còn chưa học xong một số môn, cần tiếp tục phấn đấu để hoàn thành chương trình như quy chế chung.

- Qua học tập và ngay trong quá trình, từng bước trình độ hiểu biết được nâng lên, từng đồng chí đều đã thể hiện những kết quả học tập trong công tác của mình. Góp phần vào những tiến bộ và thành tích chung của địa phương, đã và đang tạo ra những phản ứng dây chuyền.

Những năm qua một số xí nghiệp, nông trường tỉnh ta đã được phát triển và vươn lên, đã có nộp lãi cho Nhà nước. Việc điều tra cơ bản xây dựng phương án đại thể về phân vùng quy hoạch, tổ chức lại sản xuất, nhiều điển hình được xuất hiện như Bản Vược, Sâu Chua, Cốc Mì, v.v.. Nhiều công trình kỹ thuật như cầu treo Bảo Nhai, cầu Vòm Quang Kim, nhà cao tầng tám lớn, v.v.. Phong trào học tập bổ túc văn hóa trong cán bộ, công nhân viên có nhiều chuyển biến trong những năm qua, đó là ảnh hưởng tốt của các lớp đại học, đó là ảnh hưởng tốt của các đồng chí lãnh đạo chủ chốt đã

dẫn đầu trong phong trào học tập; đó cũng là ảnh hưởng tốt của các bản báo cáo tốt nghiệp.

- Hoàn thành Lớp Đại học kinh tế - kỹ thuật này, tỉnh ta đã thêm 37 đồng chí đảng viên, cán bộ có trình độ đại học. So với con số 28 kỹ sư trong các ngành công nghiệp của tỉnh 20 năm qua (tính đến ngày 30-7-1974) chúng ta mới thấy sâu sắc thêm về thắng lợi của lớp học này.

Thêm 37 đồng chí học lớp này mà cơ cấu đội ngũ cán bộ lãnh đạo trong tỉnh ta đã có những thay đổi đáng kể:

- + Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã có 66% (6/9) đồng chí đã có trình độ đại học về khoa học kỹ thuật và quản lý kinh tế;

- + Trong Tỉnh ủy đã có 51,85% (14/27) có trình độ đại học về khoa học kỹ thuật và quản lý kinh tế;

- + Trong Thường trực Ủy ban Hành chính tỉnh đã có 50% có trình độ đại học về khoa học kỹ thuật và quản lý kinh tế;

- + Trong các đồng chí trưởng, phó ty, ban đã có 43% (45/104) có trình độ đại học về khoa học kỹ thuật và quản lý kinh tế.

Sự thay đổi về lượng tới mức độ ấy tất yếu dẫn đến có sự thay đổi về chất trong từng đồng chí và từ đó thực sự đã làm cho chất lượng của tập thể có những biến đổi về năng lực lãnh đạo và chỉ đạo về khoa học kỹ thuật và quản lý kinh tế. Cá nhân mạnh mới có tập thể mạnh và ngược lại. Đó là chân lý mà chúng ta phải khẳng định.

Trình độ văn hóa khoa học kỹ thuật và quản lý của cán bộ lãnh đạo được nâng lên chẳng những chỉ hạn chế ở sự đóng góp cống hiến của từng đồng chí mà nhất định còn có khả năng nhân lên nhiều, vì ngành nào, cấp nào ngày nay và sau này, đều cần đông đảo đội ngũ cán bộ và công nhân kỹ thuật. Chất lượng công tác của từng đồng chí nhất định sẽ được nâng lên nếu từng đồng chí học viên có kế hoạch tiếp tục học tập, rèn luyện và xây dựng được thói quen nghiên cứu khoa học, học tập áp dụng những kiến thức mới, phát kiến mới của loài người.

- Thắng lợi của lớp học này đã là một thực tế sinh động một lần nữa chứng minh sự vận dụng thực hiện đúng đắn, sáng tạo của Đảng bộ ta trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ khoa học và quản lý kinh tế nói trên và đường lối cách mạng của Đảng ta nói chung.

- Với trường Đại học Bách khoa, thắng lợi của lớp học này đã góp phần vào các thắng lợi chung trên các mặt hoạt động của nhà trường. Thắng lợi của lớp học này cũng góp phần nói lên sự trưởng thành trên nhiều mặt của các cán bộ giáo viên, của từng khoa, từng bộ phận, nhất là của khoa tại chức trong Trường Đại học Bách khoa. Đó cũng là một sự cổ vũ thật sự đối với nhà trường. Chúng ta hy vọng rằng Lào Cai chúng ta còn có nhiều dịp được đóng góp và thành tích chung của Trường Đại học Bách khoa một cách thiết thực và to lớn hơn nhiều lần so với lần này.

Tất nhiên, thắng lợi của lớp học này là to lớn và có nhiều ý nghĩa. Song chưa cho phép ta thỏa mãn, chưa cho phép ta "chôn chân mỗi gỏi trên con đường nhỏ bé gập ghềnh dẫn đến đỉnh cao của khoa học" (Mác). Và bên cạnh những thắng lợi ấy, chúng ta cũng nghiêm khắc kiểm điểm và thấy chúng ta còn những thiếu sót, khuyết điểm như: Một số đồng chí được chỉ định đi học nhưng động cơ tư tưởng và thái độ không đúng nên đã bỏ học giữa chừng. Cơ sở vật chất của lớp học chưa được tăng cường... Trong hoàn cảnh mới, các lớp tới chúng ta phải ra sức khắc phục.

III. MỘT SỐ KẾT LUẬN VỀ SỰ THÀNH CÔNG CỦA LỚP HỌC

Thành công của một lớp đại học do nhiều nguyên nhân, nhiều mối quan hệ qua lại. Nhưng chúng ta cần khẳng định một số điểm có tính chất quyết định dưới đây:

1. Nhờ có đường lối đúng đắn, sáng tạo của Trung ương Đảng và Chính phủ

Đường lối đúng đắn, sáng tạo của Trung ương Đảng và Chính

phủ đã có sức thuyết phục và hấp dẫn đối với chúng ta. Vì đường lối ấy rất phù hợp với tình hình đặc điểm của cách mạng nước ta, với đội ngũ cán bộ, đảng viên chúng ta, với hoàn cảnh kinh tế của một nước vốn nghèo lại trải qua nhiều cuộc chiến tranh liên miên kéo dài, với yêu cầu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đường lối ấy là sự vận dụng nhuần nhuyễn chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh cách mạng Việt Nam.

Chỉ có đào tạo được một đội ngũ cán bộ có trình độ khoa học kỹ thuật và quản lý "vững về chính trị, giỏi về chuyên môn, có quan điểm giai cấp công nhân vững vàng, trung thành tuyệt đối với Đảng, với dân tộc, có năng lực tổ chức và động viên quần chúng, nắm được quy luật của tự nhiên, của xã hội..." thì mới có thể xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội được.

Vì vậy, đi đôi với việc đào tạo tập trung với quy mô lớn, việc mở rộng và đẩy mạnh các hình thức học tập tại chức một cách phù hợp để bồi dưỡng, đào tạo cho cán bộ đảng viên đã được giáo dục, rèn luyện trong quá trình cách mạng lâu dài gian khổ của dân tộc, là rất đúng đắn, sáng suốt.

Nghiêm chỉnh thực hiện Nghị quyết 142 và Nghị quyết 225 của Bộ Chính trị một cách toàn diện, chắc chắn sẽ tạo thêm cơ sở để tỉnh ta tiến quân mạnh mẽ vào cuộc cách mạng kỹ thuật - khâu then chốt của công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trong tỉnh.

Đất nước đã hòa bình, con đường Đảng đã vạch rõ, Tổ quốc đang thúc giục, có những lớp tại chức vừa qua đã thành công. Tiếp tục đi theo con đường ấy nhất định chúng ta phải làm cho đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật ngày càng đông đảo.

2. Phải có nhận thức đúng và quyết tâm cao

Lớp học nay thành công trong hoàn cảnh đất nước có chiến tranh, điều kiện của tỉnh ta và của trường đại học còn muôn vàn công việc, người ở hậu phương, người ra tiền tuyến... như vậy phải nói đến một bí quyết quan trọng là do nhận thức đúng và quyết tâm cao của tỉnh và của Trường Đại học Bách khoa.

- Về phía tỉnh, vốn sẵn lòng tin tuyệt đối vào đường lối, chủ trương của Đảng, nên khi bàn nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị, tập thể Tỉnh ủy cũng như từng đồng chí trong Ban Chấp hành đều quyết tâm hăng hái thực hiện, gương mẫu đi học, cổ vũ nhau, tương trợ công việc cho nhau để đi học. Cũng do nhận thức đúng, nên trong quá trình học tập, thật ra nhiều lúc gặp không ít khó khăn, cá biệt có những đồng chí có những khó khăn hầu như khó thể vượt qua, nhưng các đồng chí đều đi đến đích.

Quyết tâm của Tỉnh ủy đã tác động đến các ngành, các cấp, đến đông đảo cán bộ đảng viên. Có những đồng chí phải điều trị nhiều tháng, khi hồi phục, lại phải tiếp tục theo học. Có đồng chí đi điều trị ở nước ngoài vắng 3- 4 đợt học, khi về vẫn học đuổi, để đủ điều kiện thi. Nhiều đồng chí có thể nói: suốt quá trình học tập là cả một quá trình vất vả liên tục để tiếp thu được kiến thức nhưng vẫn quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ. Có những điển hình nổi bật như: Đồng chí Phó Bí thư Tỉnh ủy, mặc dầu tuổi cao, trọng trách rất nặng, nhưng vẫn đảm bảo công tác và đạt kết quả cao trong học tập, đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh, tuy là một phụ nữ dân tộc ít người, hoàn cảnh công tác và gia đình gặp chồng chất khó khăn, nhưng đã quyết tâm và kiên trì học đến thắng lợi. Có thể nói còn nhiều điển hình rất đáng nêu gương. Phong trào các lớp tại chức tác động đến phong trào học bổ túc văn hóa, ngoại ngữ ban đêm. Phong trào học bổ túc ban đêm đã tác động và tăng thêm quyết tâm cho các đồng chí được đi học tại chức.

Cơ sở những quyết tâm ấy của chúng ta chính là ở sự nhận thức đúng đắn đường lối, quan điểm của Đảng mà Nghị quyết 142 của Bộ Chính trị đã nêu.

- Quyết tâm của Trường Đại học rất quan trọng và quý mến mãi mãi đối với tỉnh ta.

Từ khi nhận lời giúp tỉnh ta mở lớp đến suốt 4 năm cử cán bộ giáo viên lên giảng dạy, thật là một sự cố gắng rất lớn, quyết tâm

rất cao. Trong điều kiện chiến tranh, trường phải đảm bảo sơ tán cho hàng vạn học sinh và cán bộ nhân viên của trường, đồng thời vẫn phải đảm bảo dạy tốt học tốt. Trong lúc đó nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu, quốc phòng, sản xuất, đời sống, ngày càng dồn dập, nặng nề. Khối lượng đề tài nghiên cứu khoa học lại càng lớn... nhưng các đồng chí vẫn dành giờ, dành người giúp đỡ Lào Cai.

Chúng ta càng cảm kích khi các đồng chí giáo viên, lúc bình thường đã vất vả hàng ngày trời mới đến được với Lào Cai; trong những ngày địch đánh phá ác liệt, đường đi lại phải qua nhiều trọng điểm có thể dễ nguy hiểm đến cả tính mạng, những ngày đêm các đồng chí đã đến với Lào Cai để đảm bảo kế hoạch giảng dạy. Nhiều đồng chí phải đem theo tài liệu để tranh thủ chuẩn bị, khi về kịp bắt tay vào công việc ở trường. Để thêm nhiều thực tế sinh động của Lào Cai, đưa vào bài giảng, nhiều đồng chí đã đi sát các cơ sở của địa phương để nghiên cứu. Lòng nhiệt tình, sự vất vả của các thầy giáo càng nổi bật trong những ngày giúp học viên làm báo cáo tốt nghiệp, nhất là những ngày chuẩn bị kỳ thi.

Cái đã thôi thúc, cái đã khiến các đồng chí trong Ban Giám hiệu (đặc biệt là đồng chí Hiệu trưởng), các đồng chí khoa tại chức và các khoa khác trong trường, có được những cử chỉ tốt đẹp, dũng cảm và cách mạng ấy chính là xuất phát từ quán triệt đường lối quan điểm của Đảng, xuất phát từ nhiệt tình cách mạng, từ ý thức trách nhiệm về nghề nghiệp cao quý của mình trong sự nghiệp cách mạng chung của Đảng, của dân tộc. Và quyện vào đó là tình cảm giai cấp, tình cảm đồng chí, tình cảm anh em sâu nặng, đối với mảnh đất và con người Lào Cai ở một vùng địa đầu biên cương của Tổ quốc.

Chúng tôi nhận thấy như thế. Và, chính những cử chỉ của các đồng chí đã cổ vũ thêm Tỉnh ủy chúng tôi, các học viên thêm quyết tâm và kiên trì phấn đấu đưa lớp học đến thắng lợi như ngày hôm nay.

Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh Lào Cai nhiệt liệt cảm ơn sự tận tình giúp đỡ của tất cả các đồng chí, để địa phương chúng tôi có được thêm một thắng lợi trong sự nghiệp đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật vừa qua.

3. Nhờ có những biện pháp tích cực và khéo sắp xếp kết hợp giữa học tập và công tác

- Việc định rõ lịch học tập trong tháng cho lớp học tại chức là cần thiết. Vì định rõ như vậy giúp cho chúng ta và nhà trường chủ động sắp xếp được công việc. Nó còn giúp cho chúng ta quen với lối làm việc có kế hoạch. Và ngay các bộ phận có quan hệ đến công tác của các đồng chí đi học cũng phải chủ động có kế hoạch phối hợp.

- Cũng do chủ động định lịch học tập cho từng lớp, nên chúng ta đã chủ động trong việc bố trí để các đồng chí chủ chốt trong Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính cũng như các ngành, các cơ sở đi học được. Nhờ cách này, mà trong thời gian 6 năm qua 80% đồng chí trong Thường trực Ủy ban Hành chính tỉnh và 88% các đồng chí Thường vụ Tỉnh ủy đều đi học. Nếu kể cả học ngoại ngữ ban đêm thì 100% các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã đi học.

Phong trào cách mạng là hành động tự giác của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng, chứ không thể tự phát mà cũng đạt kết quả. Các đồng chí trong bộ phận lãnh đạo chủ chốt của tỉnh đi học như vậy, nhưng do có sự kết hợp tốt giữa công tác và học tập, nên cũng chính những năm này: 100% ruộng hai vụ tỉnh ta đạt và vượt 5 tấn; các điển hình hợp tác xã xuất hiện ngày càng nhiều; đàn lợn phát triển, đạt mức mua thịt cao chưa từng có. Tòng quân chi viện cho tiền tuyến nhiều năm liên tỉnh ta đều đạt và vượt mức. Số huân chương, bằng khen được Chính phủ tặng cho địa phương ta ngày càng nhiều, đặc biệt là Bác Tôn tặng lẵng hoa cho tỉnh ta Xuân 1973. Nói lên điều này, một lần nữa để chúng ta khẳng định rằng: Các đồng chí cán bộ kể cả cán bộ lãnh đạo chủ chốt, việc nhiều, tuổi cao, vẫn có thể học tập tại chức để vừa nâng cao trình độ, vừa đảm bảo công tác được,

nếu có một quyết tâm đầy đủ, khéo sắp xếp giữa công tác với học tập và được sự ủng hộ, sự quyết tâm chung của tập thể.

Phải nói có được sự khéo sắp xếp và biện pháp tích cực, điều rất quan trọng là sự nhận thức đúng đắn và quyết tâm cao của tập thể về trách nhiệm nâng cao trình độ, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Yếu tố này của tập thể và của từng người thực sự có tác động qua lại rất lớn. Đó cũng là một thực tế mà chúng ta thấy rất rõ.

4. Về nội dung và phương pháp giảng dạy

Thắng lợi trên không thể có được nếu không có nội dung và phương pháp tốt.

Qua học tập, các học viên đều nói lên: Lúc đầu thấy khó khăn quá, càng về sau càng say sưa thích học. Thật sự ở đây là ở khâu nội dung và phương pháp (bao gồm cả thái độ) giảng dạy của thầy giáo.

Phần này chúng ta đề nghị Nhà trường sẽ tổng kết để đánh giá được đầy đủ, đúng mức vấn đề này.

IV. PHƯƠNG PHÁP PHẤN ĐẤU TRONG NHỮNG NĂM TỐI CỬA TỈNH TA TRONG CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ VỀ MẶT VĂN HÓA, KHOA HỌC KỸ THUẬT VÀ QUẢN LÝ KINH TẾ

Phấn khởi với những kết quả bước đầu đã đạt được, đứng trước nhiệm vụ nặng nề trong giai đoạn mới, cả nước bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội trên quy mô lớn trong khí thế của một dân tộc chiến thắng, của một đất nước anh hùng.

Chúng ta cần tiếp tục khắc phục những tồn tại khuyết điểm, ra sức phát huy ưu điểm và kinh nghiệm đã có trong công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật và quản lý kinh tế cho cán bộ nhằm thực hiện Nghị quyết 225, Nghị quyết 142, Nghị quyết 23 của Trung ương Đảng tốt hơn nữa.

Dại thể là:

- Cần tiếp tục hoàn chỉnh quy hoạch và kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ của tỉnh để xác định được khối lượng cán bộ cần được

bồi dưỡng về các mặt, đảm bảo tính cân đối, toàn diện, chủ động trong đào tạo, bồi dưỡng.

- Tiếp tục đẩy mạnh phong trào học tập bổ túc văn hóa ban đêm, đồng thời chú ý đến các hình thức học ở các trường bổ túc công nông, phổ thông lao động, trường dân chính, để nâng cao trình độ văn hóa như Nghị quyết 23 - TW đề ra, để chủ động trong kế hoạch chuẩn bị cho các lớp đại học tại chức.

- Tiếp tục đề nghị các trường đại học mở các lớp đại học tại chức tại địa phương. Ngoài các lớp kinh tế kế hoạch, nông nghiệp cần xúc tiến đề nghị mở cho hệ giáo dục.

Đi đôi với việc bồi dưỡng cho lứa tuổi trên 40, chú ý đẩy mạnh hình thức đào tạo đối với cán bộ trẻ. Hết sức cố gắng tăng tỷ lệ cán bộ thuộc các dân tộc ở địa phương.

- Cần xúc tiến nghiên cứu bồi dưỡng trình độ trung cấp tại chức một cách rộng rãi, trước hết cho các ngành nông - lâm nghiệp, thủy lợi, xây dựng cơ bản, kinh tế tài chính.

- Tổ chức tốt việc học tập ngoại ngữ cho cán bộ khoa học kỹ thuật và công nhân kỹ thuật như Chỉ thị 43-TTg/Vg, ngày 11-4-1968 đã nêu.

- Để thiết thực thúc đẩy phong trào học tập nâng cao trình độ thực hiện tốt Nghị quyết 142, điều quan trọng là cần có kế hoạch phát huy kết quả của các lớp đại học, đi đôi với quản lý, bồi dưỡng, sử dụng tốt số cán bộ khoa học kỹ thuật và công nhân kỹ thuật hiện có.

Cụ thể là:

- + Cần sắp xếp tổ chức, phân công hợp lý để tăng cường cán bộ khoa học kỹ thuật và quản lý kinh tế cho cơ sở.

- + Cần thực hiện chế độ cán bộ lãnh đạo thường kỳ đi xuống cơ sở.

- + Các bản đề án thi tốt nghiệp cần có kế hoạch đưa vào áp dụng.

Để thực hiện tốt các nhiệm vụ trên, việc kiện toàn bộ phận chuyên lo về công tác này và tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị cho khâu đào tạo, bồi dưỡng cần được khẩn trương giải quyết.

KẾT LUẬN

Lớp Đại học tại chức về kinh tế - kỹ thuật công nghiệp ở tỉnh ta đã kết thúc thắng lợi.

Cùng với thắng lợi của lớp đại học quản lý kinh tế nông nghiệp, thắng lợi của lớp này càng khẳng định đường lối, chủ trương đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ khoa học kỹ thuật - quản lý kinh tế cho cán bộ của Trung ương Đảng, Chính phủ là hoàn toàn đúng đắn, sáng tạo.

Chỉ có chế độ xã hội chủ nghĩa ưu việt dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, chúng ta mới có được, làm được. Thắng lợi của lớp càng thể hiện sự quyết tâm của tỉnh chúng ta và sự quyết tâm của trường đại học, sự quan tâm động viên giúp đỡ chúng ta của các bộ, các ban, các trường đại học. Chúng ta mong rằng Lào Cai còn tiếp tục nhận được sự cổ vũ động viên, giúp đỡ của các trường, các ban, các bộ, của Trung ương Đảng và Chính phủ nhiều hơn nữa.

Trong dịp tổng kết này, Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh Lào Cai chân thành cảm ơn Trường Đại học Bách khoa, khoa tại chức và các thầy giáo của trường 4 năm đã tận tình giúp đỡ Lào Cai chúng tôi.

Chúng ta hãy cùng nhau quyết thực hiện tốt lời dạy của Hồ Chủ tịch kính mến: "Học hỏi là một việc tiếp tục suốt đời, phải gắn liền lý luận với công tác thực tế".

Một lần nữa tôi đề nghị chúng ta nhiệt liệt hoan nghênh thắng lợi mà toàn thể chúng ta vừa giành được.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC

VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 46-BC/TU, ngày 10-12-1975

Về việc tổng kết công nghiệp địa phương

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP (1960-1974)

Kể từ năm 1960 trở lại đây, Đảng ta đã có nhiều nghị quyết quan trọng về xây dựng phát triển kinh tế và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm trong suốt cả thời kỳ quá độ xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nghị quyết lần thứ bảy của Trung ương Đảng, Nghị quyết 105 của Bộ Chính trị đã nêu rõ nhiệm vụ xây dựng, phát triển công nghiệp bao gồm cả công nghiệp địa phương, thủ công nghiệp là nhiệm vụ hết sức quan trọng gắn liền chặt chẽ với việc phát triển nông nghiệp. Từ thời bình chuyển sang thời chiến, Nghị quyết Trung ương lần 11,12 đã quyết định chuyển hướng kinh tế cho phù hợp với tình hình mới và nhấn mạnh đẩy mạnh xây dựng kinh tế địa phương thực hiện nhiệm vụ "hậu cần tại chỗ" là vấn đề có ý nghĩa chiến lược. Gần đây Nghị quyết 19, 20 và 22 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tiếp tục nhấn mạnh phải thực hiện tiếp tục đường lối công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp và các ngành kinh tế theo hướng tiến lên sản xuất lớn

xã hội chủ nghĩa. Nhiều nghị quyết, chính sách cụ thể về thủ công nghiệp, về giá cả, về quản lý kinh tế theo phương thức kinh doanh xã hội chủ nghĩa lần lượt được ban hành.

Chấp hành các nghị quyết của Đảng và Nhà nước, trong 15 năm qua, Đảng bộ Lào Cai đã nêu cao tinh thần quyết tâm khắc phục khó khăn, kiên trì vận dụng thực hiện đường lối công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và thực hiện có kết quả bước đầu trong quá trình chuyển biến từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa của một tỉnh miền núi biên giới, nhiều dân tộc sống xen kẽ, ba phần tư là vùng cao, cơ sở vật chất kỹ thuật nghèo nàn, trình độ văn hóa kỹ thuật thấp kém.

Nhân dân các dân tộc tỉnh ta đã nêu cao truyền thống đoàn kết dưới sự lãnh đạo của Đảng, hăng hái thực hiện các nghị quyết lần thứ 3, thứ 4, và thứ 5 giành được những thắng lợi to lớn và tương đối toàn diện. Tỉnh ta đã phấn đấu giải quyết vấn đề lương thực, thực phẩm với mức cao nhất từng bước phát huy thế mạnh, phù hợp với tài nguyên, đất đai, khí hậu, xây dựng có kết quả của cơ sở vật chất kỹ thuật ban đầu của địa phương lấy giao thông, thủy lợi, điện lực, cơ khí đi trước một bước, đồng thời tăng cường củng cố quan hệ sản xuất mới, đẩy mạnh cách mạng tư tưởng văn hóa.

Đảng bộ Lào Cai đã sớm xác định vị trí lâu dài của tỉnh ta là một tỉnh có công nghiệp trung ương lớn, có công nghiệp địa phương phát triển mạnh mẽ về chế biến nông sản thực phẩm và hàng tiêu dùng, có nông lâm nghiệp phát triển nhiều mặt dựa trên ba thế mạnh: Cây công nghiệp và đặc sản, chăn nuôi và nghề rừng. Do nhận thức đúng đắn đó, Đảng bộ đã quan tâm đẩy mạnh xây dựng, phát triển công nghiệp địa phương phù hợp với từng thời kỳ, với từng bước đi lên của kinh tế địa phương, nhất là với sản xuất nông nghiệp trong thời chiến cũng như thời bình. Nền kinh tế tỉnh ta nói chung và sản xuất công nghiệp nói riêng trong quá trình đi lên, những bước đi ban đầu tuy còn mò mẫm,

chập chững nhưng đã tạo ra tiền đề chuẩn bị cho bước phát triển mới, trong việc chuyển hướng tổ chức sản xuất từng bước đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Nhưng quá trình đi lên đó, cũng còn bộc lộ những nhược điểm, thiếu sót, tồn tại cần được khắc phục kịp thời để tạo cho bước đi tiếp theo được nhanh, mạnh, vững chắc hơn theo đúng tinh thần Nghị quyết lần thứ 22 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

I. KẾT QUẢ 15 NĂM XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG

Sau ngày hòa bình lập lại, nền kinh tế tỉnh ta là một nền kinh tế sản xuất nông nghiệp lạc hậu, tự túc, tự cấp, du canh du cư, sản phẩm hàng hóa rất ít, thiếu đói liên miên kéo dài, cơ sở công nghiệp và thủ công nghiệp hầu như không có gì đáng kể. Trong điều kiện như vậy, công nghiệp tỉnh ta được xây dựng phát triển đến nay đã 15 năm. Quá trình xây dựng, phát triển công nghiệp của tỉnh ta từ không đến có, từ nhỏ đến lớn là quá trình đấu tranh xây dựng trên nhiều mặt trải qua các thời kỳ:

- Thời kỳ thứ nhất (từ năm 1959 đến năm 1965): là thời kỳ mở đầu xây dựng công nghiệp gắn liền với giai đoạn kết thúc khôi phục và cải tạo xây dựng chủ nghĩa xã hội đi vào thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất thực hiện đường lối công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa theo tinh thần Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng.

Đường sắt Hà Nội - Lào Cai được khôi phục, công nghiệp trung ương (nhà máy điện, Mỏ apatít...) được xây dựng và bắt đầu đi vào sản xuất tạo ra điều kiện mới, yêu cầu mới, cho kinh tế địa phương phát triển. Đời sống và bộ mặt xã hội bước đầu có những đổi mới. Sản xuất công nghiệp địa phương kế thừa từ các cơ sở lẻ tẻ phục vụ của ngành thương nghiệp được tổ chức lại đi đôi với tiến hành xây dựng thêm một số cơ sở cần thiết như các xí nghiệp cơ khí, mộc xẻ, dầu hương liệu, đường - rượu đã tạo

thêm sản phẩm phục vụ kịp thời cho một phần yêu cầu cấp thiết của sản xuất, đời sống.

- Thời kỳ thứ hai (từ 1966 đến 1970): là thời kỳ công nghiệp được phát triển mạnh mẽ cả về số lượng cơ sở, trang thiết bị lao động đến sản lượng, mặt hàng. Với sự giúp đỡ tích cực của Trung ương và sự chỉ đạo tập trung của Tỉnh ủy, cán bộ và công nhân ngành công nghiệp đã khắc phục nhiều khó khăn thiếu thốn của cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất, vừa xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, vừa đẩy mạnh sản xuất, đã thu được nhiều kết quả trong việc thực hiện nhiệm vụ hậu cần tại chỗ, phục vụ đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, xây dựng cơ bản, giao thông vận tải.

Thời kỳ thứ ba (từ 1970 đến 1974): là thời kỳ công nghiệp đi vào củng cố, điều chỉnh, bước đầu nâng cao chất lượng sản xuất kinh doanh làm ăn có tính toán theo phương thức kinh doanh xã hội chủ nghĩa, kết hợp công nghiệp và nông nghiệp, quốc doanh và thủ công nghiệp. Nhưng công tác củng cố chưa được bao nhiêu, sản xuất, tiêu thụ, nguyên liệu chưa ổn định, quản lý chưa được khép kín lại gặp khó khăn của cuộc chiến tranh phá hoại ác liệt lần thứ hai. Nhiều mâu thuẫn cũng chưa được giải quyết lại thêm có những khó khăn mới, mâu thuẫn mới đã có ảnh hưởng nhất định đến tốc độ và hiệu quả kinh tế trong việc đẩy mạnh sản xuất công nghiệp.

Nhìn chung 15 năm xây dựng phát triển công nghiệp trải qua các thời kỳ khác nhau như vậy đã đạt được một số kết quả bước đầu như sau:

1. Cơ sở vật chất kỹ thuật

Được Đảng và Nhà nước quan tâm, tỉnh ta đã tạo mọi điều kiện tranh thủ xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho công nghiệp địa phương. Tổng vốn đầu tư cho xây dựng công nghiệp lên tới: 11.075.300 đồng, trong đó khu vực A chiếm: 6.904.000 đồng, khu vực B chiếm: 4.171.300 đồng.

Về xây dựng cơ bản cho công nghiệp: Tốc độ xây dựng các công trình công nghiệp đã được tập trung chỉ đạo dứt điểm. Một số cơ sở được mở rộng và tăng cường thiết bị mới như: Cơ khí, sửa chữa ô tô, đường, rượu, dầu hương liệu, thực phẩm tổng hợp, mộc xẻ... các cơ sở mới được xây dựng thêm như: Sành sứ, xi măng, dược phẩm, giấy, gạch, ngói, cần câu, gậy trúc, hoa quả hộp, cơ điện Mường Khương, Sa Pa, Bắc Hà, và thủy điện Cốc San. Phân xưởng giấy 300 tấn/năm với thiết kế viện trợ toàn bộ, được thi công xây lắp hoàn thiện toàn bộ trong vòng 4 tháng 25 ngày. Đó là công trình công nghiệp có tốc độ xây dựng nhanh đáng chú ý nhất.

Về trang thiết bị kỹ thuật: Từ chỗ không có gì, tới nay trong 20 cơ sở công nghiệp quốc doanh, tỉnh ta đã có trên 400 thiết bị, trong đó có nhiều thiết bị có trình độ cơ khí hóa cao đã tạo điều kiện cho sản xuất công nghiệp có khả năng mới. Xí nghiệp cơ khí của tỉnh, năm 1964 chỉ có 4 thiết bị, hiện nay đã có 57 máy công cụ, có lò đúc, lò nhiệt luyện v.v.. Xí nghiệp đường, rượu, giấy được tăng, thiết bị ép nấu chế biến hoa quả. Xí nghiệp sứ được trang bị những thiết bị tương đối hiện đại và các xí nghiệp khác cũng được trang bị thêm thiết bị để nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm, hạ giá thành.

Một số ngành khác và một số nông trường cũng đang được trang bị dần thiết bị, nhất là cơ sở sửa chữa đang phát huy tác dụng tốt. Các hợp tác xã thủ công nghiệp cũng đã chú ý đổi mới sản xuất trang bị thêm nhiều công cụ cải tiến. hợp tác xã Quyết Thắng, Ba Đình, Gạch Mỏ Sinh... đã mạnh dạn đầu tư một số máy móc cơ giới nên năng suất tăng rõ rệt.

Về lao động kỹ thuật: Lực lượng lao động kỹ thuật của công nghiệp không ngừng được tăng cường, tỉnh ta đã bồi dưỡng đào tạo được 2.404 công nhân sản xuất công nghiệp, trong đó có 1.315 là công nhân kỹ thuật (bao gồm 628 công nhân bậc 2 và 297 công nhân từ bậc 3 đến bậc 6) bình quân bậc thợ là 1,8 và có 64 công nhân là dân tộc ít người, cán bộ kỹ thuật cũng được bổ sung gồm

21 cán bộ cao cấp và 156 cán bộ trung cấp kỹ thuật đang trực tiếp công tác trong ngành công nghiệp địa phương (chi tiết xem biểu III phụ lục kèm theo).

Riêng lực lượng thợ thủ công chuyên nghiệp với nhiều ngành nghề gồm: 1.258 người đã được tổ chức vào sản xuất tập thể. Một số công nhân già về hưu, một số thợ giỏi từ miền xuôi lên để xây dựng quê hương mới cũng đang phát huy tay nghề xây dựng hợp tác xã.

Lực lượng công nhân, cán bộ kỹ thuật là vốn quý trong việc đẩy mạnh xây dựng, phát triển công nghiệp trước mắt cũng như lâu dài sau này của tỉnh ta trên bước đường đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

2. Về tốc độ phát triển

Giá trị tổng sản lượng công nghiệp được tăng dần theo nhịp độ phát triển kinh tế địa phương và mức độ đầu tư vốn. Giá trị tổng sản lượng công - nông nghiệp tỉnh ta từ 24 triệu 533 (1960) lên 55 triệu 816 (1974) tốc độ bình quân tăng 5,7%. Trong đó công nghiệp địa phương, nâng giá trị tổng sản lượng từ 4 triệu 307 lên 16 triệu 720, bằng 388,2%, tốc độ bình quân tăng 9,4 %. Tỷ trọng công nghiệp địa phương trong tổng sản lượng công - nông nghiệp đã từ 17,5 lên 29,2 % (xem biểu I phụ lục kèm theo).

Cơ cấu công nghiệp địa phương cũng có những thay đổi rõ rệt. Công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất tăng hơn hai lần, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và chế biến nông sản thực phẩm tăng gần 5 lần, công nghiệp quốc doanh tăng 7 lần, tốc độ tăng bình quân hàng năm là 13,6%. Công nghiệp quốc doanh chiếm 75,72% trong giá trị công nghiệp địa phương. Tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp tăng 1 lần rưỡi và tốc độ tăng bình quân hàng năm là 2,75%.

3. Về tác dụng phục vụ

Sản phẩm hàng hóa do công nghiệp địa phương sản xuất tăng dần gắn liền với yêu cầu sản xuất, đời sống của từng thời kỳ góp

phần phục vụ củng cố quan hệ sản xuất trong nông nghiệp phục vụ xây dựng cơ bản, giao thông vận tải, xuất khẩu và cải thiện đời sống nhân dân các dân tộc, đáp ứng yêu cầu hậu cần tại chỗ theo đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng ta trong điều kiện cả nước có chiến tranh.

Từ năm 1960 đến năm 1965, mặc dầu điều kiện cơ sở vật chất ban đầu còn nhỏ bé, trình độ công nhân kỹ thuật và cán bộ quản lý còn thấp nhưng đã có cố gắng sản xuất một số mặt hàng cấp thiết và có khả năng sản xuất như nông cụ thông thường, hàng mộc tiêu dùng, đường, rượu và tinh dầu xuất khẩu. Tuy thiết bị còn chắp vá, sản xuất ít, quy mô nhỏ nhưng tác dụng phục vụ thiết thực, có hiệu quả tạo phấn khởi với triển vọng đi lên của ngành công nghiệp non trẻ.

Từ năm 1966 đến năm 1970, đối phó với cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất, trong điều kiện sơ tán khó khăn, ngành công nghiệp được tập trung chỉ đạo vừa ổn định sản xuất, vừa mở rộng mặt hàng, vừa xây dựng thêm cơ sở mới, tiếp nhận sự viện trợ của Trung ương và tỉnh Vân Nam Trung Quốc, kịp thời chuyển hướng kinh tế từ thời bình sang thời chiến, thực hiện nhiệm vụ hậu cần tại chỗ. Ngành sản xuất cơ khí (cơ khí quốc doanh tỉnh, cơ khí huyện và thủ công nghiệp) đã có cố gắng để phục vụ đủ nông cụ thông thường cho địa phương không phải chuyển ở xuôi lên, đồng thời sản xuất thành công nhiều loại công cụ cải tiến (cào cỏ, bữa sắt, xe vận chuyển), thí nghiệm được nhiều máy công tác nhỏ phục vụ cho xây sát, chế biến gắn liền với phong trào cơ khí nhỏ, thủy điện nhỏ, ngành sản xuất hàng tiêu dùng được xây dựng vươn lên rõ rệt cả về cơ sở sản xuất số lượng sản phẩm, và chủng loại mặt hàng phục vụ đời sống nhân dân các dân tộc: Nước chấm, bánh kẹo, giấy, sành sứ, thủy tinh, dược phẩm, v.v.. Các cơ sở thủ công nghiệp cũng được chú trọng đẩy mạnh sản xuất có kết quả tốt trên khắp các huyện, thị như các hợp tác xã rèn, đúc Phố Lu, Bát Xát, Bắc Hà, Sa Pa, các hợp tác xã chế biến

Quyết Thắng, Cha Pa và hợp tác xã dày da dép lớp Hợp Thành... Các ngành nghề khác dần dần được khôi phục lại từng bước phù hợp với yêu cầu mới.

Từ năm 1970 đến nay, ngành công nghiệp với các cơ sở được xây dựng trong thời chiến, trang bị được bổ sung thêm đã đi vào củng cố sản xuất phát huy tiềm lực sẵn có nên cũng có những bước tiến mới về số lượng, chất lượng và phạm vi phục vụ, trước yêu cầu mới sản phẩm phục vụ xây dựng có bán tăng lên khá mạnh phục vụ đời sống tiêu dùng chiếm tỷ trọng khá cao, phục vụ xuất khẩu được mở rộng mặt hàng với nhiều ngành nghề phát triển.

Hiệu quả kinh tế trên các mặt biểu hiện như sau:

- Khu vực A từ 2 triệu 215 (năm 1960) tăng lên 4 triệu 652 (năm 1973) và 5 triệu 733 (năm 1974).

- Khu vực B từ 2 triệu 092 (năm 1960) tăng lên 10 triệu 340 (năm 1973) và 10 triệu 987 (năm 1974).

- Tổng giá trị hàng xuất khẩu từ 320.000 đồng (năm 1965) tăng lên 1 triệu 10 ngàn (năm 1973) và 1 triệu 907 (năm 1974).

Tỷ lệ năm 1973 so với năm 1965 công nghiệp phục vụ nông nghiệp bằng 159%, phục vụ xây dựng cơ bản bằng 372%, giao thông vận tải bằng 359,2%, xuất khẩu bằng 360% và phục vụ tiêu dùng bằng 276,6%.

Từ năm 1964 đến năm 1973, tính trong 13 xí nghiệp công nghiệp chủ yếu trừ các khoản bù lỗ đã đóng góp tích lũy cho ngân sách 7.750.700 đồng (chi tiết xem biểu II phụ lục kèm theo).

4. Về hoàn thiện và củng cố quan hệ sản xuất

Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong công nghiệp tỉnh ta đã được xác lập, từng bước được củng cố, tăng cường theo hướng phù hợp với đặc điểm phát triển kinh tế địa phương cả về ngành nghề, thành phần kinh tế và trình độ quản lý kinh tế - kỹ thuật.

Xí nghiệp công nghiệp quốc doanh ban đầu chủ yếu từ ngành thương nghiệp chuyển sang, công nhân phần đông là thợ thủ công, lao động tự do trình độ giác ngộ chính trị cũng như kỹ thuật thấp,

cán bộ hầu hết là cán bộ chính trị, quân sự còn bỏ ngõ về quản lý kinh tế. Trải qua thực tiễn sản xuất, quản lý các cuộc vận động lớn: Cải tiến quản lý xí nghiệp, ba xây ba chống, xây dựng Đảng, xây dựng các đoàn thể quần chúng... chế độ và nguyên tắc quản lý xí nghiệp theo phương thức kinh doanh xã hội chủ nghĩa từng bước thực hiện có những kết quả nhất định. Việc thực hiện Nghị quyết 11 của Trung ương ở hầu hết các xí nghiệp bước đầu có chuyển biến; Vai trò lãnh đạo toàn diện của tổ chức đảng trong hầu khắp các cơ sở được thể hiện rõ rệt, chế độ thủ trưởng dần dần được kiện toàn, ý thức làm chủ của công nhân trong việc thực hiện tham gia quản lý xí nghiệp được nâng lên bước đầu.

Thợ thủ công chuyên nghiệp được tổ chức đưa vào hợp tác xã từ 21,5% năm 1960 đã tăng lên 79,3% năm 1973. Công tác chỉ đạo, xây dựng xã hội chủ nghĩa trong nội bộ hợp tác xã đã được chú ý gắn liền với việc tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật và xác định rõ phương hướng sản xuất nên có tác dụng rõ rệt tính hơn hằn của tập thể so với cá thể. Mặc dầu, gặp nhiều khó khăn nhưng nhiều hợp tác xã đã tỏ ra vững vàng, đang tạo ra những chuyển biến trong quan hệ kinh tế cũng như trong đời sống của người lao động thủ công. Nhiều hợp tác xã đã liên tục phấn đấu vượt khó khăn, kiên trì với cách làm ăn mới, thực hiện tốt nghĩa vụ và chấp hành tốt chính sách của Đảng và Nhà nước.

5. Công tác chỉ đạo và quản lý công nghiệp

Từ những ngày đầu hình thành lực lượng công nghiệp địa phương, Đảng bộ đã quan tâm đến công tác tổ chức và quản lý công nghiệp, tháng 9-1959 thành lập Phòng công nghiệp tỉnh và tiến tới Ty công nghiệp và thủ công nghiệp Lào Cai chính thức được thành lập vào tháng 12-1959 để trực tiếp đảm nhận, nhiệm vụ quản lý và chỉ đạo lĩnh vực sản xuất công nghiệp và thủ công nghiệp. Ngoài ra, các ngành sản xuất và lưu thông cũng có một số cơ sở công nghiệp có tính chất chuyên ngành như thương nghiệp (chè, may

mặc), lương thực (xay sát, bánh mỳ), y tế (dược phẩm), văn hóa (in...). Đến nay, tổ chức quản lý và hệ thống chỉ đạo sản xuất công nghiệp đã được hình thành từ trên xuống dưới, đang phát huy tác dụng trong chỉ đạo sản xuất và tổ chức quản lý công nghiệp địa phương. Những nguyên tắc, chế độ, chính sách, quy trình, quy phạm, quy tắc kỹ thuật trong sản xuất công nghiệp và quản lý kinh doanh xã hội chủ nghĩa ngày càng được vận dụng thực hiện có hiệu quả. Trình độ năng lực lãnh đạo, chỉ đạo quản lý kinh tế, kỹ thuật cũng được tích lũy và nâng dần trong đội ngũ cán bộ các ngành các cấp. Trong thủ công nghiệp, công tác quản lý ở các hợp tác xã cũng được tăng cường từng bước và đang tiếp tục hoàn thiện.

Điều đáng chú ý hơn nữa là trải qua một giai đoạn xây dựng và phát triển công nghiệp địa phương từ không đến có, từ nhỏ đến lớn và từ đơn giản đến phức tạp với tinh thần dám nghĩ, dám làm, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, năng lực lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý được nâng lên một bước mới; cấp ủy cũng như lãnh đạo các cấp các ngành hiểu được hơn về công nghiệp và được tích lũy một số kinh nghiệm về chỉ đạo và quản lý sản xuất công nghiệp.

II. NHỮNG TỒN TẠI TRONG XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG

Tuy đạt được một số thành tích bước đầu và đã có những tiến bộ nhất định, nhưng so với yêu cầu của sản xuất, đời sống đòi hỏi và đối chiếu với các nghị quyết của Trung ương cũng như của Tỉnh ủy thì công nghiệp địa phương tỉnh ta tiến bộ còn chậm, chưa phát huy được hết khả năng tiềm tàng và ưu thế của địa phương, tốc độ phát triển chưa đều và chưa thật vững chắc, hiệu quả kinh tế chưa thật tương xứng với mức độ đầu tư và kinh tế kỹ thuật, tác dụng phục vụ của công nghiệp địa phương còn hạn chế, cơ cấu chưa thật hợp lý, trình độ quản lý còn thấp. Những tồn tại đó biểu hiện cụ thể như sau:

1. Chưa phát huy hết khả năng tiềm tàng và ưu thế của địa phương

Nghị quyết Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ lần thứ V đã chỉ rõ: Khả năng to lớn và phương hướng phát triển lâu dài của tỉnh ta là: "Một tỉnh khai khoáng và chế biến lớn đồng thời là một tỉnh nông, lâm nghiệp phát triển nhiều mặt, nhất là về cây công nghiệp, cây đặc sản, nghề rừng và chăn nuôi...".

Kiểm điểm lại trong thời gian qua, việc xây dựng và phát triển công nghiệp địa phương chưa khai thác và bám sát khả năng đó để phát huy và đề ra phương hướng phát triển phù hợp tạo điều kiện cho sản xuất công nghiệp có bước đi vững chắc. Công tác điều tra cơ bản làm chưa tốt, còn sơ bộ thiếu cơ sở khoa học dẫn đến hậu quả sản xuất bị mất cân đối kéo dài, cơ sở nguyên liệu không vững chắc. Công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm chưa ổn định, nguồn nguyên liệu cung cấp còn bấp bênh. Công nghiệp khai thác và chế biến những tài nguyên sẵn có của địa phương, những phế liệu của công nghiệp trung ương để phục vụ cho sản xuất, đời sống làm còn chậm, phân tán và quá ít. Lao động thủ công trong sản xuất còn nhiều, nông cụ thường và công cụ cầm tay còn thiếu, cơ sở vật chất kỹ thuật còn nghèo nàn và quá chênh lệch giữa các vùng, nhất là vùng cao nhưng công nghiệp cơ khí vẫn lúng túng về phương hướng sản phẩm; công nghiệp vật liệu xây dựng còn giậm chân tại chỗ. Tác động của công nghiệp vào nông nghiệp còn ít nhưng nông nghiệp làm cơ sở cho công nghiệp phát triển cũng mới chỉ là khả năng nhiều hơn thực tế.

Điều đó, chỉ rõ phương hướng sản xuất công nghiệp cần phải được điều chỉnh hoàn thiện để tạo cho công nghiệp có điều kiện phát triển thích hợp dựa trên ba yếu tố: Nguyên liệu, tiêu thụ và khả năng kỹ thuật của địa phương để phát huy hết khả năng tiềm tàng và ưu thế của tỉnh ta.

2. Tốc độ phát triển chưa đều và chưa vững chắc

Nhìn chung thì giá trị tổng sản lượng của công nghiệp địa

phương hằng năm đều tăng, nhưng tốc độ tăng chưa đều, chưa vững chắc, chưa cân đối.

Từ năm 1960 đến năm 1965, tốc độ tăng bình quân là 8,4 % nhưng đến thời kỳ từ 1965 đến 1968 thì tốc độ tăng bình quân chậm, còn 6,3%. Từ 1968-1972, tốc độ tăng bình quân là 12,9%, nhìn chung từ 1960-1974 tốc độ tăng bình quân là 9,4%. Riêng thủ công nghiệp phát triển với tốc độ chậm, tốc độ bình quân từ 1960-1974 là 2,75%. Qua đó, thấy rõ ràng về tốc độ phát triển không bình thường còn dao động lên xuống. Xét về tỷ trọng thì công nghiệp quốc doanh tăng từ 37,55 % (1960) lên 75,72 % (1974) nhưng tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp thì lại giảm từ 62,45 % (1960) xuống 24,28% (1974). Một số ngành từ năm 1965 trở lại đây tăng nhanh, nhưng một số ngành lại tụt xuống như: Thủy điện, chế biến gỗ. Nguyên nhân là do trình độ quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa máy kém, rừng bị kiệt, khai thác khó khăn. Nếu tính riêng công nghiệp quốc doanh thì chỉ mới có 9 trong 20 đơn vị có giá trị tổng sản lượng ngày công tăng là: Cơ khí sửa chữa 117% được phẩm tăng 187%; Sành sứ tăng 92%; Thực phẩm tổng hợp tăng 39%; Dầu hương liệu tăng 39%; In tăng 58%; Xay sát tăng 227%; sát sinh tăng 324%, Máy nước tăng 181%. Ngành vật liệu xây dựng có điều kiện khả năng phát triển thì lại tăng chậm, quốc doanh tăng lại càng ít, có lúc tụt xuống nghiêm trọng, thủ công nghiệp tăng có khá hơn nhưng so với yêu cầu thì còn thấp, tốc độ chậm.

3. Hiệu quả kinh tế chưa thật tương xứng với mức độ đầu tư kinh tế - kỹ thuật

Vốn đầu tư cũng như thiết bị kỹ thuật, lao động tăng lên do đó năng lực và vật chất kỹ thuật của công nghiệp địa phương được phát triển không ngừng. Năm 1965, vốn cố định của công nghiệp địa phương là 906.500 đồng, năm 1973 đã lên tới 7.560.000 đồng. Nhưng hiệu quả kinh tế đạt thấp, giá thành cao, chất lượng sản phẩm còn xấu, năng suất lao động, công suất máy móc thiết bị thấp.

Các xí nghiệp phần lớn mới phát huy được 50% công suất thiết kế và các máy móc thiết bị cũng chỉ huy động được khoảng 40% công suất. Một số thiết bị không sử dụng đến hoặc do trình độ sửa chữa, bảo dưỡng có hạn nên tuổi thọ quá ngắn... Tình hình đó đã ảnh hưởng làm giảm vòng quay của vốn kinh doanh ở các xí nghiệp. Có thể nói, vốn đầu tư chưa được phát huy hiệu quả tương xứng với mức độ đầu tư kinh tế - kỹ thuật. Năm 1973 so với năm 1965, vốn đầu tư tăng 741% nhưng chỉ làm ra với giá trị tổng sản lượng bằng 305%, tích lũy bằng 360%, lãi chỉ bằng 250%. Hiệu quả của một đồng vốn thấp và giảm dần; giá trị của một đồng vốn làm ra từ 2,90 đồng (1965) đã tụt xuống 1,198 (1973). Tích lũy của 1 đồng vốn từ 0,15 đồng (1965) đã tụt xuống 0,076 đồng (1973). Lãi của một đồng vốn từ 0,068 đồng đã tụt xuống 0,02 đồng (1973) (kể cả vốn cố định và lưu động). Với tình hình như thế, nhiều xí nghiệp công nghiệp địa phương kinh doanh chưa ổn định và còn xin bù lỗ, một số xí nghiệp bước đầu có lãi nhưng cũng chưa thoả đáng, xí nghiệp dược phẩm, dầu hương liệu, thực phẩm tổng hợp, xay sát, in, sứ tuy kinh doanh có lãi nhưng năng lực tiềm tàng còn nhiều. Xí nghiệp mộc xẻ còn lỗ nhiều ở khâu đồ gỗ dân dụng. Xí nghiệp đường, rượu, giấy, hoa quả, thu được nhiều về thuế, lãi rất ít, và còn lỗ đậm ở khâu sản xuất đường. Xí nghiệp vật liệu xây dựng cũng có tình hình lỗ kéo dài. Năm 1974 có giảm xuống khá hơn. (chi tiết xem biểu II phụ lục kèm theo)

4. Tác dụng phục vụ còn hạn chế

Tuy đã có cố gắng, nhưng tác dụng phục vụ của công nghiệp địa phương đối với các ngành sản xuất khác và đời sống còn chưa đáp ứng về nhiều mặt, đặc biệt là phục vụ sản xuất nông nghiệp, khối lượng còn quá ít, tính riêng năm 1973 mới có 225.000 đồng trong 14.990.000 đồng. Số lượng nông vụ thường đã thiếu, nhưng chất lượng, chủng loại không đảm bảo, không thích dụng lên bị ứ đọng, tiêu thụ chậm. Nông cụ cải tiến phát triển chậm và có chiều

hướng dừng lại. Công cụ sản xuất phục vụ thiết thực cho phát huy thế mạnh gắn liền với tập quán và yêu cầu từng vùng, từng cây, từng con, đặc biệt là cho vùng cao còn thiếu nhiều và còn ít tiến bộ. Các điểm cơ khí nhỏ phát triển không đều và hoạt động chưa bình thường, nhiều lúc bị ngừng trệ chưa được sửa chữa, thay thế kịp thời nên bị mai một dần. Mạng lưới sửa chữa công cụ, máy móc thiết bị trang bị phục vụ nông nghiệp chưa được tổ chức và phân công cụ thể nên tình trạng máy móc thiết bị hư hỏng không được kịp thời sửa chữa, thay thế, tác dụng phục vụ chưa thật thiết thực theo yêu cầu sản xuất của các vùng trong tỉnh.

Phục vụ giao thông vận tải và xây dựng cơ bản còn chậm so với yêu cầu phát triển của những ngành này với quy mô ngày càng lớn và tốc độ ngày càng nhanh. Nhu cầu về gỗ, gạch, ngói, vôi, cát, đá sỏi... cho xây dựng luôn luôn căng thẳng. Xi măng đang là yêu cầu cấp thiết nhưng xây dựng cơ sở vật chất quá chậm, sản lượng thấp, giá thành cao, chất lượng không đảm bảo.

Về phục vụ đời sống, tuy đã giải quyết được một số nhu cầu trong tiêu dùng bằng hàng của công nghiệp địa phương nhưng còn thiếu thốn. Giá thành hàng công nghiệp địa phương sản xuất ra còn cao, chất lượng chưa tốt, thị hiếu cho nhiều dân tộc chưa đáp ứng được. Đồ dùng bằng gỗ, tre, trúc, là những loại nguyên liệu có ở địa phương nhưng không được phát triển.

5. Cơ cấu chưa hợp lý, trình độ quản lý còn thấp

Trong công nghiệp địa phương, cơ sở công nghiệp quốc doanh đã được chú ý đầu tư phát triển, nhưng tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp thì chưa được phát triển đúng mức, nhất là thủ công nghiệp trong nông nghiệp còn bị coi nhẹ, chưa có chính sách cụ thể để khuyến khích phát triển tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp. Do đó chưa khai thác được khả năng và truyền thống của nhân dân các dân tộc về một số ngành nghề để tạo thêm sản phẩm phục vụ sản xuất và nâng cao đời sống, phục vụ đắc lực cho cuộc cách mạng kỹ thuật

trong nông nghiệp. Cơ cấu về thành phần kinh tế cũng chưa cân đối, công nghiệp quốc doanh phát triển nhanh, hợp tác xã thủ công nghiệp phát triển chậm và cũng mới chú ý được một số cơ sở chuyên doanh tập trung ở thị xã, thị trấn. Công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất, đặc biệt là công nghiệp vật liệu xây dựng phục vụ cho xây dựng cơ bản còn mất cân đối kéo dài. Sự phân bố phát triển công nghiệp chưa bám sát quy hoạch vùng nông nghiệp và quy hoạch phát triển công nghiệp trung ương, đồng thời cũng chưa chú ý phân bố xây dựng công nghiệp sao cho có tác dụng kích thích phát triển kinh tế giữa các vùng cho nên đối với vùng cao hầu như chưa có gì đáng kể.

Quản lý sản xuất trong công nghiệp địa phương còn mang nặng tính chất "hành chính - cung cấp" tổ chức sản xuất và tổ chức quản lý còn lỏng lẻo. Định mức kinh tế - kỹ thuật - vật tư chưa được xây dựng đầy đủ, một số định mức đã có thì thực hiện chậm và tùy tiện. Các quy trình, quy tắc kỹ thuật, nguyên tắc quản lý kinh doanh xã hội chủ nghĩa qua xí nghiệp không được tôn trọng triệt để, bị buông lỏng kéo dài. Vai trò, trách nhiệm nâng lên thường xuyên để đáp ứng với sự phát triển của sản xuất công nghiệp, tình hình đó dẫn đến hậu quả giá thành sản phẩm cao, chất lượng xấu, sản xuất không gắn với hiệu quả kinh tế, có trường hợp sản xuất và xây dựng công nghiệp với "bất cứ giá nào". Đó cũng là yếu tố mà các xí nghiệp sản xuất lãi ít, hoặc không có lãi. Điển hình là xí nghiệp đường, rượu, giấy... tổ chức sản xuất quản lý không đồng bộ, không khép kín, lao động nhiều nhưng năng suất lao động thấp, máy móc thiết bị phát huy kém, nguyên liệu bấp bênh cả về sản lượng và chất lượng, vận tải và nhiên liệu không ổn định... nên hiệu quả kinh tế rất thấp, phải bù lỗ liên tục năm này qua năm khác.

III. NHẬN XÉT CHUNG VÀ KẾT LUẬN

Dưới ánh sáng của đường lối công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa lại được các nghị quyết của Trung ương Đảng soi sáng cho từng

thời kỳ, Đảng bộ Lào Cai đã nêu cao quyết tâm với tinh thần chủ động dám nghĩ dám làm, tích cực khắc phục khó khăn để xây dựng, phát triển công nghiệp địa phương ở một tỉnh miền núi, biên giới, xa Trung ương, sản xuất nông nghiệp lạc hậu du canh du cư, cơ sở vật chất kỹ thuật nghèo nàn, trình độ văn hóa thấp kém, đã thu được một số kết quả tuy chưa nhiều nhưng có ý nghĩa lớn.

1. Quán triệt đường lối công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và các nghị quyết của Trung ương về chuyển hướng kinh tế thời chiến. Trải qua các thời kỳ xây dựng và phát triển công nghiệp địa phương, tỉnh ta trưởng thành từ không đến có, từ nhỏ đến lớn, đã và đang tạo ra sức mạnh mới, năng lực mới để củng cố các ngành kinh tế khác, nhất là nông nghiệp phát huy thế mạnh của miền núi đuổi kịp miền xuôi cùng đi lên chủ nghĩa xã hội.

2. Quá trình xây dựng phát triển công nghiệp vừa qua của tỉnh ta là quá trình đẩy mạnh xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, là quá trình đổi mới kỹ thuật tạo ra năng suất mới, tạo ra thêm nhiều sản phẩm góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển và thực hiện phân công lại lao động để mang lại hiệu quả về chính trị và kinh tế thiết thực. Cơ sở vật chất kỹ thuật tuy xây dựng được chưa nhiều nhưng đã và đang tạo ra điều kiện mới, là tiền đề cho bước phát triển đi lên của tỉnh ta trong thời gian tới.

3. Quá trình xây dựng và phát triển công nghiệp tỉnh ta, thời gian tuy chưa dài nhưng đã đào tạo được một đội ngũ cán bộ quản lý công nghiệp và công nhân kỹ thuật nhiều ngành nghề được tích lũy kinh nghiệm qua thực tế rèn luyện, đấu tranh trong sản xuất, xây dựng. Đó là vốn quý, có tác dụng lớn trong việc khai thác khả năng tiềm tàng của kinh tế địa phương tỉnh ta thời gian tới, theo tinh thần tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Kết quả của 15 năm xây dựng, phát triển công nghiệp là kết quả đáng phấn khởi và tự hào, là công sức của tập thể Đảng bộ,

của nhân dân các dân tộc, của giai cấp công nhân tỉnh ta đã kiên trì thực hiện đường lối công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã giành được có tính chất căn bản cũng còn một số thiếu sót, nhược điểm, nó là nguyên nhân của những tồn tại trong xây dựng và phát triển công nghiệp địa phương. Những nguyên nhân đó tập trung và nổi bật nhất là những vấn đề sau đây:

1. Nhận thức về đường lối công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa chưa thật sâu sắc, toàn diện và thấu suốt trong các cấp các ngành, cũng như trong cán bộ, đảng viên và quần chúng công nhân

Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc nước ta. Thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhằm xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội để nhanh chóng chuyển biến nền sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa đưa công nghiệp, nông nghiệp tiến lên hiện đại, văn hóa khoa học đạt trình độ tiên tiến. Từ nhận thức đó chỉ rõ tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa không phải là đơn thuần xây dựng, phát triển một số xí nghiệp công nghiệp quốc doanh, không phải chỉ là nhiệm vụ của một số xí nghiệp công nghiệp quốc doanh, không phải là nhiệm vụ của một vài ngành. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng đã chỉ rõ: "... Thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc nước ta là xây dựng một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa cân đối và hiện đại, kết hợp công nghiệp với nông nghiệp và lấy công nghiệp nặng làm nền tảng, ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý, đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ nhằm biến nước ta từ một nước nông nghiệp lạc hậu thành một nước có công nghiệp hiện đại và nông nghiệp hiện đại...".

Quán triệt đường lối công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, trong các nghị quyết về phát triển kinh tế địa phương, Đảng bộ Lào Cai đã đề ra nhiệm vụ xây dựng và phát triển công nghiệp địa phương

một cách cụ thể. Nhưng do thiếu biện pháp chỉ đạo và kiểm tra đôn đốc; Chưa làm cho các cấp, các ngành, cho toàn thể cán bộ, đảng viên quán triệt sâu sắc, đầy đủ yêu cầu của những nhiệm vụ đó và thấy được chính đó là sự vận dụng đường lối công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa của Đảng và thực tế địa phương. Và thấy rõ đó là nhiệm vụ của toàn dân, của tất cả các cấp, các ngành để gây thành một phong trào quần chúng rộng rãi phát triển sản xuất công nghiệp, xây dựng mau chóng nền kinh tế công nghiệp của địa phương đảm bảo cơ cấu cân đối, hợp lý giữa các vùng, giữa các ngành nghề, giữa quốc doanh với tập thể giữa công nghiệp với thủ công nghiệp, giữa thủ công nghiệp chuyên nghiệp với thủ công nghiệp gia đình, thủ công nghiệp trong các hợp tác nông nghiệp...

Nhận thức đầy đủ được nội dung nhiệm vụ, yêu cầu và phương châm của đường lối công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là một vấn đề hết sức cần thiết để nêu cao quyết tâm và kiên trì thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ phát triển công nghiệp địa phương sát với thực tế tình hình đặc điểm địa phương. Thời gian qua do hiện thực của các cấp, các ngành còn chưa đầy đủ nên quá trình thực hiện đường lối công nghiệp hóa, xây dựng và phát triển công nghiệp địa phương còn có những mặt yếu, công nghiệp phục vụ vùng cao còn ít, công nghiệp quốc doanh và thủ công nghiệp chưa có sự phân công sản xuất và hỗ trợ nhau, thủ công nghiệp bị coi nhẹ, buông lỏng, quan hệ giữa công nghiệp với nông nghiệp và một số ngành kinh tế khác chưa được giải quyết đúng mức. Vấn đề chính sách đối với sản xuất thủ công nghiệp chưa được coi trọng nên ngành sản xuất thủ công bị mai một dần.

2. Phương hướng phát triển ngành nghề cũng như bước đi, quy mô xây dựng và phát triển công nghiệp địa phương chưa được xác định có căn cứ kinh tế - kỹ thuật trên cơ sở điều tra cơ bản, quy hoạch phát triển kinh tế toàn diện ở địa phương và quy hoạch phân bố công nghiệp toàn quốc

Xác định đối tượng đầu tư (tức là chủ trương xây dựng) là khâu

công tác có vị trí quan trọng ảnh hưởng nhiều đến hiệu quả kinh tế. Đầu tư xây dựng xí nghiệp gì, quy mô thế nào, tái sản xuất, tái sản xuất cố định bằng hình thức nào (hợp lý hóa sản xuất khôi phục, cải tạo mở rộng, xây dựng mới) xây dựng ở đâu, cần bao nhiêu vốn, vật tư, nhằm mục tiêu gì, nguồn cung cấp nguyên liệu ở đâu? bao giờ xong? để huy động vào sản xuất... là những vấn đề lớn mà trước khi đặt vấn đề đầu tư xây dựng một số công nghiệp nào đó cũng phải nghĩ tới để cân nhắc xem xét, xác định trên cơ sở nhiệm vụ, phương hướng của kế hoạch phát triển kinh tế chung toàn tỉnh.

Xây dựng công nghiệp địa phương trong điều kiện chưa có quy hoạch phát triển kinh tế toàn diện của địa phương và quy hoạch phân bổ công nghiệp toàn quốc là một khó khăn dẫn tới việc xác định chủ trương và quyết định chủ trương xây dựng thiếu căn cứ kinh tế - kỹ thuật thiếu cơ sở khoa học, chiến tranh phá hoại kéo dài và ác liệt miền Bắc cũng gây cho sản xuất và xây dựng công nghiệp tỉnh ta nhiều khó khăn, lúng túng.

Chúng ta xây dựng và phát triển công nghiệp từ một hiện trạng kinh tế của tỉnh ta vô cùng lạc hậu, nhỏ bé và phân tán. Công nghiệp không có gì, nông nghiệp thì nghèo nàn không có sản phẩm hàng hóa dân cư thưa thớt, lao động kỹ thuật thiếu... và xây dựng trong điều kiện hòa bình chưa được bao nhiêu thì lại bị chiến tranh chi phối cả miền Bắc phải tập trung vào chống chiến tranh phá hoại và tăng cường chi viện cho miền Nam. Công nghiệp địa phương của tỉnh ta cũng phải chuyển hướng theo yêu cầu xây dựng kinh tế thời chiến. Do tình hình cả nước có chiến tranh, Trung ương chủ trương tập trung đầu tư xây dựng kinh tế địa phương để giải quyết yêu cầu hậu cần tại chỗ, tăng cường tiềm lực kinh tế của hậu phương lớn nên đã thúc đẩy công nghiệp địa phương có những bước phát triển nhảy vọt về xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật. Để tranh thủ được nhiều vật tư thiết bị cho công nghiệp địa phương tỉnh ta, chúng ta đã tập trung xây dựng gấp rút một số công trình công nghiệp mặc dù về chủ trương xây dựng chưa được tính toán,

xác định một cách đầy đủ cả về ngành nghề, quy mô, địa điểm xây dựng... chưa có điều tra cơ bản, chưa có quy hoạch, kế hoạch và phát triển kinh tế toàn diện, chưa xem xét kỹ về mặt nguyên liệu, tiêu thụ và kỹ thuật tại địa phương. Có thể nói, chúng ta còn vội vàng và nặng về số lượng, nhẹ về đầu tư quản lý, và tính toán hiệu quả kinh tế nên có biểu hiện xây dựng công nghiệp với bất kỳ giá nào, miễn sao có nhiều xí nghiệp, còn các xí nghiệp đó sản xuất ra sao, nguyên liệu và tiêu thụ thế nào, hiệu quả kinh tế ra sao, tác dụng phục vụ đến đâu thì ít được soát xét tới. Vì thế khi xây dựng xong nguồn nguyên liệu không đáp ứng, tiêu thụ bấp bênh, tổ chức và quản lý không khép kín, thiết bị không đồng bộ hoàn chỉnh phải bổ sung chắp vá kéo dài, quản lý thiếu năng lực, công nhân thiếu và yếu tay nghề, địa điểm bất hợp lý, không ổn định, khấu hao kéo dài... dẫn tới sản xuất cầm chừng, giá thành cao, chất lượng xấu, gây mất cân đối kéo dài trong sản xuất, hiệu quả kinh tế thấp gây lỗ vốn hoặc giảm lãi.

Công nghiệp địa phương tỉnh ta cho đến nay đã có nhiều cơ sở, nhiều ngành nghề nhưng xét về yêu cầu thực tế thì cũng chưa được hợp lý, cân đối, chưa xác định được những ngành nghề sản xuất mũi nhọn trên cơ sở phát huy ưu thế địa phương và phục vụ hợp với thị hiếu tập quán của nhân dân các dân tộc, có những mặt hàng có yêu cầu tiêu thụ lớn thì lại bị mai một đi (nông cụ, trang bị cơ khí nhỏ, công cụ cầm tay...), từ đó dẫn đến tác dụng phục vụ của công nghiệp đối với các ngành kinh tế khác mà đặc biệt là đối với nông nghiệp còn bị hạn chế trên nhiều mặt.

Công nghiệp quốc doanh và thủ công nghiệp là hai thành phần chủ yếu của công nghiệp địa phương. Xây dựng và củng cố các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh là cần thiết, đúng đắn, nhưng nếu chưa đồng thời chú ý đến xây dựng và phát triển thủ công nghiệp, ít đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho thủ công nghiệp có xu hướng quốc doanh hóa... là không đúng. Ngay trong thủ công nghiệp mà chỉ chú ý phát triển lực lượng chuyên nghiệp, chuyên

doanh, không chú ý phát triển đúng mức lực lượng thủ công nghiệp không chuyên nghiệp ở nông thôn, vùng cao, kiêm doanh trong các hợp tác xã nông nghiệp, không phát triển nghề phụ gia đình thì cũng là sai lệch. Chính do chúng ta chưa chú ý phát triển thủ công nghiệp, kể cả thủ công nghiệp chuyên nghiệp và thủ công nghiệp gia đình không phát huy được những ngành nghề truyền thống trong dân gian để tạo thêm nhiều sản phẩm hàng hóa thực hiện hậu cần tại chỗ và phục vụ trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp, ở từng vùng, từng dân tộc một cách phù hợp như chế biến hoa màu, sản xuất nông cụ, sản xuất vật liệu xây dựng... không phát động được toàn dân tham gia xây dựng và phát triển công nghiệp, thực hiện đường lối công nghiệp hóa của Đảng một cách mạnh mẽ và đều khắp các vùng trong tỉnh.

3. Năng lực và trách nhiệm quản lý xí nghiệp của cán bộ, đảng viên quần chúng công nhân thấp kém, chưa được thường xuyên bồi dưỡng nâng lên kịp với yêu cầu quản lý theo phương thức kinh doanh xã hội chủ nghĩa

Sản xuất công nghiệp phát triển nhưng năng lực quản lý chưa được nâng lên tương xứng. Đầu tư xây dựng mạnh, đầu tư quản lý còn ít nên khả năng phát huy hiệu quả của đầu tư xây dựng bị hạn chế. Hầu hết các xí nghiệp khi thành lập, vấn đề cán bộ quản lý chưa được chuẩn bị trước nên việc bố trí có gượng ép, châm chúoc về tiêu chuẩn, do đó trong thực tế quản lý sản xuất bị hạn chế nên nhiều các giám đốc xí nghiệp là những cán bộ chính trị, quân sự chuyển sang chưa được qua trường lớp đào tạo bồi dưỡng về quản lý xí nghiệp, quản lý kinh tế, kỹ thuật. Do đó hiểu biết về công nghiệp còn ít, trong quá trình chỉ huy sản xuất, kinh doanh những khó khăn nảy sinh không giải quyết được một cách đúng đắn, quản lý thiếu phương pháp khoa học nên nhiều sơ hở, vận dụng chính sách, chế độ hạn chế nhiều mặt do trình độ nhận thức về quan điểm, đường lối phát triển kinh tế, phát triển công

nghiệp có hạn. Trong chỉ huy sản xuất nặng về động viên chính trị tư tưởng chung chung, tăng giờ, tăng ca kíp... ít vận dụng biện pháp tiến bộ kỹ thuật, biện pháp đòn bẩy kinh tế, biện pháp cải tiến tổ chức hợp lý hóa sản xuất, tổ chức lao động, tổ chức đời sống để khuyến khích tăng năng suất lao động. Mặt khác ở một số xí nghiệp chức năng và trách nhiệm của giám đốc chưa được phát huy theo đúng chế độ thủ trưởng mà Nhà nước đã quy định. Điều đó thể hiện trong quản lý sản xuất, giám đốc chưa đề cao trách nhiệm với chức năng là người tổ chức quản lý xí nghiệp để điều khiển toàn bộ sự hoạt động của xí nghiệp theo kế hoạch. Việc chấp hành chính sách, chế độ, chấp hành thủ tục, nguyên tắc và các chỉ tiêu kế hoạch có tính chất pháp lệnh còn tùy tiện. Giám đốc xí nghiệp năng lực quản lý kinh tế - kỹ thuật yếu nhưng chưa biết dựa vào tổ chức đảng, các đoàn thể quần chúng để phát huy trí tuệ tập thể vào việc quản lý sản xuất và đẩy mạnh các mặt hoạt động khác của xí nghiệp.

Đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề còn ít, việc đào tạo, bồi dưỡng, đề cao trình độ văn hóa, nghề nghiệp không làm được thường xuyên liên tục, bình quân cấp bậc công nhân mới đạt 1,8. Với trình độ tay nghề như vậy khó có điều kiện để sử dụng quản lý và phát huy tốt những máy móc thiết bị hiện đại một cách thành thạo. Đồng thời cũng hạn chế khả năng suy nghĩ, tìm tòi, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, áp dụng kỹ thuật mới và những kinh nghiệm tiên tiến đã được tổng kết để tăng năng suất lao động. Ý thức làm chủ của công nhân chưa được phát huy mạnh mẽ trong sản xuất và quản lý xí nghiệp. Một phần do công tác giáo dục chính trị tư tưởng để nâng cao nhiệt tình cách mạng, chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân chưa làm được sâu và có hệ thống, một phần do hoàn cảnh thực tế đời sống vật chất có khó khăn (thu nhập thấp, cung cấp thiếu thốn...) nên thiếu phấn khởi, yên tâm, gắn bó với xí nghiệp, số công nhân có gia đình, đông con đã dành nhiều thời gian suy nghĩ, tính toán việc phát triển kinh tế gia đình.

Do chức năng tổ chức, quản lý và trách nhiệm của giám đốc xí nghiệp cũng như vai trò làm chủ tập thể của quần chúng công nhân chưa được đề cao, nên công tác quản lý ở các xí nghiệp công nghiệp địa phương làm chưa tốt, bị buông lỏng kéo dài (nhất là trong thời kỳ có chiến tranh). Công tác hạch toán kinh tế còn nhiều biểu hiện của sản xuất nhỏ, tùy tiện, thiếu nghiêm ngặt trong việc chấp hành thủ tục, nguyên tắc chính sách chế độ, gây lãng phí vật tư, lao động, thiết bị kéo dài mà không được soát xét tới để có biện pháp khắc phục kịp thời.

a) Công tác quản lý kế hoạch: Kế hoạch sản xuất có vị trí quan trọng đặc biệt, là cương lĩnh cụ thể để chỉ đạo và quản lý sản xuất. Nhất là đối với sản xuất công nghiệp, một ngành sản xuất có tính dây chuyền và đồng bộ khá cao, thì công tác kế hoạch lại càng phải được thể hiện đầy đủ tính khoa học và cân đối của nó, vì thế yêu cầu các cơ quan quản lý, và các bộ môn nghiệp vụ phải làm tốt chức năng hậu cần cho sản xuất ngay từ khi giao chỉ tiêu, kế hoạch và quá trình quản lý, chỉ đạo thực hiện kế hoạch. Nghĩa là chỉ tiêu phải cụ thể, định mức công việc rõ ràng, bản vẽ thiết kế và quy trình công nghệ đầy đủ, cung cấp nguyên liệu, vật liệu tài chính kịp thời, trang bị, bảo dưỡng máy móc công cụ đúng chế độ... là những điều kiện không thể thiếu để tăng năng suất lao động và phấn đấu thực hiện hoàn thành kế hoạch.

Nhìn chung, công tác kế hoạch hóa trong sản xuất công nghiệp thời gian qua chúng ta làm chưa tốt, thiếu khoa học nên thường gây mất cân đối trong sản xuất, sự điều hòa phối hợp kém nên thực hiện kế hoạch thường không đạt, nếu đạt cũng không cao và không toàn diện. Các cơ quan tham mưu về công tác kế hoạch hóa từ Ủy ban Kế hoạch tỉnh đến các phòng, ban, kế hoạch của Ty, xí nghiệp năng lực chỉ đạo, điều khiển kế hoạch còn bị hạn chế nhiều, nên sự mất cân đối gây mất ổn định trong sản xuất không được kịp thời giải quyết, các điều kiện để thực hiện kế hoạch của xí nghiệp, phân xưởng không được chăm lo đầy đủ cả

về vật chất lẫn tinh thần do đó cơ sở để hoàn thành được chỉ tiêu giá trị tổng sản lượng, chỉ tiêu sản phẩm chủ yếu thường là không thực hiện được. Việc thực hiện dân chủ hóa kế hoạch trong xí nghiệp làm chưa sâu, thường là qua loa nên chưa phát huy được tinh thần làm chủ, sáng tạo của tập thể đông đảo quần chúng công nhân trong việc xây dựng kế hoạch và bàn biện pháp thực hiện kế hoạch. Có thể nói công tác kế hoạch hóa từ cơ sở đến tỉnh chưa nền nếp, mất cân đối nhiều khâu, các mối quan hệ thiếu gắn bó chặt chẽ, điều chỉnh không kịp thời nên vừa thiếu tính pháp lệnh vừa thiếu dân chủ, gây căng thẳng trong sản xuất: chờ việc, chờ vật tư, chờ chỉ tiêu...

b) Công tác quản lý kỹ thuật: Quy trình, quy tắc, quy phạm kỹ thuật là những tiêu chuẩn quy định bắt buộc cho tính chất pháp quy mà sản xuất công nghiệp phải tuân theo để đảm bảo an toàn sản xuất, tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành. Công tác quản lý kỹ thuật của sản xuất công nghiệp chủ yếu cũng xoay quanh nội dung đó để thúc đẩy sản xuất, thực hiện vượt mức chỉ tiêu kế hoạch nhà nước.

Trong công nghiệp địa phương, công tác quản lý kỹ thuật ở các xí nghiệp chưa được coi trọng đúng mức. Nhiều tiêu chuẩn, định mức, quy trình, quy phạm, quy tắc kỹ thuật không được chấp hành nghiêm chỉnh, từ lãnh đạo đến công nhân trực tiếp sản xuất còn nặng tư tưởng tùy tiện, không am hiểu kỹ thuật nên coi thường kỹ thuật, thiếu nghiên cứu và kiểm tra việc thực hiện đúng các quy trình, quy phạm quy tắc, kỹ thuật. Công tác phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, áp dụng sáng kiến, kinh nghiệm vào sản xuất chưa thành phong trào sâu rộng, không có chương trình kế hoạch, thiếu động viên kịp thời. Kế hoạch sản xuất của xí nghiệp thường không có chỉ tiêu về kế hoạch tiến bộ kỹ thuật, về thí nghiệm và ứng dụng kỹ thuật mới... Công tác tiêu chuẩn hóa các sản phẩm và kiểm tra chất lượng sản phẩm, nghiệm thu sản phẩm (OTK) không được vận dụng để quản lý về chất lượng kỹ thuật sản phẩm.

Định kỳ bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị không được tôn trọng, nội quy kỹ thuật sử dụng và bảo quản máy móc thiết bị nắm lý lịch từng loại máy để phát huy công suất và bảo dưỡng sửa chữa đúng kỳ chưa làm được nên công suất máy móc thiết bị phát huy thấp, tuổi thọ ngắn, một số trường hợp đã không bảo đảm an toàn cho sản xuất, gây tai nạn lao động...

c) Công tác quản lý lao động: Đào tạo, sử dụng và bồi dưỡng là ba mặt của vấn đề quản lý lao động để không ngừng nâng cao năng suất lao động. Trong quá trình xây dựng và phát triển công nghiệp, lực lượng lao động đã được bổ sung thường xuyên để đáp ứng yêu cầu phát triển với quy mô ngày càng lớn của thực tế sản xuất đòi hỏi. Nhưng lao động càng tăng thì công tác quản lý lao động càng nhiều lúng túng, một phần do kế hoạch sản xuất không ổn định nhiều khi thiếu vật tư, nguyên liệu phải ngừng sản xuất kéo dài gây căng thẳng về việc bố trí lao động, một phần do việc quản lý lao động chưa tốt biểu hiện trên các mặt sau đây:

- Chưa coi trọng công tác bồi dưỡng xây dựng con người mới để đào tạo đội ngũ cán bộ công nhân viên ngành công nghiệp thành những người lao động có văn hóa, kỹ thuật, có kỷ luật, có giác ngộ chính trị cao, thực sự là người chủ xí nghiệp để tự giác, gương mẫu chấp hành nội quy, kỷ luật lao động. Cho tới nay ngành công nghiệp vẫn chưa tổ chức được một trường đào tạo công nhân kỹ thuật với đầy đủ ngành nghề cần thiết cho sản xuất công nghiệp để thực hiện một chương trình đào tạo có hệ thống và toàn diện. Ở các xí nghiệp, công tác bổ túc nâng cao tay nghề không được thường xuyên chú ý và khuyến khích tạo điều kiện để duy trì có kết quả. Trong đội ngũ công nhân công nghiệp hiện nay, 80% là công nhân bậc 1 và bậc 2, 18% là công nhân bậc 3 và chỉ có 2% là công nhân từ bậc 4 trở lên. Với trình độ tay nghề thấp như thế thì không thể đáp ứng cho yêu cầu sản xuất đòi hỏi với chất lượng ngày càng cao, kỹ thuật hiện đại và năng suất lao động cao.

- Vấn đề sử dụng lao động còn nhiều bất hợp lý, thiếu biện pháp tổ chức cụ thể để nâng cao năng suất lao động, nâng cao ngày công và giờ công có ích, 5 điều kỷ luật lao động chưa được chấp hành nghiêm chỉnh. Vì thế năng suất lao động thấp, công suất máy móc thiết bị phát huy chưa được một nửa, ngày công bình quân mới đạt 19,8% ngày 1 tháng, giờ công có ích chỉ đạt 5-6 giờ một ngày. Nhiều phần việc không xây dựng được tính định mức năng suất lao động để giao cho công nhân phấn đấu thực hiện, việc khoán sản phẩm, trả lương theo sản phẩm không thực hiện được ở hầu hết các xí nghiệp nên chưa phát huy và sử dụng hợp lý khả năng lao động và kỹ năng lao động tiềm tàng của quần chúng công nhân.

- Bồi dưỡng lao động là vấn đề có ý nghĩa chính trị và kinh tế nói lên tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa tươi đẹp. Làm tốt việc bồi dưỡng sức lao động sẽ có tác dụng trực tiếp đến việc nâng cao năng suất lao động. Cho nên ở các xí nghiệp không chú ý đến việc bồi dưỡng sức lao động thực chất là đã lơ là lỏng công tác quản lý lao động. Trong các xí nghiệp công nghiệp tỉnh ta, công tác chăm lo, bồi dưỡng sức lao động còn coi nhẹ. Nhiều khi chỉ chú ý đến động viên chính trị tư tưởng, chú ý đến việc lo hoàn thành kế hoạch sản xuất mà lãng quên vấn đề chăm lo, bồi dưỡng, bảo vệ sức lao động cho quần chúng công nhân là vấn đề phải đi đôi với động viên chính trị tư tưởng, vấn đề có ảnh hưởng trực tiếp đến hoàn thành kế hoạch sản xuất. Việc ăn, ở, khám, chữa bệnh, đi lại làm việc, bồi dưỡng ca, kíp, tổ chức phúc lợi phục vụ đời sống... chưa có biện pháp tích cực để thực hiện nhằm duy trì sức khỏe, lao động sản xuất với năng suất cao, bền bỉ, lâu dài. Thực tế đời sống công nhân còn gặp nhiều khó khăn về ăn, ở, đi lại, sinh hoạt, cung cấp thiếu thốn, nhà ăn, nhà trẻ trách nhiệm phục vụ kém, bồi dưỡng ca ba thường là thiếu hiện vật, công tác bảo hộ lao động làm chưa tốt cho nên tỷ lệ ốm đau phải nghỉ việc còn cao, chỉ về thuốc khám bệnh vượt, tỷ lệ con ốm mẹ nghỉ nhiều...

d) Công tác quản lý vật tư: Quản lý chặt chẽ cho vật tư theo định mức và đúng thủ tục, nguyên tắc là một việc làm có tác dụng thiết thực để hoàn thành kế hoạch sản xuất, tăng cường quản lý xí nghiệp, ổn định và hạ giá thành sản phẩm. Thực tế thời gian qua, hầu hết các xí nghiệp công nghiệp địa phương chưa xây dựng được định mức sử dụng vật tư, tiêu hao nguyên liệu, nhiên liệu cho một đơn vị sản phẩm để làm căn cứ lập kế hoạch xin cung cấp vật tư và cấp phát vật tư cho sản xuất. Việc giáo dục ý thức tiết kiệm vật tư, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa chưa được đề cao với những biện pháp tích cực, vì thế công tác quản lý vật tư dẫn tới lỏng lẻo, tùy tiện, chưa khớp vào nguyên tắc, chế độ thủ tục, một cách nể nang thường xuyên; hiện tượng lãng phí vật tư còn phổ biến; việc xuất nhập vật tư hết sức tùy tiện, cân đo, đong đếm qua loa đại khái. Từ đó dẫn tới giá thành sản phẩm không ổn định và thiếu căn cứ vững chắc để xây dựng giá một cách khoa học. Việc lập kế hoạch và việc cung cấp vật tư cũng gặp nhiều khó khăn, bị động lúng túng do thiếu yêu cầu cụ thể về số lượng, chất lượng, chủng loại nên ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất. Mặt khác, công tác bảo quản vật tư thiết bị còn buông lỏng kéo dài nhất là trong thời kỳ có chiến tranh, do kho tàng tạm bợ, xí nghiệp phân tán, sơ tán, trách nhiệm thủ kho không được đề cao đã gây lãng phí khá nhiều vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, thiết bị do bão lụt, mất mát hư hỏng... Máy móc, thiết bị bảo dưỡng, bảo quản, sử dụng không tôn trọng quy trình nên hỏng hóc kéo dài, công suất phát huy thấp, có những thiết bị mua sắm về mà không đưa vào sử dụng hoặc do trình độ kỹ thuật của công nhân có hạn nên không sử dụng được đã để hư hỏng (thiết bị phục vụ thi công, sản xuất vật liệu...).

đ) Công tác quản lý tài chính:

Một xí nghiệp công nghiệp quốc doanh là một đơn vị hạch toán kinh tế độc lập, do đó phải có trách nhiệm thực hiện đầy đủ

các chính sách, chế độ, các thủ tục nguyên tắc về quản lý kinh tế tài chính mà Nhà nước đã ban hành nhằm tăng cường quản lý xí nghiệp theo phương thức sản xuất kinh doanh xã hội chủ nghĩa, thực hiện chế độ hạch toán kinh tế một cách nghiêm chỉnh. Nhưng nhìn chung thì các xí nghiệp công nghiệp công tác quản lý tài chính còn nhiều sơ hở, tùy tiện, thiếu nghiêm ngặt trong việc chấp hành chế độ, nguyên tắc, vì vậy dẫn đến việc sử dụng và phát huy tiền vốn vào kinh doanh sản xuất còn bị hạn chế, vòng quay của vốn giảm dần, năng lực mới tăng huy động vào sản xuất còn thấp (năm 1965 vòng quay của vốn là 7,36 nhưng năm 1970 chỉ còn 3,37 hầu hết các xí nghiệp mới phát huy được 1/2 công suất, còn lãng phí nhiều về năng lực).

Chưa chấp hành đúng nguyên tắc về quản lý tiền mặt, chi tiêu còn tùy tiện, nặng về thực thanh thực chi, công tác ghi chép ban đầu còn chệch choạc nên thực hiện chế độ hạch toán kinh tế thiếu chặt chẽ, phản ánh kết quả kinh doanh tốt xấu; lỗi lầm không kịp thời không đề ra được biện pháp khắc phục để uốn nắn một cách sát hợp, cụ thể. Việc tiến hành trả lương sản phẩm chưa làm được (do định mức lao động, vật tư, kỹ thuật chưa có), thực hiện các khoản nộp ngân sách còn chậm chạp, thanh quyết toán dây dưa kéo dài, kế hoạch tài vụ thường lập chậm và không đầy đủ, việc chi tiêu ngoài kế hoạch vẫn còn. Vai trò của bộ máy kế toán chưa phát huy đầy đủ chức năng về giúp việc giám đốc, coi nhẹ chức năng kiểm soát việc chấp hành các chính sách chế độ thủ tục, nguyên tắc về tài chính của Nhà nước ở xí nghiệp, kế hoạch hạ giá thành thường ít được quan tâm và sự phấn đấu hạ giá thành sản phẩm chưa mạnh mẽ.

Với tình hình quản lý các mặt như vậy nên kết quả kinh doanh của các xí nghiệp công nghiệp thường là bị lỗ, hiệu quả một đồng vốn giảm dần, gần đây có một số cơ sở bước đầu có lãi, nhưng xét trên nhiều mặt thì cũng chưa thoả đáng.

4. Nông nghiệp chưa là cơ sở vững chắc cho công nghiệp địa phương phát triển, nhất là vấn đề cung cấp nguyên liệu cho sản xuất công nghiệp. Quan hệ giữa công nghiệp với lưu thông phân phối và giá cả chưa chặt chẽ trên tinh thần hợp tác xã hội chủ nghĩa

Một trong những nguyên nhân cơ bản của những tồn tại trong sản xuất công nghiệp địa phương là vấn đề cung cấp nguyên liệu không đủ về số lượng và không đúng về quy cách phẩm chất nên sản xuất bị mất cân đối kéo dài gây lãng phí lao động, thiết bị... công nghiệp địa phương là một bộ phận của kinh tế địa phương phải từ đặc điểm thực tế địa phương (nguyên liệu, tiêu thụ, lao động...) để xây dựng và phát triển với bước đi vững chắc và quy mô, cơ cấu phù hợp. Vì vậy công nghiệp địa phương tỉnh ta phải gắn chặt với nền kinh tế của tỉnh ta mà trước hết là gắn liền với nông nghiệp bởi vì công nghiệp và nông nghiệp là hai bộ phận chủ yếu quan hệ mật thiết với nhau trong nền kinh tế quốc dân. Có được một cơ cấu nông nghiệp hợp lý trên cơ sở phát huy thế mạnh của tỉnh ta - nghĩa là một nền nông nghiệp hàng hóa, sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa thì công nghiệp địa phương mới có cơ sở để phát triển một cách vững chắc. Bởi vì nông nghiệp không những là nguồn cung cấp nguyên liệu lao động cho công nghiệp mà còn là thị trường rộng lớn tiêu thụ sản phẩm do công nghiệp sản xuất ra.

Trong thời gian qua, một số cơ sở công nghiệp địa phương sản xuất không ổn định, gây lãng phí lao động, thiết bị... Chính là vì thiếu nguyên liệu địa phương do nông lâm nghiệp cung cấp (xí nghiệp đường thiếu mía, xí nghiệp dầu thiếu rễ thông, xí nghiệp mộc xẻ thiếu gỗ, xí nghiệp thực phẩm thiếu đỗ tương...). Sở dĩ nông nghiệp chưa làm cơ sở vững chắc cho công nghiệp phát triển không phải chỉ do công nghiệp chưa làm đầy đủ trách nhiệm phục vụ nông nghiệp, chưa tác động mạnh vào nông nghiệp... mà chính là do tự bản thân nông nghiệp chưa xác định rõ ràng về phương hướng sản xuất một cách vững chắc trên cơ sở phát huy ưu thế của tỉnh ta (vùng, cây, con đặc sản...) để đi vào thâm canh

tăng năng suất. Do đó cách mạng kỹ thuật trong nông nghiệp chưa mạnh, quan hệ sản xuất mới trong nông nghiệp chưa vững chắc, chưa thật sự là nhân tố thúc đẩy sức sản xuất phát triển, nhất là đối với vùng cao. Cho nên công nghiệp địa phương nhiều khi lúng túng về phương hướng phục vụ, về phương hướng phát triển ngành nghề, về cơ sở không vững chắc. Chỉ có trên cơ sở phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 19 thì mới tạo điều kiện cho công nghiệp địa phương khắc phục tình trạng mất cân đối trong sản xuất và công nghiệp địa phương cũng mới có điều kiện để tác động vào nông nghiệp có hiệu quả kinh tế hiệu quả thiết thực.

Sản xuất với lưu thông phân phối và giá cả là những vấn đề có quan hệ chặt chẽ trong nền kinh tế, ở tỉnh ta mối quan hệ này cũng đã cố gắng phát huy trên tinh thần hợp tác xã hội chủ nghĩa để phục vụ và kích thích lẫn nhau phát triển. Nhưng cũng còn nhiều biểu hiện của tư tưởng kinh doanh đơn thuần, cục bộ, bản vị thiếu ý thức trách nhiệm chung nên sự hợp tác xã hội chủ nghĩa chưa thật đề cao. Có lúc, có nơi dễ xảy ra tình hình căng thẳng không cần thiết giữa sản xuất với lưu thông phân phối và cung ứng vật tư. Hợp đồng kinh tế ký chậm trễ, dây dưa hoặc yêu cầu tiêu thụ có nhưng không có cơ quan nào đứng ra ký hợp đồng (vấn đề nông cụ); cung cấp vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất, công nghiệp chưa có nền nếp và chính xác về chất lượng, số lượng, chủng loại, thời hạn... nên kế hoạch sản xuất nhiều lúc bị động, cầm chừng, tình hình chiếm kho, lưu bãi, hàng hóa ứ đọng chưa được giải quyết kịp thời trên cơ sở bàn bạc thống nhất giữa các ngành với nhau.

5. Trách nhiệm tham mưu chỉ đạo quản lý công nghiệp chưa được phát huy đầy đủ. Vai trò lãnh đạo toàn diện của tổ chức đảng ở các xí nghiệp còn bị hạn chế. Vị trí của Công đoàn và Đoàn Thanh niên Lao động Hồ Chí Minh trong việc vận động

quần chúng tham gia quản lý sản xuất, quản lý xí nghiệp chưa được phát huy cao độ.

Xây dựng và phát triển công nghiệp địa phương theo đường lối công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa của Đảng là có một quá trình đấu tranh cách mạng giữa hai con đường để đi từ sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Quá trình đó có nhiều khó khăn, phức tạp diễn ra trên các lĩnh vực tư tưởng, quan điểm, kinh tế, kỹ thuật, tổ chức, quản lý... cần phải được phối hợp chỉ đạo chặt chẽ của các cấp, các ngành dưới sự lãnh đạo của Đảng. Do đó các cơ quan tham mưu về chủ trương, các cơ quan trực tiếp quản lý và chỉ đạo xây dựng, phát triển công nghiệp phải phát huy cao độ trách nhiệm của mình giúp cấp ủy có cơ sở vững chắc quyết đáp những vấn đề thuộc về chủ trương và biện pháp tổ chức thực hiện các chủ trương có kết quả.

15 năm xây dựng và phát triển công nghiệp địa phương tỉnh ta đã cho thấy: Khi sự lãnh đạo của Đảng được tăng cường với chủ trương thống nhất, tổ chức chỉ đạo đồng bộ, khít khao, kết hợp chặt chẽ các mặt và các mối quan hệ thì mọi chỉ tiêu nhiệm vụ được thực hiện tốt, dứt điểm, hiệu quả kinh tế được nâng lên, nhiều khó khăn đã được khắc phục tốt. Nhưng cũng còn có những vấn đề do nghiên cứu chưa sâu, bàn bạc chưa kỹ, phương án kinh tế - kỹ thuật không được chuẩn bị đầy đủ trước khi quyết định, thiếu đúc rút kinh nghiệm kịp thời, thường xuyên nên nhiều mặt tồn tại vẫn kéo dài hết năm này qua năm khác chưa khắc phục được. Thiếu sót đó trước hết là do cơ quan tham mưu cho cấp ủy về chủ trương yếu về năng lực và thiếu tinh thần trách nhiệm. Nhiều vấn đề trong công nghiệp nghiên cứu không sâu, đề xuất không vững chắc, thiếu thực tế, thiếu căn cứ kinh tế kỹ thuật, không kịp thời và toàn diện để giúp cấp ủy xem xét cân nhắc quyết định được nhanh, vững chắc.

Công tác chỉ đạo còn thiếu tập trung, lề lối và quan hệ làm việc còn tùy tiện chưa khít vào nguyên tắc thống nhất, cấp ủy chức năng quản lý xí nghiệp chưa rõ ràng và làm được quá ít, xí nghiệp

muốn đi thẳng lên tỉnh để giải quyết các yêu cầu. Tổ chức các cơ quan chỉ đạo, thực hiện và trực tiếp quản lý công nghiệp chưa được kiện toàn, hiểu biết về quản lý kinh tế, quản lý kỹ thuật trong công nghiệp còn thấp. Hệ thống tổ chức chỉ đạo về quản lý kinh tế từ cấp ty đến xí nghiệp, từ tỉnh đến các huyện, thị còn những bất hợp lý chưa được bổ sung kịp thời và kiện toàn đầy đủ, nhất là các phòng công nghiệp và thủ công nghiệp ở các huyện, thị cán bộ vừa thiếu lại vừa yếu, công tác kế hoạch hóa trong công nghiệp còn nhiều lúng túng, cơ quan tham mưu cho cấp ủy về kế hoạch xây dựng và phát triển công nghiệp cũng mới chỉ giải quyết được những vấn đề trước mắt, ngắn hạn nhưng cũng còn mất cân đối khá nhiều, khả năng điều hòa phối hợp kém.

Công tác Đảng, công tác quần chúng ở các xí nghiệp công nghiệp và các cơ sở thủ công nghiệp tuy đã trải qua nhiều cuộc vận động đã được quán triệt nhiều chỉ thị, nghị quyết của Đảng nhưng vẫn còn lúng túng về chức năng, nhiệm vụ, về ranh giới trách nhiệm, sự phối hợp giữa giám đốc với Công đoàn và Đoàn Thanh niên Lao động Hồ Chí Minh dưới sự lãnh đạo toàn diện của tổ chức đảng ở xí nghiệp chưa thực hiện tốt. Vai trò của tổ chức đảng ở cơ sở với chức năng lãnh đạo toàn diện làm còn yếu do chưa biết kết hợp giữa giáo dục chính trị tư tưởng với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị cụ thể ở xí nghiệp là thực hiện các chỉ tiêu của kế hoạch sản xuất, tăng cường các mặt quản lý, tổ chức tốt đời sống cho công nhân. Công tác phát triển đảng viên nhằm vào công nhân trực tiếp sản xuất công nghiệp làm còn chậm nên tỷ lệ đảng viên trong công nhân trực tiếp sản xuất chỉ chiếm khoảng 0,095 %. So với các ngành kinh tế khác thì tỷ lệ đó quá thấp, điều đó nói lên công tác xây dựng Đảng ở các xí nghiệp công nghiệp chưa được chú ý toàn diện cả về số lượng và chất lượng để nâng cao năng lực lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng ở xí nghiệp, thực hiện tốt nhiệm vụ lãnh đạo toàn diện của tổ chức đảng trong các xí nghiệp công nghiệp địa phương.

Hoạt động của tổ chức công đoàn còn nhiều biểu hiện đơn giản về mặt chức năng, chưa thực hiện theo tinh thần Nghị quyết 167 của Trung ương. Phần nhiều tổ chức công đoàn của các xí nghiệp chưa thực hiện đầy đủ chức năng tham gia quản lý xí nghiệp, chưa làm tốt công tác tổ chức động viên quần chúng công nhân thi đua lao động sản xuất để hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước.

Vai trò xung kích mũi nhọn trong sản xuất, trong cải tiến kỹ thuật, nghiên cứu tìm tòi phát huy sáng kiến của Đoàn Thanh niên Lao động Hồ Chí Minh chưa trở thành phong trào rộng rãi, sôi nổi trong thanh niên của các xí nghiệp công nghiệp. Do đó khí thế của thanh niên trong ngành công nghiệp đối với phong trào thi đua lao động sản xuất, phong trào thi đua tiến quân vào khoa học kỹ thuật, ham mê học tập, dám nghĩ, dám làm, nhạy bén với kỹ thuật mới chưa mạnh mẽ.

Từ thực tế vừa qua, cần đẩy mạnh hơn nữa sự lãnh đạo toàn diện của tổ chức đảng đối với việc xây dựng phát triển kinh tế nói chung và công nghiệp nói riêng. Đưa công tác lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng trên lĩnh vực kinh tế kỹ thuật ngày càng đi vào chiều sâu, đi đôi với tăng cường công tác quản lý, công tác quần chúng tạo điều kiện cho sản xuất công nghiệp phát triển phù hợp với yêu cầu mới.

Những vấn đề trên đây là nguyên nhân của những tồn tại rút ra qua thực tiễn, quá trình xây dựng và phát triển công nghiệp địa phương từ năm 1960 trở lại đây. Nó cũng là những vấn đề phải được kịp thời rút kinh nghiệm để bổ sung cho bước phát triển mới tiếp theo nhằm khắc phục những tồn tại, đưa sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế tỉnh ta trong đó có công nghiệp địa phương tiến lên một bước mới theo đúng đường lối công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và các Nghị quyết 19, 20, 22 của Đảng.

Phần thứ hai

NHIỆM VỤ, PHƯƠNG HƯỚNG, BIỆN PHÁP LỚN ĐẨY MẠNH VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP

I. VỊ TRÍ, NHIỆM VỤ XÂY DỰNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP

A. Vị trí của công nghiệp tỉnh ta trong thời gian tới

Năm 1975 là năm kết thúc hai năm khôi phục và phát triển kinh tế đồng thời là năm chuẩn bị bước vào kế hoạch dài hạn 5 năm lần thứ hai. Phát huy những kết quả đã giành được, ra sức khắc phục những khuyết điểm tồn tại, tỉnh ta tiếp tục xây dựng và phát triển kinh tế địa phương theo đường lối công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nhanh chóng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa theo tinh thần Nghị quyết lần thứ 22 của Trung ương Đảng.

Trong những năm tới, công nghiệp Trung ương sẽ phát triển với nhịp độ nhanh và mạnh. Yêu cầu về xây dựng cơ bản và yêu cầu thực phẩm và hàng tiêu dùng rất lớn. Công nghiệp Trung ương được đẩy mạnh sẽ tạo điều kiện thuận lợi hỗ trợ cho kinh tế địa phương theo đường lối công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa theo tinh thần Nghị quyết 22 của Trung ương Đảng.

Đi đôi với sự phát triển của công nghiệp trung ương, nông nghiệp tỉnh ta thông qua đại hội nông dân các cấp sẽ thực hiện cuộc vận động tổ chức lại sản xuất, cải tiến một bước quản lý nông nghiệp. Nông nghiệp đi vào phát huy được các thế mạnh của kinh tế địa phương sẽ trở thành cơ sở vững chắc cho công nghiệp phát triển.

Do đó, công nghiệp của tỉnh ta thời gian tới: “phải cùng với công nghiệp trung ương, phát huy vai trò chủ đạo đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng kỹ thuật tạo ra khả năng tăng năng suất cho các ngành kinh tế địa phương, trước hết là cho nông nghiệp, phát triển toàn diện, vững chắc; phục vụ đắc lực cho sự phát triển với quy mô ngày càng lớn của công nghiệp trung ương, phục vụ một

phần quan trọng nhu cầu to lớn về hàng tiêu dùng thực phẩm của đời sống nhân dân các dân tộc.

Trên cơ sở phát triển của hai phong trào hợp tác hóa nông nghiệp và công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, công nghiệp tỉnh ta sẽ có điều kiện để tăng nhanh khối lượng hàng hóa xuất khẩu và đóng góp phần tích lũy ngày càng nhiều vào ngân sách nhà nước, góp phần tích cực đưa sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, cải thiện đời sống nhân dân”.

B) Nhiệm vụ lâu dài của công nghiệp tỉnh ta: "Ra sức phấn đấu xây dựng một nền công nghiệp được phát triển với mạng lưới đều khắp, có khả năng phục vụ mạnh mẽ sản xuất nông nghiệp phát triển nhiều mặt đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, khai thác và chế biến nhiều sản phẩm đưa vào các thế mạnh để phục vụ đời sống nhân dân các dân tộc trong tỉnh, đẩy mạnh sản xuất hàng xuất khẩu, phục vụ tích cực cho công nghiệp trung ương phát triển tại địa phương, tạo ra nguồn tích lũy mới".

Hướng sản xuất của công nghiệp địa phương (1975- 1980) tập trung vào ba ngành sản xuất:

- Công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm, hàng xuất khẩu và hàng tiêu dùng để phục vụ đời sống nhân dân trong tỉnh (cả công nghiệp trung ương).

- Công nghiệp vật liệu xây dựng phục vụ xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật.

- Công nghiệp cơ khí sửa chữa, điện lực nhằm phục vụ cho cách mạng kỹ thuật trong các ngành kinh tế địa phương, góp sức đẩy mạnh tăng năng suất, giảm mức lao động thủ công nặng nhọc, từng bước tiến lên cơ giới hóa.

Trên cơ sở nhiệm vụ lâu dài được xác định, hệ thống công nghiệp cần hoàn thành theo hướng phát triển như sau:

a) Công nghiệp tỉnh (bao gồm các ngành): Tập trung vào sản xuất mặt hàng có khối lượng lớn, chất lượng cao và hướng vào

những ngành công nghiệp mũi nhọn, trên cơ sở đó đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật tương đối hoàn chỉnh để đủ sức làm những việc lớn.

b) Công nghiệp huyện, thị: Phải được nhanh chóng hình thành gắn liền với việc xây dựng cấp huyện, đưa cấp huyện thành cấp trực tiếp chỉ đạo sản xuất nông nghiệp và thủ công nghiệp.

Nhiệm vụ của công nghiệp huyện, thị là hướng vào việc xây dựng và tổ chức tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, tổ chức tốt các ngành nghề của hợp tác xã, có đủ khả năng phục vụ nông nghiệp theo vùng, đi vào từng loại cây, từng con và phục vụ các vùng kinh tế mới, đảm nhiệm được công việc sửa chữa cơ khí nhỏ, sửa chữa các hàng tiêu dùng, chế biến vật liệu xây dựng; tham gia sản xuất hàng thủ công có truyền thống, sản xuất hàng xuất khẩu có điều kiện...

C) Nhiệm vụ trước mắt của công nghiệp

"Tập trung sức phục vụ thực hiện các Nghị quyết 15, 16, của Tỉnh ủy, trước hết là phục vụ nông nghiệp, đẩy mạnh ngành sản xuất mũi nhọn và chuẩn bị điều kiện tốt để phục vụ công nghiệp trung ương phát triển".

Thực hiện tốt sáu nhiệm vụ cụ thể sau đây:

1) Công nghiệp phải góp phần tích cực nhất trong việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp và các ngành kinh tế khác trong tỉnh.

2) Công nghiệp phải ra sức đáp ứng ngày càng nhiều nhu cầu hàng tiêu dùng cho đời sống nhân dân các dân tộc và công nghiệp trung ương.

3) Công nghiệp phải đóng góp phần quan trọng vào sản xuất hàng phục vụ xuất khẩu:

4) Đi đôi với phát triển công nghiệp quốc doanh phải đồng thời đẩy mạnh sản xuất tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp.

5) Tăng năng suất lao động trong các ngành sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế trong xây dựng và trong sản xuất, thực hiện hạch toán kinh tế kinh doanh có lãi.

6) Gấp rút bồi dưỡng đào tạo xây dựng lực lượng công nhân kỹ thuật, cán bộ quản lý kinh tế đáp ứng yêu cầu phát triển trước mắt và chuẩn bị cho lâu dài theo quy hoạch.

D) Một số chỉ tiêu chủ yếu của sản xuất công nghiệp

Trên cơ sở thực hiện tốt các nhiệm vụ của sản xuất công nghiệp địa phương năm 1975, tiếp tục phấn đấu vươn lên giành những mục tiêu lớn của kế hoạch dài hạn 5 năm, đến năm 1980 phải đạt được:

Chỉ tiêu	Giá trị tổng sản lượng	Tốc độ tăng bình quân
Công nghiệp địa phương	52.390	19,38%
Trong đó		
- Nhóm A	10.710	10,2%
- Nhóm B	41.680	23,4%
Xí nghiệp quốc doanh	43.678	21,5%
Hợp tác xã thủ công nghiệp	8.712	12,1%
Vốn xây dựng cơ bản	73.000	14,6 triệu

(Đơn vị: 1.000 đồng)

II. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH NGHỀ

Phát triển các ngành nghề của sản xuất công nghiệp phải dựa vào nông nghiệp đi vào các thế mạnh của tỉnh ta để khai thác khả năng tiềm tàng của tỉnh ta có hiệu quả nhất.

Mặt khác, phải căn cứ vào sự phân công của kinh tế toàn quốc, quy mô phát triển công nghiệp trung ương hoạt động tại địa phương mà xác định bước đi cụ thể phù hợp cho các loại cơ sở sản xuất công nghiệp và thủ công nghiệp, thực hiện sự phân công hợp lý giữa sản xuất công nghiệp quốc doanh và thủ công nghiệp.

Phương hướng phát triển như sau:

A) Công nghiệp chế biến lương thực - thực phẩm

Công nghiệp chế biến phải phát triển cả công nghiệp quốc doanh và thủ công nghiệp gắn liền với nguồn nguyên liệu địa phương và phục vụ đời sống của địa phương. Từ năm 1975 đến năm 1980, đi đôi với củng cố các cơ sở sẵn có, phải hình thành nhanh chóng cụm công nghiệp thực phẩm để phục vụ nhu cầu của địa phương và Trung ương.

1) Chế biến lương thực: Tăng thêm thiết bị, hoàn chỉnh xí nghiệp xay sát đảm bảo được khối lượng giao cho hằng năm; khởi công xây dựng sớm cơ sở làm bánh mỳ và sản xuất mỳ sợi hấp sấy, xây dựng thêm cơ sở làm mạch nha và phân xưởng chế biến thức ăn gia súc, tận dụng hết các phế liệu, phế phẩm của các cơ sở xay sát và chế biến thực phẩm. Đi đôi với quy hoạch vùng sản xuất chất bột đại trà, tiến hành xây dựng cơ sở chế biến thức ăn gia súc gắn liền với các nông trường, trạm trại và hợp tác xã nông nghiệp phục vụ chăn nuôi đi lên ngành sản xuất chính của vùng thực phẩm. Phát triển cơ sở thủ công nghiệp chế biến màu từ ngô, sắn, đao giềng, v.v..

2) Chế biến thực phẩm: Cần được tận lực phát triển phù hợp với điều kiện nguyên liệu, tiêu thụ, giá thành... để đáp ứng với sự phát triển lớn của thị trấn, thị xã và khu vực công nghiệp trung ương.

- Về đường mật: Trước mắt, vùng mía còn phân tán chưa bảo đảm nguyên liệu và chất lượng cho sản xuất thì duy trì cơ sở hiện nay, có cải tiến và hoàn chỉnh thiết bị nâng tỷ suất, tiết kiệm nhiên liệu chuyển sang dùng than là chính. Nhưng vùng mía mà sản lượng ít, địa điểm quá xa xí nghiệp thì chuyển sang sử dụng cho ép thủ công của hợp tác xã nông nghiệp. Cố gắng phải phấn đấu đạt mức dưới 20 tấn mía ra một tấn đường để đạt hiệu quả kinh tế.

- Về nước chấm - đậu phụ:

Tiếp tục giải quyết tốt hơn việc cung cấp nguyên liệu, củng cố và phát triển vùng đồ tương theo quy hoạch lớn, đảm bảo có nguyên liệu cung cấp đều đặn cho xí nghiệp sản xuất. Hoàn chỉnh

dây chuyền sản xuất đưa sản lượng nước chấm 20⁰ đậm lên 500.000 lít. Đẩy mạnh sản xuất chế biến của thủ công nghiệp làm các loại nước chấm, thực phẩm thích hợp với khẩu vị mà ta có yêu cầu và khả năng như: Dấm, tương ớt, đậu phụ nhừ, tàu xì, rau dưa... Nghiên cứu nhập chượp ở xuôi lên để sản xuất nước mắm hỗ trợ trong điều kiện đậu tương thiếu, giảm khối lượng vận chuyển đóng chai, và kết hợp một phần lấy bã phục vụ cơ sở chế biến thức ăn gia súc.

- Về hoa quả hộp, nước ngọt, bánh kẹo: Tiếp tục ổn định cơ sở sản xuất hoa quả hộp xuất khẩu, trước mắt từ 300 T/năm nâng lên 3.000 T/năm. Phát triển thêm cơ sở sản xuất kem và đưa vào cơ sở sản xuất hoa quả làm thêm nước hoa quả, nước giải khát khác, sản xuất nước đá. Trang bị hoàn chỉnh cơ sở rượu có chất lượng tốt hơn, giảm độc tố. Hướng lâu dài là sản xuất rượu hoa quả và rượu bổ, giảm dần nồng độ rượu xuống, có thể dùng ít lương thực để sản xuất rượu trắng cao độ 40⁰. Hoàn chỉnh quy trình sản xuất nước hoa quả có nồng độ thấp, làm nước uống thay bia.

Hoàn chỉnh phân xưởng sản xuất bánh kẹo đi vào cơ giới có nhiều mặt hàng phong phú, đảm bảo ngon, vệ sinh và hạ giá thành.

- Về tinh dầu: Tiếp tục hoàn chỉnh các cơ sở cũ, cải tiến thiết bị nâng tỷ lệ dầu, nghiên cứu địa điểm xây dựng và trang bị nồi hơi, tích cực giải quyết mở đường vận xuất rẽ thông, nghiên cứu giá cả thu mua rẽ hợp lý nhằm đẩy mạnh sản xuất tinh dầu phục vụ cho yêu cầu toàn quốc, yêu cầu xuất khẩu và một phần yêu cầu địa phương. Đối với dầu ăn, kết hợp sản xuất nước chấm, ép dầu đỗ tương nâng tỷ lệ thu hồi. Đi đôi với việc quy hoạch trồng trầu, sô, tiến hành sản xuất dầu trầu. Nghiên cứu chế biến lấy tinh dầu thảo quả, chuẩn bị tiến tới xây dựng cơ sở ép dầu lớn của tỉnh trong những năm sau trên cơ sở phát triển được vùng cây có dầu của Bảo Thắng và một số huyện khác. Mặt khác mở rộng cơ sở chế biến tinh dầu ở từng địa phương kết hợp với mở rộng ngành nghề của hợp tác xã nông nghiệp.

B) Công nghiệp chế biến dược phẩm

Đẩy mạnh trồng các loại cây thuốc có giá trị và tiến hành tốt việc tổ chức khai thác, thu mua mà từng bước đẩy mạnh sản xuất thuốc chữa bệnh, thuốc bổ phục vụ cho yêu cầu bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân các dân tộc. Cố gắng đảm bảo tự túc dược liệu địa phương so với dược liệu trung ương, cung cấp từ 70% trở lên. Xây dựng hoàn chỉnh cơ sở sản xuất dược phẩm để sớm đi vào sản xuất ổn định, nâng cao sản lượng về mặt hàng sản phẩm đem lại hiệu quả kinh tế ngày càng lớn cho kinh tế địa phương.

C) Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng

a) Đồ dùng bằng gỗ, tre, trúc, sành, sứ, song mây: Xí nghiệp gỗ quốc doanh cần được củng cố, trang bị thêm hoàn chỉnh, đảm nhiệm xẻ gỗ lớn cho yêu cầu xây dựng cơ bản. Khuyến khích phát triển sản xuất, đồ dùng bằng tre, trúc, sành, sứ, song mây, tận dụng triệt để các gỗ bìa bấp, mùn cưa tăng thêm nguyên liệu sản xuất nhiều mặt hàng bằng lực lượng thủ công chuyên nghiệp. Trong các hợp tác xã nông nghiệp kiểm doanh bằng hình thức tổ sản xuất thủ công nghiệp hoặc nghề phụ gia đình để phục vụ đời sống, cho xây dựng cơ bản và cho xuất khẩu, và lâm sản phụ chú ý khai thác và thu mua cho thủ công nghiệp và cung cấp một phần cho yêu cầu chung. Cần giúp đỡ cải tiến công cụ, tiến lên trang bị một số máy chuyên dùng, giúp đỡ kỹ thuật, đào tạo thợ giỏi, xây dựng các cơ sở chuyên sản xuất các mặt hàng tiêu dùng bằng nguyên liệu trên, đáp ứng nhu cầu về giường, tủ, bàn ghế. Tiếp tục hoàn chỉnh cơ sở sản xuất đồ gỗ về mặt trang bị cơ giới hóa, tăng thêm máy ép, tiến lên là gỗ dán. Nghiên cứu xây dựng địa điểm mới của một xưởng gỗ hoàn chỉnh cho phù hợp với yêu cầu mới.

b) Về sành, sứ, thủy tinh: Tiến hành công tác điều tra cơ bản nắm vững trữ lượng và chất lượng các loại nguyên liệu tại địa phương để có kế hoạch phát triển lớn trong các năm sau:

- Về sành, sứ: Tỉnh ta có ưu thế đẩy mạnh sản xuất công nghiệp sứ. Trước mắt, sản xuất sứ dân dụng để tiêu dùng tại địa phương và

phục vụ cho nhu cầu xây dựng cơ bản. Cần nghiên cứu việc phân cấp chung loại sứ dân dụng để đẩy mạnh khâu tiêu thụ, giảm bớt lỗ. Sản xuất sành cỡ lớn phục vụ cho nông nghiệp, chế biến lương thực thực phẩm... Nghiên cứu làm thêm bao bì để chứa đựng rượu, nước chấm, nước hoa quả... Nghiên cứu trang bị lại xí nghiệp sứ để tạo điều kiện đẩy mạnh sản xuất sứ công nghiệp (điện, hóa chất kỹ thuật) phục vụ cho địa phương và yêu cầu toàn quốc.

- Về thủy tinh: củng cố cơ sở hiện có, đảm bảo bao bì phục vụ chế biến được phẩm, thực phẩm và đồ dùng gia đình, mở rộng mặt hàng phục vụ thêm các yêu cầu khác của các ngành kỹ thuật, kinh tế và văn hóa.

c) Đồ dùng bằng kim loại: Khả năng vật tư có hạn, cần tận dụng phế phẩm là chính, chủ yếu là đảm bảo hàng kim loại tiêu dùng thông thường phục vụ sản xuất và đời sống theo chỉ tiêu kế hoạch được giao; nên chuyên dẫn việc sản xuất hàng kim khí tiêu dùng thông thường cho hợp tác xã thủ công nghiệp. Các mặt hàng phức tạp khác, cần đảm bảo phụ tùng thay thế và tổ chức tốt việc phục vụ sửa chữa.

d) Về may mặc: Xây dựng hoàn chỉnh xí nghiệp may mặc của tỉnh nhằm đảm bảo sản xuất các loại quần áo thông thường, quần áo bảo hộ lao động và hàng may mặc sẵn khác. Phần đầu đưa hàng may mặc chủ yếu là dùng hàng may mặc sẵn. Phát triển thêm các cửa hàng may đo một cách thích hợp, bố trí lại mạng lưới các cơ sở hợp tác xã, nhân dân may lẻ ở các khu phố, nông thôn để đảm bảo may đo theo thị hiếu và chữa quần áo được thuận lợi cho nhân dân. Trong cơ sở xí nghiệp quốc doanh cũng như hợp tác xã thủ công nghiệp phải đặc biệt chú trọng nâng cao kỹ thuật may, cắt hơn nữa.

e) Về giấy: Cần chú trọng giải quyết tốt nguồn nguyên liệu nhất là giữ tốt bã mía, cung cấp nứa chất lượng tốt. Nghiên cứu thêm nguyên liệu làm giấy, tận dụng nguyên liệu lá xẻ, gỗ của địa phương. Giải quyết cân đối giữa các khâu sao và tẩy tiết kiệm sứt.

Đảm bảo phát huy đủ công suất với mặt hàng có chất lượng tốt, đáp ứng một phần giấy đánh máy, in rô-nê, bì và giấy bao bì đóng gói cho địa phương và nhu cầu xuất khẩu.

g) Cần phát triển sản xuất các mặt hàng khác góp phần nâng cao trí dục, đức dục và thể dục cho trẻ em; giáo cụ, học cụ, đồ chơi, dụng cụ thể dục, thể thao và nhiều mặt hàng cần thiết khác cho sinh hoạt của nhân dân. Cần phải tiến hành điều tra nhu cầu, thị hiếu, khả năng nguyên vật liệu, lao động kỹ thuật... để có kế hoạch bố trí sắp xếp sản xuất, giao cho lực lượng của hợp tác xã thủ công nghiệp đảm nhiệm.

D) Công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất

Trước mắt, tiếp tục củng cố hoàn thiện và phát huy tác dụng cơ sở đã có là chính... Phát triển những cơ sở mới phải nghiên cứu kỹ các điều kiện đảm bảo sản xuất có phương hướng rõ rệt, ổn định lâu dài. Để đáp ứng với yêu cầu cần thiết phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế và văn hóa trong tỉnh theo nhiệm vụ chính trị của Tỉnh ủy đề ra, việc xây dựng mới, phát triển mới trọng tâm là các loại cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác, lâm nghiệp và đẩy mạnh sản xuất cơ khí phục vụ nông nghiệp phát triển theo vùng, theo hướng cây, con.

1) Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng

Vật liệu xây dựng đang có yêu cầu ngày càng lớn để phục vụ đẩy mạnh cơ sở vật chất và kỹ thuật, phục vụ đời sống vật chất và văn hóa, nhất là nhà ở cho nhân dân, cán bộ công nhân viên.

Vì vậy, phải tích cực phát triển cả lực lượng quốc doanh và thủ công nghiệp, cả tỉnh và huyện, trong các hợp tác xã bằng mọi nguồn nguyên liệu của địa phương.

a) Về gạch, ngói: Củng cố cơ sở xí nghiệp gạch nung Quang Kim được bảo đảm công suất 7 triệu viên/năm: Cơ giới hóa khâu khai thác; nghiền và tạo hình... Cần xúc tiến điều tra cơ bản đất đai vùng Quang Kim để đảm bảo sản xuất được 10 triệu viên/năm, không những sản xuất gạch mà tiến lên sản xuất cả ngói. Phân

xưởng gạch Vi Kim vẫn giữ mức độ 2 triệu viên/năm, tận dụng hết đất đai vùng hiện có, chú ý nâng cao chất lượng, giảm tỷ lệ hư hỏng; nếu có điều kiện cố gắng đưa thiết bị nhỏ trong khâu đùn ép vào sản xuất.

Hoàn chỉnh điều tra cơ bản, lập thủ tục nhiệm vụ thiết kế xây dựng cơ sở gạch Giang Đông với quy mô 20 triệu viên /năm, trong đó 15 triệu viên gạch và 5 triệu viên ngói và cố gắng phấn đấu đến năm 1978 đi vào sản xuất. Trước mắt giải quyết xây dựng một cơ sở sản xuất ngói khoảng 1 triệu viên /năm. Giúp đỡ hỗ trợ cho công nghiệp trung ương xây dựng cơ sở gạch ngói phục vụ xây dựng cơ bản. Phát triển mạng lưới rộng khắp phục vụ các nông trường, hợp tác xã; các cơ sở chăn nuôi tập thể tiến tới từng huyện, thị đảm bảo đủ nhu cầu tại chỗ, đưa sản lượng gạch do thủ công sản xuất lên gấp đôi theo một quy hoạch xây dựng cơ bản mà phát triển cơ sở cho phù hợp.

Mở rộng, nâng cao chất lượng sản xuất gạch xỉ than, nhà máy điện. Nghiên cứu đất đồi, đất sông Hồng, xi vôi để chuẩn bị xây dựng cơ sở sản xuất gạch nén, gạch Silicat (vật liệu không nung) để đáp ứng yêu cầu mới. Tất cả các lò gạch phải làm thêm phân xưởng gạch không nung để cung cấp cho nhu cầu bình thường. Nghiên cứu làm thêm gạch xi măng, gạch men sứ, ganitô, gạch lá nem, gạch lát mẫu.

Tiếp tục thăm dò thêm đất sét để phát triển ngói nung, hạn chế đến sản xuất ngói xi măng. Tiếp tục khai thác lá cọ, bã nứa, gianh, để phục vụ thêm cho nhu cầu nhà tạm.

b) Bê tông đúc sẵn: Hoàn chỉnh cơ sở đã có về mặt bằng chất lượng, tăng thêm thiết bị vận chuyển, nghiền - sàng - rửa để tăng nhanh khối lượng sản xuất bê tông cấu kiện. Trên cơ sở đó đưa trình độ sản xuất lên tầm lớn phục vụ nhà lắp ghép cao tầng, cột bê tông, ống cống lớn, theo yêu cầu quy mô lớn trong những năm sau.

c) Vôi, xi măng: Tiếp tục hoàn chỉnh lò vôi liên hoàn (Làng Nhón) đi vào sản xuất ổn định, đảm bảo đúng thiết kế, đúng quy trình kỹ thuật, nâng cao chất lượng và phấn đấu giảm giá thành.

Đẩy mạnh phát triển lò vôi ở các hợp tác xã, chú ý các lò vôi ở các khu vực đã có cơ sở như huyện Bát Xát, Bảo Nhai, Cam Đường, Phú Nhuận... để phục vụ nông nghiệp, phục vụ xây dựng tại chỗ. Nghiên cứu nung nghiền phục vụ nhu cầu bón ruộng bằng đolômít phong hóa.

Hoàn thành việc củng cố trang bị theo đúng nhiệm vụ thiết kế, đảm bảo sản xuất 3.500 tấn/năm. Cần điều tra cơ bản nắm trữ một lượng đá vôi, đất sét, trang bị phòng hóa nghiệm phù hợp với tình hình sản xuất để ổn định chất lượng và hạ giá thành sản phẩm.

Giải quyết tốt khâu bao bì và thạch cao. Nghiên cứu trong vài năm tới mở rộng hoặc xây dựng thêm đưa công suất lên 10.000 tấn /năm nhằm đáp ứng yêu cầu mới.

d) Cát, đá, sỏi: Phải được quy hoạch và quản lý lại tổ chức các công trường khai thác, từng bước cơ giới hóa với lực lượng công nhân ổn định. Riêng đá granitô phải được tổ chức quản lý khai thác, tiến tới lập cơ sở khai thác và chế biến (đập và xẻ đá) phục vụ cho yêu cầu của Trung ương là đá hoa. Nghiên cứu và lập Công ty khai thác cao lanh, mi ca, thạch anh, trường thạch và các loại vật liệu khác.

2) Công nghiệp khai thác gỗ, tre, nứa, lá

Là một ngành sản xuất quan trọng, có giá trị sản lượng lớn. Đây là loại cơ sở sản xuất dựa vào thế mạnh của địa phương để làm giàu cho kinh tế địa phương. Nhìn chung phải tổ chức sắp xếp lại, đưa khai thác đi vào quy củ. Ngành xẻ tương lai sẽ phát triển gắn với nghề rừng và nên tách xưởng mộc riêng. Nghiên cứu để nâng quy mô xưởng xẻ lên 10.000 m³/năm và thực hiện việc ngâm tẩm gỗ, tre, nứa, vầu kéo dài giá trị sử dụng.

Phấn đấu nâng sản lượng khai thác hằng năm nhưng cần chú trọng bổ sung thêm lực lượng lao động lâm trường, lao động sơn tràng, tổ chức tốt các đội khai thác chuyên môn trong hợp tác xã nông nghiệp hoặc hợp tác xã lâm nghiệp chuyên trồng rừng và khai thác rừng.

Tiếp tục củng cố và phát triển đường vận xuất, cung cấp thêm phương tiện vận chuyển, thiết bị máy móc, dụng cụ đồ nghề cho các lực lượng khai thác; giải quyết khai thác đến đâu vận chuyển đến đấy, phân loại đúng để phân phối theo đúng nhu cầu và khâu quản lý tiến tới thống nhất toàn bộ lực lượng cơ sở khai thác, xẻ, làm đồ mộc do ngành lâm nghiệp phụ trách.

3) Công nghiệp điện lực

Sắp xếp lại hệ thống mạng điện để phục vụ cho yêu cầu mới, trước mắt phải củng cố lại toàn bộ các cơ sở thủy điện nhỏ trong tỉnh. Tiến hành quy hoạch lại mạng điện và kéo thêm đường dây nhiệt điện theo một quy hoạch, quản lý tốt để mở rộng điện phục vụ vào các vùng kinh tế có yêu cầu. Nghiên cứu phát triển thủy điện nhỏ cho các vùng. Đào tạo lực lượng quản lý công nhân kỹ thuật và xây dựng một tổ chức phù hợp để chăm lo công việc quản lý điện (bao gồm các cơ sở thủy điện nhỏ của tỉnh). Nghiên cứu mở rộng trạm thủy điện Bắc Hà, Sa Pa, tiếp tục giải quyết cho các nơi chưa có điện như Bảo Thắng và Si Ma Cai.

Phải tận dụng nguồn điện của Nhà máy nhiệt điện vào sản xuất của các ngành kinh tế, nghiên cứu đề nghị Nhà nước cho xây dựng thêm các đường điện mới có yêu cầu phục vụ nhiều cho công nghiệp, nông nghiệp nhất là các vùng trọng điểm nông nghiệp của 2 huyện Bát Xát và Bảo Thắng.

4) Công nghiệp cơ khí

Là ngành sản xuất quan trọng và then chốt trong cách mạng kỹ thuật của tỉnh ta. Công nghiệp cơ khí bao gồm: Xí nghiệp cơ khí tỉnh, lực lượng cơ khí các ngành và các xí nghiệp khác; lực lượng cơ khí của các trạm cơ điện huyện, các hợp tác xã thủ công nghiệp rèn đúc.

Nhiệm vụ chủ yếu và lâu dài của cơ khí tỉnh là cùng với công nghiệp trung ương góp phần tích cực trang bị kỹ thuật, cho nông nghiệp, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, cho thủ công nghiệp,

nghe rừng, và các ngành kinh tế khác, nhằm đẩy mạnh cuộc cách mạng kỹ thuật đưa nền sản xuất thủ công nghiệp tiến dần lên sản xuất cơ khí hóa và hiện đại hóa, từ sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Về nhiệm vụ cụ thể phân định như sau:

a) Cơ khí tỉnh: Tiếp tục củng cố xí nghiệp cơ khí Phú Lợi để ổn định phương hướng sản xuất và mặt hàng, trang thiết bị, địa điểm, dây chuyền công nghệ và cải tiến kỹ thuật. Tăng cường công tác quản lý kinh tế, nâng cao chất lượng sản xuất và phục vụ. Cơ khí tỉnh mang tính chất tổng hợp nên hướng sản xuất phải lấy nhiệm vụ sửa chữa là chính. Giữa cơ khí tỉnh và cơ khí của công nghiệp trung ương của các ngành, các huyện và của hợp tác xã cần thực hiện sự hợp tác hỗ trợ lẫn nhau để phục vụ cho yêu cầu chung của kinh tế trung ương cũng như kinh tế địa phương.

b) Cơ khí các ngành: Nhiệm vụ cơ khí các ngành, các xí nghiệp, các công ty xây dựng, vận tải, thi công cơ giới và các nông, lâm trường là: Quản lý, bảo dưỡng thiết bị công cụ sửa chữa đột suất trong phạm vi ngành, cơ sở và thực hiện hợp tác kỹ thuật, gia công với cơ khí tỉnh.

Cơ khí ngành cần được nghiên cứu sắp xếp, phân công hợp lý để bố trí lực lượng, bổ sung thiết bị cần thiết và phù hợp.

c) Cơ khí huyện, thị: Bao gồm trạm cơ điện, hợp tác xã thủ công nghiệp, tổ rèn đúc phải được củng cố, phân công sản xuất, tăng thêm trang bị kỹ thuật và công nhân kỹ thuật theo hướng phục vụ kinh tế, sản xuất và đời sống của huyện, thị. Nhiệm vụ chính trị là phục vụ nông nghiệp và thủ công nghiệp phấn đấu đảm bảo phần lớn nông cụ, công cụ và hàng kim khí tiêu dùng thông thường thích hợp với tập quán canh tác, của từng vùng, từng loại cây, con với chất lượng tốt, đảm bảo sửa chữa thông thường các trạm thủy điện và cơ khí nhỏ. Cố gắng xây dựng ở mỗi hợp tác xã lớn có tổ rèn, mộc để phục vụ nông nghiệp tại chỗ. Cơ

khí huyện, thị về lâu dài sẽ được tổ chức kết hợp với trạm máy kéo ở từng vùng để vừa phục vụ sản xuất nông nghiệp, vừa phục vụ cơ khí nhỏ.

Thực hiện phân công, sắp xếp lại sản xuất nông cụ của cơ khí tỉnh và hợp tác xã, mạnh dạn giao thêm và giao hẳn nếu hợp tác xã có khả năng lực lượng để ổn định sớm lực lượng sản xuất ở từng vùng nông nghiệp.

5) Công nghiệp xây dựng

Trước yêu cầu về xây dựng cơ bản ngày càng to lớn, phải nhanh chóng tổ chức lực lượng, tăng thêm thiết bị để đảm bảo hoàn thành kế hoạch xây dựng cơ bản hằng năm.

Về tổ chức lực lượng cần phát triển nhiều hình thức: Quốc doanh, thủ công nghiệp, trong các ngành và trong nhân dân.

Giúp đỡ các huyện, thị tổ chức đội xây dựng cơ bản phục vụ tại địa phương. Công tác đào tạo, bồi dưỡng tay nghề cho lực lượng sẵn có và phát triển mới phải tiến hành khẩn trương hơn nữa.

Ổn định tổ chức và tăng thêm thiết bị thi công cơ giới, trong khâu làm đất (khoan, bấn, san gạt, xúc tự đổ, vận chuyển...) nhằm tạo năng suất mới trong xây dựng. Trên cơ sở đó đảm bảo hoàn thành những mục tiêu về xây dựng cơ bản, tập trung sức làm dứt điểm các công trình trọng điểm phục vụ cho nông nghiệp, các công trình giao thông, nhất là các con đường đi vùng cao và vùng kinh tế mới. Xây dựng thêm một số công trình phúc lợi theo quy hoạch đô thị mới và các công trình công nghiệp vật liệu xây dựng, điện lực, công nghiệp tiêu dùng.

Phấn đấu từng bước tiến lên thực hiện công nghiệp hóa ngành xây dựng, đáp ứng với yêu cầu cần đòi hỏi của các ngành kinh tế phát triển cũng như đời sống ngày càng nâng cao.

Công tác khảo sát, thiết kế, quy hoạch phải đi trước một bước, cần chủ động giải quyết sớm và kịp thời các thủ tục để thi công đi dần vào nền nếp và trình tự, khắc phục tồn tại kéo dài hiện nay trong công tác xây dựng cơ bản.

III. MỘT SỐ BIỆN PHÁP

1. Tiếp tục ổn định sản xuất cơ sở sản có

Biện pháp chính để ổn định sản xuất là ổn định phương hướng sản xuất, nguyên liệu, tiêu thụ, quản lý. Phải có điều tra cơ bản để phục vụ cho việc quy hoạch công nghiệp từ cơ sở lên, xác định rõ vùng nguyên liệu đáp ứng đủ cho nhu cầu sản xuất trước mắt và lâu dài.

Cần chấn chỉnh công tác quản lý trong các khâu: Lập kế hoạch sản xuất cho chính xác, xác định định mức kinh tế kỹ thuật của từng sản phẩm cả về số lượng, chất lượng và giá thành... xây dựng định mức tiêu hao vật tư, lao động, xây dựng nội quy chế độ quản lý đến từng tổ sản xuất và từng phân xưởng. Cần có tổ chức chuyên trách làm công tác định mức kiểm tra chất lượng sản phẩm, chấp hành tốt chế độ hợp đồng kinh tế.

Cần chú ý giải quyết tốt mối quan hệ giữa sản xuất và lưu thông phân phối, thị trường tiêu thụ, có kế hoạch thông qua hợp đồng kinh tế giữa sản xuất và lưu thông phân phối, cải tiến công tác cung cấp vật tư kỹ thuật và thực hiện tốt các đòn bẩy kinh tế trong việc đẩy mạnh phục vụ sản xuất công nghiệp và thủ công nghiệp.

2. Sắp xếp lại những cơ sở sản xuất, phân công sản xuất giữa các ngành cho hợp lý

Để phát huy năng lực sản xuất, tăng hiệu suất kinh tế và sử dụng lao động hợp lý, cần phải sắp xếp, tiến hành phân công hợp lý lại các cơ sở sản xuất. Quá trình sắp xếp lại, quy vùng kinh tế trong nông lâm nghiệp tỉnh ta cũng là quá trình phải sắp xếp lại sản xuất công nghiệp và thủ công nghiệp cho phù hợp. Nghiên cứu vận dụng tốt chủ trương quản lý kinh tế theo ngành và lãnh thổ vào đặc điểm tình hình của tỉnh ta cho phù hợp, cần củng cố các cơ quan quản lý công nghiệp địa phương, nhằm làm cho việc lãnh đạo

và chỉ đạo sản xuất công nghiệp có sự tập trung thống nhất, tránh tản mạn hoặc chồng chéo như hiện nay.

Mặt khác, việc phân công sản xuất hàng cơ khí, tiêu dùng, hàng phục vụ cũng cần cụ thể hóa thành những nguyên tắc vận dụng vào việc xây dựng kế hoạch và ký hợp đồng sản xuất của tỉnh với các ngành, giữa quốc doanh và thủ công nghiệp. Trước mắt, đối với các mặt hàng sản xuất hàng tiêu dùng tại chỗ, loại hàng phục vụ thông thường, nguyên liệu chưa dồi dào, sản xuất chưa ổn định và yêu cầu về số lượng sản xuất chưa nhiều thì nên phát triển mạnh vào khu vực thủ công nghiệp. Cần khai thác những mặt hàng có tính chất truyền thống và thị hiếu của từng vùng, từng dân tộc để đáp ứng cho từng khu vực theo giá cả hợp lý với khu vực, khuyến khích khen thưởng kịp thời những sáng tạo tận dụng khả năng sản xuất thêm nhiều mặt hàng mới đáp ứng yêu cầu thị trường, tìm nguyên liệu mới, tận dụng phế phẩm, phế liệu của công nghiệp Trung ương và địa phương, của nông lâm nghiệp... để làm phong phú thêm mặt hàng của địa phương.

3. Xúc tiến mạnh mẽ công tác điều tra cơ bản tài nguyên vật chất của địa phương, xây dựng kế hoạch dài hạn, xác định mũi nhọn của công nghiệp và thủ công nghiệp, phát triển sản xuất công nghiệp

Khẩn trương tập trung làm tốt điều tra cơ bản, xây dựng cơ sở nguyên liệu để có những tiền đề tương đối chắc chắn cho việc xây dựng kế hoạch dài hạn.

Xây dựng kế hoạch dài hạn của công nghiệp địa phương phải gắn với lập kế hoạch dài hạn của nông nghiệp, lâm nghiệp, giao thông vận tải và các ngành lưu thông phân phối. Đảm bảo mối quan hệ cân đối trong nền kinh tế địa phương phát triển đồng bộ; đồng thời lại cần phải tham khảo và cân đối với kế hoạch dài hạn của ngành dọc và Ủy ban Kế hoạch nhà nước. Trước mắt tập trung làm tốt công tác quy hoạch công nghiệp từ cơ sở tiến lên toàn

ngành, toàn huyện và toàn tỉnh, chú trọng các ngành cơ khí, chế biến và vật liệu xây dựng cần đi trước một bước.

4. Tiến hành bồi dưỡng và đào tạo lực lượng công nhân, kỹ thuật, cán bộ quản lý kinh tế, đáp ứng yêu cầu phát triển mới

Tất cả cơ sở phải mở đều đặn lớp học văn hóa, lớp học ngắn hạn về kỹ thuật đi đôi với học tập, thao diễn kỹ thuật, áp dụng rộng rãi chế độ kèm cặp trong các xí nghiệp, hợp tác xã (có chế độ thù lao về dạy nghề), tiến hành kiểm tra định kỳ tay nghề, kết hợp với nâng bậc lương cho công nhân, xã viên nhằm khuyến khích mọi người trao đổi nghề nghiệp. Tiến hành chế độ bắt buộc đứng máy, đi vào sản xuất phải qua thử tay nghề và kiểm tra quy trình quy phạm kỹ thuật, nội quy an toàn con người và thiết bị.

Hình thức triển lãm sáng kiến, mặt hàng, tham gia học tập kinh nghiệm, hội nghị chuyên đề kỹ thuật cần được khuyến khích trong phạm vi cơ sở, ngành và toàn tỉnh.

Để phục vụ nông nghiệp, các ngành quản lý phải có kế hoạch đào tạo tại chỗ hoặc gửi vào cơ sở sản xuất cho xã viên hợp tác xã nông nghiệp làm ngành nghề công nghiệp. Trước mắt cần chú ý giải quyết một số hiểu biết kiến thức và thực hành thao tác vận hành máy điện nhỏ, cơ khí nhỏ, chế biến lương thực, thực phẩm, làm gạch ngói.

Đối với cán bộ quản lý xí nghiệp phải theo học các lớp ngắn hạn do Bộ quản lý mở, và qua thực tế tiến hành cải tiến quản lý mà rèn luyện, nâng cao trình độ. Các ngành tổng hợp tổ chức lớp huấn luyện cấp tốc ngắn hạn chủ yếu lấy công tác thực tế đào tạo, kết hợp giảng dạy một phần lý thuyết để gấp rút giải quyết những vấn đề cơ bản của nghiệp vụ quản lý cho các xí nghiệp và hợp tác xã.

Phát triển loại trường vừa học vừa làm, mở trường phổ thông công nghiệp, mở thêm các xưởng trường để chuẩn bị cho lực lượng lâu dài đáp ứng sự phát triển mới. Các ngành quản lý, các xí

ng nghiệp có kế hoạch phối hợp chặt chẽ với Ty lao động và giáo dục để đẩy mạnh phát triển loại trường lớp này.

Nghiên cứu đưa một số cán bộ trẻ, công nhân trẻ đi học dài hạn trong nước hoặc nước ngoài để phục vụ yêu cầu lâu dài cho sản xuất công nghiệp cũng như xây dựng cơ bản.

5. Bồi dưỡng, chăm lo đời sống công nhân, xã viên hợp tác xã thủ công nghiệp

Là một vấn đề thiết thực, phục vụ trước mắt cũng như lâu dài trong việc xây dựng, phát triển công nghiệp và thủ công nghiệp, thực hiện trả lương sản phẩm vừa là yêu cầu của quản lý kinh tế chặt chẽ, vừa là yêu cầu cải thiện đời sống, khuyến khích nâng cao tay nghề, phải được đẩy mạnh trong tất cả các cơ sở, các chế độ thưởng, nâng bậc lương, phải thực hiện đúng quy định. Công tác kiểm tra an toàn, bảo hộ lao động phải được thực hiện nghiêm ngặt hơn.

Công tác nhà ăn, nhà trẻ, công tác dưỡng sức phải được chấn chỉnh tốt hơn, nhất là việc tổ chức hai bữa ăn hằng ngày và bồi dưỡng ca ba phải được đặc biệt quan tâm chú ý. Đi đôi với quy hoạch phát triển, tiến hành từng bước xây dựng các công trình phúc lợi công cộng để đưa việc ăn, ở, sinh hoạt đi dần vào nền nếp.

6. Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa đi đôi với phát huy vai trò làm chủ của công nhân, xã viên hợp tác xã thủ công nghiệp

Song song với việc mở rộng phát triển sản xuất, tăng cường củng cố quản lý, cần phải có sự chuyển biến thật mạnh mẽ về nhận thức tư tưởng và hành động cụ thể trong phong trào lao động sản xuất, cần kiện xây dựng chủ nghĩa xã hội trong các xí nghiệp quốc doanh cũng như trong các hợp tác xã thủ công nghiệp. Tiếp tục thực hiện tốt chế độ thủ trưởng phụ trách dưới sự lãnh đạo của tập thể Đảng ủy, phát huy vai trò công nhân tham gia quản lý xí nghiệp, cần nhận rõ chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn, nguyên tắc

của tổ chức bộ máy xí nghiệp, tránh sự trùng lặp hoặc tản mạn trong việc lãnh đạo và chỉ huy sản xuất; đề cao trách nhiệm tính tập thể, dân chủ và tính tập trung cao trong sản xuất, tổ chức đều đặn hội nghị công nhân viên chức thực hiện việc ký hợp đồng tập thể giữa giám đốc xí nghiệp với công nhân theo đúng tinh thần Nghị quyết 46 của Chính phủ và Tổng Công đoàn Việt Nam, phát động các đợt thi đua hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ trung tâm và chỉ tiêu kế hoạch của đơn vị.

Các chế độ, nội quy phải quán triệt tới mỗi công nhân mọi thành viên trong xí nghiệp và tự giác chấp hành nghiêm chỉnh. Xây dựng tác phong làm ăn thật thà, báo cáo chính xác. Đi đôi với biện pháp tổ chức quản lý chặt chẽ cần tăng cường kiểm tra của cấp trên và mở rộng dân chủ trong quần chúng tham gia thường xuyên phân tích hoạt động kinh tế, tham gia công tác quản lý xí nghiệp.

Trong năm 1975, trên cơ sở thực hiện tốt Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị đưa công tác quản lý đi vào nền nếp theo đúng nguyên tắc, đúng chế độ, đúng quy định, triệt để chống lối làm ăn, phi pháp ngang tắt và tùy tiện, xây dựng phong cách sản xuất công nghiệp theo đúng tính chất xí nghiệp xã hội chủ nghĩa. Từng cơ sở, từng ngành phải có chương trình tiếp tục cải tiến tăng cường công tác quản lý đi theo đúng phương thức kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

7. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc xây dựng, phát triển công nghiệp

Quán triệt đường lối công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và nhận thức sâu sắc về vị trí và vai trò của công nghiệp trong quá trình chuyển biến nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, Đảng bộ ta xác định nhiệm vụ lãnh đạo đẩy mạnh sản xuất công nghiệp là một trong những nhiệm vụ trọng yếu trong việc xây dựng phát triển kinh tế địa phương trong tình hình mới.

Thực hiện Nghị quyết 22 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, phải chuyển biến mạnh mẽ sự lãnh đạo của Đảng trong các

cấp, các ngành cho đến cơ sở ngày càng đi sâu vào kinh tế - kỹ thuật, gắn chặt công tác tư tưởng, công tác tổ chức, công tác quần chúng của Đảng với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, đẩy mạnh xây dựng, phát triển công nghiệp trên cơ sở đó, đưa công tác lãnh đạo của Đảng vào nền nếp, thường xuyên.

Các cấp ủy, các ban, các đảng đoàn phải trực tiếp và thường xuyên nắm lại tình hình, đề xuất cách giải quyết những mâu thuẫn tồn tại và khó khăn với những chủ trương biện pháp sát hợp cụ thể thiết thực và kịp thời, phát huy đúng chức năng trách nhiệm, chú trọng tổng kết kinh nghiệm để tiếp tục tăng cường và cải tiến công tác lãnh đạo, chỉ đạo với sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp ngày càng đi vào chất lượng.

Các huyện, thị ủy phải tăng cường cấp ủy viên và cán bộ có khả năng sang lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất thủ công nghiệp, thực hiện tốt vai trò và trách nhiệm của cấp huyện là cấp lãnh đạo nông nghiệp và thủ công nghiệp.

Đảng đoàn Công đoàn và Tỉnh đoàn Thanh niên Lao động Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh cần tổng kết việc thực hiện các nghị quyết của Đảng và có kiến nghị cụ thể về đẩy mạnh công tác vận động quần chúng trong các xí nghiệp công nghiệp và thủ công nghiệp, phát huy vai trò quần chúng thực hiện tốt vai trò làm chủ tập thể đối với xí nghiệp và hợp tác xã.

15 năm xây dựng và phát triển công nghiệp đã giành được những kết quả bước đầu, đã và đang tạo ra những khả năng mới đã đánh dấu một giai đoạn lịch sử đầu tiên của nền công nghiệp trẻ tuổi của tỉnh ta. Tuy nhiên bên cạnh đó cũng còn nhiều nhược điểm và thiếu sót cần phải ra sức khắc phục trong bước trưởng thành. Tiếp tục thực hiện đường lối công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa của Đảng, chấp hành Nghị quyết lần thứ 22 của Trung ương Đảng và nghị quyết của Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ Lào Cai lần thứ 15 và 16, cần ra sức phát huy ưu điểm, nhanh chóng

khắc phục những thiếu sót, khuyết điểm, phát triển nhanh mạnh và vững chắc hơn nữa công nghiệp và thủ công nghiệp nhằm phát huy vai trò chủ đạo, tích cực phục vụ nông nghiệp và các ngành Kinh tế phát triển đi vào thế mạnh, tạo ra nhiều sản phẩm phục vụ đắc lực sản xuất và đời sống, nhanh chóng tiến lên xây dựng một nền kinh tế phát triển theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa ở tỉnh ta.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC
VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

I. BIỂU THỐNG KÊ GIÁ TRỊ TỔNG SẢN LƯỢNG CÔNG NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG (1960-1974)

Hạng mục	Đơn vị tính	Giá trị tổng sản lượng					
		60(1)	65(2)	68(3)	70(4)	72(5)	74(6)
Giá trị tổng sản lượng công nông nghiệp	1.000 đ	24.533	35.601	39.701	45.217	51.439	55.817
- Công nghiệp		4.307	6.455	7.752	10.874	12.706	16.720
Tỷ trọng	%	17,55	18,13	22,5	24,04	27,16	29,95
- Nông nghiệp		20.226	29.146	31.941	34.343	38.733	39.096
Tỷ trọng	%	82,45	81,87	80,47	85,95	71,84	70,05
Giá trị tổng sản lượng công nghiệp địa phương	1.000 đ	4.307	6.455	7.752	10.874	12.706	16.720
- Nhóm A		2.215	3.963	3.733	4.160	4.942	5.733
Tỷ trọng	%	51,43	61,39	48,15	38,25	38,89	34,28
- Nhóm B		2.092	2.492	4.019	6.776	7.764	10.987
Tỷ trọng		48,57	38,60	51,84	62,31	61,11	65,72
- Quốc doanh	1.000đ	1.617	3.680	5.336	7.802	9.206	12.661
Tỷ trọng	%	37,55	57,01	68,83	71,74	72,46	75,72
- Tiểu thủ công		2.690	2.775	2.416	3.072	3.499	4.060
Tỷ trọng		62,45	42,98	31,18	28,25	27,54	24,28

- Theo phục vụ	1.000đ					
1) Công nghiệp	1.755	2.295	1.231	1.577	2.191	
Tỷ trọng	40,74	35,55	15,87	14,50	15,00	
2) Xây dựng cơ bản	652	623	1.099	1.438	1.825	
Tỷ trọng	15,13	9,65	14,17	13,17	13,00	
3) Nông nghiệp	25	141	200	194	162	
Tỷ trọng	0,58	2,18	2,57	1,81	1,1	
4) Giao thông vận tải	4	125	220	266	390	
Tỷ trọng	0,09	1,93	7,99	3,45	3,00	
5) Xuất khẩu	4	291	376	599	765	
Tỷ trọng	1,09	4,5	4,85	4,92	6,00	
6) Tiêu dùng	1.867	2.080	4.220	7.180	7.550	
Tỷ trọng	43,34	46,16	54,43	63,34	52,00	

Hạng mục	Tỷ lệ %				Tốc độ bình quân			
	65/60	68/65	72/68	74/60	60-65	65-68	68-72	60-74
Giá trị tổng sản lượng công, nông nghiệp	145,11	111,51	129,38	227,5	7,7	3,7	6,6	6,7
- Công nghiệp	149,87	120,09	162,74	388,2	8,4	6,3	12,9	9,4
Tỷ trọng								
- Nông nghiệp	144,10	109,61	121,29	193,2	7,6	3,1	4,9	4,5
Tỷ trọng								
- Giá trị tổng sản lượng công nghiệp địa phương	149,87	120,09	162,74	388,2	8,4	6,3	12,9	9,4
- Nhóm A	178,91	94,19	129,97	258,8	12,3	- 2,0	6,8	6,6
Tỷ trọng								
- Nhóm B	119,22	161,27	193,20	525,0	3,60	17,3	17,9	11,7
Tỷ trọng								
- Quốc doanh	227,58	145,00	172,53	782,9	17,9	13,2	14,6	14,7
Tỷ trọng								
- Tiểu thủ công nghiệp	103,15	87,06	144,82	150,9	0,6	- 4,5	9,7	2,75
Tỷ trọng								
Đối tượng phục vụ								
1) Công nghiệp	129,29	0,53	174,81		5,3	- 18,8	15,0	

2) Nông nghiệp	564,00	141,84	81,0		41,3	12,3	- 5,1
3) Xây dựng cơ bản	95,55	176,40	163,33		- 0,9	20,8	13,0
4) Giao thông vận tải	3.125,0	496,0	92,8		97,2	70,5	-4,6
5) Xuất khẩu	7.275,0	129,20	203,45		135,7	8,9	19,4
6) Tiêu dùng	159,61	141,61	171,21		9,8	12,3	14,9

II. BẢNG HIỆU QUẢ KINH TẾ CỦA CÔNG NGHIỆP QUỐC DOANH ĐỊA PHƯƠNG (Theo giá cố định 1970)

	1965	1968	1970	1972	1973	Chú thích
A) Giá trị tổng sản lượng: Quốc doanh tính 1.000đ	3.680	5.336	7.802	9.206,6	11.241	1973/1965 tăng 305%
B) Tích lũy (cả thuế cộng lãi)						
- Lãi	+191,8	+ 462,3	+ 407,8	+574,7	+ 709,85	- Tăng 360%
1) Vốn cố định: 1.000đ	72,4	192,3	249,9	263,4	186,3	- Tăng 250%
2) Vốn lưu động	906,5	1.670,4	3.052,5	5.819	7.560,4	
	347,4	710,1	1.348,4	1.258	1.732,6	
D) = (1+2) - vốn cả năm: = nt =	1.253,9	2.380,5	4.390,9	7.077	9.293	- Tăng 741,1

E) = Tính 1 đồng vốn làm ra	2,9đ.	2,24đ.	1,77đ.	1,30đ.	1,198đ.	Giá trị 2,9 đ. (1965)còn 1,198
- a) Giá trị: A/D	0,15	0,19	0,092	0,081	0,076	Tích lũy từ 0,19
- b) Tích lũy (thuế + lãi) B/D	0,066	0,08	0,056	0,037	0,02	(1968 còn 0,076 đ.)
- c) Lãi: C/D						Lãi từ 0,08 đ. (1968) còn 0,02đ

III. BẢNG SỐ VÀ CHẤT LƯỢNG CÔNG NHÂN VIÊN CÔNG NGHIỆP QUỐC DOANH ĐỊA PHƯƠNG

Tính đến 1-7-1973

Toàn ngành công nghiệp quốc doanh có đến 1973	2.004 người 1 công nhân trực tiếp có kỹ thuật	Trong đó				Trình độ văn hoá		
		Nữ	Dân tộc ít người	Miền Nam	Đảng viên	Cấp I	Cấp II	Cấp III
Toàn ngành:	1.315	744	64	10	125	669	590	136
Tỷ lệ % so với công nhân kỹ thuật		56,57	0,048	0,0076	0,095	50,87	44,86	10,34
- Điện lực	42	2	9		4	14	27	1
- Kim loại	206	61	4	2	24	28	125	53

- Hóa học	120	74	2		6	35	55	30
- Vật liệu xây dựng	122	49	18		4	53	56	3
- Thực phẩm	326	234	4	3	22	137	163	26
- Khai thác chế biến gỗ	368	179	14	3	47	279	86	3
- Sành sứ, nước, in	221	145	13	1	18	123	78	21
2) Nhân viên trực tiếp								
- Số lượng	33	16			13	2	30	1
- Hóa học	9	5					8	1
- Kim loại	4	1			1		4	
- Vật liệu xây dựng	3	2			2		3	
- Thực phẩm	15	7			8	2	13	
- Sành sứ	1	1			2		2	
3) Trung, cao cấp:								
- Kỹ sư	1970	11		1973	21			
- Trung cấp		111			156			

(Tiếp theo III)

Số được đào tạo có hệ thống chuyên nghiệp		Bậc thợ từ 1 đến 6						Bậc thợ
6 tháng đến 12 tháng	12 tháng trở lên	1	2	3	4	5	6	Bình quân
183	294	399	628	234	45	16	2	1,8
13,95	22,13	30,3	47,7	17,79	0,034	0,012	0,0015	
	41	19	15	4				1,9
		12	133	33	12	8		2,3
4	42	48	33	6	3	1		1,2
		35	27	46	4			2,1
147	49	96	149	51	6	1	1	1,7
25	87	131	166	54	10	5	1	1,8
7	75	58	105	40	10	1		1,9
13	4	4	8	6	6	6		2,7
3	2	3	3			1		
		1	2	1	2	1		
10	2	1	2	4	5	4		

IV. BẢNG TIỂU CÔNG NGHIỆP VÀ THỦ CÔNG NGHIỆP
(Kể cả sơn tràng)

	Đơn vị tính	1960	1965	1968	1970	1973	Tốc độ bình quân			
							1960-65	1965-70	1970-73	1960-73
- Giá trị sản lượng:	1.000đ.	2.090	2.755	2.416	3.072	3.751	0,65	2,05	6,90	2,55
A	-	1.614	1.470	1.374	1.627	1.877				
B	-	1.076	1.305	1.042	1.455	1.874				
Tổng số thợ thủ công (cả sơn tràng)	Người	1.427	1.829	1.252	2.230	2.392	5,1	4,1	2,4	3,5
a) Thợ chuyên nghiệp	-	917	1.037	963	1.553	1.587	2,5	8,4	1	4,0
b) Thợ chuyên nghiệp đã vào hợp tác xã	-	197	462	729	1.114	1.258				
Tỷ lệ	%	21,5%	40,7%	75,7%	71,7%	79,3%				
c) Sơn tràng (cả hợp tác xã nông nghiệp)	Người		431	304	265	295				
+ Sơn tràng chuyên nghiệp (cá thể)			192	144	50	67				
+ Sơn tràng trong hợp tác xã nông lâm nghiệp			239	160	215	228				

V. XUẤT KHẨU

	1965	1970	1973	Tốc độ bình quân			Ghi chú
				1965-1970	1970-1973	1965-1973	
Tổng giá trị hàng xuất khẩu của tỉnh (1.000đ)	320,0	1.092,4	1.801,2	27,8	18,2	21,2	
1) Nông sản phẩm	115,0		834,7	21,6	25,8	25,7	
2) Công nghệ phẩm công nghiệp	205,0	419,0	966,5				
Đ/ (1.000đ.)		673,4					
- Tinh dầu pomu	110,0	265,4	426,2				
- Màng tang	75,0	76,8	98,7				
- Sả		54,0	130,3				
- Cần câu gậy trúc		100,1	28,8				
- Hoa quả hộp			252,7				
- Gối bao bì	30	70,2					
- Tăm mảnh		107,3	29,8				

VI. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TRÍCH NỘP NGÂN SÁCH CÁC XÍ NGHIỆP 1964-1973

Số TT	Tên xí nghiệp	1964	1965	1966	1967	1968	1969	1970	1971	1972	1973	1964-1973
1	Cơ khí - Thuế - Lãi	10,7 4,2 6,5	14,1 7,2 6,9	12,8 7,9 4,9	11,6 10,1 1,5	9,7 9,7	3,0 3,0	13,3 13,3	55,5 30,5 25,0	41,7 23,4 18,3	65,0 38,0 27,0	237,4
2	Mộc xẻ - Thuế - Lãi	19,0 10,2 8,8	38,5 12,3 26,2	51,4 13,2 38,2	73,3 23,0 50,3	64,8 20,8 44,0	3,3 8,3 5,0	8,0 8,0	9,9 9,9	25,4 7,0 18,4	40,5 9,0 31,5	344,1
3	Đường rượu giấy - Thuế hàng hoá - Thuế doanh nghiệp - Thuế rượu - Lãi	98,0 61,0 28,0 9,0	130,4 86,5 40,0 3,9	178,5 23,0 135,5 18,0	271,2 15,7 222,0 33,5	241,0 67,0 170,0 4,0		220,5 17,0 25,5 178,0	252,00 127,3 26,3 98,4	369,8 198,8 19,8 151,2	352,2 146,8 45,7 159,7	2.113
4	Thực phẩm tổng hợp - Thuế doanh nghiệp - Thuế hàng hoá - Lãi				70,7 25,7 45,0	166,9 102,4 64,5	140,8 74,0 66,8	194,7 80,7 114,0	165,0 17,0 55,0 93,0	235,4 20,6 65,5 149,3	284,6 39,0 60,0 185,6 55,7	1.258,1

5	Sàn sứ - Thuế hàng hoá - Lãi								5,7	3,0	22,2	19,0	15,7	55,7	121,3
6	Đầu hương liệu - Thuế doanh nghiệp - Lãi	31,5 6,3 25,2	41,0 5,9 39,1	23,6 7,2 16,4	12,1 8,5 3,6	8,1 4,1 4,0	29,1 5,9 23,2	58,0 7,1 50,9	59,9 8,4 51,5	52,5 7,5 45,0	63,0 8,0 55,0	578			
7	Lâm nghiệp (Khai thác, chế biến) - Thuế doanh nghiệp - Lãi	104,2 44,2 60,1	237,6 64,2 173,4	282,0 66,5 215,5	230,5 61,8 168,7	214,0 70,2 144,6	45,2 45,2	182,8 53,4 129,4	320,0 62,8 257,2	349,9 48,3 301,6	280,5 64,9 215,6	2.247,5			
8	Xí nghiệp gạch, ngói - Thuế doanh nghiệp - Lãi	12,0 11,5 0,5	50,9 12,9 38,0	51,7 8,0 43,7	25,5 10,5 15,0	6,9 6,9	5,5 5,5	8,5 8,5	41,6 10,1 31,5	20,8 8,8 12,0	5,3 5,3	228,7			
9	Xí nghiệp được phẩm - Thuế - Lãi				5,6 2,0 3,6	5,8 5,7 0,1	61,0 9,8 51,2	106,9 12,0 94,9	69,4 2,4 67,0	87,5 18,5 69,0	189,8 21,8 168,0	526,0			
10	In - Thuế - Lãi	14,0 2,2 12,3	12,4 2,0 10,4	15,5 2,0 13,5	15,7 2,0 15,7	19,6 2,1 17,5	17,7 0,8 16,9	24,6 0,8 23,8	27,5 1,0 26,5	26,0 2,5 23,5	33,8 3,8 30,1	207,3			

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 47-BC/TU, ngày 10-12-1975

Về việc tổng kết xây dựng cơ bản 1970-1974

Thực hiện đường lối công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III đề ra, công tác xây dựng cơ bản có vị trí hết sức quan trọng trong việc xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội và ngày càng trở thành khâu công tác có ý nghĩa quyết định tạo điều kiện cho sản xuất, đời sống kinh tế, văn hóa phát triển. Xây dựng cơ bản là một công tác tổng hợp chính trị, kinh tế, kỹ thuật mang tính sản xuất công nghiệp nhưng sản xuất là đơn chiếc lại cố định ở các địa điểm khác nhau, sản phẩm hoàn thành được tồn tại lâu dài và không có phế phẩm. Công tác xây dựng cơ bản sử dụng khá lớn lực lượng lao động, vật tư, tiền vốn, có liên quan mật thiết với xã hội, thiên nhiên và nhiều ngành, nhiều lĩnh vực khác nhau. Quá trình đẩy mạnh công tác xây dựng cơ bản là quá trình tiến hành nhiều công tác cụ thể có tính đồng bộ, khép kín của quá trình xây dựng và quản lý theo trình tự nguyên tắc, chế độ, thể lệ và quy phạm kỹ thuật nhằm ngăn ngừa một cách hiệu quả những lãng phí, bất hợp lý và hậu quả không tốt, đẩy nhanh tốc độ thi công, hạ giá thành, nâng cao chất lượng công trình.

Trong thời gian qua, dưới ánh sáng đường lối công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, Đảng

bộ Lào Cai ngày càng nhận thức rõ hơn vị trí quan trọng của công tác xây dựng cơ bản đối với nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế ở tỉnh ta. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ toàn tỉnh lần thứ năm đã đặt rõ nhiệm vụ xây dựng cơ bản ở tỉnh ta với phương hướng: "Tập trung xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật cho nông nghiệp theo từng vùng sản xuất, từng cây, con chủ yếu và các cơ sở sản xuất hàng tiêu dùng, đồng thời chú trọng đến các công trình phúc lợi và đời sống. Trong nông lâm nghiệp, tập trung xây dựng các công trình thủy lợi, các trạm trại giống, nghiên cứu kỹ thuật, các vườn ươm, các đường vận xuất, v.v. Trong công nghiệp, tập trung xây dựng các công trình chế biến nông lâm sản, sản xuất hàng tiêu dùng và sản xuất vật liệu xây dựng hệ thống cơ khí, thủy điện, kho tàng trong tỉnh. Ngoài các công trình sản xuất, chúng ta phải chú trọng xây dựng các bệnh viện, bệnh xá, trường đào tạo cán bộ, công nhân kỹ thuật, các công trình du lịch nghỉ mát, nhà ăn, nhà ở cho cán bộ công nhân, giải quyết nước ăn ở thị xã, thị trấn và vùng cao. Để thực hiện được nhiệm vụ trên, cần hoàn thành gấp quy hoạch thị xã, thị trấn và từng bước lập quy hoạch từng xã, hợp tác xã. Trên cơ sở đó, xây dựng một số xã điển hình, thực hiện từng bước xây dựng nông thôn mới. Ở một số xã điển hình, cố gắng xây dựng được vài công trình công cộng bằng gạch ngói như trạm xá, trường học, nhà trẻ. Cần tổ chức lực lượng kiến trúc ở cả tỉnh, huyện và xã, đi đôi với chú ý đào tạo đội ngũ công nhân bằng mọi hình thức, để nhanh chóng đáp ứng yêu cầu về thợ xây dựng cho trước mắt cũng như lâu dài. Cần đẩy mạnh phát triển sản xuất nguyên, vật liệu; nghiên cứu thiết kế các loại nhà định hình và phát triển việc xây dựng bằng cách lắp ghép các cấu kiện đúc sẵn. Trong xây dựng cơ bản, phải coi trọng khâu khảo sát, thiết kế, chuẩn bị nguyên, vật liệu... và thực hiện tốt khâu thi công, đảm bảo nhanh, nhưng tiết kiệm, tránh lãng phí, tăng năng suất, hạ giá thành, chất lượng tốt... theo đúng chế độ, nguyên tắc, quy trình, quy phạm về xây dựng cơ bản".

Thi hành Nghị quyết lần thứ 19, 20, nhất là Nghị quyết lần thứ 22 của Trung ương Đảng gần đây về chuyển biến từ nền sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ đã ra Nghị quyết cụ thể 07, 15 nêu rõ nhiệm vụ và mục tiêu phấn đấu nhất là nhiệm vụ, mục tiêu xây dựng cơ bản với các công trình cụ thể cần tiến hành xây dựng trong việc phát triển kinh tế, văn hóa. Mặc dầu có những khó khăn do tình hình nhiều mặt chưa thật ổn định. Từ thời bình chuyển sang thời chiến và từ thời chiến trở lại thời bình, kế hoạch xây dựng cơ bản chưa thật cân đối vững chắc, nhất là điều kiện vận tải, thiết bị, vật tư, lao động kỹ thuật... nhưng công tác xây dựng cơ bản trong những năm qua đã đi đúng hướng, đáp ứng được một phần quan trọng về yêu cầu phát triển kinh tế văn hóa và cơ bản đã phục vụ được cho những yêu cầu cấp thiết góp phần chuyển biến nền kinh tế của tỉnh ta dần dần đổi mới về cơ cấu cũng như về số lượng, chất lượng.

Tuy nhiên trong tình hình hiện tại và trước yêu cầu phát triển sắp tới, công tác xây dựng cơ bản của tỉnh ta còn nhiều mặt non yếu nhược điểm, cần được nhanh chóng phát huy những ưu điểm, khắc phục những thiếu sót tồn tại, nhằm chuẩn bị những cơ sở vật chất và điều kiện phát triển cho những năm tới, tạo điều kiện cho công tác xây dựng cơ bản đáp ứng được với yêu cầu mới.

Phần thứ nhất

KIỂM ĐIỂM TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ XÂY DỰNG CƠ BẢN TRONG NHỮNG NĂM QUA

I. KẾT QUẢ VÀ TIẾN BỘ TRONG XÂY DỰNG CƠ BẢN

Công tác xây dựng cơ bản trong những năm qua so với các yêu cầu và mục tiêu đề ra nói chung đã phục vụ đúng và có tác dụng tích cực. Với lực lượng và khả năng có hạn lại có nhiều khó khăn

về vật tư lao động tiền vốn, nhưng đã biết tập trung vào các mục tiêu chủ yếu cấp bách trong sản xuất cũng như trong đời sống nên đã dứt điểm phần lớn các công trình ghi trong kế hoạch và đã tập trung được vào một số các công trình trọng điểm của địa phương.

1. Công tác chỉ đạo xây dựng cơ bản cũng có nhiều tiến bộ hơn về tốc độ và thời gian hoàn thành

Trước đây chủ trương xây dựng bị phân tán, thi công kéo dài, phát sinh nhiều vấn đề bất hợp lý, hiệu quả kinh tế thấp kém. Từ năm 1970 tới nay, công tác xây dựng cơ bản đã dần dần được tập trung chỉ đạo thống nhất từ chủ trương của Tỉnh ủy đến chỉ đạo thực hiện của các ngành. Điều đó không những có lợi là tập trung được lực lượng và trí tuệ, tập trung tiền vốn, vật tư tạo điều kiện cho công tác quản lý dần dần chặt chẽ, thi công nhanh, gọn, đưa công trình vào sản xuất và sử dụng được sớm hơn. Từ sự chuyển biến trên đây, đã tạo điều kiện cho công tác chỉ đạo kế hoạch tập trung giải quyết được dần dần, các khâu còn mất cân đối triển miên tiến lên cân đối, kế hoạch từng năm tương đối sát hơn. Trình độ lập kế hoạch cũng đang trên đà tiến bộ, tạo điều kiện cho khâu thi công được thuận lợi. Tuy nhiên cũng phải thấy rằng để đi vào kế hoạch hóa trong xây dựng cơ bản, hiện nay cũng còn nhiều khó khăn và còn là một quá trình đấu tranh gian khổ trên nhiều mặt cả về điều kiện cũng như về năng lực quản lý xây dựng cơ bản.

Trong những năm qua, đã chú ý phát huy lực lượng của các ngành chủ lực đi đôi với phát động quần chúng đưa sự nghiệp xây dựng cơ bản trở thành sự nghiệp của toàn dân. Chính vì thế, nhân dân đã tham gia xây dựng được nhiều công trình phục vụ thiết thực cho địa phương mình, tạo điều kiện cho công trình hoàn thành đúng và vượt thời gian quy định như: Công trình đập Cam Đường, hồ Chính Tiên - Nậm Hễn, hồ Cầu Đen, đường Si Ma Cai - Pha Long, cầu treo Bảo Nhai...

Về tốc độ thi công từ chỗ có những công trình kéo dài trên 5 năm (mương Phú Nhuận), 10 năm (đường Bảo Nhai - Bắc Hà,

Bệnh viện Lào Cai), nay trong thi công đã có tiến bộ hơn (nhất là ngành giao thông).

Chủ trương xây dựng có trọng điểm và chỉ đạo thi công tập trung dứt điểm đã đem lại kết quả thực tế chứng minh chủ trương đó là đúng đắn, cần được phát huy tốt hơn nữa trong thời gian tới để đẩy mạnh tốc độ xây dựng cơ bản.

2. Về kỹ thuật xây dựng, trong thiết kế cũng như thi công, đã có những bước trưởng thành đáng kể

Từ lúc chỉ tự thiết kế, thi công được những công trình nhỏ và đơn giản, đến nay đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân đã có thể thiết kế và thi công những công trình quy mô lớn, có yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật cao (cầu treo Bảo Nhai, nhà lắp ghép 4 tầng, nhà máy giấy 300 tấn/năm, nhà máy sắn, rải nhựa đường, làm đập tràn, v.v..).

Về thiết kế: Đã áp dụng được một số thành tựu khoa học kỹ thuật vào thực tế địa phương, đề xuất được những phương án thiết kế đạt yêu cầu kinh tế kỹ thuật thiết thực và vận dụng các giải pháp kết cấu mới thi công đơn giản, tiết kiệm vật liệu xây dựng, phù hợp với địa chất của miền núi.

Về khảo sát quy hoạch: Công tác này làm còn ở mức độ nhưng cũng có một số tiến bộ. Ngành giao thông, thủy lợi đã thực hiện phục vụ được các yêu cầu và nhiệm vụ đề ra, có giá trị hiện thực nhất định để triển khai công tác thiết kế và thi công được sớm hơn trước.

Về thi công xây lắp: Nhiều ngành đã biết tiếp thu và áp dụng phương pháp thi công tiên tiến nên đã hoàn thành nhanh gọn công trình, đưa thi công xây lắp theo hướng đi dần từng bước lên công nghiệp hóa ngành xây dựng. Trong xây dựng công nghiệp, đã thi công xây lắp hoàn thành dứt điểm với chất lượng tốt trong vòng 4 tháng 25 ngày công trình giấy 300 tấn/ năm với thiết bị viện trợ toàn bộ là công trình có yêu cầu kỹ thuật cao, công nghệ phức tạp. Trong xây dựng giao thông, đã thi công được các loại cầu, cống

trong đó cầu treo Bảo Nhai là loại cầu cỡ lớn ở miền Bắc hoàn thành với chất lượng kỹ thuật khá cao và đã áp dụng nhiều biện pháp kỹ thuật mới từ rải nhựa nóng đến rải nhũ tương đất sét, cầu vòm, đường tràn. Trong xây dựng thủy lợi đã bắt đầu thi công tập trung dứt điểm được những công trình hồ chứa nước lớn bằng cơ giới kết hợp với thủ công... Trong xây dựng dân dụng, đi đôi với xây dựng thủ công cổ truyền đã áp dụng phương pháp thi công lắp ghép đi từ 1 tầng, 2 tầng, và hiện nay đã làm được nhà 4 tầng từ tầm nhỏ đến tầm lớn, v.v..

Những tiến bộ trong kỹ thuật xây dựng mở ra một triển vọng mới trong việc đẩy mạnh tốc độ thi công, đảm bảo chất lượng và hạ giá thành công trình, đồng thời cũng chứng tỏ khả năng tiềm tàng của đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân cần được khai thác triệt để và phát huy đúng mức trong thời gian tới.

3. Về tổ chức và lực lượng xây dựng cơ bản

Thực hiện Chỉ thị 195 của Ban Bí thư và Nghị quyết của Hội đồng Chính phủ số 54/CP đẩy mạnh công tác xây dựng cơ bản thực hiện tốt Nghị quyết hội nghị lần thứ 19 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, công tác tổ chức quản lý và chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ xây dựng cơ bản của tỉnh ta gần đây bước đầu được nghiên cứu tổ chức lại để phù hợp với đặc điểm, quy mô, yêu cầu phát triển của ngành xây dựng ngày một tăng theo hướng tập trung chuyên môn hóa.

Về tổ chức: Thực hiện chủ trương thống nhất từ Trung ương, tỉnh ta đã làm tốt và kịp thời việc thành lập Ty Xây dựng trên cơ sở hợp nhất hai cơ quan Ban Kiến thiết cơ bản và Ty Kiến trúc; tiến hành củng cố và điều chỉnh các đơn vị cho phù hợp với yêu cầu mới về sản xuất và thống nhất quản lý như: Thành lập Công ty xây lắp đảm nhiệm nhận thầu xây lắp và sửa chữa lớn toàn bộ các công trình kiến trúc công nghiệp và dân dụng; chuyển xí nghiệp xi măng về trực thuộc Ty Xây dựng; tách phân xưởng vôi của Xí

nghiệp Vật liệu xây dựng chuyển sang Xí nghiệp xi măng thành lập Xí nghiệp Xi măng - Vôi; thành lập Trường Công nhân kỹ thuật xây dựng để đào tạo công nhân cho ngành xây dựng; thành lập các đội cầu, đội khảo sát và các công trường để phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ xây dựng thủy lợi, giao thông...

Đi đôi với tổ chức chính quyền, tổ chức Đảng, công đoàn, thanh niên cũng được cải tiến một bước để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong ngành xây dựng.

Tổ chức quản lý xây dựng được tăng cường ở một số ty, ngành có khối lượng công tác xây dựng cơ bản lớn, thành lập phòng kiến thiết cơ bản hay phòng quản lý thi công để quản lý và chỉ đạo công tác xây dựng cơ bản của ngành.

Về lao động: Lao động cho xây dựng cơ bản cũng được chú ý bổ sung, kể cả cán bộ và công nhân kỹ thuật cũng như lao động phổ thông, tập trung ưu tiên bổ sung lao động cho ngành xây dựng, giao thông, thủy lợi....

Đội ngũ cán bộ, công nhân xây dựng thường xuyên được chú ý đào tạo để nâng cao trình độ kỹ thuật và tay nghề. Cán bộ kỹ thuật được cử đi học tại chức, chuyên tu ngày một nhiều. Ngoài trường đào tạo công nhân kỹ thuật là nơi đào tạo chính quy, các đơn vị đã bước đầu thực hiện việc học tập kèm cặp bổ túc tay nghề tại chỗ và học tập nâng bậc, kiểm tra trình độ nghề nghiệp hàng năm cho công nhân kỹ thuật.

Về thiết bị: Đi đôi với chú ý tăng cường công cụ cầm tay và cải tiến, đã tăng cường thêm thiết bị, máy móc, dụng cụ, phương tiện phục vụ cho xây dựng như máy ủi đất, ô tô, máy trộn bê tông, trộn vữa, hàn điện, đầm, lu lèn, tời điện, cần cẩu... từng bước đưa cơ giới vào xây dựng để dần dần thay thế cho sức người ở những khâu công tác nặng nhọc và đẩy nhanh tốc độ xây dựng. Đến nay, toàn tỉnh đã có 38 máy làm đất, (trong đó có 19 máy ủi, 19 máy lu lăn đường), máy làm đá 13 cái (ép khí 7 và 6 nghiền đá), 16 máy xây dựng (10 trộn bê tông, 6 trộn vữa), 16 máy vận chuyển ngang (1 máy kéo, 15 ô tô) và 3 máy chuyển cao.

4. Về quản lý xây dựng cơ bản

Nhìn chung công tác quản lý xây dựng cơ bản từ tỉnh đến các ngành các cấp đã có những chuyển biến nhất định.

Về chủ trương xây dựng, đã chuyển mạnh vốn đầu tư cho khu vực sản xuất vật chất, chiếm tỷ lệ từ 76% trở lên trong tổng số vốn đầu tư xây dựng cơ bản hằng năm. Trong khu vực sản xuất vật chất, đã tập trung ưu tiên xây dựng cho nông nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải và đã chú ý tăng cường thêm thiết bị cho các ngành sản xuất tỷ lệ từ 13 đến 26% trong tổng số vốn đầu tư xây dựng cơ bản hằng năm.

Về quản lý, đã thực hiện việc chấp hành trình tự, thủ tục, nguyên tắc và các quy trình, quy phạm, các định mức kinh tế - kỹ thuật ngày càng chặt chẽ hơn. Phần lớn công trình xây dựng cơ bản đều được duyệt thiết kế dự toán trước khi thi công. Các ngành có khối lượng xây dựng cơ bản lớn như thủy lợi xây dựng, giao thông đều tổ chức có A, B nội bộ quản lý và giám sát công tác xây dựng từ khâu lập nhiệm vụ thiết kế, đến thi công, nghiệm thu huy động công trình vào sản xuất, sử dụng các công ty, công trường xây dựng đã bước đầu thực hiện hoạch toán kinh tế, giảm dần lỗ và có lãi bước đầu, hạn chế tình trạng thực thanh, thực chi và chi vượt ngoài dự toán.

Công tác quản lý tiền vốn, vật tư bước đầu khếp vào nguyên tắc, cấp phát tài chính, vật tư đã dựa trên cơ sở thiết kế, dự toán được duyệt. Sự phối hợp quản lý giữa cơ quan giám định kinh tế - kỹ thuật xây dựng với cơ quan quản lý tài chính, vật tư, kế hoạch có tiến bộ tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện kế hoạch xây dựng cơ bản.

5. Kết quả đầu tư xây dựng cơ bản

Trong 5 năm từ 1970-1974, tỉnh ta đã thực hiện vốn đầu tư với tổng mức 34.956.000 đồng, trong đó xây lắp được 28.352.000 đồng và thiết bị được 6.066.000 đồng. So với kế hoạch đầu tư thì xây lắp đạt 93,5%, thiết bị đạt 96,5%. Năm 1971 là năm đạt cao nhất về

tổng mức đạt 102,7%, về xây lắp đạt 101,2% và thiết bị đạt 116,5%, các năm khác đều đạt xấp xỉ. Tốc độ thực hiện xây dựng cơ bản tăng bình quân là 1,2 lần (xem biểu 1 mục lục kèm theo).

Về giao thông vận tải: Đã có cố gắng tập trung phát triển đảm bảo được yêu cầu trong thời chiến cũng như thời bình. Bên cạnh việc hoàn chỉnh các đường bộ lớn như chống sụt lở hàng năm từ 10 đến 15.000 m³ đất đá, rải thêm 83 km đường nhựa, tỉnh ta đã đặc biệt chú ý xây dựng thêm nhiều đường lên vùng cao. Đường lên các thị trấn, huyện lỵ và một số vùng kinh tế, biên giới. Đã giành 11.104.000 đồng tập trung hoàn thành dứt điểm đường đi Bắc Hà; Bắc Hà đi Si Ma Cai, Mường Khương đi Pha Long, hoàn thành cơ bản đường Lán Tây Phố Lu, bắt đầu khởi công đường Lào Cai - Bát Xát và Cam Đường đi Phú Nhuận. Kết quả làm mới được 70 km đường, xây dựng được 20 cầu các loại, trong đó có cầu treo Bảo Nhai là loại cầu cáp cứng, khẩu độ dài 140 m và mặt bằng bê tông rải nhựa. Ô tô vận tải hành khách tăng 35 chiếc. Riêng giao thông nông thôn đã hình thành 1.040 km đường đi từ 1m 5 đến 3m50 (chủ yếu đường đất cho người, ngựa) và làm được 96 cầu cống loại nhỏ.

Về nông, lâm nghiệp: Đã dành vốn đầu tư thích đáng tập trung vào xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp, cho thủy lợi, và nghề rừng với tổng số vốn là 11.263.000 đồng trong đó cho nông nghiệp 7.659.000 đồng, thủy lợi 2.045.000 đồng và lâm nghiệp 1.559.000 đồng. Ngoài ra, còn huy động thêm vốn định canh định cư và ngân sách cấp thêm (xem biểu 4 phụ lục kèm theo).

Về khai phục hoang của nông trường được 905 ha trong đó, đã trồng thêm 368 ha các cây lâu năm (Cam, chè, dứa, sỏ, thuốc...). Diện tích khai hoang của hợp tác xã, các vùng được 1.014 ha nên cũng tăng diện tích trồng trọt từ 29.511 ha lên 30.525 ha.

Về chuồng trại, làm thêm được 7.200 m² chủ yếu tập trung phục vụ cho lợn (Bát Xát, Phong Hải, trại lợn vỗ béo Nam Cường). Hệ thống trạm trại được phát triển thêm và hoàn chỉnh dần từng

bước với 5 nông trường và 12 trạm trại. Thiết bị máy móc nông nghiệp chủ yếu máy kéo đã tăng được 40 chiếc.

Trong 5 năm đã trồng rừng mới được 1.894 ha, trong đó riêng năm 1974 đạt cao nhất 679 ha.

Về thủy lợi: đã hoàn thành dứt điểm 8 công trình tương đối lớn nâng công trình trung thủy nông lên 43 cái, 5.922 tiểu thủy nông. Một điều đáng chú ý đã quan tâm một bước về nước phục vụ cho người, cho chăn nuôi, cho tưới rau xanh, 146 bể giếng, 6 hệ thống đường nước, 12 mương tưới nước kết hợp nước ăn phục vụ cho 3.492 hộ (21.700 nhân khẩu), tưới rau giống 67 ha, rau xanh 64 ha.... Đến nay, trong 2.198 ha lúa chiêm xuân có 2.100 ha được tưới và trong 7.421 ha lúa mùa có 6.737 ha được tưới. Một số nơi tuy có công trình nhưng do quản lý còn kém hoặc một số còn phải chờ có nước nên vẫn thiếu nước tưới (600 ha lúa mùa). Hộ ao thả cá tăng thêm 100 ha do Nhà nước quản lý.

Về công nghiệp: Ưu tiên xây dựng công nghiệp vật liệu xây dựng, cơ khí, điện lực, và chế biến nông, lâm, đặc sản. Đã thực hiện được với tổng số vốn xây dựng công nghiệp là 5 triệu 358 ngàn đồng. Tập trung xây mới và sửa chữa, khôi phục, mở rộng những công trình cũ bao gồm: Gạch Quang Kim, Vôi làng nhón, khôi phục Nhà máy xi măng, sửa chữa nhà máy sứ, xây dựng xí nghiệp chế biến bột sắn, nhà máy giấy, hoa quả hộp, xí nghiệp được phẩm, làm thêm 6.480 m² nhà xưởng cho các xí nghiệp.

Về lưu thông phân phối - dự trữ vật tư: Cố gắng hoàn chỉnh hệ thống kho để dự trữ và bảo quản vật tư hàng hóa. Chủ yếu là kho chứa lương thực, thực phẩm, tư liệu sản xuất. Đã thực hiện với tổng số vốn là 425 ngàn đồng để xây dựng kho tàng và cửa hàng.

Về phục vụ đời sống: Đã tập trung xây dựng hoàn chỉnh dứt điểm những công trình bảo vệ sức khỏe, đặc biệt coi trọng công trình cấp nước cho thị xã, thị trấn và vùng cao, xây dựng trường học các cấp với tổng số vốn là 5 triệu 700 ngàn đồng. Đã xây dựng xong Bệnh viện tỉnh, xây dựng được 11.243 m² trường học 6.320 m²

trụ sở và một số công trình phục vụ công cộng như hệ thống cấp nước thị xã Lào Cai, huyện lỵ Mường Khương, Bắc Hà. Riêng nhà ở các loại không kể lắp ghép cũng đã xây dựng được thêm 17.455 m² (tranh tre nứa lá, bán kiên cố và một phần kiên cố).

Về giá trị tài sản cố định mới tăng: Giá trị tài sản cố định của từng năm tăng, so với tỷ lệ vốn đầu tư thì còn thấp nhưng đã có một số tiến bộ: Năm thấp nhất được 1.171.000 đồng (1971), các năm trung bình được 2.895.000 (1970); 2.770.000 đồng (1972); 2.685.200 đồng (1974) và năm cao nhất là 6.245.000 đồng (1973) (xem biểu 5 phụ lục kèm theo).

II. KHUYẾT ĐIỂM, TỒN TẠI TRONG XÂY DỰNG CƠ BẢN

Trong thời gian qua, công tác xây dựng cơ bản tuy đã có những ưu điểm tiến bộ nhất định, nhưng so với yêu cầu thì sự chuyển biến và tiến bộ còn chậm chưa đáp ứng kịp với yêu cầu nhiệm vụ của tình hình mới; chưa khai thác tốt khả năng một số mặt của địa phương vào công tác xây dựng cơ bản, xây dựng vẫn còn phân tán kéo dài, chất lượng còn xấu, giá thành còn cao là những vấn đề lớn hiện nay trong công tác xây dựng cơ bản. Những tồn tại và khuyết điểm biểu hiện ở những mâu thuẫn chính cần tập trung sức giải quyết là:

1. Mâu thuẫn giữa yêu cầu xây dựng nhanh và khả năng tốc độ thực tế còn chậm chạp

Hiện nay, quá trình xây dựng cơ bản đã tạo ra được một số cơ sở vật chất nhưng so với yêu cầu của sản xuất và đời sống thì công tác xây dựng cơ bản chưa đáp ứng kịp.

Vấn đề quyết định chủ trương xây dựng đòi hỏi phải nhanh và chính xác. Muốn thế các cơ quan tham mưu, giúp việc phải làm tốt trách nhiệm của mình, phải đi đúng trình tự và hợp tác chặt chẽ từ khâu điều tra khảo sát, lập nhiệm vụ thiết kế, xác định phương

án kinh tế kỹ thuật đến khâu lựa chọn địa điểm xây dựng và việc thẩm tra, phê duyệt phải được tập trung vào một đầu mối. Thực tế hiện nay, lực lượng khảo sát thiết kế vừa nhỏ bé, vừa phân tán, tài liệu điều tra cơ bản thiếu nhiều mặt, kế hoạch dài hạn làm còn lúng túng và thiếu cơ sở, cơ quan thẩm tra làm chưa sâu và chưa kỹ nên khâu thủ tục chuẩn bị ban đầu phải làm đi làm lại nhiều lần kéo dài thời gian, làm cho việc chuẩn bị thường chậm trễ, bị động và gây nhiều khó khăn trong thi công. Nhiều khi việc chuẩn bị đầu tư chưa xong đã tiến hành đầu tư nên quá trình thực hiện gặp rất nhiều khó khăn về thủ tục quản lý. Năm 1973, trong kế hoạch giao thầu cho công ty xây lắp có tới 1/3 số vốn chưa đủ thiết kế dự toán. Năm 1974, trong 22 công trình thuộc vốn trợ cấp của Trung ương thì 16 công trình chưa có đủ thiết kế, dự toán, v.v..

Trong khâu chỉ đạo thi công, việc lập tiến độ và chỉ đạo theo tiến độ thi công chưa được coi trọng đúng mức. Sở dĩ có tình trạng như vậy một phần nhận thức và năng lực quản lý kinh tế về mặt này còn hạn chế hoặc điều kiện để thực hiện còn mất cân đối nghiêm trọng. Đồ án thiết kế sau khi được phê duyệt, nhiều công trình thủ tục chuẩn bị thi công còn kéo dài do thiếu vật tư, lao động, thiết bị... hoặc vừa thi công vừa tiếp tục chuẩn bị. Do đó thời gian khởi công và hoàn thành công trình thường kéo dài... xí nghiệp được phẩm ghi kế hoạch năm 1972 đến cuối năm 1973 mới thi công. Trại lợn Chợ Chậu ghi kế hoạch năm 1973 đến cuối năm 1974 mới khởi công. Trường Thiếu niên vùng cao ghi kế hoạch năm 1973 đến nay vẫn chưa có nhiệm vụ thiết kế chính thức được duyệt. Sửa chữa nhà lò của xí nghiệp (...) vẫn chưa xong, v.v., Tình hình chung hiện nay chưa khắc phục được là vật liệu sản xuất ra không đủ cho xây dựng và nhất là không cung cấp đúng yêu cầu của tiến độ xây dựng, khâu kế hoạch, tính cân đối còn thiếu thực tế, khâu điều khiển kế hoạch còn yếu và mang tính chất hành chính cung cấp.

Những thiếu sót trên đây đã gây khá nhiều khó khăn cho việc tổ chức thi công và hạn chế tốc độ xây dựng.

2. Mâu thuẫn giữa yêu cầu xây dựng ngày càng nhiều với khả năng còn hạn chế

Quá trình phát triển kinh tế của tỉnh ta đòi hỏi nhịp độ xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật phải tăng lên nhanh chóng. Song, sự đáp ứng của xây dựng cơ bản còn hạn chế, chưa kịp với yêu cầu.

a) Lực lượng thi công trong những năm qua tuy có được tăng lên với đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật xây dựng cơ bản như trên. Nhưng sự phát triển đó còn chậm hơn yêu cầu, không những về mặt số lượng mà cả chất lượng. Sự thiếu hụt về lực lượng chủ lực được giải quyết bằng lực lượng dân công nghĩa vụ và thuê mướn lao động từ đó cũng gây nên tình hình tổ chức thi công chưa thật ổn định. Trong kế hoạch hằng năm, cân đối khối lượng với nhân lực mới đáp ứng được 50 - 60%.

Lực lượng thi công của Công ty Xây lắp đảm nhận thi công được gần 1 triệu đồng trong quá trình nhiều năm, giá trị tổng sản lượng có tăng lên nhưng tốc độ tăng không đáng kể và chưa vững chắc. Đến nay, toàn Công ty có 690 cán bộ công nhân viên, trong đó có 5 kỹ sư, 31 trung cấp, 44 sơ cấp và 450 công nhân xây lắp, 61 công nhân sản xuất công nghiệp. Đáng chú ý lực lượng kỹ thuật còn ít, một số già yếu (thợ bậc 2 và 1 chiếm 338/450 công nhân, bậc 3 có 367/450 công nhân, bậc 4 có 40/450, bậc 5 có 15/450, bậc 6 có 1/450. Giữa thợ mộc, thợ nề, phụ cũng không cân đối, trong đó thợ mộc có 49, thợ nề có 94 người. Riêng lực lượng lắp ghép mới có 14 người nhưng chỉ mới có 3 người bậc 3, 6 người bậc 2, và 4 người bậc 1. Thiếu lực lượng lắp đặt điện, nước nên công trình thi công thường kéo dài, không thực hiện được yêu cầu hoàn thiện dứt điểm đồng bộ.

Các lực lượng thi công khác bao gồm: Giao thông, Thủy lợi, Lâm nghiệp, Thương nghiệp, Lương thực có phát triển nhưng tốc độ rất chậm. Nhiều ngành năm nào chỉ tiêu lao động cũng được tăng thêm nhưng không tuyển dụng được, đào tạo thì bó hẹp trong một số ngành nghề như lái xe, lái máy gặt mà thôi. Trong thực tế

tốc độ tăng vốn đầu tư thường 20 đến 30% nhưng lực lượng thi công thì tăng lên chỉ vừa đủ bổ sung thay thế cho lớp người già yếu trong lực lượng công nhân hiện có.

Về mặt chất lượng, các loại công nhân kỹ thuật còn thiếu nhiều, bậc thợ bình quân rất thấp, việc đào tạo bồi dưỡng nâng cao tay nghề chưa được chú ý đúng mức. Việc trang bị công cụ thi công ít được quan tâm, tổ chức và quản lý lao động lỏng lẻo, năng suất lao động tăng rất chậm, vốn xây dựng cơ bản không năm nào tiêu hết.

Các máy thi công tuy có được trang bị thêm nhưng không đồng bộ. Công tác quản lý, sử dụng máy thi công còn thiếu kinh nghiệm nên chưa phát huy được công suất. Việc tập trung máy thi công vào một đơn vị quản lý có ưu điểm hơn nhưng do trình độ quản lý còn thấp, sự phối hợp giữa các ngành thiếu chặt chẽ, công tác kế hoạch hóa chưa làm tốt nên hoạt động của một số máy thi công tiến bộ chậm, có lúc gây khó khăn cho việc điều hòa công việc.

Trong khu vực hợp tác xã và nhân dân, sự giúp đỡ chỉ đạo tổ chức xây dựng cho nhân dân cũng ít. Ở nông thôn, sự giúp đỡ của Nhà nước trong phạm vi các công trình sản xuất, một số xã đã quy hoạch thành hiện thực. Đối với các thị xã, thị trấn, trước mắt Nhà nước chưa có đủ khả năng thoả mãn yêu cầu nhà ở song việc tổ chức chỉ đạo đi vào xây dựng theo bản đồ quy hoạch, tạo điều kiện cho khu vực đó hình thành những đơn vị nhà ở, chưa có biện pháp cụ thể và kịp thời. Thợ tự do với giá "quá đắt" đang còn giữ vai trò chính trong việc xây dựng nhà ở trong nhân dân, thậm chí cả một số cơ quan nhà nước, việc tổ chức các hợp tác xã làm xây dựng chưa được quan tâm chỉ đạo cụ thể nên không phát triển được. Một số chính sách cụ thể đối với lĩnh vực này chưa được nghiên cứu vận dụng cho thích hợp với thực tế, lực lượng lao động xây dựng cơ bản trong nông thôn chưa có biện pháp khai thác để huy động và sử dụng thích hợp. Công tác huy động lực lượng dân công nghĩa vụ các huyện làm quá yếu, không đủ chỉ tiêu kế hoạch, thường đạt thấp nhưng chưa có biện pháp khắc phục.

Tóm lại, về lực lượng thi công trong khu vực nhà nước nói chung còn thiếu và yếu, còn trong khu vực tập thể chưa chú ý chỉ đạo, chưa phát động được đông đảo nhân dân tham gia làm xây dựng cơ bản.

b) Việc sản xuất cung ứng vật liệu xây dựng

Một trong những yêu cầu để xây dựng được nhiều công trình là khả năng vật liệu xây dựng phải phong phú, không những kế hoạch cho sản xuất vật liệu phải đảm bảo cho xây dựng trong năm mà còn phải có vật liệu dự trữ cho đầu năm sau. Trong thực tế thường không đạt kế hoạch cả về sản xuất và thu mua vật liệu. Tốc độ sản xuất vật liệu tăng chậm nên ý muốn chủ quan có nhiều công trình đang còn bị thực tế khách quan này cản trở. Cát đá, sỏi có nhiều nhưng không được tổ chức khai thác thống nhất và quản lý. Gạch, vôi, xi măng có khả năng nhưng tiến triển quá chậm. Khai thác tre, nứa, bương, mai cũng tùy tiện. Gỗ đã thiếu lại sử dụng lãng phí, không ngâm tẩm nên càng gây khó khăn căng thẳng thêm. Cung cấp vật tư bị tình trạng sản xuất cầm chừng không có dự trữ đã dẫn đến sự tắt yếu cung cấp cho thi công cũng cầm chừng. Việc cung ứng còn phân tán, nhiều đơn vị làm nhưng trách nhiệm không rõ ràng phải qua nhiều cửa, nhiều thủ tục giấy tờ. Việc sản xuất và cung ứng vật liệu chưa đáp ứng được yêu cầu thi công. Nếu như công tác xây dựng mở rộng và với tốc độ cao thì tình hình đó sẽ dẫn đến nhiều khó khăn hơn.

c) Công tác điều tra cơ bản, quy hoạch phân vùng kinh tế làm chưa xong, do đó công tác quy hoạch phân bổ công nghiệp địa phương, phân bổ sức sản xuất và xây dựng đô thị chưa ổn định. Việc tập trung các khu vực xây dựng tạo điều kiện để từng bước công nghiệp hóa ngành xây dựng nhằm đáp ứng với yêu cầu cần phát triển theo quy mô lớn cũng còn có khó khăn.

Ba vấn đề tồn tại lớn trên đây, nếu không có biện pháp khắc phục thì không thể giải quyết được mâu thuẫn cơ bản.

3. Mâu thuẫn giữa yêu cầu kỹ thuật tốt, hình thức đẹp với khả năng quản lý và trình độ thực tế

Trong phương châm xây dựng, phải chú ý đến chất lượng công trình, còn về hình thức thì giới hạn trong điều kiện có thể. Như vậy không có nghĩa là bỏ qua sự chú ý đến vẻ đẹp của công trình. Một công trình tốt là phải đạt được yêu cầu: Thích dụng, bền vững và đẹp. Thực tế trong những năm qua, yêu cầu này chưa được quan tâm đầy đủ.

- Trong khâu chỉ đạo, vấn đề tốc độ xây dựng vẫn thường được chú ý, và có nhiều biện pháp tích cực; còn về chất lượng công trình thì có phần lơ lửng. Công trình hoàn thành là một thành tích, còn tốt hay không tốt hầu như ít được nói tới.

Chất lượng công trình phụ thuộc vào nhiều yếu tố từ khâu điều tra khảo sát, thiết kế đến thi công và chất lượng vật liệu. Trong khi chỉ đạo thi công, vai trò cán bộ kỹ thuật thi công và giám sát thi công phải được coi trọng như nhau. Song, trong những năm qua, tổ chức giám sát hầu như không có, nơi nào có thì cũng nặng về hình thức; các công trình xây dựng xong chưa thật bền chắc như cấp công trình đã quy định, có tình trạng vật liệu xấu và hư hỏng do thiếu nên vẫn phải sử dụng không đấu tranh và nhiều khi do yêu cầu tốc độ nên sinh ra sử dụng tùy tiện. Công trình xây dựng có bộ xương không tốt thì tất nhiên chất lượng không thể tốt được.

Về mỹ thuật công trình, nói chung chưa được quan tâm đúng mức. Trang trí nhiều và cầu kỳ thì lãng phí và không cần thiết, nhất là trong điều kiện kinh tế của ta còn nghèo nàn. Nhưng đi vào xây dựng công trình có yêu cầu đặc biệt, các công trình trong đô thị, vấn đề này không thể xem nhẹ được. Bởi vì sau thích dụng, bền vững, tiết kiệm thì mỹ quan, cũng là một yêu cầu đề ra trong phương châm thiết kế và xây dựng của ta. Trong thực tế, điều kiện sinh hoạt văn hóa xã hội ngày càng được cải thiện và nâng cao, nhận thức và hiểu biết về nghệ thuật, khiếu thẩm mỹ của quần

chúng ngày một tinh tế hơn, đòi hỏi các công trình xây dựng càng phải có yêu cầu thẩm mỹ thoả đáng.

Hiện nay, Nhà nước đã ban hành nhiều quy trình, quy phạm về kỹ thuật thi công nhưng việc thi hành ở các công trường chưa nghiêm chỉnh, có thực hiện hay không và thực hiện tới mức nào cũng không được xem xét kiểm tra cụ thể.

Công tác giáo dục về ý thức trách nhiệm chưa làm tốt cộng thêm trình độ công nhân kỹ thuật có hạn, thợ lành nghề ít, bậc thợ bình quân so với quy định còn thấp, cho nên nếu thực hiện định mức trong điều kiện như vậy thì rất dễ sinh làm ẩu, tùy tiện, thiếu tôn trọng quy trình, quy tắc kỹ thuật.

4. Mâu thuẫn giữa yêu cầu xây dựng rẻ và giá thành công trình cao

Xây dựng công trình rẻ là một yêu cầu hết sức quan trọng vì nó không những chỉ có ý nghĩa đối với điều kiện kinh tế hiện tại mà còn chi phối giá thành sản phẩm trong tương lai, liên quan đến quá trình quản lý, khai thác, sản xuất của đơn vị và xí nghiệp khi đưa công trình vào sử dụng.

Trong thực tế, nhiều công trình giá thành xây dựng vượt dự toán ban đầu phải cấp bù. Một số công trình gần đây giá thành có thấp hơn dự toán được duyệt, đó là những tiến bộ bước đầu, nhưng nếu đi sâu vào phân tích kinh tế thì thấy rằng số nhân lực sử dụng ở một số công trình quá nhiều và đã được “thu xếp” bằng cách thanh toán với giá thù lao dân công.

Giá thành của từng loại công trình chưa được tổng kết và phân tích cụ thể vì các ngành chưa làm tốt công tác theo dõi quản lý về giá thành xây dựng. Đây là một vấn đề phức tạp, cần phải được tiếp tục nghiên cứu và tổng kết riêng chuyên đề về giá thành công trình để đi sâu vào lĩnh vực này kịp thời tìm ra khâu yếu để khắc phục.

Tình trạng chung hiện nay vẫn là thực thanh, thực chi, số rất ít mới ở giai đoạn hạch toán tài vụ. Trong kinh doanh sản xuất,

nếu không có hạch toán sẽ không có mục tiêu phấn đấu. Nhiều lãng phí, bất hợp lý do thiếu tinh thần trách nhiệm của người quản lý cũng không bao giờ được soát xét tới. Theo số liệu của năm 1970 thì riêng trong lĩnh vực chi vốn đã lãng phí 15%. Hiện tượng phổ biến là vượt (...) ban đầu từ 5% trở lên. Điển hình là Xí nghiệp Gạch Quang Kim từ 700.000 đồng lên 1 triệu, Xí nghiệp Được phẩm từ 750.000 đồng lên 1 triệu đồng, Nhà khách Tỉnh ủy từ 80.000 đồng lên 130.000 đồng, đường lên khu xử lý nước Kim Tân từ 53.000 đồng lên 123.000 đồng... Đó là một tình hình nghiêm trọng cần được khắc phục sớm và tích cực.

III. NGUYÊN NHÂN CƠ BẢN CỦA NHỮNG MÂU THUẤN TỒN TẠI

Trên đây là bốn vấn đề tồn tại lớn đồng thời là mâu thuẫn lớn trực tiếp tác động đến tốc độ tiến bộ của công tác xây dựng cơ bản hiện nay. Khắc phục những mâu thuẫn đó không thể làm ngay toàn bộ được mà phải tìm ra nguyên nhân gốc rễ có tính chất cơ bản để tập trung giải quyết. Nguyên nhân cơ bản đó là:

1. Nhận thức về vị trí công tác xây dựng cơ bản chưa đầy đủ, sâu sắc, chưa thấy hết mức độ quan trọng và nhất là tính phức tạp của nó

Trong sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và chuyển biến nền kinh tế từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ bản là khâu công tác có ý nghĩa quyết định vì nó là ngành sản xuất tạo ra cơ sở vật chất kỹ thuật ban đầu cho chủ nghĩa xã hội. Nhưng các cấp, các ngành quán triệt chưa đầy đủ, thiếu sự phối hợp chặt chẽ để làm tốt hơn nữa công tác giáo dục chính trị, tư tưởng nên nhận thức về vị trí, nhiệm vụ, phạm vi và tác dụng của công tác xây dựng cơ bản chưa được thấu suốt, sâu rộng. Do đó chưa phát động được mạnh mẽ phong trào toàn dân

tham gia xây dựng cơ bản, tận dụng mọi khả năng, lực lượng về vốn, vật tư, lao động để làm xây dựng cơ bản, nhằm tạo nhanh và thêm nhiều cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ sản xuất, nâng cao đời sống.

Xây dựng cơ bản là nhiệm vụ của toàn dân nhưng phải có chỉ đạo tập trung, thống nhất, cân đối không thể mạnh ai nấy làm, không tuân theo nguyên tắc thủ tục, trình tự. Thực tế cho thấy, những năm qua có lúc có nơi do chưa thấy hết đặc điểm phức tạp, tính khoa học, tính nguyên tắc và ý nghĩa kinh tế của công tác xây dựng cơ bản nên trong chỉ đạo thiếu tập trung, cân đối, đã dẫn đến xây dựng tràn lan, nhiều công trình cùng khởi công một lúc nhưng không công trình nào hoàn thành dứt điểm, thi công kéo dài, không đồng bộ, gây lãng phí... Có những ngành được giao quản lý số vốn đầu tư xây dựng cơ bản khá lớn nhưng cán bộ đảm nhiệm công tác đó lại không chuyên trách cho nên quá trình thực hiện, kể cả phần chuẩn bị thủ tục đến khâu quản lý kinh tế - kỹ thuật và nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng thường gặp khó khăn, lúng túng.

Vấn đề lớn hiện nay là cần phải thấy hết đặc điểm phức tạp, tính khoa học, ý nghĩa kinh tế của công tác xây dựng cơ bản để đi vào chỉ đạo cụ thể, tránh tình trạng chung chung, khuynh hướng phân tán, tràn lan, có ghi kế hoạch còn đến đâu thì đến và xây dựng công trình bằng bất cứ giá nào.

2. Không đi đúng trình tự xây dựng cơ bản cũng dẫn đến thi công kéo dài, chất lượng xấu và giá thành cao

Trình tự xây dựng cơ bản là những quy định bước đi từ khâu điều tra khảo sát, lập nhiệm vụ thiết kế, thiết kế, xét duyệt thiết kế, thi công và nghiệm thu công trình. Nó là những bước đi bắt buộc trong quá trình xây dựng công trình không thể bỏ qua khâu nào được. Nhưng do nhận thức nông cạn, nên nhiều nơi không tôn trọng trình tự, nguyên tắc, duy trì lối làm ăn lạc hậu, nhỏ bé, không có kế hoạch làm đến đâu hay đến đó, cần gì xin nấy, thiếu hẳn sự chuẩn bị cân đối có khoa học. Tình trạng đó đã gây ra tác

hại không ít, làm cho việc quyết định chủ trương thiếu chính xác, xây dựng công trình không tính toán tới hiệu quả, mất cân đối trong các khâu phục vụ thi công, từ đó sinh ra chậm trễ, gây lãng phí...

Các chỉ thị, nghị quyết của Tỉnh ủy và Ủy ban Hành chính tỉnh đã nhiều lần đề cập tới vấn đề tôn trọng trình tự thủ tục xây dựng cơ bản nhưng sự chuyển biến của các cấp các ngành còn quá chậm, từ nhận thức chuyển thành hành động phải trải qua một giai đoạn khá dài. Thực tế gần đây đã chứng minh đi theo trình tự thì có nhiều thuận lợi và hoàn toàn có khả năng phấn đấu xây dựng công trình nhanh, chất lượng tốt và quản lý kinh tế được chặt chẽ. Sự thật đó đã hơn hẳn làm ăn lạc hậu còn rơi rớt ở một số nơi chưa khắc phục được.

3. Về mặt tổ chức xây dựng cơ bản tuy đã có trưởng thành, nhưng còn nhiều bất cập hợp lý, chống chéo và mất cân đối

Nhìn chung bộ máy các cơ quan làm công tác xây dựng cơ bản hiện nay đang được củng cố, và đã thu được một số kết quả như trên đã nêu. Nhưng cũng còn thiếu sự cân đối.

a) Các cơ quan quản lý xây dựng cơ bản trong những năm vừa qua đã phát triển tương đối nhanh, điều đó rất phù hợp với sự phát triển vốn đầu tư xây dựng cơ bản hằng năm. Tuy nhiên, trong công tác kế hoạch thì lực lượng và trình độ cán bộ để lập và quản lý kế hoạch xây dựng cơ bản còn chưa thoả đáng, thiếu cân đối, khâu điều khiển kế hoạch lại càng yếu. Lập kế hoạch rồi thực hiện được đến đâu còn tùy thuộc ở các ngành khác, chỉ tiêu kế hoạch chưa thành pháp lệnh nghiêm túc phải phấn đấu thực hiện. Vai trò điều khiển kế hoạch chưa ăn nhập với tốc độ thi công các công trình.

Khâu tài chính đang dần dần đi vào quản lý chặt chẽ theo nguyên tắc để chống tham ô lãng phí, đó là mặt tốt cần phát huy. Riêng việc đưa các đơn vị công trường vào hạch toán tuy đã nhiều năm rồi nhưng tiến bộ còn chậm.

Cơ quan quản lý xây dựng cơ bản tuy đã có một số kinh nghiệm nhưng lực lượng lại quá yếu và thiếu, không đủ để làm hết chức năng của mình cho nên cũng bị động lúng túng. Chức năng tham mưu, thẩm tra về mặt kinh tế, kỹ thuật xây dựng làm chưa chắc, chưa toàn diện nên công tác xét duyệt thường chậm trễ.

b) Các đơn vị có lực lượng xây dựng cơ bản thì sự chỉ đạo không tập trung. Giữa cấp ty, công ty, đội xây dựng gần như độc lập với nhau. Nội bộ có A, B nhưng ít có tác dụng thiết thực. Do đó các đội công trường, công ty là đơn vị trực thuộc ty nhưng tác dụng chỉ đạo của ty đối với công tác thi công còn yếu.

c) Các cơ quan có liên quan hỗ trợ và phục vụ cho công tác xây dựng cơ bản còn thiếu sự hợp tác chặt chẽ, mang nhiều tính chất kinh doanh hơn là phục vụ. Đáng lẽ phải theo sát nhiệm vụ xây dựng cơ bản để có kế hoạch phục vụ thì thực tế lại chờ xây dựng cơ bản đến gõ cửa.

Nói chung, việc đi vào nghiên cứu, rút kinh nghiệm để làm cho hệ thống tổ chức xây dựng cơ bản phù hợp với thực tế địa phương và có lợi nhất trên cơ sở tính toán khoa học để kết luận nên bổ sung hay rút bớt chưa được nghiên cứu kỹ càng.

Đây là khâu đang làm cho ngành xây dựng cơ bản còn lúng túng về tổ chức hệ thống xây dựng cơ bản sao cho hợp lý từ khâu con người đến khâu thiết bị máy móc, từ khâu xây dựng cơ bản đến khâu quản lý và các đơn vị sản xuất vật liệu, cung cấp vật tư.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ VÀ BIỆN PHÁP CHỦ YẾU ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG CƠ BẢN TRONG THỜI GIAN TỚI

Theo quy hoạch sơ bộ phát triển kinh tế toàn diện của tỉnh Lào Cai từ năm 1976 trở đi, vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Trung ương ở tỉnh ta sẽ tăng với nhịp độ khá nhanh để phát triển công

nghiệp trung ương và kinh tế văn hóa của địa phương. Một quy mô xây dựng rất lớn, toàn diện sẽ được tiến hành trên nhiều mặt, lương thực, thực phẩm, trồng rừng, khai thác rừng, công nghiệp chế biến, vật liệu xây dựng, giao thông vận tải... đặc biệt tập trung trên một địa bàn dài 40 km, trên 2 huyện Bảo Thắng, Bát Xát và 2 thị xã Lào Cai, Cam Đường để nhanh chóng hình thành khu công nghiệp trung ương khai thác và tuyển quặng apatít, đồng graphít, cao lanh. Mạng lưới điện về phát và dẫn điện được mở rộng xây dựng thêm, đường sắt và đường bộ được tiếp tục xây dựng mới và hoàn chỉnh hơn, quy hoạch thị xã bắt đầu được thực hiện.

Sự phát triển mới đó đặt ra nhiều yêu cầu mới về xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, về ăn ở và công trình phúc lợi công cộng khác, về vật liệu xây dựng gạch, ngói, vôi, gỗ chống lò và xây dựng... đồng thời thông qua kinh tế trung ương phát triển mà kinh tế địa phương có điều kiện thuận lợi được tiếp tục phát triển mạnh mẽ theo hướng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, nâng cao đời sống nhân dân các dân tộc lên một bước có chất lượng.

Vì vậy, cần nắm vững đường lối công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và tinh thần cơ bản Nghị quyết lần thứ 22 của Trung ương Đảng, đẩy mạnh công tác xây dựng cơ bản theo phương hướng nhiệm vụ, mục tiêu với những biện pháp lớn sau đây:

I. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ MỤC TIÊU CHUNG ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG CƠ BẢN 2 NĂM 1975-1976 VÀ CHUẨN BỊ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM LẦN THỨ 2 (1976-1980)

1. Phương hướng, nhiệm vụ mục tiêu chung

Đẩy mạnh điều tra cơ bản đưa công tác khảo sát, thiết kế và vật liệu xây dựng đi trước một bước đồng thời tiến hành mạnh mẽ công tác đào tạo bồi dưỡng một đội ngũ cán bộ công nhân xây dựng đông đảo và giỏi tay nghề, tổ chức lại sản xuất vật liệu xây dựng và thi công xây lắp, tăng cường và cải tiến công tác quản lý

xây dựng cơ bản, huy động được mọi lực lượng xây dựng từ tỉnh đến xã đáp ứng yêu cầu xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật trong tình hình mới nhằm góp phần tích cực nhanh chóng đưa tỉnh ta trở thành một tỉnh công - nông - lâm nghiệp đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Để thực hiện phương hướng nhiệm vụ chung, ngành xây dựng cơ bản phải cố gắng phấn đấu xây dựng được nhiều công trình hoàn thành vốn xây dựng cơ bản địa phương, đồng thời góp phần tích cực phục vụ xây dựng của Trung ương, nhất là về vật liệu xây dựng và xây dựng công trình dân dụng. Mục tiêu phấn đấu đến năm 1980 như sau:

- Phấn đấu đưa sản lượng xây lắp từ 30 triệu đồng trở lên.
- Phấn đấu cung cấp hằng năm 120 triệu viên gạch, 14 triệu viên ngói, 5.000 m³ gỗ chống lò, 40.000 m³ gỗ xây dựng, thoả mãn yêu cầu về cát, đá, sỏi.
- Phấn đấu từng bước cơ giới hóa và công nghiệp hóa ngành xây dựng cả về xây lắp và sản xuất vật liệu xây dựng.

2. Nhiệm vụ, mục tiêu xây dựng cơ bản 2 năm 1975-1976

Nhiệm vụ xây dựng cơ bản 2 năm 1975-1976:

"Tập trung xây dựng dứt điểm các công trình quan trọng theo chỉ tiêu kế hoạch nhà nước và Nghị quyết 15, 16 của Tỉnh ủy đã đề ra, khẩn trương xúc tiến mọi mặt nhất là công tác điều tra quy hoạch khảo sát thiết kế, sản xuất vật liệu xây dựng, đào tạo công nhân kỹ thuật xây dựng... chuẩn bị điều kiện tốt nhất phục vụ xây dựng của công nghiệp Trung ương ở tỉnh ta".

Toàn ngành xây dựng cơ bản phải thực hiện những nhiệm vụ cụ thể:

a) Đảm bảo xây dựng công trình với chất lượng tốt, giá thành hạ, đưa nhanh vào sản xuất và sử dụng. Tập trung năng lực xây dựng đáp ứng nhu cầu cấp bách theo thứ tự ưu tiên, có trọng điểm, làm dứt điểm xong đồng bộ, kiên quyết đảm bảo thời gian hoàn thành công trình.

b) Đẩy mạnh sản xuất vật liệu xây dựng theo hướng tăng sản lượng, tăng mặt hàng, đảm bảo chất lượng quy cách và hạ giá thành sản phẩm đi đôi với sử dụng hợp lý và tiết kiệm vật liệu xây dựng, nhất là vật liệu xi măng, gỗ, sắt thép, cố gắng tận dụng tối đa vật liệu sẵn có. Tổ chức lại và làm tốt công tác cung ứng vật tư, vật liệu xây dựng.

c) Vừa hoàn thành tốt nhiệm vụ chỉ tiêu từng năm, vừa tiến hành chuẩn bị các điều kiện để xây dựng những năm sau, cố gắng đưa công tác khảo sát thiết kế quy hoạch đi trước một bước, thực hiện tốt công tác chuẩn bị đầu tư để đẩy mạnh xây dựng cơ bản.

đ) Đưa các đơn vị tiến nhanh, mạnh và vững chắc theo hướng tập trung chuyên môn hóa, cơ giới hóa của ngành xây dựng tiến lên ngành công nghiệp xây dựng. Đi đôi với xây dựng cơ sở quốc doanh và tập trung ở tỉnh, phát động được nhiều lực lượng tham gia sản xuất vật liệu xây dựng và xây dựng các công trình.

Mục tiêu xây dựng cơ bản 1975-1976 và chuẩn bị kế hoạch dài hạn 1976-1980:

Căn cứ phương hướng, nhiệm vụ mục tiêu lâu dài và trước mắt, vốn đầu tư xây dựng cơ bản trong 2 năm 1975-1976 sẽ tăng khá nhanh và đi vào kế hoạch dài hạn còn tăng lớn hơn. Mục tiêu chung năm 1975 phải hoàn thành 10 triệu đồng xây dựng cơ bản và tăng gần gấp đôi trở lên từ năm 1976 trở đi và trên cơ sở đó trong kế hoạch dài hạn mỗi năm cố gắng phấn đấu đạt gấp từ bốn đến năm lần của năm 1975.

Về nông nghiệp: Tiếp tục đầu tư, nhằm sớm hoàn chỉnh theo định hình thiết kế đã được duyệt các nông trường (Phú Xuân, Thanh Bình, Phong Hải, Bắc Hà), các trại lợn (Chợ Chậu, Cây số 18 và 21 Đản Khao), xây dựng trại lợn vỗ béo mới Cam Đường (thay trại lợn Nam Cường cũ khi mở rộng khu Mỏ apatít), mở rộng quy mô 2 trại lợn thịt Bát Xát và Phong Hải với quy mô mỗi trại ít nhất 5.000 con; hoàn chỉnh hoặc xây dựng thêm hệ thống giống lợn cấp 2, trạm thụ tinh, trạm thú y. Nghiên cứu gấp để xây dựng

thêm một số cơ sở chăn nuôi mới như trại trâu Hùng Xuân với 400 con cái sinh sản, trại gà vịt, bò sữa... để phục vụ cho yêu cầu thực phẩm lớn sắp tới. Xác định đất đai và bố trí cây con cụ thể để đầu tư khai hoang từ nay đến năm 1980 khoảng 19.000 ha (trong đó khai hoang cơ giới 9.000ha) và xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của các vùng chuyên canh đậu tương, vùng kinh tế mới (Bảo Thắng, Bản Lầu, Bát Xát), vùng rau (thị xã Lào Cai, Cam Đường, Bảo Thắng, Bát Xát). Đi đôi với việc xây dựng trạm trại, khai hoang phải đầu tư xây dựng cơ bản cố gắng hoàn thiện các công trình thủy nông đảm bảo tưới tiêu chủ động, tập trung giải quyết xây dựng các hồ chứa nước kết hợp nuôi cá, các hệ thống tưới tiêu rau giống và rau ăn, giải quyết tiếp tục nước ăn cho người ở vùng cao. Phấn đấu hoàn thành vốn đầu tư trong 2 năm ít nhất được 10 triệu đồng để thực hiện các mục tiêu trên.

Về lâm nghiệp: Tiếp tục khảo sát các khu vực có nhiều gỗ, tiến hành đầu tư xây dựng thêm khoảng 164 km đường vận chuyển từ nay đến năm 1980 để hằng năm có thể khai thác sản lượng gỗ gấp 2 lần rưỡi hiện nay. Đẩy mạnh chăm sóc rừng và trồng rừng theo quy hoạch, tạo những khu rừng có chất lượng cao đáp ứng nhu cầu công nghiệp và bảo vệ đầu nguồn, 2 năm 1975 - 1976 cố gắng phấn đấu hoàn thành trồng 5.100 ha rừng, tu bổ 300 ha, khoanh núi nuôi rừng 80.000 ha.

Về giao thông vận tải: Bổ sung thêm lao động công nhân kỹ thuật và thiết bị thi công để tăng nhanh tốc độ thi công hoàn thành dứt điểm sớm đường Lào Cai - Bát Xát, Cam Đường - Phú Nhuận, mở thêm đường vào các vùng kinh tế mới, đường lâm nghiệp, đường nội thị theo quy hoạch, đồng thời đẩy mạnh xây dựng thêm đường giao thông nông thôn, về vận tải, một mặt phát triển phương tiện vận chuyển thô sơ, cải tiến nhưng cũng cần nghiên cứu tăng thêm phương tiện vận tải cơ giới phục vụ cho yêu cầu mới, nhất là từ cuối năm 1976 trở đi. Vốn đầu tư ước tính 2 năm khoảng 5 triệu 800 ha.

Về công nghiệp: Tiếp tục đầu tư hoàn thiện các cơ sở cũ phát huy năng lực sẵn có: cơ khí, mộc xẻ, sành sứ, v.v., cần xúc tiến gấp thủ tục, điều kiện để khởi công xây dựng sớm các công trình, nhất là các xí nghiệp chế biến lương thực và thực phẩm, xí nghiệp vật liệu xây dựng để kịp thời được huy động phục vụ từ năm 1978 trở đi.

Năm 1976, phải hoàn thành dứt điểm xây dựng xí nghiệp được phẩm, máy nước Kim Tân, xí nghiệp vôi xi măng, hoàn thành xong thủ tục, mặt bằng địa điểm san gạt để có thể khởi công ngay từ đầu năm các công trình của cụm công nghiệp thực phẩm gồm: Hoa quả hộp 3.000 tấn/năm, kho ướp lạnh 500 m³, đá 10 tấn/ngày và kem 10 triệu que/năm, bánh kẹo và bánh mỳ 2.500 tấn, nước chấm 3 triệu lít/năm, chế biến mỳ sợi 3.600 tấn/năm. Cuối năm 1976 tiếp tục xây dựng các công trình của xí nghiệp xay xát 50 tấn /ngày, chế biến tinh bột ngô, làm nha, v.v..

Riêng về vật liệu xây dựng, đi đôi với đẩy mạnh sản xuất vật liệu xây dựng ở các hợp tác xã phải tiếp tục làm tốt thăm dò địa chất để mở rộng xí nghiệp gạch Quang Kim và làm được ngói có công suất 14 triệu gạch và 2 triệu viên ngói xí nghiệp Na méo và Giang đông có công suất mỗi cái 15 triệu viên gạch và 5 triệu viên ngói /năm. Xây dựng thêm cụm lò vôi liên hoàn, xí nghiệp bê tông đúc sẵn, khai thác cát đá sỏi để phục vụ cho yêu cầu vật liệu năm 1978 trở đi.

Sơ bộ tính toán vốn đầu tư từ 2 năm phải phấn đấu khoảng 15 triệu đồng.

Về kho tàng, cửa hàng và công trình dân dụng phục vụ sinh hoạt, phúc lợi công cộng:

Xúc tiến mạnh mẽ việc xây dựng kho tàng, cửa hàng theo quy hoạch với vốn đầu tư 2 năm khoảng 747.000 đồng. Trước mắt tập trung giải quyết một số kho cần thiết, hoàn thành dứt điểm nhà trọ nhân dân, chuẩn bị xây dựng cửa hàng bách hóa tổng hợp.

Tiến hành xây dựng theo quy hoạch các công trình bệnh viện, điều dưỡng, công viên, trường học, rạp chiếu bóng... trong đó trước

mất hoàn thiện bệnh viện tỉnh, mở rộng bệnh viện Bát Xát, xây dựng Trường thiếu nhi Mường Khương và tiếp nhận viện trợ xây dựng trường cho khu công nghiệp Cam Đường và Lào Cai.

Về nhà ở, đi đôi với việc giải quyết xây dựng nhà tạm thời, nhà bán kiên cố, đẩy mạnh xây dựng nhà ở theo quy hoạch dứt điểm từng tiểu khu nhà ở theo mức tầng khống chế, 75% nhà ba tầng trở lên, 10% nhà năm tầng và 15% nhà một tầng.

Về thiết bị thi công, xây dựng cơ bản: Đề nghị Nhà nước đầu tư để đảm bảo tốc độ thi công công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng và công nghiệp đồng thời chú ý đúng mức đầu tư các thiết bị thăm dò, khảo sát. Năm 1975-1976, đề nghị đầu tư bước đầu 1 triệu 400 và tăng hơn nhiều cho những năm sau.

Mục tiêu trên là cấp bách nhưng cần cân đối kỹ trên cơ sở tính toán kinh tế kỹ thuật để bố trí đầu tư được cân đối, hợp lý và có khả năng thực hiện được.

Những điều quan trọng để thực hiện mục tiêu trên, phải có những biện pháp thiết thực, cụ thể cả về tư tưởng, quản lý và tổ chức chỉ đạo một cách toàn diện, cân đối.

II. NHỮNG BIỆN PHÁP CHỦ YẾU ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG CƠ BẢN TRONG THỜI GIAN TỐI

Nhiệm vụ, mục tiêu cũng như khối lượng xây dựng cơ bản trong thời gian tối rất lớn và nặng nề, có vị trí hết sức quan trọng và quyết định trong việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của kinh tế công nghiệp Trung ương cũng như mọi mặt kinh tế văn hóa được phát triển ở tỉnh ta. Thuận lợi lớn nhất là quy hoạch phát triển kinh tế được rõ ràng, công nghiệp Trung ương được phát triển mạnh ở tỉnh ta nên nhiều điều kiện và vốn, thiết bị, lao động... được Trung ương quan tâm với tỉnh ta hơn. Song công tác xây dựng cơ bản cũng có mặt phức tạp riêng và được tiến hành trong điều kiện trên nhiều mặt đang chuyển từ sản xuất nhỏ lên

sản xuất lớn nên nhiều mặt sẽ còn mất cân đối giữa khối lượng lớn với khả năng công nhân kỹ thuật, giữa tốc độ và khả năng còn có hạn nhất là thiết bị, vật tư, v.v..

Vì vậy, phải có những biện pháp thiết thực và cụ thể mới có thể hoàn thành nhiệm vụ, mục tiêu đề ra. Chú ý thực hiện những biện pháp chủ yếu sau đây:

1. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, trong quá trình đẩy mạnh xây dựng cơ bản

Tiếp tục quán triệt đầy đủ và sâu sắc hơn những quan điểm cơ bản của Nghị quyết 19, 20, 22 của Trung ương Đảng về công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, về chuyên môn sản xuất lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa để xác định rõ nét hơn về vị trí và vai trò của tỉnh ta trong sự nghiệp xây dựng chung của đất nước. Từ đó, mà xác định rõ đẩy mạnh xây dựng cơ bản là đẩy mạnh xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, là quá trình tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, là quá trình đấu tranh giữa hai con đường và là quá trình nâng cao đời sống một cách thiết thực, một cách cụ thể nhất cho nhân dân các dân tộc tỉnh ta.

Trên cơ sở này mà giáo dục ý thức làm chủ tập thể, ý thức trách nhiệm tham gia lực lượng xây dựng cơ bản, tham gia xây dựng các công trình, lao động có tổ chức kỷ luật, có kỹ thuật và tự giác, làm việc gì tốt việc đó, chống làm dối làm ẩu, đề cao tinh thần tự lực tự cường khắc phục khó khăn vừa tăng năng suất lao động, vừa tiết kiệm, phát huy trí tuệ sáng tạo xây dựng đất nước.

Mở đợt giáo dục, vận động phong trào lao động xây dựng đất nước, xây dựng tỉnh ta trong nhân dân các dân tộc nhất là trong thanh niên, trong công nhân gắn liền với việc mở đầu thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ hai.

2. Nhanh chóng đưa công tác điều tra cơ bản, khảo sát thiết kế quy hoạch đi trước một bước

Tỉnh ta đến nay đã lên bản đồ thổ nhưỡng, phân vùng sản xuất và dự kiến bố trí các ngành kinh tế nhưng thực chất mới ở

mức độ tổng thể, mức độ phương hướng, chưa đủ điều kiện để triển khai xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và tiến hành tổ chức lại sản xuất. Vì vậy, phải chú trọng hơn nữa công tác điều tra cơ bản, khảo sát thiết kế quy hoạch làm cơ sở cho việc lập kế hoạch và triển khai mọi mặt có căn cứ kinh tế và khoa học.

Về nông lâm nghiệp, Ủy ban Nông nghiệp và Ty Lâm nghiệp phải tiến hành gấp rút gắn liền với việc tổ chức lại sản xuất nông nghiệp mà đo đạc lại đất đai và lên bản đồ được chi tiết cụ thể xây dựng các vùng kinh tế, trồng rừng và khai thác rừng cũng như phát triển các mặt khác. Trong quá trình tiến hành, cần có sự phối hợp đồng bộ với các ngành liên quan: Thủy lợi, Giao thông, Bưu điện, Công nghiệp, Thương nghiệp... để công tác quy hoạch được toàn diện, hoàn chỉnh, trước mắt làm tốt các trọng điểm kinh tế về khai hoang, về rừng, về cây thực phẩm...

Về công nghiệp dân dụng (bao gồm cả công trình phúc lợi công cộng, xí nghiệp công nghiệp, kho tàng...), Ty Xây dựng phải chủ động phối hợp được tất cả các ngành lên được quy hoạch tổng thể và quy hoạch cụ thể cho đến từng thị xã, thị trấn, khu vực, từng mặt bằng của từng công trình đã dự kiến trong quy hoạch phát triển kinh tế. Trước mắt, gấp rút hoàn thành quy hoạch thị xã Lào Cai, thị xã Cam Đường... trên cơ sở giúp đỡ của Viện Quy hoạch Bộ Xây dựng để thông qua Trung ương trong năm 1975. Riêng về nhà ở, sớm lên được thiết kế các tiểu khu nhà ở, công trình phúc lợi công cộng để có thể chuẩn bị mặt bằng thi công sớm. Về công nghiệp chế biến và vật liệu xây dựng, một mặt phát huy năng lực khảo sát thiết kế của Ty Xây dựng và mặt khác đề nghị có sự giúp đỡ của các viện của các Bộ Xây dựng, Bộ Lương thực, thực phẩm... để sớm hoàn thành thủ tục xây dựng một số cơ sở vào đầu năm 1976.

Tăng cường đúng mức lực lượng thăm dò khảo sát, thiết kế cho phù hợp với yêu cầu mới về lực lượng cũng như về cơ sở vật chất. Tiến hành lựa chọn thiết kế phù hợp để áp dụng ngày càng

nhiều hơn vào các công trình của địa phương để tăng nhanh tốc độ thiết kế.

Toàn bộ công tác điều tra cơ bản, khảo sát thiết kế, quy hoạch phải dựa trên cơ sở ngành nhưng phải đưa vào công tác kế hoạch hóa thống nhất và tổng hợp toàn diện do Ủy ban Kế hoạch tỉnh chịu trách nhiệm.

3. Đẩy mạnh sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng đảm bảo cung cấp đến chân công trình xây dựng

Trên cơ sở tiến hành điều tra khảo sát mà thực hiện nắm vững hơn nữa tài nguyên phục vụ cho việc khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng lớn của xây dựng cơ bản tỉnh ta.

Cát, đá, sỏi phải được coi là tài nguyên, được tổ chức khai thác theo một kế hoạch và quản lý thống nhất. Nguồn cát vàng của ngòi Đum, ngòi Bo, sông Chảy và cát đen, sỏi của sông Hồng cần được nghiên cứu gấp về trữ lượng, được đầu tư về đập giữ cát và từng bước áp dụng công cụ cải tiến, từng bước cơ giới hóa khâu lấy cát. Tăng thêm thiết bị ép khí, khoan bắn và khai thác theo quy trình các mỏ đá lớn: Số 9 Cốc San, Làng Nhón và một số điểm khác.

Gạch, ngói nung phải được tận lực phát triển cả quốc doanh và thủ công nghiệp thành một mạng lưới rộng khắp nhưng cần chú trọng sắp xếp hợp lý theo một quy hoạch để tiện lợi huy động phục vụ xây dựng cơ bản. Đối với các cơ sở quốc doanh, ổn định sản xuất cơ sở cũ, mở rộng thêm nếu có điều kiện và tiến hành xây dựng thêm một số cơ sở mới nhưng cố gắng cơ giới hóa cao các khâu sản xuất và đi vào quy mô lớn từ 10 triệu trở lên. Đối với cơ sở thủ công nghiệp, những nơi có điều kiện về đất, về tiêu thụ đầu tư thêm công cụ cải tiến và cơ giới nhỏ.

Gạch không nung và vật liệu không nung khác cũng cần được nghiên cứu phát triển có tỷ lệ thích đáng với nguồn nguyên liệu: Sĩ than của Nhà máy Điện, của các lò nung... cát, đá, đolômít (dưới

dạng gạch silicat, gạch than xỉ) bên cạnh các cơ sở gạch ngói nung nên phát triển thêm cơ sở sản xuất vật liệu không nung từ gạch vữa, gạch xỉ... Trong một hai năm tới, cố gắng giải quyết một số lượng gạch lá nem, gạch đá dômômít... phục vụ cho xây dựng tại chỗ.

Tre, bương, mai, nứa cũng cần được khai thác nhiều hơn theo một kế hoạch khép kín hơn. Mở rộng cơ sở xẻ gỗ phục vụ xây dựng cơ bản phù hợp với chỉ tiêu gỗ xây dựng hàng năm đồng thời tiến hành gấp rút tổ chức cơ sở ngâm tẩm để tăng độ cứng, độ bền, chống mối mọt.

Đi đôi với tổ chức sản xuất, nghiên cứu để thành lập công ty cung ứng vật liệu xây dựng địa phương để thống nhất quản lý thu mua, phân phối cho nhân dân và cung cấp đến chân công trình, tạo điều kiện thực hiện hoạch toán kinh tế trong khâu vật liệu đi vào rõ ràng và nền nếp.

4. Nhanh chóng phát triển lực lượng, tăng cường cơ sở kỹ thuật, áp dụng kinh nghiệm tiên tiến đẩy mạnh tốc độ thi công xây lắp

Đẩy mạnh tốc độ thi công xây lắp hoàn thành dứt điểm và đồng bộ công trình với chất lượng tốt, giá thành hạ, đúng thời gian quy định là yêu cầu vừa cấp bách vừa thiết thực nhằm: Nhanh chóng đưa công trình vào sản xuất và sử dụng, tăng thêm năng lực mới, phát huy hiệu quả vốn đầu tư, tạo ra nhiều sản phẩm, đẩy nhanh tích lũy tái sản xuất mở rộng trong kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Phải làm tốt khâu chuẩn bị ban đầu để thực hiện được trình tự thủ tục đúng nguyên tắc. Những công trình không đủ thủ tục quyết định không ghi kế hoạch xây dựng cơ bản để đưa công tác xây dựng đi vào kế hoạch hóa (có kế hoạch tác nghiệp, có biện pháp tổ chức thi công đầy đủ), thực hiện chỉ đạo xây dựng theo tiến độ tập trung lực lượng có thủ tục ưu tiên để thi công dứt điểm, tránh phân tán dàn mỏng lực lượng. Cơ quan có công trình (bên A) phải làm tốt công tác chuẩn bị thủ tục để lập kế hoạch đầu tư. Cơ quan tổng hợp kế hoạch và cơ quan giám định kinh tế - kỹ thuật

xây dựng cơ bản phải hướng dẫn tạo điều kiện cho cơ quan có công trình xây dựng thực hiện tốt việc chuẩn bị (lập nhiệm vụ thiết kế, trình duyệt, hợp đồng thiết kế...) để có đủ điều kiện triển khai thực hiện xây dựng công trình.

Về lực lượng xây dựng, trong những năm tới phải chú ý phát triển mạnh và đồng đều cả ở tỉnh cho đến các ngành, huyện, thị và xã. Đến hết năm 1976, qua tiến hành tổ chức sản xuất nông công nghiệp, phải nghiên cứu chính sách cụ thể vận dụng vào từng vùng để phân đầu tiên tới các hợp tác xã có đội xây dựng cơ bản và sản xuất vật liệu để phục vụ cho yêu cầu xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật và công trình phúc lợi ở ngay địa phương. Các huyện phải có đội xây dựng cơ bản chuyên nghiệp hoặc tổ chức các hợp tác xã chuyên nghiệp làm xây dựng có đủ khả năng đảm nhiệm được vốn đầu tư xây dựng từ kỹ thuật đơn giản tiến đến phức tạp dần như: Trụ sở cơ quan, nhà ở và các công trình sản xuất. Đối với các ngành Xây dựng, Giao thông, Thủy lợi... phải tiến hành mạnh mẽ tuyển lao động, tuyển sinh đào tạo công nhân kỹ thuật, tổ chức lại các đơn vị sản xuất cho phù hợp với yêu cầu mới như: Công ty xây lắp, điện nước lắp máy, thi công cơ giới...

Tiến hành sắp xếp tổ chức lại lực lượng cơ giới của các ngành, nhất là Xây dựng, Giao thông, Thủy lợi, dành vốn đầu tư thích đáng đảm bảo các ngành có khả năng mới về thi công với tốc độ nhanh: Vận tải đất đá cát sỏi, san gạt đất, cầu lắp.

Đi đôi với chú ý lực lượng của các ngành chủ lực, tiến hành nghiên cứu phát triển thêm lực lượng của các ngành có vốn đầu tư xây dựng nhiều, có công trình nhiều để đảm nhiệm tự giải quyết một phần xây dựng hoặc sửa chữa.

5. Tăng cường công tác quản lý trong xây dựng cơ bản thực hiện nguyên tắc quản lý công nghiệp theo chế độ hạch toán kinh tế, khắc phục tích cực lỗi quản lý hành chính cung cấp

Chấn chỉnh công tác kế hoạch hóa trong xây dựng cơ bản từ

trên xuống dưới cơ sở đảm bảo tính cân đối, tính hiện thực được vững chắc hơn. Từng đơn vị sản xuất kinh doanh khi lập kế hoạch phải căn cứ vào định mức kinh tế - kỹ thuật, phân tích được đầy đủ hơn khả năng tiềm tàng trên cơ sở tiến bộ kỹ thuật, tiến tới có kế hoạch toàn diện: Kế hoạch sản xuất đi đôi với tài vụ kỹ thuật, kế hoạch sản lượng đi đôi với kế hoạch tiến độ, cung ứng vật tư lao động tiền lương và sử dụng thiết bị.

Tăng cường công tác quản lý lao động, nhất là ở tổ đội sản xuất, đảm bảo sắp xếp công việc có thường xuyên, giảm bớt tình trạng người chờ việc, chờ vật tư, giảm đến mức thấp nhất lãng phí lao động, tăng giờ công, ngày công có ích, tăng năng suất lao động. Làm tốt việc mở rộng diện trả lương theo sản phẩm, trả theo khối lượng công trình, chống man khai làm ít khai nhiều, chấm dứt tình trạng nghỉ tự do bữa bãi và giảm tỷ lệ ốm thấp hơn mức quy định. Tăng cường giáo dục công nhân, đồng thời nghiêm khắc xử lý hiện tượng chây lười, ốm vờ, đi làm riêng tư.

Thực hiện chặt chẽ chế độ quản lý, nắm chắc khả năng và tình trạng lập được kế hoạch sử dụng và bảo dưỡng thiết bị để tận dụng công suất thiết bị, tránh để máy chờ việc. Phải thực hiện bồi dưỡng tay nghề của công nhân thường xuyên, cố gắng bố trí công nhân đúng tiêu chuẩn cấp bậc vận hành thiết bị đi đôi với định mức ca máy, ngày máy, định mức được khối lượng công việc để tăng giờ máy có ích.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết 228, làm tốt hơn nữa công tác quản lý sử dụng vật tư một cách tiết kiệm và hợp lý theo đúng tiêu chuẩn và định mức quy định. Chấm dứt nhanh chóng tình hình thiếu trách nhiệm, tùy tiện trong sử dụng, vận chuyển, giao nhận, bảo quản, giảm đến mức thấp nhất hao hụt vật tư đổ vỡ, hụt tại không có kho để trôi chảy. Nghiêm khắc xử lý hiện tượng móc ngoặc, lợi dụng, đánh cắp vật tư.

Tăng cường công tác quản lý tài chính, cải tiến công tác tổ chức hạch toán, kiên quyết hạch toán theo từng khâu riêng biệt (vật

liệu, xây lắp...), đảm bảo quản lý chặt chẽ các nguồn vốn, thực hiện tốt chế độ thống kê kế toán ghi chép ban đầu, hạch toán kinh tế từ tổ đội trở lên, chống trả công không và khối lượng ma, chống hụt sản lượng vì làm đi làm lại, sản phẩm hư hỏng nhiều. Làm tốt hạch toán từng công trình, phần đầu kinh doanh có lãi chính đáng, đảm bảo nộp ngân sách. Phát huy vai trò kế toán trưởng trong tất cả các đơn vị sản xuất kinh doanh.

Công tác giám định, quản lý kinh tế xây dựng cũng phải được tăng cường đúng mức cả về nội dung, tổ chức và phân công trách nhiệm giữa các ngành. Cần sớm soát xét lại các định mức, giá cả vật liệu, chấn chỉnh lại đơn giá thống nhất chính xác, chấn chỉnh công tác hợp đồng kinh tế, quan hệ A và B và kiện toàn đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng cơ bản của các ngành có đủ năng lực quản lý, giám sát và thực hiện nhiệm vụ xây dựng cơ bản của ngành. Sớm ban hành điều lệ xây dựng cơ bản của địa phương để giải quyết những khó khăn mắc mứu trong xây dựng cơ bản hiện nay.

6. Đẩy mạnh phong trào thi đua lao động sản xuất cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội trong xây dựng cơ bản

Yêu cầu của phong trào thi đua trong xây dựng cơ bản là phát động được tinh thần cách mạng tiến công sôi nổi, liên tục, đều khắp của tất cả lực lượng xây dựng cơ bản, phát huy nhiệt tình và ý thức trách nhiệm làm chủ, yêu ngành yêu nghề, tự hào về vai trò của người công nhân trên mặt trận xây dựng cơ bản, đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực, bị động về tổ chức, về kỷ luật, làm bữa, làm ẩu, dối trá, làm ít đòi hưởng nhiều, lợi dụng, xâm phạm của công... Phần đầu đạt kỳ được các mục tiêu của kế hoạch, đảm bảo chất lượng và tăng năng suất lao động, hạ giá thành, nâng cao tay nghề, xây dựng con người mới, xây dựng lực lượng ngày càng vững mạnh.

Gắn liền đẩy mạnh thi đua, phải chăm lo hơn nữa đời sống của lực lượng xây dựng cơ bản một cách toàn diện, đầy đủ theo chế độ

quy định và điều kiện cho phép. Các ngành, các cấp phải nêu cao hơn nữa trách nhiệm tổ chức phục vụ đời sống công nhân xây dựng cơ bản một cách cụ thể và thiết thực, chú ý mở rộng lượng khoán sản phẩm, cung cấp lương thực thực phẩm thuận tiện, giải quyết ăn, ở chu đáo hơn, chăm sóc ốm đau tốt đi đôi với đẩy mạnh vệ sinh, phòng bệnh, thể dục, thể thao trên các công trường.

7. Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với công tác xây dựng cơ bản

Nhiệm vụ, mục tiêu phấn đấu của công tác xây dựng cơ bản là thực hiện đường lối, chủ trương phát triển kinh tế của Đảng, là tiến hành đường lối công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa đưa sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng trong thời gian tới phải thể hiện đầy đủ các quan điểm và nguyên tắc của các nghị quyết của Trung ương, nhất là Nghị quyết 23 gần đây đã đề ra.

Công tác Đảng trong xây dựng cơ bản trước hết phải được tăng cường trong vấn đề lãnh đạo chính trị tư tưởng đảm bảo thường xuyên liên tục phát động được nhiệt tình cách mạng, nâng cao được giác ngộ của đội ngũ cán bộ công nhân xây dựng nói riêng và toàn dân nói chung, đưa sự nghiệp xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật trở thành sự nghiệp của toàn dân. Thực hiện sự lãnh đạo thống nhất của Đảng về mục tiêu, phương hướng và biện pháp lớn. Tăng cường công tác kiểm tra của tổ chức đảng trong công tác quản lý kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ bản. Những công trình đặc biệt hoặc có vị trí quan trọng đối với sản xuất, đời sống phải được thảo luận nhất trí, phải coi trọng xây dựng tổ chức đảng ở cơ sở vững mạnh làm nền tảng cho sự lãnh đạo của Đảng ở đó đạt bằng được các mục tiêu đã đề ra. Phát huy đầy đủ vai trò và chức năng của các ban, các đảng đoàn giúp cho Tỉnh ủy lãnh đạo sâu và kịp thời hơn nữa đối với công tác xây dựng cơ bản.

Cần đi sâu nghiên cứu tính chất tổ chức xây dựng cơ bản ở các ngành, ở các đơn vị sản xuất để phân biệt rõ nhiệm vụ, chức năng của tổ chức đảng, giải quyết bất hợp lý ở một số đơn vị hiện nay. Nghiên cứu sắp xếp lại tổ chức đảng trong lĩnh vực xây dựng cơ bản cho phù hợp với yêu cầu mới đồng thời cũng cần nghiên cứu lại sự phân công trách nhiệm về thi công xây lắp, sản xuất vật liệu xây dựng, cung ứng vật tư, giám định, xét duyệt... cho cụ thể hơn.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC
VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

Biểu 1: Phụ lục báo cáo tổng kết xây dựng cơ bản
TỔNG MỨC ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN VỐN XÂY DỰNG CƠ BẢN (1970-1974)

Đơn vị: 1.000đ

Năm	Kế hoạch				Thực hiện				So với kế hoạch		
	Tổng mức	Xây lắp	Thiết bị	KTCB khác	Tổng mức	Xây lắp	Thiết bị	KTCB khác	Tổng mức	Xây lắp	Thiết bị
1970	5.085	3.801	1.032	252	4.769	3.535	980	254	93,7	92,9	94,9
1971	6.300	5.034	1.102	164	6.475	5.098	1.284	93	102,7	101,2	116,5
1972	8.470	7.070	1.082	318	7.899	6.862	996	41	93,2	97,0	92,0
1973	9.000	6.450	2.408	142	8.450	6.371	2.020	59	93,8	98,7	93,9
1974	8.900	7.690	913	297	7.363	6.486	786	91	80,0	82,3	80,0
Tổng cộng	37.755	30.045	6.537	1.173	34.956	28.352	6.066	539	91,87	93,50	96,54

Biểu 2: Phụ lục báo cáo tổng kết xây dựng cơ bản
THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN
 (Phân theo nguồn vốn và cấu thành)

Đơn vị: 1.000 đ

Năm	Tổng mức	Phân theo nguồn vốn		Phân theo cấu thành		
		Vốn Trung ương trợ cấp	Vốn địa phương tự có	Xây lắp	Thiết bị	KTCB khác
1955	124		124			
1956	147		147			
1957	399		399			
1958	293		293	241	32	20
1959	398		398	339	16	40
1960	1.102		1.102	964	130	8
1961	1.445		1.445	1.003	357	85
1962	1.408		1.408	1.146	222	40
1963	1.272		1.272	1.052	130	90

1964	1.354		1.354	926	271	97
1965	2.844	1.345	1.499	2.388	336	120
1966	3.438	1.874	1.564	2.535	820	83
1967	4.476	2.833	1.634	3.551	829	96
1968	4.489	3.132	1.357	2.627	1.333	529
1969	5.313	3.962	1.351	2.647	2.523	143
1970	4.769	3.278	1.491	3.535	980	254
1971	6.476	4.660	1.815	5.098	1.284	93
1972	7.899	5.660	2.239	6.862	996	41
1973	8.450	6.988	1.445	6.371	2.020	59
1974	7.363	6.023	1.312	6.486	786	91

Biểu 3: Phụ lục báo cáo tổng kết xây dựng cơ bản
THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN CÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG NGHIỆP
 (Phân theo cấu thành)

Đơn vị: 1.000 đ

Năm	Công nghiệp				Nông nghiệp			
	Tổng mức	Xây lắp	Thiết bị	KTCB khác	Tổng mức	Xây lắp	Thiết bị	KTCB khác
1958					9	9		
1959	33	33			6	6		
1960	118	26	80	6	64	64		
1961	142	37	105		225	150	30	45
1962	222	175	47		213	158	15	40
1963	171	136	20	15	170	146	9	15
1964	260	158	96	6	244	177	3	64
1965	547	345	183	19	386	323	13	50
1966	715	315	397	3	552	505	47	
1967	1.020	881	109	30	234	234		

1968	1.933	1.133	658	142	770	491	13	226
1969	1.510	859	553	98	990	592	361	37
1970	1.099	702	355	42	1.289	945	173	171
1971	1.513	813	641	59	1.739	1.468	229	34
1972	965	835	125	5	2.162	1.877	225	30
1973	981,3	736	242	3,3	2.327	1.571	739	17
1974	1.068,5	916,5	138	14,0	2.165	1.816	345	4

Biểu 4: Phụ lục báo cáo tổng kết xây dựng cơ bản
THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN
 (Phân theo công dụng và ngành kinh tế quốc dân)

Đơn vị: 1.000 đ

Ngành kinh tế	Năm	1958	1959	1960	1961	1962	1963	1964	1965	1966	1967	1968	1969	1970	1971	1972	1973	1974
		293	398	1.102	1.445	1.048	1.272	1.354	2.844	3.438	4.476	4.489	5.313	4.769	6.476	7.899	8.450	7.363
Tổng số:		74	217	335	706	865	574	890	1.979	2.703		3.810	4.739	4.065	5.832	6.842	6.987	6.355
I- Khu vực sản xuất vật chất																		
1. Công nghiệp			33	118	142	222	171	260	517	715	1.020	1.933	1.510	1.099	1.513	965	981,3	1.068,5

2. Nông nghiệp - thủy lợi	9	6	64	225	213	170	224	385	552	234	770	990	1.289	1.731	2.162	2.327	2.263,4
3. Lâm nghiệp								344	300	284	250	255	260	223	293	412	467,2
4. Thương nghiệp - vật tư		4				57	9	6	33		158	200	162	65	91	49,5	46
5. Xây dựng cơ bản					190	7	7	35	10		287	689	211	258	276	586	208
6. Giao thông vận tải	65	174	153	339	240	169	370	651	1.093	1.198	412	1.095	1.044	2.040	3045	2.632	2.302,5
II. Khu vực không sản xuất vật chất	219	178	767	739	543	698	464	865	735		679	574	704	644	1036	1.462,5	1.008
1. Phục vụ công cộng	10	6	3	22	36	179	31	49			73		99	111	199	734,5	127

2. Y tế - thể dục thể thao	56	19	63	55	186	277	177	260	212		315	134	80	216	269	242	23
3. Văn hóa giáo dục	61	122	104	204	181	67	108	61	115		135	277	263	247	198	229	133
4. Nghiên cứu khoa học			10				24		98				14	9			70
5. Quản lý nhà nước	69	17	446	366	40	25	34	280	244		140	163			151	257	315
6. Nhà ở	23	14	141	92	100	150	90	215	60		16			60	230	236,5	340

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 49/BC-TU, ngày 25-12-1975

Về việc tổng kết 8 năm công tác cuộc vận động định canh định cư kết hợp hợp tác hóa

Cuộc vận động định canh định cư kết hợp hợp tác hóa theo tinh thần Nghị quyết 38 của Chính phủ đã chỉ rõ, là một cuộc vận động cách mạng toàn diện ở nông thôn, nhưng trọng tâm là đảm bảo để đồng bào sản xuất đời sống ổn định, tư tưởng ổn định và đoàn kết tốt theo nguyên tắc hoàn toàn tự nguyện và phương châm: tích cực, vững chắc từng bước có trọng điểm.

Đặc điểm của tỉnh ta là một tỉnh 3/4 là vùng cao, nhiều vùng khí hậu, nhiều dân tộc sống xen kẽ, canh tác trên đất dốc, rừng đất, nương nhiều, đất bằng ít, đất dốc nhiều. Rừng và đất rừng chiếm trên 70%, tập quán canh tác lạc hậu, tự cấp tự túc tự nhiên, nhân khẩu du canh du cư còn nhiều (47% nhân khẩu nông nghiệp). Khả năng kinh tế tiềm tàng rất lớn, hiện nay đã có công nghiệp khai khoáng lớn của Trung ương đang khai thác và chuẩn bị khai thác (đồng, apatít), về lâu dài Lào Cai sẽ trở thành một tỉnh công, nông, lâm nghiệp.

Từ tình hình cụ thể của tỉnh ta, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V đã đề ra: “Trong điều kiện của tỉnh ta 3/4 là vùng cao và giữa, do đó phải đặc biệt dồn sức, dồn vốn, đầu tư mọi mặt để đẩy mạnh cuộc cách mạng ở vùng cao và giữa một cách cụ thể thiết thực và

manh mẽ. Công tác củng cố vùng cao và giữa phải được tiến hành liên tục, tích cực, có kế hoạch toàn diện, với bước đi thích hợp. Phải làm tốt cuộc vận động định canh định cư kết hợp hợp tác hóa, tập trung xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật (giao thông, thủy lợi, ruộng nương bậc thang, trồng cây gây rừng, chống xói lở bạc màu). Trên cơ sở đó, tạo điều kiện cho vùng cao và giữa giảm bớt khó khăn, giải quyết đủ ăn tại chỗ, tiến lên phát huy được ưu thế về cây công nghiệp, cây đặc sản, chăn nuôi và nghề rừng...". Đồng thời Đại hội nhấn mạnh:

“Để đẩy mạnh công tác củng cố vùng cao và giữa, trước hết phải nhận thức một cách sâu sắc về tình trạng tồn tại nghiêm trọng và kéo dài của nạn du canh du cư đã phá hoại thành quả lao động, phá hoại con người, phá hoại tài nguyên, ngăn trở sản xuất phát triển, v.v., mà vận động nhân dân thực hiện tốt cuộc vận động định canh định cư kết hợp hợp tác hóa, nhanh chóng đưa đồng bào còn du canh du cư đi vào thâm canh, định canh định cư...”.

Thực hiện phương hướng đó, trong 3 năm 1970 - 1972 tỉnh ta đã lấy cuộc vận động đưa đồng bào vùng cao và giữa đi vào thực hiện phương hướng cuộc vận động đã đề ra là công tác trọng tâm của vùng cao và giữa, gắn chặt chẽ với các cuộc vận động thực hiện nghị quyết 194 - 195 - 197 của Trung ương Đảng. Cuộc vận động đặt dưới quyền lãnh đạo và chỉ đạo thống nhất chặt chẽ thường xuyên của cấp ủy đảng và chính quyền các cấp, đồng thời tỉnh đã đề ra những chủ trương cụ thể trong cuộc vận động là:

- Trên cơ sở điều tra khảo sát, xác định phương hướng sản xuất vận động nhân dân tận dụng mọi diện tích ruộng đất đã ổn định, đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất, tăng vụ cây lương thực, nhằm đảm bảo tự túc lương thực đến mức cao nhất.

- Xây dựng cơ sở sản xuất ổn định ở các nơi có điều kiện như: ruộng bậc thang, nương bậc thang (ruộng cạn) và trồng rừng, trồng cây công nghiệp của hợp tác xã, tu bổ và làm mới các công trình thủy lợi, giao thông nông thôn, nhằm phục vụ kịp

thời cho sản xuất phát triển, đồng thời chú ý thích đáng việc xây dựng cơ sở (...)*.

- Phát triển chăn nuôi tập thể ở những nơi có điều kiện như: trâu đàn, bò đàn, lợn tập thể.

- củng cố xây dựng lại các hợp tác xã nông nghiệp để đi vào sản xuất theo phương hướng đã được xác định.

- Vận động đồng bào còn du canh du cư vào làm công nhân trong nông trường để ổn định sản xuất và đời sống.

- củng cố các tổ chức đảng và chính quyền, đoàn thể quần chúng ở nông thôn, hết sức chú trọng đào tạo cán bộ làm nòng cốt cho phong trào định canh định cư.

- Kế hoạch tiến hành chia làm ba thời kỳ:

- + Điều tra khảo sát phân loại đối tượng vận động.

- + Vận động tập trung xây dựng phương án kinh tế, chấn chỉnh tổ chức.

- + Thực hiện phương án.

Đến nay là năm thứ tám, tỉnh ta tiến hành cuộc vận động theo mục đích yêu cầu và các thời kỳ đã đề ra. Trên cơ sở Nghị quyết 38 của Chính phủ và quán triệt tinh thần các nghị quyết 19, 20, 22 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, phương hướng phát triển nông - lâm nghiệp ở trung du và miền núi, Tỉnh ủy tổng kết những kết quả đã đạt được, nêu lên những tồn tại, thiếu sót, nhược điểm, nguyên tắc và kinh nghiệm của cuộc vận động đã qua, nhằm đẩy mạnh công tác vận động định canh định cư những năm tới:

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG

1. Tuyên truyền giáo dục

Tỉnh ủy và Ủy ban Hành chính tỉnh đã tổ chức các hội nghị học tập Nghị quyết 38 của Chính phủ cho cán bộ lãnh đạo các ngành, các cấp và giành thời gian để các ngành các cấp về tổ chức

* Bản gốc mờ BT.

học tập quán triệt từ trên xuống dưới, từ trong Đảng ra quần chúng, với các hình thức học tập tuyên truyền phổ biến trong các hội nghị phát thanh, tranh ảnh, khẩu hiệu, áp phích, kết quả 85% đảng viên, 81% cán bộ ngoài Đảng, 75% nhân dân trong tuổi đã học tập quán triệt Nghị quyết 38 của Chính phủ. Qua học tập, từng bước sơ kết, tổng kết, nhận thức trong nhân dân các dân tộc đã được nâng lên từng bước về mục đích, yêu cầu của cuộc vận động. Ai nấy đều phải khẳng định là phải định canh định cư thì mới đảm bảo sản xuất đời sống ổn định và thấy được tác hại của tề du canh du cư, phấn khởi, tin tưởng vào các chính sách của Đảng và Chính phủ đã đề ra cho cuộc vận động, tích cực tham gia và thực hiện các yêu cầu của cuộc vận động.

2. Điều tra, khảo sát, xác định phương hướng sản xuất (1968-1969)

Tỉnh ủy và Ủy ban Hành chính tỉnh đã tập trung 60 cán bộ trung cao cấp ở các ngành, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy tiến hành thí điểm điều tra khảo sát, xây dựng phương hướng ở 4 xã (Mường Khương, Tả Chu Phung, Pha Long, Tùng Lân) thuộc huyện Mường Khương để rút kinh nghiệm phổ biến cho cán bộ và các huyện tiến hành công tác điều tra khảo sát xây dựng phương hướng. Sau khi rút kinh nghiệm, tỉnh đã tập trung trên 200 cán bộ huấn luyện nghiệp vụ điều tra, khảo sát để cùng các huyện làm công tác điều tra, khảo sát quy hoạch tổng thể cho 123 xã, 1 thị trấn, 2 thị xã. Qua điều tra giúp tỉnh nắm rõ hơn về khả năng đất đai, khí hậu, thổ nhưỡng, rừng núi, thủy lợi và phong tục tập quán, phong trào, tâm tư nguyện vọng của nhân dân. Qua điều tra, tỉnh đã phân loại tương đối, để tiến hành vận động và khẳng định lại tình hình định canh định cư của tỉnh còn rất lớn, thấy rõ những mặt khó khăn cụ thể của vùng cao (kết quả điều tra và phân loại đối tượng vận động có bản kèm theo sau). Từ các tài liệu cơ bản trong điều tra khảo sát thu thập được, tỉnh ta đã tiếp tục hoàn chỉnh nâng cao dần, đến nay

đã hoàn thành công tác phân vùng nông nghiệp toàn tỉnh, quy hoạch xây dựng xong phương án kinh tế cho 2 huyện: Bảo Thắng, Bát Xát, các nông trường, đang tiến hành quy hoạch các huyện khác và các hợp tác xã để tiến hành giao đất giao rừng và tổ chức lại sản xuất theo Chỉ thị 208 của Trung ương.

3. Tiến hành thời kỳ vận động tập trung xây dựng phương án định canh định cư (1970 - 1971)

Sau khi hoàn thành công tác khảo sát, tỉnh đã tập trung hơn 300 cán bộ về các xã giúp cơ sở tiến hành vận động tập trung và xây dựng phương án.

Qua học tập quán triệt các chỉ thị Nghị quyết 123 xã, 1 thị trấn và 2 thị xã, 1 số hợp tác xã đã căn cứ vào khả năng, điều kiện của địa phương, hoàn thành việc xây dựng phương án, xác định rõ phương hướng sản xuất cho từng nơi, từ việc quy hoạch xây dựng phương án của từng xã, tỉnh đã tổng hợp tình hình toàn tỉnh thành ba vùng kinh tế:

+ Vùng thấp là vùng lương thực và thực phẩm gồm 31 xã có độ cao so với mặt biển từ 80 - 400 m, có diện tích cấy lúa 2 vụ tập trung. Nhiệm vụ của vùng này là sản xuất lương thực (hàng hóa) thực phẩm (rau xanh, lợn), đồng thời đẩy mạnh trồng rừng phục vụ khai khoáng (mỡ, bồ đề, cây mai...) kết hợp trồng cây công nghiệp có dầu (sỏ, sả), cây ăn quả nhiệt đới (dứa, cam).

+ Vùng cao miền đông gồm 57 xã, có độ cao so với mặt biển từ 500 - 1.300m, nhiệm vụ sản xuất chủ yếu của vùng này là cố gắng phấn đấu tự túc lương thực, đồng thời phát triển chăn nuôi đại gia súc (trâu, bò) đẩy mạnh trồng rừng phòng hộ với các cây (sa mu, tống quá sủ, vầu, tre, trúc) kết hợp với cây ăn quả (đào, lê, táo, mận), trồng cây công nghiệp dài ngày là chè, cây công nghiệp ngắn ngày là đậu tương và một số cây thuốc (tam thất, bạch truật, đẳng sâm, v..).

+ Vùng cao miền tây 36 xã, gồm huyện Sa Pa và vùng cao Bát Xát nhiệm vụ cũng tương tự như miền đông, nhưng hướng chủ yếu là tự trồng cây đặc sản (hạt rau giống, cây thảo quả, cây thuốc, v.v.).

Căn cứ vào phương hướng sản xuất của từng vùng, thực hiện Chỉ thị 35/CT của Ủy ban Nông nghiệp Trung ương, các huyện đã căn cứ các điều kiện của địa phương, 5 huyện đã khoanh lại 8 vùng (riêng Bảo Thắng là vùng kinh tế mới) thuận lợi đi trước một bước.

- Sa Pa 2 vùng: vùng rừng lấy Seo Mí Tỉ làm trọng điểm, Lý Láo Chải, làm phụ điểm gồm 4 xã: Lao Chải, Hệu Tháo, Tả Van, Sủ Bản, vùng đặc sản lấy Sầu Chua làm trọng điểm có 3 xã trọng điểm vận động và 1 thị trấn ngoài diện vận động nhưng ở trong vùng kinh tế.

- Huyện Bắc Hà: vùng chè và đậu tương 5 xã, có 3 xã trong diện vận động tập trung toàn xã (Lầu Thí Ngài, Thải Giàng Phố, Nậm Cát), 1 xã vận động thôn bản (Na Hối), 1 xã vận động thường xuyên (Tả Chải), lấy Bản Phố làm trọng điểm.

- Huyện Mường Khương là vùng rừng kết hợp đậu tương gồm 6 xã: Pha Long, Sừ Ma Túng, Lao Táo, Dìn Chín, Tả Ngải Chồ, Lồ Suối Thàng, lấy Pha Long làm trọng điểm, vùng đậu tương kết hợp rừng gồm 6 xã, có 3 xã trong diện vận động: Tả Chu Phùng, Tung Chủng Phố, Thanh Bình, 3 xã vận động thôn bản La Nấm Lư, Lung Khẩu Nhi, Mường Khương.

- Huyện Si Ma Cai: vùng đậu tương rừng 6 xã, lấy Nha Phàng làm trọng điểm gồm có các xã Sín Chéng, Nan Vải, Thao Chu Phìn, Mản Thẩn, Bản Mễ, Nàn Vải, trong số này có 4 xã trong diện vận động tập trung và 2 xã vận động thôn bản (Nàn Vải, Bản Mễ).

- Huyện Bát Xát: vùng đại gia súc và rừng, xã Tả Ngảo là trọng điểm, có 4 xã diện vận động toàn xã: Tả Ngảo, Phìn Ngan, Tòng Sành, San Lùng, 1 xã vận động thôn bản là Bản Nèo.

Tổng số 8 vùng của 5 huyện gồm 38 xã, 264 thôn bản, 6.675 hộ, 30.963 khẩu, 17.320 lao động. Tổng diện tích 87.142 ha, trong đó đất nông nghiệp 17.686 ha, chiếm 20,22% tổng diện tích, ruộng nước có 1.833 ha, nương có 6.670 ha, đồi có 9.270 ha, rừng và đất rừng 62.936 ha, chiếm 71,97%. Trong 5 huyện có 8 vùng nhưng

mỗi huyện có 1 xã trọng điểm. Tỉnh lấy 1 huyện là trọng điểm, lấy điểm của huyện là diện của tỉnh.

4. Tổ chức thực hiện phương án đã đề ra với nhiều hình thức thích hợp đối với từng nơi

A. Vận động định canh định cư tại chỗ

Xây dựng cơ sở sản xuất ổn định tạo cơ sở thâm canh, trước hết là cây lương thực, phấn đấu sản xuất lương thực tự túc đến mức cao nhất tại chỗ theo khả năng, nếu thiếu được Nhà nước bàn hỗ trợ thêm. Rút lao động ra phát huy những cây con có ưu thế nhất của địa phương. Kết quả đến nay đã có hợp tác xã thực hiện, từng huyện đều có các hợp tác xã điển hình như:

- Bản Phố: Dân tộc Mèo (huyện Bắc Hà) từ hợp tác xã còn du canh một chốn đôi quê, chuyển về thâm canh tăng năng suất cây lúa, tăng vụ cây đậu tương, rút lao động ra tổ chức đội chuyên phát triển trồng chè, trồng cây rừng và trồng đậu tương. Từ năm 1971 hợp tác xã đã giành ra 107 lao động, chuyên trồng chè, đã đưa diện tích chè từ 26 ha lên 62 ha, hằng năm bán cho Nhà nước trên 10 tấn chè khô. Diện tích trồng đậu tương từ chỗ trồng lẻ tẻ, không đáng kể, năm 1974 đã trồng 100 ha, trong đó tăng vụ xuống ruộng 40 ha. Hằng năm bán cho Nhà nước trên 10 tấn hạt. Hợp tác xã có đội thủy lợi chuyên trách 25 lao động, chuyên làm thủy lợi và khai phá nương ruộng bậc thang, huy động hàng vạn công nhân làm thủy lợi, đưa diện tích được tưới nước từ 30% lên 80%. Diện tích ruộng nước tăng dần từ 62 ha lên 69 ha. Diện tích nương du canh từ 160 ha chuyển sang còn 110 ha nương định canh. Một mặt khác thâm canh lúa và ngô. Năng suất lúa nâng dần từ 18 tạ/ha lên 20 tạ/ha; năng suất ngô từ 640 kg/ha năm 1970 lên 1.030 kg/ha năm 1974, năm 1975 hợp tác xã đã trồng 5 ha giống ngô lai số 5, năng suất 3 tấn/ha/vụ. Công tác y tế văn hóa phát triển bình quân 4,9 người có 1 người đi học, hợp tác xã có trạm xá và y sĩ người địa phương chăm sóc sức khỏe của xã viên. Nhân dân đoàn kết tin tưởng đi vào cuộc

sống định canh định cư, 70 hộ ở phân tán đã chuyển nhà về ở tập trung, từ năm 1970 lại đây số khẩu ổn định dần và tăng lên.

- Hợp tác xã Sín Chải - Mường Khương: Từ chỗ du canh du cư, chặt phá rừng để trồng cây lương thực, hết rừng đến nổi củi không có mà đun, nước ăn không đủ dùng, được sự giúp đỡ của Nhà nước, hợp tác xã đã đi vào thâm canh, vỡ thêm được hàng chục hécta ruộng bậc thang trồng rừng, kinh doanh vườn cây ăn quả, nay đã tự túc được lương thực, đủ củi đun, có hệ thống nước ăn, dân từ xa về giữa 1 làng, nhà nào cũng trồng cây ăn quả, hợp tác xã có rừng củi cạnh làng, nhân dân đoàn kết, phấn khởi, tin tưởng, ổn định.

- Hợp tác xã Lùng Thàng (Tả Ngảo): Đã thực hiện đồng thời 3 cuộc cách mạng có phong trào làm thủy lợi, đẩy việc tăng vụ thêm toàn diện, tự túc toàn phần lương thực đến mức vững vàng, phát triển nghề rừng, chăn nuôi tập thể, trên cơ sở tổ chức lại sản xuất, phân công lại lao động. Hợp tác xã còn nhận thêm lao động, miền xuôi lên phát triển kinh tế, hợp tác xã có đội thủy lợi chuyên trách và đã huy động hàng vạn ngày công làm thủy lợi, thủy điện, khắc phục thiên tai, lũ lụt đảm bảo nước tưới cho 27,5 ha ruộng cũ, khai phá thêm 4,4 ha ruộng mới đưa ruộng 1 vụ lên 2 vụ, đi đôi với thâm canh tăng năng suất lúa, để đảm bảo lương thực, đồng thời hợp tác xã đã trồng được 7 ha rừng và nuôi 135 con bò tập thể, nhân dân sống phân tán từ 11 xóm nhỏ đã chuyển về tập trung thành 7 thôn, xây dựng làng bản định canh, định cư. Hợp tác xã có thủy điện cung cấp ánh sáng, có trường học, trạm xá, y sĩ, y tá, nữ hộ sinh là người địa phương phục vụ, v.v..

Hợp tác xã Vi Kém (Cốc Mì): Đồng bào Dao chuyển từ sống du canh du cư đi vào thâm canh ruộng, giành năng suất trên 7 tấn/ha, đảm bảo lương thực, tiến lên hợp nhất với đồng bào miền xuôi lên và liên doanh với 8 hợp tác xã bạn, phát huy thế mạnh của địa phương (trồng rừng, chăn nuôi), hợp tác xã đã có đàn bò gồm 100 con, cả liên đoàn đã có 443 ha rừng tu bổ bảo vệ và 46 ha rừng trồng. Hiện nay liên doanh đang thực hiện kế hoạch trồng

977 ha rừng, khai hoang trồng 243 ha ngô, đậu tương, từ nay đến năm 1980.

Hợp tác xã Seo Mì Tý (Sa Pa): là vùng cao có rừng gỗ quý như pơmu, ruộng nước ít, hằng năm phá rừng làm nương du canh lấy lương thực ăn (ngô và sò mì) là chủ yếu, phá rừng pơmu đã kiệt. Mấy năm qua đã có một số hộ phải chạy sang Lai Châu (trên 30 hộ). Được sự hỗ trợ của Nhà nước về lương thực, tiền vốn, hợp tác xã nay đi vào phương hướng kinh doanh rừng và phát triển chăn nuôi. Đến nay hợp tác xã đã xây dựng được cơ sở: đàn bò 240 con có chuồng trại, tu bổ trên 100 ha rừng, khai thác rế thông, măng tang nấu dầu. Đời sống xã viên đã ổn định, 30 hộ chạy đi Lai Châu đã về và nay có 1 số hộ lên cận muốn xin gia nhập.

Hợp tác xã Lí Lao Chải (Sa Pa): Đi vào thâm canh ruộng bậc thang có kết quả. Được Nhà nước hỗ trợ phân vô cơ, hợp tác xã đã đưa năng suất lúa mùa trên ruộng 1 vụ từ 30 lên 43 tạ/ha. Hợp tác xã này là hình thức liên doanh (hợp nhất từng phần). Về lương thực 7 đội làm riêng chia riêng có góp quỹ và phụ cấp công cán bộ chung, kinh doanh chung đàn bò 15 con và khu rừng 130 ha; 7,3 ha tre trúc đã được thu hoạch. Hợp tác xã này được ổn định, xã viên phấn khởi, đời sống nâng lên rõ rệt.

Hợp tác xã Cổ Hải (dân tộc Dao đỏ) - Bảo Thắng: Trên 40 hộ từ du canh đã chuyển sang lấy sản xuất kinh doanh trồng rừng là chính, được Nhà nước cung cấp lương thực, đời sống sản xuất đã đi dần vào ổn định.

B. Phát động phong trào xây dựng cơ sở sản xuất ổn định, đẩy mạnh thâm canh rộng rãi trong nhân dân tạo tiền đề để từng bước đi vào thực hiện toàn diện phương án định canh định cư.

Bắt đầu vào cuộc vận động tập trung năm 1970, tỉnh phát động phong trào “1 kết hợp, 5 hóa”. Một kết hợp: định canh định cư kết hợp với hợp tác hóa, 5 hóa: thủy lợi hóa, giao thông hóa, ruộng nương bậc thang hóa, rừng xanh hóa và văn hóa hóa, đã đem lại kết quả các mặt như sau:

a) *Về công tác thủy lợi*: Toàn tỉnh đã làm mới 885 công trình tiểu thủy nông, 43 công trình trung thủy nông và vận hành 1.000 công trình tiểu thủy nông, nhờ đó mà 90% diện tích lúa nước có công trình tưới nước, làm 75 giếng nước ăn cho người ở vùng cao, 3.908 hộ nông dân được dùng điện thấp sáng.

Riêng vùng vận động định canh định cư từ năm 1970 đến nay đã xây dựng 55 công trình thủy nông vừa và nhỏ, đảm bảo tưới (...), kết hợp 3 trạm thủy điện là 40 kW, phục vụ 410 hộ thấp sáng và 5 trạm xay xát, 75 giếng nước ăn và 2 hệ thống ống dẫn nước bằng gang dài 3 km, phục vụ 150 hộ đồng bào Pha Long có nước ăn. Vấn đề giếng nước ăn, điện thấp sáng ở vùng cao là một việc đổi mới khá sâu sắc đối với đời sống của đồng bào. Nhiều nơi ở vùng cao trước đây đến mùa khô không có nước mà dùng, nhân dân phải xếp hàng hứng từng giọt nước đi ra ở vách núi, gà gáy tỉnh mơ hàng đoàn người, ngựa đưa nhau đi thồ nước xa hàng 3 - 4 cây số. Nay có giếng nước mọc lên ngay giữa làng, nhân dân hã hê dùng nước, làm cho đời sống của nhân dân đã gắn bó lại càng thêm gắn bó với quê hương làng bản.

b) *Về giao thông*: Đã tu sửa và làm mới trên 1.628 km đường giao thông nông thôn, có trên 100 km đường ô tô xuống các xã, huyện xa xôi hẻo lánh, làm 68 cầu treo. Riêng trong vùng vận động tập trung định canh định cư đã làm 626 km đường liên xã, 30 cầu treo, trong đó 6 cầu lớn như cầu trên Bến Đền, Cốc Li, Nậm Tôn, v.v. đảm bảo người và ngựa thồ đi lại thuận tiện.

c) *Về làm ruộng nương bậc thang*: Chỉ tính từ 1971 - 1974, toàn tỉnh đã khai hoang được 388,21 ruộng bậc thang và 337,37 ha nương bậc thang, riêng trong vùng vận động tập trung được 321 ha ruộng và 301 ha nương bậc thang. Có nơi khai nương ruộng bậc thang tập trung diện tích hàng trăm hécta như Lũng Pâu, nhiều xã ở khu Pha Long, hầu như 100% diện tích gieo trồng được bậc thang hóa. Đi đôi với làm ruộng bậc thang còn đẩy mạnh tăng vụ ở vùng cao, ruộng nước từ chỗ tăng và rất ít đến nay lên tới 1,33 lần.

Các khâu kỹ thuật đã có nhiều chuyển biến mới. Nạn cấy chay từng bước được xóa bỏ. Phân hóa học từ chỗ đem đến tận nơi không ai dùng, nay nhiều hợp tác xã ở vùng cao đã yêu cầu và nhân dân nhiều vùng đã ưa thích. Phong trào thâm canh ở vùng cao ngày càng có nhiều tiến bộ, diện tích lúa được thâm canh năm 1975 đã có 421 ha. Năng suất lúa ở những chân ruộng được thâm canh nơi đạt cao là 5.196 kg/ha (Lí Lao Chải), nơi đạt thấp là 2.500 kg/ha (Nà Chải). Ruộng chứa thâm canh bình quân 22 tạ/ha. Diện tích ngô lai năm 1974 có 279 ha, năng suất ngô nơi cao 30 tạ/ha, nơi thấp là 26 tạ/ha. Trong khi ngô đại trà chỉ 8 - 9 tạ/ha. Giống lúa tốt như 063, Khẩu Nậm Sít, v.v.. Ngô lai số 5 đã từng bước đưa vào vùng cao, năm 1974 thì một số hợp tác xã thuộc huyện Bắc Hà, Mường Khương, Si Ma Cai trồng ngô lai đạt năng suất cao.

d) Trồng giữ rừng và trồng cây công nghiệp đến năm 1975

Đến năm 1975, toàn tỉnh đã có 26 hợp tác xã trồng cây công nghiệp, trong đó 2 hợp tác xã thuộc đối tượng vận động định canh định cư, 25 hợp tác xã là đối tượng vận động định canh định cư có kinh doanh lâm nghiệp. Từ năm 1968 - 1975, các hợp tác xã đã trồng 1.648 ha rừng khoán cho lâm trường. Riêng vốn định canh định cư đã hỗ trợ cho các hợp tác xã trồng có kết quả 206 ha rừng gỗ, 130 ha thảo quả, 140 ha tre, trúc, 8 ha quế, 20,5 ha chè, ngoài vận động hợp tác xã, tỉnh đã phát động phong trào toàn dân trồng và giữ vững với các hình thức rừng hợp tác xã, rừng làng, rừng hợp tác xã gắn với rừng làng, rừng gia đình, v.v. do đoàn thể phụ lão đứng ra vận động, theo phong tục căn ước là lệ tục tốt của nhân dân các dân tộc địa phương (có cải tiến về nội dung quy ước phù hợp với luật pháp, chính sách của Đảng và Nhà nước). Kết quả đã có 203 làng ở 37 xã đã xây dựng được khu rừng làng, nhiều nhất là huyện Si Ma Cai 17 xã đã có 137 rừng làng (trung bình mỗi khu rừng làng từ 30 - 50 ha, có rừng ruộng 100 ha) về rừng gia đình các xã vùng cao Pha Long, Bắc Hà, Si Ma Cai phát triển khá, có vùng như Pha Long hầu như nhà nào cũng trồng rừng, có nhà cộng

lại, những năm qua đã trồng tới hàng vạn cây. Công tác khoanh núi nuôi rừng mấy năm qua cũng đẩy mạnh, toàn tỉnh đã khoanh 77.563 ha ở 39 xã, có 15 xã là vùng cao, 21 hợp tác xã trong 28 xã đã nuôi 32.695 ha.

đ) Về chăn nuôi: Nhìn chung đàn gia súc vùng cao những năm qua phát triển khá. Riêng vốn định canh định cư đã giúp 4 hợp tác xã xây dựng 4 đàn bò, chăn nuôi tập thể 420 con, đã hỗ trợ hợp tác xã 30.000đ để xây dựng chuồng và bò đực giống Sinh. Kết quả đã sản xuất được 50 bê lai (Sinh + bò địa phương) đổi mới, nâng dần chất lượng đàn bò.

e) Cơ sở văn hóa y tế: Sự nghiệp văn hóa y tế vùng cao mấy năm qua cũng được phát triển. Đã xây dựng cho vùng còn du canh du cư 18 trường học, 23 trạm xá bán kiên cố. Hiện nay, xã nào cũng có trường lớp học, trường nhiều là 95 em (Hầu Thào - Sa Pa), trường ít nhất là 15 em học (Nậm Khánh) 74/94 xã vùng cao có trạm xá, trong đó có 70 trạm xá đang nâng lên bệnh xá và 280 giường bệnh. 73/94 xã vùng cao được phát thuốc phòng. Các trạm xá đã có 36 y sĩ, 20 y tá (đào tạo 9 tháng), 19 y tá (đào tạo 6 tháng) phụ trách. Có 5 y sĩ xã đang học đại học. Về dân tộc, trong số 36 y sĩ có 11 Mèo, 6 Nùng, 4 Tày, 4 Dao đỏ, 2 Hán, 1 Dáy, 1 Xa Phó, 2 Dao Tuyển, 1 Hoa, 1 Pa Dí, 1 Tu Dí, trong số 5 đang học đại học có 1 Mèo, 1 Nhắng, 3 Tày.

C. Đưa đồng bào còn làm ăn du canh du cư chuyển đến một điểm mới thành lập đơn vị sản xuất.

Đầu tiên là tập thể hóa lao động, có sự giúp đỡ của Nhà nước, hợp tác xã được xây dựng ở nơi mới tích cực khai hoang ruộng nương bậc thang, tạo thành tư liệu sản xuất ổn định, đi vào thâm canh, phát huy ưu thế của địa phương. Kết quả như hợp tác xã Sâu Chua là lao động được tổ chức lại từ 8 hợp tác xã thuộc 3 xã (Tả Van, Lao Chải, Trung Chải). Mỗi hợp tác xã cử ra một lao động lên Sâu Chua xây dựng thành một đơn vị hợp tác xã phát triển sản xuất trồng cây đặc sản (su hào giống), chăn nuôi bò đàn, bảo vệ

trồng rừng. Đến nay đã có 50 hộ, 28 khẩu, 108 lao động, được sự hỗ trợ của Nhà nước, hợp tác xã đã xây dựng 20ha ruộng cạn, trồng cây su hào, làm thủy lợi tưới chủ động cho diện tích đó, xây dựng mới 7 km đường giao thông, tu bổ bảo vệ 435 ha rừng, phát triển đàn bò được 45 con. Ba năm hợp tác xã đã thu được 6.000 kg hạt su hào giống, trị giá là 205.760 đồng để quỹ tích lũy 17.739 đồng, nộp thuế cho nhà nước được 15.769 đồng, giá trị ngày công đạt từ 3 - 4,2 đồng. Hợp tác xã này được Nhà nước bán lương thực toàn phần theo kết quả nộp bán sản phẩm theo hợp đồng 2 chiều giữa các cơ quan của Nhà nước với hợp tác xã.

Ba năm Nhà nước đã hỗ trợ không hoàn lại cho hợp tác xã 60.000 đồng. Qua ba vụ hợp tác xã đã nộp thuế 15.769 đồng. Về lương thực, 3 năm hợp tác xã đã mua 120 tấn quy gạo, đã bán cho Nhà nước 6 tấn hạt rau, cứ 1 đồng giá trị hàng hóa Nhà nước bỏ ra, thì thu về 4,38 đ hàng hóa khác và 20 tấn gạo bằng 1 tấn hạt su hào. Được Nhà nước hỗ trợ hợp tác xã đã xây 1 trường học cấp I và đang xây 1 trạm xá, có 1 hệ thống truyền thanh do hợp tác xã tự mua sắm. Thu nhập cao lương thực được Nhà nước cung cấp, đời sống được nâng cao hơn so với khi còn ở hợp tác xã cũ, con em được học hành, ốm đau có trạm xá, hợp tác xã này nhìn chung đã ổn định sản xuất, đời sống và tư tưởng.

Hiện nay, một số nơi đồng bào đã tự động chuyển từ nơi khó khăn đến vùng có điều kiện thuận lợi để sản xuất, tạo điều kiện để đi vào định canh định cư như: Phìn Ngan: 27 hộ, 176 khẩu, đồng bào Dao du canh, chuyển đến nơi mới được sự giúp đỡ xây dựng thủy lợi khai phá được 7 ha ruộng mới đưa vào sản xuất (dự kiến 50 hộ khai 18 ha ruộng). Số hộ này đã có đủ lương thực ăn, đang chuẩn bị sang làm rừng. Trên 100 hộ dân tộc Mèo từ vùng cao chuyển đến 2 xã Phong Niên, Xuân Quang huyện Bảo Thắng, tập trung lại thành thôn bản mới, lập hợp tác xã, xin nhận đất nhận rừng, kinh doanh theo hướng sản xuất của huyện, đã quy hoạch và xin được thực hiện các chính sách của Đảng và Nhà nước đối với

đồng bào du canh du cư. Những nơi này nếu được sự giúp đỡ tích cực thì đồng bào sẽ đi vào định canh định cư như Sầu Chua...

D. Vận động đồng bào còn làm ăn du canh du cư, vào làm công nhân nông trường.

Ngay từ năm 1969, tỉnh đã chỉ đạo thí điểm đưa lao động đồng bào Mèo đội 4 hợp tác xã Tả Phìn còn làm ăn du canh du cư vào làm công nhân nông trường bò sữa ở Sa Pa. Kết quả đội 4 có 14 hộ, 73 khẩu, 23 lao động, đưa từ đội 4 hợp tác xã Tả Phìn vào làm công nhân nông trường (từ lao động tập thể vào làm công nhân nông nghiệp), xây dựng Nông trường, ổn định sản xuất và đời sống. Ngay từ năm đầu lao động đội 4 đã sản xuất vượt các định mức 11,9% giá trị sáng tạo 1 đồng vốn ra 3,09 đ cho Nhà nước, bình quân lao động làm được 23 công/tháng, bình quân thu nhập 46,00 đ/tháng, cả thu về kinh tế phụ bình quân đạt 18đ/tháng cho 1 nhân khẩu trong 1 gia đình.

Từ kết quả ở đội 4, vận dụng theo Nghị quyết 38, Ủy ban hành chính tỉnh đã đề ra Chỉ thị 06-CT vận động đồng bào vào Nông trường. Đến nay đã có 4/6 nông trường trong tỉnh (Sa Pa, Thanh Bình, Phong Hải, Bắc Hà) đã thu nhập 204 hộ, 1.178 khẩu, 430 lao động, số đồng bào còn làm ăn du canh du cư vào làm công nhân trong nông trường.

Số lao động vào nông trường được hưởng chính sách công nhân, gia đình được hưởng chính sách phân phối theo thành phần, lương thực được Nhà nước cung cấp và được chăm sóc, học hành, thuốc men khi đau yếu. Gia đình có lao động phụ được mượn một số diện tích đất để làm kinh tế phụ. Chế độ nghỉ phép được vận dụng theo tập quán mỗi năm được nghỉ 2 -3 lần, nhưng không quá tiêu chuẩn để đồng bào có thời gian đi thăm hỏi bà con. Lao động phụ được Nông trường tận dụng phát triển các nghề phục vụ cho sản xuất của Nông trường. Đến nay, nhìn chung đời sống của các gia đình được ổn định và nâng cao, phấn khởi lao động sản xuất, nhân dân các dân tộc chung quanh với công nhân nông trường

đoàn kết chặt chẽ, cùng nhau bảo vệ sản xuất của nông trường, không xảy ra những sự xích mích hằng ngày như những nông trường chưa được nông dân chung quanh vào. Việc đưa đồng bào vào Nông trường về phía nông trường có lợi là giảm chi phí tuyển dụng 1 công nhân từ 150-200 đ, so với tuyển ở xuôi giảm được chi phí xây dựng nhà cửa cho công nhân lúc đầu, tư tưởng công nhân ổn định, gắn bó với nông trường hơn công nhân lúc ở xuôi lên, thuận cho chỉ đạo sản xuất. Đối với đồng bào nhanh chóng ổn định sản xuất, đời sống định canh định cư.

5. Phong trào hợp tác xã nông nghiệp và đời sống nhân dân

Công tác xây dựng củng cố hợp tác xã nông nghiệp ở vùng cao (vùng du canh du cư), tỉnh đã vận dụng nhiều hình thức thích hợp với trình độ và điều kiện sản xuất từng nơi: hợp tác xã quy mô nhỏ, kinh doanh quản lý đơn giản, hợp nhất, hợp tác từng phần (liên doanh) hợp tác xã thống nhất kinh doanh toàn diện, nhằm tập hợp đồng bào lại làm ăn tập thể từ thấp đến cao, từ quản lý đơn giản đến quản lý kinh doanh nhiều mặt, khoa học phức tạp. Thông qua việc học tập điều lệ tổ chức Đại hội nông dân tập thể và nông dân từng làng bản, học các nghị quyết lớn của Đảng, từ trong Đảng ra ngoài quần chúng để củng cố xây dựng hợp tác xã. Kết quả đến cuối năm 1975 ở vùng cao có 166 hợp tác xã với 40% hộ nông dân đã vào hợp tác xã, các huyện vùng cao đều có hợp tác xã điển hình từng vùng, có hình thức tổ chức quản lý, có cung cách làm ăn tương đối thích hợp với trình độ và đặc điểm vùng cao như: hợp tác xã Sâu Chua, Lí Lao Chải (Sa Pa); hợp tác xã Bản Phố (Bắc Hà), hợp tác xã Sín Chải, Lũng Pâu (Mường Khương). Số lượng hợp tác xã vùng cao tuy ít nhưng chất lượng cao hơn trước và đã được thử thách qua nhiều khó khăn, chọn lọc từ thực tế vùng cao, nói chung các hợp tác xã điển hình đều đã xác định rõ phương hướng sản xuất, quản lý tương đối chặt chẽ tư liệu sản xuất chủ yếu, nhất là đất đai. Đã cố gắng xây dựng được cơ sở sản xuất ổn định; đã cố

gắng giải quyết vấn đề lương thực và bước đầu đi vào các cây, con có ưu thế của địa phương; sản xuất bước đầu đã theo hướng tập trung chuyên canh, thâm canh, kết hợp quản lý kỹ thuật và giáo dục chính trị tư tưởng, tăng cường sự lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng và phát huy quyền làm chủ tập thể của xã viên, trên cơ sở đường lối, chính sách của Đảng và kinh nghiệm tập quán tốt từ thực tế của mình. Sản xuất ở vùng cao phát triển, đời sống nhân dân tương đối ổn định, những năm trước đây (1969 phải bán cứu đói 625 tấn gạo, đến nay hầu như không còn, điển hình vùng Mèo Sa Pa, trước đây cứ đến lúc giáp hạt (tháng 3) nhân dân bỏ sản xuất đi chạy lương thực ăn, Nhà nước phải bán cứu đói mỗi năm mấy trăm tấn, kéo dài mấy năm liền, sản xuất không kịp thời vụ, không chăm bón, năng suất thấp, dẫn tới mất mùa liên tiếp, mấy năm lại đây tình hình này đã chấm dứt. Tình trạng nhân dân vùng cao di chuyển ồ ạt từ cao xuống thấp, từ miền đông sang miền tây, tìm nơi còn rừng để phát nương đến nay không còn nữa (huyện Sa Pa di cư đi Phong Thổ 51 hộ, 218 khẩu đã trở lại 38 hộ, 162 khẩu).

6. Công tác bồi dưỡng cán bộ

Đã mở lớp ngắn ngày tập huấn về kỹ thuật và nghiệp vụ quản lý cho cán bộ và hợp tác xã. Năm 1973 - 1974: 2.500 lượt người, năm 1975: 606 lượt người, đã có tác dụng nhất định đối với việc đưa khoa học kỹ thuật thâm canh lúa, ngô ở vùng cao. Mặt khác tỉnh đã mở các trường đào tạo cán bộ lâu dài cho vùng cao như: Trường thanh niên Bắc Hà, Si Ma Cai có 111 em học cấp II; 6 em học cấp I; Trường thiếu nhi dân tộc Y Tý, Mường Khương, Sa Pa có 303 em học. Ngoài ra còn có 55 người theo học trường bổ túc công nông, 142 học sinh sư phạm đã tốt nghiệp hoạt động ở vùng cao. Trường Trung cấp Nông lâm của tỉnh đã có 7 học sinh là người dân tộc vùng cao.

Qua 8 năm tiến hành vận động định canh định cư, 6 năm thực hiện nghị quyết của Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ V, được Nhà

nước hỗ trợ 2.213.118 đồng tiền vốn và 1.228 tấn gạo. Cuộc vận động đã thu được kết quả bước đầu:

- Đã làm chuyển biến một bước về nhận thức tư tưởng trong cán bộ đảng viên, nhân dân các dân tộc, đối với cuộc vận động, thấy được tác hại của tệ du canh du cư và thấy chỉ có định canh định cư thì mới ổn định được sản xuất đời sống.

- Đã xây dựng được một số cơ sở ổn định, tạo điều kiện cho một số vùng từng bước đi vào định canh định cư gồm 388,6 ha ruộng bậc thang, 357 ha nương bậc thang, trồng 1.854 ha rừng và 203 khu rừng làng, 130 ha cây đặc sản, 123 ha cây công nghiệp dài ngày, 4 đàn bò 420 con, 55 công trình thủy nông, tưới 655 ha ruộng, kết hợp phát 46 kW điện phục vụ 410 hộ, 75 giếng nước ăn và hệ thống dẫn nước bằng ống gang dài 3 km, 1.626 km đường nông thôn, trên 100 km đường ô tô, 68 cầu gỗ, 31 cầu treo, 18 trường học, 23 trạm xá.

- Cách mạng kỹ thuật (phân, giống mới) đã bước đầu đưa vào vùng cao có kết quả. Phân hóa học, giống mới đã tạo nên năng suất cây trồng cao, góp phần giải quyết vấn đề lương thực ở một số hợp tác xã.

- 5 huyện đã có 28 hợp tác xã, 1.517 hộ, 9.065 khẩu và 243 hộ; 1.386 khẩu vào nông trường, cộng 1.760 hộ, 10.453 khẩu, số này có thể khẳng định được là đã đủ cơ sở để ổn định sản xuất, đời sống và tư tưởng.

Các huyện đều đã xây dựng được hợp tác xã điển hình chỉ ra cách làm tốt thích hợp với từng vùng, đó là hợp tác xã Sâu Chua, Lí Lao Chải, Sa Pa, Bản Phố, Bắc Hà, Si Ma Cai, Lũng Pâu (Mường Khương). Từ các hợp tác xã điển hình và thực tiễn cuộc vận động đã chỉ rõ các hình thức vận động thích hợp với điều kiện và trình độ nhân dân tỉnh ta, được quần chúng nhân dân hưởng ứng, đó là các hình thức: định canh định cư tại chỗ bằng thâm canh tăng vụ, mở rộng diện tích (nơi có điều kiện), giải quyết tự đảm bảo lương thực đạt mức cố gắng nhất, thiếu được Nhà nước hỗ trợ thêm, đồng thời rút lao động ra phát huy những cây, con thuộc vào thế mạnh của từng nơi. Vận động đồng bào du canh du cư nơi

không có điều kiện chuyển đến nơi có điều kiện xây dựng thành đơn vị sản xuất mới để định canh định cư (như Sầu Chua): dựa vào các nông lâm trường của Nhà nước làm công nhân do Nhà nước đảm nhiệm về mọi mặt tổ chức sản xuất và đời sống.

Ngoài ra là phát động rộng rãi trong nhân dân phong trào thực hiện định canh định cư kết hợp với hợp tác hóa, thủy lợi, nung ruộng bậc thang, tiến hành đưa kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp (cải tạo đất, giống mới, phân bón, v.v.). Trồng và giữ rừng, bao gồm rừng hợp tác xã, rừng làng, rừng gia đình, làm giao thông, học tập văn hóa cải tiến phong tục tập quán lạc hậu, xây dựng các cơ sở sản xuất có tính chất ổn định khác, v.v..

- Các vùng sản xuất những cây con chủ yếu đã được xác định, đang từng bước quy hoạch và tổ chức thực hiện ngày càng có nhiều sản phẩm hàng hóa: vùng thấp năng suất lúa 2 vụ đã đạt trên 5 tấn/ha, hằng năm đã có hàng nghìn tấn thịt lợn, hàng nghìn tấn dưa bán cho Nhà nước. Vùng cao miền đông cây đậu tương, cây chè, cây thuốc, cây ăn quả xứ lạnh đang hình thành có làng hoa. Vùng cao miền tây đã cung cấp cho Nhà nước 300 - 400 tấn thảo quả, hàng triệu đồng hạt rau giống, các vùng đều đã có nông trường, trạm trại kỹ thuật làm nông cốt.

- Phong trào vùng cao vừa qua tuy có lúc lên lúc xuống, nhưng hiện nay đã nảy nở các phong trào rừng làng, nung, ruộng bậc thang, làm giao thông, thâm canh lúa, ngô, sử dụng phân hóa học và giống mới. Vùng cao ngày nay đã khác trước, không phải hoàn toàn chỉ có khó khăn, bệnh tật, đói rét, đi lại khó khăn, v.v. mà đã có nhiều mặt đổi mới tiến bộ hơn trước như: ăn ở, đi lại, chữa bệnh, học hành, sản xuất.

Trên đây là kết quả bước đầu đã đạt được, là những kinh nghiệm và cách làm tốt, nảy sinh từ thực tiễn của cuộc vận động chúng ta khẳng định để phát huy. Song so với yêu cầu cuộc vận động thì kết quả đạt được còn thấp và hạn chế, cuộc vận động đến nay đang còn những mặt tồn tại, thiếu sót, nhược điểm chủ yếu như sau:

- Thời kỳ thực hiện của cuộc vận động tiến triển chậm chạp, đến nay đối tượng vận động còn nhiều, tốc độ cuộc vận động chậm không kịp với tốc độ, tăng dân số trong diện phải vận động. Diện tích phát rừng làm nương so với trước có giảm nhưng chưa chấm dứt được hoàn toàn. Không năm nào thực hiện đạt kế hoạch định canh định cư, tiền gạo của Nhà nước hỗ trợ chi tiêu không hết, phải trả lại.

- Phong trào hợp tác xã vùng cao vẫn còn yếu kém, số hộ tham gia hợp tác xã còn thấp, mới có 40% trình độ quản lý yếu, nhiều hợp tác xã đang khó khăn về phương hướng sản xuất, phương hướng kinh doanh, không có cơ sở vững chắc khi tụ khi tan.

- Huyện nào cũng có hợp tác xã điển hình, nhưng không nhận ra được mà dừng lại ở mức điển hình, không thành phong trào rộng rãi. Các hợp tác xã trồng rừng, cây công nghiệp, chăn nuôi là thế mạnh của vùng cao, phát triển cũng không mạnh.

- Một số mặt tiêu cực ở vùng cao có chiều hướng phát triển trở lại như: số người chưa biết chữ nhiều lên, trồng thuốc phiện, nghiện hút, ma chay kéo dài...

Từ những tồn tại trên đặt ra cho các vấn đề phải xem xét là Nghị quyết 38/CP và các chính sách cụ thể đối với cuộc vận động đã có là phù hợp. Hình thức cách làm là các điển hình tốt huyện nào cũng có nhưng cuộc vận động tiến triển chậm, điển hình tốt không nhân ra được như vậy là tại sao? Nguyên nhân gì? Đó là do: tệ du canh du cư nó có nguyên nhân sâu xa về mặt kinh tế, tâm lý tư tưởng tập quán dân tộc, đồng bào lại sống trên những nơi điều kiện sản xuất có nhiều khó khăn, muốn giải quyết vấn đề cần phải có thời gian nhất định. Về mặt lãnh đạo cuộc vận động của tỉnh ta vừa qua, tuy đã có nhiều cố gắng, tìm tòi phương pháp vận động thực hiện các chủ trương, chính sách của Trung ương sinh động vào địa phương, nhận thức đúng đắn nghị quyết của Trung ương có nhiều chủ trương, biện pháp tích cực, quyết tâm chỉ đạo. Song về chỉ đạo cụ thể đã có một số thiếu sót.

Trong quá trình tiến hành cuộc vận động, chưa thật gắn chặt chẽ cuộc vận động định canh định cư với việc xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa địa phương, cả về mặt nhận thức cũng như hành động của các ngành, thể hiện ở công tác quy hoạch, xây dựng, chỉ đạo thực hiện kế hoạch, đầu tư vốn hằng năm, v.v.. Do đó, chưa huy động được đầy đủ sức mạnh tổng hợp của các ngành đối với cuộc vận động. Công tác hằng ngày các ngành có phần nào tách rời cơ quan giúp tỉnh theo dõi cuộc vận động, cũng từ đó mà nhìn nhận vấn đề không được toàn diện. Các chỉ tiêu của cuộc vận động hàng năm không thành chỉ tiêu pháp lệnh của Nhà nước, kế hoạch về phát triển sản xuất và sức sản xuất không gắn liền cả kế hoạch củng cố hoàn thiện quan hệ sản xuất củng cố xây dựng hợp tác xã (hàng năm chỉ sản xuất, không giao chỉ tiêu củng cố hợp tác xã).

- Công tác quy hoạch có thiếu sót là: dừng ở quy hoạch xác định phương hướng sản xuất của xã, là đơn vị hành chính quy hoạch vùng mà không quy hoạch đến hợp tác xã, là đơn vị cơ sở thực hiện phương án trong quy hoạch mới xác định về phương hướng sản xuất, không xác định rõ được quy mô sản xuất và hình thức tổ chức sản xuất. Quy hoạch xong lại không được cấp thẩm quyền xét duyệt và không tiến hành ngay sau đó việc tổ chức lại sản xuất, thực hiện phương án đã đề ra.

- Trình độ cán bộ cơ sở quá yếu, không đủ khả năng tự tổ chức thực hiện phương án đã đề ra, lực lượng cán bộ của trên về giúp thời kỳ điều tra, khảo sát vận động tập trung tương đối khá (trên 300) nhưng đến thời kỳ thực hiện thì lực lượng cán bộ trên về giúp không nhiều (biên chế 300 cán bộ tăng cường cho cơ sở, Trung ương cắt đi không cho nữa) cán bộ của huyện thì thiếu và yếu, lại làm việc theo kiểu hành chính, đôn đốc hiệu triệu chung chung, do vậy mỗi huyện chỉ làm được một số hợp tác xã điển hình không đủ sức giúp cơ sở triển khai thực hiện phương án một cách đồng đều toàn diện, nhân những điển hình đã có thành phong trào chung.

- Về chính sách đầu tư hỗ trợ về vốn, về lương thực cuộc vận động đã có, là thích hợp được nhân dân các dân tộc đồng tình tiếp thu thực hiện, có hiệu quả, nhưng khâu quyết định là cán bộ hướng dẫn, thì không có chính sách đầu tư rõ ràng, nên có gạo có tiền Nhà nước cho đồng bào để đẩy, mặc dầu thiếu thốn, nhưng không biết cách sử dụng. Một số điểm vận dụng cụ thể của chính sách đang còn tồn tại, chưa nghiên cứu đề nghị kịp với Trung ương, đã hạn chế với mức độ nhất định đến phong trào như: lương thực, tiếp khách, làm ra của gia đình công nhân là đồng bào du canh du cư vào nông, lâm trường. Vấn đề tổ chức đời sống phúc lợi, thuốc men khi ốm đau trạm xá, trường học, lương thực, v.v., đối với gia đình chưa đặt vấn đề hỗ trợ thời gian đầu, cho các nông trường, do đó nơi nào đưa nhiều đồng bào vào thì phải chi phí nhiều cho công tác này, gây khó khăn cho tính toán kinh doanh. Mức vốn đầu tư hỗ trợ cho việc xây dựng cơ sở sản xuất ổn định nhiều cái còn chưa hợp lý và còn thấp. Trồng rừng, vốn đầu tư chỉ đủ mua giống cây. Đầu tư cho thâm canh lúa, chưa đầu tư cho thâm canh ngô - là cây trồng phổ biến, diện tích lớn ở vùng cao.

- Đối với vùng cao có nhiều đặc điểm khác vùng thấp, chúng ta nhận thí điểm, tổng kết, kết luận hình thức hợp tác và cách quản lý thích hợp, nên hợp tác xã khi xây dựng chưa xuất phát từ yêu cầu của phương hướng sản xuất để xác định loại hình quy mô hợp tác xã.

- Vai trò lãnh đạo của Chi bộ Đảng còn yếu, nhiều nơi cán bộ đảng viên thiếu gương mẫu, không kiên trì con đường làm ăn tập thể, ngược lại đã theo đuổi quần chúng, chạy theo con đường làm ăn riêng lẻ, phá rừng làm nương bừa bãi.

- Bộ máy giúp cấp ủy, Ủy ban hành chính theo dõi cuộc vận động yếu, không ổn định, nhất là cấp huyện gần đây sự chỉ đạo của cấp ủy, Ủy ban hành chính coi nhẹ, hầu như buông lỏng sự chỉ đạo, cán bộ chuyển hết, không còn cán bộ chuyên theo dõi, tổng hợp, bỏ mặc cơ sở làm được đến đâu hay đến đó, thậm chí

nhiều nơi cơ sở làm được, huyện không có ai đến xem xét công nhận kết quả, cấp vốn đầu tư. Đối với tỉnh thì huyện không báo cáo thường xuyên, chỉ khi nào cần tiền thì mới đến kêu ca xin cấp.

II. MỘT SỐ NHẬN XÉT RÚT RA QUA THỰC TIỄN CỦA CUỘC VẬN ĐỘNG

Từ những kết quả tồn tại, nguyên nhân tồn tại của cuộc vận động mấy năm qua, từ cách làm tốt của các hợp tác xã điển hình, chúng ta rút ra một số kết luận về bước đi và cách làm của cuộc vận động như sau:

1. Đồng bào các dân tộc vùng cao và giữa còn làm ăn du canh du cư ở tỉnh Lào Cai có khả năng thực tế để định canh định cư và từ du canh du cư có thể đi thẳng lên lối làm ăn theo phương thức sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Với các điều kiện:

a) Được bảo đảm có lương thực vững chắc bằng cách tận dụng đất đai thâm canh tăng vụ, ruộng đất sẵn có để sản xuất lương thực với mức độ cố gắng nhất, nếu thiếu Nhà nước hỗ trợ bán thêm, nơi không có điều kiện thì Nhà nước bán cho toàn phần, chuyển sang trồng rừng, trồng cây công nghiệp, v.v., thành hàng hóa bán cho Nhà nước.

b) Có sự giúp đỡ của Nhà nước về mọi mặt một cách tích cực và lâu dài.

c) Có cán bộ cốt cán của cơ sở tích cực và cán bộ của trên cử về trực tiếp giúp đỡ hướng dẫn về công tác quản lý và kỹ thuật.

d) Có quy hoạch xác định phương hướng sản xuất rõ ràng và được tổ chức lại sản xuất theo cung cách sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, phân công lại lao động, thực hiện quy hoạch, gắn với vùng sản xuất chung của huyện, tỉnh. Các hợp tác xã Tả Ngảo, Sầu Chua, v.v., từ du canh du cư, nay đã định canh định cư có kết quả, đều có các điều kiện nói trên.

2. Công tác vận động định canh định cư phải gắn chặt chẽ với việc xây dựng phát triển kinh tế, văn hóa của địa phương cụ thể một là phải gắn với việc thực hiện phương hướng sản xuất của tỉnh ta đã được xác định là một tỉnh công nông lâm nghiệp, gắn với việc thực hiện các vùng sản xuất nông, lâm nghiệp của tỉnh đã quy hoạch. Công tác định canh định cư phải được kế hoạch hóa thành chỉ tiêu pháp lệnh trong kế hoạch dài hạn và hằng năm. Phải thể hiện rõ trong quy hoạch và phân bổ sức sản xuất công, nông, lâm nghiệp của tỉnh, có như vậy mới huy động được sức mạnh tổng hợp của các ngành vào cuộc vận động, việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật mới hoàn chỉnh, mới đưa đồng bào còn du canh du cư từng bước lên thẳng cách làm ăn theo sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa và việc phân bổ sức sản xuất mới đồng đều giữa các vùng trên phạm vi lãnh thổ của một tỉnh.

3. Định canh định cư phải kết hợp với thực hiện đồng thời ba cuộc cách mạng. Tổ chức lại nền sản xuất, từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Cụ thể đối với tỉnh ta, sau khi đưa đồng bào còn du canh du cư vào hợp tác xã, đồng thời phải ngay tức khắc tiến hành tổ chức lại nền sản xuất cũ, phân công lại lao động, phát triển sản xuất theo hướng sản xuất lớn, đã được quy hoạch, làm thủy lợi, khai phá nương ruộng bậc thang, đưa khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, cải tạo đất xây dựng đồi nương, đồng ruộng, áp dụng các biện pháp thâm canh (giống mới, phân bón, thời vụ xây dựng các quy trình kỹ thuật, tiêu chuẩn hóa kỹ thuật các cây trồng và con gia súc, cải tiến công cụ tạo năng suất cây trồng và con gia súc cao. Trồng và giữ rừng, làm đường giao thông, tổ chức đào tạo cán bộ tổ chức học tập văn hóa, chăm sóc sức khỏe, xây dựng nếp sống mới cho nhân dân. Như vậy quá trình vận dụng định canh định cư kết hợp với hợp tác hóa đồng thời phải gắn liền với các quá trình tổ chức lại nền sản xuất cũ, phân công lao động mới, tiến hành thủy lợi hóa, nương ruộng bậc thang, giao thông hóa, rừng xanh hóa, tiêu chuẩn hóa kỹ thuật các cây trồng,

con gia súc, và văn hóa. Các quá trình trên phải thực hiện đồng thời ở một đơn vị sản xuất.

4. Hình thức tổ chức nông dân lại ở vùng cao (định canh định cư) không gò bó theo một hình thức nhất định, mà phải linh hoạt tổ chức nông dân đi từng bước từ thấp lên cao theo các hình thức: hợp tác xã nhỏ sản xuất kinh doanh đơn giản, hợp tác xã từng phần, hợp nhất từng phần liên doanh, hợp tác xã kinh doanh phân phối thống nhất. Đưa đồng bào là công nhân các nông, lâm trường, các xí nghiệp công nghiệp, đội bảo dưỡng bảo vệ đường giao thông để định canh định cư. Cũng cố xây dựng hợp tác xã phải gắn liền ngay với tổ chức lại nền sản xuất cũ, phân công lại lao động theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, từ điểm ra vùng, từ vùng lên toàn huyện.

5. Hình thức vận động đồng bào du canh du cư đi vào định canh định cư thích hợp với tình ta là:

- + Định canh định cư tại chỗ bằng thâm canh tăng vụ, mở mang diện tích (nơi có điều kiện) để tự đảm bảo lương thực với mức cố gắng, nếu thiếu Nhà nước bán bù, đưa lao động ra phát huy các cây, con thuộc thể mạnh từng nơi.

- + Chuyển từ nơi không có điều kiện đến nơi có điều kiện thuận lợi, xây dựng cơ sở sản xuất mới.

- + Chuyển vào làm công nhân các nông lâm trường, xí nghiệp.

- + Phát động rộng rãi phong trào xây dựng cơ sở sản xuất ổn định, tạo tiền đề để đi vào thực hiện phương án định canh định cư.

6. Một mặt phải có biện pháp tích cực đào tạo cán bộ địa phương tại chỗ, nhưng trước mắt phải có lực lượng cán bộ trên về giúp trực tiếp thời gian đầu thì cuộc vận động mới thực hiện được nhanh chóng. Việc đào tạo cán bộ kinh tế - kĩ thuật phải gắn chặt chẽ giữa hệ giáo dục phổ thông với các trường lớp chuyên nghiệp, ngay từ cơ sở lên, đào tạo ngay tại chỗ, đào tạo ngắn ngày và chính quy dài ngày phải song song thực hiện, có như vậy mới kịp yêu cầu.

7. Công tác định canh định cư với trồng, bảo vệ rừng phải gắn thật chặt với nhau không thể tách rời, vì đó là hai mặt của một vấn đề có mối quan hệ nhân quả với nhau, nguyên nhân chính của việc phá rừng là do tị du canh (1 khẩu du canh muốn đảm bảo đủ lương thực ăn phải đốt phá 1/4 đến 1/3 ha rừng), do đó tị du canh có chấm dứt thì tị phá rừng mới có cơ sở chấm dứt.

8. Công tác vận động định canh định cư, gắn chặt với việc xây dựng phát triển kinh tế, văn hóa của địa phương, do đó phải đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của cấp ủy đảng và ủy ban hành chính các cấp, nhất là cấp huyện. Việc thực hiện và giúp cơ sở thực hiện phương án và kế hoạch cụ thể hằng năm, phải do các ngành thực hiện từng phần, từng việc theo chức năng, còn cơ quan chuyên trách (Ban định canh định cư) chỉ có thể làm chức năng tham mưu giúp cấp ủy và ủy ban hành chính theo dõi sự thực hiện các huyện và ngành. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng phát huy chức năng quản lý của Nhà nước, đồng thời phải phát huy mạnh mẽ vai trò các đoàn thể, quần chúng, thanh niên, phụ nữ, phụ lão. Có như vậy mới động viên được các tầng lớp quần chúng rộng rãi thực hiện cuộc vận động.

III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG ĐỊNH CANH ĐỊNH CƯ CÁC NĂM TỚI

Trên cơ sở quán triệt tinh thần các nghị quyết của Trung ương, Nghị quyết 38/CP của Hội đồng Chính phủ và phương hướng phát triển kinh tế nông lâm nghiệp ở trung du và miền núi, tiếp tục thực hiện tinh thần Chỉ thị 35 ngày 1-8-1972 của Ủy ban Nông nghiệp Trung ương, phương hướng vận động định canh định cư ở tất cả các vùng là:

Trên cơ sở xây dựng củng cố hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, lấy nhiệm vụ xây dựng phát triển kinh tế - văn hóa của địa phương trong kế hoạch 1976 - 1980. Lấy các vùng sản xuất nông,

lâm nghiệp của tỉnh đã xác định làm nội dung và phương hướng. Vận động nhân dân các dân tộc còn du canh du cư hay định canh định cư, ra sức đẩy mạnh việc thâm canh, tăng vụ, mở rộng diện tích để sản xuất lương thực, thực hiện tại chỗ với mức cao nhất, đồng thời đưa lao động ra phát huy thế mạnh sẵn có: nghề rừng, cây công nghiệp, chăn nuôi theo quy hoạch cụ thể cho từng đơn vị sản xuất. Tiến hành tổ chức lại sản xuất các cây con sẵn có và mới, nhằm từng bước chuyển cho được nền sản xuất du canh, phân tán, tự nhiên đi vào làm ăn có kỹ thuật theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Gắn chặt việc củng cố xây dựng quan hệ sản xuất mới với tổ chức lại hoặc tổ chức mới nền sản xuất, phân công lại lao động thực hiện đồng thời ba cuộc cách mạng (theo Chỉ thị 208), gắn định canh định cư với bảo vệ đất đai, bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường sống xây dựng địa phương trở thành tỉnh công, nông, lâm nghiệp phát triển, góp phần tăng cường sức mạnh kinh tế miền núi, thực hiện chính sách dân tộc của Đảng trong giai đoạn mới.

Phấn đấu trong vòng 2 - 3 năm (1976 - 1980) tổ chức lại xong nền sản xuất nông, lâm nghiệp trong tỉnh theo hướng sản xuất mới, chuyển được toàn bộ số lao động nhân khẩu còn làm ăn theo lối du canh du cư sang lối làm ăn mới, chấm dứt tệ du canh, phá rừng bừa bãi. Đến năm 1980, các đơn vị đều ổn định sản xuất, từ đó có cơ sở ổn định đời sống và tư tưởng.

Thực hiện phương hướng, nhiệm vụ chung nói trên, trước mắt cần phấn đấu thực hiện tốt những chủ trương và biện pháp lớn như sau:

1. Phấn đấu giải quyết lương thực cho vùng định canh định cư, với mức độ cố gắng nhất, đồng thời chuyển mạnh lao động sang phát huy sản xuất những cây con thuộc thế mạnh của từng nơi:

Lương thực bao gồm cả lúa, ngô, khoai, sắn, đậu các loại bằng biện pháp trồng nước, trồng cạn.

Cần có những biện pháp đưa hết diện tích mới khai phá và khai phá các năm trước vào sản xuất, đẩy mạnh tăng vụ các cây chịu rét, cây họ đậu vừa phủ đất lấy phân xanh, thâm canh toàn diện, đưa năng suất lên cao, tăng vụ trồng xen, trồng gối trên diện tích khoanh để trồng cây dài ngày, lấy ngắn nuôi dài, đồng thời cải tạo đất phủ đất, chống xói mòn, đặc biệt là thâm canh cây lúa, cây ngô. Tận dụng hết khả năng có thể làm lương thực. Tiến hành quy hoạch cụ thể tính toán cân đối lương thực, lao động đến từng hợp tác xã, trên tinh thần tận dụng hết khả năng đất đai để sản xuất lương thực để tự đảm bảo, nếu thiếu Nhà nước hỗ trợ thêm. Dành đủ lao động để làm cây lương thực, còn chuyển mạnh sang trồng cây công nghiệp, cây đặc sản, trồng rừng. Chấm dứt tình trạng phá rừng để làm lương thực. Đối với những nơi hiện nay lương thực chủ yếu dựa vào phá rừng làm nương du canh, thì kiên quyết chuyển số lao động nhân khẩu này sang trồng và giữ rừng, lập các hợp tác xã lâm nghiệp có kinh doanh nông nghiệp, Nhà nước cung cấp lương thực theo chính sách đối với hợp tác xã chuyên canh cây công nghiệp.

2. Đối với cây công nghiệp, cây ăn quả, cây làm thuốc là cây có ưu thế của vùng cao

Đối với cây đã được xác rõ của từng vùng như: thảo quả (Sa Pa + Bát Xát), đậu tương (Bắc Hà + Mường Khương + Si Ma Cai), hạt rau su hào, bắp cải giống (Sa Pa, Bắc Hà), chè, trâu, quế (Bắc Hà), cần phát triển nhanh thành từng vùng, phân bổ lại đất đai, giành đất để trồng cây đậu tương, hạt rau tới mức thỏa mãn yêu cầu của Nhà nước. Chuyển một số hợp tác xã trong vùng sang chuyên canh cây công nghiệp.

Cây ăn quả như: đào, lê, táo, mận, cần phát triển mạnh ở từng gia đình. Kết hợp với từng bước phát triển của hợp tác xã. Gia đình trồng, hợp tác xã trồng, cơ quan, trường học trồng, thành từng

vùng theo quy hoạch của huyện. Tỉnh thành lập trại nhân giống tốt (đào, lê, táo, mận) phân phát và hướng dẫn cho nhân dân (...) trồng rộng rãi.

3. Tổ chức chăn nuôi

Nhiệm vụ cấp bách của chăn nuôi vùng cao là từng bước chuyển từ chăn nuôi thả rông lên chăn nuôi có chuồng trại, củng cố những cơ sở chăn nuôi trâu, bò tập thể đã có như: Seo Mí Tỉ, Sâu Chua, Lao Chải, Tả Ngảo... đồng thời đẩy mạnh chăn nuôi của gia đình. Thực hiện phong trào 1 nhà 1 năm có 100 kg thịt lợn bán cho Nhà nước (kể cả lợn con bán giống), 1 nhà nuôi từ 3 - 7 trâu, bò, mỗi năm bán cho Nhà nước 1 con. Trên cơ sở đòi hỏi Nhà nước đã giao cho hợp tác xã có thể khoanh cho các gia đình mượn, những đôi cỏ lẻ tẻ nhỏ, thích hợp với chăn nuôi quy mô nhỏ, để các gia đình tự cải tạo trồng thêm để chăn nuôi, khuyến khích gia đình đẩy mạnh chăn nuôi không hạn chế, nhưng không được thả rông và thuê người chăn dắt. Tỉnh tổ chức chọn lọc, nhân, lai giống tốt cho hợp tác xã và nhân dân.

4. Nghề rừng

Là ưu thế số một và cũng là nhiệm vụ cấp bách của vùng cao tỉnh ta hiện nay. Những năm tới phải làm tốt và gấp việc giao đất giao rừng cho hợp tác xã quản lý kinh doanh, những nơi chưa có hợp tác xã thì giao rừng cho làng, phát động mạnh mẽ phong trào trồng và giao rừng với nhiều hình thức rừng hợp tác xã, rừng làng, rừng hợp tác xã kết hợp với rừng làng, rừng gia đình; thực hiện mỗi làng có 1 khu rừng từ 100 ha trở lên, mỗi nhà có 20 cây ăn quả.

Rừng làng là hình thức rộng rãi, có tính chất phòng hộ và lấy củi, là bước chuẩn bị ban đầu để cải tạo điều kiện tiến lên xây dựng hợp tác xã thành rừng hợp tác xã, rừng hợp tác xã là rừng kinh tế trồng theo quy hoạch của huyện đã duyệt cho từng hợp tác xã.

5. Khẩn trương đẩy mạnh công tác quy hoạch xác định phương hướng sản xuất, tiến hành tổ chức lại sản xuất ở tất cả các hợp tác xã và vận động định canh định cư theo tinh thần Chỉ thị 208 của Trung ương:

- Trên cơ sở vùng sản xuất chung của tỉnh đã được xác định quy hoạch sơ bộ của từng xã, từng làng đã có mà tiến hành quy hoạch soát xét lại phương hướng sản xuất cho tất cả các hợp tác xã trong diện vận động định canh định cư, qua quy hoạch và phân loại ra từng vùng (theo Chỉ thị 35 của Ủy ban Nông nghiệp Trung ương), vùng thuận lợi và vùng còn nhiều khó khăn trước mắt để đề ra biện pháp giải quyết cụ thể đối với từng hợp tác xã từng thôn bản.

- Đối với vùng có nhiều thuận lợi, sau khi quy hoạch soát xét lại phương hướng, tiến hành tổ chức lại sản xuất (theo Chỉ thị 208), tổng hợp phương án của từng hợp tác xã, từng xã thành phương án chung của vùng có kế hoạch thực hiện phương án từng bước cho tới khi định hình và thời gian chấm dứt tộ du canh du cư.

Trước mắt mỗi huyện quy hoạch lấy 1 - 2 vùng đã dự kiến, từ đầu năm 1976, mỗi huyện tập trung chỉ đạo hoàn thành việc tổ chức sản xuất 1 vùng bố trí cán bộ ở lại giúp đỡ cơ sở thực hiện phương án và kế hoạch năm 1976.

- Đối với những nơi còn nhiều khó khăn, trước mắt chưa khắc phục được như Y Tý, Tả Giàng Phìn, Bản Cái... thì trên cơ sở điều tra khảo sát đã có trước đây mà đề ra các biện pháp giúp quần chúng đẩy mạnh việc thâm canh, tăng vụ, tích cực mở mang thêm diện tích định canh, bằng hệ số sử dụng ruộng đất đã có lên, đồng thời phải nghiên cứu thay đổi các loài giống ngắn ngày, năng suất cao (ngô lai, lúa cạn) phù hợp với vùng cao, các cây họ đậu (đậu tương, đậu mèo, đậu nho nhe). Sau khi tính toán thâm canh đến mức cao mà lương thực ăn vẫn còn thấp thì khoanh vùng luân canh để sản xuất lương thực, thực phẩm tự túc tại chỗ, mặt khác chuẩn bị tạo điều kiện để sau khi tổ chức xong sản xuất ở vùng thuận lợi thì chuyển sang tổ chức lại sản xuất được ngay vào cuối năm 1976.

- Đối với việc tiến hành tổ chức lại sản xuất, gọn từng vùng một, tiếp tục phát động phong trào, làm thủy lợi, nương ruộng bậc thang, thâm canh tăng vụ lúa, ngô, trồng rừng, làm giao thông, xây dựng các cơ sở sản xuất ổn định khác rộng rãi ở tất cả các vùng trong địa phương. Chuẩn bị điều kiện để tổ chức lại sản xuất, thực hiện phương án định canh định cư.

6. Tích cực củng cố và xây dựng hợp tác xã, đưa đồng bào còn du canh du cư đi vào làm ăn tập thể với các hình thức thích hợp, từ thấp lên cao, tạo thành những đơn vị sản xuất cơ sở, để thực hiện phương án định canh định cư:

Việc củng cố xây dựng hợp tác xã ở vùng cao kỳ này phải nhằm mục đích đạt được yêu cầu của việc tổ chức lại sản xuất, đưa sản xuất nông, lâm nghiệp từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, củng cố xây dựng hợp tác xã phải gắn liền với tổ chức sản xuất, phân công lại lao động mới, phải tạo nên được những đơn vị sản xuất có đủ khả năng phân công lại lao động, thực hiện phương hướng sản xuất hàng hóa của vùng. Do đó việc củng cố xây dựng hợp tác xã phải tùy tình hình cụ thể từng nơi mà vận dụng hình thức khác nhau.

- Đối với vùng đã quy hoạch (vùng thuận lợi) phải đưa vào phương hướng sản xuất chính của quy hoạch đã xác định và yêu cầu của việc tổ chức lại sản xuất, phân công lại lao động, thực hiện phương hướng sản xuất và quy mô sản xuất đó, mà vận dụng hình thức quy mô tổ chức hợp tác xã như: tiến hành hợp nhất hợp tác xã nhỏ thành hợp tác xã lớn, kinh doanh hạch toán thống nhất, hợp nhất từng phần, liên doanh (lương thực sản xuất phân phối riêng ở hợp tác xã nhỏ) hợp tác từng phần, trồng rừng, trồng cây công nghiệp dài ngày (lương thực sản xuất phân phối riêng ở hợp tác xã nhỏ hoặc gia đình).

- Đối với những nơi chưa tiến hành quy hoạch, chưa có điều kiện tổ chức lại sản xuất (vùng khó khăn) thì tổ chức hợp tác xã nhỏ sản xuất kinh doanh đơn giản theo tinh thần Nghị quyết 16 của Tỉnh ủy để tiến hành sản xuất lương thực, đảm bảo đời sống

tại chỗ xây dựng cơ sở sản xuất ổn định tạo điều kiện để xây dựng hợp tác xã lớn, tổ chức lại sản xuất.

7. Đào tạo bồi dưỡng cán bộ xã và hợp tác xã ở vùng định canh định cư

Trong cuộc vận động tổ chức lại sản xuất, phải có kế hoạch đào tạo cán bộ toàn diện của địa phương. Nhưng riêng đối với vùng định canh định cư cần chú ý bồi dưỡng đội ngũ cán bộ dân tộc về lâu dài có đủ khả năng hướng dẫn quần chúng thực hiện quy hoạch, tiếp thu sự giúp đỡ của Nhà nước, giữ vững và phát huy kết quả định canh định cư ngay tại chỗ, bằng cách mở rộng các trường thiếu nhi dân tộc đến tận từng khu vực của huyện (như Y Tý) để đào tạo lực lượng cán bộ lâu dài cho phong trào.

Bồi dưỡng những nhân tố tích cực trong phong trào trước mắt bằng mở các lớp tập huấn ngắn ngày về kỹ thuật sản xuất cụ thể từng loại cây, con gia súc ở từng vùng. Tổ chức tọa đàm với những người có uy tín, có kinh nghiệm sản xuất của từng dân tộc, tổ chức tham quan các điển hình tốt. Mặt khác, trước mắt hiện nay Nhà nước phải mạnh dạn tích cực đưa cán bộ có năng lực của trên xuống giúp cơ sở, lâu dài từ 5 - 7 năm để hướng dẫn cơ sở thực hiện phương án. Trước mắt là tiến hành cuộc vận động tổ chức lại sản xuất theo Chỉ thị 208 của Trung ương.

8. Về chính sách

Nghiêm chỉnh thực hiện tốt các quy định trong chính sách đã có như lương thực, tiền vốn... theo nghị quyết 38 và 129 của Chính phủ để hỗ trợ mạnh mẽ cho cuộc vận động, đồng thời nghiên cứu đề nghị bổ sung một số chính sách cụ thể hiện nay còn tồn tại.

9. Tăng cường sự chỉ đạo của cấp ủy và chính quyền các cấp kiện toàn tổ chức và lực lượng cán bộ làm công tác định canh định cư ở tỉnh và huyện:

Công tác vận động định canh định cư là nhiệm vụ xây dựng phát triển kinh tế, văn hóa ở vùng cao. Do đó cuộc vận động đặt

dưới sự lãnh đạo chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy đảng và chính quyền các cấp, đồng thời phát huy mạnh mẽ vai trò các đoàn thể quần chúng thì mới thực hiện được, để giúp cấp ủy và ủy ban hành chính các cấp theo dõi chỉ đạo cuộc vận động.

+ Ở tỉnh: Ban chỉ đạo tỉnh phải được củng cố hoạt động lại, một mặt tăng cường bộ phận chuyên trách có đủ khả năng làm tham mưu giúp Tỉnh ủy và Ủy ban hành chính tỉnh, phối hợp với các ngành chặt chẽ, hướng dẫn giải quyết kịp thời các yêu cầu của cơ sở. Bộ phận giúp việc cho Ban chỉ đạo định canh định cư và hành chính ở tỉnh cần tăng cường đủ cán bộ có năng lực, nằm trong Ủy ban nông nghiệp, nhưng về nhiệm vụ dưới sự lãnh đạo chỉ đạo của Tỉnh ủy và Ủy ban hành chính tỉnh.

+ Ở huyện: Cấp huyện diện vận động định canh định cư nhiều như Sa Pa, Bắc Hà, Si Ma Cai, Mường Khương thì toàn Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện phải coi nhiệm vụ vận động định canh định cư là nhiệm vụ chỉ đạo chung, kế hoạch của huyện là kế hoạch định canh định cư. Huy động tất cả các ngành thực hiện, Ủy ban nông nghiệp là Ban tham mưu giúp Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện thường trực, giải quyết công việc hằng ngày, phải phân công 1 phó chủ nhiệm phụ trách định canh định cư và từ 3 - 5 cán bộ chuyên trách.

Đối với các huyện có hai vùng định canh định cư và vùng thấp như Bát Xát, Bảo Thắng thì phân công rõ. Trong Ủy ban hành chính huyện và Huyện ủy có 1 bộ phận phụ trách định canh định cư và giao cho các ngành cùng phải tham gia coi kế hoạch định canh định cư là một phần kế hoạch của huyện, Ủy ban Nông lâm là tham mưu vẫn phải phân công 1 phó chủ nhiệm và 3 cán bộ chuyên trách.

Trong chỉ đạo mỗi huyện phải xây dựng vùng kinh tế thuận lợi, xây dựng trọng điểm để chỉ đạo tổng hợp rút kinh nghiệm chỉ đạo diện kịp thời.

Lề lối làm việc phải chuyển từ hành chính cung cấp sang quản lý kinh tế, khoa học kỹ thuật, tất cả các mặt kế hoạch đều phải có

tính toán phân tích cụ thể. Việc đầu tư vốn phải có sự phân tích hiệu quả kinh tế, có khảo sát tính toán cụ thể khi thi công đảm bảo quy trình quy phạm, công việc làm phải dứt điểm, tránh dây dưa, kéo dài. Từng tháng phải có báo cáo kết quả, có nghiệm thu quyết toán sơ bộ, 6 tháng có điều chỉnh, cuối năm quyết toán kịp thời, chấp hành đầy đủ nguyên tắc tài chính của Nhà nước.

+ Đối với các ngành: phải coi nhiệm vụ định canh định cư là nhiệm vụ của ngành, căn cứ vào chức năng cụ thể của ngành, có kế hoạch năm, quý, tháng, thực hiện công tác của ngành ở vùng du canh du cư (vùng cao), Ủy ban Kế hoạch Nhà nước phải đưa nhiệm vụ công tác định canh định cư vào kế hoạch nhà nước hằng năm, thành chỉ tiêu pháp lệnh giao cho huyện và ngành thực hiện. Hằng năm, hằng quý các ngành phải tổng hợp báo cáo riêng kết quả công tác của ngành ở vùng vận động định canh định cư.

Trong không khí dào dạt phấn khởi, với thắng lợi vĩ đại của dân tộc, cả nước đang chuyển sang giai đoạn cách mạng mới, thống nhất đất nước, cả nước cùng thực hiện nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội. Xây dựng Tổ quốc giàu mạnh, chúng ta hãy vươn lên quyết tâm khắc phục mọi khó khăn nhược điểm, đẩy mạnh cuộc vận động định canh định cư tiến lên những bước mới, nhằm mục tiêu chấm dứt 2 du thực hiện 2 định của các dân tộc vùng cao trong tỉnh.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC
VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 51-BC/TU, ngày 16-1-1976

Về tình hình công tác năm 1975

Dưới ánh sáng Nghị quyết 23, 24 và các chỉ thị, nghị quyết khác của Trung ương Đảng, với niềm hân hoan, phấn khởi của cả dân tộc mừng Việt Nam toàn thắng và thống nhất, thi đua lập thành tích kỷ niệm 3 ngày lễ lớn trong năm, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Lào Cai đã cố gắng phấn đấu, trên các mặt công tác đã đạt được những kết quả như sau:

I. TÌNH HÌNH KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC

1. Nông - Lâm nghiệp

Thực hiện Nghị quyết 22 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Nghị quyết 15 của Tỉnh ủy về khôi phục và phát triển kinh tế hai năm 1974-1975, trong năm qua việc lãnh đạo và chỉ đạo của Tỉnh ủy và các ngành, các cấp trong tỉnh đã có nhiều cố gắng, quyết tâm, tiếp tục bám hướng, bám vùng, bám cây, con, tập trung phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu, nhất là phấn đấu đạt mục tiêu tổng sản lượng lương thực và thực phẩm.

Về tổ chức chỉ đạo thực hiện, đã coi trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và đẩy mạnh phong trào thi đua. Cụ thể trong

năm qua đã tổ chức học tập các Chỉ thị 208, 209, Nghị quyết 22, 23, 24 của Trung ương Đảng, Quyết định 129 của Chính phủ; tổ chức hội nghị giao kế hoạch cho cơ sở và phát động sản xuất vụ đông - xuân được sớm và chủ động, đã tập trung chỉ đạo đẩy mạnh các khâu thủy lợi, làm đất và tích cực kiểm tra, đôn đốc việc chuẩn bị giống, phân bón... Trên cơ sở những chính sách của Đảng và Nhà nước đã ban hành, căn cứ vào đặc điểm và điều kiện tự nhiên, kinh tế của từng vùng, tỉnh đã có nhiều cố gắng vận dụng, đề ra những chủ trương kế hoạch và biện pháp cụ thể nhằm đẩy mạnh nhiệm vụ phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp của địa phương...

Do những cố gắng chung của toàn tỉnh nên đã khắc phục, hạn chế được nhiều khó khăn và nhìn chung về sản xuất nông - lâm nghiệp năm qua vẫn được giữ vững và trên một số mặt có tiến bộ hơn trước.

Về trồng trọt, bình quân hai vụ lúa ruộng toàn tỉnh ước đạt 5.144 tấn/ha, so với kế hoạch chưa đạt và so với năm 1974 cũng giảm 367 kg/ha; tổng sản lượng lương thực quy thóc so với kế hoạch ước đạt 55.076 tấn, so với kế hoạch đạt 97,6%, so với năm 1974 tăng 3,2 %, trong đó thóc so với kế hoạch Trung ương giao tăng 9,27%, ngô so với kế hoạch đạt 92,5%, đã tập trung chỉ đạo khai hoang trồng ngô tập trung ở một số vùng đạt kết quả khá (giống ngô lai đạt bình quân 3 tấn/ha một vụ).

Ở vùng cao, tỉnh đã chỉ đạo bón phân hóa học cho 421 ha thâm canh, năng suất lúa vụ mùa đã tăng hơn (cây đại trà), và có nơi đạt năng suất khá cao (như Hợp tác xã Lũng Pầu, Mường Khương đạt bình quân 3,5 tấn/ha, tăng hơn trước 8 tạ/ha).

Các vùng sản xuất chuyên canh cây công nghiệp, cây đặc sản cũng có những tiến bộ nhất định.

Diện tích đậu tương, so với 1974 tăng 16%, năng suất tăng 4,1%.

Mía công nghiệp, so với năm 1974 tăng 3,1%. Riêng vùng tập trung so với năm 1974, kể cả diện tích và sản lượng có giảm đi chút ít.

Diện tích và sản lượng sản tăng hơn năm trước.

Vùng rau xanh tập trung so với năm 1974 diện tích tăng 4,9 %, năng suất tăng 10,4 %, sản lượng tăng 16,3 %.

Hạt rau giống đã trồng 71 ha, so với năm 1974 tăng 5,9 %, nhưng do ảnh hưởng của thời tiết (mưa đá đầu năm) nên năng suất, sản lượng bị giảm sút (chỉ bằng 52,7% so với năm 1974).

Vùng dưa tập trung đã tăng cả diện tích và sản lượng và so với năm 1974 tăng 26,7%. Việc xử lý dưa trái vụ năm nay đạt kết quả tốt góp phần bố trí sử dụng lao động của nông trường (Phong Hải) và xí nghiệp hoa quả hợp được hợp lý hơn.

Các vùng chè, thảo quả... vẫn phát triển bình thường, riêng cây tam thất, bạch truật do tình hình sâu bệnh chưa có cách phòng trừ tốt nên sản xuất bị sút kém (sản lượng củ khô tam thất chỉ thu được 42 kg, đạt 21% kế hoạch và bạch truật 200 kg, đạt 14,8% kế hoạch).

Tóm lại, về trồng trọt, việc chỉ đạo đã có nhiều cố gắng tập trung phấn đấu giành mục tiêu tổng sản lượng lương thực quy thóc, do đó tuy so với kế hoạch chưa đạt, nhưng đã tăng hơn năm 1974 trên 1.700 tấn. Điều cố gắng là đã chú ý đẩy mạnh việc khai hoang trồng ngô tập trung, đưa ngô xuống ruộng (vụ đông) ở một số vùng. Đi đôi với việc đưa giống mới đã chú ý chỉ đạo thực hiện các biện pháp thâm canh, coi trọng khâu thời vụ, đầu tư kỹ thuật cho vùng cao để tăng năng suất cây trồng.

Song, so với kế hoạch thì phần lớn các chỉ tiêu gieo cấy đều không đạt. Nguyên nhân chủ yếu một phần là do việc lập và giao kế hoạch chưa sát, nhưng mặt khác cũng do việc lãnh đạo chưa toàn diện, biện pháp chỉ đạo có lúc thiếu nhạy bén, kịp thời như vụ đông - xuân do nắng ấm, mạ sinh trưởng quá nhanh, một số nơi bị hạn thiếu nước, khâu làm đất chậm, mạ già bỏ diện tích không cấy, đáng lẽ phải tích cực khắc phục bằng cách gieo thẳng; hoặc trồng thêm sắn để bù cho diện tích lúa bị lụt, nhưng do thiếu khẩn trương và không được đẩy mạnh nên kết quả bị hạn chế, về khách quan, tình hình thời tiết - khí hậu trong năm cũng có một số hiện

tượng đột biến nên cũng có phần ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch gieo trồng cả năm (như mưa đá, gió lốc trong vụ đông xuân và mưa tuyết, giá rét kéo dài từ cuối tháng 11- 1975 đến nay)...

- Về chăn nuôi: Việc chỉ đạo được quan tâm nên nhìn chung đàn gia súc vẫn được phát triển bình thường. So với kế hoạch, đàn trâu đạt 101,93 %, tăng hơn năm 1974 là 3,06 % (riêng đàn cái sinh sản tăng 4,47 %, đàn bò đạt 89,48 %, so với năm 1974 đàn bò có bị giảm ít nhiều (nguyên nhân giảm là do giải thể nông trường Trịnh Tường và một phần thất lạc bị chết); đàn ngựa đạt 95,84 %, tăng 2,8 % so với năm 1974; đàn lợn đạt 106,18 %, tăng hơn năm 1974 là 4,52 %, trong đó nái sinh sản đạt 119,76 % kế hoạch và tăng 0,72 % so với năm 1974.

Lợn tăng chủ yếu là ở các huyện vùng cao (Bắc Hà tăng hơn năm 1974 là 18,51 %, Si Ma Cai tăng hơn 12,05 %, Mường Khương tăng hơn 4,35 %, Sa Pa tăng 6,7%). Riêng khu vực vành đai thực phẩm hai thị xã, đàn lợn bị giảm sút do thiếu thức ăn tinh nên lợn xuất chuồng phần nhiều chưa đúng tuổi.

Nghề nuôi cá năm qua vẫn được duy trì và phát triển tốt. Trại cá giống của tỉnh đã đảm bảo cung cấp phần lớn cá giống cho nhu cầu của các cơ sở.

Dịch bệnh gia súc tuy lẻ tẻ còn xảy ra, nhưng đã kịp thời dập tắt không bị lây lan...

Mặt yếu và tồn tại của chăn nuôi trong tỉnh hiện nay là: chưa chủ động được thức ăn tinh cho lợn, hai thị xã chủ yếu vẫn dựa vào khả năng cám do Nhà nước cung cấp, phương thức điều hòa, phân phối cám cho các hộ nuôi gia công chưa được cải tiến; chế độ khuyến khích chăn nuôi một số nơi vận dụng chưa sát, còn tùy tiện; trâu bò chăn thả vẫn dựa vào đồi cỏ tự nhiên; các cơ sở chăn nuôi tập thể của hợp tác xã có chiều hướng giảm sút, trình độ quản lý của cán bộ xã viên chăn nuôi còn non yếu; việc phòng chống rét cho gia súc thời gian qua chưa được chú ý đúng mức nên đến nay đã có hàng trăm con trâu, bò bị chết rét. Đàn ong quốc doanh bị

mất hoa và do bệnh thối ấu trùng nên bị giảm sút tới 1/2 số lượng đàn so với năm 1974.

- Về nghề rừng: trong năm đã được chú ý lãnh đạo và chỉ đạo. Tổng số đã trồng được 837,5 ha rừng, đạt khoảng 70% kế hoạch, trong đó các lâm trường quốc doanh trồng được 323,7 ha, số còn lại giao khoán các hợp tác xã trồng. Công tác quản lý, bảo vệ rừng có tiến bộ hơn trước. Tệ đốt phá rừng đã được hạn chế. Phong trào trồng cây nhân dân, xây dựng rừng làng vẫn được duy trì và phát triển ở nhiều nơi, một số nơi đã thí điểm giao đất rừng cho xã quản lý. Đáng chú ý một số xã vùng cao huyện Si Ma Cai năm qua đã trồng mới được 46 ha cây sa mộc thành đồi cây tập trung...

Tuy nhiên, so với yêu cầu của kế hoạch thì kết quả đạt được về lâm nghiệp còn thấp, việc triển khai Quyết định 129 của Hội đồng Chính phủ về giao đất, giao rừng cho hợp tác xã quản lý, kinh doanh lâm còn chậm và còn nhiều lúng túng...

Tình hình các nông trường quốc doanh và các trạm, trại nông nghiệp.

Các nông trường quốc doanh trong tỉnh đã bước đầu đi vào hoàn chỉnh quy hoạch, đã được Trung ương duyệt và cấp vốn. Trong năm, các nông trường đã tập trung vào việc xây dựng cơ bản, củng cố, kiện toàn về tổ chức, bố trí, sắp xếp lực lượng lao động hợp lý hơn nên năng suất lao động đã được nâng lên; một số quy trình sản xuất đã được áp dụng (con lợn, cây dứa...); một số nông trường, trạm trại đã cố gắng phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch nhà nước, đã bước đầu có sản phẩm khá như: chè, cam, sả, dứa. Việc thực hiện chế độ hạch toán kinh doanh, trả lương theo sản phẩm bước đầu được tiến hành ở một vài nông trường và đã nộp lãi cho Nhà nước được ít nhiều.

Các trạm trại thực nghiệm nông nghiệp của tỉnh trong năm đã tiếp tục bám hướng, bám vùng nghiên cứu áp dụng các biện pháp thâm canh, tăng vụ cây trồng, nhất là ở vùng cao và đã có một số kết luận có giá trị thực tiễn bắt đầu được áp dụng rộng rãi có tác

dụng phục vụ sản xuất của địa phương (tăng vụ đậu tương xuân - hè trên nương, trồng khoai tây trên ruộng).

Mặt yếu của các nông trường quốc doanh là định hình còn chậm, năng suất lao động chưa cao, việc phấn đấu tự túc thức ăn tinh và thô xanh cho chăn nuôi chưa được coi trọng chỉ đạo....

Tình hình các hợp tác xã sản xuất nông - lâm nghiệp và công tác vận động định canh định cư:

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị 209 của Ban Bí thư, Nghị quyết 16 và Kế hoạch 03 của Tỉnh ủy, trong năm qua đã tập trung chỉ đạo kế hoạch vòng hai cuộc vận động, đến nay qua kiểm tra, đánh giá phong trào, nhìn chung về số lượng và chất lượng các hợp tác xã sản xuất nông - lâm nghiệp trong tỉnh đã được tăng cường hơn trước.

Hiện nay, toàn tỉnh có 308 hợp tác xã sản xuất nông - lâm nghiệp gồm 17.622 hộ chiếm 65 % tổng số hộ nông dân lao động trong tỉnh, trong đó vùng thấp chiếm 93,88 %, vùng cao chiếm 46 % số hộ nông dân trong vùng.

Số hợp tác xã khá chiếm 28,5 %, số trung bình chiếm 29,5 %, số yếu kém chiếm 42 %.

Trong tổng số 308 hợp tác xã có 25 hợp tác xã chuyên canh cây công nghiệp, cây đặc sản và 81 hợp tác xã có quản lý kinh doanh nghề rừng.

Qua tiến hành vòng hai cuộc vận động thực hiện Chỉ thị 209 của Ban Bí thư, một số nơi đã cố gắng khắc phục những thiếu sót, tồn tại về hiện tượng tham ô, lấn chiếm đất đai của hợp tác xã, vi phạm quyền làm chủ tập thể của xã viên và kiện toàn củng cố cơ quan quản lý hợp tác xã...

Đã có 60 hợp tác xã thanh, quyết toán, kiểm kê tài sản, 176 hợp tác xã tiến hành đại hội xã viên, đưa 490 người không đủ tiêu chuẩn ra khỏi cơ quan quản lý hợp tác xã và bổ sung 455 người có năng lực và uy tín tham gia ban lãnh đạo hợp tác xã, trong đó có 40 đồng chí trong cấp ủy đảng; 48 đảng viên, 128 tuổi trẻ và 30 cán bộ thoát ly tăng cường cho các hợp tác xã.

Công tác bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý cho cán bộ chủ chốt của hợp tác xã cũng được chú ý. Tỉnh đã mở được hai lớp bồi dưỡng cho 280 chủ nhiệm và kế toán trưởng hợp tác xã và sau đó, các huyện đều tiến hành mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cụ thể về công tác quản lý và tập huấn kỹ thuật một số cây trồng cho cán bộ hợp tác xã...

Tuy vậy, nhìn chung phong trào hợp tác xã hóa nông nghiệp trong tỉnh còn nhiều khó khăn, tồn tại. Các hợp tác xã ở vùng thấp sự hoạt động nhiều nơi đã đi dần vào nền nếp; nhưng ở vùng cao, trình độ quản lý của hợp tác xã còn non yếu, đơn giản, chất lượng kém, tỷ lệ hộ nông dân vào hợp tác xã còn thấp, quan hệ sản xuất mới chưa được xây dựng, củng cố; đấu tranh giữa hai con đường còn khá gay go, phức tạp. Nguyên nhân chính là do việc giáo dục chính trị - tư tưởng, công tác vận động quần chúng còn thiếu chú ý thường xuyên, thiếu biện pháp chỉ đạo cụ thể, chưa có đủ lực lượng cán bộ tăng cường giúp cơ sở tổ chức xây dựng và củng cố hợp tác xã; việc nắm tình hình, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn nội dung hoạt động cho Ủy ban nông - lâm nghiệp các huyện, thị và các hợp tác xã còn thiếu chặt chẽ, sâu sát, vì vậy những khó khăn của những hợp tác xã yếu kém, nhất là ở vùng cao chưa được khắc phục kịp thời...

Về công tác vận động định canh định cư, năm qua cũng vẫn được tiếp tục chỉ đạo, đã tổ chức hội nghị tổng kết 8 năm vận động định canh định cư kết hợp với hợp tác hóa nông nghiệp ở tỉnh để kiểm điểm, đánh giá phong trào và tìm ưu khuyết điểm của việc lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện cuộc vận động (đã có báo cáo cụ thể). Qua tổng kết nhìn chung đã thu được một số kết quả, đã khẳng định chủ trương đúng đắn của Đảng và Chính phủ, phù hợp với đặc điểm vùng cao của tỉnh, được nhân dân các dân tộc hưởng ứng và đã xây dựng được một số điển hình với những hình thức thích hợp như: vận động định canh định cư tại chỗ, đưa đồng bào còn du canh du cư chuyển đến nơi mới thành lập đơn vị sản xuất, vận động đồng bào còn du canh du cư vào làm công nhân nông trường.

Tuy nhiên việc chỉ đạo cuộc vận động định canh định cư cũng còn những khó khăn, tồn tại, tốc độ tiến hành còn quá chậm, việc xây dựng và nhân điển hình còn yếu, v.v..

2. Công nghiệp

a) Công nghiệp quốc doanh địa phương

Dựa vào khả năng của địa phương, những cơ sở được cung cấp nguyên vật liệu đều đặn đã duy trì được sản xuất bình thường, có mặt được phát triển: hoa quả hộp, sản phẩm tăng hơn trước 104 tấn; sứ ngoài mặt hàng dân dụng còn phát triển sản xuất sứ công nghiệp...

Một số cơ sở trong điều kiện thiếu nguyên vật liệu sản xuất, không ổn định, đã cố gắng suy nghĩ, tìm tòi công việc, sản xuất mặt hàng thay thế, để giải quyết công ăn việc làm, bảo đảm sản xuất liên tục và có mặt hàng phục vụ. Do đó, công nghiệp địa phương đã đóng góp được một phần của mình trong việc phục vụ các nhu cầu của địa phương, cho xuất khẩu...

Tuy nhiên, do hiện tượng mất cân đối chưa được giải quyết căn bản, nên tình hình sản xuất của công nghiệp địa phương vẫn thiếu ổn định. Một số ngành sản xuất sản phẩm chủ yếu, hoặc có giá trị lớn: khai thác chế biến lâm sản, sửa chữa ô tô, sản xuất tinh dầu pơmu, đậu phụ, nước chấm... do thiếu nguyên liệu, vật tư nên phải sản xuất cầm chừng hoặc ngừng sản xuất từng thời gian nên đặt kế hoạch thấp và giảm sút so với năm trước, chỉ có 6/23, chiếm khoảng 26% số cơ sở trong ngành công nghiệp quốc doanh địa phương hoàn thành kế hoạch cả năm, đã ảnh hưởng đến giá trị tổng sản lượng của công nghiệp quốc doanh địa phương.

b) Thủ công nghiệp

Nói chung sản xuất vẫn được duy trì, một số ngành như: chế biến đào riêng, sắn, gia công bánh bún, chưng cất tinh dầu sả, màng tang, sản xuất gạch ngói... có được đẩy mạnh. Việc phân công cho từng vùng sản xuất nông cụ nhằm đáp ứng về thị hiếu và

tập quán canh tác của từng địa phương trong tỉnh tiếp tục được thực hiện.

Song, ngoài nguyên nhân chủ yếu do thiếu nguyên, vật liệu làm cho tình hình sản xuất của nhiều cơ sở thiếu ổn định hoặc bị đình đốn thì công tác quản lý, tổ chức chỉ đạo sản xuất công nghiệp cũng còn có hiện tượng phân tán, thiếu cân đối nhịp nhàng; năng suất lao động, công suất thiết bị nói chung còn thấp, chất lượng sản phẩm còn kém, giá thành còn cao. Công nghiệp chưa được phục vụ đắc lực cho nông - lâm nghiệp cùng các ngành khác phát triển. Sản xuất, chế biến nông - lâm sản phẩm chưa được quan tâm đẩy mạnh. Sự hợp tác, hỗ trợ giữa công nghiệp và thủ công nghiệp cùng với các ngành khác chưa được chặt chẽ, ăn khớp, ngược lại có lúc có khâu còn cản trở, kìm hãm lẫn nhau gây cho sản xuất thêm phân tán, bị động. Nhiều cơ sở làm ăn còn dễ thua lỗ kéo dài. Hiệu quả kinh tế trong công nghiệp chưa tương xứng với số vốn được đầu tư.

Tổng giá trị sản lượng của công nghiệp địa phương trong năm 1975 ước thực hiện được 17.320.600 đồng, bằng 95,70% so với kế hoạch năm và chỉ bằng 99,1% so với năm 1974. Trong đó:

Công nghiệp quốc doanh ước đạt 12.563.500 đồng, bằng 92,6% kế hoạch, so với năm 1974 chỉ bằng 94 %.

Thủ công nghiệp ước đạt 4.657.000 đồng, vượt 5% so với kế hoạch năm, tăng 15,80 % so với năm 1974.

Trong đó nhóm A ước đạt 86,1 %; nhóm B ước đạt 100,9 % so với kế hoạch năm.

c) Công nghiệp Trung ương đóng tại địa phương

Nói chung kế hoạch được giao sớm và ổn định, việc cung cấp nguyên, nhiên, vật liệu tương đối đầy đủ và đều đặn, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở phấn đấu thực hiện kế hoạch. Một số cơ sở đã chú ý chấn chỉnh, đưa công tác quản lý đi dần vào nề nếp, kết hợp với việc vận động thi đua thúc đẩy phong trào nên tình hình quản lý, chỉ đạo sản xuất có nhiều chuyển biến tiến bộ, đã hoàn

thành vượt mức kế hoạch nhà nước cả năm, đồng thời đã có những cố gắng đóng góp vào việc xây dựng, phát triển kinh tế địa phương và xây dựng quy hoạch sản xuất cho thời gian tới.

Tổng giá trị số lượng của các xí nghiệp Trung ương trong năm 1975 ước đạt: Mỏ apatít đạt 108%, nhà máy điện đạt 110,95%.

Các đoàn địa chất 5,24 đều đạt và vượt các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch năm.

Về xây dựng cơ bản: Kế hoạch được giao tương đối sớm, thời tiết có nhiều thuận lợi, ngay từ đầu năm đã có chủ trương tập trung vào một số công trình trọng điểm, đẩy mạnh tốc độ thi công để hoàn thành dứt điểm, đồng thời xúc tiến các thủ tục ban đầu cho một số công trình kế tiếp.

Đến nay, một số công trình trong nông nghiệp: trại lợn chợ Châu, trong thủy lợi: mương làng Cù, làng Thác (thuộc huyện Bảo Thắng), trong giao thông: đường Lán Tây - Phố Lu và một số công trình dân dụng: trại đón tiếp thương binh, hệ thống nước ăn của huyện Si Ma Cai đang được hoàn chỉnh để đưa vào sử dụng. Tốc độ thi công ở một số công trình khác: cầu Quang Kim, đường Lào Cai - Bát Xát, Cam Đường - Phú Nhuận vào những tháng cuối năm có tiến bộ hơn.

Công tác đào tạo công nhân kỹ thuật đã có kết quả bước đầu, đang đi dần từng bước lên quy mô lớn hơn. Việc sản xuất vật liệu xây dựng: vôi, gạch, ngói có được phát triển.

Nhưng do còn mất cân đối nhiều mặt trong việc cung cấp nguyên vật liệu: sắt, thép, gỗ... trong việc quản lý, chỉ đạo thực hiện... đã ảnh hưởng nhiều đến tốc độ thi công và các mặt khác.

Việc phân bổ vốn, tổ chức chỉ đạo thi công quá phân tán, công tác thi công phần lớn còn dựa vào thủ công nên năng suất lao động nói chung còn thấp. Tỷ lệ giữa lao động phổ thông, giản đơn với lao động có kỹ thuật chưa cân xứng, hợp lý; lao động nghĩa vụ huy động cho các công trường thường không đạt kế hoạch, năng suất lao động lại thấp đã ảnh hưởng đến tốc độ thi công của các công trình.

Các thủ tục ban đầu, công tác nghiệm thu, quyết toán công trình nói chung đều rất chậm, hầu hết các công trình đều vượt dự toán được duyệt gây nên nhiều lãng phí. Sản xuất nguyên vật liệu tuy có phát triển nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu ngày càng tăng. Công nhân kỹ thuật còn thiếu nhiều, trình độ tay nghề còn thấp, lao động phổ thông sử dụng quá rộng rãi, phần nào đã ảnh hưởng đến tốc độ và chất lượng của các công trình.

Các cấp, các ngành chưa thật quan tâm lãnh đạo công tác xây dựng cơ bản. Tổng mức đầu tư vốn xây dựng cơ bản cả năm ước thực hiện được 8.123.700 đồng, đạt 82,05% so kế hoạch, tăng 10,30 % so với năm 1974.

- Về vận tải - bưu điện: Đường giao thông đi vào các khu vực, các vùng kinh tế trong tỉnh đã và đang tiếp tục được mở mang, xây dựng, ngày càng đảm bảo cho việc vận chuyển và đi lại thuận tiện.

Các trục đường chính trong tỉnh vẫn thường xuyên được bảo dưỡng, tu sửa, nâng cấp bảo đảm giao thông thông suốt.

Song, do khối lượng hàng hóa cần vận chuyển ít hơn so với năm trước; hơn nữa việc tổ chức quản lý, chỉ đạo công tác vận tải còn nhiều sơ hở, lỏng lẻo, chưa hợp lý dẫn đến năng suất của phương tiện thường thấp, hiện tượng xe chạy một chiều, chạy ngoài nhiệm vụ kế hoạch còn khá phổ biến. Công tác định mức (nhiên liệu) còn mang tính chất hình thức. Ngoài ra, do việc cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế tùy thuộc vào Trung ương; hơn nữa, số phương tiện hiện có lại thuộc nhiều kiểu, nhiều loại, càng gây thêm khó khăn, phức tạp cho việc mua sắm vật tư thiết bị, phụ tùng thay thế, sửa chữa. Bởi vậy, tỷ lệ đầu xe tốt thường thấp đã ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch. Phương tiện vận tải thô sơ chưa được tổ chức, chỉ đạo chặt chẽ nên chưa hỗ trợ đắc lực cho phương tiện cơ giới trên các tuyến đường ngắn.

Công tác vận tải hành khách có tăng xe, tăng chuyến, tăng tuyến đường, nhưng do công tác tổ chức, quản lý còn thiếu chặt chẽ nên hiện tượng chờ vé, chờ xe vẫn còn xảy ra, gây phiền phức, khó

khăn, trở ngại cho việc đi lại của nhân dân. Giá cả trong vận tải thô sơ chưa được quản lý, chỉ đạo chặt chẽ, thống nhất nên nói chung còn cao, luật lệ giao thông chưa được đôn đốc, nhắc nhở và chấp hành nghiêm chỉnh. Phong trào làm giao thông nông thôn còn yếu, nhất là vùng cao.

Tổng khối lượng hàng hóa vận chuyển ước đạt 60,53 % về tấn, luân chuyển ước đạt 80,79 % về tấn/km. So với năm 1974 chỉ bằng 50,80 % về tấn và 79,40 % về tấn/km.

Tổng khối lượng hành khách ước đạt 82,27 % lượt người và 94,33 % lượt người /km so với kế hoạch năm.

Công tác thông tin, liên lạc có chú ý cải tiến quản lý nâng cao chất lượng nhằm phục vụ tốt cho việc lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất, thực hiện kế hoạch và các nhiệm vụ khác. Tuy nhiên, chất lượng phục vụ còn nhiều mặt yếu. Hiện tượng sai sót, thất lạc, nhầm lẫn trong việc tiếp phát, giao nhận, liên lạc vẫn còn xảy ra. Liên lạc thường bị chậm, đôi lúc còn bị gián đoạn. Tổng doanh thu ước đạt 107,30 %.

3. Về lưu thông, phân phối, quản lý kinh tế - tài chính

Đã có những cố gắng trong việc bám vùng, đầu tư vốn, cung cấp công cụ, phục vụ các ngành, các cơ sở phát triển sản xuất, tăng cường quản lý kinh tế, tài chính, phục vụ đời sống nhân dân, ổn định giá cả, thị trường.

Công tác lương thực: Đã cố gắng tính toán, cân đối, điều phối và cấp phát trong những lúc ta gặp khó khăn về lương thực để giữ vững sản xuất, duy trì sinh hoạt bình thường của cán bộ, nhân dân trong tỉnh. Đã vận động và tiếp nhận được 286 tấn lương thực và 50 con trâu cày của toàn tỉnh tiết kiệm để ủng hộ đồng bào miền Nam, các vùng sau khi mới được giải phóng.

Công tác thu mua, bảo quản, cấp phát lương thực tuy có được chấn chỉnh nhưng vẫn còn nhiều thiếu sót. Do công tác tuyên truyền vận động, giáo dục thiếu sôi nổi thường xuyên, công tác đôn

đốc, kiểm tra thiếu sâu sắc, kịp thời nên công tác ba thu chỉ đạt 81% so với kế hoạch và chỉ bằng 87,9 % so với năm trước. Công tác ba thu vụ mùa năm 1975 đã thực hiện được 50 %, có triển vọng hoàn thành kế hoạch của Bộ giao. So với cùng kỳ năm trước, tốc độ nhập kho đạt 152 %. Việc cấp phát lương thực và thu nhận sản phẩm của các cơ sở thủ công nghiệp chưa được kiểm tra quản lý chặt chẽ. Công tác nhập, xuất, bảo quản lương thực còn nhiều sơ hở. Hiện tượng cấp phát sai chính sách, sai đối tượng vẫn còn xảy ra. Tỷ lệ hao hụt, mất mát lương thực vẫn khá cao và phổ biến... Lương thực trên thị trường tự do chưa được quản lý chặt chẽ đã hạn chế kết quả mua lương thực theo giá cao của Nhà nước. Kết quả ba thu trong năm đạt 2.502 tấn, bằng 31% kế hoạch.

Công tác thu mua, nắm nguồn hàng:

Nông sản thực phẩm, các hình thức tuyên truyền, vận động, tổ chức thu mua xung quanh các thị xã, thị trấn đã có những chuyển biến tiến bộ và thu được một số kết quả.

Song, do sản xuất gặp khó khăn, công tác tổ chức, chỉ đạo sản xuất một số mặt hàng còn thiếu khẩn trương, tích cực. Sự phối kết hợp giữa công tác thu mua, nắm nguồn hàng với công tác quản lý thị trường, thực hiện chính sách giá cả thiếu chặt chẽ, ăn khớp; công tác thu nhận, vận chuyển hàng hóa thiếu khẩn trương, khoa học, hợp lý đã hạn chế kết quả thu mua. Các mặt hàng chủ yếu nói chung đều đạt thấp so với kế hoạch. Hạt rau giống ước đạt 30,4%, đỗ tương ước đạt 22 %, rau xanh ước 65 %... Riêng mặt hàng lợn hơi đã mua được 1.131 tấn, tăng hơn năm trước được 37 tấn, đạt 109,8% với kế hoạch của Bộ giao, trong đó thu mua theo nghĩa vụ ước chỉ đạt 66,6% so với kế hoạch cả năm. Hiện tượng tự sản, tự tiêu hoặc giao nộp sản phẩm không đúng quy cách, phẩm chất cho Nhà nước vẫn còn xảy ra.

Tổng giá trị thu mua nông sản, thực phẩm ước đạt 91,5% kế hoạch, tăng 1,3% so với năm 1974.

Thu mua hàng công nghệ phẩm ước đạt 86,3% so với kế hoạch, tăng 4,5% so với năm 1974.

Nhập hàng cấp I: Gần đây một số mặt hàng được giao cho tăng hơn; song hàng lên còn chậm, việc giao nhận, vận chuyển chưa được hợp lý, còn dồn dập vào những tháng cuối năm, một số mặt hàng chưa đáp ứng được nhu cầu thị hiếu của nhân dân địa phương. Tổng giá trị nhập hàng của cấp I ước đạt 113,40 %, tăng 10,4 % so với năm 1974.

Mua hàng xuất khẩu: Đã có những cố gắng đi sát giúp đỡ cơ sở tổ chức sản xuất, hướng dẫn quy cách, phẩm chất mặt hàng. Song vì một số cơ sở sản xuất thiếu nguyên liệu, sự phối hợp giữa hai ngành nội thương và ngoại thương chưa chặt chẽ nên một số mặt hàng có giá trị cao (thảo quả) mua được ít đã ảnh hưởng đến việc thu mua hàng xuất khẩu. Tổng giá trị mua hàng xuất khẩu ước đạt 1.460.000 đồng, bằng 73% so với kế hoạch, bằng 94,50 % so với năm 1974.

Công tác phân phối, bán ra: Đã có một số cải tiến trong khâu phân phối phục vụ. Một số mặt hàng thiết yếu đã được phân phối qua căng tin của các cơ sở, bảo đảm thuận tiện cho người tiêu dùng, hạn chế được nạn hàng hóa, vật tư của Nhà nước chạy ra thị trường tự do. Những mặt hàng bán theo tiêu chuẩn, định lượng đã được thanh toán theo tháng, quý, không để nợ đọng. Ngoài ra đã bán thêm được một số mặt hàng về thực phẩm có tác dụng thiết thực cho hai bữa ăn hằng ngày của cán bộ nhân dân xung quanh thị xã. Giờ giấc bán hàng đã được sắp xếp, sửa đổi cho phù hợp với giờ làm việc mới. Đã phân phối than qua lửa thay củi, bước đầu giảm được một số khó khăn về chất đốt cho một số bếp ăn tập thể và hộ gia đình quanh thị xã.

Tuy nhiên, so với nhu cầu tình hình mới, công tác lưu thông, phân phối, phục vụ chưa đáp ứng kịp thời với sự phát triển chung của xã hội. Do công tác thu mua nắm nguồn hàng đạt kết quả thấp, việc nhận và đưa hàng của Trung ương cấp từ xuôi lên thiếu khẩn trương, tích cực nên một số mặt hàng thiết yếu: rau xanh, nước chấm, đậu phụ, các loại thuốc chữa bệnh... không đủ

bán, do đó đời sống của cán bộ, nhân dân còn gặp khó khăn (không đáng có).

Phương thức phân phối tuy có cố gắng cải thiện, nhưng nói chung còn nhiều khâu chưa khoa học, hợp lý, thuận tiện, đã gây lãng phí lao động xã hội, gây phiền phức cho người tiêu dùng. Tinh thần, thái độ phục vụ, ý thức chấp hành giờ giấc, nội quy của một số mậu dịch viên ở một số cửa hàng còn tùy tiện, quầy hàng lưu động còn ít. Tổ chức phục vụ ăn uống công cộng ít được quan tâm phát triển, cải tiến. Mặt hàng còn nghèo nàn, sơ sài, ít ỏi, chưa đáp ứng nhu cầu của xã hội. Chất lượng mặt hàng còn thấp, vệ sinh thực phẩm còn kém... chưa phù hợp với nếp sống văn minh xã hội. Kho tàng, cửa hàng thiếu lại chật hẹp đã gây khó khăn cho việc bố trí, bảo quản hàng hóa. Than qua lửa giá còn đắt, quầy hàng phân phối còn ít, chưa được chế biến trước khi bán ra cho nên chưa được người tiêu dùng hâm mộ.

Do chưa được quan tâm chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, giúp đỡ cho nên sự hoạt động của các hợp tác xã mua bán nói chung rất yếu. Hiện tượng thiếu hụt vốn, mất hàng hóa do nhầm lẫn hoặc tham ô, lợi dụng xảy ra khá phổ biến, đến nay có trên 30 cơ sở hết vốn kinh doanh, trên 20 cơ sở hoạt động cầm chừng. Do đó chưa phát huy tác dụng hỗ trợ đắc lực cho thương nghiệp quốc doanh trong việc thu mua, phân phối. Tổng trị giá phân phối bán ra ước đạt 93,50% so với kế hoạch, tăng 0,10% so với năm 1974.

Công tác quản lý kinh tế: Quán triệt và thực hiện Nghị quyết 22, 23 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị, công tác quản lý kinh tế bước đầu đã được chú ý và đã có những chuyển biến tiến bộ trong việc xây dựng và thực hiện các định mức chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật trong việc bảo quản, giữ gìn vật tư hàng hóa, thanh toán thu hồi công nợ, thanh lý các vật tư, tài sản, hàng hóa ứ đọng... công tác quản lý đang đi dần vào nền nếp đúng nguyên tắc, chế độ quy định. Một số vụ vi phạm về nguyên tắc quản lý kinh tế đã được xử lý.

Song việc thực hiện Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị nói chung còn chậm và thiếu dứt điểm từng vụ, từng việc. Ở một số cơ sở lãnh đạo có vướng mắc, dính líu sai phạm về kinh tế, Nghị quyết 228 được thực hiện qua loa, chiếu lệ, ít có tác dụng. Do chưa duy trì và đẩy mạnh phong trào nên công tác quản lý kinh tế vẫn còn nhiều sơ hở, lỏng lẻo. Tình hình kế toán, tài vụ của một số cơ sở kinh doanh sản xuất còn dây dưa, kéo dài, thiếu dứt điểm. Công tác bảo vệ kho tàng bến bãi còn sơ sài lỏng lẻo nên hàng hóa, vật tư, lương thực của Nhà nước bị hư hỏng, mất mát còn lớn.

Công tác tài chính - tiền tệ: Mặc dù tình hình sản xuất, kinh doanh của số đông cơ sở không đạt kế hoạch nhưng nhờ có quyết tâm bám sát nhiệm vụ, đi sát cơ sở, tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc, quản lý chặt chẽ các nguồn thu, hướng dẫn nghiệp vụ quản lý cho cơ sở, giám sát chặt chẽ tình hình sử dụng vốn; điều tra, nghiên cứu các nguồn thu tiềm tàng để thực hiện; tăng thu, tận thu, giảm chi; hướng dẫn giúp cơ sở sử dụng đúng và cố gắng phát huy hiệu quả của đồng vốn.

Song do việc phân phối, tổ chức chỉ đạo thực hiện giữa các cấp, các ngành có trách nhiệm chưa được chặt chẽ nên hiện tượng thất thu thuế bán khoán lâm thổ sản, thuế sát sinh, thuế buôn chuyển... còn nhiều. Do tồn quỹ của nhiều cơ sở để quá định mức, công tác vận động gửi tiền tiết kiệm làm yếu, nhất là đối với những nơi xa, ngân hàng thường không tổ chức bàn gửi tiền tiết kiệm, hơn nữa trong năm do có nhiều biến động về tiền mặt: Một số cán bộ đi công tác, đi phép vào miền Nam, đã mang theo một số lượng tiền mặt: Khoảng 500.000 đồng. Ngoài ra, thông qua việc mang hàng hóa, nông sản, thực phẩm lên bán, đồng bào miền xuôi mang đi một số lượng tiền mặt đáng kể đã ảnh hưởng nhiều đến tình hình thu tiền mặt và số dư tiết kiệm.

Kết quả tổng thu tài chính đạt 101,10%, tổng thu tiền mặt đạt 91%, thu tiết kiệm chi bằng 68% so với năm 1974.

Tổng chi tài chính bằng 94,30%. Tổng chi tiền mặt bằng 98% so với kế hoạch năm.

Công tác quản lý thị trường, giá cả: Đã tổ chức cho nhân dân ở các thị trấn, thị xã học tập chính sách quản lý thị trường, xây dựng ngành nghề, xét cấp đăng ký mới kinh doanh công thương nghiệp, đưa những người không được đăng ký kinh doanh trở về sản xuất, nhờ đó thị trường đang từng bước được ổn định.

Nhờ sản xuất phát triển, thị trường được tổ chức quản lý, nên giá cả những mặt hàng thiết yếu trên thị trường tự do không có gì đột biến lớn, một số mặt hàng càng về gần cuối năm càng có chiều hướng giảm xuống (gạo, thịt lợn...).

Tuy nhiên, do thiếu sự phối kết hợp giữa các cấp, các ngành có trách nhiệm nên việc tổ chức chỉ đạo thực hiện còn thiếu chặt chẽ và khản trương làm cho công tác quản lý thị trường còn nhiều mặt yếu.

Về giá cả: Các chính sách về giá cả của Trung ương nói chung đều đầy đủ các cơ sở chấp hành nghiêm chỉnh. Một số mặt hàng của địa phương đã được điều chỉnh lại giá cho cân đối và phù hợp với tình hình chung đã có tác dụng động viên, khuyến khích sản xuất phát triển. Nhưng, nhìn chung công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách giá cả của Nhà nước chưa được sâu rộng trong nhân dân, quần chúng.

4. Công tác văn xã

- Công tác văn hóa - thông tin, đã phục vụ kịp thời các ngày tết và ngày lễ lớn của dân tộc. Các hình thức tuyên truyền cổ động có cải tiến sinh động và phù hợp hơn với tình hình đặc điểm địa phương. Các hoạt động văn hóa chuyên nghiệp (văn công văn nghệ, chiếu bóng, xuất bản, báo chí) đã cố gắng nâng cao chất lượng công tác và phục vụ. Đoàn văn công của tỉnh đã chọn lọc được những tiết mục xuất sắc của địa phương vào phục vụ tỉnh Thủ Dầu Một kết nghĩa, Hội diễn văn nghệ quần chúng tổ chức vào cuối năm đã được kết quả tốt.

Tuy vậy, trong công tác văn hóa, yếu nhất vẫn là việc tuyên truyền xây dựng nếp sống văn minh. Việc cải tạo phong tục tập quán lạc hậu làm chậm, chưa có chuyển biến đáng kể. Công tác tuyên truyền, cổ động ở vùng cao vẫn chưa được đẩy mạnh, hình thức còn thiếu sinh động.

- Công tác y tế, bảo vệ bà mẹ và trẻ em: So với năm 1974, mặt công tác này có nhiều tiến bộ. Qua việc tổng kết phong trào học tập và làm theo các điển hình tiên tiến và thông qua các đợt sinh hoạt chính trị ngành y tế và bảo vệ bà mẹ trẻ em đã có nhiều cố gắng khắc phục các mặt thiếu sót tồn tại của mình. Việc học tập tiên tiến, việc nghiên cứu các chuyên đề cũng như qua việc tham quan, kiểm tra lẫn nhau giữa ba ngành y tế của ba tỉnh Yên Bái, Nghĩa Lộ, Lào Cai đã có tác dụng tốt, thúc đẩy, động viên lẫn nhau đi sâu vào chuyên môn, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch nhà nước. Công tác phòng dịch, phòng bệnh vẫn được chú ý do đó đã ngăn chặn kịp thời không để xảy ra vụ dịch bệnh nào đáng kể. Một số mặt quản lý (dược, bệnh viện) ở một số cơ sở đã có nền nếp hơn trước. Việc kết hợp đông tây y trong khám chữa bệnh nói chung và khám chữa bệnh cho bà mẹ và trẻ em cũng đã được chú ý. Việc khám chữa bệnh và hướng dẫn phòng bệnh cho phụ nữ và trẻ em ở các cơ sở sản xuất đông người có được cải tiến và tăng cường.

Tuy vậy, ý thức trách nhiệm, sự hợp đồng chặt chẽ giữa các khâu trong công tác khám - chữa bệnh - phát thuốc cho người bệnh vẫn là vấn đề yếu kém mà ngành y tế phải quan tâm khắc phục. Việc xây dựng các nhà trẻ ở khu vực nông thôn chưa được quan tâm đúng mức. Số lượng nhà trẻ còn ít, cô nuôi dạy trẻ vẫn chưa được huấn luyện và tuyển lựa theo tiêu chuẩn, cơ sở vật chất nghèo nàn nên đã gây ra nhiều khó khăn ảnh hưởng không tốt đến công tác của người mẹ cũng như việc chăm sóc, nuôi dạy các cháu.

- Công tác thể dục thể thao, ở những nơi vốn có phong trào tốt từ trước nay vẫn được duy trì, các đội tuyển vẫn được tập luyện, do đó đã tổ chức được các đợt thi đấu hoặc biểu diễn, đồng diễn trong

các ngày lễ, ngày tết có kết quả, tạo ra được không khí phấn khởi, vui tươi ở các khu vực đông người (thị xã, thị trấn, khu mỏ). Năm 1975 đã tổ chức Hội khỏe toàn tỉnh và đã thu được một số kết quả. Tuy vậy, phong trào vẫn chưa có chiều rộng lẫn chiều sâu. Ở nông thôn, nhất là vùng cao gần như không có phong trào thể dục thể thao. Việc tập thể dục buổi sáng ở cơ quan, xí nghiệp cũng rất yếu và chưa thành thói quen hằng ngày.

- Công tác giáo dục: Năm học 1974 - 1975 kết quả khá hơn năm trước. Tỷ lệ học sinh thi hết cấp I, II và tốt nghiệp phổ thông đạt kết quả cao hơn năm trước, số học sinh giỏi và khá cũng có tăng lên. Việc tổ chức thi cho học sinh cuối năm học (1974-1975) cũng như việc tuyển sinh vào đầu năm học (1975-1976) đảm bảo đúng quy chế. Số lượng học sinh các cấp đều có tăng lên, ở một số nơi như Xuân Giao, Nam Cường (Bảo Thắng), Bản Phiệt, Thanh Bình (Muồng Khương) và một số xã ở huyện Si Ma Cai nội dung giáo dục toàn diện cũng như việc xây dựng cơ sở vật chất cho nhà trường đã được chú ý hơn. Phong trào thi đua "Hai tốt" xây dựng các điển hình tiên tiến vẫn được giữ vững. Một số điển hình tốt vẫn phát huy được tác dụng đối với phong trào trong tỉnh (mẫu giáo: Xuân Giao và Sa Pa, cấp I Sinh Quyền, cấp II Bản Phiệt, Trường Thanh niên lao động xã hội chủ nghĩa Si Ma Cai...). Tuy vậy, phong trào giáo dục vẫn chưa khắc phục được các khuyết điểm, nhược điểm cơ bản: chỉ tiêu tuyển sinh vào các trường không đạt, tỷ lệ học sinh người dân tộc ít người giảm xuống (so với năm học trước: cấp III từ 4% nay còn 3,7%, cấp II từ 10 % nay còn 9,1 %). Số học sinh vùng cao tăng không đáng kể và quá ít so với tỷ lệ chung. Phong trào giáo dục vùng cao có nhiều khó khăn, nói chung vẫn chưa có gì đáng kể. Số người mù chữ còn khoảng 4 vạn; chất lượng giáo dục thấp. Ở vùng cao số lượng học sinh đã ít, chất lượng giảng dạy lại thấp. Tỷ lệ học sinh kém ở các cấp học nói chung là quá nhiều. Việc giáo dục lao động và tổ chức lao động trong trường học còn nhiều lúng túng. Công tác xây dựng cơ sở vật chất trong trường

học làm chưa được bao nhiêu, đáng chú ý là hiện tượng thiếu trường lớp, bàn ghế đã ảnh hưởng nhiều đến việc bảo vệ sức khỏe, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, nhất là ở học sinh cấp I, ở khu vực đông người. Công tác phát triển Đảng trong giáo dục làm còn chậm. Đối với ngành giáo dục, các vấn đề: đẩy mạnh, thanh toán nạn mù chữ, bổ túc văn hóa (nhất là cho các đối tượng chủ chốt ở xã), xây dựng cơ sở vật chất, tăng cường công tác chính trị tư tưởng, tổ chức xây dựng Đảng và đẩy mạnh việc đào tạo cán bộ địa phương là những vấn đề yếu, cần tập trung đẩy mạnh trong năm tới.

II. CÔNG TÁC TRỊ AN - QUỐC PHÒNG

Tình hình trật tự trị an biên giới - nội địa vẫn được giữ vững. Trong điều kiện hoàn cảnh hòa bình được lập lại, công tác trị an có nhiều thuận lợi, hoạt động phá hoại của địch giảm đi rõ rệt. Bọn phạm nhân (tội phạm chính trị) trong các trại cải tạo có chịu cải tạo hơn trước.

Triển khai thực hiện Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị đã hạn chế được một số hiện tượng tiêu cực trong sản xuất và đời sống, góp phần tăng cường quản lý kinh tế, quản lý xã hội.

Việc tổng kết phong trào bảo vệ trị an từ cơ sở lên tới tỉnh đã có tác dụng tích cực nâng cao trách nhiệm chung, động viên được phong trào quần chúng tham gia giữ gìn trật tự trị an, bảo vệ cơ quan, xí nghiệp, bảo vệ sản xuất. Công tác điều tra xét xử cũng đã cố gắng đi sâu và giải quyết kịp thời một số vụ phục vụ cho nhiệm vụ chính trị ở địa phương, góp phần tăng cường vai trò của Nhà nước chuyên chính vô sản, đề cao pháp luật của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng.

Công tác quân sự địa phương đã thu được các thành tích tốt, việc động viên tuyển quân phục vụ yêu cầu của chiến trường theo kế hoạch Trung ương giao đã vượt số lượng và đảm bảo chất lượng tốt hơn mọi năm. Việc đảm bảo chính sách công bằng hợp lý đã có tiến

bộ rõ rệt, số thanh niên con em các dân tộc ít người tham gia tòng quân đông hơn mọi năm. Chính sách hậu phương quân đội cũng có tiến bộ, việc đón tiếp bộ đội, thương binh về địa phương sản xuất, công tác đạt kết quả khá. Sau khi hòa bình được lập lại, lực lượng quân sự địa phương đã tham gia tích cực vào một số mặt công tác xây dựng kinh tế ở địa phương, một số đơn vị mới đã được thành lập để tham gia vào việc làm đường giao thông phục vụ việc phát triển kinh tế - văn hóa và củng cố quốc phòng ở vùng biên giới.

Tuy vậy, công tác trị an - quốc phòng cũng còn nhiều mặt yếu, đáng chú ý việc xung vua ở vùng người Dao lan rộng (khoảng 20 xã trong đó có 4 xã biên giới), để kéo dài một thời gian, ảnh hưởng đến sản xuất, đoàn kết dân tộc, trật tự an ninh xã hội.

Các hiện tượng càn quấy, trộm cắp, đánh cãi nhau... làm mất trật tự ở những nơi công cộng, đông người, có vụ, có việc khá nghiêm trọng vẫn xảy ra.

Tệ tục ma chay, cưới xin linh đình tốn kém, nạn cờ bạc, rượu chè, nghiện hút, đồng bóng, bói toán, mê tín dị đoan... ở một số nơi đang có chiều hướng được hồi phục. Hiện tượng người bên Bạn vượt biên giới sang ta cư trú bất hợp pháp, lén lút buôn bán trái phép hai bên biên giới vẫn tiếp diễn.

Việc giải quyết, xét xử một số vụ án vẫn còn dây dưa, kéo dài. Triển khai thực hiện Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị nhìn chung còn chậm, thiếu dứt điểm, nên có trường hợp, có việc làm ảnh hưởng đến lòng tin của quần chúng.

III. CÔNG TÁC CHÍNH QUYỀN VÀ CÁC ĐOÀN THỂ QUẦN CHÚNG

1. Công tác chính quyền

Đã lãnh đạo tốt các cuộc bầu cử hội đồng nhân dân và bầu cử Quốc hội, đảm bảo đúng pháp luật quy định. Thông qua việc bầu cử đã làm cho quần chúng nhân dân các dân tộc hiểu rõ hơn về

quyền làm chủ tập thể của tỉnh. Vai trò của Nhà nước chuyên chính vô sản được phát huy, chính quyền các cấp đã được củng cố và tăng cường thêm một bước. Tỷ lệ đại biểu trẻ, người dân tộc thiểu số và số cán bộ khoa học - kỹ thuật được bầu tăng lên so với nhiệm kỳ trước (trong số 327 đại biểu hội đồng nhân dân cấp huyện được bầu khóa mới có 108 nữ, 125 ở lứa tuổi trẻ, 190 người thuộc các dân tộc ít người, 23 người có trình độ đại học).

Khi có chủ trương về việc hợp nhất tỉnh, hội đồng nhân dân đã họp, thảo luận và có nghị quyết đúng đắn thể hiện lòng tin của quần chúng nhân dân các dân tộc trong tỉnh đối với sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương Đảng.

Tuy vậy, chính quyền xã vẫn còn nhiều mặt non yếu, một số nơi nhất là vùng cao, tuy đã qua việc thực hiện Chỉ thị 192 nhưng công tác đào tạo, bồi dưỡng vẫn chưa đáp ứng, nhiều nơi vẫn chưa tự đảm nhiệm được nhiệm vụ, chưa làm đúng chức năng của Nhà nước chuyên chính vô sản ở địa phương. Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành trong việc thực hiện kế hoạch nhà nước chưa chặt chẽ, đồng bộ.

2. Công tác vận động quần chúng

- Đối với tổ chức Mặt trận, phong trào phụ lão "3 giới" vẫn được duy trì và có nhiều tiến bộ. Mặt trận đã tập trung vào việc thực hiện chính sách định canh định cư, trồng cây và bảo vệ rừng. Đã có 40 xã có "rừng làng", với diện tích trên 3.000 ha được khoanh vùng, có nội quy bảo vệ. Công tác Mặt trận cũng đã có nhiều cố gắng trong việc củng cố tổ chức, bồi dưỡng cán bộ, cải tạo phong tục tập quán cũ, lạc hậu.

Phong trào thanh niên tình nguyện vượt mức kế hoạch nhà nước vẫn được giữ vững; ở một số nơi đã đi sâu vào việc cải tiến kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, lao động có kỷ luật và có kỹ thuật, tăng năng suất lao động. Việc thực hiện nếp sống văn minh cũng có thu được một số tiến bộ, nhất là ở các trường học và cơ quan, xí nghiệp. Việc giáo dục, chăm sóc thiếu niên nhi đồng vẫn được duy

trì, đại hội cháu ngoan Bác Hồ được tổ chức từ cơ sở lên tới cấp huyện, thị, đã có tác dụng tốt thúc đẩy phong trào chăm sóc, giáo dục thiếu niên, nhi đồng trong toàn tỉnh.

Phong trào phụ nữ cũng có những cố gắng trong việc vận động chị em tham gia lao động sản xuất, chăn nuôi, học tập và công tác, xây dựng gia đình kiểu mẫu, thực hiện chính sách hậu phương quân đội.

Công tác công đoàn, đã tổ chức học tập và triển khai thực hiện Chỉ thị 215 của Ban Bí thư kết hợp với việc quán triệt và chấp hành Nghị quyết 23 và 24 của Trung ương Đảng, Liên hiệp Công đoàn tỉnh đã có chủ trương, kế hoạch hướng dẫn các cơ sở phối hợp cùng chính quyền vận động thi đua đẩy mạnh sản xuất và công tác, phấn đấu hoàn thành thắng lợi kế hoạch nhà nước và chăm lo đời sống cán bộ, công nhân viên, đã đạt được một số thành tích nhất định. Nhiều đơn vị đã tiến hành mở hội nghị công nhân viên chức, ký hợp đồng tập thể, thực hiện đạt một số kết quả.

Tuy vậy, trong công tác vận động quần chúng, sự hoạt động của các tổ chức chưa đều, tổ chức Mặt trận và phong trào Phụ nữ hoạt động khá hơn, nhưng nhìn chung vẫn yếu kém, nhất là tổ chức cơ sở, ở vùng cao còn quá yếu, rời rạc, kéo dài nhưng chưa có biện pháp tổ chức củng cố. Trong cơ quan nhà nước thì sự hoạt động của các tổ chức quần chúng trong các cơ quan yếu hơn trong khối các xí nghiệp. Việc đi sâu giúp đỡ cơ sở của tổ chức quần chúng cấp tỉnh, huyện chưa tích cực, do đó phong trào chưa có sự tiến bộ đáng kể, ở vùng cao, nông thôn xa xôi hẻo lánh những nơi không được quan tâm củng cố, tác dụng của các đoàn thể quần chúng đối với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương còn ít.

IV. CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG

1. Công tác tư tưởng chính trị

Trước thắng lợi vĩ đại, lịch sử của dân tộc, miền Nam hoàn toàn được giải phóng, Tổ quốc vĩnh viễn được thống nhất, Đảng bộ

đã tiến hành nhiều đợt sinh hoạt chính trị trong toàn tỉnh nhằm giáo dục, động viên tinh thần phấn khởi, tự hào đồng thời củng cố thêm niềm tin tưởng vào sự lãnh đạo vô cùng sáng suốt của Trung ương Đảng và Chính phủ cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân các dân tộc, tập trung chủ yếu vào việc quán triệt và thi hành các Nghị quyết 23, 24 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng cùng với việc thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư, Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị và các chỉ thị, nghị quyết khác của Trung ương và của tỉnh, nhằm nâng cao thêm một bước cho cán bộ, đảng viên về nhận thức đấu tranh giữa hai con đường, về củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, khôi phục và phát triển kinh tế - văn hóa trong tình hình mới. Thông qua những ngày kỷ niệm lớn, tỉnh đã có chủ trương phát động và đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, kết hợp với việc chấn chỉnh và tăng cường công tác quản lý, bước đầu đã có tác dụng hăng hái lao động sản xuất, công tác và học tập, phấn đấu hoàn thành thắng lợi kế hoạch nhà nước. Nhờ đó ý thức đối với Đảng, vai trò tiên phong, gương mẫu, tinh thần trách nhiệm của số đông đảng viên ở cơ sở được nâng lên một bước.

Công tác bồi dưỡng, giáo dục lý luận cơ bản cho đảng viên ở cơ sở đã được các huyện, thị, đảng ủy tiến hành có kết quả.

Trường Đảng tỉnh lần đầu tiên tổ chức thi tốt nghiệp cho lớp lý luận sơ cấp hệ công nghiệp theo quy định mới của Trung ương đã thu được kết quả tốt, có tác dụng làm bài học kinh nghiệm cho việc tổ chức, giảng dạy, học tập và thi tốt nghiệp cho các lớp sắp tới.

Tuy nhiên, công tác chính trị tư tưởng vẫn còn nhiều mặt yếu. Việc tuyên truyền, giáo dục ý nghĩa thắng lợi to lớn chưa đi đôi với việc động viên khí thế cách mạng của đảng viên và quần chúng để biến thành hành động cụ thể. Do đó, các chỉ tiêu kế hoạch nhà nước nói chung đều đạt thấp. Học tập nâng cao nhận thức chưa đi đôi với kiểm điểm và sửa chữa tốt. Tình trạng mất đoàn kết còn tồn tại ở một số nơi chưa được giải quyết dứt điểm, gây tổn thất đến uy tín của Đảng, ảnh hưởng xấu đến công tác. Tư tưởng của

một số đảng viên và quần chúng trong tỉnh phần đông là cán bộ khoa học - kỹ thuật qua những thắng lợi vĩ đại của đất nước, chẳng những chưa thật phấn khởi mà trong dịp hợp nhất tỉnh đang có trạng thái mong chờ, trông đợi có chế độ chính sách mới, tâm tư có nhiều suy nghĩ lo lắng về sức khỏe, về đời sống vật chất và tinh thần, so sánh cuộc sống miền xuôi và miền ngược... nên đã nảy sinh tư tưởng không yên tâm công tác ở miền núi. Trình độ của cán bộ, đảng viên ở xã (nhất là vùng cao) qua các cuộc vận động, đến nay nói chung vẫn còn yếu.

2. Công tác tổ chức - kiểm tra

Sau khi nghiên cứu quán triệt Nghị quyết 23, 24 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ đã tiến hành kiểm điểm chung và kiểm điểm cá nhân; đánh giá mọi mặt công tác của Đảng bộ từ năm 1970 lại đây; đề ra nhiệm vụ công tác năm 1975 và phương hướng xây dựng, phát triển kinh tế - văn hóa cho những năm tới. Phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, chế độ, lề lối làm việc của tỉnh được cải tiến một bước. Đại hội Đảng ở các đảng bộ cơ sở trực thuộc tỉnh (bước 1) đã được chỉ đạo hướng vào thảo luận bản báo cáo kiểm điểm công tác của các đảng bộ tỉnh từ Đại hội lần thứ 5 tới nay và bản phương hướng nhiệm vụ công tác sắp tới của tỉnh kết hợp với việc kiểm điểm tình hình công tác của đảng bộ cơ sở sau khi học tập và thực hiện Nghị quyết 23 của Trung ương Đảng đã tạo ra được sự nhất trí về việc đánh giá thành tích, ưu điểm cũng như những tồn tại khuyết điểm của tỉnh trong những năm qua, đồng thời nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn đảng viên vùng dân tộc ít người, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật, hướng tăng cường cho cơ sở và phục vụ cơ sở theo tinh thần Nghị quyết 225 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 23 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Việc xây dựng cấp huyện ở hệ nông nghiệp, đội ngũ cán bộ của các nông trường, trạm trại đã được tăng cường hơn

trước. Tổng số cán bộ công nhân viên trong toàn tỉnh hiện có 16.872 người, nữ chiếm 17%, trong đó cán bộ bên các cơ quan Đảng có 368 người. Trực tiếp sản xuất có 10.004 người. Cán bộ nhân viên gián tiếp có 6.568 người. Về trình độ văn hóa chuyên môn có 790 cán bộ đại học, 2.489 cán bộ trung cấp thuộc các ngành nghề. Cán bộ thuộc dân tộc ít người có 2.118 người. Cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo (phó trưởng phòng trở lên) có 1.326 người.

Tỷ lệ cán bộ trẻ tuổi, cán bộ thuộc dân tộc ít người, cán bộ khoa học - kỹ thuật được cất nhắc, đề bạt đã tăng lên. Một số ty, ngành yếu kém đã được tăng cường cán bộ lãnh đạo, công tác lựa chọn, sắp xếp, điều động cán bộ miền Nam đảm bảo đúng yêu cầu, quy định của Trung ương. Tổng số cán bộ miền Nam công tác tại Lào Cai có 161 người, đã được về Nam công tác 72 người.

Việc chấp hành chính sách cán bộ (nâng lương, đưa đi chữa bệnh, điều dưỡng, cho nghỉ hưu, chuyển vùng...) vẫn được tiến hành thường xuyên, công tác quản lý đảng viên theo tinh thần Chỉ thị 203 và 297 của Ban Bí thư có nhiều cố gắng.

Công tác kết nạp đảng viên tuy vẫn còn yếu nhưng so với năm 1974 đã có tiến bộ hơn. Trong năm 1975 đã kết nạp được 54 đảng viên mới.

Công tác kiểm tra tập trung chủ yếu vào việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Tỉnh đã huy động 377 cán bộ xuống giúp cơ sở thực hiện chỉ thị. Tính đến nay, toàn tỉnh đã có 349/353 cơ sở đã triển khai thực hiện Chỉ thị 192. Số cơ sở đã tiến hành tổng kết 297/349.

Đến nay, khối nông thôn, sau khi cho huyện Mường Khương tiến hành tổng kết thí điểm, các huyện, thị đã và đang tiến hành tổng kết.

Về xử trí kỷ luật, theo thống kê của 231/297 cơ sở đã tổng kết trong năm 1975 đã giải quyết 831 vụ, trong đó có 791 vụ thuộc diện thực hiện Chỉ thị 192. Với các hình thức kỷ luật: khiển trách 70 vụ, cảnh cáo 111 vụ, cách chức trong Đảng 5 vụ, lưu lại Đảng 152 vụ,

khai trừ ra khỏi Đảng 417 vụ. Về tổ chức có 2 vụ (2 ban chỉ ủy nằm trong tổ chức cơ sở). Có 9 trường hợp không phải là đảng viên.

Số đảng viên thuộc dân tộc ít người phải xử trí chiếm 45,23% so với tổng số vụ xử trí trong năm và chiếm 12,6% so với tổng số đảng viên là người thuộc dân tộc ít người. Qua phân loại đảng bộ xã ở nông thôn, số cơ sở khá chiếm 13,8%, số trung bình chiếm 56%, số yếu kém chiếm 30,2%.

Về phương hướng, việc vận dụng phương châm, chính sách xử trí nói chung là đúng, công tác xử trí được tiến hành tương đối khẩn trương, kiên quyết, dứt điểm.

Tuy nhiên, việc thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư nhìn chung toàn tỉnh là chậm, việc xử trí kỷ luật chưa bám chắc nhiệm vụ chính trị của địa phương (số vụ sai phạm về chính sách bảo vệ rừng, chính sách chăn nuôi... hoặc lợi dụng chức quyền để trù dập cá nhân đặc quyền, đặc lợi, xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, đề bạt, sử dụng cán bộ sai đường lối, chính sách, gây mất đoàn kết nội bộ) tuy đã có xử trí nhưng chưa phản ánh đúng và đầy đủ thực tế... Việc giải quyết thư tố cáo, khiếu nại nói chung làm chậm.

NHẬN XÉT CHUNG

Quán triệt và thi hành Nghị quyết 22, 23, 24, các chỉ thị, nghị quyết khác của Trung ương Đảng, trong niềm hân hoan phấn khởi mừng Tổ quốc toàn thắng và thống nhất, thi đua lập thành tích kỷ niệm ba ngày lễ lớn trong năm 1975, các mặt công tác trong tỉnh đã có những chuyển biến, tiến bộ và kết quả nhất định, so với năm 1974, trên một số mặt của phong trào có khá hơn.

Ba cuộc cách mạng được quan tâm chỉ đạo, được tiến hành song song và đạt được những kết quả nhất định.

Quan hệ sản xuất được củng cố thêm một bước, các vùng kinh tế ngày càng được hình thành, một số cây, con được xác định và đang đi vào ổn định. Một số biện pháp kỹ thuật trong sản xuất,

canh tác đã được thí điểm, tổng kết và mở rộng diện thực hiện ở cả ba vùng có kết quả. Cơ sở vật chất, kỹ thuật đã được đầu tư, phát triển thêm. Do đó tình hình sản xuất trên một số mặt có được phát triển hơn so với năm trước. Tình hình trật tự trị an biên giới, nội địa được giữ vững. Đời sống của nhân dân nói chung được ổn định.

Song, đối chiếu với nhiệm vụ chính trị, với các chỉ tiêu kế hoạch nhà nước, với yêu cầu phát triển của từng mặt công tác trong tình hình mới thì kết quả đạt được còn bị hạn chế.

Việc quán triệt và thực hiện Nghị quyết 228 và các chỉ thị, nghị quyết khác của Trung ương về việc tăng cường quản lý kinh tế, tài chính, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, tài sản công dân chưa đều khắp, chưa sâu rộng nên chỉ mới đạt kết quả trên một số mặt. Việc kiểm, sửa nói chung còn thiếu tích cực, dứt điểm, nên chưa kịp thời và triệt để ngăn chặn, hạn chế một số hiện tượng tiêu cực trong sản xuất và đời sống, do đó chưa tác động rõ nét vào quản lý kinh tế, quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

Nhiệm vụ khôi phục và phát triển kinh tế theo tinh thần Nghị quyết 22, 23 của Trung ương Đảng chưa được quán triệt sâu sắc và chưa được thực hiện một cách tích cực, khẩn trương. Công tác quản lý, tổ chức, chỉ đạo sản xuất còn mang tính chất phân tán, tản mạn thiếu cân đối, nhịp nhàng, đồng bộ và chặt chẽ nên nhịp độ tiến triển của phong trào nói chung còn chậm, do đó một số chỉ tiêu, tuy so với năm trước có khá hơn nhưng so với kế hoạch đạt còn thấp.

Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, phong trào các đoàn thể quần chúng chưa mạnh nhất là ở nông thôn lại càng yếu hơn. Việc thực hiện Chỉ thị 192 mặc dù khu vực nông thôn đã và đang tiến hành tổng kết nhưng nhìn chung tiến hành chậm, nhất là trong khối cơ quan xung quanh tỉnh. Nhiều vấn đề để dây dưa, kéo dài, thiếu dứt điểm đã ảnh hưởng đến sản xuất và công tác. Vì thế đến nay tỉnh vẫn chưa tiến hành tổng kết được.

Công tác chính trị, tư tưởng thiếu sâu sắc, liên tục, có mặt còn thiếu nhạy bén với tình hình; các hình thức tuyên truyền cổ động phong trào văn nghệ, vui khỏe còn nghèo nàn, rời rạc, thiếu sôi nổi rầm rộ nên chưa tác động mạnh mẽ vào phong trào để biến thành hành động cách mạng sôi nổi, đều khắp trong nhân dân, quần chúng, trong lao động sản xuất và công tác, có mặt tiến bộ còn rất chậm.

Công tác tổ chức bộ máy, sắp xếp, bố trí, đào tạo, sử dụng cán bộ chưa thật khoa học, hợp lý.

Việc nghiên cứu chế độ chính sách chưa sâu, nên khi thực hiện còn có tình trạng thiếu nhạy bén, vụng vằng và thường chậm, có mặt, có việc ý thức trách nhiệm nghiên cứu, đề xuất chưa cao còn thiếu khẩn trương, kịp thời.

Công tác chỉ đạo thực hiện còn có hiện tượng phân tán, buông lỏng. Công tác kiểm tra, đôn đốc của tỉnh và các cấp, các ngành còn thiếu khẩn trương, sâu sắc và thường xuyên, nên chưa giúp đỡ cơ sở kịp thời và thiết thực.

Tinh thần hợp tác xã hội chủ nghĩa giữa các cấp, các ngành để cùng nhau phấn đấu thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch chưa chặt chẽ, nhịp nhàng nên chưa hỗ trợ nhau cùng phát triển, trái lại có lúc lại gây khó khăn, cản trở, kìm hãm lẫn nhau.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC

VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 554-BC/TU, ngày 22-1-1976

Về việc tổng kết Cuộc vận động thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư Trung ương Đảng

Thi hành Chỉ thị số 192-CT/TW ngày 28-10-1971 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng, cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh, Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ Lào Cai đã chủ trương tiến hành thực hiện Chỉ thị 192 từ tháng 9-1972. Cho đến nay cuộc vận động thực hiện Chỉ thị 192 đã hoàn thành tổng kết trong 88% số cơ sở trong toàn Đảng bộ, Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ báo cáo tổng kết việc thực hiện Chỉ thị 192 như sau:

Phần I

I. MỘT SỐ NÉT ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG VÀ SỰ VẬN DỤNG THỰC HIỆN CHỈ THỊ 192 CỦA TỈNH ỦY

Tỉnh Lào Cai nằm ở địa bàn phía tây Tổ quốc, mang đặc điểm là một tỉnh miền núi, vùng cao, biên giới. Đơn vị hành chính hiện nay có 6 huyện, 2 thị, gồm 124 xã và 7 khu phố; trong đó 93 xã là vùng cao, 28 xã nằm trên 235 km đường biên giới Việt - Trung. Khu vực các cơ quan, xí nghiệp, công, nông, lâm trường và nông

thôn được phân bổ thành 353 đơn vị (79 đơn vị trực thuộc tỉnh, 274 đơn vị trực thuộc huyện, thị).

Dân số có 223.478 người (số liệu dân số bình quân năm 1974), có trên 20 dân tộc anh em. Số dân người Kinh chiếm 38%, trong tổng số dân; các dân tộc ít người: Mèo có số dân chiếm 25,6%, Dao có số dân chiếm 12%, Dáy 5,8%, Tày 4,4%. Ngoài ra còn nhiều dân tộc chỉ chiếm 0,01% đến 2% dân số.

Đất đai trong tỉnh có diện tích rộng 4.300 km², trong đó đất rừng chiếm 87,3%. Khoáng sản quý có nhiều như apatít, đồng... về giao thông Lào Cai có đường sắt nối liền tỉnh bạn Vân Nam Trung Quốc với Hà Nội, có đường vận chuyển sông Hồng, nay lại có đường bộ Lào Cai - Hà Nội, Lào Cai - Lai Châu.

Do đặc điểm tự nhiên đó, tỉnh Lào Cai có vị trí chiến lược cả về mặt quân sự và chính trị. Dưới thời Pháp thuộc, thực dân Pháp đặt Lào Cai dưới sự thống trị trực tiếp của đạo quân binh thứ Bốn. Trong những năm 1945-1946, Lào Cai liên tục xảy ra nhiều chính biến: Nhật đảo chính Pháp, rồi Quốc Dân Đảng Trung Quốc vào giải giáp quân Nhật - kéo theo bọn Việt Nam Quốc dân Đảng về lập chính quyền phản động. Ngày 12-11-1946 ta vào đánh Quốc dân Đảng giải phóng tỉnh Lào Cai, thì ngày 25-10-1947 Pháp quay lại cấu kết cùng bọn thổ ty phản động chiếm lại Lào Cai. Ngày 01-11-1950, ta đánh Pháp giải phóng Lào Cai thì ngay sau đó Pháp lại cấu kết với đế quốc Mỹ âm mưu gây thổ phỉ hòng chiếm lại Lào Cai lần nữa. Cuối năm 1954, bọn phỉ đã bị đánh tan, chúng lại liên tiếp gây bạo loạn phản cách mạng như vụ A Lu tháng 5-1959, vụ Pha Long tháng 9-1960...

Từ sau ngày giải phóng, đời sống chính trị và văn hóa của nhân dân đã được thay đổi nhiều. Các tệ nạn cờ bạc, nghiện hút, trộm cướp trước đây, nay đã căn bản được cải tạo, xóa bỏ, nạn đói lưu niên được chấm dứt. Hiện nay toàn tỉnh đã có 290 hợp tác xã nông nghiệp với tỷ lệ 61,2% số dân tham gia. Song song với việc xây dựng hợp tác xã nông nghiệp, các cơ sở nông, lâm trường quốc

doanh, trạm trại chăn nuôi và thí nghiệm về dược liệu cũng đang hình thành và phát triển. Về công nghiệp: Ngoài mạng lưới của Trung ương, tỉnh Lào Cai cũng đã xây dựng, hình thành một mạng lưới công nghiệp địa phương mang tính chất đa dạng. Mặt văn hóa - y tế cũng đã có nhiều thay đổi, tiến bộ. Công tác trật tự, trị an xã hội nói chung ổn định.

Nhìn lại chặng đường lịch sử đã qua, kể từ ngày giải phóng đến nay, nhân dân các dân tộc Lào Cai đều tự hào coi đây là một sự "thay da đổi thịt". Tuy vậy, trong bước đường đi lên theo sự lãnh đạo của Đảng cũng còn có nhiều vấn đề tồn tại: Việc hoàn thiện quan hệ sản xuất, nhất là vùng cao tuy đã có 45,9% số hộ nông dân vào hợp tác xã, nhưng đang còn nhiều khó khăn. Trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật, quản lý kinh tế của cán bộ, nhân dân so với yêu cầu cách mạng đang còn có nhiều hạn chế; các tệ tục lạc hậu của chế độ cũ để lại ở một số vùng, trong một số dân tộc, không những chưa được cải tạo tốt, thậm chí có nơi đang phục hồi lại; tư tưởng tiêu cực của vấn đề biên giới trong những năm gần đây cũng có tác động không lành mạnh đến tư tưởng của một số người. Những tồn tại đó ít nhiều đã cản trở, hoặc hạn chế tinh thần phấn khởi hăng hái thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng ở địa phương.

Về công tác xây dựng Đảng:

Như tình hình chung nêu trên, Lào Cai là nơi phong trào cách mạng đến muộn. Đã vậy, hoàn cảnh lịch sử chính trị sau cách mạng Tháng Tám 1945 lại có nhiều biến cố phức tạp, do đó công tác xây dựng cơ sở Đảng trong kháng chiến chống Pháp vốn đã chậm lại hẹp (năm 1946, có 1 chi bộ, 7 đảng viên; năm 1948 có 10 chi bộ, 92 đảng viên, năm 1950 có 14 chi bộ, 284 đảng viên). Sau hòa bình lập lại, khi có điều kiện, và do yêu cầu đòi hỏi, ở thời kỳ đầu, việc phát triển đảng viên và xây dựng cơ sở Đảng có lúc, có nơi ồ ạt, thiếu thận trọng (năm 1960 có 111 chi bộ, 1.121 đảng viên, năm 1963 lên 258 chi bộ, 3.540 đảng viên. Khối nông thôn

năm 1960 có 21 chi bộ, 331 đảng viên, năm 1963 đưa lên 115 chi bộ, 1.320 đảng viên. Riêng số đảng viên phát hiện có lịch sử chính trị phức tạp đã kết nạp vào Đảng là 579 đồng chí, trong đó số có lịch sử chính trị phức tạp mà Chỉ thị 121 của Ban Bí thư đã không cho kết nạp, nhưng vẫn kết nạp vào Đảng là 87 đồng chí).

Đặc điểm chung của đội ngũ đảng viên ở Lào Cai nổi lên là: đối với các cơ quan công, nông, lâm trường xí nghiệp do yêu cầu kinh tế phát triển, nên đảng viên từ nơi khác đến nhiều; đối với nông thôn việc phát triển đảng viên không được thường xuyên, mà theo từng đợt gắn với các cuộc vận động chính trị như: Cuộc vận động xây dựng hợp tác xã kết hợp với hoàn thành cải cách dân chủ ở miền núi (1959-1960), cuộc vận động trấn phản (1961-1962), v.v.. Điều đáng chú ý hơn trong việc phát triển đảng viên ở nông thôn thường do cán bộ cấp trên đưa xuống làm công tác vận động ở cơ sở rồi kết hợp việc tuyên truyền phát triển đảng viên, trong khi bản thân không biết tiếng lại chưa được huấn luyện kỹ về công tác phát triển Đảng, do đó việc phát triển đảng viên tuy có tích cực, nhưng có nhiều hạn chế, thậm chí còn có những sai phạm cả về tiêu chuẩn đảng viên và nguyên tắc, thủ tục phát triển Đảng.

Hiện nay, cơ sở đảng đã xây dựng được ở hầu khắp các địa bàn trong tỉnh gồm 353 chi, đảng bộ, với 7.061 đảng viên. Cấu tạo đội ngũ có 31,34 % là đảng viên của 15 dân tộc thiểu số trong tỉnh, 17,84 % là phụ nữ, 15 % là tuổi trẻ... Nhìn chung đội ngũ đảng viên cơ bản là tốt, đã trải qua rèn luyện, thử thách, và đã lãnh đạo quần chúng hoàn thành mọi nhiệm vụ của từng giai đoạn cách mạng của Đảng. Tuy lực lượng đảng viên so với trước có đông đảo hơn nhưng vẫn còn mỏng (tỷ lệ so với dân số mới có trên 2%), bình quân cơ sở đảng vùng cao mới có 10 đảng viên lại phân bố không đều (26% số tổ sản xuất trong hợp tác xã nông nghiệp chưa có đảng viên). Về trình độ chính trị, văn hóa, năng lực tổ chức và quản lý kinh tế, năng lực nghiên cứu tổng hợp của đảng viên nhìn chung

còn rất thấp (tài liệu thống kê số đảng viên chưa được học các lớp chính trị theo chương trình cơ bản tỷ lệ là 43,69 % so với tổng số; số đảng viên trình độ văn hóa cấp I tỷ lệ chung là trên 36 %, riêng nông thôn số đảng viên mới có trình độ văn hóa lớp 1,2 tỷ lệ so với tổng số đảng viên nông thôn chiếm tới 40,02 %, số đảng viên ở nông thôn chưa biết chữ còn tới 426 đồng chí và so với tổng số đảng viên nông thôn chiếm tỷ lệ 16,81 %; số đảng viên là cán bộ quản lý kinh tế, kỹ thuật trung, cao cấp tỷ lệ mới có 14%.

Quá trình xây dựng Đảng, đội ngũ đảng viên nói chung đã được rèn luyện sàng lọc trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, rèn luyện, sàng lọc trong cuộc cách mạng cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Mặt khác, trong công cuộc xây dựng nội bộ Đảng, từng giai đoạn cách mạng, đảng viên nói chung đều đã được giáo dục, sàng lọc qua các cuộc vận động chỉnh đốn chi bộ cơ quan, cuộc vận động bảo vệ Đảng, cuộc vận động xây dựng chi, đảng bộ "bốn tốt" và tiếp đến hiện nay là cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên. Tuy vậy, các biểu hiện tiêu cực của đảng viên thể hiện trên nhiều khía cạnh khác nhau, vẫn luôn phát triển, diễn biến rất phức tạp, đã làm mất tư cách, phẩm chất của một số đảng viên. Thông qua đó đã làm giảm uy tín, ảnh hưởng đến vai trò lãnh đạo của Đảng trong quần chúng.

Số tình hình đặc điểm đề cập nêu trên cũng chính là những vấn đề có quan hệ đến nội dung Chỉ thị 192. Những vấn đề đó tóm lại là:

- 1) Do vị trí, đặc điểm tự nhiên và trình độ còn thấp trong một số dân tộc ít người, tỉnh Lào Cai trở thành một nơi có nhiều chính biến chính trị. Trong các chính biến đó, sự kiện nổi lên có mục đích chính trị rõ rệt, nhưng lại mang theo cả tính chất dân tộc và tính chất quần chúng mà kẻ địch đã lợi dụng được là việc gây cho phỉ chống lại cách mạng. Sự kiện này dai dẳng, lẫn lộn trong nhận thức và tình cảm của quần chúng, cả trong một số cấp ủy đảng, đồng thời còn tác động khá phổ biến vào công tác xây dựng Đảng, chủ yếu là việc phát triển vào

Đảng một số không ít người có lịch sử đi làm phỉ chống lại cách mạng mà một số hiện đang giữ vai trò chủ chốt ở cơ sở.

2) Phụ thuộc vào hoàn cảnh tự nhiên và điều kiện lịch sử, việc phát triển đảng viên và xây dựng tổ chức cơ sở đảng ở vùng nông thôn tỉnh Lào Cai do đó mà rất chậm. Đã vậy, đội ngũ đảng viên được phát triển vào Đảng có nhiều nơi tốc độ quá nhanh, lại thiếu thẩm tra đầy đủ, bồi dưỡng về kiến thức Đảng ít, trình độ văn hóa chính trị và quản lý kinh tế rất thấp. Mặt khác, đối với vùng cao, nhiều nơi mục tiêu chính trị ở cơ sở chưa rõ, hiện nay một số nơi lại không có hợp tác xã, không phải làm nghĩa vụ lương thực, thực phẩm. Do đó, hướng phấn đấu của đảng viên, hướng xây dựng Đảng gắn với nhiệm vụ chính trị chưa được xây dựng rõ ràng.

3) Khác với một số nơi, Lào Cai có đường biên giới dài 235 km, tình hình biên giới trong mấy năm gần đây có nhiều tác động tiêu cực ảnh hưởng vào không chỉ đối với 28 xã biên giới, mà cả đối với một số xã nội địa. Mặt khác, cơ sở đảng ở nông thôn kể từ khi được xây dựng đến nay chỉ mới đặt ra được việc củng cố lẻ tẻ ở nơi có phát hiện có các sai phạm, chưa có các cuộc củng cố toàn diện như vùng xuôi.

Một số vấn đề tóm tắt nêu trên, đối chiếu với tinh thần Chỉ thị 192 gọi lên các vấn đề phải chú ý là:

1) Cách chỉ đạo thực hiện làm sao sát với thực tế tình hình, đảm bảo được tinh thần "ng nghiêm túc và thận trọng", đạt được yêu cầu "làm cho Đảng trong sạch về chính trị, vững mạnh về tổ chức tăng thêm sức chiến đấu và uy tín của Đảng, thắt chặt mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng".

2) Giữa yêu cầu trong sạch về tổ chức với thực tế phong trào trình độ giác ngộ của đảng viên, điều kiện giáo dục đảng viên, hoàn cảnh lịch sử cụ thể ở địa phương... Cách vận dụng nội dung, chính sách xử trí và phương châm xử trí thế nào là thích hợp, đúng với mọi trường hợp, không máy móc nhưng cũng không châm trước tùy tiện vô nguyên tắc; đồng thời đạt được ý nghĩa thông qua xử trí

"còn là một biện pháp giáo dục rất trọng yếu đối với đảng viên quần chúng về tính chất Đảng, tiêu chuẩn và nhiệm vụ đảng viên thúc đẩy việc nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên và chất lượng công tác phát triển Đảng" sau này.

3) Công tác xây dựng Đảng nói chung và việc thực hiện Chỉ thị 192 nói riêng phải gắn với nhiệm vụ chính trị và thông qua đó mà "xem xét tư cách đảng viên, quyết định việc đưa người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng". Tình hình thực tế phong trào ở vùng cao nói riêng và các cơ sở khác nói chung, đặt ra gắn với mức độ nào để vừa đảm bảo được thời gian thực hiện theo kế hoạch và đảm bảo cả việc thực hiện đúng phương châm cuộc vận động.

4) Cơ sở Đảng ở nông thôn do chưa có các cuộc củng cố toàn diện, mặt khác lại có những tác động tiêu cực của tình hình biên giới từ ngoài vào. Do đó chỉ đạo việc làm cũng phải hết sức "để phòng trường hợp một số đảng viên xấu lợi dụng việc này trả thù các đảng viên tốt, phá rối tổ chức Đảng" như Chỉ thị 192 đã nêu.

Từ nội dung, tính chất việc làm, cũng như phương châm cuộc vận động của Chỉ thị 192 đề ra, vận dụng vào thực tế tình hình địa phương, Tỉnh ủy đã bàn bạc, nhất trí cho rằng chủ trương này rất phù hợp với đòi hỏi của đảng bộ Lào Cai trong tình hình mới, do đó đã xác định phải quyết tâm thực hiện tốt cuộc vận động. Quyết tâm này được thể hiện trên một số biện pháp lớn là:

- Về tổ chức: Phải huy động một lực lượng cán bộ cần thiết, được huấn luyện đầy đủ, đưa đi chi viện chủ yếu cho các cơ sở Đảng ở nông thôn để tiến hành cuộc vận động.

- Về chỉ đạo: Phải có thí điểm việc làm ở một số vùng, có loại hình khác nhau để rút kinh nghiệm. Qua thí điểm xét thấy những vấn đề đặt ra đã có cơ sở để khẳng định, khi đó mới cho mở rộng việc làm. Trong chỉ đạo việc làm, phải giữ vững chế độ thỉnh thị báo cáo, chế độ sơ, tổng kết chặt chẽ. Về nội dung việc làm, phải đặc biệt coi trọng khâu giáo dục phát động đảng viên, quần chúng tham gia và lấy sự hiểu biết giác ngộ làm cơ sở để giải quyết các

vấn đề tiêu cực trong từng tổ chức Đảng và đội ngũ đảng viên. Đối với yêu cầu "trong sạch" trọng tâm ở vùng nông thôn phải chú ý trước hết đối với những trường hợp đảng viên có lịch sử chính trị phức tạp, những trường hợp vi phạm về đạo đức, phẩm chất cách mạng thì tập trung vào loại có nhiều vấn đề nghiêm trọng, đã bị đảng viên, quần chúng oán ghét, khinh thường; những trường hợp vi phạm có dính đến phong tục, tập quán lạc hậu mà còn mang tính chất quần chúng thì việc xử trí phải lấy chính sách làm cơ sở, nhưng phải dựa vào thực tế tình hình để vận dụng. Ở các cơ sở cơ quan, xí nghiệp yêu cầu về "trong sạch" phải chú ý trước hết là loại cơ hội chính trị và loại thoái hóa biến chất.

Riêng việc gắn với nhiệm vụ chính trị, yêu cầu đặt ra là gắn với nhiệm vụ chính trị trước mắt ở cơ sở.

- Về lãnh đạo: Do tập thể thường vụ chịu trách nhiệm. Giúp việc cho Thường vụ, Tỉnh ủy phân công một số tỉnh ủy viên cùng tham gia chỉ đạo. Ngoài ra phải sử dụng tốt các ban xây dựng Đảng làm tham mưu cho cấp ủy, trong đó Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy là ban chủ trì cuộc vận động thực hiện Chỉ thị 192.

Phần II

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ TÔN TÀI CUỘC VẬN ĐỘNG THỰC HIỆN CHỈ THỊ 192

Cuộc vận động thực hiện Chỉ thị 192 ở Đảng bộ tỉnh Lào Cai phải qua 3 năm 6 tháng (bắt đầu từ tháng 9-1972 tổng kết, tháng 2-1976), đã qua từ chỉ đạo thí điểm hẹp đến thí điểm rộng, và mở rộng, gồm 6 đợt tiến hành với số lượng từng đợt khác nhau, đến nay được coi là hoàn thành cơ bản trong toàn đảng bộ. Cụ thể: trong tổng số 353 cơ sở đảng có 7.061 đảng viên, trong đó nông thôn, khu phố, 131 cơ sở, 2.534 đảng viên; cơ quan, xí nghiệp có 222 cơ sở, 4.527 đảng viên. Nay tiến hành ở 353 cơ sở đảng, đã

hoàn thành và tổng kết là 313 cơ sở với tổng số 5.737 đảng viên, trong đó nông thôn, khu phố đã hoàn thành tổng kết xong 130 cơ sở, 2.468 đảng viên, cơ quan, xí nghiệp đã hoàn thành tổng kết trong 183 cơ sở, 3.269 đảng viên. Như vậy, tỷ lệ cơ sở đảng đã hoàn thành xong là 88,6%, tỷ lệ đảng viên đã thực hiện xong Chỉ thị 192 là 81%. Nơi đến mốc thời gian ghi trong báo cáo này chưa tổng kết được, ở địa bàn nông thôn, khu phố là Đảng bộ thị trấn Sa Pa, địa bàn cơ quan, xí nghiệp còn 39 cơ sở trong đó khối các huyện, thị còn 28 cơ sở, các đơn vị trực thuộc tỉnh còn 11 cơ sở. Như vậy, số cơ sở đảng chưa hoàn thành Chỉ thị 192 chiếm tỷ lệ 11%, đảng viên là 17,8%.

Trong việc tổ chức chỉ đạo thực hiện, Tỉnh ủy kiểm điểm kết quả, tồn tại đối chiếu với yêu cầu, nội dung Chỉ thị 192, sau đây:

a) Việc giáo dục quán triệt tinh thần Chỉ thị 192 và công tác phát động tư tưởng phê bình, tự phê bình trong Đảng và ngoài quần chúng trong cuộc vận động.

Mặt này, thực hiện đúng ý định chỉ đạo của Tỉnh ủy, ở hầu khắp các cơ sở đảng khi tiến hành đều giành nhiều công phu và thời gian để tổ chức cho đảng viên, quần chúng nghiên cứu thảo luận các văn kiện của cuộc vận động do Trung ương quy định. Nằm trong các văn kiện Trung ương quy định, khi chỉ đạo việc nghiên cứu bước I đã chú ý làm rõ yêu cầu việc nâng cao chất lượng đảng viên trong giai đoạn cách mạng mới, làm rõ tính chất Đảng, tiêu chuẩn nhiệm vụ của người đảng viên ra khỏi Đảng. Ở bước II, trong các tài liệu quy định, đặc biệt chú ý làm rõ vị trí, vai trò và nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng và công tác kiểm tra kỷ luật đảng viên. Ngoài những tài liệu quy định về tổ chức cho đảng viên nghiên cứu thảo luận trong cuộc vận động, từng nơi xét thấy cần thiết, ví dụ như vùng biên giới đã kết hợp cho đảng viên quần chúng nghiên cứu thảo luận về quy chế biên giới hai nước. Nơi khi tiến hành lại đúng vào dịp Tỉnh ủy có chủ trương triển khai các nghị quyết lớn của Trung ương thì đều kết hợp cùng

thực hiện, ví dụ: Nghị quyết 228 Bộ Chính trị về "... chống lấy cắp tài sản xã hội chủ nghĩa, chống làm ăn phi pháp...", Chỉ thị 208, 209 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tổ chức lại sản xuất, và tổ chức đại hội nông dân tập thể, nghị quyết hội nghị lần thứ 23 của Trung ương Đảng về " tăng cường sự lãnh đạo và nâng cao sức chiến đấu của Đảng", v.v...

Việc nghiên cứu thảo luận ở trong Đảng và ngoài quần chúng đánh giá chung có kết quả tốt. Số lượng đảng viên tham gia tỷ lệ đạt từ 80 đến 90%, đáng chú ý ở địa bàn nông thôn có một số đảng viên vẫn thường bỏ sinh hoạt đảng lâu nay, nhưng cuộc vận động này đều có mặt tham dự đầy đủ các buổi nghe giảng vào thảo luận; ở cơ quan, xí nghiệp thường một số đồng chí đi công tác vắng, hoặc ốm đau, nhưng nơi nào cũng tổ chức các đợt vét cho số đồng chí đó được nghiên cứu, đảm bảo tỷ lệ 100% đảng viên được học tập. Đối với quần chúng diện được mời tham gia học tập xây dựng Đảng, trừ một số vùng cử đại diện gia đình tham gia nên tỷ lệ thấp, còn nói chung nơi thấp cũng đạt tỷ lệ 70%, nơi cao là trên 80% số người ở trong diện được mời tham dự. Ngoài việc tổ chức những hội nghị quần chúng tham gia học tập xây dựng Đảng như kế hoạch quy định, nhiều nơi còn tổ chức các hội nghị đầu ngành, hội nghị gia đình đảng viên... các hội nghị này đều có tác dụng tốt đối với việc thực hiện Chỉ thị 192 ở cơ sở.

Về nhận thức, do được chỉ đạo chặt ở địa bàn nông thôn đều là cán bộ tổ công tác trực tiếp truyền đạt các văn kiện cho đảng viên, quần chúng, ở cơ quan, xí nghiệp, người truyền đạt được lựa chọn vừa có trình độ, vừa có trách nhiệm nên đảng viên, quần chúng dễ tiếp thu, hiểu được các vấn đề đầy đủ. Đánh giá qua các nơi tổng kết đều khẳng định việc nghiên cứu thảo luận các văn kiện trong cuộc vận động lần này đã làm cho đảng viên, quần chúng tin tưởng và dù ở trình độ khác nhau, đều được hiểu rõ và nâng cao thêm kiến thức về công tác xây dựng Đảng nói chung và yêu cầu, mục đích của việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi

Đảng nói riêng. Đặc biệt, đối với vùng cao đều có một cách đánh giá chung rằng đây là một dịp làm cho đảng viên cũng như quần chúng hiểu rõ được tính chất của Đảng, tiêu chuẩn nhiệm vụ của người đảng viên và mục đích ý nghĩa của việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng.

Bên cạnh kết quả đạt được ở một số nơi, trong một số đảng viên còn biểu hiện hoài nghi không tin tưởng cuộc vận động đạt kết quả. Riêng vùng biên giới có số đảng viên cho rằng làm 192 cũng như làm "đại cách mạng văn hóa" như Trung Quốc. Một số thuộc loại có vấn đề sai phạm có tỏ ra lo lắng. Một số không thông chủ trương cho quần chúng phê bình đảng viên và đặt ra làm như thế đảng viên mất hết tín nhiệm, không còn lãnh đạo được quần chúng. Một số thì bực bội nóng, cá biệt có số rất ít đảng viên sau khi học tập đã tự cho mình là không đủ tiêu chuẩn đảng viên, rồi viết đơn hoặc đề nghị xin ra khỏi Đảng. Đối với quần chúng qua học tập, số đông rất phấn khởi, tin tưởng, nhưng cũng có một số tỏ ra hoài nghi sự tự giác, nhận sai lầm và sửa chữa của đảng viên.

Tiếp theo chỉ đạo việc học tập, các cấp ủy cơ sở và tổ công tác đều chú trọng chỉ đạo báo cáo kiểm điểm cuộc vận động của chi, đảng ủy gắn với chỉ đạo đảng viên liên hệ tự phê bình và phê bình và phát động quần chúng phê bình xây dựng Đảng, việc làm này đánh giá chung tự phê bình nghiêm túc, tự giác, người được phê bình vô tư, khách quan.

Tổng quát việc liên hệ tự phê bình và phê bình của đảng viên, quần chúng, thì đội ngũ đảng viên nhìn chung là tốt, có tinh thần cách mạng triệt để, có mối liên hệ tốt với quần chúng, sẵn sàng nhận mọi nhiệm vụ và đã làm tốt nhiệm vụ Đảng giao cho. Do đó đã góp phần xứng đáng vào thành tích cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội và chống Mỹ thắng lợi. Bên cạnh đó còn có những thiếu sót, khuyết điểm nổi lên như: Trình độ của đảng viên so với yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng đòi hỏi còn quá thấp, chưa đáp ứng kịp, nhiều đảng viên chưa tiên phong, gương mẫu trong việc thực

hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, thậm chí còn vi phạm đã nêu gương xấu cho quần chúng; một số vào Đảng nhưng không sinh hoạt Đảng. Đảng giao nhiệm vụ không nhận, một số không chịu rèn luyện tu dưỡng, đã hủ hóa, ăn cắp, móc ngoặc vật tư, tiền vốn của tập thể hợp tác xã và Nhà nước; một số có lịch sử chính trị phức tạp khi vào Đảng không báo cáo thật thà rõ ràng với Đảng. Một số đã mê tín, làm thầy mo, thầy cúng, nghiện thuốc phiện, nhiều lần uống rượu say, một số có chức vụ đã quan liêu, gia trưởng, hách dịch, quát tháo, dọa nạt đảng viên, quần chúng và thiếu trách nhiệm trước những vấn đề đời sống của quần chúng, v.v..

Qua liên hệ tự phê bình và phê bình của đảng viên, sự tham gia xây dựng Đảng của quần chúng như số ưu điểm, khuyết điểm chính nêu trên đều được tập thể chi, Đảng ủy tổ công tác tập hợp phân tích và đưa trở lại đảng viên để tham khảo, tiếp thu. Nói chung, ngoài những vấn đề do đảng viên liên hệ tự phê bình, đối với các sự việc của đảng viên được các đảng viên khác và quần chúng phê bình góp ý, nhận xét nói chung đều đúng đắn, lành mạnh, xây dựng. Tuy vậy, việc tự phê bình và phê bình của đảng viên, quần chúng cũng bộc lộ có những thiếu sót lệch lạc, như: Đối với số đảng viên có các sai phạm, số đông đã tự giác liên hệ tự phê bình, nhưng còn một số việc, liên hệ tự phê bình chưa được nghiêm túc, tự giác, cá biệt có số đồng chí khi liên hệ tự phê bình đã biểu hiện có sự oán trách, nói năng hằn học, tùy tiện, ví dụ: có đảng viên nói "tôi vào Đảng, Đảng không có gì, nhưng phải luôn kiểm điểm", hoặc "ở Đảng mất việc, mất tiền", "chó cắn người thì còn có thuốc chữa, người cắn người thì không có thuốc chữa và sẽ cắn kỳ này đây"... Việc tham gia phê bình đảng viên của quần chúng, bên cạnh số đông ý kiến chân thành xây dựng, cũng có số ý kiến châm chọc, đả kích ví dụ: Có quần chúng khi phê bình đảng viên đã nói "chúng tôi tham gia phê bình cốt mong sao đảng viên có trách nhiệm với công việc được giao bằng như quần chúng, chúng tôi",

"chúng tôi do không biết dất trâu, dất ngựa đi Trung Quốc bán nên chưa được làm đảng viên", hoặc "lúc đầu Đảng cho đảng viên đội mũ bé thì còn tốt, đến khi Đảng cho đảng viên đội mũ to thì nó ác như đàn ong...".

Những lệch lạc, thiếu sót bộc lộ trong học tập và trong liên hệ tự phê bình và phê bình đều đã được các cấp ủy, tổ công tác giải đáp chung, giải quyết cá biệt trong sơ kết đợt học tập, trong sơ kết bước I và trong suốt quá trình cuộc vận động. Do vậy, tùy từng trường hợp, từng nơi có những lúc có phát sinh diễn biến phức tạp gay gắt, nhưng không căng thẳng. Vấn đề này Tỉnh ủy đã khẳng định đây là một việc làm công phu, có suy nghĩ, có chỉ đạo chặt chẽ nên đã đạt được kết quả tốt. Chính do kết quả của bước đầu này đã tạo được tiền đề thuận lợi cho các việc làm của các bước sau được kết quả.

b) Thực hiện chính sách xử trí trong cuộc vận động

1. Việc xếp loại và xử trí:

Dựa theo ba căn cứ kế hoạch chỉ đạo việc làm đã nêu, các cấp ủy đảng và các tổ công tác đều đã chỉ đạo chặt chẽ việc dự kiến xếp loại đảng viên có nhiều thành tích, ưu điểm để biểu dương và loại có các vấn đề phải xem xét để xét duyệt và lập kế hoạch thẩm tra xác minh.

Quá trình chỉ đạo việc làm, đánh giá chung thận trọng, nắm được chắc chính sách xử trí của Đảng. Kết hợp với việc nghiên cứu kỹ tài liệu tự phê bình và phê bình của đảng viên, tài liệu do cấp trên và quần chúng cung cấp... đồng thời thực hiện được đúng các nguyên tắc chỉ đạo việc làm của Trung ương và Tỉnh ủy quy định.

Kết quả việc xếp loại, tính trên 268 cơ sở đã có báo cáo thống kê tổng kết:

- Số đảng viên có ưu điểm, thành tích được biểu dương 1.167 đồng chí, tỷ lệ so với tổng số đảng viên là 23%, trong đó tỷ lệ đảng viên nông thôn, khu phố được biểu dương so với tổng số đảng viên nông thôn, khu phố là 20%, tỷ lệ đảng viên ở địa bàn cơ quan, xí nghiệp được biểu dương là 26%.

- Số đảng viên ở diện phải xem xét có 1.911 trường hợp, tỷ lệ so với tổng số đảng viên là 37%, trong đó địa bàn nông thôn và khu phố so với đảng viên nông thôn và khu phố chiếm 50%, địa bàn cơ quan, xí nghiệp so với đảng viên cơ quan, xí nghiệp chiếm 25,51%, phân ra:

+ Loại có lịch sử chính trị phức tạp 698 trường hợp, trong đó nông thôn và khu phố: 579 trường hợp; cơ quan, xí nghiệp 119 trường hợp.

+ Loại vi phạm phẩm chất đạo đức cách mạng có 959 trường hợp, trong đó nông thôn và khu phố 491 trường hợp; cơ quan, xí nghiệp 468 trường hợp.

+ Loại trình độ giác ngộ chính trị quá thấp có 254 trường hợp, trong đó nông thôn và khu phố 187 trường hợp, cơ quan, xí nghiệp 67 trường hợp.

Bên cạnh việc thực hiện có kết quả, trong việc làm này còn có những thiếu sót, khuyết điểm; thiên hướng chung trong chỉ đạo thường chỉ chú ý loại phải xem xét, coi nhẹ loại có ưu điểm để biểu dương. Đối với địa bàn nông thôn và khu phố, chỉ đạo việc làm tương đối chặt chẽ, nhưng địa bàn cơ quan, xí nghiệp chưa được chặt chẽ, đã để có sót, lọt, gây ra những phản ứng ở cơ sở và cấp trên phải tác động rồi mới đưa vào loại và nhìn chung vẫn còn có một số trường hợp sót, lọt. Trong dự kiến xếp loại, cá biệt có một vài nơi đã đưa ra xếp gần như công khai một cách biến tướng, trái với nguyên tắc quy định.

Căn cứ vào danh sách xếp loại đảng viên có vấn đề phải xem xét đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt và sau khi chỉ đạo việc thẩm tra, từng chi bộ và các cấp có thẩm quyền đã tiến hành xét quyết nghị việc xử trí hoặc phê chuẩn xử trí đảng viên có các vi phạm gồm: có 846 trường hợp (tính trong số 268 cơ sở đảng, với 5.031 đảng viên ở nơi đã có thống kê, tổng kết), tỷ lệ số đảng viên đã xử trí so với tổng số đảng viên là 16,7%. Số đảng viên đưa ra khỏi Đảng có 436 trường hợp, tỷ lệ so với tổng số

đảng viên là 8,6%. Trong số đảng viên đã xử trí, phân theo ba loại của Chỉ thị 192 thì:

- Loại vi phạm tiêu chuẩn chính trị phải đưa ra khỏi Đảng là 227 trường hợp (số kết luận nhưng được để lại trong Đảng sử dụng có mức độ có 152 trường hợp). Còn 25 trường hợp chưa duyệt (số này có 2 trường hợp phải xin khoan vì không có điều kiện thẩm tra).

- Loại vi phạm về phẩm chất đạo đức cách mạng là 589 trường hợp, trong đó có 179 trường hợp đã thoái hóa biến chất hoặc phạm sai lầm nhất thời nhưng nghiêm trọng phải xử trí khai trừ ra khỏi Đảng. Số còn lại không kể 27 trường hợp chưa được xét duyệt xử trí, số đã xử trí bằng các hình thức khác là:

- + 98 đảng viên xử trí hình thức khiển trách.

- + 160 đảng viên xử trí hình thức cảnh cáo.

- + 11 đảng viên xử trí hình thức cách chức trong Đảng.

- + 141 đảng viên xử trí hình thức lưu lại trong Đảng.

- Loại trình độ giác ngộ chính trị quá thấp do đã bỏ sinh hoạt Đảng lâu, bản thân hiện nay không thiết tha ở lại trong Đảng, đã được chấp thuận đơn xin ra khỏi Đảng ngay khi thực hiện Chỉ thị 192 là 30 trường hợp. Còn để lại trong Đảng có thời hạn để phấn đấu là 224 trường hợp.

Phân tích việc xử trí thấy rằng giữa tình hình sai phạm thực tế của đảng viên với số đảng viên đã xử trí trong cuộc vận động nhận xét là không cao, và so với xử trí thường xuyên lấy mốc từ năm 1965 đến trước khi thực hiện Chỉ thị 192 thì về số lượng đã xử trí tuyệt đối trong cuộc vận động còn thấp hơn (mốc xử trí từ năm 1965 đến trước khi thực hiện Chỉ thị 192 là 997 vụ, số đưa ra khỏi Đảng là 487 vụ, trong 192 đã xử trí 846 vụ, số đưa ra khỏi Đảng là 434 vụ); xử trí trong 192 so với xử trí thường xuyên kể từ năm 1970 đến trước khi thực hiện Chỉ thị 192, số lượng tuyệt đối xử trí trong 192 có cao hơn nhưng không đáng kể (mốc xử trí năm 1970 đến trước khi thực hiện Chỉ thị 192 là 611 vụ, đưa ra khỏi

Đảng 316 vụ, xử trí trong 192 là 846 vụ đưa ra khỏi Đảng 434 vụ). Số xử trí trong cuộc vận động rải ra hàng năm theo xử trí thường xuyên, tuy có nhích lên, nhưng cũng không đáng kể.

Việc xử trí trong cuộc vận động, so sánh giữa hai địa bàn nông thôn + khu phố với cơ quan + xí nghiệp thì tỷ lệ xử trí của địa bàn nông thôn + khu phố là 24%, số phải đưa ra khỏi Đảng tỷ lệ 15,2%, trong khi đó địa bàn cơ quan + xí nghiệp tỷ lệ có 9,75%, số đưa ra khỏi Đảng tỷ lệ chỉ có 2,30%. Như vậy, việc xử trí ở địa bàn cơ quan, xí nghiệp chưa phản ánh đúng thực tế tình hình sai phạm của đảng viên.

Đi vào từng loại: Loại có lịch sử chính trị phức tạp ở địa bàn nông thôn + khu phố đã xử trí chiếm tỷ lệ 8,5% so với tổng số đảng viên nông thôn, khu phố; tỷ lệ chung như vậy phải phản ánh phù hợp với thực tế tình hình. Vấn đề này qua phân tích ở từng vùng khác nhau, việc xử trí cũng có nơi cao thấp khác nhau, cũng có nơi không có trường hợp nào phải xử trí. Điều này cũng phản ánh khá rõ nét về nhận thức, quan điểm xây dựng Đảng, cũng như bối cảnh lịch sử thực tế để lại ở từng nơi khác nhau và đúng với thực tế của tình hình (ở địa bàn 130 cơ sở đảng nông thôn, khu phố trong tỉnh, có 54 cơ sở không có xử trí trường hợp nào thuộc loại vi phạm tiêu chuẩn chính trị, về vùng, huyện Mường Khương ở vị trí phía đông của tỉnh xử trí đối với loại này khá cao (tỷ lệ xử trí so với tổng số đảng viên nông thôn của huyện là 13,5%, trong khi đó huyện Bát Xát ở vị trí phía tây của tỉnh, cũng loại này chỉ phải xử trí với tỷ lệ có 3,1% so với tổng số đảng viên nông thôn của huyện). Cũng loại vi phạm tiêu chuẩn chính trị, nhưng ở địa bàn cơ quan, xí nghiệp, tỷ lệ xử trí chỉ có 0,5% so với tổng số đảng viên, tỷ lệ đó cũng phản ánh đúng với thực tế, ở chỗ cơ quan + xí nghiệp đã có quá trình giải quyết qua thời kỳ chỉnh đốn chi bộ năm 1951-1952 và cuộc bảo vệ Đảng gần đây.

Loại có vi phạm về phẩm chất đạo đức cách mạng ở địa bàn nông thôn + khu phố đã xử trí là trên 14% so với tổng số đảng viên

nông thôn + khu phố - số đưa ra khỏi Đảng 5,5%; trong khi đó ở địa bàn cơ quan + xí nghiệp đã xử trí đối với loại này tỷ lệ so với tổng số đảng viên của địa bàn mới có 9,1% - số đưa ra khỏi Đảng chỉ có 1,5%. Như vậy, địa bàn cơ quan + xí nghiệp xử trí loại có vi phạm về phẩm chất đạo đức cách mạng là không phản ánh đúng thực tế tình hình.

Loại trình độ giác ngộ chính trị quá thấp, tỷ lệ đảng viên xếp vào loại có 5,04 %, trong khi đó số đảng viên bước vào thực hiện Chỉ thị 192 (lấy mốc năm 1972) đã xếp loại phần đầu chưa tốt tỷ lệ trên 10% như vậy nhận định việc xếp loại này là chưa phản ánh đúng với thực tế đội ngũ đảng viên hiện tại.

Tình hình việc xử trí đảng viên khi thực hiện Chỉ thị 192 qua kiểm tra lại ở 7 cơ sở đảng khác nhau tại một huyện chỉ đạo việc tổng kết (huyện Mường Khương) thì trong số 87 trường hợp đã xử trí, số này có 47 trường hợp phải đưa ra khỏi Đảng xem xét điều kiện định các trường hợp đã xử trí là đúng đắn, không có trường hợp nào sai. Những nơi tiến hành kiểm tra lại cũng không phát hiện còn sót, lọt trường hợp nào đáng phải xử trí nhưng chưa xử, 7 cơ sở đảng thuộc huyện Mường Khương, khi kiểm tra lại có sự chỉ đạo chặt chẽ, nên có cơ sở để khẳng định vấn đề tương đối được chính xác. Các đảng bộ khác, khi tổng kết cũng đều có tổ chức việc kiểm tra lại, trong đó có nơi (huyện Bảo Thắng) có khẳng định có sai, sót, nhưng sai không đáng kể mà sót nhiều hơn. Những trường hợp có phát hiện còn sót đối tượng thường là đảng viên có chức vụ ở cơ sở. Có nơi (huyện Bát Xát và hai thị xã Lào Cai và Cam Đường) khi kiểm tra lại cơ sở đều kết luận không có sai, sót gì đáng kể.

Sau xử trí, đến nay có 47 trường hợp khiếu nại trong số 846 trường hợp đã xử trí, tỷ lệ khiếu nại so với tổng số xử trí chiếm 5,8% (loại có vi phạm tiêu chuẩn chính trị có khiếu nại là 10 trường hợp trong số đã xử trí 227 trường hợp, loại vi phạm về phẩm chất đạo đức cách mạng có khiếu nại là 37 trường hợp trong số 589 trường

hợp đã xử trí). Việc này đến nay chưa xét được để đánh giá đúng, sai, nhưng nhìn vào tỷ lệ khiếu nại cũng ở mức bình thường.

Tóm lại, việc xếp loại và xử trí đảng viên như tình hình nêu trên, đối chiếu với yêu cầu, mục đích Chỉ thị 192 và ý định chỉ đạo thực hiện của Tỉnh ủy, như vậy phần kết quả đánh giá chung việc xếp loại được chặt chẽ, đúng, việc xử trí được dứt điểm, gọn. Qua kiểm tra lại ở số cơ sở đảng khi tổng kết ở cấp huyện, tuy còn có một số trường hợp có phát hiện sai, sót ở khâu xử trí, nhưng tỷ lệ này rất thấp không đáng kể.

Thông qua việc xử trí đảng viên có vi phạm sai lầm, Tỉnh ủy khẳng định đây là một đợt giáo dục rất sâu sắc về tiêu chuẩn, nhiệm vụ đảng viên, không những chỉ trong Đảng và cả đối với quần chúng. Từ cơ sở này là điều kiện tốt để giáo dục, ngăn chặn đảng viên vi phạm sai lầm, cũng như tiếp tục giải quyết số trường hợp chưa được phát hiện xử trí trong quá trình sau này.

c) Nhận xét ưu, khuyết điểm trong việc vận dụng chính sách, phương châm xử trí.

Quán triệt chính sách, phương châm xử trí của Trung ương Đảng đề ra đối với đảng viên có vi phạm sai lầm nói chung và đối với từng loại phải xử trí nêu trong Chỉ thị 192 nói riêng, kết hợp với việc nắm tình hình cụ thể ở địa phương để chỉ đạo vận dụng nhằm đảm bảo được tinh thần cơ bản của chính sách. Phương châm xử trí là: về nguyên tắc phải chặt chẽ, nghiêm túc, kiên quyết, còn về biện pháp phải hết sức thận trọng, chính xác, thông suốt. Đây là một vấn đề rất khó đặc biệt tỉnh ta là một địa bàn miền núi, cơ sở Đảng đều mới xây dựng, lại là nơi biên giới, nên càng rất khó và phức tạp hơn nhiều.

Quá trình chỉ đạo, Tỉnh ủy rất coi trọng việc làm cho các cấp, các ban giúp việc và cán bộ thừa hành nắm được chính sách, phương châm xử trí, bằng những hội nghị bồi dưỡng, bằng những cuộc xét duyệt xử trí điển hình, để rút kinh nghiệm.

Căn cứ vào tài liệu điều tra cơ bản về đội ngũ đảng viên trước khi thực hiện Chỉ thị 192, dựa vào tiêu chuẩn định loại và chính sách, phương châm xử trí từng loại nêu trong Chỉ thị 192 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Công văn số 390, 751 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng, quan điểm vận dụng để chỉ đạo của Tỉnh ủy đối với từng loại, và kết quả việc vận dụng đó. Kiểm điểm có ưu, khuyết điểm sau đây:

- Đối với loại có lịch sử chính trị phức tạp: Tỉnh ủy rất coi trọng, coi đây là tiêu chuẩn đảng viên, là ranh giới giữa người cách mạng và những người đã từng có hành động chống lại cách mạng, đã chỉ đạo chặt chẽ việc giải quyết và xử trí, chủ yếu là những trường hợp lịch sử chính trị bản thân tham gia đi phỉ, đi đồng. Vì vậy là vấn đề nổi bật, không phải mang tính chất đặc thù riêng biệt một nơi nào, mà là tình hình phổ biến chung ở các đảng bộ xã, bởi thế vấn đề mang một ý nghĩa chung. Đã vậy, số người có lịch sử đi phỉ, đi đồng đã được kết nạp vào Đảng hầu hết đều là phỉ, đồng ở thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Theo chính sách đối với đảng viên lịch sử đi làm thổ phỉ, lính nguy... Nếu vấn đề thuộc thời gian kháng chiến chống Pháp, cứ có tội ác với cách mạng thì đưa ra khỏi Đảng (chính sách không nói tội ác nhiều hay ít). Vậy, vấn đề đặt ra với thực tế tình hình của Đảng bộ và tinh thần chính sách đề ra, Tỉnh ủy phân tích trong số người đi phỉ, dù thời gian ít hay nhiều, nhưng tính chất đều gây tác hại cho cách mạng. Tuy vậy cũng không thể nhất loạt hễ lịch sử chính trị bản thân nếu có đi phỉ, thì đều phải đưa ra khỏi Đảng, mà phải có phân biệt giữa phỉ tích cực, phỉ nhiều đợt với người cưỡng bức hoặc a dua, mặt khác còn phải xem xét cả các biểu hiện trước, trong và sau khi đi phỉ, chú trọng các biểu hiện trong khi đi phỉ (động cơ, thời gian, hành động, hoàn cảnh khi đầu hàng để làm rõ về trách nhiệm cá nhân) và biểu hiện từ khi tham gia cách mạng đến nay ở từng trường hợp cụ thể, từ đó khẳng định rõ bản chất từng người, khẳng định rõ giữa công và tội, cách đặt ra để chỉ đạo có làm rõ như vậy

thì việc giải quyết mới vừa đảm bảo chính sách, vừa có sự vận dụng đúng đắn, đạt được mục đích nhằm gạt bỏ phần tử quá khứ vốn là người xấu, hiện tại vẫn là người xấu, mặt khác giữ lại trong Đảng người tuy có lịch sử phức tạp nhất thời do bị cưỡng ép, a dua đã có hối cải, đã có thủ thách rèn luyện, hiện nay biểu hiện tốt và có mối liên hệ với quần chúng, được quần chúng tin yêu.

Với quan điểm chỉ đạo đặt ra đó, trong quá trình thực hiện vận dụng số liệu đã nêu ở phần xếp loại và xử trí (đưa ra khỏi Đảng 227 trường hợp, để lại trong Đảng 152 trường hợp; ngoài ra còn thanh minh về lịch sử cho 25 trường hợp thuộc địa bàn 124 cơ sở đảng ở xã) điều đó đã nói rõ sự vận dụng. Đi vào cụ thể một số nơi để phân tích: Ví dụ: Huyện Mường Khương trong 110 trường hợp ở lại, khi kết luận đã vận dụng để lại trong Đảng 30 trường hợp, còn 80 trường hợp kết luận có tội ác, đã xử trí đưa ra khỏi Đảng, trong đó có 24 trường hợp phải nổi 3 đợt theo phỉ cả 3 đợt, hoặc trước khi đi phỉ mà từng đi lính đồng, lính bảo an cho Pháp, Nhật, cộng lại là 4,5 lần theo địch khác nhau; thậm chí có số ít đáng ra còn phải đưa đi cải tạo tập trung, nhưng lại kết nạp vào Đảng. Cũng trong số này có 37 trường hợp (trong số 80 trường hợp đã xử trí) là phỉ có tội ác, nhưng lại phạm cả các sai lầm như: tham ô, buôn lậu, vượt biên, đánh bạc, không sinh hoạt đảng, không đóng đảng phí và không làm nhiệm vụ đảng viên thời gian dài... Huyện Bắc Hà, trong số 66 trường hợp có lịch sử chính trị phức tạp, đã kết luận được để lại trong Đảng 25 trường hợp, còn 41 trường hợp, kết luận là phỉ có tội ác phải xử trí đưa ra khỏi Đảng, trong số này có 14 trường hợp vừa đi phỉ, đi đồng 2,3 đợt khác nhau (7 trường hợp vừa đi đồng (...) cả hai đợt phỉ nổi đều đi phỉ, 7 trường hợp khác đi phỉ từ 2 đến 3 đợt). Cũng trong số 41 trường hợp xử trí đưa ra khỏi Đảng, còn 21 trường hợp ngoài tội ác đi làm đồng, phỉ, nhưng đã phạm cả các sai lầm khác như: tham ô, hủ hóa, trồng và bán thuốc phiện lậu, bắt trộm trâu của dân để mổ thịt, lợi dụng chức quyền ức hiếp bóc lột nhân dân, bỏ sinh hoạt đảng, bỏ nhiệm vụ đảng viên

nhiều năm... Huyện Bảo Thắng có 79 trường hợp đưa vào loại lịch sử chính trị phức tạp, đã kết luận được để lại trong Đảng 25 trường hợp, còn 53 trường hợp kết luận vi phạm tiêu chuẩn chính trị phải xử trí đưa ra khỏi Đảng, trong số này có 15 trường hợp trước khi đi phỉ, đã đi làm lính bảo an, lính đồng, lính Quốc Dân Đảng, đều có gây tội ác và 34 trường hợp khác có cả các vi phạm về phẩm chất đạo đức cách mạng, v.v..

Quan điểm đặt vấn đề để chỉ đạo và vận dụng chính sách, phương châm xử trí đối với những trường hợp có lịch sử chính trị phức tạp đã kết nạp vào Đảng (chủ yếu ở địa bàn nông thôn) của Tỉnh ủy như nêu trên, Tỉnh ủy kiểm điểm và khẳng định là rất đúng đắn, phù hợp với thực tế tình hình, vừa kiên quyết, triệt để, vừa khách quan, toàn diện. Tất nhiên có sự vận dụng được đúng đắn này do đã có quá trình nắm tình hình, quá trình rút kinh nghiệm qua các đợt làm thủ, đồng thời cũng trải qua sự đấu tranh tư tưởng trong nội bộ khá phức tạp mới đạt được việc kiên quyết, triệt để đó. Đến nay, nhìn chung - kể cả nơi có tỷ lệ xử trí đưa ra khỏi Đảng ở loại này khá cao, nhưng tình hình tư tưởng ở trong Đảng và quần chúng đều ổn định, mọi hoạt động vẫn bình thường, nhiều nơi đang có chiều hướng vươn lên rõ rệt. Qua từng cơ sở và các huyện đã tổng kết việc thực hiện Chỉ thị 192 đều có khẳng định rõ kết quả này. Kết quả này được đông đảo đảng viên quần chúng hưởng ứng, đồng tình, bản thân số người đã xử trí đưa ra khỏi Đảng số đông đều thừa nhận việc phải ra khỏi Đảng là đúng đắn.

Bên cạnh kết quả đạt được, qua tình hình tổng kết ở cơ sở và ở cấp huyện cũng như việc kiểm tra lại ở một số nơi, còn thấy có một số thiếu sót, khuyết điểm. Phạm vi cấp tỉnh, Tỉnh ủy đã có Chỉ thị về việc tiếp tục ổn định tư tưởng và sử dụng tài năng của số người phạm tiêu chuẩn chính trị phải đưa ra khỏi Đảng, nhưng một số nơi chưa thực hiện nghiêm chỉnh Chỉ thị này. Do đó trừ một số người quá xấu, trong số khác còn lại còn có một số người chưa được giao công tác rõ ràng, tâm tư còn lo lắng việc đối xử với con cái họ

sau này, nhưng ta vẫn chưa có sắp xếp, ổn định tư tưởng đối với họ. Một số người có thư khiếu nại về việc kết luận chưa đúng đối với họ ta cũng chưa có sự xem xét, giải quyết được khẩn trương, tích cực, để họ được thật sự yên tâm.

- Đối với loại có vi phạm về phẩm chất đạo đức cách mạng: Loại này, Tỉnh ủy đặt ra tư cách của người đảng viên để làm tiêu chuẩn phân biệt và lấy nhiệm vụ người đảng viên để soi rọi đánh giá ưu, khuyết điểm. Trong chỉ đạo Tỉnh ủy nhấn mạnh làm rõ về nội dung, chính sách xử trí nhằm phân biệt ranh giới giữa những trường hợp đã thoái hóa biến chất với trường hợp những đảng viên trong quá trình công tác có nhiều cống hiến, tích cực chấp hành chính sách của Đảng và Nhà nước, tuy nhất thời phạm sai lầm nghiêm trọng nhưng biết ăn năn hối lỗi, có triển vọng tiến bộ, còn tín nhiệm với quần chúng, với đảng viên trình độ giác ngộ quá thấp, để xử trí đúng. Mặt khác, từ thực tế tình hình địa phương, Tỉnh ủy còn chú trọng chỉ đạo chặt chẽ đối với những trường hợp vi phạm của đảng viên, có quan hệ đến những vấn đề mang theo đặc điểm dân tộc, tập quán lạc hậu còn trong một số vùng dân tộc, nhằm phân biệt được rõ giữa sai lầm có tính chất lợi dụng với sai lầm do sự lạc hậu, nhưng lại mang tính chất phổ biến trong quần chúng ở nơi đó, dân tộc đó để định việc xử trí và vận dụng chính sách, phương châm, đúng đắn. Đối với trường hợp này, quan điểm chỉ đạo của Tỉnh ủy là: Nếu sai lầm của đảng viên mang tính lợi dụng đặc điểm hoặc tập quán lạc hậu, lại có hệ thống, quần chúng lên án thì phải nghiêm khắc xử trí; những trường hợp sai phạm có mức độ, nhất thời thì xử trí có mức độ hoặc miễn xử trí; những sai phạm mang tính chất đặc điểm hoặc tập quán lạc hậu, quần chúng chưa lên án thì chủ yếu là giáo dục, giác ngộ, được miễn xử trí.

Riêng ở những nơi cơ sở đảng yếu, kém, đảng viên nhiều đồng chí mắc sai phạm thì vẫn phải xử trí, nhưng có chỉ đạo thu hẹp diện xử trí đối với những sai phạm có tính chất phổ biến, thông thường và xử nghiêm đối với trường hợp sai phạm có ý thức và

ng nghiêm trọng, ở nơi cốt cán cơ sở có sai lầm nhưng không lớn, lại chưa có người thay thế ngay thì việc xử trí cũng có sự châm chước cần thiết, những sai lầm phải được phân tích rõ, người phạm sai lầm phải có hứa hẹn và có biện pháp sửa chữa sai lầm phạm phải.

Thực hiện chính sách, phương châm xử trí. Trung ương đề ra cũng như quan điểm vận dụng của Tỉnh ủy vào tình hình cụ thể ở địa phương, kiểm điểm lại nhìn chung là đúng đắn. Các cấp ủy và tổ chức Đảng đã nhận thức và nắm được nội dung chính sách xử trí của Đảng. Đối với những trường hợp đã thoái hóa biến chất, việc xử trí được kiên quyết; các trường hợp sai phạm khác của đảng viên cũng được xử trí nghiêm minh hơn, những sai phạm mang theo đặc điểm dân tộc, tập quán lạc hậu của đảng viên đều được kiểm thảo, phân tích thận trọng, xử trí có tình có lý, đúng với quan điểm vận dụng, chỉ đạo của Tỉnh ủy đề ra.

Riêng số đảng viên dân tộc thiểu số ở địa phương có các sai phạm thì biểu hiện của sai phạm chủ yếu thuộc dạng tập quán lạc hậu, các sai phạm này không mang tính chất phổ biến chung, mà tập trung ở từng vùng nhất định như đảng viên nghiện hút thuốc phiện chỉ có ở một số xã thuộc huyện Bát Xát - Sa Pa, hoặc đảng viên lấy vợ lẽ thì tập trung nhiều ở huyện Mường Khương. Qua thực hiện Chỉ thị 192, xã giải quyết xử trí: 16 đảng viên nghiện hút thuốc phiện ở huyện Bát Xát đã xử trí khai trừ ra khỏi Đảng 7 đảng viên (có một trong 7 đảng viên này xử trí chủ yếu là vi phạm tiêu chuẩn chính trị), biểu hiện sai phạm của số này là đã nghiện hút nặng và do nghiện hút mà dẫn đến việc trộm cắp, bán ruộng đất, bỏ sinh hoạt đảng, bỏ nhiệm vụ đảng viên, không có uy tín trong Đảng và quần chúng; lưu lại trong Đảng để giáo dục 7 đảng viên - số này cũng nghiện hút nặng nhưng chưa đến mức độ bê tha, bệ rạc và còn có khả năng sửa chữa, còn 2 đảng viên, việc nghiện hút ở mức độ nhẹ, nên chỉ kiểm điểm sâu sắc và yêu cầu trong một thời gian ngắn phải cai nghiện và tiến tới bỏ hẳn. Huyện Mường Khương có 7 trường hợp đảng viên lấy vợ lẽ kể từ thời gian

năm 1970 trở lại đây, đã xử trí khai trừ ra khỏi Đảng 5 đảng viên (số này vợ cả đều có đủ cả trai, gái, trong số này có trường hợp người phải lấy lẽ phản đối, anh em nội tộc làng xóm không đồng tình, chi bộ đảng đã giáo dục khuyên ngăn, nhưng không tiếp thu, đã gây ảnh hưởng xấu); còn 2 trường hợp chỉ áp dụng xử trí mức cảnh cáo (2 trường hợp này tuy đã có vợ lâu, nhưng không có con hoặc vợ cả có đẻ nhưng không nuôi được, và do người vợ cả tự nguyện chủ động đi tìm vợ hai cho chồng).

Đối với số đảng viên là thầy cúng, nói chung không đặt ra xử trí riêng nội dung sai phạm đi làm thầy cúng. Tuy không xử trí nhưng đều có yêu cầu đảng viên có kiểm thảo và hứa không đi cúng nữa.

Bên cạnh việc thực hiện chính sách, phương châm xử trí được đúng đắn, kiên quyết, cũng còn có những thiếu sót, khuyết điểm. Nhìn trên số liệu thống kê ở địa bàn nông thôn, việc xử trí đảng viên ở loại vi phạm phẩm chất đạo đức tương đối được nghiêm minh (số phải xử trí so với tổng số đảng viên của địa bàn tỷ lệ trên 14% - số phải xử trí khai trừ ra khỏi Đảng tỷ lệ 5,51%). Ở địa bàn cơ quan, xí nghiệp việc xử trí chưa phù hợp với thực tế tình hình (số liệu của 138 cơ sở đảng ở nơi đã tổng kết, có 41 chi, đảng bộ không có đảng viên xếp vào loại vi phạm đạo đức phẩm chất, ngoài ra còn 24 cơ sở tuy có xếp loại nhưng không có xử trí đảng viên và 105 cơ sở không có xử trí khai trừ đảng viên; về số phải xử trí so với tổng số đảng viên của địa bàn tỷ lệ trên 9%, số phải trừ ra khỏi Đảng tỷ lệ có 1,5%).

Đánh giá việc xử trí ở địa bàn cơ quan + xí nghiệp chưa phù hợp không chỉ phân tích đơn thuần tỷ lệ thấp, mà thực tế qua tình hình thì đảng viên có nhiều sai phạm về thiếu trách nhiệm, xoay sở móc ngoặc, ăn cắp tài sản của tập thể và Nhà nước, làm ăn phi pháp, gây mất đoàn kết nội bộ, thiếu dân chủ với quần chúng, nhưng qua thực hiện Chỉ thị 192 hầu như các vấn đề này chưa được giải quyết một cách cơ bản. Khi tổng kết việc thực hiện Chỉ

thị 192 ở tổ chức cơ sở đảng, nhiều nơi đảng viên, quần chúng đều có phát biểu và nêu thắc mắc về sự giải quyết chưa triệt để, nghiêm minh đối với các biểu hiện sai phạm đó của đảng viên.

Về mặt chỉ đạo chung, Tỉnh ủy kiểm điểm chưa có biện pháp chỉ đạo kết hợp chặt chẽ giữa Chỉ thị 192 với Nghị quyết 228, Nghị quyết 23 nhằm giải quyết triệt để các vấn đề tiêu cực của đảng viên ở địa bàn cơ quan, xí nghiệp. Đối với các đảng viên có sai lầm thuộc phạm vi cơ quan nhà nước, hoặc các đoàn thể quần chúng, cũng chưa có biện pháp để các đảng viên đó phải kiểm thảo sai lầm trước cơ quan nhà nước và đoàn thể quần chúng. Đối với cấp ủy cơ sở địa bàn cơ quan, xí nghiệp nhìn chung còn tình trạng nể nang, sợ mất thành tích, sợ liên đới trách nhiệm, cá biệt có nơi có biểu hiện bao che sai lầm cho nhau, nên việc phát hiện, đấu tranh, xử trí gặp nhiều khó khăn, dẫn đến có trường hợp đáng phải xử trí nhưng không xử trí hoặc đáng xử trí nặng nhưng lại xử nhẹ.

- Đối với loại trình độ giác ngộ chính trị quá thấp:

Quán triệt nội dung, chính sách Trung ương đề ra về loại này khi vận dụng để thực hiện vào tình hình địa phương, đặc biệt là đối với vùng nông thôn, nhất là vùng nông thôn rẻo cao, biên giới, Tỉnh ủy nhấn mạnh đến tính chất của một đảng bộ mới được xây dựng lại trong điều kiện người được giới thiệu vào Đảng phần lớn chưa đủ tiêu chuẩn giác ngộ về Đảng nhưng vẫn kết nạp, và tính chất đặc điểm về xã hội về tự nhiên... có quan hệ đến trình độ, năng lực và nhiệt tình cách mạng của người đảng viên, để có sự xem xét một cách thận trọng, khách quan, phù hợp với thực tế tình hình. Do đó đặt ra ranh giới để phân biệt là chỗ người đảng viên phải hơn hẳn quần chúng về nhiệt tình cách mạng, về chấp hành các chủ trương, chính sách và về ý thức tổ chức kỷ luật. Riêng có số trường hợp nào đó khi đã xếp vào loại và đã có giáo dục, nhưng bản thân không thiết tha ở lại trong Đảng nữa; người đó lại có quá trình đã bỏ nhiệm vụ đảng viên (không sinh hoạt đảng, không nhận nhiệm vụ Đảng phân công) và không có uy tín gì trong quần

chúng thì, có thể khuyến khích, chấp thuận đơn cho ra khỏi Đảng ngay khi thực hiện Chỉ thị 192.

Với quan điểm vận dụng để chỉ đạo thực hiện vào tình hình địa phương kiểm điểm được đúng đắn. Tuy vậy khi tiến hành do chỉ đạo không chặt nên tỷ lệ số đảng viên đã đưa vào loại chưa thật hợp lý (5% so với tổng số đảng viên ở địa bàn đã tổng kết, trong đó ở địa bàn nông thôn tỷ lệ 7,5 % cơ quan + xí nghiệp 2,6%). Số đã chấp thuận đơn cho ra khỏi Đảng (tỷ lệ là 0,5%, trong đó nông thôn đã đưa ra 28/187 trường hợp xếp vào loại, cơ quan + xí nghiệp đưa ra 2/67 trường hợp xếp vào loại). Số còn lại đều để lại trong Đảng từ 6 tháng đến một năm để kèm cặp, giáo dục theo chính sách.

Qua việc thực hiện chính sách, nói chung nơi nào cũng có phân công đảng viên tốt kèm cặp, dìu dắt và ở các huyện hầu hết đều có mở các lớp bồi dưỡng theo chương trình sơ giản cho đối tượng này. Đến nay qua kiểm tra lại cũng có nhiều đảng viên có rèn luyện vươn lên tốt, nhưng đối với những nơi nhất là vùng cao, hợp tác xã không có, phong trào kém thì có hạn chế nhiều đến sự rèn luyện phấn đấu vươn lên, không những chỉ riêng đối với loại này mà cả đội ngũ đảng viên nói chung ở các cơ sở đó.

Cũng qua việc thực hiện, có một số nơi do nhận thức không đầy đủ nên chỉ đạo việc định loại không chặt chẽ (cho rằng có để sót loại này cũng chưa gây ra tác hại gì lớn cho Đảng). Một số ít nơi có khuynh hướng lệch lạc, nên xếp đảng viên vào loại này không chính xác như đưa một số có vi phạm phẩm chất vào loại giác ngộ chính trị thấp để khi hết thời hạn phấn đấu không tiến bộ thì xóa tên đưa ra khỏi Đảng được dễ dàng hơn so với loại vi phạm về phẩm chất đạo đức, nhưng chưa đến mức khai trừ Đảng được. Ngoài ra, tình trạng phân loại rồi để đó, không có kế hoạch giáo dục, giúp đỡ gì cũng có thể hiện ở một số nơi. Đó là một số lệch lạc, đã có uốn nắn, và cần tiếp tục uốn nắn để thực hiện được đúng chính sách của Đảng đối với loại này.

Tóm lại, về nhận thức nội dung, chính sách xử trí từng loại và quan điểm vận dụng chính sách, phương châm xử trí đối với đảng viên có các vi phạm sai lầm vào tình hình địa phương, nhìn chung là đúng đắn, phù hợp với thực tế tình hình chủ quan, khách quan của đội ngũ đảng viên trong Đảng bộ. Do thực hiện vận dụng đúng, đã tạo ra mặt tích cực để giải quyết tình hình tiêu cực trong nội bộ Đảng; quá trình thực hiện, cũng do chỉ đạo được đúng với quan điểm chính sách, phương châm của Đảng, nên số đảng viên phải xử trí nói chung và số xử trí đưa ra khỏi Đảng nói riêng, tuy giải quyết trong cùng một thời gian và có số nơi có tỷ lệ xử trí hoặc đưa ra khỏi Đảng cao, nhưng tình hình đều lành mạnh, ổn định. Bên cạnh kết quả đạt được, trong chỉ đạo một số cấp ủy, chủ yếu ở địa bàn cơ quan + xí nghiệp, việc nhận thức về nội dung chính sách xử trí, cũng như phương châm xử trí có biểu hiện chưa đầy đủ, dẫn đến hữu khuynh, thiếu triệt để. Vì vậy, tuy đã qua thực hiện Chỉ thị 192 nhưng nội bộ vẫn mắc mưu, tồn tại nhiều vấn đề chưa được giải quyết hoặc đã giải quyết nhưng không triệt để.

d) Kết quả và tác dụng của việc xử trí

Dựa vào kết quả thống kê của các cơ sở đảng đã tổng kết, cũng như ý kiến đánh giá của các hội nghị tổng kết các cấp, và qua xác nhận của các điểm kiểm tra khi tổng kết, hầu hết đều có một khẳng định việc xử trí đảng viên đã đem lại kết quả tốt và có tác dụng trên nhiều mặt. Những kết quả, tác dụng tương đối được rõ nét là:

1) Qua việc xử trí đảng viên nói chung và việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng nói riêng đã làm cho nội bộ Đảng được đoàn kết nhất trí hơn trước. Thực tế những đảng viên có sai phạm, những người có lịch sử chính trị xấu nhưng đã được kết nạp vào Đảng, những đảng viên khi kết nạp vào Đảng không đủ tiêu chuẩn giác ngộ về Đảng, trong mấy năm qua, đã làm cho nội bộ trong Đảng có thắc mắc, quần chúng hoài nghi, nhận thức phải trái lẫn lộn về người đảng viên. Nay đã làm rõ

đúng sai từng trường hợp và các trường hợp khi đã làm rõ, được chi bộ thừa nhận cấp trên nhất trí; đồng thời dựa vào từng loại mức độ sai phạm khác nhau, dựa vào phương châm, chính sách xử trí qua Đảng, đã tiến hành xử trí hoặc thanh minh cho từng trường hợp. Đó là cơ sở thực tế để tạo ra sự thông suốt thực sự trong nội bộ Đảng, từ đó nội bộ trong Đảng đã được nhất trí đoàn kết hơn trước. Qua đó còn củng cố được lòng tin của quần chúng đối với Đảng.

2) Nhiều cơ sở đảng, thông qua việc xử trí đảng viên và đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng, đã là dịp tốt và điều kiện để sắp xếp lại đội ngũ cốt cán ở cơ sở được đảm bảo đúng tiêu chuẩn và sự hoạt động được tốt hơn. Tài liệu thống kê của 268 cơ sở đảng, khi thực hiện Chỉ thị 192 đã xử trí 136 đồng chí hiện là cấp ủy viên cơ sở, trong đó xử trí đưa ra khỏi Đảng là 63 đồng chí. Trong số đã đưa ra khỏi Đảng có 13 đồng chí hiện là bí thư chi, đảng ủy cấp cơ sở, 50 đồng chí là cấp ủy viên cơ sở. Trong số cấp ủy viên này có 20 đồng chí hiện là Chủ tịch, 19 Phó chủ tịch xã, 12 đồng chí là xã đội trưởng, 8 đồng chí là trưởng công an xã, 60 đồng chí là chủ nhiệm, phó chủ nhiệm hợp tác xã nông nghiệp. Đối với các cơ sở đảng ở nông thôn đại bộ phận các ban chi, Đảng ủy đều được chấn chỉnh hoặc bầu lại thông qua việc thực hiện Chỉ thị 192 lần này.

Các cấp ủy cơ sở và đội ngũ cốt cán mới được lựa chọn, kiện toàn lại, nhìn chung về mặt lịch sử chính trị đều tốt, tuổi đời tương đối trẻ, hăng hái hoạt động, hòa mình với quần chúng ở cơ sở. Huyện Mường Khương trong 26 chi, đảng bộ xã được bầu cử lại cấp ủy sau khi thực hiện Chỉ thị 192, qua nhận xét của huyện ủy thì các ban chi, Đảng ủy đều hoạt động khá hơn trước, chỉ có 3 ban chi ủy so với trước việc hoạt động có mặt bình thường, có mặt kém hơn. Các huyện Si Ma Cai, Bảo Thắng, cũng đều có đánh giá tình hình đội ngũ cốt cán ở cơ sở như vậy.

3) Việc xử trí đảng viên và đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng đã có kết quả và tác dụng tích cực thúc

đẩy đảng viên có sai lầm đã hoặc đang sửa chữa sai lầm nhìn chung tốt và có nhiều mặt khá tốt. Các sai lầm đảng viên phạm phải thông qua kiểm điểm phân tích đều có sửa chữa. Nổi lên ở địa bàn nông thôn là việc xin củng cố hoặc xây dựng lại các hợp tác xã nông nghiệp đã không đảm bảo nội dung hoặc tan vỡ, trả các khoản tiền thóc vay nợ nhập nhằng, tham ô; đối với các sai lầm buôn bán, vượt biên, đánh bạc, ăn của đút lót, việc sửa chữa của đảng viên khá tốt. Ở địa bàn cơ quan, xí nghiệp việc sửa chữa sai lầm của đảng viên nổi lên là việc chấn chỉnh thu hồi các khoản chi tiêu, tạm ứng, chiếm dụng của công không đúng trước đây; số đảng viên lười công tác, học tập cũng đều được sửa chữa khá tốt. Ngoài ra, nói chung ở các cơ sở đảng thông qua việc làm 192 kỳ này đối với số đảng viên trước đây không được giao nhiệm vụ hoặc giao nhưng không nhận nay đều được phân công hoặc đã nhận công tác Đảng giao; việc ghi danh sách đảng viên, việc viết lý lịch và quản lý hồ sơ của đảng viên cũng đều sửa chữa, chấn chỉnh lại một cách đầy đủ theo đúng quy định của Đảng.

4) Quan hệ giữa chi bộ, đảng viên và quần chúng được tăng cường hơn trước. Thông qua việc thực hiện Chỉ thị 192, những thiếu sót của chi, đảng bộ địa phương, và những thiếu sót, khuyết điểm của đảng viên, nay đã được kiểm điểm sửa chữa, do đó quần chúng đã tin vào sự lãnh đạo của chi, đảng bộ, hiểu và tin đảng viên hơn trước. Những đảng viên tốt, gương mẫu, chịu khó lăn lộn với phong trào, được quần chúng ca ngợi, biểu dương. Những đảng viên có khuyết điểm thành thật nhận khuyết điểm và quyết tâm sửa chữa, đều được quần chúng hoan nghênh và quần chúng vẫn tin nhiệm bầu vào các cương vị lãnh đạo các cơ quan chính quyền, đoàn thể và hợp tác xã. Mặt khác, qua học tập, nắm vững tiêu chuẩn đảng viên, quần chúng đã giới thiệu cho Đảng những người ưu tú trong quần chúng để Đảng lựa chọn, giáo dục bồi dưỡng để phát triển vào Đảng. Điều này đã xác nhận rõ trách nhiệm và mối quan hệ đúng đắn giữa Đảng và quần chúng.

5) Thông qua những việc làm cụ thể của việc giải quyết tình hình tiêu cực trong nội bộ Đảng, đã có tác dụng góp phần thúc đẩy việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng ở địa phương, đơn vị được tốt hơn. Vấn đề này, các cơ sở đảng khi tổng kết việc thực hiện Chỉ thị 192 đều có đánh giá những nhiệm vụ chính trị trước mắt ở cơ sở như tuyển quân, làm nghĩa vụ lương thực, thực phẩm, đẩy mạnh sản xuất đúng kỹ thuật, thời vụ, khai phá nương ruộng bậc thang, củng cố xây dựng lại hợp tác xã mua bán, tín dụng, nông nghiệp... đều thực hiện có kết quả tốt. Riêng các cơ sở đảng ở vùng cao, nhiều nơi do hợp tác xã bị vỡ, nghĩa vụ lương thực, thực phẩm được miễn, vì thế việc chuyển biến có những mặt không rõ rệt, mà rõ nét thường ở các vấn đề: củng cố lại hợp tác xã mua bán để phục vụ các hàng hóa tiêu dùng cho nhân dân, xây dựng củng cố các trường lớp học văn hóa cho các cháu, vận dụng và thu mua thực phẩm giá cao, vận động ủng hộ và mua lương thực giá cao để giúp đồng bào miền Nam, khai vỡ nương, ruộng bậc thang, tuyển quân và vận động số bộ đội đảo ngũ trở về đơn vị... Các cơ sở đảng ở cơ quan, xí nghiệp thì chuyển biến của cơ quan nhìn chung không thật rõ nét, còn ở xí nghiệp chỉ trừ một vài nơi (chi bộ mộc xẻ, chi bộ thi công cơ giới, may mặc quốc doanh) trong khi thực hiện Chỉ thị 192 không có khí thế sản xuất có ảnh hưởng đến việc hoàn thành kế hoạch trong quý còn các nơi khác hầu hết kế hoạch tháng, quý đều hoàn thành hoặc hoàn thành vượt mức.

6) Việc xử trí đảng viên chẳng những đã giải quyết tốt các mắc mứu, tiêu cực đã nhiều năm trong nội bộ Đảng, mà thông qua việc làm này còn có tác dụng giúp cho các cấp ủy đảng thấy rõ hơn thực chất của tổ chức cơ sở đảng, đánh giá đúng hơn tình hình đội ngũ cán bộ, đảng viên; thấy rõ hơn ưu, khuyết điểm về sự lãnh đạo, chỉ đạo của chính bản thân cấp mình, để rút kinh nghiệm, bài học đi sâu và làm tốt hơn đối với công tác xây dựng Đảng.

Thực tế trong công tác xây dựng Đảng ở Đảng bộ tỉnh Lào Cai chưa có lần nào mà các cấp ủy đảng nắm vững được lịch sử, ưu

khuyết điểm của từng đảng viên và sự hoạt động yếu mạnh của từng cơ sở đảng ở cấp mình như lần này. Cũng từ thực tế tình hình đó mà các cấp ủy từng cấp đã có suy nghĩ về trách nhiệm của mình trước nhiệm vụ, yêu cầu về nâng cao sức chiến đấu và vai trò lãnh đạo của Đảng để có biện pháp giáo dục, bồi dưỡng, phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm đối với từng đảng viên và từng cơ sở đảng.

Chắc chắn, do nắm được thực tế đúng đắn, cộng với trách nhiệm được đề cao của mỗi cấp ủy, rồi đây việc phát triển đảng viên, việc giáo dục đảng viên, việc lựa chọn, sử dụng cốt cán lãnh đạo sẽ được thực hiện một cách nghiêm túc, tạo ra cho đội ngũ cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ tỉnh ta luôn giữ được đúng tính chất của Đảng, thực hiện đúng các phương châm xây dựng Đảng theo Nghị quyết hội nghị lần thứ 23 Trung ương Đảng đề ra.

Phần III

Kiểm điểm ưu, khuyết điểm việc thực hiện Phương châm, nguyên tắc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng và tổ chức chỉ đạo thực hiện chỉ thị 192 của Cấp ủy Đảng

Qua hơn ba năm lãnh đạo, tổ chức, triển khai cuộc vận động thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư Trung ương Đảng tại hầu hết khắp các cơ sở đảng trong tỉnh, Tỉnh ủy kiểm điểm có những ưu khuyết điểm trong việc vận dụng thực hiện phương châm, nguyên tắc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng và trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện sau đây:

A. ƯU ĐIỂM CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

- Về chỉ đạo: Ngoài trách nhiệm chỉ đạo chung của tập thể cấp ủy, của tập thể Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh ủy đã phân công 4

đồng chí cấp ủy viên chịu trách nhiệm trước cấp ủy để chỉ đạo các việc cụ thể (trong 4 đồng chí có 2 đồng chí trong thường vụ); đồng thời đã sử dụng tốt 3 Ban xây dựng Đảng (Tuyên huấn, Tổ chức, Ủy ban kiểm tra) và một số ban khác (Ban bảo vệ Đảng, Ban lịch sử Đảng) tham gia giúp sự chỉ đạo của cấp ủy. Cùng với việc phân công phụ trách chỉ đạo việc làm ngay sau khi đã có một số kinh nghiệm của đợt làm thí điểm. Tỉnh ủy đã vạch ra được quy hoạch chung và kế hoạch thực hiện ở từng cơ sở tương đối đảm bảo nguyên tắc chỉ đạo việc làm do Trung ương đề ra và sát hợp với tình hình địa phương.

Trong chỉ đạo cụ thể, Tỉnh ủy rất coi trọng địa bàn nông thôn nhất là ở vùng có những phức tạp về chính trị (nơi phỉ hoạt động mạnh cũ, nơi biên giới). Cũng ở địa bàn này, Tỉnh ủy đã chỉ đạo việc làm thử ở 3 chi, đảng bộ xã khác nhau, nhưng sau đó còn tổ chức một đợt thí điểm mở rộng gồm 31 chi, đảng bộ xã, có loại hình cơ sở Đảng ở loại khá, loại kém, dân tộc và vùng khác nhau, để rút thêm kinh nghiệm về chỉ đạo, sau đó mới chủ trương cho mở rộng việc làm. Khi có triển khai mở rộng, từng đợt tiến hành, tùy thuộc vào khả năng chỉ đạo của từng cấp huyện, tùy thuộc vào tính chất phức tạp của địa bàn và nhu cầu chất lượng về cán bộ đưa đi giúp cơ sở, Tỉnh ủy đều duyệt địa bàn nơi rộng, hẹp khác nhau một cách chặt chẽ thích hợp.

- Về tổ chức thực hiện: Xuất phát từ đặc điểm công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ và tính chất phức tạp của địa bàn, tính chất phức tạp của việc làm, Tỉnh ủy rất quan tâm là quán triệt chỉ thị của Trung ương Đảng xuống các cấp ủy cấp dưới và các cán bộ, đảng viên cũng như quần chúng, nhằm tạo ra sự thông suốt, nhất trí và có quyết tâm thực hiện tốt Chỉ thị 192 vào tình hình cụ thể ở địa phương. Tỉnh ủy đã kiên quyết tập trung 884 cán bộ, bao gồm là những đồng chí chủ chốt trong cấp ủy, các ngành từ tỉnh đến huyện, thị và số cán bộ dự định đưa đi tăng cường cho cơ sở để bồi dưỡng trong 5 lớp khác nhau về tinh thần Chỉ thị, phương châm

tiến hành chính sách, phương châm xử trí... và những kinh nghiệm thực tế rút ra việc làm ở cơ sở. Có đội ngũ cán bộ được bồi dưỡng tốt về chủ trương, chính sách và kinh nghiệm thực tế, nên khi thực hiện đã hạn chế được nhiều khó khăn, phức tạp, góp phần vào việc thực hiện Chỉ thị đạt được kết quả tốt.

Căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương và tính chất phức tạp, khó khăn của công tác này, nên đi đôi với bồi dưỡng nhận thức cho cán bộ để thi hành phương châm cuộc vận động, Tỉnh ủy đã huy động 484 cán bộ (cán bộ các ngành của tỉnh 130 đồng chí, cán bộ các huyện, thị 354 đồng chí) gồm những đồng chí tương đối có khả năng, trình độ, ít nhiều có kiến thức về công tác xây dựng Đảng, có phẩm chất chính trị tốt, đã được bồi dưỡng và đưa đi trực tiếp giúp cơ sở (chủ yếu là địa bàn nông thôn) để thực hiện Chỉ thị 192. Các đồng chí cán bộ này, có những đồng chí tham gia một đợt, có đồng chí tham gia liên tục cả 6 đợt nhưng hầu hết đều biểu hiện tư tưởng an tâm, chịu đựng khó khăn gian khổ cả về ăn, ở, khí hậu, ngôn ngữ và đã cùng cấp ủy cơ sở thực hiện được tốt Chỉ thị 192 ở các chi, đảng bộ cơ sở.

- Về phương pháp chỉ đạo thực hiện: Tỉnh ủy rất quan tâm chỉ đạo tốt điểm để nhận diện. Đối với địa bàn, cách chỉ đạo từ diện hẹp, có loại hình khác nhau và tất cả đều là cơ sở tương đối khá, đến diện rộng hơn, có nhiều loại hình, có xã cơ sở khá và kém, rồi mới mở rộng. Đối với nhu cầu về cán bộ và việc bồi dưỡng thực tế cho cán bộ, cũng từ bồi dưỡng một số ít có chất lượng ban đầu rồi tiếp tục theo nhu cầu của địa bàn dùng số cán bộ đã có kinh nghiệm làm để dìu dắt bồi dưỡng số mới. Cứ thế nhân dần lên để đáp ứng nhiệm vụ. Đối với việc xử trí đảng viên và việc vận dụng chính sách, phương châm xử trí, Tỉnh ủy đã tổ chức nhiều cuộc xét duyệt điển hình, có mời các cấp ủy dưới và số cán bộ cần thiết tham dự để rút kinh nghiệm. Do phương pháp chỉ đạo cụ thể, thiết thực, đã nâng thêm được nhận thức và hạn chế được nhiều bề nổi, lúng túng đối với các cấp ủy và cán bộ thừa hành.

Trong phương pháp tổ chức thực hiện, Tỉnh ủy còn chỉ đạo chặt chẽ việc sơ, tổng kết ở từng cơ sở, từng đợt làm, giữ nghiêm chế độ báo cáo, thỉnh thị, giữ nghiêm nội quy, kỷ luật đối với các cán bộ đi tham gia đợt vận động. Mặt khác, ngoài việc kiểm tra, theo dõi, đôn đốc để chỉ đạo uốn nắn từng nơi khi thực hiện, Tỉnh ủy còn thường xuyên phổ biến kinh nghiệm tốt và uốn nắn việc làm chưa tốt dưới dạng thông báo tình hình cho các nơi. Do cách chỉ đạo chặt chẽ, kịp thời, đã hạn chế được nhiều thiếu sót chủ quan, ngại khó, thiếu trách nhiệm của một số cấp ủy và cán bộ, để việc làm có kết quả và chất lượng được tốt hơn.

- Các cấp ủy huyện, thị và đảng ủy, đảng đoàn trực thuộc:

Trong khi có nhiều công việc khẩn trương khác, nhưng các huyện, thị, đảng ủy, đảng đoàn vẫn giành ra một số cấp ủy (kể cả bí thư), để chuyên trách chỉ đạo thực việc thực hiện Chỉ thị 192. Nhiều cấp ủy huyện đã tập trung một số khá lớn cán bộ cấp mình đi thực hiện cuộc vận động ở cơ sở. Từng đợt chỉ đạo thực hiện, các cấp ủy, đảng đoàn đều nêu cao tinh thần chủ động đề cao trách nhiệm để giải quyết các vấn đề cụ thể ở cơ sở, chấp hành nghiêm chỉnh chế độ báo cáo, thỉnh thị, giải quyết, xử trí dứt điểm đối với các đảng viên có vi phạm sai lầm.

Do cố gắng, quyết tâm của cấp ủy các cấp và các tổ chức đảng đoàn, đã đóng góp phần tích cực vào kết quả chung đối với việc thực hiện Chỉ thị 192 trong tỉnh.

B. KHUYẾT ĐIỂM TRONG CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

- Về sự lãnh đạo chung của các cấp ủy: Ở cấp tỉnh, việc lãnh đạo, chỉ đạo ở thời kỳ đầu (đợt 1 đợt 2) được tập trung tốt, nhưng về cuối (từ đợt 3 trở đi) có thời gian có việc sự lãnh đạo của cấp ủy đã buông lỏng cho một số ban chuyên môn giúp việc: Riêng số đồng chí cấp ủy viên được cấp ủy phân công chuyên trách, có một số đồng chí có hoạt động thực sự, còn một số đồng chí chưa sắp xếp công việc

của ngành chuyên môn, nên việc tham gia vào việc chỉ đạo quá ít, có đồng chí hầu như chưa làm gì theo trách nhiệm được phân công.

- Ở cấp ủy các huyện, thị, đảng ủy, đảng đoàn trực thuộc: Một số nơi lúc đầu do nhận thức chưa đầy đủ, nên điều kiện cho phép có thể mở rộng địa bàn thực hiện nhưng lại thu hẹp và có nơi chưa thật sự tập trung chỉ đạo được tốt, nên địa bàn chỉ đạo thực hiện tuy không nhiều nhưng cũng để kéo dài như nơi địa bàn rộng (huyện Bát Xát, Đảng ủy Dân Chính Đảng tỉnh...). Một số nơi do có khó khăn về cán bộ, nhưng chủ yếu do tư tưởng chủ quan, nên tiến độ so với số nơi khác nhìn chung bị chậm chạp (thị xã Cam Đường, huyện Bắc Hà...). Một số nơi tuy đã triển khai ngay từ đợt mở rộng và nội dung thực hiện tương đối có kết quả nhưng do quá cầu toàn, thiếu khẩn trương, tích cực giải quyết những vấn đề tồn tại, nên thời gian kéo dài nhưng vẫn không tổng kết được (Đảng ủy Nông trường Phú Xuân, Đảng ủy Nhà máy điện, Đảng ủy đoàn 39...). Một số nơi mặc dù đủ sức lãnh đạo và có các điều kiện để thực hiện tốt, nhưng do không có quyết tâm nên việc lãnh đạo càng về sau càng đuối dần, không đáp ứng yêu cầu, không theo kịp đà tiến chung so với các nơi khác (huyện Sa Pa, Bắc Hà). Một số nơi do ngại khó hoặc nội bộ lãnh đạo thiếu đoàn kết, nhất trí nên việc tiến hành chậm chạp, dây dưa (Đảng ủy Công ty Xây lắp, Chi bộ sành sứ, Nông trường Sa Pa). Có nơi việc chỉ đạo giữa Đảng ủy và chuyên môn không thống nhất, ăn khớp, thậm chí có việc còn chống đối lẫn nhau giữa 192 với công tác chuyên môn, nên gây cho nội bộ hoài nghi lúng túng và việc thực hiện Chỉ thị 192 vừa chậm, vừa không đạt yêu cầu (Mỏ apatít).

- Về chỉ đạo địa bàn: Nhìn chung không toàn diện, chú ý nhiều đến các cơ sở đảng ở nông thôn vì có nhiều phức tạp là cần thiết, trong khi đó ở một số cơ sở cơ quan, xí nghiệp cũng có những phức tạp nhất định, nhưng lại không được chú ý giải quyết chỉ đạo tốt. Vì vậy nên một số nơi có xu hướng làm lướt hoặc có sai lầm mà không có kiểm điểm rõ đúng, sai hoặc bỏ qua, hoặc không chỉ đạo

giải quyết vấn đề được triệt để, đã gây mất lòng tin đối với đảng viên, quần chúng ở cơ sở.

- Về chỉ đạo việc xử trí đảng viên có sai phạm: Nhìn chung việc xử trí được gọn, dứt điểm sau mỗi đợt tiến hành. Ở một số cơ sở đã tổng kết xong, tuy còn lại số vụ chưa xử trí, nhưng không đáng kể.

Vấn đề thiếu sót nổi lên ở việc làm này là khuynh hướng hữu khuynh - chủ yếu là đối với địa bàn cơ quan, xí nghiệp. Do vậy qua thực hiện Chỉ thị 192, các sai phạm về vi phạm nguyên tắc, chế độ quản lý kinh tế, tài chính, lợi dụng chức quyền, quan liêu, độc đoán, móc ngoặc kinh tế, vi phạm các chính sách, thành tích giả tạo... không được phát hiện hoặc xử trí không nghiêm minh. Vì thế các biểu hiện này không được sửa chữa khắc phục tốt, có nơi tuy có phê phán khi thực hiện Chỉ thị 192, nhưng rồi vẫn vi phạm.

- Việc sử dụng cán bộ tham mưu và chỉ đạo kết hợp: Tỉnh ủy đã chú trọng sử dụng 3 Ban công tác xây dựng Đảng (Tuyên huấn, Tổ chức, Ủy ban Kiểm tra) và các ban khác có mối quan hệ tham gia vào cuộc vận động thực hiện Chỉ thị 192, tuy vậy việc tham gia của các ban nhìn chung chưa ăn khớp và thường xuyên (giữa việc xử trí với sắp xếp tổ chức và giáo dục đảng viên và nói chung, giáo dục đảng viên trình độ chính trị thấp kém nói riêng) nên có hạn chế kết quả của cuộc vận động.

Việc chỉ đạo kết hợp giữa việc thực hiện Chỉ thị 192 với các nghị quyết lớn khác của Trung ương Đảng, nhất là với Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 23 của Trung ương Đảng, chưa được chặt chẽ, vì vậy, việc giải quyết các vấn đề tiêu cực trong nội bộ Đảng chưa có tác dụng hỗ trợ tích cực, mạnh mẽ và triệt để.

Việc chỉ đạo kết hợp giữa việc thực hiện Chỉ thị 192 với các nghị quyết lớn khác của Trung ương, nhất là với Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 23 của Trung ương Đảng chưa được chặt chẽ, vì vậy, việc giải quyết các vấn đề tiêu

cực trong nội bộ Đảng chưa có tác dụng hỗ trợ tích cực, mạnh mẽ và triệt để.

C. VIỆC VẬN DỤNG PHƯƠNG CHÂM CUỘC VẬN ĐỘNG

Khi nghiên cứu để thực hiện phương châm "mỗi cấp mỗi ngành làm là chính, sự chỉ đạo, giúp đỡ của cấp trên là cần thiết...", Tỉnh ủy đã chú ý làm rõ cả hai mặt của phương châm, nhưng nhấn mạnh đến trách nhiệm chính của mỗi cấp, mỗi ngành. Đồng thời khi vận dụng để thực hiện, Tỉnh ủy chú trọng nhiều đối với địa bàn nông thôn vì lẽ cơ sở đảng ở nông thôn đều mới xây dựng, trình độ các mặt hạn chế, lại là nơi có nhiều phức tạp. Tỉnh ủy chủ trương các cơ sở đảng ở nông thôn khi tiến hành đều phải có cán bộ trên về giúp đỡ thực hiện, còn địa bàn cơ quan, xí nghiệp, khi tiến hành nói chung do cấp ủy, đảng đoàn ngành ở đó tự làm là chính, cấp trên chỉ đạo chung và theo dõi kiểm tra việc làm, không có cán bộ trên cử về trực tiếp giúp đỡ. Nhưng cũng ở những nơi này, Tỉnh ủy đòi hỏi số cán bộ chủ chốt trong đảng ủy, đảng đoàn đều phải dự lớp bồi dưỡng tỉnh mở và có một số đồng chí tỉnh cho đi tham gia thí điểm, hoặc thí điểm mở rộng của tỉnh để có kinh nghiệm thực tế về chỉ đạo.

Chủ trương việc vận dụng phương châm cuộc vận động của Trung ương và tình hình địa phương: Qua thực tế thực hiện nhìn chung là đúng. Nhiều nơi sự cộng tác cùng chung trách nhiệm giữa cấp trên, cấp dưới, giữa cán bộ trên phải về với cấp ủy cơ sở được chặt chẽ, phát huy được tốt trách nhiệm. Tuy vậy, có một số nơi thuộc địa bàn nông thôn, cán bộ trên cử về do chưa nắm vững phương châm, hoặc do trình độ của cấp ủy cơ sở quá thấp, hoặc có nơi có số đồng chí chủ chốt trong cấp ủy cơ sở quá thấp, hoặc có nơi có số đồng chí chủ chốt trong cấp ủy cơ sở có những vướng mắc về lịch sử đi làm thổ phỉ, tham ô, vi phạm chính sách... nên cán bộ trên cử về đã hoài nghi, bao biện làm thay một số công việc lẽ ra cấp ủy cơ sở phải làm, hoặc có thể làm được. Ở địa bàn cơ quan, xí

nghiệp, có số nơi cấp ủy, đảng đoàn phát huy tốt trách nhiệm, nhưng cũng có nơi chưa phát huy được hết trách nhiệm của mình. Ở nơi chưa phát huy tốt trách nhiệm, thường là nơi nội bộ lãnh đạo vốn đã mất đoàn kết sẵn, bản thân số đông chỉ cán bộ chủ chốt có vướng mắc vi phạm sai lầm, hoặc vì nể nang, sợ mất thành tích, sợ liên đới trách nhiệm. Từ đó dẫn đến ỷ lại, ngại khó buông trôi công việc. Ở những nơi như thế cần được trên cho cán bộ về trực tiếp giúp đỡ thêm thì mới giải quyết được vấn đề. Từ thực tế này, tinh thần Chỉ thị 192 đặt ra những tồn tại, yếu kém và những nơi yếu kém, nội bộ mất đoàn kết thì phải củng cố trước, rồi mới thực hiện Chỉ thị là rất đúng.

Phần IV

ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ RÚT RA MỘT SỐ KINH NGHIỆM CẦN THIẾT CHO CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG

A. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Cuộc vận động thực hiện Chỉ thị 192 ở tỉnh ta trải qua hơn 3 năm tiến hành, nay đã cơ bản kết thúc với 88% cơ sở đảng trong tỉnh đã hoàn thành xong. Những nơi đã kết thúc, nhìn chung đều có kết quả với mức độ khác nhau. Kết quả phổ biến chung là:

1. Trình độ nhận thức của đảng viên về đường lối, phương châm nguyên tắc xây dựng Đảng; về mục đích, tính chất Đảng; về kỷ luật và công tác kiểm tra của Đảng, về nhiệm vụ và tư cách đảng viên đã được nâng lên một bước. Cùng với nhận thức được nâng lên, về ý thức trách nhiệm, vai trò tiên phong gương mẫu của đảng viên đều có chuyển biến khá hơn.

2. Tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê bình tốt hơn trước. Tình trạng thiếu đoàn kết nội bộ ở nhiều nơi đã được giải quyết một bước. Quan hệ giữa Đảng và quần chúng được củng cố và tăng cường thêm.

3. Tổ chức cơ sở của Đảng đã một bước củng cố trong sạch và đó là điều kiện thuận lợi để tạo cho cơ sở đảng dần dần được vững mạnh hơn. Nhiệm vụ chính trị của Đảng ở từng cơ sở, qua thực hiện Chỉ thị 192 ít nhiều đều được đẩy lên, có một số nơi được đẩy lên khá tốt.

Những kết quả đạt được đó đã có tác dụng từng bước giải quyết tư tưởng nhận thức không đúng rằng "làm Chỉ thị 192 tình hình nội bộ sẽ căng thẳng", "đảng viên nông thôn nhân dịp này mà xin ra Đảng hàng loạt", hoặc cho "xử trí đảng viên sẽ phát sinh tiêu cực, làm trở ngại cho việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng ở cơ sở"...

Tuy nhiên ở một số nơi do nắm Chỉ thị 192 và kế hoạch hướng dẫn thực hiện của Trung ương và tỉnh chưa vững, phương pháp tiến hành có chỗ, có việc chưa tốt, tư tưởng chỉ đạo có một số nơi thiếu quyết tâm, quan điểm xử trí còn có những lệch lạc (chủ yếu là hữu khuynh) thêm vào đó là điều kiện khách quan về đặc điểm của đội ngũ đảng viên nhất là ở nông thôn vùng cao, nơi biên giới, trình độ số đông đảng viên thấp lại không đồng đều, tiếng phổ thông chưa được dùng phổ biến trong nhiều dân tộc, trong khi đó lại có tác động tư tưởng tiêu cực từ bên ngoài thường xuyên dội tới, nên có ảnh hưởng trực tiếp đến việc tiếp thu đúng đắn chủ trương, chính sách của Đảng trong việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng. Do các nguyên nhân đó, việc thực hiện Chỉ thị 192 ở một số nơi kết quả bị hạn chế và còn tồn tại một số vấn đề phải tiếp tục giải quyết. Đó là:

1. Nhận thức về chủ trương "đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng" của Đảng ta ở một số cơ sở đảng còn có những mặt chưa đúng như cho là: "làm đảng viên khó" (nơi diện xử trí nhiều) hoặc thiếu tin "192 cũng chẳng làm gì được ai" (nơi có đảng viên có sai phạm nhưng không xử trí, hoặc xử trí không nghiêm). Những nhận thức không đúng đắn đó đã hoặc sẽ dẫn đến hoài nghi kết quả, không ổn định về tư tưởng. Vì thế phải tiếp tục

có biện pháp giải quyết tốt, riêng ở vùng biên giới có một số đảng viên - kể cả quần chúng ngoài Đảng vẫn hiểu việc làm 192 là giai đoạn đầu trong Đảng, giai đoạn hai là đấu tranh ngoài quần chúng. Nhận thức này đã có giải thích và có thể đó là luận điệu xuyên tạc, gây hoang mang của phần tử xấu, nhưng nếu không có giải quyết kịp thời thì rất có hại.

2. Việc xử trí đảng viên, chủ yếu là việc đưa những người rõ ràng phạm các tiêu chuẩn chính trị, đáng lẽ không nên kết nạp vào Đảng, những người đã thoái hóa biến chất và những người trình độ giác ngộ chính trị quá thấp không tha thiết với Đảng ra khỏi Đảng là một việc làm rất cần thiết, quan trọng. Vì thông qua số người này đã làm giảm sức chiến đấu, làm hạn chế những thắng lợi của Đảng, gây ảnh hưởng không tốt và làm giảm sự tín nhiệm của nhân dân đối với tổ chức cơ sở của Đảng. Số người đã xử trí đưa ra khỏi Đảng nhìn chung đúng với tội lỗi đã gây ra và tuy số đông đã thông suốt, tự giác tiếp nhận sự xử trí theo chính sách của Đảng, nhưng còn một số ít người tư tưởng chưa thật thông suốt. Do đó phải có sự quan tâm giải quyết, sắp xếp công việc theo tài đức thích hợp và ổn định tư tưởng cho họ.

Riêng đối với các trường hợp khiếu nại, việc xử trí cần được tiếp tục xem xét khẩn trương, để ổn định tư tưởng và nếu có sai phải kiên quyết sửa. Mặt khác, cần đề phòng tư tưởng đòi xét lại, gây hoài nghi kết quả của việc xử trí đảng viên.

Đối với các trường hợp "lưu lại trong Đảng một thời hạn" phải có sự giúp đỡ giáo dục và xem xét khi hết thời hạn để khôi phục lại đảng tịch đúng với quy định của điều lệ Đảng.

Đặc biệt đối với số đảng viên đưa vào loại trình độ giác ngộ chính trị quá thấp cần phải được tích cực giáo dục bồi dưỡng để họ thật sự xứng đáng danh hiệu đảng viên.

3. Một số nơi nội bộ mất đoàn kết, qua thực hiện Chỉ thị 192 tuy đã có giải quyết nhưng chưa tốt, cần tiếp tục giải quyết được tốt hơn.

4. Tỉnh ta qua thực hiện Chỉ thị 192 phần lớn các ban chi, đảng ủy ở các tổ chức cơ sở đều được chấn chỉnh hoặc bầu lại. Số đồng chí mới được bổ sung hoặc bầu vào trong các cấp ủy đại đa số là mới tham gia lãnh đạo. Tuy số này đều có nhiệt tình, hăng hái công tác, nhưng trình độ, khả năng còn rất hạn chế. Do vậy, việc bồi dưỡng, huấn luyện cho số đồng chí này có kiến thức cần thiết và phương pháp làm việc đúng là một yêu cầu cấp thiết, phải được quan tâm giải quyết ngay.

5. Đối với 40 cơ sở đảng hiện còn đang tiến hành, dù đã hợp tình, đều vẫn phải thực hiện tiếp tục chỉ đạo theo đúng kế hoạch 3 bước việc thực hiện Chỉ thị 192 khi đạt được yêu cầu mới kết thúc, tổng kết ở cơ sở.

Tóm lại, kết quả đạt được của việc thực hiện Chỉ thị 192 ở các tổ chức cơ sở đảng là cơ bản. Bên cạnh kết quả đã đạt được cũng còn tồn tại một số vấn đề, có việc thuộc yêu cầu của 192, có việc theo đòi hỏi của phong trào và yêu cầu của công tác xây dựng Đảng. Do đó, mỗi cấp ủy phải chú ý phát huy tốt kết quả đạt được và khắc phục tốt những tồn tại, nhược điểm để đáp ứng kịp đòi hỏi của tình hình, nhiệm vụ xây dựng Đảng trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

B. RÚT RA MỘT SỐ KINH NGHIỆM CẦN THIẾT CHO CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG

Thông qua việc thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư Trung ương Đảng ở các đảng bộ cơ sở, nhiều nơi khi tổng kết đều đã rút ra được những kinh nghiệm rất phong phú, thiết thực, trên nhiều vấn đề. Ở đây tổng hợp chung tình hình, Tỉnh ủy chỉ nêu một số kinh nghiệm cần thiết cho công tác xây dựng Đảng sau đây:

1. Về công tác phát triển đảng viên: Đảng ta là Đảng nắm chính quyền, đòi hỏi Đảng phải có sự lãnh đạo toàn diện mọi mặt và ở hầu khắp các cơ sở, các lĩnh vực hoạt động của Nhà nước.

Trước mắt là lãnh đạo nhân dân ta thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị là cải tạo, xây dựng chủ nghĩa xã hội và chống Mỹ, cứu nước. Đối với tỉnh ta đòi hỏi đó càng cấp bách. Vì sau hòa bình lập lại, đơn vị cơ sở xã đại bộ phận chưa có đảng viên; mặt khác, với điều kiện tự nhiên, tỉnh ta có nhiều khoáng sản quý, nên cơ sở thăm dò địa chất phát triển, các khoáng sản quý đã hoặc đang lần lượt được khai thác, nhu cầu phục vụ cho nhiệm vụ chính trị của tỉnh cũng đòi hỏi các cơ quan hành chính sự nghiệp ở từng cấp phải xây dựng phát triển mạnh.

Đáp ứng các đòi hỏi đó, ngoài số đảng viên từ các nơi được bổ sung đến, tỉnh ta ngay sau khi có Chỉ thị số 5 ngày 12-2-1957 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về vấn đề phát triển Đảng sau thời kỳ Trung ương có chủ trương tạm ngừng phát triển hồi tháng 7-1950, tỉnh ta đã tích cực tiến hành việc phát triển đảng viên. Đến nay cơ sở đảng đã được xây dựng ở hầu khắp các cơ sở xã, khu phố, cơ quan, xí nghiệp, trường học, với cấu tạo có đủ lớp tuổi, nam, nữ và dân tộc anh em khác nhau trong tỉnh.

Việc phát triển đảng viên trong mấy năm qua Tỉnh ủy khẳng định đây là một thành công của toàn Đảng bộ. Tuy vậy, đã có những khuyết điểm: với nhu cầu đòi hỏi của nhiệm vụ cách mạng, lại trong điều kiện đại bộ phận cơ sở đều trắng, do đó phải gấp rút phát triển mạnh một đội ngũ đảng viên để bảo đảm cho việc lãnh đạo mọi nhiệm vụ cách mạng của Đảng ở hầu khắp các cơ sở, lĩnh vực hoạt động là rất cần thiết. Khi phát triển Đảng đã biết bám vào nhiệm vụ chính trị, bám vào các cuộc vận động lớn, thông qua đó cũng là dịp thử thách lớn để lựa chọn người để kết nạp vào Đảng là rất đúng đắn. Nhưng việc chỉ đạo từng cấp, trong nhiều trường hợp đã không chặt chẽ, đầy đủ. Đáng chú ý về tiêu chuẩn người kết nạp vào Đảng ở tỉnh ta hầu như phổ biến ở các cấp đều chưa quán triệt đúng đắn, cụ thể, nổi bật nhất là nhận thức về tính chất phi không rõ ràng, đã lẫn lộn giữa tính chất phản động với vấn đề dân tộc, vấn đề quần chúng mà kẻ địch đã lợi dụng được

để gây phỉ chống lại cách mạng ở vùng đồng bào dân tộc, thiểu số. Vì thế đã đưa vào Đảng nhiều người đã từng là phỉ có tội ác, quần chúng oán ghét, nhưng lại kết nạp vào làm đảng viên lãnh đạo quần chúng. Ngoài ra khi lựa chọn người vào Đảng cũng chưa phân biệt được rõ ranh giới người đảng viên với quần chúng tích cực nên người vào Đảng không có đủ trình độ, uy tín để lãnh đạo quần chúng. Mặt khác, việc kiểm tra không chặt chẽ, việc giáo dục không được thường xuyên, nên đã không ngăn chặn được kịp thời những khuynh hướng chạy theo thành tích ở các cấp và những tư tưởng xấu của thành phần giai cấp xuất thân chưa được cải tạo, tư tưởng xấu ảnh hưởng của chế độ phong kiến nặng nề còn lại ở miền núi. Do vậy, khi thực hiện Chỉ thị 192 ta đã phải đưa ra khỏi Đảng với tỷ lệ 8,6% so với tổng số đảng viên ở địa bàn đã có thống kê tổng kết.

Như phân tích trên, rõ ràng đây là một kinh nghiệm, một bài học cần được rút ra trong công tác phát triển Đảng nói riêng và công tác xây dựng Đảng nói chung là: *Trước hết phải nắm vững tính chất Đảng của Đảng ta, nắm vững phương châm xây dựng Đảng, nắm vững tiêu chuẩn đảng viên, nắm vững bối cảnh lịch sử, xã hội ở địa phương, đồng thời phải chỉ đạo kiểm tra rất chặt chẽ, cụ thể.* Có như thế mới tránh được các sai phạm đưa người vào Đảng không đủ tiêu chuẩn, nhất là với điều kiện của một đảng nắm chính quyền hiện nay càng cần phải chống tư tưởng chủ quan, mất cảnh giác trong công tác phát triển Đảng.

2. Việc giáo dục đảng viên: Hiểu việc giáo dục đảng viên với yêu cầu của giai đoạn cách mạng hiện nay bao gồm việc nâng cao trình độ văn hóa, kiến thức khoa học, kỹ thuật, kiến thức về công tác xây dựng Đảng và tư tưởng trong Đảng. Có nâng cao toàn diện như vậy, người đảng viên mới vững vàng và có đủ sự tự tin để làm tròn trách nhiệm được giao.

Nhìn chung, đội ngũ đảng viên tỉnh ta nhờ được giáo dục đầy đủ, nên đã đáp ứng được những nhiệm vụ trong từng giai đoạn

cách mạng của Đảng. Tuy vậy, thông qua năm trình độ nói chung của đội ngũ đảng viên, qua việc thực hiện Chỉ thị 192 thì trình độ hiện tại của đảng viên còn rất thấp. Số đảng viên chưa được học các lớp chính trị cơ bản tập trung tỷ lệ chiếm tới 41% trong tổng số đảng viên ở địa bàn đã thực hiện xong Chỉ thị 192 (trong đó nông thôn, khu phố 37,2%; cơ quan, xí nghiệp trên 46%). Trình độ văn hóa của đảng viên còn tới 43,6% ở cấp I, riêng địa bàn nông thôn, số đảng viên văn hóa ở trình độ cấp I có tới 70,5%, số còn mù chữ là 17,2%. Số đảng viên có trình độ đại học còn thấp, tỷ lệ chung mới có 3% so với tổng số đảng viên ở nơi đã tổng kết 192.

Do trình độ các mặt, nhất là về lý luận, tư tưởng của đảng viên thấp, vì thế giác ngộ xã hội chủ nghĩa chưa cao, lập trường giai cấp, công nhân chưa vững, ranh giới giữa quan điểm vô sản trên một số công tác không phân rõ; những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa quan liêu mệnh lệnh, tác phong gia trưởng và ảnh hưởng của tư tưởng phong kiến trong Đảng còn khá phổ biến. Thực tế này thông qua việc xử trí đảng viên thoái hóa biến chất hoặc có vi phạm về chấp hành chủ trương, chính sách, pháp luật, về ý thức tổ chức kỷ luật... đã chứng minh rõ (số đảng viên phải xử trí riêng loại II trong cuộc vận động tỷ lệ chung là 13,3%, số đưa ra khỏi Đảng 3,5%).

Đứng trước tình hình như vậy, đòi hỏi phải nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng như Nghị quyết lần thứ 23 của Trung ương Đảng đã nêu. Chúng ta phải có mọi biện pháp để nhanh chóng nâng cao trình độ lý luận Mác - Lênin, kiến thức về kinh tế, về tổ chức, quản lý và về khoa học kỹ thuật cho đội ngũ cán bộ đảng viên để có cơ sở khoa học, hiểu sâu và thực hiện tốt, đường lối, chính sách của Đảng là một yêu cầu rất cấp thiết.

3. Về công tác kiểm tra và kỷ luật Đảng:

Công tác kiểm tra và kỷ luật Đảng như Nghị quyết Hội nghị lần thứ 23 của Trung ương Đảng đã chỉ rõ: Phải do bản thân cấp

ủy làm bằng cách sử dụng các ban của Đảng, và công tác kiểm tra phải tiến hành thường xuyên, chủ động để biểu dương, cổ vũ mặt tốt, phòng ngừa, ngăn chặn mặt xấu, khi phát hiện nơi nào phạm sai lầm, phải kịp thời đề nghị chủ trương, biện pháp sửa chữa, thi hành kỷ luật người phạm sai lầm và rút ra bài học để giáo dục cán bộ, đảng viên.

Nhìn chung, các cấp ủy đều có chỉ đạo mặt công tác này, nhưng chưa thật chủ động, thường xuyên, riêng công tác kỷ luật đảng viên, hàng năm dưới sự chỉ đạo của các cấp ủy, nhiều tổ chức cơ sở của Đảng đều có tiến hành xử lý kỷ luật đảng viên có sai phạm, nhưng việc xử lý chưa toàn diện và nghiêm minh, tư tưởng chỉ đạo của nhiều cấp ủy đối với vấn đề này còn thực hiện hữu khuynh nặng. Do đó, diện xử lý đảng viên trong thực hiện Chỉ thị 192 đã nhiều về số lượng vụ nhưng trong đó số lớn vụ do tồn đọng từ các năm trước không được giải quyết để lại đến nay. Vấn đề đáng chú ý nữa trong chỉ đạo là chưa lấy việc xử trí đảng viên để rút ra bài học giáo dục, ngăn ngừa chung các cán bộ, đảng viên khác.

Thực tế việc xử trí đảng viên trong thực hiện Chỉ thị 192 đã là một bài học rất phong phú. Các cấp ủy cần rút ra bài học *nhằm ý nghĩa giáo dục của việc thi hành kỷ luật trong Đảng với phương hướng đúng đắn, bảo đảm đầy đủ tính nghiêm túc, thận trọng. Hết sức chống hữu khuynh, chống thái độ tự do, vô trách nhiệm, phủ nhận nhân tố tích cực của việc thi hành kỷ luật, trái với tính tổ chức của Đảng ta.* Mặt khác cũng phải hết sức đề phòng khuynh hướng quá mức, lấy kỷ luật của Đảng để trừng phạt đảng viên, hoặc không tôn trọng đầy đủ quyền dân chủ của người đảng viên khi thi hành kỷ luật.

4. Công tác quản lý đảng viên và việc thực hiện các nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt của Đảng.

Qua việc thực hiện Chỉ thị 192 và việc xử trí đảng viên có nguyên nhân do buông lỏng quản lý và nguyên tắc tổ chức sinh hoạt trong Đảng. Tài liệu thống kê trong số 268 cơ sở đảng có 109

cơ sở chưa lập danh sách đảng viên (80 cơ sở đảng ở nông thôn, 29 cơ sở ở địa bàn cơ quan, xí nghiệp). Trong số 159 cơ sở đảng đã có danh sách đảng viên thì có 50 đảng viên có mặt nhưng không có tên trong danh sách và 45 đảng viên có tên trong danh sách nhưng không có mặt. Về hồ sơ, lý lịch đảng viên, cũng ở 286 cơ sở đảng thì có 1.929 đảng viên (trong tổng số 5.039 đảng viên) chưa có hồ sơ, lý lịch. Đáng chú ý ở địa bàn cơ quan, xí nghiệp mặc dù đã qua làm công tác bảo vệ Đảng nhưng lần này còn phát hiện có tới 13 trường hợp việc vào Đảng không rõ ràng, có một vài trường hợp đã kết luận mạo nhận đảng viên để vào Đảng. Đối với các vấn đề khác thì nhiều nơi nội dung sinh hoạt Đảng và sự hoạt động của tổ chức Đảng còn rất sự vụ, công tác của nhiều đảng viên không được giao và kiểm tra chặt chẽ. Việc phê bình, tự phê bình không được tiến hành một cách thường xuyên. Một số các cấp ủy đảng, các ban, Đảng đoàn nhiều nơi lơ là, không coi trọng công tác xây dựng Đảng, có phần y lại vào tình hình đã có chính quyền.

Do việc quản lý đảng viên lỏng lẻo, việc thực hiện các nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt của Đảng không nghiêm túc, chặt chẽ, dẫn đến những sai phạm tự do tùy tiện trong chấp hành đường lối, chính sách, trong các nguyên tắc tổ chức và cả trong lối sống cách mạng của người đảng viên, nhưng lại không được kịp thời giáo dục, ngăn chặn.

Với yêu cầu nâng cao chất lượng đảng viên, ngoài việc nâng cao trình độ kiến thức và năng lực hoạt động thực tế của đảng viên, đặt ra đối với mỗi cấp ủy đảng, và các tổ chức của Đảng phải rút ra những kinh nghiệm nhằm thực hiện nghiêm chỉnh công tác quản lý đảng viên, thực hiện đầy đủ các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt của Đảng, luôn luôn cải tiến nội dung sinh hoạt chi bộ, thường xuyên nâng cao chất lượng tự phê bình và phê bình trong Đảng; đồng thời xây dựng và thực hiện chế độ quần chúng kiểm tra, phê bình đảng viên.

*

* *

Cuộc vận động thực hiện Chỉ thị 192 của Đảng bộ tỉnh ta đã kết thúc tốt đẹp. Qua thực hiện Chỉ thị, chúng ta đã giành được những thắng lợi to lớn, tổ chức đảng đã một bước được củng cố trong sạch và vững mạnh hơn.

Trên cơ sở những thắng lợi đã đạt được của cuộc vận động, Tỉnh ủy yêu cầu mỗi chi, đảng bộ cơ sở, mỗi cấp ủy và toàn thể cán bộ, đảng viên lấy tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 23 làm phương hướng, ra sức phát huy thắng lợi, khắc phục những thiếu sót tồn tại để xây dựng Đảng bộ tỉnh ta thật sự trong sạch, vững mạnh, tiến lên hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị nặng nề và vẻ vang của Đảng trong giai đoạn cách mạng mới "XÂY DỰNG TỔ QUỐC THỐNG NHẤT GIÀU MẠNH".

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

PHÓ BÍ THƯ

NÔNG CÔNG THƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Chú dẫn của Nhà xuất bản</i>	7
<i>Lời giới thiệu</i>	9
- Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ số 13/NQ-TU, ngày 15-1-1973, về phương hướng và các nhiệm vụ công tác năm 1973	11
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 24-BC/TU, ngày 18-1-1973, tổng kết tình hình nông - lâm nghiệp 3 năm 1970-1972 theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ 19 của Trung ương Đảng và phương hướng, nhiệm vụ những năm tới	34
- Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ số 15-NQ/TU, ngày 28-1-1973, về việc thành lập Ban Chỉ đạo làm thủ xây dựng cấp huyện	73
- Thông báo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 06/TB-TU, ngày 12-2-1973, về hội nghị thường kỳ của Ban Thường vụ ngày 30-1-1973	76
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 03-BC/TU, ngày 7-3-1973, về tình hình công tác tháng 2 năm 1973	80
- Thông báo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 09/TB-TU, ngày 8-3-1973, về kế hoạch làm thủ xây dựng cấp huyện	87
- Thông báo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 15-TB/TU, ngày 6-4-1973, về công tác trường Đảng tỉnh năm 1973	89
- Thông báo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 82-TB/TU, ngày 8-4-1973, về chủ trương tiếp nhận lao động ở đồng bằng lên xây dựng vùng kinh tế mới trong tỉnh	92
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 04-BC/TU, ngày 17-4-1973, về tình hình công tác quý I-1973	97
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 05-BC/TU, ngày 14-5-1973, về tình hình công tác tháng 4-1973	116
- Thông báo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 21-TB/TU, ngày 6-6-1973, về điều chỉnh kế hoạch nhà nước năm 1973 (Trích)	124

- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 06-BC/TU, ngày 10-6-1973, về tình hình công tác tháng 5-1973	128
- Thông báo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 25-TB/TU, ngày 7-7-1973, về hội nghị thường kỳ Ban Thường vụ Tỉnh ủy	135
- Chỉ thị của Ban Chấp hành Đảng bộ số 170-CT/TU, ngày 22-7-1973, về việc phát động phong trào thi đua phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước 6 tháng cuối năm để thiết thực kỷ niệm những ngày lễ lớn trong năm 1973	139
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số BC/TU, ngày 4-8-1973, tổng kết 2 năm tiến hành cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh (<i>Dự thảo</i>)	145
- Chỉ thị của Ban Chấp hành Đảng bộ số 171-CT/TU, ngày 6-8-1973, về công tác tuyển quân năm 1973	167
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 08-BC/TU, ngày 3-9-1973, về việc tổng kết công tác kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh	170
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 09-BC/TU, ngày 3-9-1973, về việc tổng kết 3 năm tiến hành cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh	192
- Phương hướng của Ban Chấp hành Đảng bộ số 01-PH/TU, ngày 6-9-1973, về công tác xây dựng Đảng và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ năm 1973 và thời gian tới	219
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 10-BC/TU, ngày 9-9-1973, về tình hình công tác tháng 8-1973	231
- Chỉ thị của Ban Chấp hành Đảng bộ số 172-CT/TU, ngày 29-11-1973, về việc tổng kết năm 1973 và mở Đại hội Đảng ở cấp huyện, thị và cơ sở	240
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 15-BC/TU, ngày 5-12-1973, về tình hình công tác tháng 11-1973	245
- Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ số.....-NQ/TU, ngày 16-1-1974, về phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 1974 (<i>Dự thảo</i>)	253
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 02-BC/TU, ngày 8-2-1974, về tình hình công tác tháng 1-1974	272
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 03-BC/TU, ngày 5-3-1974, về tình hình công tác tháng 2-1974	280

- Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ số 17-NQ/TU, ngày 30-3-1974, về công tác cán bộ	288
- Kế hoạch của Ban Chấp hành Đảng bộ tiến hành đợt sinh hoạt chính trị nhằm thâm nhuần và bảo đảm thực hiện thắng lợi Nghị quyết lần thứ 22 của Trung ương Đảng	299
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 05-BC/TU, ngày 15-4-1974, về tình hình công tác quý I năm 1974	306
- Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ về nhiệm vụ, biện pháp xây dựng, củng cố, tăng cường hợp tác xã nông - lâm nghiệp gắn với tổ chức lại sản xuất theo vùng và xây dựng cấp huyện (2 năm 1974 - 1975)	322
- Thông báo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 85-TB/TU, ngày 27-4-1974, về Hội nghị Thường vụ Tỉnh ủy bàn việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị 192	346
- Thông tri của Ban Chấp hành Đảng bộ số 65-TT/TU, ngày 10-5-1974, về việc kỷ niệm lần thứ 84 ngày sinh của Hồ Chủ tịch	351
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 08-BC/TU, ngày 10-5-1974, về việc kiểm điểm việc thực hiện phương hướng, nhiệm vụ kinh tế - văn hóa từ năm 1970 đến nay của Tỉnh ủy	354
- Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ số 15-NQ/TU, ngày 10-5-1974, về nhiệm vụ và biện pháp chủ yếu khôi phục và phát triển kinh tế trong tỉnh 2 năm 1974-1975	372
- Thông tri của Ban Chấp hành Đảng bộ số 64-TT/TU, ngày 11-5-1974, về việc tiến hành tổng kết việc thực hiện Nghị quyết 09 ngày 16-9-1971 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy	388
- Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ số 16-NQ/TU, ngày 15-5-1974, về phương hướng, nhiệm vụ xây dựng, củng cố hợp tác xã nông - lâm nghiệp, gắn với tổ chức lại sản xuất theo vùng và xây dựng cấp huyện trong 2 năm 1974-1975	390
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 09-BC/TU, ngày 28-5-1974, về việc tổng kết thực hiện chính sách dân tộc (từ năm 1960 đến nay)	413

- Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ số 18-NQ/TU, ngày 2-7-1974, về việc thực hiện Chỉ thị số 192-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (trong cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh)	454
- Thông báo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 91-TB/TU, ngày 8-7-1974, về đợt sinh hoạt chính trị học tập và thực hiện Nghị quyết 22 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng	464
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 15-BC/TU, ngày 10-7-1974, về tình hình 6 tháng đầu năm 1974	468
- Chỉ thị của Ban Chấp hành Đảng bộ số 03-CT/TU, ngày 16-7-1974, về việc tăng cường công tác bảo vệ bà mẹ và trẻ em	493
- Thông tri của Ban Chấp hành Đảng bộ số 69-TT/TU, ngày 20-7-1974, về tăng cường công tác giáo dục tư tưởng chính trị lý luận cho cán bộ, đảng viên	497
- Công văn của Ban Chấp hành Đảng bộ số 58-CV/TU, ngày 6-8-1974	500
- Thông tri của Ban Chấp hành Đảng bộ số 71-TT/TU, ngày 19-8-1974, về việc kỷ niệm lần thứ 29 Cách mạng Tháng Tám, ngày Quốc khánh 2-9	501
- Chỉ thị của Ban Chấp hành Đảng bộ số 05-CT/TU, ngày 31-8-1974, về công tác giáo dục phổ thông trong 2 năm học 1974 - 1975 và 1975 - 1976	504
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 20-BC/TU, ngày 6-9-1974, về tình hình công tác tháng 8-1974	511
- Thông tri của Ban Chấp hành Đảng bộ số 72-TT/TU, ngày 10-9-1974, về việc tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác động viên tuyển quân	519
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy số 169-TB/TU, ngày 20-9-1974, về việc quyết định một số vấn đề về nghiên cứu làm thử xây dựng cấp huyện (Bát Xát) và quy hoạch vùng kinh tế mới (Bảo Thắng)	522
- Công văn của Ban Chấp hành Đảng bộ số 76-CV/TU, ngày 15-10-1974	528

- Thông tri của Ban Chấp hành Đảng bộ số 73-TT/TU, ngày 21-10-1974, về việc triệu tập Hội nghị tổng kết các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp điển hình	529
- Thông báo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 194-TB/TU, ngày 25-10-1974, về Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh	531
- Thông báo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 214-TB/TU, ngày 18-11-1974, về Hội nghị thường kỳ của Ban Thường vụ Tỉnh ủy ngày 13-11-1974	535
- Thông tri của Ban Chấp hành Đảng bộ số 74-TT/TU, ngày 1-12-1974, về việc xây dựng, củng cố tổ chức bộ máy Ủy ban Nông - Lâm nghiệp huyện, tăng cường cán bộ cho huyện và các hợp tác xã	538
- Công văn của Ban Thường vụ Tỉnh ủy số 107-CV/TU, ngày 12-12-1974	541
- Thông báo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 220-TB/TU, ngày 12-12-1974, Hội nghị thường kỳ của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (từ ngày 5 đến 6-12-1974)	542
- Thông báo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 222-TB/TU, ngày 21-12-1974, về Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh	547
- Công văn của Ban Thường vụ Tỉnh ủy số 110-CV/TU, ngày 31-12-1974	555
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 17-BC/TU, ngày 28-2-1975, về tình hình thực hiện công tác quản lý thu chi tài chính đảng năm 1974	556
- Thông tri của Ban Chấp hành Đảng bộ số 76/TT-TU, ngày 13-1-1975, hướng dẫn thực hiện Chỉ thị 213-CT/TW của Bộ Chính trị về việc tổ chức 3 ngày kỷ niệm lớn trong năm 1975	567
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 31-BC/TU, ngày 10-3-1975, về tình hình công tác tháng 2-1975	571
- Thông báo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 236-TB/TU, ngày 24-3-1975, về một số kinh nghiệm về việc tổ chức học tập, triển khai thực hiện Nghị quyết 23/TW	578
- Thông báo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 255/TB-TU, ngày 3-4-1975, về Hội nghị bất thường của Ban Thường vụ ngày 2-4-1975	583

- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 32-BC/TU, ngày 5-4-1975, tình hình công tác năm 1974	587
- Dự thảo Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số DT/BC, ngày 30-4-1975, về kiểm điểm tình hình công tác tư tưởng và phương hướng, nhiệm vụ biện pháp công tác tư tưởng để thực hiện Nghị quyết 22, 23 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (từ Đại hội V đến tháng 3-1975)	622
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 34-BC/TU, ngày 10-5-1975, về tình hình công tác tháng 4 năm 1975	642
- Thông báo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 311/TB-TU, ngày 2-6-1975, về Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai (Từ ngày 24 đến ngày 30-4-1975 và từ ngày 28 đến ngày 30-5-1975)	650
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 35/BC-TU, ngày 5-6-1975, về việc kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh từ năm 1970 đến nay	662
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 36-BC/TU, ngày 5-6-1975, về việc kiểm điểm các mặt công tác từ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V đến nay và phương hướng, nhiệm vụ hai năm 1975 - 1976 của tỉnh Lào Cai	671
- Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ số 20-NQ/TU, ngày 12-6-1975, về việc “cải tiến phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, chế độ và lề lối làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai”	695
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 37-BC/TU, ngày 12-6-1975, tình hình công tác tháng 5-1975	722
- Chỉ thị của Ban Chấp hành Đảng bộ số 08/CT-TU, ngày 15-6-1975, về công tác bồi dưỡng, đào tạo, quản lý, sử dụng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và công nhân kỹ thuật	729
- Thông báo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 317/TB-TU, ngày 10-7-1975, về Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy (từ ngày 5-7-1975)	735
- Thông báo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 318/TB-TU, ngày 10-7-1975, về hội nghị tự phê bình và phê bình của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh sau khi học Nghị quyết số 23/TW (từ ngày 23-6 đến ngày 30-6-1975)	738

- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 40-BC/TU, ngày 24-7-1975, về một số nét về tình hình chính trị vùng đồng bào dân tộc Dao	742
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh số 39-BC/TU, ngày 25-7-1975, về tình hình công tác 6 tháng đầu năm 1975	748
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 41-BC/TU, ngày 7-8-1975, về tình hình công tác tháng 7-1975	768
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 42-BC/TU, ngày 6-9-1975, về tình hình công tác tháng 8-1975	775
- Thông tri của Ban Chấp hành Đảng bộ số 92/TT-TU, ngày 10-8-1975, về việc tổng kết cuộc vận động “Nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh”	781
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 43-BC/TU, ngày 15-10-1975, về việc tổng kết Lớp Đại học kinh tế - kỹ thuật công nghiệp tỉnh Lào Cai	787
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 46-BC/TU, ngày 10-12-1975, về việc tổng kết công nghiệp địa phương	806
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 47-BC/TU, ngày 10-12-1975, về việc tổng kết xây dựng cơ bản 1970-1974	872
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 49/BC-TU, ngày 25-12-1975, về việc tổng kết 8 năm công tác cuộc vận động định canh định cư kết hợp hợp tác hóa	916
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 51-BC/TU, ngày 16-1-1976, về tình hình công tác năm 1975	949
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 554-BC/TU, ngày 22-1-1976, về việc tổng kết Cuộc vận động thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư Trung ương Đảng	978

Chịu trách nhiệm xuất bản
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
TS. HOÀNG PHONG HÀ

Chịu trách nhiệm nội dung
ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP - XUẤT BẢN
ThS. NGUYỄN MINH

Biên tập nội dung:	ThS. LÊ THU MAI ĐỖ PHƯƠNG MAI
Trình bày bìa:	PHÙNG MINH TRANG
Chế bản vi tính:	PHẠM THU HÀ
Sửa bản in:	PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT
Đọc sách mẫu:	THU MAI, PHƯƠNG MAI

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

12/86 Duy Tân - Cầu Giấy - Hà Nội

ĐT: 080.49221 Fax: 080.49222

Email: suthat@nxbctqg.vn Website: www.nxbctqg.vn

VĂN KIẾN ĐẢNG BỘ
TOÀN TẬP

8

(1973 - 1976)



Sách không bán

<https://tietulunhopto.org>